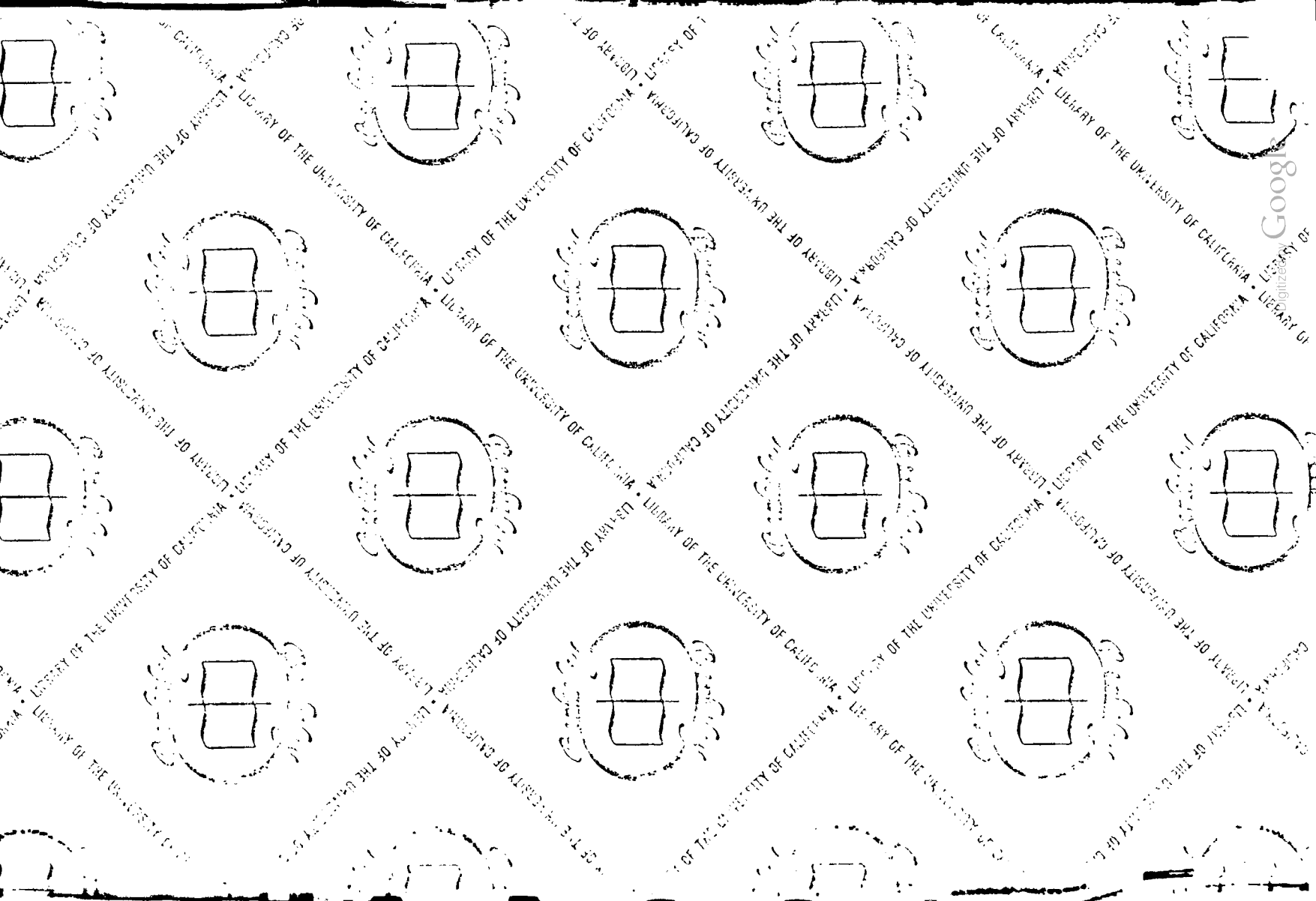
Digitized by Google

Berkeley
UNIVERSITY OF CALIFORNIA • LIBRARY OF THE UNIVERSITY OF CALIFORNIA
Digitized by Google


LIBRARY OF THE UNIVERSITY OF CALIFORNIA
Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

MAIN/UC-B

LIBRARY
NOV 7 1986
UNIVERSITY OF CALIFORNIA
BERKELEY

7

7.1986

Digitized by Google

Digitized by Google

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Xã luận

HÃY BIẾN ĐAU THƯƠNG THÀNH HÀNH ĐỘNG CÁCH MẠNG

ĐỒNG chí Lê Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng ta không còn nữa!

Quả tim của người chiến sĩ cộng sản kiên cường đó đã ngừng đập hồi 3 giờ 30 phút ngày 10-7-1986.

Đối với Đảng ta, Quân đội ta, nhân dân ta, đây là một tổn thất vô cùng to lớn.

Cuộc đời của đồng chí Lê Duẩn là một tấm gương chói ngời về phấn đấu hy sinh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Gần 60 năm hoạt động cách mạng, đồng chí đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Sớm giác ngộ cách mạng, đồng chí Lê Duẩn thuộc lớp người đầu tiên đi theo «đường kách mệnh» của Nguyễn Ái Quốc, con đường cứu nước theo chủ nghĩa Mác—Lê-nin, kết hợp cách mạng dân tộc và cách mạng xã hội. Vững lòng tin ở tương lai tươi sáng của dân tộc và của nhân loại, đồng chí chiến đấu kiên trì và dũng cảm, một đời mặt với quân thù, tra tấn không kinh, tù đày không sợ, một lòng một dạ hy sinh vì sự nghiệp giải phóng Tổ quốc và nhân dân lao động. Trải qua những thử thách ác liệt đồng chí tỏ rõ sự trung thành vô hạn đối với Đảng, Tổ quốc và nhân dân. Là người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Lê Duẩn là một nhà lãnh đạo lỗi lạc của Đảng ta và nhân dân ta, một chiến sĩ kiên cường của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào độc lập dân tộc.

Digitized by Google

Hoạt động cách mạng của đồng chí Lê Duẩn gắn liền với các quá trình cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện. Ngay từ khi Đảng ta vừa thành lập, đồng chí không những đấu tranh kiên quyết chống đế quốc và phong kiến mà còn đấu tranh không mệt mỏi chống đường lối chính trị hữu khuynh và các khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa để xác lập vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân và của Đảng cộng sản đối với cách mạng nước ta. Đồng chí là một trong những người sáng lập Mặt trận dân chủ (1936 — 1939) và lãnh đạo Mặt trận đó. Đồng chí là một trong những người khởi xướng sự chuyển hướng đường lối chính trị của Đảng khi cuộc chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu (1939 — 1940).

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1946 — 1954) theo sự ủy nhiệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã lãnh đạo đảng bộ miền Nam tổ chức cuộc kháng chiến ở Nam bộ và tiến hành cải cách ruộng đất trong các vùng giải phóng.

Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, đồng chí ở lại miền Nam để lãnh đạo phong trào cách mạng. Hoạt động trong hoàn cảnh vô cùng gian khổ, nguy hiểm, đồng chí đã đi sâu vào quần chúng, từ những vùng nông thôn hẻo lánh đến các trung tâm công nghiệp và thành phố, tuyên truyền, vận động, tổ chức quần chúng, kiên trì cuộc chiến đấu chống đế quốc và tay sai của chúng. Sự có mặt của đồng chí Lê Duẩn ở miền Nam trong những năm tháng vô cùng khó khăn đó đã có tác dụng cổ vũ to lớn đối với đồng bào miền Nam, củng cố niềm tin của đồng bào đối với sự lãnh đạo của Đảng và của Hồ Chủ tịch, đối với tương lai tươi sáng của dân tộc. Được quần chúng tin yêu và bảo vệ, đồng chí đã lãnh đạo đảng bộ miền Nam khôi phục lại hệ thống tổ chức bị địch đánh phá, củng cố và phát triển cơ sở cách mạng, chuẩn bị cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ.

Năm 1957, theo quyết định của Trung ương Đảng, đồng chí Lê Duẩn ra miền Bắc để lãnh đạo công việc chung của Đảng bên cạnh Hồ Chủ tịch.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ đồng chí Lê Duẩn là người tổ chức việc thực hiện đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng và Hồ Chủ tịch. Sau khi Hồ Chủ tịch qua đời, đồng chí Lê Duẩn trở thành linh hồn của cuộc chiến đấu toàn dân chống xâm lược Mỹ, đồng chí lãnh đạo toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta thực hiện bằng được Di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng.

Trong cuộc chiến đấu chống bọn bành trướng bá quyền Trung quốc, đồng chí Lê Duẩn đã lãnh đạo toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu dũng cảm, đánh bại cuộc tiến công xâm lược của bọn phản động Trung quốc và tay sai của chúng ở biên giới phía Bắc và biên giới phía Tây Nam, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Dưới ngọn cờ của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đồng chí Lê Duẩn đã cùng các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng, lãnh đạo toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta chiến đấu bền bỉ và anh dũng, giành những thắng lợi vô cùng to lớn: giải phóng đất nước, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Về mặt xây dựng đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta do đồng chí Lê Duẩn đứng đầu, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu quan trọng trong công cuộc khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa theo chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

Về mặt quốc tế, đồng chí Lê Duẩn đã có những đóng góp to lớn trong việc tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên-xô, xây dựng liên minh đặc biệt với Lào và Cam-pu-chia, đoàn kết và hợp tác với các nước và các đảng anh em khác, ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân các nước chống đế quốc và phản động, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Là một nhà chiến lược có tầm nhìn xa rộng, đồng chí Lê Duẩn đã có những đóng góp to lớn đối với việc vạch ra đường lối cách mạng của Đảng ta, trong cách mạng dân tộc dân chủ cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Các bản báo cáo của đồng chí tại các đại hội thứ III, thứ IV, thứ V của Đảng đã đề ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của nước ta, một nước vốn là thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, sản xuất nhỏ là phổ biến, tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đồng chí cũng giải quyết mối quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội trên nửa nước với hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước, giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đồng chí đã có những đóng góp to lớn vào việc giải quyết các vấn đề liên quan đến sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa của nước ta.

Là một nhà lý luận cách mạng, đồng chí đã vận dụng một cách sáng tạo những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác—Lê-nin vào điều kiện cụ thể Việt nam, phát triển thêm một bước tư tưởng cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng chí đã đề ra các luận điểm lý luận về làm chủ tập thể; về ba cuộc cách mạng; về xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa; về cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý; về đảng cầm quyền; về từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; về xây dựng kinh tế địa phương; về xây dựng cấp huyện; ...

Đồng chí đã làm phong phú thêm tư tưởng của Hồ Chủ tịch và của Đảng ta về phương pháp cách mạng và chiến tranh cách mạng bằng các luận điểm: tư tưởng chiến lược tiến công; kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang; kết hợp tổng công kích và tổng khởi nghĩa; hai chân ba mũi; ba mũi giáp công; ba vùng chiến lược; khởi nghĩa từng phần và chiến tranh du kích; chiến tranh nhân dân địa phương; thế, lực và thời cơ; thần tốc, táo bạo, thời gian là lực lượng; chiến tranh nhân dân địa phương; chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc; ...

Về quốc tế, đồng chí đã nêu những luận điểm về thế tiến công của cách mạng trên thế giới; về sự thức tỉnh của các dân tộc; về hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội là một; ...

Được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng lâu dài, đồng chí nêu cao những phẩm chất tốt đẹp của người chiến sĩ cộng sản: tinh thần chiến đấu kiên cường bất khuất chống kẻ thù dân tộc và kẻ thù giai cấp; tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác—Lê-nin, với sự nghiệp giải phóng Tổ quốc và nhân dân, với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa; ý thức tổ chức và kỷ luật, ý thức trách nhiệm cao, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao phó; gần gũi quần chúng; quan tâm sâu sắc đối với con người; giàu lòng nhân ái; khiêm tốn, giản dị; ... Trải qua hàng chục năm lăn lộn trong quần chúng, cùng sống, lao động và chiến đấu với quần chúng, đồng chí Lê Duẩn có mối quan hệ mật thiết với quần chúng, hiểu rõ tâm tư, nguyện vọng của họ, có lòng tin vững chắc và những tình cảm sâu sắc đối với quần chúng.

Vai trò của nhân tố con người trong sự nghiệp cách mạng được đồng chí Lê Duẩn đặc biệt coi trọng. Chính vì vậy đồng chí quan tâm đến việc xây dựng

Digitized by Google

con người mới. Đồng chí nêu phương châm « lao động — tình thương — lẽ phải » để xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa Việt nam.

Là một người mác xít — lê nin nít sáng tạo có tinh chiến đấu cao, đồng chí Lê Duẩn đã có những cống hiến quý báu xây dựng kho tàng lý luận cách mạng Việt nam.

Hoạt động thực tiễn và lý luận của đồng chí Lê Duẩn gần 60 năm qua là những đóng góp to lớn vào sự nghiệp cách mạng của Đảng ta và nhân dân ta.

Đồng chí Lê Duẩn không còn nữa! Nhưng sự nghiệp vẻ vang của đồng chí sống mãi với Đảng ta và nhân dân ta.

Thương tiếc đồng chí Lê Duẩn, chúng ta hãy ghi nhớ và làm đúng những lời căn dặn của đồng chí.

Lúc còn sống đồng chí thường căn dặn chúng ta : Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng, cần chăm lo công tác xây dựng Đảng, luôn luôn củng cố và tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong Đảng.

Đồng chí Lê Duẩn thường căn dặn chúng ta thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Nước nhà được độc lập, nhân dân trở thành người chủ đất nước. Tôn trọng và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, là nghĩa vụ của những người cộng sản chúng ta.

Đồng chí căn dặn chúng ta : nước ta đã được độc lập nhưng kẻ thù xâm lược đang đe dọa nền độc lập của nước ta ; chúng ta cần nâng cao cảnh giác, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu giỏi chống kẻ thù xâm lược, trước mắt là bọn bành trướng bá quyền Trung quốc, để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Đồng chí căn dặn chúng ta phải chăm lo cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa để xây dựng Tổ quốc phồn vinh, nâng cao đời sống của nhân dân, phải coi trọng xây dựng kinh tế địa phương, xây dựng cấp huyện, xây dựng cơ cấu nông công nghiệp huyện.

Đồng chí căn dặn chúng ta phải luôn luôn củng cố và tăng cường đoàn kết quốc tế, thực hiện liên minh chiến lược và hợp tác toàn diện với Liên xô, tăng cường tình đoàn kết chiến đấu đặc biệt với Lào và Cam-pu-chia, đoàn kết và hợp tác với các nước anh em khác, đem hết sức mình góp phần tăng cường đoàn kết ba dòng thác cách mạng của thời đại chúng ta vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta luôn luôn ghi nhớ và làm đúng những lời căn dặn đó của đồng chí Lê Duẩn.

Thương tiếc đồng chí Lê Duẩn, chúng ta hãy biến đau thương thành hành động cách mạng, tăng cường đoàn kết chung quanh Ban chấp hành trung ương Đảng, ra sức phấn đấu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Noi gương đồng chí Lê Duẩn, mỗi cán bộ và đảng viên chúng ta hãy ra sức công tác, học tập và rèn luyện, nâng cao phẩm chất và năng lực cách mạng, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao phó. Mọi người hãy ra sức thi đua, đẩy mạnh sản xuất và thực hành tiết kiệm, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt, giành những thắng lợi mới cho sự nghiệp cách mạng nước ta. Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân chuẩn bị tốt Đại hội thứ VI của Đảng.

Digitized by Google

THÔNG CÁO ĐẶC BIỆT

CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, QUỐC HỘI, HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC, HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ ĐOÀN CHỦ TỊCH ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

BAN chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam và Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt nam vô cùng đau đớn báo tin:

Đồng chí LÊ DUẨN,

Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, đã từ trần hồi 3 giờ 30 phút ngày 10-7-1986, sau một thời gian bị bệnh nặng, thọ 79 tuổi.

Trong thời gian đồng chí Lê Duẩn bị bệnh, Đảng và Nhà nước ta đã tận tình săn sóc đồng chí, đã cử một tập thể giáo sư và bác sĩ y khoa giỏi, với những phương tiện đầy đủ, hết lòng cứu chữa, nhưng vì tuổi cao, bệnh nặng, đồng chí đã vĩnh biệt chúng ta.

Trong gần sáu mươi năm hoạt động cách mạng, tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác – Lê-nin, với lợi ích của Tổ quốc và nhân dân, đồng chí Lê Duẩn đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Là người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Lê Duẩn là một nhà lãnh đạo lỗi lạc của Đảng và nhân dân ta, một chiến sĩ kiên cường của phong trào cộng sản quốc tế, phong trào công nhân và phong trào độc lập dân tộc.

Đồng chí Lê Duẩn mất đi là một tổn thất to lớn đối với Đảng và nhân dân ta.

Để tỏ lòng tưởng nhớ và biết ơn đồng chí Lê Duẩn, Hội nghị liên tịch giữa Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam và Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt nam quyết định:

1– Tổ chức quốc tang với nghi thức trọng thể của nước ta.

2– Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta để tang đồng chí Lê Duẩn năm ngày, từ 11 đến 15-7-1986.

Digitized by Google

Trong những ngày đau thương này, Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam và Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt nam kêu gọi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta hãy biến đau thương thành hành động cách mạng, tăng cường đoàn kết, nhất trí chung quanh Ban chấp hành trung ương Đảng, đem hết tinh thần và lực lượng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa!

Theo gương đồng chí Lê Duẩn, toàn thể cán bộ, đảng viên hãy phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, ra sức công tác, học tập và rèn luyện, không ngừng nâng cao phẩm chất và năng lực cách mạng, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ của mình. Toàn Đảng hãy chuẩn bị tốt nhất cho Đại hội lần thứ VI của Đảng!

Toàn dân và toàn quân ta hãy dấy lên phong trào cách mạng sôi nổi, đẩy mạnh sản xuất và thực hành tiết kiệm, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu giỏi, góp phần xứng đáng đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiến tới những thắng lợi mới!

Hãy tưởng nhớ đồng chí Lê Duẩn bằng những hành động cách mạng thiết thực!

Hà nội, ngày 10 tháng 7 năm 1986

Digitized by Google



ĐỒNG CHÍ LÊ DUẨN
(1907 — 1986)

Digitized by Google

Digitized by Google

DANH SÁCH

ỦY BAN LỄ TANG NHÀ NƯỚC

1– Đồng chí TRƯỜNG CHINH, Ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, Trưởng ban.

2– Đồng chí PHẠM VĂN ĐỒNG, Ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

3– Đồng chí PHẠM HÙNG, Ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

4– Đồng chí LÊ ĐỨC THỌ, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam.

5– Đồng chí VĂN TIẾN DŨNG, Ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Đại tướng, Bộ trưởng Bộ quốc phòng.

6– Đồng chí VÕ CHÍ CÔNG, Ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

7– Đồng chí CHU HUY MÂN, Ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Phó chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

8– Đồng chí TỐ HỮU, Ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam.

9– Đồng chí NGUYỄN VĂN LINH, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam.

10– Đồng chí VÕ VĂN KIỆT, Ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

11– Đồng chí ĐỖ MƯỜI, Ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

12– Đồng chí NGUYỄN ĐỨC TÂM, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Trưởng ban Tổ chức Trung ương Đảng.

13– Đồng chí LÊ ĐỨC ANH, Ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Thứ trưởng Bộ quốc phòng.

Digitized by Google

14 – Đồng chí NGUYỄN CƠ THẠCH, Ủy viên dự khuyết Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Bộ trưởng bộ ngoại giao.

15 – Đồng chí ĐỒNG SĨ NGUYÊN, Ủy viên dự khuyết Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

16 – Đồng chí NGUYỄN HỮU THỌ, Chủ tịch Quốc hội, Phó chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

17 – Đồng chí HUỲNH TẤN PHÁT, Phó chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt nam.

18 – Đồng chí NGUYỄN XIỂN, Tổng thư ký Đảng xã hội Việt nam, Phó chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

19 – Đồng chí NGHIÊM XUÂN YÊM, Tổng thư ký Đảng dân chủ Việt nam, Phó chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

20 – Đồng chí HOÀNG TRƯỜNG MINH, Ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Trưởng ban Dân tộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng dân tộc.

21 – Đồng chí NGUYỄN THỊ ĐỊNH, Ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Chủ tịch Ban chấp hành trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam.

22 – Đồng chí PHẠM THẾ DUYỆT, Ủy viên dự khuyết Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Quyền chủ tịch Tổng công đoàn Việt nam.

23 – Đồng chí VŨ MÃO, Ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Bí thư thứ nhất Ban chấp hành trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

24 – Linh mục VÕ THÀNH TRINH, Chủ tịch Ủy ban đoàn kết Công giáo yêu nước Việt nam, Phó chủ tịch Quốc hội.

25 – Hòa thượng THÍCH ĐỨC NHUẬN, Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt nam

Digitized by Google

TIỂU SỬ ĐỒNG CHÍ LÊ DUẨN

ĐỒNG chí Lê Duẩn sinh ngày 7-4-1907 tại làng Hậu kiên, xã Triệu thành, huyện Triệu phong, tỉnh Quảng trị (nay là Bình trị thiên).

Xuất thân từ một gia đình lao động có truyền thống yêu nước, đồng chí sớm giác ngộ cách mạng.

Đồng chí Lê Duẩn thuộc lớp người đầu tiên hưởng ứng lời kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đi theo con đường cách mạng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Đồng chí tham gia Hội thanh niên cách mạng năm 1928 và năm 1930 trở thành một trong những đảng viên lớp đầu của Đảng cộng sản Đông dương.

Năm 1931, đồng chí là Ủy viên Ban tuyên huấn của Xứ ủy Bắc kỳ và cũng trong năm đó, đồng chí bị thực dân Pháp bắt tại Hải phòng, bị kết án 20 năm tù cấm cố và lần lượt bị giam ở các nhà lao Hà nội, Sơn la và Côn đảo. Tại các nhà tù này, đồng chí cùng nhiều đảng viên cộng sản lãnh đạo các cuộc đấu tranh chống chế độ giam cầm hà khắc và tổ chức việc học tập chính trị.

Năm 1936, do cuộc đấu tranh của nhân dân ta và thắng lợi của Mặt trận nhân dân ở Pháp, chính quyền thực dân ở Đông dương buộc phải trả lại tự do cho nhiều chiến sĩ cách mạng Việt nam, trong đó có đồng chí Lê Duẩn. Ra khỏi nhà tù, đồng chí ra sức hoạt động cách mạng ở các tỉnh miền Trung, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng thành lập Mặt trận dân chủ Đông dương nhằm động viên, tập hợp quần chúng đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa, chống nguy cơ phát xít và chiến tranh. Năm 1937, đồng chí Lê Duẩn được cử giữ chức Bí thư Xứ ủy Trung kỳ và từ đó đến năm 1939, hoạt động tích cực của đồng chí góp phần quan trọng đưa tới cao trào đấu tranh sôi nổi trong cả nước.

Năm 1939, đồng chí Lê Duẩn được cử vào Ban thường vụ Trung ương Đảng và cuối năm đó đã cùng đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Tổng bí thư của Đảng, chủ trì Hội nghị lần thứ sáu

Digitized by Google

Ban chấp hành trung ương, quyết định thành lập Mặt trận phản đế Đông dương thay Mặt trận dân chủ, chuyển hướng cuộc đấu tranh cách mạng sang một thời kỳ mới.

Năm 1940, đồng chí lại bị địch bắt ở Sài gòn, bị kết án mười năm tù và đày đi Côn đảo lần thứ hai cho đến khi Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, đồng chí được Đảng và Chính phủ đón về đất liền, tham gia cuộc kháng chiến ở Nam bộ.

Năm 1946, ra Hà nội, đồng chí Lê Duẩn làm việc bên cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, góp phần cùng Trung ương Đảng chuẩn bị cuộc kháng chiến chống Pháp. Cuối năm đó, đồng chí được Bác Hồ và Trung ương Đảng cử vào lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Nam bộ. Tại Đại hội lần thứ hai của Đảng năm 1951, đồng chí được bầu vào Ban chấp hành trung ương và Bộ chính trị. Từ năm 1946 đến năm 1954, với cương vị Bí thư Xứ ủy, rồi Bí thư Trung ương Cục miền Nam, đồng chí đã lãnh đạo đảng bộ miền Nam tổ chức cuộc kháng chiến ở Nam bộ và tiến hành cải cách ruộng đất trong các vùng giải phóng.

Từ năm 1954 đến năm 1957, sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, đồng chí Lê Duẩn ở lại miền Nam để lãnh đạo phong trào cách mạng. Trong những năm tháng vô cùng khó khăn này, đồng chí đã sống trong lòng nhân dân, được quần chúng bảo vệ, từ những vùng nông thôn hẻo lánh đến trung tâm các thành phố để củng cố các cơ sở cách mạng, chuẩn bị cuộc chiến đấu chống Mỹ.

Năm 1957, Trung ương cử đồng chí lãnh đạo công việc chung của Đảng bên cạnh Hồ Chủ tịch. Năm 1960, tại Đại hội lần thứ ba, thay mặt Ban chấp hành trung ương, đồng chí Lê Duẩn đã đọc Báo cáo chính trị, trong đó nêu ra hai chiến lược cách mạng: tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, kết hợp cách mạng hai miền nhằm mục tiêu chung hoàn thành giải phóng dân tộc, thực hiện thống nhất nước nhà. Tại Đại hội này, đồng chí được bầu lại vào Ban chấp hành trung ương, được bầu vào Bộ chính trị, giữ chức Bí thư thứ nhất và Bí thư Quân ủy trung ương.

Suốt 15 năm trên cương vị này, trong hoàn cảnh đất nước trải qua thử thách cực kỳ nghiêm trọng và tình hình quốc tế diễn biến phức tạp, đồng chí Lê Duẩn đã cùng Bộ chính trị và Trung ương Đảng kiên định đường lối độc lập, tự chủ, tranh thủ sự viện trợ, giúp đỡ và đoàn kết quốc tế, sáng suốt lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang cách mạng cả nước ta đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng (năm 1976) và lần thứ năm (năm 1982), đồng chí Lê Duẩn lại được bầu vào Ban chấp hành trung ương và được cử vào Bộ chính trị, giữ chức Tổng bí thư.

Tại Đại hội lần thứ tư, Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương do đồng chí trình bày, đã tổng kết thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, và vạch ra đường lối chung của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Tại Đại hội lần thứ năm, thay mặt Ban chấp hành trung ương, đồng chí trình bày Báo cáo chính trị, vạch rõ hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; đồng thời định ra chiến lược kinh tế trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

Hơn mười năm nay, đoàn kết chung quanh Ban chấp hành Trung ương Đảng do đồng chí Lê Duẩn đứng đầu, nhân dân và Quân đội nhân dân Việt nam đã anh dũng đánh thắng hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chống bọn bành trướng bá quyền Trung quốc và bọn tay sai ở biên giới Tây — Nam và biên giới phía Bắc; đạt được những thành tựu quan trọng trong công cuộc khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa theo chủ nghĩa xã hội.

Là học trò xuất sắc và gần gũi của đồng chí Hồ Chí Minh kính mến, đồng chí Lê Duẩn là một nhà lãnh đạo lỗi lạc của Đảng và một nhà lý luận sáng tạo, phong phú, với những đức tính quý báu, giàu lòng nhân ái, giản dị và khiêm tốn. Trong hoạt động quốc tế, đồng chí đã góp phần rất quan trọng vào việc xây dựng, củng cố tình đoàn kết đặc biệt Việt nam—Lào—Cam-pu-chia, củng cố và phát triển sự hợp tác toàn diện và tình hữu nghị anh em giữa Việt nam với Liên xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa; trong việc kiên trì bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tăng cường tình đoàn kết chiến đấu trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và phong trào độc lập dân tộc.

Đồng chí Lê Duẩn là đại biểu Quốc hội từ khóa hai đến khóa bảy.

Do những cống hiến to lớn của đồng chí Lê Duẩn, Đảng và Nhà nước ta đã tặng đồng chí Huân chương Sao vàng. Các nước anh em Liên xô, Lào, Cam-pu-chia, Ba lan, Bun-ga-ri, Cu-ba, Cộng hòa dân chủ Đức, Hung-ga-ri, Mông cổ, Tiệp khắc đã tặng đồng chí nhiều huân chương cao quý. Ủy ban Giải thưởng quốc tế Lê-nin cũng tặng đồng chí giải thưởng «Vì sự nghiệp củng cố hòa bình giữa các dân tộc».

Digitized by Google

ĐIẾU VĂN

ĐỌC TẠI LỄ TRUY ĐIỆU ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ LÊ DUẨN

ĐỌC TẠI LỄ TRUY ĐIỆU ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ LÊ DUẨN

Hà nội, ngày 15 tháng 7 năm 1986

Thưa đồng bào và chiến sĩ cả nước,

Thưa các đồng chí và các bạn,

ĐỒNG chí Lê Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng, người con trung thành của nhân dân, đã vĩnh biệt chúng ta! Đây là một tổn thất vô cùng to lớn của toàn Đảng và toàn dân ta!

Là chiến sĩ thuộc lớp cận vệ đầu tiên của Đảng, một người học trò lỗi lạc của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến, đồng chí Lê Duẩn đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, cho tự do, hạnh phúc của nhân dân và cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Cuộc đời hoạt động gần sáu mươi năm của đồng chí gắn liền với quá trình cách mạng nước ta từ những năm 1920 đến những năm 1980. Đồng chí đã tham gia hoạt động ở tất cả các miền: miền Bắc, miền Trung, miền Nam, từng trải mọi thử thách, gian nan, luôn luôn gần gũi cán bộ, chiến sĩ và nhân dân lao động. Từ cuối những năm 30 cho đến khi qua đời, đồng chí là một nhà lãnh đạo quan trọng của Đảng, và từ năm 1960, với cương vị là Bí thư thứ nhất, rồi Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương, đồng chí đã có những đóng góp quan trọng vào sự lãnh đạo của Đảng, đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Lý tưởng và hoài bão suốt đời của đồng chí là Tổ quốc độc lập và thống nhất, nhân dân có quyền làm chủ đất nước, làm chủ xã hội và làm chủ cuộc sống của mình.

Digitized by Google

Là một người mác xít – lê nin nit chân chính, đồng chí luôn luôn suy nghĩ, tìm tòi, xuất phát từ tình hình thực tế, phân tích, giải quyết những vấn đề mới do cuộc sống đề ra. Sự sáng suốt của đồng chí thể hiện nổi bật trước những bước ngoặt của lịch sử và những tình huống phức tạp.

Lòng tin của đồng chí rất vững vàng trước những thành công cũng như những thất bại tạm thời của cách mạng, lúc cao trào cũng như lúc thoái trào. Trong những năm đen tối dưới chế độ thực dân mới của đế quốc Mỹ ở miền Nam, đồng chí đã thấy rõ khả năng thắng lợi của nhân dân qua phong trào đồng khởi của quần chúng.

Đồng chí đã cùng với Bộ chính trị và Ban chấp hành trung ương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, xác định đường lối, chính sách của các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng khoa học quân sự cách mạng Việt nam, đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế khác, cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân giành độc lập, tự do.

Từ khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc thống nhất, cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội, đồng chí đã góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn nhằm xác định và hoàn chỉnh đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, trong điều kiện một nước nông nghiệp lạc hậu, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đồng chí đã kiên trì nguyên tắc kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế để thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cống hiến của đồng chí Lê Duẩn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta thật là to lớn.

Qua cuộc đời hoạt động lâu dài và phong phú của mình, đồng chí nêu cho những người Việt nam chúng ta, nhất là cho những người cộng sản, một tấm gương quý báu.

Đó là lòng trung thành vô hạn với lợi ích tối cao của Tổ quốc và nhân dân, với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cao cả. Phẩm chất cách mạng cao quý của đồng chí được thể hiện ở tinh thần cách mạng tiến công không ngừng. Bất chấp mọi thử thách của nhà tù đế quốc, của cuộc sống gian khổ kéo dài ở các chiến khu, cũng như những năm tháng hoạt động trong vùng địch tạm kiểm soát, đồng chí luôn luôn nêu cao nghị lực

Digitized by Google

kiên cường, sẵn sàng hy sinh cả tính mạng của mình vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Đồng chí sống một cách trung thực và giản dị; luôn luôn gần gũi đồng bào, với tình thương yêu tha thiết và chân thành đối với mọi người, quan tâm đến ý kiến và nguyện vọng của nhân dân. Đồng chí đặc biệt coi trọng việc tổng kết kinh nghiệm của quần chúng, và xuất phát từ những kinh nghiệm quý báu đó mà đề ra chủ trương, chính sách.

Đồng chí Lê Duẩn vừa là một nhà yêu nước lớn, vừa là một người quốc tế chủ nghĩa trong sáng, suốt đời noi gương Bác Hồ chăm lo góp phần củng cố và tăng cường đoàn kết quốc tế giữa các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới trong cuộc đấu tranh chung vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Đi theo con đường của Lê-nin vĩ đại, con đường của Cách mạng Tháng Mười, đồng chí luôn luôn quan tâm vun đắp và tăng cường tình hữu nghị đặc biệt, tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện với Liên xô, xây dựng khối liên minh đặc biệt giữa Việt nam với Lào và Cam-pu-chia anh em, với các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Đồng chí thường xuyên chú ý nghiên cứu kinh nghiệm cách mạng quốc tế và theo dõi những diễn biến hằng ngày của tình hình thế giới.

Đồng chí Lê Duẩn đã vĩnh biệt chúng ta, nhưng hình ảnh của đồng chí sống mãi trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Lịch sử nước ta mãi mãi khẳng định công lao to lớn và cống hiến xuất sắc của đồng chí.

Tấm gương của đồng chí mãi mãi tỏa sáng.

Đồng chí Lê Duẩn kính mến và thân thiết,

Chúng tôi kính cẩn nghiêng mình vĩnh biệt đồng chí và chia sẻ nỗi đau buồn này với gia quyến đồng chí. Chúng tôi nguyện đem hết sức mình tăng cường đoàn kết, nhất trí trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta chung quanh Ban chấp hành trung ương và Bộ chính trị, ra sức khắc phục những khó khăn trước mắt, ổn định tình hình mọi mặt, chăm lo đời sống nhân dân, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa, đưa sự nghiệp cách mạng vẻ vang của nhân dân ta đến thắng lợi cuối cùng.

Digitized by Google

THÔNG BÁO

của Hội nghị đặc biệt Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam

NGÀY 14 tháng 7 năm 1986, Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam đã họp phiên đặc biệt để bầu Tổng bí thư, thay đồng chí Lê Duẩn vừa từ trần.

Trong không khí trang nghiêm và xúc động, hội nghị đã mặc niệm đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn, người lãnh đạo lỗi lạc của Đảng và nhân dân ta.

Hội nghị đã mặc niệm đồng chí Hoàng Văn Thái, Ủy viên Trung ương Đảng, Đại tướng, Thứ trưởng Bộ quốc phòng.

Thay mặt Bộ chính trị, đồng chí Phạm Văn Đồng, Ủy viên Bộ chính trị, đã giới thiệu đồng chí Trường Chinh làm Tổng bí thư.

Hội nghị Trung ương đã hoàn toàn nhất trí bầu đồng chí Trường-Chinh làm Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng.

Phát biểu ý kiến tại hội nghị, đồng chí Trường Chinh cảm ơn sự tín nhiệm của Ban chấp hành trung ương, kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tăng cường đoàn kết nhất trí chung quanh Ban chấp hành trung ương Đảng, bảo đảm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ quan trọng và cấp bách trước mắt, đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta tiếp tục tiến lên giành những thắng lợi mới.

Digitized by Google

TIỂU SỬ TÓM TẮT CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG CHINH

ĐỒNG chí Trường Chinh, sinh ngày 9-2-1907, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

Đồng chí quê ở làng Hành thiện, huyện Xuân trường, tỉnh Nam định, nay là xã Xuân hồng, huyện Xuân thủy, tỉnh Hà nam ninh.

Năm 1925, đồng chí tham gia cuộc vận động đòi đế quốc Pháp ân xá cho nhà yêu nước Phan Bội Châu và năm 1926 đồng chí là một trong những người lãnh đạo cuộc bãi khóa để truy điệu nhà yêu nước Phan Chu Trinh ở Nam định. Sau cuộc bãi khóa này, đồng chí bị đuổi học.

Năm 1927, đồng chí gia nhập Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội, một tổ chức tiền thân của Đảng cộng sản Đông dương.

Năm 1929, đồng chí tham gia cuộc vận động thành lập Đảng cộng sản Đông dương ở Bắc kỳ.

Năm 1930, đồng chí được chỉ định vào Ban tuyên truyền cổ động trung ương của Đảng cộng sản Đông dương. Cuối năm đó đồng chí bị đế quốc bắt và xử 12 năm tù cấm cố, đày đi Sơn la.

Cuối năm 1936, do thắng lợi của Mặt trận nhân dân Pháp và do phong trào đấu tranh của nhân dân Việt nam đòi quyền tự do dân chủ và thả chính trị phạm, đồng chí được trả lại tự do.

Cuối năm 1936 đến năm 1939, đồng chí hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp ở Hà nội, là Ủy viên Xứ ủy Bắc kỳ và đại biểu của Đảng cộng sản Đông dương trong Ủy ban Mặt trận dân chủ Bắc kỳ. Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, đồng chí liền chuyển vào hoạt động bất hợp pháp.

Năm 1940, đồng chí là chủ bút báo «Giải phóng», cơ quan của Xứ ủy Bắc kỳ. Tại Hội nghị lần thứ 7 của Trung ương Đảng cộng sản Đông dương, đồng chí được cử vào Ban chấp hành trung ương Đảng.

Năm 1941, tại Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương Đảng, đồng chí được bầu làm Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương, Ủy viên thường vụ Trung ương Đảng, Trưởng Ban tuyên huấn kiêm chủ bút báo «Cờ giải phóng» (cơ quan Trung ương của Đảng) và «Tạp chí Cộng sản» (cơ quan chính trị và lý luận của Đảng). Trưởng Ban công vận trung ương.

Năm 1943, đồng chí bị tòa án binh của thực dân Pháp ở Hà nội kết án tử hình vắng mặt.

Năm 1945, đồng chí phụ trách Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc do Trung ương Đảng thành lập.

Digitized by Google

Năm 1951, tại Đại hội lần thứ II của Đảng, đồng chí được tái cử vào Ban chấp hành trung ương, là Tổng bí thư Trung ương Đảng lao động Việt nam. (Ở Đại hội này, Đảng cộng sản Đông dương đổi tên là Đảng lao động Việt nam).

Năm 1953, đồng chí làm Trưởng Ban cải cách ruộng đất của Trung ương Đảng.

Năm 1958, đồng chí làm Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Chủ nhiệm Ủy ban khoa học Nhà nước.

Năm 1960, tại Đại hội lần thứ III của Đảng, đồng chí được tái cử vào Ban chấp hành trung ương và là Ủy viên Bộ chính trị, phụ trách công tác Quốc hội.

Năm 1976, tại Đại hội lần thứ IV của Đảng, đồng chí được tái cử vào Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam (Ở Đại hội này, Đảng lao động Việt nam đổi tên là Đảng cộng sản Việt nam). Đồng chí là Ủy viên Bộ chính trị, phụ trách Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương và Ban lý luận của Trung ương.

Năm 1976, đồng chí được bầu làm Chủ tịch Ủy ban dự thảo Hiến pháp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

Đồng chí là đại biểu Quốc hội khóa II (1960 – 1964), khóa III (1964 – 1971), khóa IV (1971 – 1975), khóa V (1975 – 1976), khóa VI (1976 – 1981), khóa VII 1981 – ...). Từ khóa II đến khóa VI, đồng chí làm Chủ tịch Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Năm 1981, đồng chí được Quốc hội bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

Năm 1982, tại Đại hội lần thứ V của Đảng, đồng chí được tái cử vào Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam và là Ủy viên Bộ chính trị.

Ngày 14 tháng 7 năm 1986, Hội nghị đặc biệt Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam đã bầu đồng chí làm Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng.

Năm 1982, đồng chí được Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Liên xô tặng Huân chương Lê-nin do sự tham gia tích cực vào phong trào cách mạng, do cống hiến to lớn vào việc phát triển và củng cố tình hữu nghị anh em và sự hợp tác toàn diện giữa nhân dân hai nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

Năm 1982, đồng chí được Đoàn chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa nhân dân Mông cổ tặng Huân chương Xu-khê-ba-to.

Năm 1983, đồng chí được Nhà nước nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào tặng Huân chương Vàng quốc gia.

Năm 1982, đồng chí được Nhà nước Cộng hòa Cu-ba tặng Huân chương Hô-xê Mác-ti

Năm 1984, đồng chí được Đảng và Nhà nước nước Cộng hòa nhân dân Hung-ga-ri tặng Huân chương Lá cờ đỉnh kim cương.

Năm 1985, đồng chí được Đảng và Nhà nước nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia tặng Huân chương Ăng-co.

Digitized by Google

PHÁT BIỂU CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG CHINH

TẠI HỘI NGHỊ ĐẶC BIỆT BCHTƯ ĐẢNG (KHÓA V)

(NGÀY 14 THÁNG 7 NĂM 1986)

Thưa các đồng chí,

ĐỒNG chí Tổng bí thư Lê Duẩn kính mến vừa từ trần. Ban chấp hành trung ương chúng ta họp Hội nghị đặc biệt hôm nay để cử người tiếp tục công việc của đồng chí.

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban chấp hành trung ương đã giao cho tôi trọng trách Tổng bí thư thay đồng chí Lê Duẩn.

Tôi xin đem hết sức mình cùng các đồng chí trong Bộ chính trị và Ban chấp hành trung ương lãnh đạo toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng đã được đề ra tại Đại hội IV, Đại hội V và trong các nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành trung ương (khóa V) và các nghị quyết của Bộ chính trị.

Thưa các đồng chí,

Từ nay đến Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, thời gian không còn nhiều, nhưng khối lượng công việc mà Ban chấp hành trung ương chúng ta phải giải quyết rất lớn và rất khẩn trương.

Một mặt, chúng ta phải tập trung chuẩn bị tốt cho Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng về nội dung nhiệm vụ chính trị của Đảng và về nhân sự Ban chấp hành trung ương mới, đồng thời lãnh đạo tốt việc tiến hành Đại hội đại biểu đảng bộ các cấp.

Mặt khác, chúng ta phải lãnh đạo việc giải quyết tốt các vấn đề cấp bách về kinh tế — xã hội mà Hội nghị lần thứ 10 Ban chấp hành trung ương đã đề ra, thực hiện tốt những nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại; dấy lên phong trào thi đua sôi nổi của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thiết thực lập thành tích chào mừng Đại hội VI của Đảng, tạo ra không khí phấn khởi, tin tưởng bước vào Đại hội.

Đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn mất đi là một tổn thất to lớn của Đảng và nhân dân ta. Đảng và Nhà nước đang tổ chức trọng thể lễ tang đồng chí với mức độ cao, thể hiện lòng kính trọng, yêu mến và biết ơn sâu sắc của toàn Đảng, toàn dân ta đối với đồng chí. Hơn lúc nào hết, Ban chấp hành trung ương chúng ta phải biến đau thương thành sức mạnh, siết chặt hàng ngũ, giữ vững kỷ luật của Đảng, tăng cường đoàn kết, nhất trí trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối của Đại hội IV, Đại hội V; trên cơ sở các nghị quyết của Ban chấp hành trung ương cũng như những nguyên tắc về tổ chức và sinh hoạt Đảng. Từ đó, tạo ra cơ sở vững chắc để tăng cường đoàn kết toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, bảo đảm thực hiện tốt những nhiệm vụ quan trọng và khẩn trương trước mắt, đưa sự nghiệp cách mạng của Đảng ta, của dân tộc ta tiếp tục tiến lên.

Xin cảm ơn các đồng chí. Chúc các đồng chí Trung ương mạnh khỏe, giành nhiều thắng lợi mới.

Digitized by Google



ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG CHINH

Digitized by Google

Digitized by Google

Xã luận

Đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, làm chủ thị trường và giá cả



MỘT năm qua, thực hiện Nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương Đảng, chúng ta đã thu được những kết quả bước đầu trong việc sửa đổi cơ chế quản lý kinh tế. Lối quản lý tập trung quan liêu bao cấp được xóa bỏ một phần; cơ chế quản lý hạch toán kinh tế kinh doanh xã hội chủ nghĩa từng bước được xây dựng. Tuy vậy, do những sai lầm trong việc chấp hành Nghị quyết của Đảng, đã để xảy ra tình hình phức tạp trên các mặt tài chính, tiền tệ, giá cả, tiền lương. Hội nghị thứ 10 của Trung ương Đảng khẳng định tinh thần và nội dung cơ bản của Nghị quyết 8 là đúng. Chúng ta cần tiếp tục thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết đó. Đồng thời chúng ta phải thi hành các biện pháp đặc biệt được nêu trong bản kết luận về giá — lương — tiền của Hội nghị thứ 10 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V).

Toàn Đảng, toàn dân hãy ra sức phấn đấu đẩy mạnh sản xuất và thực hành tiết kiệm; tổ chức lưu thông thông suốt vật tư và hàng hóa theo kế hoạch; cải tạo và quản lý để làm chủ thị trường; đấu tranh để bình ổn giá cả và tiền tệ.

Cần phải hết sức cố gắng để cung cấp các loại vật tư cho sản xuất nông nghiệp (nhất là phân bón, thuốc trừ sâu) và cho sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp (nhất là năng lượng, vật tư, nguyên liệu). Kiểm kê vật tư. Nhà nước thống nhất quản lý vật tư để phân phối theo kế hoạch, ưu tiên cho xí nghiệp trọng điểm, vùng trọng điểm. Phải sử dụng tốt vật tư. Ra sức đẩy mạnh sản xuất với năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao.

Nhà nước nắm độc quyền ngoại thương. Trung ương thống nhất quản lý ngoại hối theo một kế hoạch thống nhất. Ngoại tệ phải được sử dụng chủ yếu để nhập khẩu những vật tư nguyên liệu cần thiết cho sản xuất. Ưu tiên nhập khẩu vật tư cần thiết cho địa phương có đóng góp ngoại tệ.

Lập lại ngay trật tự xã hội chủ nghĩa trong phân phối lưu thông, trước hết trong thị trường có tổ chức. Kiên quyết tiến hành cải tạo và quản lý thị trường. Nghiêm trị các hoạt động đầu cơ, buôn lậu, móc ngoặc, ăn cắp, tuồn hàng từ khu vực kinh tế quốc doanh ra ngoài. Xóa bỏ tư sản thương nghiệp. Chuyển một bộ phận tiểu thương sang hoạt động sản xuất, dịch vụ v.v.

Digitized by Google

Nhà nước độc quyền kinh doanh lương thực, vật tư chiến lược và một số ít mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, bảo đảm nhu cầu hợp lý của xã hội trong phạm vi khả năng. Xóa bỏ thị trường tự do trên các mặt hàng do Nhà nước độc quyền kinh doanh. Cấm việc buôn bán vật tư của Nhà nước dưới bất cứ hình thức nào. Chấm dứt việc tranh mua tranh bán các sản phẩm, nhất là hàng xuất khẩu. Chấn chỉnh và củng cố các trạm kiểm soát cố định liên ngành; bỏ ngay các trạm gác dọc đường gây ra tình trạng cấm chợ ngăn sông.

Về giá cả, nhiệm vụ cấp bách hiện nay là đấu tranh bình ổn vật giá, kiểm soát và chi phối giá cả trên thị trường xã hội, chặn đứng tình trạng giá lên cao đột biến, không bị động chạy theo thị trường tự do. Giữ giá vật tư cơ bản và giữ các tỉ lệ trao đổi đã được xác định hợp lý giữa nông sản với vật tư và hàng công nghiệp, bảo đảm phát triển sản xuất, mở rộng thu mua trên cơ sở kế hoạch hóa.

Để bảo đảm đời sống cho công nhân, viên chức, cần ra sức bình ổn giá thị trường xã hội, làm tốt việc phân phối theo phương thức thích hợp một số mặt hàng thiết yếu.

Về tài chính, thu đủ và thu đúng các loại thuế và các nguồn thu khác. Tiết kiệm chi một cách nghiêm ngặt. Thực hiện kiên quyết việc giảm biên chế hành chính.

Đổi mới cơ chế hoạt động của ngân hàng, bảo đảm cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh được thuận lợi trong việc vay vốn; thực hiện nghiêm ngặt việc quản lý tiền mặt; tăng nhanh vòng quay của đồng tiền; mở rộng phương thức thanh toán bằng chuyển khoản.

Trong tình hình phức tạp hiện nay, toàn Đảng, toàn dân ta phải tăng cường đoàn kết, ra sức phấn đấu, đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, làm chủ phân phối lưu thông, tạo ra một chuyển biến tốt về kinh tế và đời sống. Chúng ta phải tăng cường kỷ luật và kỷ cương trong Đảng và trong bộ máy Nhà nước, chấp hành nghiêm chỉnh các nghị quyết của Đảng và chính sách của Nhà nước. Phải thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, chống tập trung quan liêu bao cấp, đồng thời chống tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật. Những đơn vị và cá nhân làm tốt cần được biểu dương, khen thưởng. Những đơn vị và cá nhân vi phạm chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước phải bị nghiêm trị.

Nói và làm theo Nghị quyết, toàn Đảng toàn dân ta thống nhất ý chí, thống nhất hành động, ra sức cố gắng, nhất định sẽ giành được thành tựu mới về kinh tế, xã hội. Phấn đấu theo phương hướng đúng đắn mà Hội nghị thứ 10 của Trung ương Đảng đã vạch ra, chúng ta nhất định vượt qua được những khó khăn hiện nay, ổn định dần dần tình hình phân phối, lưu thông, tiếp tục đưa nền kinh tế nước ta tiến lên trên con đường của chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

LÊ ĐỨC THỌ

LÀM TỐT CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG CHUẨN BỊ CHO ĐẠI HỘI ĐẢNG

CHÚNG ta đang tiến tới Đại hội lần thứ VI của Đảng. Tình hình trong nước và thế giới có nhiều thuận lợi cơ bản, nhưng cũng có không ít khó khăn. Khó khăn lớn nhất và tập trung nhất là tình hình kinh tế xã hội của nước ta còn chưa ổn định, có mặt còn phức tạp và rối ren. Các hiện tượng tiêu cực trong Đảng và trong xã hội còn nhiều, có cái khá nặng nề. Chúng ta lại đứng trước yêu cầu phải tổng kết kinh nghiệm công tác trong những năm qua, đề ra những nhiệm vụ cho thời gian tới và bố trí lại cán bộ, thực hiện một bước sự chuyển tiếp cán bộ, bảo đảm tính liên tục và tính kế thừa trong sự lãnh đạo của Đảng. Kẻ địch hằng ngày hằng giờ tìm cách phá hoại cách mạng nước ta, giờ đây chúng đang lợi dụng khó khăn của ta, đẩy mạnh các hoạt động chiến tranh tâm lý, phao tin đồn nhảm, kích động hòng chia rẽ nội bộ ta.

Những khó khăn đó đã gây ra cho nhiều cán bộ, đảng viên và quần chúng tâm trạng băn khoăn, lo lắng. Trong khi đó công tác tư tưởng của chúng ta chưa được quan tâm đầy đủ, còn hữu khuynh, thiếu tích cực, thiếu chủ động và sắc bén.

Để chuẩn bị cho Đại hội Đảng, tạo ra không khí mới trong Đảng và trong nhân dân, cùng với công tác tổ chức và các công tác khác, công tác tư tưởng có vai trò rất quan trọng và có nhiều việc phải làm nhằm tăng cường sự nhất trí về chính trị và tư tưởng, góp phần kiện toàn tổ chức của Đảng, khắc phục những nhận thức không đúng và những hiện tượng tiêu cực trong Đảng và trong xã hội; đồng thời đấu tranh chống lại những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của địch. Nếu cho rằng do có những khó khăn cho nên khó làm công tác tư tưởng, đi đến buông lơi công tác tư tưởng, thì chúng ta sẽ phạm sai lầm, thủ tiêu một vũ khí đấu tranh sắc bén của Đảng. Tình hình càng khó khăn càng phải làm thật tốt công tác tư tưởng.

☆

Làm công tác tư tưởng, chúng ta phải nắm bắt cho được và phân tích cho đúng thực chất tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng. Đúng là hiện nay trong cán bộ, đảng viên và quần chúng, bên cạnh những tư tưởng đúng đắn và lành mạnh, đang có những biểu hiện xao xuyến, băn khoăn, thậm chí có bộ phận hoài nghi, bi quan, dao động trước những khó khăn về đời sống, kinh tế, xã hội của đất nước. Từ những băn khoăn ấy họ đi đến có ý kiến khác nhau về đánh giá tình hình,

Digitized by Google

có những cách nghĩ, cách hiểu và cách làm khác nhau trên một số vấn đề.

Thực tế cho thấy, cứ mỗi khi cách mạng gặp khó khăn là có ý kiến khác nhau về đánh giá tình hình. Có người chủ quan phiến diện, không thấy hết tình hình toàn cục, chỉ nặng về mặt này hoặc nặng về mặt kia. Có người do sợ liên quan đến trách nhiệm cá nhân cho nên đánh giá không khách quan, nói nhẹ khuyết điểm, khó khăn, nhấn mạnh thành tựu, ưu điểm. Nhưng cũng có người lại bi quan chỉ thấy mặt khó khăn, khuyết điểm, dường như tình hình là "đen tối", coi nhẹ thành tích.

Đánh giá đúng tình hình là điều vô cùng hệ trọng trong lãnh đạo, trong công tác tư tưởng. Nếu đánh giá không khách quan, thiếu sáng suốt, thận trọng thì không thể có phương hướng tư tưởng đúng. Chúng ta nói cả ưu điểm và khuyết điểm không phải cốt để cho cân đối, mà là với tinh thần khoa học, nhìn đúng sự vật; ưu điểm đến đâu nói đến đấy, khuyết điểm đến đâu nói đến đấy. Không coi nhẹ thành tựu, ưu điểm, nhưng phải nhìn thẳng vào khuyết điểm, khó khăn. Nói khuyết điểm, khó khăn là để thấy đúng thực chất tình hình, phân tích và tìm cách khắc phục, chứ không phải để rồi đánh giá tình hình một cách sai lệch hoặc sinh ra hốt hoảng, bi quan.

Trong thời gian qua, do tình hình thực tế khách quan có nhiều vấn đề phức tạp, do trình độ và phương pháp nhận thức của chúng ta còn hạn chế, cho nên còn có những ý kiến khác nhau. Điều đó là bình thường và dễ hiểu. Trong công tác tư tưởng, chúng ta phải làm sao tạo ra được một không khí thảo luận cởi mở, thẳng thắn, để cuối cùng đi đến sự nhất trí về nhận thức và thống nhất trong hành động.

Muốn đánh giá đúng tình hình, thống nhất được ý kiến, phải có phương pháp tư tưởng đúng và phải căn cứ vào thực tiễn. Thực tiễn bao giờ cũng là tiêu chuẩn của chân lý. Phải đối chiếu lý luận với thực tiễn, và ngược lại, lấy thực tiễn để kiểm nghiệm nhận thức. Chẳng hạn như đánh giá nghị quyết Tám của Trung ương như thế nào? Không phải không có những ý kiến khác nhau. Chúng ta phải căn cứ vào thực tiễn để xem xét. Thực tiễn cho thấy rõ rằng, tuy còn có những điểm cần được bổ sung và hoàn chỉnh, nhưng về cơ bản, nghị quyết Tám của Trung ương là đúng. Nghị quyết Tám đã chỉ ra con đường xóa bỏ quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn sang thực hiện hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đây là một bước chuyển lớn trong cơ chế quản lý. Để tạo được bước chuyển biến này, phải tiến hành đồng bộ nhiều biện pháp, với nhiều phương án, tính đến nhiều nhân tố chi phối chứ không thể phiến diện, và phải làm trong một quá trình với những bước đi cụ thể chứ không thể vội vàng. Nhưng đi vào chỉ đạo thực hiện giải quyết vấn đề giá, lương, tiền, chúng ta đã không dự tính hết các mặt đó và đã phạm những sai lầm nghiêm trọng.

Ở các địa phương, nhân dịp chuẩn bị Đại hội Đảng, các cấp ủy Đảng cũng cần đánh giá cho hết, cho đúng tình hình của địa phương mình, đảng bộ mình. Phải khách quan, nhìn thẳng vào thực tế với thái độ trung thực. Người nào mang nặng tư tưởng cục bộ, địa phương, cá nhân chủ nghĩa sẽ đánh giá tình hình một cách phiến diện, sai lệch. Chỉ có đánh giá đúng tình hình chúng ta mới có chủ trương và phương hướng công tác đúng, mới có cơ sở để thống nhất tư tưởng trong toàn Đảng.

Đảng ta đang tiến tới Đại hội thứ VI của mình. Mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi người dân có tâm huyết, có trách nhiệm với Đảng, với đất nước

Digitized by Google

đều quan tâm đến công việc của Đảng. Điều quan tâm lớn nhất của mọi người là Đại hội kỳ này có đề ra được những chủ trương và mục tiêu xác đáng, những biện pháp thật sự có hiệu lực để từng bước gỡ ra những khó khăn và vướng mắc trong tình hình kinh tế xã hội hiện nay không? Ai sẽ được bầu vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở trung ương, ở địa phương, ở cơ sở? Đảng có kiện toàn được một đội ngũ cán bộ có đủ sức giải quyết những vấn đề to lớn và khó khăn của đất nước, đưa đất nước vững bước đi lên không?

Chúng ta phải thừa nhận một thực tế là ở các cấp, các ngành có nhiều cán bộ lãnh đạo tuy đã trải qua rèn luyện thử thách và có những thành tích nhất định nhưng hiện nay tuổi đã cao, sức đã yếu, khó đảm đương được nhiệm vụ. Nguyện vọng của đông đảo đảng viên và quần chúng là muốn đổi mới công tác cán bộ, bố trí đúng cán bộ nhằm tạo ra một sức mạnh mới, đoàn kết và lãnh đạo quần chúng phát huy ưu điểm, khắc phục khó khăn, hoàn thành thắng lợi những mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng mà Đảng đã vạch ra. Điều này chẳng những có quan hệ đến vận mệnh của đất nước, tiền đồ của cách mạng, mà còn liên quan đến đời sống của mỗi gia đình, mỗi người, đến tương lai của con cái chúng ta. Chính vì thế mà cán bộ, đảng viên và quần chúng trong cả nước bàn luận nhiều các vấn đề về chủ trương, về "nhân sự" của đại hội các cấp. Đó là biểu hiện ý thức trách nhiệm và trình độ giác ngộ chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Chúng ta cần khuyến khích cán bộ, đảng viên có ý kiến gì thì nêu với tổ chức Đảng, hoan nghênh quần chúng góp ý kiến xây dựng Đảng; đồng thời phải đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc hoặc có dụng ý xấu của các phần tử bất mãn, cơ hội, và của cả kẻ địch.

Công tác tư tưởng cần đi sâu giáo dục, hướng dẫn cán bộ, đảng viên và quần chúng có những suy nghĩ đúng, kiến nghị với Trung ương những chủ trương và biện pháp cụ thể nhằm khắc phục khó khăn. Đồng thời cũng cần nói rõ để cán bộ, đảng viên, quần chúng biết rằng, tuy hiện nay đất nước còn có những khó khăn tạm thời, công tác lãnh đạo của Đảng, công tác quản lý của Nhà nước có khuyết điểm; nhưng chúng ta có đủ điều kiện để khắc phục khó khăn, làm chuyển biến tình hình, đưa đất nước tiến lên những bước mới.

★

Trong công tác tư tưởng hiện nay, có nhiều việc phải làm, trong đó có việc *tổng kết công tác, tự phê bình và phê bình, chuẩn bị và tiến hành tốt đại hội đảng bộ các cấp*. Làm tốt những việc này sẽ góp phần tạo ra sự nhất trí cao, đề ra được những giải pháp đúng và sẽ có một đội ngũ cốt cán lãnh đạo đủ sức quán triệt đường lối của Đảng, đưa cách mạng không ngừng tiến lên.

Tổng kết công tác là biện pháp rất quan trọng để thống nhất ý kiến, thống nhất chủ trương. Bởi vì mọi chủ trương lớn của Đảng đều xuất phát từ thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Cách mạng muốn sáng tạo phải trên cơ sở tổng kết thực tiễn. Chúng ta có được nhiều sáng tạo trong chống Pháp, chống Mỹ, chống bọn bành trướng bá quyền Bắc kinh cũng là do chúng ta có tổng kết. Tổng kết giúp nâng cao được lý luận và nhận thức của chúng ta; tổng kết còn là phương thức giáo dục đảng viên và quần chúng rất tốt. Chỉ có đi sâu vào thực tiễn, phân tích và tổng kết thực tiễn thì mới có cơ sở để nhất trí về đánh giá tình hình, đề ra các chủ trương và biện pháp công

Digitized by Google

tắc. Đại hội kỳ này của Đảng phải làm được việc đó.

Mười năm qua, phong trào cách mạng của nhân dân ta có rất nhiều điển hình. Tổng kết điển hình sẽ giúp chúng ta tìm ra được những giải pháp đúng đắn. Khoán sản phẩm trong nông nghiệp là kết quả của sự tổng kết các điển hình nông nghiệp. Ở miền Nam hiện nay về cơ bản đã hoàn thành việc đưa nông dân vào tập đoàn sản xuất, nhưng củng cố các tập đoàn đó ra sao? Hướng đi lên như thế nào? Không có cách nào khác là phải tổng kết. Ở miền Bắc tuy đã thực hiện khoán, nhưng hiện nay nhiều nơi khoán trắng, vậy làm gì để hoàn thiện cơ chế khoán, hoàn thiện cơ chế quản lý hợp tác xã, làm gì để tiếp tục đưa nông thôn miền Bắc tiến lên? Miền Nam có đặc điểm gì khác miền Bắc trong quá trình đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa? Trong công nghiệp, giao thông vận tải, cũng có rất nhiều kinh nghiệm quản lý, kinh nghiệm tổ chức và phát triển sản xuất, kinh nghiệm liên kết, liên doanh... Những kinh nghiệm này cần sớm được tổng kết. Trong phân phối lưu thông, có điển hình chị Ba Thi được nhiều người và báo chí ca tụng. Vậy kinh nghiệm của chị Ba Thi là gì? Kinh nghiệm ấy chỉ có thể áp dụng ở thành phố Hồ Chí Minh hay có thể mở rộng ra các nơi khác? Ở chợ Bình tây, ở các công ty hoa quả và một số nơi khác thuộc thành phố Hồ Chí Minh gần đây có sử dụng hình thức tạm thời liên doanh với tư sản thương nghiệp. Điều đó đúng hay sai? Sắp tới nên giải quyết như thế nào? Nhiều nơi, nhiều tỉnh khác cũng có những điển hình khác nhau... Tất cả những vấn đề đó nếu không tổng kết thì không thể có được câu trả lời đúng.

Tổng kết là cần, nhưng tổng kết như thế nào lại là vấn đề không đơn giản. Tổng kết thực tiễn phải rút ra được những vấn đề có tính nguyên tắc, những kết luận đúng đắn, những kinh nghiệm có tính phổ biến được khái quát cao, chứ không phải chỉ rút kinh nghiệm sơ sài một vài điển hình nào đó rồi đem ra phổ biến như kiểu nhiều nơi đã làm. Vừa qua nhiều Lộ, nhiều ngành, nhiều cơ quan, xí nghiệp đều có nói là mình đã làm tổng kết. Nhưng đọc bản tổng kết của nhiều nơi mới chỉ thấy kể ra những việc đã làm được, những việc chưa làm được: ưu điểm thế này, khuyết điểm thế kia, chứ ít thấy rút ra được những kết luận bổ ích. Cũng có nơi cuối năm đánh trống khua chiêng gọi nhau về họp gọi là tổng kết, nhưng tổng kết đâu có phải chỉ là người thủ trưởng làm một bản báo cáo cho kêu, một số người khác phát biểu chung chung ca ngợi lẫn nhau, có nói khuyết điểm thì nói khéo để không mất lòng thủ trưởng. Cuối cùng rủ nhau làm một bữa chén, rồi mỗi người nhận một gói quà, đưa tin lên báo, lên ti vi, và có khi còn được khen thưởng! Tổng kết như vậy chẳng đem lại kết quả gì, chỉ gây lãng phí, tiêu cực.

Đại hội lần này chúng ta phải tiến hành tổng kết thật sự, làm một cách công phu hơn. Tổng kết là phải phân tích được đúng quá trình thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, đánh giá đúng tình hình thực tế, rút ra được kết luận đúng sai về chủ trương, biện pháp, nêu ra được những bài học kinh nghiệm sinh động, đúng đắn. Phải làm có trọng điểm, không tràn lan; làm từ dưới làm lên mới đi đến hoàn chỉnh được.

Thực tế đã cho thấy, nơi nào có ý kiến chưa nhất trí thì càng cần coi trọng việc tổng kết thực tiễn, dùng thực tiễn kiểm tra các ý kiến. Nếu cứ lý luận suông với nhau thì không ai chịu ai cả. Phải dùng trí tuệ của tập thể để phân tích thực tiễn, phân tích với phương pháp tư tưởng đúng. Dù trình độ còn

Digitized by Google

hạn chế, nhưng nếu cả tập thể thảo luận, phân tích theo cách đó thì nhất định sẽ tập trung được trí tuệ, rút ra được kết luận đúng. Một người dù tài giỏi mấy cũng không thể nhìn thấy hết mọi khía cạnh của vấn đề. Yêu cầu của tổng kết là phải như vậy. Chỉ có tổng kết sâu sắc mới có thể đem đến cho Đại hội Đảng *«kinh nghiệm thực tiễn* đã được suy nghĩ chín chắn, được sự lao động chung, được những nỗ lực chung của toàn thể đảng viên *đúc kết nên* trong công tác xây dựng kinh tế» — như Lê-nin đã viết trong thư gửi các tổ chức đảng nhân dịp chuẩn bị Đại hội thứ chín Đảng cộng sản (b) Nga năm 1920 (1).

Cùng với việc tổng kết công tác, chúng ta phải tiến hành tốt việc *tự phê bình và phê bình*. Mỗi bộ, mỗi ngành, mỗi cấp ủy đảng cần qua tổng kết khẳng định những ưu điểm, chỉ ra những khuyết điểm, làm rõ đúng sai, rút ra những bài học kinh nghiệm, trên cơ sở đó yêu cầu các cá nhân phải tự phê bình và phê bình, kể cả việc phê bình cấp trên và cấp dưới. Phải tự phê bình và phê bình một cách toàn diện, cụ thể, sâu sắc, không hời hợt chung chung. Phải thấy rõ rằng tự phê bình và phê bình là quy luật tiến bộ của Đảng.

Vừa qua, với ý thức trách nhiệm cao vì sự nghiệp cách mạng của nhân dân và của Đảng, Bộ chính trị, Ban bí thư đã nghiêm túc tự phê bình và phê bình trước BCH TƯ Đảng, nêu rõ ưu điểm, phân tích sâu sắc những sai lầm và khuyết điểm về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, và quyết định những biện pháp có hiệu quả để khắc phục. Ở nhiều cấp nhiều ngành cũng đã tiến hành tương đối tốt việc tự phê bình và phê bình. Nhưng không phải chỉ làm một đợt là xong, là có thể giải quyết được mọi vấn đề. Muốn thúc đẩy công tác, muốn củng cố lòng tin của quần chúng, các cấp các ngành phải tích cực phát huy ưu điểm và sửa chữa khuyết điểm; phải đưa việc tự phê bình và phê bình vào nền nếp thường xuyên trong sinh hoạt Đảng. Hiện nay cũng còn có người rất sợ tự phê bình và phê bình. Lúc hoạt động bí mật, các đồng chí này không sợ tù đày, khi ra chiến trường không quản hy sinh, thế mà bây giờ có người lại sợ tự phê bình và phê bình. Hễ nói đến phê bình là họ co mình lại, giữ thế thủ, rồi tìm cách xuê xoa, lấy hòa làm quý. Cũng có người còn xen động cơ cá nhân vào, làm mất tác dụng tích cực của tự phê bình và phê bình. Mỗi người chúng ta hãy nghiêm khắc tự kiểm tra xem mình có xen động cơ cá nhân vào không. Nếu khách quan, vô tư thì lòng mình sẽ thanh thản. Hãy lấy cuộc sống thực tế của mình để chứng minh và trả lời, không cần phân trần gì cả. «Cây ngay không sợ chết đứng»!

Cũng có đồng chí còn ngại phê bình người khác, nhất là phê bình cán bộ cấp trên, sợ sẽ bị trù dập, bị đẩy đi chỗ khác hoặc không được tăng lương. Đúng là trong Đảng ta do lẽ này lẽ khác đây đó còn có những hiện tượng trù dập. Nhưng là những người cách mạng, chúng ta không sợ điều đó. Chúng ta cần thẳng thắn và dũng cảm đấu tranh. Có đấu tranh mới khắc phục được hiện tượng tiêu cực. Đảng ta không cho phép và sẽ thi hành kỷ luật bất cứ một ai trù dập những người đã phê bình họ, đồng thời phê phán những người còn rụt rè, nể nang; nghiêm khắc với những người có dụng ý xấu trong tự phê bình và phê bình, làm tổn hại đến sự đoàn kết trong Đảng. Tự phê bình và phê bình đúng đắn là phải làm sao cho đồng chí không buồn phiền về mình và mình không buồn phiền về đồng chí. Hãy lấy chân lý và thực tiễn để thuyết phục đồng chí. Và phải rất kiên trì. Thuyết phục một lần không

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 40, tr. 163–164.

Digitized by Google

được thì lần sau thuyết phục nữa. Không dễ gì một lần mà đã thuyết phục được những người phạm sai lầm. Không nên có thái độ ghét bỏ, quay lưng vào nhau. Phải thật sự thương yêu đồng chí mới có thể đoàn kết, giúp nhau cùng tiến bộ.

Chúng ta phải làm tốt hơn nữa việc tự phê bình và phê bình. Thực tế đã cho thấy, làm tốt tự phê bình và phê bình là biện pháp rất quan trọng để đạt tới sự nhất trí về đánh giá tình hình, về chủ trương và phong cách làm việc, khắc phục từng bước những hiện tượng tiêu cực trong Đảng, giải quyết được những băn khoăn lo lắng của cán bộ, đảng viên, tăng cường sức mạnh của Đảng, củng cố lòng tin của quần chúng.

Dưới ánh sáng nghị quyết Hội nghị thứ mười của BCHTƯ Đảng (khóa V), công tác tư tưởng nói chung và việc tự phê bình và phê bình nói riêng cần tích cực góp phần vào việc nâng cao tính giai cấp và tính chiến đấu của Đảng, tính tiên phong gương mẫu của đảng viên, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng. Chỉ có trên cơ sở dân chủ mới có thể lãnh đạo được tập trung, và dân chủ phải dưới sự lãnh đạo tập trung. Trong Đảng có quyền bảo lưu ý kiến, nhưng phải chấp hành nghị quyết của tập thể; bảo lưu ý kiến không phải để chống lại nghị quyết của tập thể. Sức mạnh của Đảng ta là ở tính tổ chức, tính kỷ luật. Mọi cán bộ, đảng viên, mọi cấp mọi ngành phải nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, phục tùng kỷ luật của Đảng; phải thực hiện đúng nguyên tắc khi tổ chức đảng đã có nghị quyết thì cá nhân phục tùng tập thể, cấp dưới phục tùng cấp trên, toàn Đảng phục tùng Trung ương. Nghiêm khắc phê phán các hiện tượng mất dân chủ hoặc dân chủ hình thức, đồng thời kiên quyết khắc phục tình trạng tự do tùy tiện, phân tán tản mạn, cục bộ địa phương, mạnh ai nấy làm, không giữ đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng. Phải thấy rằng chính tình trạng mất dân chủ, buông trôi lãnh đạo, lỏng lẻo về kỷ luật đã làm giảm sức chiến đấu của Đảng.

Để *chuẩn bị và tiến hành tốt đại hội đảng bộ các cấp*, tiến tới Đại hội toàn quốc của Đảng, các cấp ủy đảng cần chuẩn bị thật tốt báo cáo công tác của ngành mình, địa phương mình, đồng thời thống nhất quan điểm và phương hướng bố trí cán bộ theo hướng dẫn của Ban bí thư Trung ương Đảng. Trước đây có nơi đã chuẩn bị báo cáo công tác theo kiểu lấy dự thảo Báo cáo chính trị của Trung ương rồi thêm thắt một số tình hình ở địa phương vào, chế biến thành báo cáo của cấp ủy tại đại hội đảng bộ. Lần này yêu cầu các đảng bộ phải tự mình tổng kết tình hình thực tế của địa phương, từ đó xây dựng báo cáo công tác trình ra đại hội đảng bộ. Phải tổng kết toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng Đảng; tổng kết cụ thể việc tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, không nên chung chung, đại khái. Tự phê bình và phê bình cũng vậy. Nội dung tự phê bình và phê bình ở tỉnh, ở huyện, ở xã là gì? Ở xí nghiệp, ở cơ quan là gì? Tất cả phải rất cụ thể, rõ ràng, theo đúng yêu cầu đối với từng ngành, từng cấp. Trên cơ sở tổng kết và tiến hành tự phê bình và phê bình mà xây dựng tốt báo cáo công tác của địa phương và góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị của Trung ương. Trong khi nghiên cứu dự thảo Báo cáo chính trị của Trung ương, thấy điểm nào cần được bổ sung thì kiến nghị.

Trong việc bầu cử cấp ủy, cần bảo đảm đúng tiêu chuẩn cán bộ, nhất là các tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị và đạo đức, về phong cách công tác, năng lực công tác, đoàn kết được

Digitized by Google

mọi người; đồng thời chú ý đến cơ cấu thành phần, nhằm xây dựng một tập thể lãnh đạo mạnh, đoàn kết, nhất trí về quan điểm, chủ trương, có phong cách làm việc tốt. Nếu bầu ra một cơ quan lãnh đạo mà mỗi người một phách, trống đánh xuôi, kèn thổi ngược thì dù cho mỗi cán bộ có giỏi đến mấy, tập thể ấy cũng không thể lãnh đạo được.

Trong quá trình tiến hành đại hội các cấp, cấp trên cần cử cán bộ về dự đại hội cấp dưới. Trung ương cử cán bộ về dự đại hội tỉnh; tỉnh, huyện cử cán bộ dự đại hội cơ sở. Đại biểu cấp trên về dự đại hội cấp dưới không phải đóng vai trò « long trọng viên », mà phải nắm được tình hình thực tế ở địa phương, suy nghĩ, đóng góp những ý kiến bổ ích cho địa phương. Có như vậy mới giúp cấp dưới tiến hành đại hội tốt, đồng thời cấp trên mới nắm được tình hình bên dưới. Cử đại biểu đi dự đại hội phải có sự lựa chọn cẩn thận, sao cho có chất lượng để những cán bộ ấy đóng góp được nhiều ý kiến thiết thực ở đại hội. Đại hội các cấp lần này phải đổi mới cách làm việc, tránh phô trương, hình thức, lãng phí, phải đi vào giải quyết thiết thực những vấn đề do thực tế ở địa phương đặt ra.

★

Trong toàn bộ công tác tư tưởng của Đảng, *công tác tuyên huấn* giữ vị trí đặc biệt quan trọng. Các cơ quan tuyên huấn cần quản lý chặt chẽ hơn nữa các mặt công tác của mình, trước hết là công tác báo chí, xuất bản.

Thời gian qua có khá nhiều cuốn hồi ký cách mạng viết tốt, có thể dùng để giáo dục quần chúng, nhất là thanh niên, thiếu niên; nhưng cũng có một số cuốn hồi ký viết chưa chính xác, gây nên những tác động xấu về nhiều mặt. Đòi hỏi đầu tiên đối với người viết sử, viết hồi ký là phải nói đúng sự thật, khách quan, phân tích được sự vận dụng các chủ trương của Đảng trong hoạt động thực tiễn cách mạng. Phải tôn trọng vai trò của quần chúng, hết sức khách quan và không để chủ nghĩa cá nhân xen vào. Quần chúng nhân dân là người làm ra lịch sử, cho nên nội dung hồi ký cần mô tả thật sâu đậm các tập thể và cá nhân anh hùng, các bà mẹ của biết bao anh hùng, chiến sĩ đã làm nên sự nghiệp vĩ đại của một dân tộc anh hùng. Đương nhiên, nói như vậy không có nghĩa là chúng ta không nói và viết về cá nhân các đồng chí lãnh đạo. Vấn đề là viết vào lúc nào, viết như thế nào để có tác dụng tốt.

Cần phải tôn trọng sự thật lịch sử và phải thấy sự công bằng của lịch sử. Làm thơ, viết tiểu thuyết thì được phép hư cấu, chứ viết hồi ký, viết sử mà cũng hư cấu được sao? Nhất là không nên hư cấu theo kiểu xen chủ nghĩa cá nhân vào. Khi viết sử có thể có những ý kiến khác nhau. Ý kiến của mỗi người dù sao cũng chỉ là ý kiến cá nhân; phải có ý kiến tổng kết của tập thể mới chính xác.

Báo chí nên viết nhiều hơn về những điển hình tiên tiến trong quần chúng công nhân, nông dân, trí thức cách mạng, những người lao động bình thường, những chiến sĩ đang chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; giảm bớt những tin không cần thiết về lễ tân, đưa đón, tiếp khách. Báo chí cần đổi mới phong cách hoạt động, không tuyên truyền một chiều. Nói đúng những cái đã làm được, những ưu điểm, nhưng điển hình tốt; đồng thời nói cả những việc chưa làm được, những khuyết điểm, nhược điểm, phân tích rõ nguyên nhân và đề ra biện pháp sửa chữa. Có như vậy báo chí mới thật sự có tác dụng tốt, xứng đáng là « người tuyên truyền tập thể, người

Digitized by Google

cổ động tập thể, người tổ chức tập thể như Lê-nin đã dạy. Bây giờ có nhiều hiện tượng tiêu cực, ta cần phê phán và công bố công khai trên báo một số vụ, việc điển hình. Phải kết hợp việc tự phê bình và phê bình trong nội bộ với việc tự phê bình và phê bình công khai trên báo chí. Đương nhiên, không phải việc gì cũng đưa lên báo chí một cách tùy tiện, mà phải có sự lựa chọn, cân nhắc thận trọng, mạnh dạn công bố công khai những trường hợp cần thiết để giáo dục chung.

Chúng ta có thể mở rộng các cuộc hội thảo khoa học về các vấn đề lý luận và thực tiễn. Phải khuyến khích các nhà khoa học say mê nghiên cứu khoa học (kể cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội) và thật sự coi trọng những công trình nghiên cứu khoa học có giá trị, có suy nghĩ, có tìm tòi công phu, có những kiến nghị xác đáng. Nhưng việc tổ chức hội thảo phải có nội dung thiết thực và phải có lãnh đạo chặt chẽ. Không nên lợi dụng hội thảo để tuyên truyền những ý kiến cá nhân sai lệch, làm rối thêm tình hình, có hại cho việc thống nhất ý kiến.

Có đồng chí cho rằng, ở các địa phương, công tác tư tưởng không phạm vào hữu khuynh, vì việc gì ở trên đưa xuống cũng đều làm nghiêm túc. Có phải như vậy không? Muốn xem có hữu khuynh hay không phải xem việc tự phê bình và phê bình thế nào? Quản lý trận địa tư tưởng ra sao? Văn hóa, nghệ thuật, xuất bản, phim ảnh, v.v. thế nào? Đã chủ động vạch ra những thiếu sót, nhược điểm để rút kinh nghiệm làm tốt hơn chưa, hay còn buông lỏng, buông trôi? Đã tích cực đấu tranh để ngăn ngừa và khắc phục những nhận thức và hành động sai trái trong cán bộ, đảng viên và quần chúng chưa? Việc đấu tranh chống lại những luận điệu tuyên truyền phá hoại của địch thế nào?.. Công tác tư tưởng muốn sắc bén và có hiệu quả phải luôn luôn thể hiện rõ *tính chủ động, tính hiện thực và tính chiến đấu; kết hợp chặt chẽ lý luận với thực tiễn*. Đi sâu vào thực tiễn là vấn đề cơ bản của giáo dục chính trị tư tưởng.

Đặc biệt là trong tình hình hiện nay, công tác tư tưởng cần quan tâm đến những vấn đề thiết thực và nóng hổi do thực tế cuộc sống đặt ra, đáp ứng đúng yêu cầu và nguyện vọng của quần chúng, góp phần giải quyết những vấn đề về đời sống của quần chúng. Công tác tư tưởng muốn đạt hiệu quả phải theo đúng phương châm lời nói đi đôi với việc làm; không nên lý thuyết suông hoặc nói một đường làm một nẻo. Phải nêu cao tinh thần cảnh giác, phát hiện kịp thời và kiên quyết đập tan những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, phao tin đồn nhằm cùng những hoạt động chiến tranh tâm lý khác của địch; phải khắc phục thái độ bàng quan, buông trôi, buông lỏng trong cuộc đấu tranh chống hoạt động tuyên truyền phá hoại của kẻ thù.

Nhìn lại công tác tư tưởng mấy chục năm qua, chúng ta nhận thấy có khuyết điểm là có lúc chệch mặt này, có lúc chệch mặt kia. Khi tiến hành «chỉnh huấn» ta đã phạm giáo điều, phê bình cá nhân không gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị. Sau đó có lúc ta lại buông lơi tự phê bình và phê bình, không gắn việc phê bình thực hiện nhiệm vụ chính trị với việc phê bình phẩm chất và lối sống, hoặc chỉ phê bình đại khái, chung chung. Có lúc có khuynh hướng cho tư tưởng là thống soái theo kiểu mao ít; nhưng có lúc lại cho kỹ thuật là quyết định, coi nhẹ yếu tố tư tưởng, tinh thần. Hoặc trên vấn đề phẩm chất và năng lực, có lúc nhấn mạnh năng lực, không coi trọng đúng mức phẩm chất; có lúc lại nhấn mạnh phẩm chất, không coi trọng đúng mức năng lực. Trong «ba lợi ích» có lúc nhấn mạnh lợi

Digitized by Google

ích Nhà nước và tập thể, không chú ý đầy đủ đến lợi ích cá nhân; có lúc lại nhấn mạnh lợi ích cá nhân, coi nhẹ lợi ích Nhà nước và tập thể v.v. Chúng ta cần tùy từng thời gian xem xét diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng mà chú ý kết hợp và giải quyết thỏa đáng các mặt, các vấn đề đó, bảo đảm cho công tác tư tưởng ngày càng đúng đắn và khoa học hơn.

Công tác tư tưởng muốn đạt được kết quả còn phải kết hợp chặt chẽ với công tác tổ chức, công tác kiểm tra. Ban tuyên huấn, Ban tổ chức, Ủy ban kiểm tra phải phối hợp công tác với nhau, góp phần tích cực vào công tác xây dựng Đảng. Toàn Đảng phải làm công tác tư tưởng, nhưng phải có sự phân công trách nhiệm rõ ràng, trong đó chi bộ đóng vai trò rất quan trọng. Những vấn đề phát sinh trong chi bộ thì chi bộ phải chủ động và kịp thời giải quyết. Phải thông qua quá trình thực hiện các chủ trương của Đảng để xem tư tưởng cán bộ, đảng viên, quần chúng diễn biến ra sao. Cái gì đúng, cái gì sai, cái gì hữu, cái gì «tả», tâm tư nguyện vọng quần chúng thế nào, cần làm gì để khắc phục? Trong tình hình hiện nay, các cấp ủy cần đặc biệt quan tâm đến công tác tư tưởng, thực hiện phương châm toàn Đảng làm công tác tư tưởng, bảo đảm trận địa tư tưởng luôn luôn vững vàng trước mọi thử thách.

★

Đảng của chúng ta thật là vĩ đại. Thành tích của Đảng ta hết sức to lớn. Đảng đã lãnh đạo nhân dân tiến hành kháng chiến chống Pháp rồi chống Mỹ thắng lợi, nay lại chống bọn bành trướng bá quyền Trung quốc. Các cán bộ, đảng viên của Đảng luôn luôn đi tiên phong và đã chịu đựng biết bao gian khổ hy sinh. Chúng ta rất tự hào về thành tích vĩ đại của Đảng ta. Nhưng chúng ta không khỏi đau lòng khi trong Đảng còn có một bộ phận cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu, vi phạm kỷ luật tổ chức của Đảng, vi phạm tiêu chuẩn đạo đức của người cộng sản, làm ảnh hưởng đến thanh danh uy tín của Đảng, làm giảm sút lòng tin của quần chúng đối với Đảng.

Thực tế của phong trào cách mạng thế giới cũng như của cách mạng nước ta đã chứng tỏ rằng, mỗi khi cách mạng gặp khó khăn, thường nảy sinh những hiện tượng thiếu hoặc giảm sút lòng tin. Nhân dân ta tin tưởng ở chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tin tưởng ở Đảng ta. Nhưng trước một số thiếu sót, khuyết điểm của ta và những hiện tượng tiêu cực trong Đảng, nhiều người có tâm trạng băn khoăn, giảm sút lòng tin. Cán bộ, đảng viên chúng ta phải thấy đầy đủ trách nhiệm về vấn đề đó, cố gắng khắc phục khó khăn, sửa chữa khuyết điểm, vươn lên đáp ứng yêu cầu của cách mạng và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Ngày nay trình độ về các mặt của quần chúng được nâng cao, họ đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải có đủ phẩm chất và năng lực, phải xứng đáng với tầm vóc «vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân».

Toàn Đảng phấn đấu tiến hành thật tốt Đại hội thứ VI của mình với sự nhất trí cao về tư tưởng và về tổ chức, nhất định chúng ta sẽ từng bước giải quyết được những khó khăn, vướng mắc hiện nay, đưa cách mạng nước ta tiến lên những bước phát triển mới tốt đẹp hơn, rực rỡ hơn.

Digitized by Google

Đại tướng HOÀNG VĂN THÁI

BÀN VỀ THỜI KỲ ĐẦU CỦA CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC

CHÚNG ta đều biết, bất cứ một cuộc chiến tranh nào, dù dài hay ngắn — diễn ra trong 5 — 7 ngày hay hàng chục năm — cũng đều có khởi đầu và kết thúc. *Thời kỳ đầu chiến tranh* là một thời kỳ hết sức quan trọng.

Trong khoảng hơn 5 nghìn năm qua, trên hành tinh chúng ta đã diễn ra đến gần 15 nghìn cuộc chiến tranh lớn nhỏ và hầu như không cuộc chiến tranh nào, hai bên tham chiến không phải tập trung sức mạnh để giải quyết theo ý đồ của mình những vấn đề của thời kỳ đầu chiến tranh, vì đây là *một thời điểm vô cùng hệ trọng, có thể quyết định cả tiến trình và kết cục của chiến tranh.*

Tuy nhiên, phải đến khoảng giữa thế kỷ thứ 20, nhất là những năm chiến tranh thế giới thứ hai, khi khoa học kỹ thuật quân sự có những bước phát triển mới; trang bị, vũ khí ngày càng hiện đại; khả năng giáng đòn phủ đầu ngày càng lớn thì *vai trò, vị trí của thời kỳ đầu chiến tranh mới lộng lên rõ rệt*, cả trong thực tiễn chuẩn bị và tiến hành chiến tranh cũng như trong lĩnh vực nghiên cứu lý luận, khoa học, nghệ thuật quân sự, của nhiều nước, của ta và địch.

Trong khoảng 50 năm gần đây, lịch sử quân sự thế giới đã cho ta nhiều bài học kinh nghiệm rất quý báu — những kinh nghiệm được rút ra từ biết bao xương máu, do việc nhận thức đúng hay không đúng, giải quyết tốt hay không tốt những vấn đề của thời kỳ đầu chiến tranh.

Trong chiến tranh thế giới thứ hai (1941 — 1945), với những luận thuyết về «chiến tranh tổng lực», «chiến tranh chớp nhoáng», «chiến tranh cơ giới hóa», «đòn tập kích ồ ạt»..., bè lũ phát xít Hít-le đã tiến hành những cuộc tập kích bất ngờ bằng không quân vào nhiều nước trong những ngày đầu chiến tranh xâm lược nước đó và chúng đã giành được những thắng lợi ở mức độ khác nhau tùy theo tiềm lực và sự chuẩn bị của từng nước đối phương. Ví dụ, chúng đã bất ngờ mở những cuộc tập kích đường không chiến lược vào hơn 70 sân bay ở Pháp, Bỉ, Hà lan, hơn 20 sân bay ở Ba lan và nhiều mục tiêu quan trọng khác ở các nước đó v.v. làm cho Pháp chỉ 2 ngày đầu đã mất gần 300 máy bay và Ba lan đã bị bọn phát xít thôn tính một cách nhanh chóng...

Với Liên xô, như các đồng chí Liên xô đã tổng kết, bọn Hít-le đã dàng hàng mấy nghìn máy bay tập kích bất ngờ ồ ạt vào các sân bay và phương tiện phòng không, vào các thành phố, ga xe lửa và cầu phà, vào các khu vực đóng quân và sở chỉ huy ở các

Digitized by Google

quân khu biên giới phía Tây, với chiều sâu lãnh thổ từ 400 đến 500 km. Việc đó đã gây nên những tổn thất rất lớn cho Liên xô, cả về không quân, lục quân, phòng không và làm đảo lộn việc vận chuyển bằng đường sắt và đường ô tô trên tuyến biên giới. Cùng với đòn tập kích chiến lược đường không đó, hàng trăm sư đoàn bộ binh cơ giới và xe tăng Đức tiến nhanh vào sâu trong lãnh thổ đã gây ra những khó khăn lớn cho Liên xô trong việc tổ chức phòng ngự, bảo vệ nhân dân, bảo vệ các điểm quốc phòng, kinh tế, văn hóa cũng như trong việc động viên và triển khai hoạt động của các binh đoàn, các tập đoàn quân, nhất là ở các khu vực gần biên giới và làm đảo lộn cả nền kinh tế ở những vùng quan trọng đó.

Cuộc chiến tranh I-xra-en — Ai cập (tháng 6-1967) cho ta thấy thêm một bài học kinh nghiệm quý giá về sự nhận thức và giải quyết những vấn đề của thời kỳ đầu chiến tranh. Bọn I-xra-en đã dùng một lực lượng không quân rất lớn mở cuộc tập kích bất ngờ, ồ ạt — mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Ai-cập — vào gần 20 sân bay và phá hủy ngay gần 400 máy bay, khiến cho Ai cập không kịp có một phản ứng đáng kể nào trong suốt một giờ đầu chiến tranh. Đồng thời, chúng động viên lực lượng rất nhanh và cho lục quân tiến nhanh đến bờ kênh Xuy-ê. Và như chúng ta đã thấy, chỉ một tuần sau, cuộc chiến tranh đó đã kết thúc có lợi cho kẻ xâm lược.

Ngay ở nước ta, trong chiến tranh giải phóng trước đây, cả ta và địch cũng đều tìm mọi cách giải quyết theo ý định của mình những vấn đề đặt ra từ trước chiến tranh và trong thời kỳ đầu chiến tranh. Ví dụ tháng 8-1945, sau khi giành được chính quyền, ta đã phải đối phó ngay với hai kẻ thù ở hai đầu đất nước. Ngay từ đầu, Pháp đã muốn «đánh nhanh thắng nhanh» để mau chóng trở lại thống trị cả nước ta. Chúng ta phải ký Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 để gạt Tưởng ra, tập trung sức đối phó với một kẻ thù là thực dân Pháp. Tiếp đó, chúng ta phải ký Tạm ước 14-9-1946 để có thêm thời gian chuẩn bị kháng chiến. Đến tháng 12-1946, khi thấy âm mưu của địch mở rộng chiến tranh ra cả nước, ta quyết định phát động kháng chiến toàn quốc. Như vậy, với nghệ thuật chỉ đạo chiến lược «hòa để tiến» rất tài tình của Hồ Chủ tịch và thường vụ Trung ương Đảng, nhân dân ta có thêm hơn một năm chuẩn bị đất nước, rồi mới bước vào thời kỳ đầu chiến tranh. Đến kháng chiến chống Mỹ, trước khi Mỹ ồ ạt đưa quân vào miền Nam và dùng không quân, hải quân đánh phá miền Bắc, chúng ta đã phát động khởi nghĩa từng phần và tiến hành chiến tranh cách mạng ở miền Nam, đã khôi phục và phát triển kinh tế, tăng cường quân đội, chuẩn bị mọi mặt ở miền Bắc, kể cả lực lượng tiến vào Nam. Khi Mỹ bắt đầu đưa quân vào miền Nam và đánh phá miền Bắc, chúng ta không bị bất ngờ là do nhận thức đúng và chuẩn bị tốt. Khi đế quốc Mỹ tăng cường và mở rộng chiến tranh — do nhiều nguyên nhân chúng phải vừa đánh, vừa leo thang chiến tranh — chúng ta lại có điều kiện vừa chiến đấu, vừa xây dựng, từng bước phát triển lực lượng... Như thế, bước vào thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ trên phạm vi cả nước, chúng ta đã có 10 năm chuẩn bị, càng về sau càng chuẩn bị ráo riết khẩn trương hơn. Và như vậy, rõ ràng, ngay trong chiến tranh giải phóng, với các mặt còn hạn chế của cả ta và địch, ta vẫn phải chuẩn bị đất nước công phu, nhờ đó, trong cả hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, địch đều không thực hiện được chiến lược «đánh nhanh thắng nhanh», ta đều không để bị bất ngờ và đều giữ được quyền chủ động chiến lược khi bước vào thời kỳ đầu

Digitized by Google

chiến tranh, tạo những điều kiện hết sức quan trọng cho quá trình phát triển chiến tranh cách mạng.

Ngày nay, một trong những đặc điểm lớn nhất trên lĩnh vực quân sự là khoa học kỹ thuật quân sự, phương tiện, trang bị, vũ khí đã phát triển đến trình độ rất hiện đại; bom đạn có độ công phá và sát thương lớn, nhất là phương tiện chuyên chở sinh lực và vũ khí (như máy bay, tàu chiến, xe tăng, tên lửa, đại bác) có tầm xa, do đó, *đòn phủ đầu trong thời kỳ đầu chiến tranh của kẻ xâm lược có thể mãnh liệt hơn, sâu rộng hơn và bất ngờ hơn...* Chúng có thể dùng ưu thế không quân, hải quân để bất ngờ tập kích bằng đường không, tiến quân bằng đường bộ, đổ bộ bằng đường không và đường biển, đánh cả phía trước, phía sau và ngang sườn, đánh vào cả trung tâm lãnh đạo, chỉ huy, đầu mối giao thông vận chuyển, các trung tâm công nghiệp, khu đông dân cư, hòng làm tê liệt và rối loạn hậu phương của nước đối phương ngay từ giờ phút đầu chiến tranh... Do đó, trong thời đại ngày nay, bất cứ nước nào muốn tự bảo vệ mình một cách vững chắc thì ngay trong thời bình đều phải chuẩn bị cho thời chiến. Muốn kẻ xâm lược không thể phát huy được yếu tố bất ngờ, thì ta không để bị bất ngờ; và muốn vậy, *không có con đường nào khác là phải chuẩn bị từ trước, chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng đánh trả lại ngay, sẵn sàng đánh bại ngay đòn phủ đầu của địch.*

Chúng ta phải luôn luôn ghi nhớ lời dạy của Lê-nin đối với các đảng cộng sản và cách mạng vô sản: « Một cuộc cách mạng chỉ có giá trị khi nào nó biết tự vệ » (1). Muốn tự bảo vệ được, cố nhiên phải chuẩn bị, phải sẵn sàng, không bao giờ lơ là cảnh giác, không bao giờ để bị bất ngờ, phải chủ động, luôn luôn chủ động, để giành được thắng lợi lớn nhất ngay từ thời kỳ đầu chiến tranh.

★

Trong thời đại ngày nay, một trong những quy luật phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở bất cứ nước nào là xây dựng chủ nghĩa xã hội phải gắn chặt với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Do đó, ngay trong điều kiện hòa bình, phải hết sức coi trọng việc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, hơn nữa phải *nghiêm chỉnh tính tới và ra sức chuẩn bị cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.*

Ở nước ta, do hoàn cảnh địa lý và vị trí chiến lược của đất nước, sự gắn bó *giữa xây dựng Tổ quốc và bảo vệ Tổ quốc càng chặt chẽ hơn.* Dân tộc ta, sau khi đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giành độc lập thống nhất cho Tổ quốc, lại phải trực tiếp đương đầu ngay với chính sách thù địch công khai, trắng trợn, thâm hiểm của bọn phản động trong giới cầm quyền Trung quốc, mà đội quân bành trướng của chúng lại liền đất, liền trời, liền biển với ta. Trên thực tế, trong 10 năm qua, chúng đã từng bất ngờ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược rất trắng trợn trên quy mô lớn ở hai đầu đất nước ta, gây bao tội ác đối với nhân dân ta; tiếp sau đó — cho đến nay — chúng vẫn ra sức tiến hành chiến tranh phá hoại nhiều mặt và chiến tranh lấn chiếm biên giới, đồng thời vẫn thường xuyên đe dọa « cho bài học thứ hai » bằng cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn đối với nước ta.

Trước một tình thế đặc biệt như vậy, chúng ta càng phải cùng nhau

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 37, tr. 145.

Digitized by Google

nhớ lại và kiên quyết thực hiện đầy đủ lời căn dặn của Bác Hồ vĩ đại : « *bất kỳ hòa bình hoặc chiến tranh, ta cũng phải nắm vững chủ động, phải thấy trước, phải chuẩn bị trước* » (2).

Cuộc chiến tranh xâm lược nước ta trên quy mô lớn mà kẻ địch đe dọa tiến hành là cuộc chiến tranh phi nghĩa ; còn cuộc chiến tranh mà chúng ta dự tính phải tiến hành — để chống chiến tranh xâm lược, nếu địch liều lĩnh gây ra — là cuộc chiến tranh chính nghĩa, chiến tranh tự vệ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chiến tranh cách mạng, một cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, chiến tranh hiện đại, chiến tranh liên minh.

Cuộc chiến tranh ấy so với các cuộc chiến tranh giải phóng trước đây (như kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ...), *bên cạnh những điểm giống nhau* như cùng là chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện dưới sự lãnh đạo của Đảng..., *còn có nhiều chỗ khác nhau* về đối tượng, mục tiêu, lực lượng và phương thức tiến hành chiến tranh, mà *điều khác nhau lớn nhất, được thể hiện tập trung nhất là những vấn đề của thời kỳ đầu chiến tranh.*

Khác hẳn với chiến tranh giải phóng, trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, chúng ta phải *đánh với kẻ địch từ ngoài bất thần tiến vào* xâm lược nước ta, và ngay từ đầu chiến tranh chúng ta phải và có điều kiện giáng trả tức khắc những trận phủ đầu của chúng để vừa tiêu diệt lớn sinh lực địch và kiên quyết bảo vệ đất đai, lãnh thổ, bảo vệ nhân dân, bảo vệ các công trình kinh tế, văn hóa, những thành quả cách mạng của ta.

Và muốn vậy, thì trong thời kỳ đầu chiến tranh, chúng ta không thể tiến dần từng bước, đánh địch từ nhỏ đến lớn, từ đánh du kích phân tán đến đánh chính quy tập trung, như trong chiến tranh giải phóng trước đây, *mà ngay từ đầu phải tác chiến trên cả các quy mô lớn, vừa và nhỏ, bằng cả chiến tranh nhân dân địa phương và chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực,* tiến hành cả hoạt động tác chiến chiến lược rộng lớn, các chiến dịch binh chủng hợp thành đồng thời hoặc kế tiếp nhau, cùng nhiều trận chiến đấu lớn nhỏ liên tục khắp nơi, bằng cả lực lượng tại chỗ mạnh và lực lượng cơ động lớn. Trong đó, có vấn đề khác hẳn chiến tranh giải phóng, là *ngay từ những ngày đầu chiến tranh, phải động viên được những binh đoàn chiến lược lớn có số quân đủ, tập trung nhanh, cơ động cao, được trang bị vũ khí hiện đại,* cùng với những lực lượng thường trực đã sẵn sàng chiến đấu, *kịp thời giáng trả quân thù xâm lược — cả lục quân, không quân, hải quân của chúng — trên không gian rộng,* có thể trên nhiều hướng chiến trường — liên minh với bạn, cả trên các chiến trường 3 nước Đông dương — cả trên đất liền, trên không, trên biển, trước hết là trên tuyến đầu và trên những địa bàn quyết chiến chiến lược.

Như vậy, rõ ràng *thời kỳ đầu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một thực tế khách quan,* phải có nhận thức đúng và giải quyết cho đúng. Không biết hoặc biết mà không chuẩn bị chu đáo, sẽ là một sai lầm nghiêm trọng, sẽ dẫn đến những tổn thất nặng nề không lường hết được.

Đây là *một nội dung mới trong đường lối quân sự, khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự* của chúng ta trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đây cũng là *một yêu cầu mới về nhận thức, quan điểm và tổ chức hành động* của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong công

(2) Hồ Chí Minh : *Chiến tranh nhân dân Việt nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà nội, 1980, tr. 331.

Digitized by Google

cuộc chuẩn bị và tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Có thể nói rằng: *hiểu đúng vai trò, vị trí của thời kỳ đầu chiến tranh và giải quyết tốt những vấn đề mấu chốt của thời kỳ đầu chiến tranh chính là biết nắm vững một trong những quy luật chủ yếu nhất* của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện hiện đại: cũng là biết bảo đảm giành thắng lợi ngay từ đầu và tiếp tục giành thắng lợi trong tiến trình và kết cục của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

★

Như trên đã nêu, trong thời đại ngày nay, *nếu tiến trình và kết cục của chiến tranh tùy thuộc phần quan trọng vào kết quả của thời kỳ đầu chiến tranh*, thì có nghĩa là việc giành được thắng lợi lớn hay nhỏ, tránh được tổn thất ít hay nhiều đều *phụ thuộc chủ yếu vào kết quả của công cuộc chuẩn bị đất nước chống xâm lược ngay từ trong thời bình.*

Nếu từ thời bình, không chuẩn bị hoặc chuẩn bị không đủ mức cần thiết, thì sẽ gây nên những hậu quả to lớn không những cho thời kỳ đầu, mà cho cả tiến trình và kết cục của chiến tranh.

Do vậy, *chuẩn bị đất nước sẵn sàng chiến đấu chống xâm lược là một nhiệm vụ chiến lược trọng yếu, vừa cấp bách, vừa thường xuyên* của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản. Nó phải được kết hợp chặt chẽ với quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội; với quá trình tiến hành ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật và cách mạng văn hóa tư tưởng; với quá trình xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới; với quá trình không ngừng tăng cường Nhà nước chuyên chính vô sản và phát huy sức mạnh làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, đánh bại chiến tranh lấn chiếm biên giới và phá hoại nhiều mặt của địch...

Tiến hành công cuộc chuẩn bị đất nước chống xâm lược là phải biết khéo kết hợp chuẩn bị *những việc cấp bách trước mắt* với chuẩn bị theo *các yêu cầu thường xuyên, lâu dài*; kết hợp chuẩn bị một cách *toàn diện, đồng bộ* với chuẩn bị *tập trung vào trọng tâm, trọng điểm*; kết hợp chặt chẽ sự chuẩn bị của cả *quân đội, Nhà nước và nhân dân*, chuẩn bị cả về *quân sự, chính trị, tinh thần và kinh tế, cả tổ chức, động viên lực lượng và xây dựng hoàn thiện thế trận*...

Chuẩn bị đất nước sẵn sàng chống xâm lược trong suốt thời kỳ hòa bình xây dựng đất nước cũng chính là *chuẩn bị thiết thực cho việc động viên toàn dân đứng lên kháng chiến chống xâm lược và chuyển toàn bộ đất nước vào chiến tranh* khi quân thù *sắp hoặc bắt đầu* phát động chiến tranh xâm lược.

Tổ chức toàn dân kháng chiến và chuyển đất nước vào chiến tranh... là *một cuộc động viên rộng lớn, toàn diện*, cả về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa — tư tưởng, khoa học — kỹ thuật, trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, toàn quốc, bảo đảm ngay từ giờ phút đầu của chiến tranh, ta giữ quyền chủ động chiến lược cả về quân sự, chính trị, ngoại giao, kịp thời triển khai các lực lượng vũ trang vào tư thế chiến tranh, bảo đảm chuyển toàn bộ nền kinh tế quốc dân sang sản xuất phục vụ chiến tranh giữ nước và phục vụ dân sinh, chuyển toàn bộ sinh hoạt xã hội nhanh chóng thích ứng đi vào nền nếp theo quy luật chiến tranh

Digitized by Google

Với tất cả tính chất quyết liệt và quy mô rộng lớn của chiến tranh hiện đại, với những yêu cầu mới, rất cao của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, với khối lượng công việc to lớn, phức tạp của thời kỳ đầu chiến tranh — như ta đã thấy —, tất cả chúng ta, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, tất cả các ngành trong toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản, cả ở trung ương, địa phương và cơ sở, cả phía trước và phía sau, tuyến đầu và nội địa, ven biển và rừng núi, miền Bắc, miền Trung và miền Nam... đều phải *dự tính tới tất cả những tình huống phức tạp của thời kỳ đầu chiến tranh* và phải *cùng nhau sớm chăm lo công cuộc chuẩn bị đất nước* sẵn sàng chiến đấu chống xâm lược với trách nhiệm đầy đủ nhất, thái độ nghiêm túc nhất. Đương nhiên, dự tính tới tất cả những tình huống của thời kỳ đầu chiến tranh không có nghĩa là không dự tính tới tất cả những diễn biến của tình hình trong cả tiến trình của cuộc chiến tranh để có sự chuẩn bị cần thiết. Thực tế khách quan đó càng đòi hỏi chúng ta phải quán triệt sâu sắc cả hai nhiệm vụ chiến lược và phải biết gắn quyện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế: giải quyết những vấn đề cơ bản và cấp bách vừa bảo đảm cho kinh tế giàu mạnh, vừa bảo đảm cho quốc phòng vững chắc.

Dân tộc Việt nam ta là một dân tộc rất yêu chuộng hòa bình, mong muốn giữ vững hòa bình để dốc sức vào việc xây dựng đất nước giàu mạnh, xây dựng cuộc sống ấm no, văn minh hạnh phúc trong độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội. Đồng thời dân tộc ta cũng luôn luôn nêu cao tư tưởng lớn của thời đại: « Không có gì quý hơn độc lập tự do », giàu kinh nghiệm chiến đấu chống ngoại xâm, có tư chất quân sự của một dân tộc anh hùng, bất khuất. Bằng những thắng lợi oanh liệt của Cách mạng Tháng Tám, của kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ, dân tộc ta đã đứng vào hàng ngũ các dân tộc tiên phong chống chủ nghĩa đế quốc. Ngày nay trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, mỗi người Việt nam ta, trước hết là mỗi cán bộ, đảng viên ta phải giữ vững và phát huy truyền thống cao quý ấy để tiếp tục giành những thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

ĐÀO THIỆN THI

TỔ CHỨC LAO ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ LAO ĐỘNG Ở ĐƠN VỊ KINH TẾ CƠ SỞ

QUẢN lý kinh tế, quản lý xí nghiệp bao gồm nhiều mặt: kế hoạch, kỹ thuật, vật tư, tài chính, lao động v.v. Trong các mặt quản lý đó, quản lý lao động có ý nghĩa rất quan trọng. Lao động dính đến tất cả các mặt, quản lý tốt lao động để quản lý tốt vật tư, kỹ thuật, tài chính... Người lao động là người xây dựng và thực hiện kế hoạch, khai thác và tiêu dùng vật tư năng lượng, giữ gìn và điều khiển máy móc thiết bị... Tổ chức lao động và quản lý lao động bằng những hình thức và phương pháp cụ thể để phát huy tinh thần làm chủ tập thể của mọi người, từ giám đốc xí nghiệp đến các tổ đội sản xuất, các phòng ban chức năng và từng người lao động, là tổ chức lao động và quản lý lao động tốt, có tác động trực tiếp, mạnh mẽ đến tất cả các mặt quản lý khác. Vì vậy, cơ chế tổ chức lao động và quản lý lao động là một bộ phận cấu thành quan trọng không thể thiếu được, không thể xem nhẹ trong cơ chế quản lý kinh tế, quản lý xí nghiệp.

Tổ chức lao động và quản lý lao động không chỉ là công tác hành chính, tổ chức nhân sự, cũng không chỉ đơn thuần nhằm giải quyết lợi ích cục bộ và trước mắt của người lao động. Mỗi xí nghiệp đều thực hiện sự phân công lao động xã hội. Cơ chế tổ chức lao động và quản lý lao động ở xí nghiệp phải nhằm phát huy cao độ quyền và nghĩa vụ làm chủ tập thể của mọi người, từ người quản lý sử dụng lao động đến người lao động, để phát hiện và sử dụng hết tiềm lực, mọi mặt của đơn vị cơ sở, thực hành tiết kiệm triệt để, làm việc một cách năng động sáng tạo với chi phí ít nhất, đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, hoàn thành nhiệm vụ được giao theo kế hoạch Nhà nước, đem lại lợi ích cao nhất cho đất nước, trong đó có lợi ích của xí nghiệp, của từng bộ phận và của từng người lao động.

Cơ chế tổ chức lao động và quản lý lao động bao gồm những *nội dung chủ yếu* sau đây:

1. Kế hoạch hóa lao động.

Kế hoạch lao động là một bộ phận cấu thành hữu cơ của kế hoạch sản xuất – kỹ thuật – tài chính – xã hội thống nhất của xí nghiệp. Xí nghiệp căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh của kế hoạch, căn cứ vào định mức lao động, chế độ thời gian làm việc... để xây dựng kế hoạch lao động. Những xí nghiệp đã có kế hoạch lao động cần lấy số lao động hiện có làm điểm xuất phát để xây dựng kế hoạch sản xuất – kỹ thuật – tài chính – xã hội của xí nghiệp. *Còn một người chưa có việc làm thì còn tiếp tục tìm việc để sắp xếp hợp lý.* Đó là quan điểm mới nhất về lập kế hoạch lao động ở cơ sở. Quan điểm này xuất phát từ

Digitized by Google

yêu cầu và trách nhiệm phải bảo đảm mọi người có sức lao động đều được quyền làm việc và có nghĩa vụ phải làm việc, không để một người nào không làm việc, hưởng thụ không từ lao động và không theo lao động, — đó là tuân theo ý nghĩa thực tế của nguyên tắc xây dựng kế hoạch từ dưới lên nhằm khai thác hết mọi nguồn khả năng của cơ sở, bảo đảm cân đối các mặt, trước hết từ cơ sở. Quan điểm này còn xuất phát từ mục đích tự thân của cơ chế bảo đảm quyền tự chủ sản xuất – kinh doanh của cơ sở để cơ sở cùng lo liệu với Nhà nước phát huy cao độ các thế mạnh của cả nước cũng như của từng địa phương và đặc biệt là của từng cơ sở, sử dụng được nhiều nhất mọi khả năng lao động và tài nguyên, thể hiện sinh động nhất nguyên tắc riêng có của chủ nghĩa xã hội là tập trung dân chủ trong quản lý, vừa giữ vững tính thống nhất của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, vừa đề cao quyền và nghĩa vụ làm chủ tập thể của đơn vị kinh tế cơ sở.

2. Tuyển dụng lao động.

Xí nghiệp có nhiều cương vị công tác. Trình độ các mặt của lao động ở mỗi cương vị phải phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ. Xí nghiệp cần tuyển chọn người lao động có kiến thức và năng lực cần thiết, có ý thức tổ chức và kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm và phương pháp lao động tốt.

— Căn cứ vào kế hoạch lao động đã tính toán chặt chẽ, xí nghiệp có quyền quyết định việc tuyển dụng lao động theo một cơ cấu hợp lý về nam, nữ, lứa tuổi, cơ cấu ngành nghề, trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ, sức khỏe từng loại theo yêu cầu của sản xuất – kinh doanh. Xí nghiệp tự thông báo nhu cầu và tự tuyển chọn cụ thể. Cũng có thể xí nghiệp ký hợp đồng với cơ quan lao động địa phương để họ tuyển chọn giúp hoặc họ giới thiệu để xí nghiệp tuyển chọn. Xí nghiệp có quyền từ chối không nhận người do bất kỳ nơi nào khác giới thiệu đến mà xí nghiệp không có nhu cầu, nhằm khắc phục tình trạng bị động tăng biên chế do phải thu nhận lao động gượng ép, bố trí sử dụng lao động tùy tiện, trái ngành, trái nghề...

Xí nghiệp có nghĩa vụ tuân thủ chế độ của Nhà nước về quản lý nguồn lao động. Trong tình hình cung cấp lương thực, thực phẩm còn khó khăn, người lao động ở thành phố, thị xã chưa có đủ việc làm, Nhà nước đang phải phân bố lại lao động và dân cư trong phạm vi cả nước và trong từng địa phương, mỗi xí nghiệp đều phải tự nguyện đóng góp sức mình cùng với Nhà nước giải quyết tình hình nói trên, tuyển lao động trong phạm vi địa bàn và nguồn tuyển do Nhà nước và địa phương quy định. Những xí nghiệp đóng ở thành phố, thị xã, nói chung không tuyển lao động nông nghiệp một cách tự do tùy tiện, làm tăng thêm nhân khẩu phi nông nghiệp, thêm gánh nặng cho nền kinh tế quốc dân.

Xí nghiệp có nghĩa vụ thực hiện chính sách ưu tiên của Đảng và Nhà nước đối với gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng và thương binh, thu nhận những người có thể đáp ứng được yêu cầu cơ bản của sản xuất – kinh doanh trong những công việc thích hợp. Ở những nghề truyền thống, đòi hỏi kỹ thuật như nghề khai thác mỏ, nghề rừng, cơ khí, điêu khắc, mộc mẫu v.v. cần ưu tiên tuyển con công nhân để tạo ra đội ngũ công nhân nhiều đời, cha truyền con nối. Trường hợp xí nghiệp cần thợ lành nghề, thợ bậc cao (thợ hàn, thợ máy lạnh, thợ lái cầu...) mà trong công nghệ và dây chuyền sản xuất sản phẩm không thể thiếu được, nhưng trong cùng một huyện, quận hoặc tỉnh, thành phố không tuyển được, thì bắt buộc phải tuyển từ địa phương

Digitized by Google

khác đến. Người lao động có quyền xin thôi việc trong những trường hợp được đi học ở các trường chuyên nghiệp của Nhà nước hoặc có khó khăn riêng mà xí nghiệp không thể giúp đỡ giải quyết. Xí nghiệp có quyền cho người lao động thôi việc trong trường hợp phải thu hẹp sản xuất, hoặc giải thể sau khi đã tìm hết cách nhưng không bố trí việc làm khác được. Những quyền này đã được thể chế hóa cụ thể trong các quy định hiện hành của Nhà nước. Cần nhấn mạnh nghĩa vụ của xí nghiệp đối với người lao động trong trường hợp phải cho người lao động thôi việc khi cần thu hẹp nhiệm vụ sản xuất chính. Trước hết, từng xí nghiệp chủ động tìm mọi nguồn khả năng tiếp nhận lao động để sắp xếp việc làm thích hợp cho những người dôi ra từ các dây chuyền sản xuất chính. Trong kế hoạch điều động lao động và dân cư của địa phương, cơ quan lao động có trách nhiệm giúp đỡ các xí nghiệp điều chỉnh lao động từ nơi thừa sang nơi thiếu, hoặc từ khu vực quốc doanh sang khu vực tập thể. Đối với trường hợp tạm thời không sắp xếp được việc làm cho những người không được đào tạo nghề, xí nghiệp bắt buộc dù cho họ thôi việc để tự lo liệu, nhưng phải trợ cấp thỏa đáng để cá nhân họ khỏi bị thiệt thòi và không gây thiệt hại cho xã hội. Cần nhấn mạnh nghĩa vụ của người lao động đối với xí nghiệp trong trường hợp đã tự nguyện đến làm việc ở những nơi xa xôi, điều kiện đời sống, và lao động không thuận lợi. Hiện nay đất nước ta còn nhiều vùng có tài nguyên phong phú nhưng chưa được khai thác hết, cần thu hút lao động đến từ những vùng quá đông dân. Đây là vì lợi ích cao nhất và tiền đồ lâu dài của đất nước. Trước mắt, còn có những khó khăn, nhưng Nhà nước không đơn thuần chỉ biết động viên tinh thần giác ngộ, nhất là đối với thanh niên, mà còn có nhiều cố gắng để áp dụng những biện pháp kinh tế cần thiết, như những phụ cấp ngoài lương và những chế độ ưu đãi khác...

Hình thức tiến bộ cần được làm thử và mở rộng dần là *chế độ tuyển lao động theo hợp đồng*. Chế độ này xuất phát từ quan điểm lao động tự nguyện, tự giác và tự do, từ yêu cầu thống nhất tuyệt đối giữa quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền hạn. Người sử dụng lao động và người lao động thảo luận bình đẳng, thỏa thuận và cam kết với nhau theo những điều kiện của mỗi bên đưa ra. Giám đốc xí nghiệp cân nhắc tính chất và thời gian tiến hành từng loại việc để quyết định việc nào thì ký hợp đồng dài hạn, việc nào chỉ ký hợp đồng ngắn hạn (1 — 2 — 3 năm) hoặc hợp đồng tạm thời, theo thời vụ; không nhất loạt tuyển vào biên chế cố định « suốt đời » một cách cứng nhắc như trước đây. Có thể ký hợp đồng với tất cả các loại lao động (lao động phổ thông, lao động có kỹ thuật, kỹ sư, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ). Đối với công việc cụ thể làm năm bảy ngày nửa tháng là xong, hai bên có thể « hợp đồng miệng »; còn nói chung tất cả các trường hợp khác đều hợp đồng bằng văn bản. Những điều kiện nêu trong hợp đồng lao động sẽ thúc đẩy bên sử dụng cũng như bên người lao động thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đối với bên kia, vì lợi ích chung của đất nước. Khi Nhà nước đã áp dụng rộng rãi chế độ hợp đồng lao động, thì ở những nơi xa xôi vẫn thực hiện được chế độ này, kể cả đối với những người đến đó làm việc theo nghĩa vụ lao động. Vì đây là vấn đề mới cho nên trong năm 1986 Nhà nước còn phải làm thử để rút kinh nghiệm.

3. Tổ chức lao động hợp lý.

Tổ chức lao động là nhằm đưa lao động vào nền nếp, góp phần nâng cao năng suất lao động. Với lối quản lý

Digitized by Google

bao cấp, rất nhiều xí nghiệp không quan tâm đến việc hoàn thiện từng bước tổ chức lao động, không nhận thức đầy đủ vị trí, ý nghĩa của tổ chức lao động đối với toàn bộ công tác quản lý cùng những nội dung của tổ chức lao động. Không ít trường hợp năng suất giờ của từng người công nhân không đến nỗi quá thấp, nhưng năng suất ngày, tháng, năm, đặc biệt là năng suất toàn xí nghiệp, toàn ngành thì quá thấp. Điều đó không chỉ phụ thuộc người lao động, mà có phần phụ thuộc công tác tổ chức lao động và quản lý sản xuất. Hiện nay, đi vào hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, xí nghiệp có điều kiện thực hiện tốt vấn đề này. Bởi vì tổ chức lao động hợp lý, nói chung không phải chi phí nhiều nhưng đạt hiệu quả nhanh và có những trường hợp còn mang lại hiệu quả khá cho việc đầu tư kỹ thuật. Tổ chức lao động hợp lý, trước hết, nhằm sử dụng tốt công suất thiết bị máy móc và lực lượng lao động, nhờ đó mà tăng thêm khối lượng sản xuất, đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao

Nội dung tổ chức lao động ở đơn vị kinh tế cơ sở bao gồm: phân công, bố trí lao động đúng chức danh, tiêu chuẩn, đúng ngành nghề đào tạo và hiệp tác lao động theo tỷ lệ cân đối giữa công nhân sản xuất với công nhân sản xuất, giữa công nhân chính với công nhân phụ trợ, giữa công nhân với bộ máy quản lý; có phương pháp lao động hợp lý, tiến bộ, bảo đảm chất lượng và có năng suất, hiệu suất cao; có kỷ luật lao động; có định mức lao động; có các hình thức trả lương và khuyến khích về vật chất, tinh thần; có kế hoạch đào tạo và nâng cao tay nghề cho lao động trong sản xuất và công tác; có chế độ bảo hộ lao động và kỹ thuật an toàn, cải thiện điều kiện lao động; tổ chức phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa; chuẩn bị tốt các điều kiện sản xuất, phục vụ tốt cho từng nơi làm việc. Đó là hệ thống những biện pháp nhằm khai thác và sử dụng tốt tiềm lực lao động, sử dụng đầy đủ nhất các phương tiện sản xuất, bảo đảm tăng năng suất lao động của từng người, từng tập thể lao động và của toàn xí nghiệp.

Mỗi biện pháp có yêu cầu và nội dung riêng cần được nghiên cứu công phu như những chuyên đề khoa học để từng bước áp dụng thích hợp với đặc điểm của mỗi xí nghiệp trong các ngành kinh tế kỹ thuật. Nhà nước hướng dẫn chủ yếu bằng những mô hình mẫu, những khuyến nghị. Còn lựa chọn, áp dụng hình thức và phương pháp tổ chức lao động nào có hiệu quả hơn, là hoàn toàn do xí nghiệp quyết định.

Cần nhấn mạnh rằng trong sản xuất, *hình thức tổ chức lao động theo tổ, đội là đặc biệt quan trọng*. Hình thức này cần được mở rộng trong hầu hết các ngành như xây dựng cơ bản, nông nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp..., trước hết nó phù hợp với hình thức tổ chức sản xuất theo đối tượng, có nhiều người cùng tham gia sản xuất một sản phẩm. Chúng ta có thể coi đây là một chương trình quan trọng của cuộc đấu tranh nhằm nâng cao tính tích cực lao động và tính tích cực xã hội của người lao động. Trong các tổ, đội sản xuất được tổ chức chặt chẽ, những phẩm chất mới xã hội chủ nghĩa, những mối quan hệ bè bạn và giúp đỡ nhau của người lao động được hình thành thuận lợi. Từng người có trách nhiệm với tập thể và tập thể có trách nhiệm với từng người về hoạt động lao động và hoạt động xã hội.

4. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao tay nghề trong sản xuất và công tác cho đội ngũ lao động và cán bộ.

Trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật của mỗi người, trình độ tay nghề của công nhân, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ nhân viên

Digitized by Google

quản lý có ảnh hưởng quyết định đến chất lượng sản phẩm, chất lượng công tác. Người lao động có quyền và nghĩa vụ không ngừng nâng cao trình độ tay nghề, trình độ chuyên môn của bản thân. Xí nghiệp có quyền và nghĩa vụ phải xây dựng kế hoạch, lập quỹ và chương trình đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ của người lao động, nhất là lớp trẻ, đáp ứng ngày càng tốt yêu cầu về chất lượng sản xuất kinh doanh. Ngoài việc tổ chức học ngoài giờ tại xí nghiệp, học trong trường cạnh xí nghiệp, xí nghiệp còn được ký hợp đồng với các trường dạy nghề, trường đại học và trung học chuyên nghiệp, chịu phí tổn đào tạo và nhận lại số người đã gửi đi học. Thông qua các phong trào luyện tay nghề, thi thợ giỏi, xí nghiệp định kỳ kiểm tra tay nghề, giám định lại trình độ của công nhân và cán bộ nhân viên đối chiếu với cấp bậc công việc và yêu cầu của sản xuất. Căn từng bước tri thức hóa đội ngũ cán bộ, công nhân, nhất là ở những xí nghiệp có những máy móc thiết bị và công nghệ sản xuất hiện đại; tổ chức đào tạo lại kịp thời mỗi khi có nghề mới, khi cần chuyển đổi công việc, đặc biệt là đối với những công nhân, cán bộ trước đây đã được bố trí làm những công việc không theo đúng ngành nghề đào tạo mà nay không có điều kiện để điều chỉnh.

5. Định mức lao động có căn cứ, hợp lý, tiến bộ.

Trong hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, định mức kinh tế kỹ thuật nói chung, và định mức lao động nói riêng, có vị trí then chốt. Những định mức này phải là những hao phí lao động xã hội trung bình cần thiết, làm chỗ dựa vững chắc để xí nghiệp tính toán chi phí, tổ chức lao động, giao việc và trả công lao động cho công nhân, viên chức, tính toán lời lỗ,... Hiện nay chúng ta đã có định mức của Nhà nước và của ngành cho một số công việc. Xí nghiệp có trách nhiệm tổ chức thực hiện những định mức đó và góp phần bổ sung cho phong phú thêm, hoàn thiện hơn. Nhưng những định mức đó còn ít. Nhà nước và các ngành sẽ tiếp tục xây dựng và ban hành định mức hoặc tiêu chuẩn cho những công việc phổ biến nhưng chưa có định mức. Trước mắt, ngoài việc áp dụng các định mức Nhà nước và định mức ngành hiện có, từng xí nghiệp tự xây dựng định mức theo các phương pháp của cấp trên hướng dẫn và theo những điều kiện tổ chức kỹ thuật của xí nghiệp. Trong quá trình sản xuất – kinh doanh, dựa vào những nguồn dự trữ mới phát hiện, những tiến bộ mới về quản lý, về tổ chức sản xuất và lao động, về khoa học kỹ thuật và công nghệ của xí nghiệp, giám đốc xí nghiệp cùng tập thể lao động soát xét lại các định mức lao động và điều chỉnh hợp lý theo hướng phấn đấu tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, đạt và vượt năng suất của ngành và của xã hội. Trên cơ sở các định mức nguyên công, ở từng công việc, từng công đoạn, xí nghiệp cũng tự tính toán định mức lao động cho sản xuất để xây dựng phần kế hoạch lao động trong hệ thống kế hoạch sản xuất – kỹ thuật – tài chính – xã hội của xí nghiệp.

6. Trả công lao động và khuyến khích bằng vật chất, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động.

Sự quan tâm đến lợi ích vật chất của cá nhân người lao động là một động lực quan trọng kích thích phát triển kinh tế, phát triển sản xuất. Những lợi ích cá nhân của người sản xuất sẽ không thể thỏa mãn nếu hiệu quả của toàn bộ nền sản xuất xã hội thấp kém, hoạt động sản xuất kinh doanh của tập thể không đạt kết quả cao, xí nghiệp không hoàn thành tốt kế hoạch Nhà nước. Cho nên, phải

Digitized by Google

quán triệt nguyên tắc cơ bản của việc phân phối xã hội chủ nghĩa là phân phối theo lao động. Tiền lương, thu nhập của mỗi người cũng như của mỗi tập thể phụ thuộc vào số lượng và chất lượng lao động của mỗi người, mỗi tập thể đã cống hiến cho xã hội. Quỹ lương và lợi nhuận thực hiện của mỗi xí nghiệp phải gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh của xí nghiệp, phụ thuộc vào mức độ hoàn thành kế hoạch được giao.

Trước hết, xí nghiệp căn cứ vào chế độ tiền lương thống nhất của Nhà nước, căn cứ vào định biên của bộ máy quản lý, định mức lao động và cấp bậc công việc để tính kế hoạch về tiền lương trong hệ thống kế hoạch sản xuất—kỹ thuật—tài chính—xã hội của xí nghiệp. Giám đốc xí nghiệp có quyền lựa chọn hình thức trả lương thích hợp tại từng nơi làm việc, từng công đoạn; coi trọng việc áp dụng đúng đắn hình thức lương khoán, lương sản phẩm tập thể theo kết quả sản xuất cuối cùng; quyết định việc xếp bậc lương cho cán bộ, công nhân, viên chức thuộc quyền quản lý của mình theo tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật, tiêu chuẩn nghiệp vụ của Nhà nước. Giám đốc xí nghiệp còn quyết định và kiểm tra việc phân phối tiền lương, các loại tiền thưởng và tiêu chuẩn định lượng những mặt hàng bán theo giá chỉ đạo cho công nhân, viên chức theo số lượng và chất lượng của từng người và của từng tập thể lao động đóng góp vào kết quả sản xuất cuối cùng của xí nghiệp. Các cơ quan lương thực, thương nghiệp cần bảo đảm bán đủ và kịp thời những mặt hàng mà Nhà nước quy định bán theo định lượng và theo giá chỉ đạo cho công nhân, viên chức. Ngân hàng cần bảo đảm để xí nghiệp được rút tiền ký gửi hoặc tiền vay theo mức hoàn thành kế hoạch đã đăng ký nhằm trả lương kịp thời cho công nhân, viên chức. Giám đốc xí nghiệp bảo đảm trả đủ lương và đúng kỳ hạn cho người lao động.

Giám đốc xí nghiệp có nghĩa vụ chấp hành chế độ kế toán và thống kê báo cáo của Nhà nước về lao động tiền lương, trình cấp có thẩm quyền xét duyệt, kiểm tra định mức lao động và mức chi phí tiền lương kế hoạch trong các sản phẩm, quỹ lương theo định mức biên chế; coi trọng việc tổ chức hạch toán và phân tích tình hình sử dụng và quản lý lao động tiền lương trong các tổ, đội, phân xưởng và toàn xí nghiệp. Giám đốc cùng với công đoàn xí nghiệp quản lý quỹ bảo hiểm xã hội, trích đủ và đúng hạn, đồng thời quản lý các sự nghiệp bảo hiểm xã hội của người lao động trong đơn vị; thực hiện đúng đắn chế độ nghỉ hưu và nghỉ mất sức lao động đối với những người có đủ điều kiện. Riêng đối với những công nhân kỹ thuật lành nghề đến tuổi nghỉ hưu nhưng còn sức khỏe và cống hiến tốt, nếu xí nghiệp vẫn cần sử dụng thì chỉ đề nghị hưu khi đương sự yêu cầu.

7. Cải thiện điều kiện lao động, thực hiện kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động.

Điều kiện lao động, điều kiện vệ sinh và an toàn lao động chi phối một phần quan trọng sức khoẻ và khả năng làm việc của người lao động. Xí nghiệp có nghĩa vụ tuân thủ nghiêm túc các quy phạm an toàn kỹ thuật, các quy tắc vệ sinh và an toàn lao động, các quy định về bảo hộ lao động do Nhà nước ban hành, luôn chăm lo cải thiện những điều kiện lao động tại các nơi làm việc, trước hết là những nơi làm việc nặng nhọc, nóng và có chất độc hại. Cần chủ động ngăn ngừa những nguyên nhân gây ra điều kiện lao động và môi trường lao động không thuận lợi, có kế hoạch xây dựng các cơ sở vệ sinh phòng bệnh nghề nghiệp, sắm đủ những phương tiện phòng hộ cá nhân; triệt để tuân thủ những quy định cấm

Digitized by Google

sử dụng lao động nữ và vị thanh niên vào những công việc đặc biệt nặng nhọc và độc hại, cấm tổ chức làm thông ca, làm thêm giờ quá mức và gây hại cho sức khoẻ của công nhân. Cần giáo dục cho tất cả cán bộ và người lao động hiểu biết và tuân thủ các quy tắc vệ sinh, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, đề phòng tai nạn lao động. Những trường hợp không tôn trọng pháp chế về bảo hộ và an toàn lao động, an toàn kỹ thuật dẫn đến tổn thất lớn về sinh mạng người lao động và tài sản quốc gia đều phải được truy cứu trách nhiệm rõ ràng và xử lý nghiêm khắc. Cơ quan Nhà nước, tổ chức công đoàn có quyền và trách nhiệm tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác này ở các xí nghiệp và không nên coi làm như vậy là can thiệp quá sâu vào công việc nội bộ của xí nghiệp.

8. Đề cao kỷ luật lao động.

Kỷ luật lao động đang là một vấn đề cực kỳ quan trọng của sản xuất và lao động. Một trong những nguyên nhân chủ quan chủ yếu dẫn đến những mất mát không đáng có, những lãng phí về thời gian lao động hiện nay ở nhiều cơ sở là do vi phạm kỷ luật lao động.

Kỷ luật của chúng ta là kỷ luật tự giác, vai trò quyết định là người lao động. Xí nghiệp cần bảo đảm có đủ việc làm thường xuyên liên tục, từng bước hoàn thiện các nội quy lao động, định mức chặt chẽ, giao nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể, biểu dương khen thưởng xứng đáng những người tôn trọng kỷ luật lao động, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phê bình và xử lý nghiêm minh những hiện tượng vô kỷ luật. Đối với những người quá kém, chây lười, thiếu trách nhiệm đối với công việc, sách nhiễu khách hàng, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, gây thiệt hại cho đơn vị mình hoặc đơn vị bạn mà không hối cải, sửa chữa, thì tập thể lao động phải lên án công khai mạnh mẽ; sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng kỷ luật, xí nghiệp cần có mức kỷ luật thích đáng, trường hợp cần thiết phải đưa ra khỏi xí nghiệp. Quyền và nghĩa vụ của xí nghiệp là phải kiên quyết đấu tranh chống mọi hiện tượng vi phạm kỷ luật để mỗi người làm việc tốt hơn, đóng góp nhiều hơn cho xã hội.

9. Thi đua xã hội chủ nghĩa.

Thi đua xã hội chủ nghĩa có giá trị kinh tế trước hết ở chỗ khơi dậy tính sáng tạo của từng người lao động, và thông qua các phương pháp so sánh công khai các thành tích thi đua, áp dụng rộng rãi những kinh nghiệm tiên tiến, biến kinh nghiệm của một người hay một nhóm người thành tài sản chung của mọi người, nhằm nâng cao năng suất lao động xã hội. Vì vậy cần tiến hành phân tích, giới thiệu, và quan trọng hơn là có kế hoạch tổ chức áp dụng rộng rãi những kinh nghiệm tốt của các điển hình lao động tiên tiến, các chiến sĩ thi đua và anh hùng lao động trong và ngoài xí nghiệp. Đó là một nguồn tiềm năng gần như vô tận. Ý nghĩa của việc đặt thi đua xã hội chủ nghĩa thành một nội dung tổng hợp quan trọng của tổ chức lao động xã hội chủ nghĩa là ở đó.

10. Nâng cao vai trò của tập thể lao động.

Công nhân, viên chức trong mỗi xí nghiệp hợp thành một cộng đồng xã hội gắn bó với nhau bằng những kết quả lao động chung, những quan hệ hiệp tác trong quá trình lao động theo mục tiêu chung vì lợi ích của chủ nghĩa xã hội, của đất nước, trong đó có lợi ích của tập thể và của mỗi người. Quyền và nghĩa vụ làm chủ tập thể cần được thực hiện đầy đủ nhất ở các tập thể lao động. Có tập thể lao động toàn xí nghiệp, có tập thể lao động từng bộ phận như tổ,

Digitized by Google

đội sản xuất, phân xưởng, phòng, ban chức năng. Chế độ dân chủ trực tiếp được thực hiện đầy đủ nhất, thuận lợi nhất ở tập thể lao động (tổ, đội sản xuất) và bằng các cuộc hội nghị toàn thể công nhân viên chức trong xí nghiệp. Các tập thể lao động có quyền và nghĩa vụ tham gia tích cực vào toàn bộ những quyết định về tổ chức lao động và quản lý lao động ở đơn vị kinh tế cơ sở. Khi tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất – kỹ thuật – tài chính – xã hội của xí nghiệp, tập thể lao động có quyền và nghĩa vụ phát hiện những nguồn tiềm năng để phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm, bảo đảm mọi người đều có đủ việc làm, sử dụng hết tổng quỹ thời gian lao động, tận dụng công suất máy móc thiết bị...

Tập thể lao động (tổ, đội sản xuất) có quyền lựa chọn thành viên và người lãnh đạo của đơn vị mình. Xí nghiệp cần hỏi ý kiến tập thể lao động (tổ, đội sản xuất) khi chuyển người mới đến. Họ được quyền bầu và đề nghị xí nghiệp bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm tổ trưởng, đội trưởng; không nhận những người đã được giáo dục nhiều lần mà không sửa chữa những khuyết điểm, sai lầm nghiêm trọng. Tập thể lao động có quyền và nghĩa vụ tiến hành thường xuyên tự phê bình và phê bình, góp ý kiến vào các việc tuyển chọn, bố trí, sử dụng cán bộ, công nhân, viên chức, áp dụng chế độ thưởng, phạt, sắp xếp số lao động dôi ra trong các dây chuyền sản xuất và công tác chính, đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực gây thiệt hại cho tập thể mình hoặc cho tập thể khác, không những trong mà cả ngoài xí nghiệp. Tập thể lao động có quyền và nghĩa vụ thảo luận và tham gia quyết định những biện pháp cải tiến tổ chức và quản lý, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm tiên tiến; những biện pháp nhằm đạt và vượt các tiêu chuẩn và định mức kinh tế kỹ thuật, tạo nên những tiến bộ mới về năng suất và chất lượng; thảo luận và tham gia quyết định việc phân phối tiền lương, tiền thưởng, quyết định việc sử dụng quỹ phúc lợi của xí nghiệp.

Tập thể lao động có quyền và nghĩa vụ thảo luận và quyết định nội quy của xí nghiệp phù hợp với pháp luật của Nhà nước; kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất – kinh doanh, việc thực hiện các cam kết và hợp đồng kinh tế, việc thực hiện các chính sách, chế độ quản lý kinh tế, tài chính của giám đốc xí nghiệp.

Giám đốc xí nghiệp vừa là người đứng đầu tổ chức kinh tế cơ sở, vừa là người đứng đầu tập thể lao động xí nghiệp, chỉ có thể làm tròn những nhiệm vụ Nhà nước giao cho khi đã tổ chức và động viên được tập thể lao động xí nghiệp vào những nỗ lực và hành động cụ thể. Vì vậy, giám đốc xí nghiệp có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tập thể lao động thực hiện được trọn vẹn những quyền và nghĩa vụ nói trên. Tổ chức công đoàn đại diện cho tập thể lao động để định kỳ ký hợp đồng tập thể với giám đốc xí nghiệp, trong đó ghi rõ quyền và nghĩa vụ cơ bản của mỗi bên đối với việc bảo đảm cho sản xuất, kinh doanh được tiến hành bình thường, và trách nhiệm của mỗi bên đối với những cam kết của mình.

Mục tiêu tổng quát của việc tổ chức lao động và quản lý lao động ở xí nghiệp là năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Động lực chủ yếu để thực hiện được mục tiêu đó là quyền và nghĩa vụ làm chủ tập thể của mọi người lao động trong xí nghiệp từ giám đốc xí nghiệp trở xuống. Quyền và nghĩa vụ là thống nhất, có quyền thì đồng thời có nghĩa vụ, và ngược lại, quyền lớn hơn thì nghĩa vụ nặng hơn. Giám đốc và các tập thể

(Xem tiếp trang 63)

Digitized by Google

NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG HIỆN NAY

THỜI gian gần đây, theo sát các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, công tác tư tưởng của chúng ta đã đạt được những kết quả đáng kể và có một số tiến bộ nhất định, góp phần quan trọng vào việc giáo dục và động viên nhân dân cả nước nỗ lực phấn đấu khắc phục mọi khó khăn, tạo ra những chuyển biến tích cực trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, văn hóa, củng cố an ninh, quốc phòng, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Nghị quyết 8 của Trung ương Đảng đã tạo ra sự nhất trí, tin tưởng trong đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân, thúc đẩy mọi người, mọi cơ sở vươn lên phấn đấu theo phương hướng xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, từng bước xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý mới, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, trước những khó khăn gay gắt về kinh tế và đời sống, trước một số sai lầm, khuyết điểm về tổ chức, chỉ đạo thực hiện những chủ trương kinh tế của Đảng và Nhà nước, trong cán bộ, đảng viên và nhân dân có những biểu hiện xao xuyến, băn khoăn; thậm chí có một bộ phận bi quan, giao động, thiếu tin tưởng. Một số cán bộ, đảng viên chủ quan nóng vội; một số khác bảo thủ, trì trệ. Trong nhiều cơ quan Đảng và bộ máy Nhà nước vừa có tình trạng tập trung quan liêu, độc đoán, gia trưởng, vừa có tình trạng tự do, phân tán, cục bộ địa phương, vô tổ chức, vô kỷ luật. Một số cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước giảm sút ý chí chiến đấu; có bộ phận thoái hóa biến chất. Các hiện tượng tiêu cực trong Đảng và trong xã hội vẫn rất nghiêm trọng. Nhiều người mất cảnh giác trước những luận điệu phao tin đồn nhảm, chiến tranh tâm lý của địch.

Trong khi đó, công tác tư tưởng của chúng ta thiếu chủ động, thiếu sắc bén. Trước những khó khăn, tiêu cực, trước những biến động mạnh về giá cả, thị trường, về tâm lý xã hội, các cấp ủy Đảng, các cơ quan tuyên huấn không kịp thời giáo dục, uốn nắn những nhận thức và việc làm sai trái của một số cơ quan, đơn vị và cá nhân; không tích cực và chủ động đấu tranh vạch trần những thủ đoạn phá hoại của địch. Công tác giáo dục phẩm chất đạo đức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân còn yếu; việc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực không đạt được kết quả mong muốn. Kỷ luật của Đảng không nghiêm, pháp chế của Nhà nước bị buông lỏng. Tính giáo dục, tính chiến đấu trong sinh hoạt của các tổ chức Đảng, các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể quần chúng còn thấp; không chú ý đúng mức đến tự phê bình và phê bình. Nhiều cấp ủy và tổ chức Đảng, nhiều cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ vị trí quan trọng của công tác tư tưởng, buông lỏng lãnh đạo trận địa đấu tranh nóng bỏng này.

★

Hiện nay, toàn Đảng toàn dân ta đang ra sức phấn đấu thực hiện các

Digitized by Google

nhiệm vụ kinh tế, xã hội năm 1986, nhằm từng bước đưa tình hình kinh tế, xã hội vào thế ổn định, tạo điều kiện phát triển cho các năm sau; đồng thời tiếp tục củng cố quốc phòng, an ninh, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, chống các hành động lấn chiếm biên giới và chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch và làm tốt nghĩa vụ quốc tế trong bất cứ tình huống nào. Các cấp các ngành đang tích cực chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ cấp mình, chuẩn bị tiến tới Đại hội toàn quốc của Đảng. Đó là những nhiệm vụ hết sức to lớn và quan trọng, đòi hỏi công tác tư tưởng phải bám sát và phục vụ một cách tích cực, có hiệu quả.

Mục tiêu của công tác tư tưởng hiện nay là làm cho mọi người hiểu rõ và đánh giá đúng tình hình, thấy được cả thành tựu và khuyết điểm, cả thuận lợi và khó khăn; nâng cao sự nhất trí về đường lối, quan điểm của Đảng cùng những chủ trương, biện pháp cấp bách nhằm ổn định tình hình kinh tế, xã hội; nêu cao ý chí chiến đấu, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, tính tiên phong gương mẫu của đảng viên; phát động phong trào quần chúng phấn đấu khắc phục những khó khăn trước mắt, thực hiện thắng lợi các chủ trương chính sách của Đảng, lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng.

Cụ thể, công tác tư tưởng *cần tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:*

Một là, phát động quần chúng ra sức thi đua sắp xếp lại và đẩy mạnh sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, tích cực xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý mới, bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở.

Tiếp tục quán triệt và thực hiện Nghị quyết 8 của BCHTU Đảng nhằm xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn sang xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý mới, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa là phương hướng cơ bản, có tính nguyên tắc và có ý nghĩa chiến lược của Đảng ta. Các cấp ủy Đảng cần khẳng định phương hướng đúng và ý nghĩa cách mạng sâu sắc của Nghị quyết 8, chỉ ra những kết quả bước đầu và những khuyết điểm trong việc thực hiện Nghị quyết 8 thời gian qua, những khó khăn sắp tới còn phải khắc phục, làm cho mọi người hiểu rõ, nhất trí và có quyết tâm thực hiện tốt những chủ trương mà Trung ương Đảng và Bộ chính trị đã đề ra. Cần vạch rõ và dập tắt những luận điệu và thủ đoạn phá hoại của địch; phê phán những tâm trạng và khuynh hướng lệch lạc như bi quan, giao động, thiếu cảnh giác; chủ quan, nóng vội, hoặc bảo thủ, ngại khó, muốn trở lại cơ chế cũ; khắc phục những hiện tượng tập trung quan liêu hoặc tự do, phân tán, cục bộ; đồng thời ngăn ngừa những lệch lạc khác có thể xảy ra.

Trong việc tuyên truyền, phổ biến những nhiệm vụ quan trọng của kế hoạch kinh tế xã hội năm 1986 cùng những chủ trương, biện pháp cụ thể bảo đảm thực hiện những nhiệm vụ ấy, cần chú trọng giải thích và động viên quần chúng ra sức phấn đấu thực hiện nhiệm vụ sắp xếp lại và đẩy mạnh sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp và hàng tiêu dùng; triệt để thực hiện tiết kiệm, gắn phong trào sản xuất, tiết kiệm với việc tích cực xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý mới, bảo đảm phát huy quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của cơ sở; bố trí lại lao động trên địa bàn cả nước; cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lý thị trường, giá cả; chấn chỉnh bộ máy quản lý, sắp xếp lại hệ thống tổ chức sản xuất, kinh doanh, giảm nhẹ biên chế hành chính, bố trí lại cán bộ...

Trong hoàn cảnh hiện nay, cần chú trọng giáo dục nâng cao ý thức làm

Digitized by Google

chủ tập thể, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; mỗi người, mỗi cơ sở, mỗi ngành, mỗi địa phương cần nêu cao ý thức « vì cả nước, cùng cả nước », ra sức khắc phục khó khăn, vượt mọi gian khổ, quyết tâm thực hiện tốt nghĩa vụ lao động sản xuất, tiết kiệm, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, chuẩn bị và tiến hành tốt đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội toàn quốc của Đảng.

Khác với những lần Đại hội trước, Đại hội Đảng lần này được triệu tập trong tình hình đất nước, thế giới và khu vực có những chuyển biến sâu sắc với những thuận lợi cơ bản, nhưng cũng có rất nhiều khó khăn, mà khó khăn lớn nhất và tập trung nhất là tình hình kinh tế, đời sống, xã hội của nước ta còn chưa ổn định; những khuyết điểm trong việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 8 làm cho mặt trận phân phối lưu thông, công tác giá — lương — tiền càng trở thành vấn đề nóng bỏng; các hiện tượng tiêu cực trong Đảng và trong xã hội còn khá nặng nề. Mặt khác, do trong đội ngũ cán bộ của Đảng ta đến nay có nhiều đồng chí đã già yếu, không còn đủ sức khoẻ và điều kiện tiếp tục giữ những cương vị chủ chốt trong công tác, cho nên chúng ta phải thực hiện một bước sự chuyển tiếp giữa các thế hệ cán bộ, bảo đảm tính liên tục và tính kế thừa trong sự lãnh đạo của Đảng. Trong tình hình đó, việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp cũng như Đại hội toàn quốc của Đảng có thể sẽ có những khó khăn nhất định nếu chúng ta không làm tốt công tác tư tưởng. Các cấp ủy Đảng, các cơ quan tuyên huấn cần giải thích cho đảng viên và nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa quan trọng của Đại hội Đảng lần này, giáo dục và động viên toàn Đảng và toàn thể quần chúng lao động nêu cao tinh thần đoàn kết nhất trí, ý thức trách nhiệm đối với Đảng, đối với đất nước, tập trung trí tuệ, tham gia thảo luận, góp nhiều ý kiến thiết thực vào các bản dự thảo văn kiện Đại hội Đảng và góp ý kiến với Đảng về công việc chung của đất nước. Cần làm cho mọi người có quan điểm và phương pháp đúng trong việc đánh giá cục diện cách mạng nước ta, tổng kết những thành tựu đã đạt được cũng như những khuyết điểm và khó khăn còn tồn tại, rút ra những kinh nghiệm, tiếp tục cụ thể hóa đường lối của Đảng, xác định rõ và đúng các mục tiêu và nhiệm vụ trong thời gian tới.

Công tác tư tưởng của Đảng phải góp phần giáo dục, làm cho cán bộ, đảng viên có nhận thức đúng về việc kiện toàn cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng nhằm đáp ứng được yêu cầu hiện nay của nhiệm vụ cách mạng và yêu cầu đổi mới công tác cán bộ của Đảng, có thái độ và phương pháp đúng trong việc lựa chọn người bầu vào cấp ủy, tránh được những biểu hiện bảo thủ, cơ hội, địa phương, cục bộ, địa vị cá nhân và những biểu hiện sai lầm khác.

Công tác tư tưởng phải tham gia tích cực vào đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình, bảo đảm cho đợt sinh hoạt quan trọng này thu được kết quả tốt theo đúng những yêu cầu mà BBT TƯ Đảng đã đề ra, tạo ra bước chuyển biến mới trong toàn Đảng, chuẩn bị bước vào Đại hội Đảng một cách thiết thực. Qua việc tổ chức tự phê bình và phê bình, nhất là qua việc tiếp thu và sửa chữa có hiệu quả các khuyết điểm mà khôi phục và nâng cao lòng tin của đảng viên và quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước, nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng, động viên và tổ chức tốt phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng.

Digitized by Google

Ba là, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên; đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực trong Đảng và trong xã hội.

Đây là một yêu cầu cấp bách, một nội dung quan trọng trong công tác tư tưởng của Đảng, bởi vì hiện nay trong Đảng và trong xã hội đang có những biểu hiện sa sút về phẩm chất đạo đức, làm tổn hại đến thanh danh, uy tín của Đảng, làm giảm sút lòng tin của quần chúng. Các cấp ủy Đảng cần thấy rõ tính chất nghiêm trọng của vấn đề này, quan tâm đầy đủ đến công tác giáo dục phẩm chất đạo đức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đặc biệt, cần chú ý giáo dục cán bộ, đảng viên thấm nhuần tư tưởng, lập trường, quan điểm giai cấp công nhân, nâng cao lòng yêu nước, ý chí chiến đấu cách mạng và tinh thần trách nhiệm, hết lòng phục vụ Tổ quốc và nhân dân, thấm nhuần đạo đức cách mạng « cần kiệm liêm chính, chí công vô tư », tuyệt đối trung thành với lợi ích của Đảng và của nhân dân, sống trung thực, giản dị, gần gũi quần chúng; chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân và tác phong quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, nhất là các hiện tượng ăn cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, nạn hối lộ, lối làm ăn bất chính, tệ ức hiếp quần chúng. Nêu cao lối sống trong sạch, cách mạng; phê phán mạnh mẽ lối sống thực dụng chủ nghĩa, chạy theo đồng tiền và những ham muốn thấp hèn cùng những ảnh hưởng của lối sống tư sản phương Tây đang thâm nhập xã hội nước ta, nhất là trong thanh niên.

Công tác đấu tranh chống tiêu cực chỉ thu được kết quả tốt nếu được mọi cấp mọi ngành quan tâm, được tiến hành ở khắp mọi nơi với nhiều biện pháp tích cực và kiên quyết. Thông qua cuộc vận động tự phê bình và phê bình chuẩn bị Đại hội Đảng, thông qua việc xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý mới, các cấp ủy Đảng cần yêu cầu cán bộ, đảng viên, trước hết là các cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt phải thật sự gương mẫu, đi đầu trong công tác này. Phải kết hợp việc giáo dục với việc tổ chức phong trào hành động cách mạng của quần chúng; kết hợp công tác tư tưởng với biện pháp tổ chức, nghiêm trị những kẻ phạm pháp, thay đổi những cán bộ hư hỏng, thanh lọc những phần tử thoái hóa, biến chất, làm cho tổ chức Đảng và cơ quan chính quyền thật sự trong sạch và vững mạnh.

Bốn là, phát huy tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đề cao cảnh giác, kiên trì đấu tranh chống chủ nghĩa bành trướng và bá quyền Trung quốc.

Trước bản chất cực kỳ phản động của bọn bành trướng và bá quyền Trung quốc, trước tình hình thế giới và khu vực có những diễn biến phức tạp do bọn đế quốc và bọn phản động quốc tế gây ra, công tác tư tưởng cần đi sâu giáo dục nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng, tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh, đấu tranh kiên quyết và bền bỉ làm thất bại mọi âm mưu và hành động khiêu khích, lấn chiếm của địch ở biên giới, đánh bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt và các luận điệu chiến tranh tâm lý của chúng. Các cơ quan tuyên huấn cần vạch rõ những âm mưu, thủ đoạn, bản chất phản động của bọn phản động Trung quốc, chỉ ra cho mọi người hiểu rõ rằng bọn bành trướng bá quyền Trung quốc vẫn đang là kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm của nhân dân ta, đang câu kết với đế quốc Mỹ chống phá cách mạng Việt nam; bản chất và chính sách cơ bản của chúng chưa hề thay đổi. Nêu rõ lập trường của Đảng và Nhà nước ta là mong muốn cùng tồn tại hòa bình và có quan hệ láng giềng tốt với

Digitized by Google

Trung quốc, mong muốn giải quyết hòa bình những vấn đề tranh chấp, nhưng kiên quyết giáng trả mọi hành động xâm lược và phá hoại của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc; chừng nào chúng chưa từ bỏ chính sách thù địch đối với nước ta thì nhân dân và quân đội ta còn phải kiên trì chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của mình.

Tiến hành giáo dục về quốc phòng cho toàn dân, nhất là cho thanh niên, đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh và trật tự an toàn xã hội, nâng cao hiệu quả của phong trào cả nước chi viện tiền tuyến, xây dựng phòng tuyến biên giới vững chắc.

Năm là, giáo dục nghĩa vụ quốc tế, đoàn kết với nhân dân thế giới, chống chính sách chạy đua vũ trang và chính sách xâm lược, chính sách thực dân của chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Công tác tuyên truyền quốc tế cần giáo dục nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta về những nhiệm vụ quốc tế cơ bản của các lực lượng cách mạng thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Cần chú ý giới thiệu những thành tựu và kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, nêu cao những sáng kiến hòa bình của Liên xô, vạch rõ bản chất hiếu chiến, chính sách xâm lược và phản động của chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là Mỹ. Phân tích vị trí, ý nghĩa và thành tựu mới của phong trào đấu tranh cho hòa bình, giải trừ quân bị, chống chính sách chạy đua vũ trang của bọn đế quốc.

Trong việc giáo dục đường lối chính sách đối ngoại của Đảng ta, cần chỉ rõ ý nghĩa quan trọng của việc tăng cường liên minh chiến lược và hợp tác toàn diện với Liên xô, tăng cường quan hệ đặc biệt với Lào và Cam-pu-chia; vạch rõ chiến lược phản cách mạng của Mỹ ở khu vực châu Á — Thái bình dương và khẳng định các chủ trương, chính sách của ta chống chiến lược châu Á — Thái bình dương của Mỹ. Đặc biệt, công tác tư tưởng phải làm tốt việc giáo dục nâng cao ý chí tự lực tự cường, không ỷ lại vào sự giúp đỡ quốc tế, thực hiện tốt nghĩa vụ hợp tác đã cam kết với các nước anh em.

★

Tăng cường sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng đối với công tác tư tưởng là vấn đề quan trọng hàng đầu để nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác tư tưởng. Các cấp ủy Đảng, mọi cán bộ, đảng viên phải có ý thức và biện pháp làm chủ trận địa tư tưởng, chịu trách nhiệm trực tiếp về tình hình tư tưởng của đảng viên và quần chúng, coi công tác tư tưởng là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác lãnh đạo của mình; thực hiện tốt phương châm "Toàn Đảng làm công tác tư tưởng", kết hợp chặt chẽ công tác lãnh đạo kinh tế với công tác tư tưởng và công tác tổ chức.

Hết sức coi trọng việc cải tiến nội dung, hình thức và phương pháp công tác tư tưởng, làm cho công tác tư tưởng ngày càng đi sát cuộc sống, phong phú, sinh động, có tính chiến đấu cao và thiết thực. Trước hết, cần nâng cao chất lượng sinh hoạt của cấp ủy và chi bộ bằng cách thảo luận để nắm vững đường lối, chính sách, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Khi có những ý kiến khác nhau phải tranh luận và kết luận để phân rõ đúng sai, bảo đảm sự đoàn kết nhất trí trong

Digitized by Google

Đảng, đồng thời có những biện pháp cụ thể về tư tưởng và tổ chức để truyền đạt và thực hiện đúng đắn các chỉ thị, nghị quyết của Đảng.

Các cấp ủy Đảng cần quy định chế độ từng cấp ủy viên và cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các ban ngành, đoàn thể định kỳ tiếp xúc với quần chúng lao động ở cơ sở để giải thích cho quần chúng hiểu rõ các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; nắm bắt kịp thời các chiều hướng tư tưởng, giải đáp các thắc mắc, trả lời những vấn đề do quần chúng nêu ra, uốn nắn những lệch lạc; phát hiện và phổ biến những cách làm tốt, những kinh nghiệm hay; thu nhận những kiến nghị của quần chúng để nghiên cứu, giải quyết, hoặc chuyển đến các cơ quan có trách nhiệm giải quyết và trả lời. Đây là một biện pháp quan trọng bảo đảm cho công tác tư tưởng bám sát cuộc sống, góp phần thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng.

Nhận rõ tính chất gay go, quyết liệt của cuộc đấu tranh giữa ta và địch, giữa hai con đường trên mặt trận tư tưởng và văn hóa hiện nay, các tổ chức Đảng cần chủ động, sắc bén hơn trong việc chống lại những âm mưu phá hoại của địch, có biện pháp tổ chức thông tin nhanh, phát hiện kịp thời và kiên quyết dập tan những tin đồn nhảm và các luận điệu thù địch, truy ra và nghiêm trị những kẻ tung tin đồn nhảm, tuyên truyền phá hoại.

Các cấp ủy Đảng tăng cường lãnh đạo đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên và sử dụng tốt lực lượng đảng viên, đoàn viên thanh niên, hội viên các đoàn thể quần chúng, các cơ quan Nhà nước và các phương tiện thông tin đại chúng để thường xuyên thông báo tin tức, giải thích chính sách, phổ biến kinh nghiệm, kịp thời phê phán những nhận thức và hành động sai trái, đập tan những luận điệu chiếu tranh tâm lý của địch. Mỗi cán bộ, đảng viên phải nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, nói và làm theo nghị quyết của Đảng, gương mẫu trước quần chúng và làm tốt công tác tuyên truyền giải thích trong nhân dân. Các cơ quan thông tấn báo chí cải tiến nội dung và hình thức tuyên truyền theo phương hướng nâng cao chất lượng thông tin, phản ánh kịp thời những kinh nghiệm tốt của các đơn vị và cá nhân tiên tiến, không chỉ nói một chiều về thành tích và thuận lợi; chống bệnh sáo rỗng, hình thức chủ nghĩa, chưa làm đã nói hoặc làm ít nói nhiều, nói sai sự thật. Giảm hẳn những tin có tính chất hình thức, lễ tân không cần thiết, coi trọng những ý kiến phê bình của quần chúng trên báo chí, đưa việc tự phê bình và phê bình trên báo chí vào nền nếp thường xuyên. Báo, đài phải có tính tư tưởng và tính chiến đấu cao, thật sự là lực lượng tích cực thúc đẩy phong trào lao động sản xuất, xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý mới, xây dựng lối sống lành mạnh, đấu tranh chống tiêu cực.

Các trường Đảng đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, bảo đảm phục vụ tốt yêu cầu xây dựng kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất cũ, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, xây dựng cơ cấu kinh tế mới, đổi mới cơ chế quản lý, kiện toàn các cấp ủy Đảng. Cùng với các cơ quan thông tấn, báo chí, xuất bản, trường Đảng có trách nhiệm rất quan trọng trong việc bồi dưỡng phẩm chất, nâng cao kiến thức, đổi mới phong cách lãnh đạo, lề lối công tác cho cán bộ, đảng viên. Các tỉnh ủy, thành ủy, đặc khu ủy tăng cường lãnh đạo các trường Đảng cải tiến chương trình giảng dạy, đổi mới việc chọn người đi học, kiện toàn đội ngũ giảng viên, nâng công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ lên một chất lượng mới, phù hợp với yêu cầu mới

Digitized by Google



Tiến tới
ĐẠI HỘI THỨ VI CỦA ĐẢNG

Góp ý kiến về chiến lược kinh tế xã hội trong chặng đường đầu tiên ở nước ta

NGUYỄN THỊ ĐỊNH

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM TRONG CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG PHỤ NỮ

HIỆN nay, phụ nữ chiếm 56% lực lượng lao động xã hội nước ta, chiếm trên 60% số người làm việc trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp nhẹ, tiểu, thủ công nghiệp, phân phối lưu thông, văn hóa, giáo dục, y tế. Đáng chú ý là trong lực lượng trực tiếp sản xuất, công tác ở cơ sở, phụ nữ chiếm tỷ lệ rất cao. Chẳng hạn như, ở các hợp tác xã, đội sản xuất, phân xưởng, bệnh viện, trường học, cửa hàng v.v. lao động nữ chiếm từ 60% đến 80%. Cán bộ nữ chiếm trên 50% số có trình độ trung học và trên 30% số có trình độ đại học.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và được sự giúp đỡ của các cơ quan Nhà nước, chị em phụ nữ đã có những cố gắng to lớn, đóng góp đáng kể vào sự nghiệp cách mạng chung của cả nước. Nhiều cơ sở, tổ, đội với hầu hết lao động là nữ, đã liên tục hoàn thành kế hoạch Nhà nước trong nhiều năm. Không ít cán bộ nữ tỏ ra năng động, sáng tạo, đưa đơn vị vượt qua khó khăn, phát triển sản xuất, bảo đảm đời sống người lao động, đóng góp ngày càng nhiều cho Nhà nước. Trước yêu cầu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất và công tác, tiềm năng của phụ nữ còn rất lớn. Nhưng hàng loạt vấn đề trực tiếp tác động đến việc phát huy khả năng của phụ nữ chưa được giải quyết tốt, đã và đang hạn chế sự đóng góp của chị em đối với công việc chung.

Đại hội thứ VI của Đảng ta sắp họp. Phụ nữ Việt nam tin tưởng rằng Đại hội Đảng lần này sẽ đưa đến những chuyển biến cách mạng hết sức quan trọng. Thực tế đã cho thấy, quyền nam nữ bình đẳng mà cách mạng

Digitized by Google

đưa lại cho phụ nữ chỉ có thể được giữ vững và phát huy, cũng như những khó khăn trong sản xuất, công tác và đời sống của phụ nữ chỉ có thể được giải quyết trên cơ sở hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, văn hóa, ổn định đời sống nhân dân theo một chiến lược kinh tế — xã hội đúng đắn. Đồng thời, việc thực hiện những mục tiêu kinh tế — xã hội, những chương trình kế hoạch về mọi mặt của Đảng và Nhà nước đạt đến mức độ nào là tùy thuộc một phần rất quan trọng vào việc phát huy những tiềm năng to lớn của phụ nữ.

Để phát huy tốt vai trò, năng lực của phụ nữ trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chúng tôi xin nêu một số vấn đề để Đại hội xem xét, đề ra phương hướng giải quyết.

I — Cải thiện điều kiện lao động, sinh hoạt và giải quyết việc làm cho phụ nữ.

Tham gia lao động sản xuất xã hội là một tiền đề rất quan trọng để nâng cao trình độ của phụ nữ, thực hiện nam nữ bình đẳng. Song, ở nước ta, quá trình phụ nữ tham gia lao động sản xuất xã hội một cách rộng rãi và nhanh chóng lại diễn ra chủ yếu trong thời chiến, trong điều kiện nền kinh tế chưa phát triển, sản xuất chủ yếu là thủ công nặng nhọc, năng suất lao động xã hội quá thấp, chưa thể mở rộng công trình phúc lợi tập thể để giảm nhẹ công việc gia đình cho phụ nữ. Vì vậy, mặc dù Đảng và Nhà nước ta có quan tâm, song trong thực tế, điều kiện lao động và sinh hoạt của phụ nữ còn quá vất vả. Công cụ, sức kéo còn thiếu; máy móc, nhà xưởng cũ kỹ; trang bị, thiết bị bảo đảm vệ sinh lao động tối thiểu và phương tiện bảo hộ lao động rất thiếu; nguyên, nhiên, vật liệu cung cấp thất thường v.v. Tình hình đó cộng với việc phân bố, sử dụng lao động nữ còn nhiều chỗ chưa hợp lý đã làm cho chị em phải lao động với cường độ cao, hao phí sức lao động nhiều mà năng suất vẫn thấp, nhất là vào lúc thời vụ, lúc có thiên tai, hoặc vào những tháng cuối quý, cuối năm. Mặt khác, điều kiện ăn, ở, đi lại, công việc gia đình, việc học hành, chữa bệnh của con cái v.v. cũng làm chị em hao tâm, tổn sức không ít, nhất là đối với những chị em có chồng ở xa. Có thể nói, ba gánh nặng: lao động sản xuất xã hội, kinh tế phụ, công việc nội trợ dồn lên đôi vai của người phụ nữ; chị em ít có điều kiện học tập, nghỉ ngơi, giải trí; trình độ chậm được nâng cao và sức khỏe giảm sút nhanh chóng.

Ở nông thôn, lao động phụ nữ đang đảm đương phần chủ yếu nhiệm vụ sản xuất lương thực, thực phẩm, nông sản hàng hóa xuất khẩu..., tuy đời sống có được ổn định hơn trước, song điều kiện làm việc còn quá vất vả, nặng nhọc, có lúc có nơi phải trở lại cảnh kéo cày thay trâu. Đã vậy, một số nhu yếu phẩm tối thiểu như vải màn, xà phòng, dầu thắp cũng rất thiếu. Việc huy động lao động nghĩa vụ còn tùy tiện, có nơi mỗi năm từ của chị em đến trên 60 công lao động. Ngoài ra, việc phân bố lao động với tỷ lệ quá chênh lệch giữa nam và nữ ở một số vùng cũng gây nên những hiện tượng xã hội đáng quan tâm.

Trên đây là những vấn đề đang hạn chế năng suất, hiệu quả công tác của những chị em đã có việc làm. Nhưng điều lo lắng lớn nhất của các gia đình, của cả xã hội là tình trạng một bộ phận không nhỏ chị em chưa có việc làm. Đây là vấn đề chung của xã hội, song riêng đối với phụ nữ, khó khăn này càng lớn hơn, vì tư tưởng ngại sử dụng lao động nữ còn khá phổ biến. Trong khi nguồn lao động nam có hạn (vì đất nước phải làm hai nhiệm vụ chiến lược), và lao động nữ có khả năng thích hợp với nhiều ngành nghề, một số nơi vẫn có tình

Digitized by Google

trạng sử dụng lao động nữ một cách miễn cưỡng, tạm bợ, và chỉ nhằm giải quyết yêu cầu trước mắt, thiếu quyết tâm đào tạo, bồi dưỡng, chăm sóc để sử dụng có hiệu quả lâu dài. Đây là sự lãng phí lớn tiềm năng của đất nước.

Tất nhiên, để phát huy năng lực của lao động nữ, đạt hiệu quả kinh tế — xã hội cao, trong công tác quản lý lao động nói chung, các cơ quan chức năng cần có những công trình nghiên cứu khoa học, phân tích sâu sắc, toàn diện những đặc điểm của lao động nữ, từ đó có chính sách, kế hoạch, biện pháp phân bố sử dụng hợp lý trong các ngành, nghề, khu vực kinh tế và vùng lãnh thổ, đào tạo, bồi dưỡng, bảo hộ lao động, chăm lo đời sống đối với lao động nữ. Hiện nay chúng ta còn quá ít những công trình nghiên cứu về môi trường lao động, điều kiện lao động, tính chất lao động, điều kiện sinh hoạt của phụ nữ nhất là phụ nữ nông thôn để có chính sách, biện pháp phù hợp. Tuy Đảng ta xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, nhưng trong nhiều phương án, kế hoạch phát triển nông, lâm, ngư nghiệp lại rất ít đề cập đến chính sách, biện pháp đối với con người, nhân tố quyết định trong việc tăng năng suất cây trồng và con vật nuôi.

2— Thực hiện tốt hơn chính sách cán bộ nữ.

Quyền làm chủ của người lao động không những phải được bảo đảm trong sản xuất mà còn phải được thể hiện trong việc tham gia quản lý và trực tiếp quản lý sản xuất. Trong lĩnh vực này, phụ nữ thường là số ít, không tương xứng với vai trò và sự đóng góp của chị em. Trong nhiều ngành, lực lượng lao động nữ chiếm trên 60%, nhưng ở các chức vụ lãnh đạo, cán bộ nữ chỉ chiếm từ 5% đến 10%. Do đó, việc khêu gợi, động viên những sáng kiến, kinh nghiệm cũng **như giải quyết kịp thời những khó khăn của đông đảo chị em trực tiếp lao động sản xuất có phần bị hạn chế.**

Hai năm gần đây, việc thực hiện chỉ thị 44 của BBT TƯ Đảng về một số vấn đề cấp bách trong công tác cán bộ nữ đã tạo nên một số chuyển biến mới. Trên cơ sở nhận thức được sự cần thiết phải có cán bộ nữ để góp phần tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, Nhà nước, động viên phong trào phụ nữ, thắt chặt hơn mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước với quần chúng, các cấp các ngành đã có những biện pháp thiết thực tăng cường công tác cán bộ nữ. Số chị em được đưa vào quy hoạch và đưa đi đào tạo, bồi dưỡng tăng hơn trước. Năm 1985, tỷ lệ cán bộ nữ học ở các trường Đảng khu vực đạt trên 14%, tăng hơn 6% so với năm 1981. Tỷ lệ nữ được bầu là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, thành vừa qua đạt 28,6% (khóa trước chỉ có 22,5%). Hai mươi chị được cử làm phó chủ tịch, ủy viên thư ký UBND tỉnh, thành (khóa trước chỉ có 7 chị). Hàng trăm chị được đề bạt giữ chức trưởng, phó các sở, ban, ngành ở địa phương, các cục, vụ, viện ở các bộ, các liên hiệp xí nghiệp, xí nghiệp, công ty v.v.

Song đây mới chỉ là một số kết quả bước đầu. Hiện nay vẫn còn nhiều cơ sở chưa biết đến chỉ thị 44 của Đảng. Ngay ở những đơn vị đã được quán triệt chỉ thị 44, việc quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ cũng còn nhiều hạn chế. Trong số chị em được đề bạt cũng có số ít chưa phát huy được tác dụng. Việc đấu tranh chống những biểu hiện thành kiến, hẹp hòi, bảo thủ, những cách đối xử bất công đối với cán bộ nữ còn là cả một quá trình đòi hỏi phải có sự lãnh đạo chặt chẽ và thường xuyên của các cấp ủy Đảng. Nhất là trước yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, đổi mới tư duy kinh tế, các cấp ủy Đảng cần quan tâm bồi dưỡng, giúp đỡ

Digitized by Google

cán bộ nữ làm việc năng động, nhạy bén hơn, đạt được kết quả to lớn hơn.

3 — Xây dựng gia đình văn hóa mới xã hội chủ nghĩa.

Vấn đề thực hiện nam nữ bình đẳng, phát huy vai trò, năng lực làm chủ xã hội của phụ nữ không tách rời vấn đề xây dựng gia đình văn hóa mới xã hội chủ nghĩa. Gia đình không chỉ tác động tới cuộc sống và sự nghiệp của người phụ nữ, mà còn tác động trực tiếp đến sự hình thành con người mới, lối sống mới, xã hội mới. Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước anh em cho thấy rằng trong quá trình công nghiệp hóa đất nước, những điều kiện kinh tế — xã hội tác động sâu sắc đến tính chất, kết cấu, chức năng và các quan hệ trong gia đình. Nếu Đảng và Nhà nước không tiến hành một hệ thống các biện pháp để xây dựng gia đình phù hợp với điều kiện lịch sử mới, thì gia đình dễ dàng bị tan vỡ, kéo theo một loạt hậu quả kinh tế, xã hội nghiêm trọng. Đại hội XXVII Đảng cộng sản Liên xô đã coi gia đình là một trong những trụ cột quan trọng nhất của xã hội, và đặt vấn đề củng cố sự bền vững của gia đình thành một nhiệm vụ mà các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội phải hết sức chăm lo.

Ở nước ta, vấn đề gia đình đã được Đảng và Bác Hồ hết sức quan tâm. Thắng lợi của cách mạng đã phá vỡ quan hệ phong kiến trong gia đình, tạo những điều kiện cho việc hình thành gia đình kiểu mới. Song, trong chặng đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, nếu không tổ chức nghiên cứu một cách khoa học những vấn đề mới nảy sinh trong gia đình để có chủ trương, biện pháp thích đáng, thì gia đình kiểu mới không thể hình thành được ; có khi có những quy tắc của xã hội bị phá vỡ ngay từ trong gia đình, gây thêm rối ren cho xã hội. Vài năm gần đây, những vụ việc bắt nguồn từ mâu thuẫn gia đình chiếm tỷ lệ cao trong số các vụ phạm pháp là tiếng chuông báo động rất đáng chú ý.

4—Vấn đề sinh đẻ có kế hoạch và chuẩn bị thế hệ tương lai.

Trong xã hội cũ, chức năng sinh đẻ và nuôi dạy con cái của gia đình được thực hiện một cách tự phát, còn trong xã hội mới, với ý thức làm chủ của con người và với những thành tựu của khoa học, cần phải và có thể điều chỉnh quá trình phát triển số dân cho phù hợp với yêu cầu và khả năng của nền kinh tế đất nước. Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương về vấn đề này cách đây hơn 20 năm, nhưng hiện nay, số dân vẫn tăng nhanh, làm nghiêm trọng thêm sự mất cân đối về mọi mặt của xã hội. Hiện nay vấn đề dân số cần được đặt ra rõ ràng và kiên quyết hơn nữa. Cần làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn của chủ trương mỗi gia đình nhiều nhất chỉ đẻ hai con. Đó là giới hạn bắt buộc của nền kinh tế, là biện pháp bức thiết nhằm tăng thu nhập bình quân đầu người. Đó chính là một quan điểm nhân đạo, có cơ sở khoa học, thực tế. Nếu chỉ một chiều nhấn mạnh yếu tố tâm lý, tập quán, không có biện pháp tích cực, kiên quyết hạn chế sinh đẻ thì không thể thực hiện được mục tiêu trên đây. Cần có sự đầu tư thích đáng của Nhà nước vào công tác tuyên truyền giáo dục, vào việc áp dụng các biện pháp khoa học, động viên và tạo điều kiện thuận lợi nhất để mỗi gia đình tự giác sinh đẻ phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Nhà nước, xã hội ta phải chủ động điều chỉnh vấn đề tái sản xuất con người không chỉ về số lượng mà cả về chất lượng, nhằm tạo nên một thế hệ tương lai có đủ thể lực, tinh thần, trí tuệ, đáp ứng yêu cầu rất cao của thời kỳ mới. Lớp thanh niên xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ

Digitized by Google

quốc xã hội chủ nghĩa ở Việt nam vào đầu thế kỷ 21 là các cháu hiện nay đang ở tuổi mẫu giáo, nhà trẻ và các cháu sẽ ra đời trong 5, 10 năm tới. Tình trạng trẻ em suy dinh dưỡng, trẻ sơ sinh thấp bé, nhẹ cân, trẻ em chậm tiến hiện nay là rất đáng lo ngại. Chúng ta phải có hàng loạt chính sách, biện pháp đồng bộ để nòi giống ta phát triển tốt đẹp hơn, để thế hệ tương lai trưởng thành tương xứng với nhiệm vụ lịch sử mà họ sẽ gánh vác. Chính sách thai sản, chính sách đối với bà mẹ và trẻ em, việc giáo dục thiếu niên, nhi đồng là những vấn đề cần được sự quan tâm cụ thể, thiết thực của Nhà nước, của xã hội và của mỗi gia đình.

★

Giải quyết những vấn đề lớn trên đây đương nhiên có trách nhiệm của Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam, nhưng đây không phải là việc riêng của phụ nữ. Đảng và Nhà nước ta đã có những chỉ thị, nghị quyết về những vấn đề đó, nhưng việc tổ chức thực hiện chưa đem lại kết quả mong muốn. Ngoài những khó khăn khách quan, có nguyên nhân chủ quan là nhiều cấp ủy Đảng chưa làm quán triệt quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng về vấn đề phụ nữ trong toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản. Báo cáo chính trị tại Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng ghi rõ: «Để tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp giải phóng phụ nữ, thực hiện nam nữ bình đẳng, để phát huy hơn nữa vai trò và khả năng của phụ nữ trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, các cấp ủy Đảng cần làm cho quan điểm và chính sách vận động phụ nữ của Đảng được thấu suốt trong tất cả các tổ chức thuộc hệ thống chuyên chính vô sản (1).

Chúng tôi nghĩ rằng, phương hướng, quan điểm và chính sách vận động phụ nữ của Đảng muốn đi vào cuộc sống, phải được thể hiện thành chương trình, chỉ tiêu kế hoạch gắn liền với chương trình kinh tế—xã hội của Nhà nước trong mỗi thời kỳ và phải được bảo đảm thực hiện bằng những biện pháp đồng bộ về chính trị, tư tưởng, kinh tế, pháp luật v.v. Quy mô và phạm vi rộng lớn của những vấn đề phụ nữ đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải có những tổ chức để đi sâu nghiên cứu, đề ra chủ trương, biện pháp cho từng thời gian và kiểm tra đôn đốc việc thực hiện. Đảng và Nhà nước các nước xã hội chủ nghĩa anh em đều có kinh nghiệm về vấn đề này. Ở nước ta, hơn 10 năm qua, một trong những nguyên nhân làm cho các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các chính sách của Nhà nước về vấn đề phụ nữ chưa được thực hiện tốt cũng là do chưa có những tổ chức như vậy. Ngoài ra, việc củng cố tổ chức, đổi mới cách hoạt động của Hội phụ nữ để phát huy vai trò đại diện cho quyền làm chủ của phụ nữ cũng là vấn đề cần được quan tâm khi Đảng bàn đến công tác vận động quần chúng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Chúng tôi đề nghị những vấn đề chủ yếu trên đây của công tác vận động phụ nữ sẽ được đề cập đến trong các văn kiện trình Đại hội Đảng sắp tới, và mong rằng Đại hội Đảng các cấp lần này sẽ đánh dấu một bước chuyển biến quan trọng về sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào phụ nữ—vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng nước ta.

(1) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập I, tr. 131.

Digitized by Google

PHAN XUÂN ĐỢT

VỀ PHÁT TRIỂN NGHỀ RỪNG

VẬN dụng sáng tạo Nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng và các Nghị quyết của Trung ương tiếp theo, sản xuất nông — lâm — ngư nghiệp nước ta đã có những thành tựu lớn, trong đó nghề rừng đã có những chuyển biến và tiến bộ đáng kể trong kinh doanh rừng và xây dựng cơ sở vật chất của nghề rừng theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Từ quan điểm nặng về khai thác, xem nhẹ lâm sinh, chúng ta đã đẩy mạnh phát triển nghề rừng theo hướng kết hợp khai thác với tái sinh, xây dựng vốn rừng theo phương thức lâm — nông kết hợp, coi trọng củng cố và phát triển lực lượng quốc doanh làm nòng cốt, đồng thời đẩy mạnh giao đất, giao rừng để phát huy vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong việc bảo vệ và sử dụng có hiệu quả đất đai, tài nguyên, thực hiện rộng rãi phương châm "Nhà nước và nhân dân, trung ương và địa phương cùng làm", lấy rừng phát triển rừng. Chính vì vậy, những năm qua trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn, mất cân đối lớn về nhiều mặt, chúng ta đã chủ động tích cực tìm mọi biện pháp, tạo nguồn cân đối mới, từ lao động, đất đai, tài nguyên rừng để thực hiện kế hoạch Nhà nước về khai thác và chế biến cung ứng lâm sản cho các nhu cầu trọng điểm của Nhà nước, đặc biệt đã chủ động đổi mới cơ chế quản lý, tạo vốn, huy động vốn để trồng thêm nửa triệu héc ta rừng, hoàn thành vượt mức 50% mục tiêu trồng cây gây rừng do Đại hội thứ V của Đảng đề ra, đạt được quy mô, tốc độ trồng rừng tập trung và trồng cây phân tán cao nhất từ trước tới nay. Nhờ thực hiện chính sách giao đất giao rừng cho hợp tác xã và nhân dân, tăng cường các biện pháp quản lý, gắn trách nhiệm, quyền hạn với lợi ích cụ thể của Nhà nước, của tập thể, của cá nhân người lao động mà sản xuất lâm nghiệp và công nghiệp rừng đã đạt được tốc độ phát triển khá. Các liên hiệp, lâm trường, xí nghiệp, đơn vị nghiên cứu khoa học kỹ thuật và dịch vụ lâm nghiệp đã hoạt động năng động sáng tạo hơn, chấm dứt được tình trạng thua lỗ kéo dài, đi vào thế sản xuất ổn định và kinh doanh đạt hiệu quả ngày càng cao.

Nhìn lại 5 năm thực hiện đường lối xây dựng và phát triển lâm nghiệp theo tinh thần nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng, chúng tôi thấy bên cạnh những kết quả đạt được, còn nhiều khuyết điểm cần phải được khắc phục để tiếp tục vươn lên.

Do vị trí và tác dụng của rừng và hoạt động lâm nghiệp đối với kinh tế, văn hóa, xã hội, môi sinh và quốc phòng, lâm nghiệp đã được Đảng, Nhà nước xác định là ngành kinh tế kỹ thuật cấp 1 trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân. Nghề rừng với tiềm năng phong phú, lẽ ra phải được phát triển mạnh để phục vụ tích cực cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải thiện đời sống nhân dân, nhất là đồng bào các dân

Digitized by Google

tộc sinh sống gần rừng, nhưng sự lúng túng trong việc giải quyết vấn đề lương thực và phát huy thế mạnh về rừng đã dẫn đến tình trạng phá rừng khai hoang lấy đất trồng cây lương thực và các cây khác; mặt khác, những khuyết điểm trong công tác quản lý rừng đã để cho rừng tiếp tục bị giảm sút về nhiều mặt, diện tích đất trống đồi trọc đưa vào sử dụng chưa được bao nhiêu. Lượng gỗ khai thác hằng năm đã ít lại chưa được tận dụng triệt để và tiết kiệm, việc chế biến, sử dụng tài nguyên rừng có nhiều lãng phí, trong khi đó nhu cầu của xã hội về các loại lâm sản ngày càng lớn. Việc xuất khẩu lâm sản, đặc sản rừng tuy đã hoàn thành vượt mức kế hoạch và tăng khá nhanh so với trước, nhưng so với khả năng của rừng thì kết quả đạt được còn hạn chế, do trong cách tổ chức và chính sách còn nhiều gò bó.

Chúng tôi nhận thức rằng tuy nghề rừng đã có những tiến bộ trên nhiều mặt, thể hiện sự chuyển biến tích cực theo hướng đổi mới cơ chế quản lý nhưng để đáp ứng yêu cầu của cuộc sống trước mắt và sự phát triển kinh tế — xã hội trong tương lai, nghề rừng phải phấn đấu tích cực hơn nữa để đạt được những mục tiêu tổng quát như sau:

— Một là, quản lý, bảo vệ và kinh doanh hợp lý các diện tích rừng hiện có, thực hiện khai thác gắn liền với điều chế và tác động bằng các biện pháp lâm học để làm giàu rừng, nâng cao sản lượng và chất lượng rừng tự nhiên và rừng trồng, phấn đấu để hằng năm có thể khai thác bình quân $1m^3$ gỗ, củi/ha trên toàn bộ diện tích rừng.

— Hai là, phủ xanh và sử dụng có hiệu quả các diện tích đất trống đồi núi trọc theo nhiều hình thức và biện pháp (kể cả trồng rừng tập trung, trồng cây công nghiệp, trồng cây phân tán, khoanh nuôi tự nhiên, xây dựng vườn rừng, trại rừng v.v., để tăng nhanh vốn rừng và nâng cao tỷ lệ che phủ của rừng đối với đất đai.

— Ba là, đẩy mạnh chế biến và chế biến tận dụng, chế biến tổng hợp, chế biến tre nứa và các lâm sản, đặc sản khác nhằm tăng thêm các loại mặt hàng và vật liệu xây dựng phục vụ nhu cầu của đời sống nhân dân.

— Bốn là, tăng nhanh sản phẩm xuất khẩu, nhất là các loại sản phẩm chế biến từ gỗ, đặc sản rừng, dược liệu và các loại chim muông có giá trị...

Thực hiện được các mục tiêu chiến lược trên đây, nghề rừng sẽ tăng nhanh được vốn rừng, đáp ứng các yêu cầu của nhiệm vụ phòng hộ cho sản xuất và bảo vệ môi trường sống, đồng thời tăng thêm nhiều sản phẩm phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu, tạo thêm địa bàn mới để thực hiện phân bố lại lao động và dân cư, góp phần đổi mới mọi mặt tình hình kinh tế — xã hội trên các địa bàn rừng núi.

Để phát triển mạnh nghề rừng theo bốn mục tiêu mũi nhọn nói trên, phải thực hiện hàng loạt chủ trương, biện pháp đồng bộ trong đó tập trung giải quyết tốt những biện pháp cơ bản dưới đây:

1— Trước hết, phải làm tốt công tác tổ chức lại rừng, tiến hành phân loại rừng theo đối tượng và mục đích sử dụng (gồm rừng kinh tế, rừng phòng hộ và rừng có công dụng đặc biệt), đồng thời phân chia rừng theo hệ thống tiểu khu (mỗi tiểu khu có diện tích khoảng 1000 héc ta), *lấy tiểu khu làm đơn vị cơ bản để thực hiện các biện pháp quản lý kinh doanh rừng* theo quy chế thống nhất trong cả nước. Đó là cơ sở để phân công, phân cấp quản lý, cũng như để giao đất giao rừng cho hợp tác xã và nhân dân quản lý và các đơn vị kinh tế cơ sở bảo vệ, kinh doanh một cách hợp lý, theo đúng quy hoạch, kế hoạch và chính

Digitized by Google

sách của Nhà nước, ngăn ngừa tình trạng lạm dụng trong khai thác, gây thiệt hại đến tài sản rừng.

2. Trên cơ sở rừng và đất rừng đã được giao cho từng đơn vị kinh tế kèm theo quy chế quản lý và phương án kinh tế – kỹ thuật được xác định cho từng khu rừng cụ thể, các đơn vị quốc doanh, tập thể, đơn vị quân đội, cơ quan, trường học có trách nhiệm tổ chức bảo vệ và kinh doanh rừng một cách có hiệu quả nhất, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và luật lệ đã quy định (nghĩa vụ giao nộp, cung ứng sản phẩm, nghĩa vụ trồng rừng, tái sinh, phục hồi rừng...) Quy mô diện tích được giao cũng phải *điều chỉnh lại cho phù hợp* với khả năng kinh doanh của từng loại đơn vị và chu kỳ dài ngắn khác nhau của các loài cây. Trước đây, lâm trường thường quy hoạch quá rộng, nay chỉ nên từ 2 đến 2,5 vạn ha, mỗi hợp tác xã trung bình nên giao từ 4 đến 5 tiểu khu, mỗi đội sản xuất từ 1 đến 2 tiểu khu, mỗi hộ gia đình được giao khoán bảo vệ tu bổ từ 1 đến 5 ha v.v. bảo đảm giao rừng đến đâu phát huy tác dụng đến đó. Sau khi giao đất giao rừng phải hướng dẫn, tổ chức sản xuất kinh doanh và phải định kỳ kiểm tra, nghiệm thu đánh giá lại diễn biến tài nguyên về số lượng, chất lượng, kể cả độ màu mỡ của đất đai để có biện pháp uốn nắn kịp thời.

3. Tổ chức lại *sản xuất, kinh doanh rừng theo hướng kết hợp lâm – nông – công nghiệp*, mở rộng ngành nghề, nhất là chế biến lâm sản, đặc sản rừng, sản phẩm kết hợp nông–lâm–ngư nghiệp, *kinh doanh tổng hợp* nhằm khai thác triệt để các nguồn tiềm năng, tạo thêm công ăn việc làm, thu hút được nhiều lao động xã hội (trước hết là lao động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số định canh, định cư). Thực tiễn chỉ ra rằng, trong những năm qua, các liên hiệp xí nghiệp, lâm trường, hợp tác xã tổ chức kinh doanh tổng hợp, mở mang nhiều ngành nghề đã thu hút được nhiều lao động đạt hiệu quả cao, đồng thời tạo ra những khả năng và điều kiện thuận lợi mới để giải quyết tốt những vấn đề kinh tế – xã hội. Hiện nay, lao động tham gia sản xuất lâm nghiệp mới chỉ chiếm khoảng 2% lao động xã hội, nếu tổ chức kinh doanh tổng hợp nghề rừng (trên 15 triệu héc ta rừng và đất rừng) chúng ta có thể đem lại công ăn việc làm cho hàng triệu người.

Theo phương hướng nói trên, cần sắp xếp lại nghề rừng và hoàn chỉnh hệ thống tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ kỹ thuật và bộ máy quản lý hành chính – kinh tế từ bộ đến tỉnh, huyện, xã, làm rõ chức năng và phạm vi quyền hạn trách nhiệm của ngành, địa phương và bảo đảm quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của từng đơn vị kinh tế cơ sở theo đúng tinh thần Nghị quyết (dự thảo) của Bộ chính trị về « bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở ». Đặc biệt coi trọng việc *tăng cường bộ máy quản lý và tổ chức sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp trên địa bàn huyện*, giúp cấp huyện nắm rừng và chỉ đạo quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, phục vụ cho mục tiêu xây dựng, phát triển kinh tế.

4. Tiềm năng khai thác để làm giàu bằng lâm nghiệp rất to lớn, song cơ chế quản lý và hệ thống chính sách của chúng ta chưa thật sự khuyến khích mạnh mẽ nghề rừng phát triển. Vì vậy, trong thời gian tới, chúng ta cần nhanh chóng thể chế hóa việc phân công phân cấp quản lý rừng giữa trung ương và các địa phương, thể chế hóa trách nhiệm, quyền hạn kinh doanh sử dụng rừng, đất rừng của các đơn vị kinh tế quốc doanh, tập thể và hộ gia đình với tư cách là những người chủ cụ thể trên từng khu đất, khu rừng, được Nhà nước giao để kinh doanh hoặc được tập thể

Digitized by Google

khoán để bảo vệ. Quy chế tổ chức quản lý, kinh doanh rừng phải thể hiện được nguyên tắc vừa bảo đảm việc quản lý sử dụng rừng đúng hướng, bảo đảm tính thống nhất của quy hoạch lâm nghiệp dài hạn, theo đúng mục tiêu kinh doanh của từng loại rừng, vừa phát huy được sức mạnh tổng hợp của ba cấp cùng làm chủ, ba lực lượng cùng làm rừng. Dù cho rừng được giao cho quốc doanh, tập thể, gia đình, cho nhiều đơn vị, nhiều lực lượng kinh doanh sử dụng, nhưng cũng phải được sắp xếp, bố trí theo đội hình sản xuất lớn, không thể chia cắt, manh mún và sử dụng tùy tiện.

Về giá cả, thu mua, đối lưu hàng hóa, xuất khẩu lâm sản..., nhất là đối với giá lâm sản gây trồng trên đất đồi trọc, ở miền núi, biên giới, trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số vừa mới định canh định cư, cần có chính sách thỏa đáng. Ở những nơi có nhiều khó khăn cần có chính sách thật sự khuyến khích và tích cực giúp đỡ để nhân dân hăng hái sản xuất, giải quyết tốt đời sống và góp phần tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội. Thậm chí, nếu cần thiết thì có thể trong một hai chu kỳ kinh doanh Nhà nước chưa điều tiết phần lợi nhuận kinh doanh rừng nhằm giúp các địa phương và cơ sở có điều kiện đầu tư mạnh vào việc xây dựng rừng và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trên các địa bàn rừng núi.

Trong hoàn cảnh sự đầu tư của Nhà nước có hạn, để thu hút mạnh mẽ năng lực to lớn của nhân dân, trước hết là nguồn lao động dồi dào và các nguồn vốn, vật tư, phương tiện sẵn có trong các địa phương, các ngành, các tầng lớp nhân dân, cần có chính sách mở rộng lưu thông hàng hóa lâm sản giữa miền núi và miền xuôi, mở rộng các hình thức hợp tác, liên kết, kinh tế và các hình thức huy động, thu hút vốn từ nhiều nơi để phát triển mạnh nghề rừng, nhất là ở những địa phương có nhiều tài nguyên và đất đai rộng lớn hiện còn để hoang hóa. Cần khuyến khích chế biến và chế biến tận dụng, sử dụng tiết kiệm gỗ và các lâm sản khác.

Hoạt động lâm nghiệp ngoài ý nghĩa là hoạt động kinh tế, còn có ý nghĩa rộng lớn về văn hóa, xã hội và môi trường, có ảnh hưởng đến cuộc sống lâu dài của nhiều thế hệ. Do đó bên cạnh các chính sách kinh tế gắn trách nhiệm với lợi ích kinh tế trực tiếp, cần giáo dục rộng rãi nghĩa vụ công dân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ rừng tăng cường và phát huy hiệu lực của các văn bản pháp luật về rừng, đồng thời Nhà nước sớm có chính sách quy định nghĩa vụ cụ thể của công dân tham gia xây dựng rừng, bảo vệ, phòng và chữa cháy rừng, xem như nghĩa vụ bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa.

Làm tốt những công việc trên nhất định sẽ tạo ra động lực mới thúc đẩy nghề rừng phát triển toàn diện, mạnh mẽ, bảo đảm khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên, phục vụ tích cực sự nghiệp xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng ở nước ta.

Digitized by Google

ĐỖ LONG

THÁP DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ — XÃ HỘI Ở TỪNG ĐỊA PHƯƠNG

KHẲNG định tính chủ động và sáng tạo trong sản xuất và kinh doanh, sử dụng một cách có hiệu quả nhất tiềm năng lao động, đất đai và các thế mạnh khác trong việc xác định những kế hoạch phát triển kinh tế — xã hội, các địa phương không thể không thiết lập các tháp dân số và coi đó như là những dữ kiện có căn cứ khoa học.

Lập các tháp dân số là một trong những biện pháp hàng đầu nhằm điều tra cơ bản về tiềm năng hiện có và sẽ có của yếu tố con người trong dân cư, về số lượng và chất lượng lao động. Thông qua đó có thể thấy những trình độ xuất phát khác nhau, những đặc điểm và chỗ mạnh, chỗ yếu ở từng địa phương. Nhờ vậy, việc làm kế hoạch trước mắt và lâu dài không chỉ phù hợp với đường lối chính trị và phương hướng phát triển kinh tế, mà còn tương ứng với hoàn cảnh thực tế và điều kiện hiện thực ở các khu vực kinh tế Nhà nước và tập thể.

Từ tháp dân số có thể thấy rất rõ những số liệu cụ thể, những nhu cầu vật chất, tinh thần và xã hội đang xuất hiện hằng ngày của quần chúng. Những nhu cầu ấy, những người lãnh đạo, thông qua các chủ trương và chính sách, phải kịp thời giải quyết trong giai đoạn trước mắt, cũng như cần phải tính đến một cách nghiêm túc trong chiến lược phát triển kinh tế — xã hội cho đến năm 2 000 và sau đó.

Làm tháp dân số ở từng địa phương, các cấp lãnh đạo và quản lý sẽ có được một trong những căn cứ hiện thực để hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra và xét duyệt các kế hoạch của các đơn vị trực thuộc. Và cũng trên căn cứ đó xây dựng, điều chỉnh và thống nhất kế hoạch ở cấp mình phụ trách. Thực hiện từng bước như vậy sẽ tránh được tình trạng áp đặt những mong muốn chủ quan, ảo tưởng, hạn chế bớt những khuyết điểm nôn nóng, vội vã, duy ý chí. Đồng thời, thông qua đó, cũng sẽ dần khắc phục được tính chất tùy hứng trong khi đặt ra những con số kiểm tra, vốn mất cân đối nghiêm trọng, không dựa trên những điểm xuất phát cụ thể, mà qua nhiều năm sau vẫn chưa có những khả năng hiện thực để hoàn thành.

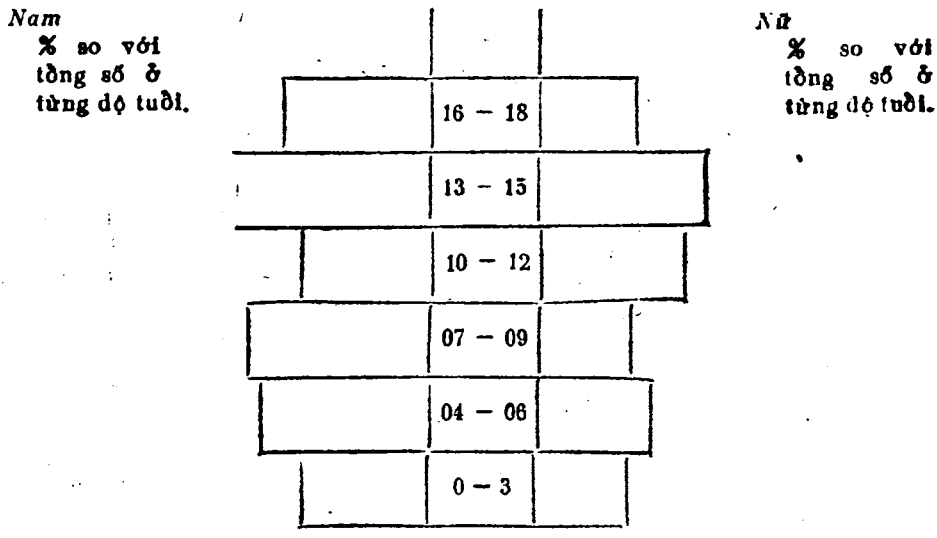
Cách lập tháp dân số.

Cho đến nay thông thường ở nhiều nước, bức tranh dân số vẫn hiện ra như là một hình tháp. Ở các nước đang phát triển thì đáy tháp càng rộng và đỉnh tháp càng nhọn. Quá trình diễn biến dân số ở nước ta cũng không nằm ngoài quy luật chung đó.

Thiết lập các tháp dân số ở các địa phương không phải là một công việc phức tạp và khó thực hiện. Tổng số dân được chia làm hai khối. Nam một

Digitized by Google

bên và nữ một bên. Tháp được chia theo độ tuổi từ lọt lòng đến già nhất. Chẳng hạn, từ 0—3, 4—6, 7—9, 10—12, 13 — 15, 16 — 18 và cứ cách nhau như thế cho đến người cao tuổi nhất. Mỗi bên, nam hay nữ, phải ghi rõ số người trong từng độ tuổi, tỷ lệ % so với tổng số cứ 5 năm làm mới một lần để thấy rõ động thái của nó. Có thể làm theo mẫu sau đây:



Tổng số dân

Tháp dân số và những vấn đề kinh tế.

Chịu trách nhiệm về đời sống vật chất của nhân dân, làm nghĩa vụ lương thực và thực phẩm đối với Nhà nước, phân chia quỹ phúc lợi và tích lũy cho tái sản xuất mở rộng, người làm kế hoạch tất yếu phải tính đến tổng số lương thực và thực phẩm trong toàn bộ sản lượng của mình, tiến tới bảo đảm mức ăn cho dân cư ở các độ tuổi khác nhau nhằm tái sản xuất sức lao động. Cũng từ tháp dân số phải suy nghĩ về những kế hoạch phát triển kinh tế tập thể và kinh tế gia đình. Thông qua đó từng bước thỏa mãn những nhu cầu về ăn no rồi ăn ngon, về mặc lành rồi mặc ấm, mặc đẹp, về đất ở và nhà ở, cũng như chất lượng của nó, về phương tiện giao thông và đường sá đi lại... Những nhu cầu này sẽ phát triển ở các độ tuổi khác nhau trong xu thế đi lên của dân cư trong 5, 10, 15 năm tới. Theo quy luật tự nhiên: trẻ em sẽ lớn khôn, trở thành người lớn, sẽ thành vợ thành chồng, rồi sinh con đẻ cái. Những nhu cầu vật chất của các thành phần dân cư này không phải chỉ đứng yên một chỗ, mà sẽ tăng lên cùng với xu thế đi lên của xã hội và thời đại chúng ta. Thực tiễn đã chỉ ra quy luật khách quan vốn tồn tại hiển nhiên trong đời sống xã hội và cá nhân là: nhu cầu được thỏa mãn liền làm xuất hiện nhu cầu khác cao hơn, mới hơn và phong phú hơn.

Những cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp, nông — lâm — ngư — công nghiệp, vừa sản xuất vừa chế biến, gắn sản xuất với lưu thông... cần được tính toán trên cơ sở phát triển dân cư, mà cụ thể rõ nhất là những

Digitized by Google

căn cứ từ các chỉ số trong các độ tuổi của tháp dân số. Như vậy, phải tổ chức và kinh doanh như thế nào, làm những hàng xuất khẩu gì và nhập khẩu những gì để sản lượng và năng suất không ngừng tăng lên, đáp ứng những đòi hỏi ngày càng tăng của sự tăng trưởng dân cư. Chỉ có thể thấy được rõ sự tương ứng giữa một bên là lao động và một bên khác là đất đai và cơ sở vật chất — kỹ thuật hiện có, khi trong tay chúng ta có những tháp dân số được thiết lập khoa học, cụ thể và chi tiết.

Tháp dân số và những vấn đề lao động.

Cũng từ tháp dân số với các độ tuổi khác nhau, có thể nhận thức rõ hơn, đánh giá đúng hơn những lực lượng lao động chính với những tiềm năng hiện có và sẽ có của nó. Cơ cấu ngành nghề trong từng địa phương ra sao, bao nhiêu người làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, bao nhiêu lao động thủ công nghiệp, già hay trẻ, nam hay nữ, tỷ lệ % trong tổng số dân cư qua các độ tuổi như thế nào? Số lượng lao động và chất lượng lao động ở các độ tuổi với những trình độ tay nghề khác nhau ra sao? Mối tương quan giữa lao động và đất đai ở từng địa phương đã thật sự cân đối và nổi lên như một thế mạnh chưa? Để phát huy được thế mạnh ấy, những người quản lý kinh tế — xã hội phải làm gì? Những vấn đề thâm canh và luân canh, sự thay đổi cây trồng và con vật nuôi qua từng giai đoạn, những ngành nghề cần được phát triển theo truyền thống và tập quán của địa phương, hoặc phải được du nhập từ nơi khác để tận dụng lao động lúc nông nhàn và đôi ra do đưa cơ khí vào nông nghiệp... Tất cả đều cần tính toán trên cơ sở của tháp dân số.

Khi xuất hiện sự mất cân đối về nhiều mặt của đời sống trong giai đoạn hiện tại và nếu không kịp thời khắc phục sẽ càng nghiêm trọng trong tương lai, thì việc điều động nhân dân đi xây dựng vùng kinh tế mới phải được đặt ra một cách cấp bách. Dù là đi đâu, ở ngoài xã, ngoài huyện và ngoài tỉnh, dù lên phía Bắc hay vào Nam... đều phải được tổ chức thật nghiêm túc và hợp lý trong tổng thể kế hoạch phát triển kinh tế — xã hội chung của địa phương nơi đi và nơi đến. Kế hoạch là hiện thực, là sát hợp, nếu biết lập tháp dân số như là một phương pháp quan trọng hàng đầu.

Tháp dân số và những vấn đề giáo dục.

Trẻ em sinh ra và lớn lên phải được nuôi dưỡng và giáo dục. Từ nhà trẻ đến lớp mẫu giáo, trường phổ thông cơ sở đến phổ thông trung học, các trường lớp dạy nghề, bồi dưỡng ngắn hạn về văn hóa và nghiệp vụ... tất cả đều phải được kế hoạch hóa. Việc lập kế hoạch giáo dục vừa phải tính đến thực trạng kinh tế — xã hội, vừa phải dự tính hiệu quả xã hội mà giáo dục sẽ tác động trở lại cho sản xuất vật chất và tinh thần trong tương lai. Bao nhiêu nhà trẻ và trường lớp, 1 tầng hay 2 tầng, bao nhiêu đồ chơi, trang bị, thiết bị và đồ dùng dạy học, sách vở... để phục vụ, nuôi dưỡng, dạy bảo các cháu? Khi lập kế hoạch phải tính đến số lượng cô nuôi dạy trẻ và thầy, cô giáo được đào tạo ra sao và được làm việc trong những điều kiện như thế nào, nhằm giáo dục lớp người lao động mới cho những năm trước mắt và những năm sau... phải thật phù hợp với những biến động về dân cư được thể hiện qua bức tranh dân số.

Việc cử người đi học các lớp ngắn hạn và dài hạn để phát triển ngành nghề ở địa phương nhằm tận dụng các lực lượng lao động, việc chọn người theo các lớp trung học và đại học phục vụ trực tiếp và gián tiếp cũng phải được xem xét và dự tính cho cả hiện tại và những năm tới.

Digitized by Google

Ngân sách và quỹ phúc lợi xã hội dành cho giáo dục trong khả năng của kinh tế quốc dân, của tập thể, cùng với những đóng góp của nhân dân cũng phải được hạch toán cụ thể trên những cứ liệu của tháp dân số hiện tại và sự phát triển về nặt tự nhiên và xã hội của nó trong những năm tiếp theo. Việc lập kế hoạch giáo dục ở từng xã, từng huyện, từng tỉnh cần lấy những dữ kiện của sự phát triển dân cư qua các tháp dân số làm một trong những căn cứ đáng tin cậy.

Tháp dân số và một số vấn đề xã hội khác.

Tháp dân số được làm một cách chi tiết và cụ thể không chỉ đem lại một bức tranh tổng thể về số lượng và chất lượng dân cư. Nó còn cung cấp những thông tin cần thiết về số người già, người về hưu, người mất sức, thương binh, bệnh binh, người tàn tật, người cô quả, người mắc bệnh hiểm nghèo, người đi lang thang, không nơi nương tựa. Đó là những đối tượng mà toàn dân, trước hết là các cơ quan bảo hiểm xã hội phải suy nghĩ, quan tâm chăm sóc.

Những người cả đời gắn bó với kinh tế tập thể, đến lúc về già được các hợp tác xã nuôi dưỡng, chăm sóc như thế nào, kể cả khi ốm đau, lúc qua đời? Những thương binh, bệnh binh, những người về hưu và gia đình có công với cách mạng, những người cô quả, người tàn tật... được hưởng những chính sách xã hội ra sao phải được thể hiện thật cụ thể trong tổng thể kế hoạch kinh tế — xã hội ở địa phương? Có thể tổ chức cho họ lao động theo những hình thức mức độ thích hợp, để đỡ một phần gánh vác cho xã hội, tránh cho số người này một mặc cảm là người sống thừa.

Việc phòng bệnh và chữa bệnh được quy hoạch không chỉ hướng vào đối tượng nói trên, mà phải được ưu tiên dành cho những người đang lao động và thế hệ đang và sẽ trưởng thành. Bệnh xá của từng địa phương, số giường bệnh, thuốc men, dụng cụ y tế, số lượng y tá, y sĩ, bác sĩ, số lượng sản phụ và trẻ sơ sinh và những chính sách xã hội có liên quan trong hiện tại và cả tương lai... tất cả đều cần được định ra trên một căn cứ khách quan, mà tháp dân số và những biến động của nó là một tài liệu đáng tin cậy.

Các cơ sở dịch vụ về văn hóa và xã hội của từng điểm dân cư, từ nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, sân vận động, bể bơi, bãi bóng đá, đến các cửa hàng hợp tác xã mua bán và mậu dịch quốc doanh, các cơ sở sửa chữa v.v. sẽ được xây dựng ở từng địa phương một cách hợp lý và có hiệu quả nhất, nếu biết căn cứ vào sự phát triển dân cư qua các tháp dân số với xu thế biến động của nó trong từng năm, từng giai đoạn ở các độ tuổi khác nhau.

Tháp dân số với công tác Đảng và các đoàn thể quần chúng.

Như đã nói trên, tháp dân số là bức tranh tổng quát về tình hình dân cư và sự biến động theo quy luật của nó. Từ phương diện xây dựng Đảng — qua tháp dân số nếu nó được thiết lập một cách chi tiết và cụ thể — có khả năng thấy rõ số lượng đảng viên trong mối tương quan với tổng số dân cư nói chung, với từng độ tuổi cụ thể ở mỗi địa phương nhất định. Từ độ tuổi 18 trở lên tỷ lệ đảng viên là bao nhiêu trong thanh niên, phụ nữ, nông dân tập thể, phụ lão. Số đảng viên đó có ý thức Đảng, trình độ học vấn và tay nghề như thế nào để có thể bảo đảm vai trò lãnh đạo của mình trong các đoàn thể quần chúng.

Cũng từ tháp dân số có thể bước đầu đánh giá tính chất giai cấp công nhân của Đảng. Các đảng viên xuất thân từ thành phần giai cấp nào, chịu ảnh hưởng của môi trường dân cư

Digitized by Google

ra sao và sự tác động trở lại của họ đối với các tầng lớp quần chúng khác. Tháp dân số cũng đem lại những thông tin chính xác về độ tuổi của đảng viên, về tính chất già hay trẻ ở mỗi đảng bộ, về sự dứt đoạn không đáng có, hay sự tiếp nối hợp quy luật ở các tổ chức cơ sở của Đảng. Công tác xây dựng Đảng có thể lấy việc thiết lập các tháp dân số như là một trong những căn cứ khoa học để chỉ đạo hoạt động phát triển của mình.

Như mọi người đều biết, trong xã hội ta các đoàn thể quần chúng được tổ chức dựa trên cơ sở những đặc điểm lứa tuổi và nghề nghiệp. Tháp dân số đem lại một bức tranh hiện thực về số lượng các thành viên của xã hội ở các độ tuổi khác nhau. Số lượng đó cần phải được thu hút và gia nhập vào các đoàn thể quần chúng. Chúng ta phải phấn đấu để mỗi một cá nhân trong xã hội nhất thiết phải là một thành viên của một tổ chức nhất định, bất luận họ còn trẻ hay đã già, là người miền xuôi hay miền ngược, là người có việc làm hay chưa có nghề nghiệp, là tín đồ của một tôn giáo, hay là một thành viên của một cộng đồng dân tộc thiểu số.

Các đoàn thể quần chúng, thông qua tháp dân số, cần xác định trước kế hoạch phát triển về số lượng và chất lượng của tổ chức mình, nhìn thấy trước những biến động mới có liên quan tới trình độ văn hóa và nghề nghiệp, tới đặc điểm sinh lý và tâm lý, tới môi trường văn hóa — xã hội ở những người hiện đang và sẽ là thành viên của mình.

*

Một trong những biện pháp quản lý xã hội và quản lý con người là củng cố, phát triển hiệu lực hoạt động của các tổ chức Đảng và quần chúng. Công tác quản lý đó phải được tiến hành từng bước cụ thể, có tính đến những biến động đang và sẽ diễn ra trong dân cư.

★

Thiết lập tháp dân số là một phương pháp mà xã hội học dân cư thường sử dụng. Nó không chỉ nói lên thực trạng của dân cư, mà còn dự báo chính xác xu hướng phát triển có tính tất yếu. Kế hoạch kinh tế — xã hội và chiến lược phát triển lâu dài của đất nước cần bắt đầu từ việc thiết lập các tháp dân số ở mỗi địa phương cũng như trong phạm vi toàn quốc. Việc hình thành một tư duy kinh tế khoa học, tạo lập một tầm nhìn xa, trông rộng, khắc phục tình trạng thiển cận, manh mún, dần dần sẽ được thực hiện thông qua việc xác lập các kế hoạch phát triển xã hội. Thành công của quá trình thực hiện đó không tách rời việc lập các tháp dân số và sự nhận thức rõ những biến động của nó vốn đang diễn ra theo quy luật trong cuộc sống thực của chúng ta.

TỔ CHỨC LAO ĐỘNG...

(Tiếp theo trang 43)

lao động ở xí nghiệp cần biết kết hợp tốt các biện pháp tổ chức kinh tế — xã hội và các biện pháp khoa học — kỹ thuật với nâng cao quyền và nghĩa vụ làm chủ tập thể để phấn đấu đạt tốc độ tăng năng suất lao động bình quân cao hơn tốc độ tăng tiền lương bình quân. Đó là nguồn gốc để tăng sản phẩm xã hội, tăng thu nhập của người lao động, tăng phúc lợi của nhân dân.

Digitized by Google



Tư liệu

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM: TỪ ĐẠI HỘI ĐẾN ĐẠI HỘI

NGÀY 3-2-1930, Đảng cộng sản Việt nam thành lập mở ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng nước ta. Từ đó đến nay, Đảng đã trải qua 5 Đại hội; mỗi Đại hội là một sự kiện chính trị trọng đại, đánh dấu sự trưởng thành của Đảng và bước chuyển biến mới trên con đường tiến lên của cách mạng.

Đại hội đại biểu toàn quốc thứ I.

Đại hội đại biểu toàn quốc thứ I của Đảng họp tại Ma cao (Trung quốc) từ ngày 27 đến ngày 31-3-1935. Tham dự Đại hội có 13 đại biểu, trong đó có 12 đại biểu chính thức, thay mặt cho hơn 600 đảng viên thuộc các đảng bộ trong nước và các tổ chức Đảng đang hoạt động ở nước ngoài.

Đại hội đã xem xét tình hình thế giới, tình hình Đông dương và tình hình Đảng ta trong những năm từ 1932 đến 1934, trên cơ sở đó vạch ra ba nhiệm vụ chính trước mắt của toàn Đảng là: củng cố và phát triển Đảng; tranh thủ và tập hợp đông đảo quần chúng; chống chiến tranh đế quốc. Đại hội thông qua nhiều nghị quyết quan trọng, thông qua Điều lệ (bổ sung) của Đảng, Điều lệ của các tổ chức quần chúng; thông qua Tuyên ngôn của Đại hội, thư gửi Ban chấp hành Quốc tế cộng sản và thư gửi Ban chấp hành trung ương một số đảng anh em.

Đại hội đã bầu BCHTƯ của Đảng gồm 13 đồng chí, trong đó có các đồng chí Hà Huy Tập, Phùng Chí Kiên, Hoàng Đình Giong... BCHTƯ nhất trí cử đồng chí Nguyễn Ái Quốc lúc đó đang công tác ở Liên xô là đại biểu của Đảng ta bên cạnh Quốc tế cộng sản.

Đại hội thứ I của Đảng là Đại hội thống nhất hệ thống tổ chức của Đảng từ trung ương đến địa phương, từ trong nước ra ngoài nước, thống nhất phong trào cách mạng của mọi tầng lớp nhân dân dưới sự lãnh đạo của BCH TƯ Đảng, tạo ra sức mạnh mới, đem lại cho đảng viên và quần chúng niềm tin tưởng mới, vạch ra hướng đi lên cho phong trào cách mạng.

Đại hội đại biểu toàn quốc thứ II.

Đại hội đại biểu toàn quốc thứ II của Đảng họp từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951, tại xã Vinh quang, huyện Chiêm hóa, tỉnh Tuyên quang (nay là tỉnh Hà tuyên). Dự Đại hội có 191 đại biểu, trong đó có 158 đại biểu chính thức, thay mặt cho 766 349 đảng viên trong cả nước. Đại hội đã nghe đồng chí Tôn Đức Thắng đọc diễn văn khai mạc, đồng chí Hồ Chí Minh đọc Báo cáo chính trị, đồng chí Trường

Digitized by Google

Chinh đọc báo cáo « Bàn về cách mạng Việt nam », đồng chí Lê Văn Lương đọc báo cáo về tổ chức và Điều lệ Đảng.

Đại hội đã thảo luận và nhất trí thông qua các bản báo cáo quan trọng nói trên.

Để phù hợp với sự phát triển của phong trào cách mạng mỗi nước trên bán đảo Đông dương, Đại hội đã quyết định Đảng cộng sản Đông dương tách thành ba đảng Mác—Lê-nin hoạt động ở ba nước Việt nam, Lào và Cam-pu-chia; quyết định đưa Đảng ta ra hoạt động công khai lấy tên là Đảng lao động Việt nam.

Đại hội đã bầu BCHTƯ mới của Đảng gồm 29 đồng chí. BCHTƯ đã bầu đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng và bầu raBộ chính trị gồm 7 ủy viên chính thức: Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Quốc Việt và một ủy viên dự khuyết: Lê Văn Lương.

Đồng chí Trường Chinh được bầu lại làm Tổng bí thư BCHTƯĐ.

Đại hội thứ II là Đại hội kháng chiến chống thực dân Pháp. Đại hội đã vạch ra đường lối đúng đắn để đoàn kết toàn dân, đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ tiến đến thắng lợi lừng lẫy ở Điện biên phủ, lập lại hòa bình trên toàn cõi Đông dương, giải phóng hoàn toàn miền Bắc nước ta.

Đại hội đại biểu toàn quốc thứ III.

Đại hội đại biểu toàn quốc thứ III của Đảng họp tại Hà nội từ ngày 5 đến ngày 10-9-1960. Dự Đại hội có 576 đại biểu, trong đó có 525 đại biểu chính thức, thay mặt cho trên 50 vạn đảng viên trong cả nước. Nhiều đoàn đại biểu các đảng anh em đã đến dự Đại hội.

Đồng chí Hồ Chí Minh đọc diễn văn khai mạc Đại hội. Đồng chí Lê Duẩn đọc Báo cáo chính trị. Đồng chí Lê Đức Thọ đọc báo cáo về việc sửa đổi Điều lệ Đảng. Đồng chí Nguyễn Duy Trinh đọc báo cáo về Phương hướng và nhiệm vụ kế hoạch 5 năm thứ nhất phát triển kinh tế quốc dân (1961—1965).

Đại hội đã thảo luận và nhất trí thông qua Nghị quyết về đường lối nhiệm vụ của Đảng trong giai đoạn mới, phương hướng và nhiệm vụ kế hoạch 5 năm thứ nhất, Điều lệ Đảng và Lời kêu gọi của Đại hội.

Đại hội đã bầu BCHTƯ gồm 47 ủy viên chính thức và 31 ủy viên dự khuyết. BCHTƯ đã bầu lại đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch BCHTƯĐ, bầu đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư thứ nhất BCHTƯĐ.

BCHTƯ bầu ra Bộ chính trị gồm 11 ủy viên chính thức: Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Nguyễn Duy Trinh, Lê Thanh Nghị... và 2 ủy viên dự khuyết: Trần Quốc Hoàn, Văn Tiến Dũng.

Đại hội thứ III của Đảng là « Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà ». Chính nhờ có đường lối đúng đắn do Đại hội thứ III của Đảng vạch ra, nhân dân ta đã giành được thắng lợi vĩ đại trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cũng như trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Đại hội đại biểu toàn quốc thứ IV.

Đại hội đại Liểu toàn quốc thứ IV của Đảng họp tại Hà nội từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976 trong hoàn cảnh đất nước đã hoàn toàn sạch bóng quân xâm lược, non sông thu về một mối. Dự Đại hội có 1008 đại biểu, thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên trong cả nước. Đại hội được vinh dự

Digitized by Google

đón tiếp 29 đoàn đại biểu các đảng anh em và các phong trào giải phóng dân tộc.

Đồng chí Tôn Đức Thắng khai mạc Đại hội. Đồng chí Lê Duẩn đọc Báo cáo chính trị. Đồng chí Phạm Văn Đồng đọc báo cáo về Phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 – 1980. Đồng chí Lê Đức Thọ đọc báo cáo Tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng.

Đại hội đã thảo luận và nhất trí thông qua các nghị quyết về các bản báo cáo nói trên, thông qua Điều lệ (sửa đổi) của Đảng, thông qua nghị quyết chung của Đại hội và nghị quyết đổi tên Đảng lao động Việt nam thành Đảng cộng sản Việt Nam.

Đại hội bầu BCHTƯ mới gồm 101 ủy viên chính thức và 32 ủy viên dự khuyết. BCHTƯ bầu đồng chí Lê Duẩn làm Tổng bí thư, và bầu ra Bộ chính trị gồm 14 ủy viên chính thức: Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Duy Trinh, Lê Thanh Nghị, Trần Quốc Hoàn, Văn Tiến Dũng, Lê Văn Lương, Nguyễn Văn Cúc, Võ Chí Công, Chu Huy Mân; và 3 ủy viên dự khuyết: Tố Hữu, Võ Văn Kiệt, Đỗ Mười.

Đại hội thứ IV của Đảng là Đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội đã tổng kết toàn bộ cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt nam, nêu lên những bài học phong phú và sâu sắc, có giá trị soi sáng cho những hoạt động của Đảng trong giai đoạn mới của cách mạng. Đại hội khẳng định dứt khoát con đường phát triển của nước Việt nam thống nhất, quyết định đường lối và phương hướng, nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc ta.

Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V.

Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng họp tại Hà nội từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982. Đây là Đại hội đầu tiên được triệu tập đúng kỳ hạn theo quy định của Điều lệ Đảng.

Về dự Đại hội có 1033 đại biểu, thay mặt cho hơn 1,7 triệu đảng viên, thuộc 35 nghìn đảng bộ cơ sở trong cả nước. 47 đoàn đại biểu các đảng cộng sản và công nhân và các tổ chức cách mạng trên thế giới đến dự Đại hội. Đoàn đại biểu Đảng cộng sản Liên xô do đồng chí M. X. Goóc-ba-trốp, ủy viên Bộ chính trị, dẫn đầu.

Đồng chí Lê Duẩn đọc Báo cáo chính trị. Đồng chí Phạm Văn Đồng đọc báo cáo về Phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế và xã hội trong 5 năm 1981 – 1985 và những năm 80. Đồng chí Lê Đức Thọ đọc báo cáo về Xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng.

Với tinh thần tự phê bình và phê bình nghiêm túc, Đại hội đã thảo luận, đánh giá và phân tích sâu sắc tình hình mọi mặt của đất nước từ sau Đại hội thứ IV, chỉ ra những thành tựu mà nhân dân ta đã đạt được, vạch rõ những khó khăn cùng những khuyết điểm mà Đảng ta mắc phải. Đại hội xác định hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở đó vạch ra bốn mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế – xã hội cho chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta.

Đại hội bầu BCHTƯ mới gồm 116 ủy viên chính thức và 36 ủy viên dự khuyết. BCHTƯ bầu lại đồng chí Lê Duẩn làm Tổng bí thư, và bầu ra Bộ chính trị gồm 13 ủy viên chính thức Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Văn Tiến Dũng, Võ Chí Công, Chu Huy

(Xem tiếp trang 75)

Digitized by Google

NGUYỄN TRỌNG PHÚC

KẾT HỢP CẢI TẠO VỚI XÂY DỰNG TRONG QUÁ TRÌNH HỢP TÁC HÓA NÔNG NGHIỆP Ở TIỀN GIANG

TRƯỚC giải phóng, sản xuất nông nghiệp ở Tiền giang đã bước đầu mang tính chất sản xuất hàng hóa theo quỹ đạo tư bản chủ nghĩa. Ở nông thôn, trung nông chiếm số đông (68% – 70%) trong dân cư; phú nông và tư sản nông thôn là kẻ bóc lột trực tiếp, song lực lượng chi phối nhiều nhất lại là tư sản thành thị. Với đặc điểm như vậy, Tiền giang đã phấn đấu gian khổ, trải qua thể nghiệm bằng nhiều hình thức, bước đi và thử thách trong thực tế, đã căn bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp vào năm 1984.

Đến đầu năm 1986, toàn tỉnh đã xây dựng được 120 hợp tác xã và 2 116 tập đoàn sản xuất, có 93,3% số hộ nông dân và 94,7% diện tích trồng lúa đưa vào làm ăn tập thể. Qua kiểm tra đánh giá phân loại, đến nay có 25,2% hợp tác xã tiên tiến, 41,7% hợp tác xã khá, 28,5% hợp tác xã trung bình, 4,4% hợp tác xã yếu kém; có 13% tập đoàn sản xuất tiên tiến, 31% tập đoàn sản xuất khá, 37,1% tập đoàn sản xuất trung bình, 18,3% tập đoàn sản xuất yếu kém. Thu nhập ngày công của xã viên và tập đoàn viên loại cao nhất đạt 37kg, loại trung bình đạt 15 kg và loại thấp nhất cũng đạt 7 kg thóc một công.

Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở Tiền giang phát triển vững và lành mạnh do biết *kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng*, tập trung thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển mạnh mẽ, coi đó vừa là mục đích vừa là động lực phát triển của phong trào.

Qua xây dựng thử hợp tác xã Tân hội và Phú quới trong những năm 1977 – 1980, thì thấy do cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã quá non yếu, cơ chế khoán trong hợp tác xã không có tác dụng khuyến khích người lao động hăng say sản xuất cho tập thể, trình độ quản lý và điều hành của cán bộ hợp tác xã còn yếu, quần chúng xã viên lại chưa có ý thức đầy đủ về làm ăn tập thể, cho nên sản xuất của hợp tác xã sa sút nghiêm trọng, đời sống xã viên gặp khó khăn, hợp tác xã có nguy cơ tan rã. Tỉnh đã kiên trì củng cố các hợp tác xã làm thử, đồng thời tích cực chuẩn bị điều kiện để xây dựng một số hợp tác xã ở Bình tây, Bình nhì, Tân mỹ chánh, Bình phú, Thân cửu châu... Do có chuẩn bị tốt và cách làm đúng, các hợp tác xã này có tiến bộ về nhiều mặt, phát triển sản xuất, đạt năng suất cao, cải thiện được đời sống xã viên, lôi cuốn đông đảo nông dân đi theo con đường làm ăn tập thể.

Đi đôi với mở rộng phong trào hợp tác hóa, Tiền giang đã tập trung chỉ đạo việc ứng dụng rộng rãi tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhất là ở các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất. Phong trào ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất bắt đầu bằng

Digitized by Google

sự ra đời của hàng trăm tổ làm giống lúa mới mà nòng cốt là những nông dân làm lúa giỏi với sự giúp đỡ của các trường đại học nông nghiệp. Theo kế hoạch của tỉnh, đến năm 1981 phải đưa giống lúa mới vào sản xuất trên 60% diện tích trồng lúa, nhưng đến năm 1980 đã thay 100% giống lúa cũ bằng giống lúa mới. Giống lúa mới cùng với những biện pháp kỹ thuật thâm canh tiên tiến đã làm tăng nhanh năng suất và sản lượng lúa của các hợp tác xã, các tập đoàn sản xuất và của toàn tỉnh, tạo nên sự phấn khởi và tin tưởng của nông dân. Việc phổ cập kiến thức khoa học kỹ thuật trong nông dân có tác dụng vừa cải tạo tâm lý, tập quán làm ăn cũ, vừa xây dựng phương thức canh tác tiên tiến phù hợp với quá trình tổ chức lại sản xuất trong nông nghiệp.

Việc làm thủy lợi cũng được tỉnh coi trọng từ đầu. Ở Tiền giang có 60% diện tích canh tác bị nhiễm phèn và mặn khá nặng, nhiều vùng về mùa khô thiếu nước ngọt. Tỉnh đã làm được hàng nghìn kênh mương lớn nhỏ, kết hợp cải tạo mặt bằng đồng ruộng với xây dựng hệ thống bờ vùng, bờ thửa nhằm chủ động tưới tiêu, khử phèn cho ba huyện phía tây tỉnh và từng bước tạo ra nguồn nước ngọt để chủ động tưới về mùa khô cho ba huyện phía đông tỉnh. Nhờ phát triển thủy lợi đã xóa được vùng lúa nổi ở phía bắc huyện Cái bè và Cai lậy, đưa toàn bộ diện tích canh tác của tỉnh trước đây chỉ làm một vụ thành ruộng làm 2 — 3 vụ lúa, hoặc 2 vụ lúa một vụ màu, cá biệt có nơi làm 2 vụ lúa và 2 vụ màu trong một năm. Chính từ việc tổ chức lại sản xuất trong phương thức làm ăn tập thể mà đặt ra yêu cầu và có điều kiện huy động sức người, sức của để giải quyết một cách có kết quả vấn đề thủy lợi trong nông nghiệp. Ngược lại, nhờ thành quả của việc xây dựng các hệ thống thủy lợi mà đẩy mạnh được thâm canh, tăng vụ, sử dụng giống mới, thúc đẩy sản xuất phát triển, làm cho phong trào hợp tác hóa có cơ sở đi lên vững chắc. Rõ ràng phát triển thủy lợi trong nông nghiệp "cần thiết hơn cả; chính nó sẽ tái tạo đất nước, sẽ làm sống lại đất nước, sẽ chôn vùi quá khứ, sẽ củng cố bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội »(1).

Việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất ở Tiền giang chưa được bao nhiêu. Tuy vậy, những gì hiện có đều phát huy tác dụng tốt, kể cả hệ thống sân phơi, nhà kho trong điều kiện thực hiện khoán sản phẩm. Riêng ở vùng lúa năng suất cao đã xây dựng 18 000 mét vuông sân phơi và nhà kho. Sức kéo bằng cơ giới của kinh tế tập thể tăng thêm 1 500 mã lực. Tài sản cố định của hợp tác xã chiếm khoảng 50% tổng số vốn. Vòng quay sử dụng ruộng đất của hợp tác xã đạt 1,82 lần.

Từ khi có chỉ thị 100 của Ban bí thư TƯĐ (khóa IV), các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất ở Tiền giang đều vận dụng sáng tạo và từng bước bổ sung cơ chế khoán sản phẩm trong nông nghiệp. Thực hiện cơ chế khoán này, quan hệ sản xuất mới ở Tiền giang được củng cố cả về sở hữu, quản lý và phân phối, không hề có một sự thụt lùi nào dù là tạm thời. Khoán sản phẩm, một bước cơ bản trong cải tiến cơ chế quản lý, đã có tác dụng làm cho sản xuất nông nghiệp ở Tiền giang phát triển mạnh mẽ và vững chắc.

Hiện nay vùng lúa năng suất cao của Tiền giang đã được xây dựng với 50 000 héc ta (chiếm gần một nửa diện tích canh tác của toàn tỉnh), trong đó ở vùng 40 000 héc ta tập trung đạt năng suất 10 tấn/ha/năm. Vùng lúa năng suất cao đã góp phần quan trọng đưa sản lượng lúa toàn tỉnh từ 370 000 tấn năm 1976 lên 813 570 tấn năm 1985 (tăng

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 43, tr. 259.

Digitized by Google

hơn hai lần). Trên địa bàn lúa năng suất cao đã có ba phần tư số hợp tác xã và quá nửa số tập đoàn sản xuất của toàn tỉnh. Điều đó cho thấy kết quả cải tạo xã hội chủ nghĩa ở nơi xây dựng vùng lúa năng suất cao hơn hẳn các nơi khác. Cũng nhờ có quan hệ sản xuất mới mà tỉnh đã quy hoạch và xây dựng được vùng lúa năng suất cao trên quy mô lớn và bền vững.

Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở Tiền giang được gắn chặt với quá trình xây dựng nông thôn mới và chăm lo phát triển văn hóa, giáo dục, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nông dân. Từ khi Tiền giang bước vào phong trào hợp tác hóa đến nay, bộ mặt nông thôn và đời sống mọi mặt của người nông dân ở đây đã có nhiều biến đổi. Chỉ tính riêng trên vùng lúa năng suất cao đã làm mới 400 km đường giao thông nông thôn với nhiều cầu cống, tạo thuận tiện cho đi lại, xóa bỏ sự cách bức xưa nay giữa các xóm ấp, làng xã. Trường học có thêm chỗ cho 64 000 học sinh. Rạp hát và nhà văn hóa được xây dựng ở nhiều nơi. 50 nhà hộ sinh và trạm y tế được xây dựng thêm ở nông thôn. Trên 10 000 gia đình nông dân xây dựng nhà mới trong điều kiện vật liệu xây dựng rất khan hiếm. Những kết quả trên đây chưa tương xứng với sự phát triển của sản xuất, song rõ ràng phần lớn những thành quả đó là do kinh tế tập thể tạo ra. Hệ thống đường giao thông mới hình thành, đời sống văn hóa tinh thần và trình độ văn hóa được nâng lên, bộ mặt nông thôn ngày càng biến đổi, điều đó có ý nghĩa cực kỳ to lớn đối với việc cải tạo toàn bộ tâm lý, tập quán lạc hậu, đưa người nông dân vào con đường làm ăn tập thể, củng cố niềm tin của họ vào tương lai. Cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp đã tác động sâu sắc đến các mặt chính trị, văn hóa, xã hội v.v.

★

Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở Tiền giang đã lôi cuốn được đông đảo nông dân tham gia hợp tác xã và tập đoàn sản xuất. Tuy vậy, vẫn còn không ít vấn đề cần được giải quyết để không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động của hợp tác xã và tập đoàn sản xuất.

Phong trào hợp tác hóa mới được căn bản hoàn thành hơn một năm nay. Cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã và tập đoàn sản xuất xây dựng chưa được bao nhiêu, nói chung còn yếu, chưa bảo đảm cho phát triển sản xuất theo chiều sâu. Ngay ở các hợp tác xã tiên tiến, các cơ sở vật chất kỹ thuật như : sân phơi, nhà kho, máy kéo, trâu bò cày kéo, máy bơm, máy tuốt lúa, phương tiện vận tải và các công trình phúc lợi... đang còn thiếu nhiều, hiệu quả sử dụng chưa cao. Ở những đơn vị trung bình và yếu kém, cơ sở vật chất kỹ thuật hầu như không đáng kể. Sự yếu kém về cơ sở vật chất kỹ thuật đó có phần do sự đầu tư của địa phương (cả tỉnh và huyện) cho các đơn vị kinh tế tập thể chưa thích đáng. Trong những năm qua, Tiền giang đầu tư cho mỗi héc ta canh tác là 30 đồng về cơ sở vật chất kỹ thuật. Hầu hết số vốn đầu tư ít ỏi đó lại dành cho công tác thủy lợi. Mặt khác, các đơn vị kinh tế tập thể còn độc canh cây lúa, chưa phát triển nông nghiệp toàn diện, mở mang ngành nghề, cho nên càng không có nhiều nguồn tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật.

Tăng nhanh cơ sở vật chất kỹ thuật là yêu cầu bức bách trước mắt và cả lâu dài, bảo đảm sản xuất của hợp tác xã và tập đoàn sản xuất đạt năng suất và hiệu quả kinh tế cao. Trong những năm tới, tỉnh chủ trương cố gắng bảo đảm cung cấp đủ vật tư cho sản xuất theo hợp đồng kinh tế giữa Nhà nước với hợp tác xã và tập đoàn sản xuất ; đồng thời, tăng nhanh số vốn đầu tư cho việc hoàn chỉnh các công trình

Digitized by Google

thủy lợi, cải tạo đồng ruộng kết hợp với làm giao thông nông thôn, tăng cường trang bị thêm máy móc và công cụ các loại, ưu tiên bán vật liệu xây dựng và cho vay với lãi suất thấp để các hợp tác xã xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật.

Tăng cường cán bộ khoa học kỹ thuật cho cơ sở cũng là một đòi hỏi khách quan và bức thiết đối với các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất. Hiện nay, chưa có một hợp tác xã nào hoặc một tập đoàn sản xuất nào ở Tiền giang có cán bộ khoa học kỹ thuật nông nghiệp. Trong khi đó Tiền giang (chủ yếu là ở cấp tỉnh) có hàng trăm kỹ sư và cán bộ trung cấp kỹ thuật nông nghiệp nhưng chưa trực tiếp làm việc ở cơ sở. Cán bộ khoa học kỹ thuật chưa gắn bó với cơ sở sản xuất không hẳn do anh chị em ngại khó, ngại khổ, mà chính là do chính sách sử dụng số cán bộ đó chưa hợp lý và cũng còn khá nhiều cơ sở chưa thấy hết vai trò của cán bộ khoa học kỹ thuật đối với sản xuất. Tỉnh đang tích cực đưa cán bộ khoa học kỹ thuật xuống cơ sở. Tuy vậy, về lâu dài, để giải quyết tốt vấn đề này, các hợp tác xã phải chủ động cử người đi học đại học và trung học nông nghiệp rồi trở về công tác tại địa phương. Điều đó giúp cán bộ khoa học kỹ thuật nông nghiệp yên tâm công tác lâu dài ở cơ sở và không làm tăng biên chế Nhà nước trong ngành nông nghiệp.

Chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế tập thể phụ thuộc phần lớn vào trình độ, năng lực và phẩm chất của cán bộ quản lý, đặc biệt là chủ nhiệm hợp tác xã, tập đoàn trưởng và đội trưởng sản xuất. Kinh nghiệm ở Tiền giang cho thấy đơn vị nào có được đội ngũ cán bộ năng động, tháo vát, sáng tạo, tận tụy và có tinh thần trách nhiệm thì ở đơn vị đó sản xuất phát triển mạnh, quyền làm chủ của người lao động được phát huy, quần chúng gắn bó với tập thể, đời sống được cải thiện, thực hiện tốt nghĩa vụ và các quan hệ kinh tế với Nhà nước. Thực tế ở hợp tác xã Bình tây, Bình nhì, Tân mỹ chánh, Tân hội, Thân cửu nghĩa, tập đoàn I xã Long an... đã chứng minh điều đó. Ở những đơn vị yếu kém thì phổ biến là cán bộ thiếu trình độ cần thiết về văn hóa, quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật và thường sa sút về phẩm chất như vô trách nhiệm, quan liêu, hách dịch, ức hiếp quần chúng, coi thường kỷ luật và pháp luật, nhậu nhẹt bê tha. Còn có những hiện tượng đó là vì « đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở chưa được bồi dưỡng sắp xếp tương xứng với một phong trào cách mạng rộng lớn, chưa phát huy đầy đủ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động » (2). Để sửa chữa khuyết điểm này, một mặt tỉnh kiên quyết xử lý và thay đổi số cán bộ yếu cả về năng lực và phẩm chất; mặt khác, tích cực bồi dưỡng kiến thức mọi mặt cho cán bộ quản lý theo cơ chế mới. Trường cán bộ quản lý hợp tác xã của tỉnh bồi dưỡng cho cán bộ hợp tác xã và tập đoàn sản xuất. Song điều quyết định là phải chính từ sự lựa chọn trong phong trào quần chúng mà xây dựng đội ngũ cán bộ vững vàng ở từng đơn vị cơ sở sản xuất.

Một hạn chế nữa của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở Tiền giang là chưa tạo được sự đồng đều giữa các đơn vị kinh tế tập thể. Bên cạnh nhiều đơn vị làm ăn khá và giỏi, vẫn còn không ít đơn vị yếu kém, làm ăn thua lỗ, nhất là ở các tập đoàn sản xuất. Hiện nay có tới 400 tập đoàn sản xuất yếu kém do cơ sở vật chất

(Xem tiếp trang 96)

(2) Trích thư của BBT TU Đảng gửi đảng bộ và nhân dân Tiền giang ngày 1-1-1985 nhân dịp Tiền giang căn bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp.

Digitized by Google

TRẦN XUÂN

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐẨY MẠNH SẢN XUẤT TIỂU, THỦ CÔNG NGHIỆP

SẢN xuất tiểu, thủ công nghiệp là một trong những thế mạnh của thành phố Hồ Chí Minh. Đặc trưng của nó là sự phát triển phong phú, đa dạng của các ngành nghề; có những ngành nghề đạt trình độ kỹ thuật khá và kinh nghiệm sản xuất ở mức tiên tiến. Sản xuất tiểu, thủ công nghiệp có quan hệ mật thiết với sản xuất công nghiệp, với xuất khẩu và nhập khẩu của thành phố. Nó còn có quan hệ chặt chẽ với các vùng nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp trù phú của đồng bằng sông Cửu long, miền đông Nam bộ, nam Trung bộ và Tây nguyên v.v.

Việc xác định thế mạnh của tiểu, thủ công nghiệp trong cơ cấu kinh tế và nhiệm vụ quan trọng của nó trong chiến lược phát triển kinh tế—xã hội của thành phố đã tạo điều kiện cho sản xuất tiểu, thủ công nghiệp phát triển mạnh mẽ, làm được nhiều mặt hàng phong phú, đa dạng, phục vụ cho tiêu dùng, sản xuất và xuất khẩu, đồng thời giải quyết việc làm cho hơn 17 vạn người lao động. Năm 1985 sản xuất tiểu, thủ công nghiệp toàn thành phố đạt 14,6 tỷ đồng giá trị tổng sản lượng (tính theo giá cố định năm 1982) tăng 17,4% so với năm 1984 và chiếm 47% giá trị tổng sản lượng công nghiệp thành phố; đạt 11,6 tỷ đồng giá trị sản phẩm giao nộp Nhà nước (chiếm 78,85% giá trị tổng sản lượng); đạt 2 tỷ đồng giá trị sản phẩm xuất khẩu (đạt 132,13% kế hoạch).

Vì sao cũng trong hoàn cảnh gặp nhiều khó khăn như các ngành kinh tế khác, ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của thành phố Hồ Chí Minh chẳng những vẫn được duy trì mà sản xuất ngày càng phát triển, hằng năm cung cấp cho xã hội một khối lượng lớn hàng tiêu dùng, một phần tư liệu sản xuất và hàng xuất khẩu, bảo đảm đủ việc làm thường xuyên cho xã viên, tổ viên, lại còn thu hút được nhiều lao động mới? Đó là do dưới ánh sáng Nghị quyết lần thứ tám của Trung ương Đảng, được các chính sách kinh tế mới của Đảng và Nhà nước trung ương và địa phương khuyến khích, các hợp tác xã và tổ hợp tác tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đã thật sự năng động, sáng tạo trong việc tháo gỡ khó khăn, bước đầu xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, từng bước thực hiện quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh.

Từ trước đến nay, do những đặc điểm về tổ chức quản lý của khu vực kinh tế tập thể, cơ chế quản lý tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp tương đối linh hoạt; tuy nhiên cũng không tránh khỏi những ảnh hưởng chung của lối quản lý tập trung quan liêu

Digitized by Google

bao cấp, vì vậy cái « nút » phải tháo gỡ đầu tiên là *tạo mọi điều kiện cho các hợp tác xã, các tổ hợp tác sản xuất thực hiện quyền tự chủ của mình trong sản xuất, kinh doanh*, khai thác mọi tiềm năng, làm cho sản xuất phát triển mạnh mẽ, đúng hướng.

Vấp phải những khó khăn lớn trong sản xuất, một số ngành kinh tế và không ít những xí nghiệp công nghiệp quốc doanh bị động, lúng túng về phương hướng sản xuất, kinh doanh; sản xuất không ổn định, sản phẩm hàng hóa giảm sút v.v. Trước tình hình đó, để giữ vững và phát triển sản xuất, bảo đảm và nâng cao thu nhập cho người lao động, nhiều hợp tác xã và tổ hợp tác sản xuất đã *chủ động quyết định phương hướng và kế hoạch sản xuất của mình* phù hợp với quy hoạch chung của ngành kinh tế – kỹ thuật, chủ động quyết định quy mô, hình thức và phương thức quản lý cũng như bước đầu tự chủ về tài chính và sử dụng lao động của đơn vị. Phương hướng và kế hoạch sản xuất đã được các cơ sở rà soát lại cho phù hợp với nhu cầu thị trường và với khả năng sản xuất theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, với yêu cầu « tiểu công nghiệp phải hiện đại, thủ công nghiệp phải tinh xảo ».

Ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp thành phố đã thực hiện cơ chế kế hoạch linh hoạt, áp dụng kế hoạch hóa gián tiếp bổ sung cho kế hoạch hóa trực tiếp, xây dựng kế hoạch từ cơ sở lên thông qua các hợp đồng kinh tế và dựa vào tiềm năng sản xuất sẵn có với sự nỗ lực khai thác từ nhiều nguồn cân đối. Kế hoạch hóa trực tiếp với phương thức gia công cho các tổ chức kinh tế quốc doanh thông qua các hợp đồng kinh tế bán nguyên liệu mua sản phẩm (hoặc hợp đồng gia công với đơn vị kinh tế quốc doanh trung ương và địa phương), trong trường hợp nguồn vật tư nguyên liệu của Nhà nước được bảo đảm thì sản xuất ổn định và phát triển, còn trường hợp khả năng cung ứng vật tư, nguyên liệu bị hạn chế thì sản xuất sẽ bị trì trệ, giảm sút. Phương thức này chưa phát huy được tính tự chủ sáng tạo của cơ sở, mặt khác cũng còn những tiêu cực nảy sinh trong quá trình thực hiện.

Áp dụng phương thức kế hoạch hóa gián tiếp để bổ sung cho kế hoạch hóa trực tiếp trong điều kiện hiện nay là cần thiết vì nó cho phép và đòi hỏi liên hiệp xã các quận, phường và các cơ sở sản xuất phải phát huy cao độ tính năng động, linh hoạt, sáng tạo trong quản lý, khơi dậy các nguồn khả năng cân đối vật tư nguyên liệu và huy động vốn, chủ động xác định phương án sản phẩm hợp lý cho mình. Với phương thức này, các cơ sở sản xuất còn phải tự tìm kiếm khách hàng, ký kết các hợp đồng kinh tế theo điều kiện và năng lực sản xuất của mình, khai thác các khả năng sẵn có và tiềm tàng để tự cân đối vật tư nguyên liệu bảo đảm được kế hoạch sản xuất theo các hợp đồng đã ký kết. Từ năm 1980 khi tình hình cung ứng vật tư nguyên liệu của Nhà nước ngày càng khó khăn thì phương thức này ngày càng phát huy tác dụng và là một yếu tố quan trọng bảo đảm cho các cơ sở sản xuất hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch hằng năm. Hiện nay hơn 70% giá trị tổng sản lượng tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của thành phố do phương thức này tạo ra.

Để trợ lực cho các cơ sở sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp một hệ thống dịch vụ đã được thành lập và đã mau chóng phát huy tác dụng. Công ty vật tư tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp thành phố và các trạm vật tư quận, phường có nhiệm vụ lo vật tư nguyên liệu cho các cơ sở sản xuất bằng các biện

Digitized by Google

pháp liên doanh, liên kết với các đơn vị bạn, khai thác thu mua nguyên liệu, phế liệu, tổ chức trồng cây nguyên liệu ở các huyện ngoại thành v.v. Nhờ có hệ thống dịch vụ này, các cơ sở có thể yên tâm sản xuất, không phải lo tự «chạy» vật tư nguyên liệu, vừa tránh được những tiêu cực nảy sinh trong quá trình này. Hệ thống cửa hàng liên hiệp xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp bao gồm một cửa hàng trung tâm và 14 cửa hàng quận, huyện đã phát huy tác dụng nối liền sản xuất với tiêu dùng. Nó là nơi giới thiệu các mặt hàng tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, nơi thăm dò nhu cầu và thị hiếu của thị trường, nơi tiêu thụ và môi giới tiêu thụ sản phẩm, đồng thời thông qua dư luận khách hàng để đánh giá chất lượng sản phẩm. Hội nghị khách hàng do liên hiệp xã thành phố, liên hiệp xã các quận, huyện tổ chức hằng năm có tác dụng tốt trong việc kiểm tra kết quả hoạt động sản xuất và chất lượng sản phẩm, phản ánh nhu cầu thị trường v.v.

Khả năng huy động vốn của các cơ sở được phát huy ở mức cao nhất bao gồm các nguồn vốn tự có, vốn vay ngân hàng, vốn tự cân đối qua con đường xuất khẩu hàng hóa để nhập khẩu thiết bị và nguyên liệu; cả nguồn vốn nhàn rỗi trong cán bộ xã viên cũng được huy động với một tỷ lệ lãi hợp lý để phát triển sản xuất. Trong năm 1985 có 31 237 hợp đồng kinh tế trị giá 22 105 triệu đồng đã được ký kết giữa các cơ sở sản xuất và khách hàng; sản phẩm làm ra theo các hợp đồng chiếm 76% giá trị tổng sản lượng của ngành trong cả năm. Hiện nay, các hợp đồng thu mua sản phẩm theo giá thỏa thuận ngày càng nhiều, số sản phẩm tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của thành phố được tiêu thụ thông qua thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, chiếm 80% giá trị tổng sản lượng của ngành, là nguồn bổ sung đáng kể cho thị trường có tổ chức, mặc dù vật tư nguyên liệu do cơ sở tự lo là chính. Phương thức dùng kế hoạch hóa gián tiếp bổ sung cho kế hoạch hóa trực tiếp đòi hỏi và tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất phát huy cao độ tính năng động sáng tạo trong sản xuất và quản lý để khai thác mọi khả năng tiềm tàng.

Cùng với việc thực hiện quyền tự chủ về sản xuất, kinh doanh của cơ sở, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Liên hiệp xã tiểu, thủ công nghiệp trung ương cũng *tích cực đổi mới cơ chế quản lý đối với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp*. Đã sửa đổi và ban hành một số chính sách, chế độ cụ thể như định lại giá gia công, giá thu mua sản phẩm, mức thuế công thương nghiệp nhằm khuyến khích các cơ sở phát triển sản xuất; cải tiến chế độ tiền lương của cán bộ nhân viên trong ngành; định khung giá tiền công cho người gia công và định mức tiền công cho các loại bậc thợ; chỉ đạo giải quyết tiền mặt cho các cơ sở sản xuất có khối lượng hàng hóa lớn và làm hàng xuất khẩu, có chính sách khuyến khích sản xuất đối với các cơ sở sản xuất tư nhân, cá thể và kinh tế gia đình; ban hành chính sách nghệ nhân; hướng dẫn các liên hiệp xã ngành xây dựng phương án sản xuất theo từng yếu tố và khoản mục giá thành, chỉ đạo bước đầu tính đúng, tính đủ, tính hợp lý giá thành sản phẩm đối với một số mặt hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gia công; trong đó thực hiện giảm tối đa chi phí quản lý và «tiêu cực phí», đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất lao động và hạ giá thành sản phẩm. Nhờ có sự quan tâm và chỉ đạo nhạy bén kịp thời của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố và liên hiệp xã tiểu, thủ công nghiệp, các cơ sở sản xuất đã tùy theo điều kiện và hoàn cảnh riêng

Digitized by Google

của mình, tìm cách tự tháo gỡ một cách có hiệu quả những vướng mắc để duy trì và phát triển sản xuất, tạo việc làm cho người lao động. Điển hình là ngành dệt thủ công của thành phố cố gắng tự lo vật tư, nguyên liệu dệt thêm vượt kế hoạch được 27 triệu mét vải. Các hợp tác xã tiên tiến và các phường điển hình đã biết sử dụng thế mạnh về sự linh hoạt uyển chuyển của sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và tính nhạy bén đáp ứng yêu cầu trong việc thực hiện hợp đồng kinh tế; chủ động ký kết các hợp đồng kinh tế ngắn hạn, dài hạn. Kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa đã bổ trợ và phục vụ trực tiếp, kịp thời cho kinh tế quốc doanh, góp phần vào việc hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước của các đơn vị kinh tế này.

Phát triển sản xuất gắn chặt với cải tạo và tổ chức sắp xếp lại sản xuất cũng là vấn đề được ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh kết sức chú ý. Tiến hành tổ chức sắp xếp lại sản xuất theo ngành kinh tế kỹ thuật nhằm phát triển lực lượng tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và khai thác hết năng lực sản xuất theo quy hoạch. Việc tổ chức sắp xếp lại sản xuất được tiến hành theo hướng chuyên môn hóa, hợp tác hóa gắn với công nghiệp quốc doanh dưới nhiều hình thức như làm vệ tinh cho các xí nghiệp quốc doanh, tham gia nhóm sản phẩm do xí nghiệp quốc doanh làm đầu đàn, kết hợp các loại quy mô sản xuất: lớn — vừa — nhỏ và gia đình; đồng thời từng bước hoàn thiện công tác kế hoạch hóa, quản lý chất lượng sản phẩm, xây dựng các định mức về vật tư, nguyên liệu, giá cả. Cho đến nay, về cơ bản đã tổ chức sắp xếp trong các ngành nghề sản xuất trọng điểm như dệt, may, khai thác chế biến gỗ, giấy, sành sứ, thủy tinh, xe đạp.

Mục đích cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp là đưa những người lao động tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đi vào con đường làm ăn tập thể, tập thể hóa tư liệu sản xuất, hạn chế đi đến xóa bỏ bóc lột, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ theo hướng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó từng bước củng cố và kiện toàn quan hệ sản xuất mới trên ba mặt: sở hữu, quản lý, phân phối. Nội dung cải tạo được gắn liền với tổ chức sắp xếp lại sản xuất, cải tiến quản lý và đẩy mạnh cách mạng khoa học kỹ thuật. Các đồng chí ở thành phố Hồ Chí Minh chú trọng nâng cao chất lượng phong trào hợp tác hóa thông qua việc củng cố các hợp tác xã và đưa dần lên hợp tác xã bậc cao, đồng thời áp dụng các chế độ ưu đãi đối với hợp tác xã bậc cao. Xây dựng nhiều hợp tác xã điển hình tiên tiến có sức thu hút thợ thủ công cá thể đi vào con đường làm ăn tập thể. Các tổ hợp tác sản xuất được tích cực củng cố và đưa dần lên hợp tác xã. Sự hình thành hệ thống tổ chức quản lý tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp xuyên suốt từ thành phố đến quận, huyện xuống phường, xã tương đối hoàn chỉnh góp phần tích cực vào việc phát triển sản xuất và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Đến năm 1985, toàn thành phố đã có hơn 600 hợp tác xã (trong đó có 74 hợp tác xã bậc cao), hơn 3600 tổ sản xuất, thu hút 125 000 người lao động, chiếm 77,2% lao động tiểu, thủ công nghiệp trong thành phố. Ngoài ra, còn 11 460 cơ sở sản xuất và kinh tế gia đình được từng bước sắp xếp làm vệ tinh, làm gia công cho xí nghiệp quốc doanh, xí nghiệp công tư hợp doanh, xí nghiệp hợp doanh và hợp tác xã mua bán theo hướng công nghiệp nhiều tầng, nhiều quy mô. Tổ chức liên hiệp xã không ngừng được củng cố, phát triển và ngày càng phát huy tác dụng tốt hơn.

Digitized by Google

Tuy nhiên, sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ở thành phố Hồ Chí Minh cũng còn những vấn đề tồn tại cần được giải quyết. Nhịp độ phát triển còn chưa tương xứng với tiềm năng; công tác quản lý còn sơ hở, thiếu chặt chẽ, để cho một số ngành nghề bung ra một cách tự phát, không đúng hướng, dẫn đến tình trạng tranh giành nguồn vật tư, nguyên liệu giữa các cơ sở sản xuất. Hàng tự sản tự tiêu còn chiếm một tỷ trọng lớn trong khối lượng sản phẩm. Chất lượng của một số sản phẩm nói chung còn kém, do có không ít cơ sở sản xuất còn chạy theo lợi nhuận mà chưa quan tâm nhiều đến chất lượng; tình trạng hàng xấu hàng giả vẫn còn. Một số hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống xuất khẩu không đạt quy cách chất lượng v.v.

Tiềm năng sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của thành phố Hồ Chí Minh còn rất lớn, các cán bộ quản lý và xã viên có tinh thần năng động sáng tạo, tích cực vượt mọi khó khăn để đẩy mạnh sản xuất. Vì vậy, để thúc đẩy các cơ sở sản xuất tăng nhanh khối lượng và chất lượng hàng hóa, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu trong nước và xuất khẩu, cần sớm có điều lệ (sửa đổi) của hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, đồng thời trên cả nhận thức và chỉ đạo thực tiễn, cần có sự đổi mới; cần có những chính sách đòn bẩy kinh tế nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp thực hiện quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh cũng như có điều kiện để thu hút thêm nhiều lao động xã hội vào sản xuất, phấn đấu nâng cao trình độ và năng lực sản xuất theo hướng « tiểu công nghiệp phải hiện đại, thủ công nghiệp phải tinh xảo ».

ĐẢNG CỘNG SẢN...

(Tiếp theo trang 66)

Mân, Tố Hữu, Võ Văn Kiệt, Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Nguyễn Đức Tâm; 2 ủy viên dự khuyết: Nguyễn Cơ Thạch, Đồng Sĩ Nguyên.

Đại hội thứ V đánh dấu bước chuyển mạnh mẽ của Đảng ta về năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế—xã hội, về chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, về mối quan hệ chặt chẽ giữa Đảng với giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động.

Digitized by Google

NGUYỄN VĂN THỀ
Bí thư đảng ủy xã Châu giang

HỢP TÁC XÃ CHÂU GIANG

HỢP tác xã Châu giang được hợp nhất năm 1976 từ hai hợp tác xã Trác bút và Chuyên nội thuộc huyện Duy tiên, tỉnh Hà nam ninh. Sau mười năm phấn đấu xây dựng, hợp tác xã Châu giang đã đạt được thành tích toàn diện, được Hội đồng Nhà nước tuyên dương là Đơn vị anh hùng lao động nhân dịp kỷ niệm thứ 40 Quốc khánh 2-9.

Qua thực tiễn hoạt động sản xuất và kinh doanh của hợp tác xã Châu giang, chúng tôi mạnh dạn nêu lên một số kinh nghiệm:

Tổ chức lại sản xuất, từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, khai thác có hiệu quả nguồn đất đai và lao động.

Sự hợp nhất thành hợp tác xã có quy mô liên xã đã tạo ra cho hợp tác xã Châu giang chúng tôi những thuận lợi mới về đất đai và lao động (960 ha canh tác, 4500 lao động) để phát triển sản xuất. Tuy vậy trên con đường tiến lên hợp tác xã chúng tôi cũng gặp nhiều khó khăn. Chúng tôi cho rằng trong điều kiện ở vùng chiêm trũng, đất hẹp người đông, vấn đề cấp bách đặt ra là phải nhanh chóng chuyển hướng sản xuất nông nghiệp độc canh lúa sang sản xuất kinh doanh tổng hợp bao gồm cả lúa, màu và cây công nghiệp, phát triển chăn nuôi, mở rộng ngành nghề, nhất là ngành nghề có giá trị về xuất khẩu, kết hợp phân công lao động tại chỗ với đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới.

Trên cơ sở thâm canh cao cây lương thực, chủ yếu là cây lúa, ngay từ những năm đầu, hợp tác xã chúng tôi đã bảo đảm ổn định mức ăn cho nhân dân, ổn định phần đóng góp cho Nhà nước và mạnh dạn chuyển một số diện tích chuyên trồng lúa sang trồng cây công nghiệp, tạo nguồn nguyên liệu tại chỗ để phát triển ngành nghề, từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý với hiệu quả kinh tế cao.

Sự hình thành cơ cấu kinh tế mới đòi hỏi phải sắp xếp lại lực lượng lao động trong hợp tác xã. Sau khi tính toán tất cả các khả năng, hợp tác xã chỉ có thể bảo đảm việc làm thường xuyên cho 2500 lao động (còn 2000 lao động chưa có việc làm). Đây là một vấn đề hết sức khó khăn và cũng là điểm mấu chốt đưa hợp tác xã Châu giang thoát khỏi cảnh nghèo. Đảng bộ Châu giang đã sớm nhận thức vấn đề đó và có chủ trương đúng đắn, thực hiện có kết quả sự phân công lao động tại chỗ gắn với việc đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới. Nhờ được tổ chức và chuẩn bị tốt các điều kiện, mười năm qua, hơn 5000 dân Châu giang (chiếm 50% dân số trong xã) đã phấn khởi ra đi làm ăn trên quê hương mới Tây bắc, Tây nguyên và đồng bằng sông Cửu long. Mối quan hệ gắn bó giữa người ra đi và người ở lại được xây dựng trên cơ sở liên kết kinh tế; bà con trên quê hương mới Hoàng Liên

Digitized by Google

sơn đã thường xuyên cung cấp tre, nứa, mây, giang cho hợp tác xã làm hàng xuất khẩu, và ngược lại hợp tác xã chúng tôi đã cung cấp cho họ những sản phẩm cần thiết. Đây không chỉ là sự liên kết kinh tế giữa hai quê mà nó còn tạo điều kiện cho việc thực hiện sự phân công lao động tại chỗ ở Châu giang.

Để tiến hành phân công lao động tại chỗ, hợp tác xã Châu giang đã đẩy mạnh phát triển ngành nghề theo hướng kết hợp chặt chẽ việc phát huy cao nhất thế mạnh của ngành nghề truyền thống của địa phương như làm gạch, ngói, vôi, mộc, nề... với việc mạnh dạn mở thêm một số nghề mới như dệt thảm đay, dệt bao bì, mành tranh, mây, tre, giang xuất khẩu...

Sự phát triển mạnh mẽ ngành nghề, nhất là sản xuất hàng xuất khẩu ở Châu giang đã đem lại nguồn thu nhập đáng kể cho kinh tế tập thể và gia đình. Giá trị hàng xuất khẩu của hợp tác xã Châu giang năm 1985 chiếm trên 30% tổng giá trị xuất khẩu của huyện Duy tiên. Hiện nay hợp tác xã có gần 2000 lao động làm các ngành nghề, số này chiếm 40% tổng số lao động của hợp tác xã (ngành trồng trọt hiện nay chiếm hơn 50% lao động và 46% tổng giá trị thu nhập của hợp tác xã). Nhờ phát triển ngành nghề thành ngành sản xuất chính, Châu giang chẳng những đã thật sự thoát khỏi tình trạng độc canh lúa mà còn xây dựng được một cơ cấu kinh tế hợp lý, ngay từ đầu gắn chặt nông nghiệp với thủ công nghiệp trong hợp tác xã và gia đình; gắn sản xuất với chế biến và kinh doanh tổng hợp mang lại hiệu quả kinh tế cao. Tổng giá trị thu nhập của hợp tác xã từ 2,3 triệu đồng (1978) tăng lên 36 triệu đồng (1984), ngành trồng trọt từ 1,4 triệu đồng tăng lên gần 17 triệu đồng, ngành nghề từ 375 nghìn đồng tăng lên gần 17 triệu đồng. Từ một nền sản xuất độc canh tự túc tự cấp, Châu giang đã tiến lên sản xuất hàng hóa. Giá trị hàng hóa năm 1978 chỉ có 985 nghìn đồng, đến năm 1984 đạt 17 triệu. Kim ngạch xuất khẩu cũng tăng từ 190 nghìn đồng lên 10 triệu đồng. Sản xuất của tập thể không chỉ thu được lãi từ ngành nghề, kinh doanh dịch vụ mà những năm gần đây, nhiều cây trồng chính như lúa, mía, đay... cũng đã mang lại số lãi đáng kể. Đến năm 1984 tổng số lãi hợp tác xã thu được là 6,3 triệu đồng* (gấp nhiều lần so với năm 1978).

Sản xuất phát triển, tích lũy của tập thể ngày càng cao (15 đến 25% tổng thu nhập) tạo điều kiện mở rộng cơ sở vật chất kỹ thuật, và phát triển toàn diện về kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng nông thôn mới.

Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật.

Mười năm qua, hợp tác xã chúng tôi đã xây dựng thêm nhiều công trình phúc lợi, mở rộng nhiều cơ sở sản xuất, mua thêm nhiều máy móc, công cụ trong đó có 5 máy kéo lớn, 30 máy kéo Bông sen, hàng trăm xe bò bánh hơi, 2 sà lan tự hành với trọng tải 160 tấn/chuyến, 2600 xe cải tiến v.v. Năm 1984 tổng số vốn của hợp tác xã lên tới 22,7 triệu đồng, trong đó vốn tự có là 16,1 triệu đồng. Tài sản cố định của hợp tác xã trị giá 7,64 triệu đồng. Trong nhiều năm qua, những cơ sở vật chất đó đã được sử dụng triệt để và thu hồi vốn nhanh. Trong số cơ sở vật chất mà chúng tôi đã xây dựng, đáng chú ý là những công trình thủy lợi nội đồng được hoàn thiện ngay sau quá trình hợp nhất đã có tác dụng to lớn trong việc thực hiện thâm canh và cải tạo đồng ruộng. Nhân dân Châu giang đã bỏ ra hơn một triệu ngày công đào đắp

* Giá trị năm 1984 về trước tính theo tiền cũ.

Digitized by Google

gần một triệu mét khối đất, bổ sung và làm mới 23 kênh mương (kênh cấp 3 theo công thức 1 kênh, 1 bờ, 1 đường nhỏ cho xe cải tiến; kênh cấp 2 theo công thức 1 kênh 2 đường cho máy kéo); xây dựng 53 cầu cống, trong đó có 12 cầu lớn đủ sức cho máy kéo đi lại; xây dựng 2 trạm bơm điện với tổng công suất 12 nghìn mét khối/giờ v.v. Tổng số vốn đầu tư cho các công trình thủy lợi lên tới trên 2 triệu đồng.

Nhờ có các công trình thủy lợi đó, hợp tác xã chúng tôi đã tưới tiêu chủ động trên 85% diện tích.

Cùng với quá trình hoàn chỉnh thủy lợi, chúng tôi đã cơ giới hóa khâu làm đất trên 95% diện tích (đội máy kéo của hợp tác xã có 4 máy MTZ – 50 và 1 máy ĐT – 75). Hợp tác xã cũng đã đầu tư hàng nghìn tấn vôi, lân và thả bèo dâu trên 80–90% diện tích, cải tạo triệt để đất lầy thụt nghèo lân. Nhờ vậy hợp tác xã đã bố trí được một cơ cấu cây trồng hợp lý với những công thức gieo trồng đạt hiệu quả kinh tế cao, đưa cây đay vốn sống ở vùng đất bãi phù sa vào trồng tại vùng chiêm trũng. Đến nay hợp tác xã đã có 100 ha đay (theo công thức luân canh 3 vụ, 4 cây trồng: đậu tương xen đay, lúa mùa muộn, khoai tây), mỗi năm thu được 300 tấn đay tơ, 270 tấn lúa, 800 tấn khoai tây, 48 tấn đậu tương. Tính ra một ha trồng như vậy đạt hiệu quả cao gấp nhiều lần so với hồi còn độc canh lúa trước đây. Nhưng ý nghĩa lớn hơn là từ cây đay hợp tác xã có nguyên liệu tại chỗ để mở rộng nghề dệt thảm đay xuất khẩu.

Cùng với các biện pháp thâm canh khác, chúng tôi đã đưa bộ giống lúa mới thích hợp vào đồng ruộng, đưa năng suất lúa từ 3,4 tấn/ha năm 1978 lên 8,4 tấn/ha năm 1983. Nhờ năng suất và sản lượng tăng lên, từ năm 1983 Châu giang đã đạt mức bình quân lương thực đầu người là 580 kg và hằng năm đã huy động được từ 1000 đến 1400 tấn lương thực cho Nhà nước (tăng gấp 3 lần so với năm đầu hợp nhất). Đến nay năng suất lúa bình quân ở Châu giang đã lên tới hơn 10 tấn một héc ta.

Hiện nay, 95% gia đình xã viên hợp tác xã chúng tôi đã có nhà ngói và đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa mới. Hằng năm hợp tác xã đã trợ cấp cho 600 cháu ở nhà trẻ 21 tấn gạo, 4 tấn đường, 1,5 tấn thịt, 4 tấn đậu tương, 24000 quả trứng, bảo đảm cho các cháu có 3 chế độ ăn theo 3 lứa tuổi khác nhau. Đến năm 1984 hợp tác xã Châu giang đã thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội cho xã viên hết tuổi lao động. Năm 1985 đã có 1500 xã viên nhận lương hưu trí với tổng số tiền trên 1 triệu đồng (tiền ngân hàng cũ).

Châu giang có, đảng bộ xã vững mạnh, có đội ngũ cán bộ nhiệt tình, giàu kinh nghiệm, đoàn kết toàn dân xây dựng hợp tác xã và nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

Thực tế 10 năm qua ở Châu giang đã chứng minh rằng: những thành tích toàn diện và sự trưởng thành của hợp tác xã bắt nguồn từ sức mạnh lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của đảng bộ xã – một đảng bộ vững mạnh. Ở Châu giang, sức mạnh lãnh đạo của đảng bộ cũng chính là sức mạnh của từng chi bộ, nhất là các chi bộ đội sản xuất.

Đảng bộ Châu giang chúng tôi nhận thức rằng, trình độ tổ chức sản xuất kinh doanh của hợp tác xã có mạnh hay không là tùy thuộc phần lớn vào trình độ điều hành của cán bộ đội sản xuất. Chúng tôi đã tập trung mọi cố gắng vào việc nâng cao năng lực tổ chức chỉ đạo của chi bộ, nhất là nâng cao trình độ quản lý, điều hành của cán bộ đội sản xuất. Chúng tôi đã xác định rõ trách nhiệm của đội sản xuất trong việc hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các hộ xã viên xây dựng và thực

Digitized by Google

hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của hợp tác xã; tăng cường sự giúp đỡ của tập thể đối với mỗi gia đình xã viên không chỉ về chính trị tư tưởng mà cả về vật chất như cho vay vốn, vật tư để đẩy mạnh sản xuất. Ở Châu giang, cùng với sự phát triển kinh tế tập thể, kinh tế gia đình xã viên cũng phát triển mạnh. Khi mà mỗi gia đình xã viên đã đủ ăn, đủ tiêu thì việc thanh toán khoán, thanh toán nợ nần với hợp tác xã cũng được sòng phẳng (mấy vụ nay không còn tình trạng khê đọng sản phẩm). Đây là nhân tố vật chất quan trọng tạo nên sự gắn bó giữa Đảng và quần chúng, giữa xã viên và hợp tác xã, và cũng là động lực thúc đẩy mọi người hăng hái sản xuất. Hơn nữa, trong điều kiện địa phương chúng tôi có trên 40% đồng bào theo đạo thiên chúa, nếu không có chi bộ mạnh, đảng viên gương mẫu, cán bộ công tâm, một lòng một dạ vì tập thể thì chúng tôi không thể thực hiện tốt chính sách tôn giáo của Đảng, đoàn kết tốt lương giáo để xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Châu giang đã xây dựng được các tổ chức quần chúng ở các họ đạo. Qua phong trào thi đua sản xuất đã có nhiều xã viên là người theo đạo thiên chúa được bồi dưỡng trở thành cán bộ, đảng viên; ở các họ đạo đều có chi bộ Đảng. Hiện nay các đồng chí bí thư đảng ủy, trưởng công an xã, phó chủ nhiệm hợp tác xã phụ trách trồng trọt, trưởng ban kế hoạch, ủy viên thường trực ủy ban nhân dân, hội trưởng phụ nữ xã v.v. đều xuất thân từ gia đình gốc đạo thiên chúa. Ngoài công tác xây dựng chi bộ mạnh, xây dựng các tổ chức quần chúng mạnh và đoàn kết toàn dân, đảng bộ Châu giang đã rất coi trọng việc bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ theo phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm ». Ngoài việc mở trường phổ thông trung học vừa làm vừa học tại xã để nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ, đảng viên, xã viên, Châu giang còn gửi người đi học ở một số trường đại học, trung cấp, sơ cấp kỹ thuật nông nghiệp. Đến nay hợp tác xã đã có 6 kỹ sư kinh tế, cơ khí, chăn nuôi, trồng trọt và 100 cán bộ trung cấp, sơ cấp; 90% cán bộ làm kinh tế trong hợp tác xã có trình độ trung học phổ thông. Đội ngũ cán bộ chủ chốt trong hợp tác xã hiện nay có già có trẻ, có người được đào tạo ở trường chính quy, có người trưởng thành từ phong trào sản xuất. Đây là vốn rất quý, là nhân tố quyết định đưa phong trào Châu giang vững bước tiến lên.

Mười năm qua, về mọi mặt hợp tác xã chúng tôi đã đạt được một số thắnh tích bước đầu. Bên cạnh đó chúng tôi cũng còn những thiếu sót, khuyết điểm. Hiện nay, trình độ thâm canh của hợp tác xã Châu giang dang có xu hướng dừng lại trong khi năng suất lúa của một số hợp tác xã khác trong huyện đã vượt lên; đời sống một số hộ xã viên trong hợp tác xã vẫn còn khó khăn, nhiều yêu cầu thiết yếu về đời sống, văn hóa của nhân dân chưa được đáp ứng... Mặc dù được vinh dự lớn Nhà nước tặng danh hiệu đơn vị anh hùng lao động, hợp tác xã chúng tôi không chủ quan, thỏa mãn. Trong thời gian tới, chúng tôi phải phấn đấu đưa nhanh những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp, tạo nên chất lượng mới về thâm canh tăng năng suất cây trồng và con gia súc; đồng thời mở rộng và phát triển mạnh ngành nghề, nhất là các ngành nghề xuất khẩu để tăng thu nhập cho hợp tác xã và đóng góp ngày càng nhiều cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Digitized by Google

NHẬT TÂN

GƯƠNG MẶT TRUNG ĐOÀN 567

CHIẾN CÔNG TRONG CUỘC CHIẾN ĐẤU MỚI

Ngày nay, trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chống bọn bành trướng bá quyền Trung quốc, quân đội ta lại có những đơn vị anh hùng mới. Với những chiến công vang dội, những đơn vị đó đã phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt nam lên một bước mới. Trung đoàn 567 là một trong những đơn vị đó.

Trung đoàn 567 ra đời khi cuộc tổng tiến công mùa xuân năm 1975 đang tiến đến thắng lợi hoàn toàn. Ngay từ khi mới thành lập, trong khi thế sôi sục giải phóng miền Nam, trung đoàn đã khẩn trương huấn luyện hàng nghìn cán bộ, chiến sĩ kịp thời vào Nam tham gia chiến đấu. Khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, trung đoàn chuyển sang làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế. Dù phá đá, làm đường, dù ngăn sông, đắp đập hay làm cầu, trồng rừng... nhiệm vụ nào trung đoàn cũng hoàn thành xuất sắc. Chỉ trong hai tháng làm nhiệm vụ kinh tế, trung đoàn đã làm lãi cho Nhà nước gần hai triệu đồng.

Hòa bình được lập lại không bao lâu, thì bọn bành trướng bá quyền Trung quốc quấy phá, lấn le xâm lược nước ta, trung đoàn chuyển hẳn sang làm nhiệm vụ thường trực chiến đấu. Ngày 17-2-1979 tại Cao bằng, trung đoàn đã kịp thời nổ súng tiêu diệt quân Trung quốc ồ ạt sang xâm lược nước ta. Suốt 12 ngày đêm chiến đấu ngoan cường, đương đầu với 2 sư đoàn địch, trung đoàn đã tiêu diệt 6060 tên địch, bắt sống 9 tên, bắn cháy 63 xe tăng và các xe quân sự khác, thu và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh. Trận đánh mở màn này đã làm cho trung đoàn nổi tiếng. Từ đó, trung đoàn trở thành đơn vị độc lập của một quân đoàn chủ lực làm nhiệm vụ cơ động chiến đấu.

Từ tháng 2-1985, trung đoàn được lệnh bảo vệ Vị xuyên (Hà tuyên), nơi nóng bỏng nhất của cuộc chiến tranh lấn chiếm biên giới. Chỉ trong 10 tháng chiến đấu, trung đoàn đã đương đầu với 3 sư đoàn địch thay nhau tham chiến, đánh bại hơn 60 lần tiến công của giặc từ cấp tiểu đội đến cấp trung đoàn, đánh bại 1 đại đội phòng ngự kiên cố của giặc, tiêu diệt 2753 tên, bắt sống 4 tên, bắn sập 10 ụ súng, làm nổ 10 hầm chứa hàng chục tấn đạn, thu rất nhiều súng đạn, máy thông tin và các trang bị khác...

Những chiến công liên tiếp của trung đoàn 567 tại nơi chiến đấu nóng bỏng nhất đã làm cho nhân dân ta càng tin yêu và cảm phục các cán bộ và chiến sĩ của trung đoàn. Đảng và Nhà nước đã tặng danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho trung đoàn. Như vậy, kể từ ngày thành lập đến nay, trung đoàn đã được tặng thưởng 2 lẵng hoa của bác Tôn, 6 danh hiệu anh hùng cho các cấp trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội và cá nhân, 1 huân chương chiến công

Digitized by Google

hạng nhì, 255 huân chương chiến công loại khác, hàng trăm bằng khen và giấy khen.

ĐẰNG SAU NHỮNG CHIẾN CÔNG

Những nhân tố nào đã làm cho trung đoàn có sức mạnh liên tiếp lập được chiến công như thế? Nhìn vào quá trình xây dựng và chiến đấu của trung đoàn, thấy có mấy nhân tố cơ bản. Đó là:

1. Kịp thời tìm ra và thực hiện cách đánh chủ động, sáng tạo, có hiệu quả cao.

Chúng ta đã đánh bại nhiều kẻ thù, nhiều chiến lược, chiến thuật chiến tranh và có nhiều trận đánh xuất sắc đã đi vào sử sách. Song hoàn cảnh chiến đấu mới, kẻ thù mới cùng những yêu cầu mới của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ngày nay có nhiều điểm không giống các thời kỳ trước đây. Trung đoàn một mặt kế thừa và phát huy những kinh nghiệm của thời chống Pháp, chống Mỹ, mặt khác rất chú trọng tìm ra cách đánh mới phù hợp với những điều kiện chiến đấu cụ thể, làm thất bại các thủ đoạn chiến thuật thâm độc của địch. Bọn phản động Trung quốc khác thực dân Pháp và đế quốc Mỹ là chúng đông người, ở liền núi, liền sông với ta. Chúng thông thạo địa hình nước ta, biết nhiều tình hình của ta, có những liên hệ, móc nối bên phía ta. Chúng dùng nhiều thủ đoạn thâm độc đánh ta, lúc thì dùng chiến thuật «lấy thịt đè người», hết lớp này đến lớp khác xông lên, chiếm lĩnh trận địa, lúc thì tung từng đơn vị nhỏ dưới sự yểm trợ rất mạnh của pháo binh, kết hợp với động tác giả để tiến công lấn chiếm, lúc thì chờ thời cơ dùng pháo tập trung cao độ để tiêu diệt quân ta... Gắn với những thủ đoạn chiến thuật trong chiến đấu, chúng tiến hành thường xuyên những thủ đoạn chiến tranh tâm lý rất xảo quyệt nhằm làm lung lạc ý chí chiến đấu của các chiến sĩ ta. Cuộc chiến đấu chống bọn xâm lược Trung quốc vừa ác liệt vừa căng thẳng kéo dài, lại liến hành ở những nơi địa hình hiểm trở, rừng rậm, núi cao, khí hậu khắc nghiệt, tiếp tế khó khăn, nhiều khi chiến đấu đơn độc... Trong điều kiện đó, nếu bộ đội ta không tìm ra những cách đánh mới thích hợp, linh hoạt thì còn gặp khó khăn nhiều hơn và khó tránh khỏi tổn thất. Nhận thức đúng và đáp ứng được những đòi hỏi đó, trung đoàn thường xuyên huấn luyện cho cán bộ và chiến sĩ thông thạo địa hình, địa vật, tinh thông kỹ thuật, chiến thuật chiến đấu, giỏi một việc, biết nhiều việc nhằm «địa phương hóa» và «đặc công hóa» trung đoàn, bảo đảm sức chiến đấu cao, đánh độc lập, đánh tập trung, đánh hợp đồng, đánh phân tán đều giỏi. Khi vào trận, các chiến sĩ có thể làm chủ được địa hình, sử dụng thành thạo các loại vũ khí kỹ thuật của mình và sử dụng tốt được cả các vũ khí kỹ thuật khác để tiêu diệt địch. Nhờ vậy, trung đoàn đã đánh thắng ngay cả khi thị xã Cao bằng và hậu cứ của trung đoàn bị địch chiếm giữ, đường vận chuyển, tiếp tế từ phía sau lên hoàn toàn bị cắt đứt. Trung đoàn đã đánh rất hay, diệt gọn lực lượng phòng ngự kiên cố của địch ở điểm cao A6B, chiếm lại A6B và đẩy lùi tất cả những cuộc phản kích điên cuồng của địch. Trung đoàn đã đánh thắng địch cả trong những tình huống trung đoàn ở thế bất lợi hơn địch như ở ngay dưới chân địch hoặc ở bên sườn núi dốc ngay sát lưng địch... Với những cách đánh khôn khéo, sáng tạo của mình, trung đoàn đã củng cố được lòng tin vào khả năng chiến thắng của quân ta, loại trừ những suy nghĩ không đúng khi gặp vấp váp, trở ngại trong chiến đấu.

2. Rèn luyện ý chí chiến đấu cao trong hoàn cảnh chiến đấu ác liệt.

Điều đáng chú ý là dù hoàn cảnh nào, trung đoàn cũng không lùi bước

Digitized by Google

trước khó khăn, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ, dù đó là nhiệm vụ huấn luyện, xây dựng kinh tế hay thường trực chiến đấu. Được phân công bảo vệ biên cương ở nơi nóng bỏng và ác liệt nhất chống lại cuộc chiến tranh lấn chiếm của bọn xâm lược Trung quốc, trung đoàn vừa quan tâm nâng cao trình độ chiến đấu, vừa chú trọng rèn luyện ý chí chiến đấu cho cán bộ và chiến sĩ. Hai yếu tố này có tác dụng đặc biệt quan trọng trong hoàn cảnh chiến đấu của trung đoàn. Chúng quyện chặt vào nhau, tạo nên bản lĩnh chiến đấu và khí phách anh hùng của các chiến sĩ. Những nơi trung đoàn chốt giữ phần lớn là rừng rậm, núi cao hay vách đá hiểm trở, đi lại vận chuyển rất khó khăn, nhiều chỗ phải ép mình lách qua từng người một, nhiều đoạn phải bắc thang, du dây vượt qua, chỉ sơ ý một chút là rơi xuống khe, nhiều nơi ẩm ướt, suốt ngày mây mù bao phủ không có ánh sáng mặt trời... Ở xa dân, lại thường xuyên chạm trán với địch, vận chuyển rất khó khăn, cho nên các chiến sĩ phải sống trong điều kiện hết sức khan khổ, không có rau ăn, không có nước đánh răng, rửa mặt, thường phải nhịn đói, nhịn khát, có những lần 2 – 3 ngày liền không được ăn uống do không tiếp tế lên được. Trung đoàn lại ở xen kẽ, cài răng lược với địch, nhiều nơi ở thế bất lợi hơn địch, mọi động thái của trung đoàn đều khó tránh khỏi tai mắt của địch. Nhiều nơi ta và địch không nhìn thấy nhau nhưng nằm sát nhau, ta nói địch nghe rõ, ngược lại địch nói ta nghe rõ và chỉ cần xê xích một tí chút địa hình, địa vật là lập tức địch tập trung hỏa lực xối xả bắn vào kể cả đạn cối, pháo bắn thẳng 85 ly, 37 ly 11,5 ly, v.v. Chúng bắn không tiếc đạn, có ngày bắn tới 5,3 vạn viên đạn pháo vào một vị trí không rộng. Đất đá, khói bụi mù mịt như đêm tối không thể nhìn thấy mặt nhau. Cuộc chiến đấu hết sức căng thẳng, hầu như không ngày nào là ngày trung đoàn không phải chiến đấu với địch bằng xung lực hoặc bằng hỏa lực. Các chiến sĩ của trung đoàn luôn luôn phải chiến đấu ác liệt bằng súng đạn, lại phải thường xuyên tỉnh táo đấu tranh chống lại chiến tranh tâm lý của địch. Hằng ngày, hằng giờ bọn địch chĩa loa sang nói xấu, đả kích ta, lợi dụng những hiện tượng tiêu cực trong xã hội ta, sử dụng những hình thức văn nghệ để kích động tâm lý chán nản, bực dọc, tình cảm nhớ gia đình, quê hương, kêu gọi chiến sĩ ta bỏ ngũ vượt biên sẽ được đối đãi tử tế, thả hàng chiến tranh tâm lý sang để mua chuộc và lung lạc ý chí bộ đội ta. Cuộc chiến đấu giữ vững biên cương ngày nay cũng có điều làm cho người chiến sĩ dễ suy nghĩ: trước mặt mình là kẻ địch, là gian khổ, hy sinh, nhưng đằng sau mình là cảnh sống hòa bình, yên ổn, vui tươi. Nếu người chiến sĩ không có tinh thần giác ngộ cách mạng cao, không có ý chí chiến đấu vững vàng thì không thể kiên cường bám trụ, giữ vững vị trí chiến đấu của mình được.

Trong hoàn cảnh đó, các cán bộ chỉ huy trung đoàn đã luôn luôn theo sát tình hình tư tưởng, tình cảm của chiến sĩ thông qua tổ chức Đảng và Đoàn thanh niên, giữ quan hệ gần gũi với chiến sĩ để kịp thời động viên, giúp đỡ họ đặc biệt là giáo dục họ nêu cao tình đồng chí, đồng đội và lấy sức mạnh tập thể giúp nhau phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, đồng thời chống lại những tác động tư tưởng, tâm lý của địch. Có thể nói, cả điều kiện chủ quan lẫn hoàn cảnh khách quan đã thật sự rèn luyện các chiến sĩ của trung đoàn có ý chí chiến đấu gang thép. Những chiến sĩ ấy tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, sẵn sàng hy sinh để bảo vệ Tổ quốc. Họ kiên cường bám trụ, liên tục chống chọi với mọi cuộc phản kích ồ ạt và pháo kích dồn dập của

Digitized by Google

địch. Có những lúc chiến đấu hết đợt này đến đợt khác, đạn hết, thương vong nhiều, địch ồ ạt kéo lên chiếm chốt, nhưng các chiến sĩ đã dũng cảm sẵn sàng hy sinh, gọi pháo của ta bắn trùm lên đầu mình để tiêu diệt địch, bảo vệ chốt. Có chiến sĩ du mình xuống hang sâu đuổi bắt địch, bị địch túm chân kéo xuống, đã không ngần ngại rút lựu đạn thả xuống tiêu diệt địch. Có những chiến sĩ mình đầy thương tích ngất đi, tỉnh dậy lại tiếp tục chiến đấu. Có những chiến sĩ tiếp tế đạn được, thực phẩm bị ngã gục dưới làn đạn của địch khi còn cách chốt vài ba mét thì các chiến sĩ khác lại xông lên kế tiếp. Có những chiến sĩ trước lúc hy sinh còn cố dặn lại đồng đội « đừng để mất chốt »...

3. Bảo đảm mối quan hệ keo sơn gắn bó giữa cán bộ và chiến sĩ, giữa quân và dân.

Đây là một truyền thống của quân đội ta đã được ghi trong lời thề danh dự. Trung đoàn luôn luôn vun đắp mối quan hệ tốt đẹp này.

Mối quan hệ giữa cán bộ và chiến sĩ — mối quan hệ giữa chỉ huy và phục tùng, giữa tập trung và dân chủ — được thực hiện một cách thoải mái, không ngăn cách, gò bó. Mối quan hệ đó trước hết bắt nguồn từ tính tiên phong, gương mẫu, tài tổ chức, chỉ huy của cán bộ và niềm tin yêu, cảm phục của chiến sĩ đối với cán bộ. Các cán bộ của trung đoàn đã phát huy được tác dụng tốt trong lãnh đạo, tổ chức chỉ huy đơn vị hoàn thành nhiệm vụ. Nhiều cán bộ tỏ ra rất vững vàng, mưu trí, dũng cảm, chỉ huy tốt, chiến đấu giỏi, dám nhận sự hy sinh về mình. Vì vậy, ở nơi nào, lúc nào người chiến sĩ cũng vững tin, tuân theo sự chỉ huy của cán bộ, noi gương cán bộ vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, sẵn sàng hy sinh để hoàn thành nhiệm vụ. Mối quan hệ gắn bó ấy còn thể hiện rõ ở sự bình đẳng, thân ái giữa cán bộ và chiến sĩ. Cán bộ và chiến sĩ của trung đoàn có thể thường xuyên tâm tình với nhau kể cả việc riêng tư hay ý nghĩ chợt đến mà không ngại ngùng điều gì. Cán bộ và chiến sĩ thương yêu, đùm bọc nhau, giúp nhau sửa chữa khuyết điểm, nhược điểm để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ. Ai nấy đều lấy đơn vị làm tổ ấm, cảm thấy không thể sống thiếu đơn vị, thiếu đồng đội. Nhiều trường hợp trước ngày ra quân, chiến sĩ đã tha thiết xin được ở lại đơn vị. Hoặc có những đồng chí không thuộc diện đi chiến đấu cũng cứ nằng nặc xin đi, bám sát đơn vị và lập công xuất sắc.

Ở đâu hay đi bất cứ nơi nào, trung đoàn cũng giữ được mối quan hệ chặt chẽ với nhân dân. Ban chỉ huy trung đoàn luôn luôn chủ động liên hệ với chính quyền và nhân dân địa phương, giúp địa phương xây dựng lực lượng vũ trang, nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật, chỉ huy và hiệp đồng chiến đấu. Các đoàn thể quần chúng trong trung đoàn kết nghĩa với các đoàn thể quần chúng ở địa phương, trao đổi với nhau về kinh nghiệm công tác và chiến đấu. Ngoài ra, các chiến sĩ còn sẵn sàng giúp đỡ nhân dân xây dựng trường học, nhà trẻ, đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao v.v. Mọi hoạt động của trung đoàn trong mối quan hệ với dân đều vì « hạnh phúc và niềm vui của nhân dân ». Cán bộ và chiến sĩ tôn trọng nhân dân, không vi phạm tài sản, phong tục, tập quán của dân. Nhờ vậy trung đoàn đi đến đâu, ở nơi đâu cũng được dân yêu thương, sẵn sàng che chở, giúp đỡ. Nhiều nơi đồng bào sống còn thiếu thốn, nhưng vẫn chắt chiu góp, tiếp tế cho trung đoàn rau quả, thực phẩm, thuốc nam chữa bệnh. Các hội mẹ chiến sĩ, các đoàn thể quần chúng ở địa phương thường đến với cán bộ và chiến sĩ trước và sau những giờ phút chiến đấu ác liệt để thăm hỏi, động viên,

(Xem tiếp trang 166)

Digitized by Google

LÊ ANH TRÀ

BẢN SẮC DÂN TỘC TRONG VĂN HÓA VÀ VIỆC XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

MỖI dân tộc đều có bản sắc của mình, đó là cái bản chất mà cũng đồng thời là cái đặc trưng, cái dấu ấn chung cho mọi người trong cộng đồng. Bản sắc dân tộc đó có một phần thuộc về sinh học, dòng giống, di truyền và có phần có tính văn hóa được rèn luyện, nuôi dưỡng bằng cuộc sống xã hội, đó là phần bản sắc dân tộc trong văn hóa (*identité culturelle*).

Vấn đề bản sắc dân tộc trong văn hóa (hoặc nói gọn lại là bản sắc dân tộc) là một vấn đề chốt trong việc tìm hiểu con người Việt nam, không thể nghiên cứu tách rời vấn đề hệ thống các giá trị văn hóa của dân tộc.

Bản sắc dân tộc không phải là toàn bộ những giá trị văn hóa tích cực của dân tộc cộng lại, mà chỉ là những đặc điểm bản chất nhất đồng thời cũng là đặc trưng nhất của văn hóa dân tộc, rút ra từ những giá trị, những truyền thống văn hóa dân tộc, nó tiêu biểu cho dân tộc, làm cho một dân tộc không giống với các dân tộc khác về mặt văn hóa, con người...

Nhiều giá trị văn hóa lớn của loài người cũng được tìm thấy ở nhiều dân tộc, nhưng ở mỗi một dân tộc giá trị đó có một cách biểu hiện độc đáo, đặc trưng của mình. Và bên cạnh đó, mỗi dân tộc cũng có những phẩm chất đặc biệt của riêng mình. Ví như dân tộc nào cũng có lòng yêu quê hương, xứ sở, nhưng lòng yêu nước của một dân tộc phát triển, ở một chế độ xã hội tiến bộ là khác với tình cảm quê hương của một dân tộc ở một xứ sở có chế độ kém phát triển. Nhiều dân tộc đều cần cù lao động, nhưng phong cách làm ăn của mỗi nơi một khác, do các điều kiện thiên nhiên, khí hậu, môi trường quy định...

Vừa là bản chất, vừa là cái mang sắc thái riêng, đặc trưng của một dân tộc, bản sắc chính là cái lõi, cái tinh túy của dân tộc đó, nó là sự khái quát cao của toàn bộ mọi giá trị tinh thần, tích cực, nhưng nó không phải là một khái niệm trừu tượng, mà là một tiềm năng được thể hiện qua tư tưởng, ngôn ngữ, tâm lý, tình cảm, hành động, văn học nghệ thuật, văn hóa dân gian, phong tục tập quán, nếp sống... của cả dân tộc.

Bản sắc dân tộc như vậy chính là cái bản lĩnh, cái chân dung, cái tâm hồn của dân tộc đó, cái nguồn làm ra sức mạnh, sự tồn tại, phát triển, ý thức luôn vươn lên phía trước của một dân tộc, quốc gia.

Cũng cần nói rằng, tuy dân tộc nào cũng có một bản sắc văn hóa, nhưng không phải dân tộc nào cũng có một bản sắc vững chắc và phong phú như nhau, và không phải lúc nào mọi dân tộc cũng giữ gìn

Digitized by Google

được bản sắc của mình như giữ gìn con ngươi của mắt. Trong lịch sử, cũng có những dân tộc suy vong đã đánh mất hay làm suy thoái bản sắc của mình, và cả trong thời đại ngày nay cũng không phải ít người, ở một số dân tộc, không giữ được toàn vẹn bản sắc dân tộc, và trở nên mất gốc, lạc lõng...

Dân tộc Việt nam đã luôn giữ vững được bản sắc của mình, và luôn luôn củng cố, phát triển bản sắc đó, lấy đó làm nguồn sức mạnh, chỗ dựa để tiến hành thắng lợi những cuộc đấu tranh một mất một còn chống những kẻ thù dân tộc, và ngày nay trong chặng đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, lấy nó làm cái trục, cái lõi để xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

★

Một đặc điểm của bản sắc dân tộc là tính tương đối ổn định của nó qua lịch sử phát triển của dân tộc. Nó xuất phát từ những cội rễ xa xưa của sự hình thành dân tộc, của những ngày dầu dựng nước, trở thành một cái gốc vững chắc, và qua năm tháng, thời đại, qua hết thế hệ này đến thế hệ khác, cái gốc cứ càng được vun quén, đâm hoa, kết trái ; hoa lá có thể thay nhau rơi rụng, đổi thay, nhưng cái gốc vẫn trường tồn cùng với vận mệnh của cả cộng đồng, dân tộc, đất nước. Trong bản sắc có những yếu tố đã trở thành máu thịt của dân tộc, trở thành một bộ phận của tiềm thức ; điều đó nói lên sự bền vững của bản sắc. Nhưng dù sao bản sắc không phải nhất thành bất biến, mà nó là một quá trình, nó phát triển cùng với sự phát triển của dân tộc, của con người. Và tuy nói chung bản sắc là ổn định, nó vẫn có những sự thay đổi, đôi lúc cũng có thể là nhảy vọt, có một sự phát triển đặc biệt về chất lượng, về tập trường, về tư tưởng. Chẳng hạn như trong những thời kỳ có biến động lớn, có những thay đổi lớn trong cơ cấu xã hội, có sự xuất hiện những tư tưởng lớn. Ví dụ như thời kỳ nước ta được độc lập tự chủ, văn hóa Đại Việt nở rộ, bản sắc dân tộc bị kìm hãm qua 1000 năm Bắc thuộc, nhất định có những sự vươn lên về chất đáng kể.

Cũng như từ sau Cách mạng Tháng Tám đến nay, với sự xuất hiện của tư tưởng Mác — Lê-nin, với những thành công của cách mạng, của các cuộc kháng chiến chống Pháp, rồi chống Mỹ, bản sắc dân tộc ta đã có thêm những phẩm chất thời đại mới mẻ.

Và ngược lại cũng không loại trừ những trường hợp trong những giai đoạn kém phát triển về kinh tế, rối loạn về chính trị, xã hội, xuất hiện những mặt tiêu cực về văn hóa xã hội, thì cái bản sắc dân tộc cũng có thể bị ảnh hưởng một chừng nào, bị lu mờ, nhiễu loạn hoặc có phần bị hoen ố.

Rõ ràng bản sắc dân tộc là một phẩm chất, tuy hầu như gắn chặt với nhận thức và tình cảm của mỗi con người, nhưng không tự nhiên mà có, không bất biến, mà phải trải qua giáo dục, uốn nắn, rèn luyện ; việc giáo dục đó thường là thực hiện một cách tự nhiên, tự phát qua ảnh hưởng của môi trường, cuộc sống, xã hội, nhưng nó còn là việc làm có ý thức của mỗi con người, của Nhà nước, của cộng đồng, dân tộc, thông qua việc giáo dục ở gia đình, ở nhà trường, ở cơ quan, đoàn thể.

Trong giai đoạn hiện nay của đất nước, chúng ta cần nhận định rất rõ bản sắc dân tộc hiện tại của chúng ta, biết rõ bản lĩnh, khả năng, mặt mạnh, mặt yếu của chúng ta, để có một phương án gìn giữ, bồi dưỡng nâng cao các phẩm chất, giá trị văn hóa của chúng ta, từ đó mà làm cho bản sắc dân tộc có một bước phát triển mới, nhằm xây dựng thành công nền văn

Digitized by Google

hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

★

Trong một nước đa dân tộc như nước ta, mỗi dân tộc, mỗi tộc người (ethnie) ở cấp độ của mình cũng có một bản sắc. Ví dụ như ngoài dân tộc Kinh (Việt), các dân tộc Tày, Nùng, Thái, Mường, H'Mông, Dao, các tộc người Tây nguyên, Khơ me Nam bộ, Chăm... đều có bản sắc riêng của mình. Bản sắc dân tộc chung cho cả nước Việt nam chủ yếu phải dựa vào sự kết hợp bản sắc của dân tộc chủ thể là dân tộc Việt (là yếu tố trội) với bản sắc của các tộc người quan trọng khác nêu trên. Do sự chung sống với nhau lâu dài trên một quốc gia, cùng chia sẻ vui buồn, cùng có những kẻ thù chung phải đấu tranh chống lại và có chung những thắng lợi vẻ vang, các dân tộc đã chịu ảnh hưởng lẫn nhau về văn hóa, và các bản sắc này cùng giao lưu tác động lẫn nhau, xích lại gần nhau, lẽ tất nhiên là ảnh hưởng của dân tộc chủ thể còn là có tính trội.

Khuynh hướng các nền văn hóa các dân tộc xích lại gần nhau, tiếp biến, đan xen với nhau, đề cho nền văn hóa Việt nam ngày càng thống nhất, nhất định tạo nên một bản sắc chung cho tất cả người Việt nam, dân tộc Việt nam ngày càng vững chắc. Tuy vậy từng tộc người cũng vẫn giữ những nét bản sắc của tộc mình, điều đó hoàn toàn không cản trở sự phát triển của bản sắc chung, mà lại làm cho nó phong phú hơn. Cũng như ngay trong tộc người Kinh, cũng có thể giữ lại những nét văn hóa độc đáo của từng vùng văn hóa (như Bắc bộ, miền Trung, miền Nam, v.v.). Chủ trương của chúng ta là không xóa nhòa các bản sắc nhỏ trong một bản sắc lớn. Ngay như đối với từng con người, cũng cần phải giữ được sự phát triển tự do từng cá tính sáng tạo, không xóa nhòa sự độc đáo cá nhân trong sáng tạo nghệ thuật. Nói cho cùng, trong thế giới, không một người nào lại hoàn toàn giống một người khác, đó là quy luật của thiên nhiên, và đó cũng là quy luật xây dựng con người.

Chúng ta còn phải thấy một cấp độ khác của bản sắc văn hóa.

Trên thế giới, có những « vùng văn hóa » lớn, hình thành theo yếu tố địa lý, kết hợp với yếu tố dân tộc, lịch sử, như vùng Đông Nam Á, Nam Á, vùng Tây Âu, Bắc Âu, Đông Âu, Trung Cận Đông, Nam Bắc Mỹ, v.v. Đối với những vùng văn hóa lớn như vậy, cũng có những nét bản sắc chung cho từng vùng, mà sự hiểu biết rất có ích cho việc giao lưu văn hóa trên thế giới.

Trong thời đại nền văn hóa thế giới có những bước tiến khổng lồ, nhất là về khoa học kỹ thuật, khi mà tất cả các nền văn hóa thế giới đều có điều kiện để tiếp xúc và ảnh hưởng lẫn nhau, các nền văn hóa trong đó có bản sắc văn hóa các dân tộc, đều chịu sự tác động lẫn nhau rất mạnh mẽ, làm cho bản sắc dân tộc các nền văn hóa có điều kiện tiếp biến lẫn nhau, bớt dần đi những yếu tố quá riêng và du nhập những yếu tố phổ quát. Nhiều trường hợp có thể xảy ra. Trong quan hệ giữa các nước tư bản chủ nghĩa, thì thường là văn hóa nước lớn không chế văn hóa nước bé, nước nghèo, và sự tiếp biến văn hóa ở đây là một hình thức bất bình đẳng văn hóa, một kiểu thực dân mới về văn hóa, như việc lối sống Mỹ lan tràn sang các nước, làm cho một số nước dân tộc chủ nghĩa thiếu cảnh giác chạy theo lối sống tiêu thụ, sùng bái những hào nhoáng văn minh tư bản chủ nghĩa, khiến cho nền văn hóa dân tộc truyền thống ngày càng trở nên lai căng, mất gốc, tác hại cả đến độc lập chính trị và kinh tế.

Digitized by Google

Chính chủ nghĩa thực dân mới đã áp dụng chính sách tiếp biến văn hóa theo kiểu xâm lược đó, du nhập những sản phẩm văn hóa tiêu cực, đồi trụy, hòng làm cho bản sắc dân tộc các nước bị xói mòn, từ đó mà ý chí đấu tranh cho độc lập dân tộc thật sự của nhân dân bị tổn thương, có thể dẫn đến những diễn biến chính trị trong hòa bình có lợi cho đế quốc.

Các nước dân tộc ngày càng thấy rõ âm mưu đó, có chính sách giao lưu văn hóa đúng đắn, để bảo vệ những giá trị và truyền thống của mình, vì cảnh giác cao với các thủ đoạn văn hóa của chủ nghĩa đế quốc. Không phải vô cớ mà hiện nay trên thế giới, ở nhiều nước có phong trào nhân dân tìm hiểu và gìn giữ *bản sắc* văn hóa của dân tộc, trở về cái gốc văn hóa, coi đó như một biện pháp có hiệu quả để phát triển tinh thần yêu nước và đấu tranh dân tộc.

Giữa các nước xã hội chủ nghĩa, vấn đề giao lưu văn hóa diễn ra theo một quy luật khác. Theo chúng ta, sự giao lưu và tác động văn hóa giữa các nước xã hội chủ nghĩa chính là quy luật phát triển của các nền văn hóa ấy. Chúng ta luôn luôn giữ vững bản sắc dân tộc của văn hóa chúng ta, nhưng chúng ta không hẹp hòi, đóng cửa, mà sẵn sàng tiếp thu cái mới, cái cách mạng, mọi tinh hoa văn hóa của thế giới, để bổ sung không ngừng các giá trị văn hóa, bản sắc văn hóa của chúng ta. Tiếp biến văn hóa (acculturation) theo hướng xã hội chủ nghĩa là quy luật tất yếu của văn hóa Việt nam, với điều kiện là sự tiếp biến đó lấy những yếu tố nội sinh (endogène) làm chủ đạo, không để các yếu tố ngoại sinh (exogène) lấn át; có như vậy mới giữ vững và phát triển bản sắc dân tộc.

★

Việc nghiên cứu bản sắc dân tộc trong văn hóa gặp nhiều khó khăn. Mọi người đều cảm thấy ở con người Việt nam những tính chất đặc trưng, những nét đặc biệt Việt nam, nhưng tổng kết chúng lại nêu lên thành một bản chất — đặc trưng không phải là vấn đề dễ dàng.

Trước hết chúng ta cần có một sự hiểu biết về toàn bộ các giá trị và truyền thống văn hóa dân tộc. Việc tiếp cận này cần được thực hiện cả bằng nhận thức bằng tư duy lô gic và cả bằng cảm thụ qua tư duy hình tượng, nghĩa là bằng cả hai mặt lý tính và cảm tính. Một sự phân tích thuần lý tính khó mà làm cho ta nhận thức đầy đủ về cái sâu kín nhất của tâm hồn, cái tế nhị nhất của một tình cảm. Vì vậy mà các tác phẩm nghệ thuật là cái nguồn phong phú để chúng ta có thể tìm hiểu những phẩm chất, tâm lý, tình cảm của con người Việt nam.

Trước nay nhiều nhà nghiên cứu cũng đã cố gắng nêu lên được một số giá trị bản chất của dân tộc Việt nam, ví như: lòng yêu nước cổ truyền, sâu sắc, bất khuất, anh hùng trước mọi sự xâm lăng, và ngày nay được nâng cao thành tình yêu nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần cần cù lao động, chịu đựng mọi gian khổ, thử thách, kiên trì bảo vệ cuộc sống của mình và của cộng đồng, tinh khéo tay hay làm, biết thích ứng với mọi hoàn cảnh, phong cách sống giản dị, lạc quan; tình thương yêu nhân hậu đối với thiên nhiên và con người, bắt đầu từ gia đình, làng xóm, đến những người nghèo khổ, và ngay cả đối với kẻ thù đã bị khuất phục, v.v.

Cũng có người nhấn mạnh tính anh hùng mà giản dị, hoặc tính chất vừa anh hùng quyết liệt vừa mềm dẻo, dễ thích nghi như một cặp phạm trù sóng đôi với nhau trong bản chất dân tộc Việt nam.

Digitized by Google

Cũng có người nhấn mạnh tính vô thần, không cuồng tín trong tôn giáo, tính hiếu khách, không cố chấp, tính khoan hồng...

Có người lại nhấn mạnh phong cách tế nhị, kín đáo, không thiên về hình thức mà đi sâu vào tâm lý biểu hiện trong một nền nghệ thuật trữ tình sâu sắc, qua những phong tục hài hòa.

Người ta cũng cho rằng về phương diện thẩm mỹ người Việt nam có những sở thích, thị hiếu tinh tế, không ồn ào, loè loẹt mà lắng đọng hài hòa, biểu thị một tâm hồn nhân hậu với những tình cảm đằm thắm, lạc quan, chung thủy...

Bên cạnh những giá trị tích cực, các nhà nghiên cứu cũng đã nêu lên những mặt hạn chế, những cái yếu kém do chế độ cũ, nền kinh tế xã hội cũ gây nên, trong đạo đức, lối sống, phong tục tập quán... Đó là những mặt yếu, những yếu tố tiêu cực nảy sinh trong quá trình đấu tranh giữa cái thiện và cái ác. Cái ác bao giờ cũng bị nhân dân lên án và thù ghét, những dấu vết của nó tự rơi dần khỏi các di sản. Những yếu tố tiêu cực phi nhân đạo tuy lúc nào cũng có, nhưng không thể được tính trong các giá trị truyền thống dân tộc, và chúng cũng không thể phản ánh vào bản sắc dân tộc là cái tinh túy luôn có ý nghĩa tích cực (1).

Cho đến nay, chúng ta chưa có thể tổng kết chính xác và đầy đủ các phẩm chất nói trên thành một bảng giá trị hoàn chỉnh về văn hóa của dân tộc.

Tuy vậy chúng ta có thể tự hào một cách chính đáng rằng dân tộc Việt nam trong quá trình lịch sử lâu dài và oanh liệt của mình, đã xây dựng được cho mình những giá trị tinh thần vững chãi, có tính năng động và phong phú, giữ vững và phát triển các giá trị đó thành một bản sắc vô cùng quý giá. Từ những cái đã hiểu biết, chúng ta cũng đã có cơ sở để tìm ra cái lõi, cái tinh túy của mọi giá trị, và đúc kết lại thành một *chất lượng tổng hợp tâm lý — đạo đức — tư tưởng — thẩm mỹ*, vừa bản chất vừa đặc trưng cho văn hóa dân tộc, chi phối cả ý thức và tiềm thức, và biểu hiện trong mọi hoạt động của con người và xã hội.

Cái chất lượng tổng hợp đó chính là bản sắc dân tộc trong văn hóa. Mỗi người Việt nam, tùy theo trình độ, sự thông tuệ của mình, có thể nhận thức và thụ cảm được nó. Nhưng đòi hỏi nêu lên thành một công thức cô đọng, một định nghĩa chặt chẽ thì rất khó, và có thể không bao giờ thật đầy đủ và hoàn chỉnh.

Muốn nhận thức thật đầy đủ bản sắc dân tộc của một nền văn hóa, cần phải tiếp cận bằng nhiều cách, bằng suy nghĩ lý luận và cả bằng cảm nhận, chiêm nghiệm, bằng sáng tạo nghệ thuật văn học. A-lếch-xây Tôn-xtôi có viết một truyện ngắn: *Tính cách Nga*, nhà văn chỉ nêu ra một hình tượng về một tình yêu chung thủy vô cùng đẹp đẽ và để cho ta tự kết luận thế nào là tính cách của người Nga. Còn như Bô-rit Pô-lê-vôi thì cho ta biết về bản sắc Xô viết không phải bằng giới thuyết mà bằng cả một loạt chuyện nổi tiếng trên thế giới về những anh hùng Xô viết. Và chính ở Liên xô, cũng như ở các nước khác, cũng chưa có một sự tổng hợp thật đầy đủ về bản sắc của dân tộc các nước đó.

Trên thế giới, cũng thường lưu hành một số tính từ dành cho một số nước, ví dụ như người Anh thì lạnh lùng, người Pháp thì xã giao lịch sự, người Đức thì keo kiệt, người Nhật thì thực dụng, v.v. Chúng tôi cho rằng đó chưa phải là bản sắc dân tộc, mà chỉ

(1) Xem *Về giá trị văn hóa tinh thần Việt nam* (2 tập). Nxb Thông tin lý luận, Viện Mác — Lê-nin, Hà nội, 1983.

Digitized by Google

là một nét nổi bật người nước ngoài dễ thấy ở dân tộc đó, nhưng chưa phải là cái tinh túy của họ. Thường thì những thuộc tính đó có tính giễu cợt và có xu hướng chê bai, hài hước, biểu hiện một sự đánh giá chủ quan, chứ không phải xuất phát từ nhận thức khách quan, khoa học.

Dù có khó khăn, chúng ta cũng đã đi đến một nhận định tương đối thống nhất về bản sắc dân tộc của văn hóa Việt nam.

Bản sắc Việt nam là bản chất tốt đẹp nhất của văn hóa Việt nam, mà đặc trưng nổi bật nhất, theo chúng tôi, là *tình nghĩa* đậm đà, sâu sắc đối với đất nước, quê hương, con người, bè bạn, với một phong độ và sự biểu hiện mực thước, vừa anh hùng vừa bình dị, lạc quan mà khiêm tốn.

Cái bản sắc đó đã đóng vai trò xúc tác rất quan trọng trong lịch sử phát triển của đất nước, và hiện nay cũng như cả sau này, nó cũng sẽ đóng vai trò hết sức quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Để gìn giữ kho báu văn hóa dân tộc, bản sắc dân tộc phải được đổi mới, cũng là luôn tự nâng mình lên cho kịp với biến chuyển của khách quan, của thời đại. Trước sự đòi hỏi của đất nước trong thời đại mới bản sắc dân tộc có sự biến động tự thân, vươn lên thu nạp những yếu tố mới xã hội chủ nghĩa, như chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, tinh thần quốc tế vô sản, và những tư tưởng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, cùng với những phong cách biểu hiện hết sức phong phú và mới mẻ.

Bản sắc Việt nam ngày nay đang tự nâng lên thành một bản sắc dân tộc xã hội chủ nghĩa.

Đây là một sự phát triển không tự phát, mà có tính tự giác, nằm trong đường lối giáo dục con người, trong chiến lược con người của Đảng ta. Muốn xây dựng thật vững chắc con người mới, phải chú trọng xây dựng chính ngay bản sắc.

Những biện pháp sau đây nhằm củng cố và phát triển bản sắc dân tộc, cũng đồng thời nằm trong kế hoạch xây dựng một nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa:

— Nghiên cứu sâu sắc bằng nhiều phương pháp, biện pháp, mọi giá trị văn hóa dân tộc, mọi truyền thống tốt đẹp của tất cả các tộc người, các vùng văn hóa và ở mọi lĩnh vực cuộc sống. Có kế hoạch chọn lọc, đánh giá và giới thiệu, giáo dục có hệ thống, làm cho các giá trị đó được phổ biến rộng rãi, ăn sâu vào các tầng lớp, các thế hệ, để mọi người, mọi tộc người có thể cùng học hỏi, rèn luyện, do đó mà xây dựng được một bản sắc văn hóa ngày càng phong phú và đa dạng trong một tính thống nhất vững chãi.

— Đẩy mạnh việc giao lưu văn hóa với thế giới, nhất là với các nước xã hội chủ nghĩa, học tập tinh hoa văn hóa thế giới một cách có chọn lọc và phân tích, để không làm nhiễu các truyền thống, làm cho các giá trị mới bổ sung vào các giá trị cổ truyền, làm cho bản sắc dân tộc được nâng lên ngang tầm thời đại, mà vẫn giữ được cái gốc, cái lõi của mình, giữ được cái đẹp Việt nam.

— Kiên quyết khắc phục những điểm yếu trong bảng giá trị văn hóa Việt nam, kiên quyết từ bỏ những cái lạc hậu và tiêu cực trong nếp sống, xây dựng những phong tục tập quán mới, lối sống mới.

Con người mới Việt nam xã hội chủ nghĩa chỉ có thể phát triển một cách hoàn chỉnh (toàn diện và hài hòa) khi bản sắc văn hóa là hạt nhân của nó đã trở thành một bản sắc dân tộc xã hội chủ nghĩa

Digitized by Google

TRẦN TRỌNG ĐĂNG ĐÀN

MẤY SUY NGHĨ VỀ ĐỜI SỐNG VĂN HỌC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỪ SAU GIẢI PHÓNG

MƯỜI năm qua, văn học tại thành phố Hồ Chí Minh đã thu được những thành tựu to lớn. Đây là thập kỷ đầu tiên trong lịch sử hơn ba trăm năm của thành phố, văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa trở thành trào lưu văn học chính thống. Hàng vạn tác phẩm văn học ra đời và lưu hành trong thành phố mười năm qua phần lớn là những tác phẩm được sáng tác theo phương pháp tiến bộ nhất, khoa học nhất — phương pháp sáng tác lấy thế giới quan mác xít — lê nin nít làm cơ sở triết học — chính trị, lấy nguyên lý tính đảng vô sản làm nguyên lý tư tưởng — thẩm mỹ chủ đạo của mình.

Chỉ riêng trong hệ thống xuất bản của thành phố, trong mười năm qua đã có hơn *một ngàn bảy trăm tựa* sách ra mắt bạn đọc. Và chỉ tính riêng trên mười loại báo chí lưu hành tương đối rộng rãi ở thành phố này đã có *trên một vạn bài thơ, trên một ngàn năm trăm truyện ngắn và ký*... với nội dung lành mạnh mà đa số tác giả là văn nghệ sĩ ở ngay thành phố. Nhiều bài thơ hay đã trở thành lời của những ca khúc được hàng vạn công chúng yêu thích ; có những tác phẩm tốt cho điện ảnh, cho sân khấu ; nhiều tác phẩm văn xuôi là gốc rễ căn bản cho những vở kịch, bộ phim hay ; công tác nghiên cứu, lý luận, phê bình, dịch thuật văn học có những đóng góp quý. Văn học dành cho lứa tuổi nhỏ cũng đã đạt được nhiều thành tích rất đáng khích lệ, nhất là những năm gần đây.

Dương nhiên, trong đời sống văn học tại thành phố Hồ Chí Minh mười năm qua không phải không có những hiện tượng không làm vui lòng người đọc. Qua truyện ngắn *Con búp bê chú hề đánh trống*, liên hệ tới tình hình chính trị, xã hội của miền Nam, của thành phố những năm 1979 — 1980, ta không khỏi băn khoăn về chỗ đứng, về trách nhiệm của người cầm bút. Đọc truyện ngắn *Qua đèo*, chúng ta không khỏi phiền lòng về mặt đạo lý thông thường của thế hệ sau đối với các thế hệ đi trước, và băn khoăn về chỗ đứng, về cách nhìn của người cầm bút đối với nguồn gốc của chiến tranh... và khi một người làm thơ, thay vì nói : khi tôi chưa ra đời, lại thốt lên trong tác phẩm của mình rằng : " Khi tôi còn là hạt bụi "..., tức là đã bộc lộ một quan niệm xa lạ với chúng ta về mặt thế giới quan, về nhân sinh quan, về nguồn gốc của con người, mà đó là điều có hại cho bạn đọc mới... Một vài truyện vừa làm cho chúng ta nghĩ tới sự xa lìa chức năng giáo dục của văn học đối với công chúng. Một số thơ vui, truyện ngụ ngôn tạo ra chủ đề lấp lửng, châm biếm, đả kích không đúng đối tượng..., gây phản tác dụng trong suy nghĩ của người đọc. Việc chọn dịch, cách dịch văn học nước ngoài cho

Digitized by Google

bạn đọc thành phố cũng không phải luôn luôn tạo được những hiệu quả tốt. Qua những mẩu dịch chuyện dân gian Mỹ da đen như: *Sự tiến tri sai lầm của chú Gôn*, hoặc *Sự phát giác của Li-ât* chẳng hạn, chúng ta khó tin rằng bạn đọc có thể thấy rõ hơn phẩm chất, giá trị của người da đen ở Mỹ, để có thể thêm căm ghét tệ phân biệt chủng tộc... mà có khi còn bị tác dụng ngược lại. Trong hoạt động nghiên cứu, lý luận, phê bình cũng không phải đã tránh khỏi những điểm hời hợt, thiếu sót...

Những hiện tượng không làm vui lòng bạn đọc mới như vậy có thể tìm thấy nhiều hơn nữa, nhưng tất cả cộng lại cũng chỉ là thứ yếu, so với khối lượng tác phẩm to lớn làm nên thành tựu văn học của thành phố. Nhìn trên toàn cảnh, chúng ta có thể mạnh dạn nói rằng: tác phẩm văn học của thành phố Hồ Chí Minh mười năm qua là tốt. Đó là những tác phẩm cố gắng mô tả hiện thực một cách chân thực trong xu thế phát triển cách mạng của nó nhằm góp phần giáo dục công chúng tinh thần cách mạng xã hội chủ nghĩa và lý tưởng cộng sản. Những người sáng tác ra những tác phẩm này đã thông qua nghệ thuật ngôn từ mà khẳng định cái mới, cái tích cực, cái tốt đẹp trong cuộc sống là chủ yếu; đồng thời phê phán nghiêm khắc những mặt tiêu cực, lạc hậu, sai trái còn tồn tại trong xã hội ta hiện nay nhằm khắc phục dần, tiến tới hoàn toàn loại bỏ chúng.

Như vậy, mười năm qua, đội ngũ những người làm văn học của thành phố Hồ Chí Minh đã có những đóng góp tích cực, mang ý nghĩa to lớn, đồng thời cũng tạo cơ sở cho việc góp phần hình thành những khía cạnh lý luận mới; tạo cơ sở cho việc góp phần khẳng định, phát triển, ứng dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của lý luận văn học, mỹ học nói chung và cho việc góp phần bổ sung, hoàn chỉnh những nền tảng lý luận cho văn học Việt nam, cho văn nghệ Việt nam nói riêng.

Cùng với những thành tựu, những đóng góp ấy, trên đường đi lên, thực tế mới của cách mạng đang đặt văn học thành phố Hồ Chí Minh trước hàng loạt vấn đề mới, đòi hỏi phải giải quyết bằng *biện pháp cụ thể* bằng *hoạt động thực tiễn* và *từ góc độ lý luận*.

Khi đặt trách nhiệm nhìn lại mười năm văn học của thành phố Hồ Chí Minh với yêu cầu như vậy, trước mắt chúng ta hiện lên cùng lúc rất nhiều vấn đề lớn, nhỏ khác nhau, nhưng liên quan mật thiết với nhau và đều có nhu cầu phải quan tâm giải quyết.

Ở đây, chỉ đi vào một vài vấn đề

Trước hết là *đối tượng miêu tả của văn học* mà chúng ta luôn dành phần ưu tiên cho các vấn đề đương đại tức là thể hiện công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay. Đó là điều rất đúng, đồng thời rất khó. Ở đây thường tồn tại những mâu mâu giữa *hiện thực có thực và hiện thực nói được, mô tả được* trong tác phẩm văn học. Thừa nhận giữa hai cái đó cần có một khoảng cách, người cầm bút cũng phải làm thế nào nhận thức cho thật nhạy bén những điều kiện mới để có thể nói ngay lên được những điều mà mới hôm qua còn chưa nói được, để rút ngắn khoảng cách giữa *hiện thực có thực* và *hiện thực nói được*, tăng thêm lượng thông tin cho tác phẩm, mở rộng phạm vi đề tài và chủ đề. Đó là điều rất cần thiết mà mười năm qua chưa phải nhiều nhà văn của chúng ta đã làm được.

Ưu tiên cho đề tài hiện đại là đúng, nhưng ngay tác phẩm đề tài đương đại cũng yêu cầu phải có chiều sâu lịch sử. Tùy quy mô tác phẩm mà xác định chiều sâu lịch

Digitized by Google

sử. Một tác phẩm lấy cuộc sống hiện này làm đối tượng mô tả, nhưng trong đó có thể có tinh thần của cả hơn ngàn năm lịch sử dân tộc. Và không chỉ chiều sâu lịch sử dân tộc mà có thể cả chiều rộng của lịch sử nhân loại nữa. Ở một mặt khác, chúng ta cũng còn thấy rằng có không biết bao nhiêu vấn đề thuộc quá khứ nhưng vẫn mang ý nghĩa thời sự nóng bỏng đối với chúng ta hiện nay mà trong sáng tác văn học tại thành phố Hồ Chí Minh mười năm qua chưa hoặc rất ít đề cập đến. Đề tài kháng chiến chín năm chẳng hạn, hầu như bị bỏ quên. Bộ mặt xã hội của thành phố, của vùng Nam bộ từ năm 1945 trở về trước cũng rất mờ nhạt trong văn học. Hiện thực cuộc chống Mỹ, cứu nước được đưa vào hàng loạt tác phẩm, và phải thừa nhận là văn học Việt nam ta, văn học ở thành phố Hồ Chí Minh viết về đề tài này đã có những thành tựu đáng kể nhất. Tuy vậy, một số tác phẩm mặc dù được xuất bản sau chiến thắng tháng Tư năm 1975 thật ra đã được viết từ lúc chiến tranh đang tiếp diễn. Phản ánh hiện thực chiến tranh lúc chiến tranh đang xảy ra có khác với việc phản ánh hiện thực chiến tranh lúc chiến tranh đã kết thúc. Và cũng về cuộc chiến tranh ấy, nhưng phản ánh lại trong điều kiện có xu thế hòa bình lâu dài khác với phản ánh lại trong điều kiện chiến tranh rập rình trên biên giới nước ta hiện nay. Tuy các tác phẩm viết về cuộc chống Mỹ, cứu nước được viết ra lúc chiến tranh chưa kết thúc vẫn có giá trị của nó, nhưng công chúng mới vẫn yêu cầu ở những tác phẩm về đề tài này tầm nhìn mới hơn — điều mà nhiều tác phẩm viết ra sau này vẫn chưa đạt được. Vì vậy mà về ý nghĩa chủ đề đối với công chúng mới, trong điều kiện mới của đời sống, của tâm lý, các tác phẩm đó ít tạo được sức hấp dẫn, mạnh mẽ, chưa gây được những tiếng vang to lớn đúng với tầm cỡ của nó.

Một phần quan trọng trong đối tượng mô tả của văn học tại thành phố Hồ Chí Minh mười năm qua là cuộc chiến tranh biên giới tây-nam. Đối với đề tài này, các thể loại ngắn gọn, cơ động như ký, thơ, truyện ngắn đã chứng tỏ được sức nhạy bén, kịp thời của nó. Tuy nhiên, tác phẩm lớn có chiều sâu về nội dung và nghệ thuật còn hiếm.

Trong mảng vấn đề thuộc đối tượng mô tả của văn học còn nhiều khía cạnh cần suy nghĩ để giải quyết trong thời gian tới. Chẳng hạn như vấn đề phê phán các hiện tượng tiêu cực trong xã hội ta như thế nào để vừa có tác dụng tốt trong quần chúng, vừa chứng tỏ trách nhiệm của người cầm bút; vấn đề các nhà văn thành phố với đề tài cả nước và các nhà văn cả nước với đề tài thành phố; vấn đề định hướng chung cho đề tài văn học thành phố và phương hướng đề tài cho các lớp nhà văn; vấn đề đề tài về khoa học, kỹ thuật v.v.

Vấn đề thứ hai mà chúng tôi muốn đề cập tới là về *đội ngũ nhà văn thành phố*. Chúng ta có một đội ngũ gần 200 người, có một lực lượng viết trẻ đông đảo và sung sức, có sự hỗ trợ của nhiều nhà văn không ở thành phố nhưng viết về thành phố. Đó là điều rất đáng vui mừng. Tuy nhiên, tác dụng và sức sáng tạo của số lượng đó chưa phải đã phát huy thật tốt. Chất lượng tác phẩm mười năm qua chưa cân xứng với thực lực của đội ngũ. Một số cây bút có tích được những mảng vốn sống, những khối kiến thức quý báu và đã chứng tỏ là có tài năng trước đây, nay hoặc là vì chưa bắt mạch được vào những đối tượng công chúng mới, chưa tạo được sức cảm hứng sáng tạo mới, hoặc bị phân tán quá nhiều vào các công tác sự vụ, mà bị chững lại quá lâu trong sáng tác. Vài ba cây bút

Digitized by Google

trong số này dù có cố gắng viết ra được một số ít tác phẩm, cũng không gây được ấn tượng sâu sắc, đáng kể lắm.

Đội ngũ nhà văn thành phố được tập hợp lại từ nhiều nguồn. Họ có những kiến thức, những vốn sống, những phong cách đa dạng và phong phú. Tuy vậy, qua mười năm, nhìn vào tác phẩm chúng ta chưa thấy sự thể hiện sức mạnh tổng hợp của đội ngũ đó. Sức mạnh của từng nguồn chưa hợp thành sức mạnh tổng hợp. Một vài nguồn còn biểu lộ sự bế tắc chưa thoát ra khỏi những bỡ ngỡ ban đầu để thích nghi với môi trường sáng tạo mới.

Trong mảng vấn đề về đội ngũ nhà văn thành phố, chúng ta thấy nhiều khía cạnh khác cũng rất đáng quan tâm. Đó là vấn đề chỗ đứng, cách nhìn của một số người cầm bút. Chúng ta vui mừng với cái *được* chung là chúng ta có một đội ngũ hùng hậu. Đồng thời chúng ta cũng không quên là mười năm qua đã có người trong đội ngũ chúng ta bỏ đất nước trốn đi. Sự mất mát đó tuy nhỏ nhưng đáng tiếc. Vấn đề là phải làm thế nào để tình trạng đó đừng tái diễn. Bởi vì một khi nghĩa vụ công dân còn chưa làm tròn thì nói chi tới vai trò, trách nhiệm của người cầm bút.

Vấn đề tạo cho được sự hỗ trợ giữa các thế hệ nhà văn cũng là vấn đề cần được quan tâm. Làm sao để giữa các thế hệ chỉ có hỗ trợ mà hoàn toàn không có xung khắc, làm sao để cho các mặt mạnh của tất cả các thế hệ đều được phát huy, được bổ sung cho nhau, còn các mặt yếu kém thì phải bị triệt tiêu dần.

Trước mọi sự xô bồ trong thị hiếu thẩm mỹ của người đọc, trước lao nhiêu hiện tượng nhiễu loạn trong hệ thống xuất bản, phát hành hiện tại, nhà văn suy nghĩ gì lúc ngồi trước trang giấy trắng? Chiều theo thứ thị hiếu nào, phục vụ cho phương hướng xuất bản, phát hành nào? Bằng cách nào để vượt qua được mọi khó khăn về đời sống để cầm chắc ngòi bút, chiến đấu cho thắng lợi trên mặt trận văn hóa, tư tưởng?... Những vấn đề như vậy đang là thời sự nóng bỏng trong đời sống văn học của chúng ta.

Vấn đề thứ ba là *tác phẩm văn học*. Một tác phẩm văn học không ai muốn đọc là tác phẩm dở. Mà muốn cho tác phẩm có nhiều người đọc thì phải tạo cho được tính *hấp dẫn chân chính*: tức là hấp dẫn bằng sự mô tả hiện thực một cách chân thật và theo xu hướng phát triển đi lên của nó; hấp dẫn bằng cách thông qua nghệ thuật mà thể hiện những quan điểm triết học, chính trị của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, của Đảng và Nhà nước ta; hấp dẫn bằng cách đem lại cho người đọc những hiểu biết mới, làm sao giữa người với người đối xử với nhau đúng đắn hơn; hấp dẫn bằng cách đem lại cho người đọc cái đẹp, cái hay thật sự. Tác phẩm văn học của thành phố Hồ Chí Minh mười năm qua phần lớn đã chứng tỏ là được sáng tác theo đúng phương hướng, bảo đảm về mặt nội dung. Đó là điều rất tốt. Tuy nhiên số tác phẩm tạo được sức hấp dẫn thật mạnh mẽ đối với công chúng vẫn còn thuộc loại hiếm. Ở đây có vấn đề cần phải xem lại các chức năng của văn học.

Một trong những hiện tượng nổi lên khá rõ tại thành phố Hồ Chí Minh mười năm qua là sự xuất hiện hàng loạt tác phẩm viết về các vụ án hình sự, về đặc công, biệt động, về điệp viên, tình báo chiến thuật và chiến lược... Phải thừa nhận rằng loại tác phẩm này đã thu hút được một khối lượng lớn người đọc, nhất là lớp trẻ. Mảng hiện thực đó cũng rất cần được phản ánh vào văn học, nhưng phải làm thế nào để cho các tác phẩm mô tả hiện thực đó mang được tính văn học sâu sắc; làm thế nào để tác động

Digitized by Google

của loại tác phẩm đó đừng quá thiên về phía *giải trí đơn thuần*, hoặc lệch về phía làm thỏa mãn ý thích của số người đọc hiếu kỳ chuộng lạ một cách nông cạn.

Tại thành phố Hồ Chí Minh hiện nay số tác phẩm văn học *được viết ra* trong mười năm qua có quả thật là quá nhiều so với số tác phẩm *được xuất bản* trong mười năm qua hay không? Tỷ lệ giữa tác phẩm viết về thành phố có còn quá ít so với các tác phẩm văn học nói chung được phát hành tại thành phố trong mười năm qua hay không? Và tỷ lệ tác phẩm mới xuất lần, mới phát hành từ sau đại thắng mùa xuân 1975 so với số tác phẩm được xuất bản, phát hành dưới chế độ Mỹ ngụy còn sót lại là như thế nào?... Các vấn đề đó đều cần được xem xét kỹ, đánh giá đúng để định hướng cho văn học thành phố thời gian tới.

Trong những vấn đề có liên quan đến tác phẩm văn học tại thành phố Hồ Chí Minh, có lẽ vấn đề thi đua giữa các thể loại cũng là vấn đề cần chú ý. Ở đây thơ đang lâm vào tình thế khó khăn nhất. Mười năm qua, thơ được sáng tác ra thật nhiều, nếu kể cả thơ châm biếm, đả kích thì phải thừa nhận khối lượng thơ rất lớn, nhất là trên báo chí. Nhiều người làm thơ đã viết rất nhiều và nếu xét cho công bằng thì phải nói là tỷ lệ bài hay, câu hay không phải là quá hiếm. Thế nhưng chỉ có một số rất ít bài sống được chủ yếu là nhờ được phổ nhạc, làm lời cho các ca khúc, còn bản thân thơ mười năm qua chưa gây được những sự chú ý nào đáng kể trong đời sống văn học. Ký thì vấn đề có phức tạp hơn, nhất là những tác phẩm có liên quan đến các biến cố lớn của đất nước. Nhưng nhìn chung, trong mười năm qua lượng vẫn lấn át chất. Ở đây có vấn đề lý luận đang lại được đặt ra: ký văn học và ký báo chí; ký và hư cấu nghệ thuật... Văn học kịch bản sân khấu và điện ảnh chưa định hình: nhiều kịch bản viết ra để dựng trên sân khấu, nhiều kịch bản phim viết ra để thể hiện lên màn ảnh; nhưng còn quá ít kịch bản đứng lại với tư cách là tác phẩm văn học... Trong khi đó tiểu thuyết là thể loại gần như duy nhất gây được những chấn động đáng kể. Điều đáng lưu ý là yếu tố căn bản làm cho một số tiểu thuyết gây được chấn động thời gian qua là *ở cách đặt vấn đề, ở bản lĩnh của người viết dám xông vào các mặt nhọn của cuộc sống, đáp ứng đúng những bức xúc, mức mửu nóng bỏng nhất, mang tính thời sự nhất* và có *hàm lượng thông tin lớn nhất*. Chúng ta mừng cho sự tác động tích cực của loại tiểu thuyết đó nhưng chưa phải đã có thể mừng chung cho thể loại tiểu thuyết, cũng như chưa thể tự bằng lòng về các tác phẩm văn học nói chung của thành phố mười năm qua. Xu hướng tích cực và đáng mừng phải là xu hướng phát triển đồng đều trong không khí thi đua giữa các thể loại. Bởi vì, một nền văn học, một giai đoạn văn học không thể chỉ là thành tựu của riêng một vài thể loại nào. Một trong những nhu cầu cấp thiết nhất đối với đời sống văn học của thành phố Hồ Chí Minh cũng như của cả đất nước ta trong những năm sắp tới là *làm sao có được nhiều tác phẩm lớn và hay*. Các tác phẩm đó phải bao gồm mọi thể loại, phải là sự phản ánh nhiều đối tượng của cuộc sống, phải bao gồm một chiều ngang không gian rộng, lớn và có chiều dọc thời gian sâu, dài.

Digitized by Google

MỘT BÀI HỌC

TRƯỜNG hợp đồng chí Cao Văn Tuyền (1) làm cho chúng ta suy nghĩ. Vì sao một cán bộ có trên 30 năm công tác, có nhiều đóng góp xây dựng ngành giao thông vận tải, lại phạm những sai lầm nghiêm trọng bị Đảng thi hành kỷ luật?

Cần tìm nguyên nhân những sai lầm ấy trước hết trong sự tu dưỡng của bản thân đồng chí Tuyền. Tuy vào Đảng đã hơn 26 năm, đồng chí Tuyền không coi trọng việc tu dưỡng thường xuyên của người đảng viên cộng sản, nhất là từ khi trở thành cán bộ lãnh đạo một ngành chuyên môn của tỉnh. Do xao lãng việc tu dưỡng, đồng chí Tuyền thiếu những phẩm chất cần phải có của một đảng viên cộng sản, của một cán bộ của Đảng cộng sản lãnh đạo Nhà nước chuyên chính vô sản.

Phẩm chất hàng đầu của người đảng viên là chấp hành nghiêm chỉnh các nghị quyết của Đảng. Đồng chí Tuyền đã không nghiêm chỉnh thực hiện một số chủ trương của tỉnh về phát triển vận tải đường thủy. Năm 1985 Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh hóa chủ trương phát triển vận tải đường thủy. Do đồng chí Tuyền thiếu ý thức trách nhiệm, buông lỏng công tác quản lý, nhất là quản lý xí nghiệp vận tải ven biển, cho nên chủ trương đó của tỉnh không được thực hiện.

Người đảng viên cộng sản một lòng một dạ phục vụ nhân dân, có tinh thần lo trước vui sau, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, không xâm phạm của công, không tự tư tự lợi không lấy của công làm của riêng. Trái với tinh thần đó, đồng chí Tuyền đã lợi dụng chức quyền, mua nhiều vật liệu (theo giá «nội bộ») và sử dụng phương tiện, công lao động của các công ty, xí nghiệp trong ngành do mình quản lý để làm nhà riêng. Việc này xảy ra trong năm 1983 và đã gây nhiều thắc mắc trong quần chúng nhân dân.

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, người đảng viên cộng sản phải nghiêm chỉnh tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Nhà nước; sống bằng nguồn thu nhập do sức lao động của mình tạo ra, không buôn bán trục lợi. Đầu năm 1985, trong một chuyến đi công tác ở nước ngoài đồng chí Tuyền đã thiếu trách nhiệm trong việc sử dụng và quản lý chi

(1) Cao Văn Tuyền, tỉnh ủy viên, giám đốc sở giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa, bị kỷ luật khai trừ đảng, theo quyết định của Ban bí thư Trung ương Đảng ngày 17-6-1986.

Digitized by Google

tiêu ngoại tệ, gây thiệt hại cho công quỹ. Đồng chí cùng những người đi theo đã mua nhiều hàng hóa mang tính chất buôn bán trục lợi, gây ảnh hưởng xấu.

Những khuyết điểm trên đây chứng tỏ đồng chí Tuyền thiếu những phẩm chất cần phải có của người đảng viên cộng sản, mà nguyên nhân chính là do đồng chí coi nhẹ việc tu dưỡng thường xuyên và liên tục theo những tiêu chuẩn của người đảng viên được ghi rõ trong Điều lệ Đảng.

Ở đây cũng cần nói đến trách nhiệm của tổ chức Đảng, nhất là chi bộ nơi đồng chí Tuyền sinh hoạt Đảng, tổ chức Nhà nước nơi đồng chí đó công tác, và tổ chức quần chúng, nhất là công đoàn, mà đồng chí đó là một thành viên. Nếu các tổ chức này tăng cường công tác giáo dục, quản lý, rèn luyện phẩm chất cách mạng cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, thì có thể ngăn ngừa được việc phạm sai lầm của đồng chí Tuyền.

Bất cứ ai vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước đều phải được xử lý thích đáng. Đó là biện pháp cần thiết để tăng cường kỷ cương trong Đảng và trong bộ máy Nhà nước.

Tuy vậy, thi hành kỷ luật không phải chỉ nhằm trừng phạt mà còn nhằm giáo dục. Từ mỗi vụ thi hành kỷ luật chúng ta biết rút ra những bài học thích đáng thì việc thi hành kỷ luật sẽ có tác dụng củng cố và tăng cường tổ chức của Đảng và bộ máy Nhà nước. Bài học cần rút ra ở đây là mỗi cán bộ, đảng viên cần thường xuyên coi trọng việc tu dưỡng về đạo đức cách mạng; tổ chức Đảng, nhất là chi bộ, cần tăng cường công tác giáo dục, quản lý, rèn luyện phẩm chất cách mạng cho cán bộ, đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ cấp trung và cấp cao

PHƯƠNG SƠN

KẾT HỢP CẢI TẠO VỚI...

(Tiếp theo trang 70)

kỹ thuật quá ít ỏi, điều kiện tự nhiên không thuận lợi, quy mô quá nhỏ bé và manh mún, còn lúng túng và bị động trong quản lý, phổ biến là khoán trắng và độc canh lúa. Để khắc phục khuyết điểm trên, tỉnh đang củng với huyện cử cán bộ trực tiếp xuống các tập đoàn sản xuất yếu kém để củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị đó. Hướng củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động cho các đơn vị sản xuất cơ sở nhằm vào việc xây dựng kế hoạch sát đúng từ cơ sở, mở rộng và hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm, chấm dứt khoán trắng, phát triển nông nghiệp toàn diện và kinh doanh tổng hợp, mở rộng liên doanh liên kết, chuyển dần sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Hiện nay, việc củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các tập đoàn sản xuất yếu kém đang là nhiệm vụ trọng tâm của phong trào hợp tác hóa ở Tiền giang

Digitized by Google

HỒ BẤT KHUẤT

THEO ĐUÔI MỸ VÀ TRUNG QUỐC, THÁI LAN SẼ ĐI ĐẾN ĐÂU?

THÁI LAN, với chính quyền của bọn đại tư bản, đại địa chủ, vốn nổi tiếng là một nước thi hành chính sách đối ngoại «gió chiều nào, xoay chiều ấy», thường cấu kết với các đế quốc xâm lược, làm hại các nước láng giềng và kiếm lợi riêng cho mình. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, khi hầu hết các nước ở Đông Nam Á bị Nhật xâm lược và chiếm đóng thì Thái lan cầu thân với Nhật, phục vụ lợi ích của Nhật. «Với một vài nụ cười, với sự luồn cúi không ít, chúng tôi đã làm cho người Nhật vui vẻ» – cựu thủ tướng Thái lan Ku-krit Pra-mốt đã nói như vậy. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, với Mỹ, Thái lan không chỉ dùng nụ cười và sự luồn cúi mà còn ngoan ngoãn phục vụ lợi ích của Mỹ, hầu như phụ thuộc hoàn toàn vào Mỹ. Trong những năm Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược Đông dương, Thái lan đã biến lãnh thổ của mình thành căn cứ quân sự của Mỹ. Quân đội Thái lan đã trực tiếp tham chiến ở chiến trường Đông dương bên cạnh quân đội Mỹ. Thái lan tưởng rằng ông bạn Mỹ của mình có thể làm mưa làm gió lâu dài ở Đông dương; không ngờ Mỹ đã thất bại nhục nhã và đã phải cút khỏi Đông dương. Thế rồi khi lợi ích của Mỹ không trùng hợp với lợi ích của Thái lan, Mỹ sẵn sàng chà đạp lên chủ quyền của Thái lan. Chẳng hạn năm 1975, bất chấp sự phản đối của chính phủ Thái lan, Mỹ đã sử dụng căn cứ quân sự trên đất Thái lan để chiếm lại tàu Mai-a-ghết của Mỹ bị quân Khơ me đỏ bắt giữ. Ngày ấy nhân dân Thái lan lại thêm một dịp hiểu được bản chất của Mỹ – kẻ luôn luôn tỏ ra trịch thượng trong các quan hệ quốc tế vì cậy có nhiều tiền và súng đạn.

Sau thất bại ở Việt nam, Mỹ rút đi, Thái lan vội vàng quay sang cầu cạnh Trung quốc hòng tìm người che chở. Trung quốc từ lâu đã ấp ủ tham vọng xâm nhập ngày càng sâu vào Đông Nam Á, cho nên cố tìm những thời cơ thuận lợi. Khi Thái lan ngỏ «lời mời» thì Trung quốc như vớ được vàng. Quan hệ ngoại giao giữa Thái lan và Trung quốc được thiết lập ngày 1-7-1975, và mối quan hệ đó được «thắt chặt» nhanh chóng. Các quan chức chóp bu của hai nước đi lại thăm nhau như con thoi. Trung quốc đã viện trợ quân sự cho Thái lan pháo 130 ly, xe tăng, nhiều loại vũ khí khác và đưa ra những lời hứa hẹn «bảo đảm an ninh» cho Thái lan. Các quan chức trong chính quyền Thái lan coi đây là một thắng lợi lớn về ngoại giao. Nhưng không ít những người Thái lan tỉnh táo, nhất là giới trí thức đã thấy được nguy cơ của mối quan hệ đó. Chu-la-che-ép Chu-oan-nô tiến sĩ khoa học chính trị của Thái lan nói: «Tìm cách thân Trung quốc cũng không phải là khôn». Trung quốc, theo một truyền thống từ lâu đời, thường coi

Digitized by Google

những nước láng giềng nhỏ yếu hơn ở phương Nam là những thực thể phụ thuộc. Họ tìm mọi cách, mọi cơ hội để gây ảnh hưởng, thâm nhập, khống chế đi đến thôn tính những nước đó. Vì vậy trong mối quan hệ được xem là thân thiết hiện nay giữa Trung quốc và Thái lan chứa đựng một hiểm họa tiềm tàng đối với an ninh và chủ quyền của Thái lan. Ngay hiện nay Thái lan cũng đã bị sức ép của mối quan hệ đó đè nặng lên chính sách đối nội và đối ngoại của mình. Một học giả Thái lan nhận xét: « Vô tình Thái lan tự để cho mình bị chính sách của Trung quốc chi phối và bảo sao phải nghe vậy ».

Gắn bó với Trung quốc, Thái lan ngày càng trở thành một công cụ đắc lực của Trung quốc chống các nước Đông dương. Dưới sức ép của Trung quốc, Thái lan ra sức bịa đặt, vu cáo chống Việt nam, gây gổ và quấy nhiễu Lào, phá hoại cuộc hồi sinh của nhân dân Cam-pu-chia. Mặc dù chính Thái lan cũng đã từng là nạn nhân của bọn diệt chủng Pôn Pốt, hiểu rõ và ghê tởm tội ác của chúng, nhưng vì đi với Trung quốc cho nên ngày nay Thái lan lại o bế bọn tàn quân Pôn Pốt, tiếp tay cho chúng bắn giết nhân dân Cam-pu-chia. Thái lan tiếp nhận vũ khí của Trung quốc chuyên chở quá cảnh trên lãnh thổ Thái lan và chuyển giao tới tay bọn phản động Cam-pu-chia. Từ năm 1981, Thái lan cho phép Trung quốc sử dụng nhiều sân bay ở phía Đông Thái lan. Thái lan đã hợp tác với Trung quốc, sản xuất các loại vũ khí hạng nhẹ trên đất Thái lan để nhanh chóng cung cấp cho bọn phản động Cam-pu-chia. Đi xa hơn nữa, Thái lan đã có những hành động quân sự chống lại nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia.

Với mục đích làm cho tình hình trong khu vực Đông Nam châu Á trở nên ổn định, các nước Đông dương cũng như nhiều nước trong khối ASEAN đã đưa ra nhiều đề nghị hợp tình hợp lý để giải quyết vấn đề Cam pu chia nhưng những đề nghị này đều bị Trung quốc bác bỏ, và do đó, Thái lan cũng bác bỏ. Chính sách đối ngoại của Thái lan đã bị Trung quốc chi phối sâu sắc cho nên nhiều khi Thái lan đã có những quan điểm và cách xử sự khiến cho cả một số nước ASEAN — những đồng minh gần gũi của Thái lan — cũng phải lo ngại.

Mấy năm gần đây, để thực hiện âm mưu biến vùng châu Á — Thái bình dương thành một khu vực đối đầu quân sự, chính trị với Liên xô, với các nước xã hội chủ nghĩa và các lực lượng giải phóng dân tộc, Mỹ tìm cách tăng cường sức mạnh ở vùng này. Một lần nữa, Thái lan lại tỏ ra sốt sắng phục vụ lợi ích của Mỹ. Từ năm 1982 đến nay Thái lan và Mỹ đã nhiều lần tổ chức tập trận chung. Mỹ đã đồng ý cung cấp cho Thái lan nhiều loại vũ khí hiện đại, kể cả máy bay F — 16. Đáng chú ý là Thái lan đã đồng ý cho Mỹ lập kho vũ khí chiến lược trên đất Thái lan. Điều này rất có thể dẫn đến việc mở lại các căn cứ quân sự của Mỹ ở Thái lan, vì theo quy định của Mỹ, Mỹ chỉ lập kho vũ khí ở những nước mà họ có căn cứ quân sự.

Bằng cách viện trợ quân sự cho Thái lan, Mỹ và Trung quốc ngày càng cột chặt Thái lan vào chính sách hiếu chiến và phản động của họ, biến Thái lan thành con tin, thành kẻ phục vụ lợi ích của họ. Không khó gì để nhận ra thực chất âm mưu của Mỹ trong việc họ viện trợ cho Thái lan. Ví dụ, năm 1981, trong số 2340 triệu bạt (94 triệu đô la) Mỹ viện trợ cho Thái lan chỉ có 110 triệu bạt là phần viện trợ kinh tế, tất cả số còn lại là phần viện trợ quân sự. Mấy năm gần đây tình hình vẫn tương tự như thế, viện trợ quân sự chiếm hầu hết, viện trợ kinh tế chỉ là tượng trưng. Nếu Mỹ thực tâm vì sự phồn

Digitized by Google

vinh và vững mạnh của đất nước Thái lan thì Mỹ phải giúp đỡ về kinh tế nhiều hơn về quân sự. Hơn nữa, trong kế hoạch viện trợ giáo dục và huấn luyện quân đội, Mỹ đã từng nói toạc ra rằng Mỹ không ngừng nỗ lực làm thay đổi tư tưởng các sĩ quan quân đội và các nhà chính trị Thái lan sao cho phù hợp với người Mỹ, với lối sống Mỹ.

Gắn bó với Mỹ và Trung quốc, Thái lan, dưới sự khống chế của bọn đại tư bản, đại địa chủ và bọn phản động cực hữu, không ngừng tăng chi phí quốc phòng để mua sắm nhiều loại vũ khí hiện đại. Tạp chí *Nước Xiêm mới* của Thái lan than vãn: "Phần lớn ngân sách Nhà nước dành cho phát triển đất nước bị đem chi dùng cho quân sự, và cuối cùng, nó đã trở thành một thủ đoạn của Mỹ để vơ vét nguồn lợi ở khu vực này". Trong quan hệ với Mỹ và Trung quốc, Thái lan cũng muốn lợi dụng sức mạnh của Mỹ và Trung quốc để «hù dọa» các nước láng giềng, thực hiện mưu đồ bành trướng của mình, trong đó có tham vọng lấn chiếm lãnh thổ của Lào và Cam-pu-chia. Nhưng chính Thái lan lại bị Mỹ và Trung quốc lợi dụng triệt để, đặc biệt là trong việc sử dụng Thái lan để chống lại cuộc hồi sinh của nhân dân Cam-pu-chia, gây căng thẳng và làm mất ổn định trong khu vực.

Đi theo Mỹ và Trung quốc, các nhà cầm quyền Thái lan chẳng những đi ngược lại lợi ích của các dân tộc trong khu vực, mà còn đi ngược lại lợi ích của chính nhân dân Thái lan. Gắn chặt với Mỹ và Trung quốc, Thái lan không làm cho tình hình chính trị của đất nước mình ổn định hơn, an ninh vững vàng hơn, kinh tế sáng sủa hơn, xã hội tốt đẹp hơn... mà trên thực tế tình hình mọi mặt ngày càng xấu đi.

Tình hình chính trị ở Thái lan luôn luôn không ổn định. Tuần báo *Vì vật* của Thái lan (số ra ngày 9-7-1985) đã đánh giá tình hình chính trị, kinh tế của Thái lan như sau: "Hệ thống quyền lực ở cấp trên đang rối ren, nền dân chủ không được bảo đảm thật sự trên cơ sở quyền lực của nhân dân, kinh tế bị phụ thuộc vào lợi ích của nước ngoài, vào các công ty xuyên quốc gia". Hãng tư vấn Frô-xtơ và Su-li-van ở Niu Y-oóc đã xếp Thái lan vào hàng thứ tám trong danh mục những nước mà họ coi là dễ bị rối loạn chính trị nhất trên thế giới. Ở Thái lan, các phe phái luôn luôn đấu tranh chống nhau để tranh giành quyền lực, các cuộc đảo chính quân sự liên tiếp nổ ra, cuộc đảo chính này chưa lắng xuống thì đã có tin về cuộc đảo chính khác. Từ năm 1932, tức là từ khi Thái lan chuyển từ chế độ quân chủ chuyên chế sang chế độ quân chủ lập hiến đến nay, ở Thái lan đã nổ ra 15 cuộc đảo chính, cuộc mới nhất xảy ra ngày 9-9-1985. Cũng trong thời gian 51 năm đó, các nhà dân sự chỉ được cầm quyền có 11 năm thôi. Nhìn bề ngoài, quân đội Thái lan thường xuyên chi phối mạnh mẽ tình hình và chế độ chính trị, những người nối nhau làm thủ tướng Thái lan thường là các tướng lĩnh. Nhưng theo lời cựu thủ tướng Thái lan Ku-krit Pra-mốt thì quyền hành thật sự nằm trong tay các nhà triệu phú — «các nhà triệu phú có thế lực hơn chính phủ». Sau cuộc đảo chính ngày 9-9-1985, nhiều người Thái lan càng lo lắng về tình hình chính trị của đất nước, nỗi lo lắng đó càng lớn khi chính phủ của thủ tướng Prem bị chia rẽ nghiêm trọng và ngày 1-5-1986, Prem buộc phải tuyên bố giải tán quốc hội mà đúng ra một năm nữa mới hết nhiệm kỳ.

Nền kinh tế của Thái lan một thời được coi là phát triển thịnh vượng, đạt được mức tăng trưởng cao, nay đã đi vào suy thoái, sa sút. Chính Oan-pho-nýt-do, trợ lý bộ trưởng ngoại giao Mỹ đã phải công nhận khi

Digitized by Google

báo cáo trước tiểu ban đối ngoại hạ nghị viện Mỹ: «Thái lan đang lâm vào tình trạng giảm sút xuất khẩu, gánh nặng nợ nần ngày càng tăng». Thật thế, đến nay số nợ nước ngoài của Thái lan đã lên tới 15 tỉ đô la. Mỹ rất «hào hiệp» trong việc nâng đỡ Thái lan về quân sự, nhưng lại không khoan nhượng trong lợi ích kinh tế. Thị trường xuất khẩu của Thái lan ở Mỹ đang bị thu hẹp lại. Mỹ muốn giảm bớt việc mua hàng dệt của Thái lan, khiến cho công nghiệp dệt Thái lan, một khu vực dùng tới 600 000 công nhân (chiếm 1/3 tổng số công nhân công nghiệp của Thái lan) đứng trước những khó khăn ghê gớm. Gạo là mặt hàng xuất khẩu số một của Thái lan đang bị Mỹ cạnh tranh ráo riết, trong ba năm tới Mỹ sẽ tỏ ra khoảng 15 tỉ đô la để thúc đẩy việc bán nông sản của Mỹ ra nước ngoài, điều đó sẽ làm cho Thái lan thiệt hại lớn. Trung quốc cũng đang cạnh tranh gay gắt với Thái lan về xuất khẩu gạo, hàng dệt, hàng thủ công.

Nền kinh tế Thái lan ngày càng bị phụ thuộc sâu sắc vào nước ngoài, bị chính sách tiền tệ và thương mại của chủ nợ nước ngoài chi phối. Trong hoạt động kinh tế, tự do lừa dảo và chèn ép nhau được duy trì, vì vậy sức mạnh cạnh tranh kinh tế rơi vào nhóm tư bản lũng đoạn, khiến cho các nhà tư bản cỡ vừa và cỡ nhỏ bị phá sản hàng loạt. Hàng trăm xí nghiệp, công ty bị vỡ nợ, hàng chục vạn người lao động bị sa thải, đời sống của số đông nhân dân gặp khó khăn. Tuần báo *Tin đặc biệt* của Thái lan (số ra từ 17 đến 23-2-1986) công nhận: «Hiện nay đa số người Thái đang trở nên nghèo khó».

Đối với nông dân chiếm 75% số dân Thái lan, đời sống càng chậm được cải thiện. Chính thủ tướng Prem, trong «thư gửi nhân dân» cũng đã phải công nhận: «Chỉ có một bộ phận nhỏ nông dân được hưởng sự phát triển của Thái lan trong 20 năm qua. Đó là trường hợp các chủ trại sống trong các vùng có nhiều nguồn nước. Số nông dân còn lại được hưởng rất ít, thậm chí không được hưởng gì cả... Theo thống kê, hơn 10 triệu nông dân sống dưới mức nghèo khổ». Hiện nay vì giá gạo hạ cho nên cả những chủ trại «được hưởng sự phát triển» cũng lâm vào tình cảnh khó khăn. Chính vì vậy mà ngày 6-1-1986, 2 000 chủ trại từ miền đông bắc đã kéo về biểu tình ngay tại thủ đô Băng cốc.

Ở Thái lan hiện nay, khoảng cách giữa người giàu và người nghèo rất xa. Ở các nhà máy, xí nghiệp Thái lan, các vụ tai nạn lao động xảy ra liên tiếp vì các ông chủ không quan tâm đến việc bảo hộ lao động, mà chỉ quan tâm đến lợi nhuận. Sức lao động của người nghèo bị bóc lột nặng nề, đặc biệt là sức lao động của trẻ em. Hiện nay ở Thái lan trong khi gần 5 triệu người thất nghiệp trong đó có 60 000 người có trình độ đại học và trung học, thì các xí nghiệp lại sử dụng rất nhiều lao động trẻ em từ 12 tuổi đến 14 tuổi, chỉ riêng ở Băng cốc đã có gần 5 000 xí nghiệp sử dụng sức lao động của trẻ em. Tại sao vậy? Bởi vì sức lao động của trẻ em giá rẻ mạt so với sức lao động của người lớn; sử dụng sức lao động của trẻ em thì các ông chủ chóng giàu hơn. Tệ hại hơn nữa, trẻ em ở Thái lan bị biến thành «hàng hóa sống» (theo nghĩa đen của từ này). Theo báo chí Hương cảng, Thái lan là một trong số rất ít nước hiện nay còn buôn bán trẻ em. Ở chợ đen Băng cốc, hằng ngày người ta đem bán từ 200 đến 500 trẻ em dưới 15 tuổi, giá mỗi em khoảng từ 100 đến 250 đô la. Và thêm một điều mỉa mai là mặc dù Thái lan đã trở thành một trong những nước đứng đầu thế giới về xuất khẩu gạo, nhưng gần 50% trẻ em của nước này bị đói và suy dinh dưỡng.

Digitized by Google

Ở Thái lan lối sống Mỹ được khuyến khích, các tệ nạn xã hội ngày càng phát triển. Mãi dâm đã trở thành một thứ « nghề » kinh doanh kiếm lợi lớn. Có hàng nghìn ông chủ nhà chứa liên kết với nhau để bảo vệ và phát triển « nghề » này. Riêng ở Băng cốc đã có tới hơn 30 vạn gái điếm. Nạn nghiện ma túy cũng là vấn đề trầm trọng trong đời sống xã hội Thái lan. Hiện nay ở Thái lan có hơn 60 vạn người nghiện ma túy, và còn số đó mỗi năm trung bình tăng thêm 5 500 người ; 60% số người nghiện ma túy là thanh niên từ 16 đến 21 tuổi. Số người phạm tội ác ở Thái lan ngày càng tăng vọt, nạn giết người cướp của diễn ra khắp nơi, đe dọa không những đời sống của những người dân Thái lan mà cả tính mạng của khách du lịch nước ngoài. Ở Thái lan việc trấn lột khách du lịch nước ngoài đã trở thành chuyện cơm bữa. Bọn tàn quân Pôn Pốt ẩn náu ở Thái lan đã tích cực tham gia các hoạt động giết người, cướp của, khiến cho tình hình càng trở nên nghiêm trọng. Dư luận thế giới đang lo lắng và ghê tởm trước việc bọn cướp biển Thái lan đã và đang gây nhiều tội ác dã man đối với tàu buôn và tàu khách của các nước qua lại gần lãnh thổ Thái lan.

Nhà cầm quyền Thái lan đang tìm mọi cách bưng bít, che đậy những khó khăn trầm trọng về kinh tế, xã hội, đang ra sức rêu rao về một « Thái lan ổn định, phát triển thịnh vượng, yên lành và tốt đẹp ». Nhưng những người Thái lan trung thực, có lương tri, mong muốn đất nước mình tốt đẹp lại đang ngày đêm lo lắng trước tình hình đó. Bằng lời nói và việc làm, họ đang vạch trần tất cả những khó khăn về đời sống, những tệ nạn xã hội, nghiêm khắc lên án và đòi hỏi chính quyền phải có biện pháp bảo vệ lợi ích của đông đảo nhân dân. Không ít nhà báo Thái lan đã góp phần quan trọng vào việc vạch trần và lên án những hành động tham nhũng, những mánh khóe gian lận, sự độc đoán, tính vụ lợi, sự tòng phạm và che chở cho bọn tội phạm của các quan chức chính quyền. Nhưng những hành động vì sự thật của các nhà báo đã bị chính quyền và những kẻ trực tiếp gây nên những tệ nạn đó đàn áp khủng bố một cách man rợ. Từ tháng 2-1982 đến cuối năm 1984, 65 nhà báo Thái lan đã bị sát hại, và trong nhiều vụ đó, bọn thủ phạm đã được sự bao che của các quan chức Thái lan.

Tình hình chính trị, kinh tế và thực trạng xã hội Thái lan hiện nay là như vậy. Nhưng nhà cầm quyền Thái lan cố tình nhắm mắt trước sự thật của đất nước, ngày càng câu kết chặt chẽ hơn với Mỹ và Trung quốc, phục vụ chính sách hiếu chiến, phản động của các ông chủ nước ngoài. Rõ ràng, nếu cứ tiếp tục theo đuôi Mỹ và Trung quốc, nhà cầm quyền Thái lan sẽ không đưa lại cho đất nước họ một cái gì khác hơn là một tương lai ảm đạm, đầy khó khăn và tội lỗi.

Digitized by Google

LÊ TỊNH

CHỦ NGHĨA KHỦNG BỐ CỦA MỸ VÀ CÁI GỌI LÀ «XUNG ĐỘT KHU VỰC»

Chủ nghĩa khủng bố và cái gọi là «xung đột khu vực» là hai mặt của chính sách đối ngoại của Mỹ, trước hết là đối với khu vực châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh. Cũng có thể nói, chính quyền Ri-gân đang thi hành chính sách khủng bố thật sự — chính sách sử dụng sức mạnh quân sự — đối với khu vực các nước đang phát triển. Đây là một đặc điểm nổi bật trong tình hình thế giới hiện nay.

Chỉ trong vòng ba tuần lễ kể từ cuối tháng 3-1986, chính quyền Ri-gân ngang nhiên hai lần tiến công Li-bi, lần sau nghiêm trọng hơn lần trước. Oa-sinh-tơn đang đe dọa và thật sự chuẩn bị xâm lược Li-bi một lần nữa. Bất kể Mỹ có tiến công Li-bi nữa hay không, sự kiện Mỹ xâm lược Li-bi vừa qua chứa đựng một nguy cơ to lớn. Cả thế giới đang phẫn nộ lên án chính sách khủng bố quốc tế của Mỹ.

Cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội và hòa bình của các dân tộc châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh đang rất sôi động. Với nguồn tài nguyên, sức lao động và thị trường của nó, khu vực thuộc địa cũ này có tầm quan trọng chiến lược đối với chủ nghĩa đế quốc. Vì vậy, chính sách nhất quán, sợi chỉ xuyên suốt nhiều thế hệ chính quyền đế quốc là chống phá, đàn áp và tiêu diệt các cuộc nổi dậy của các dân tộc. Chủ nghĩa đế quốc càng căm ghét những nước lựa chọn con đường cách mạng, tiến bộ, xã hội chủ nghĩa, con đường triệt để chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Theo các nhà nghiên cứu phương Tây, trong số hàng trăm cuộc chiến tranh nổ ra kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, chỉ trừ cuộc nội chiến ở Hy lạp năm 1947, còn thì đều nổ ra ở khu vực thuộc địa cũ. Thủ phạm đều là các thế lực đế quốc phương Tây, trước hết là Mỹ.

Trong lúc Mỹ và các đế quốc khác ra sức đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, chống pha các nước độc lập dân tộc, thì Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác ra sức ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc và các nước độc lập dân tộc. Cuộc tranh chấp lịch sử giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa đế quốc diễn ra quyết liệt tại khu vực các nước đang phát triển. Tình hình này càng nổi rõ khi mà sự cân bằng lực lượng quân sự chiến lược được thiết lập giữa hai hệ thống như hiện nay.

Chủ nghĩa xã hội không xuất khẩu cách mạng. Cách mạng bùng nổ ở đâu là do điều kiện ở đó quyết định. Đó là một sự thật. Song khi cách mạng một nước bị đe dọa thì những người có lương tri không thể khoanh tay ngồi nhìn. Không thể để cho chủ nghĩa đế quốc làm mưa làm gió, dùng bạo lực xóa bỏ thành quả cách mạng của các dân tộc. Kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, hơn 100 nước thoát khỏi

Digitized by Google

ách thống trị thực dân và nhiều nước trong đó đã tiến lên xây dựng chế độ xã hội mới. Sự kiện này khiến đế quốc Mỹ, tên sen đầm quốc tế, nhất là chính quyền Ri-gân, tức đến tím ruột bầm gan. Chính vì vậy mà chính quyền Ri-gân coi khu vực các nước đang phát triển là một trọng điểm chiến lược đối ngoại, đặc biệt là khu vực Trung Đông, Trung Mỹ, Đông Á — Thái bình dương, châu Phi. Chính quyền Ri-gân điên cuồng chống lại mọi xu hướng cách mạng và tiến bộ ở các khu vực. Ri-gân lại nhìn nhận tình hình các khu vực qua lăng kính quan hệ Đông — Tây. Do vậy, Ri-gân láo xược gán cho Liên xô là nguồn gốc gây ra mọi chuyện rắc rối ở các khu vực. Bằng cách ngậm máu phun người, chính quyền Ri-gân viện cớ đề hòng tìm cách dập tắt các cuộc « xung đột khu vực », mà thực chất là dập tắt các phong trào cách mạng ở thế giới thứ ba. Ri-gân đặt vấn đề « xung đột khu vực » trên bàn cân thương lượng với Liên xô. Ri-gân đòi Liên xô phải thôi ủng hộ các phong trào cách mạng ở các khu vực. Chỉ có như vậy Mỹ mới bàn về vấn đề giảm chạy đua vũ trang. Lập trường đó của Mỹ là đỉnh cao của sự giả dối. Mỹ đã đặt ngang nhau hai vấn đề có nguồn gốc và tính chất hoàn toàn khác nhau và đòi hỏi cách giải quyết khác hẳn nhau.

Khi đòi hỏi vô lý nói trên bị vạch trần, Mỹ đẩy mạnh chính sách phiêu lưu quân sự. Mưu đồ cốt yếu của Oa-sinh-tơn là chủ nghĩa xã hội phải rời khỏi các nước đang phát triển. Khu vực này trước hết phải được dành riêng cho chủ nghĩa đế quốc, mà nếu không được như vậy thì ít ra cũng phải thuộc về chủ nghĩa bá quyền hoặc bất cứ chủ nghĩa gì cũng được, miễn là thứ chủ nghĩa đó không chống đế quốc và không dính gì với chủ nghĩa xã hội.

Trước Ri-gân, các tổng thống Mỹ đều có học thuyết đối ngoại của mình. Riêng Ri-gân, do phải loay hoay đối phó với tình hình kinh tế xã hội trong nước cho nên đến nay vẫn chưa nặn ra được một cái gì gọi là học thuyết đối ngoại của riêng mình. Ông ta đành dựa vào các phát minh của cận thần. Oái oăm thay, những kẻ tâm phúc kê đơn bốc thuốc cho chính sách khủng bố quân sự đối với các khu vực, lại do dương Kim ngoại trưởng Xun-dơ cầm đầu. Ông này đã từng tuyên bố « chúng tôi sẵn sàng dùng sức mạnh quân sự » để bảo vệ lợi ích của Mỹ ở các khu vực. Tháng 4-1984, phủ tổng thống Mỹ ra sắc luật số 134 cho phép thi hành chính sách khủng bố bạo lực dưới danh nghĩa « sử dụng sức mạnh quân sự » để chống lại cái gọi là « chủ nghĩa khủng bố ».

Chiến lược sử dụng sức mạnh quân sự của tập đoàn Ri-gân đối với khu vực các nước đang phát triển có tính tới mấy trường hợp sau đây. *Thứ nhất*, đối với những nước « không cộng sản » có phong trào cách mạng, Mỹ giúp chính quyền phản động kiên quyết dập tắt. *Thứ hai*, đối với những nước « không cộng sản », nhưng kiên quyết chống đế quốc, Mỹ cũng dùng sức mạnh quân sự để can thiệp. *Thứ ba*, đối với các nước « cộng sản » có sự chống đối của các thế lực phản cách mạng, Mỹ trực tiếp giúp đỡ bọn này để chống phá cách mạng đến cùng. *Thứ tư*, đối với những nước « cộng sản » nào Mỹ cho rằng nằm trong phạm vi lợi ích sống còn của Mỹ, Mỹ bao vây, gây sức ép, thậm chí trực tiếp tiến công xâm lược.

Mỹ còn xúi giục những nước tay sai tiến hành khiêu khích và tiến công các nước láng giềng không theo Mỹ, hoặc dùng các nước tay sai này làm căn cứ hậu cần cho các thế lực phản cách mạng.

Tập đoàn Ri-gân trắng trợn tuyên bố rằng chúng kiên quyết « chuyển sang tiến công » vào các chế độ tiến bộ chứ không chịu thừa nhận « sự chính

Digitized by Google

phục của chủ nghĩa cộng sản » ở các khu vực. Luận điệu hiếu chiến này tuy không đánh lừa được nhiều người song đã khơi dậy tâm lý sô vanh trong một số người Mỹ bảo thủ, nhất là những kẻ đại diện cho lợi ích của các tổ hợp công nghiệp quân sự Mỹ. Điều này cắt nghĩa tại sao gần đây tại quốc hội Mỹ, nhất là tại thượng nghị viện, có những cuộc bỏ phiếu về hứa với tổng thống đòi viện trợ cho các thế lực phản cách mạng ở các khu vực. Oa-sinh-tơn mưu tính áp dụng chính sách phiêu lưu quân sự này trong ít nhất « một thế hệ ». Họ nói rằng các cuộc cách mạng dân tộc dân chủ và lan sóng chống đế quốc ở khu vực thế giới thứ ba là « mối đe dọa mà thực tế chúng ta (Mỹ) sẽ phải đối phó nhiều nhất trong những năm tới ».

Các lực lượng cách mạng không bao giờ coi sự phản kích của các thế lực đế quốc đang mất quyền chủ động lịch sử là một cái gì ghê gớm, không thể đối phó được. Nhưng chúng ta không đánh giá thấp sự ngóc đầu dậy của các thế lực phục thù ở Mỹ. Sự chuyển hướng sang chính sách vũ lực hiện nay của Mỹ chứa đựng một mối nguy hiểm lâu dài. Hơn nữa, đế quốc Mỹ tiến công Li-bi không phải chỉ để đe dọa Li-bi, thậm chí không phải chỉ để đe dọa thế giới thứ ba. Phải nhìn nhận sự kiện này trong bối cảnh rộng lớn hơn. Hoa kỳ lựa chọn Li-bi để phản công bằng vũ lực là có dụng ý hết sức thâm độc. Li-bi là một nước độc lập, có chủ quyền, không phải là cộng sản, nhưng yêu chuộng tự do, tiến bộ xã hội và kiên quyết chống đế quốc. Lập trường đó của Li-bi được sự ủng hộ rộng rãi trên thế giới. Đánh vào Li-bi, đế quốc Mỹ lảo xược thách thức toàn bộ lực lượng cách mạng trên thế giới, thách thức Liên xô và chủ nghĩa xã hội. Những tiếng bom nổ ở thủ đô Tơ-ri-pô-li báo hiệu một bước mới mang tính chất phiêu lưu quân sự trong tham vọng hoang đường của chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Chúng mưu đồ giành lại những gì đã mất ở thế giới thứ ba kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, nhất là từ những năm 70, khi mà Mỹ đang ngập trong bùn ở đồng ruộng Việt nam. Chúng muốn đảo ngược lại xu thế xuống dốc của chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Chúng muốn ngăn cản quá trình cách mạng dân tộc dân chủ. Chúng muốn chặn đứng đà thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Chúng muốn xóa bỏ chủ nghĩa cộng sản. Đánh vào Li-bi và đưa ra cái gọi là « vấn đề khu vực », đế quốc Mỹ muốn đánh vào Liên xô và lực lượng xã hội chủ nghĩa. Chúng mưu tính phản công lại chiến lược xây dựng và hòa bình của Liên xô. Bằng hành động khủng bố trắng trợn chống Li-bi, chính quyền Ri-gân đang gây ra tình hình căng thẳng mới, những điểm nóng mới, đẩy quan hệ quốc tế và quan hệ Đông—Tây vào tình trạng xấu nhất kể từ tháng 11-1985. Chúng muốn cản trở những bước tiến vĩ đại của Liên xô sau Đại hội 27 của ĐCS Liên xô vì tương lai hòa bình của Liên xô và của toàn thể loài người.

Cuộc thập tự chinh mới chống cộng sản của tập đoàn Ri-gân đang thật sự gây khó khăn cho tiến trình cách mạng ở một số nước. Cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt giữa hai hệ thống xã hội thế giới không đơn thuần diễn ra trên mặt trận tư tưởng, mà ở một mức độ nhất định còn diễn ra cả trên mặt trận vũ trang, đổ máu. Những người cách mạng chúng ta cần nhận rõ mưu đồ và thủ đoạn nham hiểm của kẻ thù, phân tích đúng đắn so sánh lực lượng từng nơi, từng lúc, cũng như trên toàn cục, để có chiến lược, sách lược đúng đắn, đánh bại chúng.

Tham vọng của Mỹ rất lớn, nhưng những mặt yếu của Mỹ còn lớn hơn. Ri-gân và bè lũ tưởng đánh một đòn chết tươi tổng thống Ca-đa-phi là một

Digitized by Google

thông điệp thắng lợi của chính sách cưng rắn gửi cho cả đối phương và đồng minh. Nhưng sự việc đâu có đơn giản vậy. Cuộc tiến công ăn cướp vào Li-bi một lần nữa phơi trần những mâu thuẫn sâu sắc vốn có của đế quốc Mỹ.

Trước hết, một cố gắng rất lớn của chính quyền Ri-gân là khôi phục sự nhất trí trong nước, khắc phục « hội chứng Việt nam », lấy lại ý chí, sức mạnh và niềm tin của người Mỹ. Nhưng sự kiện Li-bi lại chia rẽ sâu sắc nước Mỹ và chia rẽ Mỹ với đồng minh. Trong chính giới Mỹ đang có mâu thuẫn gay gắt về giới hạn của việc sử dụng sức mạnh quân sự. Sự mù quáng và thiển cận trong việc đam mê sức mạnh quân sự đã không đem lại quang vinh cho nước Mỹ trong chiến tranh Việt nam. Ngày nay, tình thế lại đã khác xưa rất nhiều. Trong chiến tranh Việt nam, do sự bưng bít của Mỹ, cho nên Mỹ bị trừng trị chậm hơn mặc dù cuối cùng đã thất bại. Nay dư luận đã thức tỉnh, rất nhạy cảm và tỉnh táo. Bất cứ hành động ngạo mạn nào của Mỹ cũng không tránh khỏi bị nhanh chóng vạch trần và chống lại.

Thực tiễn ở Việt nam đã chứng tỏ sức mạnh của Mỹ dù lớn đến đâu cũng có giới hạn. Chính quyền Ri-gân muốn thoát khỏi hội chứng Việt nam, nhưng lại vẫn lao vào con đường cũ, vạch vết xe đổ của năm đời tổng thống trước. Không có gì bảo đảm rằng Ri-gân sẽ giành được thắng lợi trên con đường mà năm tổng thống tiền nhiệm của ông ta đã thất bại. Rất nhiều người Mỹ và bạn bè của Mỹ không muốn có bóng dáng một Việt nam nữa.

Hai là, chính quyền Ri-gân đang tung tiền bạc và vũ khí cho các tập đoàn phản cách mạng trên thế giới để tiến hành cái gọi là « chiến tranh du kích chống độc tài cộng sản ». Nhưng thử hỏi « những chiến sĩ tự do » đang hoạt động du kích đó là ai? Đó là những tập đoàn thổ phỉ. Đó là bọn phỉ Áp-ga-ni-xtan, bọn Khơ me phản động, bọn phỉ UNITA, bọn phản cách mạng È-ti-ô-pi-a, bọn bán nước Mô-dăm-bich, bọn lưu vong phản cách mạng Ni-ca-ra-goa... Không có nơi nào có tiến bộ, có cách mạng, có độc lập, tự do mà không có bàn tay can thiệp đẫm máu của Oa-sinh-tơn. Những thế lực phản động được Mỹ nuôi dưỡng chỉ là những bọn ô hợp, chuyên cướp bóc, chống nhân dân, chống cách mạng, chống chính quyền hợp pháp. Bọn chúng không hề có chỗ dựa trong nhân dân; trái lại bị nhân dân phỉ nhổ. Chiến tranh « du kích » của chúng chỉ là những hoạt động có tính chất cướp bóc, phá phách, gây rối, hoàn toàn phi nghĩa. Bọn chúng bị cô lập cao độ trên thế giới. Rõ ràng những cố gắng của Mỹ hà hơi tiếp sức cho các lực lượng đó, dù ở châu Á, châu Phi hay châu Mỹ la tinh, cũng là sự nghiệp không có tương lai.

Ba là, núp dưới chiêu bài chống khủng bố để tiến công Li-bi, tiến công vào thế giới thứ ba, đế quốc Mỹ tự phơi bày là tên khủng bố quốc tế tệ hại nhất, một nhà nước khủng bố xấu xa nhất. Chính quyền Ri-gân tự cho mình có quyền gọi bất kỳ nước nào hoặc nhóm người nào chống lại họ là « kẻ khủng bố ». Lô gích của Ri-gân là : cái mà tôi không thích, tôi gọi nó là khủng bố. Ngược đời thay, kẻ khủng bố lớn nhất, một nhà nước khủng bố điên cuồng nhất lại tương lai có chống khủng bố!?

Thật là một sự hài hước chưa từng có : trong lúc chính phủ Mỹ kêu gọi chống nạn khủng bố ở các nước khác thì ở nước Mỹ nạn khủng bố lan tràn mạnh mẽ nhất. Trong thông điệp đầu năm 1985, Ri-gân đã thú nhận « nước Mỹ chúng ta đang lan tràn nạn dịch khủng bố ». Tại Mỹ hiện có trên 2000 tổ chức khủng bố dưới nhiều danh nghĩa khác nhau. Trong 10 năm tính đến 1983, có 11 vạn người chết và 1,7

Digitized by Google

triệu người bị thương do các tổ chức khủng bố nói trên gây ra, nhiều hơn số thương vong của Mỹ trong chiến tranh thế giới thứ hai. So với bất cứ hành động khủng bố nào mà Ri-gân gán cho người khác, thì nạn khủng bố ở Mỹ còn tai hại hơn rất nhiều về mọi mặt. Khó mà tìm thấy một nước nào trên hành tinh này có nạn khủng bố kinh khủng như vậy. Chừng nào nước Mỹ chưa xóa bỏ được sự bất công xã hội, sự phân hóa giàu nghèo, cùng với sự nuôi dưỡng, dung túng, đỡ đầu, câu kết của các tập đoàn tư sản, cơ quan cảnh sát đối với các tổ chức khủng bố, chừng đó Mỹ chưa thể xóa bỏ được nạn khủng bố ở nước Mỹ.

Dù sao các tổ chức khủng bố ở nước Mỹ chỉ là những bọn lưu manh cướp bóc của cải của những người khác; còn chính quyền Ri-gân là một "nhà nước khủng bố" đe dọa sự an ninh của các nước độc lập có chủ quyền và sự sống còn của các dân tộc.

Bốn là, những sáng kiến hòa bình của Liên xô đang có sức mạnh động viên và thức tỉnh hàng tỷ người. Loài người đang ngày càng nhận thức được sự nguy hiểm mang tính chất thảm họa của chiến tranh hạt nhân. Điều này đòi hỏi thay đổi cách tư duy của con người về chiến tranh, và về cách sử dụng sức mạnh quân sự. Tất cả những ai yêu hòa bình và có lương tri đều đang đòi hỏi những người vạch chính sách của chủ nghĩa đế quốc phải đoạn tuyệt một cách kiên quyết và dứt khoát với lối tư duy và hành động được hình thành trong hàng bao thế kỷ trên cơ sở chấp nhận những cuộc chiến tranh và xung đột vũ trang. Trong tình hình đó, việc chuyển sang sử dụng sức mạnh quân sự và thực hành chủ nghĩa khủng bố quốc tế của Mỹ là hành động lỗi thời, lạc lõng, đi ngược trào lưu, là không có lối thoát.

Độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội và hòa bình là xu thế không thể đảo ngược.

GƯƠNG MẶT...

(Tiếp theo trang 83)

chia cho chiến sĩ từng điếu thuốc, vá lại cho chiến sĩ từ đôi tất rách, tất cả đều muốn gửi gắm tình thương yêu sâu sắc của mình đối với "anh bộ đội Cụ Hồ", những người con thân yêu của nhân dân đang ngày đêm chiến đấu bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc Việt nam. Nhờ có mối quan hệ keo sơn gắn bó ấy, cán bộ và chiến sĩ của trung đoàn lúc nào cũng cảm thấy ấm lòng và được tiếp thêm sức mạnh.

★

Không thỏa mãn với những thành tích đã đạt được, tiếp tục vươn lên khắc phục khó khăn và những mặt còn yếu, trung đoàn càng nắm vững tay súng, ngày đêm bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc, quyết trừng trị địch đáng những hành động lấn chiếm biên giới của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc, lập thêm nhiều chiến công hơn nữa để xứng đáng với danh hiệu anh hùng Quân đội nhân dân Việt nam và lòng tin yêu của nhân dân.

Digitized by Google

«ТАПТИ КОНГШАН» № 7 – 1986

ПЕРЕДОВАЯ, – Всенародную скорбь – в революционное действие! ПЕРЕДОВАЯ – Интенсифицировать производство, соблюдать режим экономии, быть распорядителем рынком и ценами. ЛЕ ДЫК ТХО – Успешно провести идеологическую работу для подготовки к съезду партии. ХОАНГ ВАН ТХАЙ – О первом этапе народной отечественной войны. ДАО ТХИЕН ТХИ – Организовать и управлять производством в низовых хозяйственных подразделениях. НГУЕН ТХИ ДИНЬ – Некоторые аспекты работы по мобилизации женщин. ФАН СУАН ДОТ – О развитии лесного хозяйства. ХО БАТ КХУАТ – К чему идет Таиланд, действуя в фарватере США и Китая. ЛЕ ТИНЬ – Американский терроризм и так называемый «региональный конфликт».

REVIEW OF COMMUNISM N. 7-1986

Editorial – Let us turn our grief into revolutionary activities. **Editorial** – Stepping up production, practising thrift and mastering markets and prices. LÊ ĐỨC THỌ – Well carrying out ideological work to prepare for the Party's next Congress. HOÀNG VĂN THÁI – On the first stage of the people's war for the defence of the Homeland. ĐÀO THIỆN THI – Organizing and managing the workforce at basic economic establishments. NGUYỄN THỊ ĐỊNH – Some problems worthy of consideration in the work of mobilization of women. PHAN XUÂN ĐỢT – On developing forestry. HỒ BẤT KHUẤT – Following the U. S. A. and China, where will Thailand go? LÊ TỊNH – US terrorism and the so-called «regional conflict».

REVUE DU COMMUNISME N° 7-1986

Editorial – Traduisons notre douleur en actes révolutionnaires! **Editorial** – Impulser la production, faire des économies, reprendre en main le marché et les prix. LÊ ĐỨC THỌ – Bien mener le travail idéologique en vue du prochain Congrès national du Parti. HOÀNG VĂN THÁI – Sur l'étape initiale de la guerre du peuple de défense de la Patrie. ĐÀO THIỆN THI – L'organisation et la gestion du travail dans les unités économiques de base. NGUYỄN THỊ ĐỊNH – Quelques problèmes à considérer dans le travail de mobilisation des femmes. PHAN XUÂN ĐỢT – Sur le développement de la sylviculture. HỒ BẤT KHUẤT – En suivant les E. U et la Chine, jusqu'où va la Thaïlande? LÊ TỊNH – Le terrorisme américain et le soi-disant «conflit régional».

REVISTA DEL COMUNISMO N° 7-1986

Editorial – A convertir el dolor en la acción revolucionaria. **Editorial** – Impulsar la producción, realizar el ahorro y controlar el mercado y el precio. LÊ ĐỨC THỌ: Hacer bien el trabajo ideológico en vísperas del Congreso del Partido. HOÀNG VĂN THÁI – Sobre el primer período de la guerra del pueblo por la defensa nacional. ĐÀO THIỆN THI – Organizar y gestionar el trabajo en las unidades económicas básicas. NGUYỄN THỊ ĐỊNH – Algunos problemas importantes en el trabajo femenino. PHAN XUÂN ĐỢT – Sobre el desarrollo de la silvicultura. HỒ BẤT KHUẤT – ¿A dónde llegará Tailandia al seguir a Estados Unidos y China? LÊ TỊNH – El terrorismo norteamericano y el llamado «conflicto regional».

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
SỐ 7-1986. NĂM THỨ XXXII (367)

Mục lục

Xã luận – Hãy biến đau thương thành hành động cách mạng 1
Thông cáo đặc biệt về việc đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn từ trần 5
Danh sách Ủy ban lễ tang Nhà nước 7
Tiểu sử đồng chí Lê Duẩn 9
Điếu văn 12
Thông báo của Hội nghị đặc biệt BCHTƯĐCS Việt nam 15
Tiểu sử tóm tắt của đồng chí Trường Chinh 16
Phát biểu của đồng chí Trường Chinh 18
Xã luận – Đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, làm chủ thị trường giá cả 19
LÊ ĐỨC THỌ – Làm tốt công tác tư tưởng chuẩn bị cho Đại hội Đảng 21
HOÀNG VĂN THÁI – Bàn về thời kỳ đầu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc 30
ĐÀO THIỆN THI – Tổ chức lao động và quản lý lao động ở đơn vị kinh tế cơ sở 37
★★★ – Những nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng hiện nay 44
Tiến tới Đại hội thứ VI của Đảng – NGUYỄN THỊ ĐỊNH, PHAN XUÂN ĐỢT, ĐỖ LONG 50
Tư liệu – Đảng cộng sản Việt nam: Từ Đại hội đến Đại hội 64
NGUYỄN TRỌNG PHÚC – Kết hợp cải tạo với xây dựng trong quá trình hợp tác hóa nông nghiệp ở Tiền giang 67
TRẦN XUÂN – Thành phố Hồ Chí Minh đẩy mạnh sản xuất tiểu, thủ công nghiệp 71
NGUYỄN VĂN THỀ – Hợp tác xã Châu giang 76
NHẬT TÂN – Gương mặt trung đoàn 567 80
LÊ ANH TRÀ – Bản sắc dân tộc trong văn hóa và việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa 84
TRẦN TRỌNG ĐĂNG ĐÀN – Mấy suy nghĩ về đời sống văn học tại thành phố Hồ Chí Minh từ sau giải phóng 90
Sinh hoạt tư tưởng – PHƯƠNG SƠN – Một bài học 95
HỒ BẤT KHUẤT – Theo đuổi Mỹ và Trung quốc, Thái lan sẽ đi đến đâu? 97
LÊ TỊNH – Chủ nghĩa khủng bố của Mỹ và cái gọi là «xung đột khu vực» 102

Digitized by Google

Digitized by Google

Các bạn đón đọc:

C. MÁC – PH. ĂNG-GHEN – V.I. LÊ-NIN

– Về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản

LÊ ĐỨC THỌ

– Những vấn đề cấp bách của công tác xây dựng Đảng

VŨ OANH

– Mặt trận nông nghiệp – thành tựu và kinh nghiệm mới

G. Đ. MỜ-GHE-LÁT-DE

– Ghi chép của một bí thư huyện ủy

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 6đ00

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

MAIN/UC-B

LIBRARY
JAN 5 1987
UNIVERSITY OF CALIFORNIA
EY

8

8.1986

Digitized by Google

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Xã luận

HỎI Ý KIẾN CỦA ĐẢNG, CỦA NHÂN DÂN VỀ DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ TẠI ĐẠI HỘI VI

HỘI nghị thứ 10 Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) đã thảo luận và nhất trí thông qua dự thảo Báo cáo chính trị tại Đại hội toàn quốc thứ VI của Đảng.

Dự thảo Báo cáo chính trị đã được truyền đạt cho cán bộ các ngành, các cấp nhằm giúp vào việc xây dựng báo cáo tại đại hội đảng bộ các cấp và việc tiến hành tự phê bình và phê bình đợt hai. Dự thảo văn kiện quan trọng này cũng sẽ được đưa ra thảo luận tại đại hội đảng bộ các cấp bắt đầu từ đại hội đảng bộ cơ sở và thảo luận trong nhân dân nhằm thu thập ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Cùng với việc tự phê bình và phê bình, chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, việc đưa ra thảo luận lấy ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân về dự thảo Báo cáo chính trị là một việc làm có ý nghĩa hết sức quan trọng trong quá trình chuẩn bị Đại hội toàn quốc của Đảng. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, việc này hết sức cần thiết nhằm phát huy trí tuệ của toàn Đảng và nhân dân để giải quyết những vấn đề trọng đại của Đảng, của đất nước, tăng cường mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng với quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

★

Digitized by Google

Như chúng ta đều biết, tại mỗi Đại hội toàn quốc của Đảng, Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương bao giờ cũng là văn kiện lý luận và chính trị quan trọng nhất. Trên cơ sở tư tưởng chủ nghĩa Mác — Lê-nin, nó nhìn lại toàn bộ việc thực hiện các nhiệm vụ do Đảng đề ra trong những năm qua; phân tích, tổng kết, rút ra những bài học kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo; đồng thời xuất phát từ tình hình cụ thể, chỉ ra những nhiệm vụ, phương hướng, mục tiêu, biện pháp lớn về các mặt hoạt động của Đảng ta, Nhà nước ta, nhân dân ta trong những năm tới.

Báo cáo chính trị càng được chuẩn bị tốt, thu thập được nhiều ý kiến của đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng sẽ càng có chất lượng cao, có tác dụng chỉ đạo sắc bén đối với quá trình cách mạng, đối với những vấn đề đặt ra trong cuộc sống. Do đó, trách nhiệm của cơ quan lãnh đạo của Đảng không chỉ là chuẩn bị kỹ về các mặt để có thể xây dựng nên một dự thảo Báo cáo chính trị tốt mà còn có trách nhiệm phát huy trí tuệ của toàn Đảng, của nhân dân, thu thập được nhiều ý kiến, đồng thời nghiên cứu, tổng hợp các ý kiến ấy của đảng viên và quần chúng để bổ sung vào bản dự thảo, làm cho nội dung bản dự thảo được hoàn chỉnh hơn, biên soạn lại thành Báo cáo chính trị chính thức đưa ra trình bày tại Đại hội toàn quốc của Đảng.

Dự thảo Báo cáo chính trị lần này bao gồm những nội dung nói về tình hình và nhiệm vụ cách mạng nước ta; về phương hướng và nhiệm vụ kinh tế xã hội trong những năm 1986 — 1990; về bảo đảm và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và vai trò quản lý của Nhà nước; về tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta; về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Được soạn thảo với tinh thần nghiêm túc kết hợp với những kinh nghiệm đã thu được, dự thảo Báo cáo chính trị lần này tổng kết một cách đầy đủ việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội toàn quốc thứ V, các nghị quyết của Ban chấp hành trung ương và của Bộ chính trị từ sau Đại hội; trình bày một cách khái quát bức tranh toàn cảnh của đất nước, rút ra những kết luận đúng đắn có ý nghĩa quan trọng về nhiều mặt: tăng cường sự nhất trí trong Đảng, trong nhân dân; nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng; đề ra những giải pháp chính xác để đưa cách mạng nước ta tiếp tục tiến lên.

Một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu và cũng là vấn đề thường có những ý kiến khác nhau hiện nay là vấn đề đánh giá tình hình. Có quan điểm đánh giá tình hình một cách đúng đắn mới khắc phục được những nhận thức lệch lạc về mặt này hay mặt khác, tạo nên sự đoàn kết nhất trí và mới có cơ sở để xác định các nhiệm vụ, phương hướng, mục tiêu phấn đấu của cách mạng phù hợp với tình hình thực tế. Thái độ và phương pháp đánh giá tình hình của Đảng ta thể hiện khá rõ nét trong dự thảo Báo cáo chính trị là: nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật. Một mặt khẳng định những thành tựu mà nhân dân ta đã nỗ lực phấn đấu đạt được trong mấy năm qua; mặt khác thẳng thắn chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, phân tích rõ những nguyên nhân đã dẫn tới sai lầm, khuyết điểm. Việc phân tích đánh giá tình hình đã qua cũng như việc xác định các nhiệm vụ, phương hướng, mục tiêu phấn đấu trong những năm tới về các mặt — đối nội cũng như đối ngoại, nhất là về kinh tế — đã được tập thể các thành viên trong các tiểu ban biên soạn gồm nhiều chuyên gia, nhiều đồng chí lãnh đạo các cơ quan của Đảng và Nhà nước ở trung ương và địa phương, thảo luận nhiều lần và cân nhắc tỉ mỉ với tinh thần trách nhiệm.

Digitized by Google

Tại hội nghị Ban chấp hành trung ương, trong quá trình thảo luận nhiều đồng chí lại góp thêm nhiều ý kiến sâu sắc trên tất cả các vấn đề được nêu ra trong dự thảo và những ý kiến ấy đã được tập hợp, bổ sung vào dự thảo. Có thể nói, trên thực tế dự thảo Báo cáo chính trị đã được chuẩn bị và tiến hành trên một cơ sở khoa học và dân chủ, phản ánh trí tuệ tập thể của Ban chấp hành trung ương Đảng.

★

Mặc dù dự thảo Báo cáo chính trị được chuẩn bị công phu với tinh thần nghiêm túc, Ban chấp hành trung ương rất coi trọng việc lấy ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân về dự thảo ấy. Điều đó chứng tỏ sự nghiêm túc của Đảng ta trong việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ cũng như trong việc quán triệt quan điểm quần chúng của Đảng.

Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng ta. Nguyên tắc ấy — như điều lệ Đảng đã ghi rõ: « một mặt, bảo đảm phát huy tính tích cực và tính sáng tạo của mọi tổ chức của Đảng và đảng viên trong việc tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; mặt khác, bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động của Đảng » (1).

Việc đưa dự thảo Báo cáo chính trị ra thảo luận lấy ý kiến của cán bộ, đảng viên chính là nhằm đáp ứng yêu cầu ấy. Trước hết nó bảo đảm cho mọi tổ chức Đảng, mọi cán bộ, đảng viên có « quyền » thảo luận, phát huy đầy đủ trí tuệ, « tính tích cực và tính sáng tạo » của mình vào việc xây dựng đường lối, chính sách của Đảng, giải quyết những vấn đề trọng đại của cách mạng. Đó chính là một trong những biểu hiện cao nhất của việc thực hiện dân chủ trong nội bộ Đảng. Mỗi đảng viên, cán bộ của Đảng căn nhận rõ vinh dự, nghĩa vụ đó, và bằng trí tuệ, kinh nghiệm hoạt động thực tiễn của mình, tích cực góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị; không nên có tư tưởng thụ động, ỷ lại vào các cấp trên.

Thực tiễn đã luôn luôn chứng minh: năng lực lãnh đạo của Đảng, sức chiến đấu của Đảng phụ thuộc rất lớn và trên một phương diện nào đó phụ thuộc một cách quyết định vào chất lượng đội ngũ đảng viên. Muốn phát huy được vai trò, tác dụng của mình, mọi đảng viên, cán bộ của Đảng phải vừa có đạo đức, phẩm chất cách mạng trong sáng, vừa nắm vững đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng, hướng dẫn mọi hoạt động của quần chúng đi theo đúng phương hướng lãnh đạo của Đảng. Việc thảo luận dự thảo Báo cáo chính trị chẳng những sẽ góp phần vào việc bổ sung, hoàn thiện bản dự thảo mà còn giúp cho các tổ chức Đảng và cán bộ, đảng viên quán triệt một bước những quan điểm tư tưởng chỉ đạo của Đảng về các mặt hoạt động, về những vấn đề đang đặt ra trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Và điều đó sẽ góp phần tích cực tăng cường sự thống nhất ý chí và hành động của Đảng, bảo đảm cho Đảng ta có thể thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ.

Suốt trong quá trình lãnh đạo cách mạng nước ta, Đảng ta luôn nắm vững quan điểm quần chúng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, quần chúng là người sáng tạo ra lịch sử. Trong sự nghiệp xây

(1) *Điều lệ Đảng cộng sản Việt nam*, 1982, tr. 13 — 14.

Digitized by Google

dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, Đảng ta càng coi trọng hơn nữa việc gắn bó mật thiết giữa Đảng với quần chúng, phát huy trí tuệ của quần chúng, phát huy quyền làm chủ của quần chúng. Thực tế đã chứng minh nhân dân ta rất cách mạng đã gắn bó với Đảng ta trong cuộc chiến đấu lâu dài, đánh thắng tất cả các thế lực xâm lược, giải phóng đất nước, thống nhất Tổ quốc. Những thành tựu cách mạng trong những năm qua là kết quả tổng hợp của ba cuộc cách mạng và cũng là kết quả của nhân dân lao động nước ta thực hiện quyền làm chủ tập thể của mình, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, lao động cần cù, chịu đựng gian khổ, tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết cùng nhau xây dựng cuộc sống mới.

Đại hội toàn quốc của Đảng là sinh hoạt chính trị quan trọng nhất của Đảng và cũng là sinh hoạt chính trị quan trọng nhất của nhân dân ta, đất nước ta. Đảng là người lãnh đạo, người vạch đường chỉ lối cho cách mạng nước ta. Quần chúng nhân dân là người thực hiện mọi đường lối chính sách của Đảng, người làm chủ xã hội, làm chủ đất nước. Mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng là quan hệ gắn bó máu thịt. Trải qua hoạt động thực tiễn trên các lĩnh vực công tác, lao động sản xuất, chiến đấu, các tầng lớp nhân dân ta, các tập thể lao động chắc chắn sẽ đóng góp được nhiều ý kiến tốt, giúp cho Đảng hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo chính trị. Đó vừa là vinh dự vừa là trách nhiệm của nhân dân ta đối với Đảng lãnh đạo của mình.

Một trong những âm mưu thâm độc của kẻ thù hiện nay là đẩy mạnh những hoạt động tuyên truyền xuyên tạc, đả kích sự lãnh đạo của Đảng, nói xấu các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, kích động chia rẽ Đảng với nhân dân. Việc thảo luận dự thảo Báo cáo chính trị trong nhân dân không chỉ nhằm phát huy trí tuệ của nhân dân mà còn giúp cho mọi người hiểu đúng tình hình đất nước, hiểu rõ những vấn đề đang đặt ra trong sự nghiệp cách mạng, nắm được đường lối, quan điểm của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm, nâng cao sự nhất trí về chính trị, tư tưởng trong nhân dân, gắn bó chặt chẽ nhân dân với Đảng, đập tan những luận điệu phản động của kẻ thù.

Trong việc lấy ý kiến của nhân dân chuẩn bị cho các đại hội trước, các đảng bộ địa phương và cơ sở đã có nhiều kinh nghiệm. Cần dựa vào những kinh nghiệm ấy mà tổ chức thật tốt việc thảo luận và thu thập ý kiến của các tầng lớp nhân dân về dự thảo Báo cáo chính trị lần này. Nói chung, nên tổ chức nhiều hình thức linh hoạt để có thể thu thập được nhiều ý kiến của các đại biểu các tầng lớp nhân dân, các ban chấp hành các đoàn thể quần chúng, các đoàn viên, hội viên trong các tổ chức quần chúng, các tập thể lao động, các đảng phái trong Mặt trận Tổ quốc Việt nam, các nhân sĩ, v.v.

Ngoài đại hội đảng bộ các cấp và hội nghị của các tổ chức quần chúng, các ngành ở trung ương và các tỉnh, thành, nhất là thành phố Hà nội, thành phố Hồ Chí Minh nên tổ chức các hội nghị chuyên đề để lấy ý kiến của các chuyên gia, các cán bộ khoa học kỹ thuật, các nhà hoạt động văn hóa nghệ thuật, giáo dục, y tế, v.v. để có thể thu thập ý kiến sâu về một số vấn đề chuyên ngành nêu trong Báo cáo chính trị và đề án báo cáo của các tỉnh, thành.

Việc lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo Báo cao chính trị cần thiết thực, tránh làm theo lối hình thức, phô trương. Hết sức coi trọng ý kiến của cấp dưới và của nhân dân.

Việc tập hợp ý kiến gửi lên cấp trên phải trung thực, đầy đủ, không bỏ sót ý kiến nào. Những ý kiến cụ thể cần xử lý thì cấp ủy giao cho ngành có liên

Digitized by Google

quan xử lý, trả lời trong một thời gian nhất định và phải có sự kiểm tra chặt chẽ.

Trong đợt sinh hoạt thảo luận, góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị, báo, đài và các phương tiện thông tin đại chúng khác giữ vai trò rất quan trọng. Ngoài việc công bố đề cương Báo cáo chính trị và những bài giới thiệu nội dung văn kiện, các báo, đài có thể mở chuyên mục góp ý kiến vào đề cương Báo cáo chính trị để đăng ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tùy theo chức năng, nhiệm vụ của mình, mỗi báo nên phản ánh có trọng tâm, chủ yếu là những ý kiến có giá trị về những vấn đề thuộc lĩnh vực công tác của ngành mình, giới mình.

Trong Đảng cũng như trong nhân dân, việc thảo luận góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị cần gắn chặt với việc thực hiện những nhiệm vụ công tác cụ thể hàng ngày. Tại đại hội đảng bộ các cấp, việc thảo luận góp ý kiến vào văn kiện kết hợp với việc phê bình và tự phê bình đợt hai.

Quá trình thảo luận dự thảo Báo cáo chính trị trong Đảng, trong nhân dân cũng là quá trình tiếp tục quán triệt đường lối, chính sách của Đảng đã được đề ra tại Đại hội IV, Đại hội V và trong các nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành trung ương (khóa V) và các nghị quyết của Bộ chính trị. Việc thảo luận góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị cũng như việc phê bình, tự phê bình, kiểm điểm công tác, xác định nhiệm vụ công tác mới đều phải hướng vào mục tiêu chung là tạo được sự nhất trí cao trong toàn Đảng, toàn dân trên cơ sở đường lối, quan điểm của Đảng tiến tới Đại hội toàn quốc thứ VI và đẩy mạnh mọi mặt công tác trước mắt. Từ nay đến Đại hội VI, thời gian không còn nhiều. Các cấp ủy Đảng cần tập trung tiến hành tốt đại hội đảng bộ cấp mình, [illegible] nghị lần thứ mười Ban chấp hành trung ương đã đề ra. Thực hiện tốt những nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại; dấy lên phong trào thi đua sôi nổi của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thiết thực lập thành tích chào mừng Đại hội VI của Đảng, tạo ra không khí phấn khởi, tin tưởng bước vào Đại hội» (2).

Với những ý nghĩa và yêu cầu quan trọng nói trên, chúng ta cần ra sức tổ chức tốt việc thảo luận dự thảo Báo cáo chính trị trong đại hội đảng bộ các cấp cũng như trong nhân dân nhằm góp ý kiến xây dựng văn kiện Đại hội sắp tới của Đảng.

(2) Phát biểu của đồng chí Trường Chinh tại Hội nghị đặc biệt Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) ngày 14-7-1986.

Digitized by Google

BÀI NÓI CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG CHINH

tại Hội nghị cán bộ nghiên cứu dự thảo Báo cáo chính trị sẽ trình Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng

(Ngày 7 — 10-7-1986)

Các đồng chí thân mến,

SAU mấy ngày làm việc khẩn trương với ý thức trách nhiệm [illegible] các đồng chí đã nghiên cứu và thảo luận sôi nổi, đã thấu suốt nội dung cơ bản của dự thảo Báo cáo chính trị và đóng góp nhiều ý kiến tốt vào dự thảo Báo cáo. Thay mặt Ban chấp hành trung ương và Bộ chính trị, tôi nhiệt liệt hoan nghênh kết quả của hội nghị.

Trong 56 năm qua, với kinh nghiệm phong phú trong đấu tranh cách mạng, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, giành những thắng lợi vô cùng vẻ vang. Từ sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cả nước cùng bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Dưới ánh sáng các nghị quyết Đại hội IV và Đại hội V, trong hoàn cảnh đất nước có nhiều khó khăn, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta tiếp tục giành những thắng lợi to lớn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, làm nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế. Bên cạnh những thành tựu to lớn đó, chúng ta đã phạm một số khuyết điểm, sai lầm nghiêm trọng trong lĩnh vực xây dựng và quản lý kinh tế.

Những thành công và thắng lợi, những khuyết điểm và sai lầm đó, cũng như phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng và nhân dân trong những năm trước mắt đã được phản ánh vào dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội lần này. Đồng chí Võ Chí Công đã giới thiệu nội dung cơ bản của dự thảo Báo cáo chính trị để các đồng chí nghiên cứu, thảo luận trong mấy ngày vừa qua. Ở đây, tôi không nhắc lại mà muốn nhân dịp này nói thêm một vài ý kiến nhằm góp phần làm thấu suốt hơn nữa những **tư tưởng chỉ đạo chiến lược** của Đảng.

Như các đồng chí đã biết, Đại hội toàn quốc lần thứ IV và lần thứ V của Đảng đã chỉ ra rất đúng đắn những đặc điểm nổi bật của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ đó là: chúng ta đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, từ một

Digitized by Google

nền tiểu sản xuất là phổ biến, với nhiều thành phần kinh tế; tỷ suất hàng hóa còn rất thấp; một số vùng còn mang tính chất tự cấp, tự túc của nền kinh tế tự nhiên. Một số cơ sở vật chất — kỹ thuật được xây dựng trước đây, trải qua 30 năm chiến tranh đã bị tàn phá nặng nề, tình trạng mất cân đối về lương thực, thực phẩm, năng lượng, nguyên liệu, vật tư, cấu trúc hạ tầng... đều gay gắt và nghiêm trọng. Vừa ra khỏi cuộc chiến tranh lâu dài, nhân dân ta lại phải đối phó với chiến tranh lấn chiếm biên giới và chiến tranh phá hoại nhiều mặt do bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và bọn phản động quốc tế gây ra, khiến chúng ta không tập trung xây dựng kinh tế được.

Những đặc điểm nổi bật trên đây, **một mặt** nói lên điểm xuất phát của chúng ta tiến lên chủ nghĩa xã hội là rất thấp; **mặt khác** nói lên tính chất vô cùng phức tạp của tình hình. Những khuyết điểm, sai lầm chủ quan của chúng ta khiến cho tình hình vốn đã rất khó khăn lại càng khó khăn, phức tạp thêm. Nhiệm vụ nặng nề đặt ra cho Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng là phải tổng kết thực tế, rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc. Trên cơ sở đó mà cụ thể hóa thêm một bước đường lối, chủ trương đã đề ra từ Đại hội IV và Đại hội V. Với ý nghĩa cực kỳ quan trọng đó, chúng ta quyết tâm chuẩn bị tốt, bảo đảm thành công của Đại hội, đáp ứng lòng mong mỏi của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân. Trên cơ sở cụ thể hóa thêm đường lối, phương hướng chiến lược phát triển của nước ta đã được các Đại hội IV và Đại hội V nêu lên, Đảng ta sẽ lãnh đạo nhân dân ta kiên trì phấn đấu, dũng cảm trong lao động và bảo vệ Tổ quốc, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Để thực hiện đường lối của Đảng đã được Đại hội lần thứ IV và Đại hội lần thứ V nêu ra, quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đòi hỏi chúng ta phải **đổi mới** trên nhiều mặt: đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, đổi mới phong cách làm việc, đổi mới tổ chức và cán bộ. Đại hội VI của Đảng ta phải đáp ứng yêu cầu đó. Bước đổi mới phải được thể hiện trong nội dung các văn kiện của Đảng, trước hết là trong Báo cáo chính trị và trong phương hướng bố trí nhân sự của Trung ương, của các cấp ủy Đảng tại đại hội các cấp và Đại hội toàn quốc lần này.

Sự đổi mới đó dựa trên những bài học được đúc kết từ những thắng lợi đã đạt được và những khuyết điểm, sai lầm mà chúng ta đã phạm trong 11 năm qua, khi cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Ở đây, tôi muốn nêu lên mấy bài học kinh nghiệm quan trọng:

Một là, sức mạnh của một nước, của cách mạng **chính là ở nhân dân**. Để thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phải tin tưởng ở nhân dân, mọi chủ trương, chính sách đều phải **lấy dân làm gốc**. Cha ông ta từ xưa đã nghĩ và làm như vậy. Trong thời đại ngày nay, từ tiền khởi nghĩa đến Cách mạng Tháng Tám, kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chống bành trướng Bắc kinh, Đảng ta đều làm như vậy. **Đi lên chủ nghĩa xã hội ngày nay lại càng phải làm như vậy.**

Chính sách của Đảng phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và trình độ của dân. Đánh giá chính sách của chúng ta đúng hay sai, tốt hay xấu là phải nhìn ở chỗ đa số quần chúng nhân dân có phấn khởi, đồng tình, hăng hái thực hiện hay không? Sản xuất có được đẩy mạnh, kinh tế có phát triển, đời sống có ổn định và từng bước được cải thiện, quốc phòng, an ninh có vững mạnh hay không? Ai thực hiện chính sách? Đó là **nhân dân**, không phải ai khác.

Digitized by Google

Ngay cả trong trường hợp chính sách đúng rồi mà nhân dân chưa hiểu, chưa đồng tình thì cũng không làm được. Khi đó phải ra sức giáo dục, giải thích cho dân, biết chờ đợi dân. Có khi phải điều chỉnh chính sách cho phù hợp với thực tế và với trình độ của quần chúng.

Phải giáo dục, làm cho dân hiểu, dân tin ở Đảng, **tạo ra phong trào cách mạng** rộng lớn, sôi nổi của nhân dân lao động tự nguyện, hăng hái phấn đấu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ khi cả nước bước vào thời kỳ quá độ, không ít cán bộ, đảng viên đã xa dân, đã quên những năm tháng gian khổ, hy sinh, cùng nhân dân đồng cam cộng khổ, tưởng rằng chỉ có làm cách mạng lúc bí mật, tiến hành chiến tranh giải phóng mới cần dựa vào dân, còn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì nhân dân chỉ một mực nghe theo. Lê-nin đã nói: «Nguy cơ của một đảng cầm quyền chính là ở chỗ cắt rời mối liên hệ với quần chúng nhân dân».

Nông dân có đầu óc tư hữu, điều đó đúng; muốn lên chủ nghĩa xã hội phải xóa óc tư hữu, điều đó cũng đúng. Nhưng vấn đề là xóa bằng cách nào? Phải thông qua tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, phát triển và từng bước nâng cao trình độ xã hội hóa của sản xuất, gắn với việc thường xuyên, tích cực, kiên trì giáo dục, làm cho nông dân từng bước thay đổi nếp nghĩ của mình theo hướng tiến bộ chứ không phải bằng cách ra lệnh, dùng biện pháp hành chính, cưỡng chế mà xóa ngay trong một sớm một chiều. Cũng không thể bảo rằng còn óc tư hữu là không yêu nước. Nói như vậy dân không đồng tình, ta càng xa dân mà thôi. Trong mấy cuộc kháng chiến vừa qua, ít có gia đình không có người hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Nông dân nói riêng và nhân dân ta nói chung rất yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, song họ không thể đồng tình nếu ta áp đặt những điều trái với lợi ích chính đáng của họ và bắt họ theo ý muốn chủ quan của ta.

Bài học **«cách mạng là sự nghiệp của quần chúng»** trước đây rất quan trọng, **bây giờ càng quan trọng**, đó là bài học lịch sử vô giá của cách mạng nước ta.

Hai là, trong công tác lãnh đạo, phải tôn trọng quy luật khách quan, vận dụng nó vào thực tế. Đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã nói: «Làm chủ là nắm vững quy luật và hành động theo quy luật». Đúng thế; coi thường lại quy luật thì chẳng những không làm chủ được mà còn bị nó quật lại.

Hơn 10 năm qua đã cho thấy rõ muốn chuyển biến tình hình kinh tế — xã hội, trước hết phải **thay đổi nhận thức, thay đổi tư duy**, đặc biệt là **tư duy kinh tế**. Chủ nghĩa Mác — Lê-nin nêu lên những nguyên lý chung có tính phổ biến. Song vận dụng những nguyên lý đó vào hoàn cảnh Việt nam như thế nào là việc của chúng ta phải làm; không ai có thể làm thay chúng ta được. Muốn vậy, phải xuất phát từ thực tế Việt nam, với những con người Việt nam cụ thể, với điều kiện phát triển cụ thể của lịch sử, của nền kinh tế, của điều kiện xã hội, của những truyền thống Việt nam.

Hệ thống quy luật khách quan đang phát huy tác dụng, vừa tác động lẫn nhau, vừa bổ sung cho nhau, tạo thành một thể thống nhất, trong đó các quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội giữ vai trò chủ đạo. Chúng ta phải vận dụng đúng đắn, trải qua sự kiểm nghiệm của thực tế mà điều chỉnh các chính sách nhằm vận dụng ngày càng nhuần nhuyễn và đúng đắn hơn cả hệ thống các quy luật đó, không chỉ vận dụng riêng một quy luật nào.

Tiêu chuẩn đánh giá trình độ và khả năng vận dụng đúng đắn hệ thống

Digitized by Google

quy luật, thông qua các chính sách của chúng ta là sản xuất phải phát triển, giao lưu thông suốt, đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân phải ổn định và từng bước được cải thiện, xã hội phải lành mạnh, văn minh, các giá trị đạo đức và tinh thần ngày càng được nâng cao, quốc phòng, an ninh vững mạnh. Mọi chính sách làm giảm nhiệt tình lao động của quần chúng, gây trở ngại, thậm chí làm đình đốn sản xuất, bế tắc lưu thông, làm cho đời sống khó khăn, tiêu cực phát triển, xã hội rối loạn, là biểu hiện của sự vận dụng không đúng đắn các quy luật khách quan, đều phải bãi bỏ hoặc sửa đổi

Trong những năm qua, do chúng ta mắc sai lầm chủ quan, nóng vội, không tôn trọng, thậm chí làm trái quy luật khách quan, đồng thời lại bảo thủ, trì trệ, nên đã duy trì quá lâu cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp. Kết quả là sức sản xuất bị kìm hãm, không phát triển được; nhân dân lao động không phát huy được quyền làm chủ của mình trên thực tế; người ăn thì nhiều, người làm thì ít; năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng giảm sút; xã hội không có hoặc có rất ít sản phẩm, lưu thông ách tắc do tình trạng chia cắt thị trường, khiến cho nền kinh tế lâm vào tình trạng khó khăn kéo dài, lạm phát triền miên, giá cả không ổn định, đời sống bấp bênh, các giá trị đạo đức, tinh thần bị xói mòn, tiêu cực phát triển.

Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương (khóa V), nhất là Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương, đã phân tích sâu sắc khuyết điểm, sai lầm đó, chỉ ra tác hại to lớn kéo dài trên nhiều mặt. Trên cơ sở phân tích đó, Trung ương đã đi đến quyết định xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở kế hoạch hóa. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương, tiếp theo đó là các nghị quyết 28, 31, 306 (dự thảo) của Bộ chính trị và kết luận của Hội nghị lần thứ 10 của Trung ương về giá — lương — tiền vừa qua đánh dấu bước trưởng thành của Đảng ta trong công tác lãnh đạo nói chung và lãnh đạo kinh tế nói riêng trên con đường nhận thức và vận dụng đúng đắn các quy luật; chuyển từ việc điều khiển nền kinh tế bằng mệnh lệnh hành chính là chủ yếu sang việc điều khiển bằng cách vận dụng đúng đắn hệ thống quy luật khách quan. Đó chính là **nội dung cốt lõi**, có ý nghĩa cách mạng sâu sắc của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương.

Điều đáng tiếc là, do nhận thức chưa đầy đủ, chưa thấu suốt tinh thần và nội dung cơ bản của các nghị quyết đó, nên khi chỉ đạo thực hiện, chúng ta đã phạm một số khuyết điểm, sai lầm trong việc đổi tiền và tổng điều chỉnh giá và lương vừa qua, gây hậu quả nghiêm trọng mà chúng ta đang phải tìm mọi biện pháp để khắc phục.

Cần nói thêm rằng, trong bối cảnh của thời đại ngày nay, khi cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa đã trở thành một hệ thống thế giới, một lực lượng ngày càng hùng mạnh, vững chắc, thì điều kiện khách quan thuận lợi có rất nhiều, chúng ta cần thiết và hoàn toàn có khả năng tranh thủ sự giúp đỡ vô cùng quý báu của các nước anh em, trước hết là của Liên xô.

Song dù trong điều kiện khách quan thuận lợi đến mấy, **chủ quan của chúng ta bao giờ cũng là chính**. Rõ ràng là chúng ta đã bỏ lỡ cơ hội quý báu đó khi Liên xô viện trợ trong 10 năm qua hàng chục tỷ rúp, nhưng với cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, ăn không nên, làm không ra, chúng ta cứ rút dần mòn mỏi năm vài trăm triệu rúp để chi cho tiêu dùng xã hội, cho bao cấp và bù lỗ, vài

Digitized by Google

trăm triệu rúp khác thì rải ra trên rất nhiều công trình xây dựng. Đó là sai lầm lớn của chúng ta. Đáng tiếc là đến nay vẫn còn một số đồng chí chưa thấy đầy đủ tác hại sâu xa, nhiều mặt của nó; cứ sợ rằng nghĩ khác, làm khác với tập trung quan liêu, bao cấp là xa rời chủ nghĩa xã hội!

Có đồng chí lo ngại rằng nếu mạnh dạn sử dụng, phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế, ban hành các chính sách mở rộng sản xuất, kết hợp Nhà nước tạo thêm việc làm với nhân dân tự tạo ra việc làm thì tình hình sẽ rối loạn hơn, vì vật tư, nguyên liệu, năng lượng chỉ có hạn, sẽ bị tuồn từ cơ sở quốc doanh ra khu vực sản xuất tập thể, tư nhân. Sợ như vậy chẳng hóa ra phải hạn chế sản xuất lại, không để tất cả mọi người có việc làm mới là đúng, là khỏi rối loạn hay sao? Vả chăng, nỗi lo ngại đó chứng tỏ chúng ta chưa tin ở sức mạnh của nhân dân, chưa hiểu rõ sự vận động của quy luật. Sự thật là, khi có chính sách mở rộng sản xuất, tạo điều kiện cho người lao động có việc làm thì **do phân công lao động trong xã hội**, sẽ có một bộ phận hướng nghề nghiệp của mình vào việc tạo thêm nguồn nguyên liệu, vật tư cho sản xuất, để đáp ứng nhu cầu của xã hội. Nhân dân lao động sẽ phát huy sức sáng tạo của mình để khắc phục khó khăn, phát triển sản xuất.

Vấn đề là chúng ta phải có chính sách đúng đắn, tạo điều kiện cho người lao động, cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh và cho các địa phương sản xuất ra vật tư, nguyên liệu lẫn hàng tiêu dùng. Nếu chính sách của chúng ta, nhất là chính sách đầu tư, chính sách giá cả, chính sách lưu thông phân phối, đều hợp lý thì chắc chắn nông dân sẽ không bỏ ruộng, không nhổ cây thuốc lá, không chặt mía, không bỏ nuôi lợn..., trái lại, càng hăng hái sản xuất ra nhiều hơn, và sẽ có thêm nguyên liệu, vật tư cho công nghiệp, có thêm lương thực, thực phẩm cho tiêu dùng. Nếu chủ trương đầu tư đúng và có chính sách phù hợp, chắc chắn công nhân mỏ sẽ hăng hái khắc phục khó khăn để làm ra nhiều than hơn nữa; các nhà khoa học, kỹ thuật sẽ tập trung trí tuệ, tài năng để sáng tạo, tìm tòi những nguồn năng lượng, nguyên liệu, vật tư có thể khai thác ngay trong nước, tiết kiệm được nhiều ngoại tệ.

Chính sách đúng đắn chẳng những làm cho sản xuất phát triển mà còn góp phần quan trọng củng cố khối liên minh công nông ngày càng vững chắc, làm cho nông dân phấn khởi, tin tưởng, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội theo con đường Đảng đã vạch ra. Chính sách sai, không hợp quy luật, không hợp lòng dân chẳng những làm cho sản xuất giảm sút mà còn làm sứt mẻ khối liên minh công nông, đẩy nông dân vào tay tư thương đầu cơ.

Đối với **công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa** cũng vậy, chúng ta phải đẩy mạnh cải tạo, tiến hành thường xuyên, liên tục, với những hình thức và bước đi thích hợp ở từng vùng và trên cả nước, thực hiện tốt phương châm «cải tạo để sử dụng, sử dụng để cải tạo tốt hơn», làm cho quan hệ sản xuất luôn luôn phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất; quyết không thể vì sốt ruột mà muốn nhanh chóng dẹp bỏ, làm cho sản xuất giảm sút, thị trường tiêu điều. Cách thực hiện tốt nhất phương châm vừa cải tạo, vừa sử dụng là mở rộng sự liên kết kinh tế với những hình thức thích hợp giữa các thành phần kinh tế, trên cơ sở phát huy vai trò nòng cốt của thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Tất nhiên, chúng ta phải trừng trị bọn đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả để lừa gạt người tiêu dùng, trừng trị bọn ăn cắp, tham ô, biển chất, sa đọa, tuồn hàng Nhà nước ra ngoài. Chúng ta nhất thiết phải tăng cường quản lý để làm chủ thị

Digitized by Google

trường bằng cách kết hợp đúng đắn các biện pháp kinh tế, hành chính, giáo dục, tư pháp. Song thị trường mà ta làm chủ đó phải là một thị trường đồi dào hàng hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, chứ không phải một thị trường không có hàng hóa hoặc hàng hóa nghèo nàn. Quản lý một thị trường nghèo nàn như vậy thì làm sao thực hiện được quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội là thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của nhân dân lao động!

Có thể nói ngay rằng làm sai quy luật thì không thể đi lên chủ nghĩa xã hội được, càng sai quy luật thì con đường lên chủ nghĩa xã hội càng kéo dài ra, chứ không hề gần lại với chúng ta. Đốt cháy giai đoạn, làm trái quy luật, tưởng như vậy là đi nhanh hơn, kỳ thật sẽ đi rất chậm.

Tóm lại, **tôn trọng quy luật khách quan, vận dụng đúng đắn,** hành động theo quy luật chính là cách đi lên chủ nghĩa xã hội đúng nhất và nhanh nhất, không có con đường nào khác. Đó là **bài học thứ hai** của chúng ta.

Ba là, để bảo đảm huy động được đầy đủ sức mạnh của nhân dân trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, bảo đảm cho việc tự giác vận dụng các quy luật, tạo điều kiện thuận lợi phát huy tác dụng tích cực của chúng, nhất thiết phải **giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.**

Đảng lãnh đạo phải nắm vững hệ thống quy luật tác động lên xã hội trong từng giai đoạn lịch sử. Trên cơ sở nhận thức đúng hệ thống quy luật đó, sự lãnh đạo của Đảng phải nhằm phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân, hướng họ vào việc tự giác hành động theo quy luật. Sức mạnh của quy luật là vô địch. Lực lượng hùng hậu của chuyên chính vô sản, tiềm năng to lớn của nhân dân lao động có được phát huy đầy đủ hay không chính là ở chỗ lực lượng đó, tiềm năng đó có được hướng vào việc hành động hợp quy luật hay không.

Làm đúng quy luật chính là hợp với lòng dân, hợp với xu thế đi lên của đất nước và của thời đại. Vì vậy, làm đúng quy luật thì nhất định sản xuất sẽ phát triển, giao lưu sẽ thông suốt, tình hình sẽ ổn định dần và từng bước đi lên.

Quá trình lãnh đạo cách mạng đầy dạn của Đảng ta 56 năm qua đã chứng minh tính đúng đắn và sáng tạo trong việc kết hợp các yếu tố dân tộc và quốc tế, các yếu tố truyền thống và thời đại, các yếu tố chủ quan về sức mạnh của nhân dân với yếu tố khách quan về sự vận động của hệ thống quy luật. Chính vì lẽ đó, trong những năm qua, cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Mười năm qua, chúng ta đi vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tức là đi vào quá trình cách mạng còn mới mẻ đối với chúng ta. Nhân dân ta đánh giặc, phát huy truyền thống anh hùng của tổ tiên dựng nước và giữ nước từ hàng ngàn năm nay, còn xây dựng chủ nghĩa xã hội là lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc. Trong quá trình tìm tòi để đi lên, bên cạnh những thắng lợi giành được, chúng ta đã mắc không ít khuyết điểm, sai lầm. Trải qua những khó khăn, vấp váp, Đảng ta và nhân dân ta đã **trưởng thành một bước.** Có thể tin tưởng chắc chắn rằng với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chủ động hành động theo quy luật, sức mạnh to lớn của hệ thống chuyên chính vô sản, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động nước ta sẽ được phát huy cao độ trong những năm tới.

Để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, **cần tăng cường đoàn kết trong**

Digitized by Google

Đảng trên cơ sở của chủ nghĩa Mác—Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng. Trước tình hình khó khăn phức tạp, có những ý kiến khác nhau là lẽ bình thường. Chúng ta cần chân thành, thẳng thắn, có thái độ xây dựng trong khi thảo luận để tìm ra chân lý, nhằm đạt tới nhất trí cao; hết sức tránh vội vàng truy chụp. Tình hình hiện nay đòi hỏi Đảng ta phải có bước đổi mới trong phong cách làm việc theo tác phong của Bác Hồ, đổi mới công tác tổ chức và cán bộ. Phải giữ vững tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng cũng như trong lãnh đạo kinh tế — xã hội.

Có ý kiến đề nghị giữa tập trung và dân chủ, hiện nay cần ưu tiên cho tập trung. Nói như vậy là sai cả về lý luận và thực tế. Tập trung dân chủ là một nguyên tắc, thể hiện **sự thống nhất rất chặt chẽ**. Nếu không bảo đảm phát huy đúng đắn dân chủ thì không thể bảo đảm giữ vững tập trung. Nếu không phát huy dân chủ, bảo đảm quyền tự chủ của cơ sở, bảo đảm lợi ích chính đáng của người lao động cả trong nông nghiệp và công nghiệp, cả trong sản xuất và lưu thông, thì sẽ không có hoặc có rất ít sản phẩm hàng hóa; hàng hóa sẽ không lưu thông được bình thường; trong tình hình đó chúng ta có bảo đảm được tập trung hay không? Nếu nhấn mạnh tập trung đến mức không có hàng hóa, lưu thông lẽ tắc thì liệu tập trung đó còn có nghĩa lý gì? Đây chính là tình trạng tập trung quan liêu mà chúng ta đã mắc lâu nay; Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương đã phân tích, phê phán và bác bỏ.

Tập trung phải trên cơ sở phát huy đầy đủ dân chủ, phát huy dân chủ phải nhằm bảo đảm quyền quản lý tập trung. Hai mặt này nằm trong một thể thống nhất, tác động lẫn nhau và bổ sung cho nhau. Trong tình hình hiện nay, chúng ta phải chống tập trung quan liêu, bao cấp; đồng thời, phải chống tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật, chỉ lo đến lợi ích cục bộ, địa phương, làm suy yếu sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước.

Trong tình hình hiện nay, để thực hiện đúng đắn Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương và các nghị quyết tiếp theo của Bộ chính trị, phải bố trí đúng cán bộ, thích hợp với yêu cầu đổi mới trong lãnh đạo và quản lý kinh tế. Năng lực và phẩm chất cán bộ phải thể hiện ở sự đổi mới tư duy, đổi mới cách nghĩ, cách làm, nhất là nghĩ và làm kinh tế, phù hợp với yêu cầu chuyển hoạt động kinh tế sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, **trên cơ sở kế hoạch hóa**.

Chúng ta đang đứng trước tình hình đặc biệt, bên cạnh những thuận lợi, có rất nhiều khó khăn phải vượt qua. Để bảo đảm hoàn thành tốt hai nhiệm vụ chiến lược trong tình hình mới, việc **củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng** có ý nghĩa quyết định. Đó là **bài học thứ ba** của chúng ta.

Những bài học kinh nghiệm lớn trên đây giúp chúng ta thấu suốt hơn nữa nội dung cơ bản của dự thảo Báo cáo chính trị, đánh giá đúng tình hình những năm qua và xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ trong những năm tới. Đó cũng là cơ sở để hình thành tư duy kinh tế mới, góp phần giúp các đồng chí xây dựng báo cáo tình hình và nhiệm vụ của đảng bộ mình.

Đồng thời, theo kế hoạch đã định và dưới sự chỉ đạo của Ban bí thư, các đồng chí cần tổ chức tốt việc đóng góp ý kiến của đại hội các cấp, của toàn Đảng, toàn dân vào dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng sắp tới.

Cần làm cho mỗi cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc nhiệm vụ của mình,

Digitized by Google

phát huy dân chủ, tổ chức nghiên cứu, thảo luận trong Đảng một cách nghiêm túc, thẳng thắn đóng góp nhiều ý kiến xác đáng vào dự thảo Báo cáo chính trị và dự thảo một số điều đề nghị về sửa đổi Điều lệ Đảng.

Ban bí thư cần chỉ đạo các cấp ủy Đảng tổ chức tốt việc tập hợp, phân loại, hệ thống hóa các ý kiến đóng góp của đảng bộ các cấp, giúp cho việc bổ sung một cách đích đáng những ý kiến quan trọng vào các văn kiện, nhằm hoàn chỉnh, nâng Báo cáo chính trị lên ngang tầm với Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng ta.

Đại hội đảng bộ các cấp phải vận dụng những tư tưởng, quan điểm, chủ trương nêu lên trong Báo cáo chính trị vào điều kiện cụ thể của mỗi đảng bộ, mỗi địa phương, đề ra được phương hướng, nhiệm vụ và chương trình hành động thiết thực cho địa phương, đơn vị mình; làm tốt việc bầu cử ban chấp hành đảng bộ các cấp, cử những đại biểu xứng đáng đi dự Đại hội Đảng toàn quốc theo đúng hướng dẫn của Trung ương.

Để bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, phải hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh; tiến hành tốt đợt tự phê bình và phê bình, từ đó tạo ra sự thống nhất ý chí và hành động trong Đảng và trong nhân dân nhằm vượt qua khó khăn trước mắt để tiếp tục tiến lên.

Cùng với việc khẩn trương chuẩn bị Đại hội toàn quốc và đại hội đảng bộ các cấp, chúng ta phải thường xuyên nắm chắc và lãnh đạo tốt những công việc cấp bách trước mắt, chủ động, kịp thời giải quyết khó khăn về vật tư, năng lượng và các điều kiện khác để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và công nghiệp; thi hành các biện pháp nhằm thực hiện đúng đắn Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương, các nghị quyết 28, 31 và kết luận của Hội nghị lần thứ 10 của Trung ương về giá — lương — tiền, nhanh chóng triển khai thực hiện nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ chính trị về bảo đảm quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở. Đồng thời, phải đề cao cảnh giác, sẵn sàng đối phó với âm mưu và hành động lấn chiếm, phá hoại của địch, **giữ vững quốc phòng và an ninh.**

Phải phấn đấu khắc phục mọi khó khăn để bảo đảm vụ mùa đạt năng suất và sản lượng cao, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, chấn chỉnh một bước khâu phân phối, lưu thông, làm cho thị trường, giá cả và đời sống chuyển biến theo hướng tốt; tạo ra bầu không khí phấn khởi trong nhân dân lúc bước vào đại hội. Đây vừa là vấn đề kinh tế, vừa là vấn đề chính trị, tư tưởng, vừa ổn định một bước đời sống, vừa ổn định tâm lý, bảo đảm thắng lợi của đại hội, đồng thời tạo tiền đề thuận lợi triển khai công việc sau đại hội.

Đó là những việc làm thực tế để phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, đoàn viên toàn Đảng, toàn dân **hăng hái thi đua hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 1986**, tạo đà phấn khởi lập thành tích thiết thực chào mừng đại hội Đảng các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc.

Các đồng chí thân mến,

Với quyết tâm to lớn và niềm tin vững chắc vào thành công của Đại hội Đảng, chúc các đồng chí dồi dào sức khỏe và đạt nhiều thắng lợi mới. Nhờ các đồng chí chuyển lời thăm hỏi thân thiết của Ban chấp hành trung ương Đảng, Bộ chính trị đến toàn thể cán bộ, đảng viên, đến đồng bào và chiến sĩ cả nước.

Chúc đại hội đảng bộ các cấp thành công tốt đẹp.

Xin cảm ơn các đồng chí.

Digitized by Google

LÊ CÀN

TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ

NĂM năm qua, thực hiện nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng, nhân dân ta đã giành được những thành tựu và thắng lợi to lớn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Về xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta đạt được những thành tựu quan trọng. Từ năm 1981 đến nay, sản xuất công nghiệp và nông nghiệp có tiến bộ rõ rệt. Chúng ta không những ngăn cản được sự giảm sút sản xuất trong những năm 1979 – 1980, mà còn đạt được nhịp độ phát triển tương đối khá.

Trong năm năm 1981 – 1985 sản lượng *nông nghiệp* tăng bình quân hằng năm 4,9% (thời kỳ 1976 – 1980 bình quân hằng năm chỉ tăng 1,9%). Sản xuất lương thực có bước phát triển quan trọng, từ 11,4 triệu tấn năm 1980 tăng lên 18,2 triệu tấn năm 1985. Nhờ sự tiến bộ đó, chúng ta đã có thể giảm bớt mức nhập khẩu lương thực. Trong 5 năm 1981 – 1985 nước ta chỉ nhập khẩu khoảng một triệu tấn lương thực. (Trong 5 năm 1976 – 1980 nước ta đã phải nhập khẩu 5,6 triệu tấn gạo). Cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày đều phát triển khá: năm 1985 đạt 1 triệu héc ta, tăng 400 nghìn héc ta so với năm 1980. Chăn nuôi có bước phát triển đáng kể. So với năm 1980, năm 1985 đàn lợn tăng 1,8 triệu con; đàn trâu bò tăng 1,2 triệu con.

Trồng rừng vượt kế hoạch, đạt 170 nghìn héc ta. Thủy sản có tiến bộ khá: năm 1985 đánh bắt được 800 nghìn tấn cá. (Năm 1980 chỉ đánh bắt được 550 nghìn tấn cá). Giá trị hải sản xuất khẩu năm 1985 tăng gấp hơn 8 lần so với năm 1980.

Có được những thành tựu về nông, lâm, ngư nghiệp trên đây là do thi hành nhiều chính sách mới, trong đó có chính sách khoán sản phẩm trong nông nghiệp, các chính sách phát triển chăn nuôi, ngư nghiệp, lâm nghiệp, khai hoang...; do ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học, kỹ thuật, nhất là giống mới; do nhiều địa phương và đơn vị cơ sở phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, các ngành phục vụ nông nghiệp có nhiều cố gắng.

Tuy có những thành tựu to lớn, nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu. Sản xuất nông nghiệp chưa vững chắc và chưa toàn diện. Sản xuất màu lương thực giảm sút cả về diện tích và năng suất. Cây công nghiệp phát triển chưa mạnh. Những vùng sản xuất tập trung, chuyên canh chậm hình thành. Một số cây quan trọng năm tăng năm giảm. Tỷ lệ nông sản hư hao, tổn thất trong quá trình bảo quản, vận chuyển, chế biến khá cao. Gỗ khai thác giao nộp Nhà nước đạt mức thấp. Tệ phá rừng vẫn còn phổ biến. Diện tích rừng bị phá và khai thác lớn hơn diện tích rừng trồng mới và tái sinh. Việc nuôi trồng thủy sản (chỉ cần ít vốn mà hiệu quả cao) chưa được đẩy mạnh. Sản lượng cá

Digitized by Google

tăng nhưng lương cá cung cấp cho nhiều thành phố, khu công nghiệp, lực lượng vũ trang không tăng.

Trong thời gian 5 năm 1981 — 1985, sản lượng *công nghiệp* tăng bình quân hàng năm 9,5% (trong thời gian 5 năm 1976 — 1980 chỉ tăng bình quân hằng năm 0,6%). So với năm 1980, năm 1985 chúng ta sản xuất thêm được 8,5 tỉ kWh điện, 115 nghìn tấn phân lân, 800 nghìn tấn xi măng, 195 triệu mét vải, 275 nghìn tấn đường, 31 nghìn tấn giấy... Nhưng sản lượng một số sản phẩm quan trọng như than, gỗ, xi măng hụt nhiều so với kế hoạch. Sản lượng công nghiệp còn xa mới đáp ứng được nhu cầu của nền kinh tế quốc dân về năng lượng, nguyên liệu, phân bón, phụ tùng... Hàng tiêu dùng thiết yếu còn khan hiếm. Chất lượng nhiều sản phẩm công nghiệp, nhất là hàng tiêu dùng giảm sút.

So với 5 năm 1976 — 1980, giá trị hàng xuất khẩu 5 năm 1981 — 1985 tăng 75%, nhưng chưa đạt kế hoạch. Mức tăng xuất khẩu hằng năm quá thấp.

Trong 5 năm 1981 — 1985, bình quân hàng năm tổng sản phẩm xã hội tăng 7,5%, thu nhập quốc dân tăng 6,4% (trong 5 năm 1976 — 1980 bình quân hàng năm tổng sản phẩm xã hội tăng 1,4%, thu nhập quốc dân tăng 0,4%). Nhịp độ tăng trưởng của nền kinh tế trong 5 năm vừa qua là đáng kể, nhưng vẫn chưa đáp ứng được đòi hỏi của sản xuất và đời sống, chưa tương xứng với những khả năng thực tế có thể khai thác. Nhìn lại 28 chỉ tiêu lớn về kinh tế xã hội mà Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra, chỉ có 11 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch; 14 chỉ tiêu khác không đạt kế hoạch. Trong các chỉ tiêu không đạt kế hoạch có những chỉ tiêu quan trọng như lương thực, than, xi măng, gỗ, xuất khẩu... ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động kinh tế. Năng suất, chất lượng hiệu quả của sản xuất, nhất là trong khu vực kinh tế quốc doanh, còn thấp, và có nhiều mặt giảm sút.

Vì sự phồn vinh của Tổ quốc, vì hạnh phúc muôn đời của con cháu mai sau, nhân dân cả nước ta lao động quên mình, ra sức *xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội*, đã đạt được những thành tích to lớn. Trong 11 năm qua kể từ ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã xây dựng được 300 công trình tương đối lớn và hàng nghìn công trình vừa và nhỏ. Chủ nghĩa xã hội ở nước ta có thêm những cơ sở vật chất kỹ thuật mới, trong đó có một số cơ sở quan trọng về điện, dầu khí, xi măng, cơ khí, dệt, đường, giao thông... Giá trị tài sản cố định trong khu vực sản xuất tăng tương đối nhanh. Khuyết điểm lớn là hiệu quả đầu tư thấp; chưa khắc phục được tình trạng phân tán, hầu hết các công trình xây dựng kéo dài, diện công trình dở dang rộng, vốn ứ đọng nhiều; việc xây dựng nhiều công trình không bảo đảm cân đối đồng bộ về năng lượng, nhiên liệu, nguyên liệu, giao thông vận tải và điều kiện sinh hoạt của công nhân; khi xây dựng xong chỉ sử dụng được khoảng 50% công suất thiết kế (hoặc thấp hơn). Trong khi đó các cơ sở đã có lại không được đầu tư sửa chữa, bổ sung máy móc.

Trong 5 năm qua chúng ta cũng đã lập được nhiều thành tích trong *công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa*, xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất mới. Thành tựu lớn nhất là việc đưa đại bộ phận nông dân Nam bộ với 81,8% ruộng đất và 86,4% số hộ vào con đường làm ăn tập thể, chủ yếu là trong các tập đoàn sản xuất (tuy chất lượng còn thấp). Một thành tựu đáng chú ý nữa là việc đưa đồng bào các dân tộc ở Tây nguyên đi theo con đường làm ăn tập thể, xây dựng cuộc sống mới. Một thành tựu to lớn có ý

Digitized by Google

nghĩa lâu dài đối với sự phát triển của đất nước ta là việc xóa bỏ về cơ bản trong cả nước các giai cấp bóc lột. Các giai cấp địa chủ, tư sản mại bản, tư sản lớn trong công nghiệp, thương nghiệp đã bị xóa bỏ. Một bộ phận tư sản nhỏ công nghiệp được Nhà nước cho phép hoạt động. Tuy vậy, chúng ta còn có những thiếu sót trong cải tạo xã hội chủ nghĩa. Do đó, lực lượng tư sản thương nghiệp vẫn còn hoạt động dưới nhiều hình thức: bóc lột kiểu phú nông ở nông thôn và một số hình thức bóc lột khác vẫn tồn tại.

Do những thiếu sót của chúng ta, nhất là thiếu sót trong công tác cải tạo và quản lý thị trường, thị trường « tự do » chiếm hơn 50% khối lượng hàng hóa bán lẻ, trong lúc kinh tế tư nhân và cá thể chỉ sản xuất khoảng 33% tổng sản phẩm xã hội. Nhà nước nắm trong tay những lực lượng then chốt và trọng yếu của nền kinh tế, tuyệt đại bộ phận vật tư và phần lớn hàng hóa tiêu dùng thiết yếu, nhưng vẫn chưa làm chủ được thị trường và giá cả. Chất lượng và hiệu quả của kinh tế quốc doanh giảm sút; vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh suy yếu. Trong một số cơ sở quốc doanh và tập thể, ở chừng mực nhất định, có hiện tượng biến chất bộ phận về quan hệ sản xuất. Đó là những hiện tượng tiêu cực trong thương nghiệp quốc doanh; tính chất phường hội trong một số xí nghiệp quốc doanh, tình trạng khoán trắng trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp; tình trạng nhiều cơ sở sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp mang danh nghĩa là « hợp tác xã » nhưng thực chất là làm ăn cá thể, tư nhân.

Trong những năm qua, Nhà nước và nhân dân ta có nhiều cố gắng *đảm bảo nhu cầu của quốc phòng và an ninh*, song việc cung cấp lương thực, thực phẩm cho bộ đội và vật tư cho nhu cầu quốc phòng còn nhiều khuyết điểm.

Đảng và Nhà nước ta hết sức chăm lo *đời sống nhân dân*. Trong 5 năm qua số dân nước ta tăng thêm 6 triệu người. Mức sản xuất bình quân đầu người một số sản phẩm chủ yếu có tăng: lương thực từ 268 kg năm 1980 lên 304 kg năm 1985; thịt lợn từ 8,3 kg lên 12,5 kg; cá từ 10,3 kg lên 13,5 kg, đường mật từ 3,2 kg lên 7,2 kg,... nhờ đó chúng ta đã giảm bớt được nhập khẩu lương thực và một số hàng tiêu dùng thiết yếu. Trong 5 năm qua có thêm 4 triệu lao động được thu xếp việc làm trong các ngành kinh tế quốc dân. Nhà nước xây dựng thêm 2,1 triệu m^2 nhà ở, trong đó có 1,1 triệu m^2 ở các khu công nghiệp và thành phố. Tại các vùng nông thôn, việc xây dựng nhà ở đang được đẩy mạnh. Sự nghiệp giáo dục, y tế phát triển. Số học sinh phổ thông từ 11,5 triệu năm 1980 tăng lên 12,4 triệu năm 1985. Trong 5 năm số giường bệnh tăng thêm 12 400.

Đời sống của phần lớn *nông dân* có được cải thiện về ăn và ở, nhưng vẫn còn một bộ phận nông dân thiếu ăn, đời sống vẫn còn thiếu thốn, nhất là ở những vùng nhiều thiên tai, vùng xa xôi, hẻo lánh.

Đời sống của *cán bộ, công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang* khó khăn hơn, tiền lương thực tế giảm sút; việc cung cấp những mặt hàng thiết yếu nhiều khi không bảo đảm.

Nói chung, đời sống của nhân dân chưa ổn định. Hàng triệu lao động, trong đó có hàng chục vạn người đến độ tuổi lao động ở các thành phố, chưa có việc làm. Số đông người đi làm chưa có đủ việc. Nhiều nhu cầu chính đáng về đời sống vật chất và văn hóa chưa được bảo đảm. Sai lầm lớn của chúng ta là để cho tình trạng phân phối không công bằng tiếp tục mở rộng; đời sống của cán bộ, công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang, của những người lao động chân chính — lực lượng trụ cột của chủ

Digitized by Google

nghĩa xã hội – gặp nhiều khó khăn nhất, trong khi đó, số người buôn bán quá đông, nhiều người có thu nhập cao; bọn làm ăn phi pháp và bọn ăn cắp lại có mức sống cao hơn nhiều so với những người sống bằng lao động chính đáng của mình.

★

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân ta đã giành được thắng lợi to lớn trong sự nghiệp *bảo vệ Tổ quốc*. Sau thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược nước ta hồi tháng hai năm 1979 đi đôi với việc tiếp tục chiến tranh phá hoại nhiều mặt, bọn bành trướng bá quyền Trung quốc đã thực hiện một dạng chiến tranh lấn chiếm biên giới chống Việt nam. Tháng 4-1984 chúng đã leo thang trong đợt hoạt động quân sự tập trung lấn chiếm vùng biên giới phía Bắc nước ta. Âm mưu lâu dài của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc là làm suy yếu lực lượng ta, cản trở công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, hạn chế chúng ta trong việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Cam-pu-chia. Phối hợp với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác, chúng thực hiện âm mưu bao vây và phá hoại kinh tế chống Việt nam, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý hòng gieo rắc hoang mang trong nhân dân ta, tung thám báo, gián điệp vào nước ta, tổ chức những ổ phản động hòng gây bạo loạn, phá rối trật tự an toàn xã hội của ta.

Bọn bành trướng bá quyền Trung quốc và đế quốc Mỹ coi Việt nam, Lào, Cam-pu-chia là một trọng điểm trong cuộc phản kích của chúng chống lại các lực lượng độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, vì thế chúng phối hợp chiến lược cùng nhau chống phá nước ta và hai nước anh em trên bán đảo Đông dương.

Cuộc chiến đấu của quân và dân ta chống bọn bành trướng bá quyền Trung quốc trên vùng biên giới phía Bắc diễn ra quyết liệt. Đảng ta đã xác định chủ trương chiến lược đúng, xây dựng thế trận phòng thủ ngày càng vững chắc, bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc, thực hiện cách đánh có hiệu quả, gây cho địch nhiều tổn thất.

Chúng ta đã làm thất bại một bước âm mưu và thủ đoạn chiến tranh phá hoại của địch. Chúng ta đã làm tan rã bọn phản động FULRO, phá hoại nhiều tổ chức phản động khác. Chúng ta đã bắt hàng nghìn tên gián điệp, thám báo...

Chúng ta đã triển khai công cuộc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng và củng cố thế trận chiến tranh nhân dân trong cả nước và trên từng địa phương, nâng cao chất lượng quân đội chính quy, chấn chỉnh về tổ chức và quản lý ba thứ quân, phát triển dân quân, tự vệ. Việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, quân đội tham gia xây dựng kinh tế bước đầu mang lại một số kết quả. Trong lúc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc của mình, chúng ta đã phối hợp chiến lược với hai nước anh em Lào và Cam-pu-chia, bảo vệ nền an ninh chung của cả ba nước Đông dương. Quân và dân ta đã làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với hai nước anh em, tăng cường liên minh chiến lược về nhiều mặt, tạo ra cục diện tốt đẹp trên bán đảo Đông dương.

Tóm lại, trong 5 năm qua ta đã giành được những thắng lợi *to lớn* về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế. Các lực lượng vũ trang anh hùng của chúng ta đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình đối với Tổ quốc và nhân dân. Trải qua trên 40 năm chiến đấu liên tục, chịu đựng biết bao gian khổ hy sinh, nhân dân ta tiếp tục nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, kiên trì cuộc

Digitized by Google

chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ những thành quả cách mạng của mình.

Có được những thắng lợi trên đây là do Đảng ta có những chủ trương đúng đắn về quốc phòng và an ninh. Tuy vậy, trong chỉ đạo, chúng ta cũng có một số khuyết điểm: tinh thần cảnh giác chưa cao, chưa phát động toàn dân chống lại một cách có hiệu quả chiến tranh phá hoại của địch, nhất là phá hoại về kinh tế và tư tưởng. Trong lãnh đạo, nhiều cấp ủy Đảng chưa kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược; chưa bảo đảm vững chắc đời sống các lực lượng vũ trang; nhiều nơi chưa coi trọng đúng mức công tác hậu phương quân đội; còn để xảy ra nhiều hiện tượng tiêu cực.

Kiểm điểm lại việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược mà Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra, chúng ta có đầy đủ cơ sở để khẳng định rằng 5 năm qua chúng ta đã giành được những thành tựu và thắng lợi *to lớn* trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta lập được những thành tích đó trong hoàn cảnh phức tạp và hoạt động của chúng ta có một số sai lầm khuyết điểm. Nhìn toàn cục, những thành tựu về xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, về nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế, mà nhân dân ta đã giành được trong 5 năm qua là *to lớn*. Với những thành tựu đó, sự nghiệp cách mạng nước ta có thêm những nhân tố mới để tiếp tục tiến lên.

Đạt được những thành tựu và thắng lợi trên đây là do nhiều nguyên nhân. Sau đây là những nguyên nhân chủ yếu:

Một là nhờ có đường lối đúng đắn của Đảng. Đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trong cả thời kỳ quá độ do Đại hội thứ IV của Đảng đề ra là đúng đắn và sáng tạo. Những mục tiêu, những chủ trương lớn trong chặng đường đầu tiên do Đại hội thứ V của Đảng bổ sung và cụ thể hóa đường lối chung là đúng. Từ sau Đại hội thứ V, Ban chấp hành trung ương Đảng đã có nhiều nghị quyết quan trọng, nhất là nghị quyết của các hội nghị thứ 6 và thứ 8 về xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang thiết lập cơ chế mới trong quản lý kinh tế.

Hai là tính năng động sáng tạo của nhiều tổ chức Đảng, của cán bộ, đảng viên trong việc vận dụng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Ba là quân và dân ta lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm. Trong điều kiện vật tư ít hơn trước, thiên tai dồn dập, đời sống có nhiều khó khăn, công nhân, nông dân, trí thức đã sáng tạo ra một khối lượng sản phẩm nhiều hơn rõ rệt so với 5 năm trước. Các chiến sĩ trong lực lượng vũ trang đã chịu đựng biết bao gian khổ, chiến đấu kiên cường và thông minh.

Bốn là chúng ta được sự giúp đỡ và ủng hộ quốc tế quý báu của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của các nước bầu bạn và nhiều tổ chức quốc tế, đặc biệt là sự giúp đỡ to lớn toàn diện có hiệu quả của Liên xô, sự giúp đỡ và tình đoàn kết chiến đấu của Lào và Cam-pu-chia.

Tuy quân và dân ta đã giành được những thành tựu và thắng lợi to lớn, nhưng đất nước ta hiện nay đang đứng trước nhiều khó khăn gay gắt:

- Khối lượng sản phẩm có tăng nhưng năng suất chất lượng và hiệu quả thấp, có mặt giảm sút. Của cải làm ra chưa nhiều, việc quản lý phân phối lại có khuyết điểm, hằng năm phải đánh một phần tiền vay cho tiêu dùng xã hội; chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân.

— Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp còn hấp hênh. Rất ít đơn vị sản xuất có đủ điều kiện vật chất để khai thác tốt những năng lực sẵn có.

— Mặt trận lưu thông phân phối rối ren kéo dài, nhất là từ tháng 10-

Digitized by Google

1985 đến nay càng xấu đi nghiêm trọng, tác động tiêu cực đến sản xuất, đời sống và xã hội. Mất cân đối giữa xuất khẩu và nhập khẩu, giữa cung và cầu, giữa hàng và tiền, giữa thu và chi ngày càng tăng. Công tác cải tạo và quản lý thị trường nhiều lúc bị buông lỏng.

– Hàng triệu lao động chưa có việc làm, đời sống của những người lao động còn khó khăn, những hiện tượng tiêu cực trong xã hội tiếp tục phát triển. Một số giá trị đạo đức, tinh thần đã được xây dựng trong nhiều năm trước đây đang bị xói mòn. Kỷ luật Đảng, pháp luật không được thực hiện nghiêm.

Chúng ta chưa đạt được mục tiêu ổn định tình hình kinh tế xã hội, ổn định đời sống của nhân dân mà Đại hội thứ V của Đảng đã nêu ra.

Có tình hình đó là do nhiều nguyên nhân.

Về khách quan, do những nguyên nhân sau đây: nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn; hậu quả chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới nặng nề; chúng ta vẫn phải tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược và làm nghĩa vụ quốc tế, chi phí cho quốc phòng không nhỏ; sự chống phá của kẻ thù rất dã man và thâm độc;...

Về chủ quan, do những nguyên nhân sau đây: chúng ta có những khuyết điểm trong việc đánh giá tình hình và lựa chọn mục tiêu; trong việc xác định và xây dựng cơ cấu kinh tế; trong việc xây dựng cơ chế quản lý kinh tế; trong công tác lưu thông phân phối; trong đấu tranh giữa hai con đường; trong hoạt động tư tưởng và tổ chức.

Chúng ta không coi nhẹ những nguyên nhân khách quan, song chúng ta cần xác định những khuyết điểm của chúng ta là nguyên nhân chủ yếu.

Bước vào giai đoạn cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã nhanh chóng xác định một loạt vấn đề cơ bản về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa. Song từ những thành quả lý luận ấy, chúng ta không đẩy mạnh việc nghiên cứu, tổng kết thực tế và những vấn đề mới trong quá trình phát triển của cách mạng, kịp thời khắc phục những nhận thức không đúng về những vấn đề cụ thể của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là khuyết điểm lớn của *công tác tư tưởng của chúng ta*.

Công tác tổ chức của chúng ta cũng đã góp phần vào những thành tựu cách mạng. Nhưng công tác đó có nhiều khuyết điểm: việc lựa chọn, sắp xếp cán bộ vào cơ quan lãnh đạo các cấp, có nhiều thiếu sót, còn theo những quan niệm cũ kỹ, không đáp ứng được yêu cầu của sự thay đổi cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý; để cho bộ máy Nhà nước, Đảng, các đoàn thể phình ra quá lớn, kém hiệu lực; công tác tổ chức thực hiện vẫn là khâu rất yếu. Phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc mang nặng chủ nghĩa quan liêu, xa thực tế và quần chúng, vi phạm nguyên tắc sinh hoạt của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách.

Nhiều quy định về lề lối làm việc của Đảng và Nhà nước không được thực hiện nghiêm chỉnh. Một số vấn đề về chức năng, bố trí cán bộ, lề lối làm việc, quan hệ công tác của cấp ủy Đảng và chính quyền chưa được xác định chặt chẽ đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện đường lối, chính sách. Việc tổ chức thông tin, sử dụng tham mưu, quy trình chuẩn bị và thông qua các quyết định và việc tổ chức thực hiện đều có nhiều thiếu sót.

Trong những năm gần đây, kỷ luật của Đảng và kỷ cương của Nhà nước bị buông lỏng cũng là một nguyên

Digitized by Google

nhân trực tiếp làm giảm hiệu lực của các cơ quan lãnh đạo.

★

Trong khoảng 15 năm tới từ nay đến hết thế kỷ 20, cách mạng Việt nam tiếp tục phát triển trong bối cảnh quốc tế có những thuận lợi cơ bản, đồng thời cũng có nhiều mặt phức tạp. Ba dòng thác cách mạng của thời đại đã giành được những thắng lợi mới to lớn và ở thế tiến công chiến lược. Lực lượng mọi mặt của hệ thống xã hội chủ nghĩa do Liên xô là trụ cột không ngừng được tăng cường và đang tiến lên một giai đoạn phát triển mới đầy năng động.

Nhưng chủ nghĩa đế quốc vẫn còn những lực lượng vật chất to lớn và đang phối hợp chiến lược với nhau ráo riết phản kích các lực lượng cách mạng và hòa bình. Nguy cơ một cuộc chiến tranh hạt nhân hủy diệt do chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, đang diên cuồng chuẩn bị, chưa bao giờ lớn như hiện nay, nhưng sức mạnh đấu tranh của các lực lượng cách mạng và hòa bình có khả năng đẩy lùi nguy cơ đó. Tuy vậy, Mỹ và bọn phản động quốc tế không từ bỏ những mục tiêu đế quốc và bá quyền của chúng, vẫn tiếp tục chính sách gây chiến tranh và xung đột cục bộ ở nhiều khu vực, thường xuyên đầu độc bầu không khí quốc tế. Tình hình thế giới nói chung sẽ tiếp tục ở trong trạng thái đối đầu và căng thẳng, xen kẽ với hoàn toàn cục bộ và tạm thời. Ở khu vực châu Á và Thái bình dương, đế quốc Mỹ đang triển khai một chiến lược nguy hiểm nhằm hình thành một thứ NATO phương Đông, chống Liên xô, các nước xã hội chủ nghĩa khác, phong trào hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ trong khu vực. Mỹ đang tìm cách củng cố quan hệ với các nước ASEAN, mở rộng các căn cứ quân sự của chúng ở Nam Thái bình dương, chuẩn bị lập lại các căn cứ quân sự Mỹ ở Thái lan, câu kết với Trung quốc chống Việt nam, Lào, Cam-pu-chia.

Không cam chịu thất bại, bọn phản động Trung quốc vẫn theo đuổi âm mưu nguy hiểm, lâu dài là khuất phục, thôn tính ba nước Đông dương, hòng biến bán đảo quan trọng này thành bàn đạp để thực hiện chiến lược bành trướng xuống Đông Nam Á. Trung quốc đang hợp tác nhiều mặt với Mỹ, Nhật bản và các nước phương Tây khác để thực hiện tham vọng ngông cuồng nhanh chóng biến nước Trung hoa thành một siêu cường đủ sức tranh giành quyền bá chủ thế giới. Chính sách đối ngoại cơ bản của Trung quốc vẫn là câu kết chặt chẽ với Mỹ và các nước đế quốc khác, đồng thời dùng sách lược lợi dụng các loại mâu thuẫn, nhất là mâu thuẫn giữa hai hệ thống đối lập, vì những lợi ích ích kỷ của chúng.

Đối với Việt nam, bọn phản động Trung quốc sẽ tăng sức ép quân sự, tiếp tục những hoạt động đánh phá biên giới và chiến tranh phá hoại nhiều mặt bằng những thủ đoạn ngày càng tinh vi, thâm độc. Nước ta vẫn ở trong tình thế vừa có hòa bình, vừa phải đương đầu với chiến tranh lấn chiếm biên giới trên những quy mô khác nhau, đồng thời phải thường xuyên đối phó với kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch.

Vì sự nghiệp bảo vệ độc lập tự do của Tổ quốc và an ninh chính trị của nhân dân ta, *toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải tăng cường đoàn kết, nêu cao lòng yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng và ý chí tự lực tự cường, đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Việt nam xã hội chủ nghĩa*

Digitized by Google

Trong khi thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược nói trên, chúng ta tiếp tục củng cố, phát triển liên minh đặc biệt với hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em, làm hết sức mình, tăng cường tình đoàn kết chiến đấu, nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác toàn diện với Liên xô vĩ đại.

Đảng ta đã đề ra đường lối cách mạng đúng đắn. Đường lối đó tiếp tục chỉ đạo cuộc cách mạng của chúng ta. Đại hội thứ IV của Đảng đã đề ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đại hội thứ V của Đảng đã vạch ra chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ và quyết định phương hướng phát triển kinh tế xã hội trong chặng đường đó.

Để hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ còn lại của chặng đường đầu tiên, Đại hội sắp tới của Đảng sẽ cụ thể hóa đường lối thành những nhiệm vụ mục tiêu cụ thể phù hợp với tình hình kinh tế xã hội những năm trước mắt.

Theo dự thảo Báo cáo chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng sẽ trình bày tại Đại hội thứ VI, những nhiệm vụ và mục tiêu đó là:

1. Ổn định và phát triển sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp. Sắp xếp lại và đồng bộ hóa các cơ sở công nghiệp để khai thác tốt nhất những năng lực sản xuất hiện có nhằm phục vụ đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Hướng mọi cố gắng vào việc đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu của xã hội, dần dần ổn định và tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

2. Tạo ra một chuyển biến đáng kể về mặt xã hội: bảo đảm cho người lao động có việc làm và được phân phối đúng, thực hiện công bằng xã hội phù hợp với điều kiện cụ thể hiện nay, giảm hẳn sự chênh lệch quá đáng về mức sống giữa các nhóm dân cư. Xây dựng quan hệ xã hội và nếp sống lành mạnh, khắc phục các hiện tượng tiêu cực; giữ gìn, phát huy những giá trị đạo đức và truyền thống cách mạng, bảo đảm cho mọi người, nhất là thanh niên, hăng hái lao động sáng tạo, sống có văn hóa, có lý tưởng, gắn bó với tiền đồ của cách mạng và Tổ quốc.

3. Tạo ra tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, sử dụng có hiệu quả vốn vay mượn và viện trợ xây dựng thêm cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nhất là về năng lượng, kết cấu hạ tầng, tạo tiền đề cần thiết để đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa trong chặng đường tiếp theo.

4. Căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa bằng những hình thức và phương pháp thích hợp. Hình thành đồng bộ cơ chế quản lý mới lấy kế hoạch làm trung tâm thực hiện hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.

5. Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh.

Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta đồng thời phải cố gắng cao nhất để bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu giỏi, kiên quyết đánh thắng mọi dạng chiến tranh lấn chiếm biên giới và kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, giành thắng lợi to lớn cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, làm tốt nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng hai nước Lào và Cam-pu-chia.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến lược quan trọng này, cần phải nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, thực hiện tốt các công tác lớn sau đây:

Digitized by Google

Tăng cường và hoàn chỉnh thế phòng thủ trên biên giới phía Bắc và ở những vùng xung yếu khác; đánh bại các cuộc tiến công lấn chiếm của địch, đập tan mọi hành động leo thang quân sự và chuẩn bị sẵn sàng đối phó với chiến tranh xâm lược quy mô lớn.

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, hậu phương chiến lược nhằm đạt tiến bộ về các mặt: giáo dục nhiệm vụ quốc phòng; xây dựng lực lượng dự bị; củng cố hệ thống làng xã chiến đấu, pháo đài quân sự huyện và các tuyến phòng thủ; xây dựng các kế hoạch động viên và chuẩn bị cho đất nước sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống.

Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh toàn diện, có quân đội nhân dân chính quy có chất lượng tổng hợp ngày càng cao, trình độ trang bị ngày càng hiện đại, có tổ chức hợp lý, gọn mạnh và tinh nhuệ; có bộ đội dự bị hùng hậu và lực lượng dân quân tự vệ rộng khắp với chất lượng tốt.

Phối hợp cố gắng của các ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương, của nhân dân và quân đội, bảo đảm đáp ứng ngày càng tốt hơn những nhu cầu của nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, những nhu cầu thiết yếu về đời sống vật chất và tinh thần của các lực lượng vũ trang. Thực hiện đúng các chính sách hậu phương quân đội.

Xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng. Kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế.

Thực hành tiết kiệm nghiêm ngặt trong chi tiêu quốc phòng và mọi hoạt động của lực lượng vũ trang.

Bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, gắn liền với củng cố quốc phòng là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng để đánh thắng chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh khắc phục tình trạng mất cảnh giác và tình trạng lỏng lẻo về kỷ luật, pháp luật ở các cấp, các ngành. Sử dụng sức mạnh tổng hợp của mọi lực lượng và phương tiện, tổ chức cuộc chiến đấu chặt chẽ và kiên quyết ở tất cả các cơ sở kinh tế, văn hóa, các khu vực dân cư và các địa bàn trọng yếu... để chống địch phá hoại về kinh tế, chính trị, tư tưởng, gây chiến tranh tâm lý và hoạt động tình báo gián điệp.

Đi đôi với bảo vệ mình và đấu tranh chống địch trên tất cả các mặt trận, phải chăm lo xây dựng công an nhân dân thành lực lượng cách mạng ngày càng trong sạch, vững mạnh về mọi mặt, trung thành với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân, có trình độ nghiệp vụ thành thạo, có cơ sở vững chắc trong quần chúng, thật sự là một công cụ sắc bén của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

★

Đảng ta đang chuẩn bị khẩn trương Đại hội thứ VI của mình. Đại hội sắp tới sẽ tổng kết việc thực hiện các nghị quyết mà Đại hội trước đã thông qua, đánh giá đúng những việc chúng ta đã làm trong 5 năm qua, phân tích những cái đã làm được và những cái chưa làm được, rút ra những kết luận cần thiết, đánh giá đúng cục diện cách mạng nước ta hiện nay, đề ra những giải pháp chính xác để đưa cách mạng nước ta tiếp tục tiến lên.

Mỗi cán bộ đảng viên chúng ta cần thấy rõ bức tranh toàn cảnh của đất nước ta, có quan điểm đúng trong việc đánh giá tình hình, thấy rõ những thành tựu và thắng lợi mà quân và dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, đã phấn đấu gian khổ, kiên

(Xem tiếp trang 98)

Digitized by Google

TRẦN KIỆM

VỀ PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ KINH TẾ, XÃ HỘI TRONG NHỮNG NĂM 1986 - 1990

CĂN cứ vào thực trạng kinh tế — xã hội hiện nay và yêu cầu của cách mạng trong thời gian tới, có thể nêu lên mục tiêu tổng quát những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta như sau: ổn định về cơ bản tình hình kinh tế — xã hội, mà quan trọng nhất là ổn định và phát triển sản xuất, ổn định thị trường, giá cả, tài chính và tiền tệ, ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân lao động, kiên quyết khắc phục những sai lầm của những năm vừa qua, tạo điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo.

Kế hoạch 5 năm 1986 — 1990 là bước quyết định trong việc thực hiện mục tiêu tổng quát đó. Nội dung của kế hoạch bao gồm những vấn đề quan trọng sau đây:

1 — Bố trí đúng cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư.

Để thực hiện tốt phương hướng chung về phát triển sản xuất đã được nêu lên trong đường lối kinh tế của Đảng, cần sắp xếp lại sản xuất trong các ngành kinh tế và vùng lãnh thổ, điều chỉnh những mặt không hợp lý trong phương hướng sản xuất và phương hướng đầu tư.

Trước hết, cần phát triển nông nghiệp toàn diện (gồm: nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến sản phẩm các ngành trên). Dành ưu tiên cho nông nghiệp, nhất là ưu tiên về vốn, vật tư và năng lượng. Vì mục đích ấy, cần liên kết nông nghiệp, công nghiệp với xuất nhập khẩu trên từng địa phương và trong cả nước, kết hợp cải tạo quan hệ sản xuất với phát triển lực lượng sản xuất và ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật.

Phải có một chương trình đồng bộ về phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm. Phấn đấu đến năm 1990 đạt sản lượng lương thực 23 — 24 triệu tấn, bình quân đầu người khoảng 330 — 360 kg; tăng từ gấp rưỡi đến gấp đôi mức sản xuất và cung ứng các thực phẩm quan trọng nhất. Cơ cấu sản xuất *lương thực, thực phẩm* phải phục vụ dắc lực cho việc cải tiến cơ cấu bữa ăn phù hợp với đặc điểm và điều kiện của từng vùng. Để làm điều đó, ngoài những biện pháp kỹ thuật khác ra, cần nhập đủ số phân đạm và thuốc trừ sâu cần thiết và phát triển mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm ở cả 3 khu vực gia đình, tập thể và quốc doanh.

Để phát triển *cây công nghiệp* các loại, cần nhanh chóng mở rộng các loại cây ngắn ngày và phát triển vững chắc các loại cây dài ngày; bảo đảm đầy đủ chương trình hợp tác với các nước anh em. Trong 5 năm tăng thêm diện tích trồng cây công nghiệp 1 triệu héc ta.

Về *lâm nghiệp*, hướng chính là bảo vệ vốn rừng hiện có, và tăng nhanh

Digitized by Google

diện tích che phủ. Ngăn chặn tệ phá rừng và nạn cháy rừng.

Coi trọng cả nuôi trồng và đánh bắt *thủy sản*, nhằm đạt sản lượng 1 triệu tấn năm 1990. Từng bước đưa *kinh tế biển* thành một ngành sản xuất quan trọng.

Về *công nghiệp nhẹ*, cố gắng sản xuất đủ hàng tiêu dùng thông thường ở mức cần thiết để ổn định đời sống nhân dân, bảo đảm cân đối hàng hóa và tiền tệ. Nhà nước có đủ hàng hóa trao đổi với nông dân. Chú ý mở rộng *gia công* với nước ngoài, trước hết là với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng quan trọng như: vải, giấy, thuốc chữa bệnh, vật liệu làm nhà, đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập và sinh hoạt văn hóa, đồ chơi trẻ em, dụng cụ y tế, thể dục thể thao. Năm 1990 sản xuất 430—450 triệu mét vải, 12 - 13 vạn tấn giấy.

Để làm được điều đó, cần đặc biệt coi trọng giải quyết vấn đề nguyên liệu; phát triển cả công nghiệp quốc doanh lẫn tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp.

Việc xây dựng và phát triển *công nghiệp nặng* và *giao thông vận tải* nhằm phục vụ trước hết và chủ yếu cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, đồng thời chuẩn bị đẩy mạnh công nghiệp hóa ở chặng đường tiếp theo.

Dựa theo phương hướng chung đó, trong việc xây dựng công nghiệp nặng cần ưu tiên phát triển *năng lượng* bao gồm điện, than và dầu khí. Phấn đấu năm 1990 ít nhất đạt 8—9 tỉ kWh điện, 7,5—8 triệu tấn than sạch. Đẩy mạnh công tác thăm dò và khai thác dầu khí ở thềm lục địa phía Nam. Dành ưu tiên về năng lượng cho các mục tiêu trọng điểm kinh tế và xã hội và tiết kiệm nghiêm ngặt trong việc sử dụng năng lượng.

Về *công nghiệp nguyên liệu, vật liệu*, khai thác đến mức cao nhất những năng lực sản xuất hiện có. Việc xây dựng mới phải được tính toán chặt chẽ, chú trọng quy mô vừa và nhỏ.

Sắp xếp lại công nghiệp *cơ khí* cả nước. Xác định quy hoạch dài hạn, đẩy mạnh liên doanh, hợp tác với khối SEV để phát triển cơ khí và công nghiệp điện tử.

Coi trọng hơn nữa sự phát triển của *giao thông vận tải* và *kết cấu hạ tầng* phục vụ sản xuất, đời sống và quốc phòng. Ưu tiên phát triển vận tải đường thủy, củng cố vận tải đường sắt, sắp xếp lại vận tải đường bộ. Mở thêm các tuyến vận tải hàng không trong nước và một số tuyến ra nước ngoài. Nâng cao chất lượng thông tin liên lạc; phát triển mạng lưới bưu điện ở các tỉnh miền núi, các khu vực sản xuất quan trọng.

Việc bố trí cơ cấu sản xuất của các ngành phải kết hợp với việc *phân bố hợp lý trên các vùng lãnh thổ* phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội và vị trí chiến lược của từng vùng. Cần có phương hướng và kế hoạch phát triển kinh tế—xã hội cho từng vùng quan trọng của đất nước như: thủ đô Hà nội, thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc, đồng bằng sông Hồng, các tỉnh Bắc Trung bộ, các tỉnh Tây nguyên và ven biển miền Trung, miền đông Nam bộ, đồng bằng sông Cửu long.

Trong việc bố trí cơ cấu kinh tế, coi trọng xây dựng *huyện*, bảo đảm cho kinh tế huyện phát triển hài hòa từ khâu sản xuất đến khâu chế biến và tiêu thụ; thực hiện sự phân cấp quản lý đúng đắn, bảo đảm cho huyện làm chủ được sản xuất, phân phối, lưu thông, chăm lo đời sống nhân dân, sẵn sàng chiến đấu.

Về *xây dựng cơ bản*, cố gắng dành toàn bộ vốn vay và viện trợ của nước ngoài, toàn bộ vốn khấu hao cơ bản cho đầu tư xây dựng, tạo ra và tăng dần vốn tích lũy từ nội bộ nền kinh tế nước ta. Tăng thêm vốn đầu tư

Digitized by Google

khoảng 35–40% so với 5 năm 1981–1985. Quy mô xây dựng phải hợp lý, phù hợp với khả năng thực tế của đất nước. Hướng đầu tư phải được xác định đúng đắn; việc đầu tư phải theo thứ tự ưu tiên: tập trung vốn cho những công trình và mục tiêu trọng điểm là sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Cần ưu tiên đầu tư chiều sâu và đồng bộ hóa...

2 — Kế hoạch hóa dân số, giải quyết việc làm cho người lao động.

Giảm mạnh nhịp độ tăng dân số là một yêu cầu cấp bách có tầm quan trọng đặc biệt đối với cuộc sống hôm nay và tiền đồ của dân tộc, là một điều kiện cơ bản để bảo đảm thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ kinh tế, xã hội trong thời gian tới. Phải phấn đấu rào riết hạ tỉ lệ phát triển dân số xuống 1,7% với mức dưới 66 triệu dân vào năm 1990.

Để tạo ra hiệu quả thực tế, Nhà nước cần định ra những chính sách và chế độ đúng đắn, tác động vào từng đối tượng cụ thể, ở từng vùng. Cũng cần đầu tư đúng mức để nhanh chóng mở rộng mạng lưới bảo đảm kỹ thuật phục vụ việc hạn chế sinh đẻ.

Khai thác mạnh nguồn tiềm năng sức lao động trong xã hội, *giải quyết việc làm cho người lao động* trước hết cho thanh niên, là nhiệm vụ kinh tế–xã hội *hàng đầu* trong những năm tới. Phương hướng chính giải quyết việc làm cho người lao động là đẩy mạnh sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa, sử dụng hết tiềm năng của các thành phần kinh tế.

Vừa mở mang ngành nghề *tại chỗ* để thu hút phần lớn số lao động thừa và mới tăng; vừa *phân bố mạnh* đến các địa bàn khác. Trong 5 năm, phân bố lại khoảng 1 triệu lao động, 2 triệu nhân khẩu. Cùng với việc phân bố lại lao động, phấn đấu đến năm 1990 hoàn thành công tác *định canh định cư* ở các tỉnh miền núi. Ban hành và thực hiện Luật lao động.

Khuyến khích, tạo điều kiện cho các cơ sở tìm thêm được việc làm thu hút thêm lao động. Mở rộng việc nhận *gia công làm hàng xuất khẩu cho Liên xô* và các nước anh em khác. Mở rộng *hợp tác lao động* với nước ngoài, kết hợp với việc đào tạo tay nghề. *Giảm mạnh số lao động quản lý hành chính và gián tiếp* sản xuất.

3 — Làm chủ lưu thông phân phối.

Tình hình thực tế hiện nay đòi hỏi phải thiết lập và củng cố trật tự xã hội chủ nghĩa trên thị trường xã hội, trước hết là thị trường có tổ chức. Sử dụng mọi loại biện pháp, chủ yếu là biện pháp kinh tế, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải vươn lên *nắm hầu hết bán buôn, chi phối phần lớn bán lẻ, làm chủ thị trường và giá cả. Nhà nước phải độc quyền kinh doanh lương thực, vật tư chiến lược và những hàng tiêu dùng thiết yếu.*

Thường xuyên liên tục tiến hành công tác cải tạo và quản lý thị trường, gắn liền với việc cải tạo và tổ chức lại sản xuất. Nghiêm trị các hoạt động phá hoại kinh tế, đầu cơ, buôn lậu; nghiêm trị bọn móc ngoặc, ăn cắp, tuồn hàng từ khu vực kinh tế quốc doanh ra ngoài.

Đối với thị trường «tự do» hiện đang tồn tại ở mức cần thiết và trong phạm vi nhất định, cần kiểm soát và quản lý cho được, làm cho nó không đối lập mà bổ sung cho thị trường có tổ chức.

Trên cơ sở phát triển sản xuất, làm chủ thị trường, từng bước ổn định *giá cả*, ổn định đời sống nhân dân.

Nhà nước định giá và quản lý giá nhằm phát triển sản xuất, làm cho người lao động hăng hái sản xuất. Hệ thống giá Nhà nước phải được xây dựng có kế hoạch, có cơ sở khoa học, trên cơ sở vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế khách quan. Nhà

Digitized by Google

nước trung ương giữ quyền quyết định trong việc định giá những vật tư, hàng hóa chủ yếu có tính toàn quốc và phân cấp cho chính quyền tỉnh, thành phố định giá những mặt hàng thứ yếu, sản xuất và tiêu thụ tại địa phương.

Trước mắt, hết sức cố gắng thực hiện đúng đắn những nguyên tắc, chính sách và biện pháp về giá cả đã được quy định trong Nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương và các nghị quyết tiếp theo của Bộ chính trị.

Khắc phục tình trạng thả nổi giá cả cũng như việc định giá và quản lý giá cứng nhắc. Trên cơ sở định giá đúng và phân công, phân cấp hợp lý, tăng cường kỷ luật quản lý giá cả.

Định ra chính sách *tài chính quốc gia* nhằm khai thác đến mức cao nhất mọi nguồn vốn trong nước (kể cả vốn của nhân dân) và vốn của nước ngoài, động viên và tập trung các nguồn vốn đó vào Nhà nước, để phát triển sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất—kỹ thuật một cách có kế hoạch, với năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao.

Tận thu các nguồn thu hiện có và tạo ra những nguồn thu mới trên cơ sở phát triển sản xuất, kinh doanh trong nước và mở rộng kinh tế đối ngoại. Phải chi cho đúng các nhu cầu và *phù hợp với khả năng thu*, kiên quyết cắt giảm mức chi quá khả năng thu để thu hẹp và tiến tới chấm dứt bội chi ngân sách. Điều tiết đúng mức thu nhập của tư thương và tước đoạt lại thu nhập của những kẻ làm ăn bất chính. Trên cơ sở thống nhất quản lý tài chính trong cả nước, thực hiện phân cấp quản lý tài chính cho địa phương. Sớm ban hành chính sách thuế hải quan hợp lý.

Nhanh chóng đổi mới cơ chế hoạt động của ngân hàng. Ngoài chức năng phát hành và quản lý tiền tệ của Nhà nước, ngân hàng phải *kinh doanh bằng đồng tiền* qua hệ thống của ngân hàng chuyên nghiệp, kịp thời đáp ứng các nhu cầu về vốn cho sản xuất, kinh doanh. Quản lý nghiêm ngặt tiền mặt, mở rộng phương thức thanh toán bằng chuyển khoản, sử dụng rộng rãi các hình thức tín dụng trong nhân dân.

Sửa đổi chính sách *kiều hối*, nhằm thu hút ngoại tệ, thu hút vốn từ bên ngoài, khuyến khích Việt kiều đầu tư góp phần xây dựng đất nước.

Tích cực phấn đấu để, đến những năm cuối của kế hoạch 1986 – 1990, thực hiện *cân bằng ngân sách ổn định tài chính, tiền tệ*, tạo điều kiện cho bước phát triển vững chắc tiếp theo.

4 – Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, nâng cao chất lượng quan hệ sản xuất mới.

Từ nay đến năm 1990, tiếp tục đẩy mạnh công việc quan trọng này nhằm thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Đối với những người sản xuất nhỏ (trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và trong tiểu, thủ công nghiệp), phương hướng chính là giáo dục, từng bước vận động họ đi vào sản xuất tập thể với những hình thức thích hợp từ thấp đến cao, dựa trên nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ. Tránh làm vội vã, hình thức chủ nghĩa, có hại cho sản xuất và đời sống nhân dân. Đối với thành phần kinh tế cá thể còn tồn tại (trong quá trình cải tạo và cả sau này), cần thi hành những chính sách và biện pháp quản lý đúng đắn để sử dụng, hướng dẫn nó góp phần vào việc tạo ra công ăn việc làm, ổn định và phát triển sản xuất.

Đối với công nghiệp và thương nghiệp tư doanh, chính sách chung là: vừa cải tạo vừa sử dụng công nghiệp tư bản tư doanh bằng nhiều hình thức: cải tạo thành quốc doanh, công tư hợp doanh hoặc xí nghiệp hợp tác. Riêng đối với một số ngành nghề nhất định, chủ yếu là sản xuất các

Digitized by Google

mặt hàng tiêu dùng, Nhà nước cho tư nhân phát triển sản xuất và đặt họ dưới sự kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước.

Đối với tư sản thương nghiệp thì dứt khoát xóa bỏ.

Đối với người buôn bán nhỏ và vừa, thì tổ chức, sắp xếp và cải tạo, sử dụng dưới nhiều hình thức, chuyển dần những người thừa sang sản xuất, dịch vụ.

Phương châm chung của công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa là: kết hợp cải tạo và xây dựng, lấy xây dựng làm chính.

Điều quan trọng nhất là *tăng cường các lực lượng xã hội chủ nghĩa, làm cho kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể chiếm vị trí chủ đạo, chi phối trong nền kinh tế quốc dân.* Phát triển và nâng cao kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể về mọi mặt, khuyến khích phát triển kinh tế gia đình để bổ trợ cho kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể.

5 — Ứng dụng rộng rãi tiến bộ khoa học và kỹ thuật.

Phải sử dụng khoa học, kỹ thuật như một động lực, một sức mạnh vật chất to lớn để đưa nền kinh tế nước ta tiến lên. Chiến lược phát triển khoa học kỹ thuật phải là một cơ sở của chiến lược phát triển kinh tế, xã hội dài hạn và định hướng cho công tác khoa học kỹ thuật.

Trong những năm tới, tổ chức áp dụng nhanh chóng và rộng rãi các *tiến bộ khoa học và kỹ thuật* vào sản xuất, đời sống và đổi mới quản lý. Công tác khoa học kỹ thuật phải góp phần to lớn vào việc thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế, xã hội đã được xác định; phục vụ việc tổ chức lại sản xuất, đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của sản xuất kinh doanh, thực hành tiết kiệm.

Có phương hướng, nhiệm vụ rất thiết thực cho việc tiến hành công tác khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải và các ngành dịch vụ.

Dành một phần lực lượng cho việc triển khai một số đề tài được chọn lọc thuộc các hướng *khoa học, kỹ thuật hiện đại* như công nghệ sinh học, vật liệu và công nghệ mới, điện tử và tin học... tranh thủ sự hợp tác với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế để giải quyết những vấn đề trước mắt, và chủ động chuẩn bị tiền đề khoa học — kỹ thuật cho việc chuyển biến cơ cấu kinh tế trong những năm sau.

Các ngành *khoa học tự nhiên* đẩy mạnh công tác nghiên cứu có *định hướng* những đề tài gắn liền với tài nguyên và điều kiện tự nhiên nhiệt đới nước ta, với con người Việt nam, vừa tiến hành nghiên cứu cơ bản, vừa coi trọng nghiên cứu ứng dụng, từng bước hình thành các hướng khoa học, kỹ thuật mũi nhọn của nước ta.

Các ngành *khoa học xã hội*, khoa học Mác — Lê-nin, khoa học kinh tế, khoa học quản lý vừa góp phần giải đáp những vấn đề cấp bách của đời sống đất nước, vừa tổ chức nghiên cứu có hệ thống các vấn đề cơ bản của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, những vấn đề lớn của thời đại mà chúng ta có khả năng và cần thiết phải tiếp cận.

Xác định và tổ chức thực hiện tốt các *chương trình trọng điểm* gắn liền với các mục tiêu kinh tế xã hội.

Để thực hiện các phương hướng và nhiệm vụ nói trên, cần *tổ chức lại*, bố trí sử dụng có hiệu quả hơn lực lượng khoa học và kỹ thuật của ta, huy động cả sự đóng góp của trí thức Việt kiều vào công cuộc xây dựng đất nước. Các cơ quan khoa học cũng cần được sắp xếp lại nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện nhanh nhất các quá trình từ nghiên cứu đến sản xuất.

Digitized by Google

Đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật đông đảo, đồng bộ, có đủ phẩm chất và năng lực, coi trọng đào tạo cán bộ đầu đàn. Tăng mức *đầu tư* cho khoa học. Mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác *hợp tác quốc tế* về khoa học và kỹ thuật, gắn chặt hợp tác khoa học kỹ thuật với hợp tác kinh tế.

Cơ chế quản lý kinh tế mới đòi hỏi và khuyến khích việc sáng tạo và ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật trong thực tiễn.

Thực hiện công tác bảo đảm *đo lường, tiêu chuẩn hóa*, nhất là công tác *quản lý chất lượng* trong sản xuất và lưu thông phân phối và đối với các mặt hàng xuất khẩu.

Đẩy mạnh *phong trào quần chúng* tiến công vào mặt trận khoa học và kỹ thuật.

6 — Mở rộng và nâng cao hiệu quả *kinh tế đối ngoại*.

Phát triển kinh tế đối ngoại là một chiến lược lớn của Đảng và Nhà nước.

Chính sách kinh tế đối ngoại của nước ta *trước hết* và *chủ yếu* là mở rộng quan hệ hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, với hai nước láng giềng anh em Lào và Cam-pu-chia. Mặt khác, tranh thủ mở mang quan hệ kinh tế và khoa học, kỹ thuật với các nước thế giới thứ ba, các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, các bên đều có lợi.

Về *xuất khẩu*, tập trung đầu tư đồng bộ, có chính sách khuyến khích rộng rãi, có tổ chức quản lý chặt chẽ để xuất khẩu cho được các mặt hàng và nguồn hàng xuất khẩu chủ lực, có chất lượng tốt. Năm năm tới tăng gần gấp đôi giá trị xuất khẩu và dịch vụ đối ngoại.

Vận dụng linh hoạt và đa dạng các loại hình kinh tế đối ngoại như: hợp tác sản xuất, cùng phối hợp đầu tư; trao đổi hàng hóa; hợp tác khoa học, kỹ thuật và đào tạo cán bộ, công nhân; phát triển các hoạt động du lịch, hợp tác lao động, vận tải quốc tế, dịch vụ cung ứng tàu biển...

Thực hiện nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương, trung ương thống nhất quản lý ngoại thương và ngoại hối. Tạo điều kiện cho những đơn vị có quy mô xuất khẩu lớn được tiếp cận với khách hàng các nước.

Mọi hoạt động *nhập khẩu* phải phù hợp và phục vụ các mục tiêu kinh tế, xã hội, các nhiệm vụ và chỉ tiêu của kế hoạch Nhà nước. Quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn ngoại tệ, các loại hàng nhập khẩu.

Công bố Luật đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho nước ngoài đầu tư.

Đẩy mạnh hợp tác kinh tế với Lào và Cam-pu-chia bằng nhiều hình thức, kể cả phân công, hợp tác sản xuất, cùng phối hợp đầu tư nhằm bảo đảm cho nền kinh tế của cả ba nước anh em trên bán đảo Đông dương đều cùng có lợi và phát triển tốt.

Để làm tốt công tác kinh tế đối ngoại, điều có ý nghĩa quyết định là xây dựng cho được các tổ chức mạnh về kinh tế đối ngoại và đào tạo cho được một đội ngũ cán bộ làm kinh tế đối ngoại có phẩm chất tốt và có tài năng thật sự.

7 — Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế

Việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nhằm *mục tiêu* phát huy tinh thần làm chủ của nhân dân lao động dưới sự quản lý tập trung của Nhà nước để phát triển kinh tế với năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao.

Tư tưởng cơ bản của việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Cơ chế quản lý mới phải vận dụng sáng tạo những nguyên tắc cơ bản sau đây:

– Thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế và nguyên tắc «Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý» trong từng cơ sở, từng cấp và trong phạm vi cả nước.

– *Lấy kế hoạch làm trung tâm, thực hiện hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa*, vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế khách quan đang tác động lên nền kinh tế nước ta, bao gồm các quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội và các quy luật của sản xuất hàng hóa

– *Gắn quyền hạn với lợi ích, trách nhiệm với nghĩa vụ*, kết hợp hài hòa ba lợi ích, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động.

– *Kết hợp các biện pháp* trong quản lý, lấy biện pháp kinh tế làm cơ bản. Đề cao kỷ luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, nhất là luật pháp kinh tế.

– *Kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ, kết hợp quản lý hành chính Nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh.*

Muốn cho công tác kế hoạch hóa ngày càng có tác dụng quyết định đến sự phát triển kinh tế theo phương hướng đúng đắn, thì phải đặt nó trên cơ sở khoa học. Việc kế hoạch hóa sản xuất, đặc biệt là sản xuất hàng tiêu dùng phải xuất phát từ nhu cầu xã hội. Và phương pháp kế hoạch hóa phải được xây dựng phù hợp với tình hình kinh tế của đất nước. Nó phải thống nhất về những nguyên tắc cơ bản, đồng thời rất *linh hoạt, đa dạng*, phù hợp với những điều kiện đặc thù của từng ngành, từng địa phương, tức là *vừa trực tiếp, vừa gián tiếp*, vừa sử dụng hệ thống các chỉ tiêu pháp lệnh và chỉ tiêu hướng dẫn với mức độ thích hợp, vừa coi trọng thông qua các đòn bẩy kinh tế để điều khiển các cơ sở sản xuất, kinh doanh theo Phương hướng, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước.

Cơ chế quản lý mới gắn liền với cơ cấu kinh tế mới phải bảo đảm cho cả ba cấp: trung ương, địa phương và cơ sở đều làm chủ về kinh tế. Trong khi bảo đảm quyền chủ động sản xuất, kinh doanh và xác lập chế độ tự chủ tài chính của *cơ sở*, cơ chế quản lý mới phải bảo đảm cho *trung ương* nắm chắc và giải quyết những vấn đề then chốt, những cân đối cơ bản, những sản phẩm chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò làm chủ của *địa phương*, nhất là cấp huyện.

Cần làm gọn nhẹ những cơ quan quản lý hành chính – kinh tế các cấp, giảm bớt biên chế hành chính, củng cố các cơ quan tham mưu về kinh tế và khoa học.

8 – Phát triển sự nghiệp văn hóa, xã hội.

Trong những năm tới, cần phát triển *sự nghiệp giáo dục và đào tạo* theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả, làm cho nó đáp ứng được yêu cầu và phù hợp với khả năng xây dựng kinh tế, kết hợp học tập với lao động sản xuất và rèn luyện xây dựng con người mới.

Tiếp tục cải cách hệ thống giáo dục phổ thông và dạy nghề. Phổ cập từng bước giáo dục phổ thông cơ sở, đào tạo phần lớn học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở thành những người lao động có kỹ thuật, với cơ cấu ngành nghề hợp lý. Chương trình học phải gồm cả kiến thức văn hóa và kỹ năng lao động.

Nâng cao chất lượng giáo dục đại học, trung học chuyên nghiệp và trên đại học, kết hợp việc dạy và học với nghiên cứu khoa học và lao động sản xuất.

Xác định mục tiêu đào tạo của các cấp học, các loại trường hợp với nhiệm vụ được giao. Quan tâm giáo

Digitized by Google

dục mỹ học, bồi dưỡng thể lực, giáo dục quốc phòng. Coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng và giáo dục pháp luật trong các trường.

Từng bước hoàn chỉnh hệ thống giáo dục quốc dân, làm cho nó đáp ứng được nhu cầu cán bộ cho các ngành, các vùng, cũng như nhu cầu nâng cao trình độ văn hóa, nghiệp vụ của đông đảo người lao động.

Xây dựng đội ngũ giáo viên, nâng cao vị trí xã hội của giáo viên, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của họ. Chú ý đời sống học sinh trong các trường nội trú, có chính sách học bổng thích hợp.

Công tác văn hóa văn nghệ phải được nâng cao *về chất lượng* trên nhiều mặt, nhất là về tư tưởng và mục đích giáo dục. Đấu tranh xóa bỏ tàn dư văn hóa phong kiến, thực dân, tư sản, kịp thời vạch trần và làm thất bại âm mưu và hành động của địch dùng văn hóa văn nghệ gieo rắc vào xã hội ta tâm lý bi quan, các loại tư tưởng phản động và lối sống sa đọa. Bài trừ mê tín, chống hủ tục, truyền bá lối sống mới văn minh.

Xây dựng đội ngũ làm công tác văn hóa văn nghệ, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của họ. Có chính sách trợ cấp đúng đắn cho các đơn vị nghệ thuật. Bồi dưỡng nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa và thế giới quan khoa học cho văn nghệ sĩ, khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong hoạt động nghệ thuật, chỉnh đốn và cải tiến cơ chế và phương thức quản lý đối với công tác này.

Phát triển hệ thống các thư viện, câu lạc bộ, nhà văn hóa, viện bảo tàng, nhà truyền thống. Làm tốt hơn nữa công tác xuất bản và phát hành sách báo, cải tiến mạnh các phương tiện thông tin đại chúng. Đầu tư đúng mức cho công tác văn hóa văn nghệ. Công tác này cần được sự lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ hơn của Đảng và Nhà nước.

Về *công tác y tế*, cần quán triệt quan điểm y học phòng ngừa, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. Củng cố, phát triển mạng lưới y tế huyện, quận và cơ sở. Nâng cao chất lượng và hiệu quả của các hoạt động y tế, của phong trào vệ sinh phòng bệnh, phòng và chống dịch, của công tác chữa bệnh. Coi trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế và cán bộ y học. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, xây dựng nền y học Việt nam.

Để khắc phục tình trạng thiếu thuốc và dụng cụ y tế, phải tiếp tục củng cố và phát triển mạnh ngành công nghiệp dược phẩm và sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế thông thường. Đồng thời, phát triển việc nuôi trồng, chế biến và sử dụng thuốc ta ở cơ sở; hình thành các vùng dược liệu tập trung.

Cố gắng từng bước cải thiện đời sống của đội ngũ cán bộ y tế.

Xây dựng nền *thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa*, giữ vững và nâng cao thể lực của toàn dân, trước hết là thế hệ trẻ.

Mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào thể dục, thể thao quần chúng. Tổ chức tốt hoạt động thể dục, thể thao trong các trường học. Phát hiện và đào tạo, bồi dưỡng những tài năng thể thao trẻ, nhanh chóng nâng cao thành tích và kỷ lục một số môn thể thao.

Đối với những *người về hưu*, cần bảo đảm đời sống bằng tiền lương thực tế, thu hút người về hưu và mất sức, tùy theo sức mình, tham gia vào các hoạt động sản xuất, dịch vụ, các công việc chính trị — xã hội và giáo dục thế hệ trẻ.

Đối với *thương binh, gia đình liệt sĩ, quân nhân phục viên* cần chấp

(Xem tiếp trang 43)

Digitized by Google

NGUYỄN LIÊM

BẢO ĐẢM VÀ PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG VÀ VAI TRÒ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động — một trong những bài học kinh nghiệm lớn.

Đại hội thứ IV và Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ ra những đặc điểm nổi bật của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ đó là: nước ta tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa trong điều kiện nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ với nhiều thành phần kinh tế, với tỷ suất hàng hóa rất thấp, với những cơ sở vật chất — kỹ thuật bị tàn phá nặng qua 30 năm chiến tranh, với tình trạng mất cân đối về lương thực, thực phẩm, năng lượng, nguyên liệu, vật tư, cấu trúc hạ tầng; nước ta lại không thể chỉ tập trung sức lực xây dựng kinh tế do phải đối phó với chiến tranh lấn chiếm biên giới và chiến tranh phá hoại về nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung Quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các bọn phản động quốc tế khác.

Xuất phát từ những đặc điểm đó, Đảng ta đã đề ra đường lối đúng đắn nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trong đường lối ấy, *quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa*. Nó phải được thể chế hóa, được xây dựng thành các chế độ về kinh tế, chính trị, xã hội. Nó phải được thể hiện tập trung bằng hoạt động quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Tổng kết kinh nghiệm những năm qua, nhất là trong 5 năm lại đây, Đảng ta cho rằng những thành công cũng như những sai lầm, khuyết điểm mắc phải đều có liên quan chặt chẽ với việc có tôn trọng hay không quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. *Đó là một trong những bài học sâu sắc nhất.*

Sau hơn 10 năm tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước, một xã hội mới đã ra đời dựa trên cơ sở xóa bỏ bóc lột, áp bức, xác lập chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu. Một cộng đồng xã hội chủ nghĩa những người lao động tự do và bình đẳng đã hình thành; nhân dân ta đã có những điều kiện cơ bản để thực hiện quyền làm chủ tập thể trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế và đời sống xã hội. Cơ cấu giai cấp đã thay đổi: giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo; giai cấp công nhân cùng với giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa trở

Digitized by Google

thành những lực lượng chủ yếu của sự phát triển xã hội. Sự nhất trí về chính trị và tinh thần, tuy mới hình thành bước đầu, đã trở thành một động lực mới, to lớn của xã hội ta. Đông đảo quần chúng lao động đã biểu lộ rõ ý thức làm chủ qua phong trào khoán sản phẩm trong nông nghiệp, phong trào đẩy mạnh sản xuất, cải tiến kỹ thuật trong công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp và các ngành kinh tế khác, qua tinh thần chiến đấu kiên cường, anh dũng trên biên cương của Tổ quốc và phong trào rộng lớn hậu phương chi viện cho tiền tuyến, qua những phong trào cụ thể của các giới xã hội xây dựng nên văn hóa mới, lối sống mới. Nhà nước ta đã tiến một bước bảo đảm những quyền và lợi ích của người lao động làm chủ, thực hiện việc kết hợp chặt chẽ ba lợi ích : lợi ích của Nhà nước, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân người lao động.

Rõ ràng, những thành tựu cách mạng đã đạt được là kết quả tổng hợp của việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, việc tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng và cũng là kết quả của việc nhân dân lao động thực hiện quyền làm chủ tập thể của mình. Nếu nhớ lại thời kỳ hết sức khó khăn những năm 1979 — 1980, khi sản xuất nông nghiệp bị trì trệ, khi nhiều xí nghiệp công nghiệp chỉ hoạt động cầm chừng hoặc ngừng hẳn sản xuất do thiếu nguyên liệu, khi bọn bành trướng, bá quyền Bắc kinh siết chặt hai gọng kìm xâm lược hòng thôn tính nước ta thì điều rõ ràng là công đầu trong việc vượt qua được những khó khăn ấy thuộc về nhân dân lao động làm chủ tập thể.

Rõ ràng, một khi quyền làm chủ tập thể được bảo đảm thì nhất định xuất hiện một sức mạnh mới, một động lực vô cùng mạnh mẽ.

Tuy nhiên, phải nhìn thẳng vào sự thật, tìm ra xem những cái gì đang còn cản trở việc làm chủ tập thể của nhân dân lao động, khiến cho phong trào cách mạng chưa trở thành phong trào thật sự sâu rộng của quần chúng.

Nhân dân ta vốn giàu tài năng và nghị lực, đã trải qua rèn luyện, thử thách lâu dài, rất yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, lại rất mực cần cù lao động, thông minh, sáng tạo. Song những tài năng, hiểu biết, kinh nghiệm của người dân chưa được sử dụng xứng đáng với vai trò người làm chủ đất nước. Nhiều chế độ, chính sách theo cơ chế quản lý cũ còn ràng buộc, kìm hãm tinh thần chủ động, sáng tạo của quần chúng. Trong các xí nghiệp, hợp tác xã, cơ quan, quyền làm chủ của nhân dân chưa được thể chế hóa. Quyền, nghĩa vụ, lợi ích của người dân chưa được bảo đảm thích đáng.

Hơn thế nữa, nhiều địa phương, nhiều cơ quan Nhà nước đã vi phạm nghiêm trọng những quyền dân chủ, quyền tự do của công dân : những hiện tượng chuyên quyền độc đoán, hống hách, cửa quyền, hà lạm, trù dập... còn xảy ra phổ biến.

Những hiện tượng tiêu cực xảy ra trong các ngành kinh tế — xã hội, ở những nơi như cửa hàng, bệnh viện, bến xe, nhà ga, cơ quan thuế vụ, cơ quan tuyển lao động, tuyển quân hoặc ở những cơ quan chuyên chính của Nhà nước, những khuyết điểm sai lầm về phẩm chất của cán bộ, đảng viên đã ảnh hưởng không ít đến uy tín của Đảng và Nhà nước, làm giảm sút lòng tin và nhiệt tình của quần chúng.

Đã đến lúc phải kiên quyết sửa chữa những khuyết điểm ấy để có thể phát huy mạnh mẽ khi thế cách mạng của quần chúng.

Digitized by Google

Phải làm gì để bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Muốn xóa bỏ những nguyên nhân cản trở việc thực hiện quyền làm chủ tập thể, trước hết phải *bảo đảm quyền, lợi ích, nghĩa vụ của người làm chủ*, bồi dưỡng họ về ý thức và năng lực làm chủ.

Người lao động làm chủ trước hết là làm chủ lao động của mình, làm việc có kỷ luật, có kỹ thuật, có hiệu suất ; dù là lao động trí óc hay lao động chân tay, dù là người lao động bình thường hay người cán bộ có chức vụ, đều phải góp phần công hiến xứng đáng vào việc xây dựng đất nước.

Tập thể những người lao động làm chủ trực tiếp quá trình kinh tế ở các xí nghiệp, hợp tác xã và các hoạt động xã hội ở phường, xóm. Họ phải có những quyền và nghĩa vụ đích đáng trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, sắp xếp sản xuất và bố trí lao động, tuyển lựa cán bộ quản lý, trong việc sử dụng các loại quỹ của cơ sở, trong việc kiểm tra và giám sát các hoạt động của giám đốc, chủ nhiệm. Họ phải có vai trò chủ động trong sinh hoạt xã hội ở các phường, xóm, trong việc lưu thông và phân phối các sản phẩm kinh tế, trong việc cung ứng các dịch vụ về đời sống, tổ chức các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, giữ gìn trật tự và an toàn xã hội, trong việc xây dựng và quản lý các mối quan hệ giữa người và người, kiểm tra và giám sát công tác của chính quyền, phẩm chất của cán bộ, đảng viên.

Các cơ quan có trách nhiệm của Đảng và Nhà nước phải có *biện pháp chấm dứt những hiện tượng tiêu cực* trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước, nhất là chấm dứt ngay những hành vi xâm phạm các quyền công dân, xử lý nghiêm minh những hành vi ấy theo đúng pháp luật Nhà nước. Đảng bộ các cấp cần tiến hành sắp xếp lại tổ chức, kiên quyết loại bỏ ra khỏi hàng ngũ của mình những phần tử lợi dụng danh nghĩa Đảng và Nhà nước để áp bức quần chúng, đục khoét của cải của nhân dân, bảo đảm cho Nhà nước ta thật sự là người đại diện quyền lợi của nhân dân, là đầy tớ của nhân dân như Chủ tịch Hồ Chí Minh thường dạy. Những cơ quan hằng ngày tiếp xúc với dân, phục vụ dân phải thay đổi phương thức phục vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân mua bán, chữa bệnh, đi lại. Phải kiện toàn các cơ quan tòa án, kiểm soát, an ninh, thuế vụ..., loại bỏ những phần tử xấu ăn hối lộ, ức hiếp nhân dân, hoặc tiếp tay cho bọn phá hoại kỷ cương Nhà nước. Những cơ quan phụ trách về nhà đất, tuyển người đi học, tuyển lao động, tuyển quân, những cơ quan nắm vật tư, hàng hóa... phải được giao cho những người có bảo đảm về phẩm chất phụ trách.

Rường cột của xã hội xã hội chủ nghĩa là *những tập thể lao động mạnh* gồm những con người mới với lý tưởng và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, với phương châm xử thế "mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người", với lối sống giản dị, lành mạnh, có văn hóa, sống bằng sức lao động của mình, hợp tác giúp đỡ nhau vì Tổ quốc. Việc xây dựng những tập thể như vậy đương nhiên là một quá trình lâu dài, nhưng cần phải có ngay những biện pháp có hiệu quả để xây dựng những tập thể ấy, nâng cao, hoàn thiện và nhân ra những điển hình về con người mới đã xuất hiện khắp nơi trên đất nước ta mà tiêu biểu là những cá nhân, đơn vị anh hùng, những chiến sĩ thi đua, đồng thời lên án nghiêm khắc lối sống

Digitized by Google

ích kỷ, ăn bám, chạy theo đồng tiền, lợi mình hại người, lợi cho cá nhân, hại cho Nhà nước, xa hoa lãng phí.

Trong việc xây dựng con người mới, xây dựng chế độ làm chủ tập thể, *công tác giáo dục chính trị — tư tưởng, công tác văn hóa, văn học, nghệ thuật* giữ vị trí rất quan trọng. Bằng những hình thức tuyên truyền, giáo dục sâu sắc và sống động, có thể tác động mạnh mẽ vào tư tưởng, tâm lý, tình cảm, lối sống của người dân, đẩy lùi dần những hiện tượng tiêu cực, tạo ra ngày càng nhiều nhân tố tích cực. Trong công việc này *các tổ chức quần chúng* như Công đoàn, Hội nông dân tập thể, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam, Mặt trận Tổ quốc Việt nam, các hội văn học nghệ thuật, các hội những nhà khoa học và kỹ thuật, các hội những người lao động chuyên ngành, các tổ chức của đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng bào các tôn giáo, Việt kiều... có vai trò hết sức to lớn.

Tùy theo đối tượng của mình, các tổ chức đó phải *đổi mới phương thức hoạt động*, đi sâu đi sát hội viên, chủ động sáng tạo ra những hình thức hoạt động phù hợp với đặc điểm của giới mình nhằm tác động đến cả lý trí và tình cảm của đối tượng, khơi động sâu sắc tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, tạo nên sự đoàn kết nhất trí ngày càng tăng, giúp mỗi người phát huy đầy đủ tài năng và trí tuệ để có thể góp phần to lớn nhất vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, công cụ chủ yếu của chế độ làm chủ tập thể.

Nắm vững nguyên lý của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về đảng cầm quyền, xuất phát từ thực tiễn nước ta, Đảng ta đã sáng tạo ra cơ chế làm chủ tập thể: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Trong cơ chế đó, Nhà nước xã hội chủ nghĩa là công cụ chủ yếu để xây dựng chế độ làm chủ tập thể. Nó là cơ quan quyền lực chính trị do giai cấp công nhân và nhân dân lao động tự tổ chức thành. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nó có chức năng thể chế hóa bằng pháp luật những quyền hạn, lợi ích, nghĩa vụ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, đồng thời nó quản lý các hoạt động kinh tế, xã hội theo pháp luật.

Quyền lãnh đạo của Đảng được bảo đảm thì Nhà nước hoạt động theo đúng đường lối quan điểm của Đảng, nhờ vậy Nhà nước mạnh, ngược lại, Nhà nước càng mạnh thì Đảng cũng càng mạnh, nhân dân làm chủ càng tốt. Vì vậy, làm giảm sút hiệu lực của Nhà nước tức là làm suy yếu sự lãnh đạo của Đảng và trực tiếp xâm phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Có tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước thì mới có thể huy động lực lượng to lớn của quần chúng nhân dân để hoàn thành mọi nhiệm vụ chính trị do Đảng đề ra, do đó, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng.

Bộ máy Nhà nước ta hiện nay rất *cồng kềnh và kém hiệu lực*. Nó được kiến tạo nhiều tầng, nhiều nấc. Chức danh, nhiệm vụ của tổ chức, chức danh, tiêu chuẩn của cán bộ không được xác định rõ ràng. Một số ngành đang có xu hướng chia tách thành nhiều cơ quan và đơn vị chuyên môn hóa theo lối khép kín; nhiều tổ chức trùng lắp, chồng chéo lên nhau. Việc bố trí cán bộ, nhân viên không tương ứng với nhiệm vụ; nhiều người không được đào tạo, thiếu kiến thức chuyên môn hoặc được đào tạo ra nhưng không được sắp xếp hợp lý. Chế độ trách nhiệm không rõ ràng, lề lối làm việc nặng về hình thức, giấy tờ, hội họp quá nhiều mà quyết định thì chậm, nhiều khi không dứt khoát.

Digitized by Google

việc tổ chức thực hiện lại yếu. Bệnh quan liêu còn nặng, thể hiện ở cả ba mặt : bộ máy nhiều tầng, nhiều nấc ; nhiều chế độ, chính sách không sát ; lề lối làm việc cách bức quần chúng.

Một trong những nguyên nhân của tình trạng đó là chúng ta *duy trì quá lâu cơ chế tập trung quan liêu – bao cấp*, khiến cho việc quản lý của Nhà nước thiếu năng động, thiếu sâu sát, vừa thiếu tập trung lại vừa thiếu dân chủ, kém hiệu quả. Kết quả là sức sản xuất bị kìm hãm, không phát triển được, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thực tế không được phát huy đầy đủ, người ăn thì nhiều người làm thì ít, năng suất, chất lượng, hiệu quả của sản xuất bị giảm sút, sản phẩm làm ra ít mà lưu thông lại ách tắc, tạo nên những khó khăn kéo dài như lạm phát, giá cả không ổn định, đời sống bấp bênh, hiện tượng tiêu cực phát triển làm xói mòn những giá trị tinh thần, đạo đức.

Nhiều nghị quyết của Trung ương, của Bộ chính trị trong thời gian qua có ý nghĩa chỉ đạo việc cải tiến quản lý của Nhà nước theo hướng xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Phải xây dựng và thực hiện một cơ chế quản lý Nhà nước thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở tất cả các cấp. Tăng cường bộ máy Nhà nước từ trung ương đến địa phương và cơ sở thành một hệ thống thống nhất, có sự phân định rành mạch nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm từng cấp theo nguyên tắc tập trung dân chủ và nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế – xã hội và cơ cấu kinh tế. Bộ máy đó phải gọn nhẹ và có đủ năng lực ; thể chế hóa đường lối, chính sách thành pháp luật ; cụ thể hóa chiến lược kinh tế – xã hội thành những kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội ; hoạt động theo cơ chế mới, lấy năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế làm tiêu chuẩn quan trọng nhất ; điều hành các hoạt động kinh tế và xã hội theo đúng pháp luật, giữ vững kỷ cương Nhà nước và trật tự xã hội ; xây dựng và thực hiện một quy chế làm việc khoa học có hiệu suất cao ; xây dựng và sắp xếp một đội ngũ cán bộ có năng lực quản lý về các mặt.

Trong quản lý, Nhà nước ta chú ý phân biệt và làm tốt cả hai mặt : *quản lý hành chính* (bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách, tổ chức...) và *quản lý sản xuất, kinh doanh* (thông qua các tổ chức sản xuất, kinh doanh). Việc định ra được những luật lệ, những chế độ, chính sách đúng có ý nghĩa quyết định. Thời gian qua, nếu xóa bỏ được sớm cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, có chính sách đầu tư, chính sách giá cả, chính sách lưu thông phân phối đúng, thì chắc chắn sản xuất đã phát triển hơn nhiều, nông dân không lo là sản xuất, các nhà máy đã có thêm nhiều nguyên liệu, vật tư sản xuất trong nước, chất xám đã không bị lãng phí và các nhà khoa học – kỹ thuật đã phát huy được thích đáng tài năng và trí tuệ của mình. Luật lệ, chế độ, chính sách đúng chẳng những làm cho sản xuất phát triển mà còn củng cố được liên minh công nông, củng cố được sự đoàn kết nhất trí của các tầng lớp nhân dân, và điều này lại trở thành động lực mạnh mẽ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Để tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, phải *phát huy vai trò*

Digitized by Google

của Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất có chức năng nghiên cứu, thảo luận đường lối, chính sách của Đảng, biến thành pháp luật của Nhà nước, giám sát mọi hoạt động của các cơ quan Nhà nước cho đến cả sử dụng quyền bãi miễn, liên hệ và tập trung ý kiến, nguyện vọng của nhân dân. Phải *phát huy vai trò của hội đồng nhân dân các cấp*, khắc phục tình trạng hoạt động hình thức chủ nghĩa của các cơ quan ấy, do các cấp ủy Đảng còn bao biện, do nhiều ủy ban nhân dân còn coi nhẹ nó. Phải *tăng cường vai trò của Hội đồng bộ trưởng và Ủy ban nhân dân các cấp* theo hướng nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, biện pháp của Đảng và Nhà nước. Vấn đề cấp bách trước mắt là sắp xếp lại và giảm bớt các bộ, ủy ban Nhà nước, tổng cục, tinh giản biên chế quản lý hành chính, sắp xếp lại hệ thống các viện khoa học — kỹ thuật, các trường, các cục, các công ty, các khâu sự nghiệp, dịch vụ, chuyển phần lớn sang phương thức hoạt động hạch toán kinh tế, gắn với sản xuất, kinh doanh.

Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa là một nội dung quan trọng của việc cải tiến quản lý Nhà nước. Bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, chế độ quản lý. Phổ biến và giáo dục rộng rãi pháp luật để mọi người hiểu và tuân thủ. Tiến hành kiểm tra, thanh tra thường xuyên, nghiêm khắc xử lý mọi sự vi phạm pháp luật của cá nhân cũng như của các tổ chức, loại trừ mọi hiện tượng bao che.

Nhà nước ta còn phải *đổi mới chế độ và phong cách làm việc* sao cho có thể ra quyết định đúng, kịp thời và tổ chức thực hiện tốt, chấm dứt chế độ làm việc theo lối hành chính quan liêu với nhiều nấc trung gian, với tác phong chậm chạp, với nhiều thủ tục phức tạp, gây phiền hà. Đồng thời tổ chức một hệ thống thông tin khoa học, chính xác.

Cuối cùng, muốn nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, phải có *một đội ngũ cán bộ giỏi*, có năng lực, có kinh nghiệm, có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng và được sắp xếp hợp lý.

★

Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước rốt cuộc là để thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Đó là quan điểm mác xít — lê nin nít coi cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Tất cả đều phải do dân và vì dân: « Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong ». Bài học này không phải đến bây giờ mới có. Ông cha ta ngày xưa đã lấy dân làm gốc. Gốc sâu thì rễ bền. Trong thời kỳ tiền khởi nghĩa cho đến Cách mạng Tháng Tám, trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chống chủ nghĩa bành trướng, bá quyền Trung quốc, Đảng ta đều đã làm như vậy. Ngày nay, đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta càng phải làm như vậy, nhất là dưới ánh sáng của những thành công và sai lầm trong 5 năm qua. Cốt lõi của mục tiêu *tạo ra phong trào cách mạng sâu rộng của quần chúng* chính là ở chỗ này. Chúng ta tin rằng với những chính sách hợp với nguyện vọng của nhân dân, với một chế độ quản lý Nhà nước hết lòng vì dân và do dân, với việc giáo dục tốt nhân dân nêu cao tinh thần làm chủ tập thể, với việc kiên quyết khắc phục những biểu hiện xa rời quần chúng, nhất định chúng ta sẽ đạt được mục tiêu đó.

Digitized by Google

PHAN CHÍNH

NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

KINH nghiệm lịch sử của cách mạng nước ta và phong trào cộng sản quốc tế đã khẳng định sự lãnh đạo của Đảng cộng sản là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng vô sản; sự tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng là quy luật phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Quy mô, tầm cỡ, tính chất phức tạp của nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, cuộc đấu tranh gay gắt giữa «hai con đường», cuộc chiến đấu quyết liệt giữa nhân dân ta với chủ nghĩa bành trướng bá quyền và chủ nghĩa đế quốc, đang đòi hỏi phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong giai đoạn hiện nay có nghĩa là phải làm cho Đảng trưởng thành hơn nữa trong việc xây dựng, phát triển và cụ thể hóa đường lối, đề ra được những giải pháp đúng đắn thực hiện các mục tiêu đã định, nâng cao trình độ và năng lực tổ chức thực tiễn của các tổ chức Đảng, năng lực quản lý và điều hành của bộ máy Nhà nước. Muốn thế, Đảng phải đổi mới công tác của mình, nhất là đổi mới quan niệm và tư duy, đổi mới bộ máy và hình thức tổ chức, đổi mới công tác cán bộ, đổi mới phong cách và lề lối làm việc. Các cấp ủy Đảng cần nhận thức đầy đủ và quan tâm hơn nữa đến công tác xây dựng Đảng, nhìn thẳng vào tình hình, thấy rõ ưu điểm để phát huy, thấy hết khuyết điểm, sai lầm để sửa chữa, chăm lo củng cố và xây dựng Đảng về mọi mặt nhằm làm cho Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh, đủ sức đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Trước mắt cần tập trung làm tốt những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1. Đổi mới đội ngũ cán bộ, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và quản lý.

Vấn đề này đang là yêu cầu bức bách, là mắt xích quan trọng bậc nhất mà Đảng ta cần nắm chắc để thúc đẩy sự nghiệp cách mạng tiến lên.

Những năm qua, chúng ta đã từng bước kiện toàn và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ; cán bộ ta đã có bước trưởng thành trong việc lãnh đạo xây dựng và quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước. Nhưng nhìn chung sự tiến bộ đó còn chậm, chất lượng đội ngũ cán bộ vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của cách mạng.

Đổi mới đội ngũ cán bộ có nghĩa là lựa chọn, sắp xếp lại cán bộ, kiện toàn cho được các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, các cơ quan tham mưu, tổng hợp, các ngành quan trọng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, các chức vụ chủ chốt của các

Digitized by Google

tỉnh, các huyện, các cơ sở trọng yếu của nền kinh tế quốc dân. Đồng thời phải chăm lo đào tạo, bồi dưỡng để có một đội ngũ cán bộ có đủ kiến thức và năng lực lãnh đạo, quản lý, có phong cách làm việc mới, có sức chiến đấu cao, đáp ứng được yêu cầu mới.

Muốn đổi mới được đội ngũ cán bộ, phải nắm vững tiêu chuẩn cán bộ và đổi mới quan điểm về đánh giá cán bộ. Phải lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo phẩm chất và năng lực cán bộ, xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị để bố trí cán bộ. Nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa, trước hết là nhiệm vụ xây dựng kinh tế, đang đòi hỏi phải có những cán bộ có phẩm chất và năng lực phù hợp. Đó là những cán bộ có tư duy kinh tế mới, nắm vững và biết vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng, giàu tính năng động, chủ động, nhạy bén với cái mới, mạnh bạo suy nghĩ, tìm tòi, dám thay đổi những phương pháp công tác và cách làm ăn cũ kỹ, biết tính toán sản xuất và kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao. Việc xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang thực hiện cơ chế quản lý mới đang làm xuất hiện nhiều cán bộ có tài năng. Chúng ta cần kịp thời phát hiện và cất nhắc những tài năng đó.

Đối với cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, bên cạnh kiến thức và năng lực tổ chức, phải đặc biệt chú trọng vấn đề phẩm chất chính trị, vững vàng trên lập trường giai cấp công nhân, thông suốt đường lối của Đảng, năng động sáng tạo trên cơ sở những nguyên tắc quản lý kinh tế của chủ nghĩa xã hội, có tính tổ chức và kỷ luật cao, có phong cách lãnh đạo tốt, cần kiệm, giản dị, gương mẫu trong lối sống, đoàn kết tập hợp được mọi người.

Việc đổi mới cán bộ cần được thực hiện khẩn trương, kiên quyết, nhưng phải thận trọng, đồng bộ, chú ý hiệu quả, tránh chủ quan, vội vàng, tránh hình thức chủ nghĩa, hoặc gây ra những xáo trộn không cần thiết. Việc lựa chọn cán bộ phải được tiến hành một cách khách quan, vô tư, xuất phát từ lợi ích chung của cách mạng và từ chính sách cán bộ thống nhất của Đảng. Mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cục bộ, địa phương, thiếu công bằng, bệnh quan liêu, không sâu sát đều dẫn tới những hậu quả tiêu cực trong việc sắp xếp, bố trí cán bộ, ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Trong tình hình hiện nay, vấn đề « trẻ hóa » đội ngũ cán bộ, tăng thêm cán bộ trẻ trong các cơ quan lãnh đạo và quản lý, kết hợp đúng đắn cán bộ già với cán bộ trẻ có ý nghĩa hết sức quan trọng, bảo đảm tính liên tục và tính kế thừa trong các cơ quan lãnh đạo của Đảng. Thời gian qua chúng ta làm việc này quá chậm cho nên tuổi bình quân của cán bộ lãnh đạo ngày càng tăng cao. Quan niệm đẳng cấp, tôn ti trật tự theo kiểu phong kiến ở nhiều đồng chí còn khá nặng nề. Một số đồng chí thường lấy lý do này, lý do khác để trì hoãn việc đề bạt cán bộ trẻ. Các cấp ủy Đảng cần xác định rõ việc chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế tục là nhiệm vụ thường xuyên và đặt trong quy hoạch của mình. Các cán bộ lãnh đạo có trách nhiệm cùng tập thể lựa chọn, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ trẻ một cách chí công vô tư. Cán bộ nhiều tuổi, giàu kinh nghiệm có nghĩa vụ ủng hộ, giúp đỡ lớp cán bộ kế tục.

Đương nhiên, việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế tục phải tuân theo một quy trình có tính nguyên tắc chặt chẽ. Kết hợp việc bồi dưỡng kiến thức ở trường học với việc rèn luyện trong thực tiễn. Căn cứ vào chỗ mạnh, chỗ yếu và triển vọng phát triển của cán bộ mà lần lượt bố trí người đó vào những cương vị công tác cần thiết.

Digitized by Google

tạo điều kiện cho họ trưởng thành. Thực hiện việc luân chuyển cán bộ theo quy hoạch sẽ giúp cán bộ có tầm nhìn xa, hiểu biết rộng, có bản lĩnh và năng lực lãnh đạo toàn diện.

Việc đánh giá cán bộ, lựa chọn và đề bạt cán bộ tùy thuộc rất nhiều vào công tác quản lý cán bộ. Cơ chế quản lý cán bộ có đúng thì việc đánh giá cán bộ mới chính xác, lựa chọn và đề bạt cán bộ mới đúng đắn, loại trừ được những yếu tố ngẫu nhiên, may rủi và những động cơ không lành mạnh trong công tác cán bộ. Các cấp ủy Đảng cần coi việc quản lý cán bộ là một chức năng quan trọng không thể thiếu trong công tác lãnh đạo của mình. Cần quy định việc phân công, phân cấp quản lý cán bộ, xác định quyền hạn, trách nhiệm, các mối quan hệ giữa cơ quan Đảng và Nhà nước, ngành và địa phương, cấp trên và cấp dưới; xác định thủ tục, phương pháp, quy trình lựa chọn, đánh giá, đề bạt, điều động cán bộ, làm cho việc quản lý cán bộ đi vào nền nếp, bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ.

2. Đổi mới phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt trong Đảng.

Những năm qua, bên cạnh ưu điểm là cố gắng làm việc theo nguyên tắc, theo quy chế, cũng còn nhiều biểu hiện tập trung quan liêu, gia trưởng, độc đoán, không lắng nghe ý kiến cấp dưới, không phát huy trí tuệ tập thể; đồng thời lại có tình trạng phân tán, cục bộ, vô tổ chức, vô kỷ luật, làm cho sự lãnh đạo của Đảng kém hiệu lực, sức chiến đấu của Đảng bị giảm sút. Chúng ta cần nghiêm khắc phê phán và ra sức khắc phục những khuyết điểm đó, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, kiên quyết và khẩn trương lập lại kỷ cương, củng cố kỷ luật trong Đảng và bộ máy Nhà nước. Đảng yêu cầu các cấp, các ngành phải nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, nói và làm theo nghị quyết của cấp trên và của tập thể. Mọi cán bộ, đảng viên, không trừ một ai, phải phục tùng kỷ luật của Đảng. Mọi sự năng động, sáng tạo phải trong khuôn khổ đường lối, chính sách của Đảng. Bất cứ người lãnh đạo nào cũng không được tự đặt mình ra ngoài tổ chức, tự cho mình quyền nói và làm khác với quyết định của tập thể.

Mặt khác, phải tăng cường sự lãnh đạo tập thể, mở rộng dân chủ trong sinh hoạt Đảng. Mọi chủ trương quan trọng đều phải được bàn bạc và quyết định tập thể trên cơ sở nghiên cứu và phân tích đầy đủ những kinh nghiệm sáng tạo của các cơ sở và địa phương, lấy ý kiến của quần chúng, của các chuyên gia và cán bộ khoa học. Cán bộ lãnh đạo đi sát và lắng nghe ý kiến của cấp dưới, bình tĩnh lắng nghe cả những ý kiến trái với ý kiến của mình. Chỉ có nói thẳng, nói hết những ý kiến khác nhau, thảo luận thật dân chủ mới tìm ra được chân lý.

Nâng cao chất lượng sinh hoạt của các chi bộ và các cấp ủy, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình là một yêu cầu quan trọng của việc đổi mới phong cách lãnh đạo, lề lối làm việc. Chỉ có dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật, thực hiện nghiêm túc tự phê bình và phê bình chúng ta mới có thể nhận rõ ưu điểm để phát huy, thấy hết khuyết điểm để sửa chữa; không được có thái độ che giấu khuyết điểm, thổi phồng thành tích, lừa dối cấp trên, xuê xoa, nể nang hoặc đàn áp, trả thù người phê bình mình. Trong cuộc vận động tự phê bình và phê bình vừa qua, với tinh thần nghiêm túc và dân chủ, nhiều cấp nhiều ngành đã phát hiện và tích cực sửa chữa một số khuyết điểm, bước đầu củng cố được lòng tin của đảng viên và quần chúng. Chúng ta cần phát huy những kết quả đó, đưa việc tự phê bình và phê bình

Digitized by Google

vào nền nếp thường xuyên trong sinh hoạt Đảng.

Việc đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu cần phải được quan tâm nhiều hơn nữa. Trong nhiều cơ quan Đảng và Nhà nước vẫn còn tình trạng làm việc giấy tờ, hội họp quá nhiều, ít điều tra nghiên cứu thực tế, giải quyết công việc chậm chạp, phô trương hình thức, kém hiệu quả. Nhiều cán bộ lãnh đạo chưa dành thời gian thích đáng đi cơ sở gặp quần chúng để tìm hiểu tình hình, lắng nghe ý kiến cấp dưới và cơ sở, giải quyết kịp thời tại chỗ những vấn đề cụ thể. Một số cấp ủy Đảng chưa nắm chắc công tác kiểm tra, từng thời gian có chương trình kiểm tra, tập trung vào những công tác trọng tâm, những đơn vị trọng điểm, do đó chưa đi tới kết luận đúng sai rõ ràng để chỉ đạo sửa chữa, uốn nắn.

Cần rút kinh nghiệm bổ sung và hoàn chỉnh các quy chế làm việc của các tổ chức Đảng và Nhà nước, xây dựng ý thức tôn trọng quy chế, làm việc theo quy chế, chống thái độ tùy tiện. Có quy định cụ thể và thực hiện ngay một số chế độ công tác và sinh hoạt nội bộ, trước hết là chế độ hội nghị, chế độ kiểm tra, chế độ tự phê bình và phê bình, chế độ tiếp xúc với quần chúng.

3. Nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực trong Đảng.

Hiện nay Đảng ta có gần 2 triệu đảng viên. Trong bước chuyển biến của cách mạng, trước những khó khăn về kinh tế, đời sống, xã hội, đông đảo cán bộ, đảng viên đã giữ vững phẩm chất cách mạng, có lối sống trong sạch, lành mạnh, cố gắng học tập và rèn luyện để nâng cao năng lực công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, xứng đáng là những chiến sĩ tiên phong cách mạng. Song trong đội ngũ đảng viên cũng còn nhiều hiện tượng tiêu cực chưa được ngăn chặn, thậm chí có chiều hướng phát triển. Đây là vấn đề nghiêm trọng làm tê liệt sức chiến đấu của nhiều đảng bộ, làm xói mòn uy tín của Đảng.

Chúng ta cần quan tâm làm tốt công tác giáo dục, rèn luyện phẩm chất cách mạng cho cán bộ, đảng viên, kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực trong Đảng. Mỗi cán bộ, đảng viên phải học tập và noi gương đạo đức tác phong của Bác Hồ, giữ gìn và nêu cao danh hiệu cao quý của người đảng viên cộng sản, nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, xứng đáng là người lãnh đạo và người đầy tớ trung thành của nhân dân. Phải suy nghĩ và hành động vì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, vì lợi ích của cách mạng, chứ không phải vì địa vị và danh lợi cá nhân; trung thực, không giả dối, nói ít làm nhiều, lời nói đi đôi với việc làm, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, luôn luôn gắn bó với nhân dân. Kiên quyết chống tư tưởng và lối sống chạy theo vật chất, tiền tài, tính ích kỷ, vụ lợi, ăn cắp của công, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa.

Việc giáo dục, rèn luyện phẩm chất cách mạng cho cán bộ, đảng viên chỉ có kết quả tốt nếu được thể hiện thành chương trình công tác, thành những quy định cụ thể về mặt tổ chức; các cấp ủy Đảng có kế hoạch quản lý, kiểm tra chặt chẽ các hoạt động và phẩm chất của đảng viên, kể cả những đảng viên là cán bộ lãnh đạo. Đối với những đảng viên phạm sai lầm nặng về phẩm chất, đạo đức, cần xử lý kiên quyết và nghiêm minh. Phải tiếp tục làm trong sạch đội ngũ đảng viên bằng cách loại bỏ ngay những phần tử thoái hóa, biến chất, những kẻ tham ô, buôn lậu, chuyên quyền độc đoán, vô tổ chức, vô kỷ luật... Đưa công khai lên báo chí hoặc đưa ra các cuộc sinh hoạt của các tổ chức Đảng và đoàn thể quần chúng một số vụ cán bộ, đảng viên, kể cả

Digitized by Google

cán bộ cao cấp, phạm sai lầm nghiêm trọng về phẩm chất sẽ có tác dụng giáo dục đảng viên ngăn ngừa sai phạm, làm tăng sự tin cậy của nhân dân đối với Đảng. Cần sử dụng tổng hợp nhiều biện pháp trong việc giáo dục, rèn luyện đảng viên, kết hợp việc xóa bỏ cơ chế quản lý cũ, xây dựng cơ chế mới với việc quản lý, giáo dục đảng viên; kết hợp việc phát động quần chúng đấu tranh chống tiêu cực với công tác thanh tra của Nhà nước và công tác kiểm tra của Đảng. Chi bộ cần làm tốt việc phân công đảng viên, kết hợp việc giáo dục lý luận cho đảng viên với việc rèn luyện đảng viên trong thực tế công tác. Đối với các đảng viên đã nghỉ hưu, cấp ủy có thể căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng người mà giao cho họ những công tác thích hợp ở cơ sở và quan tâm chăm sóc đời sống, sức khỏe của những đồng chí có nhiều khó khăn.

Cần thu hút, kết nạp vào Đảng những người ưu tú xuất hiện trong phong trào cách mạng của quần chúng, tăng thêm sinh lực mới cho Đảng. Chú ý bảo đảm chất lượng đảng viên ngay từ khâu lựa chọn, kết nạp; tăng thêm thành phần công nhân, phụ nữ, người dân tộc thiểu số; phân bổ đảng viên một cách hợp lý, tăng thêm đảng viên cho những vùng và cơ sở còn quá ít đảng viên.

4. Nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng.

Sức chiến đấu của toàn Đảng thể hiện ở sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng và tùy thuộc vào sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng. Những thành tựu đã đạt được, những tiềm năng đã khai thác và những kinh nghiệm có giá trị đều bắt nguồn từ sự nỗ lực phấn đấu của quần chúng ở cơ sở mà hạt nhân lãnh đạo là tổ chức Đảng. Mặt khác, chính sự non kém và những hiện tượng tiêu cực của nhiều tổ chức cơ sở Đảng là một trong những nguyên nhân làm hạn chế thành tựu của cách mạng. Hiện nay chúng ta đang xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý mới, mở rộng quyền chủ động cho cơ sở, trao nhiều quyền hạn cho người thủ trưởng, vai trò và trách nhiệm của tổ chức cơ sở Đảng chẳng những không giảm đi mà trái lại càng tăng lên. Chỉ có củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch và vững mạnh mới có thể thực hiện tốt cơ chế quản lý mới.

Tổ chức cơ sở Đảng là người nắm vững và bảo đảm cho mọi hoạt động ở cơ sở đi đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Ở các cơ sở thực hiện chế độ thủ trưởng, tổ chức Đảng làm tốt chức năng kiểm tra thủ trưởng. Từng thời gian, đảng ủy có chương trình kiểm tra và biết tổ chức lực lượng kiểm tra. Bí thư đảng ủy cơ sở phải có trình độ, phẩm chất và năng lực tương đương với thủ trưởng quản lý ở cơ sở đó.

Tổ chức cơ sở Đảng quan tâm làm tốt công tác vận động quần chúng, chống bệnh quan liêu xa rời quần chúng ngay từ cơ sở. Mỗi chi bộ, mỗi đảng viên phải nắm vững phương pháp công tác cơ bản của Đảng đối với quần chúng là giáo dục và thuyết phục. Phải hiểu rõ đời sống, tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, chăm lo giáo dục chính trị tư tưởng cho quần chúng, và bằng hành động gương mẫu của người cộng sản, động viên quần chúng phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ lao động sản xuất, chiến đấu, công tác. Động viên và tổ chức quần chúng tham gia xây dựng Đảng, góp ý kiến phê bình hoạt động của chi bộ, kiểm tra tư cách đảng viên, phát hiện những người không đủ tư cách đảng viên và giới thiệu những người lao động ưu tú để kết nạp vào Đảng.

Tổ chức cơ sở Đảng, trước hết là chi bộ, cần chăm lo hơn nữa việc giáo

Digitized by Google

dục, rèn luyện đảng viên, nâng cao chất lượng đảng viên, thường xuyên kiểm tra công tác, phẩm chất và tác phong của đảng viên, làm tốt công tác phát triển Đảng và đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Đối với những cơ sở yếu kém, cấp ủy cấp trên cần chỉ đạo chặt chẽ việc củng cố tổ chức, cải tiến chế độ sinh hoạt chi bộ, kiện toàn đội ngũ cốt cán, giáo dục và quản lý đảng viên.

5 Tăng cường công tác tư tưởng và lý luận.

Công tác tư tưởng và lý luận giữ vai trò hết sức quan trọng trong toàn bộ công tác cách mạng. Nhưng hiện nay công tác lý luận đang có sự chậm trễ trên hàng loạt vấn đề quan trọng của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhiều quan niệm, kiến thức, lối tư duy cũ, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, chưa được đổi mới. Đây là một trở ngại lớn đối với việc cụ thể hóa đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng, làm chậm quá trình hình thành cơ chế quản lý mới. Công tác tư tưởng của chúng ta bên cạnh thành tựu cũng có nhiều khuyết điểm như còn thiếu tích cực, thiếu chủ động và sắc bén. Nhiều tổ chức Đảng chưa thật sự lãnh đạo và chưa biết lãnh đạo tư tưởng. Nhiều đảng viên còn thụ động, bàng quan trước những tin đồn nhảm, những luận điệu có ác ý; tê liệt trước sự tiến công về tư tưởng của địch.

Nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng và lý luận hiện nay là mở rộng và nâng cao chất lượng giáo dục những vấn đề lý luận và thực tiễn của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của các nghị quyết Đại hội Đảng, đổi mới tư duy cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ cách mạng; kịp thời tổng kết những kinh nghiệm và những vấn đề mới nảy sinh. Khi xuất hiện những ý kiến khác nhau trong quá trình thực hiện đường lối của Đảng, cần nêu ra thảo luận một cách dân chủ, đi đến kết luận rõ ràng, dứt khoát. Đảng ta không cho phép bất cứ một ai được tuyên truyền, phổ biến những quan điểm trái với nghị quyết của Đảng. Cần tổ chức lại một cách căn bản công tác chống tuyên truyền của địch; mọi cán bộ, đảng viên phải nêu cao tinh thần cảnh giác, nhạy cảm nắm bắt tình hình, kịp thời tiến công đập tan mọi luận điệu phản tuyên truyền và chiến tranh tâm lý của địch.

Tăng cường sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng là yếu tố quan trọng bảo đảm hiệu quả của công tác tư tưởng. Mỗi cấp ủy Đảng cần nắm chắc tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, có kế hoạch công tác tư tưởng trước mắt và lâu dài, biết tổ chức, bồi dưỡng và sử dụng các lực lượng làm công tác tư tưởng như một đội quân có sức chiến đấu cao.

Trong tình hình hiện nay, công tác tư tưởng phải được đổi mới về cả nội dung và hình thức, tổ chức và phương pháp, con người và phương tiện tuyên truyền, giáo dục. Phải cải tiến và nâng cao chất lượng sinh hoạt của các tổ chức Đảng, làm cho sinh hoạt Đảng có tính tư tưởng cao, có tác dụng giáo dục mọi người quán triệt quan điểm, đường lối của Đảng, tăng thêm ý thức trách nhiệm và tạo được sự nhất trí về tư tưởng.

Phải quy định thành chế độ các cán bộ Đảng và cán bộ phụ trách chính quyền ở các cấp định kỳ tiếp xúc với nhân dân lao động, trả lời những vấn đề do quần chúng nêu ra, giải thích chính sách, thu nhận những ý kiến của quần chúng để phản ánh cho cấp ủy hoặc các cơ quan có trách nhiệm giải quyết và trả lời. Khắc phục bệnh quan liêu trong công tác tư tưởng.

Các tổ chức Đảng cần xây dựng và sử dụng tốt đội ngũ báo cáo viên,

Digitized by Google

tuyên truyền viên có phẩm chất tốt, có trình độ chính trị và nghiệp vụ ; sắp xếp lại và kiện toàn hệ thống báo, đài từ trung ương đến địa phương, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ báo chí, tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật cho các cơ quan báo chí, nâng cao chất lượng, nâng cao tính quần chúng và tính chiến đấu của báo chí, làm cho báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng đáp ứng yêu cầu và trình độ ngày càng cao của nhân dân. Quản lý chặt chẽ công tác xuất bản. Cải cách toàn diện công tác của các trường Đảng, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực hoạt động thực tiễn và phong cách công tác cho cán bộ, đảng viên, trước hết là cho cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp.

Tích cực đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, quan tâm đáp ứng những yêu cầu chính đáng về cơ sở vật chất — kỹ thuật cho công tác tư tưởng là những điều kiện cần thiết để nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác tư tưởng.

6. Tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng.

Đoàn kết nhất trí là truyền thống rất quý báu của Đảng ta. Ngay cả những lúc cách mạng gặp sóng gió, khó khăn, ở những bước ngoặt phức tạp của lịch sử, Đảng ta luôn luôn giữ vững khối đoàn kết thống nhất. Nhờ đó Đảng đã lãnh đạo và đoàn kết được toàn dân, đưa sự nghiệp cách mạng không ngừng tiến lên.

Ngày nay, trong hoàn cảnh mới của đất nước, trước những khó khăn về kinh tế và đời sống, trước một số hiện tượng tiêu cực trong Đảng và trong xã hội ta, kẻ thù đang âm mưu phá hoại, kích động chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ Đảng với nhân dân, chia rẽ cấp dưới với cấp trên, chia rẽ miền Nam với miền Bắc .. Vì vậy, hơn bao giờ hết, chúng ta càng phải chăm lo củng cố và tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Tăng cường sự nhất trí về chính trị và tư tưởng trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê nin và đường lối quan điểm của Đảng là vấn đề sống còn của cách mạng. Chăm lo giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong các cơ quan lãnh đạo của Đảng là cơ sở để tăng cường đoàn kết nhất trí trong toàn Đảng.

Muốn thế, phải giữ vững quy chế làm việc theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ và tập thể lãnh đạo. Những vấn đề quan trọng phải trải qua thảo luận tập thể, biểu quyết và chấp hành theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số. Giữa các đồng chí phải bỏ hết thành kiến, chân thành thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau.

Làm tốt những nhiệm vụ trên đây nhất định chúng ta sẽ từng bước nâng cao được năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, góp phần quyết định vào việc tháo gỡ những khó khăn, ổn định tình hình, đưa sự nghiệp cách mạng vẻ vang của nhân dân ta tiến lên giành những thắng lợi mới.

VỀ PHƯƠNG HƯỚNG VÀ...

(Tiếp theo trang 30)

hành nghiêm túc những chính sách ưu đãi mà Đảng và Nhà nước đã ban hành. Có sự chăm sóc đặc biệt đối với thương binh nặng và gia đình liệt sĩ neo đơn, ưu tiên bố trí việc làm cho thương binh và quân nhân phục viên.

Chăm sóc các trẻ mồ côi, những người tàn phế, cải tạo, giáo dục, tạo điều kiện sống lành mạnh cho những nạn nhân của xã hội cũ.

Digitized by Google

HOÀNG CHÍ

TÌNH HÌNH THẾ GIỚI VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA

DIỄN biến tình hình thế giới những năm qua và hiện nay chứng minh những nhận định cơ bản của Đảng ta tại Đại hội IV và Đại hội V là đúng. Các trào lưu cách mạng trên thế giới tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác ngày càng lớn mạnh; đồng thời phong trào đấu tranh giành và củng cố nền độc lập dân tộc cũng như phong trào đấu tranh cho dân sinh, dân chủ và hòa bình trên thế giới cũng ngày càng phát triển và mở rộng chưa từng thấy. Chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là Mỹ cùng bọn phản động quốc tế phản kích điên cuồng, mặc dù trong thế yếu và đầy mâu thuẫn.

Sức mạnh tổng hợp của các trào lưu cách mạng và tiến bộ đang trở thành một dòng thác chung vĩ đại tập trung mũi nhọn đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giữ vững hòa bình, giành độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Cuộc đấu tranh giai cấp trên phạm vi thế giới diễn ra gay gắt, quyết liệt trong xu thế đi lên của lịch sử.

Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác phản kích điên cuồng nhưng trong thế yếu.

Trong những năm qua, chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, cùng các thế lực phản động khác đã phản kích một cách quyết liệt nhất chống các lực lượng cách mạng. Với việc thực hiện "chủ nghĩa toàn cầu mới" (néo-globalisme) trong đó nhấn mạnh lợi ích của Mỹ ở khắp nơi trên thế giới là nguyên tắc cao nhất và Mỹ kiên quyết ủng hộ các thế lực phản cách mạng chống các chế độ hợp pháp không theo Mỹ, đế quốc Mỹ công khai tuyên bố tiến hành «cuộc thập tự chinh» chống chủ nghĩa xã hội, chống Liên xô, điên cuồng chạy đua vũ trang, ra sức giành ưu thế quân sự, hòng dẫy lùi chủ nghĩa cộng sản, đè bẹp phong trào cách mạng thế giới, ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc, giành lại những vị trí đã mất kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, nhất là từ sau chiến tranh Việt nam, lập lại sự khống chế của Mỹ trong hệ thống đế quốc chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Gần đây, Mỹ điên cuồng chạy đua vũ trang hạt nhân trên trái đất và quân sự hóa vũ trụ, gây ra nguy cơ lớn về chiến tranh hạt nhân, trắng trợn sử dụng lực lượng quân sự để tiến công các nước có chủ quyền, tiến hành hàng loạt hành động thách thức Liên xô, đi ngược hẳn với trào lưu đấu tranh cho hòa bình trên thế giới, gây trở ngại cho quá trình đối thoại Xô — Mỹ, tạo ra những căng thẳng mới trong quan hệ Xô—Mỹ và trên thế giới.

Tuy nhiên, đế quốc Mỹ triển khai «chủ nghĩa toàn cầu mới» trong thế yếu và khả năng ngày càng hạn chế. Mỹ gây căng thẳng chống Liên xô trước hết là nhằm kích động chủ nghĩa sô vanh ở Mỹ, chống dư luận

Digitized by Google

Mỹ đòi cắt giảm ngân sách quân sự, ngăn chặn việc chạy đua vũ trang trên vũ trụ của Ri-gân. Mỹ gây căng thẳng với Liên xô còn để lôi kéo các nước Tây Âu đi với Mỹ, gây sức ép với Liên xô trong cuộc đàm phán về vũ khí tầm trung và vũ khí chiến lược. Những hành động hung hăng của Mỹ còn nhằm răn đe phong trào giải phóng dân tộc, trong lúc Mỹ muốn tránh sa lầy vào một cuộc chiến tranh Việt nam thứ hai. Mưu đồ của chính quyền Ri-gân là vừa tiếp tục chạy đua vũ trang vừa đàm phán với Liên xô trên thế mạnh, vừa đàm phán với Liên xô vừa tăng cường chống phá cách mạng thế giới, đồng thời không để cho đồng minh Tây Âu và Nhật bản đi quá nhanh trong việc phát triển quan hệ với Liên xô ngoài sự kiểm soát của Mỹ.

Trong thời kỳ đầu của chính quyền Ri-gân, Mỹ tuy có tăng được sức mạnh về kinh tế và quân sự, nhưng không thay đổi được cán cân lực lượng trên thế giới có lợi cho Mỹ. Từ 1985 đến nay, kinh tế Mỹ phát triển ngày càng chậm lại. Thâm hụt ngân sách và ngoại thương của Mỹ đã lên tới mức kỷ lục. Những khó khăn về kinh tế và tài chính của Mỹ ngày càng chồng chất. Những mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Mỹ ngày càng sâu sắc, mâu thuẫn giữa Mỹ và các đế quốc khác (Tây Âu, Nhật bản) ngày càng gay gắt. Mỹ gây căng thẳng chống Liên xô nhưng vẫn phải giữ quan hệ đối thoại với Liên xô. Mỹ tăng cường chống phá các phong trào độc lập dân tộc nhưng vẫn phải tránh một Việt nam thứ hai. Mỹ có thể gây sức ép với đồng minh nhưng không thể khống chế đồng minh như những năm 50, và không ngăn cản được Tây Âu và Nhật bản cải thiện quan hệ với Liên xô. Như vậy, quan hệ giữa Mỹ và Liên xô sẽ là tiếp tục một cuộc đấu tranh rất gay gắt trong khuôn khổ cùng tồn tại hòa bình. Tình hình này sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ quan hệ quốc tế nói chung.

Thực tế những năm qua chứng minh những nhận định cơ bản của Đảng ta về Trung quốc là hoàn toàn đúng đắn. Nhà cầm quyền Trung quốc vẫn duy trì chính sách thù địch chống Việt nam một cách quyết liệt. Chỉ tính trong 6 tháng đầu năm 1986, phía Trung quốc duy trì một lực lượng 20 sư đoàn áp sát biên giới Việt nam, thường xuyên hoạt động khiêu khích và lấn chiếm lãnh thổ Việt nam... Những hoạt động khiêu khích vũ trang nói trên đã gây ra những thiệt hại không nhỏ về người và của cho nhân dân ta.

Trong chính sách đối ngoại, Trung quốc vẫn tiếp tục đi con đường hợp tác nhiều mặt với Mỹ và các nước đế quốc khác, để thực hiện tham vọng điên cuồng là nhanh chóng trở thành siêu cường, đủ sức tranh quyền bá chủ trên thế giới; đồng thời vừa câu kết chặt chẽ với Mỹ và các nước đế quốc khác, vừa dùng sách lược mềm dẻo hơn đối với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, lợi dụng mâu thuẫn giữa hai hệ thống chính trị xã hội đối lập, nhằm thỏa mãn lợi ích kỷ nước lớn của Trung quốc.

Đối với Việt nam và Đông dương, Trung quốc chưa cam chịu thất bại. Chúng vẫn theo đuổi âm mưu lâu dài là khuất phục, thôn tính ba nước Đông dương, biến Đông dương thành bàn dạp để bành trướng xuống Đông Nam châu Á. Để đạt mưu đồ này, Trung quốc tiếp tục những hoạt động đánh phá, lấn chiếm ở biên giới, tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt bằng những thủ đoạn ngày càng tinh vi và thâm độc chống Việt nam.

Quan hệ câu kết giữa Trung quốc và Mỹ diễn ra nổi bật ở khu vực châu Á — Thái bình dương. Học thuyết châu Á — Thái bình dương của Mỹ là một kế hoạch rộng lớn về kinh tế, chính trị, quân sự, là một mưu đồ

Digitized by Google

thâm độc mang tính chất chiến lược lâu dài, nhằm hình thành một thứ NATO phương Đông, chĩa mũi nhọn chống Liên xô, Việt nam và các nước xã hội chủ nghĩa khác, chống phong trào hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trong khu vực. Học thuyết này đã khuyến khích các thế lực phản động ở khu vực, chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản, chủ nghĩa bá quyền Trung quốc trỗi dậy. Nhân dân Việt nam không thể xem thường sự nguy hiểm của những mưu đồ của Mỹ, của Trung quốc và tính chất phức tạp của tình hình ở vùng này do chúng gây nên. Chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung quốc và chủ nghĩa đế quốc Mỹ phối hợp chiến lược với nhau; coi Việt nam và cả ba nước Đông dương là một trọng điểm trong cuộc phản kích của chúng chống lại độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Tuy nhiên, học thuyết châu Á – Thái bình dương ra đời trong thế suy yếu, bị động chiến lược của đế quốc Mỹ, trong sự phá sản của chủ nghĩa Mao, trong quan hệ đầy mâu thuẫn giữa Mỹ và các đồng minh ở khu vực, giữa Mỹ và Trung quốc, trong xu thế đi lên của thời đại. Vì vậy việc triển khai học thuyết này không thể thay đổi được chiều hướng đi lên của toàn khu vực. Sự lớn mạnh chưa từng có của chủ nghĩa xã hội, của độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội và của lực lượng hòa bình, cũng như sự phối hợp hành động giữa các lực lượng đó là nhân tố quyết định trong cuộc đấu tranh giữa tiến bộ và phản động, giữa cách mạng và phản cách mạng ở khu vực. Sự ra đời và củng cố của liên minh đặc biệt ba nước Đông dương, cũng như sự gắn bó chặt chẽ của nó với Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới và đặc biệt là những chủ trương đúng đắn của Liên xô đối với khu vực này, đang góp phần quan trọng làm biến đổi cục diện có lợi cho hòa bình, ổn định, cho độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội ở châu Á – Thái bình dương.

Các lực lượng hòa bình và cách mạng lớn mạnh không ngừng.

Trong bối cảnh của các cuộc khủng khoảng trầm trọng và những mâu thuẫn ngày càng sâu sắc trong hệ thống đế quốc chủ nghĩa và quá trình phá sản của chủ nghĩa Mao, sự phản kích nói trên của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động, trước hết là của Mỹ, tuy đang gây ra những khó khăn cho các lực lượng cách mạng, song đó chỉ là những dòn chống đỡ trong thế đi xuống của bọn đế quốc và phản động quốc tế. Những cố gắng điên cuồng của chúng không thể nào đảo ngược xu thế tất yếu của lịch sử. Thế tiến công chiến lược của ba trào lưu cách mạng của thời đại vẫn tiếp tục phát triển.

Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa với việc thực hiện thắng lợi các chương trình kinh tế xã hội, sự mở rộng và tăng cường hợp tác giữa các nước anh em, đã đem lại sự phát triển mới, sức mạnh mới, khí thế mới không những cho mỗi nước mà cho cả cộng đồng.

Trên đất nước xô viết đang mở ra một giai đoạn mới, được đánh dấu bằng Đại hội thứ XXVII Đảng cộng sản Liên xô, giai đoạn phát triển năng động trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Chủ nghĩa xã hội đang được hoàn thiện về mọi mặt trên đất nước Liên xô và đang được xây dựng thắng lợi trên toàn bộ hệ thống.

Thắng lợi của cách mạng ba nước Đông dương dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, việc Ba lan vượt qua cuộc khủng hoảng chính trị nghiêm trọng, bảo vệ vững chắc thành quả xã hội chủ nghĩa, chứng minh không một mưu mô và hành động thâm độc nào của các thế lực

Digitized by Google

thù địch có thể ngăn cản bước tiến của chủ nghĩa xã hội, chứng minh mọi ý đồ đen tối muốn tách nước này hay nước khác ra khỏi cộng đồng xã hội chủ nghĩa, nhất định thất bại.

Một lần nữa, sự vững vàng của chủ nghĩa xã hội thế giới lại được thử thách. Thế cân bằng về quân sự — chiến lược đã đạt được giữa Liên xô và Mỹ, giữa khối Vác-sa-va và khối NATO được khẳng định vững chắc. Liên xô cùng các nước đồng minh của mình quyết không cho phép đế quốc Mỹ phá vỡ thế cân bằng này. Thành tựu lịch sử đó là tấm lá chắn đáng tin cậy đã và đang ngăn chặn một cách hiệu quả những mưu đồ phiêu lưu chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc.

Trong lĩnh vực kinh tế, không phải ngẫu nhiên mà Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đạt được những chương trình hợp tác kinh tế, kỹ thuật và thương mại dài hạn với các nước phương Tây trong khi Mỹ tìm mọi cách hạn chế và « cấm vận ». Sự phát triển sức mạnh kinh tế, kỹ thuật của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, trước hết là của Liên xô, đã đến lúc buộc các giới cầm quyền các nước phương Tây khác phải cân nhắc và tự quyết định thái độ của mình đối với Liên xô, không nhất thiết phục tùng ý chí của Mỹ. Trong lĩnh vực kinh tế, có những quy luật và nhu cầu riêng của nó và chúng đang phát huy tác động.

Cuộc đấu tranh chống đế quốc của các dân tộc mới giải phóng nhằm củng cố độc lập, vì tiến bộ xã hội là một bộ phận hết sức quan trọng của cách mạng thế giới. *Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc bị đập tan, chủ nghĩa thực dân mới với nhiều hình thức đang bị lột mặt nạ và từng bước bị phá sản. Các dân tộc mới giành được độc lập đang đẩy mạnh đấu tranh để củng cố độc lập về chính trị, tiến lên giành độc lập thật sự về kinh tế, sử dụng từng bước có hiệu quả ngay cả vũ khí kinh tế trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.* Các chế độ độc tài tay sai của Mỹ ngày càng suy yếu và lần lượt bị sụp đổ. Trước phong trào cách mạng nổi lên khắp nơi, đế quốc Mỹ không thể lộng hành, ngang ngược như trước.

Cuộc đấu tranh đòi thiết lập trật tự kinh tế quốc tế mới đang phát triển mạnh mẽ. Cuộc đấu tranh này đang được sự ủng hộ tích cực của các nước xã hội chủ nghĩa và các lực lượng tiến bộ trên thế giới, đối lập với thái độ chống đối quyết liệt của Mỹ và các cường quốc phương Tây, với sự lặng thinh đáng lên án của Trung quốc (1). Phong trào các nước không liên kết ngày càng đi theo chiều hướng chống chủ nghĩa đế quốc. Sau khi giành được độc lập, nhiều nước đã chọn con đường phát triển phi tư bản chủ nghĩa, hướng tới chủ nghĩa xã hội. Đây là sự kiện có tầm quan trọng lịch sử, một lần nữa chứng minh chân lý lớn của thời đại là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Giai cấp công nhân đã và đang là giai cấp cách mạng chủ yếu của thời đại. Phong trào cộng sản quốc tế là đội tiên phong của phong trào công nhân, của tất cả các lực lượng cách mạng thế giới. Tại sào huyệt của chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân và nhân dân lao động đang từng ngày từng giờ đấu tranh quyết liệt chống chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước, đòi việc làm, đòi cải thiện đời sống, đòi không được cắt giảm phúc lợi vốn là thành quả đấu tranh nhiều năm của quần chúng lao động, chống sa thải công nhân, chống thất nghiệp, chống

(1) Trung quốc không ủng hộ việc thiết lập trật tự kinh tế quốc tế mới. Vì việc này sẽ không có lợi cho Trung quốc trong việc vay vốn, nhập kỹ thuật và xuất nhập hàng hóa Trung quốc tại thị trường các nước tư bản phát triển. Thái độ này bác bỏ những tuyên bố mị dân của Trung quốc đối với thế giới thứ ba.

Digitized by Google

tăng ngân sách quân sự và chạy đua vũ trang — những chính sách tất yếu gây thiệt hại to lớn đến quyền lợi người lao động. Việc tăng cường ngân sách quân sự đến mức khủng khiếp đi đôi với việc cắt giảm ngân sách dành cho các chương trình phúc lợi xã hội đã thúc đẩy quá trình gắn bó tự nhiên giữa cuộc đấu tranh cho những mục tiêu dân chủ với cuộc đấu tranh cho hòa bình trong lòng các nước tư bản chủ nghĩa.

Trong những năm qua, với tính cách là một mũi nhọn tiến công vào chủ nghĩa đế quốc, phong trào hòa bình đã phát triển đến mức chưa từng có. Đây là đặc điểm nổi bật và là hiện tượng mang ý nghĩa thời đại lớn lao, là sự kiện thu hút sự quan tâm, suy nghĩ của cả loài người tiến bộ. Thực tế cho thấy, chưa bao giờ cuộc chạy đua vũ trang cả về lực lượng thông thường và lực lượng hạt nhân chiến lược trên toàn thế giới, bắt nguồn từ chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là Mỹ, lại có quy mô to lớn như những năm qua. Số vũ khí hạt nhân hiện nay trên thế giới đã lên đến mức có thể tiêu diệt hàng chục lần sự sống trên quả đất. Nguy cơ chiến tranh hạt nhân do Mỹ gây ra chưa bao giờ lớn như hiện nay. Nhưng chính trong tình hình đó, khả năng của loài người trong việc giữ gìn hòa bình lại lớn hơn bao giờ hết và đã trở thành một khả năng thực tế. Điều này *trước hết* là do Liên xô và các nước trong tổ chức hiệp ước Vác-sa-va thiết lập được thế cân bằng quân sự — chiến lược với Mỹ và NATO, đặt phe đế quốc trước sự lựa chọn: hoặc cùng bị tiêu diệt hoặc cùng tồn tại. *Đồng thời*, điều quan trọng hơn là, dựa trên cơ sở sự cân bằng nói trên, Liên xô không ngừng đưa ra những sáng kiến hòa bình mang tính nhân đạo sâu sắc và đầy sức thuyết phục, nhất là chương trình hủy bỏ hoàn toàn các loại vũ khí hạt nhân trước khi loài người bước vào thiên niên kỷ thứ ba; đặc biệt, gần một năm nay Liên xô đơn phương ngừng thử vũ khí hạt nhân, một việc làm cực kỳ dũng cảm và có tác dụng nêu gương to lớn. Đây cũng là những nhân tố đưa đến sự hình thành phong trào chống chiến tranh rộng lớn, một cuộc tập hợp lực lượng mới dưới hình thức một mặt trận quốc tế với quy mô chưa từng có bao gồm các lực lượng hòa bình, tiến bộ và cả một số người thức thời trong giới đế quốc. *Cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới do Liên xô làm trụ cột với tiềm lực kinh tế và quốc phòng hùng mạnh, là thành trì vững chắc, là chỗ dựa tin cậy cho cả loài người trong cuộc đấu tranh loại trừ nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hòa bình thế giới.*

Trong 15 năm còn lại của thế kỷ này, cách mạng nước ta tiếp tục phát triển trong bối cảnh quốc tế có những thuận lợi cơ bản, đồng thời cũng có nhiều mặt phức tạp. Nước ta vẫn phải cảnh giác chống chủ nghĩa bành trướng và bá quyền Trung quốc. Cuộc đấu tranh giai cấp trên phạm vi thế giới sẽ còn rất quyết liệt. Với những lực lượng vật chất hùng hậu, chủ nghĩa đế quốc vẫn là một mối đe dọa nghiêm trọng đối với các dân tộc và nền hòa bình thế giới. Mỹ và bọn phản động quốc tế không từ bỏ những mục tiêu đế quốc và bá quyền của chúng. Chúng vẫn điên cuồng chạy đua vũ trang, kiên trì chính sách gây chiến tranh và xung đột cục bộ ở nhiều khu vực, thường xuyên đầu độc bầu không khí quốc tế.

Mặc dù vậy, khả năng giữ gìn hòa bình thế giới là rất hiện thực. Trong điều kiện cùng tồn tại hòa bình, các lực lượng cách mạng và hòa bình trên thế giới càng có điều kiện để đấu tranh cho một xã hội công bằng, một trật tự quốc tế bình đẳng, dân chủ và tiến bộ.

Chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc quyết định toàn bộ

Digitized by Google

chiến lược đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Quan điểm của Đảng cộng sản Việt nam về chính sách đối ngoại là xuất phát từ chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế vô sản, kết hợp đúng đắn giữa việc bảo vệ vững chắc lợi ích của nhân dân Việt nam với việc tôn trọng và bảo vệ lợi ích của nhân dân thế giới, kết hợp tốt nhất sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại để thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân toàn thế giới nhằm ngăn chặn nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hòa bình, giành độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. *Chiến lược đối ngoại của chúng ta phải góp phần tạo những điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng đất nước, tăng cường tiềm lực kinh tế, nâng cao khả năng quốc phòng.* Đồng thời hoạt động đối ngoại phải trở thành một mặt trận chủ động, tích cực phục vụ có hiệu quả cho cuộc đấu tranh làm thất bại chiến tranh lấn chiếm biên giới và chiến tranh phá hoại nhiều mặt của chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung quốc và mọi thế lực thù địch, làm thất bại âm mưu của chúng gây lại chiến tranh xâm lược quy mô lớn chống ba nước Việt nam, Lào, Cam-pu-chia, giữ vững hòa bình và ổn định ở Đông dương và Đông Nam châu Á.

Đảng ta cho rằng sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản tuy diễn ra trên từng địa bàn dân tộc, nhưng nó không phải là sự nghiệp riêng rẽ của từng dân tộc. Nó mang tính chất quốc tế. Điều này hết sức quan trọng trong khi cuộc đấu tranh giai cấp trên phạm vi toàn thế giới đang trở nên ngày càng gay gắt. *Vì vậy, gắn bó chặt chẽ và toàn diện với Liên xô là hòn đá tảng trong chiến lược chính trị đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Nhiệm vụ của chúng ta là không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả của sự hợp tác về mọi mặt giữa Việt nam và Liên xô.* Đây cũng là quan điểm nhất quán từ trước đến nay và từ nay về sau của chúng ta. Điều này xuất phát từ bản chất của Đảng và Nhà nước Liên xô, biểu tượng sáng ngời nhất của sức mạnh và tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, của chủ nghĩa quốc tế vô sản, xuất phát từ vai trò và vị trí của Liên xô với tính cách là trụ cột của cách mạng và thành trì của hòa bình trên thế giới; xuất phát từ chính sách đoàn kết và hợp tác trên tinh thần anh em của Đảng, Nhà nước và nhân dân Liên xô đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt nam; xuất phát từ yêu cầu có tính quy luật là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, độc lập tự chủ nhất trí với liên minh và hợp tác toàn diện với các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là với các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới. Đảng ta cho rằng tăng cường quan hệ chiến lược và hợp tác toàn diện với Liên xô là bảo đảm vững chắc cho cách mạng Việt nam, cách mạng ba nước Đông dương, là nhân tố hàng đầu bảo đảm hòa bình và ổn định ở Đông Nam châu Á và Viễn Đông.

Đảng ta ủng hộ hoàn toàn đường lối đối nội, đối ngoại được thông qua tại Đại hội XXVII ĐCS Liên xô, ủng hộ hoàn toàn bản cương lĩnh được viết lại của ĐCS Liên xô. Chúng ta coi cương lĩnh đó là một văn kiện chính trị và lý luận có tầm quốc tế to lớn, phát triển và làm phong phú kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác – Lê-nin và những kinh nghiệm của chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Một trong những vấn đề có tính nguyên tắc cao nhất trong đường lối đối ngoại của Đảng ta là không ngừng củng cố và phát triển quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông dương. Những đặc trưng giống nhau của ba nước Đông dương về điều kiện lịch sử, địa lý, chính trị, văn hóa, xã hội, trình độ phát triển, mục tiêu và lý

Digitized by Google

tưởng là những nhân tố khách quan quy định tính chất đặc biệt của quan hệ ba nước Đông dương. Đảng ta cho rằng cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản trước hết phải diễn ra trên địa bàn quốc gia dân tộc, « giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy sự thống trị chính trị, phải vươn lên địa vị một giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc » (2). Điều này quy định nội dung của quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông dương mà nguyên tắc quan trọng hàng đầu là *mỗi nước trong ba nước phải tôn trọng độc lập, chủ quyền của nước khác, hợp tác hoàn toàn bình đẳng và toàn diện với nước khác để giúp nhau bảo vệ và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước của mình; mối nước coi quan hệ đó là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng ba nước, là quy luật sống còn và phát triển của ba dân tộc trên bán đảo Đông dương.* Đó cũng là một điều kiện tất yếu để cùng nhau làm tròn nghĩa vụ lịch sử là khu vực tiến dần của hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Đông Nam châu Á. Chúng ta cần đem hết sức mình cùng với hai nước anh em không ngừng củng cố khối liên minh chiến đấu Việt nam — Lào — Cam-pu-chia bằng những biện pháp thiết thực, có hiệu quả; đưa quan hệ hợp tác đặc biệt giữa ba nước phát triển về chiều sâu, làm cho mỗi nước và cả ba nước ngày càng mạnh về mọi mặt.

Một nhiệm vụ quan trọng của công tác đối ngoại là góp phần thúc đẩy việc *phát triển kinh tế đối ngoại, một chiến lược lớn của Đảng và Nhà nước ta. Chính sách kinh tế đối ngoại của ta trước hết và chủ yếu là mở rộng quan hệ hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, với hai nước láng giềng anh em Lào và Cam-pu-chia.* Với ý thức tự lực tự cường và tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa chân chính, nhân dân Việt nam quyết tâm khai thác tốt tiềm năng đất nước và sức mạnh của mình, đáp ứng nhu cầu trong nước, đồng thời để làm tròn nghĩa vụ và những cam kết của mình vì sự nghiệp củng cố và tăng cường cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở làm tốt việc hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, chúng ta căn cứ vào điều kiện cụ thể để tranh thủ mở rộng quan hệ kinh tế và khoa học kỹ thuật với các nước thế giới thứ ba, các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, nhằm tranh thủ mọi khả năng mới trong quan hệ kinh tế và thương mại trên thế giới, đẩy lùi chính sách bao vây, cấm vận kinh tế của Trung quốc và Mỹ đối với nước ta, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước.

Chúng ta *bày tỏ sự nhất quán trong lập trường ủng hộ triệt để phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và củng cố độc lập dân tộc. Là thành viên của phong trào không liên kết, chúng ta kiên quyết phấn đấu thực hiện mục tiêu đấu tranh của phong trào do hội nghị cấp cao các nước không liên kết đề xướng. Chúng ta phấn khởi trước những bước phát triển mới của quan hệ hữu nghị và hợp tác Việt nam — Ấn độ. Chúng ta chân thành mong muốn tiếp tục tăng cường và mở rộng quan hệ truyền thống đó với Cộng hòa Ấn độ, một nước lớn không liên kết, có vị trí đặc biệt quan trọng ở châu Á và thế giới, có vai trò và ảnh hưởng to lớn trong các công việc quốc tế.*

Chúng ta *bày tỏ tình cảm sâu sắc và sự ủng hộ hết lòng đối với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước tư bản chủ nghĩa.* Chúng ta đồng tình và ủng hộ chính sách của các đảng cộng sản

(2) C.Mác—Ph. Ăng-ghen: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật. Hà nội. 1970. t.I. tr 18.

Digitized by Google

và công nhân nhằm đoàn kết và tập hợp mọi lực lượng dân chủ và tiến bộ trong xã hội tư bản, tiến hành thắng lợi cuộc đấu tranh giai cấp gian khổ và vẻ vang ngay trong đành lũy của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc.

Chúng ta hoàn toàn tán thành lập trường đúng đắn của Liên xô về chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hòa bình và củng tồn tại hòa bình, ủng hộ một cách kiên quyết nhất những sáng kiến hòa bình phản ánh nguyện vọng của cả loài người do Liên xô nêu ra. Chúng ta kiên quyết lên án phía Mỹ đã không có những hành động thực tế theo hướng làm dịu tình hình căng thẳng trong quan hệ quốc tế. Chúng ta quyết đem hết sức mình góp phần vào sự nghiệp thiêng liêng của toàn nhân loại là ngăn chặn chiến tranh, cứu loài người khỏi thảm họa hạt nhân, giữ vững hòa bình và an ninh trên thế giới. Đảng ta coi đó là sứ mệnh lịch sử của chủ nghĩa xã hội, của tất cả các lực lượng tiến bộ, yêu chuộng hòa bình trên hành tinh.

Chính sách của chúng ta đối với Trung quốc, một nước lớn láng giềng ở phương Bắc, hết sức rõ ràng. Đó là *kiên quyết chống chính sách bành trướng bá quyền của Trung quốc, bảo vệ bằng mọi giá độc lập tự do của Tổ quốc, đồng thời kiên trì chủ trương bình thường hóa quan hệ với Trung quốc, cùng tồn tại hòa bình lâu dài với Trung quốc.* Chính phủ và nhân dân Việt nam trước sau như một quý trọng tình hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước Việt nam—Trung quốc. Chúng ta đã làm hết sức mình để khôi phục quan hệ bình thường giữa hai nước. Quan hệ hai nước Việt—Trung bị xấu đi và biên giới Việt—Trung vẫn trong tình trạng căng thẳng như hiện nay, trách nhiệm hoàn toàn thuộc về phía Trung quốc. Nếu Trung quốc thật sự mong muốn hòa bình và cải thiện quan hệ với các nước láng giềng, thì họ hãy chấm dứt ngay chính sách thù địch chống Việt nam, cùng Việt nam ngồi lại bàn bạc và giải quyết những vấn đề tồn tại trong quan hệ hai bên, trước hết là làm cho biên giới hai nước yên ổn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bình thường hóa quan hệ hai nước.

Đông Nam châu Á là khu vực hết sức quan trọng trên thế giới. *Chúng ta mong muốn và ra sức tìm kiếm mọi giải pháp thương lượng có thể chấp nhận được để sớm bình thường hóa và phát triển quan hệ hợp tác cùng có lợi và ổn định với các nước Đông Nam châu Á.* Việt nam cố gắng hết sức mình để bình thường hóa và tiến tới có được những mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp giữa hai nhóm nước Đông dương và ASEAN. Để đạt mục đích này, chúng ta hoan nghênh vai trò tích cực của In-đô-nê-xi-a và duy trì diễn đàn đối thoại Việt nam—In-đô-nê-xi-a, hai nước đại diện cho hai nhóm nước; duy trì đối thoại với các nước khác; cố gắng có quan hệ hợp tác với các nước ASEAN trong phong trào không liên kết. Chúng ta kiên quyết phê phán chính sách theo đuôi Mỹ và Trung quốc để chống Việt nam, chống ba nước Đông dương của Thái lan, đồng thời tranh thủ khả năng đối thoại với Băng cốc.

★

Mấy chục năm trước đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đi theo con đường của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta đã góp phần tích cực và xứng đáng vào thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta là giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Ngày nay, công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đang đặt ra những nhiệm vụ và yêu cầu mới, đòi hỏi toàn bộ hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta phải vươn lên những tầm cao mới, góp phần tích cực nhất và có hiệu quả nhất vào việc thực hiện thành công hai nhiệm vụ chiến lược của toàn Đảng và toàn dân ta, đồng thời góp phần xứng đáng của mình vào sự nghiệp cách mạng và hòa bình trên toàn thế giới.

Digitized by Google



Tiến tới ĐẠI HỘI THỨ VI CỦA ĐẢNG

Góp ý kiến về chiến lược kinh tế xã hội trong chặng đường đầu tiên ở nước ta

NGUYỄN NGỌC THỤY

VỀ CHIẾN LƯỢC KHAI THÁC TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN CỦA NƯỚC TA

ĐỐI với sự phát triển của mỗi quốc gia, vấn đề đầu tiên có ý nghĩa chiến lược là xác định cho đúng các điều kiện thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên của đất nước để từ đó định ra đường lối và sách lược tận dụng các tiềm năng và điều kiện thuận lợi, hạn chế các điều kiện bất lợi.

Ở nước ta hiện nay, hơn lúc nào hết cần có những hiểu biết đầy đủ và đúng đắn về vấn đề này.

Xưa nay ta thường nghĩ rằng « đất nước ta giàu và đẹp » với « rừng vàng, biển bạc ». Vậy điều đó có còn đúng không, hiện nay và trong tương lai ?

Qua mấy chục năm tiến hành điều tra và nghiên cứu về điều kiện và tài nguyên thiên nhiên nước ta, kết hợp với kinh nghiệm của thế giới, ngày nay chúng ta đã có thể nhận rõ hơn, hiểu biết toàn diện và sâu sắc hơn về tính đa dạng và phức tạp của thiên nhiên nước ta với những mặt tích cực, thuận lợi và những mặt tiêu cực, không thuận lợi.

I—Trước hết cần hiểu cho đúng và đầy đủ về điều kiện thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên nước ta.

Phải nhìn cho đúng sự thật khách quan, tránh những ảo tưởng nhưng cũng tránh những nhận thức thiếu bình tĩnh do thấy những khó khăn to lớn trên bước đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Việt nam có diện tích lãnh thổ không lớn, với mật độ dân số khá cao và điều kiện địa lý khá đặc biệt. Đất nước kéo dài theo kinh tuyến dọc 15 độ vĩ, thuộc miền nhiệt đới gió mùa và chịu ảnh hưởng rất quan trọng của biển với vùng lãnh hải và đặc quyền kinh tế rộng lớn. Việt nam vừa có đồng bằng rộng lớn với hệ sông, rạch dày đặc, vừa có miền rừng núi

Digitized by Google

quan trọng với địa hình bị chia cắt mạnh và đa dạng, lại chịu ảnh hưởng của nhiều hệ thống hoàn lưu khí quyển khác nhau từ miền ôn đới, cực đới, từ biển hay lục địa, từ xích đạo hay nam bán cầu.

Trên thế giới có khoảng vài chục nước thuộc miền nhiệt đới nhưng đi vào cụ thể lại khác nhau đáng kể với mức độ thuận lợi và không thuận lợi rất khác nhau với những sắc thái thiên nhiên khác nhau khá nhiều (Việt nam, Thái lan, Phi-líp-pin, Miến điện, Ấn độ, Cu-ba, Bra-xin...).

Không nghi ngờ gì nữa, đất nước ta với cảnh vật của rừng núi, sông biển và đồng bằng từ giáp xích đạo đến miền á nhiệt đới thật là phong phú, đặc sắc và sẵn những thắng cảnh tuyệt vời, có thể so với những nơi nổi tiếng, hiếm thấy của thế giới.

Việt nam, thuộc miền nhiệt đới gió mùa, là một miền thiên nhiên của thế giới thường được xếp vào loại nước có nhiều điều kiện thuận lợi nhất đối với sự phát triển của thực vật và động vật, có khả năng tiến đến sản xuất lương thực và thực phẩm dồi dào.

Một trong những thuận lợi cơ bản là lượng bức xạ mặt trời dồi dào (gấp khoảng 1,5 — 3 lần so với ôn đới) và tài nguyên nước rất phong phú (lượng mưa gấp khoảng 2,5 lần mức trung bình của lục địa châu Á và lượng nước sông ngòi trên mỗi ki lô mét vuông gấp gần 3 lần so với lục địa châu Á và khoảng 5 lần so với Liên xô). Một thuận lợi cơ bản khác là Việt nam — một quốc gia bán đảo — có vùng biển rộng lớn (1).

Một thuận lợi cơ bản khác là Việt nam có những đồng bằng rộng lớn và phì nhiêu (đồng bằng sông Cửu long đứng thứ ba về diện tích trong số hơn 30 đồng bằng lớn của thế giới), cảnh quan đa dạng từ biển, đồng bằng tới rừng núi.

Tài nguyên khoáng sản của nước ta cũng rất phong phú (từ than, sắt cho tới đất hiếm, sa khoáng, dầu khí) với trữ lượng đáng kể, theo phát hiện cho đến nay.

Tóm lại, cho đến nay và về lâu dài, ta hoàn toàn có thể khẳng định rằng Việt nam là một đất nước có tài nguyên thiên nhiên phong phú và nhiều cảnh đẹp.

Theo kinh nghiệm của thế giới, với thời gian còn có thể phát hiện ra nhiều tài nguyên mới, quý, đôi khi rất quan trọng, ngay cả ở những nước công nông nghiệp phát triển (thí dụ vùng Xi-bê-ri của Liên xô, vùng biển Bắc v.v.) có thể tạo thành bước phát triển kinh tế nhảy vọt.

Việt nam có những điều kiện thiên nhiên cơ bản rất thuận lợi, cho phép phát triển nông lâm ngư nghiệp (theo nghĩa rộng) với tốc độ cao (nhiều mùa, vụ) và sản phẩm phong phú, trong đó có những vùng và những thời kỳ mà những điều kiện ấy diễn ra rất thuận.

Chính do nhận thức được các thuận lợi cơ bản và quý báu trên đây, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn trong việc thay thế lúa chiêm bằng lúa xuân ngắn ngày ở miền Bắc và tăng thêm hẳn một vụ đông, tăng hệ số sử dụng ruộng đất và thu được sản phẩm phong phú quanh năm ở đồng bằng sông Cửu long và nhiều nơi khác. Chúng ta đã kiên trì tìm kiếm các nguồn khoáng sản mới và cuối cùng đã phát hiện nhiều mỏ quan trọng trong đó có sắt, khí đốt và dầu mỏ trong những năm gần đây.

---

(1) Biển Đông là biển lớn thứ ba trong số hơn 40 biển của thế giới. Vùng thềm lục địa và đặc quyền kinh tế của Việt nam rộng khoảng 3 lần diện tích lãnh thổ đất liền. Nếu so sánh chiều dài bờ biển với mỗi ki lô mét vuông lãnh thổ ta thấy như sau: Anh 36 mét, Việt nam: 9 mét, Mỹ 6 mét, Liên xô: 2 mét, Trung quốc 1 mét...

Digitized by Google

Tuy nhiên, thiết tưởng cần nhận thức thêm hai điều quan trọng: cần hiểu một cách biện chứng, động về khái niệm « giàu đẹp »; cần thấy đầy đủ cả những mặt không thuận lợi của thiên nhiên Việt nam, thậm chí ở mức thiên tai.

Trước hết, không nên quan niệm một cách sai lầm và tự hào một cách thiếu căn cứ khoa học về sự giàu có của thiên nhiên nước ta, vì trong mỗi giai đoạn lịch sử khái niệm giàu có của tài nguyên thiên nhiên đó phải được xét trong mối tương quan với dân số, với năng lực khai thác thiên nhiên của mỗi nước.

Trước đây, khi dân số nước ta chưa nhiều, và phương pháp khai thác tài nguyên còn tương đối thô sơ, nhu cầu về nguyên liệu, vật liệu cho kinh tế còn thấp thì sự giàu có tài nguyên thiên nhiên của Việt nam là nổi bật. Song trong giai đoạn hiện nay, một mặt năng lực khai thác tài nguyên của ta (bao gồm cả vốn, trình độ công nghiệp hóa, trình độ khoa học kỹ thuật...) còn hạn chế, đồng thời dân số lại tăng nhanh, chúng ta dễ thấy rõ sự thiếu cân đối giữa tài nguyên khai thác được và nhu cầu. Tất nhiên, có những nước mà tài nguyên thiên nhiên trong nước so với dân số thuộc loại không cao nhưng họ vẫn là nước giàu, có kinh tế phát triển rất mạnh vì năng lực khai thác của họ đạt trình độ rất cao (thí dụ Nhật bản).

Về khái niệm « đẹp » của thiên nhiên Việt nam, chúng ta cũng cần có sự nhận thức đúng và đầy đủ hơn. Không thể chỉ bằng lòng với thiên nhiên đẹp tuyệt vời ở mức độ mộc mạc, thô sơ mà phải thấy rằng cần phải đầu tư người và của không ít để tôn vẻ đẹp đó lên và cuối cùng đem lại hiệu quả kinh tế lớn cho đất nước, một nguồn thu ngoại tệ rất quan trọng và nhanh chóng mà đến nay chúng ta chưa quan tâm đầy đủ.

Thiên nhiên nhiệt đới gió mùa có thuận lợi rất to lớn như đã nêu ở trên song cũng có những mặt không thuận lợi, có những thiên tai với tác động khác nhau giữa các vùng trong nước, trong các thời kỳ khác nhau.

Nguồn bức xạ mặt trời và nguồn nước phong phú là những điều kiện rất thuận lợi song chính trong những thuận lợi này lại chứa đựng những bất lợi, nhất là khi quá dư thừa. Nóng, mưa lớn, kéo dài, độ ẩm lớn đã ảnh hưởng rất lớn đến tuổi thọ của các thiết bị, các công trình nhà, đường sá, cầu cống, đẩy cao giá thành thiết kế, thi công và bảo dưỡng.

Việt nam là một trong những nước nhiệt đới gió mùa chịu đựng thiên tai chưa phải loại ác liệt như một số nước khác song cũng phải gánh chịu thiên tai không nhỏ. Hằng năm, nước ta phải chịu đựng trung bình 6 cơn bão và áp thấp nhiệt đới (năm nhiều nhất tới 10 — 11 cơn), cứ 10 năm lại có hai năm có lũ lớn, ba năm có lũ vừa và 5 năm có lũ nhỏ). Đó là chưa kể dông, tố, vòi rồng, gió lốc có thể gây thiệt hại lớn cho các vùng nhỏ. Khí hậu và thời tiết Việt nam, nhất là ở phía Bắc và miền Trung cũng có nhiều biến động lớn theo không gian và theo thời gian, gây nên úng, hạn, rét sớm hoặc muộn. Về đại thể, phải lưu ý rằng hàng năm nước ta phải chịu đựng thiên tai nhỏ (như úng, hạn cỡ 10 vạn héc ta trở xuống) và cứ khoảng 3 đến 5 năm lại có thiên tai lớn (bão, lụt lớn, hạn nặng). Thiên tai thể hiện rõ rệt nhất ở miền Trung và miền Bắc, ngay trong năm mà thời tiết coi như khá thuận hòa, vẫn có thể có thiên tai nhỏ ở một hoặc vài địa phương.

Tóm lại, nên hiểu đúng và đầy đủ về điều kiện và tài nguyên thiên nhiên Việt nam như sau:

Việt nam có tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng bao gồm các tài nguyên khoáng sản — các tài nguyên không tái tạo được, có trữ

Digitized by Google

lượng quan trọng và những tài nguyên loại có thể tái tạo hoàn toàn hoặc một phần (tức trữ lượng gần như vô tận hoặc rất lớn) như bức xạ mặt trời, nước, sinh vật... có khả năng tạo lập nhanh, không đòi hỏi vốn đầu tư lớn trong thời gian dài. Bên cạnh đó nước ta cũng có những hạn chế và bất lợi về điều kiện thiên nhiên mà thiên tai nhỏ hay lớn mang tính chất quy luật đối với cả nước hay từng vùng.

II – Về chiến lược khai thác tài nguyên thiên nhiên phục vụ việc phát triển kinh tế của nước ta.

Từ những hiểu biết cụ thể đúng và đầy đủ về điều kiện thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên, cần xác định một chiến lược khôn ngoan về khai thác tài nguyên thiên nhiên của nước ta.

1. Tiếp tục đẩy mạnh các công tác khai thác tài nguyên khoáng sản là loại tài nguyên khá phong phú, đa dạng và có trữ lượng quan trọng. Hiệu quả kinh tế to lớn là điều tất yếu phải quan tâm, song không thể không chú ý thích đáng đến việc cân nhắc quy hoạch khai thác do phải đầu tư vốn lớn và đòi hỏi thời gian dài để thu hồi vốn. Cần chú ý cả quy mô lớn hoặc rất lớn, quy mô vừa và quy mô nhỏ. Mặt khác cần tiếp tục kiên trì công tác thăm dò tìm kiếm ở vùng thềm lục địa và một số vùng khác với hy vọng phát hiện thêm nhiều tài nguyên quý và có trữ lượng quan trọng, như kinh nghiệm của nhiều nước đã cho thấy.

2. Coi trọng nhiều hơn việc khai thác các tài nguyên thiên nhiên thuộc loại tái tạo hoàn toàn hoặc một phần như năng lượng bức xạ mặt trời, tài nguyên nước, năng lượng gió, tài nguyên sinh vật... rất phong phú của nước ta mà chúng ta có khả năng tái tạo nhanh, không đòi hỏi vốn đầu tư nhiều, lại thu lợi lớn và nhanh, kể cả bằng con đường xuất khẩu.

Lâu nay chúng ta chưa quan tâm đầy đủ hoặc chưa tìm được công nghệ thích hợp, có hiệu quả cao đưa vào sử dụng. Do tìm được giống cây trồng ngắn ngày, do thêm được một vụ đông, do chọn cơ cấu thời vụ thích hợp, cũng trên một diện tích đất trồng, chúng ta có thể đạt được sản lượng nông nghiệp lớn với 3 – 4 vụ trong năm hoặc hơn nữa. Chúng ta còn tiềm năng rất lớn về nhiều mặt: thủy điện (lớn, vừa và nhỏ), năng lượng gió, năng lượng mặt trời cũng như năng lượng khí sinh vật từ các nguồn phế thải. Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản ở nước ta còn quá thấp và năng suất kém nhiều lần so với mức tiên tiến của thế giới. Hiện nay và trong tương lai, chúng ta sẽ luôn luôn gặp khó khăn về diện tích đất nông nghiệp theo đầu người, vì vậy, con đường cơ bản phải là « thâm canh tài nguyên thiên nhiên » tức là phải có các biện pháp tu bổ, nuôi dưỡng, hợp lý hóa việc sử dụng đất nông nghiệp, đất đồi trọc, đất rừng, đất ven biển. Các chính sách kinh tế và khoa học kỹ thuật của ta phải đạt được hiệu quả là « tấc đất tấc vàng », tận dụng cao độ đất đai, tuyệt đối không để hoang hóa, trước hết là ở đồng bằng, sau đó là trung du và các miền khác.

3. Tận dụng triệt để không gian của dải đất liền và vùng nước ven biển (trong khoảng vài chục ki lô mét hay hơn) nhằm phát triển kinh tế theo quan điểm tổng hợp, tức bao gồm cả nông nghiệp (đất ngọt cũng như đất pha mặn, đất cát, đất lầy), nghề muối, nghề cá (đánh bắt và nuôi trồng), nghề rừng và tiểu, thủ công nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải. Đối với nước ta, đây là vùng dân cư tập trung, rất sầu lao động, có giao thông vận tải thuận lợi, gần nhiều đô thị, thị trường tiện lợi.

Tiếc rằng tại vùng ven biển này với khoảng nửa số tỉnh, khoảng nửa dân số cả nước, với trên ba nghìn ki lô

Digitized by Google

mét bờ biển, chúng ta chưa thực hiện được bao nhiêu chủ trương phát triển kinh tế đa dạng của mô hình kinh tế tổng hợp với những sắc thái khác nhau, tùy từng địa phương. Cho đến nay, chủ yếu vẫn là mô hình nông nghiệp theo nghĩa hẹp, vẫn là các nghề trồng trọt và chăn nuôi truyền thống của đồng bằng. Lao động nông nghiệp trồng lúa và màu vẫn chiếm tỷ trọng rất lớn trong khi đó lao động nghề cá, nghề muối, tiểu, thủ công, vận tải thủy... ít hơn hàng chục lần. Vấn đề là phải học và tổ chức các ngành, nghề mới, đa dạng hóa các hoạt động kinh tế ở các địa phương, chứ không phải chỉ chuyên lo trồng lúa, — phát triển kinh tế miền núi mà cũng chỉ chú ý nghề trồng lúa!

4. Tiềm năng của thiên nhiên vùng biển là rất lớn, song cho đến nay chúng ta mới hiểu biết chủ yếu về hải sản và muối. Ngay trong hai lĩnh vực này chúng ta chưa khai thác được bao nhiêu.

Nghề đánh cá biển đã đạt nhiều tiến bộ trong những năm gần đây, song để đạt được những sản lượng lớn hơn, phải tiến hành khai thác ở những vùng nước sâu, xa bờ hơn, đồng thời đẩy mạnh nuôi trồng hải sản, với diện tích lớn hơn và năng suất cao hơn rõ rệt so với hiện nay. Điều đó đòi hỏi nhiều vốn đầu tư cũng như những hiểu biết về khoa học kỹ thuật, kinh tế, công nghệ mới.

Nghề muối còn có thể phát triển mạnh hơn nhiều và phải đạt trình độ cao hơn (muối cho công nghiệp), nhất là ở các tỉnh có nhiều điều kiện thuận lợi như Nghệ tĩnh, Nghĩa bình, Phú khánh, Thuận hải.

Khả năng rất to lớn về vận tải sông biển của nước ta còn chưa được khai thác bao nhiêu, trong khi đó nó đóng vai trò có ý nghĩa quyết định đối với phát triển kinh tế và văn hóa (cũng như quốc phòng) đối với một quốc gia — bán đảo có nhiều sông và vùng biển rộng lớn như nước ta. Rõ ràng đây là hướng phát triển quan trọng của mỗi tỉnh cũng như của cả nước có khả năng lôi cuốn nhiều lao động và có tác dụng kích thích rất mạnh đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Công nghiệp khai thác dầu khí ở ven biển và vùng biển đã thật sự mở ra nhiều triển vọng rất to lớn về phát triển kinh tế của nước ta đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề phải giải quyết trong đó có vấn đề bảo vệ môi trường.

Một tiềm năng rất lớn và có thể đem lại nguồn thu quan trọng của nước ta là du lịch. Có thể coi đây như một dạng « tài nguyên » khá quan trọng mà chúng ta chưa quan tâm đầy đủ, cần được đầu tư thích đáng và «khai thác» một cách có hiệu quả nhất.

5. Bên cạnh những thuận lợi cơ bản và to lớn của thiên nhiên nhiệt đới gió mùa, chúng ta cần luôn luôn nhớ rằng thiên nhiên Việt nam có những điều kiện không thuận lợi kể cả thiên tai mang tính quy luật như: bão, lũ lụt, úng, hạn, rét lạnh hoặc khô nóng, ẩm, nước dâng khi có bão hoặc gió chướng, mặn xâm nhập bất thường, chua phèn trên những diện tích rộng lớn.

Mức độ không thuận lợi hoặc thiên tai có khác nhau giữa các vùng và vào các thời kỳ khác nhau trong năm. Hiện nay ta chưa có số liệu đánh giá chính thức về mức độ thiệt hại do thiên tai gây ra ở nước ta, song theo tài liệu của Phi-líp-pin, thì hao hụt về sản lượng nông nghiệp của nước này do bão, lụt, úng hạn gây ra trung bình vào khoảng 7% tổng sản lượng nông nghiệp.

Trong điều kiện của nước ta hiện nay, chưa thể nào chống phá được thiên tai, mà phải phòng bị trước để có thể kịp ứng phó khi xảy ra thiên tai, hạn chế những tác hại do thiên tai gây ra. Nói đúng hơn là giảm đến mức thấp nhất các thiệt hại do thiên tai và cả do điều kiện thời tiết khí hậu

Digitized by Google

không thuận lợi gây ra. Nếu khéo sắp xếp thời vụ và có biện pháp dự phòng mà vượt qua được thời kỳ rét lạnh dưới 13°C trong vụ đông xuân thì sản lượng nông nghiệp sẽ khá cao. Cũng như tránh được thời kỳ thường có bão, úng thì sản lượng lúa mùa chắc chắn đạt mức cao. Như vậy vấn đề giống ngắn ngày và bố trí cơ cấu thời vụ đối với từng địa phương cụ thể và các biện pháp dự phòng thiên tai đóng vai trò rất quan trọng trong việc bảo đảm sản lượng cao và vững chắc.

6. Cuối cùng một vấn đề quan trọng nữa trong chiến lược sử dụng và khai thác tài nguyên thiên nhiên nước ta là tính đến những khả năng thay đổi điều kiện và tài nguyên thiên nhiên nước ta và tình trạng ô nhiễm môi trường tăng lên trong quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và cải tạo thiên nhiên. Hiện nay đã nảy sinh hàng loạt vấn đề quan trọng cần phải giải quyết do quai đê lấn biển, đắp đập ngăn sông để mở rộng diện tích ở ven biển, đắp đê ngăn mặn hoặc chống xói lở do bão, ngăn sông biển và nước dâng do bão, mở rộng hoặc đào thêm kênh tưới tiêu, đắp đập làm thủy điện lớn và tạo nên các hồ chứa nước lớn, ngăn bùn cát và điều hòa dòng chảy, xây dựng các khu công nghiệp lớn về điện, xi măng, giấy, hóa dầu, thăm dò và khai thác dầu khí ở thềm lục địa v.v.

Các việc đó sẽ ảnh hưởng đến nhiều quá trình thiên nhiên ở vùng đồng bằng, ven biển nước ta và tình trạng ô nhiễm không khí, nước sông, nước biển sẽ tăng lên trong một số trường hợp.

Vì vậy, ngay từ bây giờ và trong nhiều năm phải tiến hành các công tác tổ chức, điều tra và nghiên cứu, dự báo nhằm tránh trước những mặt tiêu cực và tận dụng được các thuận lợi mới của thiên nhiên đã được cải tạo.

Tóm lại, xuất phát từ điều kiện thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên nước ta, chiến lược sử dụng và khai thác tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển kinh tế của ta phải là: tận dụng tổng hợp tiềm năng thiên nhiên Việt nam một cách tối ưu và giảm đến mức thấp nhất các thiệt hại do thiên tai gây ra.

Chúng ta đã có nhiều kinh nghiệm và có lực lượng cán bộ khá đông đảo và có trình độ.

Vấn đề là phải tổ chức thật tốt việc tập hợp lực lượng, huy động cả tiềm lực của địa phương và của trung ương, cả cán bộ khoa học kỹ thuật về điều tra và nghiên cứu thiên nhiên cũng như về công nông nghiệp và giao thông vận tải, cán bộ về kinh tế – xã hội, và giải quyết các vấn đề theo quan điểm tổng hợp cho quy mô toàn quốc cũng như quy mô địa phương.

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ...

(Tiếp theo trang 63)

kinh doanh, các nông trường, lâm trường có điều kiện mở rộng « nguồn vốn tự có » của mình bằng các nguồn thu từ tiềm năng nhiều mặt của rừng và đất, đồng thời có điều kiện tham gia giải quyết những vấn đề kinh tế – xã hội, an ninh, quốc phòng

Nhiệm vụ xây dựng kinh tế – xã hội ở Tây nguyên, một vùng chiến lược quan trọng, có trên dưới 30 dân tộc thiểu số, đưa Tây nguyên tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội là một nhiệm vụ khó khăn, phức tạp. Vì vậy, ngoài sự cố gắng vươn lên với tinh thần tự lực tự cường của các tỉnh Tây nguyên, thì sự giúp đỡ của Nhà nước, sự hợp tác của các địa phương, các ngành, các cấp trong cả nước, là rất quan trọng. Phương hướng phát triển kinh tế – xã hội ở các tỉnh Tây nguyên cần được Nhà nước sớm thể chế hóa thành những chủ trương, chính sách kinh tế cụ thể nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của cả nước vào việc xây dựng Tây nguyên.

Digitized by Google

TRƯƠNG NGỌC

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NÔNG LÂM NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG XÃ HỘI NÔNG THÔN Ở CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN

1—Vị trí, đặc điểm, thuận lợi, khó khăn của các tỉnh Tây nguyên.

Ba tỉnh Tây nguyên (Gia lai—Kon tum, Đắc lắc, Lâm đồng) đã từng là căn cứ địa cách mạng nổi tiếng trong cuộc chiến tranh lâu dài giành độc lập của dân tộc ta. Trong giai đoạn mới của cách mạng, Tây nguyên vẫn là địa bàn chiến lược quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta và của cả ba nước Đông dương.

Về kinh tế, với tổng diện tích tự nhiên gần 5,6 triệu ha, các tỉnh Tây nguyên có nhiều tiềm năng tự nhiên, nhất là tài nguyên đất và rừng. Hiện nay, Tây nguyên có tới 1,3 triệu ha đất đỏ ba dan, rất thích hợp cho sự phát triển các cây công nghiệp dài ngày; gần 18 vạn ha đất phù sa và hàng chục vạn ha các loại đất khác có khả năng trồng cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày, cây thức ăn gia súc. Phần lớn đất đai Tây nguyên thuộc loại tốt, lại tương đối bằng phẳng thuận lợi cho cơ khí hóa nông nghiệp. Một phần ba diện tích rừng và gần một nửa tổng trữ lượng gỗ của cả nước đang tập trung ở Tây nguyên. Với tính đa dạng, phong phú của hệ sinh thái rừng nhiệt đới, Tây nguyên có nhiều loại gỗ, dược liệu, động vật quý và hiếm, có giá trị cao về kinh tế và nghiên cứu khoa học... Với những tiềm năng đó, Tây nguyên *có điều kiện phát triển một nền nông lâm nghiệp hiện đại, hoàn chỉnh, từ trồng trọt đến chăn nuôi, lâm nghiệp, công nghiệp chế biến.*

Ngoài thế mạnh phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, Tây nguyên còn có nguồn nước ngầm và khả năng thủy điện tương đối lớn. Ước tính tổng công suất thủy năng ở đây có thể đạt 1,4 triệu kW. Mặt khác, Tây nguyên cũng có nhiều vật liệu xây dựng và khoáng sản khác, đặc biệt là bô xít..., do đó có thể phát triển mạnh một số ngành công nghiệp.

Giao thông nối liền các trung tâm kinh tế ở Tây nguyên với các vùng khác tương đối thuận tiện, nhất là với các cảng biển miền Trung và thành phố Hồ Chí Minh rất thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa và tiêu thụ sản phẩm.

Như vậy, so với các vùng đồi núi, cao nguyên khác thì về mặt tự nhiên và địa lý, Tây nguyên có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển toàn diện kinh tế — xã hội, có khả năng nhanh chóng xây dựng và hình thành cơ cấu nông—lâm — công nghiệp hoàn chỉnh với nhiều vùng chuyên môn hóa sản xuất nông sản, lâm sản hàng hóa, nhất là hàng hóa xuất khẩu có giá trị kinh tế cao. Bên cạnh những thuận lợi cơ bản đó, Tây nguyên cũng có những khó khăn: sự khác biệt rất rõ về thời tiết, khí hậu giữa mùa khô và

Digitized by Google

mùa mưa chẳng những ảnh hưởng lớn đến cây trồng, con vật nuôi, mà còn ảnh hưởng đến tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, bố trí hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật; sự tàn phá rừng, phá hoại các cân bằng sinh thái tự nhiên trên nhiều vùng diễn ra trong nhiều năm đã để lại những hậu quả nghiêm trọng; cơ sở vật chất kỹ thuật còn non yếu, điện, cơ khí, công nghiệp chế biến phát triển chậm; hệ thống giao thông nội bộ còn xấu, ảnh hưởng đến lưu thông, tiêu thụ sản phẩm ở nhiều vùng; đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, phong tục tập quán ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số còn lạc hậu; nhiều vấn đề về an ninh chính trị, sự phá hoại của bọn FULRO còn tác động đến quá trình xây dựng xã hội ở một số vùng...

Những năm qua, các tỉnh Tây nguyên *đã phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn và đạt được những thành tựu quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, giải quyết một bước vấn đề định canh, định cư, tiếp thu hàng chục vạn lao động từ nơi khác đến.* Điều đó đã tạo ra nhiều thuận lợi mới làm cho xã hội Tây nguyên có những tiến bộ nhảy vọt, đưa Tây nguyên trở thành một vùng sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa quan trọng của cả nước, đặc biệt là đã xây dựng được những cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết ban đầu để hình thành cơ cấu kinh tế nông — lâm — công nghiệp. *Song nhìn chung, sản xuất nông, lâm nghiệp ở Tây nguyên vẫn ở tình trạng phân tán và chưa ổn định. Sản xuất hàng hóa còn nhỏ bé. Tài nguyên chưa được bảo vệ và khai thác hợp lý và có hiệu quả cao.*

Muốn xây dựng Tây nguyên xứng đáng với một địa bàn chiến lược quan trọng của cả nước, chúng ta cần tập trung sức tháo gỡ những khó khăn trước mắt, đồng thời vẽ lâu dài cần xác định rõ phương hướng, bước đi phù hợp nhằm đưa Tây nguyên vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

II—Về phương hướng phát triển nông lâm nghiệp và xây dựng xã hội nông thôn ở các tỉnh Tây nguyên.

Để xây dựng Tây nguyên, vấn đề quan trọng là phải phát huy các thuận lợi, khai thác có hiệu quả cao nhất tiềm năng kinh tế, tự nhiên, xã hội, tạo ra sức mạnh tổng hợp đưa đồng bào các dân tộc Tây nguyên tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội.

Phương hướng cơ bản để xây dựng Tây nguyên là gắn chặt các nhiệm vụ kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường, gắn chặt sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và công nghiệp, gắn chặt sản xuất với chế biến và lưu thông, kết hợp chặt chẽ việc phát huy, sử dụng tốt các nguồn lao động tại chỗ với việc tiếp nhận với quy mô lớn lao động từ nơi khác đến, phấn đấu chuyển nhanh Tây nguyên từ tình trạng tài nguyên hoang dã, kinh tế tự nhiên, dân cư thưa thớt, hình thái xã hội còn thấp, tiến lên thành một vùng nông — lâm nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa có trình độ thâm canh chuyên môn hóa cao, có khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn, bố trí dân cư hợp lý và thực hiện nhanh những chuyển biến về xã hội.

Mục tiêu kinh tế — xã hội lâu dài có tính chiến lược của các tỉnh Tây nguyên là phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân các dân tộc Tây nguyên, cùng với sự cố gắng của cả nước tạo thành sức mạnh tổng hợp để khai thác, sử dụng có hiệu quả các tài nguyên hiện có, trước hết là rừng và đất đai, cơ sở vật chất kỹ thuật, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, đẩy mạnh phát triển nông lâm nghiệp toàn diện theo phương thức nông — lâm kết hợp; phát triển công nghiệp, trước hết là công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp chế biến nông, lâm sản, gắn nông, lâm, công nghiệp hợp lý trên từng vùng, từng địa bàn huyện, nhanh chóng tạo nên cơ cấu nông — lâm — công nghiệp, từng bước đưa Tây nguyên tiến lên sản xuất

Digitized by Google

lớn xã hội chủ nghĩa, góp phần xứng đáng thực hiện những mục tiêu chủ yếu của nền kinh tế quốc dân như Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra. Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và thực hiện các nhiệm vụ xã hội.

Phấn đấu theo phương hướng trên đây, từ nay đến năm 1990, có thể thực hiện một số mục tiêu chính như sau:

+ Hoàn thành cơ bản cuộc vận động định canh, định cư kết hợp chặt chẽ với phân công lại lao động, đưa nhân dân vào làm ăn tập thể bằng nhiều hình thức quá độ, xây dựng và tăng cường các cơ sở nông, lâm nghiệp quốc doanh, bố trí hợp lý các thành phần kinh tế trên từng địa bàn và thực hiện tốt liên kết kinh tế.

+ Đầu tư về nhiều mặt xây dựng các vùng nông, lâm nghiệp chuyên canh để nhanh chóng tăng sản lượng những sản phẩm chủ yếu đã quy hoạch, tạo cơ sở để tăng đáng kể cao su, cà phê, gỗ trong những năm tiếp theo. Phấn đấu tăng tổng sản lượng lương thực để đáp ứng yêu cầu tăng thêm lao động, nhân khẩu và phát triển chăn nuôi.

+ Tăng cường lực lượng công nghiệp cho Tây nguyên, nhất là tăng cường cơ khí sửa chữa, điện lực, mở nhanh công nghiệp chế biến nông, lâm sản và phân bố công nghiệp hợp lý trên các địa bàn ở Tây nguyên.

+ Xây dựng các buôn làng kiểu mới, bố trí các khu dân cư, các cụm kinh tế, kỹ thuật, thị trấn mới phù hợp với quá trình phát triển sản xuất.

+ Tăng cường và xây dựng cấp huyện đủ năng lực quản lý cơ cấu kinh tế trên địa bàn và tổ chức tốt đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân. Bổ sung cán bộ kinh tế kỹ thuật và đào tạo nhanh cán bộ người dân tộc thiểu số.

Với phương hướng kinh tế — xã hội như trên, có thể hình dung cơ cấu kinh tế lâu dài ở các tỉnh Tây nguyên là công — nông — lâm nghiệp. Trước mắt, tùy theo tình hình cụ thể của từng vùng mà xác định cơ cấu kinh tế nông — lâm — công nghiệp hoặc lâm — nông — công nghiệp.

Từ cơ cấu kinh tế trên đây, đối với sản xuất nông — lâm nghiệp, có thể xác định những mục tiêu cụ thể ở Tây nguyên là:

1 — Đối với sản xuất lương thực: Cây lương thực tuy không phải là sản phẩm hàng hóa có thế mạnh ở Tây nguyên, nhưng nó có vị trí hết sức quan trọng và có khả năng phát triển phong phú. Cần phấn đấu giải quyết vấn đề lương thực với mức cố gắng cao nhất, nhằm bảo đảm cung cấp lương thực tại chỗ, tạo đà vững chắc để khai thác các thế mạnh khác. Phương hướng phát triển sản xuất lương thực những năm tới trước hết là tận dụng mọi khả năng đất đai thích hợp để thâm canh, tăng vụ lúa ở những vùng đã có công trình thủy lợi; tiếp tục làm thủy lợi, nhất là thủy lợi nhỏ và vừa, xây dựng một số công trình thủy lợi lớn ở những nơi có điều kiện để mở thêm diện tích lúa nước. Màu chiếm một tỷ lệ lớn trong cơ cấu lương thực ở Tây nguyên, cần tiếp tục phát triển mạnh cả về diện tích, thâm canh, bảo quản, chế biến, nhất là đối với ngô và sắn. Phấn đấu đến năm 1990 Tây nguyên đạt được 1 triệu tấn lương thực, đủ bảo đảm cho dân số khoảng 3 triệu người.

2 — Đối với sản xuất lâm nghiệp: Rừng ở Tây nguyên có vị trí hết sức quan trọng đối với cả nước, đối với kinh tế, xã hội và môi trường của cả khu vực. Phát triển lâm nghiệp là vấn đề hàng đầu, sống còn của nhân dân các dân tộc ở Tây nguyên. Mục tiêu phát triển lâm nghiệp ở Tây nguyên trong những năm tới là: bằng mọi biện pháp giữ cho được 2,5 triệu ha

Digitized by Google

rừng hiện còn, thực hiện các biện pháp lâm sinh để không ngừng nâng cao trữ lượng và sản lượng; có kế hoạch tổ chức rừng và khai thác hợp lý khoảng trên 1 triệu ha rừng loại giàu và loại trung bình, từng bước tăng sản lượng gỗ và các lâm sản, đặc sản nhằm đáp ứng yêu cầu tạo vốn để xây dựng rừng, và yêu cầu cung cấp lâm sản với khối lượng ngày càng lớn cho bản thân Tây nguyên và cho cả nước; đẩy mạnh phong trào trồng cây gây rừng trên những diện tích đất hoang, đồi trọc; giao đất, giao rừng cho các hộ lập vườn, quy hoạch giữ rừng và trồng rừng phòng hộ cho các loại đất làm nông nghiệp; mở rộng công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản, nâng cao năng lực chế biến gỗ ở Tây nguyên để bảo đảm chế biến được phần lớn sản lượng gỗ đã khai thác.

3 — *Đối với chăn nuôi*: Chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi đại gia súc, là một trong những thế mạnh của Tây nguyên. Phấn đấu chuyển chăn nuôi từ trạng thái tự nhiên sang phương thức chăn nuôi tiến bộ, trước mắt cần giải quyết vấn đề giống, quy hoạch bảo vệ đồng cỏ tự nhiên, chế biến thức ăn gia súc. Cần tập trung để tăng nhanh đàn trâu bò, có chính sách thích hợp tạo điều kiện nhập thêm trâu bò từ các tỉnh ngoài vào Tây nguyên, khuyến khích mạnh việc nuôi trâu bò sinh sản. Về chăn nuôi lợn, cần tận dụng ưu thế về màu và các loại cây họ đậu sẵn có để đẩy mạnh chăn nuôi ở cả ba khu vực quốc doanh, tập thể, gia đình, nhất là gia đình. Tổ chức liên kết với các tỉnh ven biển để có thêm bột cá và các loại thức ăn bổ sung. Phát triển mạnh nuôi cá ruộng và cá ao, hồ. Khoanh vùng để bảo vệ, quản lý tốt việc săn bắn các động vật rừng, v.v.

4 — *Đối với cây công nghiệp và rau quả*: Trong cơ cấu cây công nghiệp ở Tây nguyên, cây công nghiệp dài ngày, xuất khẩu có tầm quan trọng đặc biệt. Vì vậy, cần tập trung đầu tư để phát triển mạnh các cây mũi nhọn xuất khẩu như cao su, cà phê, chè, trồng dâu nuôi tằm, tùy theo điều kiện từng vùng, từng tỉnh mà xây dựng các vùng chuyên canh từng cây thích hợp, song phải hết sức coi trọng thâm canh, bảo đảm năng suất cao chất lượng sản phẩm tốt. Trước mắt, phát triển mạnh các loại cây công nghiệp ngắn ngày để tăng nhanh tỷ trọng hàng hóa xuất khẩu, tạo điều kiện tích lũy vốn trong bước đi ban đầu. Trong cơ cấu cây trồng ở Tây nguyên, đặc biệt chú ý đẩy mạnh sản xuất rau, quả để đáp ứng các nhu cầu của nhân dân và trao đổi với các tỉnh ngoài vùng, nhất là đối với thành phố Hồ Chí Minh và phục vụ du lịch, xuất khẩu.

III — Về một số chủ trương, chính sách và biện pháp lớn.

1 — *Xây dựng quan hệ sản xuất mới*. Với đặc điểm Tây nguyên đi lên chủ nghĩa xã hội từ một trình độ kinh tế — xã hội thấp, cách mạng quan hệ sản xuất ở đây có tác động to lớn mở đường cho lực lượng sản xuất và các quá trình cách mạng khác phát triển. Đối với nhân dân các dân tộc, tùy điều kiện cụ thể ở từng nơi mà lựa chọn những hình thức tổ chức thích hợp, như giao đất giao rừng cho từng hộ, giúp xây dựng ruộng, vườn, tạo điều kiện từng bước tách hộ ở những nơi còn ăn ở tập trung trong các nhà dài; tổ chức các hình thức làm ăn tập thể từ tổ đổi công, tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất, hợp tác xã... Ở những nơi có điều kiện tổ chức các quốc doanh nông — lâm nghiệp, thu hút đồng bào vào làm công nhân, đồng thời phát triển nhiều hình thức liên doanh, liên kết kinh tế giữa quốc doanh, tập thể, gia đình, tạo cơ sở để thực hiện định canh định cư, đưa sản xuất nông — lâm nghiệp tiến lên theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Phát triển mạnh nông trường, lâm

Digitized by Google

trường quốc doanh ở Tây nguyên, phát huy vai trò nòng cốt của nó trong quá trình thu hút lao động, tổ chức sản xuất, tổ chức lại dân cư và xây dựng quan hệ sản xuất mới trên các vùng dân tộc thiểu số. Chú trọng đưa ngay đồng bào ở các vùng kinh tế mới vào hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, hoặc thu hút một bộ phận vào quốc doanh, nhằm thực hiện quy hoạch sản xuất đã xác định ở từng vùng và tạo điều kiện để sớm ổn định đời sống.

2 — *Áp dụng tiến bộ kỹ thuật và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật.*

Trong quá trình đẩy mạnh cách mạng kỹ thuật ở Tây nguyên, giao thông, thủy lợi, điện, cơ khí, cách mạng sinh học... là những vấn đề cần được tập trung đầu tư thích đáng.

Giao thông vận tải cần phải đi trước, kết hợp yêu cầu của nhiều ngành, nhiều đơn vị kinh tế, yêu cầu của trung ương và địa phương để tính toán, bố trí hợp lý mạng lưới giao thông và trình tự mở mang đường sá trên các vùng nông — lâm nghiệp mới. Coi trọng và khẩn trương mở mang đường trục nối liền những vùng làm — nông nghiệp mới với các đường quốc lộ, tỉnh lộ. Phát triển giao thông liên xã, đặc biệt là các xã biên giới và các xã có nhiều lâm sản, đặc sản. Kết hợp chặt chẽ kinh tế và quốc phòng trong quy hoạch mở mang giao thông vận tải, đặc biệt là mở mang giao thông ở vùng biên giới.

Thủy lợi ở Tây nguyên không chỉ là biện pháp hàng đầu đối với nông nghiệp mà cần phải gắn với việc bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước. Không phải chỉ bảo đảm thủy lợi cho cây lúa, mà còn phải bảo đảm thủy lợi cho cây công nghiệp, nhất là đối với chè và cà phê; ở nhiều nơi phải bảo đảm nước cho đời sống trong mùa khô. Cần có sự phân công và phối hợp giữa ba ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy lợi để tính toán quy hoạch và tổ chức thi công xây dựng từng loại công trình; chú trọng phát triển nhanh các hồ, đập nhỏ, kết hợp thủy lợi và thủy điện, kết hợp sử dụng nước cho sản xuất và cho sinh hoạt. Có kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi lớn đã có điều tra thiết kế. Chú trọng các biện pháp canh tác, phòng hộ để bảo vệ nguồn nước và tiết kiệm nước.

Về điện, để bảo đảm đủ điện phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp và công nghiệp chế biến, hướng chính là phát triển thủy điện nhỏ, vừa và lớn. Trước mắt, bảo đảm đủ điện đi ê đen cho các cụm kinh tế — kỹ thuật quan trọng; phối hợp nhu cầu của nhiều ngành ở một số vùng để xây dựng hợp lý các trạm điện thống nhất.

Trong điều kiện còn thiếu nhiều lao động, cần đưa nhanh công cụ cơ khí vào những khâu quan trọng trong sản xuất nông, lâm nghiệp, nhất là vào những khâu làm đất, tưới nước, chế biến, vận tải, để tăng nhanh năng suất lao động, tăng tỷ trọng hàng hóa. Tiến hành rà soát lại lực lượng cơ khí và hệ thống dịch vụ kỹ thuật của các ngành khác nhau trên địa bàn để có hướng sắp xếp và phân công hợp lý, bảo đảm sử dụng có hiệu quả thiết thực.

Đẩy mạnh việc *nghiên cứu kinh tế kỹ thuật* nông, lâm nghiệp ở Tây nguyên, nghiên cứu về sinh vật, kỹ thuật canh tác nông lâm nghiệp, kinh doanh rừng, khai thác hợp lý và có hiệu quả các tiềm năng sẵn có. Xây dựng gấp các trạm, trại giống cây nông nghiệp, cây rừng, con vật nuôi. Xây dựng nhiều điểm chỉ đạo kỹ thuật trên các tiểu vùng khác nhau ở Tây nguyên để tạo điều kiện nghiên cứu, kết luận những vấn đề thiết thực và đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật vào nông, lâm nghiệp.

Cùng với quá trình xây dựng những cơ sở vật chất kỹ thuật ở Tây nguyên, *cần tổ chức sử dụng tốt nguồn lao động*

Digitized by Google

tại chỗ hiện có của Tây nguyên, trước hết là lao động của đồng bào các dân tộc thiểu số gắn với định canh, định cư và lao động của đồng bào từ các tỉnh miền xuôi lên xây dựng vùng kinh tế mới. Việc *đưa lao động lên Tây nguyên* phải gắn liền với quy hoạch nông — lâm nghiệp. Từng địa phương, từng đơn vị sản xuất có yêu cầu lao động phải chuẩn bị tốt đối tượng lao động, công cụ lao động, nhà ở, lương thực và hình thức tổ chức sản xuất. Chú trọng đưa lao động có kỹ thuật lên Tây nguyên và sử dụng tốt đội ngũ này. Đặc biệt chú ý đến chất lượng chính trị của lực lượng lao động đưa đến các vùng có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng, chính trị. Sử dụng tốt lực lượng quân đội làm kinh tế vào khai hoang, làm thủy lợi, xây dựng kết cấu hạ tầng và xây dựng cơ bản cho nông — lâm nghiệp. Tạo điều kiện tốt để thu hút số thanh niên đã làm xong nghĩa vụ quân sự vào các nông, lâm trường, xí nghiệp công nghiệp. Tổ chức lại các buôn làng, khu dân cư công, nông, lâm trường và xây dựng nông thôn mới, xã hội mới ở Tây nguyên.

3— *Đổi mới cơ chế tổ chức và quản lý.*

Trong quá trình xây dựng Tây nguyên, cùng một lúc chúng ta triển khai hoạt động của nhiều ngành, nhiều đơn vị sản xuất kinh doanh, mở mang nhiều vùng kinh tế mới; phát triển đồng bộ cả nông, lâm, công nghiệp, sản xuất, chế biến và lưu thông; giải quyết đồng thời các vấn đề kinh tế và xã hội, gắn chặt kinh tế, xã hội với quốc phòng. Vì vậy tổ chức và quản lý có những phức tạp đòi hỏi phải có quy hoạch chặt chẽ và phối hợp tốt lực lượng của nhiều ngành.

Trước hết cần làm tốt quy hoạch ngành và quy hoạch vùng, phối hợp lực lượng của các ngành, các địa phương để xác định cơ cấu kinh tế, triển khai đồng bộ hệ thống các đơn vị sản xuất kinh doanh, dịch vụ kỹ thuật và dịch vụ phục vụ đời sống; có sự phân công, phân cấp nhằm mở mang xây dựng kết cấu hạ tầng, tổ chức giải quyết tốt các vấn đề xã hội. Đẩy mạnh các hình thức liên doanh, liên kết kinh tế để phát huy hết tiềm năng của từng thành phần kinh tế, mở rộng ngành nghề, tăng thêm vốn và trang bị kỹ thuật. Mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các ngành sản xuất. Thực hiện tốt và bổ sung cụ thể hóa các chính sách của Đảng và Nhà nước về các mặt, như chính sách dân tộc, chính sách lưu thông, thu mua sản phẩm, chính sách thu hút lao động, cán bộ, chính sách vốn và đầu tư, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế địa phương, chính sách bảo vệ tài nguyên, môi trường v.v.

Tạo cho quốc doanh nông, lâm nghiệp có điều kiện chủ động tác động vào các mặt xã hội và góp phần xứng đáng đẩy mạnh ba cuộc cách mạng ở Tây nguyên. Kinh tế quốc doanh phải đóng vai trò nòng cốt và quyết định trong khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt kinh tế quốc doanh trung ương phải chiếm một vị trí xứng đáng, nhất là trong việc xây dựng, mở mang những ngành kinh tế mũi nhọn đòi hỏi đầu tư lớn, kết hợp tốt quốc doanh trung ương với quốc doanh địa phương và kết hợp tốt các thành phần kinh tế. Trước mắt, theo tinh thần nghị quyết của Bộ chính trị (dự thảo) về bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở, cần giao cho nông trường, lâm trường một số đất, rừng cụ thể để sản xuất, kinh doanh hoặc quản lý, bảo vệ theo hướng kết hợp chặt chẽ nông — lâm nghiệp, liên kết và hợp tác chặt chẽ giữa kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể và kinh tế gia đình trên từng vùng, từng địa bàn cụ thể. Trên cơ sở chủ động sản xuất,

(Xem tiếp trang 57)

Digitized by Google

ĐÌNH NGHIÊM – HỮU XANH

NÂNG CAO NĂNG LỰC TỔ CHỨC THỰC TIỄN

VẤN đề cơ bản, quyết định đầu tiên đối với Đảng lãnh đạo cách mạng là đề ra đường lối đúng. Đó là « linh hồn sống », là « ngôi sao dẫn đường » cho sự nghiệp cách mạng của đông đảo quần chúng. Song chưa đủ. Sự lãnh đạo của Đảng còn bao gồm việc trực tiếp tổ chức quần chúng thực hiện đường lối ấy trong thực tiễn để đạt mục đích mà đường lối đã vạch ra. Vạch ra đường lối và tổ chức thực hiện đường lối là một thể thống nhất trong sự lãnh đạo của Đảng. Nói « cán bộ quyết định tất cả » có nghĩa là nói đến tầm quan trọng của năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn của cán bộ để thực hiện đường lối ấy.

Phải thông qua thực tiễn nói chung và trực tiếp tổ chức thực tiễn chúng ta mới dần dần nhận thức được đầy đủ, sâu sắc bản chất cách mạng và khoa học của đường lối, mới có thể cụ thể hóa đường lối một cách đúng đắn và sáng tạo. Phải thông qua tổ chức thực tiễn chúng ta mới tìm ra và khẳng định được những hình thức mới, phương pháp mới thích hợp với hoàn cảnh, điều kiện mới trong việc giải quyết những nhiệm vụ mới của cách mạng. Phải thông qua tổ chức thực tiễn chúng ta mới có thể kiểm tra được tính chính xác của đường lối, sửa đổi những điểm không đúng, bổ sung những cái còn thiếu, làm cho đường lối ngày càng hoàn thiện và phát huy được hiệu lực trong cuộc sống. Chúng ta biết rằng đường lối của Đảng dù đúng đến đâu vẫn chỉ có thể phản ánh cái bản chất nhất, bao trùm nhất, tổng quát nhất, của đời sống xã hội. Còn tổ chức thực tiễn thì lại đòi hỏi phải giải quyết đúng đắn mọi mặt hoạt động của xã hội; phải tính đến từng người lao động, từng tập thể lao động, từng ngành, từng địa phương cho đến toàn quốc. Do vậy, có trải qua công tác tổ chức thực tiễn chúng ta mới ngày càng hiểu biết sâu sắc hơn, toàn diện hơn tình hình kinh tế – xã hội của đất nước, từng bước tổng kết kinh nghiệm khái quát thành lý luận, hoàn chỉnh đường lối, kịp thời đề ra những quyết định tối ưu. Đồng chí Lê Duẩn nói: « Chúng ta đã nhiều lần nhấn mạnh rằng sau khi đã có đường lối, thì công tác quản lý và tổ chức thực hiện có vai trò cực kỳ quan trọng, quyết định bản thân vận mệnh của đường lối » (1). Tổ chức thực tiễn là quá trình bao gồm sự liên kết, phối hợp các nhân tố khách quan và chủ quan (chẳng hạn đức tính và phong cách người lãnh đạo); các yếu tố vật chất và tinh thần, truyền thống và thời đại; con người, xã hội và tự nhiên; sức lao động, tư liệu lao động, hoàn cảnh, điều kiện trong nước và quốc tế, thành một hệ thống, một chỉnh thể hoạt động nhịp nhàng, cân đối, có hiệu quả nhằm đạt được mục tiêu xác định.

Tổ chức thực tiễn trong cách mạng là biến đường lối thành hiện thực,

(1) Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, tập IV, tr. 480.

Digitized by Google

đưa hiện thực sinh động trên các mặt và trong các phạm vi khác nhau phát triển theo đường lối của Đảng. Đó là nhiệm vụ chung của toàn Đảng thông qua từng cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành; qua các đồng chí chuyên phụ trách từng mặt công tác của các cơ quan Nhà nước. Nó là một quy trình kể từ khi đề ra chủ trương; xác định kế hoạch tiến hành; chuẩn bị điều kiện các mặt; đặc biệt là việc xây dựng bộ máy, lựa chọn cán bộ điều hành; xây dựng cơ chế hoạt động và lề lối làm việc, cho đến bước kiểm tra kết quả cuối cùng. Đó là sự lôi cuốn quần chúng vào các quá trình hoạt động và tạo điều kiện cho quần chúng tham gia vào quá trình đó một cách tự giác, đúng hướng và đạt hiệu quả. Đó không chỉ là tổ chức một quá trình kinh tế, chính trị riêng lẻ mà là một tổng thể các quá trình nhằm đạt đến không chỉ một mục tiêu trên từng lĩnh vực mà là tổng thể các mục tiêu như xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Đó là sự kết hợp giữa khoa học quản lý và nghệ thuật quản lý, kết hợp giữa khoa học và nghệ thuật sử dụng con người; kết hợp giữa khoa học và nghệ thuật phát huy các yếu tố hiện có với việc xây dựng và phát huy các khả năng tiềm tàng; kết hợp việc thực hiện các bước đi, các công việc với việc tạo điều kiện khách quan cho từng bước đi, từng công việc. Trong đó nổi lên các vấn đề như kết hợp giữa lợi ích và mục tiêu; giữa tập trung và dân chủ; giữa tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách, giữa nguyên tắc và sáng tạo, v.v.

Nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn, thực chất là nâng cao công tác lãnh đạo, công tác tổ chức triển khai việc thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trong quần chúng, là công tác vận động, hướng dẫn, tổ chức quần chúng hành động trên thực tế nhằm thực hiện đường lối đó một cách chính xác nhất, có hiệu quả nhất.

★

Để bảo đảm tính đúng đắn, sức mạnh và hiệu quả của công tác tổ chức thực tiễn, trước hết phải thấu suốt đường lối, phương hướng và nhiệm vụ cách mạng, và biết cụ thể hóa chúng trong những điều kiện, hoàn cảnh lịch sử nhất định trên quy mô toàn quốc cũng như trên từng địa phương, từng cơ sở tùy theo phạm vi trách nhiệm của người lãnh đạo. Đó là nhãn quan chính trị, là «tư duy chính trị» cần thiết trong tổ chức thực tiễn. Nhiều khuyết điểm và nhược điểm trong công tác tổ chức thực tiễn bắt nguồn từ chỗ không hiểu, không quán triệt quan điểm, đường lối của Đảng. Nền kinh tế nước ta hiện nay còn bao gồm nhiều thành phần, nhiều trình độ kỹ thuật, nhiều quy mô hoạt động, nhiều loại hình sản xuất kinh doanh, nhiều kiểu quan hệ kinh tế đối ngoại. Chúng ta lại phải đối phó với cuộc chiến tranh lấn chiếm biên giới và phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Trung Quốc câu kết với chủ nghĩa đế quốc quốc tế và các lực lượng phản động khác, và còn thực hiện nghĩa vụ quốc tế xã hội chủ nghĩa. Do đó trong chặng đường hiện nay ở nước ta đang tồn tại nhiều loại quy luật cùng đan xen vào nhau: quy luật xây dựng kinh tế và quy luật chiến tranh bảo vệ Tổ quốc; quy luật kinh tế và quy luật chính trị của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường; quy luật kinh tế riêng của chủ nghĩa xã hội và không riêng của chủ nghĩa xã hội v.v. và những quy luật đó biểu hiện dưới những hình thức rất đa dạng, phong phú. Hơn thế nữa, công tác tổ chức thực tiễn là một trong những hoạt động tự giác

Digitized by Google

trên quy mô toàn xã hội; trong đó Đảng lãnh đạo, Nhà nước thống nhất quản lý bằng kế hoạch pháp lệnh và bằng công tác kiểm tra. Kế hoạch hóa là đòn bẩy mạnh mẽ nhất trong hệ thống đòn bẩy kinh tế vì nó không chỉ là pháp lệnh bắt buộc, mà thật sự chứa đựng ngay trong đó một sự khuyến khích, cổ vũ to lớn đối với các đơn vị cơ sở, các địa phương, các ngành và đối với mỗi người lao động. Tình hình kinh tế — xã hội nước ta hiện nay đang khẩn thiết đòi hỏi phải cải tổ sâu sắc hệ thống kế hoạch hóa và quản lý, đổi mới toàn bộ cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả của yếu tố tập trung của hệ thống kế hoạch hóa và quản lý, đồng thời mở rộng, kích thích tính tự chủ kinh tế và trách nhiệm của địa phương và cơ sở; sử dụng các hình thức và phương pháp hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, các quan hệ hàng hóa tiền tệ, các đòn bẩy kích thích kinh tế. Cho nên, trong tổ chức thực tiễn, người lãnh đạo phải biết tìm ra và sử dụng những hình thức tổ chức linh hoạt, đa dạng có tính quá độ thích hợp với chặng đường hiện nay cho từng loại hình kinh tế, từng khâu của quá trình sản xuất và tái sản xuất xã hội. Những vấn đề đó, nhiều năm nay chúng ta đã có định hướng, đã thử nghiệm cách tiếp cận với chúng như thế nào cho tốt hơn. Song sự thật thì tiến lên được rất ít. Điều cản trở những hoạt động đổi mới mạnh mẽ, kiên quyết, trước tiên, như Nghị quyết 31 của Bộ chính trị (19-2-1986) đã nhấn mạnh, là tư tưởng «chủ quan, nóng vội, giản đơn, «không sát thực tế», «không nhận thức hết» tình trạng kinh tế — xã hội còn khó khăn và phức tạp». Đã vậy việc «nghiên cứu và thảo luận chưa đầy đủ», «chưa bàn bạc kỹ để chỉ đạo thống nhất, chưa thực hiện các quyết định và chế độ làm việc, chưa giữ nghiêm kỷ luật của Đảng và pháp chế của Nhà nước». Bên cạnh đó, một số cán bộ chủ chốt còn có tâm lý cầu toàn, sợ sai lầm, quan liêu và bảo thủ... Do đó, để nâng cao hiệu quả tổ chức thực tiễn công tác kế hoạch hóa cần được chuẩn bị kỹ lưỡng, mang tính hiện thực, nghĩa là gắn với cuộc sống, với thực trạng kinh tế — xã hội cụ thể. Và sau khi đã quyết định, phải «lãnh đạo tập trung, dứt khoát, chỉ đạo cụ thể, có đôn đốc, có kiểm tra, theo quy trình công nghiệp, không đánh trống bỏ dùi, không phải họp xong là coi như xong việc, không phải ra quyết định xong coi như đã hết trách nhiệm» (2).

Một vấn đề quan trọng của công tác tổ chức thực tiễn là phát huy sức mạnh tổng hợp, quán triệt quan điểm đồng bộ, hệ thống vì nó cho phép chúng ta vừa tập trung được các tiềm lực để giải quyết có hiệu quả những mục tiêu trọng tâm, vừa tạo tiền đề, điều kiện cho sự phát triển toàn diện nền kinh tế xã hội nói chung. Đây là bài học kinh nghiệm lớn của cách mạng nước ta.

Quan điểm phát huy sức mạnh tổng hợp, quan điểm đồng bộ và hệ thống đòi hỏi trong từng chặng đường, bước đi, việc tìm ra mắt xích quan trọng nhất, mục tiêu cơ bản nhất, nhiệm vụ cấp bách nhất để tập trung lực lượng giải quyết phải được đặt trong mối tương quan với các mặt khác nhau của tình hình kinh tế — xã hội và lường trước các hậu quả trên các mặt đó. Để đổi mới toàn bộ cơ chế quản lý ở nước ta trong chặng đường hiện nay, xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp, mở ra thời kỳ phát triển mới của kinh tế — xã hội nước ta, nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương đã khẳng định đột phá khẩu có tính chất quyết định là giá — lương — tiền. Đồng thời nghị quyết cũng chỉ rõ đó

(2) Lê Đức Thọ: «Những nhiệm vụ cấp bách của công tác xây dựng Đảng». *Tạp chí Cộng sản*, tháng 5-1986, tr. 20.

Digitized by Google

là cuộc đấu tranh gay go, phức tạp và quyết liệt trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, tư tưởng và tổ chức. Nhiệm vụ ấy phải được tiến hành khẩn trương, kiên quyết nhưng phải tính toán cẩn thận các phương án, bước đi vững chắc, phải dự kiến được các mặt tích cực, đồng thời phải lường trước những hệ quả bất lợi nhất thời có thể xảy ra để có biện pháp tích cực đề phòng và khắc phục. Trong toàn bộ quá trình cũng như trong mỗi bước tiến hành, phải thực hiện đồng bộ, cân đối các khâu như đồng bộ và cân đối giá lương và tiền; đồng bộ và cân đối quỹ hàng hóa và quỹ tiền tệ. Điều chỉnh giá — lương — tiền đi đôi với đổi mới toàn bộ cơ chế quản lý, với tổ chức sắp xếp lại sản xuất, vận tải và lưu thông phân phối; đổi mới cơ chế quản lý gắn liền với cải tạo các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, cải tạo và quản lý thị trường; thực hiện đồng bộ các biện pháp kinh tế, giáo dục, hành chính; đổi mới chính sách kinh tế gắn liền với đổi mới bộ máy tổ chức và cán bộ, thận trọng và kiên quyết trong việc cắt bỏ các tổ chức trung gian không cần thiết, chấn chỉnh tổ chức và sửa đổi hoạt động của các ngành kế hoạch, cung ứng vật tư, nội thương, ngoại thương, tài chính ngân hàng, vật giá, lao động và tiền lương... nhằm thiết thực phục vụ cho sản xuất, kinh doanh của cơ sở. Tuy nhiên trong công tác tổ chức thực tiễn vừa qua, do không quán triệt đầy đủ và đúng đắn nội dung đó, chúng ta không những không làm chủ được thị trường và giá cả, không ổn định được tài chính, tiền tệ và đời sống nhân dân, mà còn làm cho tình hình kinh tế — xã hội thêm phức tạp, có những mặt rất nghiêm trọng. Nhà nước bị mất mát to lớn.

Công tác tổ chức thực tiễn đòi hỏi phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa lợi ích và mục tiêu. Mục tiêu là cái định hướng cho hoạt động thực tiễn. Mục tiêu rõ ràng, chính xác, phản ánh đúng yêu cầu của cách mạng và lợi ích của quần chúng sẽ làm dấy lên phong trào cách mạng sôi nổi và liên tục. Lợi ích là động lực để thực hiện mục tiêu. Quần chúng tham gia hoạt động thực tiễn một phần quan trọng là nhằm vào lợi ích thiết thân của họ. Kết hợp hài hòa và bảo đảm sự thống nhất các lợi ích trong các mục tiêu là động lực cơ bản, mạnh mẽ thúc đẩy người lao động, các tập đoàn, các tổ chức kinh tế xã hội hoạt động mạnh mẽ, ăn khớp theo phương hướng, mục tiêu xác định, tạo nên sức mạnh to lớn làm chuyển biến tình hình hiện nay. Ăng-ghen đã chỉ rõ: « Ở đâu không có lợi ích chung thì ở đó không thể có sự thống nhất về mục đích và càng không thể có sự thống nhất về hành động » (3). Do vậy, để nâng cao hiệu quả của công tác tổ chức thực tiễn phải định ra các bước đi hợp lý với các mục tiêu hợp lý phản ánh mối quan hệ đúng đắn giữa các lợi ích: xã hội, tập thể, cá nhân; định ra trật tự công việc và thứ tự ưu tiên thực hiện các mục tiêu. Kết hợp biện chứng mục tiêu và lợi ích sẽ nâng cao tinh thần trách nhiệm và sự quan tâm của người lao động đối với kết quả cuối cùng của công việc. Điều đó đã thể hiện rõ qua quá trình thực hiện chỉ thị 100 của Ban bí thư, Quyết định 25 CP của Hội đồng bộ trưởng và Nghị quyết 8 của Ban chấp hành trung ương Đảng hiện nay.

Việc nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn hiện nay đòi hỏi kết hợp đúng đắn tập trung và dân chủ, tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách. Việc đó cho phép vừa tạo nên được sức mạnh toàn diện, thống nhất của cả nước nhằm thực hiện những mục tiêu lớn, những cân đối lớn trong phạm vi toàn xã hội; vừa tạo điều

(3) Mác — Ăng-ghen *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1981, t. II trang 259.

Digitized by Google

kiện cho các cấp, các ngành, các địa phương và cơ sở phát huy được tính chủ động, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh, trong tổ chức đời sống xã hội. Kết hợp đúng đắn tập trung và dân chủ còn cho phép vừa xây dựng được bộ máy hoạt động thống nhất, có kỷ luật, vừa thể hiện được ý chí, sức mạnh sáng tạo của quần chúng; vừa phát huy được vai trò, tinh thần trách nhiệm của cá nhân, vừa tranh thủ được trí tuệ của tập thể.

Việc quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ trong quá trình tổ chức thực tiễn thể hiện ở chỗ người lãnh đạo, người quản lý, người cán bộ chủ chốt phải biết lắng nghe ý kiến của cấp dưới, ý kiến của quần chúng; phải tổ chức cho cấp dưới, cho quần chúng tham gia bàn bạc kế hoạch thực hiện, phê bình góp ý kiến cả về nội dung quyết định cũng như kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện quyết định ấy. Hồ chủ tịch đã nói: «*Dân chủ, sáng kiến, hăng hái*, ba điều đó rất quan hệ với nhau. Có dân chủ mới làm cho cán bộ và quần chúng đề ra sáng kiến. Những sáng kiến đó được khen ngợi, thì những người đó càng hăng hái, và người khác cũng học theo. Và trong khi tăng thêm sáng kiến và hăng hái làm việc, thì những khuyết điểm lặt vặt, cũng tự sửa chữa được nhiều.» (4).

Nhưng dân chủ phải gắn liền với tập trung và chế độ kỷ luật chặt chẽ, phải khắc phục tình trạng lỏng lẻo trong việc chấp hành các quyết định, các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, nói tóm lại phải làm đúng như lời dạy của Lê-nin: «Kết hợp tinh thần dân chủ sôi sục, tràn trề tựa như nước lũ mùa xuân, của quần chúng lao động trong các cuộc mít tinh với một kỷ luật *sắt* trong lao động.... với ý chí của một người duy nhất, của nhà lãnh đạo xô viết» (5).

Tổ chức hoạt động thực tiễn đòi hỏi phải có chế độ tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách. Đối với mỗi công việc chung phải cụ thể hóa trách nhiệm của cá nhân và yêu cầu từng cá nhân phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm đó; không một nhiệm vụ chung nào mà không được quy định thành trách nhiệm cá nhân. Ai chịu trách nhiệm thì người đó có quyền hạn, quyền hạn tương xứng với trách nhiệm. Chính tình trạng phân định trách nhiệm cá nhân không rõ ràng, không cụ thể dễ sinh ra lối làm việc thụ động, ỷ lại, trông chờ; bộ máy thì cồng kềnh mà quan liêu, kém hiệu quả. Khi được việc ai cũng có thành tích, khi hỏng việc, không ai nhận khuyết điểm, nghĩa là không ai chịu trách nhiệm cả. Đề cao trách nhiệm cá nhân đồng thời phải coi trọng lãnh đạo tập thể. Không hiểu cụ thể tình hình kinh tế—xã hội của đất nước trong diễn biến phức tạp hiện nay, không muốn và không kiên quyết bằng những hoạt động thực tiễn có hiệu lực ổn định tình hình đó, cục bộ bản vị không chú ý đến những lợi ích toàn xã hội... là hoàn toàn xa lạ với nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Để thực hiện nguyên tắc này trong công tác tổ chức thực tiễn, người lãnh đạo một mặt phải biết lựa chọn những vấn đề lớn, có tính nguyên tắc và quan trọng nhất để đưa ra tập thể bàn bạc quyết định; mặt khác biết phát huy tính năng động của bộ máy, của cán bộ cấp dưới, xây dựng bầu không khí làm việc đoàn kết, tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Kiên quyết làm việc theo quy chế, chống tùy tiện, tự do chủ nghĩa.

Tổ chức hoạt động thực tiễn là công tác rộng lớn, phức tạp về nhiều

(4) X.Y Z.: *Sửa đổi lề lối làm việc*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1955, tr. 19.

(5) V.I Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va; 1977, tập 36, tr. 249.

Digitized by Google

mặt. Nó đòi hỏi người cán bộ phụ trách phải có: «chủ trương một, biện pháp mười, quyết tâm hai mươi». Nó vừa mang tính lãnh đạo tư tưởng ở một mức độ nhất định; vừa mang tính hành động thực tế, quản lý và điều hành cụ thể; vừa chỉ huy, vừa lôi cuốn mọi người. Nó đòi hỏi phải có tri thức về khoa học tổ chức, song không thể thiếu nhiệt tình cách mạng, ý chí phấn đấu cách mạng. Nó cũng đòi hỏi phải có phong cách lãnh đạo đầu nghĩ, miệng nói, tay làm: hành động đi đôi với lời nói. Đó chính là những nhân tố chủ quan của người lãnh đạo.

Tổ chức hoạt động thực tiễn đòi hỏi xóa bỏ tác phong quan liêu, mệnh lệnh đơn thuần hoặc gia trưởng độc đoán. Nhiệm vụ cách mạng và đòi hỏi của cuộc sống thường được đặt ra khẩn trương, gay gắt, không thể chấp nhận sự trì trệ, bảo thủ hay quan liêu. Ngược lại chỉ có tinh tích cực, chủ động, sáng tạo, kiên quyết của người lãnh đạo, người tổ chức thực tiễn mới thúc đẩy cả bộ máy bên dưới và quần chúng lao vào thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra.

Tổ chức hoạt động thực tiễn đòi hỏi không được bảo thủ, trì trệ, song cũng không được phiêu lưu mù quáng làm bừa, làm ẩu, không tính toán hiệu quả, không chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc thực hiện mỗi công việc. Nó đòi hỏi vừa năng động, sáng tạo vừa phải giữ vững nguyên tắc và thận trọng đúng mức. Nhạy cảm phát hiện cái mới, làm thử, tổng kết rút kinh nghiệm rồi phổ biến ra diện rộng có tính tới đặc điểm cụ thể từng vùng, từng địa phương là con đường đúng đắn của việc tổ chức thực tiễn.

Tổ chức hoạt động thực tiễn đòi hỏi phải đi sâu, đi sát, đôn đốc, kiểm tra thường xuyên và duy trì sự hoạt động nghiêm túc cho tới khi nào hoàn thành được mỗi nhiệm vụ đặt ra. «Đánh trống bỏ dùi», hoặc «đầu voi đuôi chuột» sẽ không bao giờ dứt điểm được việc gì, hoàn thành được nhiệm vụ gì. Chỉ có thường xuyên kiểm tra, chú ý tới các thông tin khác nhau, các sự kiện đang xảy ra mới có thể phân tích và chỉ đạo kịp thời bằng các quyết định đúng đắn.

Hiệu quả của tổ chức hoạt động thực tiễn gắn liền với phong trào quần chúng, song không nên chỉ nhìn vào sự sôi nổi bề ngoài của phong trào mà phải xem xét thực chất của công việc. Năng suất và hiệu quả cao, chất lượng tốt và sự quan tâm chu đáo, đầy đủ đến đời sống người lao động, đó mới là tiêu chuẩn chính xác nhất để đánh giá thực tiễn và năng lực tổ chức thực tiễn của người lãnh đạo. Nâng cao năng lực ấy, người lãnh đạo sẽ như một nhạc trưởng kiên quyết, dứt khoát, có tầm bao quát, tạo nên sự hài hòa, ăn khớp của cả dàn nhạc, mà từ đó vang lên giai điệu đẹp đẽ của bản nhạc cuộc sống.

Digitized by Google

TRẦN NGUYÊN

VỀ ĐẠO ĐỨC THỂ THAO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

NHỮNG hoạt động thể thao đỉnh cao thu hút hàng trăm triệu người theo dõi. Có thể nói trong đời sống văn hóa, tinh thần chưa có một hoạt động nào có sự tiếp xúc rộng lớn như vậy đối với đời sống xã hội. Các đại hội Ô lim pic, các giải bóng đá v.v. đã chứng minh hùng hồn sự cuốn hút kỳ diệu của nó.

Nhưng thể thao chỉ mang lại sự hào hứng khi nó đạt trình độ nghệ thuật cao với một tinh thần thể thao chân chính. Nếu chơi thể thao với động cơ thực dụng, chỉ cay cú chuyện được thua thì dù tài nghệ có cao đến đâu cũng chẳng đẹp, hơn nữa còn để lại lắm điều khó chịu trong lòng người xem. Đội bóng đá của Cộng hòa liên bang Đức tài nghệ là thế, nhưng lối đá cuội của họ với đội Áo nhằm loại đội An-giê-ri trong giải bóng đá Espana 82 là một ví dụ điển hình.

Nhân vật trung tâm của thể thao là vận động viên. Một vận động viên càng xuất sắc cả về tài nghệ lẫn đạo đức thì sức cổ vũ, giáo dục, truyền thụ cái đẹp của họ càng lớn. Tên tuổi của họ tồn tại mãi với thời gian. Thế giới thể thao đã có những vận động viên mà tài năng và đạo đức trong sáng thật đáng ca ngợi.

Xté-ven-xơn, một vận động viên Cu-ba, nhiều lần vô địch thế vận, là một con người như vậy. Đế quốc Mỹ vốn có thói quen mua bán vận động viên, đã âm mưu lôi kéo anh đi vào con đường phản bội Tổ quốc, ngỏ ý mua anh với giá hàng chục triệu đô la. Nhưng Xté-ven-xơn đã nói thẳng vào mặt những tay bầu thể thao Mỹ: giá trị của tôi, cuộc đời của tôi là thi đấu cho Tổ quốc Cu-ba!

Trên đất nước ta, trong nhiều năm, các hoạt động thể thao cũng đã có sức hấp dẫn, mang lại nhiều điều hứng thú. Người xem rời sân vận động với niềm vui hể hả vì họ đã được chứng kiến những cuộc thi tài sôi động, hết mình của vận động viên.

Nhiều anh chị em vận động viên, trong điều kiện nước nhà còn nhiều khó khăn vất vả vẫn giữ được cuộc sống lành mạnh, phẩm chất, đạo đức trong sáng trong kiên trì tập luyện, trau dồi bản lĩnh, cũng như trong các cuộc thi đấu trong nước và ở nước ngoài. Nhiều người đã thu được những kết quả tốt đẹp, thành tích của họ chẳng kém gì trình độ vận động viên xuất sắc của một số nước. Bên cạnh những huy chương thể thao, họ được Nhà nước tặng thưởng huân chương lao động. Trong số những vận động viên ấy, nhiều người trở thành cán bộ cốt cán, dầu đàn trong ngành thể dục thể thao. Trên cương vị công tác khác nhau, họ đang phát huy và đóng góp có hiệu quả vào sự nghiệp thể dục thể thao của đất nước, góp phần đào tạo một đội ngũ vận động viên, cán bộ kế cận mà năng lực và thành tích đã vượt họ.

Tuy vậy, trong đời sống thể thao những năm gần đây đã bộc lộ những hiện tượng tiêu cực mà tính chất nghiêm trọng của nó có phần đáng

Digitized by Google

lo ngại. Nhiều chuyện bê bối xảy ra trong giải bóng đá A1 năm qua là một ví dụ.

Hầu như phần lớn các đội bóng dự giải đều vi phạm đạo đức thể thao xã hội chủ nghĩa ở những mức độ khác nhau. Thi đấu không trung thực là một hiện tượng khá phổ biến. Một trận thi đấu thật sự của một giải toàn quốc lại diễn ra một cách hết sức tẻ nhạt, kém xa một buổi tập luyện bình thường. Một đội đã từng là vô địch lại thua một đội yếu với một tỷ số đáng kinh ngạc! Có đội thi đấu hết sức thô bạo, thậm chí hành hung cả trọng tài hoặc tự làm mình thua một cách trắng trợn. Mọi thủ đoạn, tiểu xảo của họ đã được đem ra thi thố bất chấp sự phẫn nộ và lên án của dư luận. Bên lề sân cỏ, trên đường đi đến sàn vận động, tất bật ngược xuôi những chuyện móc ngoặc, dàn xếp, qua cáp, biếu xén. Rõ ràng đã diễn ra những chuyện mua bán trong thể thao. Nhiều người với trách nhiệm và cương vị công tác khác nhau đã có lỗi về những hành động tiêu cực đó: vận động viên, chỉ đạo viên, huấn luyện viên, cán bộ phụ trách thể dục thể thao một số địa phương, ngành v.v.

Vì sao có những hiện tượng tiêu cực đó? Nguyên nhân trực tiếp và nguồn gốc sâu xa của nó là ở đâu?

Mỗi hành động đều có động cơ. Các đội bóng mạnh thì muốn giành thứ hạng cao. Đội yếu thì mong tránh khỏi tụt hạng. Và chung quanh chuyện thứ hạng của đội bóng là thành tích, tiếng tăm của địa phương, là khen thưởng, là liên hoan, v.v. Có người biện hộ cho những hành động sai trái của mình là "sự khôn ngoan trong chỉ đạo chiến thuật". Người thì bào chữa: "Người ta đều móc ngoặc, mình không làm là dại, chỉ có thiệt". Trước sự lên án của dư luận, có người tự nhận việc làm của mình là "có phạm về đạo lý nhưng đúng về pháp lý vì trọng tài đã công nhận kết quả, tỉ số trận đấu" v.v. Thật chưa bao giờ có một sự rối mù như vậy về sự phân biệt đúng sai, phải trái!

Hoạt động thể thao phải nhằm đạt tới sự phát triển toàn diện, hài hòa về thể lực, kỹ xảo vận động, về phong cách, đạo đức của con người mới, đồng thời phải mang lại một giá trị văn hóa tinh thần cho đời sống xã hội. Một thành tích, kỷ lục thể thao chỉ được thừa nhận khi nó đạt được bằng thực lực của một tập thể, một cá nhân vận động viên với một tinh thần thi đấu hết mình. Thứ hạng trong thể thao chỉ có giá trị khi nó thể hiện trung thực tài năng, bản lĩnh của mỗi người, mỗi đội. Chạy theo thành tích, thứ hạng bằng mọi thủ đoạn "chiến thuật" với những động cơ không lành mạnh của chủ nghĩa thực dụng, xa rời mục tiêu cao quý của thể dục thể thao, của thi đấu thể thao, đó là nguyên nhân của sự phát sinh và phát triển những hiện tượng tiêu cực không chỉ trong bóng đá mà cả trong một số môn khác nữa.

Tình hình đó nói lên những khuyết điểm của công tác quản lý, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức đối với vận động viên, huấn luyện viên của cơ quan quản lý công tác thể dục thể thao các cấp, các ngành, các cơ sở có đội bóng. Trong kế hoạch huấn luyện, đào tạo vận động viên còn ít chú trọng đến nội dung bồi dưỡng chính trị, tư tưởng, đạo đức cho anh chị em. Trong công tác chỉ đạo và điều hành các hoạt động thi đấu thì không kịp thời, trong việc xử lý các hiện tượng tiêu cực thì thiếu kiên quyết và không nghiêm khắc. Nghiêm trọng hơn là có một số cán bộ phụ trách thể dục thể thao ở một số địa phương, đơn vị, do tư tưởng lệch lạc chạy theo thành tích, thứ hạng quá nặng đã đóng vai trò chủ động gây ra những hiện tượng tiêu cực đó.

Digitized by Google

Không để cho những hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội xâm nhập vào đời sống thể thao, đồng thời không để xảy ra những chuyện tiêu cực trong thể thao tác động xấu đến đời sống văn hóa, tinh thần của xã hội, đó là một nhiệm vụ quan trọng của những tổ chức có trách nhiệm, trước hết là của cơ quan phụ trách công tác thể dục thể thao. Trên tinh thần ấy, chúng ta đồng tình với thông báo của Ban thường trực giải bóng đá A1 toàn quốc năm 1986 chấp thuận các kết luận và xử lý kỷ luật của Ban tổ chức bảng C đối với những người đã làm cho trận thi đấu giữa hai đội Cảng Sài gòn và Công an Hà nội trên sân cỏ Long an ngày 27-4-1986 bị bỏ dở

★

Vận động viên thể thao Việt nam phải là một loại hình mẫu con người mới xã hội chủ nghĩa. Phẩm chất, đạo đức của người vận động viên cơ bản là phẩm chất, đạo đức con người mới. Đó là sự trung thành với Tổ quốc, với chủ nghĩa xã hội, là tinh thần, thái độ lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, là kiến thức văn hóa, là tư tưởng và tình cảm cao đẹp của con người mới, là đạo đức và phong cách hoạt động của họ trong lĩnh vực thể dục thể thao và đời sống cá nhân mình.

Từ những phẩm chất cơ bản đó, đạo đức của người vận động viên có những nét đặc trưng do tính chất hoạt động nghề nghiệp của họ quy định. Tuổi đời của con người thì dài. Nhưng tuổi hoạt động của vận động viên thể thao nói chung vào khoảng trên dưới 15 năm, tức là khoảng thời gian mà người vận động viên có đủ thể lực, sức mạnh và sự chịu đựng của thần kinh, tinh thần thích ứng với quá trình tập luyện và thi đấu với cường độ vận động cao.

Với tư cách là một vận động viên thể thao thật sự, đi đôi với việc rèn luyện, tu dưỡng để có phẩm chất của một con người mới dưới chế độ mới thì phẩm chất và đạo đức của người vận động viên phải được biểu hiện trên các mặt sau đây:

Tự giác, chủ động tập luyện kiên trì, gian khổ, với cường độ vận động và tinh thần cố gắng hết sức cao. Đây là hình thái lao động đặc thù của người vận động viên mà hiệu quả của nó là trình độ, kỹ năng vận động thể hiện bằng thành tích, kỷ lục thể thao.

Với tinh thần thể thao chân chính, khi ra thao trường, họ thi đấu trung thực, hết mình để vươn tới đỉnh cao thành tích có thể đạt được. "Không chiến đấu ngoan cường, không có thắng lợi vẻ vang", đó là châm ngôn cho những ai muốn trở thành chiến sĩ, kể cả lực sĩ trên mặt trận thể thao.

Hơn ai hết, người vận động viên phải sống một cuộc sống bình thường hằng ngày hết sức điều độ và lành mạnh, vượt qua mọi sự cám dỗ rất có hại cho hoạt động thể thao (tệ nghiện ngập, cuộc sống buông thả...).

Xác định động cơ trong sáng trong hoạt động, thi đấu thể thao vì mục tiêu xây dựng con người mới, đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, với khát vọng vươn tới đỉnh cao thành tích, mang lại niềm vinh dự, tự hào cho Tổ quốc, quê hương. Đây là phẩm chất chính trị, đồng thời là nội dung cơ bản nói lên bản chất, đạo đức người vận động viên dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Đó chính là nguồn phát sáng mọi tư tưởng và tình cảm cao đẹp, là sự bảo đảm bằng vàng cho mọi giá trị chân chính của thành tích, kỷ lục thể thao.

Bằng mọi hình thức phong phú và sinh động, hun đúc, tạo dựng nên những phẩm chất và đạo đức trong

Digitized by Google

sáng đó cho vận động viên ngay từ lứa tuổi thiếu nhi, tuổi của năng khiếu thể thao. Bồi dưỡng năng khiếu thể thao phải đồng thời bồi dưỡng đạo đức thể thao ngay từ lứa tuổi trẻ. Do đó trường lớp năng khiếu thể thao ở các địa phương phải có nội dung, chế độ, chương trình giảng dạy và huấn luyện một cách toàn diện cả về chuyên môn, văn hóa và đạo đức, bảo đảm cho việc xây dựng đội ngũ vận động viên phát triển hài hòa cả tài lẫn đức. Mọi khuynh hướng coi nhẹ giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức trong các trường năng khiếu đều sai lầm và có hại.

Huấn luyện viên là người thầy về chuyên môn, đồng thời cũng là người thầy dạy đạo đức cho vận động viên. Hơn ai hết, huấn luyện viên là người có trách nhiệm, có uy tín và điều kiện nhất trong việc bồi dưỡng đạo đức cho vận động viên. Là người thầy, cùng ăn ở, sinh hoạt dạy dỗ vận động viên, huấn luyện viên thường để lại dấu ấn sâu sắc cho những học trò của mình. Mọi lời nói, hành động của huấn luyện viên tác động rất lớn đến vận động viên. Huấn luyện viên là một nhà sư phạm. Họ phải luôn luôn ý thức sâu sắc về vai trò của mình trong sự nghiệp đào tạo các lớp vận động viên kế cận cho đất nước. Các huấn luyện viên phấn đấu tự rèn luyện mình để có năng lực và uy tín ngày càng cao.

Chúng ta cần tạo nên một phong trào quần chúng biểu dương, nêu gương những vận động viên có tài đức, đồng thời phê phán những biểu hiện thiếu đạo đức của vận động viên trong thi đấu thể thao cũng như trong lối sống hằng ngày. Mặt khác, phải lên án tệ nghiện ngập, cờ bạc dưới bất cứ hình thức nào và dứt khoát loại bỏ những vận động viên câu kết với bọn cá cược phá hoại các hoạt động thi đấu thể thao lành mạnh. Ở đây, vai trò của báo chí là hết sức quan trọng. Phát hiện, biểu dương một cách xứng đáng những biểu hiện tốt và phê phán một cách sâu sắc những biểu hiện không tốt trong lĩnh vực thể thao là một nhiệm vụ quan trọng của báo chí. Rất cần có sự kết hợp dư luận quần chúng mà cơ quan tuyên truyền báo chí là đại diện, với cơ quan thể dục thể thao để chọn lựa biểu dương những tập thể thể thao và vận động viên tiêu biểu cho phong cách, đạo đức thể thao mới.

Trách nhiệm chủ yếu đào tạo, xây dựng lực lượng vận động viên các môn thể thao thuộc về các cơ quan quản lý công tác thể dục thể thao từ trung ương đến địa phương, các đơn vị cơ sở có vận động viên, các đội thể thao. Chớ quá thực dụng mà quên việc giáo dục lý tưởng. Đi đôi với các biện pháp và chế độ bồi dưỡng thích đáng về vật chất để nâng cao thể lực và kỹ thuật, chúng ta cần chú ý đúng mức công tác quản lý, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức con người mới cho vận động viên. Nội dung rèn luyện đạo đức thể thao xã hội chủ nghĩa phải thành quy chế quản lý, xây dựng các đội thể thao. Các đơn vị, cơ sở có đội thể thao, tất cả các huấn luyện viên, chỉ đạo viên, các trường năng khiếu, các trung tâm và cơ sở huấn luyện phải thực hiện nghiêm túc các quy chế ấy. Nội dung điều lệ các giải thể thao từ toàn quốc đến địa phương phải bao gồm những điều quy định cụ thể về đạo đức, phong cách thi đấu và sinh hoạt. Khen thưởng xứng đáng những đơn vị và vận động viên có đạo đức, thành tích, đồng thời kiên quyết và kịp thời xử lý những người vi phạm đạo đức trong sinh hoạt hằng ngày và trong thi đấu. Đã đến lúc phải xem xét tư cách vận động viên mắc tệ nghiện ngập, cờ bạc, « bán độ », dù họ có tài. Hữu khuynh, nể nang xuê xoa với những hiện tượng tiêu cực không

(Xem tiếp trang 89)

Digitized by Google

LÝ XUÂN LAI
Bí thư Huyện ủy Định hóa

ĐỊNH HÓA TỪNG BƯỚC ĐI LÊN

CÙNG với các huyện khác trong cả nước, huyện Định hóa chúng tôi đang tích cực và khẩn trương chuẩn bị đại hội đảng bộ các cấp để tiến tới Đại hội toàn quốc thứ VI của Đảng. Tập thể huyện ủy chúng tôi đã nhiều lần bàn bạc, thảo luận, nghiêm túc đánh giá những việc đã làm trong 5 năm qua và chuẩn bị phương hướng cho thời gian tới. Chúng tôi đã bước đầu rút ra được một số kinh nghiệm trên các mặt công tác sau đây:

1. Tích cực khai thác thế mạnh của địa phương, tiến tới xây dựng Định hóa thành huyện giàu mạnh.

Định hóa là huyện vùng núi thấp của tỉnh Bắc thái, có diện tích đất tự nhiên 50.026 héc ta, đất nông nghiệp 6.910 héc ta, đất rừng 32.300 héc ta. Người dân Định hóa từ lâu đời sống bằng nghề trồng lúa, trồng sắn và khai thác rừng. Dựa vào các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, tính toán kỹ những đặc điểm về đất đai, lao động và tiềm năng kinh tế của huyện, huyện ủy chúng tôi đã dần dần xác định được phương hướng sản xuất thích hợp nhằm khai thác triệt để thế mạnh của địa phương. Chúng tôi cho rằng thế mạnh của Định hóa là lúa (với diện tích 4 215 héc ta), chè (với diện tích 1000 héc ta) và khai thác rừng. Vì thế trong 5 năm qua chúng tôi đã tập trung đầu tư cho việc khai thác các thế mạnh này, cố gắng từng bước tạo ra thế đi lên vững chắc của huyện.

Trong sản xuất nông nghiệp, chúng tôi xác định việc mở rộng diện tích và thâm canh tăng năng suất lúa có tầm quan trọng hàng đầu để bảo đảm cho Định hóa tự nuôi sống mình và từng bước tăng mức đóng góp với Nhà nước. Một mặt, chúng tôi chủ trương đẩy mạnh khai hoang, phục hóa, tận dụng mọi chân ruộng để cấy lúa; mặt khác, do khả năng mở rộng diện tích cấy lúa ở Định hóa không còn nhiều, cho nên phải tập trung đầu tư theo chiều sâu, tăng năng suất cây trồng. Biện pháp cơ bản thực hiện phương hướng thâm canh là tích cực làm thủy lợi, sử dụng giống lúa mới, tăng phân bón và áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến.

Về thủy lợi, dựa trên đặc điểm nguồn nước của huyện, chúng tôi coi trọng thủy lợi nhỏ, tận dụng các nguồn sinh thủy tự nhiên, xây các đập chắn và hồ giữ nước để làm chủ nguồn nước. Ở những nơi có điều kiện thì kết hợp xây dựng trạm thủy điện nhỏ để lấy điện chạy máy bơm và thắp sáng cho xã viên. Đến hết năm 1985, toàn huyện đã xây dựng được hơn 600 đập, hồ chứa nước và 7 trạm thủy luân có công suất từ 10kW đến 15kW. Về giống, do chủ động được nguồn nước tưới, chúng tôi có thể đưa các giống lúa nước có năng suất cao vào đồng ruộng. Về phân bón, chúng tôi

Digitized by Google

khuyến khích các hợp tác xã tăng cường dùng phân hữu cơ (tích cực làm phân xanh và tận dụng nguồn phân chuồng). Huyện còn giúp các hợp tác xã mạnh dạn áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và xây dựng các vùng lúa cao sản với tổng diện tích hàng nghìn héc ta.

Nhờ vậy, đến nay hơn một nửa số xã trong huyện đã đạt năng suất lúa cả năm từ 5 tấn/ha trở lên. Đặc biệt, hợp tác xã Hồng quang (xã Trung lương) trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn về nước tưới, nhưng nhờ làm tốt công tác thủy lợi, mạnh dạn áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất cho nên đã đạt 8 tấn/ha, mở ra triển vọng mới về khả năng thâm canh tăng năng suất lúa. Tổng sản lượng lương thực của huyện tăng từ 16 361 tấn năm 1981 lên 19 120 tấn năm 1985.

Cùng với việc thâm canh tăng năng suất lúa, huyện ủy chúng tôi chủ trương phải tận dụng diện tích các đồi, nương, dẫy mạnh việc trồng sắn, coi cây sắn là cây lương thực thứ hai sau lúa. Bà con các dân tộc Định hóa có tập quán trồng sắn và ăn sắn nhưng trước dây việc trồng sắn thường rất tùy tiện; trồng nhưng không chăm bón, trồng tràn lan lấn cả đất rừng, nhiều nơi để sắn 2 — 3 năm mới thu hoạch. Vì vậy, năng suất không cao, rừng lại bị phá. Khắc phục tình trạng đó, huyện chúng tôi đã giúp các xã xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, trong đó quy định cụ thể vùng đất trồng sắn và hướng dẫn cho xã viên kỹ thuật thâm canh sắn, đưa việc trồng sắn vào kế hoạch và đi dần vào nền nếp. Năm 1982 diện tích trồng sắn được mở rộng lên 706 héc ta, năm 1985 lên 805 héc ta. Việc mở rộng diện tích trồng sắn đã góp phần phát triển chăn nuôi trong huyện và cung cấp hàng nghìn tấn sắn tươi cho các huyện, tỉnh miền xuôi. Cho đến nay, Định hóa chúng tôi vẫn còn nhiều khả năng phát triển trồng sắn. Vấn đề là phải có chính sách khuyến khích đúng và có biện pháp chế biến tốt. Chúng tôi đang tìm cách khuyến khích các hợp tác xã và xã viên phơi sắn lát khô, đồng thời chuẩn bị xây dựng cơ sở chế biến bột sắn. Nếu làm tốt việc này chúng tôi sẽ mở ra được hướng làm ăn mới, có điều kiện để đưa nhiều hơn nữa lượng sắn vào bữa ăn và mở rộng liên kết với các đơn vị bạn.

Việc trồng chè và chế biến chè búp là một nguồn lợi lớn của huyện chúng tôi. Tuy mới phát triển trên dưới hai mươi năm nay, nhưng cây chè tỏ ra rất thích hợp với đất đồi Định hóa, nhanh chóng trở thành cây « đặc sản » của địa phương và được xếp vào loại « có tiếng » của Bắc thái. Chúng tôi đã thành lập 26 hợp tác xã chuyên trồng chè, vừa chú trọng mở rộng diện tích trồng chè, vừa đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất. Năm 1981 diện tích trồng chè ở Định hóa mới là 680 héc ta, năm 1985 đã lên đến 900 héc ta và năm 1987 dự định là 1000 héc ta. Sản lượng chè năm 1982 là 1 181 tấn, năm 1984 lên 1 797 tấn. Năm 1985 bán cho Nhà nước 330 tấn chè khô.

Định hóa có khá nhiều rừng, với nhiều loại gỗ và lâm sản quý. Hàng năm có thể khai thác một lượng gỗ và lâm sản không nhỏ, trong đó có những thứ nguyên liệu làm hàng thủ công xuất khẩu rất tốt. Mỗi năm chúng tôi cung cấp cho Nhà nước vài triệu tàu lá cọ, dăm trăm nghìn cây tre, mai, vài nghìn tấn nguyên liệu làm bột giấy... Tuy vậy, nhiều năm trước đây chúng tôi mới nặng về khai thác rừng mà chưa chú ý đến việc tu bổ và trồng rừng mới. Diện tích rừng bị phá hằng năm lên tới 500 héc ta. Từ năm 1981 đến nay, chúng tôi đặc biệt chú trọng bảo vệ, tu bổ và trồng rừng mới đi đôi với khai thác rừng. Chúng tôi yêu cầu các xã phải xây dựng

Digitized by Google

quy hoạch phát triển rừng, thực hiện một cách có hiệu quả cuộc vận động định canh, định cư và từng bước giao đất, giao rừng cho các hộ xã viên quản lý. Các xã đều phấn đấu sớm chấm dứt nạn phá rừng, tiến tới tu bổ rừng thường xuyên. Đến nay tất cả các xã trong huyện đều đã hoàn thành việc giao đất, giao rừng cho các hộ xã viên quản lý. Diện tích rừng tái sinh, rừng trồng mới ở Định hóa ngày càng mở rộng. Năm năm qua mỗi năm chúng tôi trồng được 70 héc ta rừng mới, chủ yếu là trồng cây mỡ, bồ đề, cọ; trồng 380 000 cây phân tán.

Để tăng nguồn thực phẩm và tạo điều kiện cho trồng trọt phát triển, chúng tôi chủ trương phải đẩy mạnh chăn nuôi. Điều kiện tự nhiên của Định hóa rất thuận lợi cho việc phát triển chăn nuôi đại gia súc. Chúng tôi đã tập trung đầu tư để tăng nhanh đàn trâu, đàn bò. Năm 1981, đàn trâu có 9 680 con, năm 1985 có 11 524 con. Với đàn trâu này chúng tôi đã chủ động được sức kéo và hằng năm cung cấp từ 50 đến 80 con cho các tỉnh đồng bằng. Việc nuôi bò cũng có chuyển biến mới. Những năm trước chỉ có xã Linh thông, xã Kim phượng nuôi nhiều bò. Vài năm nay, do có chính sách khuyến khích đúng và do áp dụng chính sách khoán trong nuôi bò cho nên đàn bò tập thể phát triển khá nhanh. Nhiều gia đình xã viên mạnh dạn nuôi bò sinh sản. Có những gia đình nuôi 5—7 con bò. Đàn lợn cũng phát triển mạnh. Từ năm 1981 đến nay, mỗi năm đàn lợn tăng từ 4% đến 5%. Hiện nay toàn huyện có 23 000 con lợn. Năm nào chúng tôi cũng hoàn thành vượt mức từ 1% đến 5% nghĩa vụ bán thực phẩm cho Nhà nước.

Do sản xuất phát triển, đời sống của nhân dân trong huyện ngày càng được cải thiện. Mấy năm gần đây, bình quân mỗi người dân Định hóa có mức ăn 25—28 kg lương thực/tháng. Toàn huyện đã giải quyết được vấn đề lương thực, đồng thời hoàn thành tốt nghĩa vụ đóng góp lương thực và thực phẩm với Nhà nước, tạo ra những cơ sở bước đầu để tiếp tục tiến lên một cách vững chắc.

2. Phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc để xây dựng quê hương, xây dựng cuộc sống mới.

Sống trên đất Định hóa có 9 dân tộc anh em là Tày, Kinh, Nùng, Cao lan, Sán chi... trong đó người Tày chiếm 58%, người Kinh chiếm 26%. Từ năm 1962 đến năm 1964 huyện chúng tôi đã tiếp nhận 12 nghìn người Thái bình lên xây dựng quê hương mới. Tính ra, Định hóa có hơn 66 nghìn dân bao gồm người thuộc nguồn gốc của 12 tỉnh miền Bắc. Nhưng trong suốt quá trình đấu tranh lâu dài và gian khổ để vừa sản xuất, vừa chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, các dân tộc anh em trong huyện đã đoàn kết gắn bó, giúp nhau vượt qua mọi khó khăn. Chúng tôi có thể tự hào nói rằng: 9 dân tộc trong huyện đều là anh em một nhà; tình đoàn kết dân tộc là truyền thống quý báu của huyện, là sức mạnh giúp chúng tôi từng bước đi lên.

Có được khối đoàn kết dân tộc gắn bó đó trước hết do đảng bộ chúng tôi thấm nhuần và nghiêm túc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng. Bằng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, trên tất cả những việc làm cụ thể hằng ngày, chúng tôi đều thể hiện một tinh thần nhất quán: các dân tộc trong huyện đều bình đẳng trong lao động, trong nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, trong mọi quyền lợi, trước pháp luật. Chúng tôi cố gắng làm sao để ánh sáng của Đảng đến với mọi nhà, mọi dân tộc trong huyện. Chúng tôi động viên nhân dân các dân tộc mở mang, xây dựng hệ thống đường sá từ huyện xuống các xã và giữa các xã với nhau. Đến nay xe ô tô có thể đi lại dễ dàng trên khắp các tuyến đường của 24

Digitized by Google

xã trong huyện; huyện có điều kiện thuận lợi để vận chuyển hàng hóa giữa huyện và các xã, mở rộng việc giao lưu văn hóa giữa các dân tộc.

Thực tế ở huyện Định hóa đã cho thấy, điều kiện bảo đảm thực hiện sự bình đẳng và đoàn kết dân tộc trước hết là ở việc phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất của nhân dân, nhưng một yếu tố hết sức quan trọng là phải không ngừng chăm lo đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào các dân tộc. Chúng tôi đã quan tâm đẩy mạnh công tác văn hóa, giáo dục, y tế và vận động nhân dân xây dựng nếp sống mới. Hệ thống y tế ở 24 xã đã được củng cố. Khi ốm đau, sinh đẻ, bà con đều tìm đến các cơ sở y tế của xã và huyện, không còn mấy người tin vào thầy cúng, thầy mo. Công tác phòng bệnh, phòng dịch được tiến hành thường xuyên. Hệ thống giáo dục phát triển cả về số lượng và chất lượng. Huyện có 27 trường phổ thông cơ sở và một trường phổ thông trung học. Cả 3 ngành học phổ thông, mẫu giáo và bổ túc văn hóa đều được xếp vào loại khá nhất tỉnh. Phong trào bài trừ hủ tục, xây dựng nếp sống mới có nhiều tiến bộ. Ở nhiều xã, đảng ủy và chính quyền đã hướng dẫn nhân dân tổ chức đám cưới, đám ma theo đời sống mới.

Chúng tôi coi việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số là yếu tố quan trọng bảo đảm đoàn kết dân tộc. Trước đây có thời kỳ, trong công tác bố trí cán bộ, chúng tôi thường chỉ nặng về cơ cấu thành phần dân tộc một cách hình thức chủ nghĩa, không chú ý đầy đủ đến tiêu chuẩn cán bộ, cho nên chẳng những không tạo ra được sức mạnh của đội ngũ cán bộ mà còn không tăng cường được sự đoàn kết nhất trí. Rút kinh nghiệm, chúng tôi quan tâm nhiều hơn đến việc đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ, có ý thức phát hiện và bồi dưỡng nhân tố tích cực ngay từ trong các học sinh phổ thông. Cụ thể là chúng tôi lựa chọn trong số các học sinh đã tốt nghiệp phổ thông lấy một số em có triển vọng, bố trí làm một số việc để rèn luyện và cử đi học ở các trường lớp của huyện, của tỉnh. Chúng tôi lấy tiêu chuẩn làm gốc để đề bạt, bố trí, sắp xếp cán bộ. Do vậy đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số từ huyện đến cơ sở ngày một nhiều; nhiều đồng chí đảm đương tốt công việc được giao, thật sự là hạt nhân đoàn kết các dân tộc trong huyện.

3. Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh, quản lý tốt đội ngũ đảng viên.

Trong quá trình phấn đấu xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh, chúng tôi đã chú ý củng cố, xây dựng các tổ chức cơ sở Đảng. Thực tế ở huyện chúng tôi cho thấy, những nơi phong trào yếu thường là những nơi tổ chức cơ sở Đảng có vấn đề phải xem xét, nội bộ không đoàn kết, kỷ luật Đảng không nghiêm, đội ngũ cán bộ thiếu năng lực... Năm 1982, trong số 42 tổ chức cơ sở Đảng của huyện, có 9 cơ sở yếu kém, 22 cơ sở khá, 11 cơ sở vững mạnh. Tình hình ấy đòi hỏi muốn xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh, phải xây dựng tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh; và muốn xây dựng các cơ sở Đảng vững mạnh, phải vừa giữ vững, bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến, vừa giúp đỡ cơ sở yếu kém vươn lên. Được sự giúp đỡ của huyện ủy, các cơ sở đã phân tích mặt yếu, mặt mạnh của mình, từ đó xác định hướng đi lên một cách đúng đắn. Ở huyện chúng tôi có tình trạng những đảng bộ, chi bộ yếu kém kéo dài lại thường thuộc những căn cứ cách mạng cũ trong kháng chiến chống Pháp. Chúng tôi tự hỏi: phải chăng tư tưởng công thần, phải chăng sự gượng nhẹ, sự lơi lỏng của cấp trên đã tạo cho những nơi này sự trì trệ? Đối với

Digitized by Google

những nơi này, sau khi xin ý kiến của tỉnh ủy, chúng tôi kiên quyết xử lý kỷ luật những đảng viên thoái hóa biến chất, yêu cầu đảng viên làm tốt việc tự phê bình và phê bình, phát động quần chúng góp ý kiến phê bình đảng viên và sự lãnh đạo của chi bộ, bố trí lại một số cán bộ chủ chốt, tạo điều kiện nâng cao dần sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của chi, bộ, đảng bộ.

Trong việc củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng, chúng tôi chăm lo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở. Chúng tôi tiến hành phân loại đội ngũ cốt cán của tất cả các cơ sở trong huyện, từ đó có hướng bồi dưỡng cụ thể đối với từng chức danh. Hai năm gần đây, chúng tôi đã cử 48 đồng chí đi học trường đảng tỉnh và trường đảng trung ương, mở lớp bồi dưỡng tại chỗ các kiến thức về quản lý kinh tế cho 240 đồng chí. Chúng tôi đánh giá cao vai trò của trường đảng huyện trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở. Tuy nhiên, nếu chỉ dựa vào trường đảng huyện thì không đáp ứng kịp yêu cầu. Cùng với việc tăng cường công tác của trường đảng huyện, chúng tôi còn lần lượt tổ chức các lớp bồi dưỡng theo các cụm xã và đã thu được kết quả tốt. Năm 1981 — 1985 hình thức mở lớp theo cụm xã đã giúp cho 430 đảng viên học xong chương trình sơ cấp lý luận và tất cả các bí thư chi bộ trong huyện đều được bồi dưỡng về phương pháp lãnh đạo. Huyện ủy còn giúp các xã xây dựng quy hoạch cán bộ xã và hợp tác xã. Đến nay, 18 xã trong tổng số 21 xã đã xây dựng xong quy hoạch cán bộ. Dựa trên quy hoạch đó huyện có kế hoạch đào tạo một đội ngũ cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ mới.

Đi đôi với việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chúng tôi chú trọng công tác giáo dục, quản lý đảng viên, đưa mọi đảng viên vào vị trí công tác. Những năm trước đây, nhiều chi bộ đã thực hiện phân công cho đảng viên theo « ba định » nhưng thiếu sự kiểm tra, đánh giá kết quả. Ở một số chi bộ có tình trạng đảng viên không nhận công việc do chi bộ phân công, đảng viên không phát huy được vai trò và tác dụng của mình trước quần chúng. Khắc phục thiếu sót này, chúng tôi đã yêu cầu các chi bộ rà soát, đánh giá lại đội ngũ đảng viên, giao công tác cụ thể cho đảng viên theo khả năng của từng người. Đối với những người không còn đủ tư cách đảng viên chúng tôi kiên quyết xử lý. Từ năm 1981 đến năm 1985 huyện chúng tôi đã đưa ra khỏi Đảng 102 người. Đến nay 100% các chi bộ trong huyện đã thực hiện nghiêm túc việc phân công cho đảng viên, thường xuyên giám sát, kiểm tra công tác của đảng viên, đưa công tác quản lý đảng viên đi dần vào nền nếp. Đảng bộ xã Trung lương trước kia có 40% đảng viên không nhận công tác, nhất là số đảng viên nghỉ hưu. Mấy năm nay đảng bộ thực hiện phân công cho đảng viên rõ ràng, có kiểm tra thường xuyên. Mỗi đảng viên có sổ theo dõi việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, trong đó ghi rõ công việc phải làm và những nhận xét, đánh giá của chi bộ trong từng tháng. Việc phân công này làm công khai trước quần chúng để quần chúng kiểm tra, góp ý kiến. Việc làm chặt chẽ đó đã giúp cho đảng viên nâng cao ý thức Đảng. Năm 1981 — 1985 phân loại 46 cơ sở Đảng trong huyện có: 26 cơ sở vững mạnh, 17 cơ sở khá và 3 cơ sở yếu. Đảng bộ huyện Định hóa đang được đề nghị công nhận là đảng bộ vững mạnh.

4. Cải tiến phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc của huyện ủy.

Sự chuyển biến đi lên của Định hóa trong mấy năm qua còn do huyện ủy đã từng bước cải tiến được sự lãnh đạo, chỉ đạo của mình, phát huy được

Digitized by Google

vai trò lãnh đạo đối với cơ sở. Cùng với việc kiện toàn huyện ủy, đưa những cán bộ trẻ, có năng lực lãnh đạo và quản lý vào huyện ủy (tuổi bình quân của các huyện ủy viên từ 42,7 tuổi năm 1981 xuống 40,5 tuổi năm 1984 ; 50% huyện ủy viên có trình độ đại học và trung cấp), chúng tôi đã cố gắng đổi mới phong cách và lề lối làm việc. Huyện chúng tôi đã xây dựng quy chế làm việc khá chặt chẽ. Chẳng hạn như chúng tôi quy định thường trực huyện ủy mỗi tuần hội ý một lần vào thứ 7; thường vụ huyện ủy mỗi tháng họp một lần, huyện ủy mỗi tháng họp một lần. Ngày 25 hằng tháng các chi bộ sinh hoạt, ngày 28 các bí thư đảng ủy về huyện báo cáo tình hình. Ngày 30 các phòng, ban họp kiểm điểm công tác trong tháng và đề ra phương hướng cho tháng sau.

Chúng tôi cố gắng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, lãnh đạo tập thể kết hợp phân công cá nhân phụ trách. Rút kinh nghiệm những năm trước, huyện ủy quyết tâm xây dựng tác phong lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, cụ thể, luôn luôn gắn với cơ sở, gắn với quần chúng. Mỗi huyện ủy viên ngoài công tác chuyên môn còn được phân công phụ trách một số xã.

Lãnh đạo có kiểm tra là bước chuyển mới trong phong cách lãnh đạo ở huyện chúng tôi. Đã có một thời gian, chúng tôi không coi trọng đúng mức công tác kiểm tra, nhất là kiểm tra việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; ít đi vào tổng kết, rút kinh nghiệm những việc đã làm. Tình trạng « đánh trống bỏ dùi » có « phát » nhưng không « động » khá phổ biến. Có khi huyện ủy đề ra một chủ trương công tác nhưng không ai rõ việc thực hiện chủ trương đó ra sao. Nay chúng tôi coi việc kiểm tra, đôn đốc, coi việc tổng kết, rút kinh nghiệm là khâu công tác không thể thiếu trong lãnh đạo, chỉ đạo. Ngoài việc kiểm tra thường xuyên việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên và của huyện ủy, chúng tôi còn kiểm tra hoạt động của các chi bộ, đảng bộ cơ sở. Năm 1983 chúng tôi đã kiểm tra toàn diện 8 đảng bộ, năm 1985 kiểm tra 24 đảng bộ. Nhờ vậy, việc đánh giá, phân loại các cơ sở được chính xác hơn.

★

Năm năm qua tuy huyện chúng tôi đã bước đầu tạo được thế đi lên khá vững chắc, nhưng so với yêu cầu chúng tôi thấy còn phải phấn đấu rất nhiều về các mặt mới có thể đáp ứng được.

Hiện nay chúng tôi đang thiếu rất nhiều cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt và cán bộ chuyên sâu ở các ngành. Trong khi đó việc đào tạo cán bộ gặp không ít khó khăn; trình độ học sinh của chúng tôi nói chung còn thấp so với yêu cầu chung, rất ít em đủ điểm vào các trường đại học và trung học. Trong khi đó, do chế độ, chính sách chưa hợp lý cho nên một số người tốt nghiệp ở các trường lại không muốn về công tác ở miền núi. Chúng tôi dự định sẽ khắc phục tình hình trên bằng cách liên hệ với các trường đại học để gửi người đến học; địa phương sẽ lo toàn bộ chi phí. Số này nằm trong quy hoạch cán bộ của huyện. Mặt khác, chúng tôi sẽ quan tâm hơn nữa đến giáo dục phổ thông, tạo điều kiện thuận lợi cho con em các dân tộc vào học trung học phổ thông để tạo nguồn cán bộ cho các xã xa xôi, hẻo lánh.

Nghề rừng là thế mạnh của huyện, nhưng chúng tôi chưa khai thác được bao nhiêu và chưa xây dựng được một hình mẫu kinh doanh có lãi. Chúng tôi

(*Xem tiếp trang 84*)

Digitized by Google

LÊ TÂM HƯƠNG

THẤY GÌ Ở THIỆU YÊN?

NHIỀU năm qua, đảng bộ huyện Thiệu yên đứng trước những câu hỏi bức bách: Vì sao Thiệu yên ở giữa vùng lúa mà dân đói? Vì sao có ba con sông chảy qua mà hàng năm Thiệu yên vẫn bị hạn bị úng? Vì sao có tiềm năng dồi dào về lao động, đất đai, khoáng sản mà cơ sở vật chất kỹ thuật của Thiệu yên quá nghèo nàn?

Trong phong trào xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, theo phương hướng chiến lược của tỉnh (Thanh hóa) là «Từ lương thực, xuất khẩu mà đi lên» rồi «Từ lương thực, xuất khẩu và sản xuất hàng hóa phong phú đa dạng mà đi lên», Thiệu yên đã tìm ra cách tháo gỡ khó khăn để đi lên với nhịp độ nhanh, tạo được những chuyển biến mạnh mẽ rất đáng khích lệ. Nông nghiệp phát triển mạnh, đặc biệt là sản xuất lương thực. Tốc độ sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu năm 1985 tăng 15 lần so với ngày mới hợp nhất huyện. Một hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật mới đã và đang được xây dựng phục vụ đắc lực sản xuất và đời sống. Kết quả là sản xuất lương thực ngày một tăng: năm 1981 — 70551 tấn; năm 1985 — 86 790 tấn. Đời sống nhân dân ổn định và được cải thiện rõ rệt: năm 1985 bình quân lương thực của một nhân khẩu nông nghiệp đã lên tới 461 kg. Đóng góp cho Nhà nước ngày càng nhiều: 6 522 tấn năm 1981 và 25 762 tấn năm 1985...

Từ cách nghĩ và cách làm của Thiệu yên để đạt được tiến bộ trong mấy năm qua, có thể rút ra những kinh nghiệm quý báu.

1. *Phát huy tinh thần chủ động, ý thức tự lực tự cường, đi lên từ những điều kiện cụ thể của mình, bằng sức mình là chính.*

Trong phong trào xây dựng cấp huyện, Thiệu yên không được chọn làm huyện trọng điểm. Nhưng nhận thức được ý nghĩa chiến lược của cấp huyện, các đồng chí ở Thiệu yên chủ động «tự làm lấy» theo chủ trương chung. Được thành lập từ tháng 8 năm 1977 trên cơ sở hợp nhất 28 xã của Yên định cũ với 15 xã của Thiệu hóa cũ, huyện Thiệu yên vốn là một huyện yếu kém. Huyện có địa hình khá phức tạp: nơi cao nhất là 15m, nơi thấp nhất là 2,8m so với mặt biển. Đất bạc màu chiếm 25% diện tích canh tác. Sản xuất độc canh, không ổn định, năng suất thấp, năm 1981 vẫn chưa vượt qua «cửa ải» 4t lúa/ha, năng suất lạc thấp nhất tỉnh, số hợp tác xã yếu kém còn tới 40%. Nhưng Thiệu yên tin ở sức mình, ở tiềm năng lao động, đất đai của mình: 201 129 dân có truyền thống cách mạng từ năm 1930, trong đó có 9 800 đảng viên, 75000 lao động; 1 000m² đất nông nghiệp cho mỗi nhân khẩu: đá vôi, cát, đất sét dồi dào; nghề thủ công truyền thống trong dân gian không ít...

Hiểu rõ đặc điểm của huyện mình, các đồng chí ở Thiệu yên xác định tập trung phát triển nông lâm nghiệp một cách toàn diện với tốc độ cao và

Digitized by Google

vững chắc, lấy sản xuất lương thực làm trọng tâm, đồng thời hình thành một hệ thống công nghiệp chế biến nông sản và mở rộng ngành nghề trong nhân dân, phát huy những nghề truyền thống, nhằm xây dựng một cơ cấu nông – lâm – công nghiệp phát triển theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, làm nhiều hàng xuất khẩu, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân và đóng góp ngày càng nhiều cho Nhà nước. Nhưng vấn đề là phải có vốn ban đầu để thực hiện phương hướng đúng đắn ấy.

Làm thế nào để có được vốn ban đầu?

Thiệu yên đã không ỷ lại vào Nhà nước, đã biết tìm ra nhiều biện pháp thể hiện cao độ tinh thần chủ động, ý thức tự lực tự cường, trước hết là phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, dựa vào dân, huy động sức dân để có được vật tư và thiết bị cần thiết. Các đồng chí ở Thiệu yên nhận thức rằng việc gì có ích cho dân phải làm cho dân hiểu, dân thấy muốn làm, cần làm, nhất thiết phải làm, thì việc khó mấy cũng làm được.

Chẳng hạn, xác định thủy lợi là biện pháp hàng đầu, nhưng để căn bản giải quyết úng hạn phải có hàng loạt trạm bơm điện, phải bỏ ra nhiều công, của. Không thể ngồi chờ Nhà nước. Thiệu yên đã biết huy động quỹ tích lũy của các hợp tác xã, sức lao động và tiền của của nhân dân. Đó thực chất là phương thức tích tụ và tập trung vốn để đầu tư vào những công trình trọng điểm trong điều kiện tư sản xuất nhỏ đi lên. Nhờ vậy mà chỉ trong mấy năm (1981 – 1985) Thiệu yên đã xây dựng mới và đưa vào sử dụng 25 trạm bơm điện, gồm 122 máy bơm công suất 1000m³/giờ/cái, lắp đặt 2 trạm biến thế trung gian, xây dựng 23 trạm biến áp hạ thế, trên 1000 cột điện cao thế và hạ thế với gần 80km đường giây. Tổng số vốn đầu tư lên đến 50 triệu đồng (1), trong đó Nhà nước cấp 10 triệu, vốn tự có của huyện 15 triệu, hợp tác xã và nhân dân đóng góp 25 triệu không kể ngày công. Đến nay, 33 trong số 42 xã đã có điện, những xã còn lại đang đua nhau dành tiền, gạo, lợn để làm ra điện cho thủy lợi. Nói chung, trong số vốn đầu tư xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật của Thiệu yên, phần đóng góp của các đơn vị cơ sở và của nhân dân là chủ yếu chiếm tới 60%. Tỉnh chỉ cấp 17%, ngân hàng cho vay 21%, ngân sách của huyện 2%. Mỗi xã còn tự nguyện xây tặng huyện 10 gian nhà ngói để làm việc. Điều đó còn thể hiện sự gắn bó giữa huyện và cơ sở, lòng tin của nhân dân đối với cấp lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ở huyện.

Ngoài việc trực tiếp huy động vốn trong dân, Thiệu yên còn chủ động tạo ra vốn tự có của huyện, bằng cách phát triển sản xuất một số hàng hóa có tỷ lệ lãi cao và tăng các nguồn thu ngân sách Nhà nước. Thiệu yên nhận thức rất rõ rằng huyện muốn trở thành đơn vị kinh tế, thành cấp kế hoạch toàn diện, thật sự chủ động được kế hoạch phát triển kinh tế hằng năm thì nhất thiết phải có vốn tự có, quỹ lương thực và quỹ vật tư đủ mạnh. Chính là bằng vốn tự có mà trong 5 năm qua Thiệu yên đã chi 30 triệu đồng để xây dựng dứt điểm và nhanh chóng đưa vào sử dụng trại cá quốc doanh huyện, các xí nghiệp chế biến nông sản, giấy, nước chấm; đã bỏ ra 4 triệu đồng để sửa chữa và xây dựng các trường học. Do có quỹ lương thực hàng nghìn tấn và quỹ vật tư của huyện mà Thiệu yên đã chủ động ổn định được đời sống nhân dân trong những năm thiên tai khắc nghiệt, liên kết kinh tế đáp ứng kịp thời nhu cầu vật tư khi cần thiết, chủ động tổ chức phân công lại lao

(1) Tính theo giá và tiền trước tháng 9-1985.

Digitized by Google

động và mở rộng sản xuất trên địa bàn huyện.

Rõ ràng cái thế của Thiệu yên là thế chủ động sáng tạo của những người biết đi lên từ những điều kiện cụ thể của mình, bằng sức mình là chính.

2. *Chú trọng trước hết hiệu quả kinh tế.*

Tự lực tự cường xây dựng huyện thành một đơn vị kinh tế phát triển toàn diện, Thiệu yên coi trọng vận dụng các quy luật kinh tế, trong quản lý chú trọng trước hết đến hiệu quả kinh tế. Có thể kể ra hàng loạt chủ trương đã được thực hiện chứng tỏ năng lực tổ chức và quản lý của các đồng chí ở Thiệu yên. Thiệu yên liên kết với gần 20 đơn vị kinh tế kỹ thuật để xác định được giống lúa mới, có được các vật tư, thiết bị cần thiết. Công trình nào đã tính toán kỹ thì tập trung vốn làm ngay, thi công trong thời gian ngắn nhất. Nhiều xí nghiệp từ thi công đến làm ra sản phẩm không đầy một năm, như xí nghiệp chế biến nông sản tổng hợp, xí nghiệp nước chấm, xưởng đóng thuyền xi măng lưới thép, thậm chí chỉ ba bốn tháng, như xí nghiệp giấy. Để nhanh chóng đáp ứng nhu cầu sản xuất nông cụ, xí nghiệp cơ khí huyện cũng được củng cố và hoàn thiện trong một thời gian ngắn.

Phát huy hiệu quả kinh tế của cơ sở vật chất kỹ thuật mới, Thiệu yên lồng mọi biện pháp kinh tế, mạnh dạn thay đổi cơ cấu sản xuất, bố trí lại cây trồng, xóa bỏ độc canh, đi vào thâm canh, tăng năng suất, nhanh chóng áp dụng các tiến bộ kỹ thuật như từng bước chọn lọc bộ giống lúa có năng suất cao, chống chịu được sâu bệnh, thích hợp với điều kiện từng vụ, từng vùng sản xuất. Những cây trồng có năng suất thấp phải nhường chỗ cho những cây có năng suất và giá trị kinh tế cao hơn. Chẳng hạn, giảm bớt diện tích ngô xuân, không trồng khoai lang xuân, mở rộng diện tích trồng mới các loại cây có giá trị xuất khẩu cao như lạc (từ 200 ha năm 1981 lên trên 2000 ha năm 1985), thuốc lá (200 ha), ớt (200 ha), thầu dầu (100 ha), thay cây mía vào chỗ cây sắn v.v.

Tất cả những sự thay đổi về phương hướng sản xuất này đều được thực hiện thuận lợi nhờ có các đòn bẩy kinh tế. Thí dụ, huyện bán dới lưu 1 tạ lúa cho mỗi tấn mía cung cấp cho nhà máy đường thì người nông dân trồng 1 ha mía lợi hơn trồng 2 ha sắn. Một sào thuốc lá bán cho Nhà nước cho thu nhập bằng 3 sào lúa v.v

Huyện cũng chú trọng việc chế biến nông sản để thu được giá trị kinh tế cao hơn : 1 tạ ớt nghiền đem lại một khoản thu gấp 5 lần so với 1 tạ ớt tươi. Xí nghiệp chế biến nông sản tổng hợp huyện có công suất 100 tấn bánh kẹo, 50 tấn miến dong, 50 000 lít rượu cồn/năm.

Về chăn nuôi, ngoài trâu, bò, lợn, gà, Thiệu yên đã mở rộng chăn nuôi vịt đàn lên đến nửa triệu con, không kể thịt vịt, huyện thu được một khối lượng lông vịt đáng kể (năm 1984 : 20 tấn) để xuất khẩu đổi lấy vật tư thiết bị cho sản xuất.

Thiệu yên còn đẩy mạnh sản xuất, các mặt hàng xuất khẩu khác như thảm bẹ ngô, thảm dạ, hàng mây tre đan.

Thái độ tích cực lao động để vượt khoán trong nông nghiệp được khuyến khích mạnh : không thấy phần vượt khoán cao mà vội vàng tăng mức khoán, làm thui chột nhiệt tình sản xuất. Trong những lúc thóc cao gạo kém, có quỹ lương thực đáng kể nhưng huyện không sử dụng vào mục đích thu lợi không chính đáng, mà dùng quỹ này để chủ động thay đổi cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp cũng như cơ cấu kinh tế nói chung, và trợ cấp cho nhân dân các xã bị

Digitized by Google

thiên tai để họ có điều kiện sản xuất kịp thời vụ.

Nhờ khéo vận dụng quy luật kinh tế, biết kích thích bằng lợi ích vật chất, kết hợp hài hòa lợi ích của nông dân với lợi ích của Nhà nước, gắn lao động với sản phẩm cuối cùng, chú trọng đầy đủ đến hiệu quả kinh tế, làm cho mỗi đồng vốn, mỗi ngày công bỏ ra có lãi nhanh nhất, nhiều nhất, chắc chắn nhất. Thiệu yên đã từng bước đổi mới cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân và đóng góp ngày càng nhiều cho Nhà nước.

3. Gắn liền huyện với cơ sở, coi xây dựng huyện với xây dựng cơ sở là một.

Thiệu yên không chỉ chăm lo xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh, các cơ quan, đoàn thể ở huyện vững mạnh, mà còn gắn liền việc xây dựng huyện với củng cố, tăng cường các đơn vị cơ sở. Cơ sở có mạnh và phát triển đồng đều thì huyện mới thật sự vững mạnh được. Bởi vì cơ sở trực tiếp nắm lao động và đất đai, trực tiếp tạo ra kết quả sản xuất.

Cho nên, huyện chủ trương trước hết giúp cho cơ sở xác định phương hướng sản xuất đúng và giải quyết kịp thời những yêu cầu cần thiết để cơ sở thực hiện tốt phương hướng sản xuất đó. Vấn đề có ý nghĩa quyết định là soát xét, đánh giá lại đội ngũ cán bộ cơ sở theo yêu cầu mới và đề ra kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo.

Qua phong trào cách mạng của quần chúng, Thiệu yên đã chọn được một đội ngũ cán bộ chủ chốt gồm bí thư đảng ủy xã, chủ tịch UBND xã và chủ nhiệm hợp tác xã dám nghĩ dám làm, nhạy bén, linh hoạt, có năng lực tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng ở đơn vị mình, biết làm ăn có hiệu quả. Năm 1985, được Trung tâm đào tạo tại chức của tỉnh và Trường đại học kinh tế kế hoạch Hà nội giúp, huyện đã mở lớp bồi dưỡng tại chức về quản lý kinh tế cho 70 cán bộ cốt cán ở cơ sở, huyện đài thọ mọi chi phí, kể cả chi phí cho lao động được cử đi học, coi như đầu tư cho phát triển kinh tế.

Nắm cơ sở, Thiệu yên chú ý cả đầu khá lẫn đầu kém. Xã Quý lộc (vốn là hai xã Yên quý và Yên lộc) lớn nhất huyện, có gần 4 vạn dân, 1 000 ha đất lúa, màu. Từ năm 1978, Quý lộc đã tổ chức lại dân cư, tổ chức lại sản xuất, xây dựng 2 trạm biến áp có công suất 280 kW và 320 kW, cải tạo 100 ha thành ruộng 2 vụ. Nhờ vậy, Quý lộc nâng cao được năng suất lúa và ngô, đạt tổng sản lượng lương thực 4 500 t/năm, bình quân đầu người 450 kg, đưa giá trị cây công nghiệp lên bằng 30% giá trị tổng sản lượng, thu hoạch hàng triệu đồng về tiểu, thủ công nghiệp, hằng năm xuất khẩu 140 t lạc, 12 000 m^2 thảm bẹ ngô. Quý lộc dẫn đầu huyện về quỹ tích lũy, có ngân sách xã ngày càng lớn (số dư hiện nay là gần 400 000 đ), đóng góp nhiều cho Nhà nước. Quý lộc được huyện coi trọng là đúng. Nhưng những xã yếu kém lại cũng được huyện đặc biệt quan tâm đầu tư cả người lẫn của. Như xã Yên bái, năm 1980 còn yếu kém, sản xuất độc canh, không chủ động tưới tiêu, đời sống khó khăn, đất màu không thiếu mà người dân thèm từ củ khoai lang, nội bộ mất đoàn kết. Huyện đã kiện toàn đội ngũ cán bộ chủ chốt, giúp Yên bái vạch phương hướng, kế hoạch sản xuất, giúp vốn và vật tư để xây dựng trạm bơm điện 2 máy cỡ 1 000 m^3/giờ. Chủ động được tưới tiêu, Yên bái khoanh 2 vùng lúa (đông sâu, đông cạn), phân bố lại cây trồng, đưa giống có năng suất cao vào thay giống cũ, năm 1985 lại trồng thêm cây thuốc lá. Kết quả là năng suất các loại cây trồng đều tăng. Tổng sản lượng lương thực từ 800 t (1980) lên 1 800 t (1985), chăn nuôi phát triển, đời sống nhân dân được nâng cao, nội bộ đoàn kết, nghĩa vụ đối với Nhà nước hoàn thành vượt mức.

Digitized by Google

Bằng cách chú ý cả hai đầu như vậy, Thiệu yên tạo ra được độ đồng đều về kinh tế và xã hội trong huyện. Một số cơ sở trước đây thuộc loại yếu kém nay đã trở thành đơn vị tiên tiến. Số hợp tác xã khá và tiên tiến ngày càng nhiều. Trong 42 xã chỉ còn 2 hợp tác xã yếu kém. Có thể nói Thiệu yên đang tiến bước theo hàng ngang. Có thể thấy rõ điều đó trong phát triển sản xuất, trong đời sống của nhân dân, trong việc đóng góp cho Nhà nước và cả trong mọi mặt công tác. Về văn hóa — xã hội chẳng hạn, 42 xã có 42 trường phổ thông cơ sở, trên địa bàn huyện có 3 trường phổ thông trung học và 1 trường bổ túc văn hóa tập trung, tất cả đều được xây dựng kiên cố, đủ phòng học và bàn ghế cho 50 000 học sinh. 42 xã có 42 trạm y tế, toàn huyện có 2 bệnh viện có 100 giường và một trạm khám đa khoa khu vực. Hệ thống truyền thanh đã đến được một nửa số xã; công ty chiếu bóng huyện đáp ứng được yêu cầu xem phim của nhân dân toàn huyện...

★

Với sự giúp đỡ của cấp trên, Thiệu yên đã cố gắng phấn đấu và đạt được những thành tích đáng kể. Những thành tựu mà Thiệu yên đã đạt được trên các mặt sản xuất nông nghiệp (kể cả chăn nuôi), xuất khẩu, công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, phân phối lưu thông, văn hóa xã hội, quốc phòng và an ninh chưa phải là vào loại cao nhất, thậm chí còn có những mặt thấp thua nhiều huyện điển hình khác. Nhưng sự phát triển của Thiệu yên đồng đều và tương đối vững chắc.

Thiệu yên còn phải khắc phục nhiều mặt yếu kém. Cơ cấu nông — lâm — công nghiệp chỉ mới hình thành, trong đó công nghiệp chưa đáng kể. Tiềm năng còn nhiều nhưng chưa được khai thác đúng mức. Năng suất cây trồng chưa cao. Kinh tế gia đình chưa được quan tâm đầy đủ. Quy mô sản xuất và khối lượng hàng xuất khẩu còn nhỏ so với khả năng và yêu cầu. Đời sống văn hóa và tinh thần của nhân dân còn nghèo. Bồi dưỡng, đào tạo, kiện toàn đội ngũ cán bộ vẫn còn là một vấn đề lớn; cấp bách nhất là vấn đề đào tạo cán bộ quản lý sản xuất công nghiệp.

Tuy nhiên, bằng một tư duy kinh tế đã bắt đầu đổi mới và một phong cách làm ăn mới có hiệu quả, Thiệu yên đã tạo ra được một sức bật đúng hướng. Sức bật này sẽ còn đưa Thiệu yên phát triển với nhịp độ nhanh hơn, đi tới những thành tựu mới to lớn hơn.

ĐỊNH HÓA TỪNG BƯỚC...

(*Tiếp theo trang 79*)

đang cố gắng để vài năm tới đưa được tỷ lệ lao động làm nghề rừng lên 15% (hiện nay là 5%), đề ra được những chính sách thỏa đáng nhằm khuyến khích mọi xã viên trồng rừng, tu bổ rừng, tăng nhanh nguồn thu nhập từ rừng.

Phương hướng phấn đấu của chúng tôi là xây dựng Định hóa thành huyện có cơ cấu nông — lâm — công nghiệp, nhưng hiện nay công nghiệp của Định hóa còn quá nhỏ bé. Tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp mới chiếm 5,6% tổng giá trị thu nhập. Chúng tôi sẽ cố gắng mở thêm ngành nghề mới, nâng tỷ trọng tiểu, thủ công nghiệp lên theo hai hướng: sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, vôi, đá) và làm hàng xuất khẩu, chế biến nông sản, lâm sản.

Thấy rõ những thiếu sót và nhược điểm của mình, sắp tới trong Đại hội đảng bộ huyện, chúng tôi sẽ thảo luận và quyết định những phương hướng và biện pháp khắc phục, tiếp tục đưa phong trào của huyện tiến lên, cố gắng xây dựng Định hóa ngày càng giàu mạnh.

Digitized by Google

DOÃN ĐÌNH HUỀ

HỢP TÁC XÃ MUA BÁN TÂY GIANG—MỘT ĐIỂN HÌNH TỐT VỀ PHỤC VỤ SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

Từ một cơ sở kinh doanh yếu kém, ngày nay hợp tác xã mua bán Tây giang (huyện Tiền hải, tỉnh Thái bình) đã trở thành đơn vị đạt danh hiệu anh hùng lao động. Bất cứ một thành quả nào đã đạt được cũng phải trải qua bước đường phấn đấu rất khó khăn và gian khổ. Qua nhiều giai đoạn thử thách, hợp tác xã mua bán (HTXMB) Tây giang đã vượt mọi khó khăn và từng bước tiến lên một cách vững chắc.

Tổ chức tốt việc lưu thông hàng hóa để phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân.

Những ngày đầu, HTXMB Tây giang mới chỉ làm đại lý cho thương nghiệp quốc doanh, cho nên doanh số kinh doanh trên thị trường nông thôn còn ít, hàng hóa đưa về còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân. HTXMB không khai thác được nguồn hàng cho nên không thể vươn ra làm chủ được thị trường nông thôn.

Các đồng chí ở Tây giang nhận thấy rằng muốn đẩy mạnh sản xuất, phục vụ đời sống cần làm tốt khâu lưu thông. Chính vì vậy các đồng chí quan tâm xây dựng và phát triển hợp tác xã mua bán.

Ở Tây giang, sản xuất và đời sống ngày một phát triển, đòi hỏi lưu thông cũng phải phát triển theo. Sản xuất của kinh tế tập thể và kinh tế gia đình xã viên phát triển, sản phẩm hàng hóa ngày càng nhiều, người sản xuất sau khi làm xong nghĩa vụ đối với Nhà nước và dành phần cho tiêu dùng cá nhân, còn lại đưa ra bán trên thị trường. Nếu thương nghiệp xã hội chủ nghĩa không vươn lên tổ chức thu mua để nắm hàng hóa thì những hàng hóa đó lọt vào tay tư thương, làm cho thị trường tự do càng mở rộng.

Hiện nay, lực lượng thương nghiệp quốc doanh không thể vươn tới được các cơ sở sản xuất và cũng không đáp ứng được yêu cầu to lớn và đa dạng của nhân dân. Do đó, các HTXMB phải đứng ra tự tổ chức kinh doanh, khai thác, chế biến nguồn hàng tại chỗ để góp phần đáp ứng yêu cầu của sản xuất và đời sống nhân dân.

Từ năm 1967 các đồng chí ở Tây giang đã nhận thức được điều đó, ra sức tăng cường, củng cố HTXMB về mọi mặt, thực hiện ngày càng tốt hơn vai trò trợ thủ cho thương nghiệp quốc doanh, phát triển hoạt động dịch vụ, vươn lên làm chủ thị trường ở nông thôn. HTXMB Tây giang đi dần vào nền nếp bán tại chỗ, mua tại chỗ, nông dân bán gì cũng mua, mua gì cũng bán, bán bao nhiêu cũng mua, mua bao nhiêu cũng bán, bán lúc nào cũng được, sản phẩm đổi trực tiếp lấy sản phẩm cũng được. Chính vì vậy mà tổng doanh số bán ra của HTXMB Tây giang tăng lên không ngừng: 1968 — 183 866 đồng (tiền cũ); 1973 —

Digitized by Google

969 000 đồng; 1980 — 1 170 337 đồng; 1983 — 7 299 441 đồng; 1985 — 27 737 120 đồng. Những năm gần đây hàng tự kinh doanh đạt tỷ lệ doanh số rất cao, năm 1985 chiếm 70 — 80%. Điều này cũng chứng minh rằng, HTXMB Tây giang rất năng động trong việc mua, bán hàng, sử dụng đồng vốn đem lại hiệu quả tốt.

Muốn phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân, HTXMB xác định phương hướng kinh doanh của mình là cung cấp hàng hóa cần thiết và những nông cụ thông thường cho sản xuất ở nông thôn, tiêu thụ kịp thời nông sản hàng hóa của kinh tế tập thể và kinh tế gia đình xã viên. HTXMB đã liên kết chặt chẽ với hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở xã. Nhờ đó HTXMB nắm được nhu cầu, tổ chức phục vụ đầy đủ các mặt hàng cho sản xuất nông nghiệp, từ giống cây, liềm, cuốc, xẻng đến dành, thúng, gầu, guồng, xe cải tiến, trục đá, từ đàn lợn, đàn gà giống đến đàn trâu, đàn bò giống; từ bèo dâu giống đến khoai tây giống...

Trong từng thời kỳ khác nhau, HTXMB Tây giang bám sát đòng ruộng phục vụ sản xuất nông nghiệp rất năng động, thiết thực và có hiệu quả. Trước đây, khi hợp tác xã nông nghiệp còn tổ chức sản xuất tập thể thì HTXMB tổ chức phục vụ bữa cơm đồng cho người lao động lúc mùa vụ khẩn trương (1). Khi thực hiện chế độ khoán mới trong nông nghiệp, HTXMB lại nhạy bén lo mua từ cái trục đá cho đến đàn trâu, bò giống (50 con) và tư liệu sản xuất khác cung cấp cho từng gia đình xã viên nhận ruộng khoán. Từ năm 1982 đến nay, HTXMB Tây giang thường xuyên bán được năm mặt hàng định lượng cho mỗi gia đình xã viên (nước mắm: 12 lít/năm; thịt hay cá: 3kg/năm; đường: 3kg/năm; đậu phụ hoặc cá khô: 3kg/năm; vừng, lạc, đỗ: 3kg/năm với giá rẻ hơn thị trường từ 25 đến 40%). Đó là những việc làm cụ thể, thiết thực của HTXMB nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp. Chính nhờ đó một phần mà năng suất lúa ở Tây giang từ 5 tấn/ha (năm 1979) tăng lên 7 tấn/ha (năm 1985).

Thực hiện chức năng đại lý bán lẻ cho thương nghiệp quốc doanh, HTXMB sớm đi vào phát triển theo hướng tự kinh doanh bằng khai thác nguồn hàng do nông dân sản xuất ở địa phương, tổ chức chế biến tại chỗ, tạo ra nhiều mặt hàng phong phú. HTXMB cử người đi mua cây, rạm, chượp cá «phần trăm» của xã viên ngư nghiệp về chế biến nước chấm tại chỗ; mỗi năm HTX sản xuất được hơn 6000 lít nước chấm. HTXMB mở hai quầy ăn uống và giải khát, chế biến bằng nguyên liệu địa phương. Quầy ăn uống bán phở, miến dong, cháo lòng, và một số thức ăn chín. Quầy giải khát bán kem, nước chè, hoa quả... Mấy năm gần đây, quầy ăn uống đã tổ chức làm giò, chả, phở, bánh cuốn, làm bún đồi gạo để thay đổi cơ cấu bữa ăn phù hợp với người già và người ốm. Những việc làm thiết thực của HTXMB đã tạo điều kiện cho 8 hộ tiểu thương từ bỏ nghề làm bún, làm bánh về sản xuất nông nghiệp.

Cải tạo tốt đối với tiểu thương trên địa bàn Tây giang ngày nay — công lao đó nên quy về HTXMB, đó cũng chính là một hiệu quả kinh tế và xã hội hết sức quan trọng. Khi có một sản phẩm dù rất nhỏ như nải chuối, dăm ba quả trứng, người nông dân thường cân nhắc nên bán cho ai thì cao giá hơn, dù chỉ là năm, ba đồng. Họ thường quan tâm đến giá cả hơn là công sức phải bỏ ra để đem tới chợ bán, dù trong nhiều trường hợp cái lợi về giá cả không bõ công đi lại. Do áp dụng mức lãi thấp trong mua

(1) Từ 1977 đến 1979 HTXMB tổ chức phục vụ 182 854 bữa ăn.

Digitized by Google

bán cho nên giá mua của HTXMB ít nhất cũng gần bằng giá mua của tiểu thương và giá bán thì chắc chắn là thấp hơn khoảng 15%. Mặt khác, do HTXMB có uy tín trong phục vụ, cho nên quần chúng thường mang hàng đến bán cho HTXMB. HTXMB xác định mua được là nắm được hàng, bán được là nắm được tiền. Trong mua bán, HTXMB rất năng động, quay vòng đồng vốn nhanh thì số lãi tuyệt đối cao, dù mức lãi tương đối thấp. Đây là hiệu quả kinh tế rất cơ bản của việc thực hiện quan điểm đúng đắn trong kinh doanh và phục vụ của HTXMB. Chỉ tính riêng năm 1985, nhờ phát triển dịch vụ mua bán, Tây giang đã tiết kiệm được hơn 4 000 ngày công lao động nông nghiệp.

Điều suy nghĩ nữa của các đồng chí ở Tây giang là làm thế nào tổ chức được mạng lưới mua bán và phương thức phân phối thuận tiện, bảo đảm công bằng và hợp lý. Vấn đề đặt ra cho HTXMB là phải chọn được những điểm thích hợp để xây dựng cửa hàng nhằm mua, bán hàng được thuận tiện, tăng được doanh số. Mặt khác, HTXMB phải lo từ việc in bìa mua hàng, in tích kê để đối chiếu thanh toán, đến việc thành lập ban phân phối và thông báo công khai từng loại hàng hóa, giá cả, đối tượng, tiêu chuẩn để xã viên mua. HTXMB căn cứ vào tiêu chuẩn từng đối tượng, tổ chức đóng gói sẵn một số mặt hàng theo định lượng, chia nhỏ một số mặt hàng trước khi đưa ra quầy bán. Trong những ngày lao động khẩn trương, ngày lễ, ngày tết, cửa hàng thường đem hàng đến tận đội sản xuất để phân phối kịp thời. Đối với các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình neo đơn, cửa hàng cử người mang hàng đến tận nơi để bán. HTXMB Tây giang năm nào cũng hoàn thành vượt mức kế hoạch, doanh số năm sau tăng so với năm trước (năm 1982 tăng 186%, năm 1984 tăng 141%, năm 1985 tăng 210%).

HTXMB thông qua các hoạt động dịch vụ, góp phần cải tạo tiểu thương và quản lý thị trường ở nông thôn. HTXMB đã tổ chức một mạng lưới dịch vụ gồm quán ăn công cộng, các quầy cắt tóc, quầy may vá, các cơ sở nghiền thức ăn gia súc, sản xuất và sửa chữa đồ mộc, sửa chữa nông cụ, sản xuất gạch lát, sản xuất bánh đa nem xuất khẩu, sản xuất kem, nước đá, sửa chữa ắc quy. Nhờ phát triển dịch vụ mà doanh số hằng năm của HTXMB tăng nhanh, các hoạt động dịch vụ của HTX cũng hạ hơn giá của tư nhân từ 20 đến 25%. Những hoạt động dịch vụ của HTXMB Tây giang trong mấy năm qua đã có tác dụng góp phần giảm số người buôn bán nhỏ trong xã từ 197 người (1976) xuống còn 5 người. Những người tiểu thương này đã tự nguyện thôi kinh doanh, chứ không phải bị cắt đăng ký kinh doanh.

Cải tiến quản lý đi đôi với mở rộng kinh doanh.

HTXMB Tây giang đã xác định: mở rộng kinh doanh đồng thời phải coi trọng công tác quản lý; quản lý tốt để đem lại hiệu quả kinh tế cao, tạo cơ sở để mở rộng kinh doanh. Những năm qua, HTXMB Tây giang làm ăn có kế hoạch, có tính toán đến hiệu quả kinh tế, mở rộng kinh doanh gắn liền với làm tốt công tác quản lý kinh tế. Hằng năm, sau khi nhận chỉ tiêu kế hoạch của huyện và nắm nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, nhu cầu của sản xuất HTX bắt tay xây dựng kế hoạch. Bên cạnh kế hoạch lưu chuyển hàng hóa được xây dựng theo thời gian và từng ngành hàng, nhóm hàng, HTXMB còn xây dựng kế hoạch vốn, chi phí lưu thông và kế hoạch lợi nhuận. HTXMB còn có kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất và mở rộng kinh doanh dài hạn (1971—1980, 1981—1985). Quá trình HTXMB thực hiện kế hoạch mở rộng kinh doanh cũng là

Digitized by Google

quá trình tăng cường công tác quản lý tiền, hàng, quản lý lao động.

Bằng nguồn vốn tự có cùng với vốn vay ngân hàng và vốn vay HTX sản xuất nông nghiệp, HTXMB Tây giang mở rộng hoạt động kinh doanh dưới nhiều hình thức: sản xuất, sửa chữa, chế biến để tạo ra nguồn hàng. HTXMB tổ chức mua nứa về cho trên 50 hộ xã viên đan cót gia công, mỗi năm thu được hàng vạn lá cót phục vụ nông nghiệp. HTXMB mở xưởng mộc sửa chữa và đóng bàn ghế, giường, tủ, cánh cửa, chạn bát, dụng cụ sản xuất để bán cho nhân dân. Trong quá trình thực hiện kinh doanh bằng nguồn vốn tự có, HTXMB đã đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn (1979: 8 vòng/năm, 1981: 9 vòng/năm, 1983: 10 vòng/năm, 198 : 12 vòng/năm).

HTXMB Tây giang coi trọng công tác kế toán và đội ngũ những người quản lý; giao trách nhiệm cho từng nhân viên kế toán theo dõi giám sát từ khâu làm chứng từ ban đầu đến kết thúc quá trình kinh doanh. Đồng chí chủ nhiệm cùng kế toán trưởng đi sâu hạch toán từng mặt hàng tự sản xuất, chế biến. Mỗi khi phát hiện được nguồn hàng mới, HTXMB đều có tính toán hiệu quả kinh tế, bảo đảm hai yêu cầu vừa phục vụ tốt, vừa có tác dụng đấu tranh cải tạo thị trường.

Cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân lao động làm chủ tập thể được HTXMB Tây giang thực hiện tốt. Trong các kỳ đại hội xã viên, các đồng chí ở Tây giang coi trọng việc phát huy quyền làm chủ tập thể của xã viên tham gia xây dựng hợp tác xã; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo mọi sự hoạt động của ban kiểm soát, người thay mặt đại hội xã viên giám sát mọi công việc trong HTXMB; kiểm tra việc thực hiện chế độ làm chủ của quần chúng, nhất là làm chủ về kinh tế thông qua việc phân phối hàng hóa, chia lãi cho xã viên; đồng thời kiểm tra cả ý thức của xã viên về nhiệm vụ xây dựng HTXMB. Với lợi nhuận hằng năm thu được, hợp tác xã đã dùng 50% để chia lãi cho xã viên bằng phương thức bù lỗ các mặt hàng; với số còn lại 50%, hợp tác xã tiếp tục sử dụng vào việc kinh doanh. Lợi nhuận hằng năm chia cho xã viên thông qua việc bán hàng hóa với giá rẻ, vừa thiết thực bảo đảm đời sống cho xã viên, vừa bảo đảm hiệu quả kinh tế, từ đó, xã viên thêm gắn bó với hợp tác xã và yên tâm sản xuất.

Được xây dựng và phát triển từ một cơ sở nghèo nàn, vốn ít, đến năm 1985 HTXMB Tây giang đã có 4,5 triệu đồng vốn tự có và một cơ sở khang trang gồm 4 cửa hàng 620m^2, 12 quầy, 3 xe ô tô, 1 hội trường và các phương tiện phục vụ tương đối đầy đủ. HTXMB Tây giang còn chú trọng bảo quản cơ sở vật chất bằng cách giao trách nhiệm cụ thể cho từng người, từng nhóm và tổ chức kiểm tra thường xuyên thông qua sổ sách, chứng từ, hóa đơn... để tránh xảy ra hiện tượng tiêu cực.

Công tác quản lý kinh tế của HTXMB bảo đảm đúng nguyên tắc, chính sách, chế độ; từ việc ghi chép, hạch toán đến quyết toán, HTXMB đều được công nhận là đơn vị gương mẫu.

Thực tiễn ở Tây giang đã chứng minh rằng, ở đơn vị kinh tế cơ sở, nếu biết nắm vững công tác quản lý kinh tế, lấy kế hoạch làm trung tâm, gắn kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa thì nhất định đem lại hiệu quả kinh tế tốt. Nếu coi trọng việc đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, nghiêm chỉnh chấp hành các nguyên tắc, thể lệ, chế độ quản lý kinh tế của Nhà nước thì chặn đứng được mọi hiện tượng tiêu cực.

★

Digitized by Google

Bên cạnh những ưu điểm, HTXMB Tây giang vẫn còn những mặt hạn chế cần phải khắc phục. Chẳng hạn như việc sử dụng đồng vốn còn tản mạn, chưa tập trung cho phát triển kinh doanh. Những năm gần đây, HTXMB còn dầu tư nhiều cho việc xây dựng cơ sở vật chất, nhất là việc kiến thiết cơ bản, cho nên vốn xây dựng cơ bản tăng vọt, ngược lại vốn kinh doanh tăng chậm. Nếu HTXMB biết thực hiện việc quay vòng vốn hợp lý với khả năng vốn có của mình thì sẽ đem lại hiệu quả kinh tế lớn hơn.

Việc tìm hiểu nhu cầu tiêu dùng trong sản xuất và đời sống của nhân dân nông thôn chưa kỹ. Chính vì vậy cho nên trong việc tổ chức nguồn hàng tại chỗ, HTXMB chưa chú ý khai thác mạnh cả về bề rộng lẫn chiều sâu. Đồng đất Tây giang rộng có nhiều khả năng để tăng vụ, xen canh, gối vụ, chuyên canh màu. HTXMB cần bàn bạc với hợp tác xã sản xuất nông nghiệp để có phương hướng quy vùng sản xuất rau, màu, đậu tương, lạc, tỏi, ớt... thích hợp nhằm tăng nguồn hàng tại chỗ và góp phần tăng sản phẩm xuất khẩu. Kinh tế gia đình ở Tây giang còn tiềm năng lớn, HTXMB đã tiến hành khai thác, thu mua nông sản và thực phẩm, song chưa đạt tới mức cao.

Nhìn vào hoạt động kinh tế của HTXMB Tây giang, lợi nhuận thu được bằng sản xuất thủ công nghiệp chiếm tỷ lệ cao, nhất là sản xuất và sửa chữa đồ gỗ (chiếm 30—40%). Đây là nguồn thu bằng con đường tự kinh doanh, nhưng về mặt này, HTXMB chỉ nên làm trong mức độ thích hợp. Việc sản xuất đồ gỗ không thuộc chức năng của HTXMB. Trong tình hình chưa có hợp tác xã thủ công nghiệp hoặc ngành nghề trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp chưa phát triển thì HTXMB có thể tạm thời làm công việc đó. Tuy vậy xét về lâu dài HTXMB nên tập trung sức làm tốt công tác lưu thông để phục vụ sản xuất và đời sống thì hơn.

HTXMB Tây giang là một trong nhiều HTXMB của tỉnh Thái bình tuy chỗ có nhiều khó khăn đã từng bước tiến lên một cách vững chắc trong điều kiện không có một sự ưu đãi nào, ngoài tính năng động, sáng tạo của chính mình. Đây là một điển hình tốt về việc vận dụng sáng tạo chủ trương phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa của Đảng vào điều kiện thực tế của mình nhằm phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân.

VỀ ĐẠO ĐỨC THỂ THAO...

(Tiếp theo trang 73)

phải chỉ là khuyết điểm trong công tác quản lý, giáo dục vận động viên mà còn là một sự dung dưỡng tệ nạn xã hội trong đời sống thể thao. Những người mà đạo đức, phong cách không tốt thì không để làm huấn luyện viên, chỉ đạo viên.

Phần thưởng cao quý nhất đối với những tập thể thể thao và vận động viên là tài đức của họ được nhân dân ưu ái, mến mộ. Vì vậy sự cổ vũ, khen thưởng xứng đáng những vận động viên ưu tú, có thành tích cao là phải lắm. Nhưng có quá lắm không cái việc đón tiếp quá long trọng, ồn ào đội bóng nhà khỏi bị tụt hạng hoặc được thăng hạng như đón những anh hùng chiến thắng trở về? Khen đúng, phạt nghiêm là điều có ý nghĩa quan trọng để phát huy nhân tố tích cực, đẩy lùi hiện tượng tiêu cực trong thể thao.

Đạo đức, thành tích thể thao chân chính không chỉ là thành quả lao động của vận động viên, huấn luyện viên mà còn là niềm hãnh diện của những ai đã sinh thành và nuôi dưỡng họ.

Digitized by Google



LẠI NÓI VỀ «CÁI RIÊNG VÀ CÁI CHUNG»

Kính gửi Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản.

TẠP chí Cộng sản, số 1-1986, trong mục «Sinh hoạt tư tưởng» có đăng bài «Cái riêng và cái chung» của Hà Phương.

Tôi thấy cần trao đổi với tác giả một vài điều cần thiết.

Mặc dù Hà Phương thừa nhận: «cái riêng và cái chung là một trong những cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật», nhưng trong suốt bài báo, tôi thấy tác giả đã hiểu sai, nhầm lẫn cả nội dung, cả mối quan hệ hữu cơ và ý nghĩa của cặp phạm trù «cái riêng và cái chung» với tư cách là một trong những cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật.

Tác giả khẳng định: «Theo chủ nghĩa Mác — Lê-nin, bất cứ cái riêng nào cũng là bộ phận của cái chung, phản ánh cái chung, chịu sự chi phối của cái chung, cũng như bất cứ cái chung nào cũng bao hàm cái riêng, quy định cái riêng». Tác giả nêu ra ví dụ để diễn giải điều đó rõ hơn: «Một giọt nước trong biển cả, một cái cây trong khu rừng, một cá nhân trong tập thể, một địa phương trong đất nước... nghĩa là một bộ phận trong toàn cục, tất cả những cái đó nằm trong mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung». Và tác giả chốt lại: «Giải quyết tốt mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích Nhà nước, cũng tức là giải quyết tốt mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung».

Từ cách hiểu như trên về cái riêng và cái chung, cũng như về mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung, tác giả rút ra ý nghĩa chính trị và tư tưởng của vấn đề. Tác giả cho rằng, chủ nghĩa tư bản đề cao cái riêng, tuyệt đối hóa cái riêng, bởi vì nó «dựa trên cơ sở của cái riêng» như «quyền tư hữu», «chiếm hữu tư nhân», «lợi ích cá nhân» và «cái tôi ích kỷ». Trái lại, vẫn theo tác giả, chủ nghĩa xã hội dựa trên cơ sở công hữu về tư liệu sản xuất, có mục đích thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của toàn thể nhân dân, «lại có cách nhìn biện chứng và khoa học, cho nên thường nhận thức và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung... không đối lập cái riêng và cái chung, không chà đạp lên cái riêng... hết sức tôn trọng cái riêng; nhưng trong khi tôn trọng và bảo vệ cái riêng, lại rất chú ý đến cái chung, đòi hỏi cái riêng phải nằm trong cái chung và phục tùng cái chung. Cái chung mở đường cho cái riêng hoạt động hết mình và phát triển rực rỡ, trong khi cái riêng làm tất cả vì cái chung, làm phong phú thêm cái chung» v.v.

Đọc những điều nói trên, tôi thấy tác giả đã hiểu sai lệch nội dung của cặp phạm trù cái riêng — cái chung của phép biện chứng duy vật, và mối quan hệ giữa các phạm trù đó.

Digitized by Google

Để chứng minh điều đó, tôi xin trích dẫn ra đây điều mà chính Lê-nin đã viết về cái riêng và cái chung:

«Cái riêng chỉ tồn tại trong mối liên hệ đưa đến cái chung. Cái chung chỉ tồn tại trong cái riêng, thông qua cái riêng. Bất cứ cái riêng (nào cũng) là cái chung. Bất cứ cái chung nào cũng là (một bộ phận, một khía cạnh, một bản chất) của cái riêng. Bất cứ cái chung nào cũng chỉ bao quát một cách đại khái tất cả mọi vật riêng lẻ. Bất cứ cái riêng nào cũng không gia nhập đầy đủ vào cái chung, v.v.» (Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1981, tập 29, tr. 381).

Như vậy ở đây, cái riêng và cái chung là hai mặt đối lập, tồn tại khách quan, thống nhất trong mọi sự vật, hiện tượng, quá trình, có quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau, chuyển hóa lẫn nhau. Cái riêng là phạm trù triết học phản ánh những sự vật, hiện tượng, quá trình cụ thể có những đặc điểm riêng, không lặp lại trong những sự vật, hiện tượng, quá trình khác. Ví dụ: một con người cụ thể nào đó (anh A), một cái cây, một con vật cụ thể nào đó hoặc một quốc gia nào đó (nước Việt nam), một hành tinh nào đó (trái đất) v.v. Còn cái chung là phạm trù triết học phản ánh những mặt, những thuộc tính, những mối quan hệ giống nhau ở nhiều sự vật, hiện tượng và quá trình riêng lẻ. Ví dụ: cái chung trong các loài sinh vật (cả thực vật, động vật và con người) là sự trao đổi chất giữa cơ thể và môi trường, là sự di truyền và biến dị—được thể hiện ở bất cứ thứ cây nào, con vật nào, một người nào; hoặc cái chung trong các quốc gia (dù là Việt nam, Liên xô hay Mỹ... cũng đều có) là lãnh thổ, biên giới, dân cư, chính quyền Nhà nước, luật lệ, v.v.

Bất cứ sự vật, hiện tượng nào cũng là sự thống nhất biện chứng giữa cái riêng và cái chung. Cái riêng và cái chung không thể tách rời nhau, nghĩa là không thể có cái chung nếu không có cái riêng, cũng như không thể có cái riêng nếu không có cái chung. Chỉ thừa nhận cái chung (như phái duy thực) hay chỉ thừa nhận cái riêng (như phái duy danh) đều là sai lầm. Và trong nhận thức cũng như trong hoạt động thực tiễn, nếu tuyệt đối hóa cái chung sẽ phạm sai lầm của chủ nghĩa giáo điều, còn nếu tuyệt đối hóa cái riêng, thì sẽ phạm sai lầm của chủ nghĩa kinh nghiệm, thậm chí còn sa vào chủ nghĩa xét lại...

Phạm trù triết học cái riêng và cái chung có nội dung phong phú. Tôi chỉ xin nêu vài điểm cơ bản về nó. Và tôi nghĩ rằng, khi phân tích một vấn đề, chúng ta nên chú trọng sử dụng và phân biệt đúng đắn những khái niệm triết học, khái niệm chính trị, khái niệm kinh tế..., vì mỗi loại khái niệm đó có nội dung riêng của nó.

Mặc dù Hà Phương có sự lẫn lộn khái niệm chính trị với khái niệm triết học nhưng cái đáng quý ở Hà Phương là sự quan tâm nhiệt tình đối với công tác tư tưởng của Đảng. Mà về mặt này, thì Hà Phương hoàn toàn có lý khi khẳng định rằng lợi ích riêng của mỗi người chúng ta phải phục tùng lợi ích chung của toàn xã hội. Đó là điều đáng hoan nghênh ở tác giả Hà Phương.

VŨ HÙNG

Ý kiến của Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản.

Chúng tôi tán thành những ý kiến của đồng chí Vũ Hùng trong bức thư trên đây.

Hoan nghênh đồng chí Vũ Hùng đã chú ý nghiên cứu bài đăng trên *Tạp chí Cộng sản* và gửi thư góp ý kiến nhận xét.

Bộ biên tập
Tạp chí Cộng sản

Digitized by Google

Thư bạn đọc



SINH sống từ đời ông, đời cha ở nông thôn, chúng tôi theo Đảng từ những ngày mới thành lập. Trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, đến nay về hưu chúng tôi vẫn bám ruộng đồng chiến đấu trên mặt trận nông nghiệp.

Thời trước nông dân chúng tôi thất học và bị thực dân, phong kiến áp bức bóc lột nặng nề. Trong chiến tranh chúng tôi đã đóng góp hết sức mình để giải phóng đất nước.

Từ ngày quê hương được giải phóng, chúng tôi lại hăng hái lao động cố gắng làm ra nhiều thóc lúa cho xã hội. Đến nay bộ mặt nông thôn đã có nhiều biến đổi, song ở nhiều nơi công trình thủy lợi, phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, cán bộ kỹ thuật hãy còn thiếu nhiều, cán bộ quản lý thì kém năng lực; đời sống của nông dân hãy còn thấp, nhiều người còn thiếu ăn, thiếu thuốc chữa bệnh, vật giá lại tăng vọt, cho nên càng khó khăn.

Trong lúc đó, ở nhiều nơi tình hình rất bê bối. Có những cán bộ, đảng viên tư lợi, tham ô, làm giàu bất chính, quan liêu hách dịch, độc đoán chuyên quyền trù dập cấp dưới, ức hiếp xã viên, tập đoàn viên. Họ làm giảm uy tín của Đảng, giảm lòng tin của quần chúng, làm tổn hại sự nghiệp cách mạng. Duy trì những phần tử đó trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước chẳng khác nào "nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà". Thế mà ở nhiều nơi những phần tử đó vẫn không bị xử lý theo kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Phải chăng họ có ô to tán lớn che chở?

Nếu Đảng và Nhà nước cho người về cơ sở lắng nghe quần chúng tỏ giác rồi có biện pháp xử lý thích đáng thì sẽ loại trừ được những phần tử sâu mọt, củng cố lòng tin tưởng phấn khởi cho quần chúng.

Đồng thời chúng tôi cũng mong Nhà nước đầu tư thích đáng cho nông nghiệp, tạo điều kiện để tăng năng suất và sản lượng lương thực, thực phẩm.

Với sự quan tâm của Đảng thanh lọc những kẻ thoái hóa biến chất, với sự tăng cường đầu tư của Nhà nước và sự nỗ lực lao động của người nông dân, chắc chắn chúng ta sẽ giành được thắng lợi trên mặt trận hàng đầu này.

Thay mặt một số lão nông ở xã Long phú, huyện Tam bình, tỉnh Cửu long
NGUYỄN VĂN ĐỀ

Digitized by Google

VŨ QUANG

BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

TRONG tổng số hơn 170 nước trên thế giới, ngoài các nước xã hội chủ nghĩa và khoảng 20 nước tư bản phát triển, số còn lại phần lớn vốn là các nước thuộc địa hoặc phụ thuộc trước đây, nay được gọi là "những nước đang phát triển", hoặc "thế giới thứ ba", hay là "các nước mới giành được độc lập". Nét vai trò của các dân tộc này trong quá trình đấu tranh giữa cách mạng và phản cách mạng trên phạm vi toàn thế giới, đây chính là một trong những động lực cách mạng lớn của thời đại: dòng thác giải phóng dân tộc.

Với khoảng hơn 100 nước và số dân hơn 2 tỷ người, phong trào này bao gồm nhiều loại nước khác nhau. Có những nước sau khi giành được độc lập, đã lựa chọn con đường phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa. Có những nước ngả theo hướng tư bản chủ nghĩa và trên thực tế, đang rơi vào cạm bẫy của chủ nghĩa thực dân mới. "Những nước này trên hình thức thì được độc lập về chính trị, nhưng thực tế lại mắc vào cái lưới phụ thuộc về tài chính và ngoại giao"(1). Tuy nhiên, có một đặc điểm chung của cả phong trào, đó là ước nguyện vọng của các dân tộc, các quốc gia muốn tự mình làm chủ vận mệnh, làm chủ tài nguyên và công việc nội bộ của mình. Nguyện vọng chính đáng đó trực tiếp chống lại mộng bá chủ toàn cầu của chủ nghĩa đế quốc, thu hẹp địa bàn hoạt động và đe dọa nguồn nguyên liệu thiết yếu cho nền kinh tế của nó, mà trước đây có thời nó chiếm độc quyền khai thác, bóc lột. Các nước đang phát triển này, trải ra trên các lục địa châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh, chiếm tỷ lệ rất cao về trữ lượng những nguyên liệu quan trọng của cả thế giới, như dầu mỏ, đồng, kẽn, vôn phram, u ra ni om..., các sản phẩm như cao su, cà phê, ca cao, chè... Các nước đang phát triển có vị trí chiến lược đối với chủ nghĩa đế quốc trong âm mưu bao vây và tiến công Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Do đó, có thể nói rằng cuộc đấu tranh chống đế quốc của phong trào giải phóng dân tộc đã và đang đe dọa chính sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản. Lịch sử những năm gần đây đã chứng kiến những cuộc tiến công của phong trào giải phóng dân tộc hòa trong cuộc tiến công của ba dòng thác cách mạng, trực tiếp đánh vào đinh lũy của chủ nghĩa đế quốc. Sau chiến thắng của Việt nam, một loạt các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh đứng lên đấu tranh giành thắng lợi, khiến chính bọn đế quốc phải gọi thời kỳ này là "kỷ nguyên sau Việt nam" để ghi nhận sự thu hẹp địa bàn và sự

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, tập 27, trang 485.

Digitized by Google

suy yếu về thế chiến lược của chúng trong phạm vi toàn cầu. Trong tình hình so sánh lực lượng trên thế giới thay đổi, có lợi cho chủ nghĩa xã hội và phong trào độc lập dân tộc, không có lợi cho chủ nghĩa đế quốc, chỉ một sự đồng lòng hợp tác của các nước sản xuất dầu lửa ở Trung Đông cũng đủ làm cả thế giới tư bản phải lao đao, khốn đốn trong một thời gian. Chính ở đây — khu vực giải phóng dân tộc — đang diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa các lực lượng cách mạng và phản cách mạng, vẫn tiếp tục diễn ra mâu thuẫn giữa một bên là chủ nghĩa đế quốc — đứng đầu là Mỹ — cùng các lực lượng phản động quốc tế và khu vực, với một bên là các dân tộc đang đấu tranh giành độc lập cả về chính trị, kinh tế, giành chủ quyền quốc gia, giành quyền được làm chủ tài nguyên thiên nhiên của mình. Cuộc đấu tranh đó được sự ủng hộ và giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và tất cả các lực lượng tiến bộ trên thế giới.

★

Đứng trước nguy cơ bị thu hẹp địa bàn hoạt động và bị cắt nguồn cung cấp nguyên liệu, chủ nghĩa đế quốc — đứng đầu là Mỹ — được sự phối hợp của chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung quốc và các thế lực phản động khác, đã rào riết phản kích phong trào giải phóng dân tộc. Trước hết chúng nhằm vào các nước đi theo hướng xã hội chủ nghĩa. Với mục tiêu «giành lại địa bàn đã mất», chúng phản kích các lực lượng cách mạng bằng biện pháp tổng hợp, bao gồm cả chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, tư tưởng, và tùy từng nơi, từng lúc, với từng loại đối tượng mà nặng về yếu tố này hoặc yếu tố khác.

Với các nước đi theo hướng xã hội chủ nghĩa, chúng bao vây, cấm vận, dùng bọn phản động khu vực quấy phá, gây sức ép quân sự, và tìm mọi cách để lật đổ chính quyền, kể cả những thủ đoạn ám sát, thủ tiêu những người lãnh đạo các nước này. Khi có điều kiện, chúng không ngần ngại sử dụng lực lượng quân sự trực tiếp xâm lược, như chúng đã gây ra các cuộc chiến tranh xâm lược đẫm máu ở Triều tiên, ở Việt nam, ở Grê-na-đa.

Với các nước đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, chúng dùng chủ nghĩa thực dân mới, thông qua các công ty xuyên quốc gia để thâm nhập, khống chế. Khi mâu thuẫn xã hội ở những nước này trở nên gay gắt do nhân dân lao động bị bóc lột thậm tệ, và cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân lan rộng và phát triển, thì chúng tìm cách «tháo ngòi nổ» bằng cách rút bỏ những tên tay sai quá thối nát, «thay ngựa giữa dòng», dùng chiêu bài «dân chủ hóa», lòng làm lạc hướng đấu tranh của nhân dân, duy trì lợi ích nước lớn của chúng.

Tuy nhiên, không có sự phân chia rạch ròi trong việc sử dụng các biện pháp đối phó với phong trào giải phóng dân tộc. Trong thực tiễn, chúng sử dụng một cách tổng hợp, xen kẽ nhau, phối hợp với nhau. Vì thế, có lúc chính quyền Ri-gân tỏ ra «cứng rắn», nhưng có lúc lại ra vẻ «quan tâm đến dân chủ, nhân quyền», mặc dù bản chất và mục tiêu của nó không thay đổi. Bản chất hiếu chiến, hung hăng của Ri-gân đã bộc lộ ngay khi y mới chuẩn bị bước vào Nhà Trắng với đường lối dựa vào bản báo cáo của Ủy ban Xan-ta Phe (2) soạn thảo năm 1980. Ngay từ đầu, Ủy ban này đã xác định cho Ri-gân là «Mỹ đang

(2) Ủy ban này là một tổ chức tư vấn gồm các trùm tài phiệt, các chuyên gia, có nhiệm vụ hoạch định chính sách cho ứng cử viên tổng thống Ri-gân, lấy tên theo địa điểm hội nghị thành lập là thành phố Xan-ta Phe, thuộc bang Niu Mê-hi-cô của Mỹ.

Digitized by Google

bị Liên xô tiến công qua bàn tay Cu-ba, cho nên Mỹ cần khôi phục lại tình hình», Mỹ phải dùng những biện pháp «trừng phạt thẳng thừng», và nếu vẫn chưa đạt mục tiêu, thì cần phải «phát động một cuộc chiến tranh giải phóng chống lại Phi-đen Ca-xto-rô». Cũng Ủy ban này đã báo cho Ri-gân rằng, phong trào độc lập dân tộc dấy lên ở các khu vực là do «nguyên nhân bên ngoài», do «Liên xô và các nước cộng sản xúi giục» chứ không phải do bất công xã hội là những nguyên nhân bên trong. Suốt sáu năm làm tổng thống Mỹ, Ri-gân đã nói và làm theo đúng những đường hướng nói trên. Thậm chí, Ri-gân còn đi quá xa so với những điều mà Ủy ban tư vấn nói trên đã vạch ra. Thế nhưng thực tế những cuộc đấu tranh sôi sục của nhân dân các nước chống lại các chính quyền độc tài thân Mỹ, đã chứng tỏ không hề có «sự xúi giục từ bên ngoài». Một loạt các chính quyền tư sản quân phiệt thân Mỹ đã bị sụp đổ hoặc đang đứng trước nguy cơ sụp đổ. Ngay cả nhân dân Mỹ cũng không chấp nhận việc chính quyền Mỹ tiếp tục ủng hộ những tên tay sai quá thối nát ở các khu vực. Thực tế đó đã buộc giới cầm quyền Mỹ phải tính toán lại, và qua những cuộc tranh cãi trong nội bộ giới cầm quyền, chúng rút ra kết luận là phải chú ý cả «nguyên nhân bên ngoài» lẫn «nguyên nhân bên trong», đối phó với phong trào cách mạng này bằng chiêu bài «dân chủ hóa», lẳng tăng cường «viện trợ» về kinh tế và cuối cùng bằng biện pháp quân sự. Chính quyền Ri-gân làm rùm beng về «dân chủ», «nhân quyền», nhưng thực chất là nó phải rút bỏ những tên tay sai đã quá xấu xa, đánh lạc hướng cuộc đấu tranh của nhân dân các nước. Đó là trường hợp tên độc tài Đu-va-li-e ở Ha-i-ti và tên Mác-cốt ở Phi-líp-pin. Cả hai đều được máy bay quân sự Mỹ chở đi vào phút chót, khi cuộc đấu tranh của nhân dân dâng cao đến điểm sắp bùng nổ. Chính quyền Mỹ cũng đang dọn đường dư luận để áp dụng chính sách này đối với một số tên tay sai khác như Pi-nô-chê ở Chi-lê, Chun-đô Hoan ở Nam Triều tiên, Dia Un-hác ở Pa-ki-xtan,... qua việc mới đây Ri-gân tỏ ra «phẫn nộ» lên án sự «vi phạm nhân quyền» ở Chi-lê, Nam Triều tiên và Pa-ki-xtan.

Những cuộc tập trận «cây thông lớn» ở Mỹ la tinh, «hổ mang vàng» ở Đông Nam châu Á, «tinh thần đồng đội» ở Đông Bắc châu Á,... là những cuộc «diễu võ giương oai» để đe dọa, gây sức ép với Ni-ca-ra-goa và các phong trào cách mạng ở Mỹ la tinh, với Áp-ga-ni-xtan, Ấn độ và các nước Đông dương. Những tên «sen đầm khu vực», như I-xra-en, Nam Phi, cũng như những nhóm phỉ, phản cách mạng như Côn-tơ-rát ở Mỹ la tinh, UNITA ở châu Phi, «Khơ me đỏ» ở Cam-pu-chia và nhóm phỉ ở biên giới Áp-ga-ni-xtan... đều được Mỹ «viện trợ», xúi giục, để quấy phá các nước đang đứng ở tuyến đầu của phong trào giải phóng dân tộc.

Rõ ràng là đường lối gây căng thẳng, đối đầu, phản kích phong trào giải phóng dân tộc mà đế quốc Mỹ thực hiện từ ngày đầu cầm quyền của Ri-gân đã không hề thay đổi, mà còn trắng trợn hơn, thô lạo hơn. Việc sử dụng chiêu bài «nhân quyền», thay đổi một số tên tay sai theo kiểu «thí tốt», vừa qua chỉ chứng tỏ tình trạng bị động, lúng túng của nó mà thôi.

Xen kẽ và phối hợp với những hành động quân sự, đế quốc Mỹ ráo riết dùng các biện pháp kinh tế, tài chính, trong đó nổi bật lên công cụ chủ yếu của chủ nghĩa thực dân mới là các công ty xuyên quốc gia. Kiểm soát gián tiếp nền kinh tế các nước mới giành được độc lập, thông qua việc nắm độc quyền các trung tâm

Digitized by Google

giao dịch và tiêu thụ hàng hóa, thông qua buôn bán không bình đẳng, thông qua cái gọi là « viện trợ » kèm theo những điều kiện nặng nề,... là những biện pháp để quốc Mỹ sử dụng để áp đặt sự phân công lao động quốc tế tư bản chủ nghĩa đối với những nước độc lập đang ngả theo xu hướng tư bản chủ nghĩa. Trong thực tế, các công ty xuyên quốc gia là những « Nhà nước trên Nhà nước » ở những nơi chúng đặt chân đến, vừa bóc lột tài nguyên và sức lao động của các nước sở tại, vừa can thiệp vào công việc nội bộ của họ. Hiện nay có tới trên 5 vạn công ty con của các công ty xuyên quốc gia đặt ở các nước đang phát triển. Đây chính là hơn 5 vạn cái vòi của những con bạch tuộc, là nguyên nhân gây ra những cuộc « chiến tranh cà phê », « chiến tranh đường », « chiến tranh về giá dầu lửa »... làm thiệt hại hàng tỷ đô la cho các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh. Những năm gần đây, chúng sử dụng các khoản nợ để lung lạc các nước mới được giải phóng, ép các nước này thay đổi đường lối, làm kiệt quệ nền kinh tế vốn đã có nhiều khó khăn của họ. Tổng số nợ của các nước thế giới thứ ba hiện nay là khoảng 1 000 tỷ đô la, trong đó các nước khu vực Mỹ la tinh gần 400 tỷ, châu Phi 200 tỷ, các nước A-rập hơn 100 tỷ đô la. Chỉ để trả lãi hàng năm cho món nợ đó, các nước Mỹ la tinh đã phải chi 53% số thu nhập về xuất khẩu của mình, và rồi cứ « lãi mẹ đẻ lãi con », khối lượng nợ của các nước cũng tăng rất nhanh.

Trong việc phối hợp các biện pháp để chống lại phong trào giải phóng dân tộc, chủ nghĩa đế quốc cũng không quên sử dụng lý luận tư tưởng và văn hóa thông tin. Chúng đề ra các thuyết như « phụ thuộc lẫn nhau » để che giấu sự bóc lột của chủ nghĩa thực dân mới, thuyết « nước giàu, nước nghèo » để xóa nhòa ranh giới giữa chủ nghĩa đế quốc và các dân tộc bị áp bức. Đứng trước xu thế của thời đại là sự hợp tác giữa cộng đồng xã hội chủ nghĩa với các nước thuộc phong trào giải phóng và độc lập dân tộc ngày càng tăng, bọn đế quốc tung ra thuyết « đứng giữa hai hệ thống xã hội » hòng làm lẫn lộn Liên xô, người đấu tranh không mệt mỏi cho hòa bình và Mỹ là kẻ hiếu chiến, và cắt mối liên hệ tự nhiên nói trên. Chúng cũng không quên sử dụng các thế lực phản động trong tôn giáo, nhà thờ, để ngăn cản sự thức tỉnh, giác ngộ của các dân tộc mới giành được độc lập.

Ở khu vực châu Á – Thái bình dương, Mỹ cũng đẩy mạnh việc triển khai kế hoạch phản cách mạng rộng lớn. Đây là địa bàn quan trọng có tính chất chiến lược mà đế quốc Mỹ đang mưu toan khống chế để bao vây, tiến công Liên xô, liên minh ba nước Đông dương và cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa từ gọng kìm phía đông và phía nam. Đây cũng là một khu vực phong phú về tài nguyên, năng động về kinh tế, có tốc độ phát triển cao mà đế quốc Mỹ âm mưu kiểm soát để độc quyền bóc lột, vơ vét. Do đó, chúng ra sức tăng cường sức mạnh quân sự, tập hợp lực lượng : đẩy mạnh liên minh Mỹ – Nhật – Nam Triều tiên, dàn xếp để củng cố khối ANZUS (Mỹ, Ô-xtrây-li-a và Niu Di-lân), dung túng và khuyến khích những hoạt động gây rối của bọn phản động Nam Triều tiên, Thái lan, Pa-ki-xtan,... xúc tiến việc thực hiện chiến lược châu Á – Thái bình dương và lập « cộng đồng Thái bình dương » do Mỹ – Nhật làm nòng cốt. Trong chiến lược phản cách mạng ở khu vực này, Mỹ được sự cộng tác đắc lực của Trung quốc. Trong cuộc đi thăm Mỹ tháng 1-1984, Thủ tướng Trung quốc Triệu Tử Dương đã nói rõ: « Trung quốc và Mỹ có những lợi ích chung về nhiều vấn đề quan trọng nhất trong đời sống quốc tế ». Nếu loại bỏ những lời hoa mỹ, giả danh

Digitized by Google

cách mạng, thì có thể thấy, thực chất đường lối của Trung quốc đối với phong trào giải phóng dân tộc nhằm hai mục tiêu chính. Đó là mưu đồ bá quyền, làm thủ lĩnh phong trào, và cách ly phong trào ra khỏi mối liên hệ tự nhiên với cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới. Trung quốc đưa ra rất nhiều khẩu hiệu, thế thốt ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc. Nhưng cả thế giới đều biết mối quan hệ khăng khít giữa Bắc kinh với bè lũ Pi-nô-chê ở Chi-lê, Dia Un-hắc ở Pa-ki-xtan, ngấm ngầm quan hệ về quân sự với bọn xi ô nit I-xra-en, với những tên phản động loại 1 ở châu Phi như Ni-mê-ri trước đây ở Xu-đăng, các thủ lĩnh của Xô-ma-li, Da-ia. Họ chính thức hoan nghênh hiệp nghị Trại Đa-vít nhưng lại luôn mồm nói «kiên quyết ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Pa-le-xtin»! Họ thế thốt «đứng về phía nhân dân A-rập», nhưng mới đây Ai-cập đã buộc lòng phải trả lại Bắc kinh những xe tăng mà Trung quốc cung cấp vì phát hiện ra những khẩu pháo lắp trên xe lại là của I-xra-en sản xuất!

★

Bất chấp sự phá hoại điên cuồng của chủ nghĩa đế quốc và các loại phản động quốc tế, trong những năm qua, phong trào giải phóng và độc lập dân tộc vẫn tiến bước mạnh mẽ trên con đường phát triển và ngày càng có vai trò to lớn trong cuộc đấu tranh chung của toàn nhân loại vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Biểu hiện nổi bật là ngày càng có nhiều dân tộc lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa, hoặc có xu hướng xã hội chủ nghĩa. Nhân dân các nước này nhận thức được rằng chỉ có đi theo con đường xã hội chủ nghĩa thì mới có thể bảo vệ được nền độc lập dân tộc của mình. Cuộc sống ngày càng chứng tỏ rằng dù đã giành được độc lập chính trị, sự nghiệp giải phóng dân tộc chưa phải đã kết thúc. Độc lập chính trị phải được củng cố bằng độc lập kinh tế. Sự nghiệp giải phóng dân tộc chỉ có thể được xem là hoàn toàn và triệt để khi giai cấp bóc lột đã bị xóa bỏ. Trước mắt các dân tộc chỉ có hai con đường, hoặc «tiếp tục là hậu phương của chủ nghĩa đế quốc», hoặc «phát triển theo con đường tiến bộ và xã hội chủ nghĩa». Ngoài ra, không có con đường thứ ba.

Thực tế chứng tỏ tiến trình phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa không hề phủ định yếu tố dân tộc. Ngược lại, đây là cách thức tốt nhất để bảo vệ cả những lợi ích cơ bản lẫn những lợi ích đặc thù của mỗi dân tộc. Sự kết hợp hài hòa giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội là một bảo đảm vững chắc cho tiến trình phát triển, đã được kiểm chứng ở nhiều nước, trong đó có Việt nam. Không thể phủ nhận rằng các nước phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa thường gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại trên đường đi của mình, do hậu quả nặng nề của hàng thế kỷ bị áp bức bóc lột trước đây, do tình trạng nghèo nàn lạc hậu về kinh tế, do thiếu kinh nghiệm quản lý và xây dựng xã hội mới và do sự chống phá quyết liệt của các thế lực đế quốc và phản động. Nhưng với sự giúp đỡ tận tình của các nước xã hội chủ nghĩa, các nước này đã chứng minh rằng: chỉ có đi theo con đường tiến bộ và xã hội chủ nghĩa, mới có thể giữ vững và củng cố nền độc lập chính trị của đất nước mình.

Ngày sự phát triển hùng mạnh của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, tự bản thân nó đã là một sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc, bởi vì đó chính là nhân tố cực kỳ quan trọng tác động đến sự

Digitized by Google

sụp đổ của chủ nghĩa thực dân, thúc đẩy sự phát triển tiến bộ của các nước mới giành được độc lập. Các nước này do kinh nghiệm bản thân thấy rằng cộng đồng xã hội chủ nghĩa là người bạn đồng minh tự nhiên của mình. Theo số liệu chưa đầy đủ, các nước thành viên của Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) đã giúp các nước đang phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa và một số nước khác xây dựng hơn 3500 công trình công nghiệp, 1500 công trình nông nghiệp, các nhà máy điện với tổng công suất hơn 23 triệu kW, những xí nghiệp có tổng công suất 30 triệu tấn thép, 50 triệu tấn dầu thô trong một năm. Cũng nhờ sự giúp đỡ đó, các nước mới độc lập đào tạo được gần 2 triệu chuyên gia, công nhân lành nghề, kỹ sư, bác sĩ... Bên cạnh những con số có thể thống kê đó, còn có sự ủng hộ, giúp đỡ vô giá về chính trị, quân sự, ngoại giao, thậm chí cả xương máu nữa: những chiến sĩ tình nguyện của Liên xô đã hy sinh vì sự nghiệp của nhân dân Áp-ga-ni-xtan, những chiến sĩ Cu-ba ngã xuống vì cách mạng Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích, Ê-ti-ô-pi-a, những chiến sĩ tình nguyện Việt nam ở Lào và Cam-pu-chia. Ngoài ra còn biết bao chuyên gia của các nước xã hội chủ nghĩa khác đang tận tình giúp đỡ các nước độc lập dân tộc. Đó là những bằng chứng cụ thể của chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa trong sáng, góp phần quan trọng vào sự trưởng thành của các quốc gia non trẻ đang quyết tâm tiến lên theo hướng xã hội chủ nghĩa.

★

Là một trong những dòng thác cách mạng của thời đại, trong những năm qua, phong trào giải phóng dân tộc đã có những đóng góp to lớn vào cuộc đấu tranh chung của loài người. Mặc dù còn nhiều khó khăn, thậm chí có cả những thất bại tạm thời ở từng nơi, từng lúc, nhưng xu thế tiến lên mạnh mẽ của phong trào là rõ ràng, không một sức nào cản nổi. Cùng với các nước xã hội chủ nghĩa, với cuộc đấu tranh của nhân dân lao động ở các nước tư bản, và cuộc đấu tranh chống chạy đua vũ trang vì hòa bình thế giới, phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc nhất định sẽ giành được thắng lợi ngày càng to lớn hơn.

Tình hình và nhiệm vụ

(Tiếp theo trang 22)

trì và dũng cảm, đổ biết bao mồ hôi và xương máu mới giành được. Đồng thời phải thấy kết những sai lầm và khuyết điểm của chúng ta để ra sức khắc phục. Có như thế chúng ta mới có thể đưa cách mạng nước ta tiếp tục tiến lên giành thành tựu và thắng lợi mới.

Mỗi cán bộ, đảng viên chúng ta cần thấy rõ tình hình cách mạng nước ta hiện nay, thấy rõ thuận lợi cũng như thấy rõ khó khăn, thấy rõ phương hướng tiến lên của cách mạng, hiểu đúng nhiệm vụ trung của cách mạng đồng thời hiểu đúng nhiệm vụ của mỗi người.

Mỗi cán bộ đảng viên chúng ta phải có thái độ và phương pháp đánh giá tình hình đúng theo quan điểm của Đảng. Có đánh giá đúng tình hình thì mới xác định đúng mục tiêu phấn đấu.

Có nắm vững quan điểm của Đảng, chúng ta mới hiểu rõ tình hình và nhiệm vụ cách mạng. Hiểu đúng tình hình và nhiệm vụ, đó là cơ sở để tăng cường sự nhất trí trong Đảng, nâng cao năng lực chiến đấu của Đảng.

Vì vậy, mỗi cán bộ, đảng viên chúng ta cần nắm vững quan điểm của Đảng để hiểu đúng tình hình và nhiệm vụ của cách mạng nước ta hiện nay.

Digitized by Google

VÕ ĐẠI

NHỮNG XU HƯỚNG ĐỔI MỚI CƠ CHẾ KINH TẾ Ở CÁC NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Đổi mới cơ chế kinh tế hiện đang là một xu hướng phổ biến ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Trong báo cáo chính trị tại Đại hội 27 ĐCS Liên xô, đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp, Tổng bí thư Ủy ban trung ương Đảng đã khẳng định: «Chúng ta đang đứng trước cuộc cải tổ nghiêm chỉnh nhất về cơ chế kinh tế xã hội chủ nghĩa». Tại Đại hội gần đây của các đảng cộng sản một số nước xã hội chủ nghĩa khác, vấn đề này cũng được nhấn mạnh. Thực tế phải kể từ cuối những năm 60, việc cải cách kinh tế đã bắt đầu được tiến hành lần lượt ở các nước xã hội chủ nghĩa với mức độ, quy mô và cách thức khác nhau. Song dù có khác nhau đến đâu, những cuộc cải cách này đều có những cơ sở chung là: cùng đặt dưới sự lãnh đạo của một đảng mác xít – lê nin nít, cùng có một mục tiêu chung là xây dựng chủ nghĩa cộng sản, cùng dựa trên một chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, cùng dựa trên sự vận dụng tự giác các quy luật khách quan, cùng tuân theo các nguyên tắc xã hội chủ nghĩa về quản lý kinh tế v.v. Chính trên cơ sở chung này, các xu hướng đổi mới cơ chế kinh tế có tính chất chung xuất hiện và ngày càng được mở rộng. Bài này sẽ giới thiệu những xu hướng chung đó.

Vấn đề đặt ra là những căn cứ gì đã quy định quá trình đổi mới cơ chế kinh tế ở các nước xã hội chủ nghĩa?

Trước hết phải tính đến những phát triển về lý luận kinh tế, được xem như là một quá trình đổi mới tư duy kinh tế đang diễn ra ở các nước xã hội chủ nghĩa. Phải thừa nhận rằng trong những năm gần đây đã có những đổi mới quan trọng trong lĩnh vực tư duy kinh tế. Người ta đã đi từ chỗ cho rằng Liên xô đã xây dựng xong chủ nghĩa xã hội phát triển, đang quá độ lên chủ nghĩa cộng sản đến chỗ thừa nhận là Liên xô đang trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội phát triển; từ chỗ tuyệt đối hóa vai trò của kinh tế quốc doanh và tập thể đến chỗ thừa nhận và khuyến khích sản xuất nhỏ cá thể và kinh tế gia đình phát triển trong chừng mực bổ sung cho kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể; từ chỗ tuyệt đối hóa kế hoạch tập trung và mệnh lệnh đến chỗ thừa nhận và mở rộng tính độc lập của các xí nghiệp; từ chỗ phủ nhận quan hệ hàng hóa – tiền tệ trong khu vực sản xuất tư liệu sản xuất đến chỗ thừa nhận nó; từ chỗ phủ nhận vai trò và tác động của quy luật cung cầu trong đời sống kinh tế đến chỗ thừa nhận nó v.v. Những đổi mới trên đây đã thật sự là những căn cứ lý luận quan trọng cho cuộc cải cách kinh tế ở các nước xã hội chủ nghĩa.

Mặt khác, những điều kiện kinh tế thực tế của các nước xã hội chủ nghĩa

Digitized by Google

cho đến giữa những năm 60 cũng đã có những thay đổi quan trọng như các nhân tố phát triển chiều rộng đã cạn trong khi các yếu tố phát triển chiều sâu chưa phát huy được tác dụng, do đó chi phí sản xuất tăng lên phổ biến đã làm cho sản xuất kém hiệu quả, tốc độ tăng trưởng giảm sút; nền kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa đã phát triển tới một quy mô lớn hơn trước nhiều lần và đạt một trình độ kỹ thuật cao hơn hẳn; quan hệ kinh tế đối ngoại phát triển vượt bậc v.v. Chính những thay đổi về lý luận và thực tiễn trên đây đã làm cho cơ chế kinh tế hiện hành ở các nước xã hội chủ nghĩa trở nên không thích hợp. «Những hình thức quan hệ sản xuất, chế độ quản lý kinh doanh hiện hành về cơ bản đã được hình thành trong những điều kiện phát triển kinh tế theo chiều rộng. Dần dần chúng đã lỗi thời và bắt đầu mất vai trò khuyến khích và về mặt nào đó còn kìm hãm sự phát triển nữa» (1).

Vậy thì phải xây dựng một cơ chế kinh tế mới thế nào cho thích hợp với những thay đổi về nhận thức lý luận cũng như về thực tiễn? Nghiên cứu văn kiện đại hội gần đây của các đảng anh em ta có thể thấy rằng cơ chế kinh tế mới ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em có những đặc trưng chủ yếu sau đây:

Bảo đảm tiến hành kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân, đồng thời sử dụng mạnh mẽ các quan hệ hàng hóa — tiền tệ, thị trường. Nâng cao tính thiết thực, hiệu quả của việc lãnh đạo tập trung, đồng thời mở rộng tính độc lập, quyền tự chủ kinh doanh cho các cơ sở. Bảo đảm sự thống nhất giữa các lợi ích cá nhân, tập thể và toàn dân. Chuyển mạnh sang sử dụng các biện pháp kinh tế, đồng thời vẫn chú ý sử dụng đúng đắn các biện pháp hành chính. Đẩy mạnh tập trung hóa, chuyên môn hóa, liên hiệp hóa trong quá trình cải tổ bộ máy sản xuất. Với những đặc trưng trên đây, cơ chế kinh tế mới đã chủ yếu nhằm vào mục tiêu nâng cao hiệu quả và chất lượng sản xuất và theo các xu hướng cơ bản sau đây:

1. Chuyển từ một cơ chế chủ yếu sử dụng các biện pháp hành chính, mệnh lệnh sang một cơ chế ngày càng sử dụng nhiều hơn các biện pháp kinh tế.

Trong những năm 60 về trước, các mệnh lệnh được giao từ trên xuống các cơ sở sản xuất dưới nhiều dạng khác nhau. Hàng trăm chỉ tiêu pháp lệnh, hàng nghìn định mức kế hoạch, tất cả giá cả đều do trung ương quyết định và rất nhiều chỉ thị, nghị quyết đều do cấp trên giao cho các cơ sở sản xuất. Các đơn vị kinh doanh cơ sở hầu như chỉ có quyền thực hiện các chỉ thị, mệnh lệnh đó, và nếu có điều gì không thích hợp muốn thay đổi thì họ phải xin chỉ thị cấp trên và chờ lệnh mới trong một thời gian kéo dài.

Phải thừa nhận là các biện pháp hành chính và mệnh lệnh trong không ít trường hợp là hoàn toàn cần thiết đối với việc lãnh đạo nền kinh tế. Song một khi những mệnh lệnh này trở thành phương thức cơ bản của cơ chế kinh tế, thì xuất hiện những hạn chế to lớn.

Hạn chế trước hết là việc ban hành quá nhiều mệnh lệnh quyết định hoạt động của tất cả các cơ sở kinh doanh đã vượt quá khả năng của các cơ quan ra lệnh, dù là số lượng cán bộ của các cơ quan này đã tăng lên. Khó khăn ở đây là trong một nước có rất nhiều đơn vị kinh doanh cơ sở, điều kiện hoạt động của chúng rất đa dạng và hết sức khác nhau, tình hình kinh doanh của chúng lại biến động hằng ngày. Do vậy các cơ quan lãnh đạo cấp trên khó có thể nắm chắc hết được, các mệnh lệnh và chỉ thị được

(1) M.X. Gooc-ba-trốp: *Báo cáo chính trị tại Đại hội 27 ĐCS Liên xô.*

Digitized by Google

ban hành hôm nay không bao lâu sau có thể không thích hợp với những điều kiện đã thay đổi. Chính vì vậy mà các chỉ tiêu pháp lệnh giao xuống thường không chính xác và phải điều chỉnh luôn, các chỉ thị và mệnh lệnh can thiệp sâu vào hoạt động kinh doanh của cơ sở khi không ăn nhập với thực tiễn đã trở thành vật cản đối với hoạt động của cơ sở.

Thứ hai, các đơn vị kinh doanh cơ sở hiểu rõ điều kiện, tiềm năng của mình hơn ai hết, chịu trách nhiệm lớn nhất cả về vật chất và tinh thần đối với hoạt động của cơ sở mình, nhưng lại không có quyền quyết định; do vậy cơ chế này đã ràng buộc khả năng phát huy sáng kiến, tính sáng tạo, quyền tự chủ kinh doanh, phản ứng nhạy cảm và linh hoạt đối với tình hình của các đơn vị cơ sở.

Thứ ba, cơ chế này đã không gắn chặt quyền hạn với trách nhiệm vật chất. Cơ quan và người có quyền ra lệnh đã hoàn toàn không chịu trách nhiệm vật chất gì về hậu quả của các mệnh lệnh đó, người phải gánh chịu trực tiếp các hậu quả đó là các đơn vị cơ sở và Nhà nước. Chẳng hạn các chỉ tiêu pháp lệnh giao xuống không đúng làm tổn hại đến lợi ích của xí nghiệp và Nhà nước, nhưng các cơ quan hoạch định các chỉ tiêu đó lại hoàn toàn không chịu trách nhiệm vật chất gì. Hay như cơ quan định giá buộc mọi người trong nước phải chấp hành kỷ luật giá cả như pháp lệnh, nhưng nếu giá cả định sai thì lợi ích của người sản xuất và tiêu dùng bị đụng chạm trước hết, còn lợi ích của cơ quan định giá lại hoàn toàn không bị đụng chạm. Điều đó đã giải thích tình trạng quan liêu, vô trách nhiệm đã xảy ra trong quá trình ban hành các mệnh lệnh và chỉ thị.

Do có những hạn chế trên đây, cho nên từ những năm 70 đến nay các nước xã hội chủ nghĩa nói chung đã chuyển dần theo hướng giảm bớt các biện pháp hành chính, mệnh lệnh và tăng dần việc sử dụng các biện pháp kinh tế trong cơ chế kinh tế.

Giảm bớt hoặc bỏ các chỉ tiêu pháp lệnh giao từ trên xuống. Tình hình phổ biến ở các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay là giảm các chỉ tiêu pháp lệnh giao xuống cho các đơn vị cơ sở (còn khoảng trên dưới mười chỉ tiêu). Luận cương Đại hội 13 ĐCS Bun-ga-ri (1986) đã khẳng định "cần chuyển dần từ kế hoạch hóa bằng pháp lệnh thông qua các chỉ tiêu sang kế hoạch hóa bằng định mức". Ở Hung-ga-ri, nói chung đã bãi bỏ các chỉ tiêu pháp lệnh giao xuống. Các cơ quan Nhà nước vẫn thống nhất lãnh đạo nền kinh tế quốc dân như trước, nhưng không phải chủ yếu bằng các mệnh lệnh và chỉ thị như trước nữa, mà bằng các biện pháp kinh tế. Những chỉ tiêu pháp lệnh giao xuống còn lại không nhiều và được lựa chọn theo hướng chuyển trọng tâm từ các chỉ tiêu khối lượng, số lượng sang các chỉ tiêu chất lượng và hiệu quả.

Các cơ quan trung ương ngày càng giảm bớt việc ban hành các mệnh lệnh và chỉ thị hành chính và tập trung sức vào việc hoạch định chiến lược phát triển, các chính sách kinh tế và kiểm tra, giám sát việc thực hiện chúng. Sự chuyển hướng này có một tầm quan trọng to lớn. Nếu trước đây các cơ quan trung ương đã bị cuốn hút tất cả sức lực vào việc ban hành các mệnh lệnh, các chỉ thị và rất nhiều công việc sự vụ hằng ngày khác, và dường như có quá ít thì giờ quan tâm đến vấn đề hoạch định chiến lược, chính sách và kiểm tra việc thực hiện chúng, thì nay họ đã được giải phóng, đã có thì giờ để tập trung vào công việc này. Đại hội 27 ĐCS Liên xô đã khẳng định trước hết phải cải tổ Ủy ban kế hoạch Nhà nước thành một bộ tham mưu về khoa học kinh tế thật sự của đất nước. Từ những năm 70 đến nay, việc hoạch định chiến lược phát triển ngày càng

Digitized by Google

được đẩy mạnh ở các nước xã hội chủ nghĩa. Các chương trình phát triển thực phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, hàng tiêu dùng v.v. đã được soạn thảo và thực hiện ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa. Công tác kiểm tra, giám sát được đề cao và các cơ quan trung ương đã thật sự bắt tay vào việc này, do vậy người ta đã ngày càng xác định rõ những tiêu chuẩn để đánh giá hoạt động kinh doanh của các xí nghiệp. Nếu trước đây người ta đánh giá hoạt động của xí nghiệp chủ yếu bằng khối lượng sản phẩm giao nộp cho Nhà nước nhiều hay ít, thì nay người ta ngày càng chú ý nhiều đến tiêu chuẩn hiệu quả. Các tiêu chuẩn này ở Bun-ga-ri và Hung-ga-ri là lợi nhuận, ở Tiệp khắc là sản phẩm thuần quy ước (C_1+v+m) (2), ở Cộng hòa dân chủ Đức là lợi nhuận và sản phẩm thuần.

Sự chuyển hướng hoạt động của các cơ quan trung ương đòi hỏi các đơn vị kinh doanh cơ sở cũng phải chuyển hướng hoạt động cho thích hợp.

Quyền hạn của các đơn vị cơ sở ngày càng được mở rộng, tính độc lập và tự chủ kinh doanh của họ ngày càng được phát huy. Nếu như trước đây các đơn vị kinh doanh cơ sở chỉ có quyền thực hiện những mệnh lệnh giao từ trên xuống, thì trong thời gian gần đây họ đã có thêm nhiều quyền hạn khác như: quyền vạch kế hoạch kinh doanh của xí nghiệp và quyết định kế hoạch đó; quyền trích lập các quỹ xí nghiệp; quyền mở rộng sản xuất; quyền xác định một số giá cả sản phẩm trên cơ sở chính sách giá cả Nhà nước; quyền tăng giảm biên chế. Ở một số nước còn có quyền trực tiếp tham gia vào hoạt động ngoại thương. Ở Bun-ga-ri và Hung-ga-ri còn có cả quyền bầu ra ban lãnh đạo xí nghiệp và giám đốc. Liên xô cũng đang đề cập vấn đề bầu giám đốc xí nghiệp.

Ở đa số các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay, trên cơ sở những chỉ tiêu pháp lệnh cấp trên giao xuống (đã được giảm bớt), các đơn vị kinh doanh cơ sở tự hoạch định lấy kế hoạch của mình. Ở đây các chỉ tiêu pháp lệnh tuy ít, nhưng vẫn có vai trò quyết định phương hướng kinh doanh của các đơn vị cơ sở. Quyền tự chủ kinh doanh của các đơn vị cơ sở tuy được nới rộng, nhưng cũng chỉ trong phạm vi phương hướng kinh doanh đã được cấp trên quyết định. Còn như ở Hung-ga-ri, Nhà nước chỉ quyết định những phương hướng phát triển chiến lược của nền kinh tế quốc dân và xác định các chính sách đòn bẩy, còn kế hoạch phát triển kinh doanh của các đơn vị cơ sở thì giao cho tập thể xí nghiệp toàn quyền quyết định. Trong trường hợp này, quyền độc lập kinh doanh của các đơn vị cơ sở được đề cao hơn. Các đơn vị cơ sở không phải tiến hành kinh doanh theo mệnh lệnh của cấp trên như trước nữa. Họ có toàn quyền lựa chọn và quyết định kế hoạch kinh doanh, hoạt động của mình theo phương hướng chiến lược chung của nền kinh tế do trung ương quy định. Do giảm đi đến mức tối thiểu những nhiệm vụ giao từ trên xuống, cho nên đã mở ra những khả năng to lớn nhằm phát huy những sáng kiến và sáng tạo của người lao động ở cơ sở, mở rộng quyền tự chủ của xí nghiệp.

Thể hiện tinh thần trên đây, Đại hội 27 ĐCS Liên xô đã chỉ rõ phương hướng cơ bản của việc cải tổ cơ chế kinh tế là: «Nâng cao tính hiệu quả của quản lý tập trung, nâng cao vai trò của các cơ quan trung ương trong việc thực hiện các mục tiêu chủ yếu của chiến lược kinh tế của Đảng, trong việc quy định nhịp độ và tỷ lệ hợp lý phát triển kinh tế quốc dân, sự cân đối của nó. Đồng thời phải khắc phục tình trạng cơ quan trung ương can

(2) C_1 là giá trị khấu hao vốn cố định.

Digitized by Google

thiệp vào hoạt động hằng ngày của các khâu kinh doanh ở cơ sở... Kiên quyết mở rộng phạm vi tính tự chủ của các liên hiệp và xí nghiệp... Chuyển sang lãnh đạo bằng các biện pháp kinh tế ở tất cả các cấp của nền kinh tế quốc dân,..» (3) «... không thể lấy những chỉ thị, ngay cả những chỉ thị đúng đắn nhất thay cho sự sáng tạo của quần chúng. Việc cải tổ sẽ tạo ra sự phát triển mạnh mẽ tính sáng tạo và tự chủ của các tập thể lao động và tất cả cán bộ. Trong tình hình hiện nay không cho phép giải quyết từ trung ương tất cả mọi vấn đề... Mọi người cần hiểu thấu chân lý đó. Các tập thể lao động của các xí nghiệp và xí nghiệp liên hợp phải gánh phần trách nhiệm giải quyết chủ yếu các vấn đề thực tế» (4).

II. Chuyển từ cơ chế bao cấp sang cơ chế sử dụng đầy đủ các quan hệ hàng hóa—tiền tệ.

Cơ chế bao cấp có những nội dung nổi bật sau đây:

Nhà nước trung ương chịu trách nhiệm: cấp phát vốn cố định và phần lớn vốn lưu động cho các xí nghiệp cơ sở; cung ứng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu phụ, máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế; cấp phát lương cho cán bộ, công nhân viên chức trong xí nghiệp theo trình độ đào tạo và tay nghề; bảo đảm các phúc lợi xã hội cho mọi thành viên trong xã hội như đi học không mất tiền, chữa bệnh không mất tiền v.v

Các xí nghiệp phải giao nộp toàn bộ sản phẩm làm ra cho Nhà nước, trích nộp hầu hết lợi nhuận thu được, trích nộp quỹ khấu hao v.v.

Giá cả các tư liệu sản xuất, các tư liệu tiêu dùng, các khoản dịch vụ do Ủy ban vật giá Nhà nước trực tiếp tính toán và quy định; chúng được giữ ổn định trong nhiều năm và thường là tách rời giá trị và quan hệ cung cầu.

Với những đặc điểm trên đây, các xí nghiệp nhận các chỉ tiêu kế hoạch từ trên giao xuống, được các cấp trên bảo đảm cung ứng đầy đủ máy móc, thiết bị, vật tư kỹ thuật với giá cả quy định quá thấp..., sản phẩm làm ra xấu tốt đều được Nhà nước tiếp nhận, nếu bị lỗ đã có Nhà nước bù lỗ, nếu có lãi thì nộp cho Nhà nước... Tình hình kinh doanh như vậy đã tồn tại suốt những năm 60 về trước. Những hạn chế của nó tuy có bộc lộ trên một chừng mực nào đó, nhưng nói chung là không rõ rệt và không nghiêm trọng, vì lúc đó những điều kiện phát triển kinh tế còn nhiều thuận lợi. Mọi xí nghiệp nói chung đã làm theo lệnh cấp trên, với điều kiện được cung cấp đầy đủ và giao nộp đầy đủ.

Nhưng từ những năm 80 trở đi, tình hình đã thay đổi, do có các khó khăn về kinh tế, Nhà nước ngày càng không thể cung cấp đầy đủ thiết bị, vật tư kỹ thuật với một giá hạ như trước nữa, nhất là đối với các nước phải nhập vật tư kỹ thuật. Điều này có nghĩa là các xí nghiệp không đủ điều kiện thực hiện các chỉ tiêu pháp lệnh giao xuống. Trong nhiều trường hợp họ bị lỗ vì giá nguyên liệu, nhiên liệu nhập khẩu tăng cao. Cơ chế bao cấp đã không khắc phục nổi các khó khăn và ngày càng tỏ ra không thích hợp với những điều kiện mới đã thay đổi. Hạn chế chủ yếu của cơ chế này trước tình hình mới là cơ chế đó đã *kiềm chế sự tác động và phát triển của các quan hệ hàng hóa tiền tệ*. Sự kiềm chế này thể hiện như sau:

Giá cả do các cơ quan Nhà nước trực tiếp tính toán xác định và cố định chúng trong nhiều năm, mặc dù các điều kiện quy định sự hình thành giá cả đã thay đổi: hao phí lao động xã hội làm ra hàng hóa từ cuối những

(3) Báo *Tin tức* (Liên xô), ngày 26-2-1986.
(4) M.X. Goóc-ba-trốp: Bài nói tại hội nghị Ủy ban trung ương ĐCS Liên xô ngày 16-6-1986, báo *Nhân dân*, ngày 22-6-1986.

Digitized by Google

năm 60 đã tăng lên hằng năm; cung cầu biến động theo hướng cân bằng, thậm chí là cung vượt cầu trên các mặt hàng truyền thống, còn các mặt hàng có chất lượng cao thường cầu vượt cung; tỷ giá giữa các đồng tiền trên thế giới thay đổi tác động đến giá trị đồng tiền mỗi nước; giá trị sử dụng của hàng hóa có phần được cải tiến tuy chậm... Điều đáng chú ý nhất trong các điều kiện trên đây là hao phí lao động làm ra hàng hóa có chiều hướng tăng, do chi phí sản xuất nguyên liệu, nhiên liệu, đặc biệt là dầu mỏ tăng vọt, tiền lương công nhân, viên chức tăng. Trong không ít trường hợp, giá thành sản phẩm tăng đã cao hơn giá cả do Nhà nước quy định. Hậu quả trước hết là Nhà nước phải bù lỗ. Nhưng nghiêm trọng hơn là giá cả đã không phản ánh đúng giá trị và các điều kiện quy định nó, và do đó nó không còn là hình thái của giá trị nữa.

Mặt khác các cơ quan định giá Nhà nước không thể trực tiếp tính toán được chính xác giá cả của hàng vạn mặt hàng với các điều kiện quy định chúng biến đổi khôn cùng. Những cơ quan quyết định các giá cả lại không chịu trách nhiệm vật chất về quyết định đó, giá cao hay thấp không có liên quan gì đến lợi ích của họ, chỉ có tác động trực tiếp đến lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng.

Phương thức «cung ứng vật tư», «cấp phát tài chính» và «giao nộp sản phẩm» là phương thức nổi bật của cơ chế bao cấp. Với phương thức này, các tư liệu sản xuất không vận động như là hàng hóa, vì việc trao đổi ở đây đã không trên cơ sở ngang giá mà thường là dưới giá trị. Các loại vốn đã không vận động như những giá trị, có vay có trả, có vốn, có lãi, mà dưới hình thức cấp phát và Nhà nước chỉ thu hồi vốn ứng ra dưới hình thức khấu hao, trích nộp ngân sách; các sản phẩm làm ra đã không vận động như là hàng hóa thông qua hành vi mua bán thật sự, mà là vận động như là các sản phẩm phải giao nộp cho Nhà nước...

Với tư cách là người giao nộp sản phẩm, các xí nghiệp tìm mọi cách giảm bớt mức sản phẩm phải giao nộp cho Nhà nước. Vì nếu một xí nghiệp được cung ứng và cấp phát nhiều lại phải giao nộp ít sản phẩm, thì nó có thể giữ lại một phần sản phẩm để điều hòa và phân phối nội bộ, hay bán theo giá thỏa thuận để kiếm lợi. Tình trạng chính phẩm chuyển thành thứ phẩm, phế phẩm... bắt nguồn từ đó. Các cơ quan và cán bộ có quyền «cấp phát», «cung ứng», «thu nộp» trước sức ép của những xí nghiệp đã sử dụng quyền lực của mình đến mức cao nhất và do vậy tình trạng quan liêu, cửa quyền xuất hiện.

Chính vì những tác động tiêu cực trên đây, cho nên các nước xã hội chủ nghĩa đã từng bước xóa bỏ cơ chế bao cấp theo các hướng chủ yếu như sau:

Đổi mới chính sách giá cả theo hướng điều chỉnh giá cả sát với những điều kiện quy định nó. Nói chung ở các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay có hai loại giá: loại giá thứ nhất do Nhà nước quy định và loại giá thứ hai do các xí nghiệp kinh doanh và người tiêu dùng quy định.

Trong các loại giá do Nhà nước quy định, có loại giá do Nhà nước trực tiếp quy định và loại giá do Nhà nước gián tiếp quy định. Loại hàng hóa do Nhà nước trực tiếp định giá đang giảm dần và loại hàng hóa do Nhà nước gián tiếp định giá đang tăng lên. Cũng có loại hàng hóa, Nhà nước chỉ quy định mức giá thấp nhất và cao nhất.

Loại giá linh hoạt do người sản xuất và người tiêu dùng quy định bao gồm:

Digitized by Google

Giá cả hợp đồng là những giá cả được thỏa thuận ghi trong hợp đồng ký kết giữa bên mua và bên bán và có hiệu lực trong thời hạn mà hợp đồng quy định.

Giá tự do cũng là một loại giá thỏa thuận giữa bên mua và bên bán, nhưng không được ghi trong hợp đồng và chỉ có hiệu lực nhất thời.

Hai loại giá trên đây có quan hệ với nhau chặt chẽ. Các giá cả do Nhà nước quy định luôn luôn là cơ sở, là cái khung chi phối quyết định sự vận động của giá cả linh hoạt. Đồng thời giá cả linh hoạt phản ánh nhạy bén nhất các điều kiện quy định giá cả, sự biến động của các điều kiện kinh doanh sản xuất. Do đó Nhà nước và các xí nghiệp có thể có những thông tin tương đối sát thực để đánh giá tình hình kinh doanh, sản xuất và điều chỉnh các giá cả đã ấn định cho sát hợp. Ở một số nước xã hội chủ nghĩa như Hung-ga-ri, Bun-ga-ri, Ba lan đang có xu hướng giảm bớt số giá do Nhà nước trực tiếp quy định và tăng các giá linh hoạt. Năm 1980, ở Hung-ga-ri, trong công nghiệp, Nhà nước chỉ còn xác định 18% giá cả, còn 82% giá cả được xác định linh hoạt.

Một biện pháp quan trọng để xóa bỏ cơ chế bao cấp là chuyển từ chế độ cấp phát tài chính sang chế độ tín dụng, từ chế độ cung ứng vật tư, giao nộp sản phẩm sang chế độ thương mại hóa các quan hệ đó.

Nếu trước đây vốn cố định và lưu động của các xí nghiệp hầu như do Nhà nước cấp phát thì nay các xí nghiệp phải vay ngân hàng phần lớn số vốn đó với tỷ lệ lãi có tác dụng khuyến khích họ sử dụng có hiệu quả số vốn đó, quay vòng vốn nhanh và chống lại tình trạng đề ứ đọng vốn. Nếu trước đây vật tư do Nhà nước cung cấp với giá thấp, thì nay trong nhiều trường hợp các xí nghiệp được quyền trực tiếp ký kết hợp đồng mua bán vật tư, thiết bị theo giá thỏa thuận. Nếu trước đây các sản phẩm do các xí nghiệp làm ra phải giao nộp trực tiếp cho bộ vật tư hay thương nghiệp, thì nay các xí nghiệp có quyền trực tiếp bán cho các xí nghiệp khác với giá cả theo hợp đồng. Sự đổi mới quan trọng ở đây là *sự trao đổi hàng hóa trên cơ sở ngang giá thật sự phát huy tác dụng: người sản xuất và người tiêu dùng được quyền tham gia vào quá trình lưu thông với đầy đủ tư cách là người mua và người bán*; quá trình vận động của giá trị hàng hóa cùng với chi phí lưu thông, bảo quản được giảm bớt.

III. Đổi mới bộ máy tổ chức quản lý theo hướng: giảm bớt các khâu trung gian, giảm bớt đầu mối lãnh đạo, cải tổ các đơn vị cơ sở theo hướng liệp trung hóa, chuyên môn hóa, hiệp tác hóa và liên hợp hóa.

Việc chuyển từ cơ chế kinh tế hành chính, mệnh lệnh, bao cấp, sang một cơ chế mới đòi hỏi phải có sự cải tổ lại bộ máy tổ chức quản lý một cách thích hợp.

Trước hết, giảm bớt các khâu trung gian, giảm bớt các đầu mối lãnh đạo, thay đổi chức năng của các cơ quan lãnh đạo.

Trước đây hệ thống lãnh đạo kinh tế thường gồm 3 đến 4 cấp (bộ, tổng cục, xí nghiệp), chưa kể các cấp chính quyền địa phương. Hệ thống nhiều cấp như vậy đã làm cho thông tin từ dưới lên kém chính xác, mệnh lệnh từ trên xuống giảm hiệu lực. Do vậy xu hướng chung của các nước xã hội chủ nghĩa là giảm các khâu trung gian. Đồng thời các bộ ngày càng giảm bớt việc đề xuất các mệnh lệnh và đẩy mạnh hoạt động theo hướng hoạch định chiến lược phát triển ngành, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách kinh tế. Với việc chuyển hướng hoạt động, công việc của nhiều bộ trùng lặp nhau, do vậy đã *xuất hiện việc hợp nhất các bộ*. Ở Liên xô, đã nhập 6 bộ có liên quan về

Digitized by Google

sản xuất nông nghiệp thành ủy ban nông–công nghiệp. Ở Hung-ga-ri, đã nhập 6 bộ công nghiệp lại thành một bộ công nghiệp. Ở một số nước khác đã nhập các bộ nông nghiệp, thủy lợi, công nghiệp thực phẩm thành bộ thực phẩm... Chính quyền địa phương trước đây vừa đảm nhiệm công việc quản lý hành chính, vừa đảm nhiệm việc quản lý kinh tế, nay nói chung chỉ đảm nhiệm công việc quản lý hành chính và quản lý các ngành dịch vụ phục vụ cho nhu cầu của địa phương, còn các ngành sản xuất nói chung do các bộ chuyên ngành thống nhất quản lý

Hai là, cải tổ các đơn vị cơ sở theo hướng chuyên môn hóa, hiệp tác hóa, tập trung hóa và liên hợp hóa, cụ thể là:

Hình thành các liên hợp sản xuất theo chiều ngang, nghĩa là hợp nhất các xí nghiệp có liên quan với nhau trong cùng một ngành như: liên hợp xí nghiệp dệt bao gồm các xí nghiệp kéo sợi, nhuộm, dệt... Các hình thức này hiện đang phổ biến ở các nước xã hội chủ nghĩa.

Tổ chức các liên hợp theo chiều dọc, nghĩa là hợp nhất các xí nghiệp thuộc các ngành khác nhau vào một liên hợp, bao gồm các cơ quan nghiên cứu khoa học, cơ sở nghiên cứu triển khai, các tổ chức thiết kế, chế thử, bộ phận xây dựng lắp đặt, bộ phận sản xuất các phương tiện hợp lý hóa, các xí nghiệp sản xuất vật tư cung ứng, các xí nghiệp chế tạo thành phẩm, các cơ quan thực hiện hàng hóa trên thị trường trong nước và thế giới... Loại hình liên hợp này hiện đang phổ biến ở Cộng hòa dân chủ Đức.

Xu hướng mở rộng quy mô của các đơn vị cơ sở trong nhiều trường hợp đã tới mức bao gồm cả một ngành và một liên hợp đã giữ trọn độc quyền kinh doanh một loại sản phẩm nhất định.

Quy mô to lớn của các liên hợp đã mang lại một số lợi thế; tạo ra một tiềm lực lớn về vốn, vật tư, kỹ thuật, cán bộ quản lý... để có thể cải tiến hoạt động kinh doanh của các xí nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất. Nhưng tình trạng độc quyền của nhiều liên hợp trong việc bao mua, bao bán đã dẫn đến không ít tiêu cực: ép nâng giá bán, hạ giá mua, không chú ý cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng v.v. Chính vì vậy trong những năm gần đây ở Hung-ga-ri và Bun-ga-ri đã xuất hiện một xu hướng mới là giải thể bớt các tờ rớt lớn, chia chúng thành các xí nghiệp vừa và nhỏ kinh doanh trong cùng một ngành để xóa bỏ tình trạng độc quyền kinh doanh một mặt hàng của một liên hợp, tạo ra không khí cạnh tranh lành mạnh giữa các xí nghiệp.

Ngoài những xu hướng đổi mới chủ yếu trên đây, còn có những đổi mới quan trọng khác như: khuyến khích phát triển kinh tế gia đình và sở hữu tư nhân sản xuất nhỏ; cải tiến hệ thống giáo dục, pháp luật... phục vụ cho việc đổi mới cơ chế kinh tế. Song có một vấn đề hết sức quan trọng được các nước xã hội chủ nghĩa rất chú ý coi đó như là một tiền đề cho quá trình đổi mới cơ chế kinh tế, đó là vấn đề đào tạo, lựa chọn, tuyển dụng một đội ngũ cán bộ từ nghiên cứu, hoạch định chính sách, điều hành cụ thể đến các giám đốc xí nghiệp. Vấn đề là cơ chế kinh tế mới đòi hỏi phải có đội ngũ cán bộ thích hợp với nó.

Digitized by Google

«ТАПТИ КОНГШАН» № 8 – 1986

ПЕРЕДОВАЯ: Проект Политического отчета VI–му съезду партии на всепартийное и всенародное обсуждение. Выступление тов. Чыонг Тиня на Конференции работников, работающих над Проектом Политического отчета VI – му съезду партии (7 – 10 июля 1986 г.) ЛЕ КАН – Положение и задачи. ЧАН КИЕМ – О направлениях и задачах социально–экономического развития страны на 1986–1990гг. Нгуен Лием – Обеспечить и крепить право на коллективное хозяйствование трудящихся масс и управляющую роль государства. ФАН ТИНЬ – Повышать руководческие способности и боевитость партии. ХОАНГ ТИ – Международное положение и внешняя политика нашей партии и государства. ВУ КУАНГ – Новый сдвиг национально–освободительного движения за последние годы.

REVIEW OF COMMUNISM N°. 3-1986

Editorial – Asking for the Party's and the people's opinions on the draft political report to be delivered at the 6th Party National Congress. – Comrade Truong Chinh's speech made at the conference of researchers on the draft political report to be delivered at the 6th Party National Congress (7–10 July 1986). – LÊ CÂN – Situation and tasks. – TRẦN KIỆM – On the socio-economic orientation and tasks in the period from 1986 to 1990. – NGUYỄN LIÊM – Ensuring and promoting the working people's right to collective mastership and the managerial role of the State. – PHAN CHÍNH – Further promoting the leadership capability and the combative strength of the Party. – HOÀNG CHÍ – The world situation and the foreign policy of our Party and State. – VŨ QUANG – New advances in the national liberation movement in recent years.

REVUE DU COMMUNISME N° 3-1986

Editorial – Consulter le Parti et le peuple sur le projet du Rapport politique au VIe Congrès. – Allocution de Truong Chinh à la Conférence des cadres (du 7 au 10–7-1986) étudiant le projet du Rapport politique qui sera présenté au VIe Congrès national du Parti. LÊ CÂN – Situation et tâches. TRẦN KIỆM – Sur l'orientation et les tâches économiques et sociales des années 1986–1990. NGUYỄN LIÊM – Garantir et faire valoir le droit de maitre collectif du peuple travailleur et le rôle de gestion de l'Etat. PHAN CHÍNH – Elevesr la capacité de direction et la combativité du Parti. HOÀNG CHÍ – La situation mondiale et la politique extérieure du Parti et de l'Etat du Vietnam. VŨ QUANG – Nouveau développement du mouvement de libération nationale au cours des dernières années.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 8-1986

Editorial – Recoger opiniones del Partido y el pueblo sobre el proyecto del Informe Político ante el VI Congreso. – Alocución del camarada Truong Chinh en la reunión de elaboradores del proyecto del Informe Político que se presentará ante el VI Congreso Nacional del Partido (7–10 de julio de 1986). LÊ CÂN–Sobre la situación y las tareas. TRẦN KIỆM–Sobre la orientación y las tareas socio-económicas en los años 1986–1990. NGUYỄN LIÊM–Asegurar y desplegar el derecho del dueño colectivo del pueblo trabajador y el papel de gestión del Estado. PHAN CHINH – Elevar la capacidad-dirigente y la combatividad del Partido. HOÀNG CHI – La situación mundial y la política exterior de nuestro Partido y Estado. VŨ QUANG – El nuevo desarrollo del movimiento de liberación nacional en los ltimos años.

Digitized by Google

RETURN TO → PERIODICAL ROOM
133 Main Library
642-2975

LOAN PERIOD 1	2	3
7 DAYS		
4	5	6

ALL BOOKS MAY BE RECALLED AFTER 7 DAYS

DUE AS STAMPED BELOW

FEB 17 1987

FORM NO. DD0 UNIVERSITY OF CALIFORNIA, BERKELEY
BERKELEY, CA 94720

TẠP CHÍ
SỐ 8-1986.

Xã luậ
c
Bài nói
LÊ CẢ
TRẦN
NGUY
PHAN
HOÀ
Tiến
ĐÌN
TR
LÝ
LÊ
DOÃN ĐÌNH HUE — hợp tác ...
tốt về phục vụ sản xuất và đời sống nhân dan 85
Sinh hoạt tư tưởng ★ VŨ HÙNG — Lại nói về «cái riêng và cái chung» 90
Thư bạn đọc 92
VŨ QUANG — Bước phát triển mới của phong trào giải phóng dân tộc trong những năm gần đây 93
VÕ ĐẠI — Những xu hướng đổi mới cơ chế kinh tế ở các nước xã hội chủ nghĩa 99

Trụ sở Bộ biên tập:
1, Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dây nói: 52061 — 52062
Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:
19, Phạm Ngọc Thạch — T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 — 22040

Digitized by Google

Digitized by Google

J102A

Các bạn tìm đọc:

12

Một số tác phẩm của đồng chí Lê Duẩn:

- Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của Đảng và dân tộc ta
- Nội dung cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam
- Nắm vững quy luật đổi mới quản lý kinh tế
- Mấy vấn đề về đảng cầm quyền
- Thư vào Nam
- Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của chúng ta

Nhà xuất bản Sự thật

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 6đ00

Digitized by Google

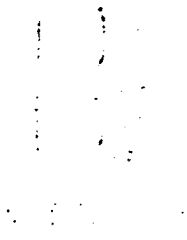
Tạp chí Cộng sản

FEB 1 0 1987

9

9 . 1986

Digitized by Google



Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Xã luận

Kỷ niệm thứ 41 Cách mạng Tháng Tám (1945)

và ngày Độc lập (2-9)

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA KHÓ KHĂN, LÂU DÀI, NHẤT ĐỊNH THẮNG LỢI

SAU khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, nước ta chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc cách mạng khó khăn, lâu dài. Thật là sai lầm nếu tưởng rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc đi dạo chơi trên đường nhựa phẳng phiu thẳng tắp trong vườn hoa mát rượi. Không, cách mạng xã hội chủ nghĩa vô cùng khó khăn và lâu dài.

Cuộc cách mạng đó khó khăn và lâu dài vì nó nhằm mục đích thiết lập chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu thay thế cho chế độ tư hữu, xóa bỏ hết thảy mọi hiện tượng người bóc lột người. Cách mạng xã hội chủ nghĩa không gặp những hình thái kinh tế xã hội chủ nghĩa sẵn có nào cả. Thành phần xã hội chủ nghĩa dựa trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất không thể sinh ra và lớn lên trong lòng xã hội cũ dựa trên cơ sở chế độ tư hữu.

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, chính quyền của nhân dân lao động do giai cấp công nhân lãnh đạo tiến hành cải tạo nền kinh tế cũ và xây dựng

Digitized by Google

nền kinh tế mới. Đồng thời, nó tiến hành cuộc cải tạo cách mạng trên mọi lĩnh vực khác của đời sống xã hội, nhất là lĩnh vực văn hóa và tư tưởng. Vì vậy, việc chế độ xã hội chủ nghĩa thay thế chế độ tư bản chủ nghĩa đòi hỏi phải có một **thời kỳ quá độ** *đặc biệt. Thời kỳ quá độ bắt đầu khi chính quyền của nhân dân lao động do giai cấp công nhân lãnh đạo được thiết lập và kết thúc khi thực hiện xong những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa, tức là xây dựng xong chủ nghĩa xã hội, giai đoạn thứ nhất của chủ nghĩa cộng sản.*

C. Mác đã nói : « Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, và Nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là **nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản** *» (1).*

Thời kỳ quá độ là cả một thời đại lịch sử trong đó giai cấp công nhân sử dụng chính quyền nhân dân cải tạo các quan hệ xã hội, xóa bỏ cơ sở cũ, xây dựng cơ sở mới, xã hội chủ nghĩa. Sự phát triển cách mạng của lực lượng sản xuất là cần thiết cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kỳ quá độ giai cấp công nhân tự rèn luyện mình trong việc quản lý Nhà nước, phát triển kinh tế. Trong cuộc đấu tranh chống những tập quán của xã hội cũ, nhân dân lao động tự cải tạo dần dần theo tinh thần xã hội chủ nghĩa. Thực hiện các nhiệm vụ trên đây là cả một quá trình lâu dài, đầy khó khăn, gian khổ.

★

Ở Việt nam, so với các nước anh em khác, cách mạng xã hội chủ nghĩa còn khó khăn, lâu dài hơn. Vì sao vậy? Đó là vì nước ta từ một điểm xuất phát rất thấp để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nước ta từ một nền kinh tế lạc hậu, sản xuất nhỏ, vốn phụ thuộc chủ nghĩa đế quốc, tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Dân tộc ta bị bọn bành trướng bá quyền phong kiến Trung quốc bóc lột hàng nghìn năm, bị bọn đế quốc phương Tây bóc lột hàng trăm năm, nghèo xơ nghèo xác, lại chịu hậu quả của chiến tranh lâu dài, ác liệt, khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cơ hồ chỉ có hai bàn tay trắng.

Đại công nghiệp cơ khí là tiền đề vật chất của bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Ở các nước châu Âu, đại công nghiệp cơ khí được tạo ra trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản. Việt nam không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa cho nên không có đại công nghiệp cơ khí khi bắt đầu quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tuy vậy, trong điều kiện hiện nay, khi chủ nghĩa xã hội đã thắng lợi ở Liên xô, Đông Âu và trở thành một hệ thống thế giới, Việt nam với vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, có thể đi theo con đường phát triển phi tư bản chủ nghĩa. Sau khi thoát khỏi ách đế quốc, nước ta có thể tránh khỏi quá trình phát triển tư bản chủ nghĩa chậm chạp và đau khổ, chuyển từ cách mạng giải phóng dân tộc sang cách mạng xã hội

(1) Các Mác : *Phê phán cương lĩnh Gô-ta*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, tr. 46.

Digitized by Google

chủ nghĩa, bước dần lên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Có được khả năng đó là nhờ sự giúp đỡ của những nước tiên tiến mà cách mạng vô sản đã thắng lợi.

Sự xác lập của chủ nghĩa xã hội chỉ có thể bảo đảm trên cơ sở nền sản xuất lớn bằng máy móc. Lê-nin viết: « Cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội chỉ có thể là nền đại công nghiệp cơ khí hóa, có khả năng cải tạo được cả nông nghiệp » (2). Chính vì vậy Đảng ta xác định nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ ở nước ta là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Sự nghiệp công nghiệp hóa đòi hỏi một số vốn rất lớn. Phải đẩy mạnh sản xuất, tạo ra nhiều sản phẩm thặng dư, lại phải tiết kiệm tiêu dùng mới có thể tích lũy được số vốn cần thiết cho sự nghiệp công nghiệp hóa. Trong điều kiện nước ta phải chi phí rất lớn cho quốc phòng để bảo vệ Tổ quốc chống sự xâm lược của chủ nghĩa bành trướng — bá quyền và chủ nghĩa đế quốc, chúng ta không thể tập trung toàn bộ sức người và của cải để xây dựng đất nước. Nước ta và hai nước anh em Lào và Cam-pu-chia đang ở giữa vòng vây của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa bành trướng bá quyền và các thế lực phản động quốc tế: bọn này tìm mọi cách phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Do đó, cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta càng khó khăn và lâu dài.

Thực tế lịch sử của nhiều nước trên thế giới cho thấy rằng phải trải qua hàng thế kỷ mới có thể đưa đất nước từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn. Các nước Đông Âu phải trải qua hơn một trăm năm dưới chủ nghĩa tư bản và hơn 40 năm dưới chủ nghĩa xã hội mới có thể tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Tuy vậy cho đến nay, có nước như Ba lan chẳng hạn, vẫn chưa hoàn thành các nhiệm vụ chủ yếu của thời kỳ quá độ

Trong hoàn cảnh quốc tế mới, với sự tồn tại của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, với sự giúp đỡ của các nước anh em, có thể là quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta không phải kéo dài hàng thế kỷ. Tuy vậy, nếu nghĩ rằng chúng ta có thể rút ngắn rất nhiều quá trình đó lại, và chỉ cần vài chục năm là có thể hoàn thành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì đó chỉ là ảo tưởng có hại. Kinh nghiệm thực tế hơn 10 năm qua cho thấy tư tưởng chủ quan nóng vội đã dẫn đến những sai lầm tai hại như thế nào! Rõ ràng **thời kỳ quá độ ở nước ta là một thời kỳ lịch sử tương đối dài.**

Cả nước ta đi vào thời kỳ quá độ từ tháng 5-1975, đến nay đã được hơn 11 năm. Riêng miền Bắc đi vào thời kỳ quá độ từ tháng 7-1954, đến nay đã hơn 32 năm. Thế mà chúng ta hiện nay vẫn ở trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ; và phải nhiều năm nữa mới có thể hoàn thành các nhiệm vụ của chặng đường đầu tiên để chuyển sang chặng đường tiếp theo triển khai công cuộc công nghiệp hóa trên quy mô lớn. Chúng ta phải phấn đấu gian khổ trong nhiều chục năm nữa mới có thể thực hiện được công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng được cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta. Vì vậy không thể nôn nóng được. Nếu có tư tưởng nóng vội, muốn đốt cháy giai đoạn, thì sẽ phạm sai lầm, phải làm đi làm lại, phải đi đường vòng, rốt cuộc khiến cho thời kỳ quá độ càng kéo dài hơn, muốn nhanh mà lại hóa ra chậm.

★

(2) V.I. Lê-nin: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1959, quyển 2, phần 2, tr. 532.

Digitized by Google

Muốn xây dựng đất nước thật nhanh, để Tổ quốc chóng phồn vinh, nhân dân được hạnh phúc, đó là ý chí và nguyện vọng tốt đẹp, cao cả, không có gì đáng chê trách. Song chúng ta không phải là những người theo chủ nghĩa xã hội không tưởng, thoát ly những điều kiện thực tế của đất nước. Chúng ta là những người theo chủ nghĩa xã hội khoa học, có đầu óc thiết thực, đánh giá đúng tình hình thực tế, hành động phù hợp với quy luật khách quan. Chúng ta không được chủ quan nóng vội, đề ra những mục tiêu, chỉ tiêu vượt quá khả năng thực tế của chúng ta.

Với số dân trên 60 triệu người, nước ta nhất định phải được công nghiệp hóa, phải có công nghiệp nặng, phải có sắt thép, phải có thiết bị và máy móc hiện đại, phải làm được ô tô, máy kéo, đầu máy xe lửa, máy bay... Muốn được như vậy phải phấn đấu gian khổ trong nhiều chục năm. Không thể chỉ trong vòng ba hoặc bốn kế hoạch 5 năm là làm được. Nhưng dù phải phấn đấu lâu dài như thế nào, dù phải năm chục năm, thậm chí lâu hơn thế, dân tộc Việt nam ta nhất định kiên trì phấn đấu đưa sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước đến toàn thắng.

Cho rằng xây dựng đại công nghiệp cơ khí hóa quá tốn kém, phải tích lũy nhiều, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân, không nên làm, là hữu khuynh, từ bỏ công nghiệp hóa. Như thế là cam chịu vĩnh viễn ở trong tình trạng kinh tế lạc hậu. Không cố gắng vươn lên xây dựng nền kinh tế hiện đại, tạo điều kiện để nâng cao một cách cơ bản và lâu dài đời sống nhân dân, tạo cơ sở vật chất cho sự nghiệp phòng thủ đất nước.

Trái lại, cho rằng có thể xây dựng đại công nghiệp cơ khí hóa một cách nhanh chóng, do đó đưa ra những mục tiêu và chỉ tiêu quá cao thoát ly khả năng thực tế, là chủ quan, nóng vội. Như thế là có hại, vì gây ra những mất cân đối lớn trong nền kinh tế quốc dân, dẫn đến những khó khăn lớn trong sản xuất và đời sống.

Có nắm vững những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, đồng thời nắm vững những đặc điểm cơ bản của tình hình cách mạng nước ta và bối cảnh quốc tế, nắm vững đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng ta, chúng ta mới có được phương hướng đúng đắn, tránh được lệch lạc hữu khuynh và "tả" khuynh trong xây dựng và phát triển kinh tế.

*Muốn đưa sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội đến thắng lợi phải tôn trọng quy luật khách quan. Đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh nói: « Làm sai quy luật thì không thể đi lên chủ nghĩa xã hội được, càng sai quy luật thì con đường lên chủ nghĩa xã hội càng kéo dài ra, chứ không hề gần lại với chúng ta. Đốt cháy giai đoạn, làm trái quy luật, tưởng như vậy là đi nhanh hơn, kỳ thật sẽ đi rất chậm... **Tôn trọng quy luật khách quan, vận dụng đúng đắn,** hành động theo quy luật chính là cách đi lên chủ nghĩa xã hội đúng nhất và nhanh nhất, không có con đường nào khác » (3).*

Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là khó khăn, gian khổ, phức tạp, lâu dài, nhưng nhất định thắng lợi. Nước ta nhất định đi lên chủ nghĩa xã hội vì đó là tất yếu lịch sử, theo đúng quy luật phát triển của xã hội

---

(3) Trích bài nói tại Hội nghị cán bộ nghiên cứu sơ thảo Báo cáo chính trị, *Tạp chí Cộng sản*, số 8-1986, tr. 11.

Digitized by Google

loài người. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta nhất định thắng lợi vì Đảng ta có đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa đúng đắn dựa trên cơ sở vững chắc của chủ nghĩa xã hội khoa học, vì nhân dân ta anh dũng và cần cù lao động, rất yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, vì ta có liên minh chiến đấu của ba nước anh em Việt nam, Lào, Cam-pu-chia, vì ta có sự giúp đỡ to lớn và có hiệu quả của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, nhân dân ta xác định quyết tâm sát đá tiến lên chủ nghĩa xã hội. Dù cho cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta [illegible], nhân dân ta vẫn kiên trì phấn đấu vượt mọi khó khăn, đưa sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thắng lợi hoàn toàn.

Trên con đường lâu dài phấn đấu cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, hiện nay chúng ta đang đứng trước những khó khăn to lớn. Song chúng ta cũng có nhiều thuận lợi, và thuận lợi là cơ bản.

Kế tục và phát huy truyền thống chịu đựng gian khổ, đạp bằng mọi khó khăn, chiến đấu anh dũng của Đảng ta và nhân dân ta trong Cách mạng Tháng Tám, chúng ta kiên trì phấn đấu lâu dài, nhất định xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

ĐOÀN KẾT CHẶT CHẼ...

(Tiếp theo trang 13)

thành người chủ tập thể chân chính của xã hội, tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết chặt chẽ chung quanh Ban chấp hành trung ương, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Bất kỳ khó khăn và thử thách nào cũng không thể ngăn trở được nước Việt nam tiến bước trên con đường quang vinh của chủ nghĩa xã hội.

Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa!
Tất cả vì hạnh phúc của nhân dân!

Tinh thần Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 muôn năm!

Đảng cộng sản Việt nam quang vinh muôn năm!

Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Xin cảm ơn các đồng chí và các bạn!

Digitized by Google

THƯ CỦA HỒ CHỦ TỊCH GỬI ĐẠI HỘI TRÙ BỊ*

Thân ái gửi các đại biểu,

Tôi muốn đến cùng các đồng chí thảo luận những báo cáo sẽ trình trước Đại hội. Nhưng chưa đến được, tiếc quá. Sau đây là vài ý kiến riêng để giúp các đồng chí trong việc thảo luận:

Đã lâu lắm ta mới có một cuộc Đại hội, vì vậy chắc rằng ai có ý kiến gì, kinh nghiệm gì, vấn đề gì cũng muốn đưa ra giải quyết thuốt luốt.

Những hoàn cảnh kháng chiến (thời giờ, địa điểm, v.v.) không cho phép chúng ta làm như vậy. Trong lúc chúng ta ngồi thảo luận ở đây, thì các chiến sĩ đang xung phong giết giặc trước mặt trận, việc tiếp tế bổ sung, v.v. đang chờ chúng ta. Vì vậy Đại hội ta cũng phải quân sự hóa.

— Ta nên nghiên cứu thật sâu, thảo luận thật kỹ những vấn đề chính, thì các vấn đề phụ sẽ giải quyết dễ dàng.

— Không nên "lấm chương trích cú" như lối ông đồ nho. Nên tìm hiểu rõ nội dung, sự phát triển và sự quan hệ giữa vấn đề này với vấn đề khác

— Nên đưa các vấn đề vào hiện tại và tương lai hơn quá khứ

— Chỉ nên bàn kỹ, xét kỹ tư tưởng, chính sách, phương châm và tổ chức chính. Những điểm chính này đều ở trong báo cáo Luận cương của đồng chí Trường Chinh. Thảo luận kỹ báo cáo này thì các báo cáo kia đều hiểu rõ hết.

Đại hội ta là Đại hội Kháng chiến. Nhiệm vụ chính của Đại hội ta là đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng lao động Việt nam. Vậy việc thảo luận cần đặt trọng tâm vào hai việc đó.

Chào thân ái và quyết thắng
Tháng 1 năm 1951

HỒ CHÍ MINH

Theo bài in trong sách **Văn kiện toàn quốc đại biểu Đại hội lần thứ II của Đảng.**

★ Đầu năm 1951, Đảng ta họp Đại hội thứ II. Bác Hồ gửi bức thư này cho Đại hội trù bị để hướng dẫn việc thảo luận những báo cáo sẽ trình bày trước Đại hội.

Digitized by Google

Đoàn kết chặt chẽ chung quanh Trung ương Đảng, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược

Diễn văn của đồng chí VÕ CHÍ CÔNG.
Ủy viên BCT TUĐ, Phó chủ tịch HĐBT, tại cuộc mít tinh kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và mừng Quốc khánh 2-9 tại Hà nội

Thưa đồng chí Trường Chinh, Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt nam, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, kính mến,

Thưa đồng chí Phạm Văn Đồng, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, kính mến,

Thưa Đoàn chủ tịch,

Thưa các đồng chí và các vị trong Đoàn ngoại giao, các vị khách quốc tế,

Thưa các đồng chí và các bạn,

Cho phép tôi, thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, xin gửi đến tất cả các đồng chí, đồng bào và chiến sĩ yêu quý trong cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài, lời chào trân trọng và những tình cảm thắm thiết nhất.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự có mặt của các đồng chí và các bạn trong Đoàn ngoại giao và các vị khách quốc tế.

Cách đây 41 năm, Tháng Tám năm 1945, nhân dân Việt nam ta khắp bắc, trung, nam trải qua mười lăm năm đấu tranh anh dũng, đoàn kết trong Mặt trận Việt minh dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam, nắm chắc thời cơ, Liên xô và các lực lượng chống phát xít khác đánh thắng chủ nghĩa phát xít Đức ở châu Âu và chủ nghĩa quân phiệt Nhật ở châu Á, đã nhất tề nổi dậy lật đổ chế độ cũ, thiết lập chính quyền cách mạng. Cách mạng Tháng Tám diễn ra với sự kết hợp hài hòa giữa đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, khởi nghĩa từng phần và tổng khởi nghĩa, giữa thành thị và nông thôn, giữa sự lãnh đạo sáng suốt và tập trung của Trung ương với sự kiên quyết năng động, sáng tạo của các cấp lãnh đạo và nhân dân khắp các miền của đất nước, đã thành công mau chóng và vô cùng rực rỡ, mở ra một trang lịch sử mới, chói lọi của dân tộc ta. Ngày 2-9-1945 tại Quảng trường Ba đình Chủ tịch Hồ Chí Minh — lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt nam — đã đọc bản « Tuyên ngôn Độc lập », thành lập nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử nước ta.

Tiếp tục những nhiệm vụ lịch sử của cuộc Cách mạng Tháng Tám, nhân dân và các lực lượng vũ trang của

Digitized by Google

mình đã tiến hành hai cuộc kháng chiến thần thánh chống lại và đánh thắng hai tên đế quốc to là Pháp và Mỹ, giành độc lập, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, một bước ngoặt mới lại vẻ vang trong lịch sử nước ta.

Năm nay nhân dân ta kỷ niệm lần thứ 41 cuộc Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 trong lúc Đảng ta đang chuẩn bị Đại hội lần thứ VI của Đảng nhằm mục đích tổng kết những thắng lợi và thành tựu cách mạng nước ta từ Đại hội lần thứ V, tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng và xác định phương hướng, nhiệm vụ mục tiêu cho những năm sắp tới.

Chúng ta kỷ niệm lần thứ 41 Ngày Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh 2-9 giữa lúc nhân dân ta kết thúc kế hoạch Nhà nước 1981 – 1985 và đã bước sang kế hoạch Nhà nước 1986 – 1990. Chúng ta đã đạt được những thành tựu quan trọng trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 1981 – 1985, nhưng có những mục tiêu và chỉ tiêu không đạt được. Bước vào kế hoạch 1986 – 1990, trước mắt chúng ta vẫn có những khó khăn về nguyên liệu, năng lượng, hàng hóa, tài chính, tiền tệ, giá cả và thị trường. Toàn dân và toàn quân ta đoàn kết chung quanh Đảng đang cố gắng thi hành những biện pháp cấp bách để từng bước khắc phục khó khăn, ổn định sản xuất và đời sống, lưu thông phân phối, giá cả. Hơn lúc nào hết, sức mạnh đoàn kết toàn dân là bảo đảm quan trọng mọi thắng lợi mới của cách mạng. Cũng như trên nửa thế kỷ vừa qua, mỗi khi cách mạng đứng trước những thử thách nặng nề, sự vững vàng với ý thức trách nhiệm cao của Đảng, toàn Đảng đoàn kết nhất trí chung quanh Trung ương, toàn dân đoàn kết chung quanh Đảng là nguyên nhân quan trọng quyết định của sự chuyển tình thế. Chúng ta đều nhớ rằng trước đây tình hình cách mạng đã có những lúc như nghìn cân treo sợi tóc. Nhưng sự sáng suốt của Đảng và sự vững vàng của nhân dân đã chuyển lại thành thắng lợi.

Ngày nay tuy cách mạng đang đứng trước một số khó khăn không nhỏ nhưng vẫn là những khó khăn tạm thời và chắc chắn khắc phục được.

Thưa các đồng chí và các bạn.

Về phương diện đánh giá, khách quan, toàn diện tình hình mọi mặt của cách mạng nước ta, nhất là tình hình kinh tế, xã hội thật không dễ dàng, vì bức tranh toàn cảnh có phần phức tạp, bên cạnh thắng lợi và thành tựu có mặt trì trệ, bên cạnh cái đúng đắn, có sai lầm và khuyết điểm. Hội nghị lần thứ 10 của Ban chấp hành trung ương Đảng vừa rồi đã trình bày toàn diện tình hình những mặt cơ bản và thẳng thắn tự phê bình những thiếu sót sai lầm và xác định những biện pháp khắc phục. Hội nghị cán bộ các cấp sẽ lần lượt kiểm điểm công tác và tiến hành phê bình và tự phê bình. Đây là một đợt sinh hoạt dân chủ rộng lớn trong Đảng và trong xã hội ta.

Với thái độ khách quan và với phương pháp khoa học, chúng ta nhất định có cách nhìn chính xác và quyết định đúng các vấn đề thuộc về đường lối, chính sách, mục tiêu và biện pháp.

Chúng ta đã thực hiện như thế nào những nhiệm vụ và mục tiêu do Đại hội lần thứ V đề ra?

Nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, sản xuất nông nghiệp có tăng có bước phát triển tương đối khá. Có tiến bộ cả về sản xuất lương thực, trồng cây công nghiệp, chăn nuôi và khai hoang. Nhịp độ tăng bình quân hàng năm trong những năm 1981 – 1985 của nông nghiệp là 4,0%. Riêng lương thực, đã đưa tổng sản lượng từ 14,4 triệu tấn năm 1980 lên 18,2 triệu tấn năm 1985, trong những điều kiện thời tiết và vật tư rất khó khăn. Do đó, đã nâng mức bình quân tính theo đầu người từ 268 kg năm 1980 lên 304 kg năm 1985, tuy

Digitized by Google

rằng nhiệm vụ giải quyết vấn đề lương thực vẫn chưa hoàn thành, sản xuất lương thực vẫn còn bấp bênh. Công nghiệp cũng có chuyển biến rõ rệt nhất là tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, công nghiệp địa phương. Nhịp độ tăng bình quân hàng năm trong những năm 1981—1985 của công nghiệp là 9,5%.

Trong mấy năm qua, nông thôn miền Nam đã và đang thay đổi về kinh tế, xã hội. Giai cấp bóc lột đã căn bản bị xóa bỏ. Đại bộ phận nông dân đã đi vào con đường làm ăn tập thể, tàn dư, hậu quả của chủ nghĩa thực dân đang được khắc phục, đời sống mới bắt đầu được xây dựng. Trong nông thôn cả nước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa tiếp tục được củng cố về mặt chất lượng đi đôi với từng bước cải tiến cơ chế quản lý, mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh của các đơn vị cơ sở kinh tế.

Về xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, khoảng 300 công trình lớn đã hoàn thành, hàng ngàn công trình vừa và nhỏ cũng đã xây dựng xong, giá trị tài sản cố định năm 1985 tăng hằng gần gấp 3 lần năm 1976. Nếu được sắp xếp lại, đồng bộ hóa và sử dụng có hiệu quả thì đây là lực lượng sản xuất không nhỏ, trong cả nước ta những cơ sở vật chất — kỹ thuật đầu tiên của chủ nghĩa xã hội đang được xây dựng.

Về văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học kỹ thuật, văn học, nghệ thuật, cũng đạt được những thành tựu đáng kể.

Qua 11 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân dân ta tiếp tục phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, lao động cần cù và thông minh, tạo ra những nhân tố mới rất quý báu.

Trên mặt trận bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, các lực lượng vũ trang nhân dân, lực lượng an ninh nhân dân đã chiến đấu hết sức anh dũng, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, giành được những thắng lợi vẻ vang, làm thất bại một bước quan trọng cuộc chiến tranh lấn chiếm biên giới và chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch bên ngoài.

Nhân ngày Quốc khánh vẻ vang này, Trung ương Đảng, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng bộ trưởng ân cần thăm hỏi sức khỏe anh chị em thương binh, các gia đình liệt sĩ, nhiệt liệt biểu dương đồng bào và chiến sĩ cả nước, cán bộ các cấp, các ngành về những cống hiến to lớn, rất đáng tự hào trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Những thắng lợi và thành tựu mà chúng ta đã đạt được là vô cùng quý báu vì đó là những kết quả của một quá trình phấn đấu gian khổ trong hoàn cảnh đất nước vừa trải qua nhiều cuộc chiến tranh lâu dài giải phóng Tổ quốc, lại phải đương đầu với một cuộc chiến tranh mới và chống lại chính sách bao vây phong tỏa của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế.

Thắng lợi của chúng ta là kết quả trực tiếp của đường lối đúng đắn của Đảng do các Đại hội lần thứ IV và lần thứ V của Đảng thông qua. Đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa, đường lối phát triển kinh tế, đường lối quốc phòng, đường lối quốc tế của Đảng rất đúng đắn vì nó thấm nhuần những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác — Lê-nin gắn liền với thực tiễn của nước ta. Nhưng chúng ta cũng có sai lầm trong việc cụ thể hóa đường lối trong chặng đường đầu tiên, nhất là việc xác định cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý, phân phối, lưu thông và việc vận dụng những quy luật kinh tế khách quan của thời kỳ quá độ. Sai lầm chủ quan, nóng vội, xa thực tế và quan chúng, tập trung quan liêu, bao cấp, bảo thủ, trì trệ và tuột dốc phân tán, với kỷ luật là những trở ngại lớn đối với sự phát triển và gây nên những

Digitized by Google

hiện tượng rối ren và tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội. Từ Trung ương đến cơ sở, các cấp, các ngành, thông qua đại hội các cấp và Đại hội của toàn Đảng, phải tiến hành phê bình và tự phê bình, kiểm điểm và tổng kết mọi mặt công tác của chúng ta.

Chúng ta khẳng định rằng Đảng ta và đồng bào cả nước có đủ năng lực và phẩm chất đánh giá đúng tình hình mọi mặt, phân tích đúng những bài học thành công và không thành công, xác định đúng phương hướng và mục tiêu trước mắt của cách mạng, tiến tới ổn định tình hình mọi mặt, đưa đất nước ta tiến lên.

Nền kinh tế của ta mới ở chặng đường đầu tiên của chủ nghĩa xã hội, nhiều mặt mất cân đối chưa thể nhanh chóng khắc phục được, nhưng những khả năng hiện có của chúng ta cũng không nhỏ. Chúng ta lại được sự giúp đỡ rất to lớn của Liên xô và đang mở rộng sự hợp tác với các nước anh em trong Hội đồng tương trợ kinh tế.

Hướng vào việc khai thác những khả năng hiện có về lao động, ruộng đất và những năng lực sản xuất đã xây dựng được, chúng ta phải tập trung tiền vốn, vật tư vào việc phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu và những cơ sở công nghiệp nặng phục vụ trực tiếp cho những ngành sản xuất nói trên.

Chúng ta phải xác định một chương trình kinh tế dựa trên những khả năng hiện thực và bảo đảm mọi điều kiện cần thiết để thực hiện cho bằng được. Nhân dân ta đều mong muốn phải đổi mới cách suy nghĩ, cách làm ăn cho có hiệu quả và thiết thực.

Nhiều vấn đề cấp bách đang đặt ra và đòi hỏi phải giải quyết. Đó là những vấn đề của lĩnh vực phân phối, lưu thông mà chúng ta có sai lầm. Trước hết phải từng bước ổn định giá cả và tiền lương thực tế. Muốn ổn định giá cả, phải phát triển sản xuất và làm chủ thị trường. Quy luật giá trị là quy luật khách quan, chỉ có nắm vững và vận dụng nó trong tổng thể các quy luật đang phát sinh tác dụng trong xã hội nước ta trong thời kỳ quá độ, trong đó các quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội giữ vai trò chủ đạo, nắm vững kế hoạch gắn với thị trường, các quan hệ hàng hóa — tiền tệ, chúng ta mới làm chủ được sản xuất và lưu thông, phân phối, tạo ra động lực mạnh mẽ của sự phát triển kinh tế và xã hội. Trên cơ sở vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan, Trung ương Đảng và Hội đồng Bộ trưởng đang cố gắng xem xét và thi hành những biện pháp có hiệu quả nhằm ổn định tình hình sản xuất, lưu thông phân phối, giá cả và đời sống các tầng lớp nhân dân ta.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Ban chấp hành trung ương đã thông qua dự thảo Báo cáo chính trị để toàn đảng thảo luận và Đại hội lần thứ VI của Đảng sẽ thông qua. Tại các đơn vị sản xuất, công tác và cư trú, các đoàn thể, qua sinh hoạt của tổ chức sẽ thảo luận và góp ý kiến với Đảng về chương trình kinh tế — xã hội những năm trước mắt và những vấn đề quan trọng khác của đất nước ta. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và bằng con đường gặp gỡ trực tiếp và gửi thư, cán bộ và nhân dân đã nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng, tham gia ý kiến với đại hội các cấp và Đại hội toàn Đảng. Một phong trào thi đua rộng lớn đang được tổ chức ở khắp mọi nơi lập thành tích chào mừng Đại hội của Đảng.

Đó là những dấu hiệu sinh động, chứng minh hùng hồn rằng: sự gắn bó giữa Đảng và nhân dân, sự thống nhất ý chí và hành động của toàn

Digitized by Google

Đảng khi cách mạng phát triển thuận lợi cũng như lúc phải đương đầu với những thử thách phức tạp, là sức mạnh vô địch của cách mạng. Cách mạng luôn luôn là sự nghiệp của nhân dân, nhân dân là người quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Đảng từ nhân dân mà ra và phấn đấu vì hạnh phúc của nhân dân.

Trước những khó khăn trước mắt, Đảng phải dựa vào nhân dân mới khắc phục được. Đồng bào cả nước biểu thị mạnh mẽ sự đoàn kết chung quanh Đảng bằng cách chân thành góp ý kiến, phê bình và kiến nghị, ra sức khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất và công tác. Biểu hiện tập trung nguyện vọng của cán bộ, đồng bào và chiến sĩ là đòi hỏi phải thay đổi cách suy nghĩ và lối làm ăn, đòi hỏi phải cải cách thật sự mọi hoạt động của chúng ta. Những ý kiến phê phán bệnh tập trung quan liêu và tình trạng vô tổ chức, vô kỷ luật, cách làm ăn không có trách nhiệm, không lấy hiệu quả kinh tế xã hội làm tiêu chuẩn hàng đầu, mạnh mẽ lên án tệ cửa quyền, bất chấp lợi ích chính đáng của quần chúng, nghiêm khắc lên án và đòi phải thi hành những biện pháp có hiệu quả nhất để chấm dứt lối làm ăn phi pháp và những biểu hiện tiêu cực về lối sống và đạo đức.

Sự đòi hỏi đổi mới cách làm ăn có hiệu quả là một yêu cầu cách mạng.

Sự đòi hỏi xây dựng một xã hội, một nếp sống đạo đức và có kỷ cương cũng là một yêu cầu cách mạng quan trọng.

Sự đổi mới ấy nhất định tạo ra một sức mạnh mới, một sức sống mới của xã hội ta.

Nhân dân cũng đòi hỏi Đảng phải làm cho trong sạch đội ngũ của mình, làm cho trong sạch các cơ quan Nhà nước, bảo đảm cho được quyền làm chủ của nhân dân.

Đây là những đòi hỏi rất chính đáng và cũng chứng tỏ sự trưởng thành về chính trị của xã hội ta.

Và đây chính là tiềm năng to lớn của xã hội ta và cách mạng nước ta. Rất coi trọng những ý kiến và kiến nghị của cán bộ, đồng bào và chiến sĩ, Trung ương Đảng và Hội đồng bộ trưởng đang xem xét với tinh thần cách mạng cao.

Với những khó khăn chung của nền kinh tế nước ta, mọi người cũng đều hiểu rằng cuộc sống chúng ta không thể thay đổi ngay tức khắc được. Trong lúc này hơn bao giờ hết mọi người đều phải ra sức lao động sản xuất, tiết kiệm, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính đóng góp sức mình vào sự nghiệp chung.

Đảng và Nhà nước kiên quyết sửa chữa những thiếu sót, sai lầm trong quản lý kinh tế — xã hội, tìm ra cách làm ăn mới, dựa vào nhân dân, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thì nhất định chúng ta sẽ thực hiện được những mục tiêu kinh tế xã hội đã đề ra.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Về tình hình thế giới, điều quan tâm đầu tiên và theo dõi với sự vui mừng đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ của các lực lượng cách mạng, tiến bộ và yêu chuộng hòa bình của toàn thế giới. Cộng đồng xã hội chủ nghĩa, nhân tố quyết định chiều hướng phát triển của tình hình quốc tế, đang đi vào một giai đoạn phát triển mới cực kỳ quan trọng và chắc chắn sẽ dẫn đến những thay đổi rộng lớn và sâu sắc hơn khi loài người bước vào thiên niên kỷ thứ ba.

Đại hội lần thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô đánh dấu một cái mốc lịch sử của sự phát triển mọi mặt trên Tổ quốc của Cách mạng Tháng Mười, đánh dấu một bước phát triển mới của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Những kinh nghiệm vô cùng phong phú của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và trên thế giới đã được tổng kết. Đây là tài sản tinh thần quý báu, là một tiềm lực xưa nay chưa từng có

Digitized by Google

của cách mạng thế giới. Những cuộc cải cách rộng lớn đang tiến hành ở Liên xô và các nước anh em khác đang tạo ra một sức mạnh, một sự năng động, sáng tạo hết sức dồi dào. Những lực lượng kinh tế và những tiềm năng khoa học, kỹ thuật, tiềm năng văn hóa, xã hội và lối sống của chủ nghĩa xã hội đang được khai thác và phát huy một cách tốt nhất. Tính ưu việt, sức hấp dẫn và uy tín của chủ nghĩa xã hội đang tăng lên trước nhân dân lao động và các dân tộc yêu chuộng tự do trên toàn thế giới.

Trở ngại lớn nhất đối với sự phát triển của chủ nghĩa xã hội và cuộc sống loài người là cuộc chạy đua vũ trang của chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ. Tình hình thế giới đang cực kỳ nghiêm trọng. Nguy cơ chiến tranh hạt nhân tăng lên chưa từng thấy. Chủ nghĩa đế quốc là kẻ chủ mưu gây chiến tranh thế giới, kẻ áp bức và bóc lột, gây rối, kẻ khủng bố quốc tế lớn nhất.

Bảo vệ hòa bình, đẩy lùi nguy cơ hủy diệt hạt nhân đã trở thành nhiệm vụ trung tâm và cấp bách của toàn thế giới.

Loài người không cam tâm ngồi chờ tai họa hạt nhân, đang đứng dậy và hành động. Loài người cũng có sức mạnh tinh thần và vật chất to lớn để trả lời những thách thức của chủ nghĩa đế quốc. Đó là sự cân bằng không thể đảo ngược của những phương tiện giáng trả.

Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác không sử dụng vũ khí chiến lược làm một phương tiện đe dọa, bắt bí chính trị mà đã chủ động đưa ra kế hoạch giải trừ vũ khí hạt nhân qua ba giai đoạn nhằm giải trừ cho toàn nhân loại cơn ác mộng hủy diệt hạt nhân trước khi bước vào thế kỷ thứ 27.

Đảng, Nhà nước và nhân dân ta hoàn toàn ủng hộ những sáng kiến hòa bình nổi tiếng của Liên xô lần lượt công bố từ tháng tư năm 1985 đến nay. Chúng ta nhiệt liệt hưởng ứng và phối hợp hành động với Liên xô đề xướng kiến hòa bình ở khu vực châu Á - Thái bình dương do đồng chí M.X. Gooc-ba-trốp, Tổng bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô nêu lên trong diễn văn đọc ở Vla-đi-vô-xtốc ngày 28-7. Quyết định của Liên xô đơn phương tiếp tục ngừng thử vũ khí hạt nhân đến 1-1-1987, một lần nữa chứng minh thiện chí hòa bình của nước xã hội chủ nghĩa lớn nhất này.

Đúng như lời phát biểu của đồng chí Tổng bí thư, Trường Chinh, sáng kiến này thấm nhuần sâu sắc tinh thần của Đại hội lần thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô và thể hiện nổi bật mục tiêu cao cả nhất của chủ nghĩa xã hội là không ngừng chăm lo củng cố hòa bình và an ninh của các dân tộc.

Cũng như trong quá khứ, ngày nay sự đoàn kết, hợp tác toàn diện với Liên xô, dựa hẳn vào sự giúp đỡ toàn diện của Liên xô là nguyên tắc và chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước ta. Cuộc hội đàm giữa Đoàn đại biểu Đảng và Nhà nước Liên xô do đồng chí M.X. Gooc-ba-trốp dẫn đầu với Đoàn đại biểu Đảng và Nhà nước ta do đồng chí Lê Duẩn dẫn đầu, hồi tháng sáu năm 1985, cũng như cuộc gặp gỡ mới đây giữa đồng chí Tổng bí thư Đảng cộng sản Liên xô Mi-Kh. Gooc-ba-trốp và đồng chí Tổng bí thư Đảng cộng sản Việt nam Trường Chinh đã đánh dấu những bước tiến mới, có chất lượng mới về sự đoàn kết, hợp tác toàn diện Việt — Xô. Trong nhiều năm qua, Bộ chính trị Đảng ta đã đánh giá cao sự ủng hộ mạnh mẽ và sự giúp đỡ quý báu của Đảng, Chính phủ và nhân dân Liên xô dành cho nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Nhân dịp này, một lần nữa chúng ta bày tỏ sự cảm ơn chân thành tới Đảng, Chính phủ và nhân dân Liên xô anh em.

Digitized by Google

Liên minh chiến lược Việt nam — Lào — Cam-pu-chia đang rất tốt đẹp. Đây là điều kiện thuận lợi cho cách mạng mỗi nước tiếp tục tiến lên. Đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau là nguyên tắc, là quy luật phát triển của cách mạng nước ta cũng như cách mạng Lào và cách mạng Cam-pu-chia. Nhân dân ta tiếp tục làm hết sức mình góp phần tăng cường sự đoàn kết, hợp tác toàn diện và củng cố liên minh vững chắc của ba nước trên bán đảo Đông dương trong cuộc đấu tranh chung nhằm bảo vệ thành quả cách mạng, và xây dựng cuộc sống mới ở mỗi nước.

Đoàn kết, hợp tác với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa là truyền thống quý báu của nhân dân ta, điều kiện tất yếu của thắng lợi của cách mạng nước ta. Nhân tố quốc tế luôn luôn là một nhân tố quan trọng của sự thắng lợi của cách mạng Việt nam.

Chúng ta hoàn toàn ủng hộ Tuyên bố Mê-hi-cô của những người đứng đầu sáu nước: Ấn độ, Mê-hi-cô, Ác-hen-ti-na, Tan-da-ni-a, Hy lạp, Thụy điển vì hòa bình và giải trừ quân bị hạt nhân.

Với tinh thần của Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 và những cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống sự xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, một lần nữa chúng ta tuyên bố nhiệt liệt ủng hộ và đứng về phía các cuộc đấu tranh giành độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội của tất cả các dân tộc. Chúng ta luôn luôn ở bên cạnh các cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Nam Phi, Na-mi-bi-a, En Xan-va-đo, Chi-lê, Pa-lê-xtin, Li-băng, Ha-i-ti. Chúng ta luôn luôn đứng bên cạnh nước Ni-ca-ra-goa anh hùng. Cũng như trước đây, từ nay về sau với tư cách một thành viên, chúng ta luôn luôn trung thành với mục tiêu cao cả và tính chất tiến bộ chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân của «Phong trào không liên kết», ủng hộ những quyết định sáng suốt của Phong trào này. Chúng ta rất coi trọng vai trò quan trọng của Ấn độ, Chủ tịch Phong trào không liên kết và ủng hộ mạnh mẽ Hội nghị cấp cao lần thứ tám của Phong trào này đang họp ở Ha-ra-re, thủ đô nước Cộng hòa Dim-ba-bu-ê.

Chúng ta tiếp tục phấn đấu cho hòa bình và ổn định ở vùng Đông — Nam Á, kiên trì chính sách cùng tồn tại hòa bình và hữu nghị giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau ở vùng này. Chúng ta kêu gọi cần có những cuộc tiếp xúc, bình thường hóa các quan hệ, đối thoại, trung thực và tôn trọng lẫn nhau giữa nhóm các nước Đông dương và nhóm các nước ASEAN.

Nhân dịp này, Việt nam bày tỏ tình hữu nghị truyền thống, thân thiết với nhân dân Trung quốc. Nhân dân Việt nam và nhân dân Trung quốc đã từng đoàn kết ủng hộ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc. Hai nước Việt nam và Trung quốc cùng có lợi ích là hòa bình, độc lập và phát triển kinh tế, văn hóa. Chúng ta muốn nhìn về tương lai, mong muốn khôi phục quan hệ bình thường và hữu nghị với Trung quốc. Chúng ta nói thẳng ra rằng chúng ta sẵn sàng thương lượng với Trung quốc bất cứ cấp nào, lúc nào, và bất cứ ở đâu để giải quyết các vấn đề thực chất trong quan hệ hai nước, và những vấn đề của hai bên cùng quan tâm.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Nhà nước cách mạng của nhân dân Việt nam ra đời cách đây 41 năm đã trải qua một loạt thử thách và không ngừng lớn mạnh. Trong quá trình tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam có thêm những sức mạnh mới to lớn. Tổ quốc độc lập, tự do, đất nước thống nhất, nhân dân lao động đã trở

(Xem tiếp trang 5)

Digitized by Google



Tiến tới
ĐẠI HỘI THỨ VI CỦA ĐẢNG

TRẦN LÊ
Viện trưởng Viện kiểm sát
nhân dân tối cao

GÓP PHẦN THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC QUẢN LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI CỦA NHÀ NƯỚC TA

CÔNG tác quản lý của Nhà nước ta đang có nhiều vấn đề cấp bách cần được giải quyết để thiết lập một trật tự xã hội hợp lý, bảo đảm tiến hành thắng lợi công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Việc cải tiến quản lý và xây dựng cơ chế quản lý mới do các Hội nghị thứ 6 và thứ 8 Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) đề ra cũng nhằm mục đích ấy. Sắp tới, tại Đại hội thứ VI của Đảng, cùng với việc giải quyết vấn đề đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, đổi mới phong cách làm việc, đổi mới tổ chức và cán bộ, công tác quản lý của Nhà nước ta cũng sẽ được xem xét một cách toàn diện. Để góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ đó, chúng tôi xin nêu một số ý kiến về mặt chính trị – pháp lý của công tác quản lý kinh tế – xã hội của Nhà nước ta hiện nay.

Quản lý kinh tế – xã hội là nhiệm vụ rất khó khăn, phức tạp, mới mẻ nhưng vô cùng quan trọng của Nhà nước ta, vì mọi chính sách kinh tế – xã hội của Đảng và Nhà nước đều được thực hiện chủ yếu thông qua hoạt động quản lý, mà hoạt động quản lý lại là hoạt động liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, đòi hỏi tính khoa học, đồng bộ và hiệu quả. Thế nhưng, chúng ta lại thiếu kiến thức kinh tế và đang có những yếu kém về quản lý kinh tế – xã hội. Vì thế không có cách nào khác, chúng ta phải học quản lý để « biết chiến thắng bằng phương pháp quản lý », « biết tổ chức trong lĩnh vực thực tiễn » như Lê-nin đã dạy (1). Đây là công việc hết sức khó khăn, « vì vấn đề là phải tổ chức theo phương thức mới những cơ sở sâu xa nhất, những cơ sở kinh tế của đời sống của hàng chục

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 36, tr. 216, 210.

Digitized by Google

và hàng chục triệu con người» (2). Song không thể giải quyết công việc đó «bằng cái lối hô «xung phong» hay «cái lối cờ mở trống giong, tiến quân thắng lợi» (3), mà phải bằng phương pháp quản lý, phải tính toán hiệu quả kinh tế — xã hội của từng đồng vốn bỏ ra, chứ không thể làm bằng bất cứ giá nào. Nhân dân ta đã phải chiến đấu cực kỳ gian khổ với sự hy sinh vô cùng to lớn trong gần nửa thế kỷ dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng mới giành được độc lập, tự do và thống nhất đất nước, nhưng như Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ: «thắng đế quốc và phong kiến là tương đối dễ; thắng bần cùng và lạc hậu còn khó hơn nhiều» (4).

Do hoàn cảnh lịch sử cụ thể của đất nước mà chúng ta phải tiến hành công tác quản lý kinh tế — xã hội trong những điều kiện đặc biệt khó khăn: từ một xã hội có nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, trong khi đó lại phải giải quyết hậu quả nặng nề về nhiều mặt của cuộc chiến tranh xâm lược kéo dài hàng chục năm do bọn đế quốc gây ra, và đến nay vẫn phải làm hai nhiệm vụ chiến lược nặng nề là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Những yếu tố chủ quan và khách quan nói trên đã làm cho tổ chức và hoạt động quản lý của Nhà nước ta khó tránh khỏi có những mặt hạn chế và sai lầm. Xét về phương thức quản lý, chúng tôi thấy, một trong những nguyên nhân dẫn đến hậu quả đó là do chúng ta chậm tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, buông lỏng pháp luật và kỷ luật, thiếu kiên quyết và triệt để trong đấu tranh chống những hành vi phạm pháp và tệ nạn xã hội. Có ý kiến cho rằng, trong tình hình kinh tế — xã hội của nước ta hiện nay làm sao mà tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa được, vì chúng ta chưa có cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đúng là pháp chế phản ánh và phụ thuộc vào cơ sở hạ tầng, nhưng cũng như các bộ phận khác thuộc cấu trúc thượng tầng, pháp chế có tính độc lập tương đối của nó. Nó có tác động trở lại đối với cơ sở hạ tầng. Thi hành luật lệ đã lỗi thời sẽ kìm hãm sự phát triển kinh tế — xã hội. Ngược lại, xây dựng và thi hành pháp luật thích hợp, tiến bộ thì sẽ góp phần giải quyết những khó khăn, thúc đẩy kinh tế — xã hội phát triển. Vì thế, Đảng ta đã xác định rõ vai trò của pháp chế xã hội chủ nghĩa là một công cụ tổ chức đầy hiệu lực của Nhà nước chuyên chính vô sản. Do đó, không nên nghĩ rằng pháp chế chỉ để trừng phạt những người vi phạm pháp luật, mà không thấy rằng, *yêu cầu đầu tiên và có tính nguyên tắc của pháp chế xã hội chủ nghĩa là các cơ quan Nhà nước, mọi cán bộ công nhân viên Nhà nước phải triệt để tuân theo và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật*, phải thực hiện việc quản lý xã hội theo pháp luật như điều 12 Hiến pháp quy định.

Qua thực hiện công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các bộ và các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, các cơ quan chính quyền địa phương, tổ chức xã hội và đơn vị vũ trang nhân dân, các nhân viên Nhà nước và công dân, thực hành quyền công tố mà Nhà nước đã giao cho ngành kiểm sát, chúng tôi thấy, kết quả công tác quản lý kinh tế — xã hội của Nhà nước ta còn bị hạn chế có phần do chưa bảo đảm được yêu cầu có tính nguyên tắc đó của pháp chế xã hội chủ nghĩa. Trong hoạt động quản lý của Nhà nước ta hiện nay đang có một tình trạng không bình thường cần được khắc phục nhanh chóng là nhiều luật lệ đã ban hành nhưng không được chấp hành nghiêm chỉnh,

(2) Sách đã dẫn, tr. 210.
(3) Sách đã dẫn, tr. 8—9.
(4) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập II, tr. 148.

Digitized by Google

thậm chí không được chấp hành, nhiều cán bộ, đảng viên phạm pháp, nhất là những cán bộ lạm dụng chức quyền để làm trái pháp luật chưa bị xử lý nghiêm khắc. Nếu không kiên quyết xóa bỏ ngay tình trạng này thì Nhà nước ta có pháp luật cũng như không và do đó không thể nào thực hiện được việc quản lý xã hội theo pháp luật. Nhân đây, chúng tôi thấy cần nhấn mạnh thêm, chừng nào chúng ta chưa loại trừ được tệ nạn hối lộ dưới mọi hình thức ra khỏi đời sống xã hội thì những kẻ phạm tội hối lộ còn làm vô hiệu hóa nhiều chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ta, còn làm nhiều cán bộ, đảng viên sa ngã.

Thực hiện trách nhiệm của mình, trong những năm qua, ngành kiểm sát chúng tôi đã phát hiện và báo cáo với các cấp ủy Đảng nhiều trường hợp cán bộ, đảng viên phạm pháp, nhưng một số cấp ủy và cơ quan Nhà nước đã không thực hiện đúng chỉ thị của Đảng là: *kỷ luật phải bình đẳng không có ngoại lệ đối với bất kỳ ai*, càng giữ chức vụ cao, càng được tin tưởng lâu năm trong Đảng nếu phạm kỷ luật thì việc thi hành kỷ luật càng phải nghiêm khắc, mà đã "giữ lại" để xử lý nội bộ, thực chất là bao che những người có chức, có quyền vi phạm pháp luật. Cách đây hơn 60 năm, việc làm tương tự như thế đã bị Lê-nin phê phán kịch liệt. Phẫn nộ trước việc Ban chấp hành đảng bộ Mát-xcơ-va "nhẹ tay" với những đảng viên cộng sản phạm tội, Người viết: "Thật quá sự nhục nhã và kỳ quái: một đảng cầm quyền lại bảo vệ những tên vô lại của mình" (5). Lê-nin yêu cầu phải xử phạt những đảng viên nặng gấp 3 lần so với những người không phải là đảng viên cùng phạm một tội và cách chức người thẩm phán nào không thực hiện đúng yêu cầu đó (6). Vừa qua, Ban bí thư Trung ương Đảng ta đã ra chỉ thị chỉ rõ các cấp ủy Đảng không được buông lỏng lãnh đạo, thay những loại việc cụ thể về xét xử và phải đề cao các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý nghiêm khắc theo pháp luật mọi cán bộ đảng viên phạm pháp.

Cũng qua tự tiến hành hoạt động kiểm sát, chúng tôi còn thấy việc quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước ta đang gặp phải một khó khăn là hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh, thiếu nhiều luật lệ quan trọng, có nhiều quy định chồng chéo hoặc đã lỗi thời, tình trạng lộn xộn trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, phân phối..., những trường hợp để lọt kẻ có tội, làm oan người vô tội chưa được khắc phục kịp thời là do phần do thiếu pháp luật để kinh tế, tố tụng hình sự. Thật khó mà quản lý tốt an ninh, trật tự xã hội khi chúng ta thiếu bộ luật hành chính. Cũng không thể đạt kết quả cao trong cuộc đấu tranh chống tội phạm khi chúng ta có bộ luật hình sự nhưng lại chưa có bộ luật tố tụng hình sự, luật giam giữ và tạo động cải tạo. Những hiện tượng "vượt rào", tự do tùy tiện, địa phương, cục bộ, lập các trạm kiểm soát để ngăn sông cấm chợ đang gây trở ngại không nhỏ cho việc thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội chung của cả nước và đang vi phạm một cách nghiêm trọng tính thống nhất của pháp chế xã hội chủ nghĩa. Những hiện tượng đó một phần do pháp luật còn thiếu, chưa hoàn chỉnh mà sinh ra.

Trong những kỳ họp gần đây của Quốc hội, nhiều đại biểu đã nêu lên vấn đề hiệu quả của công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật và cho rằng hiệu quả đó chưa cao. Đó là một sự thật. Có nhiều nguyên nhân làm cho công tác kiểm sát chưa đạt được kết quả như Đảng, Nhà nước và nhân dân ta mong muốn. Trước hết, xét về mặt chủ quan, chúng tôi thấy tuy được Đảng và Nhà nước quan tâm đến việc

(5) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 45, tr. 65.

(6) Sách đã dẫn, tập 44, tr. 480.

Digitized by Google

đào tạo, bồi dưỡng, những đội ngũ kiểm sát viên vẫn còn thiếu về số lượng, yếu về năng lực, nhất là trong tình hình quản lý có nhiều khó khăn, phức tạp và tri thức về quản lý mọi mặt đời sống xã hội không ngừng được bổ sung như hiện nay. Song, trước hoàn cảnh khó khăn về đời sống, trước những hiện tượng tiêu cực của xã hội, tuyệt đại bộ phận cán bộ kiểm sát vẫn giữ được phẩm chất, đạo đức của người cán bộ, đảng viên, thực hiện tốt lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại: *Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, liêm lỏn*. Về phía khách quan, có hai nhân tố tác động rõ đến kết quả của công tác kiểm sát là: do pháp luật của Nhà nước ta hiện nay thiếu tính hệ thống và tính đồng bộ nghiêm trọng, có những quy định đã lỗi thời nhưng không được sửa đổi hoặc hủy bỏ, cho nên trong nhiều trường hợp rất khó khẳng định là đúng hay sai pháp luật để có biện pháp giải quyết đúng đắn; công tác xây dựng pháp luật của chúng ta cũng chưa được tiến hành theo một kế hoạch chặt chẽ, việc thể chế hóa, « Nhà nước hóa » một số chính sách, chủ trương của Đảng chưa được kịp thời, cho nên nhiều cơ quan Nhà nước đã lấy chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy Đảng làm căn cứ trực tiếp để giải quyết các vụ việc cụ thể. Tình trạng đó đã dẫn đến tư tưởng xem nhẹ pháp luật, thậm chí còn đối lập đường lối, chính sách của Đảng với pháp luật của Nhà nước ở một số cán bộ lãnh đạo cơ quan Nhà nước. Tư tưởng đó không đúng, vì chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước thống nhất với nhau, pháp luật phản ánh chính sách. Đảng thực hiện sự lãnh đạo chủ yếu thông qua hoạt động của Nhà nước, các cơ quan Nhà nước từ trung ương đến cơ sở đều phải tuân theo pháp luật và ngay cả các tổ chức Đảng cũng phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, không được tùy tiện đề ra những quy định trái với pháp luật. Các hiện tượng tiêu cực như phân phối hàng hóa trong nội bộ với giá quá thấp, lập quỹ đen để lấy tiền đi buôn bán kiếm lời chia nhau, thưởng bằng hiện vật một cách tràn lan, lấy của công đi làm quà cáp biếu xén lẫn nhau... đang được thực hiện theo các quy định riêng của một số địa phương, một số ngành, cơ quan, đơn vị. Đó là biểu hiện của chế độ đặc quyền, đặc lợi mà Đảng và Nhà nước đã nghiêm cấm, nhân dân ta đã và đang kiên quyết đấu tranh để xóa bỏ.

Một nhân tố khách quan khác đã thường xuyên ảnh hưởng đến kết quả của công tác kiểm sát là đối tượng của công tác kiểm sát. Qua thực tiễn công tác, chúng tôi thấy, thủ trưởng một số ngành, cơ quan và đơn vị còn chưa thấy hết trách nhiệm của mình là *phải thực hiện nghiêm chỉnh và tổ chức, kiểm tra việc thực hiện pháp luật trong ngành, cơ quan và đơn vị mình*. Cũng cần nhấn mạnh rằng, việc soạn thảo, ban hành luật lệ đã khó, nhưng việc tổ chức thực hiện đúng luật lệ lấy còn khó hơn nhiều và *lãnh đạo mà không kiểm tra thì coi như không có lãnh đạo*. Khi nói về công tác chấp hành pháp luật, Lê-nin đã chỉ rõ: « Cái chúng ta cần, không phải là các pháp lệnh mới, các cơ quan mới, hay các biện pháp đấu tranh mới. *Chúng ta cần kiểm tra năng lực của nhân viên công tác, kiểm tra việc chấp hành thực tế, kiểm tra nhân viên công tác và kiểm tra việc chấp hành thực tế công tác mà thôi*. Toàn bộ công tác của toàn bộ chính sách hiện nay là ở đấy, ý nghĩa ở đấy và chỉ có ở đấy » (7).

Do nhận thức chưa đầy đủ và có phần không đúng tác dụng của công tác kiểm tra, thanh tra nội bộ, cho nên một số cán bộ lãnh đạo ngành, cơ quan, đơn vị còn xem nhẹ công tác này

(7) V.I Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1978, tập 45, tr. 19.

Digitized by Google

Hơn thế nữa, các đồng chí ấy còn muốn thoát ra ngoài sự tác động của công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật mà cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất (Quốc hội) đã giao cho ngành kiểm sát thực hiện. Vì vậy, có một số cơ quan Nhà nước chẳng những chưa phối hợp hoặc tạo điều kiện cho Viện kiểm sát phát hiện, xử lý các vụ việc phạm pháp, mà còn chưa nghiên cứu trả lời hay thực hiện nghiêm chỉnh yêu cầu, kháng nghị, kiến nghị và quyết định của Viện kiểm sát như pháp luật đã quy định. Đáng lưu ý là đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành và cấp quận, huyện là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, rất ít trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp được tiến hành kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Ủy ban nhân dân hai cấp đó. Như vậy, về thực chất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện đã không bảo đảm quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật của cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất (Quốc hội), và Viện kiểm sát nhân dân cũng chưa thực hiện được đầy đủ trách nhiệm « bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất » do Quốc hội giao cho.

Cuối cùng, yếu tố có tính nguyên tắc và quyết định hiệu quả của công tác kiểm sát là sự lãnh đạo của Đảng đối với ngành kiểm sát. Thực tế cho thấy rằng, ở đâu cấp ủy Đảng quan tâm lãnh đạo thì ở đó Viện kiểm sát hoạt động có hiệu quả cao, như có những cấp ủy đã thường xuyên cho chủ trương và biện pháp công tác lớn, nghe Viện kiểm sát báo cáo công tác và kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, biện pháp đã đề ra, tạo điều kiện để Viện kiểm sát thực hiện chức năng theo đúng pháp luật quy định, cho nên đã phát huy tốt tác dụng của công tác kiểm sát. Để bảo đảm yếu tố quyết định này, Ban bí thư Trung ương Đảng đã có chỉ thị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp trong đó có cơ quan kiểm sát và việc Viện trưởng Viện kiểm sát có trong cơ cấu cấp ủy. Đây là một thuận lợi mới đối với hoạt động của ngành kiểm sát.

★

Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, hơn 25 năm qua kể từ ngày được thành lập, ngành kiểm sát nhân dân chúng tôi luôn luôn hướng mọi hoạt động của mình vào việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý của Nhà nước. Mặc dù vẫn còn những khuyết điểm và khó khăn, nhưng chúng tôi tin rằng, sắp tới, được Nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng soi sáng, cùng với các cơ quan khác trong bộ máy Nhà nước, ngành kiểm sát sẽ phấn đấu hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ mà Nhà nước giao cho là « bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo đảm sự tôn trọng tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân » (8).

(8) Xem Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam (điều 127).

Digitized by Google

HOÀNG NÓ
Bí thư Tỉnh ủy Sơn la

PHÁT HUY CÁC THẾ MẠNH CỦA TỈNH SƠN LA

NẰM ở miền Tây bắc nước ta, tỉnh Sơn la có 9 huyện và một thị xã với diện tích tự nhiên là 14 468km², số dân là 56 vạn người, bao gồm 12 dân tộc: Thái, H'Mông, Dao, Sinh mun, Khơ mú, La ha, Kháng, Kinh... Nhìn chung, Sơn la là một tỉnh đất rộng người thưa, bình quân chỉ có 39 người/km².

Đảng bộ tỉnh Sơn la có 187 tổ chức cơ sở Đảng với gần 18 000 đảng viên.

Cũng như các tỉnh khác ở miền núi, Sơn la có ba thế mạnh là *khai thác rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc lớn.*

Sơn la có rừng núi điệp trùng. *Rừng* của Sơn la chiếm một diện tích khá lớn, có khả năng tăng trưởng và tái sinh nhanh; đó là kho tài nguyên phong phú với nhiều loại lâm sản quý và động vật có giá trị. Với diện tích lớn, bình quân gần 2ha/người, nếu rừng và đất rừng Sơn la được bảo vệ, cải tạo, trồng, khai thác và kinh doanh hợp lý thì không những đáp ứng được nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân trong tỉnh, mà còn cung cấp được nhiều sản phẩm có giá trị cho trung ương và trao đổi với các tỉnh bạn, đồng thời có tác dụng quan trọng đối với việc bảo vệ môi trường sống của con người trên một địa bàn rộng lớn.

Sơn la có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển các loại *cây công nghiệp* có năng suất và giá trị kinh tế cao như chè, cánh kiến, trầu, bông, lạc, đỗ tương, mía... và nhiều loại cây thuốc quý.

Sơn la có nhiều triền núi bao quanh tạo thành những thung lũng nhỏ có thể cấy lúa nước. Hai vùng Nà sản và Mộc châu có những phiêng bãi rất rộng, có khí hậu thích hợp, có điều kiện tốt để phát triển *chăn nuôi gia súc lớn.*

Ngoài ra, Sơn la có sông Đà và sông Mã chảy qua theo hướng tây bắc — đông nam với rất nhiều ghềnh thác, là nguồn thủy điện lớn. Dưới lòng đất Sơn la có một số khoáng sản đang được thăm dò, như than, thiếc, chì, đồng, vàng, bạc..., có loại đã bắt đầu được khai thác.

Sự ưu đãi của thiên nhiên cùng với sự lao động cần cù và giàu kinh nghiệm của nhân dân, các điều kiện kinh tế — xã hội được tạo ra trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội là những yếu tố thuận lợi cơ bản để Sơn la khai thác và phát huy các thế mạnh của mình.

Trong những năm qua, đặc biệt từ năm 1982 đến nay, thực hiện phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế — xã hội theo Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng, Nghị quyết các Hội nghị trung ương Đảng và các Nghị quyết Đại hội thứ 6 và thứ 7 của đảng bộ tỉnh Sơn la, các cấp, các ngành, các đơn vị kinh tế và nhân dân các dân

Digitized by Google

tộc trong tỉnh đã nỗ lực phấn đấu với tinh thần tự lực tự cường, chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, tích cực khai thác các thế mạnh và đã đạt được một số thành tựu quan trọng.

Từ năm 1981 đến 1985, Sơn la đã trồng được 2 951 ha rừng. Việc quản lý vốn rừng, kinh doanh lâm sản có nhiều tiến bộ. Toàn tỉnh đã giao 24 vạn ha rừng và đất rừng cho 17 000 hộ gia đình và 260 hợp tác xã quản lý kinh doanh; đưa 10% diện tích rừng và hơn 10% số hợp tác xã bước đầu đi vào tổ chức sản xuất và kinh doanh rừng theo mô hình nông — lâm kết hợp. Hằng năm, Sơn la bảo đảm cung cấp 12 000m^3 gỗ các loại cho trung ương...

Nhiều loại cây công nghiệp được chú ý phát triển. Tình trạng giảm sút diện tích cây chè đã được ngăn chặn và đang đi dần vào thế phát triển tương đối ổn định. Các loại cây mía, bông, lạc, đỗ tương và các cây thuốc có giá trị cao được duy trì và đẩy mạnh. So với 5 năm trước, 5 năm 1981 — 1985 sản lượng chè búp tươi tăng 1 620 tấn, lạc tăng 106 tấn, bông tăng 107,8 tấn, mía cây tăng 2 865 tấn...

Tổng số gia súc lớn và gia cầm tăng đều, trong đó có một số loại con tăng nhanh. So với 5 năm trước, mức tăng bình quân qua 5 năm (1981 — 1985) của đàn bò là 10,5%, đàn trâu là 3,8%, đàn lợn là 5,8%, trong đó riêng đàn lợn thịt là 8,9%.... Phong trào chăn nuôi gà, vịt, cá, ong mật... tiếp tục được mở rộng, kể cả ở một số nơi thuộc vùng cao.

Nhìn lại 11 năm qua, có thể nói kinh tế địa phương đã từng bước kết hợp với kinh tế trung ương để khai thác các thế mạnh trên địa bàn Sơn la: bước đầu hình thành một số vùng sản xuất tập trung như tổ hợp công — nông nghiệp chè, bò sữa (kinh tế trung ương) và nông — công nghiệp chè (kinh tế địa phương) ở Mộc châu với sản lượng hơn 800 tấn chè thành phẩm, chiếm trên 50% chè thành phẩm của tỉnh; vùng nông — công nghiệp chè Phù yên với sản lượng 150 tấn chè thành phẩm; vùng nông — công nghiệp chè, ngô Nà sản với sản lượng xấp xỉ 350 tấn chè thành phẩm và hơn 4 000 tấn ngô hạt, trong đó có hơn 3 000 tấn ngô hàng hóa, chiếm hơn 50% tổng sản lượng ngô huy động hằng năm của tỉnh; vùng đậu tương Sông mã với sản lượng hàng hóa gần 300 tấn và cánh kiến đỏ; ngoài ra, còn hình thành các khu vực nhỏ, như mía — đường — rượu ở Thuận châu, Mai sơn và Phù yên, một số điểm nuôi trâu, bò thịt ở Mộc châu và Yên châu, v.v.

Tuy vậy trong nhiều năm nay, việc khai thác các thế mạnh ở Sơn la còn nhiều hạn chế, có mặt giảm sút đáng lo ngại. Sản xuất nông — lâm nghiệp chưa thoát khỏi tình trạng độc canh và quảng canh; nền kinh tế về cơ bản vẫn ở trong tình trạng tự cấp, tự túc, làm chưa đủ ăn, thiếu thốn nhiều thứ, nhất là lương thực và vốn ban đầu. Lực lượng lao động chưa được tổ chức lại và còn bị lãng phí lớn; lao động du canh du cư còn nhiều. Sản xuất hàng hóa phát triển chậm, sản lượng lương thực tăng chậm; trong khi đó đất ngày càng bạc màu, rừng bị phá nghiêm trọng. Nếu năm 1963, rừng của Sơn la che phủ 19% diện tích tự nhiên của tỉnh thì hiện nay chỉ còn hơn 9%; rừng có trữ lượng gỗ 100m^3/ha chỉ còn gần 5% trong tổng số diện tích rừng hiện nay của Sơn la. Đây là vấn đề đáng báo động. Công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, làm sản phát triển chưa tương xứng với khả năng của địa phương. Mối quan hệ giữa các ngành kinh tế, nhất là giữa nông nghiệp với lâm nghiệp, nông — lâm nghiệp với công nghiệp còn lỏng lẻo. Xây dựng cơ bản, nhất là xây dựng kết cấu hạ tầng, mở mang đường giao thông còn rất yếu. Phân phối và lưu thông có nhiều mặt còn phức tạp, rối ren.

Digitized by Google

Đời sống của nhân dân tuy có những mặt chuyển biến nhưng nhìn chung vẫn gặp nhiều khó khăn. Đáng chú ý là còn hơn 8 vạn đồng bào sống du canh du cư và đang gặp nhiều khó khăn về sản xuất và đời sống, nhiều nơi thiếu cả nước ăn. Đời sống văn hóa tinh thần còn nghèo nàn. Một số tập tục cũ lạc hậu trong việc ma chay, cưới xin..., đang tái phát. Các hiện tượng tiêu cực còn nhiều.

Một trong những nguyên nhân quan trọng của tình hình khó khăn và tiêu cực nói trên là do sự lãnh đạo của tỉnh ủy chúng tôi còn có những thiếu sót, khuyết điểm. Việc vận dụng, cụ thể hóa đường lối, chủ trương của trung ương chưa thật sát hợp với điều kiện cụ thể của địa phương. Công tác tư tưởng, công tác tổ chức, công tác kiểm tra còn có mặt trì trệ, bảo thủ, kém sắc bén, chưa đi kịp và bám sát những nhiệm vụ mới, nhất là nhiệm vụ xây dựng và quản lý kinh tế, chưa tập trung xây dựng và tăng cường cơ sở, củng cố vùng cao. Cơ chế quản lý vẫn theo nếp cũ. Công tác cán bộ chưa được coi trọng đúng mức. Kỷ luật trong Đảng không nghiêm, pháp chế xã hội chủ nghĩa bị buông lỏng, việc đấu tranh chống hành vi phạm pháp và tệ nạn xã hội thiếu kiên quyết và triệt để.

★

Hiện nay, Sơn la đang tích cực chuẩn bị và tiến hành Đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội thứ VI của Đảng. Thực hiện nghiêm túc chỉ thị số 79 của BBT TƯ Đảng về tự phê bình và phê bình, với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật và nói rõ sự thật, chúng tôi đã khẳng định những thắng lợi và thành tích đạt được, chỉ ra những yếu kém, khuyết điểm còn tồn tại, phân tích rõ nguyên nhân, đồng thời xác định hướng đi lên của mình.

Dự thảo Báo cáo chính trị của BCH TƯ Đảng tại Đại hội thứ VI của Đảng đã chỉ rõ: « Xây dựng các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc thành vành đai vững chắc bảo vệ Tổ quốc. Phát huy ưu thế về cây công nghiệp, nhất là cây xuất khẩu (chè, trầu, sơn, hồi...), kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp và chăn nuôi đại gia súc, xây dựng nhiều cơ sở công nghiệp quan trọng: than, thủy điện, luyện kim, apatit, đất hiếm... Hoàn thành việc định canh định cư, tận dụng lực lượng quân đội làm kinh tế, dón đồng bào ở những nơi khác đến. Phát triển kinh tế gắn liền với việc giải quyết các vấn đề văn hóa, xã hội, để từng dân tộc và từng vùng đạt được những tiến bộ rõ rệt về kinh tế và đời sống ».

Dưới ánh sáng Nghị quyết Hội nghị thứ 10 của BCHTƯ Đảng, theo phương hướng mà Dự thảo Báo cáo chính trị đã đề ra, chúng tôi đang chuẩn bị đề án công tác của đảng bộ tỉnh. Đại hội lần này của đảng bộ tỉnh chúng tôi sẽ bàn bạc và quyết định những vấn đề quan trọng về phương hướng sản xuất, cố gắng từng bước phá vỡ thế tự cấp tự túc, thực hiện phân công lại lao động gắn với tổ chức lại sản xuất, đi vào sản xuất hàng hóa, gắn sản xuất với phân phối, lưu thông và tiêu dùng; giải quyết cơ bản vấn đề du canh du cư của đồng bào vùng cao nhằm ổn định sản xuất, ổn định đời sống nhân dân; khắc phục tệ phá rừng, nạn thả rông gia súc, tình trạng rối ren trong phân phối lưu thông; giữ vững an ninh chính trị và tăng cường củng cố quốc phòng; qua đó, nâng cao một bước năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, bảo đảm và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước.

Muốn thế chúng tôi phải bố trí đúng cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư nhằm khai thác và phát huy tốt nhất mọi khả năng về đất đai, lao

Digitized by Google

động, cơ sở vật chất—kỹ thuật hiện có, giải quyết được vấn đề lương thực, khai thác ba thế mạnh, tăng nhanh xuất khẩu, tăng cường hợp tác, liên kết kinh tế, tích cực ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật; củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, phát huy sức mạnh của kinh tế gia đình, xây dựng cơ chế quản lý mới, đổi mới tư duy kinh tế, đổi mới phong cách công tác và lề lối làm việc.

Khai thác và phát huy các thế mạnh của Sơn la, đương nhiên trách nhiệm chính thuộc về chúng tôi. Song sự giúp đỡ của trung ương có ý nghĩa hết sức quan trọng. Nhân đây chúng tôi xin kiến nghị với trung ương một số vấn đề như sau:

1. Trung ương sớm xác định rõ và chuẩn y việc phân vùng kinh tế, cho phép Sơn la được phát huy quyền chủ động sản xuất và kinh doanh trên cơ sở những khả năng hiện có của mình và nhằm khai thác triệt để các thế mạnh của mình. Tiềm năng các thế mạnh của Sơn la rất lớn. Song Sơn la chưa khai thác và phát huy đầy đủ các thế mạnh này. Tình hình đó có nhiều nguyên nhân, song nguyên nhân trực tiếp là có một số chỉ tiêu và nhiệm vụ mà trung ương giao cho Sơn la chưa thật phù hợp với khả năng của địa phương. Chẳng hạn, mấy năm nay, Sơn la được giao nhiệm vụ phải tự túc lương thực và làm nghĩa vụ với Nhà nước một khối lượng không nhỏ. Việc chạy theo sản xuất lương thực không cân sức mình như vậy đã gây ra nhiều tác động xấu: rừng tiếp tục bị phá, nương rẫy tiếp tục bị xói mòn, diện tích cây công nghiệp và đồng cỏ để chăn nuôi ngày càng bị thu hẹp. Vô hình trung, tạo nên một mâu thuẫn khó giải quyết giữa sản xuất lương thực và khai thác các thế mạnh khác của Sơn la. Sắp tới nếu trung ương cung cấp một phần lương thực cho Sơn la, cho phép Sơn la tập trung sức làm cây công nghiệp, trồng rừng, khai thác rừng và phát triển chăn nuôi, thì nhất định Sơn la có thể có sản phẩm hàng hóa phục vụ cho xuất khẩu, làm giàu nền kinh tế quốc dân. Trung ương cũng cần sớm nghiên cứu và ban hành chính sách khuyến khích hợp lý việc trồng cây công nghiệp, khai thác, chế biến lâm thổ sản và phát triển chăn nuôi gia súc lớn.

2. Giao thông vận tải đang là một khâu yếu của Sơn la. Hầu hết các tuyến đường bộ (trong đó có hệ thống đường quốc gia) bị hư hỏng nặng. Việc mở mang các luồng đường thủy hoàn toàn phụ thuộc vào tiến độ thi công công trình thủy điện Sông Đà. Các vật tư, nguyên liệu... phục vụ cho việc xây dựng giao thông có nhiều khó khăn, giá cước vận tải tăng vọt. Đây là một trở ngại lớn trong việc phát triển sản xuất, đẩy mạnh công tác phân phối lưu thông, mở rộng quan hệ trao đổi hàng hóa của Sơn la. Chúng tôi đề nghị trung ương sớm có kế hoạch tu bổ, sửa chữa các tuyến đường bộ quốc gia lên Sơn la và trên địa bàn Sơn la, cung cấp cho Sơn la một số vật liệu (như mìn, sắt, thép...) giúp chúng tôi mở mới một số con đường nối liền các vùng, các huyện trong tỉnh.

3. Sơn la có nguồn nguyên liệu nông sản, lâm sản khá phong phú. Nhưng những năm qua, việc sử dụng những nguồn nguyên liệu này còn dừng lại trong khuôn khổ một nền kinh tế tự cấp tự túc, hết sức giản đơn, thô sơ và lãng phí. Để biến những nguồn này thành hàng hóa có giá trị kinh tế cao, cần phải tập trung sức xây dựng các cơ sở công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản. Nhưng hiện nay, chúng tôi đang rất thiếu vốn, thiếu thiết bị và lao động kỹ thuật. Chúng tôi đã và đang cố gắng tự lực vươn lên giải quyết những khó khăn này bằng cách mở rộng hợp tác, liên kết kinh tế với Hà nội và các tỉnh khác, nhưng quy mô và tiến độ xây dựng các cơ sở này

Digitized by Google

còn rất nhỏ và có hạn. Chúng tôi xin kiến nghị với trung ương xem xét và giải quyết cho Sơn la vay một phần vốn ban đầu ở mức độ cần thiết để chúng tôi đẩy nhanh việc thực hiện nhiệm vụ này.

4. Để đáp ứng những nhu cầu thiết yếu về sản xuất và đời sống của nhân dân, để có thể thu mua được nhiều hàng nông sản, lâm sản, ngành thương nghiệp Sơn la phải có một khối lượng đáng kể hàng công nghệ phẩm, trước hết là các công cụ sản xuất và hàng tiêu dùng, với chất lượng bảo đảm, giá cả phải chăng. Nhưng hiện nay trung ương cung cấp cho Sơn la quá ít hàng tiêu dùng, chất lượng quá xấu và giá bán quá cao. Một chiếc xe đạp 3600 đồng mua về chưa đi đã bung ra, 1 đôi pin giá 50 đồng chỉ dùng được vài ba ngày; bóng điện, phích nước cũng chỉ dùng được dăm bảy ngày... Đây là điều dân rất kêu và là trở ngại lớn cho công tác phân phối lưu thông ở Sơn la. Đề nghị các ngành, các cơ quan có trách nhiệm quan tâm đầy đủ đến vấn đề này, có biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và cung cấp nhiều hơn nữa những mặt hàng thiết yếu cho Sơn la.

5. Nhân tố quyết định thắng lợi của nhiệm vụ phát triển kinh tế — xã hội và bảo vệ Tổ quốc là con người. Nhưng ở Sơn la hiện nay, trình độ của cán bộ, đảng viên và nhân dân còn nhiều hạn chế. Vấn đề đặt ra là chúng tôi phải đẩy mạnh công tác giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trình độ các mặt cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Song ở Sơn la những điều kiện tối thiểu bảo đảm thực hiện nhiệm vụ này (như cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giáo viên, cán bộ y tế, khoa học...) đang rất thiếu thốn. Hiện nay, chúng tôi thiếu hơn 30% giáo viên phổ thông trung học, gần 30% cán bộ y tế; trong 1 200 cán bộ đại học của tỉnh, số được đào tạo về lâm nghiệp chỉ chiếm 1,2% và trong 600 cán bộ trung học chuyên nghiệp tỷ lệ này cũng chỉ chiếm 2,5% v.v. Chúng tôi xin đề nghị trung ương có kế hoạch đầu tư giúp đỡ Sơn la về vật tư, thiết bị để xây dựng các cơ sở vật chất bảo đảm cho nhiệm vụ này; chú trọng bổ sung cho Sơn la một số cán bộ, giáo viên, nhất là giáo viên phổ thông trung học, giáo viên cao đẳng, cán bộ lâm nghiệp; nghiên cứu, sửa đổi và ban hành những chính sách hợp lý nhằm thu hút cán bộ lên công tác ở Sơn la.

Các vấn đề nêu trên nếu được giải quyết tốt nhất định sẽ giúp chúng tôi tạo ra sức mạnh mới thúc đẩy việc phát huy các thế mạnh ở Sơn la, góp phần làm chuyển biến tình hình, từng bước xây dựng Sơn la thành một tỉnh giàu về kinh tế, vững mạnh về quốc phòng và an ninh, một tỉnh tiêu biểu cho việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, như đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh căn dặn.

Digitized by Google

TRẦN TẤN
Phó bí thư Thành ủy Hà nội

VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN Ở ĐẢNG BỘ HÀ NỘI

HIỆN nay, đảng bộ Hà nội có trên 15 vạn đảng viên, sinh hoạt ở 1 800 tổ chức cơ sở Đảng. Hà nội là trung tâm đầu não về chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật, đồng thời là một trung tâm lớn về kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước, vừa có khu vực nội thành tập trung nhiều cơ quan quan trọng của Đảng và Nhà nước, vừa có vùng nông thôn ngoại thành tương đối rộng, cho nên đội ngũ đảng viên của Hà nội rất đa dạng.

Trong quá trình phấn đấu xây dựng đảng bộ vững mạnh, Thành ủy Hà nội luôn luôn quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, coi đây là yếu tố rất quan trọng để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng. Nhờ vậy, trong những năm qua đội ngũ đảng viên của Hà nội không ngừng lớn mạnh về số lượng và chất lượng. Trước những khó khăn về đời sống và những diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế — xã hội, số đông cán bộ, đảng viên của Hà nội đã giữ vững phẩm chất cách mạng, thể hiện rõ sự vững vàng về chính trị, kiên trì phấn đấu khắc phục khó khăn, tích cực chấp hành và bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực. Tuy nhiên, công tác đảng viên của đảng bộ Hà nội vẫn còn nhiều khuyết điểm nhược điểm, và là một khâu yếu của công tác xây dựng Đảng mà sắp tới chúng tôi cần tập trung giải quyết để tạo ra những chuyển biến cơ bản hơn.

Vừa qua, trong dịp tự phê bình và phê bình chuẩn bị Đại hội Đảng, Thành ủy chúng tôi đã nghiên cứu xem xét vấn đề này và bước đầu rút ra một số vấn đề để tiếp tục chỉ đạo làm tốt hơn nữa công tác đảng viên, công tác xây dựng Đảng.

Trước hết, muốn nâng cao chất lượng đảng viên, phải quan tâm để mỗi tổ chức cơ sở Đảng, mỗi đảng viên *nắm vững tiêu chuẩn và yêu cầu về tư cách đảng viên.*

Trong những năm qua, nhiều tổ chức cơ sở Đảng của Hà nội do chưa nắm vững những tiêu chuẩn và yêu cầu về tư cách đảng viên cho nên rất lúng túng trong việc đánh giá đảng viên, bồi dưỡng giáo dục đảng viên, kết nạp người vào Đảng và đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Một số nơi coi nhẹ công tác phát triển Đảng, có nơi gần như đóng cửa Đảng; một số nơi không coi trọng việc giáo dục, rèn luyện đảng viên, lỏng lẻo trong công tác quản lý đảng viên, chưa kiên quyết xử lý kỷ luật đối với những đảng viên phạm khuyết điểm nặng về tư cách, phẩm chất. Để khắc phục tình hình này, Thành ủy chúng tôi đã có kế hoạch giúp các tổ chức cơ sở Đảng nắm vững và làm

Digitized by Google

quán triệt trong mọi đảng viên những yêu cầu về tư cách đảng viên, phân biệt rõ sự khác nhau giữa đảng viên và người tốt ngoài Đảng, thường xuyên giáo dục đảng viên phấn đấu theo những phương hướng và yêu cầu đó để xứng đáng là những chiến sĩ tiên phong của Đảng.

Tiêu chuẩn và yêu cầu về tư cách đảng viên đã được quy định trong các văn kiện của Đại hội Đảng và những hướng dẫn cụ thể của Ban tổ chức trung ương Đảng. Tuy nhiên, đảng viên hoạt động trong những lĩnh vực khác nhau, cho nên yêu cầu cụ thể về tư cách đối với họ không hoàn toàn giống nhau. Trên cơ sở những quy định chung, Thành ủy Hà nội đã cụ thể hóa những yêu cầu về tư cách đảng viên, nhấn mạnh những điểm cần thiết, phù hợp với hoàn cảnh, tính chất công tác của đảng viên trong mỗi lĩnh vực công tác. Đặc biệt, trong tình hình hiện nay, sản xuất và đời sống gặp nhiều khó khăn, nhiều hiện tượng tiêu cực nảy sinh, đảng bộ chúng tôi đòi hỏi người đảng viên không những phải giữ gìn đạo đức cách mạng mà còn phải nêu cao ý chí phấn đấu, tinh thần cách mạng tiến công, nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn, tích cực góp phần cùng tổ chức Đảng nâng cao tác dụng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng.

Chẳng hạn, chúng tôi yêu cầu đảng viên là công nhân trực tiếp sản xuất phải trung thực trong việc xây dựng các định mức kinh tế – kỹ thuật, gương mẫu phấn đấu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, giữ đúng kỷ luật lao động, phát huy sáng kiến, đấu tranh chống mọi tiêu cực trong xí nghiệp; đảng viên là cán bộ quản lý, cán bộ nghiệp vụ, phải chủ động, dám chịu trách nhiệm, trung thực, sáng tạo, năng động trong thực hiện cơ chế quản lý mới, đưa đơn vị, xí nghiệp mình từng bước tiến lên, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Đảng viên trong ngành phân phối lưu thông phải nêu cao ý thức phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống nhân dân, đấu tranh chống tệ ăn cắp, bớt xén hàng hóa, móc ngoặc, tuồn hàng hóa cho «con phe» hoặc trao đổi, phân phối nội bộ vô nguyên tắc; giữ đúng nguyên tắc, thể lệ, chế độ tài chính, tín dụng, không nhận hối lộ, không cửa quyền, hách dịch, gây phiền hà cho khách hàng, động viên toàn đơn vị phục vụ tốt sản xuất và đời sống...

Trong việc chỉ đạo xác định tư cách đảng viên, Thành ủy chúng tôi còn giúp các tổ chức cơ sở Đảng phân biệt rõ những trường hợp mạnh dạn suy nghĩ, năng động tháo gỡ vướng mắc, khó khăn với việc không chấp hành đúng đắn nguyên tắc, chính sách của Đảng; phân biệt rõ những đảng viên vốn có phẩm chất tốt nhưng do ốm đau, già yếu hoặc hoàn cảnh gia đình khó khăn mà hoạt động hạn chế với những đảng viên không có tác dụng trong phong trào quần chúng.

Thực tế đã cho thấy, việc nắm vững những yêu cầu về tư cách đảng viên và việc cụ thể hóa những yêu cầu đó đã giúp các tổ chức cơ sở Đảng làm tốt hơn việc giáo dục, rèn luyện, quản lý đảng viên, nâng cao chất lượng công tác phát triển Đảng, sàng lọc, làm trong sạch đội ngũ của Đảng.

Trên cơ sở nhận thức rõ tiêu chuẩn, yêu cầu về tư cách đảng viên, *phải tiến hành đồng bộ cả ba biện pháp giáo dục, rèn luyện đảng viên; kết nạp đảng viên mới; và đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.*

Giáo dục, rèn luyện đảng viên là một yêu cầu quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đảng viên. Thành ủy Hà nội chủ trương phải giáo dục đảng viên một cách toàn diện, cả về phẩm chất cách mạng, cả về kiến thức

Digitized by Google

và năng lực hành động. Chúng tôi coi trọng giáo dục lý luận Mác — Lê-nin và đường lối chính sách của Đảng kết hợp với rèn luyện đảng viên trong hoạt động thực tiễn. Các đảng bộ cơ sở đã xây dựng quy hoạch bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên và thực hiện tương đối tốt quy hoạch đó. Đến cuối năm 1985 đảng bộ Hà nội đã có 3 952 đảng viên học xong chương trình lý luận cao cấp, 24 991 đảng viên học xong chương trình lý luận trung cấp, 68 318 đảng viên học xong chương trình sơ cấp và 34 947 đảng viên học xong chương trình cơ sở. Phong trào học tập lý luận và chính trị phát triển tốt đã góp phần trang bị cho đảng viên vốn hiểu biết cần thiết về lý luận và chính trị, giúp đảng viên từng bước nâng cao trình độ nắm bắt đường lối, chính sách của Đảng.

Tuy nhiên, việc giáo dục lý luận và chính trị không thể tách rời việc rèn luyện trong thực tiễn. Đây là một yêu cầu rất cơ bản của việc giáo dục, rèn luyện đảng viên. Thành ủy Hà nội đã tích cực chỉ đạo việc cải tiến nội dung sinh hoạt và hoạt động của các tổ chức cơ sở Đảng, đưa đảng viên vào vị trí chiến đấu trong phong trào quần chúng và qua đó giáo dục, rèn luyện đảng viên. Chúng tôi quan niệm giáo dục, rèn luyện đảng viên là trách nhiệm trực tiếp của chi bộ, cho nên đã yêu cầu các chi bộ phải giữ vững chế độ sinh hoạt hằng tháng với những nội dung cụ thể, thiết thực, gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ sở. Các chi bộ thực hiện khá chặt chẽ việc phân công cho đảng viên làm công tác Đảng, công tác quần chúng và dựa trên mức độ hoàn thành công việc để đánh giá, phân loại đảng viên. Nhiều đảng ủy cơ sở đã thực hiện tốt việc kiểm tra đảng viên. Nhiều chi bộ đã chú ý tổ chức cho quần chúng phê bình đảng viên và hoạt động của chi bộ. Sự kiểm tra của đảng ủy, của chi bộ, sự giám sát của quần chúng đã giúp đảng viên rèn luyện về các mặt, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao; nhiều đồng chí đã phát huy được vai trò tiên phong gương mẫu của mình.

Tuy vậy, công tác giáo dục, rèn luyện đảng viên của đảng bộ Hà nội còn bộc lộ nhiều khuyết điểm và nhược điểm, có mặt khá nghiêm trọng. Gần đây Thành ủy đã kiểm điểm và nhận thấy, trước tình hình khó khăn về kinh tế — xã hội, chúng tôi vẫn chưa coi trọng đúng mức vấn đề giáo dục đạo đức, phẩm chất cho cán bộ, đảng viên. Tuy trong nhiều nghị quyết của Thành ủy đã nêu ra vấn đề phải bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức cho đảng viên, đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong Đảng, nhưng chưa làm rõ quan điểm về lối sống của người cán bộ, đảng viên trong điều kiện hiện nay. Trong chỉ đạo, Thành ủy còn thiếu những biện pháp cụ thể và thật sự có hiệu lực để nâng cao phẩm chất đảng viên và ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực trong Đảng. Nhiều vấn đề về tiêu chuẩn, chế độ không được quy định rõ ràng, chặt chẽ, trái lại có vấn đề còn buông trôi, như chế độ về sử dụng nhà cửa, các quy định về sử dụng xe ô tô và tiền thưởng, quà cáp, liên hoan... cho nên đã có nhiều sơ hở trong việc quản lý đảng viên. Nhiều vụ vi phạm kỷ luật của Đảng không được xử lý kịp thời và nghiêm minh cho nên đã không ngăn ngừa được các hiện tượng tiêu cực và làm cho đông đảo cán bộ, đảng viên, quần chúng giảm lòng tin. Vẫn còn nhiều đảng ủy và chi bộ chưa làm tốt việc phân công đảng viên, nhất là phân công đảng viên làm công tác quần chúng, chưa thực hiện thường xuyên, nghiêm túc việc kiểm tra và quản lý đảng viên. Không ít chi bộ, đảng bộ sinh hoạt còn lỏng lẻo hoặc mang tính hình thức, chưa nêu cao tính giáo dục, tính chiến đấu cho nên chưa phát huy được vai trò là hạt nhân lãnh đạo trong đơn vị. Nhiều chi bộ chưa coi trọng đúng mức sự kiểm tra,

Digitized by Google

giám sát của quần chúng đối với đảng viên. Việc củng cố các chi bộ, đảng bộ yếu kém còn chậm đã ảnh hưởng không tốt đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Hiện nay, số đảng viên về nghỉ hưu ở Hà nội ngày một nhiều; đó là một lực lượng được tôi luyện, dày dạn kinh nghiệm cách mạng, nhưng chúng tôi chưa có biện pháp tổ chức sinh hoạt thích hợp để phát huy tác dụng của các đồng chí đó.

Cùng với việc giáo dục, rèn luyện đảng viên, việc chăm lo *đẩy mạnh công tác phát triển Đảng*, không ngừng bổ sung sinh lực mới cho Đảng là một nội dung cơ bản của công tác nâng cao chất lượng đảng viên.

Từ sau Đại hội thứ IV của Đảng, Thành ủy Hà nội đã tập trung chỉ đạo, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác phát triển Đảng, đưa dần công tác này vào nền nếp thường xuyên. Hà nội có nguồn dự trữ phát triển Đảng rất phong phú trong thanh niên, công nhân, nông dân tập thể và trí thức xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi đã hướng dẫn các cơ sở Đảng quan tâm đến các đối tượng này, đặc biệt coi trọng phát triển Đảng trong giai cấp công nhân, trong các lực lượng vũ trang. Chúng tôi cố gắng thực hiện phương châm coi trọng chất lượng là chính, đồng thời bảo đảm số lượng cần thiết cho yêu cầu đổi mới, làm trẻ hóa đội ngũ đảng viên, tăng thêm sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng.

Trong 5 năm qua (1981—1985) đảng bộ Hà nội đã kết nạp được 22 082 đảng viên mới. Trong đó có 30,1% là công nhân trực tiếp sản xuất, 53,1% là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, 31,4% là nữ. Số đảng viên mới này đã góp phần cải thiện cơ cấu thành phần xã hội của đảng bộ, tăng thêm sinh lực mới cho đảng bộ.

Có được kết quả trên là do các đảng bộ cơ sở đã nhận thức được ý nghĩa quan trọng và yêu cầu bức thiết của công tác phát triển Đảng. Nhiều cơ sở đã đi sâu giáo dục, phát động và tổ chức quần chúng ra sức thi đua khắc phục khó khăn, hoàn thành kế hoạch sản xuất, công tác; qua đó, lựa chọn những người ưu tú để bồi dưỡng kết nạp vào Đảng. Các tổ chức cơ sở Đảng đã gắn kế hoạch phát triển Đảng với quy hoạch cán bộ và củng cố các chi bộ. Thành ủy và cấp ủy cấp trên của cơ sở đã tăng cường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn cụ thể và từng thời gian giúp cơ sở giải quyết những khâu yếu.

Tuy vậy, hiện nay đảng bộ Hà nội vẫn còn trên 20% số cơ sở và 1/2 số chi bộ tuy có đủ điều kiện nhưng chưa làm tốt công tác phát triển Đảng. Điều đáng chú ý là lực lượng đảng viên phân bố không đều. Đảng viên tập trung nhiều ở các khâu gián tiếp; đảng viên ở các khâu trực tiếp sản xuất, trực tiếp phục vụ, nhất là trong lĩnh vực phân phối lưu thông còn quá ít, có nơi không có đảng viên. Số đảng viên là công nhân trực tiếp sản xuất có tăng hơn trước, song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Vì vậy, sắp tới đảng bộ Hà nội chúng tôi phải tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác phát triển Đảng, gắn công tác phát triển Đảng với việc điều chỉnh và phân bố lại lực lượng đảng viên theo yêu cầu cải tiến cơ chế quản lý từ trên xuống dưới. Chúng tôi cố gắng phấn đấu để đến năm 1990, tất cả các cơ sở sản xuất, công tác đều có chi bộ; các tổ sản xuất, tổ công tác và quầy hàng đều có tổ Đảng.

Việc sàng lọc, làm trong sạch đội ngũ đảng viên bằng cách *đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng* là biện pháp rất quan trọng trong quá trình xây dựng đảng bộ, xây dựng đội ngũ đảng viên. Bởi vì chỉ có thường xuyên loại ra khỏi Đảng những người mang danh hiệu đảng viên nhưng lại thoái hóa, biến chất, thì mới làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh được. Thực tế ở Hà nội

Digitized by Google

trong nhiều năm qua đã chứng minh rất rõ điều đó. Khi thực hiện chỉ thị 192 của BBT TƯ Đảng về đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, trung bình mỗi năm đảng bộ Hà nội đưa ra khỏi Đảng 3% tổng số đảng viên. Khi thực hiện thông tri 22 và chỉ thị 72 của BBT TƯ Đảng, mỗi năm Hà nội đưa ra khỏi Đảng gần 5% tổng số đảng viên. Trong 3 năm thực hiện chỉ thị 83 của BBT TƯ Đảng về phát thẻ đảng viên (1980 — 1982) Hà nội đã đưa ra khỏi Đảng 3,1% tổng số đảng viên. Các huyện ngoại thành đã đưa ra với tỷ lệ cao hơn: huyện Đan phượng 9,8%, huyện Gia lâm 6,8%, huyện Ba vì 6,7%... Một số đảng bộ cơ sở như đảng bộ xã Vân hòa (Ba vì), Dương quang (Gia lâm), Vĩnh ngọc (Đông anh) đã đưa ra khỏi Đảng 20% tổng số đảng viên.

Nhìn chung, việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng đã góp phần làm trong sạch đội ngũ đảng viên, nâng cao sức chiến đấu của Đảng. Tuy nhiên, chúng tôi hiểu rằng không thể đơn thuần nhìn vào những số liệu thống kê nói trên để xem xét chất lượng đội ngũ đảng viên. Trong điều kiện kinh tế, xã hội ở nước ta đang có nhiều khó khăn như hiện nay, việc xem xét tư cách đảng viên cũng như đánh giá hoạt động của một tổ chức Đảng không đơn giản. Tình hình thực tế từ sau khi phát thẻ đảng viên đến nay đặt ra nhiều vấn đề phải tiếp tục nghiên cứu và giải quyết. Trong 5 năm qua, đảng bộ Hà nội mới đưa ra khỏi Đảng những người rõ ràng phạm tội tham ô, hối lộ, vi phạm nặng pháp luật, chính sách, và một số đảng viên giác ngộ chính trị quá thấp. Hiện nay, đảng bộ Hà nội vẫn còn một bộ phận nhỏ đảng viên, kể cả những người có chức, có quyền, phạm sai lầm về phẩm chất như giảm sút ý chí cách mạng, vô trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật kém, tham ô, hối lộ, cơ hội, thiếu trung thực, ức hiếp quần chúng, nhưng các tổ chức Đảng chưa có kết luận rõ ràng để có biện pháp xử lý thích đáng. Có thể nói, loại đảng viên này ở lĩnh vực nào cũng có, nhất là ở những khâu có quan hệ đến vật tư, hàng, tiền, tuyển chọn nhân viên, phân phối và sửa chữa nhà cửa, điện, nước v.v. Bên cạnh đó, vẫn còn một tỷ lệ đáng kể những đảng viên tuy không phạm khuyết điểm gì lớn nhưng không thể hiện được vai trò và tác dụng của người đảng viên. Nhiều tổ chức Đảng chưa nhận thức đầy đủ yêu cầu nâng cao chất lượng đảng viên, còn nể nang, bưu khuynh, sợ căng thẳng, thậm chí có nơi còn bao che, dễ dãi với nhau, không kiên quyết đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Thực tế đã có những ngành và những nơi có nhiều hiện tượng tiêu cực, dư luận xã hội chê trách, phê phán nhiều, nhưng so với các ngành khác, nơi khác, lần nào phân loại đảng viên tỷ lệ đảng viên đủ tư cách cũng cao, số đảng viên phải đưa ra khỏi Đảng chiếm tỷ lệ rất thấp. Rõ ràng, nếu chỉ căn cứ theo số liệu thì không thể đánh giá đúng thực chất tình hình những nơi này. Trong thời gian tới, Thành ủy chúng tôi sẽ tiếp tục chỉ đạo chặt chẽ và kiên quyết việc xác định tư cách đảng viên và đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Chúng tôi tin tưởng rằng, với việc thực hiện chỉ thị của BBT TƯ Đảng về tự phê bình và phê bình, với việc chuẩn bị và tiến hành tốt Đại hội đảng bộ các cấp, đảng bộ Hà nội nhất định sẽ có bước chuyển biến mới trong công tác đảng viên, nâng cao được chất lượng đảng viên, góp phần tích cực vào việc củng cố và xây dựng Đảng.

Digitized by Google

TRƯƠNG NGỌC UẨN

SẮP XẾP LẠI SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP Ở CÁC VÙNG SẢN XUẤT TẬP TRUNG THUỘC MIỀN NÚI, TRUNG DU

QUA nhiều năm xây dựng và cải tạo, ở nhiều nơi thuộc miền núi, trung du nước ta đã hình thành những vùng nông, lâm nghiệp sản xuất tương đối tập trung, như các vùng chè, cà phê, cao su, lương thực, các vùng gỗ lớn, gỗ mỏ, nguyên liệu giấy, cây đặc sản, cây dược liệu v.v. với hệ thống các liên hiệp sản xuất, các nông trường, lâm trường, hợp tác xã, xí nghiệp chế biến, cơ sở năng lượng, hệ thống các dịch vụ kỹ thuật về giống, cung cấp vật tư, vận tải, xây dựng, sửa chữa và dịch vụ phục vụ đời sống thuộc nhiều ngành, nhiều cấp. Việc hình thành các vùng sản xuất tập trung có quy mô tương đối lớn trên đây đã góp phần đáng kể làm biến đổi sâu sắc bộ mặt kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng ở miền núi, trung du, đưa nền kinh tế ở nhiều vùng từ trạng thái tự nhiên, sản xuất còn mang nặng tính chất tự cấp tự túc, từng bước trở thành những vùng sản xuất hàng hóa có khối lượng sản phẩm ngày càng tăng, đời sống xã hội có những bước chuyển biến quan trọng. Đó là một thành tích lớn cần khẳng định.

Mặt khác, qua nghiên cứu thực tế, chúng ta cũng thấy rõ, bên cạnh những thành tích, sản xuất nông, lâm nghiệp ở miền núi, trung du trong những năm qua phát triển còn chậm; năng suất và chất lượng còn thấp; đất đai, tài nguyên còn bị lãng phí nhiều, tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý ở nhiều vùng còn phân tán, chồng chéo, kém hiệu lực và gây trở ngại không ít cho việc phát triển sản xuất và nâng cao đời sống của nhân dân trong vùng. Nhiều ngành, nhiều đơn vị kinh tế cùng đóng trên địa bàn không có sự phối hợp ăn khớp, mỗi ngành, mỗi đơn vị làm theo phương án riêng của mình, dẫn đến tình trạng quy hoạch và đầu tư manh mún, cắt xén không có sự chỉ đạo tập trung thống nhất và kém hiệu quả. Các mối quan hệ trên địa bàn giữa trung ương và địa phương, giữa các ngành, các thành phần kinh tế cũng như các mối quan hệ giữa quản lý hành chính — kinh tế Nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh về nhiều mặt chưa được quy định rõ.

Nhằm thực hiện tốt các nghị quyết của Đảng nhất là yêu cầu phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp vào những năm 1986—1990, chúng tôi đề nghị sắp xếp lại sản xuất nông, lâm nghiệp ở miền núi, trung du, trước hết là sắp xếp lại sản xuất ở những vùng sản xuất hàng hóa tập trung, theo những nội dung sau đây:

I

Cần khẳng định rằng, đối với chúng ta, việc mở mang xây dựng kinh tế ở miền núi, trung du, nhất là trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp chính là mở

Digitized by Google

mang xây dựng những vùng có tiềm năng lớn về đất và rừng. Tuy nhiên trình độ kinh tế – xã hội ở các vùng này nhìn chung còn thấp, cho nên khi tiến hành xây dựng cần chú ý nội dung toàn diện: kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, cần bố trí sản xuất theo hướng kết hợp chuyên canh với kinh doanh tổng hợp, kết hợp chặt chẽ nông nghiệp, lâm nghiệp với công nghiệp, sản xuất với chế biến và lưu thông, phát triển sản xuất với xây dựng kết cấu hạ tầng và giải quyết tốt các vấn đề xã hội. Đặc biệt phải phát huy vai trò nòng cốt, chủ đạo của kinh tế quốc doanh (cả trong tổ chức sản xuất, dịch vụ kỹ thuật và tổ chức đời sống) gắn kinh tế quốc doanh với kinh tế tập thể và kinh tế gia đình trong một cơ cấu kinh tế thống nhất, bảo đảm chi phối và từng bước cải tạo bộ phận kinh tế cá thể và kinh tế tư nhân đang tồn tại.

Chúng ta hết sức coi trọng củng cố, tăng cường các đơn vị kinh tế quốc doanh, xây dựng các liên hiệp sản xuất, các lâm trường, nông trường, xí nghiệp chế biến, dịch vụ vững mạnh, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh trong tổ chức, hướng dẫn phát triển kinh tế tập thể và kinh tế gia đình, thu hút các nguồn lao động vào sản xuất kinh doanh nông, lâm nghiệp; tiến hành giao đất, giao rừng, xác định quyền làm chủ cụ thể về đất đai, tài nguyên và nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh cho từng đơn vị sản xuất; vận dụng các hình thức liên doanh, liên kết giữa quốc doanh, tập thể – gia đình, và kinh tế cá thể, tạo điều kiện đưa sản xuất từng bước đi lên theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Cùng với việc tổ chức, sắp xếp lại sản xuất, cần có kế hoạch bố trí, sắp xếp hệ thống dịch vụ kỹ thuật và mở mang xây dựng kết cấu hạ tầng, tính toán hiệu quả đầu tư, sử dụng sức mạnh tổng hợp của cả nhà nước và nhân dân, trung ương và địa phương, nông nghiệp, lâm nghiệp và công nghiệp trên vùng lãnh thổ; có sự phân công, phân cấp cụ thể cho từng ngành, từng cấp, từng đơn vị sản xuất – kinh doanh, tránh xây dựng tản mạn, manh mún hoặc trùng lặp gây lãng phí.

Hệ thống dịch vụ sinh hoạt và các công trình phúc lợi công cộng trong vùng như cửa hàng, bệnh viện, bệnh xá, trường học, thư viện, câu lạc bộ, khu an dưỡng v.v. cũng cần được rà soát lại và bố trí sử dụng hoặc xây dựng mới theo một quy hoạch thống nhất của vùng và trên từng địa bàn huyện. Một số cơ sở sản xuất của trung ương, của tỉnh đóng trên nhiều huyện cũng cần kết hợp với các huyện để quy định ranh giới đất đai, xác định nhiệm vụ sản xuất, xác định yêu cầu xây dựng các công trình phục vụ để có sự phối hợp, kết hợp chặt chẽ từ đầu.

II

Việc sắp xếp lại sản xuất ở miền núi, trung du theo những yêu cầu trên đòi hỏi phải xem xét bổ sung về quy hoạch, chỉ đạo kế hoạch, cũng như xem xét giải quyết các mối quan hệ giữa ngành và cấp, giữa quản lý hành chính kinh tế Nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh, khắc phục những mâu thuẫn, vướng mắc đang tồn tại.

1 – Về quy hoạch và kế hoạch.

Cần đánh giá lại những số liệu về đất đai, tài nguyên, lao động, cơ sở vật chất kỹ thuật, đời sống xã hội ở từng vùng, có sự phối hợp chặt chẽ lực lượng của các ngành, các tỉnh, các huyện để thống nhất chỉ đạo và chịu trách nhiệm về tài liệu, số liệu đã được sửa lại hoặc quy hoạch mới. Những vướng mắc lớn cần sửa đổi, bổ sung trong quy hoạch ngành và quy hoạch vùng cần được Hội đồng bộ trưởng xem xét và quyết định. Những vấn đề thuộc thẩm quyền của ngành

Digitized by Google

hoặc địa phương thì do các bên bàn bạc và giải quyết.

Đi liền theo đó, cần sửa đổi nội dung và phương pháp làm luận chứng kinh tế – kỹ thuật hoặc dự án đầu tư của vùng cũng như của các tổ chức kinh tế cơ sở. Luận chứng hoặc dự án này phải thể hiện phương hướng kết hợp chặt chẽ sản xuất chuyên canh với kinh doanh tổng hợp và gắn chặt các nội dung kinh tế – xã hội, bảo đảm tính hiện thực, tính thần tự lực và có bước đi vững chắc. Chống lối hình thức, bao cấp.

Trong phân bổ vốn đầu tư, cần xác định rõ phần đầu tư cho ngành hoặc liên ngành và phần đầu tư trực tiếp theo lãnh thổ, xác định rõ chủ đầu tư ngay từ khi duyệt luận chứng kinh tế – kỹ thuật, và quyết định xây dựng các công trình (hết sức khuyến khích tự tạo vốn). Khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, trùng lắp, xây dựng khép kín theo ngành, tách ngành và lãnh thổ, đặc biệt là trong xây dựng kết cấu hạ tầng và xây dựng các công trình phục vụ đời sống xã hội.

Trong tổ chức lưu thông, cần định lại cơ chế quản lý, để vừa bảo đảm thống nhất quản lý được các sản phẩm theo kế hoạch, vừa tạo điều kiện dễ dàng cho việc tiêu thụ các sản phẩm khác, nhất là đối với sản phẩm phụ, có khuyến khích đúng mức người sản xuất, đồng thời bảo đảm lợi ích của địa phương.

2 – Về trách nhiệm quản lý ngành.

Ngành kinh tế – kỹ thuật có trách nhiệm và quyền hạn quản lý quy hoạch, kế hoạch chung.

– Quản lý thống nhất về mặt Nhà nước toàn bộ tài nguyên và *các sản phẩm* sản xuất trên lãnh thổ.

– Trực tiếp nắm một số cơ sở kinh tế lớn có vai trò chủ lực của ngành để xây dựng mô hình tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và chủ động đáp ứng những nhu cầu có tính chiến lược của nền kinh tế chung.

– Thống nhất quản lý và phân phối sản phẩm chuyên ngành theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước.

– Đào tạo và phân phối cán bộ. Nghiên cứu, tiếp thu và ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành, đưa những tiến bộ kỹ thuật cấp ngành, cấp nhà nước đã được xác định vào sản xuất.

– Giúp địa phương xây dựng quy hoạch, kế hoạch, phương hướng kinh doanh trên cơ sở phương hướng chung của ngành.

3 – Về trách nhiệm quản lý hành chính – kinh tế lãnh thổ.

Đứng trên phạm vi tỉnh, trực tiếp là đứng trên phạm vi huyện, xã thì trách nhiệm quản lý hành chính – kinh tế lãnh thổ là trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, xã. Tất cả các đơn vị sản xuất – kinh doanh, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ phục vụ đời sống hoạt động trên địa bàn, dù thuộc cấp nào quản lý cũng đều phải chịu sự quản lý về hành chính – kinh tế của Ủy ban nhân dân nơi đó. Trách nhiệm này được thể hiện rõ trên các mặt sau đây:

– Quản lý về hành chính đối với toàn bộ đất đai, tài nguyên, lao động và dân cư. Các đơn vị kinh tế hoạt động trên địa bàn phải đăng ký và chịu sự kiểm tra thường xuyên của cơ quan hành chính về mặt chấp hành chính sách và pháp luật.

– Có quyền tham gia xây dựng quy hoạch, kế hoạch, phương hướng sản xuất kinh doanh và theo dõi, giám sát tiến trình hoạt động và hiệu quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế hoạt động trên lãnh thổ. Thống kê hành chính những sản phẩm sản xuất ra trên lãnh thổ.

– Thực hiện quyền quản lý Nhà nước về các mặt an ninh, xã hội, dân

Digitized by Google

số, nghĩa vụ quân sự... đối với tất cả các đơn vị trên địa bàn.

— Theo sự phân công, phân cấp và tổ chức phối hợp để chăm lo đời sống vật chất, văn hóa cho toàn bộ dân cư.

4 — Về trách nhiệm sản xuất kinh doanh.

Các đơn vị sản xuất — kinh doanh, theo quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt, có trách nhiệm sử dụng có hiệu quả phần đất đai, tài nguyên, cơ sở vật chất kỹ thuật được giao và có đầy đủ quyền hạn về mặt tổ chức sản xuất, lưu thông sản phẩm theo đúng kế hoạch và chính sách của Nhà nước. Đồng thời hoạt động trên những địa bàn cụ thể, mỗi đơn vị sản xuất — kinh doanh đều có trách nhiệm tham gia xây dựng kinh tế và tổ chức đời sống xã hội chung trên địa bàn. Đặc biệt, các đơn vị kinh tế quốc doanh của trung ương, của tỉnh phải thể hiện được tính ưu việt của kinh tế quốc doanh, tích cực giúp đỡ kinh tế tập thể, kinh tế gia đình và góp phần cùng với huyện, xã xây dựng địa phương ngày càng phồn vinh và vững mạnh.

Các đơn vị sản xuất — kinh doanh cơ sở có trách nhiệm và quyền hạn:

— Thực hiện đúng chức năng làm chủ về sản xuất kinh doanh trên phạm vi đất đai, tài nguyên được giao theo quy hoạch, có phương hướng kinh doanh, sắp xếp, tận dụng tài nguyên, đất đai, lao động, vật chất kỹ thuật để sản xuất có hiệu quả nhất.

— Xây dựng thật tốt các mối liên doanh, liên kết cần thiết, sinh động, sáng tạo, vượt khó khăn, hoàn thành mọi chỉ tiêu kế hoạch.

— Chấp hành mọi quy định đã thống nhất giữa ngành và địa phương. Giao nộp đầy đủ các khoản nộp ngân sách: vật tư, sản phẩm theo tỷ lệ quy định và theo khả năng mà tích cực tham gia các công việc xây dựng cần thiết khác của địa phương.

— Làm chức năng đại lý (được ngành và địa phương ủy nhiệm) thu mua của nhân dân, của các đơn vị khác tại địa phương những sản phẩm do ngành hoặc địa phương thống nhất quản lý (ví dụ đặc sản, dược liệu, các nông sản khác...).

5 — Việc liên doanh, liên kết kinh tế.

Việc liên doanh, liên kết giúp nhau cùng phối hợp sử dụng đất đai, tài nguyên, lao động, vật tư, tiền vốn... một cách có hiệu quả giữa các đơn vị kinh tế liên ngành và chuyên ngành, giữa quốc doanh và tập thể... trong vùng cần được thể hiện về các mặt:

— Phối hợp với nhau xây dựng quy hoạch, kế hoạch sản xuất theo cơ cấu kinh tế thống nhất của vùng.

— Giúp đỡ nhau về vật tư, phương tiện, vốn, lao động khi cần thiết để tạo được sức mạnh tổng hợp trong xây dựng và sản xuất.

— Phối hợp xây dựng và sử dụng hạ tầng cơ sở, hệ thống dịch vụ sinh hoạt, các công trình phúc lợi công cộng.

— Cùng nhau giải quyết những mâu thuẫn nảy sinh, những chồng chéo có thể có trong quá trình sản xuất và xây dựng.

— Kinh tế quốc doanh phát huy thật tốt vai trò chủ đạo, giúp đỡ có hiệu quả đối với kinh tế tập thể và kinh tế gia đình.

Về tổ chức...

đơn vị kinh tế thuộc ... có nhiều nhiều cấp, nên nghiên cứu tổ chức Hội đồng điều phối nhằm phối hợp điều hành, xử lý hài hòa các mối quan hệ trong tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý giữa các đơn vị để phục vụ tốt việc phát triển kinh tế trong vùng và trong từng địa bàn cụ thể, nhất là trên địa bàn huyện.

Digitized by Google

BÙI HỒNG VIỆT
Giám đốc trường Nguyễn Ái Quốc khu vực I

ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP HUYỆN

THEO quan điểm của Đảng ta, huyện có vị trí chiến lược hết sức quan trọng. Huyện là địa bàn thích hợp để phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa và củng cố an ninh, quốc phòng. Dự thảo Báo cáo chính trị của BCHTƯ Đảng tại Đại hội thứ VI của Đảng đã khẳng định: Phải xây dựng huyện phát triển toàn diện, trọng tâm là xây dựng cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp, nông — ngư — công nghiệp, hoặc nông — lâm — công nghiệp, v.v. sát hợp với điều kiện từng huyện. Lấy huyện làm địa bàn tổ chức lại sản xuất và phân công lại lao động; gắn chặt nông nghiệp với tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp chế biến, gắn sản xuất với lưu thông phân phối, bảo đảm cho kinh tế huyện phát triển cân đối hòa từ khâu sản xuất đến chế biến, tiêu thụ. Phát triển kinh tế đi đôi với tổ chức đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, xây dựng con người mới, nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, bảo đảm vững chắc an ninh, quốc phòng.

Tầm quan trọng có ý nghĩa chiến lược của công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện đòi hỏi phải có một đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý tương ứng, đáp ứng được yêu cầu trước mắt và lâu dài của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta.

Trong những năm qua, Đảng ta đã có nhiều chủ trương, biện pháp từng bước nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện. Đặc biệt, ngày 3-1-1983, BBT TƯ Đảng đã ra quyết định số 15/QĐ/TƯ về «công tác trong các trường Đảng» trong đó quyết định hợp nhất các phân hiệu của trường Nguyễn Ái Quốc thành ba trường Đảng khu vực phụ trách việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện, quận, xí nghiệp quốc doanh. Sự chuyển hướng về tổ chức trên đây đã góp phần tạo ra trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện những tiến bộ đáng kể. Chỉ tính trong hai năm 1983, 1984, theo số liệu chưa đầy đủ, các trường Đảng và trường hành chính trung ương đã đào tạo và bồi dưỡng 1 171 cán bộ cho các huyện. Riêng trường Nguyễn Ái Quốc khu vực I, qua ba năm (1983 — 1986) đã mở 15 lớp huấn luyện cho 1 360 cán bộ của các huyện và các xí nghiệp công nghiệp thuộc 18 tỉnh, thành phố ở miền Bắc dưới nhiều hình thức: đào tạo cán bộ kế cận các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp huyện theo các hệ tập trung và tại chức; bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo chủ chốt

Digitized by Google

đương chức của các huyện ; bồi dưỡng cán bộ là người dân tộc thiểu số thuộc các huyện vùng cao biên giới ; bồi dưỡng định kỳ giữa hai lần đại hội cho cán bộ lãnh đạo, v.v.

Nhìn chung, công tác đào tạo, bồi dưỡng bước đầu đã hướng vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn của cấp huyện, góp phần khắc phục tình trạng thiếu cán bộ ở huyện, nâng cao một bước trình độ của đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp huyện. Tuy vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cấp huyện vẫn còn bộc lộ nhiều thiếu sót và nhược điểm. Trước hết, do chậm xây dựng quy hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ cho nên nhà trường chưa kế hoạch hóa được việc mở lớp, người đi học chưa tự giác với nhiệm vụ học tập. Nội dung giáo dục chưa được cải tiến để bảo đảm phục vụ yêu cầu đổi mới công tác xây dựng Đảng, phù hợp với đối tượng người học, với việc giải quyết những vấn đề thực tế đang đặt ra ở cấp huyện. Phương pháp đào tạo, bồi dưỡng còn đơn điệu, thụ động, nhiều mặt tỏ ra không thích hợp với người học. Những điều kiện về cơ sở vật chất chưa được bảo đảm đầy đủ theo yêu cầu của nhiệm vụ giáo dục, nhất là đội ngũ cán bộ giảng dạy còn nhiều hạn chế so với yêu cầu của giai đoạn mới. Tình hình đó đã ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả của việc nâng cao trình độ lý luận, phương pháp tư duy và năng lực hành động thực tiễn của cán bộ cấp huyện.

Sở dĩ có những thiếu sót và nhược điểm nêu trên chủ yếu là do trường Đảng chưa làm tốt nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng, song có phần do các địa phương chưa thật chủ động trong việc xây dựng quy hoạch cán bộ, nhiều nơi vẫn còn tình trạng cử người đi học không đúng đối tượng chiêu sinh, hoặc cử cán bộ thứ yếu đi thay vì lý do « bận việc ». Trung ương chưa quy định rõ trách nhiệm và tiêu chuẩn cụ thể nhằm bảo đảm việc chiêu sinh đúng đối tượng, chưa ban hành những chính sách thích hợp đối với những cán bộ được cử đi học và chưa quy định rõ trách nhiệm cho các ban, ngành ở trung ương phối hợp chặt chẽ với trường Đảng làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

★

Từ thực tế của trường Nguyễn Ái Quốc khu vực I, chúng tôi nhận thấy, để nâng cao một bước chất lượng và hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới mà Dự thảo Báo cáo chính trị tại Đại hội thứ VI của Đảng đã vạch ra, sắp tới cần quan tâm giải quyết một số vấn đề sau đây :

1— Thật sự coi trọng chất lượng và hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cấp huyện.

« Năng suất, chất lượng, hiệu quả » đang là một vấn đề được đặc biệt quan tâm. Ở mọi lĩnh vực hoạt động, từ kinh tế, xã hội đến văn hóa, tư tưởng, người ta đều lấy hiệu quả làm thước đo cuối cùng của công việc.

Hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tùy thuộc vào nhiều nhân tố. Ngoài nhân tố chủ quan là các trường Đảng với các mặt công tác chiêu sinh, xác định chương trình giáo dục, xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy, lựa chọn phương pháp dạy và học, xây dựng môi trường giáo dục, còn có những nhân tố khách quan như việc quy hoạch, lựa chọn và cử cán bộ đi học của các cấp ủy Đảng, sự phối hợp giữa các ngành, các ban với trường Đảng v.v. Hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ không chỉ thể hiện ở số lượng lớp đã mở và số người học đã ra trường mà điều quan trọng hơn là ở trình độ của người học được nâng

Digitized by Google

lên như thế nào so với yêu cầu của nhiệm vụ trong giai đoạn mới, chất lượng công tác của người học sau khi kết thúc khóa học ra sao. Đối với người lãnh đạo chủ chốt, sự hiểu biết về lý luận chính trị, trình độ kiến thức nói chung, phương pháp tư duy khoa học, nhãn quan chính trị, khả năng phân tích các sự kiện diễn ra trong đời sống, năng lực tổ chức điều hành, năng lực vận động quần chúng... là những vấn đề hết sức quan trọng mà trường Đảng cần quan tâm bồi dưỡng.

Chất lượng và hiệu quả của công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo nói chung, cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện nói riêng, tùy thuộc trước hết vào chất lượng công tác lý luận của toàn Đảng, phản ánh trong đường lối chung và đường lối cụ thể trên từng lĩnh vực hoạt động của xã hội; phản ánh trong việc cụ thể hóa đường lối thành các chủ trương, chính sách, các bước đi và việc tổ chức thực hiện thắng lợi các chủ trương, chính sách đó. Chất lượng và hiệu quả công tác của các trường Đảng cũng phụ thuộc rất nhiều vào sự chỉ đạo của Ban bí thư Trung ương Đảng đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tạo điều kiện cho các trường Đảng thật sự trở thành công cụ giáo dục và tổ chức của Đảng, trung tâm đào tạo cán bộ và nghiên cứu lý luận của Đảng. Những nội dung này đã được ghi rõ trong quyết định số 15 QĐ/TƯ của BCT TƯ Đảng, nhưng việc thực hiện chưa tốt. Các trường Đảng khu vực không được thường xuyên thông báo tình hình; nhiều hội nghị có liên quan đến cấp huyện, đại biểu các trường đó không được triệu tập. Quan hệ công tác giữa nhà trường với các ban, ngành ở trung ương, nhất là với các cơ quan Nhà nước cũng chưa được quy định rõ. Chúng tôi kiến nghị với Trung ương sớm có kế hoạch tổng kết công tác của các trường Đảng, sắp xếp tổ chức các trường Đảng một cách hợp lý hơn, quan tâm đến công tác của các trường Đảng khu vực một cách đầy đủ và cụ thể hơn. Bởi vì chất lượng hoạt động dạy và học của các trường Đảng khu vực ảnh hưởng trực tiếp đến việc nâng cao hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp huyện. Từ việc xác định đúng mục tiêu và nội dung chương trình đến việc chiêu sinh đúng đối tượng; từ việc xác định phương thức dạy và học thích hợp đến việc cải tiến công tác quản lý; từ việc xây dựng đội ngũ giáo viên đến việc xây dựng môi trường giáo dục để tác động tích cực vào người học..., tất cả những vấn đề đó nếu không có sự quan tâm của Trung ương, sự giúp đỡ của các ngành, các cấp ủy Đảng thì trường Đảng không thể làm tốt được.

2— *Đổi mới kế hoạch hóa công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; nắm chắc đối tượng và làm tốt công tác tuyển sinh.*

Việc xây dựng quy hoạch cán bộ giữ vị trí quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Nó bảo đảm một phần quan trọng kết quả đào tạo, đồng thời tạo điều kiện để kết hợp tốt đào tạo với sử dụng. Nó cũng là một biện pháp « tiết kiệm » tích cực.

Mấy năm qua, chúng ta đã có nhiều cố gắng đổi mới công tác kế hoạch hóa việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, từng bước đưa công tác tuyển sinh vào nền nếp, nhưng vẫn không tránh khỏi những thiếu sót. Tình trạng không đồng bộ trong việc xây dựng kế hoạch gắn với công tác tuyển sinh đang là vấn đề đáng quan tâm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng luôn luôn bị động vì có sự mâu thuẫn giữa nhu cầu đào tạo với thực tế chiêu sinh mở lớp. Công tác tuyển sinh còn nhiều biểu hiện chưa chặt chẽ.

Để làm tốt việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, theo ý chúng tôi trong thời gian tới Trung

Digitized by Google

ương xác định rõ đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của các trường Đảng khu vực; mục đích và quy mô của công tác này; sự kết hợp đào tạo với sử dụng v.v. Các ban tổ chức tỉnh ủy có thể chuẩn bị và sớm thông báo cho trường Đảng về tình hình đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các huyện, kế hoạch cử cán bộ đi dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng trong 5 năm tới. Trên cơ sở đó trường Đảng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng một cách ổn định cả về quy mô, thời gian, lần chương trình giáo dục.

Nắm tình hình đối tượng không phải chỉ là thống kê các mặt: tuổi đời, tuổi Đảng, trình độ văn hóa... của người học mà điều quan trọng hơn là từ yêu cầu thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, đổi mới cơ chế quản lý, đối chiếu với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp huyện để rà soát lại đội ngũ cán bộ. Công tác này không chỉ liên quan đến việc xác định mục tiêu, xây dựng chương trình mà còn liên quan đến sự chỉ đạo từng môn học, đến việc lựa chọn cách dạy, cách học phù hợp với đối tượng. Các cán bộ giảng dạy của nhà trường cũng cần về huyện nghiên cứu, nghe các cấp ủy đánh giá về tình hình đối tượng tuyển chọn, trực tiếp gặp gỡ các cán bộ thuộc diện đào tạo để tìm hiểu trình độ nhận thức, sự suy nghĩ của họ. Chúng tôi mong các cấp ủy Đảng thấy đầy đủ ý nghĩa quan trọng của việc xây dựng huyện và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp huyện để làm tốt hơn công tác quy hoạch cán bộ và có kế hoạch cử người đi học các lớp trong từng năm, phối hợp với nhà trường làm tốt công tác tuyển sinh. Đề nghị Trung ương nghiên cứu và sớm ban hành những quy định cụ thể về tiêu chuẩn, trách nhiệm, chế độ, chính sách đối với những cán bộ được cử đi học; các ban, ngành kết hợp chặt chẽ với trường Đảng, giúp trường Đảng chiêu sinh đúng đối tượng và đủ số lượng.

3 — Cải tiến nội dung chương trình đào tạo và bồi dưỡng.

Huyện vừa là cấp kế hoạch vừa là cấp quản lý và điều hành, cho nên cần phải có những yêu cầu thích hợp về nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện. Nó không thể giống với nội dung đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ lãnh đạo và quản lý ở cấp trung ương, cấp tỉnh; lại càng khác với nội dung đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ lý luận, cán bộ khoa học.

Việc cải tiến nội dung chương trình theo chúng tôi nghĩ, là nhằm hướng vào việc nâng cao trình độ nhận thức, đổi mới quan niệm và tư duy, nhất là tư duy kinh tế, nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện; chống mọi biểu hiện giản đơn, phiến diện trong công tác giáo dục lý luận; quán triệt nguyên tắc cơ bản của công tác giáo dục là gắn liền lý luận với thực tiễn, gắn chặt nội dung đào tạo với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng.

Mấy năm qua, trường Nguyễn Ái Quốc khu vực I chúng tôi đã cố gắng đi theo phương hướng đó và đã đạt được một số kết quả bước đầu, nhưng chúng tôi vẫn còn nhiều thiếu sót. Nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng còn dàn trải, thiếu thiết thực, chưa chuyển kịp so với yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý, chưa góp phần tích cực vào việc giải quyết những vấn đề mới trong quản lý kinh tế và xã hội. Khuyết điểm lớn và tập trung nhất là đến nay vẫn chưa biên soạn được bộ giáo trình riêng theo yêu cầu, nhiệm vụ của công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng này.

Qua nhiều lần bàn bạc tập thể, chúng tôi nhất trí cho rằng, nội dung chương trình giảng dạy trong những năm tới phải bảo đảm tính cơ bản, tính toàn diện, đồng thời phải có trọng tâm và thiết thực. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện có nhiệm vụ lãnh

Digitized by Google

đạo toàn diện một cấp kế hoạch. Công việc ở cấp huyện đòi hỏi họ phải vừa có năng lực tổ chức thực tiễn vừa có tư duy lý luận, có khả năng xem xét và giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra, và thông qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm để chỉ đạo thực tiễn có hiệu quả hơn. Vì vậy, họ phải được bồi dưỡng cả về chủ nghĩa Mác — Lê-nin, về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, cả về khoa học quản lý, phẩm chất, năng lực tổ chức thực tiễn. Đặc biệt trong điều kiện hiện nay, cần hết sức coi trọng việc nâng cao những hiểu biết cần thiết về quản lý kinh tế — xã hội, về phong cách của người lãnh đạo, tiến tới trang bị cả những kiến thức khoa học chuyên ngành, giúp cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện có khả năng chủ động giải quyết những vấn đề cấp bách do thực tế ở địa phương đặt ra.

Để việc cải tiến nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng đạt kết quả tốt, chúng tôi đề nghị Ban bí thư Trung ương Đảng, Ban tuyên huấn trung ương chỉ đạo chặt chẽ và cụ thể hơn nữa kế hoạch và nội dung của công tác này; cố gắng khắc phục tình trạng trùng lắp, chồng chéo nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giữa các trường ở trung ương, trường Đảng tỉnh với trường Đảng khu vực. Chúng tôi cũng mong các ban, ngành của Trung ương, như Ban nông nghiệp, Ban xây dựng huyện, Ban dân tộc thắt chặt hơn nữa mối quan hệ với trường Đảng; và mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các cấp ủy Đảng, các cơ quan nghiên cứu lý luận về vấn đề này.

4 — Đổi mới phương thức đào tạo và bồi dưỡng.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện hiện nay tuổi còn trẻ, có trình độ học vấn khá (hơn 40% số người học ở trường Nguyễn Ái Quốc khu vực I có bằng đại học), ít nhiều đã được rèn luyện, thử thách qua thực tiễn. Họ đến học ở trường Đảng là để nắm chắc hơn nữa lý luận chủ nghĩa Mác — Lê-nin, quán triệt quan điểm đường lối của Đảng, lấy nó để soi sáng hoạt động thực tiễn, nâng mình lên cao hơn. Do vậy, hình thức và phương pháp giảng dạy đối với họ không thể đơn điệu mà phải mang tính chất tổng hợp và đồng bộ. Từ việc nghe giảng, sử dụng số liệu, biểu đồ, tiến hành xê mi na, đến việc viết tiểu luận, luận văn tốt nghiệp; từ chính khóa đến ngoại khóa, v.v. phải đem lại cho người học sự hứng thú và niềm say mê cần thiết. Thậm chí phải có biện pháp hướng dẫn người học sử dụng có hiệu quả thời gian nhàn rỗi để góp phần nâng cao sức khỏe, trau dồi trí tuệ và khả năng thẩm mỹ cho họ.

Đổi mới phương thức phải nhằm giúp người học học tập một cách có hiệu quả, nắm vững thực chất các vấn đề, nâng cao nhận thức, phương pháp tư duy, năng lực tổ chức thực tiễn; đề cao tinh thần tự giác, tính năng động, sáng tạo của người học, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo.

Trước mắt, cùng với việc tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh chương trình giảng dạy lý luận, chúng tôi cho rằng cần khẩn trương xác định chương trình giảng dạy thực tiễn, kết hợp giảng dạy lý luận với giảng dạy thực tiễn. Đẩy mạnh hình thức dạy học theo phương pháp khơi gợi, mở rộng hình thức xê mi na, quan tâm hướng dẫn chặt chẽ việc làm báo cáo thực tế và luận văn tốt nghiệp của người học, hướng họ vào việc giải quyết những vấn đề của cấp huyện, tập cho họ thói quen chủ động nghiên cứu, tác phong điều tra, sâu sát thực tế.

Việc đổi mới phương pháp đào tạo, bồi dưỡng là hết sức cần thiết và cấp bách. Song, để thực hiện được điều đó

(Xem tiếp trang 68)

Digitized by Google

LÊ TRỌNG KHUYẾN
Bí thư Huyện ủy Nam đàn

NAM ĐÀN TẠO CHUYỂN BIẾN BƯỚC ĐẦU CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ — XÃ HỘI

NẰM giữa hai dãy núi Thiên nhẫn và Đại huệ, lại có sông Lam và sông Đào chảy dọc theo chiều dài, Nam đàn là một huyện dẹp thế núi, thế sông. Cũng như nhân dân nhiều địa phương khác trong cả nước, nhân dân Nam đàn có truyền thống cách mạng, cần cù, hiếu học, có lòng yêu nước nồng nàn và khát vọng xây dựng cuộc sống tươi đẹp, ấm no.

Sau những năm tháng cùng cả nước dốc sức đấu tranh cách mạng giành độc lập, tự do và chiến đấu bảo vệ, giải phóng và thống nhất đất nước, huyện chúng tôi đã cố gắng tập trung sức lực, trí tuệ để đẩy mạnh sự phát triển kinh tế — xã hội trên địa bàn huyện. Thế nhưng 10 năm sau khi chiến tranh phá hoại kết thúc (1973—1982), tình hình kinh tế Nam đàn hầu như giậm chân tại chỗ, chưa có gì chuyển biến. Là một huyện thuần nông nghiệp với số dân là 13 vạn người, có gần 3 vạn ha đất tự nhiên, diện tích đất gieo trồng hằng năm là 19 100 ha, trong đó diện tích cây lương thực chiếm 15 200 ha, nhưng huyện chúng tôi vẫn không giải quyết được vấn đề lương thực, mức lương thực bình quân đầu người hằng năm chỉ đạt 200 kg. Có những khó khăn mang tính chất khách quan là địa hình, khí hậu, thời tiết không thuận lợi, (đồng ruộng bị chia cắt, chỗ cao, chỗ trũng xen kẽ nhau, nhiều đất bạc màu, hạn hán, lũ lụt triền miên...), cơ sở vật chất nghèo nàn, lạc hậu. Nhưng chủ yếu là do huyện ủy chưa nêu cao tinh thần làm chủ, chưa năng động, sáng tạo trong chỉ đạo và điều hành sản xuất, tự bó mình trong cơ chế quan liêu bao cấp, chưa căn cứ vào tình hình thực tế để xác định phương hướng, bước đi thích hợp, chưa tìm ra được khâu then chốt để tập trung tháo gỡ.

Được Nghị quyết của Đại hội thứ 5 của Đảng và các nghị quyết của các hội nghị Trung ương tiếp theo soi sáng, được sự chỉ đạo của tỉnh ủy, sự giúp đỡ của các ngành ở tỉnh và ở trung ương, chúng tôi đã từng bước nhận rõ thiếu sót của mình, tìm ra khâu then chốt và những biện pháp thích hợp để tạo nên bước chuyển biến có ý nghĩa. Nhờ đó, tình hình kinh tế — xã hội của huyện đã có những bước phát triển đáng phấn khởi.

Trong sản xuất nông nghiệp, những năm gần đây năng suất, sản lượng các loại cây trồng tăng đều. Năm 1982, năng suất lúa chỉ đạt 32,4 tạ/ha, năm 1985 tăng lên 50 tạ/ha, do đó sản lượng lương thực tăng từ 25 947 tấn lên 37 976 tấn, lương thực bình quân đầu người đạt 290 kg. Năm 1982, năng suất lạc là 12,4 tạ/ha, sản lượng 1 216 tấn, năm 1984, năng suất lạc đã đạt

Digitized by Google

13,7 tạ/ha, sản lượng đạt 1 400 tấn. Trong những năm 1976 – 1980, năng suất mía chỉ đạt 210 tạ/ha, sản lượng bình quân hằng năm là 9 769 tấn, năm 1985, năng suất mía lên tới 430 tạ/ha và sản lượng đạt 14 213 tấn.

Sản xuất lương thực tăng đã thúc đẩy chăn nuôi phát triển. Năm 1982, đàn lợn chỉ có 31 604 con, trọng lượng xuất chuồng bình quân là 35 kg/con, đến năm 1985 tăng lên 34 000 con với trọng lượng xuất chuồng bình quân là 50 kg/con. Từ năm 1982 đến năm 1985, đàn trâu bò tăng từ 19 967 con lên 21 509 con. Điều đáng phấn khởi là chăn nuôi ở cả ba khu vực: quốc doanh, tập thể, gia đình đều tăng; gia súc, gia cầm và thủy sản đều được chú ý phát triển.

Ngành lâm nghiệp đã được củng cố và có kế hoạch phát triển dài hạn. Huyện chúng tôi có gần 9 000 ha đất lâm nghiệp, nhưng chỉ có 33 ha rừng tự nhiên cho nên vấn đề trồng rừng được đặt ra từ lâu. Đến nay toàn huyện đã có 4 400 ha rừng, trong đó rừng thông chiếm 1 738 ha và bắt đầu khai thác nhựa. Việc giao đất giao rừng cho tập thể và các hộ gia đình về cơ bản đã hoàn thành. Nhân dân đã nhận thức được tầm quan trọng của việc trồng rừng và bảo vệ rừng. Hiện nay toàn huyện có 10 đội trồng cây. Nạn chặt rừng, phá rừng đã được ngăn chặn, kinh tế lâm nghiệp đã trở thành một bộ phận không thể thiếu trong cơ cấu kinh tế của huyện.

Trước đây, công nghiệp của huyện hầu như không có gì. Sau khi trên địa bàn huyện đã hình thành mạng lưới điện, một số ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến đã ra đời và phát triển, bước đầu tạo ra sản phẩm hàng hóa. Xí nghiệp chế biến nông sản thực phẩm ra đời vào cuối năm 1981 đã sản xuất được đường kính, cồn 90 độ, rượu, bánh kẹo và sẽ lắp đặt thiết bị ép dầu. Xí nghiệp chế biến thức ăn gia súc đã hoạt động từ giữa năm 1986 với công suất 1000 tấn/năm.

Hợp tác xã cơ khí được tổ chức lại và nâng lên thành xí nghiệp cơ khí nông nghiệp, sản xuất các công cụ cầm tay, lưỡi điệp cày, máy tuốt lúa, các công cụ làm đất và xe vận tải thô sơ.

Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng phát triển nhanh. Năm 1985, sản lượng gạch đạt 3 triệu viên, gấp 3,4 lần so với bình quân hằng năm của thời kỳ 1976 – 1980; ngói đạt 1,5 triệu viên, gấp 1,8 lần so với bình quân hằng năm của thời kỳ 1976 – 1980.

Những năm gần đây, các nghề hàn, rèn, mộc, cưa, xẻ đã được củng cố và phát triển.

Như thế là sau một thời gian phấn đấu, tìm cách tháo gỡ khó khăn để mở hướng đi lên, huyện chúng tôi đã đạt được những thắng lợi đáng kể trong sản xuất nông nghiệp và đã xác lập được cơ cấu kinh tế của huyện là nông – lâm – công nghiệp. Trong những năm tới, chúng tôi sẽ cố gắng nâng lên một bước tỷ trọng của lâm nghiệp và công nghiệp trong cơ cấu kinh tế chung của huyện.

Song song với việc củng cố và phát triển các cơ sở sản xuất nông – lâm – công nghiệp, chúng tôi đã chú trọng tổ chức và phát triển giao thông vận tải để thực hiện tốt khâu phân phối, lưu thông. Từ bước đầu hầu như không có gì, đến nay chúng tôi đã có những phương tiện với 350 tấn trọng tải cơ giới đường sông, 150 tấn trọng tải cơ giới sông pha biển, 40 tấn trọng tải cơ giới đường bộ, 20 tấn trọng tải xe bò kéo; xây dựng và sửa chữa 18 cầu, mở rộng và nâng cấp hàng chục ki lô mét đường để xe cơ giới vào tận các hợp tác xã.

Huyện chúng tôi cũng đã có những tiến bộ trong khâu phân phối, lưu thông, thu mua, nắm hàng, cung ứng vật tư phục vụ sản xuất và đời sống. Năm 1985 giá trị mua vào đạt 46,4

Digitized by Google

triệu đồng, tăng 126% so với năm 1982. Riêng lương thực thu mua được gần 9 000 tấn, bằng 2,8 lần bình quân các năm của thời kỳ 1976 – 1980. Do vậy, chúng tôi đã trang trải được nhu cầu lương thực trên địa bàn huyện, đồng thời điều cho tỉnh 2 600 tấn. Giá trị hàng hóa xuất khẩu đạt 30 vạn rúp–đô la, tăng gấp 2 lần so với bình quân hằng năm của thời kỳ 1976 – 1980.

Tình hình văn hóa–xã hội, an ninh quốc phòng cũng có những chuyển biến tốt. Giáo dục phổ thông được củng cố và cải tiến, giáo dục mẫu giáo được phát triển và đã đi vào nền nếp. Hiện nay toàn huyện có 32554 học sinh phổ thông, 5 117 học sinh mẫu giáo. Truyền thống chăm chỉ, hiếu học, ham hiểu biết của ông cha ngày xưa, nay được lớp con cháu kế tục và phát huy.

Mạng lưới thông tin, tuyên truyền ngày càng mở rộng, các buổi chiếu phim, biểu diễn văn nghệ được tổ chức rộng rãi. Đời sống văn hóa được nâng cao một bước, các hiện tượng tiêu cực trong xã hội đang bị ngăn chặn và đẩy lùi từng bước.

Những thành tựu về các mặt mà huyện chúng tôi đạt được trong thời gian vừa qua đã *tạo điều kiện tương đối thuận lợi cho sự phát triển kinh tế–xã hội tiếp theo của huyện ở mức cao hơn.* Nhưng đó mới là kết quả bước đầu. So với yêu cầu của cuộc sống, thì những thành tựu đó còn nhỏ bé, chưa xứng đáng với năng lực sáng tạo của con người và tiềm năng đất đai của huyện. Năng suất cây trồng tăng nhưng chưa phải thuộc loại cao, lương thực bình quân đầu người hằng năm vẫn chưa vượt qua « cửa ải » 300kg. Cơ cấu kinh tế nông – lâm – công nghiệp hình thành chậm, tỷ trọng lâm nghiệp và công nghiệp còn quá thấp; sản xuất hàng hóa chưa phát triển, phân phối lưu thông còn những vướng mắc, hàng hóa xuất khẩu còn ít và đơn điệu, lại còn ở dạng thô, chưa được tinh chế; đội ngũ cán bộ quản lý các công ty kinh doanh, dịch vụ và các xí nghiệp công nghiệp còn yếu về năng lực nghiệp vụ v.v.

Điều quan trọng là *thắng lợi bước đầu đã tạo niềm tin cho đảng bộ và nhân dân trong huyện.* Với niềm tin đó, chúng tôi phấn đấu thực hiện những kế hoạch và mục tiêu lớn hơn trong những năm tới. Theo dự kiến, đến năm 1990, chúng tôi cố gắng đạt 50 000 tấn lương thực quy thóc, 4 000 tấn lạc, 27 nghìn tấn mía, 40 nghìn con lợn với trọng lượng xuất chuồng bình quân là 70kg/con, 21 nghìn con trâu, bò, 9536 héc ta rừng, 5 triệu viên gạch, 3 triệu viên ngói v.v.

Để đạt được những mục tiêu trên, toàn thể đảng viên và nhân dân lao động trong huyện sẽ nỗ lực phấn đấu với tinh thần năng động và sáng tạo hơn nữa.

Từ hoạt động thực tiễn trong những năm qua, chúng tôi bước đầu rút ra mấy kinh nghiệm sau đây:

1. Trong quá trình cấp huyện được tăng cường, trong thời kỳ sản xuất đang được tổ chức lại, bản thân huyện ủy phải *phát huy cao độ tinh thần làm chủ tập thể, thấu suốt và vận dụng đường lối, nghị quyết của Đảng sát hợp với đặc điểm của địa phương mình, xác định đúng khâu then chốt, dồn toàn bộ sức lực và trí tuệ để giải quyết bằng được khâu đó.*

Đối với huyện chúng tôi trong thời gian qua, khâu then chốt là khâu điện–nước. Nhận rõ tầm quan trọng quyết định của công tác thủy lợi đối với sản xuất nông nghiệp, chúng tôi đã quyết tâm tìm mọi biện pháp, tập trung công sức, tiền của để giải quyết vấn đề này. Với phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm », « huyện và cơ sở cùng lo », trong ba năm chúng tôi đã xây dựng được một mạng lưới thủy lợi có hiệu quả, đưa sức tưới từ 5 500 héc ta lên 10 500 héc ta, đạt 75% diện tích gieo cấy lúa. Chúng tôi phấn đấu để

Digitized by Google

công tác thủy lợi đạt hiệu quả thiết thực, tránh phô trương hình thức bằng cách xây dựng nhiều trạm bơm điện nhỏ hợp với địa hình bị cắt xén và cao thấp không đều. Trong ba năm, chúng tôi đã bỏ ra 1,2 triệu ngày công, trên 1000 tấn lương thực, 34 tấn dây cáp nhôm, 1011 tấn xi măng, 930 cột bê tông, trên 200 tấn thép để xây dựng các công trình thủy lợi. Kết quả là đã làm được 18 ki lô mét kênh dẫn nước kết hợp với giao thông thủy, khối lượng đào đắp là 85 vạn mét khối đất, 7 500 mét khối đá hộc; đặt 60 ki lô mét đường dây cao thế và hạ thế; xây lắp 27 trạm biến thế, 33 trạm bơm điện; đưa tổng công suất điện từ 3 500 kW lên 7 500 kW. Hiện nay trong số 24 xã và 34 hợp tác xã nông nghiệp của huyện, đã có 22 xã và 29 hợp tác xã có điện để tưới nước và tiêu nước. Trong số 152 triệu đồng đầu tư vào xây dựng cơ bản, nhân dân đã đóng góp 45%, còn Nhà nước chi 55%.

Giải quyết được khâu then chốt là điện — thủy lợi, sản xuất nông nghiệp của huyện có bước chuyển biến cơ bản, mở ra nhiều khả năng mới để đưa sản xuất đi lên. Chúng tôi có điều kiện để đưa giống mới có năng suất cao vào thâm canh trên diện tích đại trà. Chúng tôi cũng có điều kiện để thay đổi cơ cấu cây trồng, thay đổi cơ cấu mùa vụ, tránh được sự đe dọa của thiên tai, chuyển diện tích lúa vụ mùa bấp bênh sang vụ hè thu ăn chắc (lúa hè thu thường thu hoạch trước mùa bão lụt). Năm 1985, toàn huyện gieo cấy 3 700 héc ta lúa hè thu và lúa mùa sớm, chiếm 54% diện tích vụ mùa, đạt năng suất 25,1 tạ/héc ta trong khi năng suất lúa mùa chính vụ thường chỉ đạt dưới 20 tạ/héc ta. Trong những năm tới, chúng tôi sẽ tiếp tục tăng diện tích lúa hè thu. Đây là một hướng cơ bản để giải quyết vững chắc vấn đề lương thực.

Mạng lưới điện được mở rộng cũng đã tạo cho chúng tôi khả năng kết hợp sản xuất nông nghiệp với công nghiệp trên địa bàn huyện, gắn sản xuất với chế biến để nâng cao giá trị sản phẩm.

2. Cách mạng khoa học kỹ thuật phải được đặt vào vị trí then chốt trong quá trình tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng; giải quyết đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Chỉ thị số 100 của Ban bí thư Trung ương Đảng về khoán sản phẩm trong nông nghiệp đã có tác dụng khuyến khích người lao động phát huy quyền làm chủ tập thể, nâng cao năng suất lao động của mình. Trong thực tế, việc khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động đã làm cho năng suất lao động tăng lên, nhưng mức tăng này có giới hạn. Xét về lâu dài, khoán không phải là nhân tố cơ bản bảo đảm cho năng suất lao động tăng lên mãi. Chỉ có cách mạng khoa học kỹ thuật mới là nhân tố cơ bản bảo đảm cho năng suất lao động tăng lên không ngừng. Vì vậy, một mối quan tâm thường xuyên của huyện chúng tôi là phấn đấu biến khoa học — kỹ thuật thành một lực lượng sản xuất trực tiếp trong nền sản xuất xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Nhận thức được như vậy, đại hội thứ 18 của đảng bộ huyện chúng tôi họp vào cuối năm 1982 đã chỉ rõ cùng với việc khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, phải khẳng định mạnh mẽ vị trí then chốt của cách mạng khoa học — kỹ thuật. Đối với huyện nhà, vấn đề trước hết và quyết định hơn hết trong bước đi ban đầu để giải quyết nông nghiệp là điện, nước, giống và cải tạo đất.

Từ đầu năm 1983, mức độ đầu tư để củng cố và hiện đại hóa một bước cơ sở vật chất kỹ thuật của nền sản xuất tăng nhanh. Trên cơ sở đó, những tiến bộ khoa học kỹ thuật được sử dụng rộng rãi: giống mới có năng suất cao được gieo cấy trên 90% diện tích vụ đông xuân, 60% diện tích vụ

Digitized by Google

thu – mùa. Cơ cấu mùa vụ thay đổi, diện tích lúa hè thu tăng lên tạo ra khả năng tăng diện tích màu vụ đông, giảm diện tích màu vụ xuân để mở rộng diện tích trồng cây nông sản xuất khẩu. Tập quán canh tác mới, chủ động, coi trọng hiệu quả đã ra đời, từng bước thay thế tập quán canh tác cũ, lạc hậu tồn tại từ lâu. Đối với ngành chăn nuôi của huyện, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật càng có ý nghĩa to lớn. Nhờ phương pháp thụ tinh nhân tạo, nhờ những loại giống mới, đàn lợn của huyện chúng tôi tăng nhanh; trọng lượng xuất chuồng cũng tăng bình quân từ 35 kg/con năm 1982 lên 50 kg/con năm 1985. Cách mạng khoa học kỹ thuật còn giúp chúng tôi duy trì, củng cố, phát triển cơ sở vật chất – kỹ thuật của khu vực tập thể trong điều kiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động.

3. Trên địa bàn huyện, dù là một huyện thuần nông nghiệp *thì bản thân nông nghiệp cũng không thể đơn độc mà đi lên được, trái lại, nông nghiệp chỉ có thể phát triển lương đối ổn định, vững chắc với điều kiện các ngành có liên quan, nhất là công nghiệp, cũng phải được tổ chức lại theo hướng phục vụ nông nghiệp.*

Trong thực tế, sản xuất nông nghiệp của huyện chúng tôi chỉ thật sự đạt được những tiến bộ sau khi mạng lưới thủy lợi được thiết lập một cách khoa học và đều khắp; giao thông vận tải được tăng cường và củng cố. Thêm vào đó, một nhân tố quan trọng đã góp phần vào tiến bộ sản xuất nông nghiệp của huyện là hệ thống bảo vệ thực vật, bảo vệ vật nuôi được tổ chức chặt chẽ đến các hợp tác xã. Hoạt động phòng trừ và tiêu diệt sâu bệnh ngày càng được coi trọng bởi vì hiện nay ở huyện chúng tôi sản xuất nông nghiệp được tiến hành vụ liên vụ liên tục cho nên sâu bệnh có môi trường để phát triển. Điều rất tiếc là chúng tôi chưa có đầy đủ vật tư, thiết bị và những điều kiện cần thiết để thành lập công ty bảo hiểm thực vật và công ty bảo hiểm vật nuôi.

Công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp được tổ chức lại, và nhất là công nghiệp chế biến được thiết lập và phát triển đã tạo cơ sở cho nông nghiệp của huyện phát triển toàn diện, sản xuất gắn với chế biến, trồng trọt gắn với chăn nuôi.

Ngay trên địa bàn huyện, sản xuất nông nghiệp cũng có liên quan đến nhiều ngành và giữa các ngành đó có quan hệ mật thiết với nhau, thúc đẩy nhau phát triển. Do đó cần phải có cách nhìn tổng quát và phải có quy hoạch phát triển tổng thể cho hoạt động kinh tế – xã hội trên địa bàn của huyện.

4. Đổi mới phong cách làm việc khi huyện chuyển từ một cấp trung gian, hoạt động hành chính đơn thuần sang một cấp quản lý toàn diện, trực tiếp các cơ sở sản xuất.

Quản lý toàn diện, trực tiếp các cơ sở sản xuất là vấn đề mới, huyện chúng tôi không tránh khỏi lúng túng, nhưng trong quá trình chỉ đạo, quản lý, điều hành công việc, chúng tôi đã tìm cách tháo gỡ dần dần và giải quyết được hai vấn đề bức thiết:

Một là: giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa huyện và cơ sở; xác định đối tượng hoạt động của huyện là cơ sở (kể cả cơ sở tập thể và quốc doanh), khuyến khích cơ sở phát huy quyền làm chủ; đồng thời huyện phải bảo đảm những điều kiện cần thiết để cơ sở thực hiện được điều đó, nghĩa là huyện phải chịu trách nhiệm trước cơ sở những vấn đề thuộc về phần mình.

Trong thời gian vừa qua, huyện chúng tôi đã tăng cường cán bộ có năng lực cho cơ sở, điều phối vật tư, thiết bị, phương tiện... cho cơ sở theo đúng kế hoạch. Với phương châm

Digitized by Google

« lo cho cơ sở, vì cơ sở mà phục vụ », nuyện ủy đã quan tâm, theo dõi, kiểm tra các hoạt động của cơ sở, cùng với cơ sở tháo gỡ vướng mắc. Trong quá trình hoạt động như vậy, mối quan hệ trách nhiệm hai chiều giữa huyện và cơ sở được thiết lập và mối quan hệ đó ngày càng gắn bó, tạo điều kiện cho huyện và cơ sở hiểu nhau hơn, tin nhau hơn và thật sự cùng nhau chung sức giải quyết các vấn đề nảy sinh.

Hai là: cùng với việc tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý ở cơ sở, cấp huyện cũng phải tổ chức lại để nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành. Huyện phải học tập nắm vững chủ trương đường lối của Đảng, biết cách làm việc với các ngành kinh tế — kỹ thuật cấp trên, đồng thời phải sâu sát cơ sở; nắm được những nhu cầu của cơ sở. Phấn đấu theo phương hướng như vậy, nhìn chung trong ba năm qua, các quyết định của huyện ủy về kế hoạch hàng năm, về kinh tế ngành, về các biện pháp thực hiện tương đối sát đúng. Các quyết định đó được tôn trọng và thực hiện, do đó đã phát huy hiệu lực và tạo ra những kết quả cụ thể.

Huyện ủy không bao biện, không làm thay những chức năng thuộc chính quyền như trước kia, mà tăng cường cán bộ có năng lực cho chính quyền, tạo điều kiện để chính quyền phát huy quyền làm chủ của mình. Kết quả là trong thời gian gần đây, hoạt động của Ủy ban huyện, của các ngành, các cấp đã năng động, nhịp nhàng hơn, có hiệu quả hơn.

★

Từ thực tiễn điều hành, chỉ đạo sản xuất trên địa bàn một huyện nông nghiệp với những đặc điểm và tình hình cụ thể địa phương mình, chúng tôi ngày càng thấy rõ muốn phát triển kinh tế—xã hội vững chắc phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở, huyện, tỉnh và các ngành trung ương. Có những vấn đề mà huyện dù chủ động đến mấy cũng không thể tự mình giải quyết được, chẳng hạn những vấn đề cung cấp điện, thuốc trừ sâu, phân hóa học, trang bị, thiết bị của công nghiệp chế biến... Việc cung cấp những thứ đó cho các huyện phải theo kế hoạch hợp lý và phải thực hiện kế hoạch đó một cách triệt để. Khi có sự xộc xệch không đúng kế hoạch thì phải xác định rõ trách nhiệm thuộc về ai và phải xử lý kịp thời.

Chúng tôi cũng thấy rằng vẫn phải có chính sách quản lý năng động và thích hợp để giải quyết thỏa đáng mối quan hệ về lợi ích giữa Nhà nước, tập thể và người lao động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Nhà nước phải có chính sách giá cả thích hợp về hàng nông sản và hàng công nghiệp để nông dân tự thấy không bị thiệt, do đó phấn khởi và tích cực đẩy mạnh sản xuất.

Quan hệ giao nộp nông sản và cung ứng vật tư giữa huyện và cơ sở, giữa tỉnh và huyện, giữa trung ương và tỉnh cần được thực hiện nghiêm chỉnh và bình đẳng; các cấp đều có nghĩa vụ làm tròn phần trách nhiệm của mình.

Trong tình hình hiện nay, huyện cần được tăng cường về cán bộ khoa học — kỹ thuật và cán bộ quản lý, nhất là cán bộ quản lý khâu phân phối lưu thông, các công ty dịch vụ và các xí nghiệp công nghiệp.

Là những người hoạt động thực tiễn ở địa phương, nhận thức và hiểu biết các vấn đề thông qua các công việc cụ thể, chúng tôi xin được nêu lên những kiến nghị như vậy.

Toàn thể đảng viên và nhân dân huyện chúng tôi ngày càng hiểu được

(Xem tiếp trang 88)

Digitized by Google

NGUYỄN ĐỨC BÌNH

MỘT CỐNG HIẾN XUẤT SẮC VÀO PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN

TIẾN hành vào thời điểm chuyển biến có tính chất bước ngoặt về mặt đối nội cũng như về mặt quốc tế, Đại hội thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô có sứ mệnh lịch sử trọng đại, đánh dấu thời kỳ phát triển mới của đất nước xô viết trên con đường tiếp tục hoàn thiện chủ nghĩa xã hội và tiến lên chủ nghĩa cộng sản, nâng cao toàn diện vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự phát triển các mặt đời sống xã hội trên cơ sở phát huy cao độ những nguyên tắc lê nin nít trong công tác Đảng, làm cho Liên xô đóng góp ngày càng to lớn hơn vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì các mục tiêu cao cả của thời đại. Đại hội đã tổng kết những hoạt động thực tiễn phong phú, rút ra những kinh nghiệm quý giá của Đảng cộng sản và nhân dân Liên xô qua 25 năm thực hiện Cương lĩnh thứ ba nói riêng và gần bảy chục năm xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung, làm sáng tỏ trên nhiều mặt những vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiến dần lên giai đoạn cao của hình thái kinh tế — xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Các văn kiện được thông qua tại Đại hội thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô cùng các nghị quyết, các bài phát biểu của đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp tại Hội nghị Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô tháng tư và tháng mười (năm 1985) hợp thành một thể thống nhất, một pho tài liệu quý, có tầm quan trọng đặc biệt không chỉ đối với Liên xô mà cả đối với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đối với các dân tộc đang đấu tranh vì độc lập và tiến bộ xã hội.

★

Chỉ với một khoảng thời gian lịch sử không dài, Liên xô đã giành những thành tựu và tiến bộ to lớn về kinh tế và xã hội ; trên nhiều mặt của nền kinh tế, khoa học—kỹ thuật, giáo dục, văn hóa và trong lĩnh vực xã hội đã có những bước phát triển vượt bậc. Riêng việc Liên xô liên tiếp đạt được những thành tựu tuyệt vời trong chinh phục vũ trụ và bảo đảm cân bằng quân sự — chiến lược với Mỹ đã là bằng chứng đầy sức thuyết phục về kết quả lao động kiên cường và đầy sáng tạo của nhân dân xô viết dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Liên xô. Trong lĩnh vực kinh tế, thu nhập quốc dân tăng gấp 1 lần, năng suất lao động gấp 3,2 lần, sản lượng công nghiệp gấp 5 lần, sản lượng nông nghiệp gấp 1,7 lần, thu nhập thực tế tính theo đầu người gấp 2,6 lần, quỹ tiêu dùng xã hội gấp hơn 5 lần so với năm 1961

Digitized by Google

Trong khi khẳng định đúng mức những thành tựu đạt được, bác bỏ những luận điệu xuyên tạc hòng bôi nhọ những đổi thay to lớn, có tầm quan trọng lịch sử thế giới đó, Đảng cộng sản Liên xô đã nhìn thẳng vào hiện trạng đất nước, nghiêm khắc chỉ ra những thiếu sót của những năm 70 và đầu những năm 80. Những xu hướng tiêu cực đó khái quát lại là nhịp độ phát triển kinh tế và nâng cao năng suất lao động bị giảm xuống rõ rệt; một số chỉ tiêu khác về hiệu suất kinh tế bị sút kém, tiến bộ khoa học — kỹ thuật bị chậm lại, tình trạng mất cân đối trong kinh tế tăng lên. Kết quả là những nhiệm vụ của các kế hoạch năm năm không được hoàn thành, những biện pháp xã hội dự định cũng không được thực hiện đầy đủ. Ngoài những nguyên nhân khách quan, còn nhiều khuyết điểm chủ quan, trong số đó « nguyên nhân chủ yếu... là vì không đánh giá kịp thời về mặt chính trị, sự thay đổi trong tình hình kinh tế, không nhận thức rõ toàn bộ tính chất gay go và cấp bách của việc chuyển nền kinh tế sang những biện pháp phát triển theo chiều sâu, không kiên trì và nhất quán trong việc giải quyết những vấn đề chín muồi của sự thay đổi lại chính sách kinh tế, cải tổ lại cơ chế quản lý kinh tế, bản thân tâm lý của hoạt động kinh doanh ». Có thể nói nguyên nhân sâu xa là do bệnh chủ quan, sự trì trệ, bảo thủ trong tư duy, nhận thức và trong hoạt động lãnh đạo kinh tế của Đảng và các cơ quan Nhà nước. Tình trạng ấy không được phép kéo dài, nhất là đối với một đảng lớn như Đảng cộng sản Liên xô, Đảng có trọng trách không những trước xã hội xô viết, mà cả trước những đòi hỏi gay gắt của thời đại. Chậm dần trong nhịp độ phát triển, chứ chưa nói tới đứng lại, đã có nghĩa là lạc hậu so với bước tiến của lịch sử. Biện chứng của sự phát triển đòi hỏi chỉ được tiến lên phía trước với nhịp độ ngày càng cao hơn, và thực tế những gì Liên xô đạt được đã chứa đựng khả năng cho phép tiến xa hơn nhiều. Điều quan trọng là ở chỗ Đảng kịp thời nhận thức được tính chất bước ngoặt của sự phát triển, đánh giá chính xác tiềm năng, thấy hết những thiếu sót đã phạm phải, gạt bỏ những quan niệm không qua nổi thử thách của thực tiễn, kiên quyết khắc phục những thói quen cũ, những lối mòn trong tư duy và phong cách không còn thích hợp nữa, đã thành vật chướng ngại đối với sự phát triển đi lên. Và, Hội nghị toàn thể tháng tư (năm 1985) của Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô đã làm được việc ấy — chặn đứng những xu hướng bất lợi, mở đường cho những nhân tố mới vừa được tạo ra. Triển khai theo tinh thần của hội nghị đó, quá trình thảo luận các văn kiện của Đại hội từ cơ sở đã xác nhận cách đặt vấn đề của Ủy ban trung ương Đảng là hoàn toàn đúng đắn. Bằng sự chuyển biến có tính chất bước ngoặt trong nhận thức tư tưởng của toàn Đảng, một lần nữa Đảng cộng sản Liên xô đã thực hiện xuất sắc lời dạy của Lê-nin: « Thái độ của một chính đảng trước những sai lầm của mình là một trong những tiêu chuẩn quan trọng nhất và chắc chắn nhất để xét xem đảng ấy có nghiêm túc không và có *thật sự* làm tròn nghĩa vụ của mình đối với *giai cấp* mình và đối với *quần chúng* lao động không. Công khai thừa nhận sai lầm, tìm ra nguyên nhân sai lầm, phân tích hoàn cảnh đã đẻ ra sai lầm, nghiên cứu cẩn thận những biện pháp để sửa chữa sai lầm ấy, — đó là dấu hiệu chứng tỏ một đảng nghiêm túc, đó là đảng làm tròn những nghĩa vụ của mình, đó là giáo dục và huấn luyện *giai cấp*, rồi đến *quần chúng* » (1).

Cùng với những biến đổi to lớn ở trong nước, tình hình thế giới những

(1) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 41, tr. 51.

Digitized by Google

năm 70 và nhất là đầu những năm 80 trở nên phức tạp và đòi hỏi ở Đảng cộng sản Liên xô một trách nhiệm lớn hơn bao giờ hết. Thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình nhất quán và liên tục do các đại hội của Đảng vạch ra, Liên xô đã có những đóng góp tích cực trên trường quốc tế. Tuy nhiên, loài người vẫn đang phải sống trong một thời điểm mà mọi quyết định có liên quan đến chính trị quốc tế đều phải được suy xét một cách hết sức thận trọng, sáng suốt cao độ, thật sự tỉnh táo, cân nhắc kỹ càng cả lợi ích dân tộc lẫn lợi ích toàn thế giới, phải luôn biết kiềm chế không để xảy ra những hành động khinh suất, đồng thời, trên lập trường chủ động, tiến công, phải làm tất cả những gì có thể làm được vì hòa bình, an ninh và hợp tác quốc tế. Lịch sử đòi hỏi Liên xô — lá chắn vững chắc bảo vệ hòa bình, thành trì của cách mạng thế giới, chỗ dựa tin cậy của các dân tộc — phải nhìn nhận lại bức tranh toàn cảnh của chính trị thế giới, có cách tiếp cận mới đối với vấn đề chiến tranh và hòa bình, đánh giá lại các lực lượng giai cấp, so sánh lực lượng, những mâu thuẫn và xu thế phát triển chủ yếu của thế giới.

Các văn kiện của Đại hội thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô là câu trả lời khoa học và kịp thời cho những vấn đề vừa cơ bản vừa cấp bách của xã hội xô viết và của thế giới, là bước phát triển mới quan trọng, đóng góp quý giá vào kho tàng lý luận về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Nhận thấy cần đổi mới, có quyết tâm đổi mới là điều không dễ, song đổi mới theo hướng nào, lại là điều khó khăn hơn. Ở đây có những nguyên tắc lê nin nít của việc vạch Cương lĩnh mà nếu xa rời nó thì sẽ phạm sai lầm chính trị nghiêm trọng. Đảng cộng sản Liên xô đã hoàn thành tốt đẹp trách nhiệm đó, đã làm cho các nguyên tắc phương pháp luận mác xít lê nin nít trở nên sinh động trong việc soạn thảo bản sửa đổi mới Cương lĩnh lần này.

Trước hết, bản sửa đổi mới Cương lĩnh thể hiện *tính kế thừa và tính liên tục* những luận điểm lý luận và chính trị đã nêu trong Cương lĩnh thứ ba, mà — như đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp phân tích, « việc làm này có ý nghĩa nguyên tắc », là « vấn đề về lòng trung thành của Đảng đối với chủ nghĩa Mác — Lê-nin ». Dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác — Lê-nin, Đảng cộng sản Liên xô, một đảng trong mọi giai đoạn cách mạng luôn trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đã vận dụng lý luận chủ nghĩa cộng sản khoa học vào thực tiễn, vạch ra Cương lĩnh thứ ba. Những nhiệm vụ cơ bản do Cương lĩnh đề ra — phát triển và củng cố chủ nghĩa xã hội, hoàn thiện chủ nghĩa xã hội, tiếp tục đưa xã hội xô viết tiến lên chủ nghĩa cộng sản — vẫn còn ở phía trước. Vì vậy, Đảng cộng sản Liên xô chưa đặt vấn đề thay đổi Cương lĩnh mà chỉ bằng kinh nghiệm đã tích lũy được và chủ yếu là xuất phát từ những nét mới trong sự chuyển biến tình hình trong nước và thế giới, sửa đổi những luận điểm nào đó trong Cương lĩnh, những luận điểm thật sự không vượt qua được thử thách của thời gian. Trong khi kế thừa tư tưởng cơ bản của Cương lĩnh thứ ba, Đại hội thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô vạch rõ : « Tinh thần trước sau như một và kế thừa trong lý luận dứt khoát đòi hỏi phải phát triển sáng tạo lý luận, làm phong phú hơn những luận điểm nguyên lý cho phù hợp với kinh nghiệm lịch sử. Đó hoàn toàn là lẽ tự nhiên ». Chủ nghĩa Mác — Lê-nin không hạn chế, trái lại còn đòi hỏi những người cộng sản khi giải quyết những nhiệm vụ chính trị cụ thể phải luôn kiểm tra lại từng luận điểm cụ thể, những khái niệm riêng biệt, những chỉ tiết cá biệt của Cương lĩnh chung, phê phán đúng mức những luận điểm nào thật sự tỏ rõ là không đủ căn cứ, không còn hợp thời, không

Digitized by Google

thích ứng được với hoàn cảnh mới. Trong các văn kiện Đại hội thứ 27 có thể gặp không ít những «sửa chữa», «đính chính» như thế, chẳng hạn, trong việc phân tích những mâu thuẫn và xu hướng chủ yếu của thời đại ngày nay; việc lấy khái niệm «hoàn thiện có kế hoạch và toàn diện chủ nghĩa xã hội, đưa xã hội xô viết tiến xa hơn nữa trên con đường chủ nghĩa cộng sản, trên cơ sở đẩy nhanh phát triển kinh tế—xã hội của đất nước» thay cho khái niệm «xây dựng chủ nghĩa cộng sản trên quy mô lớn»; việc chuẩn xác hóa những nhiệm vụ cụ thể; việc chưa mô tả những đặc điểm cụ thể của chủ nghĩa cộng sản cũng như các mốc thời gian cho mỗi chặng đường... Đứng trên mảnh đất hiện thực ngày hôm nay để nhìn nhận tỉnh lỉnh, Đảng cộng sản Liên xô có được khái niệm rõ rệt hơn, cụ thể hơn, chính xác hơn về những nhiệm vụ đã chín muồi của công cuộc hoàn thiện chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ hòa bình».

Một kinh nghiệm có thể xem như bao trùm nhất mà Đảng của V.I. Lê-nin cung cấp cho những người cộng sản tất cả các nước trong việc vạch đường lối là việc phải luôn *kết hợp tính cách mạng và tính khoa học, hết sức đề phòng cả hai thiên hướng tư tưởng dễ nảy sinh: ảo tưởng, duy ý chí và bảo thủ trì trệ*. Tại Đại hội thứ 27, tư tưởng muốn «đốt cháy giai đoạn» đã được phê phán. Bản sửa đổi mới Cương lĩnh vạch rõ: «Kinh nghiệm cho thấy rằng mọi cố gắng vượt lên trước, áp dụng những nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa mà không tính đến mức độ chín muồi về vật chất và tinh thần của xã hội, đều thất bại và có thể gây ra những hậu quả về mặt kinh tế cũng như chính trị». Lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, nguyện vọng muốn tiến nhanh lên xã hội cộng sản bao giờ cũng là tốt lành và cần có ở mỗi người cộng sản. Song, khác hẳn những người xã hội chủ nghĩa không tưởng, chúng ta hiểu rằng tiến hành sự nghiệp cải tạo xã hội nhất thiết phải tuân theo lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học, mọi dự kiến phát triển đều phải dựa chắc trên những cơ sở khoa học, rằng một xã hội phát triển, chín muồi đến đâu là tùy thuộc vào chỗ các yếu tố, hệ thống các mối quan hệ giữa các yếu tố cấu thành xã hội đó được hình thành và củng cố vững chắc đến mức nào. Tuyên bố kết thúc một giai đoạn phát triển khi cơ thể xã hội chưa đạt đến độ trưởng thành tới hạn, xác lập quá sớm những nguyên tắc của giai đoạn sau cho giai đoạn trước bất chấp những điều kiện vật chất và tinh thần chưa đầy đủ, không chỉ gây nên những thiệt hại kinh tế nghiêm trọng, mà còn là một sai lầm chính trị phải trả giá đắt. Lịch sử đã có không ít trường hợp muốn nhanh hóa ra lại chậm. Thực tế hơn mười năm gần đây tốc độ tăng trưởng kinh tế của Liên xô đã bị giảm sút rõ rệt, không đạt được như mức của những năm 60, càng thấp xa con số dự kiến của Đại hội thứ 22. Xu hướng bất lợi đó nghiêm khắc đòi hỏi phải tính toán lại triển vọng phát triển của đất nước. Thời kỳ từ nay đến năm 2000 vẫn là tiếp tục hoàn thiện chủ nghĩa xã hội, nghĩa là vẫn phải làm tốt những nhiệm vụ còn lại của giai đoạn thấp, còn việc tiến sâu đến đâu vào giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản là tùy thuộc vào kết quả đẩy nhanh sự phát triển kinh tế—xã hội của đất nước. Kinh nghiệm của Đảng cộng sản Liên xô cung cấp cho các đảng anh em một bài học quý: Cương lĩnh của Đảng chỉ được coi là thật sự khoa học nếu những nội dung của nó có thể chuyển được sang ngôn ngữ của những kế hoạch cụ thể, những mục tiêu có thể thực hiện được trong tầm tay và người lao động coi nó là chương trình hành động của chính mình.

Chủ nghĩa Mác—Lê-nin là học thuyết cải tạo xã hội bằng cách mạng. Vì vậy, mặt không kém phần quan trọng khác của việc vạch cương lĩnh Đảng là quán triệt tinh thần cách

Digitized by Google

mạng, mạnh dạn và táo bạo, chống mọi biểu hiện bảo thủ, trì trệ trong tư duy lẫn trong hành động. Thái độ bằng lòng với những gì đã đạt được, ngại đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực, miệng ủng hộ đổi mới nhưng thực tế vẫn làm theo cách cũ, tìm cách trì hoãn các cuộc cải tổ, chậm trễ trong việc giải quyết những nhiệm vụ đã chín muồi... đó là những biểu hiện xa lạ với lập trường của giai cấp công nhân, của đảng cách mạng. Sự phát triển không ngừng của cuộc sống đòi hỏi người cộng sản phải có thái độ luôn luôn đổi mới đối với những vấn đề cấp bách của quá trình phát triển, kiên quyết khắc phục tất cả những gì đã lỗi thời, cản trở sự đi lên. Thiếu dũng khí tiến công, chần chừ trước khó khăn, thỏa mãn với thành tích đã đạt thì không thể có năng động sáng tạo. Đúng như đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp nói: «Không thể lẩng tránh giải quyết những vấn đề đã chín muồi». Chỉ có một con đường là chấp nhận những thử thách mới, trên cơ sở đã cân nhắc kỹ lưỡng những điều kiện thiết yếu, phát huy cao nhất tính chủ động sáng tạo, dám nghĩ, dám hành động táo bạo để đưa sự nghiệp của Đảng, của xã hội tiến lên.

Cương lĩnh được sửa đổi là cương lĩnh hiện thực mà theo đó đất nước xô viết rộng lớn sẽ tiến bước vững chắc trên con đường hoàn thiện chủ nghĩa xã hội và tiến xa hơn nữa lên chủ nghĩa cộng sản. Đó là kết quả cuộc đấu tranh tư tưởng rất mực lê nin nít nhằm khắc phục *những* gì cản trở bước đi lên của xã hội. Là một đảng hành động gánh trên vai trách nhiệm nặng nề trước đất nước và phong trào cách mạng thế giới, là người lãnh đạo những cải tổ xã hội sâu sắc, triển khai công cuộc hoàn thiện toàn diện và có kế hoạch chủ nghĩa xã hội, Đảng cộng sản Liên xô thấm nhuần *quan điểm thực tiễn*, đầu óc thiết thực của Lê-nin trong việc xây dựng đường lối đối nội và đối ngoại cho mười lăm năm cuối cùng của thế kỷ này, và chuẩn bị cho đất nước xô viết, cho chủ nghĩa xã hội thế giới nói chung, cho cả loài người bước vào thế kỷ 21 với một niềm tin sâu sắc ở bước tiến hợp quy luật của lịch sử. Quan điểm thực tiễn thể hiện trước hết ở việc phân tích tình hình trong nước và thế giới. Báo cáo chính trị của Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô trước Đại hội khẳng định: «Chỉ có thể tiến hành một chính sách đúng đắn, được luận chứng khoa học, nếu hiểu rõ những xu thế then chốt của tình hình thực tế. Thâm nhập sâu sắc phép biện chứng và lô gích khách quan của sự diễn biến, biết cách rút ra những kết luận đúng đắn phản ánh sự vận động của thời gian là một việc không phải đơn giản nhưng lại rất cần thiết»

Sợi chỉ đỏ xuyên suốt các văn kiện của Đại hội thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô là tư tưởng *tất cả vì con người và do con người*. Không ngừng hoàn thiện nền dân chủ xô viết, thực hiện tự quản xã hội chủ nghĩa, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, cải thiện toàn bộ các mặt của đời sống con người, thực hiện ngày càng đầy đủ hơn nguyên tắc công bằng xã hội, phát triển hài hòa nhân cách cá nhân, thực hiện dần sự xích lại gần nhau giữa các tầng lớp xã hội, khắc phục dần sự cách biệt giữa lao động trí óc và lao động chân tay, giữa thành thị và nông thôn, củng cố tình hữu nghị giữa các dân tộc... đó là sự thể hiện lập trường giai cấp rõ rệt nhất, là những mục tiêu cao cả nhất, là vấn đề then chốt nhất trong chiến lược của Đảng. Đảng không có mục đích gì khác hơn là phấn đấu đem lại lợi ích cho nhân dân, xây dựng xã hội trong đó quan hệ giữa người với người thực sự bình đẳng, mỗi người có điều kiện để phát triển tự do và toàn diện. Mặt khác, cũng bắt đầu từ chính con người, nhờ

Digitized by Google

con người, thông qua quần chúng nhân dân lao động mà mọi chủ trương của Đảng mới trở thành hiện thực. Chủ nghĩa xã hội là một xã hội được xây dựng và quản lý bởi hoạt động sáng tạo của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhiệm vụ càng cao, mục tiêu lịch sử càng lớn thì sự tham gia chủ động, nhiệt tình, sáng tạo trên tinh thần làm chủ của hàng triệu người vào việc thực hiện những nhiệm vụ đó càng có ý nghĩa quan trọng. Lê-nin đã nói: « Phạm vi của những hoạt động lịch sử càng rộng, quy mô của những hành vi đó càng lớn thì những người tham gia vào đó càng nhiều. Trái lại, sự cải tạo mà chúng ta muốn tiến hành càng sâu sắc, thì càng cần phải có hứng thú và thái độ tự giác đối với sự cải tạo đó, càng phải thuyết phục được thêm hàng triệu và hàng chục triệu người tin tưởng vào sự cần thiết đó » (2). Cố nhiên, để phát huy vai trò của quần chúng nhân dân phải tiến hành đồng thời các nhiệm vụ khó khăn. Đó là công tác tổ chức vừa rộng lớn vừa tinh vi, vừa là khoa học vừa là nghệ thuật. Đồng chí M. X. Goóc-ba-trốp khẳng định: « Chỉ thông qua chiến lược kinh tế được cân nhắc kỹ lưỡng, chính sách xã hội mạnh mẽ và công tác giáo dục tư tưởng nhằm mục tiêu xác định được kết hợp thống nhất chặt chẽ với nhau mới có thể dấy mạnh yếu tố con người mà thiếu nó không thể giải quyết nổi bất kỳ một nhiệm vụ nào đã vạch ra ».

Khái niệm hoàn thiện toàn diện chủ nghĩa xã hội bao hàm trong nó *tư tưởng đồng bộ*: đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế quốc dân với tư cách là nhiệm vụ trọng tâm nhất, là đường lối chiến lược, phải được tiến hành đồng thời với nhiệm vụ hoàn thiện các lĩnh vực xã hội, chính trị, tinh thần; xây dựng nội bộ Đảng phải đi đôi với hoàn thiện toàn bộ hệ thống chính trị của xã hội; giải quyết các nhiệm vụ đối nội phải đồng thời quan tâm đầy đủ tới nghĩa vụ quốc tế. Mỗi thành quả thu được trong lĩnh vực này sẽ thúc đẩy việc giải quyết những nhiệm vụ trong các lĩnh vực khác và ngược lại. Chủ nghĩa xã hội khác về chất so với chủ nghĩa tư bản ở chỗ: nó không chỉ cốt sao làm ra thật nhiều của cải — mặc dù đặc trưng đầu tiên không thể thiếu của xã hội cộng sản chủ nghĩa là « của cải tuôn ra dào dạt » — mà quan trọng hơn là theo đà tăng trưởng của kinh tế, các quan hệ con người với con người càng thêm tốt đẹp, là xã hội trong đó « mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người » trở thành nguyên tắc chi phối mọi suy nghĩ và hành động của con người.

Nhiệm vụ hoàn thiện có kế hoạch và toàn diện chủ nghĩa xã hội, bảo vệ hòa bình thế giới đang là một thử thách mới đối với đảng của Lê-nin. Đại hội thứ 27 khẳng định: « Trong điều kiện hiện nay, khi quy mô, tính chất mới mẻ và phức tạp của các nhiệm vụ đang được giải quyết đặt ra những đòi hỏi cao đối với toàn bộ hoạt động chính trị, tư tưởng và tổ chức của Đảng, thì vấn đề cực kỳ quan trọng là phải bảo đảm cải tổ về căn bản công tác Đảng, xác lập trong mọi tổ chức Đảng bầu không khí sáng tạo, đòi hỏi có tính nguyên tắc và tự phê bình, tìm kiếm những giải pháp mới có hiệu quả đối với các vấn đề kinh tế — xã hội, khoa học — kỹ thuật và giáo dục tư tưởng ». Đặt vấn đề *« cải tổ về căn bản công tác Đảng »* có nghĩa là phải tiến hành sự đổi mới toàn diện, làm cho Đảng vững mạnh hơn, năng động hơn, có sức chiến đấu cao hơn và cuối cùng, có uy tín cao hơn trong xã hội. Tinh thần ấy phải thể hiện trong tất cả các mặt: nâng cao năng lực của các tổ chức cơ sở Đảng, thực hiện tốt chế độ dân chủ nội bộ và nguyên tắc lãnh đạo tập

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t. 42, tr. 171.

Digitized by Google

thể, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, giữ gìn đoàn kết, yêu cầu cao đối với cán bộ, đảng viên, lời nói đi đôi với việc làm, thực hiện kiểm tra ở khắp mọi nơi, cải tiến chất lượng công tác tư tưởng, giáo dục chính trị... toàn bộ quá trình đó phải được tiến hành và chỉ thu được hiệu quả cao khi vận dụng tốt những nguyên tắc lê nin nít về xây dựng Đảng kiểu mới đã được thử thách.

Liên xô đã và mãi mãi là thành trì của hòa bình và cách mạng thế giới, do vậy sự gắn bó keo sơn giữa đường lối đối nội với đường lối đối ngoại trong Cương lĩnh của Đảng cộng sản Liên xô là lẽ tự nhiên. Đại hội thứ 27 đã đem lại cho loài người khái niệm hoàn chỉnh về củng cố hòa bình và tiến bộ xã hội. Chính sách cùng tồn tại hòa bình «gắn liền với các nhiệm vụ cơ bản, những nhiệm vụ chiến lược của Đảng ở trong nước và thể hiện ý nguyện chung của nhân dân Liên xô là lao động sáng tạo, sống trong hòa bình với tất cả các dân tộc». Dương nhiên, trước những mưu đồ của chủ nghĩa đế quốc chạy đua vũ trang ráo riết và tăng cường kho vũ khí hạt nhân vốn đã quá lớn, kể cả đưa ngay cơ chiến tranh lên vũ trụ, Liên xô và các nước cộng đồng xã hội chủ nghĩa coi việc tăng cường tiềm lực kinh tế và quốc phòng, giữ vững thế cân bằng quân sự — chiến lược giữa tổ chức hiệp ước Vác-sa-va và NATO, củng cố vững chắc chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa là cơ sở để ngăn chặn chiến tranh, bảo đảm quyền «an ninh như nhau» trong quan hệ quốc tế, bảo vệ hòa bình.

★

Thường thì những sự kiện chính trị phải qua thời gian dài mới bộc lộ rõ ý nghĩa của nó, nhưng trong lịch sử cũng có không ít những sự kiện mà ngay khi mở đầu đã tỏ rõ tầm vóc lớn lao. Đại hội thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô thuộc loại sự kiện như thế. Những người cộng sản chúng ta có thể học tập ở đội tiên phong vĩ đại nhất của phong trào cộng sản quốc tế trước hết là bài học nói thật và tự phê bình và phê bình, bài học về việc vận dụng những nguyên tắc và phương pháp lê nin nít trong việc vạch đường lối và giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn. Đặt đúng các nhiệm vụ phải giải quyết, tìm ra được con đường thực hiện những nhiệm vụ ấy, biết dựa chắc vào sức sáng tạo của nhân dân — đó là những tiền đề bảo trước các nghị quyết của Đại hội thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô sẽ trở thành hiện thực phong phú và sinh động trên đất nước vĩ đại, quê hương của Đại Cách mạng Tháng Mười

Digitized by Google

NGUYỄN VĂN TRÂN

XÂY DỰNG QUAN ĐIỂM HỆ THỐNG VÀ ĐỒNG BỘ TRONG QUẢN LÝ KINH TẾ HIỆN NAY

QUẢN lý kinh tế nói chung và quản lý nền kinh tế quốc dân lấy kế hoạch làm trung tâm là một vấn đề phức tạp và khó khăn. Các khó khăn đó còn tăng thêm trong điều kiện một nước kinh tế nông nghiệp, sản xuất nhỏ còn phổ biến, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua con đường tư bản chủ nghĩa. Trong hơn 10 năm qua từ khi cả nước cùng tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã đạt được những thành tích đáng kể trên mặt trận kinh tế, nhất là về sản xuất nông nghiệp, trong xây dựng cơ sở vật chất, phát triển kinh tế quốc dân, hàn gắn các vết thương chiến tranh, bảo đảm đời sống nhân dân, đáp ứng các yêu cầu quốc phòng. Tuy nhiên chúng ta đang đứng trước nhiều khó khăn và thử thách trong việc quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, trong đó có vấn đề bức bách là làm sao khắc phục được tình trạng mất cân đối nghiêm trọng của nền kinh tế nước ta hiện nay. Vì thế, ở đây chúng tôi muốn nêu lên một số suy nghĩ bước đầu về việc xây dựng quan điểm hệ thống và đồng bộ trong quản lý kinh tế, góp phần giải quyết những khó khăn đó.

1 — Khoa học hệ thống và quan điểm hệ thống trong quản lý kinh tế.

Ngày nay trong mọi lĩnh vực của cuộc sống, người ta đều nói đến khá nhiều danh từ hệ thống. Có một số định nghĩa khác nhau trong các tài liệu khoa học, nhưng xét về bản chất, từ này đã có sự hiểu biết thống nhất. Có thể nói, hệ thống là một tổng thể hay một tập hợp gồm nhiều bộ phận hợp thành hay còn gọi là các phần tử (élément) có quan hệ chặt chẽ với nhau, liên kết với nhau theo các quy luật nhất định để tạo thành một thể thống nhất.

Người ta rút ra một số tính chất của hệ thống như sau :

— Mỗi sự thay đổi của một hay một số phần tử đều kéo theo sự thay đổi của các phần tử còn lại. Khi thay đổi một số quan hệ giữa các phần tử đều kéo theo sự thay đổi các mối quan hệ của các phần tử còn lại.

— Mặc dù các phần tử có thể rất khác nhau nhưng khi liên kết thành hệ thống thì tạo thành một thể thống nhất. Tính chất của tổng thể này không đơn thuần mang tính chất của các phần tử, mà còn có tính chất mới khác hẳn về chất lượng.

Danh từ hệ thống và phần tử nói trên được hiểu theo nghĩa rất rộng rãi. Có thể đó là các bộ phận máy móc của hệ thống kỹ thuật, các khái niệm trong nhận thức, trong các ngôn ngữ và có thể là các chính sách kinh tế, v.v. Khoa học hệ thống ngày nay, ngoài việc làm cho người ta có cách nhận thức rõ hơn, còn đem lại cho người ta các phương pháp phân tích nhằm xây dựng các hệ thống cụ thể và cách tìm ra các quyết định có lợi nhất trong hoạt động thực tiễn.

Digitized by Google

Hệ thống kinh tế xã hội là hệ thống rất phức tạp và có quy mô rất lớn, cho nên vấn đề tổ chức quản lý cũng rất phức tạp, không thể chỉ dựa vào các quy tắc, nguyên tắc chung có tính chất phổ biến và giản đơn mà có thể làm tốt được. Các tình huống của quản lý đều đòi hỏi có các phương pháp phân tích hợp lý và tiến hành sự phân tích hết sức cụ thể. Các bộ phận hợp thành hệ thống kinh tế rất phức tạp: các xí nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức sản xuất khác, các ngành, các địa phương; từng lĩnh vực hoạt động, bản thân mỗi đơn vị ấy cũng là các hệ thống phức tạp do các bộ phận nhỏ hơn hợp thành. Mặt khác, hệ thống kinh tế của mỗi nước lại nằm trong và chịu sự tác động của hệ thống lớn hơn là hệ thống kinh tế thế giới. Xét về các mối liên hệ bên trong, thì các bộ phận hợp thành hệ thống kinh tế liên kết với nhau bằng hàng trăm nghìn mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp hết sức phức tạp, trong đó có *những mối liên hệ gián tiếp nhiều khi còn quan trọng hơn cả các mối liên hệ trực tiếp.* Một điểm quan trọng nữa là hệ thống kinh tế luôn luôn phát triển, tăng trưởng theo yếu tố thời gian. Các phân tích và quyết định dễ bị lỗi thời, không phù hợp với diễn biến thực tế.

Để quản lý nền kinh tế lấy kế hoạch làm trung tâm, bắt buộc phải phân cấp quản lý, vì cấp trung ương không thể giải quyết được hết các vấn đề diễn ra trên toàn bộ nền kinh tế, trong đó có lý do cơ bản là khả năng xử lý thông tin của cấp trung ương có hạn, mà hệ thống thì phức tạp. Các tổ chức quản lý ở các cấp khác nhau khi ra các quyết định đều có chú ý đến các mục tiêu và lợi ích riêng, ngoài việc thực hiện mục tiêu và lợi ích chung. Đó là một sự thật khách quan. Kết hợp tốt nhất và thực hiện đầy đủ các mục tiêu và lợi ích riêng đó với các mục tiêu và lợi ích chung mà đại diện là các cơ quan quản lý Nhà nước cấp trung ương là một trong những vấn đề khó khăn và phức tạp nhất của khoa học quản lý hiện đại. Quá thiên về lợi ích chung của toàn dân thì không kích thích được tính tích cực chủ động, sáng tạo của các cơ sở. Ngược lại, lệch về lợi ích của cơ sở thì thiệt hại đến lợi ích chung và dễ dẫn đến các mất cân đối trên phạm vi toàn nền kinh tế quốc dân. Xây dựng một hệ thống cơ chế quản lý mới, bảo đảm kết hợp hài hòa các lợi ích kinh tế thực chất là một quá trình mang tính chất nghiên cứu thiết kế, đòi hỏi có sự phân tích sâu sắc hệ thống kinh tế hiện đại, hệ thống các mục tiêu kinh tế xã hội trong điều kiện phát triển của thế giới ngày nay.

Cũng vì lý do trên, đứng trước các vấn đề phức tạp và cần phải giải quyết cụ thể của quản lý kinh tế, chúng ta thường gặp phải quá nhiều vấn đề liên quan với nhau và dễ rơi vào tình trạng không biết nên bắt đầu từ đâu. Trên thực tế, vấn đề là ở chỗ tùy theo mục tiêu, phạm vi giải quyết, khả năng và quyền hạn giải quyết mà giới hạn chúng lại để phân tích, đặt chúng trong tổng thể các vấn đề còn lại xem như các điều kiện để tìm quyết định. Trong hệ thống các vấn đề, không thể khẳng định vấn đề này quan trọng hơn các vấn đề khác theo định kiến, mà phải phân tích cụ thể để tìm ra ở mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ, có những vấn đề, những khâu trở nên quan trọng hơn. Khâu quan trọng hay vấn đề quan trọng là các « chỗ hẹp », nếu giải quyết được sẽ tạo điều kiện để giải quyết tiếp các vấn đề còn lại. Lê-nin đã nói: « Trong mỗi thời kỳ đặc biệt, cần phải biết tìm cho ra cái mắt xích đặc biệt mà người ta phải đem toàn lực ra nắm lấy để giữ vững được toàn bộ cái xích... » (1).

2 — Vấn đề đồng bộ hóa và nâng cao năng lực sản xuất hiện nay.

(1) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 36, tr. 252.

Digitized by Google

Thế nào là đồng bộ? Mỗi hệ thống cụ thể đều có các mục tiêu nhất định như hệ thống kinh tế xã hội, hoặc có chức năng nhất định như các hệ thống kỹ thuật do con người tạo ra để phục vụ con người. Để bảo đảm thực hiện các mục tiêu hay các chức năng đó, mỗi hệ thống đều đòi hỏi phải có các cấu trúc (structure) hợp lý, các tỷ lệ hợp lý giữa các bộ phận hợp thành cũng như các quan hệ hợp lý giữa các phần tử. Có thể nói, tính đồng bộ là tính bảo đảm các quan hệ tỷ lệ số lượng và các quan hệ chất lượng cần thiết trong cấu trúc của hệ thống để thực hiện được mục tiêu hay chức năng của nó. Đó cũng chính là sự cân đối trong cấu trúc. Sự mất đồng bộ thể hiện ở các trường hợp sau:

— Thiếu một số phần tử tạo nên hệ thống để có thể thực hiện được mục tiêu hay chức năng của hệ thống đó.

— Đủ các phần tử nhưng không phù hợp về tỷ lệ số lượng hoặc không khớp nhau về quan hệ số lượng.

— Đủ các phần tử, đạt các tỷ lệ về số lượng, khớp nhau về chất lượng, nhưng bố trí, sắp xếp theo không gian và thời gian không bảo đảm được các quan hệ hợp lý.

Trong cả ba trường hợp trên, hệ thống hoặc không hoạt động hoặc hoạt động kém hiệu quả, không thực hiện được mục tiêu hay chức năng mong muốn. Trong nhiều trường hợp, năng lực hoạt động của một hệ thống được xác định bởi chính khâu yếu nhất của nó. Đó cũng là «chỗ hợp» cần tính đến.

Trong hệ thống sản xuất, việc bố trí, sắp xếp các yếu tố sản xuất, lực lượng sản xuất có một ý nghĩa rất lớn. Nó có thể làm giảm được mức tiêu hao vật chất, tăng năng lực sản xuất và tăng năng suất lao động. Trong hệ thống các chính sách kinh tế, sự đầy đủ, khớp nhau giữa các chính sách sẽ tăng được hiệu lực rất nhiều so với trường hợp thiếu đồng bộ. Trong hệ thống tổ chức bộ máy quản lý cũng vậy. Ngoài ra, xét toàn bộ hệ thống kinh tế thì sự đầy đủ và khớp nhau giữa ba hệ thống tổ chức sản xuất, hệ thống các chính sách kinh tế và hệ thống tổ chức bộ máy quản lý là điều kiện cần thiết để bảo đảm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế quốc dân.

Hiện nay chúng ta đang đứng trước tình hình mất cân đối nghiêm trọng trên nhiều mặt hoạt động của nền kinh tế: mất cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế và khả năng nguồn vốn, giữa lượng tiền lưu thông và khả năng hàng hóa... Trong cơ cấu kinh tế quốc dân không bảo đảm được các tỷ lệ hợp lý giữa các ngành, cơ sở hạ tầng kém phát triển, không đáp ứng được các yêu cầu sản xuất... Sự không đồng bộ về các chính sách, đặc biệt về giá cả, tiền tệ và quản lý thị trường trong điều kiện sản xuất yếu kém đã dẫn đến lạm phát, ảnh hưởng tiêu cực và trực tiếp đến mọi hoạt động kinh tế, làm cho các cố gắng cải tiến quản lý và các biện pháp giáo dục tư tưởng trở nên ít hiệu lực hoặc không có hiệu lực. Khắc phục tình hình trên đây có thể bằng nhiều biện pháp, tuy nhiên về lâu dài và cơ bản vẫn là đẩy mạnh sản xuất, tổ chức nền sản xuất xã hội.

Qua số liệu thống kê ta thấy mức sử dụng các công suất sản xuất trung bình trong công nghiệp, xây dựng, vận tải hiện nay chỉ là 50 — 60%. Một số ngành sản xuất quan trọng chỉ mới sử dụng công suất trên dưới 20%, giờ lao động hữu ích của lao động trong biên chế Nhà nước chỉ ở mức 35%. Hệ số hư hao mất mát vật tư, nhiên liệu, lương thực, là 20%. Có thể đọc được nhiều số liệu thống kê và báo cáo phản ánh những tình hình tương tự. Rõ ràng là *nếu biết tổ chức sản xuất, biết tập trung đầu tư đồng bộ hóa, biết tìm các cơ chế và bước đi thích hợp thì chúng ta có thể đưa hệ*

Digitized by Google

sẽ sử dụng công suất sản xuất và giờ lao động hữu ích lên mức cao hơn, tạo thêm được nhiều sản phẩm cho xã hội, mà chưa phải đầu tư xây dựng thêm nhiều công trình mới.

Trước tiên ta hãy phân tích sự thiếu đồng bộ trong các điều kiện làm cho việc sử dụng công suất sản xuất ở mức thấp nói trên. Có thể phân loại các điều kiện cơ bản sau đây:

— Không bảo đảm được đủ các yếu tố sản xuất để thực hiện kế hoạch sản xuất. Các yếu tố sản xuất gây nhiều trở ngại nhất trong thời gian qua là các nguồn năng lượng, nhiên liệu và nguyên, vật liệu. Các yếu tố trên thường không được bảo đảm về số lượng, chất lượng và theo các thời gian cần thiết, hay như ta thường nói, không bảo đảm được đầu vào cho các đơn vị sản xuất.

— Các thiết bị máy móc, vật tư, phụ tùng thay thế không đủ để duy trì hoặc phục hồi các năng lực sản xuất, từ đó dẫn đến tình trạng hư hỏng, làm cho các dây chuyền sản xuất mất đồng bộ. Ở đây có vấn đề thiếu vốn, thiếu ngoại tệ để đầu tư cho sản xuất. Hiện tượng thiếu đồng bộ trong các dây chuyền sản xuất có thể thấy ở hầu hết các ngành, các cơ sở, sau nhiều năm khai thác thiếu bảo dưỡng, hoặc xây dựng mới các công suất mà không tính một cách đầy đủ các điều kiện bảo đảm cho nó hoạt động.

— Thiếu các phương án sản phẩm, hay nói cách khác, thiếu sự lựa chọn hợp lý các đầu ra, bao gồm các phương án tiêu thụ sản phẩm trong các điều kiện sản xuất và nhu cầu xã hội cho phép. Nổi bật lên gần đây là vấn đề giá cả và hiện tượng lạm phát chưa dự báo được trước. Chính vì vậy mà sản xuất không đem lại hiệu quả kinh tế cần thiết để có thể duy trì được mức khai thác công suất vốn có.

— Cơ sở hạ tầng của nền kinh tế, đặc biệt là hệ thống giao thông vận tải, không cho phép phát huy đầy đủ các năng lực sản xuất, không bảo đảm được các quan hệ vật chất liên ngành và quan hệ giữa sản xuất, tiêu thụ và vật tư nguyên liệu.

Giải quyết tình hình trên luôn gặp nhiều khó khăn và hạn chế khác nhau. Do đó cách giải quyết đòi hỏi phải có sự lựa chọn giữa nhiều phương án, phụ thuộc vào khả năng tư duy phân tích nhạy bén của cán bộ quản lý. Có thể vận dụng trình tự phân tích của phương pháp phân tích hệ thống để xem xét cách giải quyết vấn đề này đối với các cơ sở sản xuất.

Trước hết là việc chọn mục tiêu. Việc này thường được coi là đơn giản, hiển nhiên. Thực tế, đây vẫn là vấn đề mấu chốt, luôn phải xem xét lại trong quá trình hoạt động sản xuất. Ví dụ ở ngành khai thác than chẳng hạn. Các năm gần đây do nhu cầu than nhiều, kế hoạch Nhà nước giao luôn cao hơn khả năng sản xuất như khả năng bốc đất đá, xây dựng hầm lò, vận tải... Để hoàn thành kế hoạch, các xí nghiệp than đã phải dùng các biện pháp « bóc ngắn cắn dài », dồn các khó khăn về sau, hậu quả là làm cho điều kiện khai thác ngày càng khó. Như vậy trên thực tế, các xí nghiệp than đã bắt buộc thực hiện chủ yếu các mục tiêu trước mắt và do đó không bảo đảm được tốt hơn các mục tiêu lâu dài.

Thứ hai là, giới hạn và phân loại các vấn đề phân tích. Việc đồng bộ hóa nhằm nâng cao năng lực sản xuất có liên quan đến rất nhiều vấn đề khác nhau, có thể liên quan đến toàn hệ thống quản lý kinh tế quốc dân. Tuy nhiên nếu giải quyết đồng thời nhiều vấn đề khác nhau hoặc chờ đợi sự thay đổi của toàn hệ thống kinh tế thì sẽ không đi đến kết quả. Có thể giới hạn và tập trung vào các vấn đề mà bản thân cơ sở sản xuất có quyền chi phối và quyết định được để thực hiện mục tiêu trong điều kiện phân biệt với tất cả vấn đề còn lại, và việc thực hiện

Digitized by Google

toàn bộ mục tiêu phải đặt trong hệ thống lớn hơn mới giải quyết được. Việc phân tích đánh giá và phát hiện các nguồn lực thuộc quyền chi phối của cơ sở sản xuất để thực hiện mục tiêu có tác dụng rất quan trọng. Nếu theo các cách thống kê hoặc cách nhìn cổ điển thì thường không đánh giá đúng và hết được các nguồn này. Đó là các bất động sản, máy móc đang hoạt động hay không hoạt động được, các nguồn vốn tiềm tàng, lực lượng cán bộ, công nhân với trình độ chuyên môn và tài năng khác nhau... Ngày nay, đặc biệt quan trọng *là các nguồn thông tin về nhu cầu xã hội, giá cả, vật tư, thông tin về tiến bộ kỹ thuật và công nghệ học ở trong và ngoài nước, các tiềm năng hiện có và các tiềm năng có thể tạo ra.* Phân tích đầy đủ và đúng đắn các nguồn lực sẽ giúp cho việc xác định thỏa đáng các biện pháp thực hiện mục tiêu. Hiện nay, trong nền kinh tế của chúng ta còn rất nhiều nguồn lực chưa sử dụng. *Thành công của nhiều cơ sở sản xuất chính là ở chỗ thấy được các nguồn lực tiềm tàng và có tư duy mới trong phân tích chúng.*

Việc phân tích các quan hệ bên trong: phân tích các bộ phận hợp thành của tổ chức sản xuất để đi tới sắp xếp các bộ phận đó cũng như chọn cách phân bổ các nguồn lực có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất. Sắp xếp và chọn cách khác nhau có hiệu quả rất khác nhau. Việc này có thể áp dụng các cách tính toán khoa học, nhưng cũng có thể dựa vào những kinh nghiệm thực tiễn để tìm ra các giải pháp.

Cuối cùng là sự lựa chọn các phương án và xem xét lại khả năng thực hiện mục tiêu, điều chỉnh mục tiêu. Khi đã lựa chọn được các phương án thì cũng đồng thời phải lường trước mọi diễn biến trong việc tổ chức toàn bộ bộ máy hoạt động thực hiện mục tiêu.

Do đó, chúng ta có thể thấy *chính bản thân các cơ sở sản xuất mới có đầy đủ các thông tin về hiện trạng và các nguồn lực tiềm tàng của mình, trên cơ sở đó mới có thể đề ra các phương án sản xuất hiệu quả nhất*

Song theo quan điểm hệ thống đồng bộ thì trong điều kiện mất cân đối về nhiều mặt trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế như hiện nay, *cùng với việc phát huy quyền chủ động, sáng tạo của các cơ sở, địa phương, phải nâng cao vai trò kế hoạch hóa và cân đối của Nhà nước thông qua việc nắm và phân bổ các nguồn lực quan trọng.* Trong các năm qua, chúng ta chưa quản lý tốt và phân bổ hợp lý các nguồn lực cơ bản như năng lượng, nhiên liệu, vốn ngoại tệ, các vật tư quan trọng... Việc cung cấp điện thất thường, cung cấp vật tư nguyên liệu không theo đúng số lượng, chất lượng và thời gian là một trong các nguyên nhân tạo ra sự mất đồng bộ trong sản xuất, sự mất đồng bộ có tính chất dây chuyền khó sửa chữa.

Đối với nền kinh tế nước ta hiện nay, quan hệ kinh tế đối ngoại có một ý nghĩa chiến lược to lớn. Để bảo đảm các nhu cầu đồng bộ hóa sản xuất, cần phải có ngoại tệ để nhập máy móc, nguyên liệu, phụ tùng, và do đó cần phải xuất khẩu để trang trải. Như vậy, trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân, vấn đề hình thành cơ cấu sản xuất gắn liền với xuất khẩu là yêu cầu khách quan mà Nhà nước phải là người tổ chức, điều hòa, phối hợp. Việc xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, hải sản chiếm trên 50% tổng số hàng xuất khẩu vẫn là vấn đề quan trọng trong một thời gian nữa. Song để tăng hiệu quả xuất khẩu phải thay đổi cơ cấu xuất khẩu, giảm tỷ lệ các mặt hàng chưa chế biến. Do đó, việc xây dựng các cơ cấu sản xuất liên kết nông, lâm, ngư nghiệp với công nghiệp chế biến và xuất khẩu cũng là đòi hỏi khách quan. Đối với một số ngành sản

Digitized by Google

xuất mà khả năng xuất khẩu bị hạn chế thì việc tạo ra các liên kết kinh tế giữa công nghiệp — nông nghiệp — xuất khẩu là hướng giải quyết cần thiết. Như vậy, giải quyết vấn đề đồng bộ hóa, nâng cao năng lực sản xuất ở một số ngành không thể chỉ bó hẹp trong phạm vi ngành, mà cần hình thành các liên kết kinh tế giữa một số ngành, hình thành các cơ cấu kinh tế hợp lý trên phạm vi nền kinh tế quốc dân.

3 — Mấy vấn đề liên quan đến cơ chế quản lý và bộ máy quản lý

Có thể xem hệ thống tổ chức sản xuất và hệ thống tổ chức quản lý là những bộ phận hợp thành tạo nên hệ thống lớn hơn — hệ thống quản lý — sản xuất. Hệ thống tổ chức quản lý tạo ra các tác động lên hệ thống sản xuất nhằm tổ chức, điều chỉnh người lao động, kết hợp họ với công cụ và đối tượng lao động để sản xuất với hiệu quả ngày càng cao. Ngược lại, hệ thống sản xuất phát triển có tác động hoàn thiện và cải tiến cả hệ thống tổ chức quản lý. Sự phù hợp, khớp nhau giữa hai hệ thống đó thể hiện tính đồng bộ của hệ thống quản lý — sản xuất.

Nếu hệ thống quản lý với bộ máy tổ chức quá lớn hoặc quá cồng kềnh so với nhiệm vụ quản lý và so với cơ cấu của hệ thống sản xuất thì sẽ dẫn đến tình trạng là các cấp dưới và các cơ sở sản xuất sẽ chịu quá nhiều dầu mối quản lý từ phía trên và có thể nhận nhiều ý kiến chỉ đạo hay mệnh lệnh có khi trái ngược nhau của các cấp trên. Đây cũng là tình hình thực tế đang diễn ra ở nước ta hiện nay. Mặt khác, nếu bộ máy quản lý quá thu hẹp, thì thường không đủ năng lực để xử lý được hết các tình huống phức tạp của hệ thống sản xuất. Cả hai trường hợp đều làm cho bộ máy quản lý hoạt động kém hiệu quả, gây trở ngại cho quá trình sản xuất.

Để xây dựng được bộ máy quản lý bảo đảm được sự đồng bộ với tổ chức sản xuất và đạt được mục tiêu quản lý thường phải xuất phát từ mục tiêu, nhiệm vụ, các chức năng quản lý và các yêu cầu khách quan của tổ chức sản xuất. Sự khớp nhau hay sự đồng bộ giữa bộ máy quản lý và tổ chức sản xuất là đòi hỏi tất yếu để thực hiện được mục tiêu quản lý có hiệu quả.

Trong một thời gian dài, cơ chế quản lý quan liêu bao cấp thường đã đơn giản hóa việc ra các quyết định, chỉ chú ý đến tác động từ trên xuống mà chưa dự tính được các "phản ứng" hay các điều kiện thực hiện của cấp dưới. Thực tế của quá trình quản lý luôn luôn diễn ra sự tác động và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các quyết định của cấp trên và của cấp dưới. Sự phát triển sản xuất không phải chỉ là do các quyết định của cấp trên, mà còn do cả các quyết định của cấp dưới cho đến các quyết định của người lao động. Các cấp dưới và người lao động có các quyết định hoặc "chấp hành" hoặc "đối phó" hoặc "lợi dụng" các quyết định của cấp trên tùy theo trình độ nhận thức và mức độ phù hợp với lợi ích của họ. Vì vậy, các cơ quan quản lý cấp trên phải có đủ năng lực phân tích, dự đoán và đưa ra các quyết định thể hiện sự kết hợp hài hòa lợi ích Nhà nước với lợi ích tập thể và lợi ích người lao động, lường trước được sự "điều tiết" của các cấp dưới, của các cơ sở sản xuất và người lao động.

Để xây dựng được cơ chế quản lý có hiệu quả, còn có vấn đề *cải tiến hệ thống thông tin phản hồi* (thống kê, báo cáo, điều tra, phản ánh...) và các thông tin về tiến bộ khoa học kỹ thuật cùng với các phân tích dự báo các xu thế, các khả năng... Trên cơ sở đó mới có điều kiện để ra các quyết định sát thực tế và có nhiều khả năng hiện thực. Tác động đơn giản để quản lý các đối tượng cụ thể trong hệ thống kinh tế là thực hiện

Digitized by Google

các biện pháp hành chính, đề ra các quy định và các yêu cầu về kế hoạch. Những tác động bằng các chính sách thường tạo điều kiện tốt hơn để phát huy tính chủ động sáng tạo của đối tượng quản lý, nhất là khi các chính sách đó đã được thể chế hóa thành pháp luật. Muốn xây dựng được các chính sách đồng bộ, ăn khớp với các mục tiêu phát triển và các biện pháp kế hoạch hóa, thì phải *gắn ngay việc đó từ khâu nghiên cứu, chuẩn bị, thử nghiệm các quyết định về phương hướng phát triển sản xuất và các vấn đề quản lý*

★

Đứng trước tình hình khó khăn trên nhiều mặt hoạt động của hệ thống kinh tế quốc dân hiện nay, có ý kiến muốn xóa bỏ ngay cơ chế quản lý kinh tế hiện có để chuyển hẳn sang cơ chế quản lý mới. Ý kiến này chưa thấy hết được tính phức tạp và đòi hỏi thời gian của việc thiết kế được hệ thống quản lý mới, nhất là tìm được các bước đi, cách chuyển tiếp có kết quả từ hệ thống hiện hành đến hệ thống mới. Có thể nói bước chuyển tiếp của mọi hệ thống đều rất phức tạp, đặc biệt là khi thay đổi cơ cấu tổ chức. Đối với việc chuyển tiếp, một mặt phải chống lại cái cũ, cái bảo thủ, mặt khác không kém quan trọng là chống các xu hướng cực đoan chạy sang hẳn mặt đối lập với cái cũ. Cách chuyển tiếp « nhảy cực » đó bao giờ cũng gây tổn thất và làm nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp mới có khi còn nguy hiểm hơn.

Gần đây ngay trên báo chí phương Tây nói về quản lý kinh tế cũng thừa nhận rằng, sau khi đã có mục tiêu chiến lược về sự phát triển hay đổi mới hệ thống đối với các xí nghiệp, thì khâu tiếp theo chưa phải là việc thay đổi tổ chức của xí nghiệp, mà là phân tích hệ thống hiện có để tìm các bước chuyển tiếp, trước khi đi đến các thay đổi tổ chức, để tránh các tổn thất do chính vấn đề con người và bộ máy quản lý tạo nên. Việc tìm các bước chuyển tiếp và tạo các điều kiện cần thiết để có thể thực hiện được các thiết kế mới là những đòi hỏi có tính khách quan rõ rệt.

Có thể nói, xây dựng quan điểm hệ thống, đồng bộ, tiến tới tạo ra một hệ thống quản lý mới, bảo đảm được sự kết hợp hài hòa giữa các lợi ích kinh tế, thúc đẩy kinh tế phát triển là một việc công phu, đòi hỏi sự đổi mới tư duy, tiến hành những công trình nghiên cứu toàn diện, sâu sắc mang tính thiết thực. Đó cũng là công việc không bao giờ ngừng, gắn liền với quá trình phát triển của hệ thống kinh tế quốc dân.

Digitized by Google

HUY HÙNG

ĐỔI MỚI KẾ HOẠCH HÓA, BẢO ĐẢM QUYỀN TỰ CHỦ SẢN XUẤT CỦA ĐƠN VỊ KINH TẾ CƠ SỞ QUỐC DOANH

PHÁT triển có kế hoạch nền kinh tế quốc dân là một đòi hỏi khách quan nảy sinh trong điều kiện giai cấp công nhân đã giành được chính quyền, chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất đã được xác lập. Đó cũng là vấn đề thuộc về bản chất của việc quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Những năm qua, chúng ta đã có nhiều cố gắng trong việc đổi mới kế hoạch hóa và trong việc này tuy rằng chúng ta còn mắc không ít khuyết điểm, song không được vì thế mà có thể phủ định hoặc xem nhẹ vai trò của kế hoạch hóa — khâu trung tâm của quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Việc xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế quản lý mới đòi hỏi trước hết phải đổi mới công tác kế hoạch hóa theo hướng vừa bảo đảm sự chỉ đạo tập trung thống nhất của trung ương vừa bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở. Theo tinh thần nghị quyết của Bộ chính trị (dự thảo) về bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở thì việc đổi mới kế hoạch hóa là nhằm nâng cao trách nhiệm và bảo đảm quyền tự chủ trong công tác kế hoạch hóa của các đơn vị kinh tế cơ sở, thực hiện việc xây dựng và tổng hợp kế hoạch từ cơ sở lên theo đúng phương hướng, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước.

Các đơn vị kinh tế cơ sở cần tiến hành đổi mới kế hoạch hóa bao gồm: các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh, các đơn vị kinh tế cơ sở tập thể, hình thức kinh tế gia đình và thành phần kinh tế cá thể; trước hết là các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh — những xí nghiệp được Nhà nước giao cho quyền sử dụng một phần tư liệu sản xuất của xã hội để tiến hành sản xuất, kinh doanh theo kế hoạch, vì lợi ích của cả nước, của tập thể và của người lao động. Xí nghiệp tự chịu trách nhiệm, chủ động trong sản xuất, kinh doanh, trên nguyên tắc tự chủ về tài chính và tôn trọng các chính sách, chế độ quản lý của Nhà nước, bảo đảm bù đắp được chi phí sản xuất và có lãi.

Kế hoạch toàn diện của xí nghiệp bao gồm:

Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Bộ phận kế hoạch này có vị trí hết sức quan trọng, vì nó phản ánh tổng quát quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp từ lúc bắt đầu đến kết thúc, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm được xây dựng trên cơ sở *phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ* của kế hoạch Nhà nước và sự hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên, các thông tin kinh tế — kỹ thuật, kết quả điều tra nhu cầu thị trường, các đơn đặt hàng, các hợp đồng kinh tế ký kết giữa xí nghiệp với các tổ chức kinh doanh vật tư, tiêu thụ sản

Digitized by Google

phẩm, vận tải, dịch vụ. Trong kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, cần đặc biệt chú ý các sản phẩm thiết yếu đối với sản xuất, đời sống, quốc phòng và xuất khẩu. Việc sản xuất và tiêu thụ các loại sản phẩm thiết yếu này phụ thuộc vào yêu cầu của nền kinh tế và do Nhà nước đảm nhận; danh mục các mặt hàng thiết yếu do Nhà nước quy định (cứ năm năm ban hành một lần và hằng năm có điều chỉnh). Ngoài ra, các bộ và địa phương tùy theo yêu cầu của mình, có thể cụ thể hóa và bổ sung vào danh mục một số sản phẩm cần thiết khác, rồi giao pháp lệnh cho các đơn vị kinh tế cơ sở trực thuộc. Nhà nước sẽ chỉ định các tổ chức tiêu thụ, xí nghiệp có nhiệm vụ ký hợp đồng với các tổ chức tiêu thụ này, xác định quy cách, chủng loại và cơ cấu mặt hàng cụ thể. Trong trường hợp các tổ chức tiêu thụ (do Nhà nước chỉ định) không ký hợp đồng hoặc ký không hết số lượng được giao thì xí nghiệp đề nghị với cơ quan quản lý cấp trên cho phép ký hợp đồng với cơ quan tiêu thụ khác. Trong bất cứ điều kiện nào xí nghiệp cũng phải dành mọi sự ưu tiên cho việc sản xuất các loại sản phẩm thiết yếu (vì sản xuất những sản phẩm thiết yếu là nghĩa vụ và trách nhiệm của xí nghiệp đã được ghi trong kế hoạch theo nghị quyết của cấp trên). Ngoài ra, xí nghiệp được quyền sản xuất thêm một số sản phẩm khác nhưng phải đăng ký mặt hàng với ngành chủ quản và bán sản phẩm cho tổ chức kinh doanh vật tư, thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã (nếu tổ chức kinh doanh vật tư, thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã không có khả năng tiêu thụ thì xí nghiệp mới tự tổ chức tiêu thụ); mọi hoạt động liên doanh, liên kết và hợp tác sản xuất giữa xí nghiệp với các đơn vị kinh tế khác đều phải phản ánh vào kế hoạch của xí nghiệp và báo cáo lên cơ quan quản lý cấp trên.

Kế hoạch vật tư kỹ thuật. Trung ương cần quản lý và phân phối thống nhất những vật tư kỹ thuật có tác dụng lớn đối với sản xuất, kinh doanh của nhiều ngành, nhiều địa phương và giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu của từng thời kỳ kế hoạch. Căn cứ vào khối lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ kế hoạch, Nhà nước thông báo cho xí nghiệp hạn mức vật tư chủ yếu được mua theo định mức đã duyệt, đồng thời giao chỉ tiêu pháp lệnh về số lượng các loại vật tư cho đơn vị kinh doanh vật tư hoặc các đơn vị sản xuất vật tư có trách nhiệm bảo đảm cung ứng đầy đủ, kịp thời, thuận tiện cho xí nghiệp, phấn đấu huy động mọi khả năng thực hiện từng bước "5 đúng" theo hợp đồng kinh tế. Những xí nghiệp có nhu cầu lớn về vật tư, nguyên liệu được nhận hoặc mua trực tiếp ở nơi khai thác và sản xuất không cần qua khâu trung gian. Việc cung ứng vật tư phải dựa trên cơ sở ký kết hợp đồng kinh tế giữa xí nghiệp với các tổ chức cung ứng và sản xuất vật tư, cũng như việc sử dụng vật tư kỹ thuật phải theo đúng nhiệm vụ kế hoạch, nguyên tắc thể lệ của Nhà nước quy định; xí nghiệp không được đem vật tư sử dụng vào các mục đích khác như trao đổi, mua bán để hưởng chênh lệch giá v.v.

Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản. Cần phải có chế độ kế hoạch hóa đầu tư cụ thể, chặt chẽ và có hiệu lực, bảo đảm cho xí nghiệp chủ động trong việc bảo quản, duy trì, sử dụng có hiệu quả tài sản cố định được Nhà nước giao cho xí nghiệp và được quyền xử lý những tài sản cố định không dùng đến theo quy định của Bộ tài chính; được mua sắm hoặc đổi mới tài sản cố định để đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất...

Nhà nước không cấp phát vốn đầu tư cho những xí nghiệp đã huy động vào sản xuất; vốn để duy trì năng

Digitized by Google

lực sản xuất, mở rộng sản xuất, thay đổi quy trình công nghệ... chủ yếu là vốn tự có của xí nghiệp, (hoặc vốn vay ngân hàng, vốn vay nước ngoài nếu được Nhà nước cho phép). Xí nghiệp chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư và danh mục đầu tư vốn tự có và vốn đi vay, cơ quan quản lý cấp trên xem xét tùy theo khả năng của mình có thể cân đối một phần vật tư, thiết bị chủ yếu, phần còn lại xí nghiệp tự cân đối. Mọi nguồn vốn đầu tư đều phải tổng hợp vào kế hoạch của xí nghiệp, bảo đảm sử dụng nguồn vốn vào mục đích thống nhất phục vụ sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống công nhân viên chức.

Kế hoạch lao động và tiền lương. Xí nghiệp căn cứ vào khối lượng sản phẩm sản xuất, kinh doanh và dựa trên cơ sở định mức hao phí lao động và mức chi phí tiền lương cho từng loại sản phẩm hoặc loại công việc của xí nghiệp để xây dựng kế hoạch. Nhà nước không giao cho xí nghiệp các chỉ tiêu pháp lệnh về tổng số lao động và tổng quỹ lương (trước mắt vì còn lẫn một số mặt hàng theo định lượng cho công nhân viên chức, do đó cấp trên còn duyệt chỉ tiêu tổng số công nhân viên chức của từng xí nghiệp). Việc xây dựng kế hoạch quỹ tiền lương phải dựa trên cơ sở ký kết hợp đồng giữa xí nghiệp với cơ quan ngân hàng, bảo đảm chi, trả và quyết toán quỹ lương theo đúng nguyên tắc, thể lệ của Nhà nước quy định, trả lương phải gắn với mức độ hoàn thành công việc và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp.

Kế hoạch khoa học — kỹ thuật. Bộ phận kế hoạch này đánh dấu bước tiến của xí nghiệp trong việc cải tiến hoặc đổi mới quy trình công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, tận dụng và sử dụng tiết kiệm nguyên liệu (dùng nguyên liệu trong nước thay thế cho nguyên liệu nhập khẩu); xây dựng các định mức kinh tế, kỹ thuật tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Kế hoạch khoa học — kỹ thuật của xí nghiệp được thực hiện trên cơ sở ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học kỹ thuật với cơ quan khoa học kỹ thuật; xí nghiệp được quyền mua sáng kiến, phát minh và chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư cho việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Ngoài những nội dung trên đây, việc kế hoạch hóa đối với đơn vị kinh tế quốc doanh còn có một số nội dung cơ bản khác như: *kế hoạch giá thành* của xí nghiệp được xây dựng trên cơ sở các định mức kinh tế — kỹ thuật tiến bộ, loại bỏ các chi phí bất hợp lý, bảo đảm phản ánh trung thực các chi phí sản xuất, trước hết là chi phí vật tư, năng lượng vào giá thành theo định mức và đơn giá quy định của Nhà nước; nó đòi hỏi phải có sự kiểm tra, kiểm soát của cấp trên xí nghiệp phải phấn đấu hạ giá thành, làm căn cứ để kế hoạch hóa lợi nhuận, giá cả, các khoản nộp ngân sách; *kế hoạch tài chính* của xí nghiệp thể hiện việc chủ động xây dựng kế hoạch thu, chi tài chính của xí nghiệp trên cơ sở xây dựng, bổ sung và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cố định, khấu hao cơ bản, vốn lưu động, lợi nhuận v.v.. bảo đảm trích nộp các khoản lợi nhuận, thuế, khấu hao v.v. cho ngân sách Nhà nước; *kế hoạch đời sống và xã hội* của xí nghiệp thể hiện việc tổ chức ăn, ở, đi lại, bảo vệ sức khỏe, phát triển kinh tế phụ gia đình... là bộ phận quan trọng nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân viên chức.

Trên đây là những bộ phận kế hoạch chủ yếu trong kế hoạch toàn diện của xí nghiệp. Việc thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các bộ phận kế hoạch này có ý nghĩa quyết định đối với việc hoàn thành các chỉ tiêu pháp lệnh giao cho xí nghiệp.

Digitized by Google

Hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh giao cho xí nghiệp (từ 1 đến 3 chỉ tiêu) tùy thuộc vào tình hình sản xuất, kinh doanh cụ thể của mỗi xí nghiệp. Đối với xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, có thể chia làm ba loại:

Loại xí nghiệp được Nhà nước bảo đảm cân đối vật tư, thiết bị để sản xuất các sản phẩm thiết yếu phục vụ cho sản xuất, đời sống, quốc phòng, xuất khẩu, Nhà nước sẽ giao ba chỉ tiêu:

— Giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện (ghi rõ kim ngạch xuất khẩu nếu có).

— Số lượng sản phẩm chủ yếu với quy cách, chất lượng quy định tiêu thụ theo kế hoạch và hợp đồng (phần giao cho quốc phòng, xuất khẩu nếu có).

— Các khoản nộp ngân sách — gồm lợi nhuận và các khoản thu khác (ngoại tệ nộp ngân sách nếu có).

Đối với loại xí nghiệp được Nhà nước bảo đảm cân đối một phần vật tư và phần vật tư còn lại do xí nghiệp tự cân đối để sản xuất các sản phẩm không thuộc danh mục sản phẩm thiết yếu, Nhà nước chỉ giao hai chỉ tiêu:

— Giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện.

— Các khoản nộp ngân sách — gồm lợi nhuận và các khoản thu khác (ngoại tệ nộp ngân sách nếu có).

Đối với loại xí nghiệp sản xuất, dịch vụ, sửa chữa... chủ yếu bằng vật tư do xí nghiệp tự cân đối, cấp trên chỉ giao một chỉ tiêu: các khoản nộp ngân sách — gồm lợi nhuận và các khoản thu khác (ngoại tệ nộp ngân sách nếu có).

Việc giao chỉ tiêu pháp lệnh theo hướng trên đây cũng có thể áp dụng đối với xí nghiệp thuộc các ngành khác như: chỉ tiêu pháp lệnh đối với xí nghiệp thương nghiệp quốc doanh bao gồm: doanh số mua vào, bán ra (hoặc kim ngạch xuất nhập khẩu); khối lượng mặt hàng chủ yếu mua vào, bán ra theo kế hoạch và hợp đồng (hoặc khối lượng mặt hàng chủ yếu xuất nhập khẩu); các khoản nộp ngân sách gồm lợi nhuận và các khoản thu khác (ngoại tệ nộp ngân sách nếu có). Đối với tổ chức kinh doanh vật tư: doanh số mua vào, bán ra (trong đó kim ngạch xuất khẩu nếu có); khối lượng mặt hàng chủ yếu mua vào, bán ra theo kế hoạch và hợp đồng (trong đó khối lượng mặt hàng chủ yếu xuất nhập khẩu nếu có); các khoản nộp ngân sách. Đối với ngân hàng kinh doanh: tổng số thu và tổng số chi tiền mặt; tổng số vốn huy động và cho vay; các khoản nộp ngân sách gồm lợi nhuận và các khoản thu khác. Đối với xí nghiệp vận tải: khối lượng vận chuyển và luân chuyển hàng hóa, hành khách; khối lượng vận chuyển hàng hóa chủ yếu theo kế hoạch và hợp đồng; các khoản nộp ngân sách — gồm lợi nhuận và các khoản thu khác, (trong đó ngoại tệ nộp ngân sách nếu có). Đối với xí nghiệp xây lắp: giá trị sản lượng xây lắp hoàn thành theo tiến độ được thanh toán, danh mục công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao; các khoản nộp ngân sách — gồm lợi nhuận và các khoản thu khác.

Những chỉ tiêu pháp lệnh giao cho xí nghiệp quốc doanh như đã nói trên đang được áp dụng thử ở nhiều xí nghiệp của nhiều ngành. Có nhiều ý kiến tán thành việc thu gọn các chỉ tiêu pháp lệnh giao cho xí nghiệp như nghị quyết (dự thảo) số 306 của Bộ chính trị, nhưng cũng có ý kiến cho rằng, giao ba chỉ tiêu như vậy là ít, cần giao thêm một số chỉ tiêu khác. Theo chúng tôi, việc tính toán số lượng các chỉ tiêu trong hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh để giao cho từng loại xí nghiệp cụ thể là cần thiết, vì một hệ thống chỉ tiêu hợp lý sẽ kích thích xí nghiệp phát triển và mở rộng sản xuất, kinh doanh vì lợi ích của Nhà nước, của tập thể, của người lao động.

Digitized by Google

Song, số lượng chỉ tiêu nhiều hay ít không tuyệt đối nói lên chất lượng hoàn thành kế hoạch của một xí nghiệp, nếu xí nghiệp đó không được Nhà nước bảo đảm cung ứng vật tư kỹ thuật và những điều kiện cần thiết tương ứng với chỉ tiêu pháp lệnh giao cho xí nghiệp. Vì vậy, việc đổi mới phương pháp kế hoạch hóa theo hướng xây dựng kế hoạch từ đơn vị kinh tế cơ sở thông qua hợp đồng kinh tế đơn đặt hàng, thu gọn chỉ tiêu pháp lệnh, giao chỉ tiêu hướng dẫn... đòi hỏi phải tăng cường các chính sách đòn bẩy kinh tế như thuế, lợi nhuận, giá cả, tiền lương, tiền thưởng v.v. nhằm hướng mọi hoạt động của xí nghiệp đi vào quỹ đạo của kế hoạch Nhà nước.

Kế hoạch của xí nghiệp được vạch ra đủ sát hợp đến đâu cũng chỉ mới ở dạng khả năng, do đó phải có sự điều hành thực hiện, thì kế hoạch mới thành hiện thực. Kế hoạch cả năm của xí nghiệp phải được cụ thể hóa thành kế hoạch quý, tháng và thành nhiệm vụ sản xuất cụ thể giao cho từng phân xưởng, tổ, đội sản xuất. Xí nghiệp phải tiến hành thường xuyên việc phân tích các hoạt động kinh tế, mức độ hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch, đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch... báo cáo kịp thời lên cơ quan quản lý cấp trên. Cơ quan quản lý cấp trên đi sâu đi sát kiểm tra, đôn đốc và có biện pháp kịp thời giúp đỡ xí nghiệp hoàn thành kế hoạch; các cơ quan cung ứng vật tư, vận tải... bảo đảm cung ứng, vận tải theo đúng kế hoạch và hợp đồng đã ký; cơ quan trọng tài kinh tế xét xử kịp thời, thưởng phạt nghiêm minh theo đúng hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa các bên. Việc xét duyệt mức độ hoàn thành kế hoạch hằng năm của xí nghiệp là do cơ quan trực tiếp giao kế hoạch cho xí nghiệp đảm nhận. Giám đốc xí nghiệp có trách nhiệm báo cáo kết quả hoàn thành kế hoạch hằng năm của xí nghiệp lên cơ quan cấp trên và các cơ quan tổng hợp như kế hoạch, tài chính, ngân hàng, vật tư, vật giá, thống kê..., đồng thời hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự chính xác của những vấn đề nêu lên trong báo cáo. Báo cáo kết quả hoàn thành kế hoạch của giám đốc xí nghiệp và sự tham gia góp ý kiến xác nhận của các cơ quan có liên quan là cơ sở để cho cơ quan giao kế hoạch xem xét công nhận kết quả hoàn thành kế hoạch của xí nghiệp.

Đổi mới công tác kế hoạch hóa, tăng cường quyền chủ động xây dựng kế hoạch từ đơn vị kinh tế cơ sở theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa — tiền tệ, bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp quốc doanh là một trong những mắt khâu quan trọng mở ra triển vọng nâng cao chất lượng, tính hiệu lực, tính kỷ luật của kế hoạch. Những cân đối giả tạo, không có cơ sở khoa học, thoát ly thực tế sẽ được thay thế bằng những cân đối hiện thực, tích cực và vững chắc, góp phần vào việc hình thành cơ chế quản lý mới, thúc đẩy sản xuất phát triển, đưa nền kinh tế đi dần vào thế ổn định và từng bước tiến lên.

Digitized by Google

PHAN CỰ ĐỆ

VĂN XUÔI, CUỘC SỐNG VÀ BẠN ĐỌC HÔM NAY

Mấy năm gần đây, văn xuôi của chúng ta khởi sắc hẳn lên và có những dấu hiệu bước vào một mùa gặt mới. Trong năm 1985, tính trung bình, mỗi nhà xuất bản ở trung ương in trên dưới 10 đầu sách văn xuôi, bao gồm tiểu thuyết, truyện ngắn, bút ký. Các đề tài cũng được triển khai rộng. Có tiểu thuyết viết về vận mệnh đất nước trong 30 năm chiến tranh, có tiểu thuyết đi sâu vào vấn đề hoàn thiện đạo đức, nhân cách xã hội chủ nghĩa, hoặc vấn đề số phận cá nhân, hạnh phúc cá nhân trong đời thường. Có tiểu thuyết đi vào đề tài lịch sử và tiểu thuyết xông thẳng vào những vấn đề nóng hổi của chủ nghĩa xã hội, có tiểu thuyết của các nhà văn dân tộc thiểu số, và tiểu thuyết dành riêng cho thiếu nhi, có tiểu thuyết tâm lý xã hội và tiểu thuyết tình báo, phản gián với những cốt truyện phiêu lưu, đầy hấp dẫn. Từ 1981 đến 1985 đã có 4 tác phẩm được Hội nhà văn trao giải thưởng về văn xuôi: *Gặp gỡ cuối năm* của Nguyễn Khải, *Đứng trước biển* của Nguyễn Mạnh Tuấn (giải A) và *Hạt mùa sau* của Nguyễn Thị Ngọc Tú, *Cuộc đời bên ngoài* của Vũ Huy Anh (giải B).

Cho đến nay, chiến tranh cách mạng vẫn là một trong những đề tài trung tâm của nền văn xuôi hiện thực xã hội chủ nghĩa Việt nam. Đáng chú ý nhất trong những năm gần đây là sự xuất hiện những tiểu thuyết có khuynh hướng sử thi như *Người cùng quê* (I) của Phan Tứ, *Đất nước* (I) của Hữu Mai, *Đất trắng* (2 tập) của Nguyễn Trọng Oánh, *Đất miền Đông* (I) của Nam Hà... Độ lùi của thời gian cũng như độ chín của tài năng cho phép các nhà văn có thể nhìn bao quát toàn cảnh hai cuộc kháng chiến, nêu lên những tổng kết sâu sắc và độc đáo về cách mạng và chiến tranh nhân dân, rút ra những quy luật của sự hình thành tính cách con người Việt nam trong chiến tranh cách mạng, tổng hợp được những kinh nghiệm cũng như những giá trị bền vững trong truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc.

Cảm hứng về nhân dân, về lịch sử là một cảm hứng mang tính chất sử thi. Các tác giả muốn tái hiện bức tranh hoành tráng của những thời kỳ lịch sử hào hùng của dân tộc; ý thức miêu tả toàn cảnh rộng lớn, quy mô toàn cảnh sử thi, không gian sử thi ở đây khá rõ. Nhưng cũng rõ ràng là bức tranh toàn cảnh của đám đông chỉ trở nên sinh động, khi ống kính của nhà tiểu thuyết phối hợp viễn cảnh với cận cảnh, phối hợp việc miêu tả bức tranh rộng lớn với việc đi sâu vào số phận vài ba nhân vật trung tâm.

Hiện thực mang tính sử thi trong những cuốn tiểu thuyết nói trên có thể tiếp cận từ một quy mô rộng, mở ra trong không gian và thời gian, nhưng cũng có thể tiếp cận từ một chiều cao khái quát, từ một cái nhìn tổng hợp về triết học, đạo đức, nhân sinh. Phối hợp được cái nhìn từ chiều cao và chiều rộng đó, hiện thực sẽ được

Digitized by Google

miêu tả tập trung và cô đúc hơn, tránh được sự dàn trải theo thời gian và chiều dài sự kiện. Bạn đọc ngày hôm nay đang bị hút vào những vấn đề nóng hổi của cuộc sống sôi động trong những chặng đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Cho nên những tác phẩm viết về cách mạng và kháng chiến không chỉ có nhiệm vụ tái hiện một cách công phu, tỉ mỉ, với nhiều chi tiết về xã hội học, dân tộc học, mà còn phải đặt ra được những vấn đề soi sáng cho đường đi và vận mệnh con người ngày hôm nay.

Nguyễn Khải vẫn tỏ ra sung sức. Trong tác phẩm Nguyễn Khải mấy năm gần đây anh không có ý tái hiện đám đông nhân vật đi vào lịch sử, hoặc dựng những bức tranh quy mô hoành tráng, quy mô sử thi. *Gặp gỡ cuối năm*, *Thời gian của người* được dư luận lạn đọc hoan nghênh chính là nhờ sự tổng hợp giữa một số chất liệu hiện thực được chắt lọc với khả năng khái quát cao, chiều sâu triết lý và tâm lý, giữa những câu chuyện đã đi vào lịch sử với những suy lý, chiêm nghiệm mang tính thời sự của ngày hôm nay. Tất nhiên, chúng ta không nên đề cao một chiều phương thức phản ánh theo lối suy lý, chiêm nghiệm. Càng không nên dùng phương thức này để xa lánh thực tế, để rút lui vào sự tự chiêm nghiệm, tự nhận thức, tự mình ngắm nghía mình. Chúng ta tôn trọng phong cách riêng, ưu thế riêng của mỗi nhà văn trong khi bình giá và phản ánh hiện thực. Nhưng đối với một nền văn xuôi mới phát triển từ đầu thế kỷ này, những nhân vật điển hình trong cái bảo tàng văn học còn quá ít, nhiều thời kỳ lịch sử vẻ vang chưa được phản ánh trong tác phẩm, thì nhiệm vụ nhận thức, tái hiện hiện thực (nhất là hiện thực sôi động hôm nay) thông qua tư duy hình tượng, thông qua việc xây dựng những tính cách điển hình (nhất là những điển hình con người mới), vẫn phải coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa.

★

Chúng ta đang ở trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đây là thời kỳ đấu tranh quyết liệt giữa hai con đường, hình thái chủ nghĩa xã hội như ta mong muốn thì chưa thành hiện thực, nhiều vấn đề còn ở dạng khai phá, nhiều thí nghiệm chưa có kết luận cuối cùng, chưa được đúc kết lại trong những mô hình hoàn chỉnh. Nhưng chính cái hiện thực ngổn ngang, bề bộn, trong đó diễn ra « một cuộc đối chứng giữa hai mặt nhân cách và phi nhân cách, giữa cái hoàn thiện và chưa hoàn thiện, giữa ánh sáng và những khoảng bóng tối vẫn còn rơi rớt » như có người nói, lại là miếng đất phì nhiêu của văn xuôi. Trên miếng đất sôi động đó đã xuất hiện những tác phẩm xông thẳng vào các vấn đề cơ bản của đời sống lao động sản xuất, của phương thức quản lý kinh tế, của cách mạng khoa học kỹ thuật, góp tiếng nói tích cực của mình vào việc giải quyết những vấn đề nóng hổi của chủ nghĩa xã hội (*Đứng trước biển*, *Cù lao Tràm*, *Hạt mùa sau*, *Giấy trắng*...). Nhiệt tình, tâm huyết, trách nhiệm cao là ưu thế của những nhà văn trẻ đang xông thẳng vào *cát bỏm nay* của chủ nghĩa xã hội. Nguyễn Mạnh Tuấn đã dũng cảm tiến công vào những mặt tiêu cực (chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa quan liêu, thói dối trá, nịnh bợ, luồn lách...) với tất cả bản lĩnh và khí phách của một người cầm bút, đã nhiệt tình bảo vệ cái mới và những lực lượng tiên tiến của chủ nghĩa xã hội. Bằng hình thức chính luận, tâm tình, đối thoại với bạn đọc, anh đã mạnh dạn đưa ra những kiến nghị,

Digitized by Google

những cách giải quyết, có khi « tràn trề những hưng phấn lãng mạn », nhưng trong nhiều trường hợp, có cơ sở khoa học, thu hút được sự chú ý của các nhà chính trị, kinh tế học, xã hội học. *Hạt mùa sau, Cù lao Tràm* không chạy theo cái « mốt » chỉ xoáy sâu vào những chuyện tiêu cực, miêu tả dài dòng, mô típ trùng lặp, nhằm nói cho đã, cho hả những chuyện đang làm mọi người bất bình, phẫn nộ, nhưng lại không gắn với cuộc đấu tranh giữa hai con đường, không nâng lên được thành những vấn đề xã hội, triết học, tâm lý. *Cù lao Tràm* không phải là chuyện tiêu cực của đồng bằng sông Cửu long mà là cuộc đấu tranh giữa hai con đường, một vấn đề nóng bỏng hiện nay trong cả nước. Tác phẩm đã đặt ra những vấn đề chung về chính trị, kinh tế, văn hóa cho mọi miền nông thôn nước ta trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta khuyến khích các nhà văn đến những nơi tiên tiến, viết về những con người tiên tiến, nhưng điều đó không có nghĩa là nhà văn không được phép viết về một điểm yếu của phong trào, phê phán một mảng tiêu cực nào đó của một vùng trong một thời điểm nhất định. Không nên nghĩ như thế là nhà văn xuyên tạc hiện thực của vùng đó. Vấn đề là nhà văn phải xử lý đề tài với một tầm mắt rộng, phải liên hệ điểm với diện, liên hệ hoàn cảnh hẹp với hoàn cảnh rộng. Vấn đề là cái nền rộng chung quanh đó phải tươi sáng, phải đại diện cho xu thế đi lên của phong trào chung. Nhân vật tích cực ở một thời điểm nào đấy có thể bị cô lập, lực lượng tiêu cực tạm thời có thể lấn át, nhưng vấn đề chính là xu thế phát triển của tình hình, là niềm tin lạc quan vào chiến thắng cuối cùng của lẽ phải, của cái thiện, của công lý.

Viết *Cù lao Tràm*, Nguyễn Mạnh Tuấn nghĩ mình có thể phạm rất nhiều « sơ sót » vì « nông thôn không phải trong vòn sống và sở trường » của anh. Tác phẩm ôm đồm quá nhiều vấn đề, trong đó có những vấn đề phức tạp, ngoài tầm xử lý của tác giả, vì thế anh chưa lý giải được chặt chẽ, do chưa nghiên cứu hiện thực thật toàn diện, chưa có thời gian tìm hiểu sâu truyền thống, phong tục, sinh hoạt của nhân dân miền Tây Nam bộ; đặc biệt có những sự việc, những chi tiết về Năm Trà chứng tỏ tác giả còn thiếu kinh nghiệm về công tác Đảng. Bạn đọc cũng nhận thấy khá rõ một số nhược điểm trong ngôn ngữ và nghệ thuật biểu hiện.

Cuộc đấu tranh giữa hai con đường không chỉ diễn ra quyết liệt trên các mặt trận kinh tế, chính trị mà còn tạo nên những phân hóa mạnh mẽ trên bình diện đạo đức và nhân cách. Một số tác giả đã phê phán kịch liệt những trường hợp sụp đổ về đạo đức, số đông chú ý hơn đến vấn đề xây dựng một nhân cách xã hội chủ nghĩa hoàn thiện. Đó là những chủ đề chính của *Hạt mùa sau, Sao đổi ngôi, Mùa lá rụng trong vườn* và hàng loạt truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu, Bùi Hiền, Vũ Tú Nam, Nguyễn Kiên, Dương Thu Hương...

Nguyễn Thị Ngọc Tú hoàn thành bản thảo *Hạt mùa sau* của mình trong thời gian 1979 — 1983, giai đoạn đầy gay go, phức tạp trong đời sống chính trị, kinh tế và xã hội. Nhiều trang của tiểu thuyết phản ánh cuộc sống của các tầng lớp cán bộ bị tha hóa, những bọn phe phẩy, ăn chơi, những cô gái sống phóng túng, buông thả, ngay trong lĩnh vực khoa học cũng có bọn cơ hội, dầu cơ, sống trên lưng đồng chí của mình. Cuốn tiểu thuyết cũng biểu hiện những băn khoăn của một người có trách nhiệm, những đề nghị, kiến giải về một thái độ sống trung thực, có lý tưởng, một thái độ đấu tranh không khoan nhượng chống lại cái xấu, cái dê hèn, một niềm tin

Digitized by Google

đầy tâm huyết vào cái thiện, vào tương lai tươi sáng, vào phẩm chất con người xã hội chủ nghĩa.

Cuộc đấu tranh giữa hai con đường, thể hiện thành cuộc đấu tranh giữa hai lối sống, đã tác động mạnh mẽ đến mỗi cá nhân trong gia đình, như trong *Mùa lá rụng trong vườn* của Ma Văn Kháng.

Sao đổi ngôi của Chu Văn làm ta yêu và kính phục những người lính trẻ ở Trường sơn, những con người đẹp, anh hùng, cao thượng, sống có lý tưởng, sống với tình nghĩa quê hương, bạn bè, đồng chí thủy chung, dám xông vào khó khăn, dám hy sinh cho nghĩa lớn, cho công bằng xã hội. *Sao đổi ngôi* cũng là sự phẫn nộ trước những chuyện tiêu cực ở chiến trường và hậu phương, tác giả lớn tiếng tố cáo những kẻ kiếm chác, làm giàu trên xương máu của đồng đội, trên mồ hôi, nước mắt của đồng bào, đồng chí. Nhiều trang của *Sao đổi ngôi* gây xúc động và tràn ngập cảm hứng nhân đạo chủ nghĩa. Chu Văn lưu ý chúng ta đến những vấn đề phức tạp sau chiến tranh, anh tha thiết lênh vực cho những số phận, những con người bị thiệt thòi, bị oan khiên, cuộc đời éo le trăm nỗi. Sự thiệt thòi của họ là do những tiêu cực trong xã hội gây nên, do những định kiến hẹp hòi từ ngàn xưa để lại.

Sao đổi ngôi đã nêu lên một vấn đề đáng suy nghĩ. Ở nước ta, chủ nghĩa nhân ái gắn với chủ nghĩa yêu nước, số phận cá nhân luôn luôn gắn với số phận cộng đồng. Không có độc lập cho Tổ quốc thì cũng không có tự do, hạnh phúc cho cá nhân. Ở hoàn cảnh nước ta, không thể đặt vấn đề giải phóng cá nhân đơn thuần như chủ nghĩa nhân văn tư sản thế kỷ 16 ở phương Tây. Thật là sai lầm nếu chúng ta nghĩ rằng trong 30 năm chiến tranh, chúng ta chỉ giải phóng cộng đồng chứ không giải phóng cá nhân, chúng ta áp đặt cộng đồng lên cá nhân, cho nên sau 1975 văn học phải tập trung vào nhiệm vụ giải phóng cá nhân. Mặt khác, cũng không nên chỉ nghĩ một cách giản đơn là sau 30 năm chiến tranh, cộng đồng được giải phóng thì mỗi cá nhân cũng được hoàn toàn giải phóng, hạnh phúc cá nhân cũng được vẹn tròn. Văn học phải góp phần giải quyết những vấn đề lớn, những vấn đề sống còn của đất nước, của chủ nghĩa xã hội, đồng thời cũng phải quan tâm đến số phận những cá nhân đấu tranh cho công bằng xã hội, cho những mục tiêu của chủ nghĩa nhân đạo cộng sản. Bởi vì theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, «chỉ có thể giải phóng cá nhân thông qua giải phóng xã hội», và «xã hội không thể nào tự giải phóng cho mình được nếu không giải phóng cho mỗi cá nhân» (Ăng-ghen).

Trong lịch sử dân tộc, lần đầu tiên chúng ta làm một cuộc cách mạng xã hội toàn diện nhất, triệt để nhất. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa này sẽ kết hợp được hài hòa sự làm chủ của cộng đồng xã hội với quyền tự do chân chính của cá nhân và trên cơ sở những đòi hỏi tất yếu của cuộc sống cộng đồng phải bảo đảm sự phát triển phong phú của nhân cách, phải phát huy toàn diện sở trường và năng khiếu cá nhân. Vấn đề hoàn thiện nhân cách xã hội chủ nghĩa là đề tài của những truyện ngắn gần đây. Các nhà văn đã đi sâu vào tâm lý bên trong, để cho các nhân vật soi bóng vào nhau, hoặc để cho nhân vật tự khám phá mình, như là một sự lắng lại, suy ngẫm về cuộc đời đã qua, hồi tưởng lại những kỷ niệm đáng ghi nhớ nhất trong hai cuộc chiến tranh, những kỷ niệm đẹp đẽ đó dường như luôn luôn tỏa sáng, lấp lánh, trở thành điểm tựa tinh thần cho những năm dài về sau (*Trái cam trong lòng tay* – Nguyễn Kiên, *Mận trắng* – Đỗ Chu, *Hạng* – Nguyễn Minh Châu). Nhân vật nhìn lại bản thân một cách trầm

Digitized by Google

tình để nhận ra những giá trị đích thực của mình, tự mình đối diện với mình như một sự tự phán xét về nhân cách, nhằm hướng tới một nhân cách xã hội chủ nghĩa hoàn thiện, đó là trường hợp các truyện ngắn *Tấm tưởng* của Bùi Hiền, *Bức tranh*, *Dấu vết nghề nghiệp* của Nguyễn Minh Châu, *Mùa xuân tiếng chim* và *Sống với thời gian hai chiều* của Vũ Tú Nam... Những truyện ngắn trên đây đánh dấu một bước phát triển trong phong cách các nhà văn và thường tập trung vào vấn đề đạo đức. Nhưng sự hoàn thiện nhân cách xã hội chủ nghĩa là một vấn đề rộng hơn vấn đề đạo đức. Nó gắn liền với việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

★

Văn xuôi của chúng ta đang phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Chúng ta khuyến khích sự phong phú về đề tài và đa dạng về phong cách, chứ không hề muốn tuyệt đối hóa một khuynh hướng. Tuy nhiên, phải nhận rằng, cho đến nay, mảng văn xuôi viết về đề tài chủ nghĩa xã hội còn yếu, chúng ta chưa có nhiều những tác phẩm xông thẳng vào những vấn đề nóng hổi của chủ nghĩa xã hội, phản ánh cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai con đường trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Đứng về lực lượng sáng tác mà nói thì các nhà văn quân đội đã từng tham gia hai cuộc kháng chiến có thuận lợi hơn khi viết về chiến tranh cách mạng, các nhà văn đã có tuổi đời, tuổi nghề có ưu thế hơn khi làm việc suy lý, chiêm nghiệm về chặng đường 40 năm đầy những biến động lịch sử của một đời người, còn các nhà văn trẻ thì có rất nhiều khả năng xông xáo vào những mũi nhọn của cuộc sống sôi động hôm nay, góp tiếng nói của mình giải quyết những vấn đề nóng bỏng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh những tác phẩm xuất hiện kịp thời như *Hòn đất*, *Người mẹ cầm súng*, *Sống như Anh*, *Dấu chân người lính*, *Mẫn và tôi*, *Đất Quảng*, *Vùng trời*, thì hiện nay các bạn đọc trên mọi miền đất nước cổ vũ, khuyến khích *Đứng trước biển*, *Cù lao Tràm* là điều dễ hiểu. Văn học không chờ đợi những kết luận cuối cùng, văn học phải xông vào *cái hôm nay* ngổn ngang, bề bộn, nhưng rất phong phú và hấp dẫn của cuộc sống mới xã hội chủ nghĩa. Văn học không đi sau cuộc sống, văn học phải có mặt ở tuyến đầu của mặt trận tư tưởng và văn hóa.

Trong cái bảo tàng văn học của chúng ta vẫn còn quá ít những điển hình con người mới xã hội chủ nghĩa. Đây là một nhược điểm cần phải khắc phục, vì xây dựng nhân vật tích cực, xây dựng điển hình con người mới là nhiệm vụ trung tâm có tính chất chiến lược của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Nhiều cuốn tiểu thuyết của ta (trong đó có *Cù lao Tràm*) còn sa đà vào những cuộc đối thoại quá dài, dây tính chất báo chí và chính luận, chưa đi sâu vào số phận và tính cách, vào tâm lý bên trong và bản chất tạo hình của nhân vật. Con người mới bị mờ đi sau những tư liệu và sự kiện bề bộn hoặc đôi lúc bị biến thành kẻ phát ngôn cho tác giả, nhân vật vì thế mang tính chất phiến diện, nghiêng về màu sắc duy lý hoặc tiên nghiệm.

Điển hình con người mới có thể được xây dựng từ những chất liệu có thật ngoài đời, nhưng qua vai trò của chủ thể sáng tạo là nhà văn, nó đã biến thành một tổng thể mới, một chất lượng mới so với nguyên hình. Nhân vật có thể mang sắc thái địa phương,

Digitized by Google

nhưng cái mục tiêu mà nhà văn hướng tới là xây dựng tính cách con người Việt nam mới, trong thời đại mới, đâu phải là người của một vùng Nghệ Tĩnh, khu Năm, Nam bộ... Sắc thái địa phương có thể góp phần vào việc cá thể hóa cử chỉ, ngôn ngữ, tâm lý nhân vật nhưng nó không thể làm mờ đi những bản chất xã hội chung như tính giai cấp, tính dân tộc, tính thời đại của con người Việt nam mới trong giai đoạn lịch sử hiện nay. Nhiều nhà tiểu thuyết đã phải có lời rào sau tác phẩm, để chừng một số độc giả, căn cứ vào một vài chi tiết có thật lấy từ cuộc đời, để làm cái việc so sánh điển hình văn học với nguyên hình xã hội, từ đó đi đến kết luận là nhà văn đã xuyên tạc con người của địa phương mình. Nhưng mặt khác, để tránh những sự hiểu lầm đáng tiếc, chúng ta cũng không nên sao chép, hoặc lắp ghép các nguyên hình mà phải nâng cao vai trò hư cấu, sáng tạo, nâng cao tầm khái quát nghệ thuật của điển hình.

Không thể nói như một nhà lý luận nào đó là tính cách con người mới được thể hiện chân thật, tập trung trong đời thường, trong quan hệ gia đình, bạn bè, hơn là trong lao động, đấu tranh, trong quan hệ công tác. Nhưng cũng không nên chỉ tập trung khai thác điển hình con người mới trên bình diện chính trị và kinh tế, quan điểm và nhận thức, mà phải chú ý một cách toàn diện hơn đến những bình diện khác như dân tộc và tôn giáo, xã hội và lịch sử, tình cảm và tâm lý, hữu thức và vô thức v.v.

Từ sau Đại hội các nhà văn Việt nam lần thứ 3 đến nay, văn học nước ta đã tiến lên một bước, ghi được những thành tựu đáng phấn khởi. Các nhà văn Việt nam đang ra sức sáng tạo, lấy thành tích chào mừng Đại hội thứ 6 của Đảng và thiết thực kỷ niệm 30 năm thành lập Hội nhà văn Việt nam (1957 — 1987). Bạn đọc đang chờ đợi ở các nhà văn nhiều tác phẩm có giá trị, đặc biệt là những tác phẩm vừa đề cập đến những vấn đề nóng bỏng của chủ nghĩa xã hội, vừa xây dựng được những chân dung, khuôn mặt rạng rỡ của con người Việt nam mới trong thời đại Hồ Chí Minh.

ĐỂ NÂNG CAO...

(Tiếp theo trang 37)

cần phải có một số điều kiện nhất định.

Trước hết, phải có một đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ quản lý giỏi. Ở trường Nguyễn Ái Quốc khu vực I chúng tôi, nhìn chung đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý còn yếu và thiếu so với yêu cầu của nhiệm vụ được giao. Tuy chúng tôi đã có gắng nhiều song kết quả vẫn chưa đạt yêu cầu. Chúng tôi đề nghị cấp trên sớm có kế hoạch kiện toàn đội ngũ cán bộ cho trường Đảng nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng. Trung ương ban hành chính sách đãi ngộ và bồi dưỡng hợp lý, tạo cho anh chị em có điều kiện tập trung vào công tác nghiên cứu và giảng dạy. Chúng tôi cũng mong mỏi nhận được những ý kiến trao đổi kinh nghiệm về vấn đề này của các trường Đảng bạn.

Thứ hai, tăng cường trang bị về cơ sở vật chất cho trường Đảng khu vực, nhất là trang bị cho việc dạy và học. Công việc này nếu không có sự quan tâm của cấp trên, nhất là của Ban tài chính — quản trị trung ương, sự giúp đỡ của các địa phương thì không thể thực hiện được.

Digitized by Google

CHU THÁI THÀNH

QUA TRIỂN LÃM NHỮNG THÀNH TỰU KHOA HỌC–KỸ THUẬT TOÀN QUỐC LẦN THỨ NHẤT

CHÀO mừng Đại hội thứ VI của Đảng sắp họp, triển lãm thành tựu khoa học – kỹ thuật toàn quốc lần thứ nhất vừa được tổ chức ở Hà nội. Tuy mới chỉ thể hiện một phần các kết quả hoạt động khoa học – kỹ thuật trong năm năm qua, cuộc triển lãm này đã chứng minh sinh động tài năng sáng tạo, đầu óc thiết thực và bàn tay khéo léo của cán bộ khoa học – kỹ thuật và công nhân, nông dân lao động nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Triển lãm giới thiệu những kết quả tiêu biểu của các chương trình tiến bộ khoa học – kỹ thuật trọng điểm cấp Nhà nước, bộ, ngành, một số kết quả áp dụng kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất ở các tỉnh, thành phố và những kết quả tiêu biểu khác trong các hoạt động khoa học kỹ thuật: 1 127 công trình và sản phẩm, trong đó có 972 công trình, sản phẩm thuộc các chương trình tiến bộ khoa học kỹ thuật của bộ, ngành và 90 kỹ thuật tiến bộ được áp dụng vào sản xuất tại địa phương. Đó là kết quả thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng ta, của việc xác định đúng đắn vị trí then chốt của cách mạng khoa học – kỹ thuật, gắn liền cách mạng khoa học kỹ thuật với sản xuất, đời sống và an ninh quốc phòng, làm cho khoa học – kỹ thuật nhanh chóng trở thành một trong những nhân tố quan trọng nhất thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của nền kinh tế quốc dân.

Qua triển lãm, người xem thấy rõ là khoa học kỹ thuật trong những năm qua đã hướng vào và tập trung thực hiện các mục tiêu kinh tế – xã hội do Đại hội thứ V của Đảng đề ra, từng bước gắn hoạt động khoa học – kỹ thuật với sản xuất, đưa lại những thành quả đáng phấn khởi. Thành tựu nổi bật trong việc phục vụ mục tiêu phát triển nông nghiệp toàn diện là việc tạo ra và tổ chức áp dụng rộng rãi trong sản xuất các giống cây trồng và con vật nuôi có năng suất cao. Các giống lúa mới, ngô mới, các giống cây công nghiệp như đậu tương, lạc, chè, cà phê, cao su... có khả năng chống chịu, thích hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng đã đưa lại năng suất cao. Nhiều biện pháp kỹ thuật thâm canh tiên tiến, việc bố trí mùa vụ hợp lý cho từng vùng sản xuất, việc xây dựng và áp dụng các quy trình phòng trừ sâu bệnh, bảo vệ cây trồng khá phổ biến ở nhiều địa phương. Các biện pháp kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến, sản xuất thức ăn hỗn hợp, thức ăn bổ sung, thuốc kích thích sinh trưởng... đã đưa tỷ lệ lợn lai kinh tế trong tổng số đàn lợn từ 20% năm 1981 lên 40% năm 1985. Nhờ kết quả tạo giống và kỹ thuật sinh sản cá, chúng ta đã có khả năng cung cấp đủ giống cá có

Digitized by Google

chất lượng tốt để phát triển nghề nuôi cá trong cả nước. Việc nuôi cá bè, cá lồng và nuôi cá ở vùng cao, nuôi và cho đẻ nhân tạo các loại đặc sản như tôm, rau câu chỉ vàng, đều đạt những kết quả đáng phấn khởi. Kỹ thuật khai thác tôm bằng lưới rê ba lớp, kỹ thuật bảo quản chế biến tôm và các hải sản xuất khẩu v.v. đã góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu hải sản.

Xuất phát từ yêu cầu bức bách của sản xuất, các đề tài chương trình tiến bộ khoa học – kỹ thuật cấp Nhà nước cũng đã tập trung giải quyết các vấn đề về năng lượng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, tạo ra các khả năng từ nguồn trong nước. Những đóng góp của tiến bộ khoa học – kỹ thuật trên lĩnh vực này có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần to lớn vào việc giải quyết những khó khăn trước mắt, tạo ra những cơ sở khoa học – kỹ thuật cho việc phát triển sản xuất sau này. Đó là việc áp dụng thành công các phương pháp tiên tiến trong khai thác than, thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí, xây dựng dây chuyền sản xuất thép hợp kim, các dây chuyền sản xuất nguyên liệu, vật liệu phục vụ phát triển nông nghiệp và một số ngành công nghiệp khác như: phân bón, thuốc trừ sâu, các chất kích thích sinh trưởng, các hóa chất tinh khiết. Nhiều giải pháp kỹ thuật đã được áp dụng làm tăng sản lượng và chất lượng các vật liệu xây dựng chủ yếu như xi măng trắng, xi măng giếng khoan, các loại phụ gia bê tông, gạch không nung... phục vụ việc thi công và xây dựng những công trình lớn của đất nước như nhiệt điện Phả lại, thủy điện sông Đà, cầu Thăng long, cầu Chương dương, nhà máy xi măng Hoàng thạch...

Khoa học – kỹ thuật đã bước đầu tạo ra những sản phẩm mới, dây chuyền công nghệ mới, phương tiện mới và kỹ thuật tiên tiến. Đó là những tiến bộ trong việc nghiên cứu làm chủ các công nghệ cơ khí chính xác, công nghệ ép chảy, gia công áp lực và hàn đắp kim loại. Khoa học – kỹ thuật nước ta đã bước đầu kết hợp được kỹ thuật cổ truyền với kỹ thuật hiện đại, kết hợp kỹ thuật tiên tiến của thế giới với nghiên cứu trong nước nhằm nâng cao trình độ chế tạo máy móc, thiết bị. Một thành công rõ rệt là đã xây dựng được tám dây chuyền sản xuất và phục hồi vòi phun bơm cao áp, mỗi năm sản xuất hàng vạn bộ, đáp ứng kịp thời nhu cầu về phụ tùng của các loại xe trong ngành giao thông vận tải.

Bên cạnh những kết quả đạt được trong việc chế tạo máy động lực, động cơ điện, máy biến thế, thiết bị lạnh... những sản phẩm được cấp dấu chất lượng về tiến bộ kỹ thuật của tiểu, thủ công nghiệp ngày càng nhiều. Những nghiên cứu khoa học – kỹ thuật đã tạo ra từ nguồn nguyên liệu trong nước nhiều loại vật liệu đặc trưng phục vụ các ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm. Có nhiều sản phẩm có chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và có khả năng xuất khẩu như giấy sản xuất từ lá mía, cây lá rộng, các loại chất dẻo, sơn, keo dán, hương liệu, nguyên liệu cho ngành dệt, gốm, sứ...

Các chương trình khoa học – kỹ thuật cấp Nhà nước, vụ, viện đã đạt được một số thành tựu: bước đầu nghiên cứu và sản xuất thành công một số vật liệu, linh kiện, thiết bị điện tử, các chất đồng vị phóng xạ, kỹ thuật nuôi cấy mô trong sinh học góp phần quan trọng phục vụ sản xuất, đời sống, nâng cao năng suất cây trồng và con vật nuôi, bảo vệ môi trường và sức khỏe của nhân dân; tạo tiền đề cho việc tiến tới làm chủ được những kỹ thuật hiện đại của thế giới.

Digitized by Google

Hàng trăm đề tài nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật có vai trò hết sức quan trọng trong việc bảo vệ đời sống và nâng cao sức khỏe của nhân dân. Những thành tựu về y học của thế giới và trong nước đã được áp dụng rộng rãi và có hiệu quả ở nước ta. Đó là kỹ thuật vi phẫu thuật, kỹ thuật ghép giác mạc mắt, các biện pháp phòng, chống bệnh sốt rét, sốt xuất huyết, điều trị bằng châm cứu... Hàng loạt các loại dược phẩm được bào chế bằng nguyên liệu trong nước đã thay thế được một số lớn các dược phẩm phải nhập từ nước ngoài. Bên cạnh đó, những công trình nghiên cứu và sản xuất dụng cụ bảo hộ lao động: kính bảo vệ mắt, mũ chống chấn thương sọ não, nút tai chống ồn, với các giải pháp kỹ thuật chống bệnh bụi phổi, chống khí độc đã làm giảm xuống đáng kể số người bị nạn và mắc bệnh. Các hình thức tổ chức ăn uống công cộng, mô hình hệ sinh thái VAC cũng đã đặt cơ sở cho việc phát triển kinh tế gia đình, cung cấp thực phẩm, giải quyết vấn đề ăn cho nhân dân.

Những thành tựu của khoa học kỹ thuật nói trên đã góp phần đáng kể vào việc giải quyết những khó khăn về kinh tế của nước ta trong thời gian qua, nhằm ổn định và thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả của sản xuất, thực hiện các mục tiêu kinh tế—xã hội của Đảng.

Triển lãm thành tựu khoa học—kỹ thuật toàn quốc lần thứ nhất cho thấy sự lớn mạnh không ngừng của đội ngũ cán bộ khoa học—kỹ thuật nước ta hiện đã có tới 200 giáo sư cấp II 1183 giáo sư cấp I, 88 tiến sĩ, 1536 phó tiến sĩ, 117 793 cán bộ đại học và cao đẳng, hàng vạn cán bộ trung học và công nhân kỹ thuật. Những thành tựu khoa học kỹ thuật được giới thiệu trong triển lãm chứng tỏ đội ngũ cán bộ khoa học—kỹ thuật nước ta đã góp phần đáng kể vào việc phục vụ sản xuất và đời sống, có khả năng tiến quân vào một số lĩnh vực khoa học—kỹ thuật mới nhất, có thể làm chủ được những kỹ thuật tiên tiến của thế giới.

Có thể nghĩ đến khoảng cách giữa trình độ khoa học — kỹ thuật nước ta với thế giới. Cũng có thể chỉ ra trên nhiều lĩnh vực của sản xuất và đời sống sự đóng góp của đội ngũ cán bộ khoa học—kỹ thuật nước ta còn thiếu nhạy bén, còn nhiều hạn chế. Và những điều đó có nguyên nhân ngay cả trong bản thân đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật nước ta. Nhưng nếu chúng ta chú ý đến những điều kiện lao động khoa học kỹ thuật còn quá eo hẹp thì những thành tựu đã đạt được thật đáng biểu dương. Sự thật là đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật nước ta phải vượt qua rất nhiều khó khăn, thiếu thốn: đầu tư cho khoa học — kỹ thuật thấp, ngay cả so với các nước đang phát triển; nhiều cơ quan khoa học — kỹ thuật chưa có trụ sở chính thức; thường xuyên mất điện, nước; khan hiếm hóa chất, vật tư, thiết bị; giá cả biến động, đời sống chật vật, chính sách, chế độ đãi ngộ chưa hợp lý v.v. Trong những điều kiện như vậy mà vẫn say mê nghiên cứu và sáng tạo, đạt được những thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật trên mọi lĩnh vực của sản xuất và đời sống thì chúng ta càng có lý do để tin tưởng vào phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật nước ta.

Qua triển lãm thành tựu khoa học kỹ thuật toàn quốc lần thứ nhất, chúng ta cũng nhận thấy rằng việc đưa các thành tựu khoa học—kỹ thuật vào sản xuất, tuy đã có nhiều tiến bộ, song vẫn còn rất hạn chế, chưa rộng khắp, hiệu quả kinh tế chưa được như mong muốn. Dương nhiên, chúng ta không thể coi thành tựu khoa học—kỹ thuật đưa ra triển lãm đều đã là thực tiễn sinh động trong cuộc sống, bởi lẽ có

Digitized by Google

đề tài còn đang trong quá trình thực nghiệm, có đề tài còn tiếp tục phải hoàn chỉnh quy trình kỹ thuật áp dụng trên quy mô rộng, v.v. Nhưng tiếc rằng ngay cả nhiều đề tài nghiên cứu đã được đánh giá, nghiệm thu vẫn chưa được áp dụng, nhiều tiến bộ kỹ thuật được áp dụng thành công ở một số nơi lại không được tiếp tục áp dụng rộng rãi trong sản xuất...

Có thể có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân cơ bản nhất là do cơ chế quản lý kinh tế cũ chưa thật sự có nhu cầu bức thiết là phải áp dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật. Chính vì vậy mà trong những năm qua bên cạnh hàng nghìn sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất được áp dụng, vẫn còn có đến 3095 sáng kiến chưa được áp dụng, hoặc chỉ áp dụng trên một diện hẹp. Hệ thống quản lý khoa học kỹ thuật của chúng ta còn yếu, chưa đủ khả năng đôn đốc, kiểm tra chặt chẽ việc áp dụng. Sự kết hợp giữa các cơ quan quản lý khoa học và kế hoạch hóa kinh tế quốc dân chưa thật ăn khớp, nên chưa liên kết được chặt chẽ giữa chương trình và kế hoạch. Nhiều chương trình đề tài, khi đưa vào áp dụng còn phải tự giải quyết lấy lỗ, lãi. Do đó không tạo điều kiện thúc đẩy việc áp dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất.

Mặt khác có nhiều chương trình đề tài chưa thật sự bám sát các yêu cầu cấp bách của sản xuất, cho nên khi đưa vào áp dụng gặp nhiều khó khăn về địa điểm và quy mô. Hơn nữa kinh phí Nhà nước cấp cho các chương trình thường ít và chậm, sử dụng lại lãng phí nhiều, không có tính chất ưu tiên, không bảo đảm cho việc xây dựng các cơ sở sản xuất thử, cũng như việc triển khai các đề tài nghiên cứu. Trong khi đó mạng lưới nghiên cứu – triển khai của chúng ta hiện nay còn tản mạn, thiếu cân đối, chưa đồng bộ, phân bố chưa hợp lý, chưa liên kết với nhau thành một hệ thống đủ mạnh, đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai nhanh chóng và rộng rãi các kết quả nghiên cứu vào sản xuất.

Một nguyên nhân nữa là hoạt động thông tin tuyên truyền khoa học kỹ thuật chưa tốt, chưa bám sát và phục vụ đắc lực nhiệm vụ triển khai các thành quả nghiên cứu khoa học – kỹ thuật vào sản xuất, việc quản lý thông tin, tuyên truyền còn bị phân tán, hoạt động rời rạc. Đặc biệt là việc tuyên truyền phổ biến các tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào địa phương, cơ sở chưa được triển khai kịp thời và sâu rộng, do đó không thúc đẩy được phong trào quần chúng ứng dụng khoa học – kỹ thuật vào sản xuất, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nền kinh tế quốc dân.

Chúng ta tin tưởng rằng trên cơ sở những thành tựu đã đạt được, khắc phục những khó khăn và những thiếu sót, khoa học – kỹ thuật nước ta trong những năm tới càng đi sâu vào thực tiễn sản xuất và đời sống, tạo ra nhiều hiệu quả thiết thực và to lớn hơn nữa, góp phần tích cực vào việc thực hiện những nhiệm vụ kinh tế – xã hội mà Đảng đề ra.

Tại Triển lãm những thành tựu khoa học – kỹ thuật lần này các hình thức ký kết hợp đồng kinh tế, Hội thảo khoa học được đông đảo các nhà khoa học, các đơn vị sản xuất và người xem triển lãm hăng hái hưởng ứng, tham gia. Đây cũng là một nét mới, nhằm mở rộng đường cho việc áp dụng những thành quả khoa học – kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Chúng ta hoan nghênh cuộc triển lãm thành tựu khoa học – kỹ thuật bổ ích, làm cầu nối giữa nghiên cứu và sản xuất, tạo điều kiện thúc đẩy nền kinh tế nước ta phát triển mạnh mẽ.

Digitized by Google

TRẦN NAM

HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA THÔNG TIN Ở CHỢ VÙNG CAO BIÊN GIỚI HOÀNG LIÊN SƠN

HOÀNG LIÊN SƠN có 12 chợ thuộc vùng cao biên giới, phân bố ở hầu khắp các huyện lỵ và trung tâm cụm dân cư. Mỗi chợ có khoảng từ 3 000 đến 8 000 người trong một phiên. Tuy quy mô và thời điểm hình thành khác nhau, nhưng các chợ ở vùng cao biên giới Hoàng liên sơn đều có những đặc điểm chung :

Chợ không chỉ là trung tâm trao đổi kinh tế mà còn là *trung tâm giao tiếp, giao lưu tình cảm, trao đổi tin tức*.

Đồng bào các dân tộc vùng cao biên giới Hoàng liên sơn sinh sống trong điều kiện địa hình rất phức tạp. Địa bàn cư trú của họ thường ở các cao nguyên có độ cao từ 1 000 mét đến 1 600 mét so với mặt biển. Các cao nguyên bị chia cắt khá mạnh bởi lắm núi, nhiều khe, do đó giao thông khó có điều kiện phát triển. Đồng bào các dân tộc sống khá biệt lập. Tuy vậy, họ không muốn sống đơn độc, mà luôn khao khát được giao lưu tình cảm để gần gũi, kết thân, giải tỏa nỗi niềm, tìm đồng tình, đồng cảm. Đồng bào vùng cao còn có quan hệ dòng họ chặt chẽ. Tình cảm của họ thắm thiết, mỗi thành viên có nghĩa vụ luôn quan tâm đến nhau, cưu mang nhau trong đời sống. Đồng thời, ở vùng cao, người H'mông, người Dao, người Hà nhì có tục lệ cấm các thành viên trong cùng dòng họ kết hôn với nhau ; trong khi đó, mỗi bản thường lại chỉ có một vài dòng họ, vì thế khá đông thanh niên nam nữ phải trèo đèo, lội suối đi tìm bạn tình ở nơi xa. Tình cảm người con gái với gia đình bố mẹ đẻ cũng như tình thông gia rất mặn nồng, đòi hỏi có nhiều dịp tiếp xúc, thăm viếng. Song, do điều kiện giao thông kém phát triển, cư trú lại quá phân tán, sự thăm viếng đó rất hạn chế. Các bản làng vùng cao hầu như được khuôn trong môi trường khép kín. Sự tiếp xúc giữa các bản vẫn có nhưng không thường xuyên, trong khi đó chỉ có chợ là môi trường mở — môi trường giao tiếp vô cùng thuận lợi. Chợ là nơi tập trung đông người ở hầu hết các thôn bản trong vùng. Chợ Bắc hà (huyện Bắc hà) không chỉ có đồng bào ở chín xã quanh huyện, mà nhân dân từ Si ma cai, Mường khương cũng đổ về, người ở Xín mần (Hà tuyên) cũng kéo sang. Chợ thật sự trở thành nơi trao đổi tình hình, tin tức họ hàng, thôn bản, địa phương và đất nước, nơi gặp mặt, hẹn hò của trai gái, nơi gặp gỡ, thăm viếng của người già.

Chợ vùng cao còn là *trung tâm sinh hoạt văn hóa*, đáp ứng nhu cầu văn hóa và nhu cầu giải trí của nhân dân.

Sống biệt lập ở từng thôn bản, công việc đều đều lặp đi lặp lại theo thời vụ, đồng bào mong đến phiên chợ để vui chơi giải trí một cách bổ ích. Chợ thành trung tâm giải trí cho người dân vùng cao. Họ đến chợ để được xem chọi chim, đua ngựa, bắn nỏ,

Digitized by Google

đánh đu... Các trò chơi như thế xuất hiện càng nhiều ở những phiên chợ giáp Tết. Người xem không bằng lòng với vai trò một khán giả thụ động, mà còn chủ động tham gia các trò chơi, cuộc đấu. Họ say sưa đấu khèn, hoặc đưa mình bay bổng trên cánh đu, mê mải trong điệu hát giao duyên chứa chan tình cảm.

Phiên chợ không chỉ có cánh đu quay rộn rã, không chỉ vang lên làn điệu dân ca êm ả, tình tứ mà còn rực rỡ sắc màu văn hóa phẩm. Các cô gái Tày niềm nở mời mua những chiếc túi thổ cẩm xinh xẻo với các sợi dây trang trí lấp lánh hoa văn. Các bà mẹ người Nùng bày bán đồ trang sức bằng bạc tinh xảo với những họa tiết con cá, con chim tạo dựng khá công phu. Cả một góc chợ bỗng vang lên những âm thanh náo nức của dàn môi, sáo trúc, khèn bè, kèn pí lè do các chàng trai người H'mông tài hoa biểu diễn để quảng cáo các nhạc cụ dân tộc độc đáo. Chợ là nơi trao đổi những sản phẩm văn hóa, nó kích thích đồng bào sáng tạo những sản phẩm mới ngày càng đẹp, càng bền.

Từ nhu cầu giao tiếp, hiểu biết, giải trí của người đi chợ, các hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống hình thành, tạo nên đặc trưng của chợ vùng cao: chợ là trung tâm văn hóa. Qua các phiên chợ ta có thể hiểu rõ được nhu cầu văn hóa của đồng bào và các hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống của họ.

Chợ vùng cao biên giới Hoàng liên sơn được bọn phản động trong giới cầm quyền ở Bắc kinh coi là một *địa bàn hoạt động lén lút phá hoại của chúng.*

Hoàng liên sơn có 204 ki lô mét đường biên giới chung với Trung quốc. Sau thất bại thảm hại hồi tháng 2-1979, bọn bành trướng bá quyền Bắc kinh tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với nước ta. Bên cạnh âm mưu xâm lấn, tung thám báo, kích động gây bạo loạn, bọn chúng còn ráo riết tiến hành chiến tranh tâm lý. Hàng loạt truyền đơn, văn hóa phẩm phản động từ Mã quan, Kim bình, Hà khẩu liên tiếp tung vào vùng biên giới Hoàng liên sơn. Hàng loạt cụm loa có công suất lớn từ 400W đến 600w chĩa sang Bắc hà, Mường khương, Lao cai, Bảo thắng, Bát xát. Những cụm loa này làm việc suốt ngày đêm với nội dung kích động gây bạo loạn, phá hoại tình đoàn kết quân dân, đoàn kết dân tộc của chúng ta. Nắm vững đặc điểm của chợ vùng cao biên giới, bọn chúng đã lấy chợ làm địa bàn hoạt động chủ yếu. Cùng với việc mở hàng loạt chợ suốt dọc đường biên, dùng hàng hóa để mua chuộc, lôi kéo đồng bào và chiến sĩ ta, bọn chúng còn tung tay chân lén lút vào các chợ của ta để rỉ tai, tuyên truyền kích động, nói xấu Đảng ta và Nhà nước ta, nói xấu chợ của ta, ca ngợi chợ Trung quốc, lôi kéo đồng bào và chiến sĩ ta đi chợ Trung quốc, không đi chợ Việt nam... Và, phải thừa nhận rằng, lúc đầu bọn chúng đã thu được một số kết quả nhất định.

Trước những thực tế nêu trên, ngành văn hóa thông tin Hoàng liên sơn dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và của Bộ văn hóa đã quyết định đẩy mạnh các hoạt động văn hóa thông tin ở chợ vùng cao biên giới nhằm đáp ứng ngày càng cao nhu cầu văn hóa, nhu cầu tình cảm và nhu cầu vui chơi giải trí của đồng bào các dân tộc vùng cao biên giới. Qua đó, giáo dục họ tình yêu quê hương, đất nước, lòng tin tưởng vào Đảng ta và Nhà nước ta, niềm tự hào về những truyền thống tốt đẹp của quê hương mình, của dân tộc mình, tăng cường tình đoàn kết giữa các dân tộc, tình đoàn kết quân dân, và vô hiệu hóa những luận điệu phản tuyên truyền của bọn bành trướng và bá quyền Trung quốc.

Tính tất yếu của việc đưa những hoạt động văn hóa thông tin vào chợ

Digitized by Google

vùng cao biên giới đã quá rõ, không có gì phải bàn cãi. Song để cho những hoạt động đó đạt hiệu quả cao thì nội dung và phương thức hoạt động như thế nào cho thích hợp là cả một vấn đề cần được nghiên cứu công phu, tỉ mỉ.

Các nhu cầu của người đi chợ không có giới hạn và luôn luôn phát triển theo điều kiện sống của họ. Các nhu cầu đó thường đan xen với nhau và ngày một nâng cao, vì thế hoạt động văn hóa thông tin ở chợ là hình thức tổng hợp, nhưng chủ yếu bao gồm các hoạt động: thông tin cổ động; văn nghệ — vui chơi giải trí; dịch vụ văn hóa.

Trong các hoạt động nêu trên, *hoạt động thông tin cổ động là hình thức hoạt động chủ yếu nhất*, bởi vì ở vùng cao số người đi chợ rất đông, họ lại ở hầu hết các thôn bản trong vùng. Chỉ sau một phiên chợ, lượng thông tin đã nhanh chóng lan tỏa đi khắp nơi.

Hiện nay, các chợ lớn ở vùng cao biên giới Hoàng liên sơn đều đã có phòng truyền thanh, phòng triển lãm, phòng chiếu phim, các cụm pa nô cổ động để phục vụ cho công tác thông tin tuyên truyền. Trong các phiên chợ, qua hệ thống loa truyền thanh, mọi người đều được nghe những tin ngắn gọn, dễ hiểu về tình hình thế giới, tình hình trong nước, tình hình địa phương và cả tình hình của ngay chính thôn bản mình. Đồng bào còn được nghe giải thích cặn kẽ đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến cuộc sống hằng ngày của họ. Cũng qua hệ thống loa đài, đồng bào còn được nghe những bài hát, những làn điệu dân ca quen thuộc của dân tộc mình.

Phim được chiếu ở các chợ thường là những phim tài liệu — thời sự hoặc phim truyện có liên quan nhiều tới cuộc sống và chiến đấu của chiến sĩ và đồng bào các dân tộc vùng cao. Những phim được chọn để chiếu ở chợ là những phim ngắn, gọn có thể chiếu được nhiều lượt trong một phiên chợ, phục vụ được nhiều lượt người xem.

Ở chợ vùng cao trước kia, các quán ăn (thắng cố, phở chua, mèn mén...) trở thành những trung tâm truyền tin, mà hình thức duy nhất là «rỉ tai, truyền miệng». Hiện nay, hình thức truyền tin này vẫn còn tác dụng rất lớn. Đặc điểm hình thức truyền tin «rỉ tai» ở các quán ăn là giữa người truyền và người nghe phải quen biết nhau. Sở văn hóa thông tin Hoàng liên sơn đã chỉ đạo phòng văn hóa thông tin các huyện vùng cao tận dụng tốt hình thức truyền tin này. Một mạng lưới tuyên truyền viên ở khắp các xã vùng cao đã được xây dựng. Các cộng tác viên được phổ biến nội dung yêu cầu tuyên truyền từng thời gian, vì thế trong các phiên chợ, họ là những hạt nhân truyền tin «rỉ tai» rất có hiệu quả.

Trước đây, các *hoạt động văn nghệ* ở chợ vùng cao biên giới Hoàng liên sơn chỉ đóng khung trong phạm vi hát giao duyên nam nữ. Ngày nay, người đi chợ lại muốn tiến hành các hoạt động văn nghệ truyền thống vượt khỏi giới hạn địa lý, giới hạn tổ chức của mình. Họ muốn đem những giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc mình, thôn bản mình đi trao đổi ở những nơi đông người như ở chợ. Họ muốn «đem chuông đi đánh nước người» và cũng mong nhận được tiếng chuông rền từ nơi khác vọng lại qua các buổi biểu diễn nghệ thuật ở chợ. Đáp ứng nhu cầu ấy, ở các chợ đã xuất hiện thêm khu sân khấu ngoài trời — nơi biểu diễn nghệ thuật của các nghệ nhân, các đội văn nghệ và cả người đi chợ. Họ vừa là khán giả lại vừa là diễn viên. Hình thức nghệ thuật này không những đáp ứng một phần nhu cầu muốn làm chủ các giá trị tinh thần, khám phá và sáng tạo ra các giá trị mới, mà còn thỏa mãn nhu cầu thưởng thức nghệ thuật và giải trí của đồng bào và chiến sĩ.

Digitized by Google

Các trò vui chơi giải trí ở chợ cũng được phát triển hơn nhiều so với trước đây. Người đi chợ ngày nay không chỉ được xem ném còn, đua ngựa, bắn nỏ, đánh đu, mà còn được xem thêm các trò chơi điện tử, trò ảo thuật có giải thích. Đặc biệt là trò ảo thuật diễn xong có giải thích và hướng dẫn cách làm, được đồng bào rất ưa thích và có tác dụng giáo dục rất tốt. Người ta chẳng thấy có ma nào cả, mà chỉ thấy tài nghệ của người biểu diễn. Nhiều thầy cúng sau khi xem các trò ảo thuật đó đã viết đơn gửi chính quyền xin bỏ nghề, còn đồng bào thì ngày càng tin vào khoa học.

Một *hệ thống dịch vụ văn hóa* cũng được xây dựng ngay tại các chợ vùng cao. Ngày chợ, cửa hàng sách bán những cuốn sách thích hợp và những bức tranh, ảnh có sắc màu rực rỡ phù hợp với thị hiếu của người dân vùng cao. Anh bộ đội xuống chợ có thể mua được những chiếc phong bì vừa ý để viết thư gửi cho người thân ở miền quê xa. Các chàng trai H'mông có thể mua được những chiếc khèn, chiếc sáo với giá phải chăng ngay tại quầy văn hóa phẩm. Nhu cầu chụp ảnh của bộ đội, thanh niên các dân tộc cũng được đáp ứng ngay tại các hiệu ảnh trong chợ, hoặc gần chợ, hay kể bên những phong cảnh thiên nhiên hùng vĩ của vùng cao.

Tại chợ, các *hoạt động nếp sống mới* cũng được chú ý đẩy mạnh. Các chợ được quy hoạch khoa học, gọn gàng, ngăn nắp thành từng khu vực riêng: bãi buộc ngựa, nơi bán gia súc, các quán ăn, quán tạp phẩm. Công tác vệ sinh phòng bệnh được tiến hành khá ráo riết, hệ thống vệ sinh công cộng chung quanh chợ được xây dựng thêm...

Đưa các hoạt động văn hóa thông tin vào chợ vùng cao biên giới là một chủ trương đúng. Nội dung và phương thức hoạt động lại khá sáng tạo do đó đã thu được những kết quả tốt.

Nó góp phần tích cực vào việc *đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần* của đồng bào vùng cao biên giới. Người đi chợ được giải tỏa nỗi niềm, tìm được đồng tình đồng cảm, hiểu biết được tình hình đất nước, tình hình địa phương, tình hình họ hàng và bạn bè thân thuộc. Người đi chợ không những được hưởng thụ văn hóa mà còn có dịp để tham gia các hoạt động văn hóa, sáng tạo các giá trị văn hóa và tự khẳng định mình, từ đó phong trào văn nghệ quần chúng ở các cơ sở cũng được đẩy mạnh lên, bởi vì có như vậy thì mới đủ sức «đem chuông đi đấm nước người».

Nhờ làm tốt công tác văn hóa thông tin tại chợ, cho nên *sự giao lưu văn hóa giữa các dân tộc anh em ở vùng cao được mở rộng, tình đoàn kết gắn bó giữa các dân tộc, tình đoàn kết quân dân được tăng cường*. Có không ít những cặp trai gái sau các phiên chợ đã nên vợ nên chồng. Anh bộ đội miền xuôi yêu cô gái miền ngược, chàng trai H'mông tỏ tình với cô gái Tày, người con gái Nùng kết duyên với chàng trai Tu dí ngày nay không phải là chuyện hiếm. Và, còn gì cảm động hơn khi thấy trong điệu xòe truyền thống của người H'mông có cả anh bộ đội trong bộ quân phục màu xanh lá cây gọn ghẽ bên cô gái H'mông với bộ quần áo rực rỡ sắc màu, có cả anh chuyên gia lâm nghiệp của đất nước xô viết xa xôi cùng cô gái Pa dí tay cầm tay nhịp bước trong điệu kèn pí lè giục giã...

Các hoạt động văn hóa thông tin tại chợ còn góp phần đáng kể vào việc *xây dựng nếp sống mới* trong nhân dân. Nó làm cho trình độ hiểu biết của người đi chợ được nâng cao hơn, từ đó họ tin vào khoa học hơn, nạn mê tín ở các thôn bản có chiều giảm đi rõ rệt, công tác vệ sinh phòng bệnh cũng được chú ý đẩy mạnh, nạn rượu chè bê tha bên các quán hầu như không còn nữa. Cái cảnh chợ

Digitized by Google

chiều, những người chồng sực nức hơi men, rũ rượi trên lưng ngựa, người vợ lưng địu con, tay tóm đuôi ngựa vượt dốc đưa chồng về bản trước kia quá nhiều, nay đã hiếm. Ngược lại, cái cảnh hai vợ chồng ngồi chung một ngựa, chàng trai nghiêng chiếc dù hoa che nắng chiều cho vợ, cô gái nép vào ngực chồng mỉm cười âu yếm, trước kia chỉ là chuyện trong mơ, nay khá phổ biến.

Điều đáng quý hơn cả là qua các phiên chợ, người dân vùng cao cảm thấy *tin ở Đảng ta và chế độ ta nhiều hơn*. Xem phim ảnh, họ được thấy cảnh lập sông Đà, thấy chiếc cầu Thăng long khổng lồ bắc qua sông Hồng, thấy chiếc xe tăng của quân đội ta dũng mãnh húc đổ cái cổng sắt dinh Độc lập của chế độ ngụy quyền Sài gòn... Họ hiểu rằng những chuyện thần kỳ như thế nếu không có Đảng thì không sao có được. Xem phim ảnh và qua các tin tức, người dân vùng cao còn thấy được những tội ác vô cùng dã man của bọn bành trướng và bá quyền Trung quốc, từ đó họ cảnh giác hơn trước những luận điệu phản tuyên truyền của địch. Phong trào không nghe đài Trung quốc, không xem họa báo Trung quốc, không đọc truyền đơn của Trung quốc, không đi chợ Trung quốc, không dùng hàng tâm lý chiến của Trung quốc, không dùng thuốc chữa bệnh của Trung quốc, phát động rộng rãi ở khắp các bản làng vùng giáp biên đã được đông đảo nhân dân hưởng ứng và tự giác thực hiện.

Mấy năm đẩy mạnh các hoạt động văn hóa thông tin ở chợ vùng cao biên giới, ngành văn hóa thông tin Hoàng liên sơn đã bước đầu rút ra được một số kinh nghiệm.

Vấn đề đáng chú ý đầu tiên là làm sao cho *nội dung và phương thức hoạt động văn hóa thông tin tại chợ thật phù hợp với đối tượng và đặc điểm của vùng cao biên giới*. Đồng bào ở đây thường thích xem những phim ngắn, dễ hiểu, gần với cuộc sống của họ và thích xem những loại hình văn nghệ dân gian. Các phim tâm lý xã hội, các loại hình nghệ thuật mang tính bác học như ô pê ra, ba lét, đòi hỏi người xem phải có trình độ văn hóa và trình độ thẩm mỹ cao mới hiểu được đều chưa thích hợp với vùng cao.

Xây dựng cho được những *hạt nhân văn hóa thông tin mạnh ở các cơ sở* để làm nòng cốt cho các hoạt động văn hóa thông tin tại chợ. Làm được như thế, hoạt động này vừa có chương trình phong phú, vừa có nội dung lành mạnh, thiết thực.

Cố gắng xây dựng ở chợ, nhất là các chợ lớn *những thiết chế văn hóa tối thiểu* như sân khấu ngoài trời, phòng truyền thanh, phòng chiếu phim, phòng triển lãm, hiệu sách, hiệu ảnh, cửa hàng văn hóa phẩm, bởi vì đó là những cơ sở vật chất cần thiết cho các hoạt động văn hóa thông tin. Thiếu nó, hoạt động văn hóa thông tin tại chợ sẽ rất hạn chế.

Cần có sự *phối hợp đồng bộ giữa các ngành*, nhất là giữa ngành văn hóa với giáo dục, y tế và lực lượng vũ trang. Một chợ được coi là văn minh kiểu mẫu, ngoài những hoạt động văn hóa thông tin phong phú, lành mạnh, phải có sự quản lý chặt chẽ về mặt thị trường và giá cả, vệ sinh ngăn nắp và bảo đảm trật tự, trị an. Tất cả những điều đó chỉ riêng ngành văn hóa thông tin không làm nổi.

Đến một thời gian nào đó, khi mà giao thông phát triển mạnh ở vùng cao, mỗi cơ sở đều có đầy đủ các thiết chế văn hóa có khả năng hoàn toàn đáp ứng nhu cầu văn hóa của nhân dân thì các hoạt động văn hóa thông tin ở chợ vùng cao sẽ biến mất như ở nhiều chợ vùng xuôi. Song trong điều kiện hiện nay, với tư cách là trung tâm sinh hoạt văn hóa của cả một vùng, những hoạt động văn hóa thông tin tại chợ vùng cao vẫn rất cần thiết và cần được tiếp tục đẩy mạnh.

Digitized by Google

THẾ TẬP

XÔ VIẾT NGHỆ-TĨNH SỐNG MÃI!

THỜI kỳ Xô viết Nghệ—Tĩnh là thời kỳ đấu tranh đầu tiên rất oanh liệt và vẻ vang của Đảng ta. Xô viết Nghệ — Tĩnh là bản anh hùng ca đầu tiên của phong trào cách mạng ở Đông dương và Đông Nam châu Á. Tuy chỉ đứng vững từ tháng 9 năm 1930 đến tháng 6 năm 1931, nhưng Xô viết Nghệ—Tĩnh vẫn sống mãi trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Đảng và nhân dân ta!

★

Cao trào cách mạng 1930 — 1931 diễn ra trong cả nước với mức độ khác nhau giữa ba kỳ. Không có cao trào cách mạng trong cả nước thì không thể có đỉnh cao Xô viết Nghệ—Tĩnh. Do đó, những điều kiện của phong trào Nghệ—Tĩnh không thể tách rời những điều kiện của cao trào cách mạng trong cả nước. Tuy nhiên hai tỉnh Nghệ an và Hà tĩnh cũng có những đặc điểm và điều kiện riêng khiến cho phong trào ở đấy lên cao và mạnh hơn nhiều nơi khác.

Dưới ách bóc lột và áp bức rất tàn bạo của đế quốc và bọn phong kiến địa chủ tay sai, sống trong hoàn cảnh đất hẹp người đông, rừng núi nhiều, ruộng đất cằn cỗi, nạn hạn hán, bão lụt thường xuyên đe dọa, nhân dân Nghệ — Tĩnh rất nghèo khổ. Song, Nghệ — Tĩnh là nơi vốn có truyền thống đấu tranh anh dũng chống ngoại xâm. Nhân dân ở các huyện Thanh chương, Anh sơn, Nam đàn v. v. đã từng đoàn kết đứng về phe « hộ » để đấu tranh chống lại phe « hào » tức là bọn cường hào. Nghệ — Tĩnh có điều kiện thuận lợi thực hiện sự liên minh trực tiếp giữa công nhân và nông dân vì Vinh — Bến thủy là một trung tâm công nghiệp lớn nhất ở Bắc Trung kỳ lúc bấy giờ. Nghệ — Tĩnh nói chung và Vinh — Bến thủy nói riêng còn được Trung ương Đảng đặc biệt chú ý và trực tiếp lãnh đạo. Cơ sở Đảng ở Nghệ — Tĩnh khá mạnh, Công hội, Nông hội, Hội phụ nữ, Hội thanh niên... cũng được tổ chức sớm. Đó là những điều kiện quyết định trực tiếp nhất cao trào cách mạng ở Nghệ—Tĩnh.

Mở đầu cao trào cách mạng này là vào dịp kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5-1930, nổ ra hai cuộc đấu tranh lớn của công nhân và nông dân. Cuộc biểu tình tuần hành của 1200 công nhân các nhà máy Vinh — Bến thủy và nông dân các xã Yên dũng, Lộc đa, Đức thịnh, An hậu thuộc hai huyện Hưng nguyên và Nghi lộc; bọn giám binh và chủ nhà máy thẳng tay đàn áp, bắn chết 7 người, làm bị thương 18 người ở Bến thủy. Kế tiếp là cuộc đấu tranh của nông dân hai làng Hạnh lâm và Yên lạc (Thanh chương) kéo đến đốt phá đồn điền của tên địa chủ gian ác Ký Viễn; sau đó, địch về khủng bố, bắn chết 18 người, làm bị thương 20 người...

Từ sau ngày 1-5-1930, phong trào quần chúng phát triển nhanh ở Nghệ an và lan sang Hà tĩnh: 23 cuộc bãi

Digitized by Google

công của công nhân Vinh – Bến thủy, 28 cuộc đấu tranh của nông dân Nghệ an, 7 cuộc đấu tranh của nông dân Hà tĩnh.

Đến cuối tháng 8 năm 1930, phong trào lên tới đỉnh cao nhất. Hàng loạt cuộc biểu tình rầm rộ bao gồm hàng nghìn, hàng vạn người với khí thế xung thiên, tinh thần đấu tranh quyết liệt, đã liên tiếp nổ ra. Mở đầu cho đỉnh cao này là hai cuộc đấu tranh của 3000 nông dân huyện Nam đàn (ngày 30-8) và 20000 nông dân huyện Thanh chương (ngày 1-9). Ở 10 huyện thuộc hai tỉnh Nghệ an và Hà tĩnh, có 34 cuộc biểu tình quy mô toàn huyện. Nhiều cuộc biểu tình tuần hành của đông đảo quần chúng tuyên bố không thừa nhận chính quyền của địch. Họ kéo lên huyện, lên phủ, dùng bạo lực phá nhà tù, thả hết những người bị giam, đốt hồ sơ như ở các huyện Nam đàn, Thanh chương, Can lộc, Cẩm xuyên, Kỳ anh...; đốt phá cả huyện đường và nhà của tri huyện, vây đồn lính khố xanh ở huyện Thanh chương; phá trạm điện tín ở nhà ga Hưng nguyên; phá các ty rượu của đế quốc ở các huyện Nam đàn, Thanh chương, Nghi lộc, v.v. Nhiều cuộc biểu tình còn trở về tổng, về xã thị uy trừng trị đảng « Lý nhân » gồm những tên địa chủ cường hào do đế quốc lập ra để chống lại Đảng cộng sản. Trong tháng 9 năm 1930, cả nước có 153 cuộc biểu tình của nông dân thì bắc Trung kỳ có 115 cuộc (trong đó riêng Nghệ Tĩnh 94 cuộc). Huyện Nam đàn có 30 000 người (tức 80% dân số) tham gia tổng biểu tình thị uy. Phong trào nông dân ở Trung kỳ lên mạnh nhất. Năm 1930, số hội viên nông hội của Nam kỳ là 15 000 người; ở Trung kỳ con số đó lên tới 65 000 người

Những cuộc biểu tình với quy mô lớn nói trên đều do các cấp ủy Đảng tổ chức, lãnh đạo khá chu đáo và chặt chẽ, có đội xích vệ vũ trang bằng giáo mác, gậy gộc bảo vệ; quần chúng có tinh thần đấu tranh và hy sinh rất cao, có ý thức tổ chức kỷ luật rất nghiêm, như khi đốt phá nhà của tri huyện và ty rượu không ai lấy một đồng bạc, hoặc uống một hớp rượu...

Trước phong trào quần chúng như triều dâng thác đổ, nhiều tên tri huyện hoảng sợ chạy trốn hoặc xin đầu hàng, nhiều tên cường hào mang triện đồng nộp cho Nông hội, xin từ chức. Trước tình hình chính quyền địch tan rã từng mảng ở nông thôn, Ban chấp hành Nông hội đỏ (lúc bấy giờ gọi là Xã bộ nông, Thôn bộ nông) đứng ra quản lý nông thôn, làm chức năng chính quyền cách mạng của nhân dân. Trong điều kiện đó, chính quyền Xô viết đã hình thành ở nhiều xã thuộc Nghệ an và Hà tĩnh. Ngày 5-11-1930, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã kịp thời báo cáo lên Quốc tế nông dân: « Hiện nay ở một số làng đỏ, Xô viết nông dân đã được thành lập » (1). Cuối tháng 9 năm 1930, Trung ương Đảng đã chỉ thị cho Xứ ủy Trung kỳ: « Những chỗ đã lập Xô viết rồi phải huấn chính cho chu đáo, làm cho hạng cố, bần, trung nông hết sức ủng hộ Xô viết và cho Xô viết là chính quyền của mình mới được » (2). Báo chí của địch hồi đó cũng phải thú nhận: « Ở thôn quê bắc Trung kỳ, Xô viết đã tổ chức quyền hành chính của họ » (3). Lúc này có ý kiến cho rằng: bạo động riêng lẻ trong vài địa phương như thế là quá sớm, là manh động. Ý kiến đó không đúng, vì các cuộc biểu tình lớn của quần chúng đều do các cấp ủy Đảng lãnh đạo và trong quá trình lãnh đạo cao trào cách mạng 1930 – 1931 và Xô viết Nghệ – Tĩnh, Xứ ủy Trung kỳ không chủ trương khởi nghĩa giành chính quyền

(1) *Văn kiện Đảng*. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương, (Hà nội) xuất bản, 1978, tập 1930 – 1935, tr. 173.

(2) Sách đã dẫn, tr. 59.

(3) Báo *Công luận* (Opinion), số ra ngày 12-12-1930.

Digitized by Google

V. I. Lê-nin đã chỉ rõ: « Theo nghĩa khoa học của danh từ thì người ta chỉ có thể nói đến « manh động » khi mưu toan khởi nghĩa chỉ là mưu toan của nhóm người âm mưu hay một bọn điên rồ vô lý, và khi nó không được quần chúng hưởng ứng... Nếu trong cuộc chiến tranh giải phóng vĩ đại do giai cấp vô sản tiến hành vì chủ nghĩa xã hội, mà chúng ta không biết lợi dụng *mọi* phong trào nhân dân chống những tai họa *riêng lẻ* của chủ nghĩa đế quốc nhằm làm cho cuộc khủng hoảng trở nên trầm trọng và mở rộng thêm, thì như vậy chúng ta sẽ là những người cách mạng rất tồi...

« ... Chỉ nhờ kinh nghiệm thu được trong những phong trào cách mạng không đúng lúc, đơn độc, lẻ tẻ và do đó phải thất bại, mà quần chúng sẽ có được kinh nghiệm, sẽ rút được bài học, sẽ tập hợp được lực lượng, nhận ra được người lãnh đạo chân chính của họ, tức là những người vô sản xã hội chủ nghĩa, và do đó sẽ chuẩn bị cuộc tổng tiến công, cũng như những cuộc đình công riêng lẻ, những cuộc biểu tình trong thành phố hay trong toàn quốc, những cuộc bình biến, những cuộc nổi dậy của nông dân v. v. đều đã chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công năm 1905 » (4). Đúng vậy, Xô viết Nghệ — Tĩnh là cuộc tập dượt đầu tiên chuẩn bị cho những cuộc tập dượt nối tiếp sau này và dẫn tới cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thắng lợi rực rỡ.

Phong trào Xô viết Nghệ — Tĩnh đã đạt đến đỉnh cao nhất của phong trào toàn quốc. Nó cổ vũ và thúc đẩy phong trào toàn quốc phát triển lên một bước mới và làm cho Quốc tế cộng sản quan tâm theo dõi và chỉ đạo phong trào Xô viết Nghệ — Tĩnh. Quốc tế cộng sản và một số đảng anh em đã kịp thời viết thư động viên, ủng hộ, ca ngợi những thành tích của Đảng ta và góp ý kiến để Đảng ta lãnh đạo, duy trì và phát triển cao trào cách mạng ở Đông dương. Nhờ có thành tích nổi bật đó mà Đảng ta đã sớm được Hội nghị thứ 11 của Ban chấp hành Quốc tế cộng sản (tháng 4-1931) công nhận là một chi bộ sánh vai với các đảng anh em.

Xô viết Nghệ — Tĩnh có tiếng vang trên thế giới. Giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhiều nước đã bày tỏ tình cảm và ủng hộ chính quyền xô viết.

Xô viết Nghệ — Tĩnh đã có ảnh hưởng sâu sắc trong nhân dân ta, làm cho uy tín của Đảng ta được nâng cao và mở rộng, quần chúng càng tin tưởng vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

Chính quyền Xô viết ra đời trong lò lửa đấu tranh cách mạng của quần chúng. Được hưởng các quyền tự do dân chủ do chính quyền cách mạng đem lại, quần chúng kiên quyết đấu tranh bảo vệ chính quyền của mình, không ngại gian khổ, không sợ hy sinh. Trong hầu hết các cuộc biểu tình đều có những người bị giết, bị thương, bị bắt và kết án từ 5 đến 10 năm tù khổ sai. Đế quốc Pháp thẳng tay khủng bố trắng, dìm phong trào trong biển máu. Ở phủ Hưng nguyên, máy bay Pháp đã ném bom giết chết 171 nông dân trong một cuộc biểu tình; ở huyện Thanh chương, 103 người bị bắn chết trong một lúc. Riêng tỉnh Nghệ an đã có 393 người bị giết trong 7 cuộc biểu tình. Nhiều làng bị đốt trụi... Bất chấp lưỡi lê, tạc đạn, súng liên thanh, các đoàn biểu tình có tự vệ vũ trang dẫn đầu, kéo lên huyện đấu tranh chống khủng bố, hoặc đi vây đồn đề chống địch triệt hạ làng, chống lập đồn binh... Địch xả súng bắn chết hàng trăm người, quần chúng vẫn xông lên. Sau đó, quần chúng về làng mít tinh làm lễ truy điệu những người hy sinh để chuẩn bị cho cuộc đấu tranh

(4) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1981, tập 30, tr. 68—72.

Digitized by Google

mới. Làng này bị khủng bố, làng khác nổi dậy biểu tình. Tự vệ đỏ ở làng có phong trào mạnh đến giúp quần chúng ở làng phong trào yếu để trừng trị bọn cường hào. Các cấp ủy Đảng phát động quần chúng kiên quyết đấu tranh chống những âm mưu và thủ đoạn nham hiểm của địch như kêu gọi đầu thú, phát thẻ quy thuận, tổ chức rước cờ vàng, v.v. Theo sự hướng dẫn của đảng viên, quần chúng vạch trần chính sách hai mặt của địch: vừa khủng bố đẫm máu, vừa dụ dỗ mua chuộc...

Nhân dân Nghệ – Tĩnh không đơn độc đấu tranh chống kẻ thù để bảo vệ chính quyền cách mạng. Theo tiếng gọi của Trung ương Đảng, quần chúng ở nhiều nơi trong cả nước đã dấy lên phong trào đấu tranh bênh vực Nghệ–Tĩnh đỏ. Ở Sài gòn, Cao lãnh, Sa đéc... có nhiều cuộc mít tinh lớn, biểu tình thị uy có vũ trang, trong đó có cuộc đấu tranh mạnh nhất như cuộc biểu tình phá tòa thị chính, đốt hồ sơ ở Chợ lớn; đấu tranh vạch mặt bọn đảng «lập hiến», tay sai đế quốc, đang yêu cầu chính phủ Pháp thẳng tay đàn áp cách mạng. Huế cũng có nhiều cuộc đấu tranh lớn. Ở Quảng ngãi, nông dân vùng lên đấu tranh trong ba huyện, đã làm chủ huyện lỵ Đức phổ trong hai tiếng đồng hồ. Hà nội–Hải phòng–Nam định–Hòn gai–Cẩm phả sôi sục mít tinh, biểu tình, bãi công, bãi khóa..., và quyết liệt nhất là cuộc biểu tình của nông dân huyện Tiền hải (Thái bình)

Chính quyền Xô viết đã đứng vững được trong nhiều tháng là nhờ tinh thần bất khuất của nhân dân Nghệ–Tĩnh, «nhất là những chiến sĩ cộng sản lãnh đạo cuộc bạo động đã tỏ ra dũng cảm tuyệt vời trước sự tàn sát của đế quốc» (5) mà tiêu biểu là đồng chí Nguyễn Phong Sắc, ủy viên thường vụ Ban chấp hành trung ương Đảng, Bí thư Phân cục trung ương ở Trung kỳ, một nhà lãnh đạo xuất sắc đã hy sinh anh dũng tháng 5-1931 tại đồn Song lộc thuộc Cửa Hội; đồng thời nhờ phong trào quần chúng trong cả nước sục sôi đấu tranh ủng hộ Nghệ–Tĩnh đỏ.

Nhân dân Nghệ – Tĩnh cùng với nhân dân cả nước mãi mãi ghi nhớ những thành tích to lớn của chính quyền Xô viết về các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội:

1–Thiết lập nền chuyên chính công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng, tước hết quyền chính trị của bọn địa chủ cường hào. Thực hiện nam nữ hoàn toàn bình đẳng. Phụ nữ và thanh niên được cử đại biểu của mình tham gia chính quyền. Chính quyền thực hiện các quyền tự do dân chủ, mở các lớp chính trị để giáo dục chính trị phổ thông và giảng sách báo cộng sản cho nhân dân lao động. Xóa bỏ sưu dịch, thuế chợ, thuế đò, lệ cho vay nặng lãi, bắt buộc địa chủ giảm tô, tịch thu ruộng đất công chia cho nông dân nghèo, thanh toán quỹ công, lấy thóc của địa chủ để chống đói...

2–Bãi bỏ tổ chức «dân đoàn» của chính quyền địch, thành lập các đội tự vệ đỏ và đội cảm tử có vũ trang. Thành lập tòa án cách mạng của nhân dân để trừng trị bọn địa chủ cường hào và xét xử bọn mật thám, bọn «đảng Lý nhân» và những phần tử phản cách mạng khác.

3–Thành lập công xã nông thôn ở một số địa phương, tổ chức cho nhân dân sản xuất, sửa đường, đào giếng, đắp đê, chống hạn v.v.

4–Tổ chức cho nhân dân học chữ quốc ngữ. Thảo ra các điều quy ước về tương tế, tương trợ, về cưới hỏi, ma chay theo nếp sống mới. Lập Cứu tế đỏ để giúp những người bị khủng bố; làm nhà cho những gia đình bị

(5) Trích trong cuốn *Dự thảo phong trào cộng sản ở Đông dương* của Hồng Thế Công (tài liệu lưu tại Vụ lưu trữ, Văn phòng Trung ương Đảng).

Digitized by Google

địch đốt phá ; quyên tiền và vật phẩm để giúp đỡ những người lao động thất nghiệp. Cấm trộm cắp, hút thuốc phiện, đánh bạc, mãi dâm, du đãng v.v

Tuy chính quyền Xô viết tồn tại không lâu, và đến nay 55 năm đã trôi qua, nhưng nhân dân Nghệ—Tĩnh vẫn còn nhớ những quyền lợi quý báu, vô giá mà chính quyền Xô viết đã đem lại cho mình, vẫn khắc sâu trong trái tim hình ảnh lá cờ đỏ búa liềm thiêng liêng phấp phới tung bay, vẫn còn nghe vang vọng tiếng trống Xô viết liên hồi giục giã nơi quê hương mình.

★

Năm 1960, khi Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương (nay là Viện lịch sử Đảng) xin ý kiến Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc nghiên cứu và biên soạn chuyên đề Xô viết Nghệ—Tĩnh, Người đã chỉ rõ : Phải học tập những quan điểm đúng đắn của Các Mác đối với Công xã Pa-ri để nghiên cứu và biên soạn chuyên đề Xô viết Nghệ — Tĩnh. Trong bài *Ba mươi năm hoạt động của Đảng*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá cao những thành tích và ý nghĩa lịch sử của Xô viết Nghệ—Tĩnh : « Ngay từ ngày mới ra đời, Đảng ta đã tổ chức và lãnh đạo một phong trào quần chúng mạnh lớn xưa nay chưa từng có ở nước ta — *phong trào Xô viết Nghệ — Tĩnh* năm 1930. Quần chúng công nhân và nông dân hai tỉnh Nghệ an, Hà tĩnh đã nổi lên lật đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, thành lập chính quyền Xô viết công nông binh, ban bố quyền tự do dân chủ cho nhân dân lao động.

« Tuy đế quốc Pháp đã dập tắt phong trào đó trong một biển máu, nhưng Xô viết Nghệ — Tĩnh đã chứng tỏ tinh thần oanh liệt và năng lực cách mạng của nhân dân lao động Việt nam. Phong trào tuy thất bại, nhưng nó rèn luyện lực lượng cho cuộc Cách mạng Tháng Tám thắng lợi sau này » (6).

(6) *Tạp chí Học tập*, số 1 năm 1960, tr. 2.

PHONG TRÀO...

(Tiếp theo trang 106)

quốc. Là thành viên của cộng đồng xã hội chủ nghĩa đồng thời là thành viên của Phong trào không liên kết, chúng ta tìm thấy ở Phong trào sự kết hợp nhuần nhuyễn những mục tiêu phấn đấu của dân tộc và của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

Digitized by Google

«Ba phải»

HIỆN nay, trong đội ngũ cán bộ, đảng viên ta đang có không ít những người mắc bệnh «ba phải». Nét nổi bật nhất của những người này là trước một sự việc, hiện tượng, thái độ thường không dứt khoát, rõ ràng: lời lẽ thì mập mờ, quanh co, khó hiểu; trước cái đúng không ủng hộ, trước cái sai không phản đối, «quan nằm cũng ừ quan tư cũng gật».

Tuy nhiên, «ba phải» có nhiều loại, mang nhiều sắc thái, mức độ khác nhau, thậm chí tính chất cũng khác nhau. Có cái thuộc loại thông thường, biểu hiện trong sinh hoạt hằng ngày; có cái nghiêm trọng biểu hiện trong công tác, trong phẩm chất đạo đức v.v.

Có những người, trong quan hệ giao tiếp, ứng xử hằng ngày, đôi khi phải nhân nhượng, phải xuê xoa «chín bỏ làm mười» để giữ hòa khí với nhau! Chẳng hạn, có người, tuy không mê tín nhưng vẫn phải gật đầu «thưa phải» trước câu nói của ông bố vợ sắp cưới, rằng: «buổi lễ thành hôn của hai con tới đây phải được chọn ngày lành tháng tốt». Trong trường hợp này, nếu chàng rể tương lai cứ cứng nhắc «lập trường», «tuyên chiến» với ông bố vợ sắp cưới thì chưa chắc anh ta đã là người «khôn ngoan», mà có khi lại làm hỏng việc lớn.

Điều đáng nói ở đây không phải là những hiện tượng «ba phải» thông thường đó, mà là những hiện tượng «ba phải» kiểu cá nhân cơ hội trong quan hệ công tác, quan hệ nội bộ, trong đấu tranh phê bình, tự phê bình.

Đối với công tác, những người «ba phải» thường có thái độ vô trách nhiệm, thiếu nhất quán, hôm nay nói thế này, ngày mai nói thế khác, ai nói gì họ cũng cho là «phải». Trước bất cứ việc gì họ cũng chỉ ậm ờ, không dám tỏ thái độ, không dám quyết đoán, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Đánh giá tình hình của một đơn vị, bây giờ họ cho là mạnh, chốc nữa họ lại cho là yếu; nhận xét một con người, trước mặt người này họ cho là tốt, trước mặt người khác họ lại cho là xấu; tham gia giải quyết một công việc, họ vừa tán thành, lại vừa phản đối v.v.

Xin nêu một số ví dụ.

Ở một cơ quan nọ, có anh cán bộ tổ chức trong một phiên họp xét duyệt việc nâng lương cho cán bộ, nhân viên trong cơ quan, khi nghe đồng chí thư ký công đoàn phát biểu, anh ta gật gù tán thưởng: «Ý kiến của đồng chí đề nghị nâng lương cho anh T thật là hợp tình hợp lý, vì anh ấy là người tích cực công tác, mà thời gian cũng gần đủ 5 năm rồi». Nhưng

Digitized by Google

liền sau đó, khi thủ trưởng, chủ tọa phiên họp phát biểu ý kiến của mình về anh T và hỏi đồng chí phụ trách tổ chức có đồng ý hoãn lại việc nâng lương cho anh T không? Anh ta lập tức trả lời không do dự: «Dạ thưa anh, anh nói chí phải, tôi đồng ý ạ». Thế là chỉ trong một không gian nhỏ hẹp và một khoảnh khắc của thời gian, người ta đã thay đổi ý kiến một cách dễ dàng, nhanh như trở bàn tay!

Có cán bộ ở cấp dưới khi tiếp xúc với cán bộ cấp trên, đã hoàn toàn nhất trí tán thành mọi ý kiến của cán bộ cấp trên, hết lời ca ngợi những lời «chỉ dẫn sáng suốt» của thủ trưởng cấp trên, nhưng khi trở về đơn vị, thấy người này người nọ có ý kiến khác, anh ta lại tự ý làm theo «kiểu» của mình, khác với chủ trương của cấp trên.

Trong đấu tranh xây dựng nội bộ, những người «ba phải» thường tìm cách «đứng giữa» hai quan điểm đối lập nhau. Đối với họ, dù bên phía chân lý, hay bên phía phi lý đều có thể ủng hộ và cũng đều có thể phê phán như nhau. Họ tỏ ra không theo bên nào, không phản đối bên nào, hoặc có khi họ lựa chiều phê phán, mơn trớn cả đôi bên, nhằm tranh thủ cảm tình của cả đôi bên. Cũng có người khi tiếp xúc với phía bên này, để được lòng, đã nói xấu phía bên kia, và khi gặp phía bên kia, cũng để được lòng, lại nói xấu phía bên này, làm cho nội bộ không ổn định, bất hòa và nghi kỵ lẫn nhau.

Như vậy, chính những phần tử «ba phải» thiếu bản lĩnh, chứ không ai khác, với những việc làm «lá mặt, lá trái» chẳng những không đóng góp được gì vào việc xây dựng đoàn kết nội bộ, trái lại, còn làm cho nội bộ chia rẽ, mất đoàn kết nghiêm trọng thêm. Từ nội bộ mất đoàn kết, dẫn tới lãnh đạo không có sức mạnh, cấp dưới và quần chúng giảm sút lòng tin, cuối cùng nhiệm vụ chính trị của đơn vị không hoàn thành; mà một khi nhiệm vụ không hoàn thành, thì nội bộ càng dễ mất đoàn kết.

Cán bộ, đảng viên thường mà mắc bệnh «ba phải» đã gây nhiều tác hại. Nếu là cán bộ lãnh đạo, cán bộ phụ trách mà «ba phải» thì phạm vi và mức độ tác hại sẽ còn lớn hơn. Bởi vì nếu cán bộ lãnh đạo mà không nhất quán trong việc đánh giá tình hình, không dứt khoát và quyết đoán trong việc định ra chủ trương thì cấp dưới làm sao có thể có phương hướng đúng để làm việc một cách hăng hái và tin tưởng.

Tất nhiên, trước hiện thực khách quan vô cùng phong phú, phức tạp và luôn luôn biến động, không phải ai cũng có thể nhận thức được ngay đâu là chân lý để có thể khẳng định dứt khoát được ngay thái độ của mình. Sự non kém về nhận thức, về phương pháp tư tưởng nhiều khi là nguyên nhân của thái độ «ba phải»; do không có đủ trình độ phân biệt được phải trái, đúng sai, tốt xấu cho nên ai nói gì cũng thấy là phải. Nhưng điều nghiêm trọng ở đây là hiện tượng «ba phải» do nguyên nhân về tư tưởng, về đạo đức gây ra, do chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội đẻ ra.

V.I. Lê-nin đã phân tích sâu sắc những nét đặc trưng của con người cơ hội như sau: «Nó mang tính chất không rõ ràng, lờ mờ và không thể nào hiểu nổi được. Do bản chất của mình, phái cơ hội chủ nghĩa bao giờ cũng tránh đặt các vấn đề một cách rõ ràng và dứt khoát; bao giờ nó cũng tìm con đường trung dung, nó quanh co uốn khúc như con rắn nước giữa hai quan điểm đối chọi nhau, nó tìm cách «thỏa thuận» với cả quan điểm này lẫn quan điểm kia» (1). Đại hội thứ V của Đảng ta cũng đã vạch rõ: «Bọn cơ hội về quan điểm tư tưởng

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ. Mát-xcơ-va, 1979, tập 8, tr. 476.

Digitized by Google

là không có tính nguyên tắc; về lý luận, thường ngụy biện; về hành động, theo chủ nghĩa thực dụng » (2).

Nhưng những người « ba phải » kiểu cơ hội chủ nghĩa không chỉ dừng lại ở thái độ mập mờ, không rõ ràng, dứt khoát, mà nhiều khi có cả sự lật lọng, tráo trở, đổi trắng thay đen để mưu tính lợi ích cá nhân vị kỷ của họ. Con đường tiến thân của họ thường là dựa dẫm vào những người có chức có quyền. Đối với họ, « thủ trưởng » phán gì, phán như thế nào, dù đúng hay sai, họ cũng đều hết lời tâng bốc và cho là « phải »; họ trở tài nịnh hót, luồn cúi, lựa gió theo chiều, nói năng luôn luôn theo « khẩu vị » của « thủ trưởng », làm việc gì cũng theo « gu » của « thủ trưởng », đôi khi dùng cả những thủ đoạn quà cáp, biếu xén, đút lót để được lòng « thủ trưởng ». Đáng tiếc là có một số người còn thích cái lối nịnh hót đó, làm cho những kẻ cơ hội còn có chỗ để dung thân.

Nhưng ai đó nên cảnh giác! Những phần tử cơ hội không thể có lòng chung thủy. Mỗi khi tình thế đổi thay, « cái ô » che chở cho họ trước đây, nếu bây giờ bị dột nát, thì họ cũng sẵn sàng rời bỏ không thương tiếc. Từ đấy, họ liền giở các thủ đoạn mới, chạy chọt ngược xuôi, tìm cách dựa lưng vào những người có thế lực mới, và sẵn sàng « đá hậu » những người mà mới ngày hôm qua họ còn hết lời tán tụng!

Bên cạnh thái độ « ba phải » cũng cần nói đến thái độ « an phận » của không ít cán bộ, đảng viên. Đối với những người này, cuộc sống sôi động nóng bỏng như thế nào, họ không cần biết; ai nói gì, làm gì, họ gạt bỏ ngoài tai, họ không muốn biết hoặc biết mà không nói. Họ cho rằng, nói ra liệu có ích lợi gì, có làm chuyển biến được tình hình không, hay chỉ mang vạ vào thân, « đấu tranh, tránh đâu »... Phương châm của họ là: « trong ba mươi sáu chước, im lặng là hơn hết ».

Thái độ « an phận » tuy không đồng nhất với « ba phải », vì nó không có những thủ đoạn hai mặt, luồn lách như « ba phải ». Nhưng nó là bạn đồng minh gần gũi của « ba phải »: nó giống với « ba phải » ở chỗ không tỏ thái độ rõ ràng, dứt khoát trước cái đúng, cái sai, và xét tới cùng cũng đều xuất phát từ chủ nghĩa cá nhân.

Ở đây, cần có sự phân biệt giữa những người « ba phải » với những cán bộ, đảng viên có thái độ chín chắn, thận trọng trong suy nghĩ và việc làm. Trước những sự kiện mới phát sinh, trước sự diễn biến phức tạp của tình hình, những đồng chí này không muốn xét đoán một cách vội vã, hấp tấp, không muốn phán bừa, nói ẩu, mà muốn có sự suy nghĩ, cân nhắc chín chắn nhiều mặt trước khi phát biểu khẳng định quan điểm của mình. Thái độ đó là rất cần có và đáng được khuyến khích; nó khác hẳn thái độ « ba phải » mà chúng ta vừa phê phán trên đây.

Tóm lại, « ba phải » là một hiện tượng không hiếm thấy trong cuộc sống. Có những loại « ba phải » khác nhau; đáng chê trách nhất là những hiện tượng « ba phải » vì chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội. Chứng bệnh này đã gây nhiều tác hại trong công tác, trong quan hệ nội bộ và làm thoái hóa phẩm chất của người cán bộ, đảng viên.

Cách tốt nhất để ngăn ngừa và khắc phục bệnh « ba phải » là chăm lo bồi dưỡng, nâng cao trình độ nhận thức, phương pháp tư duy, kiến thức và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội.

VŨ DŨNG

(2) *Văn kiện Đại hội V*. Nxb Sự thật. Hà nội. 1982, tập III, tr. 65.

Digitized by Google

Thư gửi Bộ biên tập



Tình dân — nghĩa Đảng

CÁCH mạng Việt nam đã sản sinh ra một tình cảm vĩ đại, đó là **tình dân — nghĩa Đảng**. Bác Hồ đã cùng toàn Đảng ta, toàn dân ta chăm lo cho tình cảm ấy ngày càng sâu sắc, vững bền và tươi đẹp. Lịch sử cách mạng nước ta sẽ mãi mãi ghi nhận mối tình keo sơn ấy.

Đảng ta ra đời từ phong trào cách mạng của quần chúng và Đảng đã tổ chức, lãnh đạo nhân dân ta chiến đấu, làm nên những chiến thắng. Có Đảng, chúng ta có tất cả: Độc lập, tự do, ruộng cày, cơm ăn áo mặc, học hành và lự do mưu cầu hạnh phúc. Đảng đã vì dân mà chiến đấu.

Lúc còn hoạt động bí mật, Đảng đã chịu đựng mọi gian khổ, hy sinh. Nhưng dùgian khổ mấy, hy sinh mấy Đảng vẫn luôn luôn tin tưởng vào dân, dựa vào dân để gây dựng lực lượng. Khi củ khoai, củ sắn thay cơm, khi ẩn náu trong hầm sâu dịch hậu, hay trốn tránh nơi bụi bờ đi chắp nối đường dây, cán bộ của Đảng đều hướng vào dân mà hoạt động, bám đất, bám dân để xây dựng phong trào. Những khi giặc làng, giặc quét, giặc vây, Đảng vẫn tìm đến dân, đặt sự sống còn của mình ở giữa lòng dân. Như vậy là Đảng tin vào dân, dựa vào dân để sống còn, phát triển

Còn dân tin Đảng, yêu Đảng vì thấy đó là những người con ưu tú của dân, gần gũi nhân dân, đã vì độc lập của đất nước, vì hạnh phúc của nhân dân mà chiến đấu hy sinh. Đó là những con người cụ thể của quê hương đáng tin, đáng yêu. Dân thấy tương lai hạnh phúc của mình trong sự nghiệp của Đảng. Niềm tin yêu ấy đã thôi thúc người dân đi theo Đảng, bất chấp mọi sự khủng bố của kẻ thù. Trong mọi hoàn cảnh, lòng dân luôn luôn hướng về Đảng. Giữa cảnh đói rét hoang tàn của làng xóm, dân tin Đảng mà vượt lên dựng lại xóm làng. « Dù khi tắt lửa tối trời, vững lòng quyết sống không rời Đảng ta. Dù khi giặc khảo giặc tra, cắn răng thà chết không xa Đảng mình ». Dành dành cho Đảng tình cưu mang đùm bọc, bữa rau bữa cháo, củ sắn củ khoai nuôi nhau, bảo vệ nhau giữa vòng nguy hiểm. Biết bao bà mẹ đã biến căn buồng của mình thành nơi nuôi dấu cán bộ. Biết bao người dân đã hy sinh để bảo vệ hầm bí mật, bảo vệ sự sống còn của Đảng!

Đảng vì dân mà chiến đấu hy sinh. Dân tin yêu Đảng, theo Đảng để tự giải phóng mình. Tình dân — nghĩa Đảng đã được xây dựng bằng máu xương của bao nhiêu thế hệ. Mối quan hệ ấy, tình cảm ấy càng keo sơn gắn bó thì phong trào cách mạng càng vững mạnh, chiến thắng càng to lớn hơn mà

Digitized by Google

đỉnh cao là Đại thắng mùa xuân 1975, cả nước được độc lập, tự do, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Tình dân — nghĩa Đảng trở thành cội nguồn sức mạnh để dân tộc ta làm nên chiến thắng, là bệ phóng để mỗi người vươn tới chiến công. Lòng tin yêu lẫn nhau là cơ sở để làm nên tất cả.

Đất nước được giải phóng, dân tộc được tự do. Một sự nghiệp mới nhằm mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân bắt đầu — sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sự nghiệp này rất gay go, phức tạp và lâu dài, vì đây là cuộc đấu tranh để chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu. Chiến thắng ngoại xâm tuy khó nhưng ta nhìn thấy kẻ thù rõ ràng, cụ thể. Chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu là phải chiến thắng chính mình. Nghèo nàn lạc hậu ở ngay trong mỗi chúng ta, trong tư tưởng, tình cảm, đời sống, trình độ và năng lực của mỗi người, mỗi gia đình, mỗi cơ quan, xí nghiệp.

Trong cuộc đấu tranh này, kẻ thù vô hình từng giờ từng phút tiến công ta, cản trở sự nghiệp của ta. Vì thế hơn bất kỳ lúc nào, lúc này toàn Đảng, toàn dân càng phải bảo vệ và phát huy cao độ mối quan hệ keo sơn, mới có thể chiến thắng kẻ thù nguy hiểm. Đảng càng phải tỏ rõ tài nghệ của mình để lãnh đạo nhân dân chống kẻ thù của giai đoạn mới này: chống chủ nghĩa cá nhân. Dân càng phải tin Đảng, ủng hộ Đảng, bảo vệ Đảng mới có thể thắng được chủ nghĩa cá nhân. Bởi vì kẻ thù vô hình này ẩn náu trong tôi, trong anh, trong mỗi chúng ta. Và, bất kỳ lúc nào nó cũng tiến công ta, hòng biến chúng ta thành kẻ phản bội chính mình, phản bội Đảng, phản bội Tổ quốc và nhân dân.

Từ trong đổ nát của chiến tranh, dân tộc ta đã vươn lên kỳ diệu. Chúng ta đã làm được nhiều thứ và đang từng bước đi lên. Song tất cả mới chỉ là bắt đầu. Như hai mặt của một vấn đề, cùng với những thành tích đạt được thì những sai lầm, khuyết điểm, những non yếu trước nhiệm vụ mới cũng bộc lộ rõ rệt. Có những khuyết điểm rất khó tránh, có thể tha thứ một phần nào và phải có thời gian mới khắc phục được. Bởi vì trái ngọt nào cũng có vị đắng cay, chua chát trước khi chín; thắng lợi nào cũng có giá của nó. Độc lập tự do ta đã trả giá bằng máu xương của bao nhiêu thế hệ. Để có ấm no, hạnh phúc, phồn vinh đương nhiên ta cũng phải trả một cái giá nhất định, chủ yếu do non yếu, thiếu kinh nghiệm mà ra. Song có những sai lầm, khuyết điểm do thiếu rèn luyện, tu dưỡng về tư tưởng và đạo đức, do thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác, thậm chí do kiêu căng ngạo mạn, không chịu nghe ý kiến quần chúng, thì không thể chấp nhận được, trái lại, cần lên án mạnh mẽ.

Rõ ràng sự tiến công của kẻ thù mới, của chủ nghĩa cá nhân vào sự nghiệp cách mạng hiện nay, là rất phức tạp và ghê gớm, nó hủy hoại ngấm ngầm sức mạnh của đội ngũ chúng ta. Sự tha hóa về lối sống, sa sút về phẩm chất đạo đức, sự bảo thủ, trì trệ trong tư tưởng của cán bộ, đảng viên, và cả sự nóng vội, muốn «đốt cháy giai đoạn» đã và đang cản trở sự phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Từ những người cách mạng họ đã biến thành «quan cách mạng», quan liêu hống hách, thích nghe lời nịnh, trọng dụng kẻ bợ đỡ, ghét người nói thật, thậm chí thù ghét cả người mà thời bí mật đã sẵn sàng hy sinh bảo vệ cách mạng. Họ trở thành kẻ tham ô, ăn hối lộ, buôn lậu, làm giàu trên mồ hôi của nhân dân lao động. Họ sống thừa thãi, xa hoa trong khi nước còn nghèo, dân còn khổ. Họ làm tổn hại tình cảm dân — Đảng. Còn những kẻ không có chức quyền mà mắc bệnh cá nhân chủ nghĩa nặng thì dựa vào loại cán bộ trên mà thả sức lộng quyền, coi thường pháp luật, coi

Digitized by Google

thường dư luận. Hai loại người ấy câu kết chặt chẽ với nhau, bòn rút của nhân dân bằng mọi cách, câu kết với tư thương phá rối thị trường, phá vỡ sự ổn định trong đời sống của cán bộ, nhân dân. Họ đã trở thành những kẻ tàng tận lương tâm, bán đứng thanh danh của Đảng, lòng tin của dân. Những kẻ như vậy rõ ràng không còn đủ tư cách đảng viên, phải đưa ngay ra khỏi Đảng. Nếu không họ sẽ phá Đảng, phá sự nghiệp của Đảng.

Công việc này tất nhiên rất khó khăn, phức tạp và có cả vị cay đắng nữa. Thật chẳng thú vị, càng không dễ dàng chút nào khi phải tự mổ xẻ chính mình. Nhưng chẳng có cách nào tốt hơn. Bác Hồ đã dạy: « Gạo đem vào giã bao đau đớn, gạo giã xong rồi trắng tựa bông ». Chỉ có như vậy mới lấy lại được những gì đã mất, hàn gắn được những gì đang rạn nứt, làm cho Đảng trong sạch như xưa, đội ngũ của chúng ta lại khỏe mạnh như xưa. Tình dân—nghĩa Đảng lại tròn vẹn trong sáng như trăng rằm tháng Tám.

Cách mạng chỉ có một hướng là tiến lên phía trước. Đảng tồn tại và phát triển là để lãnh đạo cách mạng thành công, và chỉ có sức mạnh khi được nhân dân tin yêu, ủng hộ. Dân chỉ có một con đường đi tới ấm no hạnh phúc là theo Đảng đến cùng.

Dù cho vật đổi sao dời
Tình dân — nghĩa Đảng muôn đời không phai!

THÀNH TÂM
Thành phố Huế

NAM ĐÀN TẠO CHUYỂN...

(Tiếp theo trang 43)

ý nghĩa quan trọng của việc đẩy nhanh phát triển kinh tế—xã hội trên địa bàn huyện nhà. Trước hết việc đó ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích thiết thân của chúng tôi, những con người sống, lao động, công tác và học tập trên mảnh đất Nam đàn thân yêu; chỉ có đẩy mạnh sản xuất và sản xuất có hiệu quả mới nâng cao được đời sống vật chất và tinh thần của mình. Hơn nữa với lòng biết ơn vô hạn đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, mỗi người dân chúng tôi đều có khát vọng xây dựng Nam đàn thành một huyện giàu đẹp, xứng đáng là quê hương của Bác Hồ muôn vàn kính yêu.

Với nhận thức và khát vọng đó, với niềm tin vào sức mạnh của mình, lại được sự quan tâm, giúp đỡ của tỉnh, của Trung ương và sự khích lệ của đồng bào cả nước, toàn thể đảng bộ và nhân dân huyện Nam đàn chúng tôi quyết tâm phấn đấu vươn lên đạt được những thành tích ngày càng to lớn hơn nữa.

Digitized by Google

V. KA-ĐU-LIN

ĐẢNG CỘNG SẢN LIÊN XÔ : LÀM VIỆC THEO LỐI MỚI*

MẤY tháng đã trôi qua kể từ khi Đại hội 27 ĐCS Liên xô kết thúc, thế nhưng hôm nay có thể tin tưởng nói rằng, Đại hội này chiếm một vị trí đặc biệt trong tiểu sử chính trị của Đảng lê nin nit, trong lịch sử của đất nước đầu tiên trên thế giới mà chủ nghĩa xã hội đã thắng lợi. Ý nghĩa của Đại hội 27 ĐCS Liên xô được xác định bởi tính chất chiến lược của các nghị quyết được thông qua tại đó. Quan niệm đẩy nhanh sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước do Hội nghị toàn thể tháng Tư (năm 1985) của UBTƯ ĐCS Liên xô đề ra và việc đi tới trên cơ sở đó một trạng thái mới về chất lượng của xã hội xô viết đã được phát triển sáng tạo hơn nữa ở Đại hội 27. Quan niệm này được thể hiện trong Cương lĩnh của ĐCS Liên xô (bản viết mới), trong Điều lệ của Đảng, trong những phương hướng cơ bản phát triển kinh tế và xã hội Liên xô trong những năm 1986 – 1990 và trong thời kỳ tới năm 2000 được thông qua ở Đại hội. Quan niệm đó được lý giải mọi mặt trong Báo cáo chính trị của UBTƯ ĐCS Liên xô do Mi-khai-in Xéc-gây-ê-vích Goóc-ba-trốp trình bày. Những văn kiện được Đại hội thông qua thể hiện trên thực tế sự thống nhất vững chắc trong hoạt động chính trị, lý luận – tư tưởng, tổ chức, kinh tế của Đảng.

Sự trưởng thành hơn về lý luận của Đảng lê nin nit được thể hiện rực rỡ bằng đại hội, không chỉ cho phép nhận thức sâu sắc hơn những khuynh hướng và những mâu thuẫn của thế giới hiện đại, những quy luật hình thành một hình thái xã hội mới và soạn thảo một chiến lược thực tế, có căn cứ khoa học đẩy nhanh tiến bộ kinh tế – xã hội của Liên xô. Sự trưởng thành này còn được thể hiện trong việc tăng cường quá trình tự nhận thức của Đảng, một quá trình được đẩy mạnh trong giai đoạn sau Hội nghị toàn thể tháng tư (năm 1985) của UBTƯ ĐCS Liên xô, khi Đảng phân tích có phê phán những kinh nghiệm tích lũy được, những quy luật phát triển nội tại của mình. «Sức mạnh của Đảng – M. X. Goóc-ba-trốp nói ở Đại hội – là ở chỗ Đảng cảm nhận được thời gian, nhịp đập của cuộc sống, luôn luôn hoạt động giữa lòng quần chúng. Và mỗi khi trước đất nước xuất hiện những nhiệm vụ mới, Đảng lại tìm được những con đường để giải quyết những nhiệm vụ đó, cải tổ, thay hình đổi dạng những phương pháp lãnh đạo, tỏ rõ năng

* Bài viết cho Tạp chí Cộng sản.

Digitized by Google

lực đảm đương được trách nhiệm lịch sử vì số phận của đất nước, vì sự nghiệp chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản».

Trong những văn kiện Đại hội, học thuyết của Lê-nin về đảng cách mạng kiểu mới được làm sâu sắc thêm, thoát khỏi cách hiểu sách vở và giáo điều. Có thể nói với đầy đủ cơ sở rằng Đại hội đã làm giàu một cách sáng tạo lý luận xây dựng Đảng.

Trong Cương lĩnh của ĐCS Liên xô (bản viết mới), đặc điểm của ĐCS Liên xô là đảng hành động cách mạng triệt để, bản chất giai cấp của Đảng, sứ mệnh lịch sử của Đảng được trình bày phong phú hơn về mặt lý luận so với bản viết cũ. Nhờ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Liên xô, do mọi tầng lớp người lao động đều chuyển sang lập trường của giai cấp công nhân, do sự thống nhất chính trị – xã hội và tư tưởng của xã hội xô viết được củng cố, cho nên Đảng cộng sản, trong khi vẫn là đảng của giai cấp công nhân xét về bản chất giai cấp và hệ tư tưởng, đã trở thành đảng của toàn thể nhân dân. Điều này xác định trước tính kế thừa cách mạng, tính giai cấp của chính sách đối nội và đối ngoại, của mọi hoạt động của ĐCS Liên xô

ĐCS Liên xô coi việc củng cố liên minh giai cấp công nhân, nông dân, trí thức là sự bảo đảm cho việc tập trung lực lượng hơn nữa để đẩy nhanh việc giải quyết những nhiệm vụ kinh tế và xã hội mà cuộc sống đặt ra. Nhưng việc củng cố sự thống nhất này hoàn toàn không có nghĩa là đời sống xã hội có tính chất san bằng một kiểu, một dạng. Ngược lại, đảng của Lê-nin nhìn nhận sự đa dạng về quyền lợi, về nhu cầu, về khả năng của con người, tính tự chủ rộng rãi của các tổ chức xã hội, thể hiện sự đa dạng đó là điều kiện cần thiết để phát triển hơn nữa tính tích cực sáng tạo của những người xô viết, phát huy sáng kiến, thi đua về trí tuệ và tài năng, mà thiếu những cái đó thì nói chung không thể có việc tiến lên phía trước được.

Trong các văn kiện Đại hội, luận điểm về vai trò lãnh đạo của Đảng ngày càng tăng lên có tính quy luật trong những điều kiện lịch sử mới đã được trình bày sâu rộng. Một là, Cương lĩnh ĐCS Liên xô (bản viết mới) đã chỉ ra rộng hơn và chính xác hơn những yếu tố cơ bản nâng cao vai trò của ĐCS Liên xô trong xã hội. Đó là quy mô và tính phức tạp lớn hơn của những nhiệm vụ hoàn thiện chủ nghĩa xã hội, đẩy nhanh tiến bộ kinh tế, xã hội và tinh thần. Đó là sự phát triển của hệ thống chính trị, sự tăng cường nền dân chủ và chế độ tự quản xã hội chủ nghĩa của nhân dân. Tiếp nữa, đó là nhu cầu phát triển sáng tạo lý luận Mác – Lê-nin, lý giải sâu sắc thực tiễn xây dựng chủ nghĩa cộng sản, tìm kiếm những câu trả lời đúng lúc, có luận chứng khoa học cho những câu hỏi do cuộc sống đặt ra, nâng cao ý thức giác ngộ của quần chúng lao động.

Hai là, vai trò lãnh đạo của ĐCS Liên xô tăng lên bởi tác động của các nhân tố quốc tế. Lợi ích của việc tăng cường hợp tác, củng cố sự nhất trí giữa các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào công nhân và cộng sản quốc tế, đoàn kết với các lực lượng giải phóng dân tộc, đấu tranh chống hệ tư tưởng tư sản, chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa biệt phái đòi hỏi điều đó. Cuối cùng, đòi hỏi đó còn là do sự phức tạp hơn của những điều kiện chính trị đối ngoại khi chủ nghĩa đế quốc càng có tính chất hiếu chiến, khi cần phải nâng cao cảnh giác, bảo đảm an ninh của đất nước, giải thoát loài người khỏi nguy cơ thảm họa hạt nhân, củng cố hòa bình trên trái đất.

Digitized by Google

Quá trình mang tính quy luật của sự tăng cường vai trò lãnh đạo của ĐCS Liên xô hoàn toàn không phải tự nhiên mà có. Đảng thấy trách nhiệm của mình ở chỗ phải thường xuyên chứng minh quyền hạn của mình là đội tiền phong chính trị của nhân dân. Chính vì vậy mà tư tưởng cải tổ một cách căn bản tất cả các mặt công tác đảng xuyên suốt các văn kiện Đại hội. Đại hội thứ 27 đã luận chứng có sức thuyết phục về sự cần thiết của việc cải tổ này, dựa trên nền tảng vững chắc lý luận Mác—Lê-nin, truyền thống bôn sê vích.

Cương lĩnh Đảng (bản viết mới), những thay đổi trong Điều lệ Đảng đã củng cố và phát triển những nguyên tắc bôn sê vích về xây dựng Đảng, phong cách và phương pháp công tác đảng, những tiêu chuẩn đạo đức của người cộng sản do Lê-nin đề ra và đã được thực tiễn kiểm nghiệm. Như vậy, chương trình rộng lớn đề ra trong các văn kiện Đại hội nhằm hoàn thiện mọi mặt các hoạt động chính trị, tổ chức và tư tưởng của ĐCS Liên xô, tiếp tục củng cố sự thống nhất của chúng là một chương trình có luận chứng khoa học nhằm nâng cao trên thực tế vai trò lãnh đạo của Đảng trong xã hội xã hội chủ nghĩa trong những điều kiện lịch sử mới.

Phép biện chứng của quá trình này thể hiện ở chỗ, sinh hoạt nội bộ Đảng diễn ra càng đa dạng, càng có nội dung phong phú, nguyên tắc tập trung dân chủ của Lê-nin càng được tuân thủ nghiêm túc trong Đảng, thì ảnh hưởng của Đảng đối với các quá trình xã hội càng mạnh mẽ và có hiệu quả. Nhưng chỉ có thể thực hiện được triệt để nguyên tắc này một khi việc củng cố tính tổ chức và kỷ luật của các đội ngũ Đảng, việc nâng cao trách nhiệm của các đảng viên, các tổ chức Đảng, các cấp ủy, việc kiểm tra liên tục hoạt động của họ đi liền với việc phát huy sáng kiến và tính thần tự chủ của tất cả đảng viên, không trừ một ai, với sự mở rộng dân chủ nội bộ Đảng, với cuộc đấu tranh quyết liệt chống bệnh hình thức, và những lệch lạc quan liêu chủ nghĩa trong công tác Đảng.

Phép biện chứng của việc xây dựng Đảng trong những điều kiện hiện nay còn là ở chỗ vai trò lãnh đạo của ĐCS Liên xô chỉ có thể được tăng cường trong thực tế với điều kiện tính tích cực của các tổ chức của những người lao động được nâng cao bằng mọi cách. Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo hoàn toàn không có nghĩa là ra mệnh lệnh hành chính, bao biện các chức năng của các cơ quan và tổ chức khác, bảo trợ vặt vãnh.

Nhân dân ủng hộ Đảng càng mạnh thì ảnh hưởng của Đảng đối với tiến trình phát triển xã hội càng lớn. Đảng chỉ thực hiện được vai trò là người lãnh tụ chính trị, khi luôn luôn mài sắc vũ khí lý luận — tư tưởng của mình. Vì vậy Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô đặc biệt chỉ rõ sự cần thiết phải kiên trì khắc phục những biểu hiện trì trệ, giáo điều cũng như sự vụ trong công tác lý luận — tư tưởng, tăng cường tư tưởng tập thể của Đảng, giáo dục cán bộ lòng yêu thích lý luận, khả năng nắm bắt phương pháp luận của Lê-nin về phân tích các quá trình xã hội.

Bản thân công việc của Đại hội, những nghị quyết và những văn kiện được Đại hội thông qua đã trở thành tấm gương có tính chất giáo huấn về sự nắm bắt phương pháp luận này, ứng dụng nó một cách sáng tạo. Ph. Ăng-ghen đã từng nhắc nhở: "Phương pháp duy vật trở thành mặt đối lập của nó, khi nó được sử dụng không phải như một sợi dây chỉ đạo trong nghiên cứu lịch sử, mà như một khuôn mẫu có sẵn theo đó các sự kiện lịch sử bị cắt xén và sửa lại" (C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Toàn tập*,

Digitized by Google

tiếng Nga, tập 37, tr. 35). Hoạt động chính trị của Liên xô cho thấy nhiều bằng chứng đầy sức thuyết phục chứng tỏ ĐCS Liên xô, UBTU của Đảng đấu tranh không điều hòa và triệt để như thế nào chống sự khuôn mẫu hóa cuộc sống sinh động, sức sáng tạo của quần chúng, hình thức và phương pháp hoạt động của chính mình, trong đó có hoạt động lý luận.

Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô nêu ra một bài học về sự thật mà M.X. Goóc-ba-trốp đã nói đến trong Báo cáo chính trị, thiết nghĩ, có thể còn gọi đó là bài học đánh giá lại theo tinh thần phê phán dũng cảm những kinh nghiệm trước đó của sự phát triển, những khái niệm và quan niệm lý luận đã được hình thành, phân tích không thỏa hiệp về những sai lầm và khuyết điểm của mình, về những hiện tượng tiêu cực không chỉ ở trong xã hội nói chung mà còn ở trong môi trường riêng của mình.

Chúng ta biết rõ rằng, chủ nghĩa Mác—Lê-nin coi phê bình và tự phê bình là một phương pháp hoạt động cải tạo — cách mạng của Đảng cộng sản và toàn dân, trong những điều kiện của chủ nghĩa xã hội — là một trong những động lực thúc đẩy sự phát triển của cả giai đoạn một lẫn giai đoạn hai hình thái cộng sản chủ nghĩa. Phê bình và tự phê bình không phải là ý muốn tốt đẹp của những người cộng sản, mà là đòi hỏi khách quan của hoạt động thực tiễn, đòi hỏi ấy được sinh ra bởi những mâu thuẫn thực tế, bởi sự khác nhau về quyền lợi của những giai cấp khác nhau, những nhóm xã hội khác nhau, bởi cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ bao trùm tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, không có ngoại lệ. « Vũ khí phê bình » dưới chủ nghĩa xã hội chính là có sứ mệnh thúc đẩy việc giải quyết những mâu thuẫn nảy sinh trong đời sống xã hội, thúc đẩy sự tiến bộ về kinh tế, xã hội, tinh thần của xã hội. Ngày nay, ở bước ngoặt mạnh mẽ của lịch sử đất nước như Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô đã nhấn mạnh, sự phát triển phê bình và tự phê bình có ý nghĩa cấp bách hơn bao giờ hết, M.X. Goóc-ba-trốp chỉ rõ trong Báo cáo chính trị của UBTU ĐCS Liên xô rằng Đảng có thể giải quyết có kết quả các nhiệm vụ của mình nếu tự phát triển không ngừng, nếu không có ý thức là mình « không bao giờ sai », nếu đánh giá có phê phán những kết quả đã đạt được, thấy rõ cần phải làm những gì.

Trong Đảng, như đã được nói ở Đại hội, không có và không thể có những tổ chức không bị kiểm soát, không bị phê bình, không có và không thể có những cán bộ lãnh đạo không chịu trách nhiệm trước Đảng. Đòi hỏi quan trọng này bây giờ đã được ghi trong Điều lệ ĐCS Liên xô, thái độ đối với nó ngày càng trở thành một trong những biểu hiện quan trọng nhất của trình độ chính trị, sự trưởng thành của tổ chức Đảng, của những người lãnh đạo, của những đảng viên bình thường của Đảng. Đại hội đã nhấn mạnh phê bình và tự phê bình trong Đảng cần phải mang tính chất tích cực, xây dựng, tạo điều kiện vạch ra cách giải quyết tối ưu những vấn đề nảy sinh. Qua các văn kiện của Đại hội thứ 27, ta thấy rõ phê bình và nghiên cứu tích cực sáng tạo thâm nhập vào nhau như thế nào. Còn trong lĩnh vực thực tiễn xã hội, thì vũ khí phê bình mác xít — lê nin nit ngày nay làm cho mọi người định hướng lại về mặt tâm lý một cách nhanh chóng nhất, giúp họ học cách tư duy và làm việc theo lối mới.

Trong khi chỉ đạo và hướng dẫn một công việc nhiều mặt, vô cùng phong phú, hết sức phức tạp về nội dung và cực kỳ quan trọng về hệ quả, liên quan đến việc cải tổ, đổi mới chất lượng mọi mặt của cuộc sống xã hội, ĐCS Liên xô, với tư cách là

Digitized by Google

một cơ thể chính trị luôn luôn phát triển, đang thay đổi một cách cơ bản, đang kiên trì hoàn thiện các hình thức và phương pháp hoạt động lý luận và thực tiễn của mình. Thực chất của cuộc cải tổ này là mỗi tổ chức Đảng – từ cấp nước cộng hòa đến cấp cơ sở – tích cực đấu tranh để thực hiện đường lối của Hội nghị toàn thể tháng Tư, các nghị quyết của Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô, sống trong bầu không khí tìm tòi sáng tạo, đổi mới hình thức và phương pháp hoạt động của mình. Tóm lại, trong những điều kiện lịch sử mới, Đảng, tất cả các tổ chức và các ban chấp hành của Đảng, không có ngoại lệ, tất cả những người cộng sản xô viết phải nắm vững những truyền thống của chủ nghĩa bôn sê vích, phải có phong cách làm việc đáp ứng đầy đủ nhất những đòi hỏi của thời điểm hiện nay, phong cách đó có thể gọi một cách có căn cứ đầy đủ là phong cách lê nin nít.

Đối với ĐCS Liên xô, trung thành với Lê-nin, với chủ nghĩa bôn sê vích có nghĩa là sống vì lợi ích của nhân dân, luôn luôn hỏi ý kiến nhân dân, luôn luôn hoạt động giữa lòng quần chúng, để nắm bắt được nhạy bén sự chuyển động của thời gian, nghe rõ nhịp đập của cuộc sống. Đối với ĐCS Liên xô, trung thành với Lê-nin, với chủ nghĩa bôn sê vích có nghĩa là phải tuyệt đối trung thực, với mức độ đầy đủ rút ra những bài học một cách không thỏa hiệp từ những thiếu sót và sai lầm của mình, thấy rõ triển vọng trước mắt và triển vọng xa, bằng mọi cách duy trì trong hàng ngũ mình tinh thần sáng tạo đấu tranh không khoan nhượng chống tư tưởng bảo thủ, trì trệ.

Việc nắm vững phong cách làm việc lê nin nít trong điều kiện hiện nay đòi hỏi phải thực hiện nhất quán hơn trước kia nguyên tắc tập thể trong tất cả các mắt xích của tổ chức Đảng, nâng cao vai trò của các hội nghị toàn thể và các phiên họp của các ban thường vụ như các cơ quan lãnh đạo tập thể của Đảng, kiên quyết đấu tranh chống các mưu toan thay thế việc soạn thảo nghị quyết một cách tập thể bằng những mệnh lệnh của cá nhân, không ngừng phát triển tính công khai trong công tác. Đại hội 27 ĐCS Liên xô nhấn mạnh, mệnh lệnh hành chính, độc đoán, xem thường ý kiến khác, bất kỳ biểu hiện nào của tính kiêu căng đều là hoàn toàn xa lạ với phong cách lê nin nít của công tác đảng.

ĐCS Liên xô cho rằng việc nâng cao tiềm năng sáng tạo của đội ngũ của mình trong điều kiện hiện nay phải gắn liền với việc phát huy sáng kiến và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, với việc đấu tranh không mệt mỏi vì sự trong sạch và sự chân thật của người đảng viên. Hội nghị toàn thể tháng Tư (1985) UBTU ĐCS Liên xô đã đặt ra những vấn đề này theo lối mới. Điều quan trọng có tính nguyên tắc là việc nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức của người cộng sản nằm trong lĩnh vực lời kêu gọi đang được đưa vào môi trường thực tiễn một cách kiên trì.

Cần phải nói rằng, trong giai đoạn mở đầu bằng Hội nghị toàn thể tháng Tư, phẩm chất đạo đức trong đời sống, trong Đảng và của toàn xã hội xô viết được nâng cao rõ rệt. Những yêu cầu cao về đạo đức đối với tất cả các đảng viên, tất cả các tổ chức Đảng, tất cả những người lãnh đạo các cấp ủy Đảng là nét nổi bật trong Báo cáo chính trị tại Đại hội, cũng như trong các tham luận của các đại biểu. Ý nghĩa to lớn của việc này chưa thể đánh giá hết. Lĩnh vực hành vi xã hội, quan hệ về tinh thần luôn luôn là chiếc phong vũ biểu cực nhạy về sức mạnh tinh thần của xã hội. Việc Đại hội chú ý hơn đến các chỉ số của chiếc phong vũ biểu này, đưa ra những sự sửa đổi trong công tác tổ

Digitized by Google

chức, giáo dục, quan tâm đến sự trong sạch và sự chân thật của từng đảng viên, đến uy tín chính trị, công tác, đạo đức của từng tổ chức Đảng, của từng cấp ủy, ở một mức độ lớn, có tác dụng nâng cao uy tín của Đảng trong xã hội, tăng cường trên thực tế vai trò tiên phong của từng đảng viên và của toàn Đảng nói chung.

ĐCS Liên xô gắn việc nâng cao rõ rệt trên thực tế vai trò này với việc tiếp tục hoàn thiện công tác kết nạp đảng viên mới. Đại hội lên án một thực tế có hại khá phổ biến ở một số tổ chức Đảng là trong việc xây dựng đội ngũ đảng viên chỉ chú ý số lượng mà không chú ý chất lượng, hạ thấp yêu cầu đối với những người gia nhập Đảng. ĐCS Liên xô — là một đảng cầm quyền, vì vậy một nhiệm vụ luôn luôn cấp bách đối với Đảng là không ngừng quan tâm đến sự trong sạch của đội ngũ của mình, ngăn chặn những kẻ vào Đảng với động cơ hiếu danh, vụ lợi, kiên quyết loại bỏ những phần tử xa lạ, những kẻ lừa đảo, xảo trá và những phần tử thoái hóa về đạo đức khác

Ngày nay ĐCS Liên xô đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao ý chí chiến đấu của các tổ chức cơ sở, hạt nhân chính trị của các tập thể lao động. Được trao quyền hạn rộng lớn, trong đó có quyền kiểm soát hoạt động của chính quyền, nắm trong tay rất nhiều phương tiện tác động về chính trị — tư tưởng và tổ chức đối với hoạt động lao động sản xuất của các tập thể, đời sống xã hội của họ, các tổ chức cơ sở của Đảng phải có trách nhiệm đầy đủ về việc thực hiện nhất quán các nghị quyết của Đại hội, về sự hoàn thiện mọi mặt cuộc sống của xã hội xô viết. Thông thường, chính các tổ chức cơ sở của Đảng trở thành những người khởi xướng cuộc đấu tranh để cải tổ cơ cấu nền kinh tế quốc dân, trang bị mới kỹ thuật sản xuất, hiện đại hóa về cơ bản bộ máy kinh tế, củng cố toàn diện mối liên kết giữa khoa học và sản xuất, đẩy nhanh, tăng cường không chỉ hoạt động kinh tế mà cả đời sống tinh thần của xã hội.

Hiện nay ảnh hưởng của Đảng được tăng cường đối với toàn bộ tiến trình tiến bộ khoa học kỹ thuật, đội ngũ của Đảng được củng cố ở những địa hạt quyết định của sự tiến bộ khoa học kỹ thuật, hoạt động của đảng viên được đẩy mạnh ở các cơ quan nghiên cứu khoa học, các cơ quan thiết kế, các cơ quan dịch vụ kỹ thuật, các hội khoa học kỹ thuật. Việc nâng cao vai trò của các đảng ủy ở các bộ được chú ý đặc biệt, các đảng ủy ấy là đại diện toàn quyền của Đảng trong các bộ tham mưu của các ngành kinh tế quốc dân khác nhau. Các đảng ủy của các bộ phải ra sức nâng cao tính tích cực của mình, phải nâng cao ý thức trách nhiệm và nền nếp trong các tập thể, cụ thể là phải đứng trên lập trường của Đảng, của cả nước mà giải quyết những vấn đề căn bản quyết định việc đẩy nhanh sản xuất xã hội.

Ngày nay mỗi tổ chức Đảng phải trở thành một vật cản chắc chắn ngăn chặn bọn hư hỏng, trục lợi và ăn bám, phải trở thành người bảo vệ đáng tin cậy những lợi ích của cả nước, của toàn dân, phải nâng cao rõ rệt yêu cầu đối với tất cả đảng viên, đặc biệt những đảng viên là cán bộ lãnh đạo ở tất cả các cấp, để họ thực hiện chân thật và sáng tạo trách nhiệm của mình, giữ nghiêm Điều lệ của Đảng, giữ nghiêm những tiêu chuẩn của sinh hoạt tập thể xã hội chủ nghĩa.

Đáng tiếc là việc đổi mới phong cách làm việc được tiến hành chưa nhanh và chưa đạt kết quả mong muốn, như đòi hỏi của UBTƯ ĐCS Liên xô. Sự cần thiết phải đổi mới chưa được tất cả mọi người và mọi nơi nhận thức đầy đủ. Ở nhiều tổ

Digitized by Google

chức, việc khắc phục sức ỳ, bệnh hình thức và rập khuôn còn chậm. Ủy ban trung ương các nước cộng hòa liên bang, các khu ủy, tỉnh ủy, quận ủy, thành ủy và huyện ủy còn phải làm nhiều nữa để xóa bỏ đến cùng sự trì trệ và bảo thủ ở bất kỳ dạng biểu hiện nào của chúng, ý đồ tô vẽ thêm sự thật, khắc phục hoàn toàn thói quen thâm căn cố đế của bệnh sinh tồ chức, họp hành triền miên và quan liêu giấy tờ. Liên quan đến vấn đề này, UBTƯ ĐCS Liên xô cho rằng sự phát triển hoạt động báo cáo thường xuyên của các đảng viên, trong đó có cán bộ lãnh đạo ở những tổ chức mà họ đăng ký đảng tịch, có ý nghĩa to lớn. Việc phổ biến rộng rãi khắp mọi nơi hoạt động này cho phép nâng cao đáng kể trách nhiệm của đảng viên đối với tình hình công việc trong tổ chức Đảng của mình và trong toàn Đảng nói chung.

Ai cũng biết là Lê-nin cho rằng «then chốt của toàn bộ công việc» là lựa chọn người và kiểm tra việc thực hiện, «chứ không phải là ra nghị quyết, không phải là lập các nhiệm sở, không phải là việc tổ chức lại». Nhân dân, Đảng đánh giá cao những biện pháp mà UBTƯ ĐCS Liên xô thông qua gần đây trong việc đề bạt lực lượng mới vào những cương vị quan trọng của Đảng và Nhà nước, đổi mới đội ngũ cán bộ đã được thử thách của Đảng bằng những người hiểu hơn những người khác là cần phải làm những gì trong điều kiện hiện nay. Việc nâng cao đáng kể chất lượng thành phần cốt cán của Đảng được thực hiện trong quá trình bầu cử trước đại hội trong Đảng.

Chiến lược đẩy nhanh đòi hỏi bức thiết phải tiếp tục hoàn thiện chính sách cán bộ, phải đổi mới tư duy về một số mặt của chính sách cán bộ trên cơ sở những bài học của quá khứ. Những bài học cay đắng mà ĐCS Liên xô, toàn thể xã hội xô viết phải trả giá đắt là: sự tin cậy cần thiết đối với cán bộ không phải là sự phó thác hoàn toàn, mà thực chất đó là sự không kiểm soát; không thể cho phép, như mới đây còn xảy ra, dùng những lời lẽ tốt đẹp về thái độ bảo vệ cán bộ để che giấu tình trạng thờ ơ và tha thứ tất cả. Việc quan tâm đến sự ổn định của đội ngũ cán bộ không được dẫn đến sự trì trệ. Ngày nay ĐCS Liên xô tiến hành nhất quán đường lối kết hợp trong lãnh đạo cán bộ có kinh nghiệm với cán bộ trẻ, tích cực hơn trong việc đề bạt cán bộ nữ vào công tác lãnh đạo, không dung thứ bất cứ sự đi chệch nào khỏi những nguyên tắc của Lê-nin về lựa chọn, sắp xếp và giáo dục cán bộ.

Đường lối chính trị hiện nay của ĐCS Liên xô tạo ra những khả năng đặc biệt thuận lợi để nâng cao đáng kể hiệu quả hoạt động tư tưởng của Đảng. Nghị quyết Đại hội thứ 27 đòi hỏi là trong tất cả các bộ phận của công tác tuyên truyền và giáo dục tư tưởng phải khắc phục những bệnh sáo rỗng, hình thức, dạy đời, sự lợi lỏng đối với những biểu hiện của tư tưởng thù địch, phải khẳng định vững chắc ở khắp mọi nơi quan điểm rộng rãi xem hoạt động tư tưởng là một phương tiện hết sức quan trọng để xây dựng con người mới.

Hiện nay những bước cụ thể đang được tiến hành để gắn chặt hơn nữa hoạt động tư tưởng với việc thực hiện đường lối của ĐCS Liên xô đẩy nhanh sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, bằng mọi cách củng cố sự thống nhất giữa lời nói chân thực và việc làm thực tế, tăng cường vai trò giáo dục quá trình lao động có tổ chức cao và hoạt động xã hội, bảo đảm trong công tác giáo dục tư tưởng phải thường xuyên tính đến mức tăng trình độ kiến thức, văn hóa, mức độ được thông tin của mọi người, đặc trưng của các loại thính giả cụ thể và cả sự tham gia tích cực vào công việc

Digitized by Google

này của những cán bộ lãnh đạo của Đảng.

Những hình thức liên hệ thường xuyên giữa các đảng ủy với quần chúng đã được thực tế kiểm nghiệm, đang được phát triển và hoàn thiện, việc cán bộ lãnh đạo phát biểu ý kiến trước nhân dân lao động được tiến hành rộng rãi hơn. Như kinh nghiệm đã cho thấy, những buổi phát biểu ý kiến và những cuộc gặp gỡ như vậy góp phần nâng cao đáng kể hiệu quả của công tác giáo dục tư tưởng, trở thành một biện pháp đáng tin cậy ngăn chặn các loại tin đồn nhảm và nói năng lệch lạc. Đây là điều dễ hiểu, bởi vì mọi người nhận được câu trả lời cho những vấn đề mình quan tâm từ nguồn đáng tin cậy nhất. Và điều này giúp cho việc hình thành dư luận xã hội một cách đúng đắn. Đồng thời những người lãnh đạo hiểu đầy đủ hơn, chính xác hơn tâm trạng của mọi người, những mong muốn và đòi hỏi của họ. Đối thoại thẳng thắn góp phần nâng cao hiệu quả của công tác Đảng.

Các phương tiện thông tin đại chúng và tuyên truyền ngày càng đóng vai trò tích cực hơn trong việc thực hiện chiến lược kinh tế, chính sách xã hội của Đảng, trong việc hình thành nhận thức xã hội chủ nghĩa. Trong điều kiện hiện nay, vô tuyến truyền hình, đài phát thanh, báo chí là những công cụ mạnh mẽ để tuyên truyền công khai, thực hiện sự kiểm soát xã hội, tuyên truyền kinh nghiệm tiên tiến, làm cho những người lao động tiếp xúc với công việc xã hội. Các cơ quan đó, như Nghị quyết Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô đòi hỏi, phải trở thành diễn đàn của tư tưởng tập thể Mác—Lê-nin, của kinh nghiệm xã hội của quần chúng, phải tổ chức trao đổi ý kiến rộng rãi về những vấn đề cấp bách của lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Đòi hỏi về tính thẳng thắn, ý chí chiến đấu đặt ra hôm nay đối với các phương tiện tuyên truyền và thông tin đại chúng cũng ở mức độ giống như đối với tất cả các mắt xích khác của Đảng, của toàn bộ xã hội xô viết.

«Dũng cảm», «chân thực», «kỷ luật» và «trách nhiệm» — những từ này luôn luôn xuất hiện trên báo chí xô viết, không ngừng vang lên ở đài phát thanh và vô tuyến truyền hình. Những từ này thể hiện những yêu cầu cao mà thời cuộc đặt ra cho mỗi đảng viên, cho toàn Đảng nói chung. Tìm những con đường ngắn nhất, những hình thức và phương tiện có hiệu quả để thực hiện chiến lược đẩy nhanh sự phát triển kinh tế—xã hội của Liên xô—tất cả những điều đó nằm trong hoạt động hằng ngày của ĐCS Liên-xô; tất cả những suy nghĩ của Đảng đều nhằm thay đổi thế giới của con người, có nghĩa là thay đổi chính con người, làm cho cuộc sống của con người có nội dung hơn và tốt hơn.

Digitized by Google

NGUYỄN TRỌNG THỤ

NHỮNG ĐỀ NGHỊ HÒA BÌNH SÁNG NGỜI THIỆN CHÍ

CHÍNH sách đối ngoại hòa bình của Liên xô lại một lần nữa được chứng minh cụ thể: Ngày 28-7-1986, trong lễ trao huân chương Lê-nin cho thành phố Vla-di-vô-xtốc, một trung tâm công nghiệp, văn hóa và khoa học hiện đại của Liên xô nằm trên bờ Thái bình dương, đồng chí Goóc-ba-trốp, Tổng bí thư Ủy ban trung ương DCS Liên xô đã dành một phần quan trọng bài phát biểu của mình cho các vấn đề quốc tế, đặc biệt là *vấn đề châu Á — Thái bình dương*. Trên cơ sở những nhận định đúng đắn, bằng việc đề ra những nhiệm vụ to lớn và những đề nghị cụ thể, đồng chí đã làm sáng tỏ chủ trương của Liên xô đấu tranh củng cố hòa bình và an ninh, phát triển hợp tác trong khu vực châu Á — Thái bình dương, kết hợp cuộc đấu tranh này vào quá trình chung thành lập hệ thống an ninh quốc tế.

Như chúng ta đã biết, từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, châu Á — Thái bình dương, khu vực bao la bao gồm 1/2 diện tích quả đất và 2/3 số dân thế giới, ngày càng có nhiều biến chuyển theo xu hướng phát triển tất yếu của lịch sử. Nhiều dân tộc ở khu vực này đã đạt được những thắng lợi to lớn trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Bên cạnh đó, sự lớn mạnh vượt bậc của các lực lượng hòa bình và cách mạng, với Liên xô là thành trì, đã làm thay đổi sâu sắc bộ mặt châu Á — Thái bình dương. Xu thế cùng tồn tại và hòa bình hợp tác ngày càng được đông đảo nhân dân các nước trong khu vực hưởng ứng. Đặc biệt sau thắng lợi tháng 4/1975 của Việt nam, sức mạnh vô địch của những tư tưởng tự do và chủ nghĩa xã hội càng được khẳng định. Với vị trí quan trọng của mình, châu Á—Thái bình dương ngày càng được sự quan tâm của các nước trên thế giới.

Mỹ đã không ngừng điên cuồng thọc bàn tay phá hoại của chúng vào khu vực này. Chúng đã tiến hành xâm lược Triều tiên, Việt nam, Lào và Cam-pu-chia, gây nên những cuộc chiến tranh đẫm máu. Sau thất bại thảm hại ở Việt nam, Mỹ vẫn chưa chịu từ bỏ mộng bành trướng, xâm lược của chúng. Thực hiện « chủ nghĩa toàn cầu mới », đế quốc Mỹ đưa ra cái gọi là « học thuyết châu Á — Thái bình dương », chiến lược cực kỳ phản động nhằm duy trì quyền lợi đế quốc chủ nghĩa của Mỹ, chống phá phong trào cách mạng cũng như quá trình đổi mới đang diễn ra ở khu vực này. Mỹ lăm le mở « mặt trận thứ hai » ở châu Á—Thái bình dương nhằm phối hợp với « mặt trận thứ nhất » ở Tây Âu trong cuộc « thập tự chinh » chống chủ nghĩa xã hội. Chúng ra sức tập hợp lực lượng, thành lập các tổ chức liên minh quân sự — chính trị, tạo thành những gọng kìm sẵn sàng tiến công Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa trong khu vực. Đối với các nước mới giành được độc lập dân tộc, Mỹ thực hiện sự trả đũa về kinh tế,

Digitized by Google

thực hiện âm mưu lật đổ, can thiệp vào các vấn đề nội bộ, ủng hộ các phần tử ly khai, vũ trang cho bọn phản cách mạng và bọn khủng bố, thậm chí mưu toan dùng lại chiến lược chiến tranh cục bộ bằng quân viễn chinh Mỹ để chống phá phong trào giải phóng và độc lập dân tộc. Lợi dụng những khó khăn và những tàn dư của quá khứ để lại ở nhiều nước, Mỹ tìm cách gây ra những cuộc xung đột trong khu vực. Chính sách can thiệp, gây sức ép và chạy đua vũ trang của Mỹ đã làm cho tình hình ở châu Á – Thái bình dương trở nên rất căng thẳng, nguy cơ chiến tranh ở khu vực này ngày càng tăng.

Hoàn toàn đối lập với đường lối phản động nói trên của Mỹ, trước sau như một, Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa kiên trì đấu tranh để biến châu Á – Thái bình dương thành khu vực hòa bình, an ninh và hợp tác. Những biểu hiện cụ thể, những kết quả thực tế của chính sách đối ngoại của Liên xô bốn thập niên kỷ qua đã khẳng định điều đó.

Bài phát biểu của đồng chí Goóc-ba-trốp ngày 28-7-1986 tại Vla-đi-vô-xtốc lại một lần nữa nêu rõ trước toàn thế giới thiện chí của Liên xô về vấn đề châu Á – Thái bình dương. Sau khi điểm lại một cách khái quát tình hình châu Á – Thái bình dương, đồng chí Goóc-ba-trốp nhận định: «Quá trình quân sự hóa, làm tăng nguy cơ chiến tranh ở khu vực này của thế giới đang bắt đầu với một tốc độ nguy hiểm. Thái bình dương đang bị biến thành vũ đài đối đầu quân sự – chính trị. Đó chính là điều đang làm cho các dân tộc sống ở đây ngày càng lo ngại nhiều hơn».

Thay mặt Ủy ban trung ương ĐCS Liên xô, đồng chí Goóc-ba-trốp trình bày rõ chủ trương của Liên xô nhằm cùng các nước xây dựng các quan hệ mới, công bằng ở châu Á – Thái bình dương, phác họa quá trình hình thành an ninh quốc tế và phối hợp hành động vì hòa bình trong khu vực này. Đồng chí khẳng định Liên xô sẽ ra sức *củng cố tình hữu nghị và đẩy mạnh các quan hệ nhiều mặt trên nguyên tắc bình đẳng và đoàn kết* với CHND Mông cổ, CHDCND Triều tiên, CHXHCN Việt nam, CHDCND Lào và CHND Cam-pu-chia, coi đó là một bộ phận hợp thành của nền an ninh chung châu Á – Thái bình dương. Liên xô sẽ *cố gắng đẩy mạnh quan hệ của mình với tất cả các nước khác trong khu vực*, không loại trừ một nước nào. Nhận thức rõ Mỹ là một nước lớn ở Thái bình dương và Mỹ có những quyền lợi kinh tế và chính trị hợp pháp quan trọng trong khu vực, Liên xô cho rằng cần có sự tham gia của Mỹ trong việc giải quyết vấn đề an ninh và hợp tác ở khu vực Thái bình dương một cách thỏa đáng đối với tất cả các nước trong khu vực.

Về những tin đồn về việc Liên xô tăng cường sức mạnh quân sự ở phía đông Liên xô, đồng chí Goóc-ba-trốp tuyên bố Liên xô đã và sẽ không làm một điều gì vượt quá mức độ đáp ứng những nhu cầu tối thiểu của nền quốc phòng, của việc bảo vệ các bạn bè và đồng minh của Liên xô, đặc biệt là phải tính đến hoạt động quân sự của Mỹ ở khu vực cách biên giới Liên xô không xa.

Đồng chí Goóc-ba-trốp đề nghị *tiến hành một hội nghị Thái bình dương giống như kiểu hội nghị Hen-xin-ki*, với sự tham gia của tất cả các nước nằm bên bờ đại dương này. Đồng chí cũng đưa ra những sáng kiến và đề nghị cụ thể nhằm giải quyết các vấn đề trong khu vực, ngăn chặn triển khai vũ khí hạt nhân, tiến hành đàm phán để giảm bớt hoạt động của các hạm đội ở Thái bình dương, cắt giảm triệt để các lực lượng vũ trang và vũ khí thông thường ở châu Á tới những giới hạn hợp lý. Cũng trong bài phát biểu này, thay mặt Ủy ban trung ương

Digitized by Google

ĐCS Liên xô, đồng chí Goóc-ba-trốp tuyên bố đến cuối năm 1986, Liên xô sẽ rút một bộ phận quân đội của mình đang làm nhiệm vụ ở Áp-ga-ni-xtan. Đây là một quyết định quan trọng, một hành động đầy thiện chí thể hiện chính sách hòa bình, lòng mong muốn chân thành của Liên xô và CHDC Áp-ga-ni-xtan giảm căng thẳng ở khu vực, tiến tới một giải pháp chính trị cho vấn đề Áp-ga-ni-xtan.

★

Những đề nghị mới do đồng chí Goóc-ba-trốp nêu ra về vấn đề châu Á – Thái bình dương là « một cương lĩnh vĩ đại bao gồm những sáng kiến thiết thực và cụ thể về tất cả các vấn đề lớn ở châu Á – Thái bình dương » (*).

Nhất quán với những quan điểm, những chính sách đối ngoại có tính toàn cầu của Liên xô về thủ tiêu vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí giết người hàng loạt khác, giảm bớt đáng kể các loại vũ khí thông thường và các lực lượng vũ trang, lấy đối thoại thay cho đối đầu v.v. những đề nghị về châu Á – Thái bình dương được đồng chí Goóc-ba-trốp công bố lần này là một bộ phận cấu thành của đường lối chung trong hoạt động quốc tế của ĐCS Liên xô, nhất quán với đường lối chung đó. Nó thể hiện lập trường có tính nguyên tắc về cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau đã được Đại hội thứ 27 của ĐCS Liên xô khẳng định. Nó chứng tỏ thiện chí sáng ngời của Liên xô trong sự nghiệp đấu tranh cho hòa bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân, giải trừ quân bị, vì sự tồn tại và hạnh phúc của loài người. Những biện pháp cụ thể mà đồng chí Goóc-ba-trốp đã nêu ra nhằm giải quyết tất cả các vấn đề trong khu vực bằng đối thoại và đàm phán, trong đó có việc đề nghị triệu tập một hội nghị Thái bình dương theo kiểu hội nghị Hen-xin-ki, là những biện pháp thiết thực, hợp lý. Khi mà cùng tồn tại và hòa bình hợp tác đã trở thành xu thế phát triển ở khu vực châu Á – Thái bình dương thì không vì lý do gì mà các dân tộc trong khu vực lại không thể ngồi lại cùng nhau bàn bạc, lấy đối thoại thay cho đối đầu. Sự đối thoại có thiện chí, với lòng tin cậy và hiểu biết lẫn nhau sẽ là cơ sở thực tiễn để tìm ra những giải pháp tốt về các vấn đề khu vực. Đó cũng là cơ sở thực tiễn để ngăn chặn con đường phổ biến và tăng cường vũ khí hạt nhân, giảm bớt hoạt động của các hạm đội, giảm triệt để các lực lượng vũ trang và vũ khí thông thường ở châu Á tới những giới hạn hợp lý, tìm ra các biện pháp tin cậy và không dùng vũ lực trong khu vực. Chính vì vậy mà mọi người có lương tri, thiết tha với hòa bình, công bằng và tiến bộ xã hội coi những đề nghị cụ thể của đồng chí Goóc-ba-trốp là những biện pháp hết sức cần thiết, nhằm bảo đảm cho châu Á – Thái bình dương thoát khỏi tình hình rất căng thẳng hiện nay, tiến tới một tương lai tốt đẹp hơn. Do nội dung hòa bình và nhân đạo cao cả của nó, tuyên bố ngày 28/7/1986 của đồng chí Goóc-ba-trốp nhanh chóng được sự ủng hộ nhiệt liệt của dư luận tiến bộ trên thế giới. Ngay cả chính phủ một số nước đã từng là đồng minh của Mỹ cũng đã tỏ thái độ hưởng ứng.

Nhân dân Việt nam ta đón nhận tuyên bố đó với niềm phấn khởi sâu sắc. Chúng ta dành cho tuyên bố đó sự ủng hộ đầy nhiệt tình, bởi vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác ở châu Á – Thái bình dương và trên toàn thế

(*) Lời Chủ tịch HĐBT Phạm Văn Đồng trả lời phỏng vấn của phóng viên Thông tấn xã Liên xô TASS tại Hà nội (Báo Nhân dân, số ra ngày 5-8-1986).

Digitized by Google

giới là một trong những mục tiêu cơ bản của đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Những ý kiến của đồng chí Goóc-ba-trốp về Đông Nam Á, về Cam-pu-chia, về mối quan hệ giữa nước ta, Lào và Cam-pu-chia với các nước khác trong khu vực v.v. đã phản ánh lòng mong muốn và thiện chí của chúng ta. Là những người đã từng chịu đựng những hy sinh to lớn qua các cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ xâm lược, chúng ta hiểu rất rõ giá trị của hòa bình. Nguyện vọng thiết tha của chúng ta là được sống hòa bình, hữu nghị, hợp tác với tất cả các nước, các dân tộc, mà trước hết là các nước các dân tộc ở Đông Nam Á, ở châu Á -- Thái bình dương.

Cùng với nước Lào và Cam-pu-chia anh em, chúng ta đã nhiều lần bày tỏ thiện chí của chúng ta, đưa ra những đề nghị dầy tinh thần xây dựng nhằm giảm căng thẳng, thúc đẩy đối thoại giữa các nước trong khu vực, giải quyết đúng đắn vấn đề Cam-pu-chia, thiết lập các mối quan hệ có thể chấp nhận được giữa các nước Đông dương và các nước ASEAN. Gần đây thông cáo của Hội nghị thứ 13 các Bộ trưởng ngoại giao ba nước Cam-pu-chia, Lào, Việt nam vừa họp tại Hà nội một lần nữa chứng tỏ thái độ thiện chí và lập trường đúng đắn của ba nước Đông dương trong việc giải quyết các vấn đề khu vực. Quý trọng tình hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước Việt nam — Trung hoa, chúng ta đã kiên trì phấn đấu để khôi phục quan hệ bình thường giữa hai nước. Quan hệ Việt — Trung xấu đi và biên giới Việt -- Trung vẫn trong tình trạng căng thẳng như hiện nay, hoàn toàn không phải là lỗi của chúng ta. Nếu Trung quốc thật sự mong muốn hòa bình và cải thiện quan hệ với các nước láng giềng thì họ hãy chấm dứt ngay chính sách thù địch chống Việt nam, cùng Việt nam ngồi lại, bàn bạc và giải quyết những vấn đề tồn tại trong quan hệ hai bên. Nhân dân Trung quốc và nhân dân Việt nam đã từng đoàn kết chống chủ nghĩa đế quốc. Trung quốc và Việt nam đều có lợi ích là hòa bình, độc lập, hợp tác và phát triển kinh tế. Không lẽ gì Trung quốc và Việt nam không thể đàm phán với nhau, vì những bất đồng chỉ có thể giải quyết qua thương lượng. Với tinh thần đó, Chính phủ ta đã từng tuyên bố sẵn sàng đàm phán với Trung quốc ở bất cứ cấp nào và ở bất cứ đâu.

Với sự nhất trí cao đối với tuyên bố ngày 28-7-1986 của đồng chí Goóc-ba-trốp, chúng ta quyết hành động phối hợp với Liên xô để những mục tiêu cao cả được nêu lên trong tuyên bố đó sớm trở thành hiện thực.

Digitized by Google

TAM NHÂN

PHONG TRÀO KHÔNG LIÊN KẾT — MỘT TẬP HỢP RỘNG LỚN CHỐNG ĐẾ QUỐC

PHONG trào không liên kết đã trải qua 8 hội nghị cấp cao và 25 năm phát triển kể từ Hội nghị cấp cao thứ nhất (tháng 9-1961) với 25 nước tham dự. Ngày nay nó đã trở thành một phong trào rộng lớn với số thành viên chính thức gồm 98 nước và 2 phong trào giải phóng dân tộc, chiếm 40% số dân thế giới và 2/3 số hội viên Liên hợp quốc. Phong trào không liên kết có vị trí và vai trò ngày càng to lớn trong đời sống chính trị quốc tế và ngày càng đóng góp tích cực vào việc giải quyết những vấn đề nóng bỏng đặt ra đối với loài người. Qua 25 năm đấu tranh để tự khẳng định mình trong bối cảnh tình hình quốc tế rất căng thẳng, phức tạp và trong lúc ba dòng thác cách mạng luôn luôn ở thế tiến công. Phong trào không liên kết vừa bộc lộ rõ *tính đa dạng* của chính mình, vừa chứng tỏ *tính chất liên bộ* kiên trì đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

Vào những năm 50, song song với việc hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc dâng lên như bão táp, một số nước ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh giành được độc lập dân tộc. Chiến thắng Điện biên phủ và thắng lợi của cuộc kháng chiến của nhân dân Việt nam chống thực dân Pháp mở đầu sự sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ. Thắng lợi của cách mạng Cu-ba chống chế độ độc tài tay sai Mỹ năm 1959 đã giáng đòn đầu tiên vào chủ nghĩa thực dân mới. Âm mưu của đế quốc Mỹ gây chiến tranh chống Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác bị thất bại. Mỹ bị mất độc quyền về vũ khí hạt nhân. So sánh lực lượng thay đổi ngày càng bất lợi cho các thế lực đế quốc, thực dân và phản động. Mỹ buộc phải chuyển từ chiến lược «trả đũa ồ ạt» sang chiến lược «phản ứng linh hoạt» và phải hòa hoãn với Liên xô, nhưng vẫn ra sức chống phá các phong trào đấu tranh của nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ la tinh.

Trước tình hình đó, các nước mới giành được độc lập muốn cùng nhau đoàn kết đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân và các thế lực phản động, chống mọi sự đe dọa xâm lược và xâm lược, chống các liên minh quân sự và căn cứ quân sự xâm lược, nhằm bảo vệ nền độc lập non trẻ của mình và có điều kiện hòa bình để phát triển đất nước. Vì sự hội tụ của những mục tiêu cao cả đó, các nước này đã tập hợp nhau, nhưng đây là sự tập hợp của những quốc gia khác biệt, có vị trí địa lý — chính trị và lợi ích khác nhau, có quá trình phát triển lịch sử không giống nhau, trình độ phát triển kinh tế, văn hóa không như nhau, chế độ chính trị cũng khác nhau, thậm chí

Digitized by Google

đối lập nhau. Không ít các cuộc xung đột đã nổ ra trong nội bộ Phong trào không liên kết. Không ít vấn đề tranh chấp hoặc do lịch sử để lại, hoặc do các thế lực đế quốc phản động cố tình tạo nên giữa các nước thành viên, kéo dài tưởng như không thể nào giải quyết được. Trong khi ở một số nước, cách mạng xã hội chủ nghĩa được tiến hành ngay sau khi hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ, và một số nước khác có khuynh hướng đi lên chủ nghĩa xã hội, thì ở đại đa số các nước mới độc lập, chính quyền nằm trong tay giai cấp tư sản dân tộc. Ngay giữa những nước này, sự khác biệt cũng hết sức to lớn: trong khi một số nước cố gắng xây dựng nền kinh tế độc lập, theo đuổi chính sách đối ngoại hòa bình và trung lập tích cực, thì ở nhiều nước khác, kinh tế hoàn toàn phụ thuộc tư bản bên ngoài, chính sách đối ngoại tiêu cực, kể cả có trường hợp làm cái loa gieo rắc trở lại các quan điểm phản động của chủ nghĩa đế quốc vào Phong trào không liên kết.

Sự đa dạng vốn có này của Phong trào không liên kết càng trở nên phức tạp bởi những hoạt động của các thế lực đế quốc và phản động nhằm ngăn cản bước tiến của Phong trào bằng mọi thủ đoạn chính trị, kinh tế, quân sự. Chúng tiến hành những chiến dịch bao vây, cấm vận, khiêu khích, hoạt động phá hoại và lật đổ, xâm lược vũ trang chống các quốc gia không liên kết tích cực chống chủ nghĩa đế quốc. Chúng dùng tiền của dưới nhãn hiệu « viện trợ » để mua lấy sự tán đồng về chính trị. Chúng cố tạo ra bất đồng giữa các nước không liên kết rồi bơm to các bất đồng đó để chia rẽ Phong trào. Chúng ra sức xuyên tạc lịch sử của Phong trào và không ngừng gieo rắc các quan điểm phản động nhằm lái Phong trào đi chệch khỏi mục tiêu chống chủ nghĩa đế quốc và thực dân. Hành động phá hoại của bọn đế quốc và phản động đã gây ra một số khó khăn cho Phong trào không liên kết và trong một số trường hợp đã hạn chế sức mạnh đấu tranh của Phong trào.

Vượt qua tính đa dạng của bản thân mình và mọi hoạt động phá hoại của các lực lượng đế quốc và phản động, 25 năm qua Phong trào không liên kết gắn liền với phong trào giải phóng dân tộc đã không ngừng phát triển cả *về lượng* lẫn *về chất*. Ở đây, *điều quyết định là xu thế thời đại*.

Thời đại chúng ta đang sống là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới mở đầu bằng cuộc cách mạng Tháng Mười vĩ đại. Bên cạnh hàng chục nước có đủ điều kiện đã làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, việc gần một trăm nước thoát khỏi ách nô dịch của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân, quyết tâm xây dựng thành những quốc gia độc lập, có chủ quyền, chống lại sự áp bức bóc lột và hành động gây chiến của đế quốc và thực dân, là một tất yếu khách quan, phù hợp với quá trình tiến hóa của lịch sử. Hòa bình, độc lập và phát triển là mục tiêu của Phong trào không liên kết đồng thời cũng là những mục tiêu cao cả của thời đại.

Thành tựu nổi bật nhất của Phong trào không liên kết 25 năm qua được khẳng định lại tại Hội nghị cấp cao thứ 8 của các nước không liên kết họp ở Ha-ra-rê đầu tháng 9-1986 là:

1 — Nhất quán mục tiêu chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân và các thế lực phản động, vì hòa bình, độc lập dân tộc và phát triển.

Một cuộc đấu tranh gay gắt đã diễn ra trong nội bộ Phong trào không liên kết suốt 25 năm qua và chắc chắn sẽ còn tiếp tục diễn ra trong thời gian tới chung quanh việc xác định những mục tiêu của Phong trào. Một số phần tử cơ hội thuộc đủ loại màu sắc trong Phong trào không ngớt lớn tiếng đòi Phong trào phải « thật sự không liên

Digitized by Google

kết », nghĩa là, theo họ, phải « đứng giữa hai khối » (đế quốc chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa), phải « chống hai siêu cường » (Mỹ và Liên xô). Họ cho rằng nguyên nhân của sự ra đời của Phong trào không liên kết là do các quốc gia độc lập « không muốn bị lôi cuốn vào các cuộc xung đột giữa các siêu cường »; do đó họ đòi Phong trào phải « trở lại mục tiêu ban đầu » và « không đi với một siêu cường nào chống lại một siêu cường nào » trên bất cứ một vấn đề nào. Không khó khăn gì để có thể nhận thấy những quan điểm phản động này là nhằm đỡ đòn cho đế quốc Mỹ, kẻ thù chính của nhân dân thế giới. Cũng không khó khăn gì để có thể thấy sự giống nhau giữa các quan điểm này với học thuyết « ba thế giới » phản động của chủ nghĩa Mao.

Đối lập với quan điểm phản động này là quan điểm cho rằng, như thực tế lịch sử đã chứng minh, chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân và các thế lực phản động khác, đứng đầu là đế quốc Mỹ, là nguồn gốc sâu xa và nguyên nhân trực tiếp của mọi sự uy hiếp đối với nền độc lập của các nước mới giải phóng, do đó chống đế quốc là mục tiêu cao cả, là lẽ sống của Phong trào. Nói « đứng giữa hai khối », « chống hai siêu cường » tức là đánh cân bằng kẻ xâm lược và người ủng hộ Phong trào không liên kết chống xâm lược, là tự tước quyền tiếp nhận sự ủng hộ về chính trị, tinh thần và vật chất của các lực lượng XHCN trong khi để mặc cho bọn đế quốc tiến công các nước thành viên phong trào không liên kết.

Sau những năm đầu chập chững, đến hội nghị cấp cao thứ 3 ở Lu-xa-ca năm 1970, tinh thần chống đế quốc đã trở thành xu thế mạnh mẽ và từ Hội nghị cấp cao thứ 6 ở La Ha-ba-na thì trở thành xu thế áp đảo. Các tuyên bố của phong trào đã nhận định: « Nguyên nhân sâu xa của tình hình căng thẳng trên thế giới đang đe dọa hòa bình, an ninh quốc tế chủ yếu là vì các thế lực của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa xi ôn, chủ nghĩa a pác thai và các hình thức thống trị khác của nước ngoài đang cố dùng sức ép, đe dọa, hoặc sử dụng vũ lực để ngăn cản sự giải phóng về chính trị và kinh tế của các dân tộc và duy trì những quan hệ bất công và bất bình đẳng hiện nay trong quan hệ quốc tế » (1). Các hội nghị cấp cao thứ 6 và thứ 7 đã lên án mạnh mẽ đế quốc Mỹ trong vấn đề chạy đua vũ trang, đàn áp các phong trào giải phóng dân tộc và cố tình duy trì một trật tự kinh tế quốc tế bất công để bóc lột. Nghị quyết các hội nghị này nêu rõ Mỹ là « đồng minh chiến lược » của I-xra-en, là kẻ duy trì chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi, can thiệp vào công việc nội bộ của các nước Trung Mỹ.. Đặc biệt tháng 4-1986, hội nghị Bộ trưởng ngoại giao các nước không liên kết ở Niu Đê-li đã hoan nghênh các sáng kiến hòa bình của Liên xô và lên án chính sách đe dọa hạt nhân của Mỹ. Điều này đã đẩy lùi một bước quan trọng luận thuyết « chống hai siêu cường » và « đứng giữa hai khối ».

2— Luôn luôn gắn bó với phong trào giải phóng dân tộc, coi việc ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc là nhiệm vụ cao cả của mình:

Ra đời từ cao trào đấu tranh giải phóng dân tộc, Phong trào không liên kết cũng phát triển nhờ sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc. Mặt khác, Phong trào không liên kết càng phát triển thì sự ủng hộ của nó đối với phong trào giải phóng dân tộc càng to lớn và mạnh mẽ.

Có thể lấy trường hợp cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta làm ví dụ: Năm 1965 khi Mỹ

(1) Văn kiện Hội nghị cấp cao Cô-lôm-bô 1976.

Digitized by Google

đưa quân viễn chinh ồ ạt sang trực tiếp xâm lược nước ta, do cuộc khủng hoảng về đường lối của Phong trào không liên kết lúc bấy giờ, 17 nước không liên kết đã không lên án đế quốc Mỹ mà ra lời kêu gọi thương lượng không điều kiện giữa Mỹ với Việt nam, đặt ngang hàng kẻ xâm lược với người bị xâm lược. Đến năm 1970, cuộc chiến đấu của nhân dân ta phát triển thắng lợi, thất bại của đế quốc Mỹ đã rõ ràng, Mỹ buộc phải bắt đầu quá trình rút ra khỏi miền Nam Việt nam, thì Phong trào không liên kết cũng khắc phục được tình trạng tê liệt, chia rẽ, không nhất trí ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Hội nghị cấp cao Lu-xa-ca (1970) đã mời Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt nam tham dự với tư cách quan sát viên và trong tuyên bố cuối cùng đã « khẳng định sự ủng hộ hoàn toàn đối với cuộc đấu tranh anh hùng của nhân dân các nước Đông dương vì tự do và độc lập ». Sau đại thắng mùa Xuân 1975 của nhân dân ta, đoàn đại biểu Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam tham dự Hội nghị cấp cao thứ 5 ở Cô-lôm-bô (1976) với tư cách thành viên chính thức, và Hội nghị đã « nhiệt liệt chúc mừng thắng lợi lịch sử của nhân dân Việt nam, một cống hiến to lớn đối với cuộc đấu tranh chung của nhân dân các nước không liên kết và các dân tộc tiến bộ khác trên thế giới chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội » (2).

Cũng do tác động mạnh mẽ của xu thế quốc tế, lập trường nửa vời của Phong trào không liên kết trong những năm đầu thập niên kỷ 60 đối với cuộc đấu tranh của nhân dân Pa-le-xtin và đối với một số vấn đề khác dần dần được thay đổi. Từ 1970 đến nay, Phong trào không liên kết luôn luôn đem lại sự ủng hộ mạnh mẽ và kịp thời cho các dân tộc đang đứng trên các điểm nóng trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động. Phong trào không liên kết đã hành động một cách dũng cảm và đúng đắn khi gạt bỏ bọn khơ-me phản động và quyết định để ghế trống về Cam-pu-chia bất chấp sự công nhận của Liên hợp quốc đối với bọn này, đã nhanh chóng bộc lộ sự phẫn nộ và quyết tâm chống đế quốc Mỹ như trong trường hợp ủng hộ Ni-ca-ra-goa và Li-bi, đã huy động rộng rãi dư luận thế giới và tiến hành nhiều biện pháp thiết thực nhằm đẩy nhanh quá trình thanh toán chế độ a pác thai ở Prê-tô-ri-a.

Nếu như vào buổi ban đầu có một số nước trong Phong trào hiểu không liên kết như một khái niệm bất bạo động, một số nước khác thì mang nặng tư tưởng sợ Mỹ, lo ngại một đòn lửa có thể gây nên chiến tranh thế giới, thì ngày nay Phong trào không liên kết coi đấu tranh vũ trang là một biện pháp cần thiết và có hiệu quả để các nước tự giải phóng. Điều này làm cho Phong trào không liên kết ngày càng gắn bó chặt chẽ với các phong trào đấu tranh vũ trang của nhân dân các nước chống đế quốc, thực dân và các thế lực phản động khác.

3 – Đóng góp tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới cho hòa bình và giải trừ quân bị, tiến tới một hệ thống an ninh toàn diện, chống chiến tranh hạt nhân.

Bảo vệ hòa bình là một trong những mục tiêu quan trọng mà Phong trào không liên kết đề ra từ khi mới thành lập. Nhưng do tác động phức tạp của tình hình quốc tế lúc đó, trong khoảng mười năm đầu, Phong trào không liên kết vẫn chưa dấy lùi được những tư tưởng bàng quan, thụ động, tiêu cực cho rằng quan hệ Đông – Tây là vấn

(2) Văn kiện Hội nghị cấp cao Cô-lôm-bô (1976).

Digitized by Google

để của riêng Liên xô và Mỹ, chỉ cần Liên xô và Mỹ chấm dứt chạy đua vũ trang thì sẽ có an ninh quốc tế; vấn đề giải trừ quân bị chỉ có thể giải quyết ở Liên hợp quốc... Nói chung lúc ấy đa số thành viên Phong trào không liên kết chưa nhận thức được mối quan hệ giữa cuộc đấu tranh cách mạng của các dân tộc và cuộc đấu tranh cho hòa bình và cùng tồn tại hòa bình trên thế giới. Mãi đến sau này, khi thế giới bước vào thời kỳ « sau Việt nam », Phong trào không liên kết mới nhất trí khẳng định mối liên hệ đó: « Việc tìm kiếm hòa bình thế giới và cùng tồn tại hòa bình giữa các quốc gia thật sự gắn liền với cuộc đấu tranh của chúng ta chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới... » (3) và « ... việc đẩy mạnh cuộc đấu tranh giải phóng các dân tộc khỏi chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới... là một sự đóng góp vào việc củng cố hòa bình và an ninh quốc tế » (4).

Đặc biệt khi đế quốc Mỹ đẩy mạnh chạy đua vũ khí hạt nhân nhằm phá vỡ thế cân bằng về vũ khí chiến lược đang có lợi cho hòa bình, khi nguy cơ chiến tranh hạt nhân không loại trừ một ai trên thế giới, thì Phong trào không liên kết liên tiếp đưa ra nhiều sáng kiến, cùng hưởng với những đề nghị của Liên xô chống chiến tranh hạt nhân và chạy đua hạt nhân trên vũ trụ. Hội nghị cấp cao Cô-lôm-bô (1976) đã yêu cầu triệu tập một khóa họp đặc biệt của Đại hội đồng Liên hợp quốc về giải trừ quân bị được Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa ủng hộ. Hội nghị cấp cao thứ 7 tại Niu Đê-li (1982) phê phán học thuyết « hạt nhân hạn chế, răn đe hạt nhân », mà ai cũng biết là của tổng thống Mỹ.

Hội nghị cấp bộ trưởng Ủy ban phối hợp các nước không liên kết họp tại Niu Đê-li (1-1986) đánh dấu một bước tiến quan trọng trong cuộc đấu tranh của Phong trào không liên kết cho hòa bình và an ninh quốc tế. Lần đầu tiên trong lịch sử Phong trào, văn kiện hội nghị đã ủng hộ mạnh mẽ sáng kiến hòa bình của Liên xô do đồng chí Goóc-ba-trốp đưa ra ngày 15-1-1986 nhằm loại bỏ vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí giết người hàng loạt khác từ nay đến năm 2000, và coi sáng kiến này phù hợp với mục tiêu của Phong trào không liên kết.

Qua thực tiễn đấu tranh, các nước không liên kết đã tìm thấy lợi ích nhất trí với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác trên những vấn đề hòa bình và giải trừ quân bị. Đây là một tập hợp lực lượng mới, phát huy đáng kể sức mạnh tiến công của các hoạt động hòa bình, của lực lượng xã hội chủ nghĩa nhằm ngăn chặn bàn tay gây chiến của chủ nghĩa đế quốc. Tuy nhiên, do tính chất đa dạng của Phong trào, một số khá lớn thành viên vẫn tránh đả kích đích danh Mỹ, tránh nêu rõ ủng hộ Liên xô, thậm chí tránh đề cập đến những vấn đề mà họ cho là chỉ liên quan đến hai khối như vấn đề tên lửa tầm trung ở châu Âu.

4—Từ độc lập chính trị tiến lên đấu tranh cho độc lập kinh tế, đòi xóa bỏ trật tự kinh tế quốc tế bất công do chủ nghĩa đế quốc thiết lập.

Đòi hỏi độc lập về kinh tế là điều tất yếu đối với các nước thành viên Phong trào không liên kết, bởi vì « giải phóng kinh tế là một nhân tố không thể thiếu được trong cuộc đấu tranh đi đến hủy bỏ sự đô hộ về chính trị » (5).

Nói chung, kinh tế của các nước không liên kết ngày càng gặp nhiều khó khăn gay gắt, chủ yếu là do chính sách bóc lột và những biện pháp của các nước tư bản phát triển

(3) Văn kiện Hội nghị cấp cao Cô-lôm-bô (1976).

(4) Văn kiện Hội nghị cấp cao La Ha-ba-na (1979).

(5) Văn kiện Hội nghị cấp cao Ca.-rô (1964).

Digitized by Google

trút gánh nặng khủng hoảng kinh tế lên đầu các nước đang phát triển. Mâu thuẫn về kinh tế giữa Phong trào không liên kết với các nước đế quốc ngày càng bùng nổ. Hội nghị cấp cao thứ 4 tại An-giê (1973) ra bản tuyên bố nổi tiếng về « thiết lập một trật tự kinh tế quốc tế mới », đánh dấu một bước ngoặt của Phong trào không liên kết trong cuộc đấu tranh chống đế quốc trên mặt trận kinh tế. Năm 1974, theo yêu cầu của các nước không liên kết, « Bản tuyên bố về chương trình hành động » nhằm thiết lập một trật tự kinh tế quốc tế mới được thông qua tại khóa họp đặc biệt của Đại hội đồng Liên hợp quốc.

Từ khi có cương lĩnh chung, cuộc đấu tranh của các nước đang phát triển đòi xóa bỏ trật tự kinh tế do đế quốc áp đặt ngày càng phát triển mạnh mẽ và trở thành một nét đặc trưng của phong trào giải phóng dân tộc từ những năm đầu thập niên kỷ 70 đến nay. Tại khóa họp thứ 40 của Đại hội đồng Liên hợp quốc (1985), các nước không liên kết và các nước đang phát triển khác đã tập hợp mạnh mẽ chung quanh vấn đề nợ nước ngoài — một vấn đề quốc tế, đã vượt quá phạm vi tài chính — tiền tệ, trở thành vấn đề chính trị — xã hội. Những kẻ bảo vệ cho sự bóc lột tư bản chủ nghĩa hoàn toàn bị cô lập trong cuộc đấu tranh này. Lại một lần nữa, mũi nhọn đấu tranh của Phong trào không liên kết chĩa thẳng vào bọn đế quốc.

Mặc dù có những tiến bộ vượt bậc và đã buộc các nước tư bản phát triển phải có một số nhân nhượng, cuộc đấu tranh cho một trật tự kinh tế quốc tế mới thật ra chỉ mới bắt đầu. Các nước không liên kết còn phải đi qua một chặng đường dài, còn phải giải quyết nhiều vấn đề khó khăn vướng mắc như làm sao tìm được chỗ đứng tối ưu trong phân công lao động quốc tế khi nền kinh tế của nước mình kém phát triển, làm sao cho hợp tác Nam — Nam thật sự có hiệu quả, làm sao khắc phục được ảo tưởng về thương lượng Bắc — Nam...

Nhìn lại lịch sử của Phong trào không liên kết 25 năm qua chúng ta có thể khẳng định: *chính xu thế của thời đại là nhân tố quyết định sự phát triển của Phong trào không liên kết trên con đường đấu tranh chống đế quốc, tập trung vào ba vấn đề quan trọng nhất là hòa bình, độc lập dân tộc và phát triển.*

Xu thế thời đại giúp cho Phong trào không liên kết kiên trì lập trường chống đế quốc, làm cho Phong trào ngày càng có nhiều tiếng nói chung với các lực lượng xã hội chủ nghĩa trên nhiều vấn đề. Do tính đa dạng của mình, Phong trào có thể có những bước đi chập chừng tạm thời, nhưng xu hướng phát triển của Phong trào theo con đường tiến bộ là điều đã được khẳng định. Chỉ thấy tính đa dạng, phức tạp của Phong trào không liên kết mà không thấy ý nghĩa quyết định của xu thế thời đại thì sẽ đánh giá thấp Phong trào. Ngược lại nếu không nhận rõ tính đa dạng thì sẽ đòi hỏi ở Phong trào quá mức thực tế cho phép.

Việt nam tham gia Phong trào không liên kết, nếu tính từ Hội nghị cấp cao thứ 3 ở Lu-xa-ca (1970) thì đã được 16 năm. Trong thời gian đó, cùng với Cu-ba, Ấn độ, An-giê-ri, Lào và các nước anh em, bầu bạn khác, chúng ta đã đóng góp tích cực cho sự phát triển của Phong trào, bằng cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và chống chủ nghĩa bành trướng, bá quyền Trung quốc, cũng như bằng những hoạt động không mệt mỏi trên các diễn đàn không liên kết. Chúng ta coi trọng và không ngừng phấn đấu bảo vệ sự đoàn kết của Phong trào trên cơ sở lập trường chung chống đế

(Xem tiếp trang 82)

Digitized by Google

«ТАПТИ КОНГШАН» № 9 – 1986

ПЕРЕДОВАЯ – Социалистическая революция трудная и длительная, но непременно увенчается победой. ВО ТИЁ КОНГ – Сплотиться вокруг Центрального Комитета партии, успешно выполнить две стратегические задачи. ЧАН ЛЕ – Успех социально-экономического управления – наша общая забота. НГУЕН ДЫК БИНЬ – Выдающийся вклад в развитие теории о социализме и коммунизме. НГУЕН ВАН ЧАН – Системность и комплектность экономического управления. В. КАДУЛИН – Коммунистическая партия Советского Союза – новый стиль работы. НГУЕН УОНГ ТХУ – Мирные предложения, полные доброй воли. ТАМ НЯН – Движение неприсоединения – широкое антиимпериалистическое выступление.

REVIEW OF COMMUNISM N° 9 – 1986

EDITORIAL – Our arduous and long socialist revolution will certainly be successful. VÕ CHÍ CÔNG – Let us closely unite round the Party Central Committee to implement the two strategic tasks fruitfully. TRẦN LÊ – Contributing to carry out well the social-economic management of our State. NGUYỄN ĐỨC BÌNH – A remarkable contribution to the development of the theory on socialism and communism. NGUYỄN VĂN TRẦN – Creating a viewpoint on system and synchronism in economic management at present. V. KADULIN – The Communist Party of the Soviet Union: a new working method. NGUYỄN TRỌNG THỰ – Proposals of peace full of goodwill. TAM NHÂN – The non-aligned movemet – a large anti-imperialism community

REVUE DU COMMUNISME N° 9 – 1986

EDITORIAL – La révolution socialiste est difficile et longue, mais certainement victorieuse. VÕ CHÍ CÔNG – S'unir étroitement autour du CC du Parti, mener a bien les deux tâches stratégiques. TRẦN LÊ – Pour contribuer à la réalisation du travail de gestion socio-économique de l'Etat. NGUYỄN ĐỨC BÌNH – Une contribution remarquable au développement théorique du socialisme et du communisme. NGUYỄN VĂN TRẦN – Edifier la conception de gestion systématique et synchronisée dans notre économie actuelle. V. KADOULIN – LE PCUS: nouveau style de travail. NGUYỄN TRỌNG THỰ – Des propositions de paix rayonnantes de bonne volonté. TAM NHÂN – Le mouvement de non-alignement – un large rassemblement contre l'impérialisme.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 9 – 1986

EDITORIAL – La revolución socialista, difícil y larga, de seguro vencerá. VÕ CHÍ CÔNG – A unirse estrechamente alrededor del Comité Central del Partido para realizar exitosamente las dos tareas estratégicas. TRẦN LÊ – Contribuir a ejecutar bien la gestión económica-social del Estado. NGUYỄN ĐỨC BÌNH – Un aporte excelente al desarrollo teórico sobre el socialismo y el comunismo. NGUYỄN VĂN TRẦN – Edificar el criterio sistemático y sincronizado en la actual gestión económica V. KADULIN – El PCUS: trabajar por el nuevo estilo. NGUYỄN TRỌNG THỰ – Las proposiciones de paz brillantes de buena voluntad. TAM NHÂN – El movimiento No-alineado – una amplia agrupación antiimperialista.

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
SỐ 9-1986. NĂM THỨ XXXII (369)

Mục lục

Xã luận — Cách mạng xã hội chủ nghĩa khó khăn, lâu dài, nhất định thắng lợi 1
Thư của Hồ Chủ tịch gửi Đại hội trù bị 6
VÕ CHÍ CÔNG — Đoàn kết chặt chẽ chung quanh Trung ương Đảng, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược 7
Tiến tới Đại hội thứ VI của Đảng
— TRẦN LÊ — Góp phần thực hiện tốt công tác quản lý kinh tế — xã hội của Nhà nước ta 14
— HOÀNG NÓ — Phát huy các thế mạnh của tỉnh Sơn la 19
— TRẦN TẤN — Việc nâng cao chất lượng đảng viên ở đảng bộ Hà nội 24
— TRƯƠNG NGỌC UẨN — Sắp xếp lại sản xuất nông, lâm nghiệp ở các vùng sản xuất tập trung thuộc miền núi, trung du 29
— BÙI HỒNG VIỆT — Để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cấp huyện 33
— LÊ TRỌNG KHUYẾN — Nam đàn tạo chuyển biến bước đầu cho sự phát triển kinh tế — xã hội 38
NGUYỄN ĐỨC BÌNH — Một cống hiến xuất sắc vào phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản 44
NGUYỄN VĂN TRẦN — Xây dựng quan điểm hệ thống và đồng bộ trong quản lý kinh tế hiện nay 51
HUY HÙNG — Đổi mới kế hoạch hóa, bảo đảm quyền tự chủ sản xuất của đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh 58
PHAN CỰ ĐỆ — Văn xuôi, cuộc sống và bạn đọc hôm nay 63
CHU THÁI THÀNH — Qua triển lãm những thành tựu khoa học — kỹ thuật toàn quốc lần thứ nhất 69
TRẦN NAM — Hoạt động văn hóa thông tin ở chợ vùng cao biên giới Hoàng liên sơn 73
THẾ TẬP — Xô viết Nghệ — Tĩnh sống mãi ! 78
Sinh hoạt tư tưởng ★ VŨ DŨNG — « Ba phải » 83
Thư gửi Bộ biên tập ★ THÀNH TÂM — Tình dân — nghĩa Đảng 86
V. KA-DU-LIN — Đảng cộng sản Liên xô : làm việc theo lối mới 89
NGUYỄN TRỌNG THỤ — Những đề nghị hòa bình sáng ngời thiện chí 97
TAM NHÂN — Phong trào không liên kết — một tập hợp rộng lớn chống đế quốc 101

Trụ sở Bộ biên tập :
1, Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dây nói : 52061 — 52062
Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam :
19, Phạm Ngọc Thạch — T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói : 25768 — 22040

Digitized by Google

Digitized by Google

Các bạn tìm đọc:

C. MÁC – PH. ĂNG-GHEN – V. I. LÊ-NIN

– Về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản (tập II)

HỒ CHÍ MINH

– Về đảng cầm quyền

TRƯỜNG CHINH

– Mấy vấn đề về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam

VIỆN LỊCH SỬ ĐẢNG

– Đảng cộng sản Việt nam qua các Đại hội

★ ★ ★

– Đảng cộng sản Việt nam lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong chặng đầu thời kỳ quá độ

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số 12651 Giá : 6đ00

Digitized by Google

Tạp chí cộng sản

FEB 1 - 1987

10

10. 1986

Digitized by Google

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Xã luận

Mở rộng và nâng cao chất lượng phê bình và tự phê bình trên báo chí

«Tờ báo phải trở thành một cơ quan chiến đấu...» (1). *Theo chỉ dẫn đó của Lê-nin, Đảng ta rất coi trọng việc phê bình và tự phê bình trên báo chí, nhất là trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền.*

Hồ Chủ tịch luôn luôn nhắc nhở báo chí phải khéo dùng phê bình và tự phê bình là vũ khí rất cần thiết và rất sắc bén để giúp Đảng ta và dân ta sửa chữa sai lầm, phát huy ưu điểm, ngày càng tiến bộ. Nhiều chỉ thị, nghị quyết của Đảng đã nêu rõ nhiệm vụ mở rộng phê bình và tự phê bình trên báo chí.

«Tất cả các báo ở trung ương và địa phương tùy theo tính chất và phạm vi hoạt động của mình đều phải (...), trên cơ sở nắm vững nhiệm vụ chung và những nhiệm vụ cụ thể từng thời gian, thường xuyên phê bình và tự phê bình có tính quần chúng đối với những hoạt động của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, ngành chuyên môn, cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước trong việc thực hiện những nhiệm vụ chính trị — coi đó là biểu hiện quan trọng về tính chiến đấu của mỗi tờ báo» (2).

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta đã nhiều năm tiến hành phê bình và tự phê bình trên báo chí. Ngày càng có nhiều ý kiến, nhiều bài, nhiều dịp

(1) V.I. Lê-nin: *Về vấn đề báo chí*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1970, tr. 270.

(2) Chỉ thị số 197 CT/TƯ ngày 13-3-1972 của Bộ chính trị Trung ương Đảng về «Mở rộng phê bình trên báo chí».

Digitized by Google

phê bình trên báo chí có được tiếng vang và tác dụng đáng kể. Gần đây, trong đợt «tự phê bình và phê bình» chuẩn bị đại hội các cấp và Đại hội toàn quốc thứ VI của Đảng, báo chí ta đã có những nét mới nổi bật. Hàng loạt tin và bài trên báo chí trung ương và địa phương về tự phê bình và phê bình, về sửa chữa khuyết điểm được đông đảo quần chúng quan tâm theo dõi. Ý kiến phê bình của quần chúng được báo chí chú trọng phản ánh nhiều hơn. Không ít đơn vị được phê bình đã đăng báo tiếp thu phê bình, báo cáo cách sửa chữa hoặc kết quả sửa chữa. Một số tự sai phạm điển hình được phơi bày trước công luận. Phục vụ đợt «tự phê bình và phê bình» theo chỉ thị của Ban bí thư Trung ương Đảng, báo chí ta đã tạo được một dư luận xã hội khá mạnh mẽ đồng tình, ủng hộ, đấu tranh bảo vệ cái đúng và lên án, đòi sửa chữa cái sai, kiến nghị giải pháp. Dù còn có những khuyết điểm, yếu kém, đợt mở rộng phê bình và tự phê bình trên báo chí mấy tháng vừa qua đã nâng tính chiến đấu của báo chí ta lên một bước mới, cho chúng ta nhiều kinh nghiệm mới, một lần nữa khẳng định: **mở rộng phê bình và tự phê bình trên báo chí là vấn đề thuộc quy luật phát triển của báo chí ta.**

★

Trong xã hội ta, báo chí là tiếng nói của Đảng, đồng thời là tiếng nói của nhân dân. Báo chí là cầu nối giữa Đảng và nhân dân. Báo chí chỉ mạnh khi ngôn luận của nó thành công luận, thành dư luận quần chúng, dư luận xã hội rộng rãi ủng hộ, bảo vệ cái đúng, cái mới tiến bộ, cái tích cực, đấu tranh không khoan nhượng chống cái sai, cái cũ lỗi thời, cái tiêu cực trong quá trình thực hiện đường lối, chính sách của Đảng. Dư luận xã hội là một sức mạnh to lớn. Tạo ra sức mạnh to lớn ấy bằng ngôn luận của báo chí, không gì nhanh nhạy, sắc bén hơn là phê bình và tự phê bình công khai có tính quần chúng rộng rãi trên báo chí.

Phê bình và tự phê bình trên báo chí là một hình thức sinh hoạt dân chủ rất cần thiết cho sự tiến bộ của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta; là một phương thức phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân bảo đảm cho quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước được thấu suốt trong mọi lĩnh vực công tác và đời sống.

Phê bình và tự phê bình trên báo chí, dù biểu dương hay phê phán, đều phải nhằm mục đích xây dựng. Phê bình và tự phê bình trên báo chí là để nâng cao sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong xã hội ta, bảo đảm thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; là để cải tiến mọi mặt công tác, tăng cường sức chiến đấu, nâng cao năng lực xây dựng và quản lý kinh tế, xã hội; là để phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân; là để giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta tiến bộ nhanh chóng, góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Như vậy là trên báo chí ta không có chỗ cho những sự «phê bình» có dụng ý xấu, lập lờ, gây hoang mang chia rẽ, xuyên tạc, bôi đen chế độ, lộ bí mật hoặc vì bất cứ một động cơ cá nhân chủ nghĩa nào khác. Ngay cả khi động cơ hoàn toàn trong sáng, chí công vô tư, cũng phải biết tiến hành phê bình và tự phê bình thật nghiêm túc, thận trọng, khách quan, chu đáo, bảo đảm đầy đủ tính tư tưởng, tính chân thật, tính chiến đấu, tính quần chúng để đạt được hiệu quả mong muốn.

Phê bình và tự phê bình trên báo chí cần thường xuyên mở rộng và nâng cao chất lượng. Ngoài những mục «Ý kiến bạn đọc», «Tiếp

Digitized by Google

thụ phê bình » và những đợt tập trung phục vụ các cuộc vận động lớn ra, mỗi tờ báo còn chủ động có kế hoạch của mình trong việc mở rộng phê bình và tự phê bình trên báo chí. Phê bình phải cho đúng và cho trúng. Muốn vậy, trước hết cần có cái nhìn toàn cục, nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và nhiệm vụ công tác tư tưởng của Đảng trong từng thời gian cụ thể. Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam, có biết bao nhiêu vấn đề, bao nhiêu người và việc cần biểu dương, cần phê phán. Nếu chỉ thiên về biểu dương, khen ngợi thì ai cũng phải hỏi : tất cả đều tốt đẹp như thế, sao kinh tế lại ì ạch, đời sống lại khó khăn, hiện tượng tiêu cực lại nhiều vậy? Nhưng, khuyết điểm, sai lầm dâu có che lấp hết thành tựu, và cũng không phải tất cả mọi khuyết điểm, sai lầm đều có thể đưa hết lên mặt báo để phân tích, phê phán. Không có việc gì không có giới hạn. Khen chê trên báo chí cũng có cái « ngưỡng » của nó : là người tuyên truyền tập thể, người cổ động tập thể, người tổ chức tập thể, là công cụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, báo chí ta phải làm chủ tác động dây chuyền rất to lớn của mình đến tư tưởng và tâm trạng quần chúng.

Khen chê trên báo chí hiện nay cần tập trung nhiều hơn nữa vào những vấn đề kinh tế, xã hội. *Khi nước Nga bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Lê-nin đã khuyên báo chí hãy bớt « huyên thuyên về chính trị » để « nói thêm về kinh tế, nói nhiều hơn nữa. Nhưng không nên nói theo cái kiểu những nghị luận « chung chung », « nói bằng một giọng hành chính, quan liêu » (3). Lê-nin yêu cầu báo chí cách mạng hãy tìm hiểu « quần chúng công nông đã* **thực tế** *sáng tạo* **cái mới** *như thế nào », hãy giới thiệu hết sức tỉ mỉ những thành công của các đơn vị kinh tế kiểu mẫu, nghiên cứu những nguyên nhân thành công, những phương pháp làm việc và quản lý của họ ; mặt khác phải đưa lên « bảng đen » những đơn vị kinh tế lạc hậu, « sau khi quốc hữu hóa vẫn còn là những kiểu mẫu về hỗn loạn, tan rã, bần thỉu, cướp bóc, ăn hại » (4), để quần chúng so sánh những kết quả thiết thực của việc quản lý kinh tế ở những đơn vị khác nhau. Khi việc tổ chức lao động trở thành « vấn đề chủ yếu nhất, căn bản nhất và nóng hổi nhất của toàn bộ đời sống xã hội » thì, theo Lê-nin, « phương tiện thứ nhất và chủ yếu để nâng cao kỷ luật tự giác của những người lao động và để thoát khỏi những phương pháp làm việc cổ xưa không dùng được hay là thoát khỏi những thủ đoạn chây lười trốn việc trong xã hội tư bản chủ nghĩa — phương tiện chủ yếu đó phải là báo chí » (5)...*

Báo chí ta hiện nay cũng phải làm như thế và hơn thế. Bởi chúng ta muốn — mà cũng không thể trì hoãn được nữa — xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, xây dựng cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa ; tăng cường chuyên chính vô sản, lập lại trật tự kỷ cương Nhà nước, thực hiện công bằng xã hội, thật sự vì dân ; làm sáng tỏ những giá trị đạo đức, tinh thần của xã hội mới, v.v. Tự tìm lấy con đường của mình đi lên chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh đặc thù, chúng ta có những va vấp, sai lầm khó tránh khỏi, nhưng cũng đã có nhiều sáng tạo, thử nghiệm thành công. Trong đời sống kinh tế, xã hội có những tấm gương cụ thể, sinh động có khả năng lôi cuốn, tác động mạnh mẽ đến quần chúng ; những kinh nghiệm

(3), (4), (5) V.I. Lê-nin : Sách đã dẫn, tr. 225, 226 — 228, 212.

Digitized by Google

tiên tiến ấy, về tổ chức sản xuất, về tổ chức đời sống v.v. phải trở thành tài sản của nhân dân. Đồng thời, có những tệ nạn cần phê phán thẳng tay, công khai vạch rõ cho quần chúng biết để dựa vào dư luận quần chúng mà xóa bỏ đi. Báo chí ta, theo lời Hồ Chủ tịch, cũng phải « phê bình nghiêm khắc những cách làm việc thủ cựu và những cái gì nó ngăn trở bước tiến trong các công tác », « khen ngợi một cách đúng mức (không thổi phồng) những thành tích đã thu được, đồng thời **nhắc nhở** những việc còn phải làm để tiến bộ hơn nữa » (6). Báo chí ta cũng phải « tiến hành một cuộc **chiến tranh** thật sự, thẳng tay và chân chính cách mạng — như Lê-nin nói — chống những kẻ đại biểu cụ thể cho những hành vi xấu xa » (7), những hiện tượng tiêu cực phá hoại trật tự kỷ cương Nhà nước, nạn tham nhũng, tệ quan liêu, thói cửa quyền, sự bảo thủ trì trệ, lười biếng, vô trách nhiệm và bao nhiêu tệ hại khác nữa. Đương nhiên, khen không nên quá lời, chê cũng không nên quá đáng. Và quan trọng hơn nữa là khen chê phải dựa trên cơ sở phân tích khoa học, **nhằm chứng minh bằng thực tế những quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng, không chỉ phản ánh mà còn hướng dẫn dư luận quần chúng, tạo ra dư luận xã hội lành mạnh cần thiết cho việc thực hiện những nhiệm vụ chính trị trước mắt.**

★

Để thực hiện tốt hơn nữa việc mở rộng phê bình và tự phê bình trên báo chí, **các cơ quan báo chí cần có đội ngũ mạnh, có kế hoạch và biện pháp thiết thực và nhất là có tinh thần trách nhiệm rất cao.** *Phê bình và tự phê bình trên báo chí là việc khó, nhất là khi bản thân cuộc sống còn đang trăn trở, chuẩn mực phân biệt đúng sai cũng có những trường hợp chưa thật rõ ràng. Nhưng hiện nay, chúng ta đã có những thuận lợi mới. Tiến tới Đại hội thứ VI của Đảng, những bài học kinh nghiệm lớn của thời gian qua đã được đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh nêu lên, nhiều vấn đề lớn về quản lý kinh tế — xã hội vừa được Bộ chính trị Trung ương Đảng kết luận. Nắm vững những quan điểm mới của Trung ương, theo sát sự chỉ đạo của Đảng, đi sâu vào đời sống hàng ngày của nhân dân, chúng ta sẽ phát hiện ra những vấn đề cần và có thể đưa lên mặt báo để biểu dương, để phê phán, và biết cách biểu dương, phê phán như thế nào. Dĩ nhiên, mỗi tờ báo sẽ tùy theo tính chất và phạm vi hoạt động của mình mà tiến hành việc phê bình và tự phê bình trên mặt báo; nhưng tất cả, trên mọi vấn đề, để đạt hiệu quả tốt và cũng vì uy tín của tờ báo, « phê bình phải nghiêm chỉnh, chắc chắn, phụ trách, nói có sách mách có chứng. Phải phê bình với tinh thần thành khẩn, xây dựng, « trị bệnh cứu người ». Chớ phê bình lung tung, không chịu trách nhiệm » (8). Trước khi viết bài phê bình, có điều tra nghiên cứu chu đáo. Sau khi đăng bài phê bình, có theo dõi tác dụng, phản ánh những tiến bộ và sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm.*

Tuy nhiên, chỉ riêng các cơ quan báo chí mà thôi thì không thể thực hiện tốt việc phê bình và tự phê bình trên báo chí được. Báo chí là công cụ của

---

(6) Hồ Chí Minh: *Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận*, Nxb Văn học, Hà nội, 1981, tr. 299 – 300.

(7) V.I. Lê-nin: sách đã dẫn, tr. 228.

(8) Hồ Chí Minh: *Về công tác văn hóa, văn nghệ*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1971, tr. 58.

Digitized by Google

Đảng. Phê bình và tự phê bình là một sinh hoạt dân chủ do Đảng chủ trương. Chẳng những các **cấp ủy và các đảng đoàn cần chỉ đạo chặt chẽ** *việc phê bình và tự phê bình trên báo chí thuộc cấp mình, ngành mình, địa phương mình, đơn vị mình, mà* **toàn Đảng, toàn dân đều phải thông suốt quan niệm của Đảng về phê bình và tự phê bình, có thái độ đúng đắn, tích cực tham gia và giúp đỡ việc phê bình và tự phê bình trên báo chí.** *Việc này không đơn giản. Bởi thói thường, người ta thích được khen và không thích bị chê. Cho nên, bên cạnh những cá nhân, đơn vị tiếp thu phê bình nghiêm chỉnh, vẫn có những trường hợp không chỉ không tiếp thụ phê bình mà còn tìm cách « cấm cửa » người phê bình, gây khó khăn cho người phê bình hoặc cho cơ quan đăng bài phê bình v.v Trên thực tế, đó là chống lại phê bình và tự phê bình, vi phạm nguyên tắc sinh hoạt dân chủ trong Đảng và trong xã hội ta. Nếu phê bình sai thì báo chí cũng phải tự phê bình, nhận khuyết điểm. Nếu phê bình đúng mà vẫn bị phản đối thì báo chí phải tiếp tục đấu tranh đến cùng. Có thể mới nghiêm. Hồ Chủ tịch đã nhiều lần phê bình thái độ không nghiêm túc đối với việc phê bình trên báo chí : người phê bình thì « đánh trống bỏ dùi », người được phê bình thì như « nước đổ đầu vịt », « cán bộ cơ quan và đoàn thể được phê bình cứ im hơi lặng tiếng, không tự kiểm điểm, không đăng báo tự phê bình và hứa sửa chữa » (9). Hồ Chủ tịch yêu cầu đã có phê bình thì phải có tự phê bình và sửa chữa nếu quả là có khuyết điểm : « Những người (bất cứ ở địa vị nào) và những cơ quan* **được phê bình** *phải có thái độ thật thà, khiêm tốn. Phê bình đúng, thì phải đăng báo nhận khuyết điểm và quyết tâm sửa chữa. Nếu* **phê bình sai** *thì đăng báo giải thích. Quyết không được « phớt » lời phê bình và « trù » người phê bình »,... « thậm chí đi kiện họ trước tòa án » (10).*

Báo chí ta sẽ không hoàn thành được nhiệm vụ của mình, nếu chúng ta không biết nêu những tấm gương tốt cho mọi người cùng noi theo và mạnh dạn phê phán những khuyết điểm, sai lầm để mọi người cùng tránh. Trong cuộc đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực hiện nay, trong cả quá trình xóa bỏ quan liêu — bao cấp chuyển sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, trong suốt cả thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, dư luận xã hội đúng đắn do báo chí ta tạo ra bằng mở rộng phê bình và tự phê bình bao giờ cũng là một sức mạnh to lớn kết hợp với quyền lực của pháp luật bảo đảm cho chúng ta thắng lợi. Vì vậy, theo sự chỉ đạo của Đảng, chúng ta phải kiên trì mở rộng và nâng cao hơn nữa chất lượng phê bình và tự phê bình trên báo chí ta.

« Mở rộng phê bình và tự phê bình một cách đúng đắn là bảo đảm vững chắc sức mạnh vô địch của Đảng và Nhà nước ta. Ủng hộ và tham gia phê bình và tự phê bình là nghĩa vụ của mỗi cán bộ, đảng viên và của mỗi công dân. Ngăn cản phê bình và tự phê bình là vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

« Tất cả các cấp ủy Đảng, toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân ta hãy hăng hái tham gia và ủng hộ cuộc vận động phê bình và tự phê bình trên báo chí » (11).

Chỉ thị này của BCT TƯĐ hiện nay vẫn giữ nguyên mọi giá trị của nó.

---

(9) Hồ Chí Minh : *Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận*. Nxb Văn học, Hà nội 1981, tr. 304.

(10) Hồ Chí Minh : *Về công tác văn hóa văn nghệ*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1971, tr. 58.

(11) Chỉ thị đã dẫn.

Digitized by Google

TRƯỜNG CHINH

KHAI THÁC VÀ PHÁT HUY CAO ĐỘ TIỀM NĂNG MỌI MẶT CỦA NƯỚC TA ĐỂ PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT, GẮN VỚI TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA *

Thưa các cụ và các đồng chí thân mến,

ĐẢNG cộng sản Việt nam đang khẩn trương chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng. Trên cơ sở tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, thực hiện đường lối chung và đường lối kinh tế mà Đại hội IV và Đại hội V của Đảng đã xác định, Đại hội VI sẽ quyết định những chủ trương, nhiệm vụ để cụ thể hóa thêm một bước đường lối đó trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội VI sẽ đề ra nhiệm vụ tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện ba cuộc cách mạng, nhằm *khai thác và phát huy cao độ tiềm năng mọi mặt của nước ta để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, gắn với tiếp tục đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa* theo những bước đi và hình thức thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất luôn luôn phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất ở mỗi thời kỳ phát triển.

Hơn mười năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam, nhân dân ta đã phấn đấu không mệt mỏi, khắc phục mọi khó khăn do địch họa, thiên tai gây ra để duy trì sản xuất, giữ vững và củng cố quốc phòng, an ninh, giành những thắng lợi quan trọng. Bên cạnh những thành tích đạt được, chúng ta đã mắc những khuyết điểm, sai lầm nghiêm trọng trong lãnh đạo kinh tế. Những chủ trương và nhiệm vụ mà Đại hội VI đề ra phải nhằm phát huy những thắng lợi đã giành được và kiên quyết khắc phục những khuyết điểm, sai lầm, đưa cách mạng Việt nam vượt qua khó khăn chồng chất hiện nay, để tiếp tục tiến lên.

Thưa các cụ và các đồng chí,

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Chân lý đó không chỉ đúng trong trường hợp nhân dân ta là người thực hiện những chủ trương và nhiệm vụ do Đảng đề ra, mà đúng cả trong trường hợp, với tư cách là người làm chủ đất nước, nhân dân ta cần phải và hoàn toàn có khả năng

* Ý kiến của đồng chí Trường Chinh, Tổng bí thư BCHTU ĐCS Việt nam, phát biểu tại Hội nghị đặc biệt Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt nam nghiên cứu và đóng góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị của BCHTU ĐCS Việt nam (khóa V) sẽ trình Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng (ngày 24 và 25 tháng 9 năm 1986)

Digitized by Google

tham gia ý kiến ngay trong quá trình xác định những chủ trương và nhiệm vụ đó.

Nhận thức sâu sắc điều đó, Đảng cộng sản Việt nam tổ chức việc tham khảo ý kiến rộng rãi của toàn Đảng, của các đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội và của toàn thể nhân dân ta đóng góp vào việc xây dựng và hoàn chỉnh bản dự thảo Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng sẽ trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI. Ý nghĩa của việc đó hết sức quan trọng, nhằm tạo điều kiện mỗi người chúng ta trực tiếp tham gia vào quá trình chuẩn bị tiến tới Đại hội Đảng, đóng góp ý kiến vào việc xác định nhiệm vụ của cách mạng nước ta trong thời gian tới. Nhiệm vụ đó là của Đảng và cũng là nhiệm vụ của mỗi người Việt nam chúng ta. Đó là ý nghĩa của Hội nghị nghiên cứu và đóng góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, mà Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt nam có sáng kiến tổ chức trong dịp này.

Thưa các cụ và các đồng chí,

Thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, tôi nhiệt liệt hoan nghênh việc tổ chức Hội nghị này. Cùng với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, các cụ và các đồng chí sẽ phát biểu với tinh thần thẳng thắn, cởi mở và xây dựng. Tôi tin chắc rằng các cụ và các đồng chí sẽ đóng góp nhiều ý kiến quan trọng, làm phong phú thêm bản dự thảo Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam.

Hiện nay, Ban chấp hành trung ương Đảng chúng tôi đang khẩn trương tập hợp ý kiến đóng góp của các cấp bộ Đảng, của các đoàn thể, tập hợp những ý kiến đóng góp của cán bộ, nhân dân, trong đó có ý kiến của nhiều nhà khoa học, nhân sĩ, trí thức trong và ngoài Đảng, của mỗi người dân thiết tha với sự nghiệp cách mạng, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Điều đó thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của nhân dân ta, vừa đóng góp ý kiến với Đảng lãnh đạo trong quá trình xác định nhiệm vụ cách mạng, vừa tự nguyện đem hết sức mình để thực hiện những nhiệm vụ đó. Có thể thông báo với các cụ và các đồng chí rằng, qua việc tập hợp và nghiên cứu, đã rút ra nhiều ý kiến quan trọng và xác đáng để bổ sung, hoàn chỉnh bản dự thảo Báo cáo chính trị.

Đồng chí Đào Duy Tùng, Ủy viên trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Trưởng ban tuyên huấn trung ương, sẽ giới thiệu với các cụ và các đồng chí nội dung bản dự thảo Báo cáo chính trị để các cụ và các đồng chí nghiên cứu và tham gia ý kiến. Chúng tôi rất mong sẽ nhận được nhiều ý kiến đóng góp quý báu của các cụ và các đồng chí vào bản dự thảo đó.

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp, chúc các cụ và các đồng chí dồi dào sức khỏe, mang hết tinh thần và nghị lực cùng nhân dân cả nước vượt qua khó khăn hiện nay, phấn đấu xây dựng đất nước ta giàu mạnh, nhân dân ta ấm no, hạnh phúc, đưa Tổ quốc Việt nam thân yêu đi lên chủ nghĩa xã hội.

Xin cảm ơn các cụ và các đồng chí.

Digitized by Google



Tiến tới
ĐẠI HỘI THỨ VI CỦA ĐẢNG

PHẠM HƯNG
Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

KHẮC PHỤC NHỮNG MẶT YẾU VỀ PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

PHÁP chế xã hội chủ nghĩa có được chấp hành nghiêm chỉnh thì đường lối chính sách của Đảng mới trở thành hiện thực và xã hội mới có kỷ cương. Vì vậy, Hiến pháp nước ta đã quy định: « Nhà nước quản lý xã hội theo pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tất cả các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, nhân viên Nhà nước, nhân viên các tổ chức xã hội và mọi công dân đều phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật, kiên quyết đấu tranh đề phòng ngừa và chống các tội phạm, các việc làm vi phạm Hiến pháp và pháp luật » (Điều 12). Điều lệ Đảng ta cũng đã ghi rõ nhiệm vụ của đảng viên là phải gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật, vì trong điều kiện Đảng cầm quyền thì những hiện tượng cán bộ, đảng viên, nhất là các đồng chí có chức có quyền, cố tình coi thường pháp luật sẽ dẫn tới tình trạng vô chính phủ, chuyên quyền, độc đoán.

Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trước hết phải nói đến việc lập pháp. Trong mấy chục năm qua chúng ta đã làm được tốt công tác xây dựng Hiến pháp – đạo luật cơ bản phù hợp với những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng trong từng giai đoạn. Đường lối chung, đường lối kinh tế, những chính sách của Đảng, những nghĩa vụ và quyền của công dân và nội dung chuyên chính vô sản do các Đại hội Đảng quyết định đã được thể hiện trong Hiến pháp. Việc cụ thể hóa Hiến pháp bằng công tác lập pháp đã được chú ý nhiều hơn trước, cho nên Nghị quyết của các Đại hội thứ IV và thứ V của Đảng đều có ghi rõ một số luật quan trọng cần phải ban hành. Một số luật và nhiều pháp lệnh đã được thông qua, trong đó việc hoàn thành bộ luật hình sự đã đánh dấu một bước tiến lớn trong công tác xây dựng pháp luật ở nước ta. Các dự thảo Hiến pháp, bộ luật hình sự và luật (mới) về hôn

Digitized by Google

nhân và gia đình đã được đưa ra để lấy ý kiến của nhân dân và qua đó, giáo dục nhân dân về pháp luật. Hội đồng bộ trưởng đã ra nhiều nghị định, quyết định về những vấn đề quan trọng trong công tác quản lý của Nhà nước trong đó có những quyết định về xóa bỏ chế độ quản lý tập trung quan liêu bao cấp, thay thế bằng chế độ hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Mặc dù có tiến bộ, nhưng công tác lập pháp chưa đáp ứng được yêu cầu. Nói chung, việc nghiên cứu và thông qua một văn bản pháp luật thường kéo dài hàng năm hoặc nhiều năm. Một số văn bản đã được ghi vào chương trình xây dựng pháp luật, nhưng công tác nghiên cứu kéo dài, không bảo đảm được kế hoạch. Việc hướng dẫn và quy định những biện pháp thi hành những luật lệ đã được ban hành cũng thường chậm. Nguyên nhân của tình trạng nói trên là tổ chức nghiên cứu pháp luật của ta còn yếu. Hội đồng bộ trưởng cũng chưa chú ý theo dõi, đôn đốc việc nghiên cứu pháp luật.

Đi đôi với việc ban hành pháp luật, trong những năm qua Đảng và Nhà nước ta đã chú ý nhiều việc phòng ngừa, chống tội phạm và những việc làm khác vi phạm luật. Hội đồng bộ trưởng đã quy định nhiều biện pháp về quản lý, xử lý về hành chính và bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo của nhân dân. Việc giáo dục cho nhân dân về ý thức pháp luật được tăng cường, nhất là qua việc thảo luận Hiến pháp, bộ luật hình sự và những luật, pháp lệnh quan trọng mới được ban hành. Các cơ quan Thanh tra, Công an, Viện kiểm sát và Tòa án cũng có nhiều cố gắng trong công tác đấu tranh chống tội phạm. Vì vậy, chúng ta đã đạt được thắng lợi quan trọng. Mặc dù địch tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại về nhiều mặt đối với nước ta, chúng ta đã bước đầu làm thất bại âm mưu của chúng, giữ vững an ninh chính trị. Chúng ta đã trừng trị nghiêm khắc những phần tử trong giai cấp bóc lột không chịu cải tạo, những kẻ chuyên đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, bọn lưu manh chuyên nghiệp và những cán bộ thoái hóa, biến chất đã tham ô, ăn hối lộ, móc ngoặc với bọn đầu cơ tuồn hàng của Nhà nước ra thị trường tự do, góp phần bảo vệ trật tự an toàn xã hội.

Tuy nhiên, những kết quả về mặt đấu tranh để bảo vệ kinh tế và trật tự an toàn xã hội còn hạn chế; tình hình tội phạm và những việc làm khác vi phạm pháp luật còn nghiêm trọng và phức tạp.

Nhiều cơ quan Nhà nước còn buông lỏng quản lý, không những thế, có khi còn làm những việc trái pháp luật nghiêm trọng như: cố ý làm trái chính sách, lập quỹ đen, kinh doanh trái phép để lấy lợi chia nhau. Các chế độ, thể lệ nhằm khắc phục tình trạng quan liêu bao cấp chậm được ban hành. Trong việc cụ thể hóa nghị quyết 8 của Trung ương về giá, lương, tiền cũng có những sai lầm. Đó là những nguyên nhân làm cho tội phạm và những hành vi vi phạm pháp luật phát triển hoặc chậm được khắc phục. Một số cán bộ có chức có quyền phạm pháp không được xử lý kịp thời và đúng mức, cho nên đã ảnh hưởng xấu đến lòng tin của nhân dân. Các cơ quan Thanh tra, Công an, Viện kiểm sát và Tòa án cũng có khuyết điểm: nói chung việc điều tra và xử lý nhiều trường hợp phạm tội còn chậm; trong một số trường hợp, việc xử phạt những kẻ phạm tội nghiêm trọng chưa nghiêm khắc đúng mức, cho nên tác dụng giáo dục, răn đe còn yếu. Công tác thi hành án chưa được kiểm tra, đôn đốc chặt chẽ, có những bản án đã có hiệu lực pháp luật mà không được thi hành.

Những thiếu sót chủ quan của chúng ta đã làm giảm sút hiệu lực quản lý của Nhà nước, giảm sút lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của

Digitized by Google

Đảng và sự điều hành của Nhà nước, và làm cho tình hình trật tự an toàn xã hội có nơi, có lúc xấu đi và phức tạp hơn.

Trước tình hình đó, việc ổn định tình hình kinh tế và xã hội đang là một vấn đề cấp bách đề tạo nên trong nhân dân một không khí phấn khởi chào đón Đại hội Đảng và thực hiện những nghị quyết của Đại hội, đưa cách mạng nước ta tiếp tục tiến lên. Vì vậy, trước mắt cũng như về lâu dài, phải tiếp tục tăng cường hiệu lực của Nhà nước, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về mọi mặt. Chúng tôi thấy cần phải làm tốt những công tác sau đây:

1. Mặc dù pháp luật của nước ta chưa hoàn chỉnh, nhưng không phải chúng ta thiếu pháp luật đến mức không giữ được kỷ luật, kỷ cương của xã hội. Vì vậy, cần phải tích cực giáo dục cho nhân dân ý thức tuân theo và đấu tranh bảo vệ pháp luật, vì nhân dân chưa có đầy đủ ý thức này thì khó mà bảo đảm kỷ luật và kỷ cương của xã hội.

Thực tế cuộc sống cho thấy, một người giác ngộ về chính trị, có tư tưởng, đạo đức tốt thì dù không hiểu biết nhiều về pháp luật cũng dễ dàng thấy được những hành vi nào là sai trái. Vì vậy cần tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và giáo dục pháp luật với những hình thức, nội dung thích hợp để cho cán bộ và nhân dân hiểu rõ những chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, chấp hành nghiêm chỉnh và biết đấu tranh chống vi phạm pháp luật. Thông qua các phương tiện thông tin tuyên truyền đại chúng, các cuộc sinh hoạt của các tổ chức Đảng, chính quyền và các tổ chức xã hội, các chương trình giảng dạy trong các trường học, các hoạt động của câu lạc bộ..., chúng ta làm cho công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật trong nhân dân có bước chuyển biến mới.

Để có thể củng cố lòng tin của nhân dân, việc xét giải quyết các khiếu nại, tố cáo của nhân dân phải được thực hiện nghiêm chỉnh và nhanh chóng, khắc phục tình trạng đun đẩy giữa các cơ quan với nhau, có khi bỏ qua không giải quyết. Những việc làm sai trái của cán bộ phải được xử lý thích đáng, phải có biện pháp bảo vệ người đã tố cáo, xử lý nghiêm khắc những người lợi dụng chức quyền trả thù những người tố cáo, đồng thời cũng phải xử lý thích đáng kẻ xấu vu cáo, nói xấu cán bộ, gây rối nội bộ.

2. Nói pháp chế xã hội chủ nghĩa là nói Nhà nước phải quản lý bằng pháp luật và theo pháp luật, mọi cán bộ và nhân viên Nhà nước bất cứ ở cấp nào đều phải hoạt động trên cơ sở pháp luật, và mọi công dân phải « sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật ». Cần có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh của Nhà nước gồm có luật kinh tế, luật tài chính, luật lao động, luật hình sự, luật dân sự, luật hôn nhân và gia đình, luật hành chính, v.v. Pháp luật của nước ta chưa hoàn chỉnh, cho nên cần phải có một sự cố gắng rất lớn trong công tác xây dựng pháp luật. Nếu thiếu pháp luật thì Nhà nước không thể quản lý được chặt chẽ, cán bộ và nhân viên Nhà nước dễ có những hành vi tùy tiện và lợi ích của Nhà nước và của công dân cũng không thể bảo vệ được một cách đầy đủ.

Nhu cầu về xây dựng pháp luật ở nước ta rất lớn, vì nước ta từ một nền sản xuất nhỏ tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, cho nên nhiều lĩnh vực, chúng ta chưa có pháp luật và cũng chưa có thực tế để xây dựng pháp luật như ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa anh em. Nước ta hiện nay mới chỉ ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đặc điểm đó cũng phải được quán triệt trong việc xây dựng pháp luật

Digitized by Google

ở nước ta, đặc biệt là pháp luật của ta phải phản ánh được những vấn đề có tính quy luật trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay. Vừa qua, Đảng ta đã chỉ ra khuyết điểm chủ quan, nóng vội trong việc đề ra chính sách và biện pháp không phù hợp với quy luật và chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đó cũng là vấn đề cần được chú ý đầy đủ trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Lê-nin đã chỉ rõ rằng, pháp luật không thể cao hơn kinh tế và nếu « dùng những biện pháp lập pháp hay hành chính hấp tấp và không thận trọng » (1) thì chỉ làm cho quá trình cải tạo về kinh tế kéo dài và xây dựng chủ nghĩa xã hội gặp nhiều khó khăn. Đồng thời, từ thực tế đó, chúng ta cũng cần cân nhắc kỹ những vấn đề nào giải quyết trước, những vấn đề nào có thể giải quyết sau, và cả về mức độ, hình thức văn bản giải quyết các vấn đề đó.

Trong chương trình làm luật sắp tới, ngoài những pháp luật về kinh tế, lao động, chúng tôi thấy cần phải nhanh chóng hoàn thành bộ luật tố tụng hình sự, vì không có bộ luật này thì chưa xây dựng được các công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án có nền nếp để bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh bộ luật hình sự. Những quy định về dân luật cũng rất cần thiết, vì đó là những vấn đề hằng ngày, hằng giờ có liên quan đến tài sản của nhân dân, những quan hệ về hợp đồng các loại, v.v. Chúng ta chưa có điều kiện xây dựng ngay bộ dân luật, vì nhiều vấn đề về dân luật ta chưa có thực tế đầy đủ. Do đó, chỉ nên xây dựng những nguyên tắc chung về dân luật và thủ tục tố tụng dân sự như kinh nghiệm của một số nước xã hội chủ nghĩa trong những năm đầu sau khi cách mạng thành công.

Tổ chức làm luật cũng cần có những cán bộ chuyên trách để họ có thể dành nhiều thời giờ cho công tác này và cũng phải có cán bộ lãnh đạo các ngành có liên quan tham gia từ đầu và giải quyết những vấn đề về hoạt động cụ thể. Khi xây dựng các pháp luật, cần tiến hành các công tác điều tra, tổng kết và thảo luận lập thể rộng rãi. Những ý kiến bất đồng phải được cấp có thẩm quyền giải quyết kịp thời và Hội đồng bộ trưởng thường xuyên chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc công tác xây dựng pháp luật để trình Quốc hội hoặc Hội đồng Nhà nước quyết định.

3. Đấu tranh chống những việc phạm pháp là một công tác lâu dài, vì nó thực chất là biểu hiện của cuộc đấu tranh địch ta và đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, của việc cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới. Trong tình hình hiện nay, đây cũng là một công tác cấp bách để bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ kinh tế và trật tự, an toàn xã hội.

Thực tế mấy chục năm qua đã chứng tỏ rằng, trong đấu tranh chống những việc phạm pháp, chúng ta không thể đơn thuần dùng biện pháp cưỡng chế hoặc biện pháp giáo dục, mà phải kết hợp các biện pháp kinh tế, giáo dục và cưỡng chế. Những chính sách, thể lệ, quy tắc của Nhà nước phải được tuyên truyền, giải thích sâu rộng trong nhân dân và đối với những việc phạm pháp thì phải thực hiện đúng quy định của Hiến pháp là « Mọi hành động xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tập thể và quyền lợi chính đáng của công dân đều phải được xử lý theo pháp luật » (Điều 127). Bất cứ ai có những hành động đó đều bị xử lý, không phân biệt người đó là dân thường hay là người có chức có quyền, vì Hiến pháp nước ta

(Xem tiếp trang 20)

(1) V.I. Lê-nin : *Bàn về pháp chế xã hội chủ nghĩa*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1970, tr. 291

Digitized by Google

PHAN HIỀN

TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ KINH TẾ, XÃ HỘI THEO PHÁP LUẬT TRONG TÌNH HÌNH MỚI

THỰC hiện chức năng thể chế hóa thành pháp luật đường lối, chính sách của Đảng, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, năm năm qua, Nhà nước ta đã ban hành khá nhiều luật, pháp lệnh quan trọng về tổ chức hệ thống các cơ quan Nhà nước, về quản lý một số mặt kinh tế, xã hội, an ninh và quốc phòng, nổi bật nhất là bộ luật hình sự — bộ luật đầu tiên của Nhà nước đang phát huy tác dụng bảo vệ chế độ chính trị và xã hội, bảo vệ kinh tế, an ninh và quốc phòng, trật tự xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Một khối lượng lớn văn bản pháp quy của Hội đồng bộ trưởng, của các bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố đã được ban hành để cụ thể hóa, bảo đảm thi hành các luật, pháp lệnh của Nhà nước. Những văn bản pháp quy đó đã có tác dụng nhất định đối với việc điều chỉnh các quan hệ kinh tế, xã hội trong chặng đường đầu tiên thời kỳ quá độ, trong tình hình kinh tế, xã hội còn diễn biến phức tạp, chưa ổn định, đối với những hình thức kinh tế quá độ đang trong quá trình thử nghiệm, chưa thành mô hình ổn định và phổ biến.

Công việc xây dựng pháp luật được chấn chỉnh, cải tiến từng bước, có rút kinh nghiệm thực tế để nâng dần chất lượng các văn bản pháp luật và pháp quy. Các cơ quan pháp luật bước đầu được chú ý kiện toàn, đã cố gắng thực hiện chức năng, quyền hạn, trách nhiệm được giao.

Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật có tiến bộ hơn, bước đầu khơi dậy ý thức tìm hiểu pháp luật, tôn trọng pháp luật trong cán bộ và nhân dân. Dư luận xã hội ở nhiều nơi đòi hỏi các cơ quan pháp luật nghiêm trị những hành động phạm tội và vi phạm pháp luật Nhà nước.

Công tác kiểm sát, thanh tra việc tuân theo pháp luật được tăng cường, công tác xét xử các vụ phạm tội và các vi phạm pháp luật khác được đẩy mạnh, nhất là từ khi có chỉ thị 133 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng và chỉ thị 81 của Ban bí thư Trung ương Đảng về việc xử lý nghiêm minh các vụ phạm pháp hình sự, trừng trị đích đáng bọn phạm tội và bắt cứ ai vi phạm pháp luật Nhà nước.

Nhưng kỷ luật Nhà nước và pháp chế xã hội chủ nghĩa vẫn còn lỏng lẻo, chưa được thực hiện nghiêm minh. Việc phạm tội, phạm pháp còn diễn biến phức tạp, nhiều vụ rất nghiêm trọng, gây tác hại đến sản xuất, phân phối lưu thông, trật tự và an toàn xã hội. Các hiện tượng tiêu cực về kinh tế, văn hóa, xã hội chưa được ngăn chặn có hiệu quả, đang có chiều hướng phát triển phổ biến. Kẻ địch tăng cường phá hoại về kinh tế và tư tưởng. Tình trạng nói trên đã

Digitized by Google

làm trầm trọng thêm tình hình kinh tế, xã hội vốn chưa ổn định, ảnh hưởng xấu đến đời sống của cán bộ và nhân dân.

Các cơ quan pháp luật đã có những cố gắng trong việc điều tra, truy tố, xét xử các vụ phạm tội và phạm pháp, song nói chung vẫn chưa làm tròn chức năng, quyền hạn được giao, chưa phát hiện, điều tra kịp thời các vụ phạm pháp hình sự, chưa đưa ra xét xử nhanh chóng các vụ đã phát hiện, nhiều vụ nghiêm trọng còn để dây dưa, kéo dài, gây bất bình trong nhân dân. Hoạt động của các ngành pháp luật chưa được phối hợp chặt chẽ; đội ngũ cán bộ các cơ quan pháp luật còn thiếu, hiểu biết về kinh tế và quản lý kinh tế còn hạn chế. Trong khi đó, đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước và cán bộ quản lý kinh tế lại thiếu hiểu biết pháp luật ở mức cần thiết. Chúng ta còn thiếu một cơ chế đồng bộ, năng động, có hệ thống và có hiệu lực bảo đảm thực hiện đúng đắn pháp luật. Các biện pháp chính trị, kinh tế, giáo dục, hành chính, tổ chức, pháp luật chưa được sử dụng đồng bộ để bảo đảm thực hiện pháp luật trong cuộc sống.

Riêng lĩnh vực quản lý kinh tế, đến nay, về cơ bản, cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp vẫn chưa bị xóa bỏ; cơ chế quản lý kinh tế mới chưa hình thành rõ nét, nhiều việc quản lý kinh tế theo cơ chế mới đang trong quá trình thử nghiệm. Trong tình hình như vậy, việc xây dựng pháp luật kinh tế phục vụ cho cơ chế quản lý mới khó tránh khỏi những khó khăn, vướng mắc khách quan, nhưng về chủ quan cũng có mặt chậm trễ, chưa gắn với quá trình đổi mới quản lý để tháo gỡ những vướng mắc hiện có trong các thể chế hiện hành. Kết quả là các chế độ quản lý mới còn chắp vá, thiếu đồng bộ. Ở đây, có nguyên nhân do thiếu phối hợp chặt chẽ giữa việc đề ra các chính sách kinh tế cụ thể với việc thể chế hóa các chính sách đó, do trình độ cán bộ còn hạn chế, chưa thấy rõ sự cần thiết có pháp luật kịp thời để thực hiện cơ chế quản lý kinh tế mới.

Hiện nay, cùng với việc nghiên cứu đề ra và thực hiện đồng bộ các biện pháp cấp bách nhằm ổn định giá, lương, tiền theo kết luận của Hội nghị thứ 10 của Trung ương Đảng, các ngành, các cấp đang tích cực thực hiện các nghị quyết 31 và 306 của Bộ chính trị và các văn bản pháp quy quan trọng của Hội đồng bộ trưởng thể chế hóa những nghị quyết của Trung ương và Bộ chính trị về đổi mới quản lý công nghiệp, về bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở, về quản lý vật tư và thanh tra việc sử dụng vật tư, về quản lý thị trường và giá cả về quản lý nhập khẩu, v.v.

Các cơ quan có trách nhiệm đang khẩn trương xây dựng, hoàn chỉnh bộ luật tố tụng hình sự, luật hôn nhân và gia đình, pháp lệnh về xử phạt hành chính, văn bản pháp luật về đầu tư của nước ngoài và các pháp lệnh khác theo chương trình đã định. Các văn bản pháp quy cần thiết và cấp bách của Hội đồng bộ trưởng, của các bộ đang được tích cực dự thảo để sớm ban hành, bổ sung hệ thống pháp luật hiện còn thiếu và chưa đồng bộ.

Các ngành pháp luật đang đẩy mạnh thực hiện chỉ thị 133 và chỉ thị 84 theo đúng chức năng, quyền hạn của mình, huy động sức mạnh tổng hợp của Nhà nước và pháp luật để trừng trị đích đáng bọn phạm pháp hình sự và bất cứ ai vi phạm pháp luật Nhà nước, dù người vi phạm là cá nhân hay đơn vị ở bất cứ ngành nào, cấp nào. Trọng điểm thực hiện hai chỉ thị quan trọng nói trên là tổ chức xét xử nhanh chóng các vụ phạm pháp hình sự nghiêm trọng về kinh tế.

Digitized by Google

xã hội đã phát hiện, đặc biệt là các vụ đầu cơ, buôn lậu vật tư, hàng chiến lược của Nhà nước, các vụ tham ô lớn tài sản xã hội chủ nghĩa, tuồn vật tư, hàng hóa cho tư thương, tùy tiện nâng giá vật tư, hàng hóa để ăn chênh lệch giá bất chính, để mất mát, thất thoát vật tư nghiêm trọng, gây tổn thất lớn cho Nhà nước, để vật tư đi vòng qua nhiều tầng nấc, không đi thẳng đến tay người sản xuất...

Các cơ quan pháp luật ở trung ương và ở địa phương đang phối hợp xác định các vụ án trọng điểm để đưa ra xét xử ngay; tổ chức phát hiện thêm những vụ mới nghiêm trọng; tăng cường tuyên truyền công khai kết quả xét xử các vụ hình sự và xử lý hành chính các vụ vi phạm kỷ luật Nhà nước.

★

Dự thảo Báo cáo chính trị tại Đại hội thứ VI của Đảng nhấn mạnh chủ trương phải tăng cường hơn nữa pháp chế xã hội chủ nghĩa là đúng đắn và hợp với quy luật tăng cường Nhà nước chuyên chính vô sản của chúng ta. Đó là vấn đề hết sức quan trọng và cấp bách để thật sự tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước ta. Bộ máy Nhà nước ta phải có đủ năng lực thể chế hóa đường lối, chính sách thành pháp luật, đủ năng lực quản lý hành chính — kinh tế và quản lý sản xuất theo cơ chế mới, điều hành các hoạt động kinh tế — xã hội trong toàn xã hội theo đúng pháp luật, giữ vững kỷ cương Nhà nước và trật tự xã hội.

Để thực hiện tốt chủ trương đó, những người làm công tác pháp luật chúng tôi thấy cần quan tâm mấy vấn đề sau đây:

1 — Nhấn mạnh và khẳng định quan điểm muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải có pháp luật xã hội chủ nghĩa; muốn có cơ chế quản lý mới thì tất yếu phải có pháp luật bảo đảm thực hiện cơ chế ấy. Pháp chế xã hội chủ nghĩa ngày càng hoàn chỉnh, đồng bộ và được tuân thủ là nhân tố hết sức quan trọng để tăng cường Nhà nước chuyên chính vô sản.

Chúng ta đang thực hiện chủ trương đổi mới quản lý kinh tế, theo hướng xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa: vừa bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở, vừa bảo đảm quyền quản lý tập trung thống nhất của trung ương; vừa chống tập trung quan liêu, vừa chống tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật, cục bộ, địa phương; giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ. Cơ chế quản lý mới đó coi trọng biện pháp kinh tế — biện pháp hàng đầu, nhưng cũng không thể coi nhẹ biện pháp pháp luật. Vì thế, pháp luật phải quán triệt sâu sắc quan điểm đổi mới cơ chế và quản lý kinh tế của Đảng. Các văn bản pháp quy phải cụ thể, rõ ràng, vừa thật sự bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở, không cho phép các bộ bao biện làm thay, can thiệp vụn vặt vào hoạt động tác nghiệp của các đơn vị cơ sở, vừa định rõ nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ sở, của cán bộ quản lý kinh tế. Đồng thời, cũng phải có đủ văn bản pháp quy quy định và bảo đảm quyền quản lý tập trung thống nhất của trung ương. Mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ quản lý Nhà nước về quản lý kinh tế cần thấm nhuần sâu sắc tư tưởng quản lý kinh tế, xã hội phải theo pháp luật và biến tư tưởng đó thành hành động thực tế hằng ngày.

2 — Tích cực xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật một cách có

Digitized by Google

trọng điểm, thiết thực, có lựa chọn, cái cấp bách và cần thiết nhất phải tập trung sức làm, gắn chặt nó với nhiệm vụ kinh tế, xã hội, an ninh và quốc phòng trong từng thời kỳ. Việc làm này phải dựa trên cơ sở khoa học và thực tế đầy đủ, có sự tư duy mới, có sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Trung ương Đảng và sự điều hành chặt chẽ, thống nhất của Hội đồng bộ trưởng, có sự tổng kết kinh nghiệm thực tế vừa qua, gắn chặt với việc rà soát, hoàn thiện pháp luật đã có, có tính kỹ các điều kiện kinh tế, xã hội, tâm lý khi thực hiện pháp luật, tiến hành đồng bộ, ăn khớp giữa các bộ phận công tác.

Trong thời gian tới, trọng điểm xây dựng pháp luật là các văn bản lớn thuộc lĩnh vực kinh tế. Đó là các văn bản về cơ chế quản lý kinh tế chung, về chính sách tài chính quốc gia, về chính sách xuất khẩu và nhập khẩu, về vấn đề tiếp tục hoàn chỉnh cơ chế bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở, về quản lý thị trường và giá cả, về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và công thương nghiệp tư doanh, v.v. Đồng thời tiến hành xây dựng một số văn bản pháp luật khác về tố tụng hình sự, về dân sự, về xử phạt hành chính, về đất đai và lao động, về bảo đảm an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền làm chủ tập thể và các quyền tự do dân chủ của nhân dân mà Hiến pháp đã quy định.

3 — Từ đổi mới tư duy mà chỉ đạo xây dựng một cơ chế thực hiện pháp luật đúng đắn và có hiệu lực. Cơ chế đó gồm nhiều biện pháp cần thiết, nhiều lực lượng tham gia trên cơ sở huy động sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp, các đoàn thể công đoàn, thanh niên, phụ nữ, mặt trận và đông đảo quần chúng tham gia tổ chức và bảo đảm thực hiện pháp luật trong cuộc sống, ở mọi nơi, mọi đơn vị cơ sở, làm sao thông qua cơ chế thực hiện pháp luật, mỗi người, mỗi đơn vị đều biến những nguyên tắc và quy định pháp luật thành công việc và hành động hằng ngày của mình.

4 — Như trên đã nhận xét, các cơ quan pháp luật hiện nay vẫn chậm được kiện toàn, nhiều cơ quan còn chưa có quy hoạch cán bộ trước mắt và lâu dài. Cán bộ pháp luật vừa thiếu vừa yếu, nhất là về mặt năng lực hiểu biết tổng hợp. Vì vậy, việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ pháp lý, kể cả bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho cán bộ, quản lý Nhà nước và cán bộ quản lý kinh tế, là một yêu cầu thiết yếu, cần được sự đầu tư trí tuệ và vật chất, sự quan tâm, chăm lo của Trung ương Đảng, Hội đồng Nhà nước và Hội đồng bộ trưởng, của các ngành, các cấp, có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ và thống nhất, làm cho các cơ quan pháp luật được kiện toàn nhanh chóng về tổ chức, đủ sức làm tròn nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao phó. Đối với cán bộ quản lý Nhà nước và cán bộ quản lý kinh tế, nếu được bồi dưỡng về kiến thức pháp luật, nhất định sẽ quản lý kinh tế, xã hội theo pháp luật được tốt hơn, đáp ứng những đòi hỏi mới của cuộc sống.

Digitized by Google

TRẦN ĐÔNG

BẢO ĐẢM VỮNG CHẮC AN NINH QUỐC GIA VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa diễn ra trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp. Tình hình kinh tế, xã hội nước ta vẫn còn nhiều khó khăn. Trật tự, an toàn xã hội chưa thật sự được bảo đảm. Kẻ địch vẫn tiếp tục thực hiện những âm mưu và hoạt động chống phá nước ta về nhiều mặt với những thủ đoạn ngày càng tinh vi, nham hiểm, nhằm *làm cho ta suy yếu về mọi mặt* để thôn tính nước ta. Bằng chiến tranh gián điệp, hoạt động phá hoại tư tưởng, phá hoại kinh tế... kẻ địch hy vọng *thực hiện âm mưu xâm nhập nội địa, thâm nhập nội bộ để phá hoại, gây bạo loạn và lật đổ từ bên trong nội bộ ta*, kết hợp « trong nỗi dậy, ngoài đánh vào » khi có thời cơ. Bên cạnh những mưu đồ và hành động phá hoại cách mạng nước ta, kẻ địch còn lôi kéo các loại phần động tay sai chống phá cách mạng Cam-pu-chia và cách mạng Lào. Đế quốc Mỹ đang cùng với các đồng minh tay sai triển khai chiến lược châu Á — Thái bình dương của chúng. Tất cả các hành động thù địch trên đây chứng tỏ âm mưu chiến lược của Trung quốc và đế quốc Mỹ chưa có gì thay đổi đối với nước ta.

Để đánh thắng những âm mưu và hoạt động thù địch đối với nước ta, yếu tố cơ bản nhất, quyết định nhất là phải tạo được *sức mạnh tổng hợp của đất nước, làm cho đất nước ta mạnh lên về mọi mặt*. Đó là sức mạnh « lấy dân làm gốc », sức mạnh hợp thành bởi các nhân tố chính trị — tinh thần, kinh tế, khoa học, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng... được tạo nên trong quá trình tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ; sức mạnh của dân tộc kết hợp với sức mạnh của khối liên minh đặc biệt ba nước Đông dương và sức mạnh của sự hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng để đánh thắng kẻ địch là phải bảo đảm an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trong bất kỳ tình huống nào. *Phương hướng chiến lược của cuộc đấu tranh trên mặt trận này là phải xây dựng nội bộ Đảng, Nhà nước, lực lượng vũ trang, các đoàn thể quần chúng... thật sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ;* bảo vệ vững chắc an ninh nội bộ, phòng và chống nội gián, khắc phục mọi biểu hiện tiêu cực từ nội bộ, chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động của địch thâm nhập, phá hoại, gây bạo loạn và lật đổ từ bên trong nội bộ ta, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh bảo đảm an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội được tiến hành theo phương châm chỉ đạo chiến lược :

Digitized by Google

kết hợp chặt chẽ phòng ngự với tiến công để đánh thắng địch và các bọn tội phạm khác. Phòng ngự, thực chất là xây dựng nội bộ trong sạch, vững mạnh từ cơ sở, phòng ngừa nghiêm ngặt từ việc nhỏ, loại trừ những phần tử thoái hóa, biến chất ra khỏi nội bộ ta. Có phòng ngự vững chắc mới có điều kiện, có sức mạnh để tiến công địch một cách liên tục, chủ động. Ngược lại, tiến công địch càng sắc bén, có hiệu quả mới tạo điều kiện củng cố nội bộ ta.

★

Trong những năm trước mắt, công tác an ninh, trật tự tập trung thực hiện tốt những nội dung và biện pháp cơ bản sau đây:

1 – Xây dựng nội bộ thật sự trong sạch, vững mạnh.

Hiện nay, trên nhiều mặt, sự thiếu trong sạch, vững mạnh của một số tổ chức cơ sở Đảng, Nhà nước, đơn vị vũ trang và đoàn thể quần chúng..., nhất là những tổ chức kinh tế, xã hội, và các hiện tượng tiêu cực phổ biến, kéo dài đã tạo ra những sơ hở, mất cảnh giác nghiêm trọng mà kẻ địch và bọn tội phạm khác đang lợi dụng để phá hoại ta. Đó chính là một nguyên nhân chủ yếu làm cho tình hình trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa chậm được củng cố, kỷ cương xã hội, pháp luật Nhà nước vẫn bị buông lỏng. Nếu trước kia, bọn xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa phần lớn là lưu manh trộm cắp từ bên ngoài cơ quan, xí nghiệp, thì 10 năm lại đây (1975 – 1985) tình hình diễn ra ngược lại: phần lớn tội phạm xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa lại là cán bộ, công nhân, viên chức. Khu vực kinh tế Nhà nước, nhất là trong xây dựng cơ bản, là nơi xảy ra lãng phí lớn nhất. Các ngành, các cơ sở kinh tế quốc doanh cũng là nơi quan trọng gây ra mất trật tự và làm rối loạn lưu thông phân phối, giá cả, tiền tệ và thị trường. Vì sao 80 – 85% mặt hàng ở thị trường tự do (bao gồm cả vật tư, nguyên liệu và nhiên liệu) lại là hàng của Nhà nước thống nhất quản lý? Điều đó chứng tỏ không phải giai cấp tư sản và bọn gian thương đủ các loại làm ra các mặt hàng ấy, mà chính do sự buông lỏng quản lý của chúng ta ngay trong thị trường "có tổ chức", để những phần tử thoái hóa, biến chất trong nội bộ ăn cắp tài sản, móc ngoặc, tuồn hàng Nhà nước ra thị trường tự do. Tình hình đó tác động nghiêm trọng đến an ninh, trật tự, làm cho vấn đề kinh tế trở thành vấn đề chính trị.

Để thực hiện âm mưu thâm nhập nội bộ ta, kẻ địch chủ trương lợi dụng chia rẽ, mua chuộc, không chế cán bộ, trước hết là ở vùng giáp biên, thực hiện chính quyền hai mặt và tìm mọi cách vô hiệu hóa các tổ chức cơ sở của ta. Qua thực tiễn quản lý kinh tế, quản lý xã hội và đấu tranh chống địch phá hoại, chống các tội phạm khác, chống tiêu cực, chúng ta càng thấy rõ yêu cầu bức bách của việc xây dựng nội bộ trong sạch, vững mạnh. Bằng nhiều biện pháp tích cực về tư tưởng, tổ chức, chúng ta khẩn trương và kiên quyết làm trong sạch nội bộ các cơ quan Đảng, Nhà nước, lực lượng vũ trang, đoàn thể quần chúng... ở các cấp, nhất là các cơ quan đầu não, các bộ phận cơ mật, thiết yếu, các ngành, các cơ sở kinh tế, quốc phòng quan trọng, các cơ sở trọng điểm khác ở biên giới phía bắc, Tây nguyên và các thành phố lớn..., giữ vững trận địa tư tưởng xã hội chủ nghĩa, đề cao kỷ luật, đấu tranh làm thất bại hoạt động chiến tranh tâm lý của địch, chống văn hóa phản động, đồi trụy, xóa bỏ mọi hình thức nghệ thuật "thương mại"...

Trong tình hình hiện nay, công tác quản lý cán bộ phải gắn chặt người

Digitized by Google

cán bộ với công việc mà người đó được giao, bằng mọi cách để phát hiện, lựa chọn và bố trí đúng những cán bộ lãnh đạo chủ chốt, không đưa những người kém đạo đức, kém năng lực, bảo thủ, trì trệ, thiếu trung thực, bè cánh, cơ hội, địa phương chủ nghĩa... vào các cương vị lãnh đạo, chấm dứt cách đánh giá người và việc theo lối « cưỡi ngựa xem hoa », nghe báo cáo một chiều, sai sự thật, không thấy đầy đủ sự biến đổi thực tế, từ đó đưa ra những quyết định sai lầm về người và việc, dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng.

Việc loại bỏ ngay và xử lý đúng mức những phần tử thoái hóa, biến chất, tham ô, đầu cơ, buôn lậu, chuyên quyền, độc đoán, vô kỷ luật nghiêm trọng là một biện pháp đặc biệt cấp bách. Đó không những là điều kiện rất quan trọng cho công tác bảo vệ nội bộ, đánh thắng kẻ địch phá hoại, mà còn là một trong những nhân tố hàng đầu góp phần lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực của cuộc sống hiện nay, củng cố lòng tin, ổn định đời sống của cán bộ và nhân dân, từ đó củng cố sự thống nhất chính trị, tinh thần trong toàn xã hội.

Công tác bảo vệ nội bộ trong tình hình hiện nay cần được chú trọng thường xuyên. Nó không chỉ là nhiệm vụ của cán bộ lãnh đạo, cán bộ chuyên trách, mà còn là trách nhiệm của mọi người trong cơ quan, trong đơn vị. Yêu cầu trước mắt là mỗi cơ quan, xí nghiệp, đơn vị kịp thời có biện pháp khắc phục những sơ hở, quan tâm giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng, thực hiện chặt chẽ quy chế bảo vệ nội bộ.

2 — *Chủ động tiến công, tiến công liên tục, kiên quyết và triệt để, kết hợp chặt chẽ giữa tiến công và phòng ngự, đánh bại mọi âm mưu, hoạt động của địch thâm nhập phá hoại từ bên trong nội bộ ta.*

Xây dựng nội bộ trong sạch, vững mạnh gắn liền với chống địch thâm nhập, phá hoại, chống tội phạm khác, chống tiêu cực từ trong nội bộ ta. Công tác chống địch phá hoại, chống tội phạm, chống tiêu cực là để bảo vệ nội bộ ta, nói rộng ra là để xây dựng các tổ chức cách mạng thật sự vững mạnh nhằm thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược.

Trong công tác đánh địch, chúng ta luôn luôn quán triệt tư tưởng tiến công liên tục, kiên quyết và triệt để trên phạm vi cả nước, trên từng địa phương, ở từng cơ sở, cả về chiến lược, chiến dịch, chiến thuật và từng vụ việc cụ thể, làm cho kẻ địch và bọn tội phạm khác không thể yên ổn hoạt động, bị phát hiện và trấn áp kịp thời.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp, sát sao của các cấp ủy Đảng, sử dụng tổng hợp các lực lượng; công tác đấu tranh chống phản cách mạng, chống tội phạm khác và các hiện tượng tiêu cực lấy các tổ chức quần chúng cách mạng làm chỗ dựa cơ bản và công an nhân dân làm lực lượng nòng cốt, kết hợp các biện pháp quần chúng với các biện pháp nghiệp vụ để bảo vệ ta và chống tội phạm theo cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Cải tiến cách tổ chức đánh địch, bố trí thế trận an ninh vững chắc, xác định đúng các đối tượng chủ yếu, các mục tiêu quan trọng và các địa bàn trọng điểm trong cả nước, ở từng khu vực, địa phương để sử dụng lực lượng và phương thức đấu tranh đạt kết quả cao nhất.

Các chi bộ Đảng, các cơ quan Nhà nước và đoàn thể quần chúng ở cơ sở phải là những trận địa tiến công sắc bén và phòng ngự kiên cố, bảo đảm an ninh, trật tự ngay từ cơ sở. Đảng viên và quần chúng, cán bộ và chiến sĩ ở các cơ sở là lực lượng có nhiều điều kiện và khả năng nắm vững, xử lý tình huống một cách nhanh nhạy, kịp thời. Nếu các cơ quan Đảng, Nhà nước và cán bộ tại cơ sở thật sự làm

Digitized by Google

nòng cốt, làm chỗ dựa tin cậy của quần chúng thì có điều kiện rất thuận lợi để đấu tranh xóa bỏ các hoạt động phạm pháp và hiện tượng tiêu cực. Việc bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, chống tham ô, đầu cơ, buôn lậu sẽ có kết quả rõ rệt khi nội bộ từng cơ quan, đơn vị sản xuất, công tác, từng đường phố, thôn, xã tiến hành chặt chẽ, thường xuyên công tác này. Ở các thành phố lớn và các đô thị khác, nếu vừa sử dụng tập trung lực lượng trấn áp tội phạm, vừa có những hình thức, nội dung thích hợp xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, đồng thời chăm lo giải quyết việc làm, đời sống, quản lý, giáo dục tốt thanh niên, thiếu niên chậm tiến, thì tình hình an ninh, trật tự sẽ có những chuyển biến cơ bản.

3 – Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng công an nhân dân ngày càng trong sạch, vững mạnh, thật sự là lực lượng vũ trang sắc bén của Nhà nước chuyên chính vô sản.

Để đánh thắng chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ địch, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, chúng ta tiếp tục phát triển phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc rộng khắp, đồng thời chăm lo xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, thật sự là một lực lượng vũ trang sắc bén, chính quy và từng bước hiện đại.

Trong lực lượng công an nhân dân, có lực lượng chuyên trách chính quy, vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, có trình độ khoa học kỹ thuật cần thiết, được trang bị cơ sở vật chất – kỹ thuật thích hợp. Chúng ta tập trung xây dựng hai lực lượng chiến đấu chủ yếu: tăng cường lực lượng an ninh nhân dân, củng cố lực lượng cảnh sát nhân dân, bảo đảm tập trung, thống nhất, chuyên sâu, tăng cường công an cấp cơ sở và các đơn vị trực tiếp chiến đấu khác, xây dựng lực lượng nửa chuyên trách vững mạnh, có cơ sở vững chắc trong quần chúng. Ngành công an cùng với các ngành, các tổ chức có liên quan tiếp tục phát huy hiệu quả của việc thực hiện các nghị quyết liên tịch giữa các ngành, tăng cường đoàn kết, hợp đồng công tác cụ thể, tạo thành mối quan hệ chặt chẽ, có nền nếp trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc. Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, thông qua phong trào "hành động cách mạng theo 6 điều Bác Hồ dạy, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện" trong lực lượng công an nhân dân, cần tiếp tục nâng cao chất lượng và bố trí lại đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, chỉ huy các đơn vị, các cấp công an phải thật sự có phẩm chất, có năng lực, năng động, sáng tạo, nhạy bén, có sự đổi mới tư duy phù hợp với yêu cầu đổi mới quản lý kinh tế, xã hội, bảo đảm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội trong thời kỳ mới. Các cán bộ, chiến sĩ công an cần rèn luyện những đức tính trung thực, dũng cảm, bình tĩnh, nhạy bén, linh hoạt và yêu nghề, sống giản dị, tiết kiệm, trong sạch, lành mạnh, xây dựng tác phong chiến đấu, chống hữu khuynh, mất cảnh giác, vô kỷ luật, thiếu trách nhiệm và các biểu hiện khác của chủ nghĩa cá nhân.

4 – Đi đôi với việc xây dựng lực lượng công an nhân dân, cần có những biện pháp thiết thực phát động sâu rộng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc cần kết hợp chặt chẽ với các phong trào khác, bám sát nhiệm vụ chính trị và đáp ứng yêu cầu thiết thân của quần chúng ở từng đơn vị, địa phương, trong từng thời gian; chú trọng xây dựng và nhân điển hình tiên tiến, xuất sắc về an ninh, trật tự, gắn liền với việc xây dựng và nhân điển hình tiên tiến, xuất sắc trong phong trào sản xuất, kinh doanh theo cơ chế mới – hạch

Digitized by Google

toàn kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa ; sử dụng mọi lực lượng và mọi biện pháp, phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức để xây dựng các cơ quan, xí nghiệp... các phường, xã an toàn về an ninh, trật tự, tạo thành khu vực liên hoàn an toàn, các tuyến liên hoàn an toàn.

Có sự giúp đỡ đắc lực của các lực lượng công an, bằng nhiều biện pháp thích hợp, cần tạo nên dư luận xã hội rộng rãi, kiên quyết bảo vệ chân lý, bảo vệ những người trung thực, kiên cường, lên án và đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực, mọi người có hành vi phạm pháp, có lối sống không trong sạch, lành mạnh.

5 — Tăng cường liên minh chiến lược Việt nam — Lào — Cam-pu-chia chống kẻ thù chung trên mặt trận quốc phòng và an ninh, đồng thời đoàn kết hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước thuộc cộng đồng xã hội chủ nghĩa trong sự nghiệp chống kẻ thù, bảo vệ thành quả cách mạng của mỗi nước. Chúng ta đẩy mạnh việc trao đổi và học tập kinh nghiệm của nhau trên mặt trận này, tạo điều kiện lâu dài cho sự phối hợp chặt chẽ vì mục đích chung chống các chiến lược phản cách mạng của kẻ thù ở khu vực châu Á — Thái bình dương, góp phần tăng cường sức mạnh của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hòa bình thế giới.

Lê-nin đã khẳng định : « Một cuộc cách mạng chỉ có giá trị khi nó biết tự vệ » (1). Toàn Đảng, toàn dân ta nhất định bảo vệ vững chắc những thành quả cách mạng đã giành được, bảo vệ thắng lợi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 37 tr. 145.

KHẮC PHỤC NHỮNG MẶT YẾU...

(Tiếp theo trang 11)

đã quy định « mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật ».

Cần xác định rõ ràng mọi cơ quan Nhà nước và tổ chức xã hội đều có nhiệm vụ đấu tranh chống những việc phạm pháp, không nên coi nhiệm vụ đó chỉ là của các cơ quan Công an, Viện kiểm sát và Tòa án. Đối với những việc phạm pháp thì tùy theo tính chất mức độ sai phạm và tác hại gây ra mà có thể xử lý theo kỷ luật nội bộ, bằng biện pháp hành chính hoặc truy tố trước Tòa án. Tuy nhiên, nếu đã là tội phạm thì phải chuyển cho Viện kiểm sát xem xét, chứ không thể chỉ xử lý về hành chính trong các cơ quan và tổ chức xã hội.

Trong bộ máy Nhà nước, các cơ quan Công an, Viện kiểm sát và Tòa án phải là những công cụ chuyên chính mạnh mẽ. Thực tế đã cho thấy, nếu các cơ quan này hoạt động thiếu chính xác, thận trọng thì sẽ có những sai phạm rất nghiêm trọng như : để lọt kẻ gian, xử oan người vô tội, bắt giữ hoặc khám xét trái phép, v.v. Vì vậy, cần phải luôn luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ các cơ quan này và bồi dưỡng cho họ kiến thức pháp lý và kinh nghiệm công tác, thường xuyên kiểm tra công tác của họ và kiên quyết xử lý nghiêm khắc đối với những người tham ô, ăn hối lộ hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Nhà nước hoặc cho nhân dân.

Digitized by Google

VŨ THẮNG
Bí thư Tỉnh ủy Bình trị thiên

BÌNH TRỊ THIÊN KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, VƯƠN TỚI NHỮNG MỤC TIÊU MỚI

THỜI gian vừa qua, đảng bộ Bình trị thiên đã mở Đại hội các cấp, tổng kết việc thực hiện đường lối và các mục tiêu lớn mà Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra, đặc biệt là Nghị quyết 8, đánh giá rõ tình hình trong tỉnh và quyết định phương hướng nhiệm vụ mới.

Nhìn lại chặng đường đã qua, đảng bộ và nhân dân Bình trị thiên đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách do hậu quả của chiến tranh và thiên tai dồn dập, do cuộc đấu tranh giai cấp gay gắt trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ chuyển từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Nhờ có sự nỗ lực phấn đấu, đảng bộ và nhân dân tỉnh chúng tôi đã giành được những thắng lợi quan trọng. Trong đó thắng lợi có ý nghĩa bao trùm là bộ mặt của tỉnh chúng tôi đã từng bước đổi thay. Từ chế độ độc canh cây lương thực đã chuyển sang sản xuất nông nghiệp toàn diện, tự giải quyết một phần quan trọng nhu cầu tại chỗ (trừ năm 1985 bị bão lụt nặng), một số huyện đã có một ít dự trữ. Diện tích cây công nghiệp phát triển, nâng tỷ trọng trong tổng diện tích gieo trồng từ 3,7% năm 1981 lên 8,6% năm 1985. Đàn gia súc tăng khá: trâu tăng 12%, bò tăng 25%, lợn tăng 11%. Trồng rừng bình quân hằng năm 13000 ha (có những xã đã đạt 1 triệu cây/năm). Đánh bắt thủy sản từ 13000 tấn năm 1981 lên 21000 tấn năm 1985. Tổng giá trị sản lượng công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp từ 1,1 tỷ năm 1981 tăng lên 16 tỷ đồng năm 1985. Hàng xuất khẩu mỗi năm mỗi tăng, năm 1985 đạt 11,6 triệu rúp—đô la, trong đó Lâm nông sản chiếm 26%, lâm sản 18%, thủy sản 8%, công nghiệp, thủ công nghiệp 26%.

Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được củng cố và tăng cường: giá trị tài sản cố định của các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp tăng 20%, vốn tự có tăng 35% so với năm 1981; hai vạn đồng bào vùng đầm phá lâu nay sống bồng bềnh trên mặt nước, nay đã được định cư, có nhà, có vườn; 60% đồng bào dân tộc thiểu số đã định canh định cư.

Thực hiện phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm », Bình trị thiên đã xây dựng thêm một số cơ sở vật chất kỹ thuật: 300 công trình thủy lợi, 9 trạm thủy điện, 8 cầu vĩnh cửu và nhiều trường học, bệnh xá, cửa hàng...

Đời sống của nhân dân tuy còn nhiều khó khăn, nhất là những nơi trước đây bị chiến tranh hủy diệt. Nhưng ở tất cả các vùng đều đã thấy được hướng đi lên từ lao động, đất đai, tài nguyên tại chỗ và liên kết với các địa phương, các ngành khác. Thời gian vừa qua đã có những mặt được

Digitized by Google

cải thiện như học hành, văn hóa, nhà ở... Ngay trong những lúc khó khăn nhất sau cơn bão số 8, nhờ có sự giúp đỡ ưu ái của cả nước và tinh thần lá lành đùm lá rách của nhân dân trong tỉnh, tình hình mọi mặt của địa phương được ổn định nhanh chóng.

Mặt khác, đảng bộ chúng tôi cũng nhận rõ, do còn có những mặt non yếu trong lãnh đạo, chỉ đạo, cho nên tốc độ phát triển kinh tế còn chậm, sản xuất nông nghiệp còn bấp bênh, sản xuất công nghiệp chưa vững chắc, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật còn yếu, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được xác lập từ lâu, nhưng thành phần kinh tế quốc doanh chưa làm được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, kết cấu hạ tầng của nền sản xuất còn chắp vá, nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa chưa được chăm lo xây dựng đầy đủ. Song, điều có ý nghĩa sâu sắc là qua thực tế phấn đấu, Đảng bộ và nhân dân Bình trị thiên chúng tôi ngày càng hiểu rõ những đặc điểm chung của đất nước, con người Việt nam, thấy được những mặt mạnh, mặt yếu của mình, nhất là nhìn rõ được phương hướng đi tới của tỉnh, những khả năng thực tế để thực hiện theo phương hướng đó và xác định rõ hơn những nhiệm vụ cụ thể của đảng bộ và nhân dân Bình trị thiên trong những năm tới.

Để xây dựng Bình trị thiên tiến lên thành một tỉnh giàu về kinh tế, vững về chính trị, mạnh về quốc phòng an ninh, đẹp về văn hóa — du lịch, đảng bộ chúng tôi đã xác định phương hướng nhiệm vụ những năm 1986—1990 là :

1—Phát huy các thế mạnh về kinh tế, văn hóa nhằm ổn định đời sống nhân dân, và có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

2—Củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa làm cho các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế tuyệt đối ; Nhà nước nắm được phần lớn sản phẩm hàng hóa, làm chủ được thị trường.

3—Sắp xếp hợp lý các tổ chức kinh tế nhằm làm cho bộ máy quản lý tinh gọn và có hiệu lực.

4—Từng bước phân bố lại lao động, dân cư nhằm khai thác được khả năng sẵn có và tiềm năng của tất cả các vùng, quan tâm đến vùng đồi núi, vùng đầm phá, vùng ven biển.

5—Xây dựng thêm cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm tạo điều kiện tiếp tục chuyển nền kinh tế từ sản xuất nhỏ từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đẩy nhanh nhịp độ phát triển nông nghiệp, công nghiệp địa phương và xuất khẩu.

6—Chủ động hơn trong việc đối phó với thiên tai và khắc phục hậu quả thiên tai.

7—Giữ vững quốc phòng, an ninh.

8—Phát huy truyền thống đoàn kết, kiên cường, dũng cảm của nhân dân trong tỉnh, xây dựng nếp sống lành mạnh, có văn hóa, có tình thương, trọng lẽ phải, cùng cả nước, vì cả nước xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Qua thực tế 10 năm, đảng bộ chúng tôi càng thấy rõ muốn thực hiện được những nhiệm vụ đó, trước hết phải *chuyển hướng cơ cấu kinh tế* cho phù hợp với đặc điểm về lao động, đất đai, tài nguyên, khí hậu, thời tiết của địa phương. Chúng tôi tập trung sức phát triển nông nghiệp toàn diện, thật sự coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đồng thời rã sức phát triển công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, gắn công nghiệp với nông nghiệp từ đầu và từ cơ sở, gắn sản xuất nông nghiệp, công nghiệp với việc đẩy mạnh xuất nhập khẩu. Trong sản xuất nông nghiệp toàn diện, từng huyện ít nhất cũng phải bảo đảm đủ ăn trong địa bàn mình kể cả lúa, màu và các loại cây có chất bột khác, tỉnh chỉ điều

Digitized by Google

lương thực cho thành phố, thị xã, khu công nghiệp. Đây là một nhiệm vụ hết sức cấp bách và khó khăn. Những năm qua, do chưa nắm được quy luật tự nhiên, chưa thấy hết đặc điểm đất đai, sinh thái, thổ nhưỡng, thời tiết, khí hậu, cho nên có lúc chúng tôi đề ra mức phấn đấu sản xuất quá cao: 800 000 tấn lương thực (bình quân 500kg tính theo đầu người). Chúng tôi đã hết sức cố gắng nhưng cũng chỉ đạt được 463 000 tấn. Việc khai phá vùng gò đồi để trồng lương thực, tuy có đem lại thêm một số lương thực (không đáng kể) nhưng đồi núi lại bị xói mòn, trọc hóa, gây ảnh hưởng lớn đến môi trường, sinh thái... Thực tế đã chứng minh rằng muốn giải quyết vấn đề lương thực ở tỉnh chúng tôi thì phải bảo đảm được kế hoạch diện tích, tập trung đầu tư hơn nữa vào khâu thâm canh, hết sức coi trọng việc ứng dụng những tiến bộ khoa học, kỹ thuật để tăng năng suất cây trồng, nhất là bảo đảm được các yếu tố nước, phân, cần, giống, cơ cấu mùa vụ, hạn chế tổn thất do thời tiết và thiên tai gây ra.

Phát triển nông nghiệp toàn diện, kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp, vừa mở rộng diện tích cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày, vừa phủ xanh đất trống đồi trọc, mở rộng chăn nuôi. Đó là hướng phát huy thế mạnh vùng đồi núi, tạo điều kiện làm giàu cho địa phương, giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, tăng thêm nguồn nguyên liệu cho công nghiệp và mặt hàng xuất khẩu. Trong tỉnh chúng tôi đang hình thành dần những vùng cây công nghiệp tập trung: cao su, hồ tiêu, cà phê, trầu, chè... ở vùng đồi núi, dừa ở ven biển.

Nhân dân tỉnh chúng tôi đang dấy mạnh trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng hiện có, coi đó là yêu cầu hết sức bức bách nhằm tạo lại môi trường sinh thái, tạo nguồn sinh thủy, hạn chế tác hại của lũ lụt, che chắn gió bão, cung cấp gỗ củi cho nhu cầu xây dựng và đời sống hằng ngày của nhân dân.

Đối với vùng ven biển và vùng đầm phá, nhất thiết phải phát triển kinh tế toàn diện, gắn ngư — lâm — nông — công nghiệp với nhau mà trung tâm là nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy sản phục vụ xuất khẩu và nhu cầu đời sống của nhân dân.

Yêu cầu trước mắt của công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp là khẩn trương quy hoạch, sắp xếp lại tổ chức sản xuất, có biện pháp thiết thực củng cố lực lượng quốc doanh, phát triển các hợp tác xã thủ công nghiệp, mở rộng ngành nghề trong các hợp tác xã nông nghiệp, nhằm phục vụ nhiệm vụ trung tâm «đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện», khai thác nguồn nguyên liệu phong phú từ nông, lâm, thủy sản, tạo ra giá trị cao hơn và tăng thêm nguồn tích lũy. Biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp là đổi mới dần thiết bị máy móc, mở rộng đào tạo và nâng cao tay nghề theo hướng công nghiệp, tiểu công nghiệp từng bước tiến lên hiện đại, thủ công nghiệp có tay nghề tinh xảo.

Củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong tất cả các khu vực kinh tế nông nghiệp, ngư nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, đặc biệt là trong khu vực phân phối lưu thông và phát triển mạnh sản xuất, ổn định đời sống nhân dân. Trước hết và mấu chốt là làm cho thành phần kinh tế quốc doanh giữ đúng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Các cơ sở kinh tế quốc doanh phải nêu gương cho khu vực kinh tế tập thể và tư nhân về năng suất, chất lượng và hiệu quả, về thực hiện các chính sách chế độ của Đảng và Nhà nước. Trong khu vực kinh tế tập thể, tập trung nâng cao năng lực quản lý của các hợp tác xã, từ quản lý lao động, vật tư, tài sản, phân phối ăn chia, đến bảo đảm quyền

Digitized by Google

làm chủ của xã viên, kiện toàn và đổi mới đội ngũ cán bộ.

Chỉ có trên cơ sở tăng cường khu vực kinh tế quốc doanh và tập thể, bảo đảm cho khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế trong nền kinh tế thì mới có điều kiện quản lý thị trường, bình ổn được giá cả, đưa các tổ chức kinh tế tư nhân đi vào con đường làm ăn tập thể hoặc hoạt động dưới sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước.

Thực tế 10 năm qua cũng chỉ cho chúng tôi thấy rõ vận dụng đúng đắn đường lối chủ trương của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương là một quá trình suy nghĩ tìm tòi những giải pháp thích hợp không phải chỉ với toàn tỉnh, mà còn với từng vùng của địa phương để biến đường lối chủ trương đó thành hiện thực trong cuộc sống. Nếu không nắm bắt đúng tình hình thực tế của từng vùng cụ thể thì không thể có được những nghị quyết đúng đắn. Thực tế cho chúng tôi thấy, với nền nếp công tác quan liêu hành chính thì chỉ đi đến áp dụng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước một cách máy móc. Chẳng hạn, khi nghiên cứu tình hình giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, thấy có trường, có thầy nhưng học sinh ít đi học. Vì sao? Từ chương trình đến thời gian học tập, nghỉ hè, sách giáo khoa đều áp dụng đúng một mẫu như ở vùng đồng bằng, đô thị. Trình độ văn hóa khác nhau, tiếng nói, điều kiện sinh hoạt, thời tiết khí hậu khác nhau mà đều áp dụng một chương trình, một quy chế như nhau thì làm sao thực hiện được. Chúng tôi đã có những kiến nghị về đổi mới công tác giáo dục ở miền núi, mong rằng Bộ giáo dục nghiên cứu, hoàn chỉnh thêm.

Về các mặt văn hóa, y tế, tổ chức bộ máy chính quyền ở các huyện, xã miền núi, cũng có những vấn đề phải cải tiến cho thích hợp thì mới có hiệu quả.

★

Năm năm qua, tuy phải vượt qua nhiều khó khăn trở ngại, nhưng nhìn chung nhân dân Bình trị thiên đã giành được những thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, trong việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế. Những thành tựu đó gắn liền với sự trưởng thành của đảng bộ chúng tôi. Qua thực hiện các nghị quyết của Đảng, các cơ quan quản lý Nhà nước, các đoàn thể quần chúng đã có thêm những kinh nghiệm mới trên các lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Đông đảo cán bộ, đảng viên trong thử thách mới vẫn giữ được phẩm chất cách mạng, nâng cao một bước về trình độ chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng của chúng tôi còn những khuyết điểm, thiếu sót. Có nơi đảng viên đông mà không mạnh; không ít tổ chức cơ sở Đảng chưa đề ra được nhiệm vụ chính trị, phương hướng kinh tế — xã hội cụ thể. Một số cán bộ còn mang nặng phong cách lãnh đạo quan liêu, không sâu sát thực tế cuộc sống, một số cán bộ đảng viên thiếu rèn luyện, sa sút phẩm chất, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy, nhiệm vụ sắp tới của đảng bộ chúng tôi là tập trung *nâng cao sức mạnh chiến đấu và năng lực lãnh đạo, nhất là năng lực lãnh đạo kinh tế xã hội*. Chúng tôi phải đổi mới công tác xây dựng Đảng, làm cho các tổ chức của Đảng luôn luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, có sức chiến đấu cao, gắn bó chặt chẽ

(Xem tiếp trang 40)

Digitized by Google

PHẠM VĂN HY
Bí thư Tỉnh ủy Đồng nai

ĐỒNG NAI ĐẾN NĂM 1990

Từ cuối tháng tư đến cuối tháng 8-1986 tỉnh ủy và đảng bộ các cấp tỉnh Đồng nai đã tiến hành xong đợt tự phê bình và phê bình, từng bước sửa chữa khuyết điểm, tạo đà thuận lợi tiến hành đại hội các cấp ở Đồng nai.

Dự thảo Báo cáo chính trị của Trung ương Đảng được cán bộ, đảng viên thảo luận sôi nổi và chân thành góp ý xây dựng. Văn kiện chính trị quan trọng này và bài phát biểu của đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh tại hội nghị cán bộ nghiên cứu bản dự thảo Báo cáo đó đã giúp cho chúng tôi đánh giá tình hình trong tỉnh một cách chính xác hơn và gợi cho chúng tôi những suy nghĩ về sự định hướng và những mục tiêu đi lên của Đồng nai trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đồng nai là một tỉnh có nhiều thế mạnh. Đó là nền nông nghiệp phát triển toàn diện trên một vùng đất trung du rộng lớn trong đó phần lớn là đất đỏ ba dan, có rừng xanh tươi đan mấy tầng cây nhiệt đới, có nhiều loại gỗ quý và thú hiếm, nhất là trong khu rừng nguyên sinh Cát tiên chiếm 35 000 ha, có sông Đồng nai chảy qua tỉnh trên chiều dài 290km cùng nhiều sông, suối, hồ và mạch nước ngầm, môi trường sống của nhiều loại thủy sản và nguồn thủy năng lớn cần được khai thác. Tại thác nước Trị an, một công trình thủy điện lớn đang được xây dựng, tổ máy đầu tiên sẽ đi vào hoạt động vào đầu năm 1987; Đồng nai còn có bờ biển dài 70km thuận lợi cho việc phát triển hải sản, đánh bắt tôm cá và có diện tích muối trên 300 ha; lực lượng công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp phát triển khá ở thành phố và các thị trấn, chưa kể gần 100 nhà máy ở khu công nghiệp tập trung Biên hòa.

Những thế mạnh đó nằm trong tầm tay của nhân dân mang nhiều sắc tộc và tôn giáo, có truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, có ý chí kiên cường dũng cảm, đã từng viết nên những trang sử vẻ vang lao động mở nước và đấu tranh giải phóng dân tộc.

Bên cạnh những thuận lợi to lớn ấy là những hậu quả rất nặng nề trên mọi lĩnh vực do 30 năm chiến tranh tàn phá, do chế độ thực dân cũ và mới để lại, nghiêm trọng nhất là sự phụ thuộc về kinh tế và sự đầu độc, tha hóa con người.

11 năm qua, thực hiện nghị quyết Đại hội thứ IV và thứ V của Đảng và các nghị quyết của BCHTUĐ và Bộ chính trị, đảng bộ và nhân dân Đồng nai đã trải qua một quá trình phấn đấu hết sức gay go, quyết liệt và đã thu được những thành tựu quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và an ninh, quốc phòng. Nói lên hàng đầu những thành tựu ấy là sản xuất nông nghiệp không ngừng phát triển và cuộc sống mới đã bắt đầu hình thành ở các địa phương, các vùng trong tỉnh. Xin nêu vài ví dụ: năm

Digitized by Google

1984 so với hồi mới giải phóng, bình quân lương thực đầu người tăng 3 lần (gần 300kg), sản phẩm cây công nghiệp ngắn ngày tăng từ 2 đến 5 lần, (riêng cà phê có bước nhảy vọt (bằng 347% năm 1983). Công tác huy động lương thực, nông sản và nhiều mặt hàng thiết yếu khác mỗi năm một tăng, hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước; giá trị hàng xuất khẩu từ con số không lên 38 triệu rúp—đó là; tất cả các phường, xã đều có trường học và cơ sở y tế...

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh, đáng chú ý là đã căn bản hoàn thành việc đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể.

Trong tình hình chính trị, xã hội còn nhiều vấn đề phức tạp, an ninh trật tự vẫn được giữ vững.

Đứng trên quan điểm lịch sử và quan điểm phát triển mà xét thì những thành tựu trên có ý nghĩa cách mạng to lớn, là những nhân tố mới, quan trọng, tạo tiền đề cho những bước phát triển tiếp theo.

Tuy nhiên những thành tựu đó chưa tương xứng với tiềm năng to lớn của Đồng nai. Ví dụ: Đồng nai hiện có hàng vạn héc ta đất tốt chỉ trồng trọt một vụ vào mùa mưa, còn mùa khô thì bỏ hóa trong khi nguồn thủy năng khá dồi dào; có nhiều đồng cỏ nhưng chưa chú trọng phát triển chăn nuôi đại gia súc; có nhiều cơ sở công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp nhưng chưa được bố trí một cách hợp lý; sản phẩm làm ra bị thất thoát khá nhiều do buông lỏng công tác quản lý và phân phối, đời sống nhân dân nhất là công nhân viên chức còn nhiều khó khăn v.v.

Qua quá trình phấn đấu vừa học, vừa làm để chấp hành một cách nghiêm chỉnh, năng động các nghị quyết của Đại hội Đảng, của Trung ương và Bộ chính trị, chúng tôi rút ra được nhiều bài học quý báu. Chúng tôi ngày càng hiểu rõ thêm tiềm năng kinh tế của tỉnh mình, nhận thức đầy đủ hơn điểm xuất phát đi lên trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ là phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, vừa phải coi cây lương thực là chủ lực, vừa phải thấy vị trí chiến lược của cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày với một hệ thống công nghiệp chế biến làm tăng thêm giá trị sản phẩm, thấy được sức mạnh sáng tạo của nhân dân, rút ra được một số kinh nghiệm trong việc thực hiện cơ chế mới, trong việc thực hiện phương châm «cải tạo để sử dụng, sử dụng để cải tạo tốt hơn...». Từ những bài học đó khơi dậy trong tỉnh ủy chúng tôi những suy nghĩ mới, có căn cứ khoa học để định phương hướng, mục tiêu và biện pháp phấn đấu từ nay đến năm 1990 nhằm khai thác, phát huy có hiệu quả nhanh những thế mạnh vốn có.

Trên tinh thần đó, tỉnh ủy chúng tôi đã chuẩn bị bản báo cáo trước Đại hội thứ IV của đảng bộ Đồng nai theo những quan điểm sau đây:

Xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, kết hợp công nghiệp với nông nghiệp ngay từ đầu, lấy nông nghiệp làm địa bàn xuất phát để vừa giải quyết vấn đề đời sống trước mắt cho nhân dân, vừa tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hóa trong tỉnh.

Về nông nghiệp, lấy phát triển lương thực (lúa, màu) làm nhiệm vụ trọng tâm, lấy cây công nghiệp làm mũi nhọn đột phá, đặc biệt là các loại cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày có giá trị kinh tế cao như cà phê, cao su, tiêu, đậu phộng, đậu nành, thuốc lá. Phát triển mạnh chăn nuôi heo, bò, dê, cá, gia cầm. Đây là phương hướng có ý nghĩa chiến lược của Đồng nai.

Theo phương hướng trên, phải thực hiện tốt thâm canh, chuyên canh, kết hợp với mở rộng diện tích bằng tăng vụ, khai hoang, đưa hệ số sử dụng ruộng đất lên 2 lần.

Digitized by Google

Biện pháp hàng đầu là tập trung vốn đầu tư cho thủy lợi vừa và nhỏ (kể cả kênh mương) kết hợp làm thủy lợi với xây dựng mạng lưới thủy điện, tạo thành những vệ tinh chung quanh công trình thủy điện lớn Trị an, vừa phục vụ cho sản xuất, vừa đáp ứng một phần nhu cầu đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, kể cả ở vùng xa xôi hẻo lánh.

Đẩy mạnh việc bảo vệ rừng, trồng rừng, và khai thác lâm sản, thực hiện giao đất, giao rừng cho tập thể và cá nhân. Tích cực nuôi trồng và khai thác thủy sản, đặc biệt là thủy sản xuất khẩu.

Coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu và là điểm xuất phát thì phải phát huy sức mạnh tổng hợp để phục vụ nông nghiệp một cách tập trung, đồng bộ, bảo đảm số lượng, chất lượng và thời gian. Phải phân bố lao động, dân cư một cách hợp lý. Phát triển mạnh công nghiệp địa phương, tiểu, thủ công nghiệp, thực hiện sự liên kết với các xí nghiệp trung ương trên địa bàn lãnh thổ để sản xuất dụ công cụ cơ khí, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, đặc biệt là coi trọng công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản để nâng giá trị hàng xuất khẩu.

Trên quan điểm quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, Đồng nai phải ra sức củng cố và tăng cường lực lượng kinh tế quốc doanh và tập thể (quốc doanh đóng vai trò chủ đạo), tích cực thực hiện phương châm "*cải tạo để sử dụng, sử dụng để cải tạo tốt hơn*" trong hoàn cảnh còn 5 thành phần kinh tế.

Vấn đề quan trọng trước hết là nâng cao chất lượng của tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp trên cơ sở tăng cường công tác quản lý và phân phối, chấm dứt tình trạng khoán trắng và phân phối không hợp lý làm cho giá trị ngày công thấp trong khi giá trị tổng sản lượng vẫn tăng.

Hướng tập đoàn sản xuất và hợp tác xã đi vào kế hoạch hóa, kết hợp với thực hiện chính sách đòn bẩy kinh tế để khuyến khích phát triển sản xuất.

Rút kinh nghiệm làm thử việc thực hiện quyền chủ động sản xuất kinh doanh ở một số cơ sở, tích cực mở rộng việc thực hiện chủ trương này ở các đơn vị công nghiệp quốc doanh địa phương, các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

Thực tế ở Đồng nai cho thấy việc phát triển kinh tế gia đình hết sức quan trọng vì nó là nguồn bổ sung to lớn vào của cải xã hội, tăng thêm thu nhập cho người lao động, bổ trợ cho kinh tế quốc doanh và tập thể. Riêng với việc tận dụng đất đai để trồng cà phê xuất khẩu theo chủ trương của tỉnh ủy, nhân dân đã thu hoạch thêm hàng nghìn tấn để bán cho Nhà nước.

Chúng tôi chủ trương cho tư nhân được thuê mướn một số nhân công để sản xuất những mặt hàng tiêu dùng mà Nhà nước không trực tiếp và thống nhất quản lý nhằm tạo thêm sản phẩm cho xã hội.

Phải cấp bách chấn chỉnh tổ chức, cải tiến quản lý trên mặt trận phân phối lưu thông để nắm hàng, nắm tiền, cân đối thu chi. Thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán phải được củng cố và tăng cường trên quan điểm kinh doanh để phục vụ sản xuất và đời sống. Phải có chính sách thỏa đáng, thực hiện hợp đồng hai chiều, bảo đảm đầu tư ứng trước, đến nắm tận gốc đại bộ phận lương thực và một số nông sản khác, các sản phẩm công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp. Vật tư, hàng hóa phải được chuyển đến tận cơ sở sản xuất và người tiêu dùng, không qua khâu trung gian.

Đẩy mạnh công tác xuất nhập khẩu lên một bước mới trên cơ sở thông

Digitized by Google

nhất việc quản lý kinh doanh, bảo đảm nhập vật tư, thiết bị, xăng dầu cho sản xuất và xây dựng.

Sắp xếp lại những người buôn bán nhỏ, từng bước chuyển một bộ phận lớn sang sản xuất, dịch vụ, kiên quyết xóa bỏ tư sản thương nghiệp, nghiêm trị bọn đầu cơ buôn lậu.

Lực lượng khoa học kỹ thuật hướng vào phục vụ sản xuất, trước hết là thực hiện thâm canh, xây dựng các vùng chuyên canh tập trung, chế biến nông, lâm, hải sản.

Công tác văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao hướng vào việc nâng cao chất lượng, phục vụ nhiệm vụ chính trị và xây dựng nền văn hóa mới, con người mới.

Toàn bộ hoạt động kinh tế xã hội phải gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc.

Việc phấn đấu để ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân lao động, xây dựng một bước cơ sở vật chất kỹ thuật, bảo đảm an ninh quốc phòng và làm tròn nghĩa vụ quốc tế của tỉnh chúng tôi phải dựa trên cơ *sở phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, tăng cường hiệu lực của bộ máy Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng.*

11 năm qua chứng minh khả năng cách mạng hùng hậu của nhân dân Đồng nai trong công cuộc xây dựng cuộc sống mới. Đi vào cuộc phấn đấu đầy khó khăn phức tạp hiện nay càng phải nhấn mạnh quan điểm lấy dân làm gốc như đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh đã nói. Bởi vậy phải nâng cao tính thuyết phục đối với nhân dân bằng hai cách:

— Giáo dục nhân dân hiểu rõ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phương hướng, mục tiêu của đảng bộ và chính quyền tỉnh đề ra là xuất phát từ lợi ích trước mắt và lâu dài của nhân dân, mặt khác, phải quan tâm giải quyết những vấn đề lợi ích thiết thực của quần chúng bằng các chính sách và chế độ cụ thể, đúng như Lê-nin nói: công tác tư tưởng mà tách rời lợi ích vật chất thì chính nó lại phản lại bản thân nó.

— Từ đó tạo nên một phong trào cách mạng của quần chúng nêu cao ý chí tự lực tự cường, làm ra nhiều của cải cho xã hội, «sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật». Ở đây, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng có vai trò hết sức quan trọng trong việc tuyên truyền, giáo dục nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên, phản ánh tâm tư nguyện vọng của mình với Đảng.

Từ ngày Đồng nai được giải phóng đến nay, bộ máy chính quyền đã được xây dựng ở các cấp và được kiện toàn từng bước để làm chức năng công cụ của chế độ làm chủ tập thể của nhân dân. Tuy nhiên đi vào thực hiện cơ chế mới, bộ máy này tỏ ra cồng kềnh và kém hiệu lực. Chúng tôi chủ trương kiện toàn bộ máy chính quyền từ tỉnh đến phường, xã trên tinh thần vừa gọn, vừa tinh, với một đội ngũ cán bộ có phẩm chất, có năng lực, bảo đảm cho nó làm tốt hai mặt quản lý hành chính và quản lý sản xuất, kinh doanh.

Quá trình rèn luyện và thử thách trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đã làm cho đảng bộ tỉnh chúng tôi trưởng thành một bước. Vừa qua, đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình đã giúp cho cán bộ, đảng viên phân biệt được đúng, sai, khắc phục được một bước thiếu sót, sai lầm, trước hết là về phẩm chất, lối sống. Song trước yêu cầu của nhiệm vụ chính trị hiện nay, công tác xây dựng Đảng phải được tăng cường về cả ba mặt tư tưởng, chính trị, tổ chức nhằm tiếp tục nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, bồi

Digitized by Google

đường tư duy kinh tế mới, nâng cao tính năng động trong hoạt động thực tiễn, nghĩ và làm theo nghị quyết của Đảng. Tổ chức của Đảng phải vững mạnh, trong sạch, cán bộ, đảng viên phải cần kiệm liêm chính, có bản lĩnh vững vàng và biết làm việc có hiệu quả.

Kinh nghiệm ở Đồng nai cho thấy phải đặt đúng vị trí chiến lược của cấp huyện, mạnh dạn phân cấp quản lý cho huyện nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm và tạo điều kiện cho huyện đảm đương tốt việc xây dựng kinh tế, tổ chức đời sống, bảo đảm an ninh, quốc phòng dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ của cấp trên. Phải hết sức coi trọng công tác xây dựng đội ngũ cốt cán ở cơ sở, ở các ngành, các cấp. Bí thư, thủ trưởng, những người « đứng mũi chịu sào » phải dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, biết hướng tư tưởng và tình cảm của mọi người vào những mục tiêu mà Đảng đề ra, biết tổ chức và tập hợp lực lượng quần chúng tập trung giải quyết dứt điểm những vấn đề, những công việc trọng yếu.

Các cấp Đảng, chính quyền và đoàn thể trong tỉnh phải lấy hiệu quả công tác làm thước đo phẩm chất và năng lực của mình.

Từ những suy nghĩ trên đây, tỉnh chúng tôi dự kiến đến hết năm 1990 sẽ đạt những chỉ tiêu chủ yếu sau đây:

Tổng sản lượng lương thực quy thóc từ 730 000 đến 750 000 tấn. Bình quân đầu người có 350 kg/năm.

Đàn heo 300 000 con, trọng lượng xuất chuồng bình quân 60 kg/con. Đàn trâu, bò 123 000 con.

Mỗi năm trồng 10 000 ha rừng

Đánh bắt 25 000 tấn hải sản. Nuôi trồng 5 000 tấn thủy sản. Làm được 60 000 tấn đến 70 000 tấn muối.

Giá trị tổng sản lượng công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp đạt 5 100 triệu đồng.

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản 5 năm 1986 – 1990 : 2100 – 2500 triệu đồng, trong đó nông, lâm nghiệp, thủy lợi chiếm 35%.

Huy động 250 000 tấn lương thực quy thóc (màu chiếm 70–80%).

Huy động đại bộ phận các loại nông sản, thực phẩm, sản phẩm công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp.

Tổng giá trị xuất khẩu 70 triệu rúp–đô la.

25 giường bệnh/1 vạn dân

2 550 người đi học/1 vạn dân.

8 lượt xem chiếu bóng/người/năm.

Phấn đấu đạt được những chỉ tiêu trên đây thì nhân dân trong tỉnh chúng tôi vừa có đủ ăn, có đủ những nhu cầu tiêu dùng thiết yếu, có cuộc sống vui tươi, lành mạnh, vừa có tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, tạo nên một sự chuyển biến cách mạng trên mảnh đất mang truyền thống « miền Đông gian lao mà anh dũng ». Càng ngẫm nghĩ về trách nhiệm của mình, đảng bộ chúng tôi càng thấm thía lời dạy của Bác Hồ: « Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân ».

Chúng tôi nguyện phát động phong trào hành động cách mạng của quần chúng, vượt mọi khó khăn, thực hiện Di chúc thiêng liêng của Bác Hồ kính yêu

Digitized by Google

Thượng tướng HOÀNG MINH THẢO

MẤY VẤN ĐỀ VỀ ĐỔI MỚI CÔNG TÁC KHOA HỌC QUÂN SỰ

KHOA học quân sự bao gồm hệ thống các hiểu biết về quy luật và phương pháp tiến hành khởi nghĩa, chiến tranh và xây dựng quốc phòng trong một hoàn cảnh lịch sử nhất định. Khoa học quân sự nghiên cứu bao quát về chiến tranh và đi sâu vào lĩnh vực hoạt động đặc trưng của chiến tranh – đấu tranh vũ trang và hoạt động quân sự nói chung, đồng thời nghiên cứu các lĩnh vực hoạt động khác của chiến tranh với mức độ khác nhau nhằm đạt đến sự hiểu biết những điều kiện, quy luật vận động của chiến tranh, những nguyên tắc, quy luật chi phối toàn bộ tiến trình của chiến tranh và từ đó tìm ra phương hướng hành động chung trong toàn bộ cuộc chiến tranh. Khoa học quân sự thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, đồng thời là bộ môn khoa học có tính tổng hợp.

Chiến tranh là đối tượng của khoa học quân sự, bởi sự hình thành và phát triển của khoa học quân sự gắn liền với sự phát sinh và phát triển của chiến tranh. Nói một cách khác, chỉ sau khi chiến tranh xuất hiện thì khoa học quân sự mới xuất hiện. Chiến tranh luôn luôn vận động phát triển không ngừng. Trong thời đại ngày nay, chiến tranh đã phát triển đến một trình độ rất cao, đã trở thành một hiện tượng xã hội phức tạp, tác động đến toàn bộ đời sống xã hội, đến mọi lĩnh vực hoạt động của Nhà nước bao gồm hoạt động đấu tranh vũ trang và các hoạt động khác trên các mặt trận kinh tế, chính trị, ngoại giao, tư tưởng, tâm lý... trong đó đấu tranh vũ trang là hình thức đặc trưng. Bởi vậy, chiến tranh ngày nay đã trở thành đối tượng nghiên cứu hết sức rộng lớn và phức tạp không phải chỉ của ngành khoa học quân sự. Nhiều ngành khoa học khác nhau; khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật cũng cần nghiên cứu nó thì mới có thể đạt được sự hiểu biết đầy đủ và sâu sắc về chiến tranh.

Một trong những vấn đề có tính cấp thiết đặt ra cho những người làm công tác chỉ đạo cũng như nghiên cứu khoa học quân sự hiện nay là cần phải đổi mới công tác khoa học quân sự trong cả nhận thức và phương pháp hoạt động. Với yêu cầu đó, chúng tôi xin nêu một vài suy nghĩ để chúng ta cùng nhau tham khảo.

– Một yêu cầu quan trọng là chúng ta cần nắm vững và giải quyết tốt mối quan hệ giữa khoa học quân sự và đường lối quân sự. Xét về bản chất, đường lối quân sự là hệ thống những quan điểm chỉ đạo của một Đảng và một Nhà nước ở một thời kỳ nhất định về tính chất, đặc điểm, chủ trương, nhiệm vụ và phương hướng của cuộc chiến tranh có thể xảy ra. Cho nên, mối quan hệ giữa đường lối quân sự và khoa học quân sự là mối quan hệ giữa chỉ đạo và phục tùng chỉ đạo, giữa những

Digitized by Google

quan điểm chỉ đạo với các hình thức, phương pháp và năng lực tổ chức thực hành, giữa những vấn đề mang tính nguyên tắc chỉ đường vạch hướng, quyết định hướng đi của khoa học quân sự với các vấn đề mang tính cụ thể của khoa học quân sự. Đường lối quân sự của Đảng quyết định tính Đảng và tính giai cấp của khoa học quân sự. Những thành công của công tác khoa học quân sự tác động trở lại tích cực và có hiệu quả đối với việc bổ sung làm phong phú quan điểm, đường lối quân sự của Đảng, làm tăng thêm những cơ sở lý luận để xác định rõ hơn, chính xác hơn, đầy đủ hơn những chủ trương, nhiệm vụ trong đường lối của Đảng phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Giải quyết tốt mối quan hệ biện chứng đó là một khâu then chốt để thúc đẩy khoa học quân sự phát triển lên một trình độ mới và bảo đảm tính chính xác, thực tiễn, có sức thuyết phục cao của đường lối quân sự. Thực tiễn lịch sử đã chỉ ra rằng, sự tồn tại của khoa học quân sự không tách rời đường lối quân sự, cũng như khoa học quân sự không tách rời chiến tranh. Đường lối của Đảng không thể hoàn chỉnh trong một thời gian ngắn và dù thế nào thì đường lối đó cũng phải luôn luôn được cụ thể hóa và phát triển cho phù hợp với sự phát triển không ngừng của cuộc đấu tranh giữa ta và địch, của thực tiễn tiến hành chiến tranh và xây dựng lực lượng vũ trang. Vả lại, đường lối quân sự của Đảng được đề ra căn cứ trên những kết luận khoa học của khoa học quân sự. Vì vậy, khoa học quân sự cũng có nhiệm vụ góp phần xây dựng đường lối quân sự của Đảng. Thành công của chiến tranh cách mạng Việt nam vừa qua là nhờ có đường lối quân sự đúng đắn của Đảng với một nền khoa học quân sự đã phát triển. Qua đó, nền khoa học quân sự càng có điều kiện tự khẳng định vị trí của mình trong giai đoạn cách mạng hiện nay và sau này.

— Luôn luôn nắm sát đối tượng tác chiến, xem xét đối phương thật kỹ để hiểu được bản chất, quy luật hoạt động tác chiến của đối phương là một nội dung cơ bản của khoa học quân sự. Nếu không thì không thể có đối sách đúng đắn, phù hợp để giành thắng lợi. Nắm đối tượng tác chiến phải toàn diện (chính trị, kinh tế, xã hội, khoa học, nghệ thuật quân sự...) Tư tưởng cần thấm nhuần ở đây là không bao giờ được coi thường đối phương. Về mặt chính trị và chiến lược, các cuộc chiến tranh phi nghĩa xâm lược đều có mặt yếu, nhưng về mặt tác chiến của đối phương thì phải được coi trọng đúng mức. Nếu đánh giá thấp đối phương thì khi gặp phải một đối phương mạnh, chúng ta sẽ bị bất ngờ, bị động.

— Trong thời đại ngày nay, thời đại mà khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão và đạt đến trình độ cao, quân đội luôn luôn được đổi mới trang bị, đặc biệt đối với các nước tư bản chủ nghĩa có nền kinh tế, nhất là công nghiệp nặng phát triển rất nhanh, thì những người làm công tác khoa học quân sự phải luôn có sự đổi mới tư duy để có thể đánh giá đúng kẻ thù. Khoa học quân sự phải đề ra được một cách có căn cứ khoa học, chính xác, những dự báo, những khái niệm, những tiên đề, những phương pháp tác chiến mới... Ở đây phải rất chú trọng đến những dự báo khoa học, thông tin khoa học của thế giới, nắm bắt những thông tin khoa học quân sự mới nhất về địch, thường xuyên theo dõi, phát hiện, nghiên cứu những phát minh mới về khoa học, kỹ thuật quân sự, những cải tiến mới trong trang bị vũ khí, kỹ thuật, đóng góp vào việc tăng cường sức mạnh trang bị của ta, hạn chế đến mức thấp nhất hiệu quả của tính năng, tác dụng mọi trang bị vũ khí kỹ thuật của địch và đi trước một bước trong

Digitized by Google

chỉ đạo thực tiễn nhằm giành thắng lợi trong chiến đấu.

— Một yêu cầu rất nghiêm khắc và cũng là một quy luật hoạt động của các ngành khoa học, kể cả khoa học quân sự là phải có mối quan hệ chặt chẽ với các ngành khoa học khác. Khoa học quân sự cần phải chủ động thiết lập mối quan hệ quan trọng này, nhất là với bộ môn khoa học lịch sử quân sự. Lịch sử quân sự là một bộ môn khoa học quân sự. Trong quá trình phát triển nền khoa học quân sự Việt nam, chúng ta rất coi trọng vấn đề kế thừa và phát huy truyền thống quân sự của dân tộc. Đảng khuyến khích việc nghiên cứu lịch sử chiến tranh của dân tộc, Học tập tiếp thu những di sản quân sự quý báu của dân tộc và của thế giới. Đảng yêu cầu coi trọng công tác nghiên cứu, biên soạn và tổng kết lịch sử chiến tranh trong nước và nước ngoài qua các thời kỳ lịch sử. Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn các cuộc chiến tranh đã qua mà tìm ra quy luật của chiến tranh và xây dựng lý luận khoa học quân sự. Bộ môn lịch sử quân sự ngày càng được xác định vị trí xứng đáng trong nền khoa học quân sự Việt nam và được đưa vào chương trình huấn luyện chính khóa của các trường quân sự. Lịch sử quân sự cung cấp cho khoa học quân sự những nhận thức về nguyên tắc, quy luật quân sự một cách chân thực, cụ thể và sinh động nhất. Những người làm công tác khoa học quân sự không thể chỉ nắm bắt những tri thức quân sự hiện đại, mà phải nắm bắt cả kinh nghiệm chiến tranh thì hiểu biết mới hoàn chỉnh, toàn diện, trình độ nghệ thuật quân sự mới có cơ sở để nâng cao, nhất là khi chỉ đạo chiến tranh mới đạt được trình độ sáng tạo và linh hoạt cao. Nghệ thuật quân sự hiện đại, phương pháp tác chiến hiện đại vẫn luôn có tính kế thừa những kinh nghiệm lịch sử. Chiến tranh vận động có quy luật, cả chiến tranh đã qua và chiến tranh sắp tới đều vận động trong những quy luật phổ biến. Những hiện tượng chiến tranh diễn ra là muôn hình muôn vẻ, tình huống chiến đấu là vô cùng phức tạp. Trong khi nghiên cứu cái mới, cái hiện đại, không thể tách rời việc nghiên cứu cái đã qua, kinh nghiệm mà lịch sử để lại, vì chính nó là nguồn bổ sung phong phú và sinh động cho cái mới. Thực tiễn yêu cầu những người làm công tác khoa học quân sự cần có đầy đủ tri thức lịch sử quân sự, đồng thời trang bị cho mình những kiến thức quân sự hiện đại. Có đủ kiến thức về hai lĩnh vực khoa học quân sự đó mới có cơ sở hình thành phương pháp luận đúng đắn. Xưa nay, các nhà lãnh đạo quân sự lỗi lạc ở nước ta và thế giới đều rất quan tâm nghiên cứu lịch sử quân sự, đều là những người am hiểu lịch sử quân sự, lịch sử chiến tranh. Lịch sử quân sự có vai trò rất quan trọng đối với tất cả các bộ môn lý luận khoa học quân sự. Trong các công trình lý luận quân sự, hiểu biết lịch sử quân sự đều có mặt với tư cách là tài liệu xuất phát, là cơ sở để rút ra kết luận có tính thuyết phục.

— Trong thực tiễn, rất nhiều ngành khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật đã cùng tham gia giải quyết những vấn đề về chiến tranh và quân đội. Đặc biệt các bộ môn khoa học kỹ thuật ngày càng gắn bó với khoa học quân sự trong nhiệm vụ giải quyết các yêu cầu về trang bị vũ khí, phương tiện chiến đấu, phương tiện cơ động, phương tiện chỉ huy, cũng như những yêu cầu về nuôi dưỡng lực lượng vũ trang. Khoa học quân sự muốn phát triển phải lấy khoa học kỹ thuật làm phương tiện, khoa học kỹ thuật phát triển sẽ thúc đẩy mạnh mẽ khoa học quân sự phát triển. Khoa học quân sự đề ra yêu cầu, nhiệm vụ và chỉ đạo đối với kỹ thuật quân sự trong quá trình hoạt động của nó trong thực tiễn chiến tranh. Trong quá trình chiến đấu luôn luôn đề ra những mâu thuẫn đòi hỏi phải

Digitized by Google

được giải quyết kịp thời, không phải chỉ đơn thuần về nghệ thuật quân sự, mà cả về kỹ thuật quân sự. Từ trước đến nay, vấn đề nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa khoa học quân sự và kỹ thuật quân sự chưa được đầy đủ, chặt chẽ. Mối quan hệ giữa hai ngành khoa học này còn lỏng lẻo, cho nên chưa phát huy được tác dụng thúc đẩy nhau phát triển mạnh, đồng bộ. Song sự phát triển của kỹ thuật quân sự phải dựa vào sự phát triển của nền kinh tế đất nước, vì kinh tế là nền tảng vật chất kỹ thuật của chiến tranh, trong đó nền công nghiệp là chỗ dựa cơ bản nhất của kỹ thuật quân sự. Đảng ta vừa thấy rõ nhân tố quyết định của con người, vừa thấy rõ nhân tố quan trọng của vũ khí, kỹ thuật trong chiến tranh. Đi đôi với việc ra sức phát huy nhân tố con người, Đảng ta không bao giờ coi nhẹ việc phát huy hiệu quả tác dụng của vũ khí, kỹ thuật. Chúng ta đã từng bước phát triển khoa học kỹ thuật quân sự, coi đó là một bộ phận không thể thiếu được trong cơ cấu chung của khoa học quân sự, và ngày nay, hơn lúc nào hết khoa học kỹ thuật quân sự được xếp ở vị trí cao trong cơ cấu chung của nền khoa học quân sự Việt nam. Trên cơ sở sự phát triển của nền kinh tế quốc dân và trình độ khoa học kỹ thuật nói chung, kỹ thuật quân sự của ta phải phấn đấu để dần dần tiến lên làm chủ được tất cả các loại vũ khí, phương tiện hiện đại và có thể bảo đảm tự sản xuất, chế tạo được các loại vũ khí, phương tiện cần thiết cho cuộc chiến tranh hiện đại. Vì vậy, cả những người làm công tác khoa học quân sự và những người làm công tác kỹ thuật quân sự đều phải có tri thức khoa học quân sự và kỹ thuật quân sự.

— Muốn khoa học quân sự phát triển, cần đẩy mạnh công tác thực nghiệm bằng các cuộc diễn tập, tập trận. Các cuộc diễn tập, tập trận sẽ là cơ sở thực tiễn để chứng minh những nguyên tắc, quy luật được vận dụng đúng sai ở mức độ nào, khả năng và hiệu quả thắng lợi như thế nào. Mặc dù điều kiện của ta hiện nay còn nhiều khó khăn, song chúng ta vẫn cần đẩy mạnh và mở rộng hơn nữa các cuộc diễn tập, tập trận — sự thực nghiệm trên thao trường. Thực tế chiến tranh cho thấy tình huống luôn luôn thay đổi, việc đánh giá tình hình mọi mặt lắt sức phức tạp, đòi hỏi phải làm hết sức công phu mới có thể có kết luận xác đáng. Công tác thực nghiệm đòi hỏi người tổ chức chỉ huy phải có tính thực tế cao, có nhiều kinh nghiệm trong chiến tranh, thì mới đề ra được nhiều tình huống phức tạp và cách giải quyết các tình huống đó một cách linh hoạt, sáng tạo. Công tác thực nghiệm đó chính là căn cứ khoa học để chứng minh cho những nguyên tắc quân sự hiện đại và cũng là một trong những yêu cầu quan trọng để tiến hành cuộc chiến tranh hiện nay và trong tương lai với những hình thức tác chiến luôn luôn phát triển. Nghiên cứu lịch sử chiến tranh kết hợp với thực nghiệm quân sự bằng tập trận là cách làm tốt để hiểu rõ những nguyên tắc và quy luật của chiến tranh.

— Nắm vững triết học Mác—Lê-nin, vận dụng đúng đắn phương pháp duy vật biện chứng, coi đó là phương pháp tổng quát duy nhất đúng trong công tác khoa học quân sự. Sự vận động của chiến tranh là rất đa dạng, có những biến động rất lớn, cho nên chỉ có phương pháp luận của chủ nghĩa Mác—Lê-nin mới có thể dẫn dắt khoa học quân sự phát triển đúng hướng và luôn luôn đạt tới sự sáng tạo. Thực tế chiến tranh đã chỉ rõ không trận đánh nào giống trận đánh nào; mỗi trận đánh đều có cách giải quyết khác nhau, vì điều kiện của các trận đánh không giống nhau. Phương pháp luận của chủ nghĩa Mác — Lê-nin sẽ giúp chúng ta nhận thức các nguyên tắc,

Digitized by Google

quy luật chiến tranh một cách biện chứng, linh hoạt, uyển chuyển, tránh mọi khuôn sáo, và áp dụng chúng một cách không cứng nhắc, máy móc. Sự vận động của các nguyên tắc, quy luật chiến tranh thường có những nét đặc thù, không hoàn toàn giống như sự vận động của một số quy luật khác. Điều này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tổng kết:

« Lạc nước hai xe đành bỏ phí
Gặp thời một tốt, cũng thành công »

Trong những năm qua, thành công lớn của khoa học quân sự nước ta là đã góp phần giải quyết tốt nhiều vấn đề về chỉ đạo chiến lược, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật, về khoa học kỹ thuật quân sự, cả trong tác chiến và xây dựng, trong mối quan hệ với các mặt đấu tranh khác, đưa chiến tranh đến toàn thắng. Khoa học quân sự có những bước phát triển mạnh mẽ như vừa qua, một phần rất quan trọng là dựa trên cái nền thực tiễn cách mạng rất phong phú và quý báu của nước ta. Khoa học quân sự phải dựa trên những quan điểm duy vật biện chứng về tính khách quan của những quy luật đấu tranh vũ trang. Nó không cưỡng điệu những quy luật đó, mà luôn luôn tìm ra những biểu hiện cụ thể của các quy luật đó và vận dụng chúng một cách sáng tạo để giành thắng lợi trong thực tiễn đấu tranh trên cơ sở phát huy tính chủ động sáng tạo của cán bộ, chiến sĩ. V. I. Lê-nin đã nói: « Muốn thật sự hiểu được sự vật, cần phải nhìn bao quát và nghiên cứu tất cả các mặt, tất cả các mối liên hệ và « quan hệ gián tiếp » của sự vật đó. Chúng ta không thể làm được điều đó một cách hoàn toàn đầy đủ, nhưng sự cần thiết phải xét tất cả mọi mặt sẽ đề phòng cho chúng ta khỏi phạm phải sai lầm và sự cứng nhắc » (1)

★

Một xã hội muốn phát triển toàn diện cần phải có sự đổi mới tư duy trên tất cả các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực khoa học quân sự. Từ sự đổi mới tư duy trong công tác khoa học quân sự đi đến việc tìm ra những phương pháp để giải quyết thấu đáo những nhiệm vụ đặt ra cho công tác đó. Công tác khoa học quân sự được đổi mới chính là làm cho nền khoa học quân sự Việt nam ngày nay xứng đáng là một nền quân sự có tính cách mạng triệt để, tính khoa học thật sự, có bản sắc dân tộc độc đáo và tính thời đại sâu sắc. Tại Hội nghị cán bộ nghiên cứu dự thảo Báo cáo chính trị sẽ trình bày tại Đại hội thứ VI của Đảng, đồng chí Trường Chinh đã nói: « Năng lực và phẩm chất cán bộ phải thể hiện ở sự đổi mới tư duy, đổi mới cách nghĩ, cách làm, nhất là nghĩ và làm kinh tế... » (2). Đó là thước đo khách quan, là tiêu chuẩn đánh giá rất nghiêm túc không phải chỉ đối với người cán bộ làm công tác lãnh đạo, công tác chuyên môn, công tác kinh tế, mà còn đối với mỗi cán bộ ở tất cả các ngành khoa học.

Trách nhiệm của chúng ta là phải luôn luôn thúc đẩy khoa học quân sự phát triển bằng việc đổi mới về chất. Có phát triển khoa học quân sự mới nắm bắt được bản chất, quy luật và điều kiện vận động của chiến tranh; từ đó chỉ đạo cuộc đấu tranh đi đúng hướng và giành thắng lợi triệt để. Đó chính là nhiệm vụ của công tác khoa học quân sự hướng tới việc thực hiện các mục tiêu mà Đại hội thứ VI của Đảng đề ra.

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, tập 42, tr. 364.

(2) Xem *Tạp chí Cộng sản*, số 8, 1986, tr. 12.

Digitized by Google

NGUYỄN THẾ UẨN

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ KẾ HOẠCH HÓA KINH TẾ QUỐC DÂN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I -- Phát triển kinh tế có kế hoạch và cân đối là quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội.

Một nền sản xuất hàng hóa dựa trên cơ sở chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất không thể phát triển một cách có kế hoạch, vì chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất là nguồn gốc đẻ ra cạnh tranh. Chúng ta không thể chấp nhận quan điểm cho rằng chủ nghĩa tư bản độc quyền với những thủ đoạn kinh tế của mình có khả năng kế hoạch hóa nền kinh tế. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới xóa bỏ được chế độ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, loại trừ nguồn gốc của cạnh tranh và có khả năng đưa nền kinh tế phát triển có kế hoạch.

Thực tiễn gần 70 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và trên dưới bốn mươi năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa khác đã chứng minh một cách hùng hồn rằng, chỉ trên cơ sở xác lập chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất thì mới có khả năng kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân, và thông qua kế hoạch hóa mới phát huy được tính tập trung — ưu thế tuyệt đối của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Thắng lợi lớn nhất của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác là đã vận dụng thành công quy luật phát triển có kế hoạch và cân đối của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện cụ thể của mỗi nước. Đây là thắng lợi có tính quyết định. Tuy nhiên trong lĩnh vực kế hoạch hóa kinh tế quốc dân của mỗi nước, còn có khuyết điểm. Song nếu vin vào khuyết điểm đó mà bác bỏ quy luật phát triển có kế hoạch và cân đối của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa sẽ rơi vào vũng bùn của chủ nghĩa xét lại.

Nhân đây cũng cần làm sáng tỏ khái niệm cạnh tranh và kế hoạch hóa. Cạnh tranh theo đúng nghĩa kinh tế của nó là cuộc đấu tranh tất yếu của những người sản xuất hàng hóa dựa trên chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất để tiêu thụ sản phẩm của mình trên thị trường, để lao động cá biệt kết tinh trong hàng hóa của mình được công nhận là lao động xã hội hóa và là một bộ phận của toàn bộ lao động xã hội cần thiết. Cạnh tranh là hoạt động có tính chất xã hội của các nhà sản xuất hàng hóa tư nhân. Quy luật giá trị — quy luật nội tại của sản xuất hàng hóa điều tiết sự cạnh tranh đó một cách tự phát. Thông qua cạnh tranh, một số nhà sản xuất hàng hóa này bị sạt nghiệp, trong lúc một số nhà sản xuất hàng hóa khác vươn lên. Phá sản và phất lên là hai mặt đối lập của cạnh tranh, là hậu quả tất yếu của sự phát triển nền sản xuất hàng hóa dựa trên chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất.

Digitized by Google

Trong điều kiện sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa, một khi chế độ sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất đã bị loại trừ, thì khái niệm cạnh tranh không còn, sản xuất phát triển bằng kế hoạch hóa và thi đua xã hội chủ nghĩa. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, tư liệu sản xuất thuộc sở hữu toàn dân và tập thể. Mặc dù trong bước quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất còn tồn tại ở một mức độ nhất định, song sở hữu xã hội chủ nghĩa về các tư liệu sản xuất chủ yếu vẫn chiếm ưu thế tuyệt đối. Hầm mỏ, nhà máy, vận tải giao thông, ruộng đồng, rừng núi, sông biển cho đến ngân hàng, tài chính v.v. đều thuộc sở hữu toàn dân. Không nhận thức đúng sức mạnh tuyệt đối này thì không thể có quan điểm đúng về kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân là sự vận dụng có mục tiêu các quy luật cân đối chung và riêng: cân đối giữa sản xuất và nhu cầu, cân đối giữa các khâu của quá trình tái sản xuất xã hội, trong đó cân đối về giá trị sử dụng và giá trị, giữa khu vực I và khu vực II, cân đối giữa tích lũy và tiêu dùng, cân đối giữa xuất khẩu và nhập khẩu v.v. Điều cần chú ý là cân đối khung (tức là cân đối kinh tế quốc dân) và cân đối bộ phận (tức là cân đối từng ngành, từng cơ sở sản xuất, từng đơn vị kinh tế riêng biệt) phải kết hợp chặt chẽ với nhau trong một thể thống nhất biện chứng. Cân đối khung phải xuất phát từ khả năng và nhu cầu thực tế của đất nước. Cân đối bộ phận phải được sắp xếp hài hòa trong cân đối khung và có tác động tích cực thúc đẩy cân đối khung.

Kế hoạch hóa thuộc bản chất của nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa và là quy luật phát triển của nền kinh tế đó.

Ưu thế tuyệt đối của nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa là *sức mạnh tập trung* (sức mạnh của chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất). Sức mạnh tập trung đó là cơ sở (sản xuất và kinh doanh) của kế hoạch hóa. Và kế hoạch hóa, ngược lại, là biểu hiện hoàn chỉnh nhất của sức mạnh tập trung. Vì vậy, khi nói đến kế hoạch hóa là phải nói đến tổng thể nền kinh tế quốc dân. Đối với một nước xã hội chủ nghĩa, chỉ có một kế hoạch. Các địa phương, các cơ sở sản xuất và kinh doanh có trách nhiệm góp phần xây dựng kế hoạch chung và thực hiện kế hoạch chung đó trong phạm vi địa phương và cơ sở. Kế hoạch chung phải thể hiện được phương hướng phát triển kinh tế của đất nước trong từng giai đoạn nhất định. Kế hoạch năm phải thể hiện phương hướng phát triển của kế hoạch 5 năm. Kế hoạch kinh tế 5 năm phải thể hiện được phương hướng phát triển của chương trình phát triển kinh tế dài hạn 15–20 năm của đất nước.

Không xác định được mục tiêu của chương trình phát triển kinh tế dài hạn 15–20 năm thì không thể kế hoạch hóa 5 năm một cách có mục tiêu. Kế hoạch hóa 5 năm không có mục tiêu xác định không thể có kế hoạch năm chính xác.

Trong kế hoạch hóa, chúng ta không thể chỉ chạy theo những vấn đề trước mắt, nhất thời mà phải nhằm vào mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế dài hạn của đất nước.

Điều đáng tiếc là đã qua 2 kế hoạch 5 năm mà chúng ta vẫn chưa có chiến lược kinh tế (chương trình phát triển kinh tế dài hạn). Đó là một thiếu sót lớn, là nguyên nhân quan trọng gây lộn xộn trong kế hoạch hóa kinh tế quốc dân.

2 Kế hoạch hóa trong điều kiện của một nền kinh tế chủ yếu là sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa

Đặc điểm nổi bật nhất của sản xuất nhỏ là phân tán và lạc hậu (phân

Digitized by Google

tán và lạc hậu không những về vật chất và kỹ thuật mà còn cả trong tác phong và tư duy kinh tế). Đặc điểm này trở ngại lớn cho công tác kế hoạch hóa kinh tế quốc dân, song chúng ta không thể một sớm một chiều có thể khắc phục được tình trạng nói trên.

Vậy kế hoạch hóa kinh tế quốc dân như thế nào?

Theo tôi, *điều trước hết và là điều quyết định nhất là phải có một chương trình phát triển kinh tế dài hạn*, ít nhất cũng phải 15—20 năm tới, trong đó phải xác định được những mục tiêu chiến lược, những vấn đề then chốt nhất phải đạt cho được. Chương trình phát triển kinh tế dài hạn này phải được xây dựng *phù hợp với khả năng đi lên của đất nước, có tính đến việc tham gia chuyên môn hóa, hợp tác hóa quốc tế, trước hết là với các nước xã hội chủ nghĩa anh em*.

Đối với một nền kinh tế chủ yếu còn là sản xuất nhỏ, muốn đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, không có con đường nào khác con đường *tích lũy nguyên thủy*. Song tự bản thân nền kinh tế, mà chủ yếu còn là sản xuất nhỏ, năng suất lao động thấp, sản phẩm thặng dư chưa được bao nhiêu, chưa thể thực hiện nổi nhiệm vụ tích lũy nguyên thủy, do đó phải dựa một phần quan trọng vào vốn vay nước ngoài.

Trong điều kiện hiện nay, với sự có mặt của các nước xã hội chủ nghĩa, chúng ta hoàn toàn có thể vay vốn nước ngoài để tích lũy nguyên thủy (không những vay vốn của các nước xã hội chủ nghĩa mà cả của các nước tư bản chủ nghĩa). *Tích lũy nguyên thủy bằng vốn nước ngoài là hiện tượng mang tính quy luật* đối với các nước sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Sự thật nhiều nước đã và đang làm như vậy.

Tất nhiên, cần thấy rõ vốn bên ngoài cũng như khả năng tiếp nhận vốn đó của nền kinh tế quốc dân là có hạn. Khi xây dựng chương trình tổng thể phát triển kinh tế dài hạn có mục tiêu, cần tính toán đầy đủ các khả năng trong nước và ngoài nước, trước mắt cũng như lâu dài có thể huy động được. Dựa vào phương hướng và mục tiêu dài hạn đó để xác định chính sách đầu tư, cải tạo và xây dựng cơ bản. Đầu tư cải tạo và xây dựng cơ bản là biện pháp hàng đầu của tích lũy nguyên thủy.

Trong thời gian qua, chúng ta chưa có chính sách đầu tư đúng đắn. Điều quan trọng nhất vì chúng ta chưa xác định được mục tiêu và phương hướng lâu dài. Do không có mục tiêu và phương hướng lâu dài, cho nên đầu tư chắp vá, tùy tiện, gây lãng phí nghiêm trọng trong xây dựng cơ bản. Trước mắt đã khó, lâu dài còn khó hơn, vì sai lầm trong xây dựng cơ bản là sai lầm chiến lược, ảnh hưởng của nó có thể kéo dài hàng vài chục năm.

Theo tôi, hướng phát triển dài hạn của sản xuất lớn là phải nhằm vào **công nghiệp lớn**. Muốn phát triển công nghiệp lớn, trước hết phải có kết cấu hạ tầng phát triển. Hiện đại hóa đường sá, cầu cảng và kho tàng là yêu cầu khẩn cấp nhất không chỉ để phục vụ trước mắt mà cả về lâu dài.

Sự thật ai cũng thấy muốn chuyển hóa sản xuất nhỏ sang sản xuất lớn — sản xuất chuyên môn hóa và hợp tác hóa cao —, phải có một hệ thống đường sá cầu cảng phát triển tốt. Nếu không có kết cấu hạ tầng thuận lợi, giao thông vận tải thông suốt thì không thể phát triển được sản xuất theo hướng chuyên môn hóa, hợp tác hóa, để có thể sử dụng tốt các khả năng hiện có, chưa nói đến việc sử dụng có hiệu quả các công trình mới xây dựng.

Digitized by Google

Song song với việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hiện đại, cần đầu tư thích đáng cho việc *xây dựng những ngành kinh tế then chốt như:* công nghiệp điện, cơ khí, khai khoáng và chế biến. Tất nhiên, việc xây dựng các ngành kinh tế then chốt này phải có một thời gian dài. Trong từng thời gian ngắn, việc dựng xây đó phải có trọng tâm, trọng điểm và được phản ánh trong kế hoạch 5 năm và kế hoạch năm.

Một trong những vấn đề mấu chốt là phải xác định đúng đắn mối *quan hệ phát triển giữa công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ và nông nghiệp.*

Trong một nền kinh tế chủ yếu còn là sản xuất nhỏ, nông nghiệp (kể cả thủ công nghiệp) đóng vai trò quan trọng. Đầu tư để cải tạo và phát triển nông nghiệp theo chiều sâu có ý nghĩa thực tiễn rất lớn. Nếu không làm như vậy thì không thể có kế thừa trong phát triển. Song nông nghiệp và thủ công nghiệp chỉ có thể phát triển nhanh và có hiệu quả trên cơ sở có sự bảo trợ đắc lực của công nghiệp nặng. Ví dụ có phát triển công nghiệp điện mới có thể điện khí hóa nông nghiệp, có phát triển công nghiệp hóa chất mới có thể bảo đảm nguồn cung cấp phân bón và thuốc trừ sâu, có phát triển được công nghiệp chế biến, mới chế biến được nông sản v.v.

Hiện nay nông nghiệp chúng ta đang lệ thuộc bên ngoài khá nặng. Để tăng thêm tổng giá trị sản lượng nông nghiệp, chúng ta phải bỏ ra không ít rúp và đô la trực tiếp cho sản xuất. Đi con đường đó, bản thân nông nghiệp cũng không chịu nổi vì không đủ trả nợ, nói gì đến phát triển.

Vấn đề nổi lên rõ ràng là phải đầu tư thích đáng cho phát triển công nghiệp (nhằm những ngành then chốt nhất) mới có thể đưa nền kinh tế từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, trước mắt là cải tạo và phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyên môn hóa và hợp tác hóa trong phạm vi toàn quốc. Đi đôi với việc phát triển nông nghiệp, cần đầu tư nhanh, đặc biệt là đầu tư ngắn hạn và trung hạn cho phát triển công nghiệp nhẹ, chú trọng phát triển các ngành công nghiệp nhẹ sản xuất hàng xuất khẩu.

Đầu tư đúng cho sản xuất hàng tiêu dùng công nghiệp là *biện pháp thúc đẩy sản xuất nông nghiệp giảm bớt mức lệ thuộc đối với thị trường ngoài nước, tạo khả năng cân đối hàng — tiền, phân phối — lưu thông.*

Có đầu tư thích đáng cho phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ mới có thể phát huy tốt cái đang có của đất nước để đi lên. Song, không ưu tiên một bước phát triển công nghiệp nặng (những ngành then chốt), không thể phát triển được nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Xác định đúng đắn mối quan hệ giữa công nghiệp nặng — công nghiệp nhẹ và nông nghiệp trong chương trình phát triển kinh tế xã hội dài hạn có ý nghĩa rất lớn, đặc biệt là đối với việc phân bổ bước đi.

Bước đi được phân bổ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho kế hoạch hóa.

Song, trong điều kiện cơ sở vật chất và kỹ thuật chưa vững chắc, thì việc kết hợp kế hoạch và thị trường là yêu cầu khách quan không thể thiếu được.

Kế hoạch hóa kinh tế quốc dân phải kết hợp hai mặt giá trị sử dụng và giá trị. Về mặt giá trị sử dụng, có những sản phẩm của các hình thức sở hữu khác nhau: sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất.

Huy động vật tư và kỹ thuật của cả ba hình thức sở hữu đó vào việc xây dựng kế hoạch kinh tế quốc dân là điều cần thiết. Song, Nhà nước có thể huy động được hay không những khả năng nói trên lại là do sự cân đối giá trị của kế hoạch. Cân đối giá trị của kế hoạch là hết sức phức tạp, vì phải

Digitized by Google

thông qua những đòn bẩy kinh tế như giá cả, tín dụng, lãi suất, tiền lương v.v. Chừng nào thị trường tự do còn mạnh, thì việc vận dụng các đòn bẩy kinh tế nói trên trong cân đối kinh tế quốc dân còn rất khó khăn.

Muốn thực hiện cân đối kế hoạch về giá trị, Nhà nước phải nắm thế chủ động hàng — tiền.

Những biện pháp cơ bản nhất để nắm thế chủ động hàng — tiền là:

— Nhà nước xác lập độc quyền đối với những hàng hóa rất quan trọng của nền kinh tế quốc dân, đặc biệt là hàng hóa nhập khẩu.

— Nhà nước thực hiện triệt để nguyên tắc độc quyền ngoại thương (và ngoại hối) và trung ương thống nhất quản lý trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại.

— Nhà nước có dự trữ quốc gia, cũng như quỹ hàng hóa lưu chuyển thích ứng (trước hết là hàng tiêu dùng) và cơ chế giá, lương, tiền thống nhất trong cả nước.

Phải đấu tranh nhằm bảo vệ và phát triển thị trường có tổ chức, làm cơ sở vững chắc cho kế hoạch hóa phân phối lưu thông, một bộ phận không thể thiếu được của kế hoạch hóa kinh tế quốc dân.

Địa phương và cơ sở sản xuất phải thực hiện quyền tự chủ kinh doanh theo cơ chế giá — lương — tiền thống nhất.

— Nhà nước cải tổ tốt Lộ máy quản lý kinh tế — xã hội từ trung ương đến địa phương thông suốt và có hiệu lực, trước hết là củng cố Hội đồng bộ trưởng và các cơ quan trung ương nhằm bảo đảm tính tập trung thống nhất cao ngay từ trên xuống.

Kiên quyết đấu tranh chống tùy tiện, cục bộ, địa phương — một sản phẩm của sản xuất nhỏ trong quản lý kinh tế — xã hội. Tất cả đều phải tuân theo phương hướng, mục tiêu và cơ chế thống nhất chung của cả nước. Trong xây dựng và thực hiện kế hoạch, phải nghiên cứu kỹ và xác định đúng vấn đề cân đối hàng — tiền chung của quá trình tái sản xuất xã hội.

Cân đối hàng — tiền trong kế hoạch là cân đối khung. Cân đối hàng — tiền trong thực hiện kế hoạch là cân đối cụ thể. Cân đối khung phải bảo đảm mục tiêu và phương hướng. Cân đối cụ thể phải phục vụ cho cân đối khung.

Cân đối hàng — tiền trong điều kiện sản xuất nhỏ và thị trường tự do còn lớn là rất khó khăn và phức tạp; khi xây dựng kế hoạch phải xem xét vai trò thị trường và tác động của nó đối với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân. Trong quá trình thực hiện kế hoạch, cần chú ý các biện pháp thị trường, sử dụng thống nhất các đòn bẩy kinh tế (giá cả, tiền lương, tín dụng — lãi suất và tỷ giá v.v.)...

3. Nhà nước độc quyền ngoại thương (và ngoại tệ) là công cụ quan trọng nhất của kế hoạch hóa kinh tế

Trong điều kiện một nền kinh tế mà chủ yếu là sản xuất nhỏ đang tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, nhiệm vụ tích lũy nguyên thủy rất nặng nề, một phần rất lớn phải dựa vào vốn vay của nước ngoài. Nếu nhà nước không nắm chặt ngoại thương, thì không thể xác định được phương hướng và mục tiêu phát triển dài hạn của nền kinh tế quốc dân, cũng như không điều hành được cân đối hàng — tiền trong quá trình tái sản xuất xã hội. Và như vậy làm sao có thể kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân.

Nhà nước có nắm độc quyền ngoại thương mới bảo đảm phát huy sức mạnh tập trung của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trong khâu đối ngoại. Độc quyền ngoại thương có hai chức năng cơ bản: bảo vệ và phát triển kinh tế.

Digitized by Google

Hai chức năng bảo vệ và phát triển kinh tế kết hợp chặt chẽ với nhau và phát huy tác dụng trong một thể thống nhất biện chứng. Đối với một nước kinh tế kém phát triển, chức năng bảo vệ rất quyết định. Không bảo vệ, không tồn tại, nói gì đến phát triển, đến kế hoạch hóa.

Hiện nay chúng ta rất coi nhẹ chức năng bảo vệ. Thả cho nhiều ngành, nhiều địa phương được quyền trực tiếp xuất — nhập khẩu trong lúc bộ máy của họ rất yếu kém, không những về nghiệp vụ mà cả về phẩm chất, và Nhà nước không đủ sức kiểm tra kiểm soát, đã và đang tạo nên sự rối loạn trên mặt trận ngoại thương.

Tình trạng tranh mua tranh bán trong nước cũng như ngoài nước là kết quả không thể tránh khỏi của việc làm trên.

Trong điều kiện phải nhập khẩu trước, xuất khẩu sau (nhập khẩu về không những phải thúc dẩy sản xuất, giải quyết đời sống trong nước mà còn phải tạo ra hàng hóa xuất khẩu để trả nợ và nhập khẩu tiếp), sự điều tiết tập trung của Nhà nước là cần thiết, vì chỉ có Nhà nước đứng trên lợi ích chung của nền kinh tế quốc dân, mới có quan điểm toàn cục để làm được việc đó.

Độc quyền ngoại thương là công cụ của chuyên chính vô sản trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại. Nó không có ý nghĩa tầm thường như một số người lầm tưởng là độc quyền của bộ này đối với bộ khác, độc quyền của ngành này đối với ngành khác v.v.

Cần nhận thức sâu sắc rằng, ngoại thương thật sự là mặt trận đấu tranh kinh tế gay go và phức tạp giữa trong nước và ngoài nước. Các thế lực đế quốc và phản động bên ngoài thường xuyên tiến công chúng ta. Nếu chúng ta không phát huy được sức mạnh tập trung của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực ngoại thương, thì chúng ta sẽ để mất độc tập về kinh tế. Phân tán các hoạt động ngoại thương đến một mức độ nào đó mà Nhà nước trung ương không quản lý được kinh tế đối ngoại cũng như đối nội, là trái với nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương. Rối loạn ngoại thương sẽ là con đường tốt nhất cho bọn tư bản và phản động quốc tế thâm nhập và phá hoại kinh tế nước ta.

Đối với nước ta, ngoại thương là một trong những cơ sở quan trọng quyết định kế hoạch hóa. Vì vậy, Nhà nước cần thông qua độc quyền ngoại thương để nắm ngoại thương, nắm lấy cái cơ sở quan trọng này của kế hoạch hóa.

BỒI DƯỠNG TRÍ THIÊN...

(Tiếp theo trang 24)

với quần chúng, đặc biệt là đổi mới công tác cán bộ, trước hết là đổi mới cách nhìn, quan điểm đánh giá, lựa chọn, đào tạo và bố trí cán bộ. Đồng thời, phải đổi mới công tác vận động quần chúng, thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, làm cho «dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra» việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Gắn liền với sự đổi mới đó là những biện pháp cụ thể thực hiện đúng chức năng và vị trí của chính quyền của dân, do dân, vì dân

Digitized by Google

ĐẶNG VĂN NÔNG

TỔ CHỨC XUẤT KHẨU NÔNG SẢN VỤ ĐÔNG Ở THÁI BÌNH

TRONG nông nghiệp tỉnh Thái bình, ngoài sản xuất lúa là chủ yếu, một vấn đề nổi bật trong những năm gần đây là đã mở ra sản xuất vụ đông để phục vụ xuất khẩu.

Phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, trong năm qua, tỉnh chúng tôi đã xuất khẩu sang Liên xô hàng nghìn tấn nông sản, bao gồm khoai tây, tỏi, ớt khô, cà rốt... Kết quả đó chỉ là bước đầu. Với đặc điểm đất đai canh tác của Thái bình, tỉnh chúng tôi còn nhiều tiềm năng để đẩy mạnh sản xuất nông sản nhằm đáp ứng yêu cầu xuất khẩu theo hiệp định đã ký giữa nước ta với Liên xô về cung cấp rau quả cho vùng Viễn đông của Liên xô.

Thái bình có diện tích canh tác không nhiều, dân số đông, lực lượng lao động dồi dào. Đất thích hợp cho việc trồng cây vụ đông là 48 nghìn ha, chiếm khoảng 30% tổng số diện tích canh tác. Vụ đông không ảnh hưởng gì đến hai vụ lúa; nếu sản phẩm vụ đông trở thành hàng hóa xuất khẩu có giá trị kinh tế cao thì vụ đông đương nhiên chuyển thành vụ sản xuất chính. Và như vậy, Thái bình thực hiện được yêu cầu thâm canh và tăng vụ. Sông và biển bao quanh tỉnh rất thuận lợi cho việc giao lưu về đường thủy với các địa phương khác và các miền của đất nước. Nếu biết nắm vững phương châm « từ đất và sức lao động đi ra, từ lúa, lợn, cây công nghiệp đi lên », nếu biết tổ chức sản xuất được nhiều nông sản, tạo thành hàng hóa xuất khẩu đáng kể thì sẽ tác động lớn đến việc xây dựng cơ cấu công—nông nghiệp của tỉnh.

Từ trước đến nay, công tác xuất khẩu của Thái bình đã đóng góp đáng kể vào sự phát triển nền kinh tế của cả nước; qua nhiều năm Thái bình được Nhà nước ghi nhận là là có đầu về mặt này và năm 1985 được tặng thưởng huân chương Lao động hạng nhất. Tuy nhiên, trong sản phẩm xuất khẩu, chủ yếu là các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, tỷ trọng hàng nông sản còn rất ít, chưa tương xứng với đặc điểm và thế mạnh của một tỉnh nông nghiệp ở vùng châu thổ sông Hồng do chưa khai thác đầy đủ nguồn hàng nông sản để xuất khẩu.

Lương thực, sản phẩm chủ yếu của tỉnh chúng tôi, chỉ đủ trang trải cho nhu cầu của địa phương và làm nghĩa vụ đối với trung ương. Sản phẩm chăn nuôi là con lợn thì chủ yếu lại dùng để phục vụ đời sống nhân dân trong nước, còn xuất khẩu lợn thì hiện nay chưa được ổn định. Với 160 nghìn héc-ta đất canh tác, bình quân đầu người 700m², muốn xây dựng và phát triển kinh tế địa phương, Thái bình chỉ có con đường là ra sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đồng thời phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, trước hết là ra sức thâm canh tăng năng suất, tăng vụ, lấy xuất khẩu

Digitized by Google

nông sản làm mũi nhọn để thúc đẩy toàn bộ quá trình tái sản xuất của nông nghiệp và công nghiệp. Cho nên chủ trương phát triển sản xuất cây vụ đông, tạo ra hàng xuất khẩu đúng vào dịp hai Chính phủ Việt nam—Liên xô ký hiệp định hợp tác dài hạn về rau quả là điều đáng phấn khởi đối với nhân dân Thái bình.

Xuất khẩu nông sản giữ vị trí rất quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh. Ngày nay, chúng tôi đã có thị trường tiêu thụ rộng lớn, ổn định lâu dài với số lượng rất lớn về hàng hóa. Nếu chúng tôi phấn đấu làm tốt việc xuất khẩu sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương, nhất là nâng cao năng suất lao động nông nghiệp và phát triển nhanh nông nghiệp Thái bình.

Qua đẩy mạnh xuất khẩu nông sản, chúng tôi nhập được nhiều loại vật tư và nguyên liệu để đáp ứng nhu cầu của sản xuất ở địa phương, trước hết là phục vụ phát triển nông nghiệp. Chỉ thông qua xuất khẩu nông sản, trong năm qua, Thái bình nhập được 800 tấn phân u rê, 35 tấn thuốc trừ sâu, 160 tấn xăng dầu, 120 tấn hạt giống... Nhờ có những vật tư này, chúng tôi thực hiện được trôi chảy các hợp đồng kinh tế với nông dân, vừa mua được nhiều nông sản, vừa có hàng đổi lưu rất cần thiết đối với nông dân trong sản xuất nông nghiệp. Nhờ có hàng đổi lưu đó mà thực hiện được thâm canh, tăng năng suất lao động, tăng vụ trong nông nghiệp, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm. Điều này còn tác động sâu rộng đến cả sản xuất tiểu, thủ công nghiệp của địa phương, góp phần rất quan trọng vào sự hình thành từng bước cơ cấu kinh tế công—nông nghiệp của tỉnh. Mặt khác, nhờ sản xuất cây vụ đông phát triển cho nên có thêm công ăn việc làm cho một bộ phận lao động trong tỉnh. Qua xuất khẩu nông sản, chúng tôi thực hiện được một phần tích lũy cho nông nghiệp (thể hiện ở đầu tư trực tiếp cho nông nghiệp), đồng thời góp phần cải thiện đời sống nông dân trong tỉnh. Rõ ràng sản xuất cây vụ đông để phục vụ xuất khẩu đã đem lại lợi ích kinh tế cho cả Nhà nước, tập thể và người lao động. Thực hiện tốt xuất khẩu sản phẩm của cây vụ đông là đúng hướng, đúng quỹ đạo của việc xây dựng và phát triển kinh tế địa phương, đồng thời đáp ứng được yêu cầu khách quan của sản xuất và đời sống hiện nay của nhân dân tỉnh chúng tôi.

Muốn đẩy mạnh xuất khẩu, thì phải tổ chức và phát triển mạnh sản xuất hàng xuất khẩu. Điều kiện đất đai, thời tiết và khí hậu của Thái bình phù hợp với sự sinh trưởng của cây vụ đông, nhất là khoai tây. Cây khoai tây rất thích hợp trồng ở chân đất pha cát, đất thịt nhẹ, nó giữ vị trí quan trọng trong vụ đông và có những yêu cầu sinh thái phù hợp với thời tiết mùa đông, là cây lương thực, thực phẩm và xuất khẩu có giá trị kinh tế cao.

Những năm qua, nhân dân Thái bình đã sản xuất tập trung cây khoai tây. Từ năm 1975 đến nay, nhân dân vẫn trồng cây này, phát triển mạnh nhất là năm 1979, nhưng sản phẩm này chưa trở thành hàng hóa xuất khẩu vì chưa có thị trường tiêu thụ, do đó đến đầu năm 1984 diện tích trồng cây khoai tây giảm xuống. Đến vụ đông các năm 1984—1985 và 1985—1986, với sự giúp đỡ của Bộ công nghiệp thực phẩm, Thái bình bắt đầu xuất khẩu sản phẩm của cây vụ đông như: khoai tây, cải bắp, cà rốt..., song số lượng còn quá ít chưa tương xứng với tiềm lực, khả năng thực tế của địa phương và chưa đáp ứng kịp nhu cầu to lớn của thị trường bên ngoài.

Căn cứ vào điều kiện, đặc điểm của đất đai ở địa phương, qua thực tế về năng suất và chất lượng sản phẩm, trung ương đã chọn Thái bình là tỉnh

Digitized by Google

trọng điểm sản xuất và xuất khẩu khoai tây của cả nước. Là một tỉnh trọng điểm, Thái bình phải bảo đảm cho được 70% số lượng khoai tây xuất khẩu mà Nhà nước ta đã ký với Liên xô và tính pháp lệnh của kế hoạch phải được thực hiện một cách nghiêm túc.

Ở Thái bình, diện tích trồng khoai tây năm cao nhất là 15 000 héc ta, năm trung bình là 7000 héc ta ; năng suất cao nhất ở từng thửa lên tới 18 tấn/ha, năng suất thấp nhất là 8 tấn/ha. Nếu chỉ tính số diện tích trồng ở năm thấp nhất là 5 000 héc ta với năng suất bình quân là 10 tấn/ha thì sản lượng khoai tây của tỉnh cũng đạt được 50 000 tấn. Xuất khẩu với tỷ lệ 1/10 của sản lượng đó thì được 5 000 tấn. Nếu cũng với diện tích trên, nhưng được ứng dụng mạnh khoa học — kỹ thuật vào trồng trọt thì có thể tạo ra năng suất 15 tấn/ha, đưa sản lượng lên 75 000 tấn, và như vậy, chúng tôi có thể xuất khẩu được 15 000 tấn/năm. Đó là khả năng rất thực tế mà chúng tôi có thể biến thành hiện thực trong tầm tay, nếu biết tổ chức sản xuất tốt và có chính sách đúng đắn của Nhà nước.

*

Điều quyết định để có hàng hóa xuất khẩu, không phải ở khâu thu gom mà là ở khâu sản xuất và phải giải quyết ngay một loạt vấn đề then chốt khác có liên quan trực tiếp đến toàn bộ quá trình sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Trước hết, cần tổ chức tốt sản xuất.

Từ bố trí diện tích trồng khoai tây có quan hệ đến diện tích lúa sớm, xem giống lúa nào thích hợp với thời gian gieo cấy để từ 1 tháng 10 đến 10 tháng 10 hằng năm là gặt xong. Việc trồng khoai từ 10 tháng 10 đến 25 tháng 10 là hoàn tất ; do đó cần bố trí sức kéo một cách rất khẩn trương cho phù hợp với thời gian đó.

Việc bố trí vùng trồng khoai phải thế nào cho thích hợp để bảo đảm thời gian sinh trưởng và kết thúc của cây khoai từ 95 ngày đến 100 ngày, không thể dỡ non được, nếu dỡ non thì sản phẩm sẽ không đạt yêu cầu của xuất khẩu. Do đó, để ổn định diện tích trồng khoai tây từ nay đến năm 1990, tỉnh phải quy vùng sản xuất, quy hoạch các vùng sản xuất, bố trí sản xuất tập trung có trọng điểm, đồng thời phát triển với diện rộng, chỉ đạo tốt vùng trọng điểm, vừa chủ động nguồn khoai xuất khẩu, vừa rút kinh nghiệm để chỉ đạo diện, lấy diện để bổ trợ lại điểm, đề phòng khi thời tiết khắc nghiệt, vùng trọng điểm thu hoạch kém, nhưng chỉ tiêu kế hoạch xuất khẩu vẫn được thực hiện, chủ động bảo đảm đủ số lượng hàng hóa xuất khẩu cho nước bạn theo kế hoạch đã định. Tỉnh đã quy định các huyện trọng điểm sản xuất khoai tây của Thái bình là Vũ thư, Đông hưng, Quỳnh phụ và Hưng hà.

Mặt khác, tỉnh chúng tôi phải giải quyết một số vấn đề quan trọng cho sản xuất như chọn giống khoai thích nghi với môi trường sống và cho năng suất cao trên đất của địa phương. Phải dành một diện tích nhất định và vốn đầu tư cho việc chuyên làm giống mới. Về phân bón, ngoài phân vô cơ, cần phải có một tỷ lệ nhất định về phân chuồng. Nếu trồng 5 000 ha khoai tây thì phải có 1 500 tấn phân u rê, 2 000 tấn phân lân, 750 tấn phân ka li và 75 000 tấn phân chuồng. Cần phải có thuốc trừ sâu để ứng phó với mọi tình huống có thể xảy ra nhằm bảo vệ cây trồng. Để bảo đảm việc tưới, tiêu nước hợp lý cho khoai tây đúng lúc, cần có đủ phương tiện, công cụ thủ công và cơ giới phục vụ kịp thời cho việc sinh trưởng của cây trồng. Cần tưới cho cây khoai tây vào ba giai

Digitized by Google

đoạn: giai đoạn hình thành cây con, giai đoạn hình thành củ mạnh nhất, giai đoạn bổ sung khi gặp hạn. Hiện nay quy mô sản xuất còn nhỏ, chưa có vùng sản xuất tập trung cho nên còn tùy thuộc vào thiên nhiên, chưa chủ động được mọi mặt trong quá trình sản xuất.

Thứ hai, tổ chức thu mua, bảo quản, vận tải và giao hàng.

Lưu thông là một khâu rất quan trọng của quá trình tái sản xuất. Đến đây, công ty nông sản — thực phẩm xuất khẩu của tỉnh có trách nhiệm thực hiện tốt một số công việc tiếp theo như: hướng dẫn về tiêu chuẩn, quy cách, chất lượng hàng hóa, tổ chức thu mua, chọn lọc, đóng gói, bảo quản, vận chuyển và giao hàng cho người nhận tại cửa khẩu.

Một vấn đề đặc biệt quan trọng đối với chúng tôi là bao bì, đóng gói, bảo quản giữ gìn phẩm chất hàng hóa trên đường vận tải. Làm tốt khâu này mới bảo đảm giá trị hàng hóa. Phải nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của nó để đầu tư thỏa đáng, cung cấp gỗ bao bì kịp thời để giữ gìn phẩm chất hàng hóa xuất khẩu theo đúng quy cách và chất lượng. Thực tiễn hai năm qua cho thấy rằng, nếu không có bao bì hoặc thiếu bao bì để đóng gói thì những khâu khác bị phá vỡ, mất mát và lãng phí nhiều hàng hóa vì không tận thu được sản lượng, lỡ việc vận tải, lỡ việc nhận hàng của tàu nước ngoài...

Thứ ba, đầu tư thỏa đáng về xây dựng cơ sở vật chất để phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu.

Muốn bảo đảm đủ số lượng và đúng tiêu chuẩn, quy cách, chất lượng của sản phẩm xuất khẩu, phải có đủ cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ trực tiếp cho toàn bộ quá trình sản xuất và lưu thông. Ngoài những vật tư cần thiết cho sản xuất như phân bón, giống khoai, thuốc trừ sâu, dàn bơm tưới v.v., từ nay đến năm 1990, Nhà nước cần đầu tư cho Thái Bình 4 kho hoàn chỉnh ở một số huyện để chứa vật tư và hàng hóa. Đối với mặt hàng tươi sống như khoai tây, cải bắp... phải có phương tiện bảo quản, giữ gìn phẩm chất tốt, cho nên cần xây dựng kho lạnh tại địa phương. Để có điều kiện vận chuyển nông sản kịp thời ra bến cảng, chúng tôi cần có một số xe vận tải với trọng tải từ 5 tấn trở lên và máy dầy thủy với 25 — 30 sức ngựa.

Thứ tư, cần giải quyết một số chính sách cụ thể nhằm khuyến khích phát triển sản xuất nông sản xuất khẩu.

Đối với vùng sản xuất trọng điểm về nông sản xuất khẩu, Nhà nước có chính sách đầu tư thỏa đáng để người sản xuất có đủ phân bón vô cơ, có điều kiện tưới tiêu hợp lý bằng các loại máy bơm, có các loại tư liệu lao động dùng cho sản xuất và bảo quản giữ gìn phẩm chất hàng hóa.

Xuất khẩu là một nhiệm vụ chiến lược rất quan trọng được thể hiện trong các chính sách kinh tế hiện nay của Đảng và Nhà nước. Do đó cần mạnh dạn đầu tư đúng mức để sản xuất hàng được hàng xuất khẩu. Nếu chúng ta cứ rụt rè hoặc nhỏ giọt trong đầu tư cho kinh tế xuất khẩu thì sẽ không bao giờ có đủ hàng hóa xuất khẩu. Các ngành có trách nhiệm trực tiếp đối với vấn đề này cần chú ý giải quyết kịp thời vật tư, thiết bị, lương thực, hàng tiêu dùng, và cần đối các phương tiện cần thiết cho sản xuất và đời sống để bảo đảm phát triển sản xuất hàng xuất khẩu.

Giá cả đối với hàng nông sản xuất khẩu, trước hết phải bảo đảm đủ chi phí sản xuất và có lãi thích đáng, tạo điều kiện cho nông dân thực hiện được tái sản xuất mở rộng. Chi phí lưu thông cho việc xuất khẩu nông sản cần được bảo đảm đủ chi phí hợp lý và có phần tích lũy để tỉnh có

(Xem tiếp trang 46)

Digitized by Google

Sưu tầm, bảo quản các tài liệu, bài nói, bài viết và di vật của đồng chí Lê Duẩn

ĐỒNG chí Lê Duẩn là người con ưu tú của dân tộc, người học trò xuất sắc của Bác Hồ, nhà lãnh đạo lỗi lạc của Đảng ta và nhân dân ta, chiến sĩ kiên cường của phong trào cộng sản quốc tế, phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc. Đồng chí qua đời để lại cho Đảng ta, quân đội ta và nhân dân ta di sản quý báu về tư tưởng và văn hóa. Đó là các tài liệu, bài nói, bài viết và di vật của đồng chí. Cùng với di sản vĩ đại của Bác Hồ, di sản của đồng chí Lê Duẩn là những của cải vô cùng quý báu trong kho tàng di sản cách mạng của Đảng ta, quân đội ta và nhân dân ta. Để ghi nhớ công lao to lớn và cống hiến xuất sắc của đồng chí Lê Duẩn đối với sự nghiệp cách mạng nước ta, để sử dụng các di sản quý báu về tư tưởng và văn hóa của đồng chí vào việc giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân ta, Ban bí thư Trung ương Đảng đã ra quyết định về việc sưu tầm, chỉnh lý toàn bộ các tài liệu, bài nói, bài viết của đồng chí Lê Duẩn và thu nhập những hiện vật trực tiếp liên quan đến hoạt động cách mạng của đồng chí để biên soạn, xuất bản và đưa vào các nhà lưu niệm, bảo tàng. Ban bí thư cũng quyết định biên soạn bản tiểu sử đầy đủ của đồng chí Lê Duẩn.

Theo quyết định của Ban bí thư, Viện Hồ Chí Minh có nhiệm vụ sưu tầm, chỉnh lý, bảo quản các tài liệu, bài nói, bài viết của đồng chí Lê Duẩn. Văn phòng Trung ương Đảng có nhiệm vụ sưu tầm, chỉnh lý, bảo quản các tài liệu, bài nói, bài viết thuộc loại tuyệt mật của đồng chí Lê Duẩn và phục vụ khai thác theo chế độ tài liệu mật. Bộ quốc phòng và Bộ tổng tham mưu có nhiệm vụ sưu tầm, chỉnh lý, bảo quản những bài nói, bài viết của đồng chí Lê Duẩn về các vấn đề quân sự có tính chất cơ mật. Viện Hồ Chí Minh sưu tầm bảo quản những hiện vật có liên quan đến hoạt động của đồng chí Lê Duẩn, có kế hoạch xây dựng các nhà lưu niệm, trình bày. Các cơ quan trên đây có kế hoạch phân công và phối hợp chặt chẽ trong công tác sưu tầm, thu thập, chỉnh lý. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban, ngành, đoàn thể có trách nhiệm cộng tác, giúp đỡ các cơ quan nói trên trong công tác sưu tầm, thu thập, chỉnh lý di sản của đồng chí Lê Duẩn.

Để thực hiện quyết định trên đây của Ban bí thư, đảng ủy các cấp, các ngành cần quan tâm lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân sưu tầm, bảo quản các tài liệu, bài nói, bài viết và di vật của đồng chí Lê Duẩn.

Digitized by Google

Trong sáu mươi năm đấu tranh cách mạng, đồng chí Lê Duẩn đã sống và hoạt động ở hầu khắp các miền trên đất nước ta. Nhiều di vật và tài liệu của đồng chí hiện còn tản mác trong nhân dân ở các địa phương chưa thu thập được. Nếu cán bộ, đảng viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang và quần chúng nhân dân biết Đảng có chủ trương sưu tầm các di vật và tài liệu của đồng chí Lê Duẩn, hiểu rõ ý nghĩa của công việc ấy, chắc hẳn mọi người sẽ sẵn sàng góp phần tích cực vào công việc ấy. Ai hiện còn giữ các di vật và tài liệu của đồng chí Lê Duẩn sẽ vui lòng đem giao lại cho các cơ quan có trách nhiệm để bảo quản và phục vụ việc khai thác, sử dụng, vì lợi ích của sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Mong rằng các địa phương, các ngành, nắm vững chủ trương trên đây của Đảng, thực hiện nghiêm chỉnh quyết định của Ban bí thư, để cho công việc sưu tầm, bảo quản các tài liệu, bài nói, bài viết và di vật của đồng chí Lê Duẩn thu được kết quả tốt đẹp.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

TỔ CHỨC XUẤT KHẨU...

(Tiếp theo trang 44)

điều kiện tổ chức và hoàn thiện việc giao hàng tại hải cảng.

Trong lúc chờ hưởng giải quyết cụ thể của trung ương về quyền sử dụng ngoại tệ, về chế độ đầu tư trực tiếp thì địa phương vẫn áp dụng phương thức kinh doanh của Tổng công ty xuất nhập khẩu rau quả là *mua đứt bán đoạn* bằng đồng tiền Việt nam. Căn cứ vào vật tư mà nước bạn ứng trước cho sản xuất, Tổng công ty xuất nhập khẩu rau quả ứng cho tỉnh các loại cần thiết với giá nhập khẩu do xuất khẩu mà có theo yêu cầu của tỉnh. Mức bán vật tư tối thiểu cũng phải bằng 50% số ngoại tệ thực thu thì địa phương mới có điều kiện để trang trải cho yêu cầu chung của nền kinh tế địa phương. Đồng thời, để nghị cấp trên công bố quyền sử dụng ngoại tệ của địa phương theo phương thức mua đứt bán đoạn để địa phương có phương hướng giải quyết mối quan hệ giữa tỉnh với huyện và giữa huyện với đơn vị kinh tế cơ sở.

Digitized by Google

HỘI NGHỊ KHOA HỌC – THỰC TIỄN VỀ KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Lời Bộ biên tập: *Để góp ý kiến vào Dự thảo* **Báo cáo chính trị** *sẽ trình bày tại Đại hội thứ VI của Đảng, vừa qua Bộ biên tập* **Tạp chí Cộng sản** *đã tổ chức Hội nghị khoa học – thực tiễn về* **Kinh doanh xã hội chủ nghĩa**. *Tham gia cuộc hội nghị này có các đồng chí sau đây:*

– Nguyễn Anh Bắc, Đại tá, Học viện quân sự cao cấp.

– Lê Đăng Doanh, Vụ trưởng, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương.

– Lưu Văn Đạt, Viện trưởng, Bộ ngoại thương.

– Ngô Văn Hải, Chuyên viên, Văn phòng Hội đồng bộ trưởng.

– Lê Xuân Hãn, Trưởng phòng kế hoạch Nhà máy chế tạo máy công cụ số 1, Hà nội.

– Nguyễn Huy, Giáo sư, quyền Viện trưởng Viện kinh tế UBKHXH Việt nam.

– Nguyễn Văn Huy, Phó vụ trưởng, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương.

– Nguyễn Đăng Khánh, Vụ trưởng, Bộ nội thương.

– Chữ Văn Làm, Phó tiến sĩ, Phó tổng biên tập tạp chí *Nghiên cứu kinh tế*, Viện kinh tế, UBKHXH Việt nam.

– Phạm Quang Lộc, Vụ trưởng, Bộ nông nghiệp.

– Vũ Hữu Ngoạn, Tổng biên tập tạp chí *Nghiên cứu*, trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc.

– Hoàng Hữu Nhân, Quyền Trưởng Ban công nghiệp Trung ương Đảng.

– Trần Quang, Chuyên viên, Ban nông nghiệp Trung ương Đảng.

– Đào Xuân Sâm, Giáo sư, Trưởng khoa quản lý kinh tế, trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc.

– Trần Linh Sơn, Giáo sư, Ngân hàng Nhà nước Việt nam.

– Nguyễn Văn Sơn, Giáo sư, Trưởng khoa kinh tế chính trị, trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc.

– Chế Viết Tấn, Phó trưởng ban kinh tế Trung ương Đảng.

– Hồ Tế, Thứ trưởng Bộ tài chính.

– Nguyễn Tế, Phó tiến sĩ, Phó vụ trưởng, Ban kinh tế Trung ương Đảng.

– Nguyễn Đăng Thành, Chuyên viên Viện Mác Lê-nin.

Digitized by Google

— Phạm Thành, Giám đốc Nhà xuất bản Sự thật.

— Lê Đức Thúy, Phó tiến sĩ, Viện kinh tế, UBKHXH Việt nam.

— Lê Hồng Tiệm, Phó trưởng khoa kinh tế chính trị trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc.

— Phan Văn Tiệm, Giáo sư tiến sĩ, Quyền chủ nhiệm Ủy ban vật giá Nhà nước.

— Lê Văn Tô, Chuyên viên, Ban công nghiệp Trung ương Đảng.

— Lê Xuân Tùng, Giáo sư, Phó giám đốc trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc.

— Vũ Huy Từ, Tiến sĩ, Văn phòng Hội đồng bộ trưởng.

— Lê Văn Viện, Tiến sĩ, Vụ trưởng, Ban kinh tế Trung ương Đảng.

— Trần Ngọc Vinh, Phó tiến sĩ, Vụ trưởng, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương.

Bắt đầu từ số này, chúng tôi trích đăng các bài phát biểu ý kiến của các đồng chí tham gia Hội nghị để bạn đọc tham khảo.

VŨ HỮU NGOẠN

MẤY VẤN ĐỀ CÓ TÍNH PHƯƠNG PHÁP LUẬN VỀ KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

NGÀY nay, vấn đề kinh doanh nằm trong chương trình nghị sự nóng bỏng của tất cả các nước xã hội chủ nghĩa, nằm trong cuộc bùng nổ quản lý kinh tế có tính quốc tế của chủ nghĩa xã hội. Nó được đặt ra một cách gay gắt trong cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới, làm sao cho chủ nghĩa xã hội hiện thực chẳng những không thua, trái lại còn hơn chủ nghĩa tư bản, cho xứng đáng với bản chất tốt đẹp của nó. Cái khó là ở chỗ: trước hết làm sao cho đúng *kinh doanh*, sau nữa làm sao cho đúng *kinh doanh xã hội chủ nghĩa*, và lại càng đặc biệt khó đối với nước ta — một nước vốn có tình trạng sản xuất nhỏ nặng nề, lại quen kháng chiến cứu nước hơn là làm kinh tế, hậu quả chiến tranh vẫn còn to lớn, hằng ngày vẫn phải đối phó với những vấn đề thuộc quỹ đạo chiến tranh chứ chưa hoàn toàn rành tay làm kinh tế.

Kinh doanh là một phương pháp hành động của con người trong lĩnh vực kinh tế, nhưng không phải là phương pháp hành động bất kỳ mà là đặt trong những giai đoạn lịch sử sản xuất xã hội nhất định — những giai đoạn tồn tại quan hệ hàng hóa — tiền tệ. Kinh doanh đúng hay sai, tốt hay xấu, liên quan chặt chẽ với quan

Digitized by Google

niệm của chúng ta về quan hệ hàng hóa nói chung, đặc biệt về quan hệ hàng hóa xã hội chủ nghĩa. Có thể nói những người cộng sản thế giới đã trải qua ba giai đoạn nhận thức sau đây về quan hệ hàng hóa dưới chủ nghĩa xã hội.

Giai đoạn thứ nhất, cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, khi mà chủ nghĩa Mác-Lê-nin đang tự khẳng định mình với tư cách một học thuyết cách mạng và hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, thì chưa dễ dàng dự kiến trong xã hội tương lai (tức chủ nghĩa xã hội) lại vẫn còn quan hệ hàng hóa. Đó là điều khó tránh khỏi, một khi các nhà kinh điển đang tập trung phê phán cái đống không lồ hàng hóa do chủ nghĩa tư bản tạo ra với tất cả những hậu quả xã hội xấu xa của nó.

Giai đoạn thứ hai, khi việc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã trở thành một yêu cầu thực tế, những người xô viết đi theo sự chỉ dẫn của tư tưởng chính sách kinh tế mới của Lê-nin, đã tổng kết con đường mà mình đã mò mẫm, khai phá, nêu lên sự tồn tại của quan hệ hàng hóa trong xã hội xã hội chủ nghĩa, và coi đó là quan hệ hàng hóa đặc biệt. Quan niệm phổ biến lúc bấy giờ còn coi quan hệ hàng hóa là cái tàn dư của xã hội cũ rơi rớt lại trong xã hội mới, do đó tuy không tránh khỏi quan hệ hàng hóa nhưng vẫn mang nặng thiên kiến với cái «tàn dư xấu xa» đó. Quan niệm này đã từng tồn tại lâu dài suốt những năm 50, những năm 60 và một số năm đầu của thập kỷ 70.

Giai đoạn thứ ba, trong vòng 10 năm nay, đã xuất hiện một nhận thức hoàn toàn mới, rằng quan hệ hàng hóa trong chủ nghĩa xã hội không phải là một quan hệ vay mượn, mà nó là một quan hệ nằm trong bản chất của chủ nghĩa xã hội, nằm trong bản chất của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Dương nhiên nó không phải là quan hệ bản chất nhất, quan hệ đặc trưng nhất. Vậy thì kinh doanh, hơn nữa *kinh doanh xã hội chủ nghĩa, không phải là vấn đề vay mượn*, không phải là vấn đề xấu xa, trái lại nó thuộc vào hàng các vấn đề bản chất của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Ph. Ăng-ghen đã từng chỉ rõ, *giá trị là khái niệm bao trùm của kinh tế hàng hóa*. Vì thế cái giống nhau của mọi loại hình kinh doanh, *cái cốt lõi, cái thực chất nhất của kinh doanh cũng chính là xoay quanh cái khái niệm bao trùm ấy*. Sống tương xứng với điều kiện kinh tế hàng hóa (chứ không phải sống giả tạo) thì cả trong sản xuất cũng như trong trao đổi, tiêu dùng, người ta phải biết tính toán căn cứ vào giá trị, nghĩa là căn cứ vào thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất hoặc tái sản xuất ra hàng hóa. Trong sản xuất phải tăng năng suất lao động, cải tiến sản xuất để hạ giá trị cá biệt xuống ngang hoặc thấp hơn giá trị xã hội thì mới tồn tại và phát triển được. Lỗ là điều tối kỵ đối với người sản xuất hàng hóa. Trong tiêu dùng người ta cũng phải lựa chọn, bởi vì khi mua hàng là người ta bắt đầu sử dụng lao động quá khứ được tích lại dưới hình thái tiền tệ, làm sao sử dụng có hiệu quả nhất cái lao động quá khứ đã tất yếu đạt ra. Mua được hàng rẻ và chất lượng tốt luôn luôn là yêu cầu bức thiết đối với người tiêu dùng. Như thế giá trị sử dụng của hàng hóa cũng không phải là giá trị sử dụng bất kỳ mà phải là giá trị sử dụng cho xã hội, như C. Mác đã chỉ rõ. Điều này đòi hỏi người kinh doanh không thể tùy tiện về cơ cấu, về số lượng và chất lượng của giá trị sử dụng, tương ứng với từng thời kỳ khác nhau của cuộc sống. Nói cách khác, người kinh doanh phải luôn luôn tỉnh tường trước quan hệ cung cầu, và do đó phải nhạy bén với thị trường, bởi vì quan hệ cung cầu diễn ra không giấu giếm gì trên bề mặt thị trường.

Digitized by Google

Kinh doanh theo quan niệm sơ lược nhất và với nội dung sơ lược nhất trên đây thì tự nó cũng đã bao hàm *cái đối lập với cơ chế tập trung quan liêu và cơ chế bao cấp*. Phải dứt khoát xóa bỏ tập trung quan liêu — bao cấp thì mới chuyển sang kinh doanh được. Ngược lại chỉ có chuyển sang kinh doanh thì mới có điều kiện để đoạn tuyệt với tập trung quan liêu — bao cấp. Việc xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu — bao cấp và việc chuyển sang kinh doanh không phải là hai quá trình, trái lại là một quá trình thống nhất, làm cái này thì có nghĩa đồng thời làm cái kia.

Chúng ta không chuyển sang kinh doanh bất kỳ mà chuyển sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Cũng như quan hệ hàng hóa và giá trị, chúng chứa đựng bản chất xã hội, kinh doanh không phải là quan hệ tự nhiên, không phải là vấn đề kỹ thuật, mà nó mang trong mình cái quan hệ xã hội, quan hệ sản xuất. Hồ Chủ tịch đã dạy chúng ta : Trong mua bán thì bao giờ người mua cũng muốn mua rẻ, người bán cũng muốn bán đắt. Nhưng như chúng ta đã biết, quan hệ hàng hóa là một quan hệ kinh tế rất bình đẳng, sòng phẳng theo nguyên tắc giá trị ngang nhau. Như thế rõ ràng *kinh doanh mang quan hệ sản xuất rất tinh tế, phức tạp*. Kinh doanh xã hội chủ nghĩa là lối kinh doanh càng tinh tế, phức tạp, nó lại trở nên cực kỳ tinh tế, phức tạp trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội — khi mà quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa còn đang trong quá trình xây dựng, chưa chiến thắng hoàn toàn.

Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa cũng như mọi quan hệ sản xuất, được biểu hiện trước hết dưới hình thức lợi ích. *Kinh doanh xã hội chủ nghĩa, do đó trước hết phải bảo đảm hệ thống lợi ích kinh tế của chủ nghĩa xã hội*. Vì, như mọi người đều biết, không thể quan niệm và giải quyết một cách đơn giản về hệ thống lợi ích kinh tế xã hội chủ nghĩa. Kinh doanh xã hội chủ nghĩa là phải biết kết hợp đúng đắn, thỏa đáng lợi ích toàn quốc với lợi ích địa phương và lợi ích của cơ sở, kết hợp đúng đắn, thỏa đáng lợi ích của cái toàn thể và lợi ích của các bộ phận trong cái toàn thể, kết hợp đúng đắn, thỏa đáng lợi ích toàn xã hội mà Nhà nước là người đại diện với lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân người lao động ở các đơn vị kinh tế cơ sở. Kinh doanh xã hội chủ nghĩa còn phải biết kết hợp đúng đắn, thỏa đáng lợi ích kinh tế và lợi ích chính trị, tinh thần. Trong khi tính toán tất cả các lợi ích đều phải xuất phát từ quan điểm lấy dân làm gốc và chính dân là người chân chính tạo ra những lợi ích, như đồng chí Trường Chinh đã nói. Những chính sách về thuế, về giá cả, về tiền lương, về phân chia lợi nhuận, về quy định mặt hàng kinh doanh, v.v. có vai trò thiết thực đối với việc giải quyết mối quan hệ phức tạp giữa các lợi ích ấy. Nhấn mạnh lợi ích này hay lợi ích khác, nhấn mạnh khía cạnh này hoặc khía cạnh khác của lợi ích, chỉ là sự chỉ đạo cho phù hợp từng lúc và từng nơi chứ không phải đó là nguyên tắc. Chẳng hạn, cách đây vài năm chúng ta phải uốn nắn khuynh hướng coi nhẹ lợi ích cá nhân của người lao động, lợi ích của cơ sở, lợi ích của địa phương, nhưng hiện nay có thể lại phải uốn nắn khuynh hướng coi nhẹ lợi ích toàn quốc mà chúng ta thường gọi là lợi ích của trung ương. Sự nhấn mạnh ấy là cần thiết xét về nghệ thuật chỉ đạo, song vì thế mà khái quát lên thành nguyên tắc thì lại là sai lầm về mặt lý luận. Thật ra chỉ có cái nguyên tắc cứng rắn là phải kết hợp đúng đắn hài hòa các lợi ích kinh tế, và chỉ như thế mới tạo ra được động lực mạnh mẽ nhất phát triển sản xuất và cải thiện đời sống toàn xã hội. Đấy chính là mục

Digitized by Google

tiêu cuối cùng của kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Trong thực tiễn, vấn đề kinh doanh xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay đang dụng chạm vào quan niệm và cách xử lý *kế hoạch* và *thị trường*. Và, ở đây đã nảy sinh những ý kiến và cách làm xung đột nhau.

Đồng nhất kế hoạch và thị trường hoặc đối lập kế hoạch và thị trường là hai thái cực đều không đúng. Chúng là hai phạm trù khác nhau, đều cần thiết trong cuộc sống, và mỗi cái phản ánh một mặt bản chất nhất định của nền kinh tế quốc dân. Kế hoạch là cách nói tắt của kế hoạch Nhà nước, nó là sản phẩm chủ quan nhưng phải phản ánh các quy luật khách quan. Còn thị trường là quan hệ khách quan nhưng lại do những hoạt động chủ quan của con người cấu thành.

Kế hoạch Nhà nước là sản phẩm trực tiếp nhất của công tác kế hoạch hóa. Ở đây con người mà đại diện là Nhà nước chuyên chính vô sản, vận dụng tổng hợp các quy luật kinh tế và các quy luật khoa học — kỹ thuật, trước hết là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội và quy luật phát triển kinh tế có kế hoạch để tính toán, dự kiến và giải quyết các cân đối kinh tế — xã hội trong từng thời kỳ một cách tự giác, nhằm phát triển kinh tế và văn hóa với mục đích nâng cao đời sống của nhân dân. Nó vận dụng quan hệ hàng hóa với tư cách một quan hệ kinh tế, và vận dụng quy luật giá trị với tư cách một quy luật kinh tế. Như thế cũng tương tự như kế hoạch Nhà nước phải vận dụng vai trò làm chủ đối với lực lượng lao động xã hội và vận dụng quy luật phân phối theo lao động, hoặc cũng tương tự như việc vận dụng cuộc cách mạng khoa học—kỹ thuật với các quy luật kỹ thuật nhất định. Kế hoạch Nhà nước đúng đắn thì phản ánh mối liên hệ hữu cơ, cân đối một cách tự giác giữa các yếu tố của quá trình tái sản xuất xã hội, giữa hoạt động của các người lao động, các ngành và các vùng của đất nước. Trong kế hoạch Nhà nước không chỉ có những quan hệ hàng hóa, mà còn có cả những quan hệ không mang tính hàng hóa, như sự nghiệp đào tạo cán bộ, phát triển văn hóa, giáo dục, việc chi viện cho tuyến phía trước với ý nghĩa chính trị nhiều hơn là ý nghĩa kinh tế v.v. Dương nhiên, nhiều cân đối kinh tế (chứ không phải tất cả) được tính toán, được giải quyết bằng cách sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp những quan hệ hàng hóa và bằng cách sử dụng công cụ tiền tệ. Về phương diện ấy, thì kế hoạch Nhà nước là một kiểu, một phương thức, một công cụ của kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đồng thời kế hoạch Nhà nước là sản phẩm của kế hoạch hóa việc kinh doanh xã hội chủ nghĩa ở từng cơ sở, ở từng địa phương và trên phạm vi toàn quốc. Nói cách khác phải kế hoạch hóa việc kinh doanh xã hội chủ nghĩa, và khi kế hoạch hóa đúng đắn được việc kinh doanh thì đấy cũng là thể hiện tính xã hội chủ nghĩa của sự nghiệp kinh doanh mà chúng ta gọi là kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Nếu coi nhẹ việc sử dụng công cụ kế hoạch Nhà nước tức là tước bỏ đi cái chất xã hội chủ nghĩa của kinh doanh. Ngược lại kế hoạch Nhà nước mà chỉ bao hàm kế hoạch hóa chế độ bao cấp thì tức là tước bỏ đi cái ruột kinh doanh, làm cho cái gọi là « tính chất xã hội chủ nghĩa » trở nên rỗng tuếch, không có nơi nương tựa.

Nếu như kế hoạch Nhà nước phản ánh mối liên hệ ràng buộc cân đối, hơn nữa cân đối một cách tự giác, giữa các yếu tố trong quá trình vận động và phát triển của nền kinh tế quốc dân, thì thị trường lại phản ánh một mối liên hệ khác, đó là mối liên hệ phụ thuộc nhau nhưng rất bình đẳng của sự phân công lao động xã hội trong điều kiện kinh tế hàng hóa.

Digitized by Google

Thị trường là tổng thể các điều kiện, các quan hệ thực hiện hàng hóa. Nó bao gồm tất cả các hành vi mua bán và sự vận động tương tác của các công cụ giá cả, tiền tệ, tài chính, tiền lương v.v. Trong chủ nghĩa tư bản, không có và không thể có một gọng nhỏ của chế độ công hữu, cho nên chỉ có một loại thị trường thuần tuý dựa trên chế độ tư hữu. Trái lại trong thời gian nhất định của chủ nghĩa xã hội, nhất là trong thời kỳ quá độ, khi nền kinh tế bao gồm nhiều thành phần khác nhau về chất cục bộ và chất căn bản của quan hệ sản xuất nhưng phải vận động trong mối liên hệ thống nhất, nảy sinh sự phân biệt thị trường xã hội với các bộ phận thị trường khác nhau về tính chất, cấu thành cái thị trường xã hội đó. Chúng ta thường nói thị trường xã hội với hai loại thị trường có tổ chức và thị trường « tự do », vừa phụ thuộc, thống nhất, vừa đấu tranh. Về khách quan thị trường có tổ chức phải chi phối chiều hướng của sự phát triển, và thị trường « tự do » cũng không còn nguyên nghĩa như thị trường « tự do » trong chế độ cũ.

Khi kế hoạch Nhà nước đặt các nhu cầu và giải quyết các nhu cầu một cách cân đối tự giác, thì có nhiều nguồn căn cứ, phải sử dụng nhiều phương pháp, có phương pháp trực tiếp và có phương pháp gián tiếp. Trong đó thị trường xã hội, bao gồm cả thị trường có tổ chức và thị trường « tự do » là một phương pháp gián tiếp rất quan trọng và đầy sinh động. Chẳng là quy luật giá trị hoạt động trong khi nền sản xuất xã hội lại có quy luật phát triển cân đối và có kế hoạch, cho nên tất yếu nó phải thể hiện qua quan hệ cung cầu, nghĩa là về thực tiễn chỉ có qua cung cầu để bắt người ta phải tuân theo quy luật giá trị, đó chính là vẻ đẹp của sự hoạt động của quy luật giá trị như lời C. Mác nói trong tác phẩm nổi tiếng của Người — bộ *Tư bản*.

Ở đây có hiện tượng vô cùng phức tạp, thị trường vừa là một đối tượng của kế hoạch hóa lại vừa là một phương pháp để tiến hành kế hoạch hóa. Chúng ta vừa phải kế hoạch hóa cái thị trường có tổ chức và lôi cuốn cái thị trường « tự do » vào quỹ đạo kế hoạch Nhà nước, lại vừa phải biết căn cứ vào diễn biến thực tế trên thị trường để điều chỉnh kế hoạch. Nói cách khác, chúng ta vừa điều khiển thị trường lại vừa nghe ngóng, sử dụng yếu tố « tự nó » hướng bình nhưng đầy uyển chuyển, mềm dẻo của thị trường. Như thế, điều khiển nền kinh tế quốc dân bằng công cụ chủ yếu là kế hoạch Nhà nước thì không có nghĩa là loại bỏ thị trường, trái lại thị trường được sử dụng một cách tốt nhất, hợp lý nhất. Thật ra thị trường là một hiện tượng khách quan trong điều kiện tồn tại kinh tế hàng hóa, là cơ chế kinh tế của kinh tế hàng hóa. Chúng ta không chống lại cái cơ chế thị trường mà là chống lại cái một chiều chạy theo cơ chế tự phát của thị trường « tự do » không được cải tạo, buông lỏng việc sử dụng kế hoạch Nhà nước.

Dương nhiên, do hoàn cảnh nước ta bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa để tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta lại mới đang ở chặng đầu, khi mà nền kinh tế còn đang ở thời kỳ bão táp, chấn động dữ dội, đang cần phải chắp nối, hình thành các sợi dây liên hệ kinh tế, thì kế hoạch Nhà nước không thể với tay quá tầm cần thiết. Kinh doanh khôn khéo ở đây là phải biết giới hạn đúng mức phạm vi của kế hoạch Nhà nước. Trước hết, nó phải và chỉ kế hoạch hóa việc sản xuất và lưu thông những cái gì liên quan nghiêm ngặt đến cân đối toàn quốc, đến vận mệnh của nền kinh tế quốc gia. Sau nữa, nó phải áp dụng nhiều phương pháp kế hoạch hóa linh hoạt, chẳng hạn thu hẹp những chỉ tiêu pháp lệnh, coi trọng làm kế hoạch từ dưới lên, tăng cường sử dụng phương

Digitized by Google

pháp gián tiếp, v.v. Chúng ta phải sử dụng trong một giới hạn không nhỏ yếu tố tự điều chỉnh của thị trường mà yếu tố tự điều chỉnh đó vẫn là một thuộc tính của xã hội trong điều kiện kinh tế hàng hóa. Tình hình hiện nay cho thấy nhận định của Hội nghị thứ 6 của Trung ương trước đây và Hội nghị thứ 10 của Trung ương gần đây là chuẩn xác : phải phê phán và khắc phục cả hai khuynh hướng tập trung quan liêu, bao cấp, bảo thủ trì trệ, và phân tán, hỗn độn, vô tổ chức, vô chính phủ. Một kế hoạch Nhà nước cứng đờ và một phương pháp kế hoạch hóa quan liêu sẽ gây nguy hại. Nhưng không củng có thị trường có tổ chức, thả nổi thị trường « tự do », buông lỏng cải tạo xã hội chủ nghĩa thì cũng là mối nguy lớn. Thực tế đanh thép chỉ cho ta thấy cái thị trường « tự do » không được cải tạo, sắp xếp, chấn chỉnh, đã gây lúng túng to cho nhiều giải pháp về giá — lương — tiền, thậm chí nó làm vô hiệu hóa nhanh chóng cả những giải pháp đúng đắn.

Kinh doanh khôn khéo ở nước ta lúc này còn là chuyển mạnh sang hạch toán kinh tế. Đây là một hình thức, một phương pháp kinh doanh đặc thù của các đơn vị kinh tế cơ sở của chủ nghĩa xã hội. Nó đòi hỏi cơ sở phải có trách nhiệm về vật chất, phải tự chủ về tài chính, phải tự trang trải và có lãi.

Hạch toán kinh tế đi liền với phát triển rộng rãi các hợp đồng kinh tế ngay từ đầu kỳ các kế hoạch, đang là hình thức tồn tại và vận động rất thích hợp của kế hoạch Nhà nước trong điều kiện nước ta hiện nay.

Cuối cùng, cái bao trùm, xuyên qua mọi hình thức, mọi hành động kinh doanh xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay là không thu hẹp, trái lại càng phải *thúc đẩy phát triển khối lượng và tỷ trọng sản xuất và trao đổi hàng hóa*. Nhớ rằng sản xuất hàng hóa phát triển phải là một nền sản xuất vượt quá một điểm nào đó của giá trị, tức vượt quá cái lao động tất yếu. Làm như vậy là chúng ta thực hiện một trong hai bước chuyển biến tất yếu từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn theo sự phân tích của V.I. Lê-nin. Bước chuyển biến thứ nhất là chuyển từ nền sản xuất tự nhiên, tự cấp, tự túc lên nền sản xuất hàng hóa. Bước thứ hai là chuyển từ sản xuất hàng hóa lên sản xuất lớn. Đương nhiên đây là cách nói theo phương pháp trừu tượng hóa khoa học, chứ còn trong thực tiễn thì ngay ở bước thứ nhất chúng ta đã vừa chuyển lên sản xuất hàng hóa nói chung lại vừa cố gắng chuyển ngay một bộ phận lên sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa, giữa hai bước chuyển biến ấy đối với chúng ta không có bức tường thành ngăn cách.

Kinh doanh nói chung đã là vấn đề mới mẻ và khó khăn, kinh doanh xã hội chủ nghĩa lại càng mới mẻ và càng đầy khó khăn đối với những người lần đầu tiên bước lên địa vị làm chủ. Nó càng trở nên gian khổ đối với đất nước, xã hội, con người chưa có truyền thống làm kinh tế, tuy rằng dân tộc ta trước nay vẫn phải sản xuất, vẫn phải sống, phải tồn tại và phát triển. Kỷ nguyên xây dựng chủ nghĩa xã hội đối với chúng ta cũng đồng thời là kỷ nguyên mà dân tộc ta bắt tay vào việc xây dựng một truyền thống mới, bởi vì chủ nghĩa xã hội về thực chất là một sự nghiệp có tính chất kinh tế. Chúng ta phải hình dung cho hết tất cả những bước đường gian nan, vất vả. Không cách nào khác, chúng ta phải trải qua *một sự mò mẫm, thử nghiệm, lựa chọn*. Và, để cho sự mò mẫm, thử nghiệm, lựa chọn thật sự trở thành một phương pháp phát triển thì phải tăng cường *làm thử và tổng kết*. Đó vừa nhằm đạt tới sự nhất trí trong Đảng, lại vừa tìm kiếm ra lời giải quyết cho nền kinh tế nước ta.

Digitized by Google

LÊ ĐỨC THÚY

NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Kinh doanh là lĩnh vực hoạt động kinh tế bao gồm toàn bộ những hiện tượng và quá trình kinh tế trực tiếp thể hiện sự tuần hoàn và chu chuyển các yếu tố của sản xuất trong tiến trình liên tục của sản xuất và tái sản xuất sản phẩm xã hội. Các đơn vị hay tổ chức kinh doanh là những khâu cơ sở của một hệ thống kinh tế xã hội nhất định, đảm nhiệm một chức năng kinh tế nhất định trực tiếp do quá trình tuần hoàn và chu chuyển các yếu tố sản xuất làm nảy sinh và được phân công lao động xã hội cố định lại. Hoạt động kinh doanh của một tổ chức kinh doanh *thực chất là hoạt động lắp đặt và điều hành các mối liên hệ và quan hệ kinh tế của mình theo một cơ chế nhất định, nhằm thực hiện những lợi ích kinh tế nhất định thông qua chức năng mà nó đảm nhiệm trong hệ thống phân công lao động xã hội.*

Khái niệm kinh doanh không đồng nhất với khái niệm kinh tế. Theo định nghĩa của môn kinh tế học chính trị thì kinh tế trước hết là tổng thể những quan hệ sản xuất lịch sử nhất định của một hệ thống quan hệ sản xuất nhất định. Hệ thống này bao gồm nhiều lớp quan hệ khác nhau, phản ánh những cấp bản chất khác nhau của một kiểu kinh tế - xã hội nhất định, từ những quan hệ bản chất nhất, sâu xa nhất đến những quan hệ lộ ra trên bề mặt đời sống kinh tế.

Trong khi đó thì *lĩnh vực kinh doanh chỉ bao gồm lớp quan hệ sản xuất nằm ở bề mặt đời sống kinh tế.* Đó là những quan hệ trực tiếp phản ánh quá trình thực hiện về mặt kinh tế quyền sở hữu về tư liệu sản xuất, tức là quá trình thực hiện lợi ích kinh tế của các bên tham gia vào nền sản xuất xã hội ở một thời đại lịch sử nhất định. Cơ chế kinh doanh là cái cơ chế vốn có với mọi hệ thống quan hệ sản xuất nào đó, gồm toàn bộ những hình thức, phương tiện, phương pháp và công cụ kích thích bảo đảm khả năng thực hiện được trên thực tế những lợi ích kinh tế khách quan mà một phương thức sản xuất nhất định, hay cụ thể hơn, một chế độ sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất quy định.

Các khái niệm quản lý kinh tế và kinh doanh cũng có những sắc thái khác biệt nhất định. Quản lý kinh tế là một khái niệm chung hơn, rộng hơn so với khái niệm kinh doanh. Nó bao gồm việc tổ chức, xếp đặt và điều hành mọi yếu tố, mọi khâu, mọi quá trình trực tiếp hay gián tiếp cần thiết cho sự vận động và phát triển của toàn bộ nền kinh tế (toàn bộ hệ thống quan hệ sản xuất, toàn bộ các ngành, các khu vực, các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân), trong đó có những khâu, những hoạt động trực tiếp gắn liền với việc thực hiện những chức năng nhất định của quá trình tuần hoàn và

Digitized by Google

chu chuyển các yếu tố sản xuất – tức là hoạt động kinh doanh – và những khâu, những hoạt động khác không trực tiếp gắn liền với các chức năng nói trên, song vẫn cần thiết cho đời sống kinh tế: dự báo, dự đoán, phân vùng quy hoạch, thống kê, đào tạo cán bộ v.v. Tuy nhiên những mặt hoạt động khác của quản lý, quy cho đến cùng là nhằm phục vụ những nhu cầu của kinh doanh bảo đảm cho tiến trình liên tục và không ngừng mở rộng của tái sản xuất của cải vật chất vì lợi ích của những người sở hữu tư liệu sản xuất. Bởi vậy mà tổ chức hoạt động kinh doanh thống nhất với quản lý kinh tế, *còn cơ chế kinh doanh và cơ chế quản lý kinh tế về thực chất là một*

Mỗi chế độ xã hội có một kiểu kinh doanh riêng, do phương thức sản xuất của xã hội đó quy định. Kinh doanh xã hội chủ nghĩa cũng vậy, nó khác một cách căn bản với mọi kiểu kinh doanh từng có trong lịch sử cả về phạm vi, tính chất lẫn phương thức thực hiện. Điều này có thể thấy rõ bằng cách đem so sánh kinh doanh xã hội chủ nghĩa với kinh doanh tư bản chủ nghĩa.

1 – *Kinh doanh xã hội chủ nghĩa là kiểu kinh doanh lần đầu tiên được tiến hành thống nhất trên phạm vi toàn xã hội.* Trước đó, do sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, hoạt động kinh doanh chỉ có thể là hoạt động của những xí nghiệp, công ty hay tổ chức độc quyền tiến hành một cách riêng rẽ, biệt lập với nhau. Mặc dù hoạt động này không thể diễn ra nếu thiếu những mối liên hệ và quan hệ kinh tế nhất định bên trong và bên ngoài cơ sở kinh doanh, và quy đến cùng thì những chức năng kinh tế nhất định mà một xí nghiệp, công ty tư bản đảm nhận đều bắt nguồn từ nhu cầu vận động của các yếu tố sản xuất của nền sản xuất xã hội với tư cách một thể thống nhất, song nó lại xuất hiện như là những lĩnh vực hoạt động biệt lập của những cá nhân hay tập đoàn tư bản nào đó, chỉ quan tâm làm sao cho các phương tiện kinh doanh của mình chu chuyển nhanh nhất, mang lại nhiều lợi nhuận nhất, bất chấp điều đó góp phần thúc đẩy hay ngăn cản sự vận động bình thường của các yếu tố sản xuất xã hội. Ở đây các quá trình tái sản xuất cá biệt không trực tiếp và ngay từ đầu hòa nhập với quá trình tái sản xuất xã hội. Cái sau chỉ là kết quả trung bình của vô số những biến động về bản chất không thể kiểm soát được về phía xã hội, và vì vậy, hình thành đằng sau lưng người kinh doanh như một lực lượng mù quáng và bí hiểm. Trong lĩnh vực kinh doanh có vô số chủ thể kinh doanh khác nhau, hành động theo những phương hướng và mục tiêu khác nhau đối lập với nhau.

Việc thiết lập chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, trước hết và chủ yếu là sở hữu toàn dân đã phá vỡ giới hạn chật hẹp của kinh doanh tư nhân, mở rộng phạm vi kinh doanh tới cấp toàn xã hội. *Là người sở hữu cộng đồng những tư liệu sản xuất cơ bản, xã hội trở thành người sản xuất tổng thể thống nhất và người tiêu dùng tổng thể thống nhất,* xuất hiện với tư cách chủ thể kinh doanh thống nhất điều hành quá trình tuần hoàn và chu chuyển các yếu tố sản xuất trong quá trình tái sản xuất xã hội thống nhất. Điều đó không có nghĩa là xã hội làm thay chức năng của những đơn vị kinh doanh cơ sở trong guồng máy của nền sản xuất xã hội. Sự tuần hoàn và chu chuyển của các yếu tố sản xuất trong bất cứ xã hội nào cũng được thực hiện thông qua những đơn vị kinh doanh cơ sở trực tiếp đảm nhận một chức năng nào đó trong quá trình này. Nhưng sở hữu toàn dân về tư liệu sản xuất đã làm cho những vòng khâu của quá trình tái sản xuất cá biệt trực tiếp hòa nhập với quá trình tái sản xuất xã

Digitized by Google

hội, trở thành những mắt xích hữu cơ của quá trình tái sản xuất xã hội. Sự vận động của các yếu tố sản xuất ở mỗi đơn vị kinh doanh có đặc thù riêng với tư cách là quá trình cá biệt, song nó trực tiếp phục tùng quá trình tái sản xuất xã hội nói chung bởi những phương tiện mà nó làm cho vận động là tài sản chung của toàn xã hội, được điều hành thống nhất trên toàn xã hội bằng một chủ thể kinh doanh thống nhất mà Nhà nước là đại biểu. Do đó, trong điều kiện sở hữu toàn dân về tư liệu sản xuất, không thể quan niệm hoạt động kinh doanh của từng đơn vị kinh doanh như một hoạt động riêng biệt của những đơn vị này.

Ngược lại, đem đồng nhất quá trình tái sản xuất cá biệt với quá trình tái sản xuất xã hội, không thấy những yếu tố đặc thù do sự tách biệt tương đối về kinh tế của các đơn vị kinh doanh gây ra cho quá trình tuần hoàn và chu chuyển các yếu tố sản xuất ở cấp đơn vị kinh doanh, đặc biệt là khi chúng còn xuất hiện với tư cách người sản xuất và trao đổi hàng hóa, sẽ dẫn đến chỗ tập trung hóa cao độ hoạt động kinh doanh, can thiệp không hợp lý vào những quá trình mà chỉ cơ sở mới có đủ điều kiện để có quyết định đúng đắn, vi phạm quyền chủ động kinh doanh của đơn vị kinh doanh. Điều đó làm giảm hiệu quả kinh tế—xã hội của kinh doanh—hình thức cụ thể của việc thực hiện các lợi ích kinh tế dưới chủ nghĩa xã hội, cũng có nghĩa là không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nội dung kinh tế của sở hữu toàn dân về tư liệu sản xuất.

Chính vì vậy mà *cơ sở của kinh doanh xã hội chủ nghĩa, nguyên tắc căn bản nhất của hoạt động kinh doanh dưới chủ nghĩa xã hội là tập trung dân chủ.*

Sự thống nhất biện chứng giữa tập trung và dân chủ trong kinh doanh xã hội chủ nghĩa bao hàm cả việc giải quyết năng động mâu thuẫn không đối kháng giữa chúng với nhau. Có thể nói rằng toàn bộ lịch sử kinh doanh xã hội chủ nghĩa là quá trình tìm kiếm những phương thức kết hợp tối ưu tập trung và dân chủ mà *nội dung cơ bản là xác định mức độ hợp lý, trên cơ sở đó bảo đảm được quyền chủ động kinh doanh thật sự của đơn vị kinh doanh trong việc sử dụng các phương tiện mà xã hội trao cho để thực hiện có hiệu quả nhất nhiệm vụ được giao.*

2 — Kinh doanh xã hội chủ nghĩa là kinh doanh vì lợi ích của toàn xã hội.

Như trên đã phân tích, kinh doanh là quá trình thực hiện về mặt kinh tế quyền sở hữu về tư liệu sản xuất, là quá trình người chủ sở hữu thông qua một chức năng kinh tế nhất định mà thực hiện được trên thực tế lợi ích kinh tế của mình. Sở hữu tư nhân quy định một cách khách quan mục đích cao nhất của kinh doanh là lợi ích tư nhân của người kinh doanh. Để thực hiện được lợi ích đó, người kinh doanh có thể đầu tư phương tiện của mình vào bất cứ lĩnh vực nào miễn là thu được nhiều lợi nhất cho cá nhân mình, bất chấp điều đó có ảnh hưởng như thế nào đến đời sống chung của toàn xã hội. Ngược lại, sở hữu toàn dân về tư liệu sản xuất làm cho lợi ích của toàn xã hội trở thành *lợi ích cao nhất và căn bản nhất của kinh doanh xã hội chủ nghĩa*. Các đơn vị kinh doanh dù hoạt động ở khâu nào, lĩnh vực nào, đều được định hướng và thúc đẩy bằng một mục tiêu chung, khách quan vốn có của chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa: thỏa mãn ngày càng đầy đủ nhu cầu thường xuyên tăng lên và sự phát triển toàn diện của mọi thành viên trong xã hội.

Tuy nhiên, nền sản xuất xã hội trực tiếp không loại trừ những dạng lợi ích khác với tư cách những yếu tố cấu thành của hệ thống lợi ích khách quan

Digitized by Google

dưới chủ nghĩa xã hội, được quy định bởi cơ cấu của hệ thống quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Sự tách biệt tương đối về kinh tế của các xí nghiệp xã hội chủ nghĩa đẻ ra lợi ích kinh tế tập thể đặc thù. Tính chất đặc thù này bắt nguồn từ sự tuần hoàn và chu chuyển tương đối tách biệt của những yếu tố sản xuất mà xã hội trao cho từng đơn vị kinh doanh, cùng với kết quả đặc thù do sự vận động đó tạo nên. Lợi ích tập thể hướng hoạt động của tập thể trước hết vào việc đạt được những kết quả đặc thù của mình nhằm thỏa mãn đầy đủ hơn những nhu cầu sản xuất và phi sản xuất của tập thể. Điều này có thể không phù hợp hoàn toàn với lợi ích toàn xã hội, với kết quả cuối cùng của nền kinh tế quốc dân. Mâu thuẫn không đối kháng đó giữa lợi ích tập thể và lợi ích toàn dân được xã hội giải quyết bằng cách củng cố thường xuyên mối liên hệ trực tiếp giữa mức độ thỏa mãn nhu cầu của tập thể lao động với phần đóng góp của tập thể vào kết quả cuối cùng của nền kinh tế quốc dân. Nó đòi hỏi phải luôn luôn hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động của đơn vị kinh doanh cùng những công cụ và đòn bẩy kinh tế tương ứng để hướng hoạt động của tập thể phù hợp nhất với lợi ích của toàn xã hội.

Dưới chủ nghĩa xã hội, mỗi thành viên của xã hội là một người chủ bình đẳng với những thành viên khác về mặt sở hữu những tư liệu sản xuất đã thuộc về toàn xã hội. Do đó, mỗi người vừa là chủ thể của lợi ích toàn dân, vừa là chủ thể của lợi ích tập thể đặc thù mà người đó là một thành viên. Thỏa mãn lợi ích toàn dân và lợi ích tập thể cũng có nghĩa là *thỏa mãn nhất định* lợi ích của mỗi cá nhân.

Song lợi ích cá nhân bao giờ cũng có tính chất cá nhân. Cơ sở của tính cá nhân này là sự khác nhau về năng lực, về trình độ văn hóa – chuyên môn, về nhu cầu của những người lao động khác nhau. Với tư cách chủ thể của lợi ích toàn dân và lợi ích tập thể, người lao động hướng hoạt động của mình vào việc đẩy nhanh tiến bộ kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội của sản xuất để đạt được phúc lợi chung ngày càng cao. Với tư cách chủ thể lợi ích cá nhân của bản thân mình, người đó nỗ lực trước hết nhằm thỏa mãn những nhu cầu cá nhân của mình. Ở đây cũng xuất hiện mâu thuẫn không đối kháng giữa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích toàn dân. Nó cũng được giải quyết theo hướng bảo đảm sự phụ thuộc trực tiếp giữa mức độ thỏa mãn nhu cầu của mỗi cá nhân với đóng góp lao động của cá nhân đó cho kết quả chung của tập thể và toàn xã hội. Bởi vậy, thường xuyên cải tiến các hình thức và phương pháp nhằm thực hiện triệt để hơn nữa nguyên tắc phân phối theo lao động là một trong những yêu cầu cơ bản của tổ chức kinh doanh dưới chủ nghĩa xã hội, cho phép hướng mọi nỗ lực của cá nhân vào mục tiêu chung.

Lợi ích luôn luôn là động lực của kinh doanh, kể cả kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Sở hữu toàn dân về tư liệu sản xuất quyết định sự thống nhất của các lợi ích kinh tế dưới chủ nghĩa xã hội, bảo đảm khả năng kết hợp chúng một cách hài hòa. Ở đây địa vị ưu tiên và vai trò chủ đạo của lợi ích toàn dân được thực hiện trên cơ sở tạo ra những điều kiện để biểu lộ tính tích cực lao động của mỗi tập thể và cá nhân nhờ luôn luôn tính đến và lợi dụng *tác động thúc đẩy trực tiếp* của các lợi ích tập thể và cá nhân. *Về thực chất, kinh doanh xã hội chủ nghĩa là quá trình làm cho cái gì có lợi đối với toàn xã hội nói chung thì cũng phải có lợi về mặt kinh tế đối với từng tập thể và cá nhân người lao động. Còn quyền tự chủ của đơn vị kinh doanh* – điều kiện không thể

Digitized by Google

thiểu được để kinh doanh có hiệu quả dưới chủ nghĩa xã hội — *không phải là cái gì khác ngoài một hệ thống những biện pháp, công cụ, thể chế bảo đảm cho đơn vị kinh doanh có thể thỏa mãn tốt nhất những lợi ích tập thể và cá nhân của mình trong chừng mực đó là những lợi ích không đối lập với lợi ích toàn dân.*

3 — Kinh doanh xã hội chủ nghĩa là hoạt động kinh doanh được tổ chức có kế hoạch trên phạm vi toàn xã hội.

Việc mở rộng phạm vi kinh doanh trên quy mô toàn xã hội vì lợi ích của cả xã hội không thể thực hiện được nếu kinh doanh diễn ra một cách tự phát, vô chính phủ, do những đơn vị kinh doanh tiến hành một cách biệt lập với nhau. Mặt khác, sở hữu toàn dân về tư liệu sản xuất tạo điều kiện cho việc phối hợp kinh doanh theo một kế hoạch thống nhất trên toàn xã hội trở thành hiện thực. Xã hội mà Nhà nước là đại biểu có thể điều hành hoạt động kinh doanh của tất cả các ngành, các cấp, các khâu theo một kế hoạch chung. *Tính kế hoạch trở thành phương thức đặc trưng của việc kinh doanh dưới chủ nghĩa xã hội.*

Tính kế hoạch có thể được biểu hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau. Song tổng quát nhất thì tính kế hoạch là sự điều tiết toàn dân — bằng tổng thể phong phú các hình thức, phương pháp và phương tiện khác nhau — việc sản xuất và phân phối tổng sản phẩm xã hội trực tiếp vì mục đích bảo đảm toàn bộ nhu cầu xã hội, phúc lợi và sự phát triển toàn diện của mọi thành viên trong xã hội. Do nội dung đặc thù này mà tính kế hoạch có khả năng thực hiện vai trò hình thức xã hội phổ biến của sự hoạt động và phát triển của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa. Chỉ dưới hình thức các mối liên hệ sản xuất xã hội trực tiếp, có kế hoạch mà toàn bộ hệ thống quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và các quy luật kinh tế dưới chủ nghĩa xã hội — trong đó có các quan hệ hàng hóa — tiền tệ và quy luật giá trị — mới có thể thực hiện được các yêu cầu, thuộc tính vốn có của mình.

Dưới chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, quy luật giá trị là kẻ điều tiết chủ yếu nền sản xuất. Thông qua quy luật giá trị, thông qua cơ chế thị trường mà thực hiện được quy luật giá trị thặng dư và các quy luật kinh tế khác của chủ nghĩa tư bản. Trong điều kiện công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, kẻ điều tiết *chủ yếu* nền sản xuất là quy luật phát triển có kế hoạch. Thông qua cơ chế của quy luật có kế hoạch mà vận dụng được hệ thống các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội — trong đó quy luật giá trị là một yếu tố cấu thành — trong việc điều tiết nền sản xuất xã hội. Chính vì vậy mà *kế hoạch hóa trở thành khâu trung tâm trong cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Củng cố và hoàn thiện công tác kế hoạch hóa, bảo đảm và tăng cường hiệu quả của việc lãnh đạo có kế hoạch tập trung nền kinh tế quốc dân là phương hướng chủ yếu của việc thiết lập và hoàn thiện cơ chế kinh doanh mới — xã hội chủ nghĩa.*

Phương hướng nói trên bao hàm một nội dung cực kỳ quan trọng, đó là nhận thức và vận dụng triệt để vai trò tích cực khách quan vốn có của các quan hệ hàng hóa — tiền tệ và quy luật giá trị để tổ chức có kế hoạch, với hiệu quả cao nhất hoạt động kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Là những quan hệ và quy luật tồn tại khách quan dưới chủ nghĩa xã hội, do ảnh hưởng chi phối của các quy luật kinh tế đặc thù của chủ nghĩa xã hội mà mang nội dung kinh tế — xã hội mới, các quan hệ hàng hóa — tiền tệ và quy luật giá trị hòa nhập vào hệ thống quan hệ sản xuất và quy luật vốn có của chủ nghĩa xã hội, trở thành một hình thức

Digitized by Google

biểu hiện đặc thù của các quan hệ xã hội trực tiếp và vì vậy là một phương tiện không thể thay thế được để thực hiện bản chất kinh tế của chủ nghĩa xã hội, thành một yếu tố cần thiết của cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Chúng được sử dụng với tư cách công cụ để nâng cao mối quan tâm vật chất của tập thể và người lao động đến việc phát triển sản xuất. *Không có quan hệ hàng hóa – tiền tệ, quy luật giá trị thì không thể vận dụng được bất cứ quy luật kinh tế đặc thù nào của chủ nghĩa xã hội*

Sự tác động của quy luật giá trị (trong điều kiện có sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa quy luật giá trị và các quy luật kinh tế đặc thù của chủ nghĩa xã hội và trong điều kiện quy luật giá trị bị chi phối bởi các quy luật kinh tế đặc thù của chủ nghĩa xã hội) đối với hoạt động của các xí nghiệp – người sản xuất hàng hóa kiểu mới – đã làm xuất hiện một loại quan hệ kinh tế mới, riêng có của chủ nghĩa xã hội, các quan hệ hạch toán. Những quan hệ này phản ánh sự vận động và sử dụng các yếu tố sản xuất trong quá trình kinh doanh của các xí nghiệp xã hội chủ nghĩa. Chúng hợp thành hình thức kinh tế đặc thù của tái sản xuất cá biệt dưới chủ nghĩa xã hội. Các quan hệ hạch toán là hệ thống những quan hệ giữa xí nghiệp với xã hội, giữa xí nghiệp với nhau và bên trong từng xí nghiệp, hình thành một cách khách quan và được vận dụng tự giác để bảo đảm sự phù hợp giữa kết quả hoạt động của đơn vị kinh doanh với các nguồn vật tư, lao động và tài chính mà xã hội trao cho một cách có kế hoạch để thực hiện một chức năng nhất định, trên cơ sở sử dụng có kế hoạch các công cụ, đòn bẩy hàng hóa – giá trị với nội dung mới của chúng nhằm bảo đảm giải quyết thỏa đáng các lợi ích kinh tế khách quan dưới chủ nghĩa xã hội.

Nhờ vận dụng các quan hệ hạch toán – thông qua chế độ hạch toán kinh tế – mà thực hiện được việc tổ chức có kế hoạch nền sản xuất xã hội trong điều kiện còn sản xuất hàng hóa, tạo ra được sự quan tâm vật chất của đơn vị kinh doanh đến việc hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước, phát huy được tính tích cực và chủ động sáng tạo của tập thể và cá nhân người lao động đối với việc mở rộng sản xuất, cải tiến chất lượng sản phẩm, giảm lao phí lao động xã hội, đáp ứng kịp thời hơn nhu cầu muôn màu muôn vẻ và luôn luôn biến động của sản xuất và đời sống. Hạch toán kinh tế cho phép giải quyết một cách năng động mâu thuẫn của kinh doanh xã hội chủ nghĩa – *một mặt* là hoạt động thống nhất trên phạm vi toàn xã hội, được xã hội tổ chức có kế hoạch vì lợi ích của mọi thành viên xã hội; *mặt khác*, lại được thực hiện thông qua hoạt động của những đơn vị kinh doanh tương đối tách biệt về mặt kinh tế như những người sản xuất hàng hóa với những lợi ích tập thể và cá nhân đặc thù của mình. Bởi vậy mà *hạch toán kinh tế về khách quan trở thành phương thức chủ yếu của việc tổ chức hoạt động kinh doanh ở cấp đơn vị cơ sở dưới chủ nghĩa xã hội*. Củng cố và hoàn thiện chế độ hạch toán kinh tế là một trong những nội dung quan trọng nhất của việc tăng cường tính kế hoạch của kinh doanh xã hội chủ nghĩa trong điều kiện còn sản xuất và trao đổi hàng hóa.

Tóm lại kinh doanh xã hội chủ nghĩa, là hoạt động kinh doanh thống nhất trên phạm vi toàn xã hội, vì lợi ích của toàn xã hội, và được xã hội tổ chức một cách có kế hoạch thông qua một trung tâm kinh tế duy nhất là Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Song kinh doanh xã hội chủ nghĩa lại do những đơn vị kinh doanh tương đối tách biệt về kinh tế trực tiếp đảm nhiệm. Những đơn

Digitized by Google

vị này vốn có những lợi ích tập thể và cá nhân đặc thù của mình, và xuất hiện với tư cách những người sản xuất và trao đổi hàng hóa kiểu mới, xã hội chủ nghĩa. Hiệu quả của kinh doanh xã hội chủ nghĩa phụ thuộc vào mức độ tích cực, chủ động của đơn vị kinh doanh, vào sự quan tâm thiết thân của tập thể và cá nhân người lao động đến việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Bởi vậy mà nguyên tắc cơ bản của kinh doanh xã hội chủ nghĩa là tập trung dân chủ. Nó đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh trên cơ sở bảo đảm quyền chủ động kinh doanh của đơn vị cơ sở trong việc hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước. Điều này chỉ có thể thực hiện được bằng một hệ thống các công cụ, biện pháp nhằm tạo điều kiện thỏa mãn đầy đủ nhất những lợi ích tập thể và cá nhân người lao động ở mỗi đơn vị kinh doanh trong chừng mực những lợi ích đó phù hợp với lợi ích toàn dân. Phương thức thích hợp nhất, đáp ứng được yêu cầu đặt ra là chế độ hạch toán kinh tế. Nhờ áp dụng chế độ này mà những mâu thuẫn biện chứng giữa tập trung và dân chủ, giữa lợi ích toàn dân với lợi ích tập thể và cá nhân, giữa tính kế hoạch và tính hàng hóa của kinh doanh xã hội chủ nghĩa được giải quyết một cách năng động, thỏa đáng.

Thời kỳ quá độ chưa phải là thời kỳ mà những đặc trưng trên đây của kinh doanh xã hội chủ nghĩa bộc lộ ra một cách đầy đủ, hoàn chỉnh, bởi vì kiểu kinh doanh mới, xã hội chủ nghĩa, chưa thống trị tuyệt đối, do sự tạo lập chưa hoàn chỉnh những cơ sở vốn có bên trong của chủ nghĩa xã hội và do sự tồn tại những điều kiện làm cho kiểu kinh doanh cũ, phi xã hội chủ nghĩa, chưa hoàn toàn bị loại trừ khỏi đời sống kinh tế — xã hội. Trong cơ chế kinh doanh của thời kỳ quá độ không thể không có những yếu tố quá độ, trung gian, phi xã hội chủ nghĩa và nửa xã hội chủ nghĩa. Nhưng việc xây dựng cơ chế kinh doanh ngay trong điều kiện của thời kỳ quá độ cũng luôn luôn phải được *định hướng* bởi những đặc trưng và yêu cầu của kinh doanh xã hội chủ nghĩa, vì quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã đóng vai trò chủ đạo và vì mục tiêu cuối cùng mà thời kỳ quá độ phải đạt đến là chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

LÊ XUÂN TÙNG

MỘT VÀI SUY NGHĨ BƯỚC ĐẦU VỀ BẢN CHẤT KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

KINH doanh là một phạm trù kinh tế *gắn liền với sản xuất hàng hóa*. Nó phản ánh quan hệ giữa người và người trong sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng của cải vật chất xã hội nhằm mục đích thu về một giá trị lớn hơn giá trị đã bỏ ra ban đầu. Đó là mục tiêu trực tiếp và điều kiện để từng cơ sở tiến hành kinh doanh và tái kinh doanh.

Trong nền kinh tế tự cấp tự túc hoàn toàn không có khái niệm kinh doanh. Ở đây, người ta sản xuất là cốt để tự tiêu dùng, thỏa mãn nhu cầu trực tiếp, cần gì sản xuất nấy. Nếu có ai đó tính toán chi phí lao động bỏ ra so với kết quả thu về thì cũng mang tính chất hình thức. Không thể đặt vấn đề tự mình kinh doanh để bán cho mình. Do sản xuất và sản phẩm không được xã hội đánh giá, thiếu một thước đo xã hội cho nên không có động lực mạnh mẽ thúc đẩy sản xuất phát triển, cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa tổ chức lao động.

Kinh doanh ra đời khi xuất hiện chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và phân công lao động xã hội, có nghĩa là cùng với nền sản xuất hàng hóa giản đơn và quan hệ giá trị. Nhưng những người tiểu sản xuất hàng hóa hoạt động theo công thức H—T—H, nhằm mục đích giá trị sử dụng, không có quan hệ gì đến khái niệm kinh doanh. Hoạt động kinh doanh chỉ liên quan đến một bộ phận người trong xã hội tiền tư bản chủ nghĩa, đó là tư bản thương nghiệp và tư bản cho vay nặng lãi, hoạt động theo công thức T—H—T' và T—T'. Kinh doanh đạt tới quy mô to lớn và hình thức đa dạng trong chế độ tư bản chủ nghĩa, khi mục đích của mọi hoạt động kinh tế là giá trị, hơn nữa là giá trị thặng dư và lợi nhuận. Dưới chủ nghĩa xã hội, do còn tồn tại sản xuất hàng hóa cho nên vẫn còn hoạt động kinh doanh với bản chất mới và những nguyên tắc mới về chất.

Trong bộ *Tư bản*, C. Mác phân biệt rõ 2 loại tư bản: tư bản sở hữu và tư bản chức năng. Tư bản sở hữu là tư bản « chết », nằm yên; tư bản chức năng là tư bản hoạt động, tư bản kinh doanh làm cho tư bản « chết » thành tư bản « sống ». Tùy thuộc vào kiểu và tính chất của sở hữu tư liệu sản xuất mà có *một chế độ, một kiểu* kinh doanh nhất định. Sở hữu tư bản chủ nghĩa sản sinh ra kiểu kinh doanh tư bản chủ nghĩa — mục đích là giá trị thặng dư và phương tiện để đạt mục đích là bóc lột lao động làm thuê; phương pháp kinh doanh là hạch toán thương mại; phương thức kinh doanh là cạnh tranh tự phát « cá lớn nuốt cá bé ». Còn sở hữu xã hội chủ nghĩa sản sinh

Digitized by Google

ra kiểu kinh doanh xã hội chủ nghĩa — mục đích là nâng cao không ngừng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân lao động bằng cách phát triển sản xuất trên cơ sở chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và áp dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật ngày càng hiện đại; phương pháp kinh doanh là hạch toán kinh tế; phương thức kinh doanh là có kế hoạch tự giác.

Mặt khác, quan hệ kinh doanh tác động trở lại quan hệ sở hữu. Quan hệ sở hữu quy định bản chất xã hội của kinh doanh, mục đích và xu hướng vận động của nó. Nhưng tự nó, quan hệ sở hữu không tạo ra và không làm tăng thêm sản phẩm và giá trị. Nó chỉ là điều kiện cơ bản và tiên quyết của kinh doanh. Muốn làm được điều đó, quan hệ sở hữu phải được thực hiện *thông qua quan hệ kinh doanh*. Nhờ có hoạt động kinh doanh mà quan hệ sở hữu được thực hiện về mặt kinh tế; kinh doanh càng có hiệu quả thì mức độ thực hiện sở hữu về mặt kinh tế càng cao. Kinh doanh bao giờ cũng phục vụ cho chế độ sở hữu, là hành động tiếp sau sở hữu. Mặc dù kinh doanh do ai tiến hành và xuất hiện dưới hình thức nào, bao giờ nó cũng đóng vai trò làm cho sở hữu từ chỗ tồn tại về mặt hình thức — pháp lý, trở thành tồn tại thực tế. Có thể cảm nhận được rõ ràng điều đó trên bề mặt của đời sống xã hội.

Hiện nay, trong các từ điển và sách báo kinh tế còn thiếu định nghĩa về kinh doanh, nếu có thì cũng hết sức sơ sài.

Theo chúng tôi, hiểu một cách chung nhất, kinh doanh là *tổng thể phương thức, các phương pháp, hình thức và biện pháp nhằm tổ chức các hoạt động kinh tế để thực hiện có hiệu quả về mặt kinh tế một chế độ sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất.*

Phân tích sâu hơn, kinh doanh xã hội chủ nghĩa gồm các bộ phận hợp thành sau đây:

— *Kế hoạch hóa*, như là khâu trung tâm của kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

— *Hạch toán kinh tế*, như là khâu cốt lõi của kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

— *Các đòn bẩy kinh tế*, (giá, lương, tài chính, tín dụng, lợi nhuận, cung ứng và tiêu thụ sản phẩm, v. v.) thể hiện thành các chính sách kinh tế cụ thể.

— *Các đòn bẩy ngoài kinh tế* như pháp luật, tâm lý, tư tưởng... tác động vào kinh tế.

— *Các hình thức tổ chức kinh doanh (bộ máy kinh doanh và hình thức kinh doanh).*

Tóm lại, kinh doanh xã hội chủ nghĩa bao gồm ba bộ phận chính: phương thức, phương pháp và hình thức tổ chức kinh doanh. Những bộ phận này vừa nằm ở cơ sở hạ tầng, vừa nằm ở kiến trúc thượng tầng, nhưng đều có mục tiêu chung là tác động vào hoạt động kinh tế.

Được hiểu như trên thì kinh doanh xã hội chủ nghĩa gióng với cơ chế kinh tế xã hội chủ nghĩa (*).

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa vừa là khoa học vừa là nghệ thuật. Là khoa học vì nó bị chi phối bởi các quy luật kinh tế, và là kết quả của sự vận dụng các quy luật đó. Là nghệ thuật vì nó đòi hỏi tính năng động, khéo léo, nhạy cảm, biết tìm ra và thực hiện các

(*) Đó cũng là ý kiến của tập thể tác giả cuốn sách *Chế độ kinh tế của chủ nghĩa xã hội* gồm nhiều nhà khoa học nổi tiếng của Liên xô (Nhà xuất bản kinh tế, Mát-xcơ-va, 1984). « Cơ chế kinh tế dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là hệ thống tiến hành kinh doanh xã hội chủ nghĩa có kế hoạch với tư cách là một chỉnh thể thống nhất, nhằm nâng cao một cách có hệ thống phúc lợi của nhân dân và phát triển một cách toàn diện tất cả mọi thành viên của xã hội, không ngừng tăng hiệu quả kinh tế — xã hội của sản xuất xã hội trên cơ sở không ngừng nâng cao trình độ phát triển về số lượng và chất lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. »

Digitized by Google

phương án tối ưu, các biện pháp có hiệu quả nhất giữa các tình huống kinh tế phức tạp.

Trong hoạt động kinh doanh, người ta quan tâm nhất đến đầu vào (chi phí bỏ ra) và đầu ra (thu hồi vốn và có lãi). Do đó, phạm trù doanh lợi (hay lợi nhuận) có ý nghĩa hàng đầu trong hoạt động kinh doanh, như là mục tiêu trực tiếp và là tiêu chuẩn đánh giá hoạt động kinh doanh đối với từng đơn vị kinh tế cơ sở. Dĩ nhiên, mức doanh lợi đạt được không phải là bằng bất kỳ hình thức và biện pháp nào trái với bản chất kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, không nên tính toán lỗ lãi một cách đơn thuần trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Trong khi đại đa số các cơ sở kinh doanh phải có lãi thỏa đáng, thì do điều kiện đặc thù nào đó, một số ít cơ sở kinh doanh tạm thời chưa đạt được mức doanh lợi cần thiết, nhưng hoạt động của nó còn cần cho nền kinh tế thì Nhà nước phải có chính sách bù lỗ hoặc trợ giá.

Để có doanh lợi, hạch toán kinh tế đóng vai trò tích cực, cốt lõi. Thiếu nó hoặc xem nhẹ nó thì không thể nói là thật sự kinh doanh xã hội chủ nghĩa và có doanh lợi. Kinh doanh xã hội chủ nghĩa hoàn toàn không dung hợp với chế độ bao cấp trong kinh tế mà đặc trưng là « cấp phát — giao nộp », « thu đủ, chi đủ », « thực chi — thực thanh »..., không cần tính toán lời lỗ. Nếu không đoạn tuyệt với chế độ bao cấp, chuyển mạnh sang chế độ kinh doanh mà cốt lõi là hạch toán kinh tế, thì sớm muộn cũng cạn nguồn lực để duy trì các hoạt động kinh tế bình thường.

Tùy theo bản chất của các quan hệ sản xuất mà có những kiểu (chế độ) kinh doanh nhất định: kinh doanh trong nền sản xuất tiền tư bản chủ nghĩa (tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay lãi nặng), kinh doanh tư bản chủ nghĩa, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Đến lượt nó, kinh doanh có các loại hình như kinh doanh công nghiệp, kinh doanh nông nghiệp, kinh doanh thương nghiệp, dịch vụ, xuất — nhập khẩu, kinh doanh tài chính, ngân hàng, du lịch, khoa học — kỹ thuật (trừ một số lĩnh vực khoa học cơ bản), v.v.

Tránh cách hiểu kinh doanh chỉ có nghĩa là buôn bán, thương nghiệp. Trong bộ *Tư bản*, C. Mác đã nói đến các loại hình kinh doanh khác nhau: kinh doanh công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, tiền tệ... Vì vậy, sẽ là thừa và trùng lắp khi ta nói: « Sản xuất, kinh doanh », vì sản xuất cũng là kinh doanh, cũng như buôn bán là kinh doanh. Chỉ có thể bổ sung thêm tính từ sau danh từ kinh doanh, nếu chúng ta muốn đề cập cụ thể loại hình kinh doanh (kinh doanh công nghiệp, nông nghiệp, tiền tệ v.v.).

Từ cách định nghĩa và nêu nội dung của kinh doanh xã hội chủ nghĩa như trên, không thể đồng nhất kinh doanh xã hội chủ nghĩa và hạch toán kinh tế. Kinh doanh rộng hơn hạch toán kinh tế, bao hàm hạch toán kinh tế. Nếu kinh doanh xã hội chủ nghĩa là tổng thể phương thức, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động kinh tế thì hạch toán kinh tế chỉ là *một trong những phương pháp và công cụ của kinh doanh xã hội chủ nghĩa*. Nói đầy đủ hơn, hạch toán kinh tế vừa là một phạm trù kinh tế, vừa là một phương pháp kinh doanh và là một công cụ của quản lý kinh tế. Là phạm trù kinh tế vì nó biểu hiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, quan hệ giữa người và người trong quá trình sản xuất và tái sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, theo một kế hoạch chung thống nhất với những định hướng chính sách, quy chuẩn chung, dựa trên sự thống nhất hài hòa ba

Digitized by Google

loại lợi ích: xã hội, tập thể và cá nhân người lao động.

Là phương pháp kinh doanh vì nó là kiểu kinh doanh có kế hoạch, dùng tiền tệ làm thước đo hao phí và kết quả kinh doanh, dùng thu nhập của bản thân xí nghiệp để bù đắp chi phí và có doanh lợi, có trách nhiệm về vật chất bằng thưởng và phạt vật chất. Nó bảo đảm và khuyến khích tính chủ động và năng động của xí nghiệp trên nhiều lĩnh vực. Với phương pháp đó, nó là đòn bẩy mạnh mẽ nhất thúc đẩy xí nghiệp hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch.

Hạch toán kinh tế là công cụ quản lý kinh tế có hiệu quả, vừa bảo đảm cho kinh doanh của xí nghiệp vận động theo phương hướng của kế hoạch Nhà nước, phục vụ cho lợi ích của toàn xã hội, vừa mở rộng hành lang cho quyền chủ động của cơ sở và người lao động. Đó là công cụ quản lý kinh tế lấy biện pháp kinh tế làm chủ đạo. Nó tạo ra những điều kiện cần thiết bên trong và bên ngoài để xí nghiệp có thể tự vận động, để Nhà nước cũng như xí nghiệp có thể kiểm tra được hoạt động của mình.

Từ cách hiểu về mối quan hệ giữa hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa như trên, cần xem xét lại cách nói và cách viết sau:

— Hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa (hai phạm trù này đứng ngang hàng, độc lập).

— Hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa (vừa nói cái riêng vừa nói cái chung, trong khi cái chung đã bao hàm cái riêng).

— Hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa (khái niệm hạch toán theo nghĩa tính toán thông thường liệu biểu cho phương pháp kinh doanh xã hội chủ nghĩa).

Tóm lại, kinh doanh xã hội chủ nghĩa là phạm trù chung nhất, xuyên suốt mọi hoạt động kinh tế. Phải đặt trên cơ sở kinh doanh từ kế hoạch (và ngược lại kinh doanh phải có kế hoạch), tài chính, ngân hàng (tiền tệ, tín dụng), nội thương, ngoại thương, giá cả... cho đến các ngành sản xuất vật chất. Và để bảo đảm kinh doanh có hiệu quả, các loại hình kinh doanh đều phải dựa trên nguyên tắc *hạch toán kinh tế*.

★

Ra đời trên cơ sở kinh tế mới về chất, kinh doanh xã hội chủ nghĩa có những nguyên tắc nhất định. Ở đây, chúng tôi nêu lên những nguyên tắc chung nhất và đang là những điểm nóng trong thực tiễn kinh doanh ở nước ta hiện nay.

a) Trước hết, mọi hoạt động kinh doanh dưới chủ nghĩa xã hội đều phải dựa trên *chế độ tập trung dân chủ*. Về mặt kinh tế, chế độ tập trung bắt nguồn từ chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất, cơ sở để thống nhất lợi ích và thống nhất hành động giữa những người tham gia vào phân công lao động xã hội. Về mặt chính trị, đó là vai trò của Nhà nước chuyên chính vô sản, người lãnh đạo và tổ chức các hoạt động kinh doanh, đại biểu cho lợi ích toàn dân. Chế độ tập trung bảo đảm cho mọi hoạt động kinh doanh được phối hợp hài hòa, tạo ra tổng hợp lực để giải quyết những nhiệm vụ kinh tế — xã hội chủ yếu, bảo đảm khai thác và sử dụng các tiềm năng và các nguồn lực một cách tiết kiệm nhất, bảo đảm thực hiện phương hướng chính trị của kinh doanh. Chế độ tập trung không đối lập với dân chủ, mà sức sống và tính hiệu quả của nó dựa trên việc mở rộng dân chủ, càng dân chủ triệt để thì tập trung càng đúng đắn và càng có hiệu lực. Nếu làm khác đi sẽ là tập trung quan liêu. Mặt khác, dân

Digitized by Google

chủ không dựa trên cơ sở tập trung sẽ dẫn đến hoạt động kinh doanh tự phát, vô chính phủ, phân tán, cục bộ bản vị, cạnh tranh, gây ra lãng phí sức lao động và của cải vật chất, vô hiệu hóa hoạt động kinh doanh của từng đơn vị kinh tế cơ sở. Vì vậy, tập trung và dân chủ là hai mặt mâu thuẫn thống nhất, làm tiền đề và điều kiện cho nhau để cùng tồn tại và phát triển

Vấn đề đặt ra đối với chúng ta hiện nay là *tập trung thật đích đáng và mở rộng dân chủ đầy đủ*. Các tổ chức kinh tế trên đơn vị cơ sở có thể và cần tập trung sự lãnh đạo và tổ chức quản lý vào những lĩnh vực, những mặt cơ bản nhất và có liên quan đến lợi ích toàn cục hoặc trên phạm vi rộng. Khả năng cấp trên quản lý trực tiếp đến đâu còn tùy thuộc vào các điều kiện vật chất mà mình có, khả năng nắm bắt thông tin và năng lực quản lý, điều hành. Trường hợp không bảo đảm được những điều kiện đó, phải phân giao cho cấp dưới quản lý theo các quy định chung của cấp trên. Việc phân biệt tương đối chức năng quản lý hành chính — kinh tế và quản lý kinh doanh là một trong những cơ sở quan trọng bảo đảm sự tập trung đích đáng của các cơ quan quản lý cấp trên và sự mở rộng dân chủ ở bên dưới. Nghị quyết 306 của Bộ chính trị trung ương Đảng (dự thảo) về quyền tự chủ của cơ sở là một bước tiến mới theo hướng mở rộng dân chủ cho cơ sở và thực hiện tập trung đích đáng ở bên trên. Tuy nhiên, cần có thời gian và sự chỉ đạo kiên quyết, có các chính sách đồng bộ, nhất quán, thì những chủ trương trên mới thành hiện thực. Thực trạng hiện nay là tập trung còn quan liêu nặng do không sát cơ sở, do bộ máy nhiều tầng nhiều lớp, nhiều khâu trung gian cách bức, nhiều chế độ, chính sách lỗi thời. Trong nhiều trường hợp, cấp quản lý trung ương buông lỏng công tác quản lý của mình, đồng thời thiếu kiên quyết, nể nang, dung hòa các ý kiến khác nhau trong các nghị quyết về quản lý. Ngay ở cấp trung ương, việc chỉ đạo, điều hành còn phân tán, không đồng bộ, nhiều khi chồng chéo và mâu thuẫn nhau.

Tình trạng đó tất yếu dẫn đến hậu quả mạnh ai nấy làm, lộn xộn, phân tán, tùy tiện trong các hoạt động kinh doanh của cấp dưới. Cũng cần phải khắc phục thiên hướng tư duy nhấn mạnh một chiều tập trung hoặc dân chủ — nguồn gốc của bệnh tập trung quan liêu cũng như dân chủ quá trớn.

b) Kinh doanh xã hội chủ nghĩa phải *phục từng nhiệm vụ chính trị của chuyên chính vô sản*. Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế, là kinh tế cô đặc lại, là phản ánh lợi ích của giai cấp thống trị về kinh tế. Kinh tế quyết định chính trị. Đồng thời, chính trị tác động trở lại kinh tế theo hướng thúc đẩy hay kìm hãm quá trình kinh tế. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác — Lê-nin thì kinh tế quyết định chính trị, nhưng chính trị giữ địa vị hàng đầu so với kinh tế. Điều đó có nghĩa là trong việc giải quyết các nhiệm vụ kinh tế, *phải bảo đảm các quan điểm chính trị đúng đắn*. Làm kinh tế, hoạt động kinh doanh không phải vì mục đích tự thân, mà nhằm giải quyết các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội do Đảng và Nhà nước đề ra. Điều đó đòi hỏi: — trong khi giải quyết các nhiệm vụ kinh tế và kinh doanh phải đứng trên lợi ích toàn cục của nền kinh tế quốc dân đối lập với lợi ích phường hội cục bộ, phải kết hợp hài hòa ba loại lợi ích.

Hoạt động kinh doanh phải nhằm nâng cao đời sống, tăng quy mô tích lũy để phát triển sản xuất; hiệu quả kinh doanh phải dựa trên cơ sở phát triển sản xuất là chính (chứ không phải bằng chênh lệch giá bất hợp lý).

Digitized by Google

Trong hoạt động kinh doanh, cũng không vì lỗ lãi đơn thuần của xí nghiệp mà chạy theo số lượng, bỏ qua hoặc xem nhẹ chất lượng sản phẩm, chống mọi cách làm ăn «ma giáo» bất hợp pháp, đề cao trách nhiệm đối với người tiêu dùng và xã hội.

Trong khi hướng sự cố gắng vào nhiệm vụ phát triển sản xuất, kinh doanh có lãi, không hề coi nhẹ mặt cải tạo, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Mọi cách tính toán kinh doanh chỉ biết có hiện vật và giá trị, làm lu mờ và xói mòn quan hệ giữa người và người trong kinh tế, hạ thấp vị trí và vai trò của kinh tế xã hội chủ nghĩa, tiếp tay cho các hoạt động bất hợp pháp, mở toang cửa cho thị trường «tự do» hoạt động đều không thể chấp nhận được đối với các đơn vị kinh doanh là tế bào của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Chỗ dựa chính của chúng ta trong xây dựng kinh tế xét từ góc độ quan hệ kinh tế đối ngoại là Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Quan điểm chính trị giữ vị trí hàng đầu so với kinh tế đòi hỏi chúng ta tăng cường hợp tác kinh tế chặt chẽ với các nước xã hội chủ nghĩa, trước hết là Liên xô. Đó là lợi ích chính trị và kinh tế cơ bản, lâu dài đối với nước ta và góp phần củng cố cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Đó là vấn đề có tính chiến lược, nguyên tắc bất di bất dịch. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải thực hiện tốt những cam kết kinh tế với các nước anh em, không vì lợi ích cục bộ, tạm thời mà vi phạm. Thời gian qua, trong hoạt động kinh doanh của một số ngành, địa phương và cơ sở chưa làm đúng theo phương hướng đó, quan điểm chính trị trong kinh doanh không rõ ràng. Tác hại của nó, đến nay mọi người đã thấy rõ.

c) Kinh doanh phải theo kế hoạch Nhà nước. Đây là một trong những điểm khác nhau cơ bản giữa kinh doanh xã hội chủ nghĩa và kinh doanh tư bản chủ nghĩa. Trái với cách kinh doanh tự phát, cạnh tranh theo cơ chế thị trường, lấy quy luật giá trị làm công cụ chính để điều tiết kinh tế dưới chủ nghĩa tư bản, kinh doanh xã hội chủ nghĩa phải theo phương hướng kế hoạch Nhà nước, lấy kế hoạch làm công cụ điều tiết chính. Trong điều kiện hiện nay ở nước ta, thực hiện điều đó có nghĩa là Nhà nước quy định các mục tiêu chủ yếu, các cân đối chủ yếu, các chỉ tiêu, biện pháp chủ yếu để phát triển kinh tế – xã hội. Kế hoạch đó được xây dựng từ trên xuống và từ dưới lên nhằm một mặt bảo đảm sự thống nhất chung toàn cục, định hướng những nhiệm vụ cơ bản mang tính toàn quốc, mặt khác khai thác đầy đủ tiềm năng và phát huy quyền chủ động của đơn vị kinh doanh cơ sở. Nhà nước giao chỉ tiêu pháp lệnh về những sản phẩm chủ yếu cho những đơn vị có đủ những điều kiện kinh doanh bình thường, giao chỉ tiêu về tổng giá trị sản lượng thực hiện và nộp ngân sách. Ngoài ra, xí nghiệp được sản xuất và tiêu thụ những sản phẩm thứ yếu không nằm trong danh mục sản phẩm Nhà nước quản lý. Xí nghiệp được quyền tự chủ tài chính bao gồm quyền tự tạo vốn, sử dụng nguồn vốn và trích lập các quỹ xí nghiệp.

Trong cơ chế kinh doanh có kế hoạch, có phần «cứng» và phần «mềm», phần bắt buộc phải thực hiện và phần tùy khả năng của xí nghiệp, phần nhất luật phải tuân theo và phần được tự do lựa chọn trong những giới hạn cho phép.

Trong thực tiễn kinh doanh ở nước ta vừa qua nổi lên hai khuynh hướng. Một là khuynh hướng kế hoạch hóa tập trung quan liêu, muốn Nhà nước quy định tất cả, nắm tất cả đến chi tiết, hậu quả sẽ là trói buộc quyền tự chủ kinh doanh của xí nghiệp, triệt tiêu động lực lợi ích. Hai là, trước khó

Digitized by Google

khăn của nền kinh tế và trước cách quản lý tập trung quan liêu bao cấp kém hiệu quả, xuất hiện khuynh hướng thả nổi, trao cho xí nghiệp hầu như trọn quyền quyết định kinh doanh. Nếu khuynh hướng này được thực hiện thì hệ quả tất yếu là sẽ nảy sinh tình tự phát vô chính phủ, cạnh tranh trong kinh doanh, trượt sang quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội thị trường. Nghị quyết 306 (dự thảo) về quyền tự chủ kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở đã khắc phục cả hai khuynh hướng sai lầm nói trên, vừa bảo đảm vai trò chủ đạo của kế hoạch Nhà nước, vừa mở rộng quyền tự chủ của cơ sở. Vấn đề quan trọng là phải xây dựng được một hệ thống chính sách đồng bộ, nhất quán với tinh thần của nghị quyết.

Một mặt, kinh doanh phải theo kế hoạch Nhà nước; mặt khác, kế hoạch Nhà nước phải đặt trên cơ sở kinh doanh. Kế hoạch dự kiến phát triển những cơ sở và sản phẩm nào, ưu tiên đầu tư vào những ngành gì, xây dựng cơ cấu kinh tế như thế nào...v.v. đều phải lấy hiệu quả kinh doanh làm tiêu chuẩn. Đồng thời, trong khi cân đối các nguồn lực để các đơn vị kinh doanh thực hiện kế hoạch, phải chống bao cấp. « Ủy ban kế hoạch Nhà nước phải là tổng tham mưu về kinh doanh xã hội chủ nghĩa, và kế hoạch Nhà nước chính là phương án kinh doanh xã hội chủ nghĩa của cả nước » (Lê Duẩn).

d) Mọi hoạt động kinh doanh đều phải dựa trên nguyên tắc *hạch toán kinh tế*. Đó là vấn đề cốt lõi của kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Sau khi được Nhà nước giao cho một số tư liệu sản xuất và vốn lưu động ban đầu (đối với xí nghiệp quốc doanh), trên cơ sở tài sản cố định và vốn lưu động do xã viên đóng góp cổ phần (đối với sản xuất tập thể), các đơn vị kinh doanh hoạt động theo nguyên tắc tự trang trải, tự bù đắp, lấy thu bù chi và có lãi, không dựa vào nguồn bao cấp và bù lỗ của cấp trên, lấy kế hoạch Nhà nước làm phương hướng và căn cứ để hoạt động. Cơ sở kinh doanh phải chịu trách nhiệm về vật chất và được khuyến khích bằng vật chất, được quyền tự chủ kinh doanh trên cơ sở quy định chung của Nhà nước thông qua kế hoạch, các chính sách đòn bẩy và pháp luật. Đó là những nội dung cơ bản của hạch toán kinh tế. Vấn đề đặt ra mới mẻ là đơn vị kinh doanh không chỉ hoàn vốn, mà còn tự cấp vốn bằng nguồn vốn tự có và vốn vay ngân hàng. Hợp đồng kinh tế về cung ứng vật tư nguyên liệu, về tiêu thụ sản phẩm, về vay vốn từ ngân hàng là những biện pháp quan trọng nhất để xí nghiệp hoạt động bình thường. Trong quy định mới của Nhà nước, quyền tự chủ của đơn vị kinh doanh được mở rộng hơn, đồng thời sự tập trung của cấp quản lý bên trên được bảo đảm hợp lý hơn, phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của nước ta hiện nay.

Nguyên tắc hạch toán kinh tế đòi hỏi đơn vị kinh doanh phải nhạy cảm với hiệu quả kinh tế, biết tìm ra các phương án và phương pháp hoạt động tối ưu để đạt và vượt mức kế hoạch. Xí nghiệp và người lao động sẽ có lợi khi tăng năng suất lao động, hạ giá thành, nâng cao số lượng và chất lượng sản phẩm. Vì vậy hạch toán kinh tế là một hình thức tốt nhất kết hợp được các lợi ích kinh tế, là một phương pháp tốt nhất để thực hiện quy luật tiết kiệm thời gian lao động — quy luật kinh tế số một ngay cả trong nền sản xuất xã hội hóa xã hội chủ nghĩa. Nói kinh doanh xã hội chủ nghĩa mà bỏ qua hoặc xem nhẹ hạch toán kinh tế là vô nghĩa, hoàn toàn không có nội dung.

Digitized by Google

PHẠM THÀNH

SỰ KHÁC NHAU CĂN BẢN GIỮA KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ KINH DOANH TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

KINH doanh là một phạm trù kinh tế gắn liền với quan hệ hàng hóa — tiền tệ và quy luật giá trị. Trong bất cứ phương thức sản xuất nào, hễ có sản xuất hàng hóa và quy luật giá trị tồn tại khách quan trong nền sản xuất đó, thì có kinh doanh với tính cách là một phương thức hoạt động kinh tế. Kinh doanh là để thực hiện lợi ích kinh tế trong điều kiện sản xuất hàng hóa. Người tiểu sản xuất hàng hóa kinh doanh để trao đổi ngang giá một phần sản phẩm do mình làm ra để lấy một phần sản phẩm của người khác cần thiết cho sự thỏa mãn nhu cầu của mình. Nhưng vì dưới nền tiểu sản xuất hàng hóa, sản xuất hàng hóa chưa có tính phổ biến cho nên kinh doanh còn bị hạn chế trong một phạm vi và quy mô nhỏ. Dưới chủ nghĩa tư bản, nhà tư bản kinh doanh để kiếm lợi nhuận. Ở đây sản xuất hàng hóa có tính phổ biến cho nên kinh doanh trở thành một hoạt động phổ biến. Dưới chủ nghĩa xã hội, sản xuất hàng hóa vẫn còn tồn tại, quan hệ hàng hóa và quy luật giá trị vẫn còn tồn tại. Cho nên kinh doanh xã hội chủ nghĩa phải trở thành một hoạt động kinh tế phổ biến để thực hiện lợi ích của chủ nghĩa xã hội. Nhưng kinh doanh xã hội chủ nghĩa là gì? Trên vấn đề này còn nhiều quan niệm và nhận thức mơ hồ, khiến cho thực tiễn kinh doanh vừa qua có nhiều lệch lạc, thậm chí đi ngược lại bản chất của chủ nghĩa xã hội. Vì vậy chúng ta phải làm sáng tỏ phạm trù này để góp phần khắc phục những nhận thức sai lầm và những thực tiễn lệch lạc ấy.

★

Là một hoạt động kinh tế, kinh doanh tất yếu phải được tiến hành theo các quy luật kinh tế và bị các quy luật kinh tế chi phối. Những quy luật kinh tế này trước hết là quy luật kinh tế cơ bản quyết định mục đích, nội dung và phương thức của kinh doanh.

Quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản là quy luật giá trị thặng dư mà biểu hiện bên ngoài là quy luật lợi nhuận. Dưới tác động của quy luật này, kinh doanh tư bản chủ nghĩa là hoạt động của nhà tư bản nhằm thực hiện lợi nhuận theo yêu cầu của nó. Không thu được lợi nhuận, thì kinh doanh mất hết ý nghĩa.

Trái lại quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội là thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần không ngừng tăng lên của xã hội và của mỗi thành viên trong xã hội bằng cách phát triển sản xuất trên cơ sở chế độ làm chủ tập thể và một nền kỹ thuật ngày càng cao. Dưới tác động của quy luật này kinh doanh xã hội chủ nghĩa cần

Digitized by Google

bản khác kinh doanh tư bản chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa cùng những tổ chức kinh tế của nó kinh doanh để thực hiện yêu cầu của quy luật này, bằng cách vận dụng quy luật giá trị một cách đồng bộ với hệ thống các quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội.

Không nhận thức được sự khác nhau về bản chất ấy, đó là nguyên nhân của hai khuynh hướng sai lầm sau đây :

Một là, phủ nhận tất yếu của kinh doanh dưới chủ nghĩa xã hội. Người theo khuynh hướng này coi bất cứ kinh doanh nào cũng là kinh doanh tư bản chủ nghĩa. Họ sợ nói đến kinh doanh. Họ chỉ thấy có một hoạt động kinh tế hợp pháp duy nhất là tiến hành hoạt động kinh tế theo kế hoạch để tạo ra giá trị sử dụng.

Hai là, kinh doanh theo lối tư bản. Những người có khuynh hướng này cho rằng đã nói kinh doanh thì phải chạy theo lợi nhuận, và để có lợi nhuận họ không từ một thủ đoạn nào dù là xa lạ với chủ nghĩa xã hội.

Khi chế độ bao cấp đã bị phê phán thì do chưa có kiểu mẫu đúng đắn về kinh doanh xã hội chủ nghĩa người ta thường rơi vào khuynh hướng thứ hai này và đi vào kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa cả trong việc xác định mục đích, nội dung và phương thức kinh doanh. Sở dĩ có khuynh hướng này là vì hai lẽ : một là đã từng sống lâu năm dưới chế độ cũ, người ta quen kinh doanh theo kiểu cũ và chỉ biết có kiểu kinh doanh ấy. Hai là do tác động của các quan hệ kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa và các quan hệ kinh tế cá thể khác còn được phép tồn tại, người ta dã rời bỏ những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội để chạy theo lối kinh doanh tư bản chủ nghĩa. Những kiểu kinh doanh này trong thực tiễn đã đẻ ra không biết bao nhiêu sự tiêu cực và sự hỗn loạn trong nền kinh tế của chúng ta. Không thể không xảy ra tiêu cực và hỗn loạn khi hoạt động của các tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa không tuân theo quy luật của chủ nghĩa xã hội một cách tự giác mà lại tự phát chạy theo những quy luật của một nền kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, trái với bản chất của chủ nghĩa xã hội.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa khác về bản chất kinh doanh tư bản chủ nghĩa, bởi vì nó được tiến hành trên một cơ sở kinh tế căn bản khác cơ sở kinh tế tư bản chủ nghĩa, do đó tất yếu phải chịu sự chi phối của những quy luật kinh tế khác hẳn các quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản. Trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất và để phục vụ yêu cầu của các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội, kinh doanh xã hội chủ nghĩa khác kinh doanh tư bản chủ nghĩa về mọi phương diện : chủ thể kinh doanh, mục đích kinh doanh, nội dung kinh doanh và phương thức kinh doanh.

Dưới đây chúng ta hãy xét từng phương diện đó.

1 — Chủ thể kinh doanh.

Dưới chủ nghĩa tư bản, chủ thể kinh doanh là từng cá nhân riêng rẽ, người này tách rời người kia, không biết người kia và đối lập lại với người kia. Dưới chủ nghĩa xã hội chủ thể kinh doanh là tập thể nhân dân lao động mà đại biểu là Nhà nước cùng các cơ quan kinh tế của nó trong phạm vi toàn quốc, ở từng địa phương và từng cơ sở.

Nhân dân lao động làm chủ tập thể ở ba cấp cơ bản theo nguyên tắc ba cấp làm chủ gắn bó hữu cơ với nhau trong thể thống nhất của chế độ làm chủ tập thể. Vì vậy hoạt động kinh doanh ở ba cấp cũng gắn bó hữu cơ với nhau trong thể thống nhất của nền kinh tế quốc dân do nhân dân lao động làm chủ.

Dưới chủ nghĩa tư bản, từng nhà tư bản kinh doanh trong một hoặc

Digitized by Google

một số khâu của sản xuất và tái sản xuất xã hội: sản xuất, phân phối, lưu thông, tiêu dùng hoặc liên kết tất cả các khâu có liên quan đến một hoặc một số mặt hàng nhất định, chứ không bao giờ bao quát được tất cả các khâu của tái sản xuất trên phạm vi toàn xã hội.

Dưới chủ nghĩa xã hội, trong hoạt động kinh doanh Nhà nước đại biểu cho toàn xã hội phải quán xuyến tất cả các khâu của tái sản xuất. Nó phải kinh doanh trong phạm vi toàn xã hội để khai thác mọi tiềm năng về đất đai, tài nguyên, tư liệu sản xuất và lao động nhằm làm giàu cho đất nước. Mỗi địa phương, mỗi ngành, mỗi đơn vị kinh tế phải phát huy mọi tiềm năng trong địa phương, ngành hay đơn vị mình phát triển kinh tế của mình và để góp phần vào sự phát triển kinh tế chung của cả nước. Hoạt động kinh doanh của địa phương, ngành, đơn vị là bộ phận không thể tách rời của hoạt động kinh doanh của Nhà nước trong phạm vi toàn xã hội.

2 — Mục đích của kinh doanh.

Nhà tư bản kinh doanh để kiếm lợi nhuận. Ở đâu có lợi nhuận cao nhà tư bản nhảy vào đó. Kinh doanh gì để có lợi nhuận cao, nhà tư bản kinh doanh cái đó. Làm cách nào để có lợi nhuận cao, nhà tư bản làm cách đó. Lợi nhuận của mỗi nhà tư bản đối lập với lợi ích của xã hội, của các nhà tư bản khác và đối kháng với lợi ích của người lao động. Vì vậy trong hai mặt của hàng hóa: giá trị và giá trị sử dụng thì nhà tư bản coi trọng giá trị, lấy giá trị làm mục đích và coi giá trị sử dụng chỉ là phương tiện để đạt mục đích. Dù một mặt hàng có giá trị sử dụng đáp ứng nhu cầu sinh sống của con người nhưng đem lại ít lợi nhuận thì nhà tư bản cũng không kinh doanh. Trái lại dù đó là một sản phẩm có tác dụng nguy hại đối với đời sống con người như bom hạt nhân, máy bay quân sự, tên lửa nhưng đem lại lợi nhuận cao thì bọn tư bản vẫn cạnh tranh nhau làm.

Trái lại kinh doanh xã hội chủ nghĩa coi trọng giá trị sử dụng và giá trị. Quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội yêu cầu thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân lao động. Cho nên mục đích số một của kinh doanh xã hội chủ nghĩa là nhằm tạo ra được nhiều giá trị sử dụng đáp ứng những nhu cầu đó. Những nhu cầu này chỉ ra phương hướng kinh doanh cho các tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa. Dù một sản phẩm có giá trị thấp nhưng xã hội có nhu cầu nhiều cũng phải kinh doanh. Trái lại, dù việc kinh doanh một mặt hàng nào đó đem lại lợi nhuận cao, nhưng hàng hóa đó không có giá trị sử dụng quan trọng đối với đời sống của xã hội thì chủ nghĩa xã hội hạn chế việc kinh doanh.

Dù một sản phẩm phải bù lỗ, nhưng có nhu cầu của xã hội thì vẫn là đối tượng của kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Nói như thế không có nghĩa là chủ nghĩa xã hội tiến hành hoạt động kinh tế với bất cứ giá nào. Trong việc tạo ra giá trị sử dụng, nền kinh tế xã hội chủ nghĩa coi trọng năng suất, chất lượng, hiệu quả, tìm cách tạo ra nhiều giá trị sử dụng có chất lượng cao với hao phí lao động (lao động sống và lao động vật hóa) ít nhất. Kinh doanh xã hội chủ nghĩa coi trọng giá trị chính là vì lẽ đó.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa lấy giá trị làm thước đo hiệu quả kinh tế trong việc tạo ra những giá trị sử dụng mà xã hội có nhu cầu. Lợi nhuận không phải là mục đích cuối cùng của kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Nó chỉ được coi là phương tiện mà kinh doanh xã hội chủ nghĩa sử dụng để đạt mục đích: giá trị sử dụng. Lợi nhuận mà nó thu được cũng không rơi vào túi cá nhân mà là thuộc về xã hội, về tập thể nhân dân lao động và được phân phối theo yêu cầu về sự

Digitized by Google

thống nhất của ba lợi ích: lợi ích của xã hội, của đơn vị kinh tế, của cá nhân người lao động. Với tính cách như vậy lợi nhuận mới trở thành một động cơ của hoạt động kinh tế.

3 — Bản chất và nội dung kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Với những điều trình bày trên đây, chúng ta thấy bản chất và nội dung của kinh doanh xã hội chủ nghĩa khác về căn bản bản chất và nội dung của kinh doanh tư bản chủ nghĩa.

Kinh doanh tư bản chủ nghĩa là một hoạt động bản chất của chủ nghĩa tư bản, một biểu hiện sống của chủ nghĩa tư bản. Nói đến chủ nghĩa tư bản là nói đến kinh doanh. Không một nhà tư bản nào không kinh doanh. Kinh doanh là hân thân sự vận động của chủ nghĩa tư bản, một sự vận động qua đó quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản mới biểu hiện ra được, nói cách khác, chỉ có kinh doanh mới có lợi nhuận.

Nội dung của kinh doanh tư bản chủ nghĩa xét đến cùng là bóc lột giá trị thặng dư của người lao động. Nhà tư bản sản xuất trực tiếp bóp nặn lao động thặng dư của công nhân. Nhà tư bản thương nghiệp, ngân hàng, bằng hoạt động kinh doanh của mình chia sẻ giá trị thặng dư với nhà tư bản sản xuất theo đúng yêu cầu của quy luật về tỷ suất lợi nhuận bình quân.

T — H — T' đó là công thức cơ bản của kinh doanh tư bản chủ nghĩa.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa chỉ là một hoạt động kinh tế vận dụng quan hệ hàng hóa tiền tệ và quy luật giá trị để phục vụ cho yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Sự vận động này chỉ có thể là sự vận động của một nền kinh tế có kế hoạch nhằm phục vụ đời sống của nhân dân lao động. Kinh doanh xã hội chủ nghĩa chỉ là một hình thức phụ trợ — dù là tất yếu — của sự vận động ấy.

Nội dung của kinh doanh xã hội chủ nghĩa là lấy giá trị với những phạm trù kinh tế gắn liền với giá trị: giá cả, lợi nhuận, tiền tệ làm phương tiện để đạt mục đích, *giá trị sử dụng*.

4 — Phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Xét theo bản chất của nó, kinh doanh xã hội chủ nghĩa có *phương thức* riêng hoàn toàn khác với kinh doanh tư bản chủ nghĩa.

Kinh doanh tư bản chủ nghĩa là kinh doanh tự do của những nhà tư bản tư nhân hoạt động tự phát theo quy luật cung cầu của thị trường. Nó được tiến hành bằng cách bóc lột sức lao động của công nhân và những người lao động khác. Càng bóc lột được sức lao động bao nhiêu, càng thu được nhiều lợi nhuận bấy nhiêu. Vì vậy nhà tư bản dùng mọi thủ đoạn để bóc lột công nhân và những người lao động: bóc lột giá trị thặng dư tương đối và tuyệt đối.

Kinh doanh tư bản chủ nghĩa được tiến hành cả bằng mọi thủ đoạn lừa bịp để bóc lột người tiêu thụ: tổ chức quảng cáo treo đầu dê bán thịt chó, và nhiều mánh khóe gian lận để kích thích thị hiếu...

Nó được tiến hành trong sự cạnh tranh gay gắt giữa các nhà tư bản theo phương châm mạnh được, yếu thua, cá lớn nuốt cá bé. Để cạnh tranh với nhau, các nhà tư bản không từ một thủ đoạn nào trên mọi lĩnh vực: cạnh tranh về mặt hàng, cạnh tranh về thị trường, cạnh tranh trong việc ứng dụng kỹ thuật, cạnh tranh trong việc quy định giá cả. Tìm mọi cách đánh bại địch thủ để độc chiếm thị trường, nguồn nguyên liệu, nguồn nhân công và từ đó thu được lợi nhuận cao nhất. Cạnh tranh dẫn tới độc quyền. Độc quyền để tăng thế lực trong cạnh tranh.

Tất cả những phương thức ấy đều xa lạ với kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa là kinh doanh có tổ chức được tiến hành

Digitized by Google

theo kế hoạch. Phương hướng kinh doanh được xác định trong kế hoạch pháp lệnh của Nhà nước. Các biện pháp kinh doanh được chỉ đạo bằng các chính sách kinh tế—tài chính phản ánh đúng đắn yêu cầu của các quy luật khách quan và các lợi ích kinh tế.

Biện pháp căn bản của nó là hạch toán kinh tế. Trên cơ sở các chỉ tiêu và định mức kinh tế kỹ thuật được xác định một cách đúng đắn, kinh doanh xã hội chủ nghĩa dùng hạch toán kinh tế để bảo đảm hiệu quả của đồng vốn. Bằng hạch toán kinh tế nó quan tâm tổ chức lao động sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật, cải tiến quản lý kinh tế để không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của kinh doanh. Bằng hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa bảo đảm kết hợp hài hòa ba lợi ích: lợi ích của xã hội, của tập thể và của cá nhân người lao động và xét đến cùng là lợi ích của tất cả và mỗi thành viên trong xã hội. Hạch toán kinh tế là vận dụng một cách nhất quán quy luật số một của kinh tế xã hội chủ nghĩa: quy luật tiết kiệm. Tiết kiệm lao động vật hóa, tiết kiệm lao động sống để tạo ra nhiều sản phẩm phục vụ đời sống của con người.

Thay cho cạnh tranh, kinh doanh xã hội chủ nghĩa được tiến hành bằng biện pháp thi đua xã hội chủ nghĩa, một biện pháp kết hợp lợi ích kinh tế với nêu gương động viên tinh thần và các biện pháp hành chính thích hợp. Giữa các đơn vị kinh doanh không có cạnh tranh mà có thi đua, kết hợp tự lực với hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau. Đơn vị nào kinh doanh tốt, đơn vị ấy được nhiều lợi ích hơn và các thành viên cũng được nhiều lợi ích hơn. Trong kinh doanh xã hội chủ nghĩa không có bí mật thương nghiệp, không có chèn ép nhau, mà có trao đổi, phổ biến kinh nghiệm.

Việc xác định chủ thể, mục đích, nội dung và phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa như đã nói ở trên không phải do ý muốn chủ quan mà do quan hệ kinh tế khách quan và những quy luật kinh tế đặc thù của chủ nghĩa xã hội quyết định. Để kinh doanh đúng đắn, cần nhận thức rõ những quan hệ đó. Nếu không chúng ta sẽ kinh doanh tự phát theo lối tư bản, đi ngược lại chủ nghĩa xã hội và làm hại cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

VỀ KINH DOANH..

(Tiếp theo trang 79)

là những vấn đề chung có ý nghĩa kinh tế — chính trị — xã hội của đất nước.

5 — Lập lại trật tự và kỷ cương, nền nếp trong công tác quản lý kinh tế—tài chính ở từng đơn vị, từng ngành, từng địa phương. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa—chấn chỉnh và hoàn thiện công tác hạch toán và kiểm tra, hạn chế dần và đi đến chấm dứt các hiện tượng tiêu cực trong kinh doanh.

Digitized by Google

HỒ TẾ

VỀ KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1 — Về kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Kinh doanh là một phạm trù kinh tế gắn liền với nền sản xuất hàng hóa. *Kinh doanh* chỉ xuất hiện khi nền sản xuất hàng hóa của xã hội ra đời; phạm vi và quy mô của nó lớn lên cùng với sự phát triển của nền sản xuất hàng hóa.

Với cách hiểu như trên thì kinh doanh rõ ràng là một hoạt động để thực hiện các giai đoạn của quá trình sản xuất hàng hóa theo công thức: T — H — SX — H' — T'. Nếu xét trên giác độ tài chính, thì đó cũng là hoạt động để thực hiện sự tuần hoàn và chu chuyển của nền sản xuất. Để thực hiện kinh doanh, người chủ kinh doanh phải bỏ tiền ra để mua tư liệu sản xuất và thuê lao động, sản xuất ra một khối lượng hàng hóa, đem số hàng hóa này ra tiêu thụ để thu tiền về nhằm thực hiện một chu kỳ sản xuất mới. Số tiền thu về (T') luôn luôn phải lớn hơn số tiền bỏ ra (T), đó là mục đích của kinh doanh và cũng là yêu cầu của quy hoạch sản xuất hàng hóa. Bởi vì T' có lớn hơn T thì mới bảo đảm trang trải được chi phí và kinh doanh có lãi. Đó là điều kiện để thực hiện tái sản xuất mở rộng. Điều này đòi hỏi bất kỳ một nhà kinh doanh nào cũng phải tính toán làm sao để chi phí bỏ ra, giá thành sản phẩm của mình làm ra phải luôn luôn thấp hơn giá bán, tức là nhỏ hơn doanh thu về tiêu thụ sản phẩm. Và vì vậy, người kinh doanh phải luôn luôn quan tâm đến các vấn đề cung cầu, thị trường, giá thành, giá cả, lợi nhuận... tức là quan tâm đến các phạm trù giá trị của sản xuất hàng hóa.

Kinh doanh tư bản chủ nghĩa và kinh doanh xã hội chủ nghĩa đều được diễn ra theo một tiến trình chung như đã nói trên. Tuy nhiên, giữa kinh doanh tư bản chủ nghĩa và kinh doanh xã hội chủ nghĩa có sự khác nhau về bản chất.

Kinh doanh tư bản chủ nghĩa được thực hiện trên cơ sở *chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất*, do đó mục tiêu của kinh doanh tư bản chủ nghĩa là nhằm thu được lợi nhuận tối đa bằng cách bóc lột giá trị thặng dư ngày càng nhiều để làm giàu cho nhà tư bản. *Tính tự phát vô chính phủ, tự do cạnh tranh*, cá lớn nuốt cá bé... là những đặc trưng cơ bản của kinh doanh tư bản chủ nghĩa. Các hành động độc quyền kinh doanh, đầu cơ, lũng đoạn thị trường, phá giá đồng tiền v.v. là những thủ đoạn và biện pháp của kinh doanh tư bản chủ nghĩa. Trong điều kiện phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện nay, mặc dù các chính quyền tư sản và các tập đoàn tư bản lũng đoạn đã và đang áp dụng nhiều thủ đoạn tinh vi để che giấu sự bóc lột của kinh doanh tư bản chủ nghĩa (như chế độ tự quản, công đoàn tham gia quản lý xí nghiệp, phân chia lợi nhuận...) nhưng bản chất của kinh doanh tư bản chủ nghĩa trên đây vẫn không hề thay đổi.

Khác với kinh doanh tư bản chủ nghĩa, *kinh doanh xã hội chủ nghĩa*

Digitized by Google

được thực hiện trên cơ sở *chế độ công hữu về tư liệu sản xuất* và với mục tiêu là nhằm *thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa* ngày càng tăng của toàn xã hội cũng như của mỗi thành viên bằng cách không ngừng phát triển sản xuất và ứng dụng tiến bộ của khoa học kỹ thuật. Đặc trưng nổi bật của kinh doanh xã hội chủ nghĩa là:

+ Kinh doanh được tiến hành theo kế hoạch toàn diện (phương án sản phẩm, khối lượng chất lượng sản phẩm, thị trường cung ứng và tiêu thụ sản phẩm, giá thành, giá cả, lợi nhuận... đều được kế hoạch hóa).

+ Phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa là *hạch toán kinh tế*, thông qua hạch toán kinh tế thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

+ *Hợp tác xã hội chủ nghĩa* thông qua các quan hệ hợp đồng, hợp tác hóa, liên hiệp hóa, liên doanh liên kết... trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi.

+ Tiết kiệm được coi là một quốc sách. Thông qua biện pháp tiết kiệm và các biện pháp kinh tế, kỹ thuật, tổ chức... để hạ giá thành, bảo đảm bù đắp chi phí kinh doanh ngày càng có lãi. Coi trọng hiệu quả kinh tế và lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo chất lượng và trình độ kinh doanh của từng đơn vị cũng như của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

+ *Thống nhất 3 lợi ích*: Lợi ích toàn xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân người lao động, trong đó lợi ích toàn xã hội phải được đặt lên trên hết.

Như vậy, kinh doanh xã hội chủ nghĩa vừa phải tuân thủ các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội, trước hết là quy luật kinh tế cơ bản và quy luật phát triển có kế hoạch, vừa phải biết vận dụng các quy luật của sản xuất hàng hóa, trước hết là quy luật giá trị. Sự tuân thủ các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội và việc vận dụng các quy luật của sản xuất hàng hóa trong kinh doanh xã hội chủ nghĩa có một ý nghĩa hết sức quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Chính ở đây là nơi bắt nguồn và hình thành các quan điểm khác nhau trong quản lý kinh tế. Nếu chỉ thiên về sự tuân thủ các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội mà xem nhẹ hay coi thường việc vận dụng các quy luật của sản xuất hàng hóa thì kinh doanh xã hội chủ nghĩa sẽ trở nên gò bó cứng nhắc, thiếu năng động, sáng tạo mà kết quả của nó không thể nào khác là trì trệ, ách tắc, chậm phát triển, hiệu quả kinh tế thấp kém. Ngược lại, nếu chỉ thiên về việc vận dụng các quy luật của sản xuất hàng hóa mà xem nhẹ hoặc coi thường các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội thì kinh doanh xã hội chủ nghĩa sẽ dễ lệch hướng và không còn là kinh doanh xã hội chủ nghĩa nữa, mục tiêu của kinh doanh đã thay đổi, tính tự phát vô chính phủ thay thế cho tính kế hoạch và sự thống nhất, tự do cạnh tranh, tranh mua tranh bán... thay thế cho sự hợp tác xã hội chủ nghĩa.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa và hạch toán kinh tế đều cùng nhằm một mục đích là bảo đảm sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao nhất, thông qua việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Tuy nhiên, đây là hai phạm trù có phạm vi và nội dung khác nhau. *Kinh doanh xã hội chủ nghĩa là một phạm trù kinh tế rộng lớn trên quy mô* toàn xã hội, nó đặt hoạt động kinh doanh của từng đơn vị cơ sở trong một tổng thể của các mối liên kết giữa các giai đoạn của quá trình tái sản xuất xã hội (sản xuất, phân phối — trao đổi — tiêu dùng) và của các giải pháp đồng bộ các khâu khác nhau như: giá thành, giá cả, tài chính tín dụng, tiền tệ, phân công lao động, hợp đồng kinh tế v.v. *Còn hạch toán kinh tế chỉ là một phạm trù kinh tế xí nghiệp*, nhiệm vụ của nó là giải quyết các vấn đề kinh tế xí nghiệp của một đơn vị kinh doanh, một tế bào của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Hạch

Digitized by Google

toán kinh tế với các yếu tố cấu thành của nó là giá thành, giá cả, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, mà cái gốc của nó là định mức, là tiết kiệm triệt để, tạo ra khả năng bù đắp được chi phí và thu lãi ngày càng nhiều. Đó là vấn đề cốt lõi của hạch toán kinh tế. Hạch toán kinh tế được thực hiện ở từng đơn vị, từng khâu của sản xuất để xác định được chi phí và kết quả hoạt động ở từng đơn vị, từng khâu sản xuất. Ngày nay có thêm khái niệm hạch toán kinh tế ngành và hạch toán kinh tế nội bộ xí nghiệp—cái đó cũng chỉ là một sự vận dụng ở mức độ nào đó các nguyên tắc của hạch toán kinh tế xí nghiệp để nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành và của các bộ phận bên trong xí nghiệp mà thôi. Hạch toán kinh tế không vì thế mà mất ý nghĩa là phạm trù kinh tế xí nghiệp.

Như vậy, khi nói đến kinh doanh xã hội chủ nghĩa thì trong đó đã bao hàm hạch toán kinh tế được coi như là một phương pháp, phương tiện để thực hiện kinh doanh đối với từng đơn vị, từng tế bào của nền kinh tế.

Từ đó có thể kết luận là: *nếu đứng trên giác độ từng xí nghiệp riêng lẻ thì có thể nói: «xí nghiệp hoạt động kinh doanh theo chế độ hạch toán kinh tế» là đủ và cũng có nghĩa là xí nghiệp thực hiện kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Còn nếu đứng trên giác độ toàn bộ nền kinh tế quốc dân, thì phải nói «thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa».*

Trong công tác quản lý kinh tế ở nước ta đã có một số nhận thức, quan điểm không đúng về kinh doanh xã hội chủ nghĩa như sau:

1 — Một số người quên rằng nền tảng của kinh doanh xã hội chủ nghĩa là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, do đó cho rằng cơ sở vật chất kỹ thuật, tài sản, tiền vốn mà Nhà nước giao cho các xí nghiệp quản lý và sử dụng là của riêng «tự có» của xí nghiệp. Nhận thức đó dẫn đến hai hệ quả rõ ràng:

Một là, vì là của riêng của xí nghiệp cho nên xí nghiệp muốn sử dụng như thế nào là quyền của xí nghiệp. Nhà nước chỉ biết thu đủ số sản phẩm và các khoản nộp ngân sách đã ấn định cho xí nghiệp mà thôi.

Hai là, vì là của riêng của xí nghiệp nên trước hết phải vì lợi ích của tập thể xí nghiệp, theo nữa là lợi ích của người lao động và sau cùng mới là lợi ích toàn xã hội mà Nhà nước là người đại diện.

Cả hai hệ quả này đều trái với bản chất của kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

2—Từ những sai lầm coi nhẹ việc vận dụng các quy luật và các phạm trù của sản xuất hàng hóa mà hậu quả là tạo ra một phong cách kinh doanh gò bó, cứng nhắc, thiếu năng động, trì trệ, bảo thủ, kém hiệu quả, một số người đã đi sang một xu hướng khác là quá thiên về việc vận dụng các quy luật của sản xuất hàng hóa mà coi nhẹ các quy luật của chủ nghĩa xã hội, cho việc vận dụng các quy luật của sản xuất hàng hóa (nhất là quy luật giá trị, cung cầu...) như là một giải pháp để mở ra lối thoát cho nền kinh tế quốc dân của ta. Xu hướng phát triển của quan điểm này là thay thế cơ chế kế hoạch bằng cơ chế thị trường, lấy thị trường (thị trường «tự do») làm tiêu chuẩn để điều chỉnh hoạt động của xí nghiệp. Trên thực tế, từ quan điểm này đã phát sinh những hiện tượng tiêu cực và sai lệch như tự do kinh doanh không đúng chức năng, tranh mua, tranh bán, ôm hàng, kích giá, mua đi bán lại để kiếm lời.

3—Mở rộng quyền tự chủ kinh doanh của xí nghiệp một cách quá đáng đến mức buông thả quản lý, coi nhẹ vai trò lãnh đạo tập trung thống nhất của Nhà nước trung ương đối với hoạt động của các ngành, các cấp, các xí nghiệp. Xí nghiệp toàn quyền quyết định mọi vấn đề trong kinh

Digitized by Google

doanh từ việc lựa chọn phương án sản phẩm, thị trường, giá cả... đến vấn đề phân phối sản phẩm, thoát ly sự kiểm tra kiểm soát của Nhà nước. Mọi biện pháp nhằm bảo đảm sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Nhà nước đều được coi là can thiệp vào công việc kinh doanh của xí nghiệp, là trói buộc xí nghiệp... Với quan điểm và nhận thức như vậy, chỉ có thể dẫn đến một sự hoạt động vô chính phủ, phá rối thị trường và trật tự xã hội.

II — Những nguyên tắc cơ bản của kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Cũng như các lĩnh vực hoạt động khác, *kinh doanh xã hội chủ nghĩa lấy nguyên tắc tập trung dân chủ làm nguyên tắc chủ đạo*. Theo nguyên tắc này, thì hoạt động kinh doanh của từng xí nghiệp, từng ngành và toàn bộ nền kinh tế quốc dân đều đặt dưới *sự lãnh đạo chỉ đạo tập trung thống nhất* của Nhà nước xã hội chủ nghĩa thông qua kế hoạch kinh tế quốc dân thống nhất, các chính sách chế độ, các đòn bẩy kinh tế đồng thời tôn trọng đúng mức việc phát huy chế độ làm chủ tập thể, tính chủ động, sáng tạo của các xí nghiệp trong kinh doanh thông qua việc mở rộng *quyền chủ động kinh doanh* của các cơ sở. Hai vế tập trung và dân chủ như trên phải được giải quyết một cách đúng đắn tùy theo hoàn cảnh cụ thể ở mỗi giai đoạn của quá trình xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước. Mọi giải pháp tùy tiện chủ quan về vấn đề tập trung dân chủ không phù hợp với hoàn cảnh thực tế đều dẫn đến những thiệt hại nghiêm trọng.

Vì vậy, giải quyết vấn đề tập trung dân chủ trong kinh doanh xã hội chủ nghĩa hay nói chung trong công tác quản lý kinh tế là vấn đề có ý nghĩa chiến lược cực kỳ quan trọng.

Bên cạnh nguyên tắc tập trung dân chủ là chủ đạo, kinh doanh xã hội chủ nghĩa còn có những nguyên tắc cơ bản sau đây:

— Kinh doanh xã hội chủ nghĩa được thực hiện trên cơ sở kế hoạch, lấy kế hoạch làm trung tâm.

Nguyên tắc này bắt nguồn từ yêu cầu của quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội: quy luật phát triển có kế hoạch. Theo nguyên tắc này, thì toàn bộ hoạt động kinh doanh của từng đơn vị cơ sở, từng ngành, từng địa phương và của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, bao gồm tất cả các khâu từ phương án sản phẩm, số lượng chất lượng sản phẩm, thị trường cung ứng nguyên liệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm, giá thành, giá cả, lợi nhuận, phân phối lợi nhuận v.v. đều phải được kế hoạch hóa. Kế hoạch kinh doanh của từng đơn vị cơ sở là một bộ phận cấu thành của kế hoạch kinh tế quốc dân thống nhất. Thực hiện nguyên tắc kinh doanh theo kế hoạch hoàn toàn không làm mất đi hoặc làm tổn thương đến quyền chủ động kinh doanh của các cơ sở.

— Xí nghiệp kinh doanh xã hội chủ nghĩa phải tự bù đắp được chi phí bằng thu nhập của mình và phải bảo đảm có lãi.

Đây là nguyên tắc hết sức trọng yếu, thiếu nó thì không còn khái niệm kinh doanh. Nguyên tắc tự trang trải chi phí và kinh doanh có lãi đòi hỏi các xí nghiệp là người chủ kinh doanh xã hội chủ nghĩa phải tính đúng, tính đủ toàn bộ chi phí kinh doanh đã bỏ ra, thật sự quan tâm đến việc tính toán kinh tế của phương án kinh doanh, năng động sáng tạo trong việc nghiên cứu áp dụng các biện pháp cải tiến, hợp lý hóa tổ chức kinh doanh, hoàn thiện công nghệ và áp dụng công nghệ mới v.v. để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành, tăng năng suất lao động, trên cơ sở đó mà thu được lợi nhuận ngày càng nhiều. Thực hiện nguyên tắc này, các xí nghiệp tất yếu phải quan tâm đến các vấn đề như: thị trường, giá cả, lợi nhuận...

— Kinh doanh xã hội chủ nghĩa phải bảo đảm lịch lự và tập trung

Digitized by Google

vốn, đẩy nhanh tốc độ chu chuyển vốn để đạt hiệu quả kinh tế ngày càng cao. Nguyên tắc này đòi hỏi các xí nghiệp trên cơ sở kinh doanh có lãi tạo ra tích lũy ngày càng nhiều từ nội bộ nền kinh tế quốc dân, bảo đảm tập trung nguồn tích lũy đã được tạo ra để thỏa mãn nhu cầu mở rộng và đổi mới trang thiết bị trong kinh doanh của bản thân từng xí nghiệp, đồng thời bảo đảm thỏa mãn ngày càng tốt hơn yêu cầu tái sản xuất mở rộng toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Biện pháp để tạo ra tích lũy ngày càng nhiều là phải đẩy nhanh tốc độ chu chuyển vốn kinh doanh ở từng xí nghiệp.

— *Kinh doanh xã hội chủ nghĩa phải bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa ba lợi ích*: lợi ích toàn xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân người lao động. Nguyên tắc kết hợp hài hòa ba lợi ích đòi hỏi các xí nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh, bất cứ lúc nào, làm việc gì cũng phải tính đến ba lợi ích, cái gì có lợi cho Nhà nước thì cái đó phải có lợi cho tập thể xí nghiệp và cho người lao động. Nếu chỉ chú ý đến lợi ích toàn xã hội mà coi nhẹ lợi ích của tập thể và của người lao động, thì sẽ làm mất đi sự hứng thú, lòng nhiệt tình của quần chúng lao động, làm cho họ không quan tâm đến kết quả và hiệu quả sản xuất của xí nghiệp. Thực trạng của công tác quản lý kinh tế ở nước ta nhiều năm qua đã chứng tỏ điều này. Ngược lại, nếu chỉ chú ý đến lợi ích của tập thể và cá nhân người lao động mà coi nhẹ lợi ích toàn xã hội thì sẽ dẫn đến những hiện tượng ích kỷ, cục bộ, bản vị thậm chí có khi còn dẫn đến tội ác.

Sự kết hợp hài hòa giữa ba lợi ích trong kinh doanh xã hội chủ nghĩa vừa là một đòi hỏi của sản xuất, vừa là một động lực có tác dụng kích thích mạnh mẽ đối với sản xuất.

— *Kinh doanh xã hội chủ nghĩa lấy sự hợp tác xã hội chủ nghĩa, sự bình đẳng, cùng có lợi làm nguyên tắc xử lý mọi quan hệ kinh tế.* Nguyên tắc này hoàn toàn xa lạ với kinh doanh tư bản chủ nghĩa là cạnh tranh, chèn ép, cá lớn nuốt cá bé. Trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, cùng với nhu cầu tất yếu khách quan của sản xuất, sự hợp tác xã hội chủ nghĩa, sự bình đẳng và cùng có lợi đã tạo ra những khả năng cho việc hình thành các quan hệ hợp tác hóa, liên hiệp hóa, liên doanh liên kết một cách lành mạnh, có hiệu quả.

III — Điều kiện để thực hiện kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện kinh doanh xã hội chủ nghĩa, theo những nguyên tắc như trên đòi hỏi phải có những điều kiện nhất định:

1 — Điều kiện then chốt để thực hiện kinh doanh xã hội chủ nghĩa là công tác kế hoạch hóa phải được hoàn thiện. Công tác kế hoạch nói ở đây không phải là vấn đề định ra bao nhiêu chỉ tiêu pháp lệnh hay phương pháp tính toán các chỉ tiêu kế hoạch, mà ngoài ý nghĩa định hướng cho hoạt động thường xuyên của các xí nghiệp, vấn đề căn bản và quan trọng nhất là xác định *được một cơ cấu kinh tế hợp lý* trong mỗi chặng đường phát triển của đất nước, trên cơ sở phân công chuyên môn hóa, hợp tác hóa, phát huy được thế mạnh của từng ngành, từng địa phương và vùng lãnh thổ. Trên cơ sở xác định được cơ cấu kinh tế hợp lý, phải tiến hành *sắp xếp lại sản xuất* trên quy mô toàn bộ nền kinh tế quốc dân, cũng như ở từng ngành, từng địa phương và trong từng đơn vị cơ sở, định ra được mô hình tổ chức của đơn vị kinh tế cơ sở hợp lý nhất (công ty, xí nghiệp liên hợp...) với quy mô thích hợp để có thể bảo đảm kinh doanh có hiệu quả cao nhất. Đi đôi với việc tổ chức lại sản xuất đối với đơn vị cơ sở, phải xem xét lại và tinh giản các bộ kinh doanh, bảo đảm nâng cao chất lượng quản lý

Digitized by Google

hành chính—kinh tế của các bộ đối với đơn vị cơ sở.

Trên cơ sở sắp xếp lại sản xuất, Nhà nước tập trung ưu tiên giải quyết các điều kiện sản xuất (như cung ứng nguyên liệu, năng lượng, đổi mới trang thiết bị v.v.) cho các đơn vị trọng điểm, cho việc làm ra các mặt hàng trọng điểm, đồng thời có chính sách khuyến khích đúng đắn đối với các mặt hàng khác, các đơn vị khác tự khai thác, tự cân đối vật tư, nguyên liệu v.v.

2 — Phải có một cơ chế quản lý mới thích hợp đối với các cơ sở sản xuất. Cơ chế quản lý mới phải bảo đảm mở rộng quyền chủ động của các cơ sở trong kinh doanh, xóa bỏ chế độ hành chính bao cấp, thật sự đi vào kinh doanh theo nguyên tắc lời ăn lỗ chịu sau khi hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước (về sản phẩm và các khoản phải nộp). Điều hành hoạt động sản xuất để đạt được mục tiêu đề ra là công việc của xí nghiệp; Nhà nước, các cơ quan chủ quản cấp trên thực hiện việc quản lý hành chính—kinh tế đối với xí nghiệp thông qua kế hoạch, thông qua các chính sách chế độ và việc kiểm tra kiểm soát. Trong mọi trường hợp, Nhà nước và cơ quan chủ quản cấp trên không can thiệp vào việc điều hành kinh doanh của xí nghiệp. Với tinh thần đó, cơ chế quản lý mới quán triệt và đưa vào thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tự trang trải chi phí và kinh doanh có lãi và những nguyên tắc khác của kinh doanh xã hội chủ nghĩa; cơ chế đó gắn quyền lợi và trách nhiệm của xí nghiệp với kết quả hoạt động sản xuất.

3 — Phải có một hệ thống giá được hoàn thiện cùng với một chế độ quản lý được thực hiện nghiêm ngặt và thống nhất từ trung ương đến các địa phương và đơn vị cơ sở. Hệ thống giá hoàn thiện phải bảo đảm cho các xí nghiệp mua được bán được và trong điều kiện kinh doanh bình thường giá cả phải bảo đảm cho xí nghiệp trang trải được chi phí và kinh doanh có lãi. Hệ thống giá cả hoàn thiện phải thể hiện mối quan hệ hợp lý giữa các sản phẩm của các ngành sản xuất khác nhau, trước hết là giữa công nghiệp và nông nghiệp, bảo đảm giá cả thật sự là thước đo kết quả và hiệu quả kinh doanh đối với mỗi loại sản phẩm, mỗi xí nghiệp và mỗi ngành sản xuất.

4 — Xác lập quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp trong kinh doanh. Xác lập quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp là quy định rõ những quyền hạn và trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của xí nghiệp trong sản xuất, nhằm phát huy tính năng động sáng tạo của xí nghiệp để đạt hiệu quả kinh doanh ngày càng cao.

Việc xác lập quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp phải quán triệt các nguyên tắc cơ bản của kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phải bắt đầu từ khâu kế hoạch hóa, xây dựng kế hoạch từ cơ sở lên, đến việc giao cho xí nghiệp quyền tự chủ trong việc bảo toàn vốn, tự tạo vốn, bố trí sử dụng các loại vốn cố định, vốn lưu động. Quyền tự chủ tài chính của xí nghiệp còn thể hiện trong việc tổ chức hạch toán, trích lập và sử dụng các quỹ, kể cả quỹ ngoại tệ và quyền sử dụng ngoại tệ, v.v.

Xác lập quyền tự chủ tài chính cho xí nghiệp là một nội dung cơ bản của cơ chế quản lý mới, là điều kiện để thực hiện cơ chế mới, bởi vì, suy cho cùng, trong điều kiện sản xuất hàng hóa, mọi hoạt động kinh doanh của xí nghiệp đều thể hiện bằng tiền và được thực hiện thông qua các quan hệ hàng hóa—tiền tệ.

5 — Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các định mức, tiêu chuẩn kinh tế — kỹ thuật phục vụ sản xuất và quản lý kinh tế tài chính. Hệ thống định mức, tiêu chuẩn kinh

Digitized by Google

tế — kỹ thuật trong điều kiện kinh doanh xã hội chủ nghĩa phải là một hệ thống thống nhất bao gồm các định mức tiêu chuẩn Nhà nước, các định mức tiêu chuẩn ngành (địa phương) và các định mức tiêu chuẩn xí nghiệp được xây dựng, xét duyệt và ban hành theo thể thức quy định của Nhà nước. Hệ thống các định mức tiêu chuẩn kinh tế — kỹ thuật đó phải được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Hệ thống đó phải được sử dụng *làm căn cứ* cho việc tiến hành các hoạt động sản xuất và quản lý kinh doanh.

6 — Có một hệ thống kế toán, thống kê và thông tin kinh tế chính xác, trung thực, thông suốt và nhạy bén, bảo đảm cung cấp đầy đủ, kịp thời các nguồn thông tin số liệu phục vụ việc điều hành sản xuất và quản lý kinh tế tài chính của từng đơn vị cơ sở, từng ngành và toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

IV — Những vấn đề cấp bách trước mắt cần tiến hành để các xí nghiệp thật sự đi vào kinh doanh xã hội chủ nghĩa trong điều kiện của nước ta hiện nay.

Như trên đã nói, kinh doanh xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải có những điều kiện nhất định. Xuất phát từ tình hình thực tế hiện nay, theo chúng tôi trước mắt phải làm những việc sau đây:

1 — Căn cứ vào cơ cấu kinh tế đã được xác định, từng ngành, từng địa phương phải tiến hành kiểm kê, sắp xếp lại các đơn vị kinh tế cơ sở theo các mô hình đã lựa chọn, giải quyết dứt điểm việc phân công phân cấp sản xuất theo cơ cấu mặt hàng giữa trung ương và địa phương, giữa quốc doanh và tập thể, phân loại xếp hạng các đơn vị kinh tế cơ sở, kiện toàn tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý để các đơn vị hoạt động theo đúng điều lệ xí nghiệp đã quy định.

2 — Trên cơ sở sắp xếp lại và phân loại xếp hạng các đơn vị kinh tế phải tiến hành phân bố sắp xếp lại lực lượng lao động trong từng ngành, từng địa phương cho phù hợp với nhiệm vụ sản xuất của từng đơn vị; xúc tiến việc giải quyết dứt điểm, việc thanh lý các loại vật tư, thiết bị, các loại tài sản ứ đọng, không cần dùng, các loại công nợ dây dưa khê đọng lưu cữu từ nhiều năm nay, để làm sạch sẽ và lành mạnh hóa các năng lực sản xuất hiện có của xí nghiệp, và từ đây giao cho xí nghiệp quản lý và sử dụng theo đúng tinh thần chủ động kinh doanh và tự chủ tài chính.

3 — Hoàn thành việc ban hành các chính sách, chế độ một cách đồng bộ, ăn khớp theo yêu cầu và nội dung của cơ chế quản lý mới. Tập trung sức chỉ đạo triển khai thực hiện các chính sách, chế độ đã ban hành trong tất cả các ngành, các địa phương và đơn vị cơ sở. Qua chỉ đạo thực hiện kịp thời phát hiện, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm để hoàn chỉnh và chính thức hóa việc thực hiện vào đầu năm sau (đã có chương trình của Hội đồng bộ trưởng). Trong các chính sách chế độ nói trên, phải đặc biệt quan tâm đến các khâu sau đây nhằm bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh của cơ sở: công tác kế hoạch hóa, vấn đề bảo đảm vật tư, nguyên liệu, năng lượng cho sản xuất, vấn đề tự chủ tài chính, vấn đề xuất nhập khẩu...

4 — Tiếp tục nghiên cứu xử lý các vấn đề về giá, lương, tiền theo tinh thần các nghị quyết và kết luận của Bộ chính trị Trung ương Đảng. Giá, lương, tiền hiện nay đang là những vấn đề bức bách đối với kinh doanh, đối với đời sống và các mặt hoạt động khác của xã hội, cần phải được tập trung giải quyết tốt. Đây là những vấn đề thuộc nội dung cơ chế quản lý mới, đồng thời cũng

(Xem tiếp trang 72)

Digitized by Google

BÙI THẾ TÂM

BỘ ĐỘI TUYẾN I VỚI NHIỆM VỤ SẢN XUẤT, XÂY DỰNG KINH TẾ

TRONG các địa bàn chiến lược, miền núi và trung du phía Bắc là một địa bàn trọng điểm. Ở đây có tiềm năng lớn trên nhiều mặt: lâm nghiệp, cây công nghiệp, chăn nuôi, năng lượng, khoáng sản. Song vì sự phân công lao động, mạng lưới giao thông vận tải, cũng như trình độ văn hóa, kỹ thuật còn có nhiều hạn chế, cho nên tiềm năng chưa được khai thác bao nhiêu. Đó là một thiệt thòi lớn chung cho cả nước và khu vực. Ngày nay để đáp ứng yêu cầu bức thiết của nhiệm vụ mới, chúng ta đã có khả năng mới để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế — xã hội kết hợp với củng cố quốc phòng trên địa bàn trọng yếu này. Nhân dân ta, bà con các dân tộc không mong muốn gì hơn là được sống yên ổn "xây dựng đất nước ta càng hoàng hơn, to đẹp hơn", được ăn no, mặc ấm, được học hành, mong muốn chính đáng và hiện thực. Hơn nữa, *chưa bao giờ, quân đội ta đứng chân trên địa bàn này lại sung sức như hiện nay, chúng ta phải sử dụng lực lượng đó vừa là lực lượng chủ lực, nòng cốt bảo vệ tuyến đầu của Tổ quốc, vừa là lực lượng chủ lực, nòng cốt trong lao động sản xuất và xây dựng kinh tế.* Vì thế, bộ đội ở biên giới phía bắc có trách nhiệm cao cả: sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu bảo vệ vững chắc từng tấc đất của Tổ quốc; lao động sản xuất làm giàu vùng biên cương của đất nước, cùng với nhân dân các dân tộc làm cho cả kinh tế lẫn quốc phòng đều mạnh lên, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Bộ đội làm kinh tế ở đây là gắn lao động với đất đai, tài nguyên tại chỗ, gắn phương án phòng thủ với kế hoạch sản xuất, xây dựng kinh tế, gắn công sức của quân đội với các ngành, các địa phương trong một quy hoạch, kế hoạch thống nhất, nhằm bảo đảm sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu tốt, tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế tốt. Làm kinh tế tốt bao nhiêu thì bảo đảm cho sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu tốt bấy nhiêu và ngược lại.

Được thử nghiệm trong thực tiễn nhiều năm qua, quân đội ở địa bàn này tập trung vào ba mục tiêu làm kinh tế với nội dung sau đây:

Một là, *tập trung vào mục tiêu sản xuất thực phẩm tại chỗ* nhằm bảo đảm đời sống cho bộ đội, giảm dần vận chuyển quá tốn kém từ phía sau lên. Giải pháp chủ yếu để đạt được mục tiêu này là *đẩy mạnh chăn nuôi, trồng trọt và chế biến.*

Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, chủ yếu là trâu, bò, lợn, dê, thỏ, cá... nhiều nơi đã hình thành một hệ thống chăn nuôi rộng khắp theo hình thức vườn — ao — chuồng (VAC) ở các phân đội, các trạm trại, ở các binh đoàn, giải quyết một cách đồng bộ và vững chắc các biện pháp kinh tế kỹ

Digitized by Google

thuật, nhất là khâu con giống, thức ăn gia súc, phòng chống dịch bệnh; dần dần phát triển theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Trồng trọt cây thực phẩm, nhất là các cây thực phẩm có dầu, như đậu, lạc, vừng, dầu lai và các cây thực phẩm khác như mía, chè, cà phê, thuốc lá..., nhiều nơi cũng đã hình thành một hệ thống cơ sở sản xuất bao gồm: các vườn cây thực phẩm ở các phân đội, các trại sản xuất nông nghiệp ở các binh đoàn; đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào canh tác, nhất là khâu thủy lợi, giống, phân và kiến thiết đồng ruộng. Đã có mô hình gắn trồng trọt với chăn nuôi, trồng trọt để có thức ăn cho người và gia súc, chăn nuôi để có phân bón cho cây trồng. Mô hình này ở các phân đội là vườn – ao – chuồng; ở các binh đoàn là cơ sở sản xuất tổng hợp cả trồng trọt và chăn nuôi. Nhờ sự kết hợp đó mà tận dụng được mọi sản phẩm làm ra, không bỏ phí một thứ gì. Khâu chế biến, một khâu hết sức cần thiết của sản xuất lương thực, thực phẩm, mà ở nhiều nơi còn chưa làm được, thì ở đây, bộ đội đã có nhiều cố gắng để nâng cao giá trị và giá trị sử dụng của sản phẩm làm ra. Với kế hoạch phát triển mạng lưới thủy điện, việc chế biến, xay xát sẽ có điều kiện thuận lợi hơn, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Hai là, *tập trung công sức của quân đội vào mục tiêu xây dựng, phát triển các cơ sở sản xuất nông, lâm nghiệp tập trung, sản xuất kinh doanh lâu dài ở các địa bàn có yêu cầu kết hợp cao giữa kinh tế và quốc phòng.* Đó là các điểm xung yếu trên các trục đường chiến lược dọc ngang, các cụm điểm tựa phòng thủ, các hậu cứ, v.v. Ở đó được xây dựng thành các cơ sở kinh tế theo quy hoạch và kế hoạch đã được xác định theo quy mô nhỏ, vừa, lúc đầu lấy quy mô vừa là chính. Muốn có được một hệ thống phòng thủ vững chắc ở những nơi này thì bộ đội phải là lực lượng nòng cốt xây dựng ở đây những cơ sở kinh tế – xã hội phát triển phong phú. Quá trình phát triển đó là: ban đầu vừa là điểm tựa phòng thủ, vừa là cơ sở sản xuất nông lâm kết hợp, khi cây công nghiệp đưa vào thu hoạch thì thu hút lao động dân cư tới phát triển, mở rộng thành những khu chuyên canh lớn. Tùy theo thế mạnh và quy hoạch của từng nơi mà xác định đúng đắn phương hướng sản xuất của từng cơ sở, chú yếu đi vào phát triển cây công nghiệp đặc sản, cây nguyên liệu lấy sợi, cây ăn quả có giá trị kinh tế, cây lấy gỗ, củi... Các cơ sở kinh tế nông lâm nghiệp ấy là đơn vị kinh tế quốc doanh mà Nhà nước giao cho quân đội xây dựng và quản lý, làm theo kế hoạch của Nhà nước, thực hiện hạch toán kinh tế và áp dụng các chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước. Mở mang kinh tế miền núi phía bắc đòi hỏi tổ chức sản xuất hợp lý, bộ máy quản lý kinh tế kỹ thuật chuyên trách gọn nhẹ huy động được lao động của bộ đội tham gia theo thời vụ, biên chế bộ máy gọn nhẹ mà có lực lượng lao động lớn. Chỉ có quân đội mới có điều kiện để tổ chức kiểu sản xuất thích hợp ấy.

Ba là, *các đơn vị quân đội tích cực tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho kinh tế và quốc phòng.* Quân đội đảm nhiệm xây dựng các tuyến đường chiến lược, đường giao thông trong các khu công nghiệp lớn, đường địa phương, đường chiến dịch, chiến thuật kết hợp với kinh tế dân sinh, xây dựng các cụm kinh tế kỹ thuật trên địa bàn huyện, phát triển thủy điện kết hợp với thủy lợi, góp phần thúc đẩy thâm canh, tăng vụ, tăng sản lượng lương thực để cân đối tại chỗ. Quân đội còn khai thác mỏ, nhất là khai thác than theo các hình thức thích hợp, tích cực góp phần phát triển công nghiệp khai khoáng. Quân đội có khả năng sản xuất mọi

Digitized by Google

vật liệu tại chỗ, kể cả vật liệu xây dựng quý, đáp ứng nhu cầu của Nhà nước, nhân dân và của bản thân.

★

Làm ra nhiều công trình, sản phẩm tại chỗ với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao trong lúc này là yêu cầu khẩn thiết nhất của Đảng, là nguyện vọng tha thiết nhất của nhân dân, là đòi hỏi thiết thân nhất của bộ đội ở vùng miền núi, trung du phía bắc. Vì thế, quân đội ta với truyền thống tốt đẹp, có đội ngũ đông đảo trẻ khỏe, có trình độ văn hóa kỹ thuật, có tổ chức chỉ huy chặt chẽ, có bảo đảm hậu cần tương đối ổn định phải là lực lượng chủ lực, nòng cốt xây dựng kinh tế miền núi phía bắc, cùng với bà con các dân tộc thực hiện khẩu hiệu « quân dân một ý chí bảo vệ và xây dựng, trụ vững trên tuyến đầu, ra sức làm giàu, quyết tâm đánh thắng ».

Để có thể hoàn thành trách nhiệm cao cả, nặng nề đó, cần có sự tổng kết đầy đủ những kinh nghiệm tốt và chưa tốt trong thời gian qua của bộ đội tuyến 1 thực hiện nhiệm vụ xây dựng kinh tế, kịp thời có những đổi mới trong suy nghĩ và hành động. Đồng thời cần có sự quan tâm phối hợp và giúp đỡ của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, của các ngành trung ương. Như vậy cũng chính là tạo điều kiện thuận lợi để thật sự phát huy vai trò của lực lượng bộ đội sung sức chưa từng có trên địa bàn chiến lược quan trọng này.

NĂNG ĐỘNG VÀ...

(Tiếp theo trang 88)

Bun-ga-ri là sự hợp tác toàn diện với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, đặc biệt là hợp tác với Liên xô. ĐCS Bun-ga-ri đã có nhiều hoạt động tích cực góp phần củng cố sự thống nhất của các nước xã hội chủ nghĩa và đấu tranh loại trừ thảm họa hạt nhân, bảo vệ hòa bình trên thế giới. Sáng kiến hòa bình của Bun-ga-ri về việc biến vùng Ban căng thành khu vực không có vũ khí hạt nhân được sự hưởng ứng rộng rãi trên thế giới.

ĐCS Bun-ga-ri đã trải qua 95 năm đấu tranh cách mạng kiên cường, bền bỉ, dũng cảm, sáng tạo, trong đó có 42 năm lãnh đạo nhân dân Bun-ga-ri xây dựng chủ nghĩa xã hội và đã đạt được những thành tựu vô cùng to lớn. Những người cộng sản và nhân dân Việt nam tin tưởng rằng, với kinh nghiệm phong phú và quý báu của gần một thế kỷ qua cùng với năng lực sáng tạo to lớn hiện nay, ĐCS Bun-ga-ri sẽ lãnh đạo nhân dân Bun-ga-ri thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ trọng đại mà Đại hội thứ XIII đã đề ra. Nhân dịp này, ĐCS Việt nam, toàn thể nhân dân Việt nam gửi đến những người cộng sản Bun-ga-ri và toàn thể nhân dân Bun-ga-ri anh em những lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

Digitized by Google

Thư gửi Bộ biên tập



KIÊN QUYẾT CHỐNG CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN

Đảng ta đang tiến hành tự phê bình và phê bình và đã đạt một số kết quả tốt. Nhiều đảng bộ đã phát hiện được sai lầm và có biện pháp sửa chữa. Tuy nhiên, đó chỉ mới là những kết quả bước đầu, chúng ta còn phải tiếp tục đấu tranh để khắc phục những thiếu sót và khuyết điểm trong bước đi lên.

Ai cũng thấy, từ ngày Đảng ta cầm quyền trên toàn bộ đất nước đến nay, bên cạnh sự phát triển của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cá nhân cũng lây lan nhanh chóng, cơn khát tư hữu khá trầm trọng. Khi ta còn tiến hành chiến tranh, sự tiến công của kẻ thù là từ mặt trước; tiền tuyến đụng độ trước. Còn bây giờ, kẻ thù nhằm ngay vào hậu phương, vào tận những nơi mà trước đây có thể nói là hết khả xâm phạm. Nó bắn tỉa, nó đầu độc từng đảng viên, từng bộ phận của Đảng, dẫn đến làm suy yếu sức mạnh của Đảng, làm giảm lòng tin của quần chúng đối với Đảng. Trong thời kỳ từ Đại hội II đến Đại hội III của Đảng (1951 — 1960), Đảng ta mất đi hàng chục vạn đảng viên. Đó là thời kỳ thử thách rất gay go, quyết liệt. Nhưng lúc ấy tinh thần cách mạng của quần chúng rất cao, uy tín của Đảng rất lớn. Vì vậy có thể nói « mất mà còn ». Còn bây giờ, trong lúc cả đội ngũ đông đảo phấn đấu quên mình vì sự nghiệp cao cả của Đảng, của Tổ quốc, thì một bộ phận đảng viên biến chất, thoái hóa, số đảng viên này tuy còn trong Đảng nhưng « còn mà mất », mà cái mất lần này đau xót hơn, nguy hiểm hơn. Trước đây, chúng ta cho những hiện tượng tiêu cực chỉ là chứng bệnh ngoài da, nhưng bây giờ nó đã bội nhiễm, gây tổn thương nặng nề cơ thể của Đảng. Chủ nghĩa cá nhân đang trỗi dậy trong nhiều người và là kẻ thù nguy hiểm của Đảng ta. Ta nghe dư luận có « cường hào » mới ở nông thôn, có « tư trưởng » mới ở miền núi và cũng cần xem ở đô thị có « tư sản » mới hay không.

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền xây dựng chủ nghĩa xã hội, cuộc đấu tranh « ai thắng ai » giữa hai con đường trong mỗi người cũng gay gắt như bên ngoài xã hội. Nhất định chủ nghĩa cá nhân không thể thắng chúng ta, nhưng nó đã làm cho một số đồng chí vấp ngã, thậm chí có những đồng chí trước đây vững chắc như sắt thép mà nay cũng đang bị xói mòn. Chủ nghĩa cá nhân, như Bác Hồ đã nói, là một kẻ rất gian giảo, xảo quyệt. Nó có những biểu hiện vô cùng tinh vi trên mọi lĩnh vực xã hội. Về chính trị, nó gieo rắc chủ nghĩa cơ hội. Về tư tưởng, nó đầu độc con người chạy đua vào vòng danh lợi, vật chất tầm thường, từ áo quần, nhà cửa,

Digitized by Google

xe cộ, đến kiểu cách ăn chơi, tham ô, hủ hóa, nhận của hối lộ, buôn bán kiếm lời... Về phong cách, nó xui khiến người ta sống quỵ lụy, thiếu trung thực. Thiếu trung thực với cấp trên, với quần chúng; thiếu trung thực với cả bản thân mình. Nó làm cho con người trở nên hèn hạ, sống nịnh hót, lừa mị, ưa kẻ nịnh, ghét người ngay, gây bè phái, chia rẽ, bản vị, địa phương, coi lợi ích vật chất là động cơ duy nhất, lấy uy quyền làm phương pháp lãnh đạo. Chính vì vậy mà nó làm mất uy tín của Đảng, làm cản trở sự phát triển của cách mạng, làm giảm tình đồng chí, làm cho lòng dân không yên. Rõ ràng, chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù hung ác của chủ nghĩa xã hội, là một nguy cơ dễ làm cho ta đi chệch quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.

Để nâng cao sức chiến đấu của Đảng, củng cố lòng tin của quần chúng đối với Đảng, chúng ta cần thường xuyên đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong Đảng. Cần chấm dứt mọi hiện tượng đặc quyền đặc lợi, kiên quyết « đuổi cổ bọn cơ hội luồn lọt » ra khỏi Đảng. Nhân dịp này, mỗi đảng viên cần thành thật với Đảng, nghiêm khắc xem xét lại mình, từ đó cố gắng phấn đấu vươn lên; nếu thấy không còn phù hợp nữa thì nép lại bên đường để đồng chí khác tiến lên, không ham giữ vị trí như gà ham ấp trứng. Trong cuộc sống riêng, có cái gì không thuộc chế độ cho mình thì trả hết, trả ngay, chấm dứt những thu nhập không do lao động chân chính của mình làm ra. Lê-nin nói, những thu nhập không do lao động của mình làm ra là thu nhập theo cách của giai cấp tư sản.

Phải chấm dứt mọi đặc quyền, bỏ cái thói nể « con ông này ông nọ » cho được hưởng mọi đặc ân, được miễn mọi nghĩa vụ; bỏ cái thói lợi dụng chức quyền xài phí của công một cách vô tội vạ; cái thói « lấy của làng làm ơn cho ông xã ». Những thói xấu đó đang bị dư luận xã hội bất bình và lên án.

Chủ nghĩa cá nhân hoàn toàn đối lập với chủ nghĩa xã hội; không thể dùng những con người mang đầu óc cá nhân để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, nội dung cơ bản của việc xây dựng Đảng là phải xây dựng những con người xã hội chủ nghĩa và phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân trong Đảng. Đó là vấn đề sống còn của Đảng và của cách mạng hiện nay.

NGUYỄN TIẾN CANG
Hà nội

Digitized by Google

Kỷ niệm lần thứ 95 ngày thành lập Đảng cộng sản Bun-ga-ri (1891 – 1986) và mừng Quốc khánh nước Cộng hòa nhân dân Bun-ga-ri (1944 – 1986)

VŨ TIÊN

Năng động và thiết thực trước những yêu cầu mới

TRONG 12 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Bun-ga-ri, nhân dân Bun-ga-ri đã đạt được những thành tựu vô cùng rực rỡ, và ngày nay đang giải quyết những nhiệm vụ to lớn hơn của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

ĐCS Bun-ga-ri là một trong những đảng cộng sản ra đời sớm nhất trên thế giới và đã có những đóng góp đáng kể vào phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Đảng được thành lập năm 1891 với tên gọi là Đảng xã hội dân chủ Bun-ga-ri. Đảng xã hội dân chủ Bun-ga-ri tích cực tham gia thành lập Quốc tế cộng sản và tháng 5 năm 1919 đổi tên thành Đảng cộng sản Bun-ga-ri.

Trong thời kỳ cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, Bun-ga-ri là một nước nông nghiệp lạc hậu, giai cấp công nhân còn ít ỏi. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Bun-ga-ri, đứng đầu là Đi-mi-tơ-ri Bla-gô-ép – người đầu tiên truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin ở Bun-ga-ri, giai cấp vô sản mới được hình thành ở Bun-ga-ri đã nhận thức được vai trò tiên phong của mình trong cuộc đấu tranh để đưa đất nước Bun-ga-ri tiến lên chủ nghĩa xã hội. Được sự dắt dẫn của Đảng, ngay từ tháng 9-1923, nhân dân Bun-ga-ri đã đứng lên khởi nghĩa chống phát xít. Sau cuộc khởi nghĩa, các đảng viên cộng sản bị đàn áp, khủng bố dã man, nhưng ĐCS Bun-ga-ri đã biết cách tự bảo vệ và đứng vững như một đảng lê nin nít chân chính. Trải qua những năm tháng khó khăn gian khổ, ngày 9-9-1944, với sự giúp đỡ của Hồng quân Liên xô, ĐCS Bun-ga-ri đã lãnh đạo nhân dân Bun-ga-ri tiến hành khởi nghĩa vũ trang và giành chính quyền về tay nhân dân. Từ đây lịch sử dân tộc Bun-ga-ri bước sang thời kỳ mới – thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Lịch sử đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và thời kỳ đầu của quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội của đất nước Bun-ga-ri gắn liền với tên tuổi và sự nghiệp của Ghê-oóc-ghi Đi-mi-tơ-rốp – người con vĩ đại của Bun-ga-ri, nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước nghèo nàn, lạc hậu bị chiến tranh tàn phá nặng nề như Bun-ga-ri là một nhiệm vụ vô cùng phức tạp và hết sức khó khăn. ĐCS Bun-ga-ri đã tỏ rõ tài năng xuất sắc của mình trong lĩnh vực này. Nắm vững nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, ĐCS Bun-ga-ri đã đề ra đường lối cách mạng phù

Digitized by Google

hợp với điều kiện của đất nước mình trong từng giai đoạn cụ thể. Hội nghị toàn thể tháng Tư (năm 1956) của UBTU ĐCS Bun-ga-ri có ý nghĩa tạo bước ngoặt trong quá trình hoạt động của Đảng. Tại Hội nghị này ĐCS Bun-ga-ri đã đề ra đường lối phát triển kinh tế toàn diện. Đường lối này đã tạo ra sự chuyển biến sâu sắc trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội Bun-ga-ri, giúp **Bun-ga-ri đạt được** những thành tựu hết sức to lớn trong 30 năm qua. Từ năm 1956 đến năm 1986 vốn cơ bản của nền kinh tế quốc dân tăng từ 11 tỷ 300 triệu lê va lên 112 tỷ 500 triệu lê va, nghĩa là tăng hơn 10 lần. Trong thời gian đó năng suất lao động xã hội tăng 8,4 lần, thu nhập quốc dân tăng 8 lần, giá trị sản lượng công nghiệp tăng 14 lần, trong đó giá trị sản lượng của một số ngành quan trọng như công nghiệp cơ khí tăng 68 lần, công nghiệp hóa chất tăng 45 lần, giá trị sản lượng nông nghiệp tăng 2,5 lần.

Sau hơn 40 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân dân Bun-ga-ri đã biến đất nước mình từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước xã hội chủ nghĩa phát triển với nền công nghiệp hiện đại (năm 1944, tỷ trọng giữa công nghiệp và nông nghiệp là 24,7 : 75,3, hiện nay là 84 : 16), nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, văn hóa, khoa học, giáo dục, y tế tiên tiến. Nhân dân Bun-ga-ri có quyền tự hào về đất nước của mình, đất nước đứng thứ 101 về diện tích lãnh thổ và thứ 61 về số dân trên thế giới nhưng đã đứng đầu thế giới về một số sản phẩm tính theo đầu người như máy bốc xếp chạy điện và tự động, na-tri các bô nát nung, thuốc lá điếu ; đứng ngang hàng các nước tiên tiến về một số sản phẩm tính theo đầu người như điện, quặng sắt, than cốc, than nâu, sợi nhân tạo và sợi tổng hợp, ngũ cốc...

Ngày nay tiềm lực kinh tế, quốc phòng của Bun-ga-ri cho phép Đảng và Chính phủ Bun-ga-ri không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và tích cực tham gia những hoạt động quốc tế nhằm bảo vệ hòa bình trên trái đất.

Nhiệm vụ kế hoạch 5 năm thứ 9 (1986 — 1990) và mười năm cuối thế kỷ XX của Đảng và nhân dân Bun-ga-ri là tạo ra một cơ cấu hạ tầng hiện đại của nền sản xuất và xây dựng lại cơ sở vật chất kỹ thuật của đất nước ở tầm cao mới, phù hợp với những thành tựu tiến tiến của cách mạng khoa học kỹ thuật. Mục tiêu cụ thể là đến năm 1990, thu nhập quốc dân tăng 22 — 25%, năng suất lao động tăng 25 — 30%, giá trị sản lượng công nghiệp tăng 25 — 30%, giá trị sản lượng nông nghiệp tăng 6 — 8% so với năm 1985. Đến năm 1990 đời sống của nhân dân được nâng cao một bước, hằng năm bình quân đầu người đạt 75 — 77 ki lô gam thịt và sản phẩm thịt, 240 — 280 ki lô gam sữa và sản phẩm sữa, 10 — 11 ki lô gam cá và sản phẩm cá ; cứ 100 gia đình thì có 100—103 máy thu hình, 95 — 98 máy giặt, 98 — 100 tủ lạnh, 38 — 39 xe ô tô con...

Trong hoàn cảnh mới, một loạt những nhân tố trước kia tạo điều kiện cho sự tiến bộ về kinh tế, xã hội nay đã hết khả năng, mà sự tiến bộ kinh tế ngày nay lại có những đòi hỏi cấp bách hơn, toàn diện và sâu sắc hơn. Trước những đòi hỏi mới đó, ĐCS Bun-ga-ri tỏ ra năng động và thiết thực hơn trong các hoạt động của mình.

Nền kinh tế của Bun-ga-ri đang được chuyển mạnh từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, một số ngành then chốt như chế tạo cơ khí, công nghiệp điện tử và vi điện tử, công nghiệp người máy... được ưu tiên phát triển mạnh mẽ nhằm ứng dụng nhanh chóng và rộng rãi những thành tựu tiên tiến nhất của khoa học để đi tới cơ khí hóa và tự động hóa toàn bộ

Digitized by Google

nền sản xuất. Vai trò của khoa học kỹ thuật được đặc biệt coi trọng. Hội nghị toàn thể tháng Hai (năm 1985) của UBTƯ ĐCS Bun-ga-ri đã xác định cách mạng khoa học—kỹ thuật là "chiếc chìa khóa hiện đại" mở cửa tới sự tiến bộ không ngừng. Tư tưởng đó đã được Hội nghị toàn thể tháng Giêng (năm 1986) và Đại hội thứ XIII (tháng 4-1986) ĐCS Bun-ga-ri tiếp tục phát triển. Tại Đại hội thứ XIII, đồng chí Tô-đo Gíp-cốp, Tổng bí thư UBTƯ ĐCS Bun-ga-ri, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Bun-ga-ri nhấn mạnh: «Ngày nay điều cơ bản đối với chúng ta là thực hiện cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật, điều đó cho phép phát huy tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở mức độ lớn hơn, mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và đáp ứng đầy đủ hơn những nhu cầu về vật chất, xã hội và tinh thần của nhân dân» (1).

Trong hơn 40 năm qua, nền khoa học của Bun-ga-ri đã phát triển mạnh mẽ và đã đạt được những thành tựu to lớn. Hiện nay Bun-ga-ri có gần 40 vạn cán bộ có trình độ đại học và trên đại học với 184 viện nghiên cứu khoa học và 29 trường đại học. Trước những yêu cầu mới, những người hoạt động khoa học và các cơ quan khoa học tỏ ra năng động và thiết thực hơn, mối liên hệ giữa khoa học và thực tiễn được thắt chặt hơn, khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp có sức mạnh quyết định đẩy nhanh sự phát triển kinh tế — xã hội. Thời gian gần đây, ảnh hưởng của Đảng đã được tăng cường ở các địa bạt khoa học, số đảng viên trong giới trí thức và viên chức tăng lên nhanh chóng. Số này hiện chiếm 1/3 tổng số đảng viên của toàn Đảng. ĐCS Bun-ga-ri không chỉ đề cao vai trò khoa học kỹ thuật mà còn đặc biệt chú ý đến khoa học xã hội. Liên quan trực tiếp đến nhân tố con người, các ngành khoa học xã hội có vai trò to lớn trong việc đào tạo con người mới với tư duy mới, phong cách lao động và làm việc mới, trong việc tổ chức, điều hành sản xuất và quản lý xã hội. Ngày nay ở Bun-ga-ri, các nhà tâm lý học, xã hội học đã giữ các chức vụ quan trọng trong các xí nghiệp công nghiệp và các cơ quan kinh tế.

Về quy mô của xí nghiệp, Bun-ga-ri chú trọng xây dựng nhiều xí nghiệp vừa và nhỏ nhằm thiết lập được cơ cấu và quan hệ hợp lý giữa các xí nghiệp lớn, vừa và nhỏ. Trên thực tế những xí nghiệp nhỏ và vừa tỏ ra có hiệu quả hơn, bởi vì chúng cần vốn đầu tư ít, xây dựng nhanh và đặc biệt là có khả năng ứng dụng nhanh những tiến bộ khoa học—kỹ thuật.

Chính sách tiết kiệm được thực hiện một cách nghiêm ngặt bằng những biện pháp cụ thể và thiết thực đối với các đơn vị sản xuất và tiêu dùng. Ví dụ, Hội đồng bộ trưởng Bun-ga-ri đã thông qua nghị quyết về "Quy định giới hạn sử dụng điện" cho từng đối tượng trong cả nước, theo đó người sử dụng điện quá tiêu chuẩn sẽ bị phạt, ví dụ bị cắt điện 10 ngày, người sử dụng ít hơn tiêu chuẩn được giảm tiền điện. Năm 1985, Bun-ga-ri đã tăng thu lợi nhuận khoảng 600 triệu lê va do việc giảm tiêu hao về năng lượng, vật tư.

Ở Bun-ga-ri đã tiến hành đối thoại sôi nổi giữa các tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa với các cơ quan Nhà nước trong quá trình lập kế hoạch để bảo đảm tốt hơn việc kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích xã hội. Công tác kế hoạch hóa được nâng lên một trình độ mới. Nó có nhiệm vụ sử dụng tốt hơn những đòn bẩy kinh tế của nền sản xuất hàng hóa, giúp xây dựng các xí nghiệp, các nhà máy liên hợp, các liên hợp kinh tế thành các đơn vị sản xuất tự quản. Các đơn vị này có nghĩa vụ tiến hành sản xuất phù hợp với yêu

(1) Báo «Sự thật» tiếng Nga số ra ngày 3-4-1986.

Digitized by Google

cầu của cách mạng khoa học kỹ thuật, với nhu cầu của thị trường trong nước và thị trường thế giới về số lượng, mặt hàng, nhất là về chất lượng. Đảng và Nhà nước đã thực hiện một loạt những biện pháp cụ thể để nâng cao quyền chủ động của các cơ sở, dần dần biến hàng triệu người lao động từ chỗ là đối tượng quản lý thành chủ thể quản lý sản xuất và quản lý các công việc xã hội.

Những yêu cầu mới đòi hỏi ĐCS Bun-ga-ri phải nâng cao vai trò lãnh đạo của mình, và Đảng đã thực hiện một loạt những biện pháp cụ thể để đạt được điều đó. Trước hết, đó là vạch ra một đường lối chiến lược phù hợp với yêu cầu của thời cuộc, đổi mới tư duy, đổi mới biện pháp và phong cách lãnh đạo, chăm chú nghe và nghiên cứu nghiêm túc những ý kiến của nhân dân lao động. Đảng chủ trương tiến hành phê bình và tự phê bình rộng rãi. Trước ngày khai mạc Đại hội thứ XIII, 261 nghìn đảng viên đã phát biểu ý kiến, 150 nghìn đề nghị và ý kiến phê bình đã được gửi đến các cơ quan Đảng, Nhà nước và các cơ quan kinh tế ở trung ương và ở địa phương. Đảng đã tiến hành cuộc đấu tranh chống tiêu cực một cách mạnh mẽ và kiên quyết. Việc giải tán đảng bộ cửa hàng bách hóa lớn nhất thủ đô về tội móc ngoặc và ăn cắp của công; thi hành kỷ luật các cán bộ cao cấp ngành văn hóa và cơ quan liên hợp nông — công nghiệp về tội biển thủ quỹ công; xét xử con một cán bộ cao cấp về tội buôn lậu..., và đưa tin công khai trên báo, đã được nhân dân rất hoan nghênh. Việc nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng được thực hiện bằng con đường nâng cao vai trò và trách nhiệm của các tổ chức cơ sở của Đảng ở các nhà máy, xí nghiệp, nông trường, viện nghiên cứu...

Chính sách cán bộ được đổi mới và hoàn thiện. Ngày nay cán bộ được đánh giá theo kết quả của toàn bộ công việc mà người đó thực hiện chứ không phải theo từng sai sót hay những thành tích riêng lẻ của họ. Đảng phát hiện và đề bạt cán bộ căn cứ vào yêu cầu mới của công tác, thông qua quá trình công tác thực tiễn của cán bộ và dựa vào nhận xét đánh giá của cơ sở. Việc bảo đảm trình độ chuyên môn cao của cán bộ quản lý ở tất cả các cấp trở thành vấn đề chính trị quan trọng hàng đầu.

Mấu mực về tính năng động và thiết thực là việc tổ chức và tiến hành Đại hội thứ XIII ĐCS Bun-ga-ri. 2618 đại biểu (70% của số này lần đầu tiên tham dự Đại hội) thay mặt cho 932000 đảng viên trong cả nước, đã tập trung về thủ đô để tiến hành Đại hội. Đại hội bàn luận và giải quyết rất nhiều vấn đề nhưng chỉ họp trong vòng 4 ngày (từ 2 đến 5-4-1986). Đại hội đã bỏ qua những hình thức lễ nghi rườm rà phiền phức. Đại hội mở đầu không có lễ chào cờ mà không khí vẫn trang nghiêm. Trong quá trình làm việc, không có các đoàn đại biểu nhân dân (trừ đoàn quân đội) đến chào mừng mà Đại hội vẫn gắn bó với toàn dân tộc, bởi nội dung của Đại hội phản ánh ý nguyện của toàn thể nhân dân. Báo cáo chính trị mấy trăm trang được in sẵn và phát cho các đại biểu mà không đọc trong Đại hội. Phần lớn thời gian của Đại hội được dành cho các đại biểu tham gia ý kiến. Các đại biểu từ ủy viên Bộ chính trị đến công nhân đều bình đẳng với nhau và được phép nói trong 15 phút. Phong cách tổ chức Đại hội mới mẻ và thiết thực đã tạo điều kiện để Đại hội thứ XIII ĐCS Bun-ga-ri đạt được hiệu quả cao và thành công tốt đẹp.

Trước những yêu cầu mới của đất nước và của thời đại, ĐCS Bun-ga-ri thấy rõ lợi ích và trách nhiệm của mình trong những hoạt động quốc tế. Một trong những điều kiện bảo đảm cho sự phát triển kinh tế — xã hội của

(Xem tiếp trang 82)

Digitized by Google

«ТАПТИ КОНГШАН» № 10 – 1986

ПЕРЕДОВАЯ – Расширять и повышать качество критики и самокритики в периодической печати. ЧЫОНГ ТИНЬ – Выявлять и использовать по максимальной возможности ресурсы страны в целях активизации производительных сил и продолжения социалистических преобразований. ФАМ ХЫНГ – Устранить недостатки социалистического законодательства в нашей стране. ФАН ХИЕН – Укреплять социально-экономическое управление по действующим законам в соответствии с новыми условиями. ЧАН ДОНГ – Надежно обеспечить национальную безопасность, общественный порядок и безопасность в соответствии с новыми условиями. ХОАНГ МИНЬ ТХАО – О обновлении работы в области военного искусства. НАУЧНО-ПРАКТИЧЕСКАЯ КОНФЕРЕНЦИЯ – по теме социалистического предпринимательства. ВУ ТЬЕН – Быть деятельными и практичными перед лицом новых требований.

REVIEW OF COMMUNISM N°. 10 – 1986

EDITORIAL – Let's broaden the scope and heighten the quality of the work of criticism and self-criticism on the press. TRƯỜNG CHINH – Exploiting and bringing into full play the all-sided potentialities of our country for a vigorous development of the productive force on a par with a continuous stepping up of the socialist reform. PHẠM HƯNG – Overcoming the foibles in socialist legislation in our country. PHAN HIỂN – Strengthening our socio-economic management according to law in the new context. TRẦN ĐÔNG – Firmly ensuring national security and social order and safety in the new situation. HOÀNG MINH THẢO – Some problems on the changes in the work of military science. *Seminars of Science and Practice on socialist trade.* VŨ TIẾN – Being dynamic and practical in face of the new requirements.

REVUE DU COMMUNISME N° 10 – 1986

EDITORIAL – Elargir et améliorer la critique et l'autocritique dans la presse. TRƯỜNG CHINH – Exploiter et faire valoir au plus haut point les potentialités multiformes de notre pays en vue de développer vigoureusement les forces de production et d'accélérer de concert la transformation socialiste. PHẠM HƯNG – Surmonter les faiblesses dans la législation socialiste de notre pays. PHAN HIỂN – Renforcer la gestion économico-sociale suivant la loi dans la situation nouvelle. TRẦN ĐÔNG – Assurer solidement la sécurité nationale, l'ordre et la sûreté sociaux dans la nouvelle situation. HOÀNG MINH THẢO – Quelques problèmes sur la rénovation du travail de science militaire. *Conférence sur la science et la pratique de l'entreprise socialiste.* VŨ TIẾN – Soyons dynamiques et réalistes face aux nouvelles exigences.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 10 – 1986

EDITORIAL – Extender y mejorar la calidad de la autocrítica y crítica en la prensa. TRƯỜNG CHINH – Explotar y desplegar al máximo las potencialidades multiformes de nuestro país a fin de desarrollar fuertemente las fuerzas de producción en ligazón con acelerar la transformación socialista. PHẠM HƯNG – A superar las debilidades en la legalidad socialista en nuestro país. PHAN HIỂN – Reforzar la gestión económico-social según la ley en la nueva situación. TRẦN ĐÔNG – Asegurar sólidamente la seguridad nacional y el orden social en la nueva situación. HOÀNG MINH THẢO – Algunos problemas sobre la renovación del trabajo de la ciencia militar. *Seminario científico – práctico sobre la operación socialista.* VŨ TIẾN – Ser dinámicos y realistas ante las nuevas exigencias.

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
SỐ 10-1986. NĂM THỨ XXXII (370)

Mục lục

Xã luận — Mở rộng và nâng cao chất lượng phê bình và tự phê bình trên báo chí

TRƯỜNG CHINH — Khai thác và phát huy cao độ tiềm năng mọi mặt của nước ta để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, gắn với tiếp tục đẩy mạnh cải tạo XHCN 6

Tiến tới Đại hội thứ VI của Đảng

PHẠM HÙNG — Khắc phục những mặt yếu về pháp chế XHCN ở nước ta 8

PHAN HIỀN — Tăng cường quản lý kinh tế, xã hội theo pháp luật trong tình hình mới 12

TRẦN ĐÔNG — Bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới 16

VŨ THĂNG — Bình trị thiên khắc phục khó khăn, vươn tới những mục tiêu mới 21

PHẠM VĂN HY — Đồng nai đến năm 1990 25

HOÀNG MINH THẢO — Mấy vấn đề về đổi mới công tác khoa học quân sự 30

NGUYỄN THẾ UẨN — Một số ý kiến về kế hoạch hóa kinh tế quốc dân XHCN 36

ĐẶNG VĂN NÔNG — Tổ chức xuất khẩu nông sản vụ đông ở Thái bình 41

TCCS — Sưu tầm, bảo quản các tài liệu, bài nói, bài viết và di vật của đồng chí Lê Duẩn 45

Hội nghị khoa học — thực tiễn *về kinh doanh XHCN* ★ VŨ HỮU NGOẠN, LÊ ĐỨC THÚY, LÊ XUÂN TÙNG, PHẠM THÀNH, HỒ TẾ 47

BÙI THẾ TÂM — Bộ đội tuyến I với nhiệm vụ sản xuất, xây dựng kinh tế 80

Thư gửi Bộ biên tập ★ NGUYỄN TIẾN CANG — Kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân 83

VŨ TIẾN — Năng động và thiết thực trước những yêu cầu mới 84

Trụ sở Bộ biên tập:
1. Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dây nói: 52061 — 52062
Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:
19. Phạm Ngọc Thạch — T. P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 — 22040

Digitized by Google

Digitized by Google

13/6.

Các bạn tìm đọc:

TRƯỜNG CHINH

– Nắm vững ba bài học lớn để thực Liện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược

PHẠM VĂN ĐỒNG

– Những bài nói và viết chọn lọc

LÊ ĐỨC THỌ

– Những nhiệm vụ cấp bách của công tác xây dựng Đảng

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số 12651 Giá: 6đ00

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

MAIN/UC-B

FEB 10 1987

UNIVERSITY OF CALIFORNIA

11

11.1986

Digitized by Google

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Xã luận

XỬ LÝ KỊP THỜI VÀ NGHIÊM MINH NHỮNG VỤ PHẠM PHÁP

TÌNH hình phạm pháp hiện đang diễn biến phức tạp. Nó có chiều hướng tăng lên và nghiêm trọng hơn không chỉ ở ngoài xã hội, mà cả trong các cơ quan Nhà nước. Đối với một số tội, người phạm phải phần lớn lại là cán bộ, nhân viên Nhà nước. Phạm pháp hình sự xảy ra trong nhiều lĩnh vực hoạt động của Nhà nước, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế: xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, tham ô, ăn cắp, đầu cơ, buôn lậu, ăn hối lộ. Ở một số nơi, nạn tham nhũng nảy sinh và phát triển. Trên lĩnh vực an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội đã xảy ra những vụ phạm pháp nghiêm trọng: giết người, giết người cướp của, cướp của có sử dụng vũ khí hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm tính mạng, tài sản, danh dự và nhân phẩm của công dân. Trước tình hình đó, điều đáng chú ý là, còn nhiều vụ phạm pháp hình sự trong đó có những vụ nghiêm trọng chưa được xử lý kịp thời và nghiêm minh; có những vụ để dây dưa, kéo dài, làm ảnh hưởng không tốt đến lòng tin của quần chúng. Chỉ thị 133 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng và chỉ thị 84 của Ban bí thư Trung ương Đảng đã đặt ra yêu cầu cấp bách và nghiêm khắc là phải tổ chức ngay việc xét xử trước pháp luật những vụ phạm pháp hình sự, kiên quyết và kịp thời ngăn chặn những tội phạm về kinh tế — xã hội đang phát triển nghiêm trọng, góp phần ổn định tình hình, lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa và kỷ cương Nhà nước. Các cơ quan pháp luật các cấp (tư pháp, công an, thanh tra, trọng tài kinh tế, hải quan...) cần phối hợp chặt chẽ với các ngành kiểm sát và tòa án khẩn trương chuẩn bị và đưa

Digitized by Google

ra xét xử bọn tội phạm, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các cấp ủy Đảng phải lãnh đạo chặt chẽ việc xử lý các vụ phạm pháp.

Từ khi có hai chỉ thị đó đến nay, các cơ quan pháp luật đã phối hợp với nhau để ra kế hoạch thống nhất thực hiện công tác trọng tâm này, cùng nhau xác định các vụ án trọng điểm để đưa ra xét xử ngay, tổ chức phát hiện thêm những vụ mới nghiêm trọng. Các cơ quan pháp luật đang tập trung vào việc điều tra, truy tố, xét xử những vụ phạm pháp lớn: tham ô, ăn cắp tài sản Nhà nước, hối lộ, đầu cơ, buôn lậu, làm và buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, đồng thời chú ý đưa ra xét xử những vụ phá hoại về kinh tế, an ninh quốc phòng, những vụ xâm phạm nghiêm trọng tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm của công dân. Tuy nhiên, công việc của các cơ quan pháp luật vẫn chưa tiến hành được nhanh, mạnh, nhất là đối với các vụ án điển hình về kinh tế làm còn yếu và chậm; nhiều cấp ủy Đảng chưa lãnh đạo thật tốt công tác này, cho nên chưa đáp ứng được yêu cầu cấp bách của tình hình.

★

Một câu hỏi được nhiều người đặt ra là vì sao Nhà nước ta có cả một hệ thống cơ quan chuyên chính với quyền uy, chức năng, nhiệm vụ đầy đủ, rõ ràng mà lại để cho tình trạng phạm pháp xảy ra nghiêm trọng như vậy? Ở đây có một nguyên nhân rất quan trọng là chúng ta đã có phần buông lỏng chuyên chính vô sản, các cơ quan chuyên chính chưa làm tròn trách nhiệm của mình, chưa thực hiện đầy đủ chức năng và quyền hạn được giao, chưa có sự phối hợp thường xuyên chặt chẽ với nhau trên tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa vì lợi ích chung của Nhà nước, của nhân dân. Chúng ta đều biết rằng, đấu tranh chống những hành động phạm pháp hiện nay là công việc khó khăn, phức tạp, phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau. Song để kịp thời ngăn chặn, tiến tới chấm dứt tình trạng phạm pháp đang phát triển nghiêm trọng, yếu tố quan trọng hàng đầu hiện nay là cần thật sự tạo cho được sức mạnh tổng hợp to lớn, sắc bén của các cơ quan pháp luật, đại diện cho quyền uy của Nhà nước. Sức mạnh đó thể hiện ở chỗ mỗi cơ quan pháp luật phát huy đầy đủ vai trò và làm tròn chức năng, nhiệm vụ của mình, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ trong các khâu công tác, nhất là giữa các cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án, để có thể phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử nhanh chóng những vụ trọng án. Sức mạnh đó còn thể hiện ở các cơ quan pháp luật trong cuộc đấu tranh tích cực chống tội phạm có kế hoạch hành động thống nhất, đồng làm, nhất trí từ trên xuống dưới, có những hình thức và biện pháp hoạt động thích hợp, có hiệu quả, kịp thời giải quyết những vướng mắc trong sự phối hợp công tác nhằm góp phần làm chuyển biến tốt tình hình kinh tế — xã hội. Thể hiện ý chí chuyên chính của Nhà nước ta, các cơ quan pháp luật các cấp kiên quyết làm theo đúng luật định và chỉ tuân theo pháp luật, không để cá nhân nào, tổ chức nào can thiệp hoặc cản trở hoạt động của mình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm của mình. Đó chính là bảo đảm tính khách quan đúng đắn, tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật, và cũng là bảo đảm tính chính trị của pháp luật, đồng thời là thực hiện đúng điều 131 của Hiến pháp đã quy định: "Khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật".

Digitized by Google

Trong thời gian qua, bên cạnh những cấp ủy Đảng, những thủ trưởng các cấp có tinh thần trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan pháp luật làm tròn nhiệm vụ, còn có một số cấp ủy Đảng, cán bộ lãnh đạo Đảng và chính quyền đã bao biện làm thay những loại việc cụ thể về xét xử, can thiệp hoặc cản trở hoạt động của các cơ quan pháp luật, thậm chí tìm cách bao che những hành động vi phạm pháp luật, giảm nhẹ tội trạng của cán bộ, đảng viên. Sự lãnh đạo chặt chẽ của cấp ủy Đảng đối với các cơ quan pháp luật là rất cần thiết. Nó nhằm bảo đảm cho các cơ quan pháp luật quán triệt quan điểm, đường lối của Đảng, giải quyết tốt mối quan hệ giữa chính trị và pháp luật, có phương hướng đúng đắn vận dụng và thi hành pháp luật trong những hoàn cảnh cụ thể. Nhưng nó không thể thay thế những công việc mà bản thân các cơ quan pháp luật phải làm theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình. Sự lãnh đạo chặt chẽ, đúng đắn của cấp ủy Đảng và sự thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan pháp luật là thống nhất với nhau, tạo nên sức mạnh và hiệu lực cao nhất của pháp luật. Cần chấm dứt hiện tượng dung túng, bao che, chấm dứt lối « giữ lại » để xử lý nội bộ mà thật ra là bao che cho những người có chức, có quyền phạm pháp. Lê-nin đã từng phê phán mạnh mẽ và cảnh cáo nghiêm khắc Ban chấp hành đảng bộ Mát-xcơ-va cách đây hơn 60 năm, vì đã nhẹ tay với những đảng viên cộng sản phạm tội. Người khẳng định với các tỉnh ủy rằng Ủy ban trung ương sẽ khai trừ ra khỏi Đảng những ai có chút mưu toan « tác động » đến tòa án nhằm « giảm nhẹ » trách nhiệm của những đảng viên cộng sản, đồng thời yêu cầu tòa án phải trừng phạt các đảng viên cộng sản một cách nghiêm khắc hơn là đối với những người không phải đảng viên cộng sản (1). Vì vậy, cần phải bảo đảm nguyên tắc : mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không có ngoại lệ. Mỗi cán bộ, đảng viên đều phải tuân thủ pháp luật như một công dân, và nếu vi phạm pháp luật thì phải xử lý theo pháp luật. Chúng ta kiên quyết xử lý nghiêm minh bất cứ cá nhân nào, cơ quan nào vi phạm pháp luật Nhà nước. Đó cũng là yêu cầu hàng đầu, có tính nguyên tắc của pháp chế xã hội chủ nghĩa, làm cho pháp chế có sức sống.

Nhân dân ta đang mong muốn và đòi hỏi Đảng và Nhà nước có những biện pháp thích đáng, có hiệu lực để xử lý và ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, đặc biệt là những hành động phạm pháp nghiêm trọng. Đáp ứng đòi hỏi chính đáng đó và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, chúng ta sẽ có điều kiện thuận lợi để động viên phong trào quần chúng và tạo nên dư luận xã hội đấu tranh chống những hiện tượng vi phạm pháp luật, thực hiện khẩu hiệu « Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật ».

Với sự quan tâm lãnh đạo sát sao của các cấp ủy Đảng, sự năng động tích cực và phối hợp chặt chẽ của các cơ quan pháp luật cùng với sự ủng hộ mạnh mẽ của quần chúng nhân dân, cuộc đấu tranh khó khăn, phức tạp chống tội phạm hiện nay sẽ đem lại kết quả mong muốn, ngăn chặn được chiều hướng xấu của tình hình phạm pháp, góp phần làm cho tình hình kinh tế — xã hội có chuyển biến tốt.

---

(1) Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 45, tr. 64.

Digitized by Google

TRƯỜNG CHINH

CỦNG CỐ QUAN HỆ SẢN XUẤT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, RA SỨC PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT, XÂY DỰNG THỦ ĐÔ VỮNG MẠNH, GIÀU ĐẸP *

Thưa các đồng chí đại biểu thân mến,

TRÔNG thấy mặt các đồng chí được Trung ương giới thiệu về Hà nội ứng cử đại biểu Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, tôi nhiệt liệt chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ Thủ đô. Nhân dịp này, tôi xin chuyển đến toàn thể cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và đồng bào Thủ đô lời thăm hỏi thân thiết của Ban chấp hành trung ương Đảng, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước và Hội đồng bộ trưởng.

Mười một năm qua, từ khi cả nước bước vào chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã ra sức phấn đấu đạt những tiến bộ đáng kể. Nhưng trong lãnh đạo kinh tế, chúng ta đã mắc những khuyết điểm, sai lầm nghiêm trọng. Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, tình hình kinh tế — xã hội nước ta đang đứng trước rất nhiều khó khăn, đòi hỏi sự sáng suốt và bình tĩnh để tìm ra giải pháp đúng đắn.

Trong bối cảnh đó, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI có tầm quan trọng đặc biệt. Tại Đại hội lần này, chúng ta phải cụ thể hóa thêm một bước đường lối của Đảng, đã được nêu ra từ Đại hội IV và Đại hội V, làm rõ tư tưởng chỉ đạo chiến lược, xác định những nhiệm vụ của Đảng và nhân dân ta trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Với tinh thần *tôn trọng sự thật, nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật*, chúng ta cần phân tích một cách sâu sắc những khuyết điểm, sai lầm, trên cơ sở đó mà đề ra chủ trương, biện pháp kiên quyết và thực tế để đưa cách mạng nước ta nhanh chóng vượt qua khó khăn và tiếp tục vững bước tiến lên.

Trong quá trình hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương sẽ trình Đại hội VI, Bộ chính trị đã thảo luận và nhất trí kết luận về một số quan điểm kinh tế của Đảng. Đó là những kết luận được rút ra từ tình hình thực tế nước ta, từ những bài học kinh nghiệm lớn của mười năm qua, từ sự phân tích và tiếp thu ý kiến của Đại hội Đảng các cấp, của các đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội, các giới khoa học, kỹ thuật, nhân sĩ, trí thức trong cả nước đóng góp vào dự thảo. Những kết luận đó cũng thể hiện sự vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác—Le-nin về thời kỳ quá độ, cũng như những kinh nghiệm thực tiễn xây

* Bài nói tại Đại hội đại biểu đảng bộ thành phố Hà nội lần thứ X.

Digitized by Google

dựng chủ nghĩa xã hội mấy chục năm qua của các Đảng anh em trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là tinh thần đổi mới sâu sắc có *ý nghĩa cách mạng và khoa học* được nêu lên tại Đại hội lần thứ XXVII Đảng cộng sản Liên xô.

Trong những năm qua, chúng ta đã mắc sai lầm «tả trĩ tả khuynh», duy ý chí, làm trái quy luật khách quan. Sai lầm đó thể hiện trong việc bố trí cơ cấu kinh tế theo hướng ham phát triển công nghiệp nặng với quy mô lớn, vượt quá khả năng thực tế; trong việc duy trì quá lâu cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp với kiến trúc thượng tầng đồ sộ, vượt quá sức chịu đựng của cơ sở hạ tầng, nên phải sống nhờ một phần quan trọng bằng viện trợ; trong việc muốn sớm hoàn thành cải tạo bằng cách nhanh chóng xóa bỏ các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa. *Một mặt*, chúng ta đã *chủ quan, nóng vội*, đốt cháy giai đoạn, ham làm nhiều, làm nhanh, làm lớn quá sức mình; *mặt khác*, khi đã mắc sai lầm thì lại *bảo thủ, trì trệ*, muốn kéo dài hiện trạng, không dũng cảm, quyết tâm sửa chữa.

Những khuyết điểm, sai lầm đó dẫn đến hậu quả là sức sản xuất bị kìm hãm, mất cân đối ngày càng doãng ra, năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng giảm sút; sản phẩm, hàng hóa nghèo nàn, lưu thông ách tắc. Các tiềm năng của đất nước cũng như sự giúp đỡ to lớn của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác chẳng những không được phát huy, mà còn bị lãng phí nghiêm trọng và có nguy cơ bị mai một dần. Đất đai, lao động, cơ sở vật chất — kỹ thuật, vốn liếng, năng lực, kinh nghiệm, chất xám, tay nghề của cả nước, của các ngành, của mỗi vùng và khả năng tiềm tàng của người lao động không được khai thác, tận dụng. Trong khi đó, tình trạng không có việc làm lại đang có xu hướng tăng lên, giá cả đột biến, đời sống bấp bênh; tiêu cực phát triển, các giá trị truyền thống, tinh thần và đạo đức bị xói mòn, hoạt động kinh tế—xã hội lâm vào tình thế rối loạn kéo dài, gây nên tâm trạng phổ biến hoài nghi ở tương lai, thiếu tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Trước diễn biến của tình hình, chúng ta đã lúng túng, không tìm ra được biện pháp có hiệu quả để ứng phó nên đã buông lỏng, trở thành hữu khuynh. Rõ ràng là, càng duy trì cách nghĩ, cách làm cũ thì khó khăn càng tăng lên.

Thế giới ngày nay đang nhanh chóng đổi mới. Chủ nghĩa xã hội phải phấn đấu để chứng minh *tính ưu việt* của mình về mọi mặt so với chủ nghĩa tư bản *trên thực tế*. Đối với cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa, đổi mới là con đường vươn lên đáp ứng đòi hỏi của thời đại, đáp ứng những nhu cầu chính đáng và ngày càng cao của nhân dân. Đối với nước ta, *đổi mới* càng là yêu cầu bức thiết, là vấn đề có *tầm quan trọng sống còn*. Yêu cầu đó vừa là đòi hỏi bên trong của nền kinh tế nước ta, vừa phù hợp với xu thế đổi mới của thời đại. Chỉ có đổi mới cách nghĩ, cách làm, đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, đổi mới phong cách làm việc, đổi mới tổ chức và cán bộ, chúng ta mới có khả năng thoát khỏi tình hình khó khăn gay gắt hiện nay.

Tiềm lực của ta không phải nhỏ. Nhưng nhận thức, quan niệm, tư duy đã lỗi thời đang kìm hãm việc sử dụng, phát huy các tiềm lực đó. Lực tuy có, nhưng do bố trí chiến lược về cơ cấu kinh tế và về quản lý kinh tế đều mắc sai lầm, nên chúng ta đã tự bó tay. Đại hội VI có nhiệm vụ trọng đại là trên cơ sở đổi mới tư duy, thay đổi cách nghĩ, cách làm mà hạ quyết tâm chuyển hướng bố trí cơ cấu kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý nhằm *giải phóng năng lực sản xuất hiện có, khai thác và phát huy mọi*

Digitized by Google

tiềm năng của đất nước để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất. Để thực hiện tư tưởng chiến lược trên đây, phải gắn phát triển lực lượng sản xuất với *đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa*, coi đó là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục suốt thời kỳ quá độ, với những hình thức và bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, luôn luôn thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Có thể coi điều vừa nói trên là bước đổi mới tư duy kinh tế *quan trọng nhất* của Đảng ta.

Từ tình trạng nghèo nàn, lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải tìm cách khai thác, tận dụng các khả năng để mọi người lao động đều có việc làm, đều được góp phần sản xuất ra nhiều của cải cho xã hội, nhằm từng bước thực hiện quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, là *thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của nhân dân lao động*. Với kinh nghiệm của bản thân nước ta và của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, chúng ta khẳng định rằng: từ một nền kinh tế mà tiểu sản xuất là phổ biến, có thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, song nhất thiết không thể bỏ qua phát triển sản xuất hàng hóa, sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa — tiền tệ trong kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân.

Quá trình đổi mới đã được đặt ra từ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành trung ương (khóa IV), đến Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (khóa V) và đặc biệt là từ Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (khóa V). Hội nghị Trung ương lần thứ 8 đã phân tích sâu sắc tác hại to lớn và nhiều mặt của cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp; quyết định xóa bỏ cơ chế quản lý cũ đã lỗi thời, chuyển sang cơ chế quản lý thông qua hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lấy kế hoạch hóa làm trung tâm.

Tinh thần và nội dung đổi mới của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 là bước trưởng thành về tư duy kinh tế của Đảng ta. Kết luận vừa qua của Bộ chính trị về một số quan điểm kinh tế tiếp tục làm rõ và có hệ thống hơn tinh thần và nội dung đổi mới đó. Để thấm nhuần những quan điểm nêu trong kết luận của Bộ chính trị, phải đặt chúng trong toàn bộ quá trình phát triển tư duy kinh tế của Đảng ta theo hướng ngày càng sâu sắc và toàn diện.

Tư duy mới về kinh tế là sự vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào hoàn cảnh nước ta, phù hợp với quy luật khách quan, với trình độ của nền kinh tế ở mỗi thời kỳ phát triển. Đó là tư duy biện chứng, khoa học và cách mạng.

Trong quá trình chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8, chúng ta đã phạm một số sai lầm nghiêm trọng. Trước những khó khăn, vấp váp, thất bại tạm thời, đã xuất hiện tâm lý hốt hoảng, hoài nghi đối với Nghị quyết Trung ương 8, muốn tiếp tục duy trì tập trung quan liêu, bao cấp. Chúng ta phải bác bỏ mọi biểu hiện dao động, kiên quyết bảo vệ sự đúng đắn, tính khoa học và cách mạng sâu sắc của Nghị quyết Trung ương 8. Đồng thời, trong quá trình thực hiện, chúng ta khuyến khích, hoan nghênh những đóng góp, bổ sung kịp thời, với thái độ xây dựng, làm cho Nghị quyết Trung ương 8 ngày càng bám sát thực tế, phản ánh đầy đủ và đúng đắn yêu cầu của sản xuất và đời sống, tạo điều kiện cho tinh thần và nội dung cơ bản của Nghị quyết nhanh chóng đi vào cuộc sống.

Trong chỉ đạo thực hiện, về sách lược, phải tính toán những bước đi, cách làm thích hợp, hết sức tránh nôn

Digitized by Google

nóng, vội vàng như đã làm vừa qua khi đột ngột tổng điều chỉnh toàn bộ hệ thống giá — lương — tiền với mức rất cao. Song về quyết tâm chiến lược thì phải kiên quyết, dứt khoát đi theo hướng đổi mới, phù hợp với quy luật khách quan là: *xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hoạt động kinh tế sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.*

Nhiệm vụ hiện nay của chúng ta là phải từ những kinh nghiệm thành công và không thành công vừa qua mà tìm ra biện pháp thiết thực, có hiệu quả để khắc phục khó khăn, sửa chữa khuyết điểm, sai lầm theo hướng *kiên trì tiếp tục đổi mới*, với những *bước đi đồng bộ, tích cực, vững chắc* và ngày càng mở rộng hơn, quyết không thể trở lại con đường cũ. Trở lại tập trung quan liêu, bao cấp là trở về cái ngõ cụt mà từ nhiều năm nay chúng ta đã loay hoay trong đó, không có lối thoát. Xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa chính là lối ra đúng đắn, không có con đường nào khác.

Chống tập trung quan liêu, bao cấp là cuộc đấu tranh vô cùng gian khổ giữa cái mới và cái cũ, giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu, giữa tính năng động của yêu cầu đổi mới và tư tưởng bảo thủ, sức ỳ của những thói quen, giữa yêu cầu thiết lập quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa *thật sự* của toàn thể nhân dân lao động với chủ nghĩa cá nhân trong một số người, nhân danh bảo vệ chủ nghĩa xã hội để cố bám giữ đặc quyền, đặc lợi. Đây là cuộc đấu tranh diễn ra trong nội bộ Đảng, trong bộ máy Nhà nước và các đoàn thể, trong nội bộ nhân dân, trong từng cấp, từng ngành, và đấu tranh ngay trong chính bản thân mỗi người chúng ta.

Tương lai của Tổ quốc, quyền lợi của dân tộc đòi hỏi cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng, nhất là cán bộ lãnh đạo, phải *gương mẫu, đi đầu* trong cuộc đấu tranh đó. Chúng ta phải dũng cảm gạt bỏ phần bảo thủ lạc hậu của bản thân, tự giải thoát khỏi những quan niệm giản đơn về chủ nghĩa xã hội; gạt bỏ đặc quyền đặc lợi và «bổng lộc» (trái với nguyên tắc phân phối theo lao động) mà mình đã hưởng lâu nay trong cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, góp phần *thúc đẩy sự ra đời của cái mới*. Qua đó mà tự khẳng định chỗ đứng của mình, thật sự «... là đầy tớ trung thành của nhân dân» như Bác Hồ kính yêu đã dạy. Qua cuộc đấu tranh để đổi mới, Đảng ta sẽ từng bước trưởng thành; mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng cũng sẽ trưởng thành. Người nào không tự cắt khỏi được những suy nghĩ lạc thời, lạc hậu, không khắc phục nổi chủ nghĩa cá nhân, không dám từ bỏ đặc quyền, đặc lợi, thì người đó sẽ mặc nhiên tự phủ định mình trước nhân dân, tự tách mình ra khỏi con đường tiến lên của đất nước.

Tại Đại hội này, các đồng chí có nhiệm vụ thảo luận và đóng góp ý kiến bổ sung vào dự thảo Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương trình Đại hội VI, đồng thời xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ Thủ đô trong 5 năm 1986 — 1990. Để làm tốt những việc đó, cần nghiên cứu thấu suốt các quan điểm nêu trong kết luận vừa qua của Bộ chính trị, đã được gửi tới Đại hội các tỉnh, thành. Một số điểm tôi vừa nêu trên đây là nhằm góp thêm ý kiến với các đồng chí trong quá trình nghiên cứu.

Các đồng chí thân mến,

Bộ chính trị, Ban bí thư luôn luôn quan tâm đến tình hình thành phố Hà nội, thường xuyên theo dõi, cổ vũ, khích lệ các đồng chí trong từng bước đi, vì sự tiến bộ của Thủ đô là niềm vui chung của nhân dân cả nước. Trong những năm qua,

Digitized by Google

dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành trung ương Đảng, sự chỉ đạo của Ban bí thư và Thường vụ Hội đồng bộ trưởng, sự phối hợp, cộng tác của các ngành và các tỉnh, thành phố trong cả nước, thực hiện các Nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết 08 của Bộ chính trị về công tác của Thủ đô, Đảng bộ và nhân dân Hà nội đã phấn đấu khắc phục khó khăn, vượt qua nhiều thử thách, đạt được những thành tựu quan trọng. Những thành tựu đó là đáng quý; những cố gắng của các đồng chí và nhân dân thành phố rất đáng trân trọng.

Thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng và Bộ chính trị, tôi hoan nghênh những thành tựu đó và nhiệt liệt biểu dương tinh thần phấn đấu kiên cường, bền bỉ của Đảng bộ và nhân dân Thủ đô.

Những điều đã làm được là đáng kể, song những nhiệm vụ sắp tới còn to lớn, nặng nề hơn, đòi hỏi Đảng bộ và đồng bào Thủ đô phát huy hơn nữa tinh thần chủ động, sáng tạo và sự cố gắng vượt bậc.

Là trung tâm đầu não về chính trị, về văn hóa và khoa học, kỹ thuật, đồng thời là một trung tâm lớn về kinh tế và một trung tâm giao dịch quốc tế, Hà nội có thuận lợi rất cơ bản là nơi tập trung một phần quan trọng tiềm năng về mọi mặt của cả nước. Để khắc phục tình trạng chuyển biến còn chậm chạp so với yêu cầu và khả năng, chưa đáp ứng lòng mong mỏi của nhân dân thành phố cũng như nhân dân cả nước, các đồng chí cần chủ động hơn nữa để tìm mọi biện pháp khai thác thế mạnh to lớn và tiềm năng vốn có.

Các Nghị quyết của Trung ương và Bộ chính trị, đặc biệt là những quan điểm kinh tế mà Bộ chính trị vừa kết luận đang mở đường cho các đồng chí tận dụng những điều kiện hiện có để nhanh chóng phát huy thế mạnh và tiềm năng đó. Đồng thời, phải tiếp tục xúc tiến một cách hợp lý việc xây dựng kết cấu hạ tầng như điện, nước, giao thông vận tải, thông tin liên lạc... để đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển sản xuất, mở rộng lưu thông, ổn định đời sống. Xây dựng Thủ đô nói chung và xây dựng kết cấu hạ tầng của Thủ đô nói riêng là nhiệm vụ của Đảng bộ và đồng bào Thủ đô, đồng thời cũng là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, của tất cả các cấp, các ngành, của toàn thể nhân dân ta, vì Thủ đô là niềm tự hào của cả nước, là đại diện của nước ta tiếp xúc với thế giới bên ngoài.

Cùng với sự cố gắng phấn đấu của Đảng bộ và nhân dân Thủ đô, các ngành trung ương, các địa phương phải coi việc xây dựng thành phố Hà nội cũng là nhiệm vụ của chính mình. Phải góp phần đổi mới nhanh chóng và từng bước vững chắc bộ mặt của Thủ đô.

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể hài hòa, kết hợp công tác trước mắt với công tác lâu dài, kết hợp kinh tế với chính trị, văn hóa, xã hội, kết hợp kiến trúc hiện đại và truyền thống, bằng sức lực của cả nước, với sự giúp đỡ của Liên xô và các nước anh em, bầu bạn, chúng ta có thể và cần phải phấn đấu xây dựng Hà nội *đi trước một bước* so với sự phát triển kinh tế của bản thân thành phố, nhằm bảo đảm những điều kiện đáp ứng cả yêu cầu chính trị, văn hóa và xã hội, mà Thủ đô nước nào cũng cần phải có.

Nghị quyết 08 của Bộ chính trị về công tác của Thủ đô đã xác định rõ yêu cầu và nhiệm vụ này, song nhận thức của chúng ta chưa đầy đủ. Nay cần nhắc lại, nhấn mạnh để chúng ta cùng nhau thấu suốt sâu sắc hơn và làm tốt hơn trong thời gian tới.

Phải phấn đấu làm cho Hà nội xứng đáng là Thủ đô của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, mang dáng dấp, phong cách của riêng mình,

Digitized by Google

kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của đất Thăng long ngàn năm văn vật. Trong sự nghiệp xây dựng đó, Đảng bộ và nhân dân Thủ đô phải đi đầu; các ngành trung ương có trách nhiệm thường xuyên phối hợp, cộng tác chặt chẽ với Hà nội; các địa phương khác trong cả nước có trách nhiệm tích cực tham gia.

Tôi tán thành phương hướng xây dựng cơ cấu kinh tế của Hà nội như đã nêu trong Báo cáo về tình hình và nhiệm vụ của Đảng bộ, bao gồm *công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ và kinh tế đối ngoại*, đồng thời góp thêm với các đồng chí một vài ý kiến.

Trong mấy năm gần đây, với khu vực ngoại thành mở ra khá rộng thì việc quan tâm đến lĩnh vực nông nghiệp là cần thiết và đúng đắn. Phải chú trọng xây dựng nông thôn mới đúng với tầm là ngoại thành của Thủ đô; tiến hành ba cuộc cách mạng, củng cố và tăng cường liên minh công nông; từng bước hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động, khắc phục « khoán trắng »; gắn phát triển ngoại thành với phát triển nội thành. Có chính sách thỏa đáng thúc đẩy nông nghiệp phát triển, bao gồm cả trồng trọt, chăn nuôi để tự cân đối ngay trong khu vực nông nghiệp và cung cấp một phần lương thực, thực phẩm cho thành phố.

Song mặt khác, cần nhận rõ rằng Thủ đô Hà nội hiện nay và sau này luôn luôn là một *trung tâm công nghiệp*. Các đồng chí phải ra sức phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp hàng tiêu dùng, công nghiệp cơ khí và điện tử, công nghiệp chế biến và làm hàng xuất khẩu. Đây là thế mạnh của Thủ đô, đồng thời cũng là trách nhiệm của Thủ đô đối với cả nước. Cả nước chăm lo cho Hà nội, ngược lại Hà nội phải góp phần thích đáng chăm lo cho cả nước.

Phát triển mạnh mẽ công nghiệp của Thủ đô chính là góp phần quan trọng phát triển nông nghiệp của cả nước, trước hết là của các tỉnh đồng bằng sông Hồng và khu bốn cũ, của các tỉnh trung du và miền núi phía bắc nước ta, đồng thời cũng nhằm phát triển nông nghiệp và cả công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp ngay ở ngoại thành.

Cách nhìn của chúng ta không thể chỉ ở trong vòng khép kín của bản thân nền kinh tế thành phố. Phải có tầm nhìn rộng; ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng công nghiệp, nhất là hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, phấn đấu để công nghiệp Hà nội đóng được vai trò chủ đạo thúc đẩy phát triển kinh tế trong vùng.

Với tiềm năng về lao động và cơ sở vật chất — kỹ thuật, với mức độ tập trung lớn về chất xám, tay nghề ở trình độ cao, với sự liên kết và hỗ trợ đắc lực của công nghiệp trung ương trên địa bàn thành phố, chúng ta tin chắc rằng khả năng phát triển kinh tế, trước hết là phát triển công nghiệp một cách nhanh chóng và mạnh mẽ, *không xa lắm tay* của Đảng bộ và nhân dân Thủ đô. Kinh tế Hà nội, với năng suất lao động cao hơn mức trung bình của cả nước, nếu liên kết tốt với các ngành và các địa phương, thì có khả năng ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, không ngừng mở rộng tái sản xuất, góp phần tích lũy cho nền kinh tế quốc dân. Vấn đề là dám đổi mới, dám nghĩ, dám làm, năng động và sáng tạo, đầu tư chiều sâu, đồng bộ hóa, đưa nhanh tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, cả trong công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ.

Phải xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng lớn mạnh, trong đó kinh tế quốc doanh là nòng cốt. Đồng thời huy động và sử dụng mạnh mẽ các thành phần kinh tế khác theo phương châm « sử dụng để cải tạo, cải tạo để sử dụng tốt hơn » nhằm khai

Digitized by Google

thác và phát huy tiềm năng của thành phố để phát triển lực lượng sản xuất. Có chính sách đúng đắn khôi phục các ngành nghề truyền thống và phát triển thêm những ngành nghề mới, khuyến khích kinh tế gia đình, tạo ra công ăn việc làm, thu hút nhiều lao động, phát triển mạnh mẽ tiểu, thủ công nghiệp, dịch vụ, nhất là dịch vụ kỹ thuật, phục vụ trực tiếp cho sản xuất. Đây là nhiệm vụ rất nặng nề và rất vẻ vang mà đất nước trao cho các đồng chí và đồng bào thành phố theo sự phân công lao động xã hội.

Cùng với việc đẩy mạnh làm hàng xuất khẩu, các đồng chí chủ trương mở rộng hợp tác toàn diện với Thủ đô Mát-xcơ-va. Tôi hoàn toàn ủng hộ chủ trương đó, vì nó phù hợp với tinh thần mà tôi đã trao đổi với đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp, Tổng bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô, trong cuộc hội đàm giữa chúng tôi vào mùa hè năm nay tại Mát-xcơ-va. Hai bên đã tán thành mở rộng hơn nữa quan hệ hợp tác toàn diện, cùng có lợi, từ gia công, liên doanh đến đầu tư trực tiếp; không những chỉ trong công nghiệp nặng và nông nghiệp như lâu nay đã làm, mà cả trong các lĩnh vực khác như công nghiệp hàng tiêu dùng, công nghiệp chế biến, du lịch, dịch vụ... Đây chính là tư tưởng của Lê-nin về thời kỳ quá độ được vận dụng vào hoàn cảnh quốc tế ngày nay, khi Liên xô và cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa đã trở thành một hệ thống hùng mạnh.

Mong rằng từ kinh nghiệm hợp tác với Mát-xcơ-va, Hà nội sẽ tiếp tục mở rộng hợp tác với Thủ đô các nước cộng hòa của Liên xô, với Thủ đô và các tỉnh, thành phố của những nước anh em khác. Ngoài ra, cũng cần nghiên cứu từng bước mở rộng hợp tác với các nước thế giới thứ ba và các nước khác; khuyến khích Việt kiều đầu tư vào trong nước.

Chính sách xuất nhập khẩu nói riêng và chính sách kinh tế đối ngoại nói chung rất quan trọng, tác động lớn đến việc thúc đẩy sản xuất và lưu thông trong nước. Theo sự hướng dẫn và quản lý thống nhất về luật pháp và chính sách của trung ương trong lĩnh vực ngoại thương và kinh tế đối ngoại, các ngành trung ương cần giúp đỡ Hà nội thực hiện tốt chủ trương này. Từ kinh nghiệm của Thủ đô mà mở rộng ra, tạo điều kiện giúp đỡ các tỉnh khác làm theo hướng đó.

Đất nước ta đang đổi mới, Hà nội phải là một trong những địa phương *đi đầu trong quá trình đổi mới đó*. Các đồng chí phải thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 8, các Nghị quyết 28, 31 của Bộ chính trị, kết luận của Hội nghị Trung ương 10 và các kết luận gần đây của Bộ chính trị về một số quan điểm kinh tế, về giá — lương — tiền. Phải kiên quyết và từng bước xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, tiến hành hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đó là con đường đúng đắn để thanh toán những tệ nạn tiêu cực trong xã hội.

Tích cực thực hiện Nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ chính trị, thật sự trao quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh cho các đơn vị kinh tế cơ sở, đồng thời giữ vững quyền quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước trên những lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Phải kiên quyết chống tư tưởng bảo thủ, trì trệ, đồng thời chống những biểu hiện tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật, địa phương, cục bộ, vun vén cho lợi ích riêng của đơn vị và cá nhân.

Phải đẩy mạnh sản xuất theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và xuất khẩu. Mở rộng lưu thông hàng hóa, xóa bỏ ngăn sông, cấm chợ, chia cắt thị trường. Đồng thời, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa

Digitized by Google

phải tiến quân ra kinh doanh, thông qua phương thức mua, bán thuận tiện, văn minh và chính sách giá cả đúng đắn mà chiếm lĩnh và làm chủ thị trường; phấn đấu hạ « cơn sốt » giá cả, giảm bớt khó khăn về đời sống của nhân dân.

Hà nội là một trung tâm văn hóa tỏa sáng ra cả nước. Vì vậy, cùng với việc chăm lo đời sống vật chất, các đồng chí cần hết sức chú trọng tổ chức tốt đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân Thủ đô, góp phần xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa trong cả nước. Coi trọng xây dựng nếp sống mới xã hội chủ nghĩa, làm cho mọi người đều phát huy đầy đủ nhân cách của mình, đoàn kết, thương yêu, quý trọng lẫn nhau. Những sinh hoạt văn hóa phải thật sự là dịp tiếp xúc với giá trị văn hóa cao đẹp của dân tộc và của loài người, để trau dồi hiểu biết, nâng cao trình độ tư tưởng, đạo đức và thẩm mỹ. Phải giáo dục cho con người Thủ đô sống giản dị, văn minh, lành mạnh, biết trân trọng di sản của cha ông, biết tôn trọng lẽ phải, biết kính phục tài năng, yêu mến nghệ thuật. Thủ đô phải là nơi mà người già được săn sóc, trẻ em được yêu thương, phụ nữ được quý trọng và giúp đỡ. Đó là biểu hiện của nếp sống văn minh, là thực chất của sự coi trọng phẩm giá con người trong xã hội ta. Đời sống văn hóa của Thủ đô phải trở thành tấm gương mẫu mực cho cả nước.

Để hoàn thành nhiệm vụ nặng nề của Thủ đô, các đồng chí phải làm tốt *công tác xây dựng Đảng*, tăng cường đoàn kết trên cơ sở giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao tính chiến đấu của Đảng, ra sức xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, bảo đảm cho Đảng bộ đủ sức lãnh đạo tốt mọi mặt công tác của Thủ đô. Đúng như Báo cáo của Thành ủy đã nêu: vấn đề cán bộ đang trở thành vấn đề số một của Đảng bộ thành phố. Nhận định đó cũng đúng với cả nước. Phải tích cực đào tạo, bồi dưỡng, bố trí đúng đội ngũ cán bộ ở các lứa tuổi thích hợp, có năng lực và phẩm chất tốt, bảo đảm tính liên tục và tính kế thừa. Năng lực và phẩm chất trước hết biểu hiện ở sự đổi mới quan niệm và nhận thức, ở khả năng tiếp thụ, vận dụng và hành động theo đúng tinh thần và nội dung các Nghị quyết của Đảng mà tôi vừa nói ở trên. Đó là biểu hiện cụ thể của lòng trung thành với Đảng trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Cùng với việc bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở, quyền hạn của các giám đốc sẽ được mở rộng hơn. Cần có những quy định để bảo đảm việc lựa chọn giám đốc được đúng đắn và thường xuyên giám sát kiểm tra hoạt động của các giám đốc, nhất là sự giám sát, kiểm tra của tập thể, của quần chúng, để vừa giúp cho cơ sở tiến hành sản xuất, kinh doanh đúng hướng và lành mạnh, vừa bảo vệ đội ngũ cán bộ của Đảng.

Trải qua rèn luyện, thử thách trong thực tế, chúng ta sẽ đào tạo được một đội ngũ cán bộ để sắp xếp, bố trí thay thế kịp thời. Việc lựa chọn cán bộ phải tiến hành một cách dân chủ và công minh, lắng nghe ý kiến quần chúng, bảo đảm sự đồng tình của đa số; không được thiên vị, ưa thì nâng lên, ghét thì dìm xuống. Củng cố tổ chức, kiện toàn bộ máy, đổi mới cán bộ là *việc thường xuyên*, không nhất thiết phải chờ đợi những dịp Đại hội mới tiến hành dồn dập, mà phải làm tốt trước và sau Đại hội.

Nạn tham nhũng đang làm suy giảm nghiêm trọng lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Chúng ta phải dựa vào quần chúng, vào tập thể cán bộ, đảng viên, những người trung thực để phát hiện kịp thời và dứt khoát loại trừ bọn thoái hóa, biến chất, tham ô, ăn cắp, móc ngoặc, ăn hối lộ, trù dập người

Digitized by Google

tốt, bao che kẻ xấu, tiếp tay cho bọn đầu cơ, buôn lậu. Đối với những người đó, phải thi hành kỷ luật Đảng và xử trí trước pháp luật một cách nghiêm minh, làm trong sạch Đảng và bộ máy Nhà nước. Mọi cán bộ, đảng viên, bất kể ở cương vị nào, đều bình đẳng trước kỷ luật và Điều lệ Đảng; mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật và trong xã hội. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, mọi cán bộ, đảng viên, bất cứ ở cương vị nào, đều phải sống và làm việc đúng theo pháp luật, không có ngoại lệ. Chúng ta không cho phép bất cứ cán bộ, đảng viên nào vi phạm kỷ luật và Điều lệ Đảng; không cho phép bất cứ ai ỷ vào quyền thế để làm trái pháp luật, xâm phạm những nguyên tắc về công bằng xã hội. Các đồng chí cần chú trọng làm thật tốt mặt công tác này *để khôi phục kỷ cương, duy trì kỷ luật* của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Ở vị trí đầu mối giao lưu quốc tế và trong nước, Hà nội là một địa bàn quan trọng và khá phức tạp. Kẻ địch luồn lách, tung gián điệp, tình báo móc nối để phá hoại; bọn đầu cơ, buôn lậu, lưu manh, trộm cắp dễ trà trộn phá rối trị an, lũng đoạn thị trường. Các đồng chí cần nêu cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch ngay từ trong trứng; kịp thời phát hiện và trừng trị bọn đầu cơ, buôn lậu, lưu manh, trộm cắp; củng cố quốc phòng và an ninh, giữ vững trật tự, an toàn xã hội.

Các đồng chí thân mến,

Báo cáo của Thành ủy đã nêu lên các vấn đề một cách toàn diện, tôi chỉ nhấn mạnh thêm một số điều cần thiết.

Chúc Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố thành công tốt đẹp. Chúc các đồng chí dồi dào sức khỏe và có nhiều đóng góp tốt vào tiến bộ chung của thành phố và của cả nước. Chúc cán bộ, chiến sĩ và đồng bào Hà nội lập nhiều thành tích xuất sắc, hăng hái thi đua hoàn thành kế hoạch năm 1986 để thiết thực chào mừng Đại hội VI, tạo khí thế phấn khởi bước vào thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và Đại hội Đảng bộ Thủ đô.

Xin cảm ơn các đồng chí.

Digitized by Google



Tiến tới ĐẠI HỘI THỨ VI CỦA ĐẢNG

VŨ XUÂN CẬN

COI TRỌNG HƠN NỮA VIỆC XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG GIAI CẤP CÔNG NHÂN

NGAY khi mới ra đời, Đảng ta đã xác định: Đảng cộng sản Việt nam là đảng của giai cấp công nhân Việt nam; Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lê-nin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động của mình. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã luôn luôn chăm lo xây dựng Đảng trong giai cấp công nhân, không ngừng nâng cao tính chất giai cấp công nhân của Đảng. Một mặt Đảng đẩy mạnh công tác giáo dục chủ nghĩa Mác–Lê-nin–hệ tư tưởng của giai cấp công nhân–cho cán bộ, đảng viên; mặt khác, đưa cán bộ, đảng viên vào rèn luyện trong phong trào cách mạng của giai cấp công nhân phấn đấu tăng nhanh thành phần công nhân trong Đảng. Chính nhờ thế mà mặc dù sinh ra và lớn lên ở một nước vốn là thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế chậm phát triển, Đảng ta vẫn giữ vững và phát huy được bản chất cách mạng triệt để của giai cấp công nhân. Có thể nói, đây là một bài học lớn trong công tác xây dựng Đảng của Đảng ta.

Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta càng đặc biệt coi trọng vấn đề xây dựng Đảng trong giai cấp công nhân. Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng đã chỉ rõ: «Phải coi trọng hơn nữa việc *xây dựng đội ngũ của Đảng trong giai cấp công nhân*... Ở các thành phố, khu công nghiệp, việc kết nạp đảng viên mới chủ yếu phải từ trong công nhân» (1).

Những năm qua, nhiều cấp ủy Đảng đã chăm lo công tác xây dựng Đảng theo phương hướng mà Đại hội Đảng đã đề ra, cố gắng không ngừng nâng cao tính chất giai cấp công nhân của Đảng. Các thành phố lớn, các khu công nghiệp bước đầu đã chú trọng phát triển Đảng trong công nhân,

(1) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập III, tr. 107.

Digitized by Google

nhất là những công nhân trực tiếp sản xuất. Năm 1985, Đảng ta kết nạp được hơn 107 nghìn người vào Đảng, trong đó số đảng viên là công nhân tăng 0,81% so với năm 1984.

Tuy vậy hiện nay tỷ lệ đảng viên xuất thân từ công nhân và tỷ lệ công nhân trực tiếp sản xuất trong Đảng vẫn còn rất thấp. Tính riêng số đảng viên kết nạp năm 1985, chỉ có 9,16% là công nhân và tỷ lệ đảng viên là công nhân trực tiếp sản xuất trong toàn Đảng mới chiếm 7,5%. Một tình hình đáng chú ý là: có nhiều công nhân là lao động tiên tiến, có những người đạt thành tích xuất sắc, được công nhận là chiến sĩ thi đua nhiều năm liền, nhưng chưa được quan tâm giáo dục, bồi dưỡng để kết nạp vào Đảng. Chính vì thế mà hiện nay, ở nhiều tổ sản xuất, kể cả những tổ giữ vai trò quan trọng trong dây chuyền sản xuất chưa có tổ đảng, thậm chí chưa có đảng viên. Ở xí nghiệp vận tải đường sông Hải phòng, có gần 50% cán bộ chủ chốt chưa phải là đảng viên; trên 50% số tàu và 80% số thuyền vận tải hàng hóa chưa có đảng viên. Xí nghiệp cơ khí giao thông Hà nội chỉ có 20% số trưởng phòng, ban và 50% quản đốc, phó quản đốc là đảng viên, nhưng 10 năm nay không kết nạp được đảng viên nào. Nhà máy dệt K Hà nội, 91/101 tổ sản xuất chưa có đảng viên. Có phân xưởng trên 200 công nhân chỉ có 1 quản đốc là đảng viên. Phòng tài vụ có 28 cán bộ, nhân viên chỉ có 1 đảng viên, phòng kỹ thuật có 18 người (13 kỹ sư, 1 trung cấp, 4 công nhân kỹ thuật) nhưng chỉ có 1 phó giám đốc là đảng viên. Có 5/11 phòng, ban chưa có tổ đảng. Có 24 chiến sĩ thi đua liên tục từ 4 đến 6 năm, nhưng chưa được bồi dưỡng để kết nạp vào Đảng. Ở miền Nam, có xí nghiệp chưa có chi bộ Đảng; nhiều phân xưởng, tổ, đội sản xuất chưa có đảng viên.

Bên cạnh những vấn đề tồn tại nói trên, việc lựa chọn, bồi dưỡng những công nhân ưu tú đưa vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ở các ngành, các cấp cũng chưa được quan tâm đúng mức. Tỷ lệ đảng viên là công nhân tham gia cấp ủy Đảng và cán bộ chủ chốt ở một số ngành có xu hướng ngày càng giảm. Chẳng hạn như trong các tỉnh ủy năm 1976 tỷ lệ công nhân là 11,3%; nay còn 7,3%. Bí thư tỉnh ủy là công nhân từ năm 1976 đến nay chỉ có 5,7%. Bộ trưởng là công nhân năm 1976 có 28,2%, nay còn 11,1%. Thứ trưởng là công nhân năm 1976 là 21,8%, nay còn 5,5%. Cục vụ trưởng là công nhân năm 1976 là 17,8%, nay còn 8,6%.

Như vậy rõ ràng là việc phát triển Đảng trong giai cấp công nhân, tăng thành phần công nhân trong Đảng và trong các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước chưa được coi trọng đúng mức. Tình hình đó đặt ra yêu cầu cấp bách phải xây dựng tổ chức Đảng vững mạnh trong các cơ sở công nghiệp, chú trọng hơn nữa công tác phát triển Đảng trong công nhân, lao động ưu tú, để tăng nhanh thành phần công nhân trong Đảng, trong cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước và các đoàn thể quần chúng.

★

Để thực hiện tốt yêu cầu và phương hướng nói trên, chúng tôi cho rằng sắp tới các cấp ủy Đảng, các ngành cần quan tâm giải quyết một số vấn đề sau đây:

1) Giáo dục nâng cao nhận thức về ý nghĩa quan trọng của việc xây dựng Đảng trong giai cấp công nhân, nâng cao tính chất giai cấp công nhân của Đảng.

Chủ nghĩa Mác – Lê-nin đã chỉ ra rằng, do điều kiện kinh tế xã hội quy định, giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử là người «đào huyệt» chôn

Digitized by Google

chủ nghĩa tư bản, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Muốn hoàn thành nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang đó, giai cấp công nhân phải có đảng theo chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Nói cách khác, sự ra đời của Đảng cộng sản đánh dấu bước phát triển về chất của phong trào công nhân, đưa phong trào công nhân từ tự phát sang đấu tranh tự giác. Khẳng định giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng có nghĩa là khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, Đảng là đội tiên phong, lãnh tụ chính trị, bộ tham mưu chiến đấu có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân. Chính vì lợi ích của giai cấp công nhân mà Đảng ra đời và phát triển.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân và thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên phải rèn luyện phẩm chất đạo đức theo lập trường quan điểm của giai cấp công nhân. Thời gian qua, do có sự buông lỏng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho nên một số cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ lãnh đạo trong bộ máy Nhà nước và các đoàn thể quần chúng chưa thấy đầy đủ và đánh giá đúng mức vai trò, vị trí của giai cấp công nhân; chưa thấy hết ý nghĩa quan trọng của việc xây dựng Đảng trong giai cấp công nhân, tăng thành phần công nhân trong Đảng, nâng cao tính chất giai cấp công nhân của Đảng. Công tác tuyên truyền, giáo dục về Đảng trong giai cấp công nhân còn nhiều thiếu sót, cho nên bản thân công nhân cũng chưa nhận rõ vai trò, trách nhiệm của mình đối với công tác xây dựng Đảng, chưa tích cực phấn đấu, rèn luyện để trở thành đảng viên của Đảng.

Để khắc phục tình hình trên, các cấp ủy Đảng, các đoàn thể quần chúng cần bằng nhiều hình thức thích hợp, quan tâm giáo dục, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên, giúp cho họ hiểu rõ vai trò, vị trí của giai cấp công nhân, hiểu rõ mối quan hệ hữu cơ giữa giai cấp công nhân với Đảng cộng sản, sự cần thiết phải tăng nhanh thành phần công nhân trong Đảng.

Cần quan tâm hơn nữa đến việc cải tiến nội dung, biện pháp giáo dục công nhân, nhất là giáo dục những vấn đề cơ bản về lý luận chủ nghĩa Mác—Lê-nin, những quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tình hình nhiệm vụ cách mạng; giáo dục truyền thống giai cấp, truyền thống dân tộc, lịch sử Đảng cộng sản Việt nam; giáo dục phẩm chất, đạo đức, tác phong, lối sống xã hội chủ nghĩa... khơi dậy trong mỗi công nhân niềm tự hào về giai cấp, về Đảng. Xây dựng cho công nhân có ý thức phấn đấu để trở thành đảng viên của Đảng, tích cực tham gia xây dựng Đảng.

2) Tích cực xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân vững mạnh về mọi mặt, tạo nguồn phát triển Đảng.

Muốn xây dựng Đảng vững mạnh, tất yếu phải xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân vững mạnh. Trong tình hình hiện nay, việc xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân có quan hệ chặt chẽ với việc vận động, tổ chức các phong trào cách mạng của giai cấp công nhân, thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng công nhân, và chăm lo đời sống của công nhân về mọi mặt.

Từ sau khi có Nghị quyết 8 của Trung ương Đảng, Nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ chính trị và một số nghị quyết của Hội đồng bộ trưởng, việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế từng bước được thực hiện, nhưng do thiếu sự đồng bộ và phạm phải một số khuyết điểm sai lầm cho nên sản xuất và đời sống của công nhân, viên chức gặp nhiều khó khăn; công nhân không có đủ việc làm. Các chính sách về tiền lương, tiền thưởng tuy đã được cải

Digitized by Google

thiện một bước, nhưng còn mang nặng tính phân phối bình quân, do đó chưa thật sự khuyến khích được người lao động, chưa có tác dụng tăng cường kỷ luật lao động, đẩy mạnh tiến bộ khoa học — kỹ thuật, tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Nhiều chính sách về lao động chưa thể hiện được sự coi trọng và sự ưu đãi đối với công nhân, nhất là đối với những công nhân bậc cao. Là lực lượng trực tiếp sản xuất ra gần 50% tổng sản phẩm xã hội, 40% thu nhập quốc dân, nhưng công nhân có mức thu nhập thấp hơn nhiều so với các tầng lớp dân cư khác. Điều kiện lao động và các biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho công nhân còn thiếu và chưa được cải thiện. Bệnh nghề nghiệp phát triển, tai nạn lao động còn nhiều; sức khỏe công nhân giảm sút, nhất là công nhân làm các nghề nặng nhọc, độc hại. Nhiều người, trong đó có cả thợ bậc cao đã phải sớm về nghỉ mất sức hoặc hưu « non » trước tuổi quy định của Nhà nước. Nhiều công nhân thiếu yên tâm phấn khởi sản xuất. Thậm chí có bộ phận thoái hóa biến chất; một số giảm ý chí phấn đấu, coi mục đích lý tưởng và quyền lợi chính trị của mình là những vấn đề chưa thật cấp bách.

Hiện nay, trong khi khẩn trương thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế theo tinh thần Nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ chính trị, các cấp, các ngành cần sắp xếp lại sản xuất, tổ chức lại lao động, bảo đảm cho công nhân có đủ việc làm. Các cấp ủy Đảng và cơ quan Nhà nước quan tâm hơn nữa đến việc nâng cao trình độ nghề nghiệp, trình độ văn hóa, trang bị những kiến thức cần thiết về quản lý kinh tế, quản lý sản xuất cho công nhân, giúp họ có đủ kiến thức và năng lực cần thiết để phát huy quyền làm chủ của mình. Đồng thời, chăm lo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của công nhân; bảo đảm đồng lương thực tế cho công nhân; bảo đảm mối quan hệ hợp lý giữa thu nhập của công nhân với thu nhập của các tầng lớp nhân dân khác trên nguyên tắc phân phối theo lao động. Vấn đề xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân cần được quán triệt trong kế hoạch kinh tế — xã hội, bảo đảm thực hiện đúng đắn, cân đối mối quan hệ giữa đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật với đầu tư xây dựng đội ngũ công nhân, phải coi đầu tư xây dựng đội ngũ công nhân, đầu tư cho con người là hướng đầu tư cơ bản nhất. Vả chăng, chỉ có xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân vững mạnh chúng ta mới có nguồn để lựa chọn, bồi dưỡng ngày càng nhiều công nhân ưu tú kết nạp vào Đảng và đào tạo cán bộ lãnh đạo của Đảng.

3) Đưa đảng viên vào rèn luyện trong thực tế phong trào hành động cách mạng của giai cấp công nhân, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng.

Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội chủ yếu của Đảng cộng sản Để tiến hành vận động công nhân, đồng thời cũng để khắc phục nhược điểm của Đảng là thiếu cán bộ xuất thân từ công nhân, ngay từ thời kỳ chuẩn bị thành lập Đảng, Đảng ta đã chủ trương « vô sản hóa ». Hầu hết các cán bộ, đảng viên đã đi vào các xí nghiệp, hầm mỏ, công xưởng, đồn điền, bến cảng... để vừa xây dựng cơ sở, tổ chức phong trào công nhân đấu tranh, vừa tự rèn luyện mình

Ngày nay, trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền xây dựng chủ nghĩa xã hội, mối quan hệ giữa Đảng và giai cấp công nhân càng có điều kiện phát triển và củng cố, vì giai cấp công nhân vừa là người lãnh đạo, vừa là lực lượng cơ bản của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các chủ trương, chính sách của Đảng cần thể hiện đúng lập trường, quan điểm của giai cấp công nhân, phản ánh đúng tâm tư, nguyện vọng của quần chúng công nhân. Mọi cán bộ, đảng viên cần dựa hẳn vào giai cấp công nhân, đi sâu,

Digitized by Google

đi sát công nhân, lắng nghe ý kiến của công nhân.

Thời gian qua, do có sự buông lỏng công tác tư tưởng, do một số cán bộ, đảng viên thiếu sâu sát công nhân, do tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Trung ương có khuyết điểm, sai lầm, cho nên đã làm giảm sút lòng tin của quần chúng công nhân đối với Đảng. Một số chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước chưa thật sự xuất phát từ thực tế, từ lợi ích của Nhà nước, của giai cấp công nhân và người lao động. Một số cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, lợi dụng chức quyền để tham ô, móc ngoặc, tiếp tay cho gian thương, vi phạm quyền làm chủ của công nhân. Có thể nói, đó cũng là một nguyên nhân làm cho công nhân kém phấn khởi, thiếu tự giác phấn đấu để trở thành đảng viên của Đảng.

Để giữ vững tính chất giai cấp công nhân của Đảng, củng cố lòng tin của quần chúng đối với Đảng, sắp tới chúng ta cần củng cố kỷ cương, tăng cường kỷ luật trong Đảng. Mọi cán bộ, đảng viên dù ở bất cứ cương vị công tác nào đều phải tự ghép mình vào tổ chức, tự giác chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tôn trọng quyền làm chủ của quần chúng, của công nhân, sâu sát, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của công nhân. Các đồng chí đảng viên từ ủy viên trung ương đến các ủy viên Ban chấp hành tỉnh, thành, quận, huyện và cán bộ phụ trách chính quyền, đoàn thể quần chúng, cần thực hiện đúng yêu cầu của BBT TƯ Đảng, định kỳ tiếp xúc với công nhân, quan tâm nghiên cứu những nhu cầu, tâm trạng, hoàn cảnh, những kiến nghị của công nhân, trả lời những vấn đề do anh chị em công nhân nêu ra hoặc thu nhận những ý kiến của công nhân phản ánh cho cấp ủy hoặc cơ quan có trách nhiệm giải quyết và trả lời. Vấn đề này được coi là tiêu chuẩn để đánh giá phong cách, phẩm chất của cán bộ, đảng viên.

Chúng ta cần thấu suốt hơn nữa lời dạy của Hồ Chủ tịch: « ... *đạo đức cách mạng* của người đảng viên là bất kỳ khó khăn đến mức nào cũng *kiên quyết làm đúng chính sách và nghị quyết của Đảng*, làm gương mẫu cho quần chúng. Mọi đảng viên phải nâng cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, trước Đảng; phải ngăn ngừa và kiên quyết chống lại chủ nghĩa cá nhân » (2)

(2) Hồ Chí Minh: *Về đạo đức cách mạng*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1976, tr. 84.

Digitized by Google

Tiến sĩ **NGUYỄN THÀNH BANG**

LÀM THẾ NÀO GIẢI QUYẾT VỮNG CHẮC VẤN ĐỀ LƯƠNG THỰC VÀ THỰC PHẨM Ở NƯỚC TA?

BƯỚI sống kinh tế của đất nước trong hơn 11 năm qua (kể từ ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, nước nhà thống nhất) cho thấy rằng, mặc dù chúng ta đã có nhiều cố gắng và đã đạt được một số thành tích đáng kể trên mặt trận nông nghiệp nhưng vấn đề lương thực và thực phẩm ở nước ta cho đến nay vẫn chưa được giải quyết một cách vững chắc.

Qua các số liệu thống kê trong nông nghiệp, chúng tôi nhận thấy: kết quả sản xuất lương thực ở nước ta có những diễn biến phức tạp và biến động mạnh từ năm này sang năm khác. Cho nên, theo sự suy nghĩ của chúng tôi, muốn có căn cứ khoa học để hoạch định chiến lược phát triển nông nghiệp ở nước ta, thì ngoài việc nắm vững và quán triệt đường lối của Đảng: « làm cho nông nghiệp thật sự là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa », chúng ta cần phải tìm hiểu các quy luật biến động trong nền sản xuất nông nghiệp ở nước ta để có thể xác định các mục tiêu hiện thực, đề ra các quan điểm phát triển thích hợp và tìm được các giải pháp tối ưu.

I — NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA KHÍ HẬU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP Ở NƯỚC TA

1 — Nước ta nằm gọn trong vành đai nhiệt đới, gắn liền với lục địa châu Á rộng lớn và có sự phân bố lệch hẳn về phía Bắc bán cầu, trải dài trên bờ của Thái bình dương, đồng thời nằm đúng vào giữa khu vực gió mùa Đông Nam châu Á, cho nên có một dạng *khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa đặc sắc không giống bất kỳ nơi nào khác trên thế giới.*

2 — Ngoài đặc điểm về địa lý nói trên, do trải dài trên 15 vĩ độ và với điều kiện địa hình chia cắt, *nước ta có hai miền khí hậu khác biệt nhau rõ rệt: miền khí hậu nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh ở phía Bắc (từ đèo Hải vân trở ra) và miền khí hậu nhiệt đới ẩm không có mùa đông lạnh ở phía Nam* (từ đèo Hải vân trở vào), và trong từng miền nói trên, *do địa hình khác nhau, lồng lại các tiểu vùng khí hậu có những sắc thái riêng cần phải chú ý trong phân vùng kinh tế.*

3 — Kết quả giao thoa và cộng hưởng giữa biến trình nhiệt ẩm và cơ chế hoàn lưu gió mùa trong vùng Đông Nam châu Á — Thái bình dương trên nền địa hình nước ta đã gây ra những dạng phân phối cực đoan, chẳng hạn như mùa đông rét buốt và các đợt sương muối kéo dài, hạn hán hay các đợt gió khô nóng làm cháy trụi cây trồng, mùa mưa lớn dồn dập các trận bão kèm theo những trận mưa lớn gây úng lụt nghiêm trọng v.v.. làm cho mùa màng trong nhiều miền rộng lớn của đất nước bị thiệt

Digitized by Google

hại nặng. *Những hiện tượng như vậy, chúng tôi gọi là « tai biến » trong nông nghiệp để phân biệt với những nhiễu động thường hay xảy ra ở nơi này hoặc nơi khác mà chúng ta đã quen gọi là thiên tai.*

1 — Ngay những năm không được coi là tai biến, *do quá trình nhiệt ẩm ở nước ta hết sức đa dạng, thay đổi với tỗ độ cao và do cơ chế gió mùa vô cùng phức tạp, không thuần nhất và không ổn định, cho nên thời vụ cũng bị dao động thường xuyên: sớm muộn, dài ngắn khác nhau và do đó, kết quả sản xuất nông nghiệp cũng bị dao động mạnh.*

Tính nhiễu động thường xuyên của thời vụ đã làm cho nông nghiệp nước ta hầu như năm nào cũng gánh chịu những hậu quả của thiên tai ở mức độ rặng nhẹ khác nhau và do đó đã làm lu mờ tính quy luật của những năm được xem là tai biến. Có lẽ vì vậy mà từ trước đến nay chúng ta nói nhiều đến những khó khăn do thời tiết và khí hậu gây ra, nhưng chưa ai bàn đến các quy luật biến động của chúng.

Những đặc điểm chủ yếu của khí hậu mà chúng tôi vừa nêu trên đã để lại dấu ấn khá đậm nét trong nền nông nghiệp nước ta. Những đặc điểm đó đã bị bao phủ bởi màn sương của thiên tai mang tính chất thường xuyên mà chúng tôi dự định sẽ làm sáng tỏ bằng cách sử dụng các công cụ toán học hiện đại xử lý các số liệu thống kê trong nông nghiệp, và từ đó rút ra những kết luận có tính quy luật về sự biến động trong nền nông nghiệp ở nước ta

II - VỀ NHỮNG QUY LUẬT BIẾN ĐỘNG TRONG NỀN NÔNG NGHIỆP NƯỚC TA.

Xuất phát từ những đặc điểm chủ yếu của khí hậu có liên quan trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp, chúng tôi đã tìm cách tách và xử lý các số liệu do Tổng cục thống kê cung cấp và đã xây dựng được các dãy số liệu động từ năm 1955 đến năm 1984 đối với sản lượng thóc và màu quy thóc cho hai miền khí hậu: miền Bắc (từ đèo Hải vân trở ra) và miền Nam (từ đèo Hải vân trở vào). Dùng phương pháp trung bình trượt kết hợp với phương pháp san lấy kế (phương pháp bình phương tối thiểu mở rộng), chúng tôi đã xác định được *xu thế phát triển của từng loại, tức xác định chiều hướng phát triển lâu dài sau khi đã loại trừ các yếu tố ngẫu nhiên* và trên cơ sở đó chúng tôi nhận được các quy luật sau đây:

1 — Sản lượng thóc và màu quy thóc hằng năm dao động chung quanh xu thế phát triển của từng loại. Bằng cách xác định phương sai hay giá trị cực đại của độ lệch giữa sản lượng thực tế so với xu thế, chúng tôi đã xây dựng được hành lang của xu thế, tức đánh giá được ảnh hưởng của các biến động ngẫu nhiên đến sản lượng thực tế.

2 - Sự thăng trầm của xu thế được lặp đi lặp lại theo các *chu kỳ tai biến, tức là khoảng thời gian lặp lại những biến động cực đoan đối với khí hậu và thời tiết, gây tai họa đối với sản xuất nông nghiệp làm cho sản lượng thóc tụt xuống mức thấp nhất*, cụ thể là:

Đối với miền Nam: 1953 — 1966; 1966 — 1978

Đối với miền Bắc: 1951 — 1968; 1968 — 1980

Đối chiếu với các chu kỳ của vệt mặt trời, chúng tôi thấy rằng chu kỳ tai biến trong nông nghiệp trùng với chu kỳ cực tiểu và giữa 2 miền khí hậu ở nước ta có độ lệch pha từ 1 đến 2 năm.

Con số 1953 và 1951 mà chúng tôi đưa ra ở đây là dựa trên cơ sở *ngoại suy theo xu thế* và có đối chiếu

Digitized by Google

với chu kỳ cực tiểu của vệt mặt trời (1).

Lần theo sử biên niên để gạn lọc những thông tin có liên quan đến nông nghiệp, chúng tôi nhận thấy rằng, những biến động trong nền nông nghiệp cổ truyền nước ta trong hàng chục thế kỷ trước đây cũng diễn ra theo đúng các chu kỳ tai biến mà chúng tôi đã phát hiện.

Như vậy, những phát hiện của chúng tôi về tính quy luật của các chu kỳ tai biến đối với nền nông nghiệp nước ta dựa trên cơ sở phân tích các số liệu thống kê từ 1955 đến 1984 bằng các công cụ toán học hiện đại đã được thực tiễn sản xuất trong hàng chục thế kỷ trước đây xác nhận là đúng và chắc chắn sẽ còn đúng trong tương lai khi trong hệ mặt trời chưa có những biến động lớn.

Dựa vào thời đoạn của các chu kỳ tai biến trong mấy chục năm qua và đối chiếu với thời đoạn của các chu kỳ cực tiểu của vệt mặt trời, chúng ta có thể dự đoán các chu kỳ tai biến đối với sản xuất nông nghiệp ở nước ta trong tương lai như sau :

Đối với miền Nam : 1978 — 1989 ; 1989 — 2000

Đối với miền Bắc : 1980 — 1990 ; 1990 — 2001

Sai số dự báo là ± 2 năm.

3 — Trong mỗi chu kỳ tai biến có một nửa chu kỳ thuận và một nửa chu kỳ nghịch đối với sản xuất nông nghiệp. Trong nửa chu kỳ thuận thì sản lượng thóc có xu thế tăng lên, còn trong nửa chu kỳ nghịch thì sản lượng thóc có xu thế tụt xuống và sản lượng thóc hằng năm do tính nhiễu động thường xuyên của thời vụ cũng dao động chung quanh xu thế tăng lên hay tụt xuống đó.

(1) Chu kỳ cực tiểu của vệt mặt trời là khoảng thời gian giữa hai lần kế tiếp nhau khi số vệt đen trên bề mặt của mặt trời mà người ta quan sát được là ít nhất. Chu kỳ này có liên quan đến những biến động cực đoan của thời tiết và khí hậu trên trái đất và mặc dù người ta nói chu kỳ này là 11 năm, nhưng trong thực tế thời đoạn của các chu kỳ có thể từ 8 đến 14 năm, nghĩa là chúng dao động chung quanh con số 11.

Bảng 1 — **Các chu kỳ tai biến và các nửa chu kỳ thuận, nghịch từ 1953 đến 1980**

Miền khí hậu	Chu kỳ tai biến	Nửa chu kỳ thuận	Nửa chu kỳ nghịch
Miền Nam	1953 — 1966	1953 — 1959	1959 — 1966
	1966 — 1978	1966 — 1973	1973 — 1978
Miền Bắc	1954 — 1968	1954 — 1959	1959 — 1968
	1968 — 1980	1968 — 1976	1976 — 1980

Bảng 2 — **Dự báo về các nửa chu kỳ thuận, nghịch trong chu kỳ tai biến hiện nay**

Miền khí hậu	Chu kỳ tai biến	Nửa chu kỳ thuận	Nửa chu kỳ nghịch
Miền Nam	1978 — 1989	1978 — 1983	1983 — 1989
Miền Bắc	1980 — 1990	1980 — 1984	1984 — 1990

Digitized by Google

Như vậy, từ 1980 đến 1984 nền nông nghiệp nước ta ở vào nửa chu kỳ thuận. Hiện nay nền nông nghiệp nước ta đang ở vào nửa chu kỳ nghịch và theo dự đoán của chúng tôi, vào cuối những năm 80 hoặc đầu những năm 90 của thế kỷ này sẽ xảy ra những tai biến nặng nề đối với nền nông nghiệp nước ta.

4 – Khảo sát sự biến động của sản lượng màu quy thóc theo thời gian cho thấy rằng trong *nửa chu kỳ thuận đối với sản xuất lúa thì sản lượng màu quy thóc có xu thế tụt xuống, còn trong nửa chu kỳ nghịch đối với sản xuất lúa thì sản lượng màu quy thóc có xu thế tăng lên.*

Nói cách khác, quy luật phụ thuộc giữa lúa và màu như sau: « lúa lên, màu tụt » và ngược lại « lúa tụt, màu lên ».

Ngoài ra, sản lượng màu quy thóc ở miền Bắc trong giai đoạn từ 1960 đến 1984 chiếm trung bình hằng năm khoảng 18% tổng sản lượng lương thực, còn ở miền Nam, theo số liệu thống kê từ 1975 đến 1984, chiếm khoảng 12%.

Như vậy, *cây màu trong cơ cấu cây trồng lương thực ở nước ta vẫn còn ở vị trí thứ yếu, mang tính chất bổ sung cho cây lúa nhằm giải quyết cái ăn cho người là chủ yếu; chỉ ở những nơi và trong những lúc mà cây lúa gặp khó khăn thì người nông dân Việt nam mới chú ý nhiều hơn đến cây màu, còn nhìn chung cây màu vẫn không được quan tâm đúng mức: cây màu không được thâm canh, không được đầu tư thỏa đáng về giống và các biện pháp kỹ thuật... cho nên năng suất còn rất thấp.*

5 – Các số liệu thống kê về chăn nuôi cho thấy rằng giá trị tổng sản lượng chăn nuôi dao động cùng pha với dao động trong sản xuất lương thực. Ngoài ra, giá trị tổng sản lượng chăn nuôi ở nước ta trong mấy chục năm qua chiếm trung bình hằng năm khoảng 20% giá trị tổng sản lượng nông nghiệp và con số đó dao động trong một phạm vi rất hẹp – từ 18 đến 24%. Điều đó chứng tỏ sự yếu kém và sự lệ thuộc của ngành chăn nuôi vào kết quả sản xuất lương thực.

Mặc dù trong thời gian qua Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách nhằm khuyến khích chăn nuôi phát triển (nhờ đó ngành chăn nuôi trong mấy năm gần đây đã đạt được một số tiến bộ), nhưng nhìn chung, *sự thay đổi về cơ cấu giữa trồng trọt và chăn nuôi trong mấy chục năm qua có thể xem như không đáng kể. Điều đó chứng tỏ ngành chăn nuôi không thể nào phát triển mạnh mẽ trong lúc con người còn đang ở ranh giới giữa thiếu ăn và tạm đủ ăn.*

Như vậy, *muốn thay đổi được cơ cấu nền nông nghiệp nước ta thì cần phải giải quyết vững chắc vấn đề lương thực cho người, đồng thời phải đẩy mạnh sản xuất màu và chế biến màu nhằm góp phần làm thay đổi cơ cấu bữa ăn của người, tạo nguồn thức ăn vững chắc cho chăn nuôi và đây cũng chính là những tiền đề cần thiết để phát triển nông nghiệp toàn diện.*

III – MẤY SUY NGHĨ VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở NƯỚC TA

Từ những quy luật và những kết luận có căn cứ khoa học cũng như thực tiễn đã rút ra ở phần trên, chúng ta có thể khái quát thành mấy đặc điểm lớn sau đây:

Đặc điểm lớn nhất, mà lâu nay chúng ta chưa thấy đầy đủ và rõ ràng, là các kết quả sản xuất trong nông nghiệp còn phụ thuộc hết sức nặng nề vào các yếu tố tự nhiên, biến động mạnh từ năm này sang năm khác theo những chu kỳ nhất định, gần trùng với chu kỳ cực tiểu của vệt mặt trời và trong mỗi chu kỳ có một nửa chu kỳ thuận và

Digitized by Google

một nửa chu kỳ nghịch đối với sản xuất nông nghiệp.

Đặc điểm lớn thứ hai của nền sản xuất nông nghiệp nước ta là sự yếu kém và sự lệ thuộc của ngành chăn nuôi vào kết quả sản xuất lương thực, còn trong ngành trồng trọt thì cây lúa chiếm ưu thế tuyệt đối, cây màu lương thực đóng vai trò bổ trợ trong việc giải quyết cái ăn cho người là chủ yếu, nghĩa là nền nông nghiệp nước ta, bất chấp lòng mong muốn và những nỗ lực của chúng ta trong mấy chục năm qua, vẫn còn mang đầy đủ tính chất của một nền nông nghiệp cổ truyền và lạc hậu (độc canh lương thực, tự cung tự cấp).

Cần phải nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn về hai đặc điểm nói trên để thấy được rằng muốn đưa nền nông nghiệp nước ta tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta còn phải phấn đấu gian khổ và điều đó đòi hỏi trước tiên là chúng ta phải thay đổi cách nhìn, nếp suy nghĩ và cách tiếp cận trong khi giải quyết vấn đề lương thực và thực phẩm ở nước ta.

1 — Chiến lược bảo hiểm cây trồng và con vật nuôi.

Muốn giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, phải có nguồn lương thực dự trữ. Một câu hỏi tất yếu phải đặt ra là với kết quả đạt được trong sản xuất nông nghiệp ngay cả trong nửa chu kỳ thuận 1981 — 1981, chúng ta đang ở ranh giới giữa thiếu ăn và tạm đủ ăn, lấy đâu ra để dự trữ?

Các nguyên lý cơ bản của điều khiển học chỉ cho chúng ta thấy rằng muốn kịp thời khắc phục những hậu quả khi có biến động xảy ra đối với các quá trình không ổn định, cần phải tạo ra một bộ điều chỉnh tự thích nghi trong mối liên hệ ngược. *Một bộ điều chỉnh đáng chú ý thuộc loại này là các tổ chức bảo hiểm cây trồng và con vật nuôi có thể tạo ra nguồn dự trữ từ sự tự nguyện đóng góp của nông dân, do đó có khả năng tự bù đắp kịp thời những thiệt hại mỗi khi có tai biến xảy ra.*

Chính sách bảo hiểm cây trồng và con vật nuôi trong những điều kiện sản xuất không ổn định về cơ bản khác với công tác bảo vệ thực vật và công tác thú y mà lâu nay chúng ta tiến hành trong khuôn khổ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp ở chỗ nó gắn trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của các công ty Nhà nước chuyên làm công tác bảo hiểm và các đơn vị sản xuất nông nghiệp với kết quả thu được trong sản xuất. Các công ty bảo hiểm cần có các phương tiện vật chất — kỹ thuật để phòng, trừ sâu bệnh đối với cây trồng, phòng chống dịch bệnh đối với con vật nuôi; có trách nhiệm chỉ đạo về mặt kỹ thuật toàn bộ quy trình sản xuất từ chọn giống, thực hiện các biện pháp canh tác đến quy định cơ cấu mùa vụ nhằm bảo đảm cho nông dân đạt kết quả sản xuất cao nhất theo các hợp đồng đã được ký kết. Vì vậy, các đơn vị sản xuất nông nghiệp (nông trường, hợp tác xã, các hộ gia đình) có trách nhiệm đóng góp vào quỹ bảo hiểm theo những tỷ lệ nhất định đối với số sản phẩm bội thu do công tác bảo hiểm mang lại hoặc khi được mùa, hoặc theo những định suất nhất định đối với con vật nuôi. Ngược lại, khi gặp thiên tai, sâu bệnh đối với cây trồng, dịch bệnh đối với con vật nuôi, v.v. gây thiệt hại nghiêm trọng đối với sản xuất nông nghiệp thì Nhà nước sẽ dùng quỹ bảo hiểm để giúp đỡ nông dân, nhanh chóng tạo ra sự ổn định trong sản xuất và đời sống của nông dân.

Tất nhiên, trong từng địa phương cũng như trong phạm vi cả nước cần phải tính toán thật chu đáo nguồn dự trữ có thể huy động từ công tác bảo hiểm và khả năng Nhà nước đầu tư cho công tác bảo hiểm để có thể chủ động nhập khẩu vật tư cần thiết cho sản xuất, hoặc nhập lương thực dự trữ, bổ sung, chọn tỷ lệ thích hợp giữa

Digitized by Google

hai loại đầu tư nói trên, nhất là trong nửa chu kỳ nghịch, nhằm kịp thời ứng phó với những khó khăn do thiên nhiên gây ra hoặc khai thác triệt để những thuận lợi trong nửa chu kỳ thuận.

2 — Chiến lược biến đổi cơ cấu nhằm phá vỡ thế độc canh lương thực.

Để giải quyết vấn đề lương thực cho toàn xã hội, lâu nay chúng ta đã tập trung cố gắng đẩy mạnh sản xuất lương thực, thậm chí sản xuất lương thực với bất cứ giá nào, kể cả phá rừng để trồng lương thực. Thực tiễn sản xuất trong những năm qua ở nhiều địa phương trên mọi miền của đất nước, nhất là các địa phương mà lâu nay việc sản xuất lương thực gặp nhiều khó khăn, đã khẳng định ngược lại: chúng ta có thể giải quyết vấn đề lương thực không phải bằng cách phá rừng mà phải trên cơ sở xác định một cơ cấu nông nghiệp hợp lý trên phạm vi cả nước, từng địa phương, từng vùng lãnh thổ.

Thật vậy, vụ lúa xuân đi vào đồng ruộng miền Bắc cách đây hơn 20 năm với những giống lúa mới ngắn ngày được khu vực hóa trên từng địa bàn của các tỉnh đã mở đầu cho những chuyển biến cách mạng trong cơ cấu nông nghiệp ở nước ta. Lúa xuân ngắn ngày thay cho lúa chiêm cổ truyền có năng suất thấp đã cho phép bố trí một vụ lúa mùa sớm nhằm tránh những khó khăn do bão lụt thường gây ra cho vụ lúa mùa và nhờ đó đã góp phần hạn chế những thiệt hại nghiêm trọng đối với sản xuất nông nghiệp. Nhờ chuyển vụ lúa chiêm thành vụ lúa xuân mà diện tích rau, màu vụ đông (ngô đông, khoai tây đông, bắp cải đông, v.v.) được mở rộng, góp phần tăng nhanh sản lượng lương thực cho người, tăng thêm thức ăn cho gia súc để phát triển chăn nuôi, tăng nguồn hàng xuất khẩu.

Hình mẫu trồng ngô đông bằng bầu trên nền đất ướt ở huyện Phú xuyên tỉnh Hà sơn bình (với diện tích gần 2 000 ha trên chân đất lúa mùa bị úng lụt năm 1985) và nhiều điển hình về tăng vụ ngô đông ở các tỉnh Vĩnh phú, Hà bắc, Thái bình, Hà nam ninh, Thanh hóa, v.v. cho thấy cây ngô có triển vọng trở thành một trong những cây trồng chính trong vụ đông, góp phần tăng nhanh tỷ lệ màu trong sản lượng lương thực, làm thay đổi cơ cấu cây trồng lương thực ở nước ta.

Thành công của huyện Lục ngạn (Hà bắc) trong việc bố trí thêm một vụ đậu tương xuân lấy hạt và tạo tiền đề để thâm canh vụ mùa đã được nhiều địa phương vận dụng có kết quả và đã góp phần làm phong phú thêm các công thức bố trí cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng ở miền Bắc.

Chủ trương thay đổi tập quán canh tác, chuyển 4 000 ha lúa đồi bấp bênh ở Nghĩa đàn (Nghệ tĩnh) sang trồng lạc là rất sáng tạo. Từ chỗ phát triển cây lạc trên đất đồi để tạo nguồn xuất khẩu, Nghĩa đàn đã tăng được điều kiện tích lũy để thâm canh cây lúa và phát triển nghề rừng theo hướng nông — lâm kết hợp.

Như vậy, *việc bố trí một cơ cấu nông nghiệp hợp lý trong từng địa phương, trong từng vùng lãnh thổ và trên phạm vi cả nước theo hướng tận dụng những thuận lợi của các yếu tố tự nhiên, đồng thời khắc phục những khó khăn do tính nhiều động thường xuyên của thời tiết và khí hậu gây ra nhằm từng bước phá vỡ thế độc canh lương thực, tạo tiền đề để phát triển nông nghiệp toàn diện và theo phương thức sản xuất nông — lâm kết hợp, là một trong những hướng mũi nhọn của chiến lược phát triển nông nghiệp ở nước ta.*

3 — Chiến lược đầu tư tối ưu để phát triển nông nghiệp.

Mặc dù Đảng và Nhà nước ta đã nhiều lần khẳng định vị trí hàng đầu của mặt trận nông nghiệp, nhưng cho đến nay việc đầu tư cho nông nghiệp vẫn còn thấp so với yêu cầu, đã thế

Digitized by Google

lại còn hết sức phân tán, không đồng bộ, cho nên không thể mang lại hiệu quả mong muốn. Vấn đề đặt ra là, với số vốn ít ỏi mà Nhà nước có thể dành cho nông nghiệp, đầu tư vào đâu sẽ sinh lợi nhiều nhất, nhanh nhất, tức là tối ưu ?

Lâu nay chúng ta chỉ tập trung đầu tư cho khâu trực tiếp sản xuất lương thực, còn các khâu khác trong quá trình tái sản xuất lương thực, chẳng hạn như khâu chế biến và bảo quản lương thực thì chúng ta quan tâm không đúng mức, gây lãng phí rất lớn, điều đó cũng có nghĩa là làm giảm hiệu quả đầu tư ở khâu sản xuất. Đầu tư cho bảo quản (kể cả chế biến để bảo quản) là đầu tư mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất, nhanh nhất và chắc ăn nhất. Chân lý giản đơn đó vì sao cho đến nay chúng ta vẫn chưa nhận ra ? Đó chính là vì cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp đã cắt khúc quá trình tái sản xuất xã hội ra để quản lý : Bộ nông nghiệp có trách nhiệm « khuyến nông », Bộ lương thực chỉ có trách nhiệm phân phối và lưu thông lương thực, còn mọi hư hao, mất mát (về số lượng cũng như về chất lượng) thì Nhà nước và người tiêu dùng ráng chịu ! Với một cơ chế quản lý vô trách nhiệm như thế thì làm sao có thể nói đến hiệu quả kinh tế ? Theo sự suy nghĩ của chúng tôi, *trong điều kiện sản xuất lương thực gặp nhiều khó khăn và không ổn định, thì đầu tư cho bảo quản lương thực phải là đầu tư siêu ưu tiên.* Ngoài ra, về vấn đề này chúng ta có thể tranh thủ sự giúp đỡ về mặt kỹ thuật và tài chính của tổ chức thức ăn và nông nghiệp thế giới (FAO).

Nhà nước trung ương tập trung đầu tư để phát triển nông nghiệp toàn diện ở các tỉnh miền Bắc (từ đèo Hải vân trở ra) nhằm giải quyết vững chắc vấn đề lương thực cho toàn miền ; còn đối với các tỉnh miền Nam (từ đèo Hải vân trở vào) do các điều kiện tự nhiên thuận lợi, do khả năng về vốn đầu tư của Nhà nước còn có hạn, trước mắt có thể mở ra cơ chế « tự cân đối » để phát triển nông nghiệp. Nhà nước thông qua chính sách thuế nông nghiệp, thuế xuất nhập khẩu và các chính sách đòn bẩy kinh tế khác để quản lý và thu mua lương thực nhằm giải quyết vấn đề dự trữ lương thực cho cả nước.

Muốn giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thì ngoài cây lúa, Nhà nước cần tập trung đầu tư để phát triển cây màu lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày gắn liền với đẩy mạnh công nghiệp chế biến nhằm góp phần làm thay đổi cơ cấu bữa ăn cho người, tạo ra nguồn hàng xuất khẩu có giá trị kinh tế cao, thu hút thêm lao động và giải quyết nhu cầu về nguồn thức ăn cho gia súc để phát triển chăn nuôi.

Đối với chăn nuôi, Nhà nước chỉ nên tập trung vào ba khâu : giống, thức ăn và công tác bảo hiểm con vật nuôi, các khâu còn lại dùng chính sách đòn bẩy kinh tế để khuyến khích chăn nuôi gia đình phát triển, bãi bỏ mọi hạn chế đối với chăn nuôi gia đình mà hiện nay một số địa phương vẫn còn tự tiện đặt ra, và cho tự do lưu thông gia súc cũng như gia cầm, Nhà nước chỉ thu một thứ thuế duy nhất đối với gia súc là thuế « sát sinh ».

Chúng tôi đã xử lý số liệu thống kê về dân số nước ta từ năm 1930 đến nay, dùng phương pháp sang lũy kế để xác định xu thế phát triển và đã nhận được kết quả dự báo sau đây :

Dự báo về dân số nước ta đến năm 2000

Năm	1985	1990	1995	2000
Số người (triệu người)	61	69	78	87

Digitized by Google

Sai số dự báo là ± 2 triệu người. Rõ ràng là nhu cầu về lương thực và thực phẩm cho số dân nói trên đang là sức ép nặng nề đối với nền kinh tế. Đã đến lúc chúng ta phải hãm gấp nhịp độ phát triển dân số và để đạt kết quả mong muốn, phải tăng cường vốn đầu tư cho vấn đề sinh đẻ có kế hoạch, làm giảm mức tăng dân số xuống mức thấp nhất, đồng thời bố trí lại dân cư trong từng địa phương và trên phạm vi cả nước.

1—Chiến lược quản lý kinh tế nông nghiệp:

Theo sự suy nghĩ của chúng tôi, chiến lược quản lý kinh tế nông nghiệp cần tập trung vào việc hoạch định hệ thống các chính sách kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp nhằm giải quyết đúng đắn mối quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và nông dân. Trước mắt cần đầu tư trí tuệ và công sức để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các chính sách đã ban hành nhằm nhất thể hóa và đồng bộ hóa toàn bộ các chính sách kinh tế trong nông nghiệp nói riêng, trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân nói chung và từng bước xây dựng một bộ luật kinh tế hoàn chỉnh để người dân lao động có cơ sở định hướng công việc làm ăn, sinh sống, nhằm tạo ra tâm lý xã hội lành mạnh và ổn định.

Về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong nông nghiệp, nên chăng chỉ đề ra một chỉ tiêu pháp lệnh là thuế nông nghiệp. Cần nghiên cứu sửa đổi lại thuế nông nghiệp cho phù hợp với thực tế và yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn hiện nay. Muốn vậy, phải tiến hành tổng kiểm kê và phân loại ruộng đất và trên cơ sở đó xác định lại mức thuế nông nghiệp.

Ngoài thuế nông nghiệp ra, Nhà nước thông qua hệ thống các chính sách đòn bẩy kinh tế và thông qua các hợp đồng kinh tế để tác động vào sản xuất nông nghiệp và qua đó nắm chắc các sản phẩm chủ yếu trong nông nghiệp, điều chỉnh cơ cấu nông nghiệp theo hướng mong muốn.

★

Hiện nay chúng ta chưa vạch được chiến lược phát triển kinh tế — xã hội và do đó chưa thể bàn đến chiến lược phát triển nông nghiệp. Trên đây chỉ là mấy suy nghĩ có liên quan đến việc giải quyết vấn đề lương thực và thực phẩm ở nước ta.

Những dự báo của chúng tôi về dân số, về nửa chu kỳ nghịch đang diễn ra đối với sản xuất nông nghiệp, về những tai biến nặng nề có thể xảy ra vào những năm cuối của thập kỷ 80 hoặc những năm đầu của thập kỷ 90 cho thấy rằng nền nông nghiệp nước ta đang đứng trước những thử thách gay go và phức tạp. Con đường để vượt qua những khó khăn nói trên là phải tập trung hơn nữa sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với nông nghiệp, tăng cường sự giúp đỡ của Nhà nước đối với nông dân, có chính sách thích đáng nhằm động viên khuyến khích nông dân hăng hái lao động sản xuất, tạo ra nhiều sản phẩm nông nghiệp, trước mắt cần phải sửa ngay một số sai lệch trong chính sách phân phối và lưu thông để cho nền nông nghiệp nước ta có thể phát triển năng động hơn nữa, toàn diện hơn nữa.

Digitized by Google

LƯU VĂN ĐẠT

MẤY VẤN ĐỀ VỀ TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NGOẠI THƯƠNG

TRONG chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, ngoại thương nước ta là ngoại thương của một nước ở bước đầu của quá trình từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Vì vậy hoạt động xuất—nhập khẩu, hình thức tổ chức và quản lý ngoại thương, mang dấu ấn sâu sắc của đặc điểm đó.

Do bản chất ngoại thương nước ta là xã hội chủ nghĩa, cho nên tổ chức và quản lý ngoại thương ngay từ đầu đã phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản về quản lý ngoại thương xã hội chủ nghĩa. Sau khi miền Bắc bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương đã được xác lập. Nghị quyết số 86 ngày 11-9-1959 về chính sách và công tác ngoại thương của Ban bí thư Trung ương Đảng ghi rõ: «Đường lối căn bản về ngoại thương của ta phải lấy việc tổ chức và quản lý nền ngoại thương, tập trung tất cả mọi việc buôn bán với nước ngoài vào trong tay Nhà nước, thực hiện độc quyền ngoại thương làm điểm xuất phát và làm nguyên tắc chỉ đạo mọi quan hệ của ta với bên ngoài. Hội nghị thứ 10 BCHTU Đảng (khóa III) tháng 12-1963 đã khẳng định «Ngoại thương nước ta được tiến hành trên nguyên tắc Nhà nước nắm trọn quyền (độc quyền) ngoại thương».

Sau khi miền Nam được giải phóng, cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta lại nhấn mạnh: «Nhà nước phải độc quyền ngoại thương» (Nghị quyết hội nghị thứ 24 của Trung ương khóa III). Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng nhắc lại: «Chính sách của ta là Nhà nước độc quyền ngoại thương và trung ương thống nhất quản lý công tác ngoại thương».

Hiến pháp nước ta ban hành năm 1980 đã thể chế hóa nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương và các quan hệ kinh tế đối ngoại trong chương II (điều 21) «Nhà nước giữ độc quyền ngoại thương và mọi quan hệ kinh tế khác với nước ngoài».

Như vậy, độc quyền Nhà nước về ngoại thương, một quan điểm có tính chất nguyên tắc, đã được khẳng định về mặt pháp lý.

Điều đó hoàn toàn phù hợp với quan hệ được hình thành giữa các nước xã hội chủ nghĩa trong Hội đồng tương trợ kinh tế mà nước ta là hội viên. Chương trình tổng hợp về liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa ghi rõ: «Sự phát triển các mối quan hệ thương mại giữa các nước thành viên HĐTTKT sẽ tiếp tục được thực hiện trên cơ sở *độc quyền nhà nước đối với ngoại thương*, song song với việc

Digitized by Google

củng cố và hoàn thiện nguyên tắc kế hoạch ».

Vấn đề Nhà nước độc quyền ngoại thương tưởng như đã rõ ràng và không có điểm gì cần bàn luận. Nhưng chung quanh khái niệm Nhà nước độc quyền ngoại thương và việc vận dụng nguyên tắc này vào thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội trong từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế ở nước ta, cũng như ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đã nảy sinh nhiều ý kiến khác nhau.

Đây là một vấn đề lý luận quan trọng trong lĩnh vực kinh tế ngoại thương xã hội chủ nghĩa. Nó tác động sâu sắc đến việc tổ chức và quản lý ngoại thương, quyết định cơ chế hoạt động đối với hoạt động ngoại thương ở các nước xã hội chủ nghĩa.

★

Độc quyền của Nhà nước về ngoại thương thường được hiểu là chỉ có Nhà nước mới tiến hành hoạt động ngoại thương, tư nhân không được phép tham gia hoạt động xuất—nhập khẩu. Cách hiểu đó chưa đầy đủ.

Nhiều vi phạm nguyên tắc và chế độ Nhà nước độc quyền ngoại thương và nhiều cuộc tranh luận chung quanh việc vận dụng nguyên tắc này ở nước ta cũng như ở các nước xã hội chủ nghĩa khác thường xảy ra sau khi quyền hoạt động ngoại thương đã được tập trung vào tay Nhà nước, tư nhân bị loại trừ hoàn toàn khỏi lĩnh vực kinh tế đối ngoại.

Mặt khác, độc quyền Nhà nước về ngoại thương thường được hiểu dưới góc độ tổ chức: cơ quan Nhà nước nào, đơn vị kinh tế nào của Nhà nước được phép tiến hành hoạt động ngoại thương? Về vấn đề này có hai quan điểm và lập luận khác nhau. Có ý kiến cho rằng độc quyền ngoại thương có nghĩa là công tác ngoại thương, hoạt động xuất — nhập khẩu được giao hoàn toàn cho Bộ ngoại thương. Ngược lại, có ý kiến cho rằng Nhà nước độc quyền ngoại thương có nghĩa là bất kỳ xí nghiệp quốc doanh nào, bất kỳ đơn vị kinh tế nào của Nhà nước cũng có quyền ngoại thương, tham gia hoạt động xuất — nhập khẩu.

Hai quan điểm nói trên đều thiếu cơ sở lý luận vững chắc và cũng không phù hợp với thực tiễn tổ chức ngoại thương ở các nước xã hội chủ nghĩa.

Về mặt lý luận, chúng ta không thể đồng nhất Nhà nước với một cơ quan Nhà nước hoặc bất kỳ tổ chức nào trong bộ máy Nhà nước (đó là những khái niệm khác nhau), càng không thể đồng nhất Nhà nước với một xí nghiệp quốc doanh hoặc một đơn vị kinh tế do Nhà nước lập ra. Người đại biểu của một Nhà nước chỉ có thể là các cơ quan quyền lực và quản lý cao nhất của Nhà nước đó. Về vấn đề này, Hiến pháp của Liên xô có ghi: « Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết, mà người đại biểu là các cơ quan quyền lực và quản lý tối cao của Nhà nước, có nhiệm vụ tiến hành ngoại thương và các quan hệ kinh tế đối ngoại khác, dựa trên cơ sở độc quyền của Nhà nước » Theo Hiến pháp nước ta năm 1980, các cơ quan quyền lực và quản lý cao nhất của Nhà nước là Quốc hội, Hội đồng Nhà nước và Hội đồng bộ trưởng.

Vì vậy, không thể đồng nhất độc quyền của Nhà nước về ngoại thương với độc quyền của Bộ ngoại thương là cơ quan chuyên trách được Nhà nước ủy quyền quản lý trong lĩnh vực ngoại thương. Mặt khác, cũng không thể quan niệm độc quyền Nhà nước về ngoại thương là bất kỳ xí nghiệp quốc doanh nào, bất kỳ đơn vị kinh tế nào cũng đương nhiên có quyền được trực tiếp giao dịch và buôn bán với bên

Digitized by Google

ngoài. Như thế không còn độc quyền của Nhà nước về ngoại thương nữa.

Trong thực tiễn tổ chức ngoại thương ở các nước xã hội chủ nghĩa, hệ thống tổ chức kinh doanh xuất — nhập khẩu không ngừng thay đổi tùy theo điều kiện cụ thể từng thời kỳ nhất định. Trong giai đoạn đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa và ở nước ta, hầu như toàn bộ hoạt động xuất — nhập khẩu về cả hai mặt quản lý Nhà nước, tổ chức và quản lý kinh doanh xuất — nhập khẩu đều giao cho Bộ ngoại thương. Đến nay, ở các nước xã hội chủ nghĩa công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngoại thương vẫn giao cho Bộ ngoại thương, nhưng quyền kinh doanh xuất — nhập khẩu có xu hướng mở rộng cho các xí nghiệp có quan hệ chặt chẽ với thị trường bên ngoài.

Như vậy, độc quyền của Nhà nước về ngoại thương là một khái niệm có nội dung rộng.

Căn cứ vào nguyên lý ngoại thương xã hội chủ nghĩa và các nghị quyết của Đảng ta, khái niệm độc quyền Nhà nước về ngoại thương cần được xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau: nguyên tắc, chính sách, chế độ quản lý. Nhà nước độc quyền ngoại thương là một *nguyên tắc* trong quan hệ ngoại thương ở các nước xã hội chủ nghĩa bắt nguồn từ chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa, xây dựng trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất và sản xuất phát triển có kế hoạch. Là cái cầu nối nền kinh tế trong nước với hệ thống kinh tế thế giới, ngoại thương là một ngành kinh tế đặc biệt, có những điểm khác biệt với các ngành kinh tế trong nước. Đặc biệt sự phát triển của ngoại thương gắn bó chặt chẽ với thị trường thế giới. Nó tùy thuộc tất nhiên vào các yếu tố trong nước, nhưng đồng thời còn tùy thuộc vào sự phát triển của kinh tế thế giới, thị trường thế giới, các quan hệ kinh tế quốc tế.

Do đó, ngoài những nguyên tắc chung mà Nhà nước xã hội chủ nghĩa vận dụng để điều hành nền kinh tế nói chung và từng ngành kinh tế nói riêng, còn phải có những nguyên tắc đặc thù của ngành ngoại thương. Trong các nguyên tắc đặc thù của lĩnh vực ngoại thương, nguyên tắc quan trọng hàng đầu là Nhà nước độc quyền ngoại thương, hoạt động xuất — nhập khẩu tập trung vào tay Nhà nước, trung ương thống nhất quản lý công tác ngoại thương, công tác kinh tế đối ngoại.

Độc quyền ngoại thương còn là một *chính sách* trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại nhằm bảo đảm lợi ích của toàn dân, đường lối xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước, đường lối đối ngoại của Đảng, và thực hiện các mục tiêu kinh tế — xã hội trong từng giai đoạn nhất định.

Ở nước ta, độc quyền ngoại thương, với tư cách một chính sách, phải góp phần thực hiện đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa đã nêu ra trong Đại hội thứ IV của Đảng và các mục tiêu kinh tế — xã hội của chặng đường đầu tiên được nêu ra trong Đại hội thứ V, đồng thời phải bảo đảm vững chắc lợi ích của nước ta trên thị trường thế giới và trong các quan hệ quốc tế.

Độc quyền ngoại thương còn là một *chế độ quản lý đặc thù* trong lĩnh vực ngoại thương, một *loại hình tổ chức* ngoại thương riêng biệt cho các nước xã hội chủ nghĩa. Dưới góc độ này, có thời kỳ, độc quyền ngoại thương được định nghĩa như sau: độc quyền ngoại thương tức là kế hoạch cộng với điều tiết. Định nghĩa ngắn gọn nói trên tuy đã nêu được cốt lõi của khái niệm độc quyền ngoại thương dưới góc độ quản lý, nhưng chưa phản ánh đầy đủ nội dung khái niệm này.

Digitized by Google

Định nghĩa thường được nhắc tới là định nghĩa nêu trong Nghị quyết của Hội nghị Trung ương Đảng cộng sản Liên xô tháng 10 năm 1925. Trong văn kiện này, độc quyền ngoại thương của Nhà nước được định nghĩa như sau:

«Nhà nước tự tiến hành ngoại thương thông qua cơ quan đặc biệt (Dân ủy ngoại thương) quy định rõ tổ chức nào, ngành nào được tiến hành những nghiệp vụ ngoại thương trực tiếp với khối lượng như thế nào; xuất phát từ nhiệm vụ phát triển kinh tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thông qua kế hoạch xuất — nhập khẩu, xác định rằng, cần phải xuất khẩu bao nhiêu và nhập khẩu bao nhiêu, thông qua hệ thống giấy phép và kim ngạch xuất — nhập khẩu, Nhà nước trực tiếp điều chỉnh nhập, xuất và các nghiệp vụ của các tổ chức».

Định nghĩa nói trên bao gồm những nội dung chủ yếu của khái niệm độc quyền ngoại thương:

Một là, Nhà nước tự tiến hành ngoại thương, không có tổ chức và cá nhân nào ngoài Nhà nước được quyền tiến hành ngoại thương.

Hai là, Nhà nước tiến hành ngoại thương thông qua một cơ quan đặc biệt (Bộ ngoại thương) có chức năng quản lý Nhà nước đối với công tác ngoại thương và thông qua các tổ chức kinh tế được trực tiếp tiến hành những nghiệp vụ ngoại thương, các tổ chức này do Nhà nước quy định.

Ba là, ngoại thương phải xuất phát từ nhiệm vụ phát triển kinh tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải bảo đảm lợi ích của Nhà nước.

Bốn là, ngoại thương phải tiến hành theo một kế hoạch thống nhất, dưới sự quản lý tập trung và thống nhất của Nhà nước.

Năm là, Nhà nước trực tiếp điều chỉnh hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu và các nghiệp vụ của các tổ chức ngoại thương thông qua hệ thống giấy phép và kim ngạch xuất nhập khẩu.

Định nghĩa nói trên về cơ bản vẫn còn giá trị đối với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa, kể cả các nước đang xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển và các nước còn ở trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đối chiếu với định nghĩa đó, chúng ta có thể kết luận việc làm nào phù hợp với nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương, việc làm nào chưa phù hợp với nguyên tắc đó.

Việc để cho tư nhân trực tiếp giao dịch và buôn bán với bên ngoài, việc buông lỏng quản lý các đơn vị được quyền xuất nhập khẩu dẫn đến tình trạng tranh mua hàng xuất khẩu, đẩy giá trong nước lên cao, làm rối loạn thị trường; việc thiếu phối hợp và tranh nhau mua và bán với bên ngoài giữa các đơn vị xuất—nhập khẩu trung ương và địa phương, tạo điều kiện cho thương nhân nước ngoài ép giá mua, nâng giá bán, làm thiệt hại đến lợi ích chung, rõ ràng là những việc làm trái nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương. Bên cạnh những vi phạm dễ nhận thấy nói trên, có những việc làm suy yếu chế độ Nhà nước độc quyền ngoại thương khó nhận thấy hơn như: xuất — nhập khẩu không tiến hành theo một kế hoạch thống nhất, dưới sự quản lý tập trung và thống nhất của Nhà nước (do đó không bảo đảm được một cách hợp lý các lợi ích, nhất là lợi ích của Nhà nước), buông lỏng quản lý về mặt Nhà nước trong lĩnh vực ngoại thương thông qua cơ quan chuyên trách là Bộ ngoại thương. Do đó, để thực hiện đúng đắn nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương, cần khắc phục những việc làm không đúng nói trên

★

Nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương là cơ sở lý luận để tổ

Digitized by Google

chức và quản lý ngoại thương ở các nước xã hội chủ nghĩa.

Việc vận dụng nguyên tắc đó tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng nước xã hội chủ nghĩa trong từng giai đoạn phát triển kinh tế. Những điều kiện này rất khác nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa có trình độ phát triển khác nhau và ngay trong một nước ở các giai đoạn phát triển khác nhau. Vì vậy, hình thức quản lý ngoại thương không thể cố định, không thể không thay đổi, ngược lại phải linh hoạt và kịp thời thay đổi cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế và những diễn biến của quan hệ kinh tế quốc tế.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, nhất là ở trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ này, việc vận dụng nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương, xác định một hình thức tổ chức quản lý ngoại thương thích hợp cần tính đến các yếu tố và điều kiện sau:

I. Yếu tố trong nước

Một là, yếu tố quan trọng hàng đầu là đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa nêu ra trong Đại hội Đảng lần thứ IV. Đó là «Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đó là «Vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất». Đó là: «Ra sức tăng xuất khẩu để nhập khẩu, nhằm tích lũy ban đầu cho chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, góp phần tạo ra thế cân đối mới của nền kinh tế, tạo ra cơ cấu kinh tế mới, trước mắt là từng bước đáp ứng nhu cầu của sản xuất và đời sống». Đó là: «Mở rộng và tăng cường hợp tác toàn diện với Liên xô và phát triển hợp tác với các nước khác trong HĐTTKT, mở rộng hợp tác toàn diện và giúp đỡ lẫn nhau với Lào và Cam-pu-chia, đồng thời mở rộng thích đáng quan hệ kinh tế với các nước ngoài hệ thống XHCN».

Những nội dung của đường lối xây dựng kinh tế trên đây cũng là mục tiêu của chính sách độc quyền ngoại thương của ta trong giai đoạn hiện nay.

Hai là, đặc điểm của nền kinh tế trong thời kỳ quá độ và tác động của nó đối với hoạt động xuất – nhập khẩu.

Nền kinh tế nước ta phổ biến là sản xuất nhỏ, kinh tế hàng hóa chưa phát triển, năng suất lao động rất thấp, đến nay chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân. Tình hình đó dẫn đến hậu quả quy mô xuất khẩu còn bé nhỏ, mặt hàng xuất khẩu rất manh mún, chủ yếu là nông sản, lâm sản, hải sản, hàng tiểu thủ công, sản xuất phân tán ở nhiều địa phương, chất lượng sản phẩm không đồng đều, giá thành sản phẩm cao, 65% đến 70% sản phẩm xuất khẩu do các địa phương cung cấp.

Trong khi đó, để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà và góp phần thực hiện những mục tiêu kinh tế – xã hội trong chặng đường đầu tiên, chúng ta lại phải nhập khẩu một lượng lớn thiết bị, máy móc, vật tư, hàng hóa.

Rõ ràng giữa yêu cầu và khả năng, giữa mục tiêu và phương tiện, có mâu thuẫn khá gay gắt.

Ba là, khác với các nước xã hội chủ nghĩa đã có nền kinh tế hàng hóa phát triển, có sẵn nguồn hàng xuất khẩu, nước ta muốn đẩy mạnh xuất khẩu vừa phải phát triển sản xuất, vừa phải tìm thị trường tiêu thụ; Vì vậy, trong thời kỳ quá độ, khi kinh tế hàng hóa chưa phát triển, thì yếu tố quyết định quy mô và nhịp độ xuất

Digitized by Google

khẩu nói riêng, xuất – nhập khẩu nói chung, là *việc tổ chức nguồn hàng xuất khẩu đáp ứng yêu cầu của thị trường*

2. Yếu tố quốc tế:

Căn cứ vào đường lối đối ngoại của Đảng ta đã được thực tiễn kiểm nghiệm, hoạt động xuất nhập khẩu của ta tiến hành chủ yếu với các nước xã hội chủ nghĩa. Thông qua hoạt động xuất – nhập khẩu, ta có thể tranh thủ được sự giúp đỡ của các nước anh em, bằng hình thức viện trợ và tín dụng. Mặt khác trong lĩnh vực thương mại, thị trường xã hội chủ nghĩa, chủ yếu thị trường Liên xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, là thị trường ổn định, vững chắc, có nhiều tiềm năng cung cấp thiết bị, vật tư, hàng hóa cần thiết cho nền kinh tế nước ta, đồng thời tiêu thụ nhiều sản phẩm mà ta có điều kiện xuất khẩu. Đó là một thuận lợi cơ bản và rất to lớn cần được khai thác có hiệu quả. Quan hệ thương mại giữa nước ta và các nước xã hội chủ nghĩa là quan hệ trao đổi hàng hóa giữa hai Nhà nước xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở sự phối hợp kế hoạch dài hạn, các hiệp định trao đổi hàng hóa 5 năm và Nghị định thư trao đổi hàng hóa hằng năm giữa các Chính phủ. Đây là một hình thức hợp tác kinh tế, một hình thức phối hợp kế hoạch giữa hai Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Do đó, việc mỗi bên thực hiện đầy đủ các cam kết về giao hàng xuất khẩu, trên cơ sở đó, có điều kiện nhận được đầy đủ hàng nhập khẩu của bên kia, có một ý nghĩa rất quan trọng đối với việc thực hiện kế hoạch Nhà nước.

Kim ngạch và khối lượng hàng hóa xuất – nhập khẩu của nước ta với Liên xô và các nước trong Cộng đồng xã hội chủ nghĩa chiếm một tỷ trọng rất lớn trong kim ngạch và khối lượng hàng hóa xuất – nhập khẩu của nước ta với nước ngoài.

Ngoài quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, chúng ta còn có quan hệ buôn bán với các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Khác với quan hệ thương mại với các nước xã hội chủ nghĩa, quan hệ buôn bán với thị trường các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa không phải là sự trao đổi hàng hóa giữa hai Nhà nước, mà là sự mua bán giữa các công ty của hai nước được quyền tiến hành các nghiệp vụ ngoại thương trên cơ sở luật pháp các nước đó. Việc buôn bán trên thị trường này tiến hành theo cơ chế thị trường, theo quy luật cung – cầu và có một số đặc điểm như sau:

Dung lượng tiêu thụ hàng xuất khẩu có giới hạn, sự cạnh tranh giữa các nhà xuất khẩu gay gắt, việc bảo hộ mậu dịch ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa có xu hướng phát triển. Giá cả lại khó có điều kiện ổn định trong một thời gian dài, ngược lại nhiều khi tăng, giảm đột ngột, khó dự đoán (chưa kể tác động của các hành động đầu cơ, lũng đoạn đối với thị trường, giá cả của các tổ chức lũng đoạn siêu quốc gia).

Mặt khác, đối tượng giao dịch trên thị trường tư bản lại đa dạng, phương thức mua – bán linh hoạt, do đó có điều kiện mua nhanh, bán nhanh (với số lượng và chất lượng được hai bên thỏa thuận trong từng dịch vụ cụ thể), vòng quay vốn nhanh v.v.

Vì vậy hình thức tổ chức và chế độ quản lý ngoại thương đòi hỏi phải phân tích đầy đủ các yếu tố nói trên, xử lý đúng đắn các loại mâu thuẫn. Từ những năm đầu thập kỷ 80, thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ 6 của BCHTƯ Đảng (khóa IV), tổ chức và quản lý xuất – nhập khẩu của nước ta đã có nhiều thay đổi, hệ thống tổ chức và chế độ quản lý mới đang hình thành.

Digitized by Google

Từ thực tế đó, chúng ta có thể bước đầu rút ra một số điểm sau đây:

Một là, trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, hoạt động xuất — nhập khẩu của nước ta có những điểm đặc thù, nhưng nguyên lý chung về ngoại thương xã hội chủ nghĩa là nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương, vẫn giữ nguyên giá trị. Hình thức tổ chức và chế độ quản lý cần linh hoạt, phù hợp với những điểm đặc thù này.

Hai là, hệ thống tổ chức và chế độ quản lý xuất — nhập khẩu trong thời kỳ quá độ, trước hết là trong chặng đường đầu, cần đạt các mục tiêu sau: đẩy mạnh xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu nhập khẩu cho nền kinh tế quốc dân; bảo đảm thực hiện chế độ Nhà nước độc quyền về ngoại thương, trung ương thống nhất quản lý công tác ngoại thương; bảo đảm thực hiện đường lối kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước, các Hiệp định, Nghị định thư trao đổi hàng hóa ký kết giữa nước ta với nước ngoài bảo đảm sự thống nhất hành động giữa các tổ chức xuất — nhập khẩu của nước ta trên thị trường quốc tế; bảo đảm lợi ích của đất nước và hiệu quả kinh tế của hoạt động xuất — nhập khẩu.

Các mục tiêu nói trên đã được ghi trong điều 1 bản quy định về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngoại thương ban hành kèm theo nghị định của Hội đồng bộ trưởng ngày 30-4-1984.

Ba là, căn cứ vào đặc điểm của ngoại thương nước ta và phù hợp với những mục tiêu nêu trên, cần sắp xếp lại hệ thống tổ chức kinh doanh ngoại thương theo hướng sau:

1. Tổ chức kinh doanh ngoại thương trung ương chuyên môn hóa theo mặt hàng hoặc theo dịch vụ, dưới 3 hình thức:

a) Công ty xuất — nhập khẩu gắn với liên hiệp xí nghiệp hoặc xí nghiệp sản xuất có nhiều sản phẩm xuất khẩu, được Nhà nước cho phép trực tiếp xuất — nhập khẩu, gắn sản xuất với thị trường (kể cả thị trường cung cấp vật tư, nguyên liệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm).

b) Công ty xuất — nhập khẩu đặt ở một bộ quản lý sản xuất phục vụ hoạt động xuất — nhập khẩu của nhiều xí nghiệp do bộ này quản lý nhưng kim ngạch xuất khẩu của từng xí nghiệp còn nhỏ, chưa có điều kiện để được Nhà nước cho phép trực tiếp xuất nhập khẩu.

c) Công ty xuất — nhập khẩu do Bộ ngoại thương trực tiếp quản lý phục vụ hoạt động xuất — nhập khẩu của những cơ sở sản xuất do nhiều bộ hoặc nhiều ủy ban tỉnh và thành phố quản lý.

Trước khi thành lập các công ty nói trên, cần phải cân nhắc kỹ hiệu quả, nhất là về tổ chức.

Đối với các đơn vị xuất—nhập khẩu có doanh số nhỏ, và chưa có điều kiện tăng nhanh doanh số, thì tốt nhất là hợp nhất các đơn vị đó thành những tổ chức xuất—nhập khẩu lớn để kinh doanh có hiệu quả và thuận tiện trong quan hệ với khách hàng nước ngoài.

Các công ty xuất nhập khẩu trung ương chuyên môn hóa theo mặt hàng có nhiệm vụ chủ yếu thực hiện các hiệp định và nghị định thư trao đổi hàng hóa ký kết giữa nước ta với nước ngoài.

2. Tổ chức xuất nhập khẩu tổng hợp trung ương

Các công ty xuất—nhập khẩu tổng hợp trung ương có nhiệm vụ chủ yếu là buôn bán với các công ty các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Trong những trường hợp công ty nước ngoài tiến hành những dịch vụ mua và bán có liên quan đến nhiều công ty xuất — nhập khẩu trung ương chuyên môn hóa theo mặt hàng, công ty tổng hợp cần làm nhiệm vụ đầu mối, ký hợp đồng với công ty nước ngoài, với tư cách đại lý các công ty của ta.

Digitized by Google

3. Các công ty xuất – nhập khẩu địa phương

Đây là một hình thức tổ chức xuất–nhập khẩu quá độ cần có trong hoàn cảnh cụ thể hiện nay của nước ta.

Tuy nhiên, để bảo đảm sự thống nhất hành động của các tổ chức xuất–nhập khẩu của ta trên thị trường quốc tế, tất yếu không thể mở rộng quyền trực tiếp xuất–nhập khẩu cho tất cả các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương. Chỉ những tỉnh, thành phố có điều kiện giao dịch, mua bán ở thị trường ngoài nước mới được Nhà nước cho phép trực tiếp xuất nhập khẩu. Trên một thị trường và cùng một mặt hàng (xuất khẩu hoặc nhập khẩu), càng ít đơn vị xuất nhập khẩu của ta tham gia mua bán thì khả năng tranh mua, tranh bán giữa các đơn vị này càng giảm đi và Nhà nước càng có điều kiện thống nhất hành động giữa các đơn vị này.

Vì vậy, tất yếu phải tập trung hoạt động xuất – nhập khẩu của các địa phương, nhất là đối với một số mặt hàng quan trọng vào một số đầu mối. Tổ chức thực hiện đúng đắn chủ trương này là một vấn đề phức tạp, dụng chạm đến nhiều lĩnh vực và đòi hỏi phải giải quyết một loạt vấn đề về quan điểm, chính sách, về tổ chức, cán bộ.

Hướng hợp lý là sắp xếp, hợp nhất các công ty xuất – nhập khẩu tỉnh, thành phố để hình thành những công ty liên doanh khu vực, dưới sự chỉ đạo của Bộ ngoại thương.

Bốn là, do nguồn hàng xuất khẩu có hạn, để giải quyết mâu thuẫn giữa yêu cầu nhập khẩu và khả năng xuất khẩu, song song với việc sắp xếp lại tổ chức kinh doanh xuất–nhập khẩu, cần tăng cường công tác tổ chức nguồn hàng xuất khẩu trên cơ sở sắp xếp lại các công ty đang thực hiện nhiệm vụ này ở cấp huyện, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và xác định rõ mối quan hệ giữa các đơn vị tổ chức nguồn hàng xuất khẩu và các đơn vị kinh doanh xuất – nhập khẩu.

Năm là, về quản lý Nhà nước, Bộ ngoại thương là cơ quan được Nhà nước ủy quyền quản lý mọi hoạt động xuất–nhập khẩu và các công ty xuất–nhập khẩu. Dù đặt trực tiếp dưới sự chỉ đạo của Bộ ngoại thương hoặc đặt ở một bộ quản lý sản xuất hay gắn với một xí nghiệp sản xuất, thuộc quyền quản lý của một bộ quản lý sản xuất, các công ty xuất – nhập khẩu này đều là những tế bào hợp thành ngành ngoại thương.

Vì vậy, trong lĩnh vực kinh doanh xuất–nhập khẩu (mặt hàng, thị trường, thương nhân, giá cả, phương thức mua bán, thanh toán, ký kết và thực hiện hợp đồng xuất–nhập khẩu, cấp giấy phép xuất –,nhập khẩu...) với tư cách là người được Nhà nước ủy quyền quản lý ngành ngoại thương, Bộ ngoại thương là cơ quan Nhà nước duy nhất có thẩm quyền quyết định, đồng thời chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Hội đồng bộ trưởng.

Các bộ, UBND tỉnh, thành phố quản lý các tổ chức xuất–nhập khẩu trực thuộc về mọi hoạt động kinh doanh trong nước, chỉ đạo về tổ chức nguồn hàng xuất khẩu của các đơn vị này, nhằm thực hiện đầy đủ các hợp đồng ký với bên ngoài.

Sáu là, cơ chế quản lý ngoại thương của ta tuy bước đầu đã đổi mới nhưng cần được hoàn thiện.

Trước mắt, cần xây dựng kế hoạch xuất – nhập khẩu *thống nhất cho cả nước* gồm kế hoạch xuất–nhập khẩu của các công ty xuất–nhập khẩu trung ương và kế hoạch xuất–nhập khẩu của các công ty xuất–nhập khẩu các tỉnh, thành phố được phép trực tiếp xuất nhập khẩu (kế hoạch xuất–nhập khẩu của các tỉnh, thành phố chưa được Nhà nước cho phép tiến hành các nghiệp vụ xuất khẩu sẽ được ghi vào

Digitized by Google

kế hoạch của các công ty xuất – nhập khẩu trung ương và địa phương, dưới hình thức ủy thác xuất khẩu và nhập khẩu).

Kế hoạch xuất – nhập khẩu thống nhất của cả nước cần được xây dựng dưới sự chỉ đạo tập trung và thống nhất của Ủy ban kế hoạch Nhà nước, với sự tham gia và phối hợp chặt chẽ của Bộ ngoại thương. Kế hoạch xuất nhập khẩu thống nhất là cơ sở quan trọng (mặc dù khó hoàn hảo trong điều kiện hiện nay) để điều chỉnh hoạt động xuất nhập khẩu, nhất là đối với các mặt hàng xuất – nhập khẩu chủ yếu của các ngành và các địa phương.

Đó cũng là biện pháp hạn chế việc tranh mua hàng xuất khẩu. Mặt khác, cần tiếp tục hoàn thiện các chính sách và biện pháp khuyến khích xuất khẩu, khuyến khích tiết kiệm tiêu dùng trong nước đối với các mặt hàng xuất khẩu, đi đôi với việc xây dựng các chính sách và biện pháp tiết kiệm nhập khẩu, sử dụng có hiệu quả hàng nhập khẩu

Thực hiện đúng đắn và đồng bộ các chính sách và biện pháp đã ban hành, nhất là quyết định số 177 HĐBT ngày 15/6/1985 là điều kiện cần thiết để tạo ra một năng lực xuất khẩu mới, khai thác có hiệu quả năng lực xuất khẩu sẵn có, giải quyết hợp lý các lợi ích, chủ yếu lợi ích chung của cả nước, lợi ích riêng của từng ngành, từng địa phương, và lợi ích của người làm hàng xuất khẩu.

Đi đôi với các chính sách khuyến khích xuất khẩu, tiết kiệm nhập khẩu, sử dụng có hiệu quả hàng nhập khẩu, cần thể chế hóa quyền chủ động kinh doanh của các tổ chức xuất nhập khẩu.

Do ngành ngoại thương có những điểm đặc thù khác các ngành kinh tế trong nước, quyền chủ động kinh doanh của các tổ chức xuất – nhập khẩu cần được xác định phù hợp với những đặc điểm đó.

Tổ chức và quản lý ngoại thương trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ là một vấn đề mới và phức tạp. Do đó, cần vừa làm vừa rút kinh nghiệm, kịp thời kết luận, khẳng định những mặt đúng, khắc phục những khuyết điểm, đồng thời sửa những điểm chưa phù hợp. Trên cơ sở đó, hình thành một tổ chức và chế độ phù hợp với nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương và điều kiện của nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Digitized by Google

THANH KHIẾT

CẦN CHUYỂN TỪ HÌNH THỨC HỢP TÁC THƯƠNG MẠI SANG PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN HÓA VÀ HỢP TÁC SẢN XUẤT TRONG LÀM HÀNG XUẤT KHẨU

THÁNG sáu năm 1980, tại phiên họp thứ 31 của Hội đồng tương trợ kinh tế (viết tắt HĐTTKT), nước Việt nam mà đại diện lúc đó là Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã chính thức nhận sự phân công lao động quốc tế xã hội chủ nghĩa, chuyên môn hóa của Hội đồng. Nghị quyết của Bộ chính trị về quan hệ kinh tế giữa nước ta với nước ngoài ra ngày 17-7-1981 có nêu rõ: « Trong quan hệ hợp tác nhiều bên với HĐTTKT, phấn đấu tích cực và bền bỉ để tiến từ hợp tác thương mại sang phân công, chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất». Trong báo cáo chính trị đọc tại Đại hội thứ 27 của ĐCS Liên Xô, khi bàn đến sự hợp tác giữa các nước hội viên HĐTTKT, đồng chí Goóc-ba-trốp cũng có nói: « Đường lối của các nước hội viên HĐTTKT đòi hỏi phải *chuyển từ các mối quan hệ chủ yếu về thương mại sang một sự hợp tác, chuyên môn hóa trong sản xuất*, trước hết là thành lập các nhóm và phức hợp liên doanh sản xuất khoa học » (1). Việt nam, khi trở thành một thành viên của HĐTTKT, cũng mong tiến tới làm được nhiệm vụ chuyên môn hóa theo sự phân công của Hội đồng. Nhưng muốn làm được như vậy, Việt nam phải trước hết có được cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Nước ta tiến hành công nghiệp hóa chính là nhằm xây dựng cho được cơ sở vật chất—kỹ thuật này, để đưa nền sản xuất nhỏ Việt nam, đặc biệt nền sản xuất nhỏ nông nghiệp, trong đó có nông sản xuất khẩu, lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ở miền Bắc nước ta, hợp tác hóa nông nghiệp về cơ bản đã hoàn thành, hợp tác xã cấp cao chiếm gần 90%. Nhưng đó mới chỉ là xã hội hóa về mặt hình thức, bởi vì nền nông nghiệp nước ta về thực tế vẫn còn là một nền sản xuất nhỏ, thủ công, chưa phải là một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Vấn đề mấu chốt có tính chất quyết định hiện nay *để Việt nam có thể nhận và thực hiện được nhiệm vụ chuyên môn hóa mà HĐTTKT* phân công là phải nhanh chóng xây dựng *được cơ sở vật chất—kỹ thuật* nói chung của nền kinh tế Việt nam, và đặc biệt là *cơ sở vật chất—kỹ thuật của nền nông nghiệp Việt nam*, vì nhiệm vụ chuyên môn hóa về mặt nông nghiệp (nhất là nông nghiệp nhiệt đới) là hết sức lớn lao, trong đó có phần đóng góp quan trọng cho xuất khẩu nông sản. Cần phải cơ giới hóa toàn diện nền nông nghiệp Việt Nam, đưa vào sử dụng ngay *các thành tựu mới nhất* của công nghệ sinh học như kỹ thuật ghép gen để tạo ra các

(1) Temps Nouveaux, 3-1986, số 9, tr. 22.

Digitized by Google

giống mới về con và cây. Ngoài việc lo cung cấp cho nông nghiệp các máy móc nông nghiệp hiện đại, còn phải lo xây dựng cơ sở hạ tầng như nhà lạnh, hệ thống đường sá hiện đại, các đội ô tô, tàu biển chuyên dùng chở hàng nông sản. Thí dụ để chở hàng nghìn tấn chuối từ Phú thọ xuống Hải phòng thì phải có hàng nghìn ha trồng chuối cùng một lúc để có thể thu hoạch cùng một lúc, nếu không thì trong khi buồng chuối này đã quá chín buồng kia lại còn quá xanh, phải có phương pháp khử trùng, và cùng với nhà lạnh phải có ô tô chuyên dùng có kho lạnh và lò xo. Nếu chuyên chở như trong điều kiện hiện nay ở nước ta thì chưa về đến Hải phòng, chuối đã nát hết. Trong điều kiện sản xuất nhỏ như hiện nay, ta làm sao tập trung được trong một tuần 5 000 tấn chuối (số lượng tối thiểu cho một chiếc tàu biển của Liên xô) để có đủ hàng chở từ Hải phòng về Vla-đi-vô-tốc. Hiện nay, tổng cục cung cấp rau quả của Xi-bê-ri có nhu cầu rau quả rất lớn và Liên xô rất mong Việt nam đáp ứng được những nhu cầu này, nhưng vẫn chưa thực hiện được. Việc cung cấp bắp cải của Hải phòng cho Liên xô hết sức bấp bênh, không ổn định. Có lúc ngành Ngoại thương cần mua thì nông dân không có hàng. Khi có hàng nhiều thì lại không xuất khẩu được, vì thiếu bao bì, bồ sọt, nhất là thiếu nhà lạnh. Khi có bao bì, thì lại thiếu phương tiện chuyên chở. Chuyên chở tới cảng thì lại lo không biết bốc vác có kịp thời không. Còn người sản xuất thì thật điêu đứng trăm bề, lo gì giống, lo gieo trồng cho kịp thời vụ. Đến khi có bắp cải lại lo không biết Ngoại thương có chịu mua cho không. Lo cái đóng gói, lo cách vận tải. Vận tải đi rồi, ngủ vẫn không yên vì nơm nớp lo hàng bị gửi trả lại do không đúng quy cách, lại còn bị phạt tiền nữa.

Cơ chế làm hàng xuất khẩu của Việt nam hiện nay như sau: người sản xuất là người sản xuất nhỏ. Ngoại thương đứng ra thu mua rồi bán lại cho Liên xô: theo cơ chế này, Liên xô chỉ là người mua hàng. Đúng là thị trường Xi-bê-ri có nhu cầu rất lớn về rau quả, nhất là rau quả nhiệt đới của Việt nam. *Nhưng Liên xô làm sao có thể dựa vào nền sản xuất nhỏ về rau quả của Việt nam để đặt kế hoạch cung cấp đều đặn, ổn định,* lâu dài về rau quả cho Xi-bê-ri được. Nếu cứ duy trì cơ chế làm hàng xuất khẩu như hiện nay, tức là người sản xuất vẫn chỉ là người *sản xuất nhỏ*. Ngoại thương đứng ra thu mua rồi bán lại cho Liên xô, Liên xô chỉ là người đi mua, thì làm sao nền sản xuất rau quả của Việt nam *trở thành một nền sản xuất lớn hiện đại được.*

Cả Việt nam lẫn Liên xô đều không thể để cho tình trạng như hiện nay kéo dài mãi được. Phải bằng mọi cách làm sao cho Việt nam đi ngay vào làm được nhiệm vụ chuyên môn hóa của mình đối với HĐTTKT. Cụ thể là cung cấp một cách có kế hoạch lâu dài rau quả cho Xi-bê-ri.

Cách giải quyết duy nhất trong những trường hợp giống như vậy đã xảy ra ở Cu-ba (với việc trồng mía, chế biến đường) ở Mông cổ v.v. là Tổng công ty rau quả Xi-bê-ri của Liên xô hợp tác với Việt nam, dựa vào vốn và khoa học kỹ thuật của HĐTTKT đứng ra trực tiếp tổ chức nên nền sản xuất lớn về rau quả Việt nam. Chỉ trong điều kiện như vậy mới có đủ khả năng về kinh tế, về khoa học kỹ thuật để xây dựng thành công cơ sở vật chất – kỹ thuật, cơ sở hạ tầng cho nền sản xuất lớn này.

Được như vậy, Tổng công ty rau quả của Liên xô mới có thể căn cứ vào nhu cầu của Xi-bê-ri về rau quả mà đặt kế hoạch cung cấp rau quả cho Xi-bê-ri từ năm 1986 đến năm 1990. Căn cứ vào kế hoạch này, Tổng công ty sẽ biết cần mở rộng thêm bao nhiêu diện tích trồng trọt để có được những số lượng rau quả đã ghi trong kế

Digitized by Google

hoạch, sẽ cần thêm bao nhiêu tư liệu sản xuất (máy móc, phân bón, thuốc trừ sâu v.v.) bao nhiêu lương thực, thực phẩm, hàng công nghiệp tiêu dùng cho người sản xuất v.v.

Đáng chú ý là để cung cấp gạo ăn cho người sản xuất rau quả Việt nam, Tổng công ty Liên xô phải mua gạo của Thái bình, Cửu long với giá cao (cũng lấy đồng rúp làm thước đo giá trị) và Thái bình, Cửu long sẽ dùng các khoản tiền rúp này mua tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng của Liên xô, của HĐTTKT. *Thế là nhờ có sự trao đổi hàng hóa, trao đổi lao động trong phạm vi của thị trường quốc tế xã hội chủ nghĩa, người sản xuất lúa ở Thái bình, ở Cửu long cũng góp phần được* (tuy là gián tiếp qua các cơ sở làm hàng xuất khẩu) và nhờ đó cũng có được một số thu nhập cao xấp xỉ với thu nhập của người sản xuất lớn về rau quả. Cứ như vậy, dần dần với số vốn tích lũy được, với đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật hiện đại có được nhờ có các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu nói trên, *chúng ta sẽ có điều kiện để tự xây dựng thành công các ngành kinh tế* trong nước thành các ngành kinh tế lớn, hiện đại xã hội chủ nghĩa.

Đối với Liên xô, việc làm như trên không phải là một việc mới, cũng không chỉ là nhằm giúp đỡ Việt nam, mà là một việc đã có sẵn trong các chương trình có mục tiêu dài hạn của HĐTTKT về cung cấp lương thực, thực phẩm và hàng công nghiệp tiêu dùng cho các nước thành viên của Hội đồng, trong đó có Liên xô và Việt nam.

Từ năm 1971 trở về trước, sự liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa của HĐTTKT thể hiện ở sự phối hợp các kế hoạch 5 năm của các nước thành viên ở mức kinh tế vĩ mô (macro) tức là ký với nhau các hiệp định về các *số lượng hàng cung cấp lẫn cho nhau*, trong thời gian là 5 năm. Sau khi ký hiệp định, việc *sản xuất của nước nào vẫn là việc riêng của nước đó* (như đối với nước Việt nam hiện nay). *Sự tác động của các nền kinh tế đối với nhau* được thể hiện *qua thị trường*, bằng một sự kiểm tra các giá cả, các khối lượng hàng và các chất lượng của hàng theo đúng các khoản ghi trong hiệp định.

Như vậy là *hợp tác chủ yếu vẫn ở trong lĩnh vực thương mại. Nhưng từ năm 1971*, với các chương trình phối hợp, *sự hợp tác đã chuyển sang một giai đoạn mới về chất, giai đoạn hợp tác trong sản xuất theo cách phân công cho từng nước đi sâu vào chuyên môn hóa sản xuất, tức là các nước thành viên chung sức, chung của cùng nhau thực hiện đồng thời các kế hoạch của tất cả các nước thành viên được đúc lại thành một kế hoạch duy nhất của HĐTTKT*. Từ năm 1979, với việc đưa vào thực hiện năm chương trình dài hạn có mục tiêu cho tới năm 1990 (đó là các chương trình: 1 — về nguyên liệu, nhiên liệu; 2 — về cơ khí; 3 — về lương thực thực phẩm; 4 — về hàng công nghiệp tiêu dùng, 5 — về giao thông vận tải), sự liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa của Hội đồng lại tiến sâu thêm một bước rất lớn. *Mỗi nước* thành viên dựa vào 5 chương trình nói trên *có thể đi sâu vào chuyên môn hóa* một số ít ngành kinh tế mà nước mình có thể đạt hiệu quả kinh tế cao nhất, và mang lại nhiều lợi ích nhất cho cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Từ đây muốn khai thác cái gì, xây dựng ngành kinh tế nào, mỗi nước thành viên phải đứng trên lập trường của HĐTTKT, xuất phát từ lợi ích của toàn cộng đồng, trong đó có lợi ích của nước mình, mà xem xét và giải quyết vấn đề. Bởi vì chỉ có dựa vào tiềm năng kinh tế, tiềm năng khoa học kỹ thuật của cả khối cộng đồng xã hội chủ nghĩa thì mới có thể giải quyết được bất kỳ công việc gì với kết quả nhiều nhất, hiệu quả cao nhất.

Dần dần, các phức hợp kinh tế quốc gia (mỗi nền kinh tế quốc gia là một

Digitized by Google

phức hợp) trở thành những bộ phận của một nền kinh tế duy nhất của cộng đồng xã hội chủ nghĩa trong đó sự bổ sung lẫn cho nhau giữa các nền kinh tế quốc gia theo các kế hoạch phân công, phân bố lao động xã hội của HĐTTKT ngày càng được đẩy mạnh, ngày càng có kết quả nhiều. Nhờ có sự bổ sung này, lực lượng của từng nước cũng như của cả cộng đồng, tăng lên nhanh và nhiều. Điều đó giúp giải quyết được những vấn đề đặt ra cho từng nước và cho cả cộng đồng.

Theo viện sĩ Y. Chi-ri-sep, giám đốc Viện các vấn đề kinh tế thế giới của HĐTTKT, thì một *phức hợp kinh tế quốc gia tối ưu* hiện nay không phải là một phức hợp có mặt đầy đủ các khu vực và các xí nghiệp, hợp thành một vòng dây khép kín như trước kia, mà là *một phức hợp có khả năng cho phép thu được lợi ích tối đa từ việc chuyên môn hóa và bổ sung lẫn cho nhau, cho phép sử dụng một cách có hiệu quả nhất các tài nguyên của mỗi nước* nói riêng và của cả khối cộng đồng góp chung lại.

Việt nam ta chỉ mới tham gia HĐTTKT từ năm 1979. Sự kết hợp nền kinh tế của ta với các nền kinh tế quốc gia thuộc HĐTTKT mới ở tình trạng hợp tác chủ yếu về mặt thương mại, giống như tình trạng giữa các nước thành viên cũ vào thời kỳ trước năm 1971.

Vì vậy nhiệm vụ của HĐTTKT hiện nay là phải hợp tác chặt chẽ với Việt nam về mặt sản xuất chuyên môn hóa, chung sức, góp của, tiến hành xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở kinh tế hạ tầng cho nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa Việt nam, để từ đó Việt nam thực hiện được sự phân công lao động và chuyên môn hóa mà Hội đồng dành cho.

★

Việc chuyển từ hợp tác thương mại sang phân công, chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất là một chuyển biến về chất trong quan hệ hợp tác kinh tế giữa các nước xã hội chủ nghĩa trong HĐTTKT. Hình thức hợp tác kinh tế này không phải chỉ ứng dụng trong việc làm hàng rau quả xuất khẩu, mà còn có thể mở rộng ra đối với việc làm hàng xuất khẩu từ các loại cây công nghiệp như cà phê, cao su v.v. từ các loại khoáng sản như bốc xít, sắt, thiếc v.v. và cả đối với việc làm gia công cho nước ngoài như dệt thuê, may thuê, lắp ráp ra đi ô, ti vi, máy tính điện tử v.v. Đối với các loại này, thì phương thức hợp tác, về căn bản cũng có những nét chính giống như phương thức dùng cho việc làm hàng rau quả xuất khẩu. Trong phương thức này, cần nắm vững nguyên tắc cơ bản sau đây: những việc sản xuất này được tiến hành là nhằm thỏa mãn những nhu cầu của một hay nhiều nước thành viên HĐTTKT. Do đó các nước bạn có trách nhiệm bỏ vốn và khoa học kỹ thuật vào Việt nam để xây dựng nên một tổ chức sản xuất lớn.

Về vấn đề này, những lời dạy của Lê-nin cách đây hơn nửa thế kỷ vẫn còn mang tính thời sự nóng hổi. Trước hết Lê-nin phân tích vì sao nước Nga muốn phục hồi được nền sản xuất sau chiến tranh nhất thiết phải mở đầu bằng việc mở cửa cho bọn tư bản độc quyền nước ngoài như Anh, Đức, Mỹ vào nước Nga, tổ chức ra các nền sản xuất lớn, hiện đại, nhằm khai thác các tài nguyên quý của Nga như dầu lửa, gỗ v.v. mà chúng rất cần. Lê-nin viết: «Cảnh khốn cùng và tàn phá đã lên đến một mức khiến chúng ta không thể phục hồi ngay lập tức được nền đại sản xuất công nghiệp xã hội chủ nghĩa nhà nước» (2), bởi vì lấy đâu ra nguyên liệu, nhiên liệu, đặc biệt là lấy

(2) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 43, tr. 265.

Digitized by Google

đâu ra các sản phẩm cần thiết để tái sản xuất sức lao động cho công nhân. Nhưng Nhà nước vô sản Nga lúc đó lại rất cần sản xuất ra hàng công nghiệp tiêu dùng để đổi lấy lúa mì của nông dân cả thể. *Lối thoát duy nhất* lúc đó là phải *dựa vào* sự hợp tác với tư bản nước ngoài để phục hồi nền công nghiệp ở Nga. Lê-nin viết : « Điều đó, chúng ta không thể tự mình làm được, nếu không có sự giúp đỡ của tư bản nước ngoài. Người nào không chìm đắm trong ảo tưởng mà nhìn vào thực tế, thì phải hiểu rõ điều đó » (3). Người đã phê phán những người theo « chủ nghĩa ái quốc địa phương », « chủ nghĩa ái quốc kiểu phường hội » cứ khăng khăng đòi không được hợp tác với tư bản nước ngoài. Và Lê-nin đã đưa ra chính sách tô nhượng mà mục tiêu quan trọng nhất là có thể giúp « cải thiện ngay tức khắc đời sống của công nhân trong các xí nghiệp tô nhượng đó » (4).

Nhằm mục đích này, Lê-nin đã đòi phải ghi các điều khoản cam kết vào các hợp đồng về tô nhượng, trong đó có điều khoản quan trọng nhất là « người nhận tô nhượng có trách nhiệm cải thiện đời sống công nhân trong xí nghiệp tô nhượng (so với những công nhân khác của xí nghiệp cùng loại ở địa phương) sao cho đạt tới mức sống trung bình của nước ngoài » (5). Lê-nin cho rằng bọn tư bản Tây Âu sẽ dễ dàng chấp nhận những điều khoản nói trên, không phải chúng « xuất phát từ một nguyện vọng nhân đạo nào mà xuất phát từ mặt thuần túy thiết thực của vấn đề » (6) vì có làm như vậy thì công nhân làm tô nhượng mới đạt được năng suất lao động cần thiết để khai thác một cách có lãi nhiều cho bọn tư bản

Điều chúng ta *cần học tập* ở đây là : Lê-nin thông qua các xí nghiệp làm tô nhượng của tư bản nước ngoài, đã *lập tức đưa được người công nhân Nga tham gia trực tiếp vào việc trao đổi lao động trên thị trường quốc tế, nhờ đó người công nhân Nga có được mức năng suất lao động, từ đó cả mức thu nhập và mức sinh hoạt ngang với mức của công nhân các nước tư bản* phát triển nhất lúc đó. Sự tồn tại của các xí nghiệp tô nhượng sẽ thúc đẩy sự phát triển của các xí nghiệp không phải tô nhượng, đưa trình độ phát triển về khoa học kỹ thuật, về kinh tế của các xí nghiệp sau lên ngang với trình độ phát triển của các xí nghiệp tô nhượng.

Những khó khăn trên của nước Nga trẻ tuổi cũng giống như những khó khăn mà nước ta đang gặp phải trong quá trình tổ chức nền sản xuất hiện nay.

Nhưng so với nước Nga trẻ tuổi lúc đó, thì hoàn cảnh quốc tế của ta lại thuận lợi hơn rất nhiều, bởi vì hiện nay Việt nam đã là một thành viên của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, có điều kiện thuận lợi tranh thủ sự hợp tác kinh tế của cộng đồng, khai thác những tiềm năng kinh tế, khoa học kỹ thuật hết sức hùng hậu của cộng đồng. Hơn nữa HĐTTKT đã có sẵn chương trình, kế hoạch (5 chương trình dài hạn có mục tiêu cho tới năm 1990) để giúp đỡ theo đúng hướng đó.

Việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn hóa mà HĐTTKT phân cho chúng ta tác động tích cực đến việc xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta và ngược lại. Ở huyện An hải, Thủy nguyên, Hải phòng, *nhờ có sự giúp đỡ trực tiếp của Tổng công ty rau quả Liên xô đã xây dựng thành công nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa về rau để cung cấp cho Xi-bê-ri*. Các thầy cô giáo cùng các trường phổ thông trong huyện đều tham gia trực tiếp làm

(3), (4), (5), (6) V. I. Lê-nin : *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 43, tr. 199, tr. 200 và tr. 201.

Digitized by Google

hàng xuất khẩu, và thu nhập của thầy cô giáo cùng gia đình của họ ngày càng khá hơn. Ngay các em học sinh nhờ làm hàng xuất khẩu, cũng đủ tiền để tự nuôi sống mà đi học. Hơn nữa Tổng công ty còn sử dụng các trường làm các trung tâm khoa học kỹ thuật, các vườn rau của trường làm vườn rau kiểu mẫu của địa phương. Được sự đào tạo của các chuyên gia Liên xô và Việt nam thuộc Viện nghiên cứu về trồng và chế biến rau quả của Hải phòng, các thầy cô giáo sau một lớp học mấy tháng, đã trở thành các cán bộ chuyên môn của Viện tại cơ sở. Thông qua mạng lưới học sinh của mình, nhà trường thực hiện việc phổ biến kỹ thuật trồng rau. Các em học sinh mang những lời chỉ dẫn của nhà trường về ngay gia đình mình, thực hiện đúng những lời chỉ dẫn nói trên. Nhưng để làm được rau xuất khẩu, còn cần đến hàng chục, hàng trăm nghề nghiệp khác để phục vụ cho sản xuất ở địa phương. Trước hết cần có các xưởng bảo quản, sửa chữa máy móc, dụng cụ dùng cho sản xuất, xây dựng, và một số cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất, các xưởng chế biến rau quả xuất khẩu tại chỗ, các xưởng sản xuất đồ đóng gói. Các xưởng bảo quản sửa chữa các phương tiện giao thông vận tải. Tất nhiên, bên cạnh đó cũng phải có đủ các cơ sở, phương tiện để phục vụ cho đời sống của nhân dân lao động ở địa phương như các cửa hàng ăn, các nhà văn hóa, câu lạc bộ, các lớp mẫu giáo, cung văn hóa cho thiếu nhi v.v. Như vậy các em học sinh ở địa phương còn cần gì phải đi đâu xa mới tìm được nghề theo ý muốn. Chính ở ngay quê hương và ngay từ khi còn ở ghế nhà trường, các em đã được học và hành cái nghề mà mình ưa thích, rồi sau khi ra trường lại được làm việc ngay tại quê nhà.

Tóm lại, đi vào hợp tác trong lĩnh vực sản xuất, nhất là trong sản xuất hàng xuất khẩu, chứ không chỉ trong lĩnh vực thương mại, với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế chính là một con đường hợp lý và thuận lợi góp phần quan trọng đưa nền kinh tế nước ta tiến lên.

SUY NGHĨ VỀ MỘT...

(Tiếp theo trang 64)

quả, vừa làm rối thêm quá trình đổi mới.

Xu hướng đổi mới cách nghĩ, cách làm đang là xu hướng chung của các nước xã hội chủ nghĩa. Đối với nước ta đất hẹp, người đông, nền kinh tế kém phát triển, chúng ta không thể giáo điều, rập khuôn máy móc bất cứ một hình mẫu nào. Chúng ta vận dụng kinh nghiệm của các nước để xây dựng hình mẫu cho mình — hình mẫu đó đã được Hội nghị thứ 8 của Trung ương Đảng phác họa nét chung nhất là : xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Chúng ta kiên quyết phấn đấu theo phương hướng đó và chỉ có thực hiện phương hướng đó mới có thể đưa nền kinh tế nước ta từng bước đi vào ổn định và phát triển đúng hướng.

Digitized by Google

MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT, MỘT NHÂN TỐ QUAN TRỌNG BẢO ĐẢM THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG NƯỚC TA

THEO quyết định của Ban bí thư Trung ương Đảng, năm nay là năm đầu tiên chúng ta lấy ngày 18-11-1930—ngày Đảng ra chỉ thị thành lập Hội phản đế đồng minh — làm ngày kỷ niệm thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất Việt nam. Với 56 năm tồn tại và phát triển, Mặt trận dân tộc thống nhất đã đóng một vai trò rất quan trọng trong lịch sử cách mạng nước ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nó đã trải qua nhiều chặng đường đầy khó khăn, thử thách nhưng rất sôi động, hào hùng của cách mạng nước ta. Phục vụ cho việc hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chiến lược và sách lược do Đảng đề ra trong từng thời kỳ cách mạng, Mặt trận dân tộc thống nhất đã mang những tên gọi khác nhau với những mục tiêu, chương trình hành động, những hình thức và phương pháp hoạt động khác nhau. Mỗi bước tiến của cách mạng, mỗi sự đổi thay lớn lao của đất nước đều có sự đóng góp tích cực, quan trọng của Mặt trận dân tộc thống nhất

Là hình thức đầu tiên của Mặt trận dân tộc thống nhất, *Hội phản đế đồng minh* đã gây được cao trào phản đế mạnh mẽ từ Nam đến Bắc, giúp cho quần chúng đấu tranh giành được những quyền lợi thiết thực, góp phần quan trọng vào phong trào Xô viết Nghệ tĩnh. Do sự thay đổi của tình hình thế giới và trong nước, cần lập trung chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do, cơm áo và hòa bình, *Mặt trận dân chủ Đông dương* được thành lập, thay thế Hội phản đế đồng minh, và đóng vai trò tích cực đẩy mạnh phong trào dân chủ trong những năm 1936—1939. Kế tục vai trò và sự nghiệp cách mạng của Hội phản đế đồng minh và Mặt trận dân chủ Đông dương, *Mặt trận Việt minh* đã góp phần rất lớn vào thắng lợi vẻ vang của Cách mạng Tháng Tám. Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, *Mặt trận Liên Việt* đã nêu cao tác dụng lôi cuốn tất cả mọi người yêu nước, tạo nên sức mạnh chiến thắng của công cuộc kháng chiến và kiến quốc. Đáp ứng yêu cầu mới của cách mạng: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, *Mặt trận Tổ quốc Việt nam* ra đời có sứ mệnh cao cả là đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân miền Bắc tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, và cùng với *Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam* động viên sức người sức của của nhân dân cả nước cho sự nghiệp đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Từ khi cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội cho đến nay, các tổ chức Mặt trận đã thống nhất lại thành *Mặt trận Tổ quốc Việt nam* với trách nhiệm mới là tăng cường đoàn kết nhân dân cả nước phấn đấu thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

★

Digitized by Google

Có thể nói, những thành tựu của Mặt trận dân tộc thống nhất hơn một nửa thế kỷ qua là một trong những thắng lợi nổi bật của sự nghiệp cách mạng nước ta. Những thành tựu ấy trước hết bắt nguồn từ việc Đảng ta mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là người tiêu biểu đã đề ra *chính sách Mặt trận đúng đắn, sáng tạo*, phù hợp với những đặc điểm của cách mạng nước ta, của cuộc chiến đấu lâu dài, gian khổ cho độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Chính sách đó thể hiện những quan điểm tư tưởng của chủ nghĩa Mác—Lê nin về Mặt trận được vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh nước ta trong từng thời kỳ cách mạng với những nội dung và hình thức thích hợp. Đặc biệt là nó đã thấm nhuần sâu sắc tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: « *Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công* » (1) và những lời dạy của Người: « Phải đoàn kết chặt chẽ, thân ái giúp đỡ lẫn nhau, thật thà học tập những ưu điểm và phê bình những khuyết điểm của nhau để cùng nhau tiến bộ » (2); phải dựa trên cơ sở liên minh công nông vững chắc, luôn luôn mở rộng đoàn kết với tất cả mọi lực lượng có thể đoàn kết được, lôi cuốn thêm bầu bạn, cô lập đến cao độ bọn đế quốc và tay sai, làm cho chúng ngày càng suy yếu để đánh đổ chúng, đưa cách mạng đến thắng lợi. Chính sách Mặt trận của Đảng và Hồ Chủ tịch còn thể hiện sự chỉ đạo khôn khéo về chiến lược và sách lược đối với Mặt trận dân tộc thống nhất. Tiêu biểu cho sự chỉ đạo đó là: sự khẳng định sớm và nhất quán vai trò to lớn của Mặt trận—một vũ khí chính trị không thể thiếu nhằm xây dựng, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân trong cuộc đấu tranh đánh đổ mọi kẻ thù của dân tộc, giành độc lập, tự do và xây dựng cuộc sống mới; việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc trong từng thời kỳ cách mạng; việc bảo đảm những yêu cầu lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận kết hợp với việc giữ vững những nguyên tắc làm việc và phát huy các hình thức hoạt động của bản thân Mặt trận. Để thực hiện tốt chính sách Mặt trận, Đảng và Hồ Chủ tịch thường quan tâm uốn nắn những nhận thức tư tưởng lệch lạc như: coi nhẹ vai trò của Mặt trận, hẹp hòi trong đoàn kết; đoàn kết một chiều, hoặc hợp tác vô nguyên tắc, không tôn trọng những nguyên tắc làm việc của Mặt trận...

Trên cơ sở chính sách Mặt trận đúng đắn đó, các tầng lớp nhân dân, các đoàn thể quần chúng, các đảng phái và các nhân sĩ yêu nước, các dân tộc anh em, các đồng bào theo đạo ở mọi miền đất nước đã phát huy truyền thống quý báu đoàn kết chiến đấu của dân tộc ta, hăng hái tham gia Mặt trận và tích cực thực hiện các chương trình hành động của Mặt trận với nhiều hình thức phong phú, sinh động. Mỗi thành viên của Mặt trận đã cố gắng làm tròn nhiệm vụ, đóng góp sức mình cho sự nghiệp cách mạng chung của đất nước.

Sự hoạt động tích cực và trưởng thành của tổ chức Mặt trận cũng góp phần quan trọng đem lại những thành tựu của Mặt trận. Qua các thời kỳ cách mạng, tổ chức Mặt trận các cấp đã có nhiều cố gắng hoạt động với nội dung và phương pháp công tác dần dần được cải tiến cho linh hoạt và sát hợp với các thành viên khác nhau trong Mặt trận, với các tầng lớp nhân dân. Với hệ thống tổ chức các cấp ngày càng được kiện toàn, Mặt trận đã xác định rõ và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, đồng thời có sự phối hợp hoạt động giữa các thành viên trong Mặt trận, giữa Mặt trận với chính quyền trong những

(1), (2) Hồ Chí Minh: *Về Mặt trận dân tộc thống nhất*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1972, tr. 92 và trang 46.

Digitized by Google

công tác lớn của Đảng và Nhà nước, trong những phong trào có liên quan đến mọi tầng lớp nhân dân.

★

Ngày nay, Mặt trận là tổ chức chính trị—xã hội rộng lớn nhất, vừa có tính liên hiệp rộng rãi, vừa có tính quần chúng sâu sắc. Mặt trận là người đại diện cho quyền làm chủ của các tầng lớp nhân dân, đồng thời là chỗ dựa vững chắc của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận có nhiệm vụ thực hiện tốt liên minh công nông, đoàn kết chặt chẽ trí thức và các tầng lớp nhân dân lao động khác, đoàn kết rộng rãi các đảng phái, các dân tộc, các tôn giáo, các nhân sĩ... nhằm mục tiêu chung là thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của toàn dân ta hiện nay là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp phần giữ gìn hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới.

Để tiếp tục phát huy vai trò của Mặt trận, làm tốt chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận trong giai đoạn mới, nhất là trong tình hình đất nước ta đang phải vượt qua những khó khăn về kinh tế, xã hội, chúng ta cần đổi mới cách nghĩ, cách làm công tác Mặt trận, làm sao cho nội dung và hình thức hoạt động sát hợp với hoàn cảnh và điều kiện cụ thể, tác động tích cực đến tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của đông đảo quần chúng, của mỗi tầng lớp nhân dân, động viên được nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật và kế hoạch kinh tế—xã hội của Nhà nước, tránh lối quan liêu, hình thức. Chúng ta chú ý kiện toàn và cải tiến cơ cấu tổ chức Mặt trận, làm cho nó vừa có tính chất tiêu biểu cho khối đoàn kết toàn dân, vừa có khả năng hoạt động thiết thực và năng động, đặc biệt cần quan tâm xây dựng tổ chức Mặt trận cho vững mạnh ở cơ sở—nơi có thể đi sâu vào từng hộ gia đình, từng người dân thuộc các tầng lớp xã hội để làm tốt công tác Mặt trận. Điều có ý nghĩa hết sức quan trọng là xây dựng một đội ngũ cán bộ làm công tác Mặt trận vừa có nhiệt tình công tác, đạo đức phẩm chất tốt, vừa có trình độ, năng lực cần thiết, có kinh nghiệm và phong cách làm việc thích hợp.

Phát huy truyền thống vẻ vang của Mặt trận dân tộc thống nhất hơn nửa thế kỷ qua, Mặt trận Tổ quốc Việt nam nhất định sẽ góp phần xứng đáng vào việc thực hiện thắng lợi những nghị quyết của Đại hội thứ VI của Đảng, đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta tiến lên giành những thắng lợi mới.

Digitized by Google

HỘI NGHỊ KHOA HỌC-THỰC TIỄN VỀ KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA*

CHẾ VIẾT TẤN

KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA LÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ CÓ HIỆU QUẢ CỦA NỀN KINH TẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

KINH doanh xã hội chủ nghĩa là một khái niệm mới trong quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Làm rõ khái niệm này là một đòi hỏi cần thiết. Đối với nước ta đang đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, vấn đề này càng có ý nghĩa thiết thực và quan trọng.

Trong thời đại ngày nay, khoa học kỹ thuật đang phát triển vượt bậc, sức sản xuất của loài người đang ở bước ngoặt chuyển sang một thời đại khác: thời đại công nghiệp mới. Cơ cấu kinh tế ở các nước và kiến thức quản lý kinh tế của loài người cũng đang phát triển lên một trình độ mới. Các mối quan hệ kinh tế giữa các nước trên thế giới đang được mở rộng và ngày càng trở nên đa dạng, phức tạp hơn. Tình hình đó đòi hỏi các nước xã hội chủ nghĩa phải nắm bắt được những thay đổi nhanh chóng của thời đại, tiến hành những cải cách kinh tế cần thiết, thực hiện kinh doanh xã hội chủ nghĩa một cách năng động, phù hợp với sự phát triển lực lượng sản xuất mới của loài người. Để đáp ứng tình hình mới đang đặt ra, các nước xã hội chủ nghĩa anh em đã có những cải cách kinh tế — xã hội to lớn và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế của mình.

Những yếu tố mới đó bắt buộc chúng ta phải đổi mới cơ chế quản lý kinh tế cho phù hợp với tình hình phát triển khách quan, vận dụng được những kiến thức, kinh nghiệm của loài người về quản lý kinh tế đã được nâng cao theo yêu cầu chuyển biến của thời đại. Cơ chế quản lý cũ «tĩnh» với chế độ kế hoạch hóa «cứng» đã đem lại thành công trước đây trong các điều kiện lịch sử của thời đại công nghiệp truyền thống, nay đã trở nên kém hiệu quả do những biến đổi mới đã và đang diễn ra ở thời đại mới.

Sản xuất hàng hóa của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng mở rộng và nâng cao về số lượng, chất lượng và quy mô (Liên xô năm 1985 đã sản xuất hơn 24 triệu mặt hàng), buộc phải có cơ chế quản lý mới. Ở nước ta tuy trình độ kế hoạch hóa còn thấp và sản xuất hàng hóa chưa phát triển, nhưng không phải vì thế mà chúng ta không thể áp dụng cơ chế quản lý mới có hiệu quả phù hợp với những đặc điểm và điều kiện của nước ta ở

* Xem *Tạp chí cộng sản* từ số 10-1986.

Digitized by Google

chặng đường đầu của thời kỳ quá độ. Phải chuyển từ cơ chế quản lý theo hệ thống quản lý « tĩnh » với kế hoạch hóa « cứng », điều hành bằng kế hoạch với một hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh khi tiết từ đầu vào đến đầu ra của kinh doanh và hoạt động tác nghiệp, bằng mệnh lệnh hành chính đơn thuần, sang cơ chế quản lý mới hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ. Tăng cường hiệu lực lãnh đạo và quản lý tập trung thống nhất của trung ương, đồng thời mở rộng quyền chủ động của địa phương trong trách nhiệm quản lý kinh tế xã hội trên địa bàn lãnh thổ, bảo đảm quyền tự chủ trong kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở, trong đó, với vai trò làm chủ của tập thể lao động, có thể xoay chuyển nhanh tình hình theo biến đổi kỹ thuật xảy ra trong thời gian ngắn và thích nghi với những biến đổi ở thị trường. Cơ chế quản lý kinh tế mới này gọi là cơ chế quản lý « động » trong đó *kế hoạch là trung tâm* của các hoạt động kinh tế — xã hội điều hành bằng phương pháp kinh tế, có sử dụng các quan hệ hàng hóa — tiền tệ, quan hệ thị trường, bảo đảm kế hoạch được thực hiện với hiệu quả cao nhất

Các nghị quyết Hội nghị thứ 6, 7, 8 của Trung ương Đảng (khóa V), nhất là nghị quyết Hội nghị thứ 8, và nghị quyết 28 của Bộ chính trị đã nêu rõ sự tất yếu phải chuyển sang cơ chế quản lý « động », phải « chuyển hẳn từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa ». Phương hướng đó rất cách mạng, hết sức đúng đắn và tiến bộ, đánh dấu bước tiến mới của một quá trình mấy chục năm tích lũy kinh nghiệm thực tiễn, phát triển lý luận quản lý, đổi mới tư duy kinh tế của Đảng và Nhà nước ta

Thuật ngữ « kinh doanh » vốn đã được *in đậm* trong đầu óc nhiều người với *định kiến* xấu, cho nên khi nói đến kinh doanh thì một số người thường nghĩ đến cách kinh doanh tư bản chủ nghĩa hoặc lối kinh doanh cá thể, là bằng mọi cách buôn bán xoay xở, từ việc buôn gian bán lận, mua rẻ bán đắt, đến việc bóc lột sức lao động, chạy theo sự điều tiết của thị trường v.v. để kiếm lợi nhuận. Lối kinh doanh đó hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa xã hội, một xã hội không còn chế độ người bóc lột người, thực hiện chế độ phân phối xã hội chủ nghĩa và phát triển nền kinh tế có kế hoạch, chú trọng các lợi ích, các hoạt động kinh tế—xã hội nhằm phát triển sản xuất và không ngừng nâng cao đời sống nhân dân. Cách nghĩ và cách làm theo cơ chế quản lý kinh tế cũ khiến người ta lảng tránh những khái niệm « sản xuất hàng hóa », « lợi nhuận xã hội chủ nghĩa », « kinh doanh xã hội chủ nghĩa » và lầm tưởng rằng, để xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa chỉ cần quản lý nền kinh tế và chỉ đạo sản xuất bằng mệnh lệnh hành chính với hệ thống chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh chi tiết từ trên đội xuống, thực hiện chế độ phân phối tập trung cho sản xuất và đời sống bằng hiện vật (các xí nghiệp quốc doanh và tập thể giao nộp cho Nhà nước cũng bằng hiện vật). Ngay cả việc phân phối thu nhập quốc dân cũng đo lường theo đơn vị hiện vật trong cả một thời gian dài, cho nên khái niệm sản xuất hàng hóa bị lu mờ trong nhận thức. Trong thời kỳ đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội thu nhập quốc dân còn thấp, cũng như trong thời kỳ chiến tranh, một số nước như nước ta bắt buộc phải thực hiện chế độ cung cấp, kể cả cung cấp thẳng bằng hiện vật ở mức cao ; cộng vào đó các chế độ xã hội phải bảo đảm mức sống cho mọi người trong khi tiền lương thấp (không phản theo kết quả lao động và kết quả sản xuất) đã biến chế độ cung cấp thành chế độ bao cấp. Tính chất bao cấp trong cơ chế quản lý thể hiện qua chế

Digitized by Google

độ phân phối, cấp phát, giao nộp không tính đến hiệu quả kinh tế, không ràng buộc trách nhiệm và lợi ích vật chất đối với hiệu quả sử dụng tiền vốn và vật tư, lao động. Chế độ cung cấp bằng hiện vật theo định lượng nhằm bảo đảm mức sống tối thiểu cho nên đã mang nặng tính chất bình quân trong cảnh nghèo chung. Chế độ bao cấp kéo dài đã làm cho người ta lầm tưởng rằng đó là chế độ phân phối xã hội chủ nghĩa. Ở đây, đồng tiền chỉ làm nhiệm vụ thanh toán, chuyển đổi, quy hàng triệu sản phẩm với các chủng loại khác nhau dưới dạng tiền tệ thông qua giá cố định, tuy cũng có hạch toán nhưng chỉ là hạch toán mang tính hình thức. Hệ thống tổ chức phân phối để thực hiện chức năng và cách cung cấp này trên thị trường tuy mang tên thương nghiệp xã hội chủ nghĩa (bao gồm thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán) nhưng về thực chất là hệ thống tổ chức kho hàng cung ứng phân phối theo kế hoạch và chế độ cung cấp mang tính bao cấp, mà không làm đúng chức năng kinh doanh của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa.

Vai trò thị trường trong những điều kiện đó gần như không có tác dụng mấy. Sản xuất xã hội nhằm chủ yếu bảo đảm yêu cầu của đời sống dưới dạng hiện vật theo kế hoạch nặng về bảo đảm số lượng, bảo đảm yêu cầu phân phối, xem nhẹ chất lượng, và sản phẩm sản xuất ra chưa phản ánh đúng các yêu cầu nghiêm khắc của thị trường.

Cách sản xuất và phương thức phân phối như đã nói ở trên là cơ sở của việc phủ nhận vai trò sản xuất hàng hóa dưới chủ nghĩa xã hội đã tồn tại khách quan từ lâu và đưa đến thói quen không cần tính toán bù đắp chi phí sản xuất và làm ăn có lãi. Vì vậy, không kích thích nâng cao hiệu quả, chất lượng và thúc đẩy phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Cách điều hành sản xuất và chế độ phân phối, cấp phát, giao nộp đó mang tính chất hành chính, quan liêu, bao cấp, làm phát sinh nhiều tiêu cực, trì trệ và ách tắc.

Cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đã kết thúc cách đây hơn 40 năm, tuy đây đó có xảy ra xung đột, đời sống quốc tế, tuy có phức tạp và căng thẳng nhưng là đời sống tương đối có hòa bình. Giao lưu hàng hóa và quan hệ giữa các nước cũng được mở rộng. Sản xuất ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa phát triển và có nước đã làm ra tới mấy chục triệu mặt hàng, cho nên không thể cứ phân phối theo định lượng, bằng hiện vật mà phải phân phối thông qua thị trường. Sản xuất hàng hóa dưới chủ nghĩa xã hội trong những điều kiện mới càng bộc lộ rõ vị trí của nó.

Ở mỗi nước xã hội chủ nghĩa, thông qua việc mua, bán, với chính sách giá cả và cơ chế quản lý giá cả hợp lý của Nhà nước, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa (hoạt động đúng với tên gọi của nó) sẽ làm chủ thị trường và đóng vai trò quyết định trong việc phân phối thu nhập quốc dân theo các nguyên tắc xã hội chủ nghĩa. Ở đây phải tiền tệ hóa thu nhập theo kết quả lao động của mỗi thành viên của xã hội, sản phẩm hàng hóa phải có chất lượng, tiêu hao vật chất trên một đơn vị sản phẩm do ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phải ngày càng giảm, giá thành phải hạ và kinh doanh phải bảo đảm có lãi.

Sản xuất hàng hóa trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa có kế hoạch phải tạo ra được những sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao, đủ sức cạnh tranh được trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế. Sản phẩm hàng hóa ngày càng tăng về số lượng và chất lượng được thị trường trong và ngoài nước ưa chuộng sẽ đem lại lãi ngày càng lớn để tăng tích lũy xã hội chủ nghĩa, nâng cao đời sống của người

Digitized by Google

lao động, đáp ứng được yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Ngược lại, sản xuất ra sản phẩm hàng hóa với số lượng ngày càng giảm, chất lượng xấu, giá thành cao, lãi ít, hoặc bị thua lỗ thì không thể tồn tại được. Nhà nước xã hội chủ nghĩa không thể bao cấp cho những hoạt động sản xuất như vậy. Trên thị trường, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa biết kinh doanh phải tác động tới sản xuất để chất lượng hàng hóa ngày càng tăng hoặc thay đổi quy cách phù hợp với thị hiếu tiêu dùng, có cách mua, cách bán thích hợp, văn minh, thuận lợi, đúng đắn, phấn đấu giảm phí lưu thông, giảm chiết khấu thương nghiệp, nhưng vẫn giữ đúng giá bán của Nhà nước, hoặc ngày càng hạ giá nhưng có lãi thương nghiệp cao, làm chủ thị trường xã hội, đấu tranh có hiệu quả với tư thương. Đó là «*cạnh tranh xã hội chủ nghĩa*», một khái niệm mà ta không nên có định kiến xấu, không nên hiểu cạnh tranh theo cách cạnh tranh tư bản chủ nghĩa.

Cạnh tranh xã hội chủ nghĩa về cơ bản khác cạnh tranh tư bản chủ nghĩa xét về mục đích, tính chất giai cấp, phương pháp và được đặt trong nền kinh tế kế hoạch hóa. Cạnh tranh tư bản chủ nghĩa dẫn đến phân hóa giai cấp, bần cùng hóa nhân dân lao động, mở rộng bóc lột tư bản chủ nghĩa. Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa có sản xuất hàng hóa, có thị trường tức là có cạnh tranh. Cạnh tranh xã hội chủ nghĩa sẽ củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, nâng cao mức sống cho mọi người và mở rộng chế độ phân phối xã hội chủ nghĩa. Những năm 1918—1920, trên cơ sở cạnh tranh của chủ nghĩa tư bản, Lê-nin đã đề ra thi đua xã hội chủ nghĩa. Luận điểm của Lê-nin và kinh nghiệm của một số nước anh em làm sáng tỏ thêm cạnh tranh xã hội chủ nghĩa. Dưới sự tổ chức, lãnh đạo của Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, trong một nền kinh tế kế hoạch hóa, với nội dung lành mạnh đúng đắn, cạnh tranh xã hội chủ nghĩa càng làm sống động phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, và là động lực thúc đẩy các hoạt động kinh doanh, làm ra hàng hóa « nhanh, nhiều, tốt, rẻ » như Bác Hồ trước đây đã từng nêu. Cạnh tranh xã hội chủ nghĩa đòi hỏi thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải kinh doanh đúng hướng để bảo đảm hàng hóa đến tận tay người tiêu dùng, thực hiện đúng nguyên tắc phân phối xã hội chủ nghĩa và có lãi thương nghiệp. Từng cửa hàng, từng nhân viên bán hàng phải chuyển phương thức hoạt động và phong cách phục vụ theo yêu cầu kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Thu nhập của người sản xuất, người bán hàng sẽ phụ thuộc vào kết quả kinh doanh tức là kết quả cuối cùng mà người lao động đã thật sự cống hiến.

Sản xuất sa sút hoặc buôn bán thua lỗ, sẽ không được phép tồn tại. Nhà nước xã hội chủ nghĩa có chính sách trợ cấp bảo hộ có thời hạn, hết thời hạn đó mà vẫn bị thua lỗ thì cơ sở sản xuất đó không đáng tồn tại, và Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa có chủ trương chính sách để sắp xếp lại một cách thích đáng nhằm tiếp tục bảo đảm việc làm cho người lao động ở những cơ sở đó. Đó chính là quá trình tích tụ xã hội chủ nghĩa, là một quy luật khách quan. Kinh doanh xã hội chủ nghĩa sẽ góp phần sắp xếp và tổ chức lại nền sản xuất xã hội và có tác dụng cải cách triệt để nội dung và phương pháp cân đối kế hoạch. Ở trung ương nội dung cân đối kế hoạch là các cân đối về tổng thể nền kinh tế quốc dân theo nội dung kinh doanh nhằm cạnh tranh lành mạnh không dẫn đến cá lớn nuốt cá bé, nhằm thực hiện đường lối, các mục tiêu chiến lược của Đảng trên cơ sở bảo đảm nền kinh tế hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Kế hoạch Nhà nước dài hạn, trung hạn, hằng năm của trung ương sẽ phát huy hiệu lực « trung tâm » của mình qua các hoạt

Digitized by Google

động « không chế trực tiếp » hay « không chế gián tiếp » hoặc kết hợp cả hai hình thức không chế « trực tiếp, gián tiếp » ở tầm quản lý kinh tế vĩ mô (macro) để chi phối các hoạt động kinh tế — xã hội của đất nước theo kế hoạch Nhà nước.

Kế hoạch ở các đơn vị kinh tế cơ sở phải được đổi mới theo nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ chính trị Trung ương Đảng. Đó là kế hoạch tác nghiệp để kinh doanh mà về mặt cân đối phải linh hoạt, năng động từ « đầu vào » đến « đầu ra » cũng như hoạt động « hộp đen » cho sát hợp với tình hình tiến bộ về kỹ thuật, nhưng phải bảo đảm các *chỉ tiêu pháp lệnh kế hoạch của Nhà nước* ở đầu ra của sản xuất và làm ăn có lãi.

Lịch sử phát triển quản lý kinh tế đang chuyển từ cơ chế quản lý « tĩnh » phù hợp với tiến bộ kỹ thuật của thời đại công nghiệp truyền thống diễn ra từng chu kỳ 100 năm, 15 — 20 năm mang tính chất « tĩnh » trong một thời gian dài (1) sang cơ chế quản lý « động » phù hợp với thời đại công nghiệp mới với tiến bộ kỹ thuật diễn ra từng chu kỳ ngắn 2 — 5 năm và biến động của thị trường với hàng hóa luôn đổi mới theo tiến bộ kỹ thuật trong từng chu kỳ ngắn đó (2). Cơ chế quản lý mới « động » thích nghi với bước chuyển của thời đại được bắt đầu từ việc thay đổi tư duy kinh tế cũ bằng tư duy kinh tế mới, trong cách quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa là cơ chế quản lý mới của nền kinh tế sản xuất hàng hóa trên cơ sở kế hoạch hóa với việc vận dụng linh hoạt các quan hệ hàng hóa — tiền tệ, chịu sự tác động của quy luật giá trị, quy luật cung cầu và các quy luật khác của chủ nghĩa xã hội; tiến hành hạch toán kinh tế, kích thích sản xuất, đạt hiệu quả cao, chất lượng tốt. Thực chất của hạch toán kinh tế là sự tính toán so sánh dưới hình thức tiền tệ về chi phí sản xuất và các kết quả hoạt động kinh tế của các tập thể có tư cách pháp nhân (xí nghiệp, liên hiệp xí nghiệp...), là sự bù đắp các chi phí sản xuất bằng các khoản thu nhập do bán sản phẩm của họ làm ra và bảo đảm có lãi. Hạch toán kinh tế đã trở thành một đòn bẩy quan trọng của quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa để khuyến khích các tập thể và người lao động hướng tới hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch, cải tiến tổ chức sản xuất và nâng cao hiệu quả của các hoạt động kinh tế. Như vậy, hạch toán kinh tế vừa là nội dung, vừa là công cụ, phương tiện của kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Nội dung kinh doanh xã hội chủ nghĩa mang hai đặc điểm khác với kinh doanh tư bản chủ nghĩa

1. Sản xuất và hoạt động phân phối lưu thông có kế hoạch (nói tính kế hoạch đã bao hàm việc vận dụng các quy luật, trong đó quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội là chủ đạo) nhằm mục tiêu tái sản xuất xã hội chủ nghĩa, xây dựng phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa.

2. Phải có lãi. Lãi đó nhằm làm tăng tích lũy xã hội chủ nghĩa, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội.

Đó là hoạt động kinh tế tạo ra lợi nhuận xã hội chủ nghĩa. Như vậy, về cơ bản lợi nhuận xã hội chủ nghĩa khác với lợi nhuận tư bản chủ nghĩa ở tính chất giai cấp, phương pháp tạo ra lợi nhuận, mục đích sử dụng lợi nhuận. Lợi nhuận tư bản làm tăng tích lũy, mở rộng phương thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa và mở rộng việc bóc lột, nô dịch nhân dân lao động trong nước, ngoài nước với trình độ tinh vi hơn để đưa lại thu nhập cao cho nhà tư bản.

---

(1), (2) Máy hơi nước phát minh năm 1680 đến năm 1780 mới sản xuất (100 năm). Máy bay phát minh năm 1897 đến năm 1911 sản xuất (14 năm). Pin mặt trời phát minh 1953 đến 1955 sản xuất (2 năm)

Digitized by Google

Nếu hiểu kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo nghĩa xoay xở, dàu cơ, móc ngoặc, trục lợi, tranh mua tranh bán nhằm đem lại lợi ích cục bộ cho đơn vị, địa phương mình, nâng cao thu nhập riêng cho đơn vị mình, cá nhân mình là không đúng.

Hoạt động kinh tế theo cách hạch toán (theo kiểu kinh doanh, làm cho các thành viên, các cấp quản lý tuôn luôn quan tâm tới kết quả cuối cùng trong hoạt động kinh tế của mình, là phải bù đắp được chi phí và có lãi để tồn tại và phát triển. Điều đó làm cho họ phải nghiên cứu kỹ thị trường trong nước, ngoài nước, chọn lựa phương án hoạt động sản xuất, tiêu thụ được sản phẩm một cách khôn ngoan. Mỗi quyết định đều có tính toán kinh tế, hơn, thiệt, lỗ, lãi, đòi hỏi phải tổ chức hợp lý, tiết kiệm, lựa chọn phương án tối ưu để đạt được hiệu quả cao nhất. *Kinh doanh xã hội chủ nghĩa là một cơ chế quản lý có hiệu quả của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.*

Hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa có bản chất giống nhau là phải phân bố lực lượng sản xuất, bố trí, chọn lựa cho các chương trình mục tiêu, xây dựng nội dung kế hoạch theo quan điểm nâng cao số lượng và chất lượng hàng hóa trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, sử dụng công cụ hàng hóa — tiền tệ nhằm đạt kết quả cuối cùng lớn nhất với chi phí ít nhất, mang lại lợi nhuận nhiều nhất cho chủ nghĩa xã hội. Hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa có sự phân biệt khác nhau về đối tượng áp dụng: hạch toán kinh tế được áp dụng trong các tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân (xí nghiệp, liên hiệp xí nghiệp...). Kinh doanh xã hội chủ nghĩa được áp dụng ở phạm vi rộng hơn, bao gồm các đơn vị hạch toán kinh tế có tư cách pháp nhân và các đối tượng làm kinh tế, các hình thức kinh tế khác trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Nghĩa là, về đại thể, kinh doanh xã hội chủ nghĩa là khái niệm rộng hơn, bao quát hơn hạch toán kinh tế. Trên ý nghĩa này có thể phân biệt sự hiểu khác nhau khi có ý kiến cho rằng, nói hạch toán kinh tế là đủ, không cần phải nói thêm kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Chúng ta dùng khái niệm cơ chế quản lý « hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa » là để mô tả đầy đủ cơ chế quản lý sản xuất hàng hóa có kế hoạch và hiểu theo ý nghĩa rộng của toàn bộ cơ chế quản lý « động » được xây dựng trên cơ sở tiến bộ về quản lý của loài người đã tích lũy được khi chuyển sang thời đại công nghiệp mới, khác với cơ chế quản lý « tĩnh » của thời đại công nghiệp truyền thống. Cơ chế quản lý « động » đó đang có xu hướng phát triển thành một dạng cơ chế quản lý khác nữa tạm gọi là *cơ chế quản lý chiến lược.* Cơ chế quản lý mới này, theo dự kiến của một số nhà kinh tế, có thể sẽ được vận dụng phổ biến vào thế kỷ 21.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa và kinh doanh tư bản chủ nghĩa cũng đều hướng vào việc tạo ra được nhiều lợi nhuận, nhưng khác nhau về bản chất và mục đích. Kinh doanh tư bản chủ nghĩa phục vụ lợi ích nhà tư bản và tái sản xuất tư bản chủ nghĩa. Kinh doanh xã hội chủ nghĩa phục vụ lợi ích toàn xã hội, nâng cao sự phồn vinh cho người lao động và xây dựng phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa, thực hiện quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Chính sự khác nhau này là cơ sở chủ yếu để phân biệt sự khác nhau giữa hạch toán thương mại (tư bản chủ nghĩa) và hạch toán kinh tế (xã hội chủ nghĩa).

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa còn khác kinh doanh tư bản chủ nghĩa ở tính kế hoạch. Nó xuất phát từ quy luật phát triển kinh tế có kế hoạch để điều tiết nền kinh tế. Mặc dù kinh doanh tư bản chủ nghĩa cũng có các loại kế hoạch ở tầm vi mô (micro) với

Digitized by Google

nghiệp vụ khá cao trong kế hoạch tác nghiệp kinh doanh của các xí nghiệp, các tập đoàn tư bản, các tổng công ty, và cũng có các loại kế hoạch ở tầm vĩ mô (macro) cho cả nước, nhưng đó là những *dự án bao quát* về kinh doanh tư bản chủ nghĩa, về cơ bản kinh doanh tư bản chủ nghĩa chịu sự điều tiết của thị trường, của lợi nhuận tư bản chủ nghĩa. Nguyên tắc cơ bản của kinh doanh xã hội chủ nghĩa là *nguyên tắc bảo đảm tính kế hoạch*. Thực hiện nguyên tắc này là thực hiện sự *định hướng* nền kinh tế phát triển kinh doanh không vì lợi nhuận đơn thuần, không tách rời nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ kinh tế, không tham lợi trước mắt mà xa rời mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; là bảo đảm sự cân đối và đem lại hiệu quả cao cho sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa trên cơ sở nắm vững các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội, vận dụng đúng đắn quy luật giá trị, chú ý tác động của thị trường trong nền kinh tế kế hoạch hóa, thực hiện các nguyên tắc hạch toán kinh tế, coi trọng giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa dưới chủ nghĩa xã hội...

Việc mở rộng quyền tự chủ của các đơn vị kinh tế cơ sở theo nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ chính trị chỉ mới là một khâu trong cơ chế quản lý mới thực hiện cải cách ở tầm «vi mô» (micro). Còn cải cách ở tầm «vĩ mô» (macro) là thực hiện tập trung một cách có hiệu lực, thiết thực những cái cần tập trung. Tình hình hiện nay là, mặt đáng tập trung, chúng ta lại để phân tán, mặt không đáng tập trung, chúng ta lại tập trung một cách không thiết thực, không có hiệu lực, gò bó, với những chế độ, thể lệ can thiệp vụn vặt vào quyền tự chủ của các đơn vị kinh tế cơ sở.

Vì nhận thức khái niệm «kinh doanh xã hội chủ nghĩa» với những định kiến cũ, hiểu tự chủ của đơn vị kinh tế cơ sở theo nhận thức của người sản xuất nhỏ cho nên ở một số nơi đã nảy ra khuynh hướng phường hội, vô chính phủ hoặc tự do tản mạn, không thấy đầy đủ trách nhiệm đối với lợi ích chung của chủ nghĩa xã hội. Thêm vào đó bọn làm ăn bất chính, đầu cơ, tham nhũng đã gây nên những rối loạn không đáng có trong hoạt động kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Mặt khác, nền kinh tế nước ta đang còn nhiều thành phần kinh tế khác nhau, việc mở rộng quyền chủ động cho các địa phương, quyền tự chủ cho các đơn vị kinh tế cơ sở được tiến hành trong khi cơ chế quản lý mới chưa hình thành đồng bộ, chưa được pháp chế hóa, cho nên đã có những nhận thức và hành động thiếu thống nhất, thậm chí còn chệch choạc, sai sót. Nhưng không nên cho rằng những lệch lạc nhỏ đó là do cơ chế mới sinh ra và từ đó khái quát lên thành «chạy theo cơ chế thị trường», là thực hiện «chủ nghĩa xã hội thị trường» — cái điều không thể có ở Việt nam mà phần lớn tư liệu sản xuất chủ yếu đã thuộc sở hữu xã hội chủ nghĩa, chế độ bóc lột đã căn bản bị xóa bỏ (tuy trong một thời gian nào đó ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ vẫn còn tồn tại một vài hình thức bóc lột), nền chuyên chính vô sản do Đảng cộng sản Việt nam — một đảng Mác — Lê-nin chân chính, có phương pháp luận đúng đắn — lãnh đạo.

Digitized by Google

ĐÀO XUÂN SÂM

CƠ CHẾ GIÁ CẢ KINH DOANH TRONG CƠ CHẾ KINH DOANH CÓ KẾ HOẠCH

1 — GIÁ CẢ — TÍNH KHÁCH QUAN VÀ KHẢ NĂNG ĐIỀU TIẾT CÓ Ý THỨC

Trong nền kinh tế còn sản xuất hàng hóa, giá cả tồn tại khách quan. Giá cả hình thành, biến động có quy luật: quy luật giá trị, quan hệ cung cầu, quy luật về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị và tác động của Nhà nước. Trong lịch sử phát triển kinh tế hàng hóa, sự hình thành và biến động của giá cả vốn là tự phát, nhưng dần dần đã xuất hiện chủ thể điều tiết giá cả một cách có ý thức. Giới tư bản độc quyền nắm thực lực kinh tế với tỷ lệ nào đó (tỷ lệ cho phép khống chế), hơn nữa có kinh nghiệm kinh doanh trên thị trường, có nhà nước giúp đỡ, đã có thể trở thành chủ thể độc quyền trên thị trường, điều tiết giá cả bằng thủ đoạn kinh tế cùng với thủ đoạn chính trị, hành chính, tâm lý. Họ có thể nâng giá, phá giá, giữ giá, qua đó giành quyền chủ động chi phối giá cả thị trường.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa, các tổ chức kinh tế quốc doanh nắm thực lực kinh tế trong nước; và trong điều kiện có Nhà nước chuyên chính vô sản, ở chặng đầu thời kỳ quá độ ngay khi nền kinh tế còn nhiều thành phần như ở nước ta, kinh tế quốc doanh có đầy đủ khả năng để trở thành chủ thể điều tiết thị trường và giá cả theo định hướng của chính sách và kế hoạch kinh tế của Nhà nước. Trên thực tế nước ta, nhiều tổ chức kinh tế quốc doanh và cơ quan Nhà nước địa phương đã từng bước trở thành chủ thể điều tiết thị trường và giá cả trong lĩnh vực nó phụ trách. Đồng thời, vẫn còn tình hình phổ biến là nhiều tổ chức kinh tế quốc doanh lúng túng và thua thiệt lớn trên thị trường. Nói chung, Nhà nước ta chưa làm được vai trò chủ thể điều tiết giá cả và thị trường, ngược lại, nhiều khi phải bị động chạy theo thị trường và giá cả tự phát, chịu nhiều thua thiệt lớn. Nguyên nhân trực tiếp của tình hình đó là sự tồn tại cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp trong xử lý giá cả và thị trường...

Tập trung quá mức việc định giá theo ngành chức năng chuyên môn và giữ giá chủ yếu bằng « lệnh » chính là cơ chế tập trung quan liêu trong quản lý giá cả. Sau khi có nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Ban chấp hành trung ương Đảng, cách làm giá cả như vậy đã tái diễn rất dầy dủ, và một hệ thống giá rất cao theo tính toán của ngành chức năng đã được đưa ra. Từ đó sản xuất kinh doanh càng đình đốn, nền tài chính và tiền tệ quốc gia vấp phải những khó khăn lớn. Như vậy, trong điều hành giá cả, chúng ta đã không đột phá vào cơ chế giá để xóa bỏ tập trung quan liêu — bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh tế kinh doanh xã hội chủ nghĩa, mà lại giữ cơ chế cũ, từ đó phạm sai lầm trong việc

Digitized by Google

đột phá vào mức giá. Do đó, thị trường và giá cả càng rối loạn, những bước tiến trong điều tiết thị trường và giá cả trước đây bị đe dọa.

Trong điều kiện của chính sách kinh tế nhiều thành phần và mở rộng giao lưu hàng hóa, để làm chủ thị trường và giá cả, Nhà nước vô sản và kinh tế quốc doanh chỉ có một con đường là chuyển sang cơ chế hạch toán kinh doanh, học tập nắm lấy khoa học và nghệ thuật tổ chức kinh doanh buôn bán, để giành quyền làm chủ thị trường và giá cả một cách hợp quy luật.

II — VỀ CƠ CHẾ GIÁ CẢ KINH DOANH ĐẶT TRONG CHỈNH THỂ CƠ CHẾ QUẢN LÝ HẠCH TOÁN KINH TẾ VÀ KINH DOANH CÓ KẾ HOẠCH

1 — Cơ chế quản lý giá cả phải phục vụ phát triển sản xuất và giao lưu hàng hóa, xây dựng cơ cấu kinh tế mới

Mở rộng sản xuất và giao lưu hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu là một bộ phận của quá trình đưa nền kinh tế từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, là một đặc trưng mới nhất của nền kinh tế đang chuyển từ cung cấp thời chiến sang hạch toán kinh tế và kinh doanh; là vấn đề thuộc về chính sách cơ cấu; là đòi hỏi của quá trình công nghiệp hóa, quá trình xây dựng cơ cấu kinh tế mới, quá trình cải biến cơ cấu kinh tế nhiều thành phần... Cơ chế quản lý kinh tế phải xuất phát từ yêu cầu xây dựng cơ cấu kinh tế (chính sách cơ cấu). Cơ chế quản lý giá cả và thị trường phải thúc đẩy mở rộng sản xuất và giao lưu hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu. Đó là tiền đề tạo ra trạng thái thị trường, giá cả bình thường, loại bỏ những nhân tố cực đoan giả tạo, thu hẹp kinh tế ngầm, loại trừ buôn lậu và làm ăn phi pháp.

Ở đây, cần thực hiện chính sách tự do trao đổi hàng hóa trong khuôn khổ mà chính sách và kế hoạch kinh tế quốc dân, luật pháp cho phép. Cần khắc phục tình trạng « ngăn đò cấm chợ » vì nhiều biện pháp chưa hợp lý về thuế và « thu mua ». Hệ thống quản lý của ta quen dùng quá mức biện pháp hành chính, chưa chuyển mạnh sang biện pháp kinh tế, nhất là trong công tác thuế, và tổ chức độc quyền kinh doanh theo quan điểm kinh tế. Quan niệm chỉ ngành thương nghiệp được buôn bán, mua bán, còn mọi xí nghiệp sản xuất phải giao nộp hết sản phẩm, cũng là làm thương nghiệp theo quan điểm hành chính. Cần tôn trọng quan hệ kinh doanh giữa người sản xuất và ngành thương nghiệp trên cơ sở kế hoạch và hợp đồng kinh tế.

2 — Cơ chế giá cả kinh doanh đặt trong chỉnh thể cơ chế quản lý kinh doanh, lấy kế hoạch hóa làm trung tâm.

Cơ chế quản lý giá cả là cơ chế cục bộ, dương nhiên phải đặt trong chỉnh thể cơ chế quản lý kinh doanh, tuân theo những quan điểm và nguyên tắc cơ bản của cơ chế chung. Ở đây, có ba quan điểm, nguyên tắc cơ bản nhất đã được nêu trong nhiều nghị quyết của Đảng: quan điểm mục tiêu — vì phát triển sản xuất và đời sống quần chúng; quan điểm phân cấp làm chủ tập thể, tập trung dân chủ; quan điểm lấy kế hoạch làm trung tâm, thấu suốt nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Thực tế hàng chục năm đã chứng tỏ ta không thể quản lý giá cả và thị trường theo hệ thống ngành chức năng, tách rời việc xây dựng và điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh toàn diện của các ngành, các cấp.

Đặt cơ chế quản lý giá cả trong cơ chế quản lý kinh tế nói chung, trong đó khâu trung tâm là cơ chế xây dựng và điều hành kế hoạch kinh tế quốc dân của các cấp là cách làm duy nhất

Digitized by Google

đúng để bảo đảm việc quản lý giá cả, thị trường được định hướng vào những mục tiêu kinh tế—xã hội, được xử lý đồng bộ với các mặt sản xuất kinh doanh, khoa học kỹ thuật, tài chính, tiền tệ, tiền lương, được xử lý theo quan điểm hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa và theo quan điểm làm chủ tập thể.

Về nguyên tắc phải đặt vấn đề đổi mới cơ chế sử dụng các đòn bẩy kinh tế, nói chung, và giá cả, nói riêng, trong đổi mới chỉnh thể cơ chế quản lý kinh tế với khâu trung tâm là đổi mới kế hoạch hóa theo quan điểm mà Đại hội thứ V của Đảng đã khẳng định.

Sau đây xin đề xuất một số luận điểm có tính nguyên tắc trong cơ chế ấy, cũng là quan điểm xuất phát để thiết kế phương án triển khai thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ tám của BCHTƯD về đổi mới công tác giá—lương — tiền, nhằm chuyển sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

1— Đặt cơ chế quản lý giá cả, tài chính, lưu thông hàng hóa và tiền tệ, tiền lương và đời sống đồng bộ trong cơ chế quản lý thống nhất có kế hoạch, lấy kế hoạch làm công cụ trung tâm để định hướng liên kết mọi công cụ đó nhằm phục vụ mục tiêu cuối cùng. Nhiều nghị quyết hội nghị của BCHTƯD, nhất là các nghị quyết hội nghị thứ sáu, thứ bảy và thứ tám đã khẳng định quan điểm mục tiêu và quan điểm có kế hoạch đồng bộ trong những công tác này.

Quản lý giá cả, tài chính, lưu thông hàng hóa và tiền tệ độc lập quá mức theo từng chức năng có nghĩa là đứng ngoài kế hoạch, thậm chí đứng trên kế hoạch kinh doanh, cản trở kinh doanh ngay từ khâu làm và cân đối kế hoạch. Nói riêng giá cả phải phục tùng cương lĩnh kế hoạch, phục tùng mục tiêu kế hoạch, phải xử lý trong bản thân việc xây dựng và thực hiện phương án kế hoạch sản xuất.

2— Thực hiện làm chủ tập thể, phân cấp quản lý và thống nhất quản lý giá cả, tài chính, lưu thông tiền tệ và hàng hóa, tiền lương và đời sống đồng bộ với phân cấp quản lý và kế hoạch hóa. Cấp nào cân đối, xác định và phụ trách nhiệm vụ kế hoạch thì cấp ấy có trách nhiệm vụ quyền hạn về quản lý các mặt công tác kinh tế, tài chính. Nếu không như thế thì việc phân cấp quản lý, ba cấp làm kế hoạch với nhiều nguồn khả năng là vô nghĩa. Nếu không như thế thì cũng không có tự chủ kinh doanh, không có hạch toán kinh tế thật sự, không thể thoát khỏi bao biện bao cấp.

Mỗi cấp, với sự quản lý thống nhất, phải có kế hoạch toàn diện, trách nhiệm và quyền hạn toàn diện đối với đơn vị, địa phương và lĩnh vực của mình. Cấp trên hướng dẫn, kiểm tra, điều tiết, uốn nắn kế hoạch bảo đảm sự thống nhất thông qua việc xét duyệt và chỉ đạo thực hiện phương án kinh doanh đồng bộ.

Với quan điểm này, khâu quan trọng nhất trong triển khai thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ tám của BCHTƯD là chỉ đạo xây dựng và điều hành phương án chuyển sang hạch toán kinh doanh của các địa phương và ngành kinh tế — kỹ thuật, nhất là các địa phương và ngành trọng điểm, trong đó có việc xử lý các vấn đề giá, lương, tiền nhằm phục vụ mục tiêu kinh tế — xã hội, và nhằm tạo điều kiện cho các đơn vị, ngành, địa phương đi vào kinh doanh.

3— Nhất quán thực hiện nguyên tắc quan hệ hợp đồng trong cân đối, xác định và điều hành thực hiện nhiệm vụ kế hoạch, trong đó xử lý đồng bộ và cụ thể các vấn đề giá cả, tài chính, lưu thông hàng hóa và tiền tệ. Nói cách khác, giá cả và mọi quan hệ kinh doanh được xác định trong các quan hệ kế hoạch hợp đồng cụ thể và hợp

Digitized by Google

pháp, tức là giá thỏa thuận có cam kết hợp pháp và có kế hoạch trên cơ sở quan hệ hợp đồng

Giá cả có kế hoạch với cơ chế nhiều cấp làm chủ, sử dụng nhiều nguồn cân đối tất yếu phải là giá cả được xác định trong những điều kiện cụ thể của hợp đồng liên doanh, liên kết, cung tiêu của các bên liên quan đến phương án kinh doanh và những cân đối cụ thể. Nếu chỉ tiêu sản phẩm chủ yếu là chỉ tiêu quan trọng nhất, cũng phải đặt trên cơ sở cân đối được cam kết bằng hợp đồng, thì giá cả càng phải đặt trong quan hệ kế hoạch hợp đồng công khai hợp pháp.

Từ những luận điểm trên đây về cơ chế kế hoạch hóa, trong đó bao quát cơ chế sử dụng các công cụ đòn bẩy kinh tế, có thể nêu lên *những đặc trưng cơ bản của cơ chế quản lý giá cả* trong đó: a) giá cả được hình thành trong quá trình và theo trình tự xây dựng và điều hành thực hiện kế hoạch có thống nhất, có phân cấp và đồng bộ với các công cụ khác; b) giá cả được xác định cụ thể trong quan hệ kế hoạch hợp đồng, được phân cấp xử lý ứng với sự phân cấp cân đối xác định và điều hành thực hiện nhiệm vụ kế hoạch; c) giá cả với cơ chế xử lý như trên, tùy trường hợp có thể là giá cả được bảo đảm tương đối thống nhất và ổn định, hoặc giá được khống chế theo khung, hoặc giá tự quy định như nhiều nghị quyết của Đảng đã nêu. Cách nói cơ chế một giá chưa thể hiện đầy đủ tư tưởng nghị quyết Hội nghị thứ 8 của BCHTƯĐ và dễ bị hiểu lầm rằng, chỉ có một loại giá, một mức giá. Còn cơ chế hai giá là cơ chế cũ, về nguyên tắc vẫn giữ giá cung cấp gắn với quy tắc cấp phát giao nộp, như vậy không thể chuyển sang kinh doanh; d) Trong chế độ hạch toán kế toán tự bù đắp, nghiêm cấm man khai mức giá, man khai giá thành và tính giá bất chính để ăn lãi; yêu cầu quan trọng nhất là kế toán đúng và đủ các chi thu thực tế, thực hiện thanh tra kế toán và thanh tra giá cả để loại trừ kế toán man khai và tính giá bất chính, bảo đảm thu thuế và điều tiết đích đáng.

Cơ chế quản lý giá cả với những đặc trưng trên đây, có thể gọi là cơ chế giá cả kinh doanh trong cơ chế kinh doanh có kế hoạch theo tư tưởng cơ bản của nghị quyết Hội nghị thứ 8 của BCHTƯĐ. Nói cách khác, đó là cơ chế mới về quản lý giá cả—cơ chế giá cả kinh doanh thay cho cơ chế giá cả hành chính tập trung quan liêu trước đây.

Cơ chế giá cả kinh doanh như vậy gắn bó hữu cơ với cơ chế kế hoạch hóa, có thể bảo đảm phát huy tính chủ động của tổ chức kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đồng thời nâng cao tính pháp lý của quan hệ giá cả. Nó khác hẳn cơ chế giá cả tự phát, tuỳ tiện; nó tạo khả năng để cấp trên tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, uốn nắn giá cả với hiệu lực thiết thực, loại trừ những cách làm giá bất chính để thu lãi. Cần xác định ngay rằng, cơ chế quản lý giá cả kinh doanh không lập tức đưa tới một hệ thống giá cả đi sát giá trị và ổn định, thống nhất. Thực tế không có khả năng đó. Với cơ chế mới, vẫn còn quá trình biến động giá cả trên thị trường, nhưng theo hướng từng bước đi vào quỹ đạo được điều tiết có kế hoạch, nhờ chỗ các tổ chức kinh tế quốc doanh và Nhà nước chủ động thích nghi và làm chủ giá cả trên thị trường xã hội, dần dần đi sát giá quốc tế. Trong quá trình đó, chênh lệch giá bất hợp lý bị thu hẹp dần, và được các cấp thu lại vì quốc kế dân sinh.

Cơ chế quản lý giá cả như vậy mang tính quá độ, xóa dần tính tự phát để đi vào kinh doanh có kế hoạch và năng động. Đó là cách làm hợp quy luật, có hiệu lực thiết thực, hơn hẳn cơ chế cũ tập trung quan liêu và hành chính đơn thuần không có hiệu lực.

Digitized by Google

Với cơ chế quản lý giá cả như vậy, cạnh tranh tự phát được thay thế bằng sự đấu tranh của kinh tế xã hội chủ nghĩa nhằm giành quyền làm chủ giá cả và thị trường, và bằng đua tranh sản xuất nhiều, nhanh, tốt, rẻ ngay trong nền kinh tế có kế hoạch. Đó chính là cơ chế quản lý, điều hành giá cả mà nhiều tổ chức kinh tế quốc doanh và địa phương đã áp dụng, nhờ đó trên thực tế đã từng bước vươn lên làm chủ giá cả và thị trường.

Để kết luận, có thể nói vấn đề cơ bản, mấu chốt và khó nhất của việc thực hiện cơ chế quản lý có kế hoạch thấu suốt nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa là vấn đề tích hợp, lắp ghép được cơ chế sử dụng các công cụ đòn bẩy kinh tế, mấu chốt nhất là đòn bẩy giá cả, vào cơ chế kế hoạch hóa... Nói cách khác, đó là sự chuyển hướng, đổi mới đồng bộ từ cơ chế lệnh kế hoạch, gắn liền với cơ chế lệnh giá cả, tài chính, tín dụng, lưu thông vật tư hàng hóa theo kiểu tập trung quan liêu bao cấp, sang cơ chế kế hoạch kinh doanh, trong đó bao quát cơ chế giá cả kinh doanh, tài chính tín dụng kinh doanh và kinh doanh lưu thông vật tư hàng hóa. Nói ngắn gọn, đó là sự tích hợp, gắn bó hữu cơ giữa tính kế hoạch và tính hàng hóa trong cơ chế kinh doanh có kế hoạch. Nói đến cùng, đó là vấn đề vận dụng các quy luật kinh tế — xã hội, kể cả quy luật tổ chức quản lý, trong hệ thống, trong chỉnh thể, lấy quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội là chủ đạo, nhưng không thành kiến, không phân biệt đối xử hoặc cưỡng lại các quy luật của sản xuất hàng hóa. Đó là sự trở lại một tư tưởng cơ bản của V.I. Lê-nin trong chính sách kinh tế mới, là chính sách đã tạo bước phát triển kỳ diệu cho nền kinh tế nước Nga lúc đó. Giải quyết được vấn đề ấy mới có thể vượt được cái ngưỡng từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế mới. Điều đó chắc chắn góp phần làm cho cơ chế quản lý kinh tế trở thành đòn bẩy làm bộc lộ mạnh mẽ mọi ưu việt của chế độ kinh tế mới. Và từ đó, chắc sẽ sớm diễn ra hiện tượng kỳ diệu trong nền kinh tế Việt nam.

KINH DOANH XÃ HỘI...

(Tiếp theo trang 70)

giữa các ngành sản xuất và lưu thông vẫn chưa được giải quyết. Tình trạng này đã diễn ra từ lâu, ảnh hưởng không tốt đến việc xây dựng, phát triển kinh tế.

Đối với việc *tổ chức nội thương cũng nên cải tiến bằng cách giảm bớt các cơ quan thương nghiệp trung gian không cần thiết*, để cho các cơ sở sản xuất cung cấp thẳng sản phẩm tiêu dùng cho những hộ tập thể lớn (doanh trại quân đội, trường học, bệnh viện, xí nghiệp công nghiệp) và bán buôn cho thương nghiệp để thương nghiệp làm nhiệm vụ bán lẻ, *chấm dứt tình trạng thương nghiệp làm sản xuất* thường phá vỡ quy hoạch của các ngành nông nghiệp.

Digitized by Google

PHAN VĂN TIỆM

VỀ KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ MẤY VẤN ĐỀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ GIÁ CẢ PHỤC VỤ KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Có những động lực của sản xuất xã hội mang tính thời đại đòi hỏi có cuộc cách mạng về quản lý kinh tế để tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất phát triển nhanh chóng, đó là thành tựu của cách mạng khoa học — kỹ thuật. Trong những năm gần đây, ở tất cả các nước xã hội chủ nghĩa đều diễn ra sự đổi mới về quản lý. Sự đổi mới ấy, trên nhiều mặt mang tính cách mạng rất sâu sắc, có hệ thống, nhằm phát huy triệt để tính ưu việt của các quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thuận lợi nhất để tiếp thu các thành tựu lớn lao của cách mạng khoa học kỹ thuật. Thực tiễn đã chứng tỏ một sự thật là mức độ đổi mới quản lý quyết định mức độ đưa thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất, biến chúng thành lực lượng sản xuất trực tiếp và sau cùng là quyết định khả năng giải quyết những vấn đề kinh tế — xã hội đặt ra trong từng giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội.

Những đòi hỏi khách quan về đổi mới quản lý ở nước ta đã chín muồi và phản ánh đậm nét trong nghị quyết Hội nghị thứ tám của BCH TƯ Đảng (khóa V) mà nội dung cốt lõi là xóa bỏ lối quản lý mang nặng bệnh tập trung quan liêu, bao cấp, xác lập cơ chế quản lý tập trung dân chủ, thực hiện hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Trong lịch sử sản xuất xã hội, đã và đang tồn tại ba phương thức kinh doanh gắn với ba loại hình của sản xuất hàng hóa: kinh doanh của người tiểu sản xuất hàng hóa, kinh doanh tư bản chủ nghĩa và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Ở nước ta, cơ cấu xã hội của nền sản xuất trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội phản ánh trình độ phát triển của lực lượng sản xuất xã hội nước ta hiện nay tồn tại đồng thời cả ba phương thức kinh doanh khác nhau nói trên. Mỗi phương thức kinh doanh như vậy phản ánh những quan hệ sản xuất khác nhau và tất nhiên là chịu sự chi phối của những loại quy luật kinh tế đặc thù khác nhau.

Đặc trưng chung nhất của mọi phương thức kinh doanh là các chủ thể kinh doanh — người sản xuất hàng hóa trong hoạt động (sản xuất — lưu thông) của mình *tính toán, so sánh chi phí và thu nhập, vốn và lãi* để quyết định việc kinh doanh, cũng tức là lựa chọn các phương án hoạt động sao cho chi phí ít nhất, đạt được thu nhập cao

Digitized by Google

nhất, có lãi nhiều nhất trên một đồng vốn bỏ ra qua một chu kỳ kinh doanh. Nói cách khác, chi phí ít nhất, hiệu quả cao nhất chính là quy luật vĩnh hằng của mọi hoạt động kinh tế. Trong điều kiện sản xuất hàng hóa, chi phí ít nhất, lợi nhuận nhiều nhất là quy luật chung nhất của mọi phương thức kinh doanh. Cốt lõi của khái niệm kinh doanh là ở chỗ so sánh *chi phí và thu nhập*. Nếu hiểu kinh doanh là hoạt động hoặc hẹp hơn là hành vi mua – bán thì chưa đủ (mua – bán không đồng nghĩa với « buôn bán » vì mua–bán chỉ là những hành vi hay một quy trình tác nghiệp chứ chưa phải là nội dung mang tính mục tiêu của khái niệm kinh doanh.

Song khái niệm kinh doanh hiểu theo nghĩa chung nhất như vậy chẳng khác gì hiểu khái niệm sản xuất hàng hóa là sản xuất để bán chứ không phải để tự thỏa mãn nhu cầu của chính người sản xuất. Điều quan trọng là phân biệt các đặc trưng bản chất của các phương thức kinh doanh khác nhau hoặc có trong nền sản xuất xã hội nói chung và đặc biệt là trong nền kinh tế hiện nay ở nước ta. Có thể nói, xét về bản chất kinh tế xã hội, về quy luật hoạt động, về mục đích của hai phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa thì hai phương thức này là khác nhau hoàn toàn. Điều này được cắt nghĩa từ sự khác nhau về chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất, và trên cơ sở đó các quan hệ sản xuất cùng hệ quy luật đặc thù, trong đó đặc biệt là quy luật kinh tế cơ bản của hai phương thức sản xuất này của xã hội.

Mặc dù như vậy, cũng không thể phủ nhận vai trò các quy luật của sản xuất hàng hóa mà quy luật cơ bản của hình thái sản xuất này là quy luật giá trị cùng các phạm trù của quan hệ hàng hóa – tiền tệ trong cả hai phương thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, cũng không nên phủ nhận rằng, các phạm trù và quy luật của sản xuất hàng hóa không phải là những phạm trù và quy luật tách biệt khỏi các quan hệ sản xuất đã sản sinh ra chúng, trái lại chúng phụ thuộc vào các quan hệ đó và gắn liền hữu cơ với các quy luật đặc thù của mỗi phương thức sản xuất có sản xuất hàng hóa (ở đây là chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội).

Có ý kiến cho rằng một con đường cơ bản để đạt được mục tiêu kinh doanh và thông qua đó thực hiện quy luật chung nói trên của kinh doanh trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội không phải là con đường thi đua xã hội chủ nghĩa, mà là con đường cạnh tranh xã hội chủ nghĩa. Tôi nghĩ rằng, chỗ khác nhau ở đây là khái niệm « thi đua » và « cạnh tranh ». Nếu cả hai khái niệm đó đều mang tính chất và phản ánh các quy luật hoạt động kinh tế của chủ nghĩa xã hội, thì thiết tưởng vấn đề còn lại chỉ là danh từ hoặc thuật ngữ kinh tế. Điều đáng tranh luận ở đây là bản thân nội dung và phương pháp « thi đua » và « cạnh tranh » có gì khác nhau về chất không ? Theo tôi, thì nội dung và phương pháp thi đua và cạnh tranh đã được phân biệt khá rõ, và mục đích, quy luật, hiệu quả cũng hoàn toàn khác nhau giữa hai khái niệm này. Vì vậy, thay vì đi tìm thuật ngữ mới, nên để công phu tổng kết thực tiễn, tìm ra những hình thức, phương pháp và quy luật vốn có của nó để hoàn thiện hơn nữa, phát huy hơn nữa sức mạnh của thi đua xã hội chủ nghĩa với tính cách là một động lực phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa về chiều rộng cũng như chiều sâu, chứng minh tính hơn hẳn của thi đua xã hội chủ nghĩa so với cạnh tranh tư bản chủ nghĩa.

★

Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở

Digitized by Google

nước ta, chúng ta đang quản lý một nền kinh tế còn có nhiều thành phần, trong đó thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa tuy chưa phải đã bao quát toàn bộ các hoạt động sản xuất cũng như phân phối và lưu thông sản phẩm xã hội, song thành phần đó chiếm ưu thế về nhiều mặt rất căn bản và trong nhiều lĩnh vực có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ quá trình tái sản xuất xã hội. Điều đó quyết định rằng, trong việc thực hiện phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phải lấy việc vận dụng hệ thống các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội làm chủ đạo, đồng thời vận dụng các quy luật của sản xuất hàng hóa là rất quan trọng. Song, do sự hạn chế của trình độ xã hội hóa của nền sản xuất xã hội trong giai đoạn hiện nay (sản xuất nhỏ còn phổ biến, trình độ công hữu hóa trong kinh tế nông nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp còn thấp...) sự phát huy tác dụng của các quy luật kinh tế đặc thù của chủ nghĩa xã hội cũng chưa đủ mạnh, chưa triệt để như trong giai đoạn chủ nghĩa xã hội phát triển. Chính vì vậy, ngay trong thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là trong bộ phận rộng lớn của nó là kinh tế tập thể, quy luật giá trị còn có tác động điều tiết sản xuất, phân phối và lưu thông ở chừng mực đáng kể. Tác động đó còn rất lớn đối với kinh tế cá thể và một bộ phận kinh tế tư nhân (ở mức độ khác nhau còn là quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa). Trong những điều kiện như vậy, khi thực hiện phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa với tính cách là phương thức hoạt động hợp quy luật của các tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa và khi thực hiện phương thức đó với tính cách là cơ chế quản lý nền kinh tế quá độ lên chủ nghĩa xã hội, không thể không áp dụng một chính sách và một cơ chế giá cả thích hợp với giai đoạn phát triển kinh tế ở chặng đường đầu tiên này của thời kỳ quá độ. Theo tôi, những đặc trưng cơ bản nhất của chính sách và cơ chế như vậy hiện nay có thể khái quát lên như sau:

Một là, với ý nghĩa là một yếu tố cơ bản của phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa, giá cả trong tầm kinh tế vĩ mô phải thể hiện như một công cụ định hướng cho phương thức kinh doanh đó. Như vậy, Nhà nước trong từng thời kỳ kế hoạch dài hạn và trung hạn, thích ứng với một chiến lược kinh tế, phải có một chính sách giá cả nhất định. Chính sách đó phải được thể hiện qua một hệ thống giá cả chỉ đạo của Nhà nước về những sản phẩm có tầm quan trọng lớn lao trong cân đối kinh tế quốc dân, trong việc điều hòa phối hợp các lợi ích kinh tế, xử lý các quan hệ kinh tế lớn trong nền kinh tế quốc dân: giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa các ngành sản xuất vật chất cơ bản trong nền kinh tế, giữa thị trường trong nước và thị trường thế giới. Chính sách đó phải phục vụ cho thắng lợi của phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ.

Hai là, với tính cách là biểu hiện trực tiếp hoạt động của quy luật giá trị, cơ chế hình thành giá cả phải tạo điều kiện để các chủ thể kinh doanh chủ động lựa chọn các phương án kinh doanh của mình (thường xuất phát từ lợi ích—hiệu quả vĩ mô) trong khuôn khổ các quan hệ giá được điều hành trên tầm vĩ mô toàn bộ nền kinh tế. Đó cũng là mô hình vận dụng (tạo dư địa) cho quy luật giá trị «tự điều chỉnh» trong phạm vi nhất định, trong khu vực nhất định thông qua sự biến động của cung—cầu về từng loại hàng trong từng thời gian, gần sản xuất với nhu cầu nhằm thỏa mãn tốt nhất nhu cầu trong những điều kiện cụ thể. Thích hợp với mô hình này là các hình thức giá giới hạn, giá chỉ đạo khung, giá thỏa thuận có ràng buộc về cơ cấu hợp thành giá thông

Digitized by Google

qua những tham số kinh tế—giá, các định mức và các quy luật pháp luật khác. Phải tạo ra từng bước trong từng lĩnh vực lưu thông các «hành lang giá cả» để các chủ thể kinh doanh rộng đường hoạt động trong khuôn khổ điều tiết vĩ mô.

Ba là, trong bước chuyển từ phương thức hoạt động kinh tế mang nặng tính tập trung quan liêu, hành chính bao cấp sang phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa, cần trải qua các bước quá độ tất yếu để tránh gây ra chấn động xã hội, tâm lý và đảo lộn kinh tế. Điều đó có nghĩa là:

— Quá độ từ chế độ «nhiều giá» chuyển thành chế độ «một giá», có một thời gian áp dụng chế độ «hai giá», thường là cả giá mua và giá bán, đối với một diện hàng hóa nhất định, sau cùng một số tư liệu sản xuất cơ bản, một số nông sản quan trọng và một số hàng tiêu dùng thuộc nhu yếu phẩm của nhân dân lao động.

— Quá độ từ tập trung quá mức, pháp lệnh trực tiếp bằng quyền lực hành chính đơn thuần chuyển qua quá trình hình thành giá bằng các phương pháp trực tiếp kết hợp với điều tiết gián tiếp quá trình đó thông qua điều tiết cung và cầu hàng hóa, từ giá dưới hình thức «mức tuyệt đối» qua giá dưới hình thức «giá giới hạn», «giá khung»; từ giá quy định trực tiếp bằng pháp lệnh qua giá thỏa thuận hình thành trên cơ sở giá chỉ đạo chuẩn v.v.

— Quá độ từ cơ chế điều hành giá «tĩnh và cứng» qua cơ chế «động và linh hoạt» được thực hiện theo nhóm sản phẩm, quan hệ trao đổi và tính chất của phạm vi tác động đến các quan hệ kinh tế — xã hội tùy thuộc vào kết quả điều hành vĩ mô đạt được sự cân đối tổng cung và tổng cầu, đặc biệt là cung — cầu về những sản phẩm tối thiểu thiết yếu cho sản xuất và đời sống nhân dân lao động.

Bốn là, bằng sự can thiệp hành chính—Nhà nước một cách tất yếu và ở mức độ cần thiết, cũng như vận dụng điều tiết bằng kinh tế để từng bước tạo ra mô hình hình thành giá «chống chi phí» có sức khích lệ và cưỡng bách các tổ chức kinh doanh đạt được lợi nhuận và hiệu quả vĩ mô bằng con đường hạ thấp chi phí, hạ suất tiêu hao vốn trong từng chu kỳ kinh doanh, tiến tới khước từ mọi yếu tố «kích thích chi phí» trong cơ chế giá, tạo ra sự thống nhất giữa hiệu quả vĩ mô và hiệu quả vi mô, kết hợp hài hòa các loại lợi ích kinh tế thông qua giá cả.

Năm là, xu hướng chung của quá trình chuyển từ cơ chế quản lý cũ qua cơ chế quản lý mới là giảm dần danh mục sản phẩm do Nhà nước (các cấp chính quyền) trực tiếp định giá và đưa áp dụng như một mệnh lệnh đơn thuần dựa vào sức mạnh hành chính của Nhà nước. Song điều đó không có nghĩa là trên chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, có thể phủ định vai trò cưỡng chế hoặc can thiệp bằng hành chính — Nhà nước đối với quá trình hình thành giá cả, chỉ nhấn mạnh đơn thuần sức mạnh kinh tế của thành phần xã hội chủ nghĩa trong việc điều tiết cung và cầu, trong việc định hướng các hoạt động kinh doanh. Trong điều kiện lực lượng kinh tế còn chưa hùng hậu, thị trường còn phức tạp, nạn đầu cơ buôn lậu còn chưa được xóa bỏ, các tổ chức kinh doanh chưa được tổ chức lại để chống tranh mua, tranh bán trên thị trường trong nước và cả trên thị trường thế giới, thì coi nhẹ vai trò tổ chức và sự can thiệp của Nhà nước trong việc điều tiết thị trường, hình thành giá cả chẳng những rất có hại cho sự phát triển kinh tế, mà còn trực tiếp đả kích vào quyền chủ động của các chủ thể kinh doanh, làm chậm quá trình chuyển biến từ cơ chế cũ lạc hậu, kìm hãm sản xuất qua cơ chế mới, mở đường cho sự phát triển

Digitized by Google

nhanh chóng nền kinh tế quốc dân nước ta. Trước mắt, kỷ luật và pháp luật đang là khâu yếu, khâu cấp bách số một để tạo ra thế ổn định cho cơ chế mới ra đời, cho phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa sớm hình thành và phát triển, chiếm vị trí chi phối trong mọi hoạt động kinh tế thời kỳ quá độ ở nước ta

Sáu là, sự đổi mới chính sách và cơ chế giá cả phải được đồng bộ trong mỗi bước đi của nó với quá trình đổi mới toàn bộ cơ chế quản lý nền tái sản xuất xã hội từ sản xuất đến phân phối, lưu thông và tiêu dùng, từ quản lý vĩ mô đến quản lý vi mô. Kinh nghiệm thực tiễn của hai lần tổng điều chỉnh giá (1981 và 1985) đã chứng minh những va vấp mắc phải có phần quan trọng là bắt nguồn từ tính cô lập của việc điều chỉnh giá với đổi mới cơ chế quản lý. Một mắt xích dù là quan trọng đến đâu cũng không thể đổi mới trong một bộ dây chuyền cũ kỹ được giữ nguyên trạng thái cũ. Đây cũng là bài học rất sinh động, rất cụ thể về sử dụng một yếu tố, dù là yếu tố năng động như giá cả trong cả cơ chế quản lý, chỉ thay đổi với tốc độ và quy mô rất lớn bản thân mức giá trong khi cơ chế hình thành và điều tiết giá vốn là bộ phận hữu cơ của cơ chế quản lý gần như đang được giữ nguyên không thay đổi cùng với cơ chế này.

Bảy là, chính sách và cơ chế giá phục vụ kinh doanh xã hội chủ nghĩa trước hết và chủ yếu là nhằm phát huy tác dụng của giá cả như một công cụ đo lường chi phí và hiệu quả, một động lực, một sự định hướng và kích thích. Kinh nghiệm cải cách giá trong cải cách quản lý kinh tế ở nước ta mấy năm qua, cũng như của thế giới, chứng tỏ một sự thật là không thể dùng cải cách giá để tổng điều chỉnh phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân trong một lúc, mặc dù phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân là chức năng vốn có của giá cả, đặc biệt trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ chức năng này lại càng nổi bật. Rõ ràng là cải cách quản lý kinh tế, đổi mới chính sách và cơ chế giá, dù có được tiến hành đúng đắn, triệt để đến đâu, tự nó cũng không thể trực tiếp làm cho đời sống khấm khá lên ngay như một phép tiên màu nhiệm. Tất cả mọi sự cải cách và đổi mới quản lý kinh tế đều nhằm tạo ra, nâng cao động lực thúc đẩy sản xuất phát triển với năng suất lao động và hiệu quả cao hơn, và trên cơ sở đó, dần dần mới có đời sống tốt hơn.

Digitized by Google

XUÂN KIỀU

SUY NGHĨ VỀ MỘT VÀI NỘI DUNG KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

NỀN kinh tế nước ta là nền sản xuất hàng hóa có kế hoạch dựa trên chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất.

Hàng hóa được sản xuất ra là để bán, thông qua quan hệ mua, bán nhằm thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng (tiêu dùng cho sản xuất và đời sống...) của nhân dân. Nói đến kinh doanh xã hội chủ nghĩa là nói đến tổng thể các yếu tố tác động vào quá trình tái sản xuất xã hội của nền sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa, là nói đến những hoạt động kinh tế được thực hiện thông qua quan hệ mua và bán, nói đến thị trường, nói đến lời, lỗ.

Kinh doanh tư bản chủ nghĩa vì mục đích lợi nhuận đã lợi dụng những thành tựu khoa học của thời đại đưa trình độ kế hoạch hóa của các xí nghiệp, các công ty độc quyền đến đỉnh cao và trở thành một khoa học thật sự của quản lý kinh tế tư bản chủ nghĩa. Kế hoạch hóa ở các công ty độc quyền càng mạnh, càng sắc bén, thì cạnh tranh trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa càng trở nên gay gắt.

Trái lại, mục đích kinh doanh xã hội chủ nghĩa là nhằm trên cơ sở đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa cho nhân dân lao động, tạo nên sự kết hợp hài hòa và thúc đẩy lẫn nhau giữa kế hoạch hóa ở mỗi xí nghiệp, mỗi ngành sản xuất, lưu thông và kế hoạch hóa trên phạm vi toàn quốc.

Chủ nghĩa xã hội lấy kế hoạch làm trung tâm có nghĩa là kế hoạch đó phải bảo đảm sự vận dụng đúng đắn hệ thống các quy luật kinh tế (kể cả quy luật giá trị) của chủ nghĩa xã hội.

Sức sống của kế hoạch hóa chính là ở chỗ nó bao quát được sản xuất, thị trường và các quan hệ kinh tế khác (kế hoạch hóa theo nghĩa đúng đắn nhất đã mang trong nó các nội dung phong phú, năng động và nhiều vẻ của thị trường, song kế hoạch và thị trường lại không phải là một phạm trù đồng nhất). Do đó nói kế hoạch hóa là khâu trung tâm có nghĩa là phải căn cứ vào nhu cầu của thị trường, xây dựng kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch theo yêu cầu của thị trường, nói cách khác thị trường chính là một trong những thước đo trình độ kế hoạch hóa một cách chính xác nhất. Vì mục đích của sản xuất là để tiêu dùng (tiêu dùng cho sản xuất và cho đời sống), cho nên thông qua thị trường giá trị sử dụng của một hàng hóa mới được xã hội thừa nhận.

Thị trường xã hội bao gồm thị trường có tổ chức và thị trường « tự do ». Hai thị trường này có quan hệ mật thiết và tác động lẫn nhau. Nói thị trường « tự do » nhưng không nên

Digitized by Google

hiểu rằng ở đây không thể không có sự tác động (đúng quy luật) của Nhà nước vô sản trong việc tổ chức sắp xếp hướng dẫn nó phát triển theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội, đồng thời cũng không thể một lúc loại trừ các yếu tố tự phát của nó. Còn sản xuất hàng hóa thì còn thị trường, kể cả thị trường « tự do » tồn tại một cách khách quan, không nên định kiến với thị trường, kể cả thị trường « tự do », mà chúng ta phải nắm lấy nó, tác động vào nó, trong mối quan hệ thống nhất giữa kế hoạch và thị trường.

Trong những năm qua, do chúng ta không quan tâm đúng mức đến thị trường, đem thị trường đối lập với kế hoạch, do đó chậm đổi mới mặt hàng, chậm đổi mới thiết bị..., năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng kém, nhiều loại hàng hóa sản xuất ra không được thị trường nước ngoài chấp nhận gây thiệt hại cho nền kinh tế quốc dân. Cơ chế quản lý cũ không tạo điều kiện cho người sản xuất tiếp xúc với thị trường, họ sản xuất theo mệnh lệnh, sản phẩm của họ làm ra bán ở đâu, cho ai dùng, họ không biết. Hợp tác xã Đại đồng, huyện Kim sơn mỗi năm sản xuất 120 000 m^2 chiếu xe đạp, 25 000 m^2 thảm, 20 000 chiếc làn, 200 bộ thêu xuất khẩu... nhưng xuất đi đâu, giá mỗi m^2 các mặt hàng là bao nhiêu rúp — đô la, chủ nhiệm hợp tác xã không được biết, chỉ biết giao nộp cho công ty ngoại thương với giá cả do công ty quy định. Sự tách rời giữa người sản xuất và thị trường đã đem lại cho nền kinh tế nhiều thua thiệt, nhiều mặt hàng may, dệt, thảm len, thủ công xuất khẩu v.v. vừa kém phẩm chất, vừa không theo kịp thị hiếu của người tiêu dùng đã mất chỗ đứng trên thị trường thế giới.

Tóm lại, chủ nghĩa xã hội lấy kế hoạch hóa làm khâu trung tâm, điều đó có nghĩa là trong kế hoạch hóa đã bao quát được thị trường, vì vậy sử dụng quan hệ kế hoạch và thị trường là một trong những nội dung chủ yếu của kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Nền kinh tế nước ta là nền sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa có kế hoạch. Sự hình thành giá cả của hàng hóa không thể tách rời các điều kiện kinh tế — xã hội và hệ thống các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Giá trị, giá cả, giá thành là phạm trù của quan hệ hàng hóa — tiền tệ, giữa chúng có mối quan hệ khăng khít với nhau. Giá thành là hình thái của giá trị, biểu hiện bằng tiền của một bộ phận lớn hao phí lao động xã hội cần thiết và là bộ phận chủ yếu của giá cả.

Chúng ta chưa có phương pháp và cách tính giá thành hoàn thiện, cho nên giá thành hiện nay chưa phản ánh đúng thực chất hao phí cần thiết để sản xuất ra vật phẩm; trong nhiều trường hợp giá thành không phản ánh đầy đủ mức hao phí thực tế hoặc bị mức hao phí thực tế xuyên tạc. Mặt khác, trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, nền kinh tế còn nhiều thành phần, hệ thống quy luật khách quan đang tác động đan chéo nhau thì việc xác định giá cả vừa phải căn cứ vào giá trị vừa phải căn cứ vào quy luật cung — cầu... tức giá cả thị trường, có gạt bỏ các yếu tố đầu cơ, nâng giá giả tạo.

Nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương Đảng đã chỉ rõ: « định giá trên cơ sở lấy kế hoạch làm trung tâm, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chủ động vận dụng quy luật giá trị và quan hệ hàng hóa — tiền tệ, quan hệ cung cầu ».

Trong điều kiện nước ta từ một nền kinh tế chủ yếu là tiểu sản xuất hàng hóa đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội theo chủ trương của Đảng lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, chúng ta phải lấy giá thóc làm chuẩn

Digitized by Google

là hoàn toàn đúng đắn. Tuy vậy, để cho việc định giá được chính xác hơn, chúng tôi đề nghị nên sử dụng thêm một số mặt hàng khác làm chuẩn để tính toán các loại giá khác và toàn bộ mặt bằng giá. Sử dụng một chỉ số tổng hợp giá của một số sản phẩm xã hội như vậy càng bảo đảm tính khách quan của giá cả và bảo đảm tính ổn định giá trị của đồng tiền. Theo ý chúng tôi chỉ số tổng hợp đó bao gồm: thóc, thịt lợn, chất đốt, vải, muối.

Như vậy, chúng ta không chỉ dùng giá thóc làm chuẩn mà dùng một chỉ số tổng hợp giá để làm chuẩn định giá các mặt hàng khác và chúng ta không chỉ sử dụng giá một sản phẩm mà sử dụng giá của một số sản phẩm để kiểm tra giá trị đồng tiền.

Vấn đề sôi động hiện nay là áp dụng chính sách một giá hay hai giá? Giá phải do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban bành và được thực hiện thống nhất đối với một loại sản phẩm trong một thời gian, ở một vùng nhất định. Có thể hiểu đó là một giá. Thực hiện một giá là một tất yếu khách quan của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Điều kiện để thực hiện một giá là Nhà nước phải nắm hàng, nắm tiền và điều kiện để nắm hàng, nắm tiền là vấn đề tổ chức bộ máy, là việc lập lại kỷ cương, siết chặt kỷ luật, làm trong sạch đội ngũ cán bộ... nói tóm lại, là vấn đề con người, bộ máy tổ chức và cơ chế quản lý.

Ai cũng biết rằng hiện nay chúng ta rất thiếu vật tư hàng hóa, song cũng chính chúng ta đã để một phần lớn vật tư hàng hóa qua nhiều khâu tuột khỏi tay Nhà nước ra thị trường « tự do », vào tay bọn đầu cơ buôn lậu, bọn tham nhũng... Vật tư hàng hóa của Nhà nước cung cấp cho các đơn vị kinh tế tập thể không ổn định, bị cắt xén, tình trạng hợp tác xã và gia đình xã viên phải mua vật tư ở ngoài thị trường « tự do » để tiến hành sản xuất ngày càng tăng lên: theo hợp đồng, hợp tác xã chuyên trồng cói Tây bắc, huyện Kim sơn, vụ chiêm năm 1986 được Nhà nước cấp 100 tấn đạm, 500 tấn lương thực, nhưng đến hết vụ hợp tác xã mới nhận được 40 tấn đạm, từ tháng 1 đến tháng 6 mới nhận được 100 tấn lương thực và mỗi năm hợp tác xã bị tùy tiện cắt từ 50 đến 60 tấn lương thực (khi đi nhận hợp tác xã trả tiền một bao phân đạm là 10 đồng và 1,5 kg thóc — nếu hợp tác xã không có thóc có tiền thì trừ vào đạm).

Hợp tác xã chiếu cói xe đan xuất khẩu Đại đồng mỗi năm phải mua ngoài 1 400 tấn than (Nhà nước chỉ cung cấp được 600 tấn) và toàn bộ tôn, bi, sắt thép (dùng để sửa chữa 180 máy dệt, chẻ), và toàn bộ dầu sơ (dầu sơ: giá Nhà nước là 15 đồng/kg, mua ngoài 60 đồng/kg)...

Hợp tác xã không được cung cấp đủ vật tư, phải mua thêm ở ngoài để duy trì sản xuất là hiện tượng phổ biến ở nông thôn hiện nay. Hiện tượng đó dẫn đến tình hình: một là, hợp tác xã không có vật tư thì phải khoán trắng cho xã viên; hai là, xã viên không được hợp tác xã cung cấp phân bón, thuốc trừ sâu... thì phải mua ngoài, chi phí lớn, cộng vào đó lại bị thiên tai, sâu bệnh, không thể thực hiện vượt khoán, thu nhập thấp, phải trả ruộng. Thật ra, với khối lượng vật tư hiện có, nếu chúng ta quản lý chặt chẽ, rót đúng chỗ, đúng lúc cho sản xuất thì có thể tạo điều kiện cho nông nghiệp phát triển và nông dân phấn khởi sản xuất.

Phương hướng tiến tới một giá là đúng, song trong tình hình một số địa phương chưa có đủ các điều kiện như đã nói trên, chúng ta buộc phải chấp nhận việc thực hiện chính sách hai giá ở những nơi đó. Chính sách hai giá gắn liền với chế độ tem phiếu. Vấn đề đặt ra là phân phối theo chế độ tem phiếu như thế nào để giảm bớt tình trạng bình quân chủ nghĩa và

Digitized by Google

không tạo nên sự hưởng thụ quá chênh lệch giữa các đối tượng được cấp tem phiếu, phải làm sao tạo ra những chuyển biến mới về mặt nhận thức và những điều kiện vật chất cần thiết để nhanh chóng chuyển sang thực hiện cơ chế một giá, xóa bỏ hoàn toàn chế độ cung cấp bằng tem phiếu (hiện vật) càng sớm càng tốt.

Sau hai đợt tổng điều chỉnh giá, tình hình giá cả vốn đã căng thẳng lại càng căng thẳng thêm. Tình trạng hỗn loạn về giá cả đang tác động xấu đến sản xuất và đời sống. Giá thu mua nông sản hiện nay đang làm cho phần thu nhập của kinh tế tập thể của các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp giảm sút nghiêm trọng. Ở hợp tác xã Tây bắc, huyện Kim sơn giá thành 1 kg cói chẻ khô là 5 đồng (vì phần lớn vật tư phải mua ngoài), Nhà nước mua 3,2 đồng, hợp tác xã phải chịu lỗ 1,8 đồng. Năm 1985 huyện giao chỉ tiêu kế hoạch 1 670 tấn cói chẻ khô giá 3,2 đồng/kg, hợp tác xã bán vượt mức 200 tấn; về số cói bán vượt mức này Nhà nước chỉ trả có 3 đồng/kg, ngoài ra không có chế độ khuyến khích gì khác. Như vậy sản phẩm vượt kế hoạch giá lại thấp hơn sản phẩm trong kế hoạch! Sáu tháng đầu năm 1986 hợp tác xã bán theo nghĩa vụ cho Nhà nước 16,5 tấn thịt lợn với giá 40 đồng/1kg hơi theo « giá thỏa thuận », trong lúc đó hợp tác xã phải bù giá cho xã viên 35—40 đồng/kg để bảo đảm mức 75—80 đồng/kg, xấp xỉ giá thị trường. (Thế mà những xã viên bán thịt cho Nhà nước từ đầu năm đến nay vẫn chưa nhận đủ tiền).

Hợp tác xã Khánh hội, huyện Kim sơn bán cho Nhà nước 15 tấn lạc theo «giá thỏa thuận» là 10—12 đồng/kg trong khi đó ở thị trường « tự do » là 60—70 đồng/kg. Hợp tác xã phải trích quỹ của tập thể bù cho xã viên từ 20 đến 30 đồng/1kg lạc.

Tình trạng kẻ giá thu mua thịt lợn đã trở thành phổ biến ở nông thôn. Hầu hết các hợp tác xã phải bỏ tiền, bỏ thóc ra kẻ giá sát với giá thị trường mới có thể thu mua được thịt của gia đình xã viên.

Nhìn chung « giá thỏa thuận » về thịt lợn mà tỉnh Hà nam ninh giao cho huyện, rồi huyện giao cho hợp tác xã bao giờ cũng thấp hơn giá thị trường « tự do » từ 1/3 đến một nửa. Hơn thế nữa việc mua bán lại diễn ra không sòng phẳng, nông dân bán hàng nhưng lại không thu được tiền ngay mà sau nhiều tháng Nhà nước mới trả, họ phải đi lại nhiều lần và chịu nhiều thiệt thòi vì đồng tiền mất giá. Đây là những vấn đề nóng bỏng mà chúng ta cần hết sức lưu ý trong việc đổi mới cơ chế quản lý, hoàn thiện cơ chế giá cả trong thời gian tới.

Chúng ta đang trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, cơ chế quản lý cũ tập trung quan liêu, bao cấp với cách chỉ đạo kinh tế đơn thuần bằng mệnh lệnh hành chính vẫn còn tồn tại song song với sự hình thành các nhân tố mới của cơ chế quản lý hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Sự tồn tại tình hình đó tất yếu dẫn đến cuộc đấu tranh gay gắt giữa các tư tưởng bảo thủ muốn bám lấy cái cũ đã lỗi thời với các tư tưởng tiến bộ, mạnh dạn đổi mới cách nghĩ, cách làm theo hướng nghị quyết Hội nghị thứ 8 và kết luận của Hội nghị thứ 10 của Trung ương Đảng.

Những nội dung về đổi mới theo tinh thần của các nghị quyết nói trên là rất cách mạng, đáp ứng đúng yêu cầu bức xúc của nền kinh tế và nguyện vọng của đảng viên và quần chúng nhưng rất tiếc là việc tổ chức thực hiện chủ yếu vẫn còn khuôn theo nếp cũ, một số nơi còn lấy sự dung hòa về cách nghĩ, cách làm giữa cái cũ và cái mới để đưa ra các chủ trương, biện pháp nửa vời, vừa không đem lại hiệu

(Xem tiếp trang 40)

Digitized by Google

TRẦN QUANG

KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG NÔNG NGHIỆP

Từ một nền nông nghiệp sản xuất tự túc, tự cấp, kỹ thuật lạc hậu chuyển sang nền kinh tế sản xuất hàng hóa, kinh doanh xã hội chủ nghĩa là một quá trình biến đổi cách mạng toàn diện, sâu sắc. Do đó, chúng ta không thể xem xét và giải quyết vấn đề một cách giản đơn mà phải kiên quyết khắc phục những trở ngại của cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, đồng thời phải tích cực *tạo ra những tiền đề cần thiết*. Dưới đây là những tiền đề quan trọng nhất.

Vận dụng nguyên tắc kế hoạch hóa như thế nào?

Một nước nông nghiệp lạc hậu muốn tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, nhất thiết phải thực hiện kế hoạch hóa việc phát triển kinh tế và lấy *kế hoạch làm trung tâm của cơ chế quản lý*. Vấn đề đặt ra là kế hoạch hóa như thế nào cho phù hợp với từng bước đi để đạt hiệu quả thiết thực?

Nền kinh tế của ta hiện nay là nền sản xuất nhỏ, bao gồm nhiều thành phần kinh tế, do đó *kế hoạch phải là công cụ vận dụng lòng thè các quy luật kinh tế khách quan*. Nói rõ hơn là phải *vận dụng quy luật phát triển kinh tế có kế hoạch cân đối, quy luật giá trị, quan hệ hàng hóa – tiền tệ*, một cách nhuần nhuyễn. Nói cách khác là phải kế hoạch hóa thị trường, giá cả và phải biết vận dụng quy luật giá trị, *thông qua quy luật giá trị để thực hiện yêu cầu của quy luật phát triển kinh tế có kế hoạch cân đối và các quy luật kinh tế khác của chủ nghĩa xã hội*.

Thực tiễn trong nông nghiệp mấy năm gần đây đã cho phép chúng ta lựa chọn một *mô hình tổ chức sản xuất và quản lý thích hợp* đem lại hiệu quả kinh tế–xã hội cao hơn hẳn so với cách tổ chức và quản lý lâu nay. Đó là mô hình tổ chức sản xuất liên kết các thành phần kinh tế, trong đó các cơ sở kinh tế quốc doanh nắm vai trò chủ đạo, làm nòng cốt, chủ động tổ chức mối quan hệ kinh tế với các cơ sở kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân, kinh tế gia đình, thông qua các hình thức liên doanh, hợp đồng, trao đổi theo nguyên tắc bình đẳng, thỏa thuận, ngang giá.

Mô hình tổ chức sản xuất và quản lý này có thể được coi như *một hệ thống mang thuộc tính mới*, tạo ra khả năng cộng đồng hội sinh đạt hiệu quả kinh tế–xã hội cao hơn hiệu quả của từng thành phần kinh tế hoạt động riêng rẽ cộng lại. Vì sự kết hợp thành cơ cấu đồng nhất này tạo điều kiện cho các thành phần hỗ trợ, bổ sung cho nhau, đồng thời có thể tận dụng, phát huy mặt mạnh và khắc phục nhược điểm của từng thành phần. (*Thí dụ*: Các cơ sở quốc doanh trước đây hoạt động riêng rẽ thường không sử dụng hết công suất máy móc và khả năng khoa học, kỹ thuật của mình, hầu hết bị lỗ vốn. Các hợp tác xã có lao động, đất đai nhưng lại thiếu máy móc, vật tư, kỹ thuật cho nên kinh doanh bị hạn chế v.v.)

Digitized by Google

Mô hình liên kết nói trên còn tạo điều kiện cho Nhà nước quản lý thống nhất và thực hiện kế hoạch hóa nền kinh tế nhiều thành phần (ít nhất là ở mức định hướng) bằng cách thực hiện *kế hoạch hóa trực tiếp (giao kế hoạch kinh doanh) cho các cơ sở kinh tế quốc doanh (sản xuất, dịch vụ, thương nghiệp), rồi dùng sức mạnh công nghiệp, tài chính và khoa học kỹ thuật của các cơ sở quốc doanh thực hiện kế hoạch hóa gián tiếp với các thành phần kinh tế khác* thông qua các biện pháp kinh tế như liên doanh, hợp đồng, trao đổi... để hút các thành phần kinh tế khác vào quỹ đạo của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Đương nhiên, muốn sử dụng được mô hình tổ chức sản xuất và quản lý này Nhà nước phải triệt để xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, xóa bỏ định kiến sai lầm đối với các thành phần kinh tế còn được phép tồn tại, cải tiến căn bản cả hệ thống chính sách kinh tế, lựa chọn những cán bộ có tài năng, giáo dục và đào tạo họ theo yêu cầu mới, chuyển hướng phương thức hoạt động của các cơ sở kinh tế quốc doanh, chủ yếu là làm dịch vụ cho các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, kinh tế cá thể, kinh tế gia đình... đồng thời cải tạo hệ thống thương nghiệp, khắc phục tình trạng buôn bán theo quan điểm kinh doanh đơn thuần, chuyển sang hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất.

Như vậy, Nhà nước phải tập trung lực lượng củng cố các cơ sở kinh tế quốc doanh, trải rộng mạng lưới quốc doanh trên khắp mọi miền đất nước, bảo đảm cho hệ thống mạng lưới này có thể tác động vào từng tế bào của nền kinh tế thông qua biện pháp kinh doanh (liên kết, liên doanh, hợp đồng, trao đổi...), tạo điều kiện cho tất cả các thành phần kinh tế cùng làm giàu trong quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện phương châm kết hợp sử dụng với cải tạo, sử dụng để cải tạo tốt và nhanh hơn, đồng thời không ngừng mở rộng trận địa kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Thực chất đây chính là sử dụng hình thức tư bản Nhà nước để tiến hành cải tạo và xây dựng kinh tế.

Tóm lại, có thể nói sự vận động của mô hình trên đây chính là sự vận động của tất cả *các thành phần kinh tế cùng tiến lên theo một hướng dưới sự tác động nhất quán của quy luật phát triển kinh tế có kế hoạch, cân đối và quy luật giá trị, quan hệ hàng hóa—tiền tệ.* Nói cách khác, là hai quy luật này phải kết lại với nhau như một, mới có thể biến nền kinh tế nông nghiệp tự túc, tự cấp hiện nay thành nền nông nghiệp sản xuất lớn — nền sản xuất hàng hóa có kế hoạch.

Làm thế nào thực hiện được hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa một cách thiết thực, có hiệu quả trong điều kiện hiện nay ?

Rất nhiều vấn đề nóng hổi đang được đặt ra, trước hết cần giải quyết một số vấn đề cơ bản sau đây:

a) Vấn đề thu mua nông, lâm, thủy sản :

Cần xác định quyền chủ động của các cơ sở trong sản xuất bao gồm cả *quyền chủ động tiêu thụ sản phẩm thuộc quyền sở hữu của mình* sau khi đã nộp đủ thuế và hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước. Nhà nước chỉ có thể thực hiện chế độ thu mua và quản lý nông sản đối với tư thương còn đối với những sản phẩm thừa của nông dân, ngư dân, và của các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, Nhà nước muốn nắm, phải mua theo giá thỏa thuận, không được ép buộc bằng bất cứ hình thức biến tướng nào. Nên vĩnh viễn xóa bỏ thuật ngữ « thu mua » vì đã « thu » thì không phải là « mua » và đã « mua » thì phải « thuận mua, vừa bán ».

Nếu chúng ta cứ tiếp tục dùng quyền lực hành chính, phá bỏ luật trao đổi « ngang giá » thì không thể

Digitized by Google

nói đến kinh doanh. Còn nếu cho đó là « kinh doanh xã hội chủ nghĩa » thì là xuyên tạc chủ nghĩa xã hội và sẽ đẩy chủ nghĩa xã hội đến nguy cơ bần cùng.

Xóa bỏ khái niệm và thuật ngữ « thu mua » cũng có nghĩa là phải thay đổi tổ chức và phương thức hoạt động của thương nghiệp quốc doanh, chấm dứt tình trạng các công ty thương nghiệp lạm dụng danh nghĩa Nhà nước để mua bán không bình đẳng, cửa quyền, ép cấp ép giá, tùy tiện vi phạm hợp đồng... Đồng thời, cũng có thể xóa bỏ được tình trạng tham ô, móc ngoặc giữa những cán bộ nhân viên thương nghiệp biến chất với tư thương... gây thiệt hại cho người sản xuất, ảnh hưởng không tốt đến mối quan hệ liên minh công—nông.

Chúng ta đang gặp khó khăn lớn là phải cung cấp hiện vật cho hàng chục triệu người ăn lương và ăn theo, đồng thời phải cung cấp một khối lượng nông, lâm, thủy sản lớn cho công nghiệp và xuất khẩu, do đó *Nhà nước rất cần phải nắm hàng và tiền*. Nhưng cách làm như vừa qua đã tỏ ra thất bại và nếu cứ tiếp tục dùng quyền lực hành chính đơn thuần thì sẽ làm vào tình trạng bế tắc vì nông dân, ngư dân sẽ tiêu cực, tiếp tay cho tư thương, gây rối loạn thị trường; Nhà nước không thể kiểm soát được thị trường, không cải tạo được tư thương; ngược lại thị trường « tự do » ngày càng phát triển và chính tư thương lại lũng đoạn cả một bộ phận không nhỏ của quốc doanh sản xuất và thương nghiệp. Kinh nghiệm thực tế ở một số địa phương cho phép khẳng định rằng, nếu Nhà nước sửa đổi chính sách, thu và mua sòng phẳng, thì sản xuất sẽ phát triển, Nhà nước sẽ nắm được nhiều hàng hóa.

b) Vấn đề giá cả:

Từ trước đến nay, cơ chế tập trung quan liêu bao cấp đẩy chúng ta đến những việc làm phi lý, nhưng cứ làm mãi thành thói quen, thậm chí còn coi đó là chân lý, là nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội, không thể làm trái được, *Thí dụ:* đặt vấn đề phân phối, hưởng thụ trước lao động; định giá thu mua, định mức thu mua trước khi sản xuất, không tính đầy đủ giá thành, chi phí thực tế và những biến động trong quá trình sản xuất v.v.

Gần đây, vấn đề giá, lương, tiền được đặt ra bàn bạc, tranh luận khá nhiều. Phải chăng sai lầm của chúng ta kéo dài trong nhiều năm bắt nguồn từ nhận thức chủ quan cho rằng quyền lực hành chính có thể quy định được giá cả? Thực tế đã chứng minh tất cả những biện pháp hành chính đơn thuần như tùy tiện định giá, bắt niêm yết giá... đều vô hiệu vì chúng ta đã giải quyết vấn đề không theo quy luật và trước hết là do không thừa nhận định nghĩa giá cả.

Ai cũng biết rằng, *giá cả là biểu hiện bằng tiền của giá trị và xoay quanh giá trị nhưng giá cả chỉ hình thành khi sản phẩm được thực hiện trong lưu thông và chịu sự tác động của quy luật cung cầu.* Như vậy, làm sao có thể tùy tiện quyết định giá mua, giá bán, và buộc mọi người phải chấp nhận khi chính bản thân cơ quan vật giá không tính đúng được giá thành sản phẩm, không tính đến quy luật cung cầu, không chịu thừa nhận sự chi phối của quy luật cung cầu?

Riêng đối với nông nghiệp, tuy giá thu mua nông sản có được nâng lên nhiều lần, nhưng chưa bao giờ có tác dụng khuyến khích phát triển sản xuất. Ngược lại chỉ làm cho nông dân và ngư dân thêm tiêu cực. Ở đây có nguyên nhân về quan điểm và nguyên nhân về mặt nghiệp vụ, tính toán, định giá...

Đường lối phát triển kinh tế của Đảng đã xác định rõ vị trí hàng đầu của nông nghiệp, nhưng chính sách đầu tư và giá cả không những không thể hiện đường lối này mà ngược lại:

Digitized by Google

đầu tư cho nông nghiệp quá thấp, định giá thu mua thấp hơn giá thành, luôn luôn có chủ trương điều tiết thu nhập của nông dân v.v. Về mặt nghiệp vụ tính toán, định giá nông, lâm sản có nhiều sai lầm nghiêm trọng nhưng chưa bao giờ được tổng kết để sửa chữa. *Thí dụ:* Trong cách tính giá thành nông sản, phần tính về C, chúng ta chưa tính đến đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu, do đó trong các danh mục đầu tư của Nhà nước, không có danh mục đầu tư cải tạo đất, trong các yếu tố cấu tạo giá thành cũng không tính khoản khấu hao về đất (như khấu hao về máy trong công nghiệp). Nói cách khác, chúng ta đã liên tục bóc lột đất. Còn phần tính về V thì thường chỉ tính rất đại khái số công lao động và một vài nhu cầu cơ bản của người nông dân theo giá do Nhà nước quy định, không nghĩ rằng người nông dân sống chủ yếu bằng sự trao đổi với thị trường « tự do » (trừ thóc gạo). Thậm chí có những trường hợp rất vô lý như tính giá gỗ chỉ tính công khai thác và vận chuyển, không tính công trồng, bảo vệ... Điều đáng chú ý hơn là chính sách giá cả của ta không khuyến khích việc đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, vì có đưa vào, phải đầu tư thâm canh nhiều hơn nhưng giá thu mua không tăng. Không ít trường hợp, giá cả thu mua đã đẩy lùi nông nghiệp trở lại chế độ độc canh, quảng canh và thu hẹp diện tích trồng trọt vì người nông dân thấy làm nhiều không có lợi, chỉ cần làm đủ ăn và đóng góp chút ít cho Nhà nước mà thôi. Gần đây, giá thu mua thóc tăng 5 lần (từ 0,50 đồng lên 2,5 đ) nhưng giá phân bón lại tăng hơn 10 lần (từ 0,72 lên 7,5đ/kg sun phat đạm), giá hàng công nghiệp tiêu dùng còn đang tăng lên nhiều lần trên thị trường « tự do » làm cho đời sống nông dân ngày càng khó khăn.

Nguyên nhân chính của tình trạng rối loạn về giá cả hiện nay là do sự khác nhau về quan điểm không được giải quyết, trong khi cung cầu không cân đối và khoảng cách giữa cung và cầu ngày càng tăng. *Cái gốc của vấn đề ở đây không phải là giá và tiền mà chính là hàng.* Nói cách khác *cái gốc của vấn đề là ở sản xuất, do tác động của quy luật cung cầu giá cả diễn biến theo mức sản xuất và tiêu dùng.*

Vậy, trước hết phải chủ động tổ chức sản xuất thêm nhiều hàng hóa, từ đó mới có thể chủ động điều tiết và thực hiện kế hoạch hóa giá cả. Nhưng đáng tiếc là cơ quan vật giá chưa thấy rõ cái gốc này cho nên *không thừa nhận quy luật cung cầu và rất ít chú trọng đến* việc sử dụng đòn bẩy giá cả để khuyến khích phát triển sản xuất.

Chúng tôi nghĩ rằng, trong hoàn cảnh và điều kiện hiện nay, cách tốt nhất là *sử dụng nguyên tắc giá linh hoạt, do người mua và người bán cùng nhau thỏa thuận quyết định.* Như vậy sẽ không *có nhiều loại giá*, nhưng một mặt hàng có thể có nhiều mức giá khác nhau tùy theo điều kiện sản xuất và tình hình biến động của thị trường khác nhau ở từng nơi. Thực tiễn đang diễn ra đúng như vậy, tại sao chúng ta cứ làm ngược lại và cứ muốn cưỡng lại quy luật khách quan?

Chúng tôi cũng nghĩ rằng với sức mạnh của chủ nghĩa xã hội, của khối liên minh công — nông, nếu chúng ta biết cách tổ chức sản xuất theo mô hình liên kết nói trên để sản xuất thêm nhiều hàng hóa thì chắc chắn rằng chúng ta đỡ bị động hơn rất nhiều và có thể từng bước ổn định được giá cả. Kiến nghị sử dụng nguyên tắc giá linh hoạt, do người mua và người bán thỏa thuận quyết định, chính là nhằm mục đích khuyến khích người lao động làm ra nhiều hàng hóa. Làm như vậy, tất nhiên không thể tránh khỏi sự lộn xộn bước đầu, nhưng không lâu, khi sản xuất phát triển, tình hình sẽ tiến dần đến ổn định.

Digitized by Google

Sẽ có câu hỏi đặt ra là: Nhà nước có cần định giá không?

Câu trả lời khẳng định là *rất cần*, trước hết là trong khu vực kinh tế quốc doanh và đối với những mặt hàng mà Nhà nước có trong tay; còn đối với các hợp tác xã và các cơ sở kinh tế khác, Nhà nước cần *định khung giá* cho từng vùng, từng mặt hàng. Đây không phải là định giá buộc người mua và người bán phải chấp nhận mà là *định khung giá mang tính chất hướng dẫn* chỉ đạo trong nội bộ các cơ quan Nhà nước và các tổ chức kinh tế quốc doanh, giúp các ngành, các địa phương nghiên cứu khả năng *cung cầu, hoạch định kế hoạch sản xuất tại chỗ hoặc điều động hàng hóa từ nơi khác đến để gián tiếp điều tiết giá cả, thị trường theo khung giá dự kiến.* Nói cách khác là Nhà nước không quản lý điều tiết giá cả bằng mệnh lệnh hành chính mà là bằng những biện pháp kinh tế, theo đúng quy luật để đạt hiệu quả thiết thực hơn.

c) Về thị trường:

Xuất phát từ nhận thức rằng trong chủ nghĩa xã hội chỉ còn giai cấp công nhân và giai cấp nông dân tập thể và chỉ còn mối quan hệ trao đổi giữa hai giai cấp này, cho nên từ mấy chục năm nay, Nhà nước ta chỉ thừa nhận mối quan hệ trao đổi giữa thương nghiệp quốc doanh với các cơ sở kinh tế khác, còn mọi mối quan hệ không thông qua thương nghiệp quốc doanh và kế hoạch đều bị coi là « ngoại đạo ». Nhận thức này đã dẫn đến sự phân chia ra hai thị trường: thị trường có tổ chức và thị trường « tự do ». Nhưng thực tế là ở nước ta chưa có chủ nghĩa xã hội hoàn toàn, không phải chỉ còn có hai giai cấp là công nhân và nông dân tập thể mà còn nhiều thành phần kinh tế khác, do đó cách phân chia ra hai loại thị trường nói trên là không có căn cứ khoa học và thực tiễn. Chủ trương muốn xóa bỏ thị trường « tự do » không thực hiện được vì nền kinh tế của ta còn nhiều thành phần và thương nghiệp quốc doanh của ta chưa có phương thức hoạt động đúng đắn, chưa mở rộng được trận địa kinh tế xã hội chủ nghĩa và chưa thu hút được các thành phần kinh tế khác. Ngược lại, sự yếu kém của thương nghiệp quốc doanh đã dung dưỡng thị trường « tự do » phát triển gây rối loạn cả trong sản xuất và đời sống xã hội.

Trước tình hình như vậy, chúng ta cần xem xét lại chủ trương, chính sách về thị trường và tìm ra cơ chế quản lý thị trường thích hợp.

Cách giải quyết đúng đắn nhất là *nên xác định rõ cả nước chỉ có một thị trường, bao gồm mọi mối quan hệ trao đổi, buôn bán, kinh doanh giữa các thành phần kinh tế đang tồn tại* và Nhà nước phải có cơ chế quản lý cả thị trường thống nhất này bằng những biện pháp thích hợp.

Đương nhiên là trên thị trường thống nhất này, các tổ chức kinh tế quốc doanh (sản xuất, dịch vụ, thương nghiệp) phải nắm giữ vai trò chủ đạo để không ngừng mở rộng trận địa kinh tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời vừa sử dụng, vừa cải tạo các thành phần kinh tế khác, từng bước biến thị trường chưa thuần nhất thành thị trường có tổ chức, với sự tham gia của các thành phần kinh tế còn tồn tại theo sự hướng dẫn của Nhà nước.

Muốn giải quyết vấn đề thị trường một cách căn bản, không thể bắt đầu bằng biện pháp hành chính: định giá, dùng lực lượng công an, thuế vụ kiểm soát, ngăn sông cấm chợ v.v. mà phải bắt đầu từ cái gốc là sản xuất, tức là phải chủ động tổ chức tăng thêm nguồn hàng và nắm hàng từ gốc sản xuất bằng cách sử dụng sức mạnh của các tổ chức kinh tế quốc doanh liên kết với các thành phần kinh tế khác từ khâu sản xuất. Khi đã nắm được hàng, Nhà nước có thể chủ động điều tiết được giá cả, thị trường theo kế

Digitized by Google

hoạch và có thể sử dụng thị trường như một công cụ đắc lực để thúc đẩy sản xuất phát triển, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Muốn giải quyết tốt vấn đề thị trường, cần *mở rộng việc thông thương giao lưu kinh tế* giữa các vùng trong nước và với nước ngoài. Đây là yêu cầu rất cấp thiết, không những cho việc phát triển kinh doanh mà còn là *yêu cầu của việc hình thành các vùng sản xuất chuyên môn hóa* (tập trung, chuyên canh) nhằm phát huy thế mạnh của từng vùng, để các vùng hỗ trợ cho nhau, từ đó hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý cho cả nước.

Việc mở rộng thông thương, giao lưu kinh tế đòi hỏi Nhà nước phải thay đổi chính sách, cho phép các cơ sở sản xuất, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho Nhà nước được quyền tiêu thụ sản phẩm ở những nơi có lợi, *chỉ phải đóng thuế lưu thông một lần tại huyện sở tại* và được phép giao lưu trao đổi hàng hóa trong phạm vi cả nước. Làm như vậy, có thể khắc phục được tình trạng cát cứ của địa phương, cho phép *cạnh tranh* để thúc đẩy sự tiến bộ về mọi mặt trong sản xuất, đồng thời giảm bớt được nhiều tổ chức trung gian gây phiền hà cho người sản xuất. Ở nông thôn, có thể *tổ chức các chợ* để tạo thêm nhiều « cầu nối » giữa nông thôn với thành thị, giữa nông nghiệp với công nghiệp. Các chợ nông thôn bao gồm nhiều thành phần tham gia, chủ yếu là thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã nông nghiệp, thủ công nghiệp, kinh tế gia đình và tiểu thương, trong đó thương nghiệp quốc doanh giữ vai trò chủ chốt.

Với cách tổ chức thị trường và cơ chế quản lý thị trường như trên, chúng ta *không có gì đáng lo ngại* về chủ nghĩa xã hội thị trường, ngược lại có thể nhanh chóng tổ chức lại thị trường thống nhất trong cả nước và sử dụng thị trường như một công cụ đắc lực cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Vấn đề kinh doanh xuất khẩu cũng sẽ được giải quyết tốt hơn trên cơ sở đổi mới quản lý và thực hiện những chính sách khuyến khích đã trình bày trên đây, nhưng cần *giải quyết ngay vấn đề tổ chức phân công, phân nhiệm giữa các ngành, các bộ và tình trạng tranh mua, tranh bán* gây rối loạn thị trường trong nước và dẫn đến bị đìm giá khi bán hàng ra thị trường quốc tế. Về vấn đề này nghị quyết số 19 của Bộ chính trị về xuất khẩu đã đề ra cách giải quyết đúng đắn, tức là *giao cho các ngành sản xuất đảm nhiệm từ khâu đầu (nghiên cứu khoa học, tổ chức sản xuất...) đến khâu thu mua, chế biến và xuất nhập thẳng*, chuyển giao các công ty ngoại thương cho các bộ sản xuất, Bộ ngoại thương chỉ làm nhiệm vụ quản lý hành chính—kinh tế mà thôi.

Kinh nghiệm thực tiễn ở nước ta cũng như ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa đều cho thấy rằng, không thể tổ chức tách rời sản xuất với lưu thông, xuất nhập khẩu vì các công ty ngoại thương không hiểu biết sâu về kỹ thuật sản xuất, không thể tổ chức sản xuất để tạo ra nguồn hàng ổn định và có chất lượng. Ngược lại, các ngành sản xuất rất cần quan hệ trực tiếp với thị trường để không ngừng cải tiến kỹ thuật sản xuất, đồng thời nhập khẩu những tư liệu sản xuất cần thiết để phát triển sản xuất, xây dựng thành những ngành kinh tế kỹ thuật hiện đại có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế và thực hiện tích tụ tập trung vốn cho ngành và cho Nhà nước. Việc phát triển sản xuất, kinh doanh trong nước cũng sẽ bị hạn chế, nếu không gắn liền với xuất nhập khẩu, nhưng hiện nay tình trạng tổ chức lộn xộn, tranh chấp lẫn nhau

(Xem tiếp trang 55)

Digitized by Google

NGƯỜI VIỆT NAM ĐỎ *

Jaria ngày 18 tháng 1 năm 1924

Mát-xcơ-va có một người Việt nam độc nhất: Nguyễn Hai Khac (1), dòng giống người Mã lai cổ. Một cậu bé thân hình hầu như gầy gò, mềm mại, mặc một áo len dệt. Anh nói tiếng Pháp thể hiện giọng có âm vang của tiếng mẹ đẻ.

Nguyễn Hai Khac nói đến tiếng « văn minh » một cách chán ngấy. Anh đã đi một vòng thế giới thuộc địa. Anh đã đến thăm Bắc Phi và Trung Phi. Anh đã quan sát nhiều. Trong những câu chuyện trao đổi, tiếng « anh em » thường được nhắc đến luôn. Đối với anh, anh em là những người da đen, người Hindous, người Xi-ri, người Trung quốc.

Anh nói, tôi thuộc một gia đình được ưu đãi. Ở chúng tôi những gia đình như thế không làm gì cả. Những thiếu niên học Khổng giáo. Ông biết khổng giáo chứ? Đó không phải là một tôn giáo. Đúng hơn đó là một kinh nghiệm về luân lý. Hồi tôi 13 tuổi, lần đầu tiên, tôi được nghe đọc những chữ Pháp tự do, bình đẳng, bác ái. Tôi muốn biết nền văn minh Pháp. Khổ thay trong các trường học bản xứ, sách và báo đều bị cấm. Không chỉ những tác giả mới bị tội Việt xứ, mà còn Ru xô (Rousseau) và cả Mông-te-xki-ơ (Montesquieu).

Còn gì để làm nữa? Tôi đã định ra đi. Họ không chỉ cấm chúng tôi đi du lịch ở nước ngoài, mà còn cả đi lại trong nước. Những đường xe lửa được đặt nhằm mục đích chiến lược, những người Pháp cho rằng chúng tôi chưa đủ trình độ sử dụng. Tôi đã đến bờ biển và trốn đi.

Bọn thực dân thì sao? Một dân tộc hợp hội và không có tài năng; một kẻ lợi dụng mà điều lo lắng độc nhất là vơ vét, ăn cắp, càng nhiều càng mau tùy theo sức. Đường lối chính trị của họ ra sao? Một cái nhà nhỏ, nhà của họ ở xứ sở quê hương.

Bọn thực dân đã đầu độc dân tộc chúng tôi. Chúng bắt buộc chúng tôi phải uống rượu.

Chúng tôi để dành một ít gạo tốt nhất để làm rượu ngon mời bạn bè hoặc cúng giỗ tổ tiên. Chúng tìm gạo xấu nhất và cất rượu hàng

* Dịch từ một bài đăng trên báo « Jaria » in ở Kharbine.

(1) Nguyễn Tất Thành tức Nguyễn Ái Quốc — Ghi chú của SCR.

Digitized by Google

tấn. Không ai muốn uống. Thật là quá đáng! Bọn cầm quyền tức thì ra lệnh phân chia đều cho nhân dân. Cưỡng bức nhân dân mua rượu mà ai cũng ghê tởm.

Cùng với 5 hay 6 đồng chí các thuộc địa Pháp ở Nam kỳ, Xu-dan (Soudan), Mà-đa-ga-xca (Madagascar), Ha-i-ti (Haiti), chúng tôi xuất bản tờ báo « *Le Paria* » (Người cùng khổ) dùng để đấu tranh chống lại chính sách thuộc địa. Đây là một tờ báo rất nhỏ; mỗi người cộng tác viên trợ cấp cho nó hơn là lấy lợi ở nó.

Cây tre đã bí mật rào chung quanh làng. Người ta trồng tre nơi này nơi khác; mưu đồ nổ ra. Những người Việt nam phải trả giá đắt: đầu rơi hàng trăm. Anh Nguyễn Hai Khac còn gợi lại một vài điều: Chúng tôi còn có cuộc nổi dậy khác. Cường Để khuyến khích cuộc nổi dậy chống lại việc bắt nông dân mà người ta dành cho lò sát sinh thế giới. Cường Để trốn thoát. Từ đó ông cư trú ở nước ngoài.

Digitized by Google

«XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM»

PHẠM THÀNH

ĐẢNG cộng sản Việt nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo là một đảng Mác – Lê-nin chân chính và vững mạnh. Hơn nửa thế kỷ qua, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, đem lại độc lập thống nhất cho Tổ quốc, và đang từng bước đưa nhân dân ta tiến vào kỷ nguyên mới phù hợp với xu thế của thời đại : kỷ nguyên độc lập tự do gắn với chủ nghĩa xã hội.

Cùng với sự phát triển của cách mạng, Đảng ta cũng đã không ngừng phát triển và trưởng thành. Sự nghiệp xây dựng Đảng và sự nghiệp cách mạng có mối quan hệ hữu cơ, trong đó, xây dựng Đảng đúng đắn là nguyên nhân quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Tác phẩm quan trọng của đồng chí Lê Đức Thọ *Xây dựng Đảng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam* do Nhà xuất bản Sự thật xuất bản đã phản ánh những bài học kinh nghiệm quý báu về xây dựng Đảng của Đảng ta, đồng thời chỉ ra phương hướng vận dụng những bài học ấy vào giai đoạn hiện nay của cách mạng.

Nghiên cứu tác phẩm quan trọng này để quán triệt thêm quan điểm của Đảng ta về xây dựng Đảng nhằm chuẩn bị tiến tới Đại hội thứ VI của Đảng là một việc hết sức cần thiết.

★

Sau thắng lợi hoàn toàn của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, Đảng ta đã tổng kết toàn diện và rút ra một số bài học kinh nghiệm về xây dựng Đảng trong gần nửa thế kỷ lãnh đạo nhân dân ta thực hiện và hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Đồng chí Lê Đức Thọ đã trình bày những bài học kinh nghiệm phong phú, sâu sắc ấy trong «Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng» tại Đại hội thứ IV của Đảng.

Đánh giá chung về công tác xây dựng Đảng, đồng chí Lê Đức Thọ nêu rõ : «Những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và có tính chất thời đại của cách mạng Việt nam, những thắng lợi do Đảng ta tổ chức và cổ vũ, đã chứng minh đầy đủ rằng : Đảng ta, đảng của giai cấp công nhân Việt nam, được Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến sáng lập, giáo dục và rèn luyện, là một đảng Mác – Lê-nin vững mạnh, đã trải qua nhiều thử thách, có nhiều

Digitized by Google

kinh nghiệm, xứng đáng là đội tiên phong lãnh đạo của giai cấp công nhân, của dân tộc Việt nam anh hùng, và là một đội ngũ kiên cường của phong trào cộng sản quốc tế » (tr. 12—13) (*). Nhận định tổng quát này khẳng định tính giai cấp và tính tiên phong của Đảng, sự vững mạnh và những thành tích to lớn của Đảng, đồng thời cũng nói lên thành tựu căn bản nhất, bản chất nhất mà công tác xây dựng Đảng đã đạt được. Tiếp đó, đồng chí Lê Đức Thọ phân tích một cách khoa học và khách quan những ưu điểm, khuyết điểm của công tác xây dựng Đảng, và rút ra một số bài học kinh nghiệm hết sức quan trọng về xây dựng Đảng.

Đó là bài học về sự vận dụng đường lối xây dựng Đảng. « Trong suốt quá trình xây dựng Đảng từ ngày thành lập đến nay, *Đảng ta luôn luôn xác định Đảng là Đảng của giai cấp công nhân Việt nam và phấn đấu không ngừng nâng cao tính chất giai cấp công nhân của Đảng* ».

Bài học kinh nghiệm này có hai mặt: một là, Đảng ta khẳng định lập trường của Đảng là lập trường giai cấp công nhân; Đảng lấy chủ nghĩa Mác—Lê-nin làm hệ tư tưởng. Hai là, Đảng chống lại quan niệm biệt phái, thành phần chủ nghĩa; Đảng chủ trương phải luôn luôn liên hệ mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, gắn giai cấp với dân tộc, giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc theo lập trường giai cấp công nhân.

Vận dụng những đặc điểm của Đảng kiểu mới của Lê-nin, đồng chí Lê Đức Thọ đã phân tích những điều cơ bản mà Đảng đã thực hiện được. Đó là những vấn đề về xây dựng đường lối và giáo dục tư tưởng trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin, về tổ chức thực hiện đường lối, về mối liên hệ với quần chúng, về sự đoàn kết, thống nhất của Đảng dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, về xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, về cải thiện cơ cấu thành phần xã hội của Đảng. Đồng chí Lê Đức Thọ kết luận: « Trong quá trình xây dựng Đảng từ trước đến nay, nói chung Đảng ta đã nắm vững và giải quyết thành công những vấn đề cơ bản nói trên. Đó là những yếu tố quyết định bảo đảm cho Đảng ta, một đảng mặc dù sinh ra và lớn lên ở một nước nông nghiệp lạc hậu, vốn là thuộc địa nửa phong kiến, giai cấp công nhân nhỏ bé, đã giữ vững được tính chất tiên phong cách mạng của chính đảng của giai cấp công nhân và đã lãnh đạo nhân dân ta làm nên những sự nghiệp cách mạng vĩ đại » (tr. 39).

Đó còn là bài học về sự vận dụng phương châm xây dựng Đảng. Với đường lối đúng và phương hướng xây dựng Đảng đúng, Đảng ta cũng đã thành công trong nghệ thuật chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, từng bước phát triển, hoàn chỉnh, cụ thể hóa và vận dụng tốt hơn các phương châm xây dựng Đảng. Năm phương châm lớn mà đồng chí Lê Đức Thọ đã nêu lên là: xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức trong mối quan hệ qua lại của chúng; xây dựng Đảng qua phong trào quần chúng; xây dựng Đảng trong mối quan hệ chặt chẽ với các bộ phận khác của chuyên chính vô sản: Nhà nước và các đoàn thể quần chúng; nâng cao chất lượng đảng viên kết hợp với nâng cao chất lượng của tổ chức; coi trọng chất lượng trong công tác phát triển Đảng, phát triển Đảng luôn luôn đi đôi với củng cố Đảng.

Những bài học kinh nghiệm về xây dựng Đảng mà Đảng ta đã tổng kết tại Đại hội IV của Đảng là hết sức cơ bản và quý báu. Sau này, trong nhiều

(*) Những câu trong ngoặc kép có ghi số trang trong bài này đều trích từ tác phẩm của đồng chí Lê Đức Thọ *Xây dựng Đảng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1985.

Digitized by Google

báo cáo, bài nói và bài viết của mình, đồng chí Lê Đức Thọ tiếp tục cụ thể hóa và phát triển thêm những kinh nghiệm ấy.

★

Cũng như đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế, đường lối và phương châm xây dựng Đảng của Đảng ta là đúng đắn và sáng tạo. Đường lối và phương châm đó bảo đảm cho Đảng ta luôn luôn là một đảng Mác — Lê-nin chân chính, vững mạnh.

Nhưng tại sao từ Đại hội IV đến nay, bên cạnh những thành tích to lớn, Đảng ta vẫn mắc một số khuyết điểm và sai lầm, trong đó có những khuyết điểm, sai lầm kéo dài và nghiêm trọng? Liệu Đảng ta có thể khắc phục được những khuyết điểm, sai lầm ấy không? Những vấn đề đó đều đã được đồng chí Lê Đức Thọ giải đáp trong tác phẩm *Xây dựng Đảng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam*.

Bình tĩnh nhìn sự vật một cách khách quan, đồng chí Lê Đức Thọ đã nhiều lần khẳng định, vượt qua những khó khăn và thử thách trong giai đoạn mới của cách mạng, Đảng ta tiếp tục trưởng thành về mọi mặt. «Đảng ta là một đảng Mác — Lê-nin kiên cường, vững vàng về đường lối, đã tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta vượt qua mọi thử thách nghiêm trọng của đất nước, luôn luôn phát huy tinh thần cách mạng tiến công để đưa cách mạng tiến lên không ngừng» (tr. 358).

Tuy nhiên, với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, trong nhiều báo cáo và bài phát biểu, đồng chí Lê Đức Thọ đã chỉ ra một cách cụ thể, thẳng thắn những khuyết điểm và sai lầm của Đảng, phê phán mạnh mẽ những hiện tượng tiêu cực trong Đảng. Đồng chí nhấn mạnh: «*phải nghiêm khắc nhận rõ những khuyết điểm và sai lầm chủ quan của chúng ta, nhất là trong lãnh đạo về quản lý kinh tế — xã hội*» (tr. 362).

Dĩ nhiên, những ưu điểm và khuyết điểm trong sự lãnh đạo của Đảng gắn liền với những ưu điểm và khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng. Trong khi khẳng định những ưu điểm của công tác xây dựng Đảng những năm vừa qua, đồng chí đặc biệt nhấn mạnh và phân tích những khuyết điểm của công tác này. Đó là: công tác xây dựng Đảng «*về nhiều mặt vẫn còn rất trì trệ*» (tr. 368). Điều này thể hiện ở chỗ: chậm cụ thể hóa đường lối của Đảng; công tác tư tưởng và công tác tổ chức chưa gắn chặt với nhiệm vụ chính trị, chưa đi theo kịp nhiệm vụ chính trị; công tác tư tưởng thiếu sắc bén, kịp thời và tinh chiến đấu kém; công tác tổ chức cũng rất trì trệ, chậm chuyển hướng, không đi kịp tình hình và nhiệm vụ; công tác cán bộ còn bảo thủ, trì trệ về nhiều mặt; chưa xây dựng được phong cách và chế độ làm việc cách mạng và khoa học.

Sự trì trệ đó dẫn tới những hậu quả nghiêm trọng: chưa tạo được sự nhận thức đúng đắn về đường lối, và trên một số vấn đề về chủ trương thực hiện đường lối còn chưa thật thông suốt hoặc thiếu sự nhất trí cao ở các cấp, các ngành; thiếu tổng kết kinh nghiệm từ thực tiễn; trong Đảng và cơ quan Nhà nước, bên cạnh tư tưởng nông nổi, sự thiếu nhạy bén, quan liêu, bảo thủ nặng nề đang là một nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trì trệ; nguyên tắc tập trung dân chủ, sự đoàn kết nhất trí trong Đảng bị vi phạm; tình trạng sa sút phẩm chất, giảm sút ý chí chiến đấu trong một bộ phận cán bộ phụ trách ở các cấp, các ngành từ trên xuống dưới và một bộ phận đảng viên đang gây tác hại lớn; chưa xây dựng được một cơ cấu tổ chức đồng bộ và mạnh

Digitized by Google

từ trung ương cho đến cơ sở, bộ máy tổ chức cồng kềnh, nặng nề và kém hiệu lực; cơ chế quản lý quan liêu và bao cấp đang gây tác hại về nhiều mặt, gây tâm lý ỷ lại, tạo ra thói vô trách nhiệm, làm mất tính năng động của bộ máy, kìm hãm sáng kiến của quần chúng, tạo điều kiện cho tệ quan liêu phát triển mạnh, làm cho biên chế hành chính quá nặng nề; đội ngũ cán bộ chưa được xây dựng một cách có quy hoạch và kế hoạch, chưa được đào tạo, bố trí và sử dụng hợp lý phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị.

Nguyên nhân của sự trì trệ trong công tác xây dựng Đảng là gì? Qua nghiên cứu tác phẩm của đồng chí Lê Đức Thọ, chúng ta có thể nêu lên những nguyên nhân sau đây:

Một là, chúng ta chậm nhận thức được sự chuyển biến của cách mạng, đánh giá không đầy đủ đặc điểm của tình hình mới và những nhiệm vụ chính trị do tình hình đó đặt ra, trong một thời gian dài chúng ta vẫn tiến hành công tác Đảng theo lối cũ, coi công tác Đảng là công tác đảng vụ đơn thuần,

Hai là, sự trì trệ trong việc cụ thể hóa đường lối đã làm cho đường lối tuy đúng đắn nhưng vẫn đọng lại ở những nguyên tắc và phương châm chung, chậm biến thành thực tiễn sinh động. Đó là chưa kể không ít nhận thức sai về đường lối đã tạo nên những khó khăn cho sự phát triển kinh tế—xã hội, tác động bất lợi đến công tác xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức.

Ba là, sự trì trệ trong công tác tổ chức thực hiện đường lối (mà nội dung là tổ chức bộ máy, xây dựng cơ chế hoạt động của bộ máy và bố trí, sử dụng cán bộ để bảo đảm cho đường lối được thực hiện), đặc biệt là trong tổ chức và quản lý kinh tế, tác động tiêu cực đến công tác xây dựng Đảng, đồng thời cũng là kết quả của sự trì trệ trong công tác xây dựng Đảng.

Bốn là, chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng Đảng chậm được đổi mới. Các ban chuyên môn làm công tác xây dựng Đảng chậm được kiện toàn.

★

Để khắc phục tình trạng trì trệ trong công tác xây dựng Đảng, *cần tạo ra sự chuyển biến căn bản trong nhận thức đối với công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn mới của cách mạng*, trên cơ sở đó vận dụng những bài học kinh nghiệm về xây dựng Đảng đã được tổng kết và đề ra một loạt chủ trương và biện pháp đồng bộ.

Đồng chí Lê Đức Thọ đã nhận định khái quát về những đặc điểm của giai đoạn mới là: « Chúng ta xây dựng Đảng trong hoàn cảnh Đảng ta là Đảng cầm quyền, lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước trong những điều kiện thuận lợi mới của đất nước thống nhất và của phong trào cách mạng thế giới lớn mạnh vượt bậc, nhưng đồng thời cũng có những khó khăn rất to lớn: đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; đối phó với một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt kéo dài; hai nhiệm vụ chiến lược phải tiến hành cùng một lúc; cuộc đấu tranh giữa hai con đường ở trong nước cũng như trên phạm vi thế giới diễn ra gay gắt; nghĩa vụ quốc tế của Đảng lại rất nặng nề » (tr. 377).

Từ những đặc điểm trên đây đồng chí Lê Đức Thọ đã nhấn mạnh phải nắm vững những bài học về phương hướng và phương châm xây dựng Đảng của Đảng ta và vận dụng những bài học ấy vào điều kiện mới một cách nhuần nhuyễn. Đồng chí đã nêu ra một loạt chủ trương và biện pháp

Digitized by Google

nhằm giải quyết những vấn đề cơ bản và cấp bách của công tác xây dựng Đảng trong tình hình hiện nay.

1. Phải nghiên cứu, *nắm vững các quy luật kinh tế – xã hội*, trên cơ sở đó *cụ thể hóa đường lối* và *xây dựng cho được một cơ chế quản lý kinh tế xã hội đúng đắn*. Đồng thời, phải khắc phục khuyết điểm lớn là: « Công tác xây dựng Đảng một thời gian dài chưa gắn chặt với nhiệm vụ chính trị,... chưa bảo đảm tốt việc cụ thể hóa đường lối, chưa gắn chặt với việc xây dựng cơ chế quản lý kinh tế, không coi trọng kiện toàn tổ chức và bồi dưỡng cán bộ để thúc đẩy việc xây dựng cơ cấu kinh tế mới và phương thức quản lý mới » (tr. 155).

2. *Phải nghiên cứu khoa học tổ chức*, vận dụng kiến thức đó vào việc *xây dựng cơ cấu tổ chức của chế độ làm chủ tập thể*, bao gồm tổ chức Đảng, tổ chức Nhà nước, tổ chức xã hội cùng với một hệ thống các quan hệ đúng đắn của các thành phần trong hệ thống chuyên chính vô sản. Đồng chí Lê Đức Thọ nói: « Đây là cơ chế hoạt động trong điều kiện chuyên chính vô sản để thực hiện đường lối của Đảng. Ba bộ phận trong cơ chế này phải hoạt động nhịp nhàng, ăn khớp với nhau, có như vậy mới phát huy được sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản » (tr. 331). Phải nhìn công tác tổ chức một cách toàn diện như vậy để từ đó làm tốt công tác xây dựng Đảng.

3. Phải *giải quyết tốt những vấn đề về cán bộ*, trong đó có những vấn đề lâu dài như: quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ kế cận, đổi mới hệ thống chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng đối với cán bộ v.v. và những vấn đề cấp bách như: rà soát lại đội ngũ cán bộ hiện có, bố trí sử dụng đúng đội ngũ đó, thanh trừ những phần tử thoái hóa, biến chất, v.v. Để giải quyết tốt vấn đề cán bộ, đồng chí Lê Đức Thọ lưu ý chúng ta: « Trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể, cách mạng có những yêu cầu cụ thể. Nhiệm vụ cách mạng của quần chúng hiện nay đòi hỏi có những tài năng, hiểu biết khác với thời kỳ chống Pháp, chống Mỹ: tài năng, hiểu biết về quản lý kinh tế, về khoa học, kỹ thuật » (tr. 334). Đi đôi với tài năng và kiến thức, cán bộ còn phải có những phẩm chất mới về đạo đức cách mạng như: « đức tính liêm khiết, sự thẳng thắn đấu tranh chống tiêu cực; không được đặt lợi ích của cá nhân, của gia đình, của bè bạn lên trên lợi ích của tập thể và của toàn xã hội; không đặt lợi ích cục bộ, của địa phương lên trên lợi ích của Nhà nước, của toàn xã hội » (tr. 446).

4. Phải xây dựng cho được *phong cách làm việc mới, phong cách lê nin nít* trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền. Đặc điểm của phong cách đó là: giữ vững và vận dụng đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ và lãnh đạo tập thể, bảo đảm dân chủ và kỷ luật trong Đảng; gắn lý luận với thực tiễn, đi sâu vào cuộc sống, đi sát cơ sở để nắm và phát hiện vấn đề, kịp thời giải quyết; làm việc khoa học, có chương trình, có kế hoạch, có lãnh đạo, có kiểm tra, khoa học từ việc ra quyết định cho đến việc thực hiện quyết định; thực hiện nền nếp tự phê bình trong Đảng và trước quần chúng. Xây dựng một lề lối làm việc khoa học của cấp ủy Đảng, của tổ chức Đảng. Phong cách làm việc mới ấy « phải thực hiện sự thống nhất giữa tính cách mạng và tính khoa học trong mọi công việc, gắn nhiệt tình cách mạng với hành động có tổ chức và với phương pháp tốt » (tr. 452).

5. Đổi mới chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng Đảng, kiện toàn các ban chuyên môn phụ trách công tác xây dựng Đảng (Ban tổ chức, Ban tuyên huấn, Ủy ban kiểm tra) là điều kiện không thể thiếu để bảo đảm làm tốt công tác xây dựng Đảng. Ý

Digitized by Google

kiến này về sau được đồng chí Lê Đức Thọ phát biểu một cách cụ thể như sau: « Các ban tham mưu của Đảng, đặc biệt là Ban tổ chức trung ương và Ban tổ chức của các cấp ủy Đảng, cần sớm được kiện toàn cả về phẩm chất và năng lực. Đây là một khâu rất quan trọng của công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức và cán bộ »; « sắp tới phải rà soát lại, kiên quyết loại bỏ những người không đủ tư cách làm cán bộ tổ chức xây dựng Đảng, bổ sung những cán bộ có đủ tiêu chuẩn làm công tác này, xây dựng ban tổ chức thành cơ quan tham mưu đắc lực của Đảng, một ban mẫu mực, trong sạch, có tinh chiến đấu cao » (*)

★

Tác phẩm *Xây dựng Đảng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam* của đồng chí Lê Đức Thọ là một công trình tổng kết thực tiễn xây dựng Đảng ở nước ta, và là một công hiến quan trọng của Đảng ta vào kho tàng lý luận về xây dựng Đảng theo quan điểm Mác — Lê-nin. Nó có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn hết sức to lớn. Quán triệt quan điểm lý luận cũng như những chủ trương của Đảng ta về xây dựng Đảng đề ra trong tác phẩm là điều kiện tiên quyết để thực hiện được *« nhiệm vụ then chốt của công tác xây dựng Đảng hiện nay là: tiếp tục nâng cao tính chất giai cấp công nhân, tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức nhằm bảo đảm thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng, nâng cao năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, làm cho Đảng ta luôn luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, một Đảng thật trong sạch, có sức chiến đấu cao, gắn bó chặt chẽ với quần chúng »* (tr. 378).

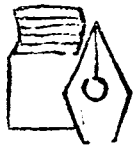
(*) Lê Đức Thọ: « Những nhiệm vụ cấp bách của công tác xây dựng Đảng », *Tạp chí Cộng sản*, số 5-1986.

CHÂU Á — THÁI BÌNH...

(Tiếp theo trang 88)

thực ở châu Á — Thái bình dương. Liệu chính quyền Ri-gân có thể chống lại xu thế tất yếu này và đảo ngược được vòng quay của bánh xe lịch sử không? Điều chắc chắn là nếu cứ ngoan cố lao vào con đường phiêu lưu quân sự nguy hiểm nhằm mắt triển khai chiến lược châu Á — Thái bình dương, thì chính quyền Ri-gân sẽ không tránh khỏi bị nhấn chìm trong bão táp đấu tranh của các lực lượng cách mạng, dân tộc và hòa bình trong khu vực. Chiến lược cực kỳ phản động của Oa-sinh-tơn đối với khu vực châu Á — Thái bình dương không hề hứa hẹn một « tương lai rạng rỡ » nào cho họ.

Digitized by Google



NÓI THẬT

NÓI thật, nói đúng, trung thực là những từ đồng nghĩa. Hay theo cách gọi của triết học thì đó là « những khái niệm cùng bậc, cùng trình độ ». Nói thật có nghĩa là sự vật, hiện tượng có như thế nào nói như thế ấy; nói đúng tên, đúng thời gian, đúng địa điểm, đúng mức độ, không thêm bớt, không xuyên tạc, hoặc bóp méo. Tóm lại, nói thật có nghĩa là phản ánh sự vật, hiện tượng một cách khách quan, trung thực.

Đối lập với nói thật là nói dối, nói sai, nói điêu, nói láo, bịa đặt...

Từ ngàn xưa, ông cha ta đã rất quý trọng những người thẳng thắn, trung thực và khinh ghét kẻ lừa dối, xiểm nịnh, gian tà. Bởi thế, ngôn ngữ dân gian mới có câu: « thật thà là cha quỷ quái ».

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin cũng vậy, rất đề cao việc phản ánh sự vật, hiện tượng một cách khách quan, trung thực. Lê-nin thường nói: « Sức mạnh của chúng ta là ở chỗ nói thật » Tại Đại hội thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô, trong số những bài học được rút ra, thì bài học thứ nhất là bài học nói thật. Trong bản báo cáo chính trị đọc trước đại hội này, đồng chí Goóc-ba-trốp, Tổng bí thư UBTƯ Đảng cộng sản Liên xô đã nhấn mạnh: « Bài học thứ nhất có thể gọi là bài học nói thật. Việc phân tích có trách nhiệm thời kỳ đã qua là dọn đường vào tương lai, còn lối nói nửa sự thật, cố lảng tránh một cách đáng xấu hổ những vấn đề gay go là kìm hãm việc vạch ra chính sách hiện thực, cản trở bước tiến của chúng ta ».

Đảng ta cũng coi sự thẳng thắn, trung thực là một phẩm chất không thể thiếu được của người cán bộ, đảng viên. Đảng viên « phải trung thực với Đảng, không giấu giếm, báo cáo sai sự thật và cũng không dung túng cho ai giấu giếm, báo cáo sai sự thật với Đảng ». Điều đó đã được ghi rất rõ trong Điều lệ Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh còn đặt vấn đề phải giáo dục đức tính này cho con người từ khi còn nhỏ tuổi, biến nó thành nếp sống thường ngày của họ. Vì vậy, trong năm điều Người dạy thiếu niên, nhi đồng, có một điều là: « Phải khiêm tốn, thật thà, dũng cảm ».

Rõ ràng là, nói thật, nói thẳng, trung thực là đức tính cần có ở con người; nói dối, nói sai, không trung thực là điều cần tránh.

Trong xã hội ta hiện nay, nói dối, nói sai sự thật là điều không thể chấp nhận được. Nó chẳng những bị dư luận xã hội lên án, mà còn có thể bị pháp luật trừng trị tùy theo mức độ nghiêm trọng hay không nghiêm trọng của những hậu quả do nó gây ra. Mặc dù vậy, tình trạng nói dối, nói sai sự thật, giấu giếm sự thật vẫn còn, thậm chí khá phổ biến ở một số nơi.

Người ta nói dối theo nhiều cách, ở nhiều mức độ khác nhau, tùy theo

Digitized by Google

từng hoàn cảnh cụ thể và từng mục tiêu cụ thể cần đạt được.

Chẳng hạn, chỉ vì thích thành tích, thích phô trương mà khối người, khối cơ sở, khối ngành, khối cấp, khối địa phương đã mắc phải bệnh nói dối, báo cáo sai sự thật. Thành tích đáng một báo cáo thành hai; sự cố gắng chẳng đáng là bao cũng tô son, trát phấn làm cho nó trở nên kỳ vĩ. Có một hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi lợn tập thể kém nhưng lại báo cáo là giỏi. « Tiếng lành đồn xa », nhiều nơi muốn về hợp tác xã này tham quan để học tập kinh nghiệm. Trước tình thế ấy, ban quản trị hợp tác xã đã ra lệnh trưng dụng những con lợn to nhất, béo nhất, đẹp nhất của các gia đình xã viên để bổ sung cho đàn lợn tập thể của hợp tác xã. Thế là, đàn lợn tập thể của hợp tác xã lập tức tăng gấp bốn lần so với số hiện có, còn về chất lượng thì khỏi phải bàn. Những chuyện như thế nghe đến buồn cười, song tiếc thay đó lại là sự thật.

Chỉ vì sợ khuyết điểm, sợ trách nhiệm, người ta cũng nói dối. Một cơ quan nọ, nội bộ nát như tương, giữa các đồng chí trong ban lãnh đạo có tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng. Nhưng chẳng lẽ lại « vạch áo cho người xem lưng ». Làm như thế không chừng cả ban lãnh đạo sẽ bị thi hành kỷ luật. Tốt hơn hết là cứ ỉm đi, đừng nói thật. Mà đã không nói thật thì dương nhiên phải nói dối.

Có địa phương bị bão lụt, thiệt hại không đáng kể, nhưng muốn mọi tiền của Nhà nước, muốn được miễn nghĩa vụ lương thực, thực phẩm, cũng nói dối. Họ đã bịa ra những con số ma về số ruộng đất bị ngập lụt, số nhà cửa bị đổ và cả số người bị chết nữa. Thế đấy!

Muốn trả thù nhau, muốn lật đổ nhau, muốn tranh giành địa vị của nhau, người ta cũng sẵn sàng nói sai sự thật. Họ bịa ra cho đối phương đủ mọi tội lỗi, khuyết điểm, rồi bày đặt ra những chứng cớ giả, xây dựng, bồi dưỡng những nhân chứng giả để minh họa cho những điều bịa đặt của mình, hòng biến những điều bịa đặt đó thành sự thật.

Lại còn có cả tình trạng nói dối để đẹp lòng cấp trên nữa. Anh là cán bộ lãnh đạo, lập tức người ta sẽ tìm hiểu sở thích của anh. Nếu anh chỉ thích nghe thành tích, thích nói tới thắng lợi thì họ cũng sẵn sàng chiều anh. Khi anh đi thị sát cấp dưới, kiểm tra phong trào của địa phương họ, họ chỉ báo cáo cho anh nghe những gì anh thích. Nếu điều đó không có, họ sẽ bịa ra, khó gì.

Tóm lại, tình trạng nói dối hiện nay khá phổ biến, khá đa dạng; nó được biểu hiện dưới những hình thức nhiều khi rất tinh vi, phức tạp và biến hóa khôn lường.

Nguyên nhân của tình trạng trên trước hết là do người nói dối mắc bệnh cá nhân chủ nghĩa nặng, hơn nữa họ lại thiếu sự rèn luyện và tu dưỡng cần thiết. Nói dối, nói sai sự thật bất kể trong trường hợp nào đều là không trung thực. Mà đã không trung thực là vấn đề thuộc về phẩm chất. Chính vì thế nên đồng chí Lê Đức Thọ khẳng định: « Phẩm chất của người cán bộ hiện nay phải thể hiện rất rõ ở lòng trung thành và đức tính thẳng thắn, trung thực, tinh thần dám nói, dám làm, năng động, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm, có quan hệ chặt chẽ và gần gũi quần chúng, có lối sống lành mạnh » (1).

Một nguyên nhân khác, đó là tình trạng hiện nay ở trong xã hội ta nói chung và trong Đảng ta nói riêng còn có những biểu hiện « thiếu dân chủ, quan liêu, xa thực tế, xa quần chúng. Có những đồng chí chủ chốt ở các

(1), (2) Lê Đức Thọ: « Những nhiệm vụ cấp bách của công tác xây dựng Đảng ». *Tạp chí Cộng sản* số 5-1986.

Digitized by Google

cấp, các ngành rất gia trưởng, độc đoán, không lắng nghe và không muốn nghe ý kiến của quần chúng, của đảng viên và cán bộ cấp dưới; thậm chí còn thành kiến hoặc trù dập những người có ý kiến khác với mình» (2).

Cuối cùng, còn có tình trạng nói dối, không trung thực, vì tinh thần tự phê bình và phê bình trong Đảng chưa cao, kỷ luật của Đảng chưa nghiêm và pháp luật của Nhà nước chưa được thực hiện nghiêm túc. Những người nói dối, nói sai sự thật; những người độc đoán, gia trưởng, đàn áp dân chủ, khống chế đấu tranh, trù dập những ai có ý kiến khác với mình đều chưa bị phê phán kịp thời, hoặc trừng trị thích đáng.

Đã là nói dối, nói sai sự thật thì dù ở mức độ nào cũng gây ra những hậu quả xấu. Nó làm cho thông tin bị nhiễu, cái đúng cái sai lẫn lộn, việc đánh giá các sự vật, hiện tượng không được chính xác, dẫn đến những quyết định sai lầm, gây mất đoàn kết nội bộ, cán bộ lãnh đạo phạm sai lầm, tập thể không làm được việc.

Muốn khắc phục tình trạng nêu trên, bản thân mỗi người, nhất là cán bộ, đảng viên phải tu dưỡng và rèn luyện một cách nghiêm túc. Phải xác định dứt khoát rằng, nói thẳng, nói thật, nói đầy đủ, nói đúng, phản ánh một cách khách quan các sự vật, hiện tượng là lương tâm, đồng thời là trách nhiệm của mỗi người. Phải cảm thấy xấu hổ, lương tâm cắn rứt mỗi khi mình nói dối, nói sai sự thật dù đó là nói về mình hay nói về người khác, dù đó là việc lớn hay việc nhỏ.

Về mặt tổ chức, phải có biện pháp xử lý kịp thời đối với những hiện tượng nói dối, không trung thực. Những trường hợp nói dối, báo cáo không trung thực, xuyên tạc, bóp méo sự thật... mà gây ra những hậu quả lớn như phá vỡ sự đoàn kết nội bộ, tạo nên bè phái, làm mất uy tín của Đảng hoặc có hại cho nền kinh tế quốc dân... thì phải trừng trị đích đáng.

Đối với những người có chức, có quyền, nhất là đối với những cán bộ có chức trọng, quyền cao mà gia trưởng, độc đoán, chuyên quyền, không lắng nghe và không muốn nghe ý kiến của quần chúng, của đảng viên và của cán bộ cấp dưới, thành kiến hoặc trù dập những người có ý kiến khác với mình cũng cần phải nghiêm khắc trừng trị, bởi vì «những cái đó đã gây ra không khí sinh hoạt không lành mạnh trong Đảng, làm tê liệt sự suy nghĩ của cán bộ, đảng viên, không tập trung được trí tuệ của tập thể. Trong Đảng sinh ra nề nang, sợ sệt nhau, không dám nói thẳng, nói thật ý nghĩ của mình» (3).

Điều quan trọng nữa là phải phấn đấu xây dựng cho được trong toàn xã hội một phong cách «làm việc theo nguyên tắc tập thể dân chủ, đoàn kết nhất trí, thẳng thắn, trung thực, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm; kiên quyết chấm dứt lối làm việc độc đoán, gia trưởng, nề nang, né tránh, không dám nói thẳng nói thật ý kiến của mình, ỷ lại, dựa dẫm nhau» (4).

Ngoài ra còn phải đẩy mạnh tự phê bình và phê bình thường xuyên ở trong Đảng, thực hiện nghiêm túc việc tổ chức cho cán bộ, đảng viên tự phê bình trước quần chúng nhân dân và tiếp thu những ý kiến đóng góp của quần chúng. Hồ Chủ tịch thường dạy: «Dân ta rất tốt, rất yêu thương Đảng, yêu thương cán bộ. Khi ta có khuyết điểm mà nói trước dân, chẳng những dân không ghét, không khinh, mà còn thương yêu, quý trọng, tin nhiệm ta hơn nữa» (5).

Sức mạnh của chúng ta là ở chỗ nói thật! Quả đúng như vậy.

BÌNH GIANG

(3), (4) Tài liệu đã dẫn, tr. 12 và tr. 19.
(5) Hồ Chí Minh: *Về xây dựng Đảng*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1981, tr. 217.

Digitized by Google

DUY ĐỨC

CHÂU Á — THÁI BÌNH DƯƠNG — THAM VỌNG VÀ CHIẾN LƯỢC CỦA CHÍNH QUYỀN RI-GÂN

Từ cuối những năm 50 trở lại đây, các giới cầm quyền nước Mỹ đã buộc phải điều chỉnh chiến lược toàn cầu của họ nhiều lần — hết chiến lược « trả đũa ào ạt » đến chiến lược « phản ứng linh hoạt » rồi chiến lược « răn đe thực tế » — và lần nào họ cũng coi trọng khu vực châu Á — Thái bình dương. Mặc dù đã thất bại và phá sản liên tiếp về âm mưu, về chiến lược, mục tiêu lớn của giai cấp tư bản độc quyền và chủ nghĩa đế quốc Mỹ là thống trị châu Á — Thái bình dương, vẫn chưa hề thay đổi. Nhưng người ta nhận thấy rằng những tham vọng và chiến lược của các chính quyền trước đây đối với khu vực rộng lớn nhất trên hành tinh này (chiếm diện tích 220 triệu ki lô mét vuông đất đai và hai phần ba số dân của cả thế giới) chưa bao giờ đạt tới tầm cỡ « vĩ đại » như dưới chính quyền tổng thống Ri-gân hiện nay.

Đối với ngài tổng thống thứ 40 của Hoa kỳ, châu Á — Thái bình dương có sức hấp dẫn nhiều mặt, đáng được đặt cọc cho một canh bạc mới xét về tính chất khu vực cũng như tính chất toàn cầu. Các cuộc nghiên cứu nghiêm túc của Mỹ và các nước đồng minh phương Tây đều nhất trí đánh giá rằng châu Á — Thái bình dương đang là khu vực phát triển năng động nhất trong lúc nền kinh tế của các nước tư bản liên tiếp bị suy thoái, khủng hoảng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm trong 15 năm qua đạt khoảng 6% — 10% và năm 1985 tổng sản phẩm quốc dân của khu vực này lên tới 7 800 tỉ đô la, gần bằng một nửa giá trị tổng sản phẩm của thế giới. Tiềm năng còn nhiều hứa hẹn, ngoài nguồn nhân lực hết sức dồi dào, trong lòng đất cũng như dưới thềm lục địa và đáy đại dương của khu vực này còn chứa một khối lượng rất lớn các loại tài nguyên thiên nhiên chưa khai thác. Nhiều ý kiến cho rằng châu Á — Thái bình dương sẽ là « một trung tâm mới của nền văn minh nhân loại », rằng đây là khu vực lý tưởng của « thời đại kinh tế thứ ba của thế giới ». Đại sứ Mỹ tại Nhật bản, Men-xphin, đã tiên đoán « thế kỷ 21 là thế kỷ của châu Á — Thái bình dương ». Tại đây, sức mạnh quân sự của Mỹ mặc dù đã trải qua những bước thăng trầm, những thất bại cay đắng ở Triều tiên và Việt nam, vẫn luôn luôn được duy trì với quy mô rất lớn và được tăng cường mạnh mẽ để giữ vai trò sen đầm quốc tế, bảo vệ các « lợi ích sống còn » của Mỹ. Các chính quyền kế tiếp nhau của Oa-sinh-tơn đã ký các hiệp ước liên minh quân sự tay đôi với Nhật bản, Nam Triều tiên, Đài loan, Phi-líp-pin, Thái lan... lập ra các khối liên minh quân sự xâm lược SEATO, ANZUS. Lâu năm góc từ lâu đã triển khai xây dựng trên 300 căn cứ quân sự ở Nhật bản, Phi-líp-pin, Nam Triều tiên và trên tuyến đảo Mác-sau — Ca-rô-lai-na —

Digitized by Google

Ma-ri-a-na thuộc nhóm quần đảo Mi-crô-nê-di-a dưới quyền ủy trị của Mỹ. Cũng tại đây, từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ đã dựa vào sự hùng mạnh về kinh tế của mình, dùng chính sách « củ cà rốt » sặc mùi chủ nghĩa thực dân mới để xâm nhập và bành trướng sức mạnh về kinh tế.

Buôn bán hai chiều giữa Mỹ với các nước khu vực châu Á — Thái bình dương không ngừng tăng và đã vượt « châu Âu truyền thống ». Bản so sánh dưới đây chứng tỏ điều đó.

Năm	Với châu Âu	Với châu Á — Thái bình dương
1980	110 tỉ đô la	112 tỉ đô la
1981	112 »	125 »
1982	107 »	121 »
1983	105 »	131 »

Các công ty xuyên quốc gia của Mỹ tìm thấy ở vùng châu Á — Thái bình dương một miếng dất màu mỡ để kinh doanh, sử dụng nhân lực địa phương, khai thác tài nguyên thiên nhiên, thu về những lợi nhuận khổng lồ. Sự quyến rũ của khu vực này đối với Mỹ còn ở chỗ Thái bình dương là nơi lý tưởng nhất dùng cho các cuộc thử nghiệm vũ khí hạt nhân và những vũ khí trong « cuộc chiến tranh các vì sao », nhằm đáp ứng yêu cầu chạy đua vũ trang giành ưu thế quân sự — chiến lược của Hoa kỳ so với Liên xô. Theo tạp chí *Chính trị quốc tế* (Pháp) số mùa hè năm 1985, tại đây Mỹ đã cho nổ thử những quả bom nhiệt hạch cực mạnh, đã thử nghiệm những vũ khí đặt trên mặt dất của hệ thống DCM (phòng thủ chống tên lửa). Ở quần đảo Ha-oai, các nhà nghiên cứu Mỹ đã thí nghiệm các tia la de có năng lượng cao, và thí nghiệm ngắm bắn từ xa. Tháng 6-1984, các cuộc thử nghiệm chặn đánh các đầu đạn đạo « đối phương » cũng đã được thực hiện trên đường đạn Van-den-bớc (Ca-li-pho-ni-a) — E-ni-vơ-tốc. Các hòn đảo khác trên Thái bình dương còn có lợi ích đối với Mỹ trong việc phóng các tàu vũ trụ con thoi. Nếu bị trục trặc, tàu con thoi Mỹ có thể hạ cánh xuống một hòn đảo nhờ các thiết bị xử lý, các vệ tinh được theo dõi bằng hệ thống điện tử và hệ thống quang học từ các đài quan sát. Các đài quan sát này phân bố đều trên bề mặt trái đất và Thái bình dương đang được trang bị để góp phần theo dõi các tàu vũ trụ, kiểm tra hoạt động của chúng, thu nhận tin tức của chúng, đóng góp vào việc thu hồi các tàu vũ trụ và các thiết bị của chúng trở về trái đất.

Do những điều hấp dẫn kể trên, nhiều tham vọng mới, ý đồ mới đã nảy sinh trong dầu óc những thế lực phản động nhất đang thống trị nước Mỹ, tiêu biểu là chính quyền Ri-gân. Họ muốn mở « mặt trận thứ hai » ở châu Á — Thái bình dương, tạo nên một gọng kìm mới phối hợp chặt chẽ với « mặt trận thứ nhất » ở Tây Âu nhằm thực hiện chủ trương đối đầu quân sự, tiến hành cuộc « thập tự chinh » chống chủ nghĩa cộng sản « bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào »

Chính quyền Ri-gân đã đề ra một chiến lược mới cho khu vực này, xem đó là bộ phận tối quan trọng trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mỹ, chuẩn bị cho nước Mỹ bước vào thế kỷ 21 mà những cái đầu nóng đang ngự trị tại Oa-sinh-tơn huênh hoang gọi là « thế kỷ của Mỹ » (!).

★

Chiến lược châu Á — Thái bình dương của chính quyền Ri-gân là một bước phát triển mới trên con đường phiêu lưu đế quốc chủ nghĩa. Nội dung của nó bao gồm những mục tiêu chính trị, kinh tế, quân sự và những vấn đề cơ bản như đối tượng, tổ chức lực lượng, sắp xếp liên minh phân định việc « chia sẻ trách nhiệm » và cơ chế phối hợp hành động với các

Digitized by Google

đồng minh v.v. Nói một cách tổng quát, chiến lược này nhằm hình thành một « mặt trận » với một tổ chức kinh tế gọi là « cộng đồng châu Á — Thái bình dương » giống như khối cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) do Mỹ thao túng, đi đôi với việc lập một tổ chức liên minh quân sự chính trị theo kiểu NATO (khối Bắc Đại tây dương). Mục đích của nó nhằm chống Liên xô, chống các nước xã hội chủ nghĩa khác, chống phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc đang phát triển mạnh trong vùng. Nếu hình thành được một « mặt trận » như vậy thì về mặt tính chất toàn cầu Mỹ hy vọng có thể đặt Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa vào thế bị phong tỏa cả từ phía Tây lẫn phía Đông, bị kẹt giữa hai gọng kìm chiến lược Tây Âu — Đại tây dương và Đông Á — Thái bình dương; về mặt tính chất khu vực, Mỹ có thể ngăn chặn sự phát triển của chủ nghĩa xã hội, đồng thời Mỹ sẽ có điều kiện đẩy mạnh chính sách sử dụng « cây gậy và củ cà rốt » để chống lại các phong trào cách mạng giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc trong khu vực, giữ cho được những vị trí còn lại của chủ nghĩa đế quốc. Theo sự tính toán của chính quyền Ri-gân, « Mặt trận » này còn nhằm ý đồ trói buộc Nhật bản và Trung quốc vào sự khống chế của Mỹ, do đó mà loại trừ được hiểm họa đối với Mỹ về khả năng Mỹ có thể bị đẩy ra khỏi vùng Đông Á và Tây Thái bình dương trong tương lai.

Về tổ chức lực lượng, sắp xếp liên minh, chiến lược châu Á — Thái bình dương của Ri-gân rõ ràng mang dấu ấn của « thời kỳ sau Việt nam ». Thất bại của đế quốc Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt nam có nghĩa là sự kết thúc dứt khoát thời kỳ mà Mỹ có thể làm chiến tranh một mình và buộc phải chuyển sang thời kỳ Mỹ muốn làm chiến tranh thì phải tập hợp nhiều lực lượng và liên kết với các thế lực phản động khác. Mặt khác, chiến lược của Ri-gân tuy bao gồm cả tham vọng kinh tế, nhưng thời gian trước mắt nó rất coi trọng các hoạt động quân sự chuẩn bị chiến tranh. Theo bộ trưởng quốc phòng Mỹ Oen-bơ-giơ, chiến lược Châu Á — Thái bình dương được cấu trúc trên « 6 trụ cột » sau đây: 1) sức mạnh quân sự của Mỹ; 2) liên minh quân sự Mỹ — Nhật bản; 3) hiệp ước an ninh Mỹ — Nam Triều tiên; 4) câu kết giữa Mỹ với Trung quốc qua sự hợp tác chiến lược và phối hợp « hành động song song » Oa-sinh-tơn — Bắc kinh; 5) giúp đỡ và « ủng hộ tự vệ » cho các nước ASEAN; 6) khối quân sự ANZUS.

Trong 6 trụ cột kể trên, sức mạnh quân sự của Mỹ là yếu tố hàng đầu bảo đảm cho các chính sách của Oa-sinh-tơn và là « một trụ cột không thể thiếu không những cho sự tự do của chúng ta (Mỹ) mà còn của cả những nước bạn và đồng minh » (Tuyên bố của đô đốc Crao-uy, chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng liên quân Mỹ ngày 19-2-1986). Theo các nguồn tin Mỹ và phương Tây, hiện nay dưới quyền chỉ huy của Bộ tư lệnh quân sự Mỹ ở Thái bình dương có khoảng 360 nghìn quân đủ các quân chủng, binh chủng, gồm cả lực lượng hạt nhân và lực lượng thông thường đóng trên 300 căn cứ quân sự. Hạm đội 7 được coi là lực lượng mạnh nhất của Mỹ hoạt động ở khu vực này, có 60 tàu chiến các loại kể cả tàu sân bay. Từ năm 1980, hạm đội 7 đã được hiện đại hóa dần dần và đã được trang bị 400 tên lửa mang đầu đạn hạt nhân, từ giữa năm 1983 lại được tăng cường 375 tên lửa Tô-ma-hốc với khả năng phóng đầu đạn hạt nhân 200 ki lô tôn đi xa 2 500 ki lô mét. Giới cầm quyền Oa-sinh-tơn còn dự tính từ nay đến năm 2000 sẽ triển khai tên lửa Pơ-sinh II, vũ khí nơ tơ rôn... và tăng gấp đôi các lực lượng thông thường ở đây khiến cho sức mạnh quân sự của Mỹ ở « mặt trận thứ hai » không

Digitized by Google

chênh lệch nhiều so với hướng Tây Âu. Các lực lượng quân sự của Mỹ sẽ được sử dụng linh hoạt trong nhiều tình huống: chiến tranh hạt nhân tổng lực chống Liên xô, chiến tranh cục bộ, chiến tranh «chống nổi dậy» trong vùng. Mặt khác, dựa vào «các căn cứ hải ngoại» và trên lãnh thổ Mỹ thuộc địa phận Thái bình dương, các lực lượng đó còn làm nhiệm vụ chi viện quân sự cho các «trụ cột» khác.

Ngoài lực lượng quân sự của bản thân Mỹ, các nhà thiết kế chiến lược của chính quyền Ri-gân có ý định buộc các lực lượng «bạn» vào khuôn khổ «vòng cung Thái bình dương» nhằm cho phép Nhà trắng xử trí linh hoạt mọi tình huống.

Ở phía Đông Bắc là 3 lực lượng quan trọng nhất: Mỹ — Nhật bản — Nam Triều tiên, hình thành một tam giác sắt để «ngăn chặn Liên xô bành trướng xuống phía Nam». Tại tuyến này, Nhật bản được coi là «hòn đá tảng» trong chính sách của Mỹ, nơi có 48 000 linh Mỹ đóng ở hàng trăm cơ sở quân sự, quan trọng nhất là các căn cứ không quân và hải quân Y-ô-cơ-xư-ca — Y-ô-cô-ha-ma, đảo Ô-ki-na-oa, căn cứ không quân Ka-đê-na... Mỹ đang khuyến khích việc tái vũ trang và phục hồi chủ nghĩa quân phiệt Nhật, đẩy mạnh hợp tác sản xuất vũ khí, diễn tập quân sự, lôi kéo Nhật tham gia chương trình SDI. Hiện nay, Nhật bản đã tăng ngân sách quân sự lên quá giới hạn 1% tổng sản phẩm quốc dân do Hiến pháp quy định và đã dành 76 tỉ đô la cho ngân sách quân sự 5 năm 1986 — 1990. Hợp tác an ninh Mỹ — Nhật đã tử liên hợp huấn luyện phát triển tới kế hoạch tác chiến liên hợp. Mưu toan của Mỹ là dùng quân đội Nhật làm lực lượng xung kích trên «mặt trận thứ hai», bảo đảm tuyến giao thông biển 1000 hải lý chung quanh nước Nhật, sẵn sàng thay thế lực lượng Mỹ nếu Mỹ phải đối phó với một cuộc khủng hoảng quan trọng ở Trung Đông hoặc ở Ấn độ dương. Nam Triều tiên cũng được Nhà trắng xem như «cái trục cho hòa bình và ổn định ở Đông Bắc Á» (tuyên bố của Ri-gân tháng 11-1983). Mỹ đang tích cực hoạt động để cho Nhật bản và Nam Triều tiên nhích lại gần nhau nhằm tạo ra chiếc gạch nối thiết lập khối liên minh quân sự tay ba Mỹ — Nhật — Nam Triều tiên. Mỹ còn định lôi kéo Trung quốc để «biến hình tam giác thành hình vuông», lợi dụng tối đa tiềm năng quân sự của Trung quốc để làm «lực lượng đối trọng với Liên xô», cấu kết với Trung quốc chống phá cách mạng ba nước Đông dương. Ở tuyến giữa — kể từ Phi-líp-pin đến eo biển Ma-lắc-ca — Mỹ ra sức giúp đỡ và «ủng hộ tự vệ» cho các nước ASEAN, tăng cường viện trợ quân sự, có biến nhóm nước này thành một khối quân sự mới thay cho SEATO bị sụp đổ sau khi Mỹ thất bại hoàn toàn trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt nam. Để đạt mục đích đó, mấy năm qua Mỹ đã tăng cường quân Mỹ ở Phi-líp-pin, tuyên bố tiếp tục thực hiện Hiệp định Ma-ni-la ký năm 1951 về hợp tác an ninh ở Đông Nam Á, cung cấp máy bay F — 16 cho quân đội Thái lan, tuyên bố coi Thái lan là «nước tiền tuyến» chống cách mạng ba nước Đông dương, chuẩn bị đặt hệ thống kho dự trữ vũ khí chiến tranh và khôi phục lại các căn cứ không quân của Mỹ ở Thái lan, phối hợp diễn tập quân sự với quan đội Thái lan ở vùng giáp biên giới với Cam-pu-chia, công khai viện trợ quân sự cho bọn phản động Khơ-me lưu vong ẩn náu trên đất Thái lan.

Ở phía Nam, Mỹ chủ yếu dựa vào khối ANZUS gồm Mỹ — Úc — Niu Di-lân. Hiện nay Mỹ đã có hàng loạt căn cứ quân sự quan trọng đặt ở hai nước này nhằm khống chế và kiểm soát phần Tây Nam Thái bình dương và Đông Ấn độ dương. Hạm đội 7 của Mỹ

Digitized by Google

được hoạt động dễ dàng tại cảng Xít-nây, Brít-xbên và Men-bơc-nơ. Ngoài khuôn khổ ANZUS, Mỹ còn có gần 30 căn cứ quân sự theo hiệp định tay đôi với Úc. Các lực lượng và các liên minh chính trị — quân sự kể trên rốt cuộc sẽ phối hợp nhất với nhau thành cái « mặt trận châu Á — Thái bình dương », bảo đảm ưu thế quân sự tuyệt đối cho Mỹ giành bá quyền tại vùng rộng lớn này của thế giới, đồng thời tạo điều kiện cho Oa-sinh-tơn giành được ưu thế quân sự — chiến lược so với Liên xô trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng của đế quốc Mỹ.

*

Tham vọng và chiến lược của Mỹ đối với châu Á — Thái bình dương phản ánh một mưu đồ lớn của các thế lực phản động, hiếu chiến nhất đang nắm quyền thống trị hợp chủng quốc Hoa kỳ và cho thấy : do bản chất không thay đổi của nó, chủ nghĩa đế quốc Mỹ thường xuyên đẻ ra chính sách xâm lược, phiêu lưu, đe dọa hòa bình và an ninh của các dân tộc. Sau Tây Âu, với « mặt trận thứ hai » được mở ra này, Mỹ lại gây thêm nguy cơ chiến tranh lớn — cả chiến tranh hạt nhân và chiến tranh thông thường — tại một vùng rộng lớn gồm hai phần ba số dân thế giới sinh sống. Mặt khác, quá trình thực hiện mục tiêu chiến lược của Mỹ luôn luôn làm nảy sinh các cuộc xung đột vũ trang, làm tăng khả năng bùng nổ những cuộc chiến tranh khu vực, nhất là ở Đông Bắc Á, Nam Á và Đông Nam Á, uy hiếp nghiêm trọng chủ quyền độc lập của các nước. Rõ ràng, chiến lược châu Á — Thái bình dương của chính quyền Ri-gân hoàn toàn đi ngược lại nguyện vọng thiết tha được sống trong hòa bình của các dân tộc, chống lại lợi ích cơ bản của các quốc gia trong vùng, **mà phần lớn là các nước đang phát triển.** Song tham vọng và chiến lược mở « mặt trận thứ hai » của Nhà trắng là một chuyện, kết quả thành công hay thất bại lại là một chuyện khác. Lịch sử bốn thập kỷ qua kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đã chứng minh những thất bại và sự phá sản liên tiếp của chiến lược Mỹ ở vùng châu Á — Thái bình dương, nổi bật là thất bại trong chiến tranh xâm lược Triều tiên, thất bại thảm hại trong chiến tranh xâm lược Việt nam và các nước Đông dương. Những thất bại đó khiến cho các liên minh quân sự — chính trị của Mỹ trong khu vực không sao đứng vững được, cái thì tan vỡ (SEATO), cái thì rệu rã (ANZUS). Đặc biệt những « chấn thương Việt nam » ở trong lòng nước Mỹ cũng như ở châu Á — Thái bình dương hiện vẫn đang còn nặng nề. Trong bối cảnh đó, chiến lược châu Á — Thái bình dương của chính quyền Ri-gân chứa đựng nhiều mâu thuẫn và như các nhà nghiên cứu thời cuộc ở phương Tây nhận xét thì nó « rất ít có cơ hội thành công ».

Bản thân chính quyền Ri-gân cũng không lấy gì làm lạc quan. Đó đọc Crao-uy, chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng liên quân Mỹ đã phải thú nhận « có những đám mây đen ở chân trời » và ông ta « cảm thấy có những điều đáng lo ngại thật sự về tương lai » đối với chiến lược châu Á — Thái bình dương của Mỹ. Theo Crao-uy, Mỹ đang gặp những khó khăn như :

— Sự thiếu hụt về phía Mỹ trong cán cân mậu dịch với Nhật bản là một vấn đề nghiêm trọng (năm 1985, Nhật xuất siêu sang Mỹ 50 tỉ đô la).

— Tình hình rối ren ở Phi-líp-pin làm ảnh hưởng đến các « nước tự do » ở trong vùng Thái bình dương.

— Về phía Nam Thái bình dương, những chính sách của Niu Di-len trong đó có việc chống các tàu chiến Mỹ chạy bằng năng lượng hạt nhân

Digitized by Google

hoặc trang bị vũ khí hạt nhân ra vào các cảng của nước này đã gây ra tình hình căng thẳng đối với liên minh quân sự ANZUS.

Tất nhiên, Crao-uy không thể « vạch kết áo cho người xem lưng »! Thật ra Mỹ đang đứng trước rất nhiều vấn đề nan giải. Ở thời kỳ « sau Việt nam » thế và lực của Mỹ đã sa sút và lâm vào tình trạng « lực bất tòng tâm ». Nền kinh tế Mỹ liên tiếp bị cạnh tranh và khủng hoảng, khó có thể chịu nổi mức chi phí quân sự và chạy đua vũ trang lớn như hiện nay, lại cộng thêm yêu cầu đốc nhiều tiền của hơn nữa cho « mặt trận thứ hai » ở châu Á—Thái bình dương. Nếu Mỹ cứ nhắm mắt lao đầu vào con đường phiêu lưu quân sự, thì đến năm 2000, khả năng kinh tế Mỹ thua kém Tây Âu và Nhật bản sẽ trở thành hiện thực nghiệt ngã. Chiến lược châu Á—Thái bình dương của chính quyền Ri-gân dựa trên 6 « trụ cột », nhưng đó là sự tập hợp lực lượng gồm những kẻ « đồng sàng dị mộng ». Mỹ coi Nhật bản là « hòn đá tảng » trong chính sách của Mỹ ở châu Á — Thái bình dương, nhưng Nhật cũng là đối thủ cạnh tranh kinh tế gay gắt với Mỹ qua những cuộc « chiến tranh ô tô », « chiến tranh máy tính kinh », « chiến tranh nông phẩm » v.v. Mâu thuẫn trong quan hệ kinh tế Mỹ—Nhật luôn luôn căng thẳng, nó đe dọa cả quan hệ chính trị giữa hai nước. Việc phục hồi chủ nghĩa quân phiệt Nhật sẽ là con dao 2 lưỡi đối với Mỹ. Bởi lẽ Nhật bản cũng có mưu đồ riêng và người ta không loại trừ cái gọi là « hiểm họa Nhật Bản » trong tương lai. Trong sự câu kết Mỹ — Trung, cả hai thế lực hành trướng, bá quyền có những « lợi ích song phương » trong cạnh tranh chống Liên xô, chống chủ nghĩa xã hội và chống cách mạng giải phóng dân tộc, song chúng lại có lợi ích và mưu đồ riêng rất khác nhau dẫn đến trạng thái cả hai bên đều « lăm lăm giữ miếng nhau ». Mỹ chưa đủ lòng tin để coi Bắc kinh như một đồng minh chiến lược cho nên vừa lôi kéo Trung quốc đi vào quỹ đạo chiến lược của Mỹ vừa ra sức kiềm chế, đề phòng, ngăn chặn khả năng bành trướng của Trung quốc uy hiếp bá quyền của Mỹ ở khu vực này, trước hết là ở Đông Nam Á. Điều đáng lưu ý nữa là mặc dù âm mưu chiến lược của Mỹ được che đậy bằng những lời rêu rao về cái gọi là « nguy cơ cộng sản », « sức mạnh hành trướng của Liên xô » nhưng những hành động ngạo mạn đế quốc chủ nghĩa và chính sách vụ lợi của tư bản độc quyền Mỹ đang gây ra làn sóng phẫn nộ và sự lo ngại ngày càng lớn tại các nước trong khu vực mà đa số là các nước đang phát triển vốn từ lâu đã kết bạn với Hoa kỳ, dựa vào sự giúp đỡ về kinh tế—quân sự của Hoa kỳ. Một số chính phủ những nước này đã dám nói lên những ý kiến khác với Mỹ về một loạt vấn đề lớn trong khu vực, kể cả việc đánh giá và chủ trương đối sách với « kẻ thù ». Các nước ASEAN đã công khai bộc lộ sự lo ngại trước chính sách tái vũ trang của Nhật và chính sách của Mỹ giúp Trung quốc tăng cường sức mạnh quân sự nhằm phục vụ lợi ích ích kỷ của Mỹ nhưng lại tạo ra những mối đe dọa đối với Đông Nam Á. In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a còn tỏ ra thức thời và « độc lập » hơn khi họ ngả theo chủ trương trung lập trong quan hệ giữa Mỹ và Liên xô, đối thoại với Việt nam để đi tới xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, ổn định, liên nghị và hợp tác. Ngày 16-7-1988, ngoại trưởng In-đô-nê-xi-a nói với hãng tin Mỹ AP rằng : « Mối nguy hiểm thật sự ở Đông Nam Á không phải là do sự có mặt quân sự của Liên xô mà là nạn nghèo khó của khu vực ». Tình hình Phi-líp-pin cũng không ổn định, phong trào quần chúng đấu tranh đòi rút bỏ các căn cứ quân sự Mỹ lại nước này ngày một dâng cao. Ở phía Nam Thái bình dương, thái độ của Niu

Digitized by Google

Di-lân trên thực tế đang làm tan rã khối ANZUS. Cánh tả Công đảng Úc cũng đã đòi hỏi chính phủ Bốp Hâu-cơ noi theo gương Niu Di-lân. Hơn thế nữa, tháng 8-1985, các nước Nam Thái bình dương gồm cả Úc, chủ trương ký hiệp định thành lập một khu vực phi hạt nhân rộng lớn và đến nay, đã có 13 nước nhiệt liệt hưởng ứng. Tạp chí *Chính trị quốc tế* (Pháp) số mùa hè 1986 nhận định: «Có lẽ đó là sự mở đầu cho những yêu sách mới của Nhật bản và cả Phi-líp-pin nữa. Nếu lúc nào đó các yêu sách này được thỏa mãn nó có thể làm tê liệt hạm đội Mỹ.

Sau hết, nhân tố có ý nghĩa quyết định ngăn chặn sự hình thành và tồn tại «mặt trận thứ hai» của Mỹ là sự chuyển biến mạnh mẽ châu Á—Thái bình dương bằng các cao trào cách mạng trong ngót nửa thế kỷ qua, bằng xu thế phát triển hiện nay theo con đường tiến bộ, hòa bình và hợp tác năng động và đa dạng, với sức mạnh và thế tiến công của các lực lượng cách mạng xã hội chủ nghĩa, các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình mà Liên xô là trụ cột. Đây là sự «thách thức» thật sự đối với chiến lược của Mỹ tại khu vực mà đế quốc Mỹ đã liên tiếp thất bại, thậm chí có lúc đã phải tính đến phương án rút lui để quay về «chủ nghĩa biệt lập mới». Việc hình thành thế cân bằng chiến lược quân sự giữa Liên xô và Mỹ, sự lớn mạnh không ngừng của các nước xã hội chủ nghĩa trên lục địa châu Á, chương trình tổng thể và các sáng kiến khác của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác nhằm củng cố hòa bình, an ninh và thúc đẩy sự hợp tác rộng rãi, bình đẳng giữa các nước châu Á — Thái bình dương đang trở thành động lực thúc đẩy xu thế phát triển tất yếu của khu vực rộng lớn nhất hành tinh này. Đó cũng là nguồn cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng và hòa bình của nhân dân châu Á — Thái bình dương kiên quyết đấu tranh chống lại những mưu đồ tội ác của Mỹ.

Khác hẳn với chiến lược đối đầu quân sự của Mỹ, Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác kiên quyết thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, kiên trì phấn đấu làm lành mạnh hóa quan hệ giữa các nước, củng cố hòa bình và an ninh quốc tế. Đã nhiều lần Liên xô, Cộng hòa nhân dân Mông cổ, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều tiên đưa ra các sáng kiến hòa bình đầy thiện chí, để giải quyết các vấn đề khu vực và xây dựng mối quan hệ hợp tác, bình đẳng giữa các nước châu Á — Thái bình dương. Ngày 23-4-1986, Chính phủ Liên xô đã ra tuyên bố về một chương trình tổng thể nhằm biến khu vực châu Á—Thái bình dương thành khu vực hòa bình và an ninh thật sự. Ngày 28-7 vừa qua, trong bài diễn văn quan trọng đọc tại thành phố Vla-đi-vô-xtốc ở Viễn đông, đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp, Tổng bí thư UBTU Đảng cộng sản Liên Xô lại một lần nữa khẳng định sự mong muốn chân thành của Liên xô về bảo đảm hòa bình và an ninh của các dân tộc, phát triển và mở rộng các quan hệ hợp tác rộng rãi cùng có lợi với tất cả các nước lớn, nhỏ trong khu vực này. Lập trường cao cả cùng một loạt sáng kiến mới rất quan trọng của Liên xô có liên quan đến vận mệnh của các quốc gia trong khu vực châu Á—Thái bình dương vào thời điểm cấp bách nhất của lịch sử, đã đáp ứng đúng nguyện vọng thiết tha và lợi ích cơ bản của nhân dân các nước trong khu vực này cũng như của cả loài người tiến bộ. Tấm gương sáng ngời của Liên xô càng thúc đẩy xu thế phấn đấu cho những quan hệ hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển trở thành hiện

(Xem tiếp trang 78)

Digitized by Google

«ТАПТИ КОНГШАН» № 11 – 1986

ПЕРЕДОВАЯ: Своевременно и строго судить за нарушения законов. ЧЫОНГ ТИНЬ–Укреплять социалистические производственные отношения, всемерно развивать производительные силы, строить прекрасную, процветающую столицу. ЛЫУ ВАН ДАТ – Некоторые вопросы по организации и управлению внешней торговлей. ТХАНЬ КХИЕТ – Нужно перейти от коммерческих форм сотрудничества к специализации и кооперированию в производстве товаров на экспорт. ★★★ Единый национальный фронт – важный фактор обеспечения победы революции в нашей стране. НАУЧНО–ПРАКТИЧЕСКАЯ КОНФЕРЕНЦИЯ по вопросам социалистического хозяйствования, ЗЮН ДЫК – Азия – Тихий океан: претензии и стратегия Рейгановской администрации.

REVIEW OF COMMUNISM N° 11 – 1986

EDITORIAL – Judging breaches of the law fair and in time. TRƯỜNG CHINH – Consolidating socialist relations of production, endeavouring to develop forces of production and making the Capital strong, prosperous and beauriful. LƯU VĂN DẠT – Some questions concerning the organization and management of foreign trade. THANH KHIẾT – Commercial cooperation should be shifted to specialization and cooperation in the production of goods for export. ★★★–The Unified National Front, an important factor ensuring the victory of our revolution. SEMINARS ON SCIENCE AND PRACTICE on socialist business transactions. DUY DỨC – Asia and the Pacific: Ambition and strategy of the Reagan Administration.

REVUE DU COMMUNISME N° 11 – 1986

EDITORIAL – Juger à temps et équitablement les infractions à la loi. TRƯỜNG CHINH–Consolider les rapports de production socialistes, développer les forces de production, édifier une capitale solide et prospère. LƯU VĂN DẠT–Quelques problèmes sur l'organisation et la gestion du commerce extérieur. THANH KHIẾT – Il faut passer de la coopération commerciale à la spécialisation et à la coopération dans la production des articles d'exportation. ★★★ – Le Front national uni, un facteur important assurant la victoire de la révolution de notre pays. SÉMINAIRE SUR LA SCIENCE ET LA PRATIQUE de l'entreprise socialiste. DUY DỨC – Asie – Pacifique – Ambition et stratégie de l'administration Reagan.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 11 – 1986

EDITORIAL – Juzgar oportuna y severamente las infracciones. TRƯỜNG CHINH – Consolidar las relaciones de producción socialistas, esforzarse por desarrollar las fuerzas de producción y edificar la Capital poderosa, próspera y hermosa. LƯU VĂN DẠT – Algunas cuestiones sobre la organización y administración del comercio exterior. THANH KHIẾT – A pasar de la forma de cooperación comercial a la división en la especialización y cooperación productiva en la producción de artículos de exportación. –El Frente Nacional Unido, un factor importante que garantiza las victorias a la revolución de nuestro país. SEMINARIO CIENTI-FICO-PRÁCTICO sobre la comercialización socialista. DUY DỨC–Asia-Pacífico: ambición y estrategia de la administración de Reagan.

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
SỐ 11-1986. NĂM THỨ XXXII (371)

Mục lục

Xã luận — Xử lý kịp thời và nghiêm minh những vụ phạm pháp 1

TRƯỜNG CHINH — Củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, ra sức phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng thủ đô vững mạnh, giàu đẹp 4

Tiến tới Đại hội thứ VI của Đảng

+ VŨ XUÂN CẨN — Coi trọng hơn nữa việc xây dựng Đảng trong giai cấp công nhân 13

+ NGUYỄN THÀNH BANG — Làm thế nào giải quyết vững chắc vấn đề lương thực và thực phẩm ở nước ta 18

+ LƯU VĂN ĐẠT — Mấy vấn đề về tổ chức và quản lý ngoại thương 26

+ THANH KHIẾT — Cần chuyển từ hình thức hợp tác thương mại sang phân công chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất trong làm hàng xuất khẩu 35

★★★ Mặt trận dân tộc thống nhất, một nhân tố quan trọng bảo đảm thắng lợi của cách mạng nước ta 41

Hội nghị khoa học — thực tiễn Về kinh doanh xã hội chủ nghĩa ★ CHẾ VIẾT TẤN, ĐÀO XUÂN SÂM, PHAN VĂN TIỆM, XUÂN KIỀU, TRẦN QUANG 44

★ Người Việt nam đỏ 71

PHẠM THÀNH — « Xây dựng Đảng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam » 73

Sinh hoạt tư tưởng ★ Bình Giang — Nói thật. 79

DUY ĐỨC — Châu Á — Thái bình dương — Tham vọng và chiến lược của chính quyền Ri-gân 82

Trụ sở Bộ biên tập:
1. Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dây nói: 52061 — 52062
Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:
19. Phạm Ngọc Thạch — T. P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 — 22040

Digitized by Google

Digitized by Google

Các bạn đón đọc :

LỊCH SỬ TẠP CHÍ ĐẢNG

– Giới thiệu quá trình ra đời và phát triển của tạp chí lý luận và chính trị của Đảng

– Giới thiệu vai trò và tác dụng của cơ quan lý luận và chính trị của Đảng trong các thời kỳ cách mạng ở nước ta

– Bước đầu rút ra một số bài học về công tác tạp chí và công tác lý luận của Đảng

8102-A

BỘ BIÊN TẬP
TẠP CHÍ CỘNG SẢN XUẤT BẢN

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số 12651 Giá : 6đ00

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

LIBRARY
APR 20 1987
UNIVERSITY OF CALIFORNIA

12
12.1986

Digitized by Google

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Xã luận

Kỷ niệm thứ 40 ngày toàn quốc kháng chiến chống Pháp

VƯỢT QUA MỌI KHÓ KHĂN, THỬ THÁCH, TIẾP TỤC TIẾN LÊN TRÊN CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG

40 năm đã trôi qua kể từ khi toàn dân ta đứng lên kháng chiến chống Pháp. 40 năm ấy có biết bao biến động to lớn trên đất nước ta. Giờ đây, nhìn lại cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp xâm lược từ ngày mở đầu sôi động cho đến khi kết thúc thắng lợi, chúng ta có biết bao điều suy tư lắng đọng. Có lẽ điều suy tư lắng đọng nhất là trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, phức tạp, đầy dẫy những thử thách ác liệt, nghiêm trọng, tưởng chừng không vượt nổi, hoàn cảnh mà vận mệnh của Tổ quốc ở vào thế hiểm nghèo « ngàn cân treo trên sợi tóc », Đảng ta, Nhà nước ta, quân đội ta và toàn dân ta đã lĩnh tảo, anh dũng vượt qua và giành thắng lợi vẻ vang, bảo vệ và phát huy thành quả của Cách mạng Tháng Tám, đưa sự nghiệp cách mạng không ngừng tiến lên. Hoàn cảnh có một không hai lúc đó là đất nước ta nằm trong vòng vây chống phá của nhiều kẻ thù đế quốc, phản động ngoài nước và trong nước câu kết với nhau nhằm « nuốt chửng » chính quyền non trẻ của chúng ta. Nền kinh tế của đất nước vốn đã lạc hậu do sự thống trị thực dân, phong kiến lâu năm để lại, lại bị chiến tranh và thiên tai tàn phá, cho nên trên nhiều mặt bị đình đốn, rối loạn, kiệt quệ. Cùng với giặc ngoại xâm, giặc đói, giặc dốt, nạn thất nghiệp và các tệ nạn xã hội khác

Digitized by Google

hoành hành, gây tác hại hết sức nghiêm trọng. Đời sống của nhân dân lao động chồng chất những khó khăn. Các tổ chức của lực lượng cách mạng trên nhiều lĩnh vực còn non yếu, nhất là lực lượng vũ trang còn trang bị thô sơ, chưa được rèn luyện, kinh nghiệm chỉ huy, chiến đấu còn ít. Bọn đế quốc, phản động trong và ngoài nước lợi dụng tình thế ngặt nghèo đó, câu kết, mua bán đổi chác quyền lợi với nhau, định hãm ta vào thế cô độc, buộc ta phải đương đầu với nhiều kẻ thù một lúc. Đế quốc Pháp được sự ủng hộ, giúp đỡ của các đế quốc Anh, Mỹ, Nhật và bọn phản động Tưởng, ngày càng lấn tới thực hiện âm mưu xâm lược nước ta một lần nữa. Chỉ chưa đầy một tháng sau khi chính quyền cách mạng được thành lập, quân Pháp đã nổ súng đánh chiếm Sài gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Chúng ta càng nhân nhượng, đế quốc Pháp càng ngang nhiên lấn tới. Thế là sau hơn một năm nhân nhượng, đến mức không thể chịu đựng được nữa, ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến: "Không, chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" (1).

Toàn dân ta đã nhất tề đứng lên tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ kính yêu — cuộc đối đầu đầu tiên kéo dài gần 9 năm của một nước vừa thoát khỏi chế độ thuộc địa chống một nước thực dân hùng mạnh. Làm thế nào để vượt qua những khó khăn, thử thách ghê gớm, giữ vững lời thề trong **Tuyên ngôn Độc lập** *"quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập", đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiến lên những bước mới? Có nhiều nhân tố tạo nên sức mạnh to lớn để chúng ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách và chiến thắng quân thù.*

Nhân tố hàng đầu là, Đảng ta đã **xác định đường lối kháng chiến đúng đắn vừa phản ánh và tuân theo những quy luật khách quan của cách mạng và chiến tranh cách mạng, vừa phù hợp với yêu cầu và trình độ của quần chúng nhân dân, với hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của đất nước.** *Nội dung cơ bản của đường lối ấy là kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính, đồng thời ra sức tranh thủ viện trợ quốc tế. Từ đường lối đó, Đảng đề ra nhiệm vụ chiến lược, phương châm chiến lược và những nhiệm vụ cụ thể trên các lĩnh vực hoạt động của từng thời kỳ, với những hình thức, biện pháp chính xác, thiết thực, sáng tạo.* **Vừa kháng chiến vừa kiến quốc** *là hai nhiệm vụ chiến lược phải đồng thời tiến hành nhằm giải quyết mối quan hệ giữa kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng, củng cố chế độ dân chủ nhân dân để tiến lên chủ nghĩa xã hội, giữa bảo vệ và xây dựng chính quyền cách mạng để thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng dân tộc dân chủ. Đảng đã quan tâm bổ sung, hoàn thiện và cụ thể hóa đường lối theo phương châm:* **"Vừa đánh vừa học, đánh đến đâu, tổng kết kinh nghiệm, tự phê bình và phê bình đến đó"** (2), *chú trọng đề ra những chủ trương, chính sách cụ thể sát hợp, những biện pháp tổ chức thực hiện thiết thực, linh hoạt, huy động sức mạnh to lớn của nhân dân biến đường lối, chủ trương của Đảng thành hiện thực trong cuộc sống.*

---

(1) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập 1, tr. 403.

(2) Xem *Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam (sơ thảo)*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, tập I, tr. 762 — 763.

Digitized by Google

Nhân tố thứ hai là, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc kháng chiến chống Pháp ngay từ lúc nổ ra cho đến khi kết thúc thắng lợi đã thật sự thấm nhuần tư tưởng **lấy dân làm gốc, toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện.** *Tư tưởng này là cốt lõi của đường lối kháng chiến, của khoa học và nghệ thuật quân sự. Nó khơi dậy sức mạnh của từng người dân ngay từ khi nghe lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh: « Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp, cứu nước » (3). Nhờ quán triệt và hành động theo tư tưởng đó, dựa vào dân, tuyên truyền giáo dục, động viên nhân dân, phát huy trí tuệ và sức mạnh của dân, chiến tranh nhân dân phát triển ngày càng mạnh mẽ, phong phú, « mỗi phố là một mặt trận, mỗi làng là một pháo đài! »; lực lượng vũ trang nhân dân — một đội quân từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà phục vụ — trưởng thành nhanh chóng, với số lượng ngày càng đông và chất lượng ngày càng cao; cuộc kháng chiến toàn diện giành được thắng lợi ngày càng to lớn; các phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân phát triển rộng lớn, sôi nổi.*

Nhân tố thứ ba là, Đảng đã **thật sự bảo đảm được vai trò và năng lực lãnh đạo tổ chức thực tiễn toàn diện của mình** *trong suốt quá trình cuộc kháng chiến. Việc xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức có sự tiến bộ vượt bậc so với thời kỳ Tổng khởi nghĩa Tháng Tám. Đảng mạnh cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt coi trọng chất lượng, bảo đảm việc rèn luyện và nâng cao chất lượng của từng tổ chức cơ sở Đảng, của từng cán bộ, đảng viên. Mỗi chi bộ cơ sở phải là một bộ tham mưu, mỗi đảng viên phải là một chiến sĩ tiên phong trên mặt trận chiến đấu và sản xuất. Yêu cầu nghiêm khắc đối với mỗi tổ chức cơ sở Đảng lúc này là phải thật sự làm tốt việc lãnh đạo, tổ chức quần chúng nhân dân thực hiện có kết quả các chủ trương, chính sách của Đảng, biết dựa vào quần chúng và phát huy vai trò của quần chúng trong mọi công tác kháng chiến và kiến quốc; đối với mỗi cán bộ, đảng viên lúc này là giữ vững ý chí chiến đấu, xung phong gương mẫu, đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức phẩm chất cách mạng, đồng thời nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ huy, có tác phong sâu sát thực tế, gắn bó mật thiết với quần chúng, lời nói đi đôi với việc làm. Khẩu hiệu chiến đấu của mỗi tổ chức Đảng, mỗi cán bộ, đảng viên lúc này là* **bám đất, bám dân, bám cơ sở để chiến đấu và sản xuất.**

Sức mạnh chiến thắng mọi khó khăn, thử thách, chiến thắng quân thù trong cuộc kháng chiến chống Pháp chính là sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, sức mạnh của một khối thống nhất ý chí và hành động với niềm tin sắt đá **kháng chiến nhất định thắng lợi** *và quyết làm bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc, tiến lên con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa.*

★

(3) Hồ Chí Minh: **Tuyển tập**, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập I, tr. 493.

Digitized by Google

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược là «hồi chuông báo tử của chủ nghĩa thực dân cũ, đồng thời cũng là hồi kèn chiến thắng của nhân dân Việt nam trong trận đầu chống bọn can thiệp Mỹ, là khúc nhạc mở màn cho bản trường ca chống Mỹ, cứu nước» (4). Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, nhân dân ta lại phải tiếp tục vượt qua biết bao gian khổ, hy sinh, khó khăn, thử thách để kết thúc thắng lợi trọn vẹn bản trường ca chống Mỹ, cứu nước. Và hơn 10 năm qua, những khó khăn, thử thách to lớn mới lại đè lên vai chúng ta. Đất nước ta phải tiến hành hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chống chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng, bá quyền và bè lũ tay sai, phải khắc phục thiên tai xảy ra liên tiếp.

Thật hiếm có một đất nước nào như đất nước ta, 40 năm qua hầu như không lúc nào im tiếng súng. Nhân dân ta trong mấy chục năm trường phải thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Cách mạng và chiến tranh cách mạng gắn liền với nhau, tác động và thúc đẩy lẫn nhau.

Ngày nay, trước tình hình đất nước đang có những khó khăn về kinh tế, xã hội, chúng ta tập trung sức lực vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời vẫn phải chống chiến tranh lấn chiếm biên giới và phá hoại nhiều mặt của kẻ thù và chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống, sẵn sàng đánh bại chiến tranh xâm lược quy mô lớn nếu chúng liều lĩnh gây ra. Nhiệm vụ bảo vệ đất nước có những đòi hỏi mới là phải bảo đảm được những yêu cầu của chiến tranh trong điều kiện mới, chống lại kẻ thù mới, phải làm tốt công tác giáo dục quốc phòng sâu rộng trong toàn dân, làm cho mọi người luôn luôn nêu cao cảnh giác cách mạng, nhận rõ âm mưu và hành động của kẻ thù; chú trọng xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân tiến lên chính quy, hiện đại, tiến hành công tác chuẩn bị về các mặt cho đất nước khi cần động viên chiến tranh, trên cơ sở kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế.

Học tập và phát huy những bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Pháp, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta nêu cao tinh thần khắc phục mọi khó khăn, vượt qua mọi thử thách, nâng cao sự hiểu biết về chủ nghĩa xã hội hiện thực, đoàn kết phấn đấu thực hiện tốt cả hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

---

(4) Trường Chinh: *Việt nam 60 năm đấu tranh và thắng lợi*. Nxb Sự thật, Hà nội 1985, tr. 8.

Digitized by Google

BÀI NÓI CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ TRƯỜNG CHINH TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TOÀN QUÂN LẦN THỨ TƯ (13-18-10-1986)

Các đồng chí thân mến,

TRONG không khí vui mừng, phấn khởi của Đại hội đại biểu đảng bộ toàn quân, tôi xin gửi đến toàn thể cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, công nhân viên chức quốc phòng lời chào mừng nhiệt liệt và lời thăm hỏi ân cần của Ban chấp hành trung ương Đảng, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước và Hội đồng bộ trưởng.

Trải qua 30 năm chiến tranh đầy hy sinh, gian khổ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã giành thắng lợi vĩ đại, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi vĩ đại đó thuộc về nhân dân, trong đó các lực lượng vũ trang nhân dân giữ vai trò nòng cốt. Chúng ta tự hào đã cố gắng thực hiện Di chúc thiêng liêng của Bác Hồ kính yêu, người thầy của cách mạng Việt nam, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân.

Mười một năm qua, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta tiếp tục nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, không ngừng phấn đấu vượt qua rất nhiều khó khăn do địch họa, thiên tai gây ra; giành thắng lợi quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân hai nước anh em Lào và Cam-pu-chia. Nhưng chúng ta cũng mắc những khuyết điểm, sai lầm nghiêm trọng trong lãnh đạo kinh tế, mà Đảng và nhân dân ta đang phải ra sức khắc phục để đưa cách mạng nước ta tiếp tục tiến lên.

Từ điểm xuất phát rất thấp và trong tình hình phức tạp hiện nay, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta đang trải qua rất nhiều khó khăn. Song, với lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, với truyền thống cách mạng kiên cường, dũng cảm trong chiến đấu, cần cù, sáng tạo trong lao động của quân và dân ta, kết hợp với sức mạnh của thời đại, với tình cảm quốc tế trong sáng và sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn, chí tình của Đảng và nhân dân Liên xô, của cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa anh em và bầu bạn trên thế giới, chúng ta nhất định sẽ vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

Để hoàn thành thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải ra sức phát huy truyền thống vẻ vang, biến chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến tranh giải phóng thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Phải kiên quyết sửa chữa khuyết điểm, sai lầm, khắc phục tư tưởng « vừa chủ quan, nóng vội, vừa bảo thủ, trì trệ » trong bố trí cơ cấu kinh tế và trong cơ chế quản lý

Digitized by Google

kinh tế, trong chủ trương, chính sách cũng như trong chỉ đạo thực hiện, trong việc xác định những nhiệm vụ cụ thể cũng như trong việc bố trí đội ngũ cán bộ để bảo đảm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ đó. Tầm quan trọng và ý nghĩa to lớn của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI chính là ở chỗ phải đáp ứng những yêu cầu cấp bách trên đây.

Dưới ánh sáng của đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng đã được xác định từ Đại hội IV và Đại hội V, từ tình hình thực tế và những bài học kinh nghiệm lớn trong mười năm qua, với tinh thần đổi mới cách nghĩ, cách làm, đổi mới tư duy và phong cách làm việc, Đại hội VI phải *cụ thể hóa thêm một bước đường lối đó*, quyết định những chủ trương và nhiệm vụ trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội đảng bộ các cấp, cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng, các đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội và nhân dân cả nước đang hăng hái đóng góp ý kiến vào việc xác định nhiệm vụ của cách mạng nước ta trong những năm tới.

Trong không khí sôi nổi của toàn Đảng, toàn dân hướng về Đại hội VI, *Đại hội đại biểu đảng bộ toàn quân* lần này có ý nghĩa rất quan trọng. Các đồng chí cần tổng hợp và phản ánh một cách đầy đủ những ý kiến phong phú của Đại hội đảng bộ các cấp trong quân đội, đóng góp vào dự thảo Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương. Vừa qua, Bộ chính trị thảo luận và đã nhất trí đi tới những kết luận quan trọng về một số quan điểm kinh tế của Đảng. Nghiên cứu dự thảo Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương và bản kết luận đó của Bộ chính trị, thảo luận với tinh thần trách nhiệm cao, với thái độ thẳng thắn, cởi mở và xây dựng, phát huy đầy đủ dân chủ, Đại hội đảng bộ toàn quân phải có những đóng góp thích đáng vào việc bổ sung, hoàn chỉnh Báo cáo chính trị sẽ trình ra Đại hội VI.

Đồng thời, Đại hội của các đồng chí phải đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và xây dựng lực lượng vũ trang một cách khách quan, nghiêm túc, tổng kết kinh nghiệm những năm qua, trên cơ sở đó mà xác định nhiệm vụ quốc phòng trong thời gian tới, xây dựng quân đội ta vững mạnh, thật sự là quân đội của dân tộc Việt nam anh hùng, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà phục vụ; thực hiện đúng lời dạy của Bác Hồ kính yêu: Quân đội ta « trung với nước, hiếu với dân », « trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng ».

Các đồng chí thân mến.

Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, chúng ta phải luôn luôn *kết hợp chặt chẽ xây dựng đất nước với bảo vệ Tổ quốc*, kết hợp kinh tế với quốc phòng, vừa tập trung xây dựng kinh tế, vừa chú trọng xây dựng lực lượng quốc phòng ngày càng vững mạnh.

Để làm tốt điều đó, phải thấu suốt quan điểm *chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân* của Đảng; thực hiện « toàn dân xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc », « toàn quân bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước ». Đó chính là cơ sở để nhân dân ta thật sự làm chủ trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, là nguồn sức mạnh vô địch, là quy luật giành thắng lợi của chiến tranh nhân dân. Phải chăm lo *phát huy và bồi dưỡng sức dân*, ra sức phấn đấu để ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân; tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, tăng cường sự thống

Digitized by Google

nhất về chính trị và tinh thần trong nhân dân, từ đó mà tăng cường sức mạnh giữ nước.

Phải chăm lo *xây dựng hậu phương*, một nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi, nguồn tiếp sức dồi dào vật chất và tinh thần cho tiền tuyến, bảo đảm cho chiến sĩ có những điều kiện cần thiết, yên tâm đứng vững trên tuyến đầu, sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng bất cứ kẻ thù nào của cách mạng nước ta.

Phải *chăm lo xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, xây dựng khoa học và nghệ thuật quân sự cách mạng Việt nam*: chú ý nghiên cứu sự nghiệp và tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của đồng chí Lê Duẩn và của các đồng chí lãnh đạo khác. Sức mạnh giữ nước là sức mạnh của toàn dân, mà nòng cốt là các lực lượng vũ trang nhân dân, gồm ba thứ quân, là quân đội nhân dân chính quy và ngày càng hiện đại.

Đảng ta đã nhận định rằng: thắng lợi trong chiến đấu và xây dựng trong hoàn cảnh rất khó khăn và phức tạp vừa qua chứng tỏ bản chất cách mạng và truyền thống tốt đẹp của quân đội tiếp tục được giữ vững và phát huy. Đồng thời, Đảng cũng chỉ ra những mặt yếu kém của quân đội. Những yếu kém đó có nhiều nguyên nhân; một phần phản ánh những khuyết điểm, nhược điểm chung của nền kinh tế — xã hội nước ta; một phần do khuyết điểm chủ quan của các đồng chí, của cán bộ và chiến sĩ. Trong dịp Đại hội đại biểu toàn quân lần này, cùng với việc đóng góp ý kiến nhằm sửa chữa những khuyết điểm chung của toàn Đảng, chúng ta cần đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình, thẳng thắn phân tích những khuyết điểm chủ quan của các cấp, của đơn vị và của mỗi người để tìm biện pháp kiên quyết khắc phục trong thời gian tới. Các đồng chí — nhất là những cán bộ chủ chốt — cần nhận thức sâu sắc rằng những ưu điểm, khuyết điểm và nhược điểm của bản thân, cả về trình độ, năng lực và phẩm chất, đạo đức, cũng như về tác phong, lối sống, đều ảnh hưởng đến chất lượng bộ đội, đến việc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Quân đội ta có truyền thống *đoàn kết, nhất trí*, đoàn kết chung quanh Ban chấp hành trung ương Đảng, tuyệt đối phục tùng sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân, đoàn kết giữa các lực lượng vũ trang của nước ta. Tình hình và nhiệm vụ cách mạng đòi hỏi chúng ta phải giữ vững truyền thống đó, ra sức phát huy ưu điểm, quyết tâm khắc phục khuyết điểm, thanh toán các hiện tượng tiêu cực làm yếu sức chiến đấu, làm giảm uy tín của quân đội và sự tin cậy của nhân dân. Phải phát huy đồng bộ các mặt công tác chính trị và tư tưởng, tổ chức và chính sách, nâng cao trình độ quản lý, chỉ huy, bảo đảm những yêu cầu nhất định về vật chất, và kỹ thuật, từng bước phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng đã giao phó. Quân đội phải nêu gương tốt, góp phần đấu tranh nhằm giải quyết các hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

Phải giữ vững và phát huy bản chất cách mạng và truyền thống tốt đẹp của quân đội ta, của « bộ đội Cụ Hồ », được nhân dân thương yêu, tin mến. Cán bộ và chiến sĩ quân đội đều là con em của nhân dân lao động, phải trên dưới một lòng; cán bộ lãnh đạo và chỉ huy phải thương yêu chiến sĩ với tình cảm cách mạng của những người đồng chí, tôn trọng nhân phẩm, tuyệt đối không được hống hách, chèn ép, trù dập cán bộ, chiến sĩ dưới quyền mình. Các đồng chí phải thi hành kỷ luật thật nghiêm minh đối với những cán bộ lãnh đạo và chỉ huy có hành động sai trái đó. Các chiến sĩ trong quân đội phải phấn đấu rèn luyện không ngừng, lấy cuộc sống

Digitized by Google

trong quân ngũ làm trường học, giữ nghiêm kỷ luật, điều lệnh, trau dồi đạo đức cách mạng, giữ gìn tư cách quân nhân, làm cho dân mến, dân tin, dân phục.

Tôi đã được nghe báo cáo về tình hình đời sống của bộ đội. Tôi thấy cần nhắc các đồng chí quan tâm hơn nữa đến đời sống vật chất và tinh thần của chiến sĩ, đặc biệt là anh chị em ở tuyến đầu, biên giới, hải đảo, trên chiến trường nước bạn, tại các địa bàn hẻo lánh, xa xôi. Trong tình hình khó khăn của đất nước hiện nay, cùng với việc chăm lo củng cố quốc phòng, các đồng chí cần chú ý tổ chức cho bộ đội làm tốt nhiệm vụ lao động sản xuất và xây dựng kinh tế, tạo thêm của cải cho xã hội, vừa góp phần xây dựng kinh tế, vừa góp phần chăm lo đời sống của cán bộ, chiến sĩ, công nhân, viên chức quốc phòng.

Trong bối cảnh quốc tế ngày nay, chúng ta cần thường xuyên củng cố khối liên minh chiến lược với hai nước Lào và Cam-pu-chia, với Liên xô và cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa, làm tròn nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế. Quân đội có vai trò quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ đó. Thắng lợi của chúng ta trong sự nghiệp giải phóng dân tộc trước kia, cũng như trong nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay là do Đảng ta đã giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

Thực tế lịch sử những năm qua đã chỉ rõ cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ba nước Việt nam, Lào, Cam-pu-chia, tình đoàn kết, chiến đấu và liên minh chiến lược giữa nhân dân và quân đội ba nước là một nhân tố quan trọng, tạo điều kiện cho mỗi nước và cả ba nước giành thắng lợi. Nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế gắn bó chặt chẽ với nhau; làm nhiệm vụ dân tộc là góp phần làm nghĩa vụ quốc tế; thực hiện nghĩa vụ quốc tế là góp phần thực hiện nhiệm vụ dân tộc.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, nhân dân ba nước Đông dương tiếp tục sự nghiệp cách mạng của mình, gắn bó với Liên xô và cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa anh em, tạo nên cục diện mới rất thuận lợi cho cách mạng và hòa bình trên thế giới và trong khu vực.

Trước sau như một, Đảng ta luôn luôn coi tình hữu nghị đặc biệt và sự hợp tác toàn diện với Liên xô là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của mình. Đảng và nhân dân Việt nam mãi mãi biết ơn Đảng và nhân dân Liên xô về sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn đối với cách mạng Việt nam suốt mấy chục năm qua cũng như hiện nay. Chúng ta đang phấn đấu để sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng và hai nước ngày càng mở rộng và đạt hiệu quả ngày càng to lớn.

Chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh và hưởng ứng những sáng kiến có ý nghĩa chiến lược về châu Á — Thái bình dương của Đảng cộng sản Liên xô do đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp đề ra trong diễn văn quan trọng đọc tại Vla-đi-vô-xtốc.

Là một dân tộc từng trải qua mấy cuộc chiến tranh lâu dài đầy hy sinh, gian khổ, nhân dân ta rất mong muốn có hòa bình để tập trung năng lực xây dựng đất nước. Chúng ta đã nhiều lần nêu lên đề nghị khôi phục quan hệ bình thường giữa Việt nam và Trung quốc, khôi phục tình hữu nghị lâu đời giữa nhân dân hai nước. Chúng ta sẵn sàng nối lại các cuộc đàm phán với Trung quốc ở bất cứ nơi nào, vào bất cứ lúc nào và bất cứ cấp nào để cùng nhau tìm ra giải pháp có thể chấp nhận được cho cả hai bên.

(Xem tiếp trang 24)

Digitized by Google

BÌNH PHƯƠNG

CHỐNG THOÁI HÓA BIẾN CHẤT TRONG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ ĐẢNG VIÊN

I — Muốn khôi phục kỷ cương trong Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặng hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng, phải chống thoái hóa biến chất trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Qua 45 năm lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng ta đã giành được thắng lợi vĩ đại từ Cách mạng Tháng Tám đến đánh đổ đế quốc Pháp, Mỹ và bọn phản động tay sai. Những thắng lợi đó gắn liền với những thành tích to lớn trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Mười một năm qua, từ sau ngày 30-4-1975, cách mạng Việt nam chuyển sang giai đoạn mới. Đội ngũ đảng viên đến nay với 1,8 triệu người, đã tăng 360 lần so với thời kỳ tổng khởi nghĩa Tháng Tám, gấp 7,5 lần so với năm 1954 khi đánh thắng Pháp, bằng 1,2 lần so với năm 1975 khi đánh thắng Mỹ. Với đội ngũ ấy, Đảng tiếp tục giành được thắng lợi to lớn nhưng đã và đang gặp nhiều khó khăn lớn, phạm nhiều thiếu sót nghiêm trọng làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Mặc dù ta đã có nhiều cuộc vận động xây dựng Đảng, chống tiêu cực nhưng vẫn chưa đem lại kết quả như ý muốn. Nạn tham nhũng dưới nhiều hình thức đang diễn ra phổ biến ở các ngành, các cấp. Kỷ cương trong Đảng, pháp luật của Nhà nước suy yếu chưa từng có. Sở dĩ như vậy, một nguyên nhân rất quan trọng là do có sự thoái hóa, biến chất của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên.

Cần thấy rằng, nạn thoái hóa biến chất trong hàng ngũ cán bộ đảng viên, không chỉ gây tác hại đến việc thực hiện kỷ cương của Đảng và pháp luật của Nhà nước mà còn cản trở việc thực hiện các nhiệm vụ chiến lược của Đảng.

Đó là vì nạn tham nhũng đang làm trầm trọng thêm những khó khăn về kinh tế — xã hội. Nếu đi đôi với triệt để thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương, ta ngăn chặn được nạn thoái hóa biến chất, làm cho đội ngũ cán bộ đảng viên kiên quyết, vững vàng thì sẽ góp phần to lớn chấm dứt được nạn thất thoát hàng hóa từ tay Nhà nước, sự phân phối sẽ công bằng hơn, đời sống người lao động sẽ bớt khó khăn, sản xuất sẽ phát triển, tạo ra lối thoát cơ bản cho nền kinh tế—xã hội.

Đó còn là vì, chỉ có với đội ngũ cán bộ, đảng viên được rà soát, chọn lọc, có lập trường giai cấp công nhân kiên định, thì mọi nhiệm vụ chính trị mới có thể thực hiện được, công tác xây dựng Đảng mới tiến hành được tốt.

Còn nạn tham nhũng, thoái hóa biến chất trong Đảng và cơ quan Nhà nước thì mọi khẩu hiệu đều suông. Lê-nin đã nói " ... Nếu còn có thể hối lộ được,

Digitized by Google

thì cũng không thể nói đến chính trị được. Trong trường hợp này, thậm chí cũng không thể nói đến làm chính trị được, vì mọi biện pháp đều sẽ lơ lửng trên không trung, sẽ hoàn toàn không mang lại kết quả gì cả. Một dạo luật chí có thể đưa đến kết quả xấu hơn, nếu trên thực tiễn nó được đem áp dụng trong điều kiện nạn hối lộ còn được dung thứ và đang thịnh hành. Trong những điều kiện đó, không thể làm được một thứ chính trị nào hết; người ta không có cái điều kiện cơ bản để có thể làm chính trị được », (1)

Bộ chính trị Trung ương Đảng ta cũng khẳng định rằng: « Bài trừ tham nhũng đi đôi với bài trừ nạn chợ đen (đầu cơ buôn lậu) là việc làm cấp bách trong tình hình hiện nay để khắc phục tình trạng thất thoát vật tư, hàng hóa, bảo đảm hiệu quả kinh tế, khôi phục kỷ cương trong Đảng, pháp luật của Nhà nước, củng cố lòng tin của quần chúng, tăng cường liên minh công nông ». Đặt vấn đề chống thoái hóa biến chất đúng tầm như vậy, các cấp ủy mới thật sự tăng cường chỉ đạo, mới có những biện pháp tích cực để củng cố Đảng, củng cố nền chuyên chính vô sản. Chỉ có làm như vậy mới sửa được khuyết điểm lâu nay là nói nhiều làm ít, coi nhẹ xây dựng Đảng, coi nhẹ việc củng cố Nhà nước xã hội chủ nghĩa; mới sửa được bệnh hữu khuynh phổ biến hiện nay.

II – Sự biến động của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong mười một năm qua:

Từ sau khi cả nước chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa với hai nhiệm vụ chiến lược, đội ngũ cán bộ, đảng viên ta đã có biến động không nhỏ.

Nhiều đảng viên vẫn giữ thái độ tích cực kiên trì đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó là những người đã đi tiên phong trong cách mạng dân tộc dân chủ, đã có tuổi, nhưng còn nhiệt tình cách mạng, muốn tiếp tục đấu tranh, cống hiến, có ý thức tổ chức kỷ luật, muốn giữ nguyên tắc của Đảng, bất bình trước nạn tham nhũng và tệ trệ kéo dài, nhiều người trong số này đã nghỉ hưu nhưng vẫn lo lắng với sự nghiệp cách mạng của Đảng, vẫn cố gắng góp sức, góp ý vào việc chung. Đó là những đảng viên tuy trẻ nhưng được rèn luyện trong chống Mỹ, chống bọn bành trướng, được rèn luyện trong sự nghiệp xây dựng đất nước, hoặc xuất thân từ nhân dân lao động, hoặc xuất thân từ giai cấp khác nhưng qua thử thách vẫn giữ vững ý chí cách mạng. Họ là những cán bộ, đảng viên ưu tú hiện đang chiến đấu và lao động không mệt mỏi, tạo nên những điển hình tiên tiến, kinh nghiệm sáng tạo. Họ giữ được phẩm chất cách mạng, có quan hệ tốt với quần chúng, cố gắng lao động chân chính mặc dù cuộc sống gia đình có phần vất vả, bản thân phải chịu đựng thiệt thòi, thậm chí có khi còn bị hiểu lầm, trù dập.

Đáng mừng là số đảng viên tích cực này còn chiếm tỷ lệ khá cao trong Đảng, ở mỗi đơn vị đều có, hoặc nhiều hoặc ít. Đây là bộ phận trung kiên nhất của Đảng, là chỗ dựa của Đảng để phát động phong trào cách mạng của quần chúng. Nhưng trong số này có những người đấu tranh chống tiêu cực gặp quá nhiều khó khăn, sinh ra mệt mỏi; ở một số nơi, có những người còn bị vô hiệu hóa vì bị người lãnh đạo không cùng cánh thành kiến, không dùng, có khi vùi dập.

Bên cạnh lớp đảng viên tích cực nói trên, có một lớp trung gian, nửa tin nửa ngờ đường lối cách mạng, thực hiện nghị quyết, chủ trương của Đảng một cách thụ động, do dự, có thái độ « chờ xem », không dám đấu tranh cho lẽ phải, bảo đâu đánh đấy. Số người này thường giữ thái độ tiêu cực, thụ động trong đấu tranh chống những

(1) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 44, tr. 218.

Digitized by Google

hiện tượng xấu xa trong Đảng và ngoài xã hội. Người ta gọi Lọ một cách có lý là « ngậm miệng ăn tiền ». Với loại này, quần chúng chưa oán ghét nhưng không tin. Số này giác ngộ lý tưởng thấp, thường mơ hồ, mất cảnh giác về đấu tranh giai cấp, dễ hoang mang dao động khi gặp khó khăn, dễ bị kẻ xấu lôi kéo kích động.

Tuy lớp người này chiếm tỷ lệ nhiều ít khác nhau tùy theo các đảng bộ mạnh hay yếu, nhưng nói chung số đảng viên này khá đông, góp phần tạo nên sự trì trệ ở trong Đảng.

Cuối cùng phải kể đến số đảng viên thoái hóa biến chất ở trong Đảng. Hạng người này thường không nhất trí với đường lối chính sách của Đảng, có hành động chống phá để mưu lợi cá nhân. Từ sau ngày giải phóng miền Nam, họ tranh thủ chiếm đoạt tài sản thu được của địch, mua vét hàng, núp dưới danh nghĩa cải tạo tư sản để kiếm lợi, ăn hối lộ. Những năm gần đây, họ dựa vào sơ hở của chính sách để bung ra làm bậy, tuồn hàng của Nhà nước ra ngoài cho tư thương, tranh mua tranh bán để xuất khẩu, mưu lợi riêng, buôn gian bán lậu trong nước và ngoài nước, tự tiện biến của công thành của riêng, chiếm nhà và chia nhau nhà, tài sản của Nhà nước v.v. Nạn thoái hóa biến chất diễn ra ngày càng rộng với nhiều hình thức trắng trợn hoặc tinh vi gắn liền với khuynh hướng hữu khuynh buông lỏng kỷ cương của Đảng và pháp luật của Nhà nước ngày càng rõ.

Số người này không nhiều nhưng rất nguy hiểm vì phổ biến ở đâu cũng có và là thủ phạm gây ra nạn tham nhũng đang lan rộng. Một số có chức, có quyền tìm cách « thực hiện » chủ trương của Đảng theo hướng có lợi nhất cho mình, họ ngăn cản việc thực hiện Nghị quyết của Đảng và chính sách của Nhà nước, gây bè kết cánh, độc đoán, chuyên quyền, thanh trừng người tốt. Là những cán bộ, nhân viên bình thường, họ cũng lộng quyền, nhất là ở những ngành có quyền lực, nắm công tác tổ chức cán bộ, nắm vật tư, hàng, tiền. Về khách quan, số người này tiếp tay cho thế lực phản động, cho giai cấp tư sản và thế lực tự phát tư bản chủ nghĩa. Một số ít đã thật sự câu kết với bộ phận tư sản phản động chống phá chính sách của Nhà nước, làm tay sai cho địch. Họ mở rộng cửa cho những người thân, phần tử cơ hội, những kẻ sâu mọt khác chui vào bộ máy của Đảng và Nhà nước để làm cho bộ máy đó tê liệt hoặc phục vụ cho lợi ích bẩn thỉu của họ. Họ gây cho quần chúng mất lòng tin đối với Đảng và Nhà nước. Về khách quan, số thoái hóa biến chất này đã trở thành đồng minh gián tiếp của bọn đế quốc, bọn bành trướng và phản động quốc tế; bọn này đang nuôi hy vọng phục hồi vị trí đã mất, nhất là bọn bành trướng đang muốn sử dụng những phần tử thoái hóa biến chất trong các cơ quan Đảng và Nhà nước làm lực lượng phá hoại từ trong nội bộ xã hội ta. Bọn lưu manh phát triển đột biến là đồng minh trực tiếp của bọn thoái hóa biến chất.

Số này ít nhưng có thế lực không nhỏ. Chúng có sức mạnh dựa vào cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, bản thân chúng có kinh nghiệm tránh né, luồn lọt, mọi móc, kích động. Chúng nghiên cứu kỹ tâm lý của cán bộ lãnh đạo (kể cả tâm lý và những yêu cầu của vợ, con người lãnh đạo) để mua chuộc, tạo ra những ổ, dù; chia rẽ và khống chế những người tích cực. Từ đó, nhiều vụ tham nhũng mà ta đã phát hiện, có tài liệu, nhưng không xử được hoặc xử rất chậm vì các cơ quan pháp luật không nhất trí, vì có một số người lãnh đạo cản trở.

Số lượng đảng viên phạm pháp tăng lên rất nhanh cùng với tốc độ tăng của tệ nạn xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa. Đáng chú ý là có một

Digitized by Google

số đảng ủy, giám đốc, ban chấp hành công đoàn thực tế hoạt động như một tổ chức khép kín, ăn ý với nhau để dấu Đảng và Nhà nước. Nhiều vụ đã bị phát hiện, thậm chí bị bắt quả tang nhưng lãnh đạo cấp trên che chở và xin miễn tố. Nhiều vụ đáng phải khởi tố nhưng lãnh đạo ở đó tìm cách ngăn trở, cho rằng chỉ nên kiểm điểm phê bình nội bộ. Chính vì vậy, Bộ chính trị đã đánh giá: « Những hành động phạm pháp không bị trừng trị kịp thời mà có phần lan rộng thêm ».

Rõ ràng nạn thoái hóa biến chất đã phát triển ở các cấp, từ trung ương đến cơ sở, ở các ngành, kể cả trong một số cấp ủy, chính quyền, các ngành chuyên chính, các ngành kinh tế... Cứ đà này, kỷ luật trong Đảng và pháp luật của Nhà nước sẽ khó được khôi phục; chuyên chính vô sản sẽ càng suy yếu, và Đảng ta, với đội ngũ cán bộ chưa được sàng lọc như hiện nay sẽ không thể hiện được bản chất triệt để cách mạng của giai cấp công nhân.

Đảng ta đã nhiều lần vạch rõ tình hình, nhiệm vụ, biện pháp khắc phục nhưng kết quả rất hạn chế. Vì sao?

1 — Đảng ta xây dựng và trưởng thành ở một nước nông nghiệp lạc hậu. Tỷ lệ đảng viên xuất thân từ công nhân hoặc bản thân là công nhân rất ít. Đại bộ phận đảng viên xuất thân từ thành phần tiểu tư sản thành thị và nông dân; một bộ phận nhỏ xuất thân từ các thành phần giai cấp khác được giác ngộ cách mạng. Sự hình thành cơ cấu xã hội ấy có nguồn gốc lịch sử khách quan. Trong suốt mấy chục năm lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ, Trung ương Đảng, Bộ chính trị và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm tốt công tác tổ chức, tư tưởng, đã rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên đoàn kết, kỷ luật, hy sinh chiến đấu vì mục tiêu độc lập và tự do. Từ nhiều cuộc đấu tranh chống các khuynh hướng cơ hội trong Đảng, Đảng đã rút được nhiều kinh nghiệm quý như: « Thà có đảng viên ít mà tốt hơn là có đảng viên nhiều mà bị động và phức tạp » (Thông cáo của Trung ương ngày 20-3-1937).

Từ tháng 4-1975, cả nước chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ cách mạng khác trước: vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đối tượng cách mạng khác trước. Lúc này, không phải chỉ có nhiệm vụ chống bọn xâm lược nước ngoài và trấn áp bọn phản động trong nước mà còn phải cải tạo và xây dựng xã hội mới mà nhiệm vụ này lại vô cùng phức tạp, nhất là khi nước ta đang từ sản xuất nhỏ là chủ yếu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, lại ở bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ. Cán bộ, đảng viên không những phải có nhiệt tình cách mạng mà còn phải có kiến thức về nhiều mặt, nhất là về quản lý kinh tế. Ngoài kẻ thù cầm súng, chúng ta còn phải cảnh giác với kẻ thù đội lốt mặt, sống bên cạnh ta. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường không chỉ diễn ra trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội mà còn diễn ra ngay trong từng gia đình, từng con người. Cán bộ, đảng viên bây giờ ngoài nhiệm vụ cách mạng ra còn phải lo gánh vác việc gia đình; nhiều người bị vợ, con, người thân tác động dễ dẫn tới việc làm sai trái. Lúc này, về khách quan, đội ngũ cán bộ, đảng viên *tất yếu có sự phân hóa về tư tưởng*: số đông phát huy truyền thống cách mạng, tiếp thu giáo dục và rèn luyện lập trường giai cấp công nhân, giữ được bản chất cách mạng; một số, kể cả người có công lao trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ, nay tỏ ra dao động, lúng túng trước nhiệm vụ cách mạng mới. Số lượng đảng viên phạm pháp bị xử lý ngày càng tăng, một mặt biểu hiện công tác quản lý, giáo dục của ta có thiếu sót, nhưng mặt khác cũng phản ánh một cách khách quan xu thế phân hóa của đội ngũ cán bộ, đảng

Digitized by Google

viên trong cơn lốc vận động của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Khuyết điểm của ta là thiếu sự chuẩn bị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên đáp ứng tình hình và nhiệm vụ mới; thậm chí thiếu cảnh giác, để cho một số người cơ hội nắm chức quyền, họ lại đưa những phần tử cơ hội khác vào Đảng. Ta chưa giáo dục đầy đủ cho đảng viên thấy sớm và kịp thời những vấn đề mới của cách mạng đặt ra; chưa đứng trên lập trường giai cấp công nhân để rà soát, lựa chọn đội ngũ, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người cản trở bước tiến của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Việc đưa vào Đảng những người ưu tú xuất thân từ giai cấp công nhân và nhân dân lao động, những người qua thử thách đã tỏ ra kiên định với đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, chưa được coi trọng đúng mức.

Có ý kiến cho rằng khó khăn về kinh tế — đời sống và khuyết điểm của lãnh đạo và quản lý là nguyên nhân chính để ra tiêu cực của đội ngũ đảng viên. Chúng ta thừa nhận phải tăng cường và cải tiến quản lý sản xuất và phân phối lưu thông, phải có chính sách cán bộ phù hợp. Điều đó hết sức quan trọng. Nhưng phải nhận rằng số đông người lao động đời sống có khó khăn vẫn tìm cách làm ăn chân chính; trái lại, số người thoái hóa biến chất phần lớn là bọn giàu có, đời sống đã khá lại muốn khá hơn, muốn làm giàu bằng mọi cách bất hợp pháp trên lưng Nhà nước và nhân dân lao động.

2 — Kẻ thù, nhất là bọn bành trướng bá quyền câu kết với đế quốc Mỹ đang phá ta bằng nhiều lực lượng, nhiều thủ đoạn, nhất là nhằm vào đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nền kinh tế vốn đã khó khăn, bị kẻ thù bao vây, cấm vận, lại có nhiều khuyết điểm trong công tác quản lý làm trầm trọng thêm những khó khăn. Đó là nguyên nhân khách quan.

Nhưng thiếu sót của ta là chưa làm cho cán bộ, đảng viên nhận rõ tính chất gay go, phức tạp, khó khăn, lâu dài của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, và nói chung là của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa, chưa giáo dục đầy đủ lập trường giai cấp công nhân cho họ.

Trong sự nghiệp cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới từ gốc đến ngọn, nhằm xóa bỏ các giai cấp bóc lột, xóa bỏ tình trạng người bóc lột người, chúng ta không những phải trấn áp bọn phản động trong nước, trừng trị những phần tử tư sản không chịu cải tạo, mà còn phải chống lại bọn phản động quốc tế câu kết với đế quốc Mỹ, với các đế quốc khác và bọn phản động trong vùng tiến hành chiến tranh lấn chiếm và chiến tranh phá hoại nhiều mặt hòng làm suy yếu, tiến tới thôn tính nước ta. Bằng nhiều đường, nhiều cách, chúng móc nối với bọn phản động trong nước. Chúng có kinh nghiệm lịch sử lâu đời thống trị ta, dùng tiền, hàng, vàng, gái để mua chuộc, hủ hóa, khống chế cán bộ. Nhất là bọn bành trướng lại có nhiều thủ đoạn tinh vi luồn sâu, leo cao, cài cắm người vào bộ máy của ta. Do ta thiếu cảnh giác, công tác bảo vệ Đảng đã có một số sơ hở bị địch lợi dụng, một số cán bộ đảng viên ta lâm vào tình trạng thụ động trước thủ đoạn mới của kẻ thù, dễ bị mua chuộc, sa ngã.

Chúng ta đã không nhận rõ những đảng viên thoái hóa biến chất về khách quan cũng là kẻ thù của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Kẻ thù này có phần nguy hiểm hơn kẻ thù trực tiếp cầm súng vì chúng ở lẫn quanh ta, có vỏ ngoài cách mạng để phá ta từ bên trong. Không những phá tài sản xã hội chủ nghĩa mà phá cả đội ngũ cán bộ, đảng viên, làm tê liệt nền chuyên chính vô sản, bôi nhọ uy tín của Đảng. Chúng ta đã không thấy tính chất quyết liệt của cuộc đấu tranh chống nạn tham nhũng trong Đảng và Nhà nước; vì vậy đã xuề xoa, hữu khuynh.

Digitized by Google

Kinh tế và đời sống khó khăn cùng những tiêu cực xã hội buộc người đảng viên phải suy nghĩ dằn vặt: làm gì, làm thế nào cho đúng, sống như thế nào cho phù hợp, hoặc tiếp tục sống chân chính nhưng vất vả thiếu thốn trăm bề, hoặc đua đòi làm giàu một cách bất chính theo bọn ăn cắp, đầu cơ, buôn lậu? Đó cũng là một thực tế khách quan. Khuyết điểm của ta là các cấp lãnh đạo chưa thật quan tâm, thông cảm khó khăn của đảng viên, tỏ ra ít sâu sát hơn trước. Do đó, chưa hướng dẫn, tạo điều kiện cho đảng viên cách làm ăn, cách sinh sống phù hợp với tư cách đảng viên và điều kiện kinh tế — xã hội; chưa kịp thời bồi dưỡng đạo đức, phẩm chất cách mạng trong điều kiện mới, ngăn chặn những tư tưởng, hành động sai trái. Chúng ta đã buông lỏng lãnh đạo, để nhiều người chạy theo đồng tiền; nhiều người có chức, có quyền lợi dụng chức quyền để làm bậy, nêu gương xấu. Nhiều đảng viên khác tính toán dại, khôn, hơn, thiệt, a dua theo phong trào.

3 — *Kỷ cương trong Đảng và pháp luật của Nhà nước bị buông lỏng kéo dài* là nguyên nhân chủ quan, trực tiếp.

Đảng ta đã có kinh nghiệm lịch sử là phải kiên định lập trường giai cấp công nhân trong đường lối chính sách, giữ vững kỷ cương trong Đảng và pháp luật của Nhà nước, chống mọi biểu hiện sai lầm, cơ hội chủ nghĩa ở trong Đảng.

Chúng ta đã có lúc phạm sai lầm giáo điều, « tả » khuynh trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, và Đảng đã mạnh dạn tự phê bình rồi sửa chữa sai lầm. Nhưng đáng chú ý là từ sau khi sửa sai năm 1956, đã dần dần hình thành tư tưởng hữu khuynh, buông lỏng, vô tổ chức, vô kỷ luật ngày càng rõ. Nhất là từ năm 1975, sau khi giải phóng miền Nam và thống nhất Tổ quốc, trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ đầy phức tạp, đã phát triển tâm lý nghi ngờ, sợ phạm sai lầm như trong cải cách ruộng đất, sợ đánh vào nội bộ lần nữa, coi nhẹ đấu tranh giai cấp ngoài xã hội và đấu tranh chống những biểu hiện sai lầm ở trong Đảng.

Nguyên tắc và kỷ cương của Đảng không được bảo đảm cho nên nhiều vấn đề quan trọng không được tập thể bàn bạc và quyết định mà lại do cá nhân quyết định. Ý kiến của đảng viên và quần chúng không được xem xét. Ở nhiều nơi, đã hình thành thói xấu của người lãnh đạo coi mình là trên tất cả, coi ý kiến mình là đúng, là chỉ thị; viện cớ bận việc lớn, không chịu sinh hoạt ở cơ sở Đảng và không chịu sự quản lý của chi bộ Đảng.

Nhiều cán bộ lãnh đạo mắc khuyết điểm hoặc có liên quan đến những tên có tội nhưng không được đưa ra kiểm tra, xem xét; hoặc nếu có bị kiểm điểm cũng nhẹ nhàng, không công bố. Quần chúng hoài nghi sự nghiêm minh của kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Việc chống thoái hóa biến chất không nghiêm là do:

— Một số cán bộ lãnh đạo thiếu nghiêm minh do hữu khuynh, sợ va chạm; nhiều trường hợp do chính người lãnh đạo vi phạm đạo đức, phẩm chất, có liên quan với tội phạm, hoặc người thân trong gia đình, thiếu gương mẫu, « há miệng mắc quai », phải lờ đi.

— Do quan liêu, thiếu trách nhiệm, không sát cơ sở, không kiểm tra sâu, đánh giá sự việc và cán bộ qua những báo cáo láo không đúng sự thật, qua những câu nịnh hót, bợ đỡ, bỏ qua ý kiến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của quần chúng, thậm chí còn thành kiến với người tố giác đúng đắn, cảnh cáo mọi người phải xem chừng có « hận diện địch ».

— Sợ mất cán bộ, mất uy tín của Đảng, sợ rụng hàng loạt. Do cách

Digitized by Google

đánh giá cán bộ không đúng cho nên không thấy được nhân tố mới, không phát hiện được những cán bộ có triển vọng để đào tạo, thay thế, mà chỉ thấy những người cùng ê kíp với mình là đáng tin cậy.

— Các cơ quan có chức năng giúp cấp ủy và chính quyền giữ vững kỷ luật và pháp luật chưa làm tròn trách nhiệm của mình; một số trường hợp do điều tra, nghiên cứu không kỹ cho nên thiếu khách quan, toàn diện; có không ít trường hợp do cán bộ giúp việc có động cơ cá nhân, cảm tình với người xấu hoặc đã bị « móc ngoặc ». Các cơ quan nội chính, kiểm tra, tổ chức thiếu chủ động kết hợp, có khi còn ngáng trở nhau, chưa tạo thành sức mạnh tổng hợp.

— Cấp ủy chưa nhận thức đúng công tác nội chính, không thấy nội chính là tổng hợp hoạt động của các ngành liên quan để tạo nên sức mạnh thống nhất giúp cấp ủy nắm vững chuyên chính vô sản. Do đó, nói đến chuyên chính thường chỉ nghĩ đến quân đội, công an,... chưa chủ trì khâu các đầu mối để thật sự nắm và lãnh đạo chặt chẽ, đồng bộ, kịp thời.

III — Kiên quyết và tích cực đấu tranh chống thoái hóa biến chất để khôi phục kỷ cương trong Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đang thực hiện nhiều biện pháp cấp bách về kinh tế, trước mắt là về giá — lương — tiền để đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống. Đó là một phương hướng rất cơ bản nhằm khắc phục từng bước những tiêu cực về kinh tế — xã hội. Toàn Đảng, toàn dân phải kiên quyết thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ, biện pháp đó.

Đồng thời, phải thật sự chuyển biến mạnh trong cuộc đấu tranh chống thoái hóa biến chất, coi đây là một khâu công tác cấp bách có ý nghĩa rất quan trọng

1 — Xác định lại tiêu chuẩn cán bộ, đảng viên trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa để rà soát, làm trong sạch đội ngũ và tăng cường giáo dục.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch rõ: « Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa ». Người cán bộ, đảng viên trong giai đoạn cách mạng hiện nay phải là người đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, kiên quyết thực hiện đường lối của Đảng. Phải bảo đảm các tiêu chuẩn chung sau đây:

— Tuyệt đối trung thành với Đảng, nhất trí với đường lối đi lên chủ nghĩa xã hội, bảo vệ và thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng. Phân biệt được rõ ta, bạn, thù trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay.

— Có năng lực tổ chức, lãnh đạo quần chúng thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa, trước hết là những nhiệm vụ cấp bách về kinh tế — xã hội, về tổ chức cán bộ, chống nạn thoái hóa biến chất.

— Có khả năng góp phần tích cực khôi phục được lòng tin của quần chúng đối với Đảng, trước hết là quy tụ được nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và hăng hái thực hiện các nhiệm vụ cách mạng.

Cần vận dụng những tiêu chuẩn chung nói trên, vào từng ngành, từng địa phương để xây dựng các tiêu chuẩn cụ thể, sát hợp. Trên cơ sở đó, rà soát lại đội ngũ cán bộ đảng viên hiện nay, bảo đảm cho đội ngũ đó thật sự kiên định lập trường giai cấp công nhân. Trong quá trình rà soát, nhất định chúng ta sẽ tìm ra những phần tử cơ hội thoái hóa, biến chất để đưa ra khỏi Đảng. Việc này phải tiến hành kiên quyết, chính xác và triệt để, không thể để cho những kẻ cơ hội tạo ra những ê kíp bao che cho nhau lừa dối Đảng; không nên làm chung chung, đánh trống bỏ dùi, không phân biệt được thật, hư, tốt, xấu.

Digitized by Google

Chúng ta phải sử dụng bạo lực cách mạng để trấn áp bọn phản cách mạng. Bọn thoái hóa biến chất là những đồng minh khách quan của bọn này; chúng ta không thể hữu khuynh, xuê xoa đối với chúng. Pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh sẽ có tác dụng giáo dục, răn đe, trấn áp đối với bọn phản cách mạng và các loại tội phạm nguy hiểm khác. Tất nhiên, chúng ta cố gắng không để cho tòa án xử sai, xử oan; càng không thể để cho tình trạng vi phạm pháp luật xảy ra ngay cả ở các cơ quan pháp luật của Nhà nước.

Việc rà soát, làm trong sạch đội ngũ cán bộ đảng viên chỉ có thể làm tốt trên cơ sở giáo dục đảng viên và quần chúng nhận rõ sự cần thiết cấp bách của công tác này để họ tích cực góp ý xây dựng đối với Đảng. Công tác giáo dục phải thường xuyên nâng cao nhận thức chính trị của cán bộ đảng viên về tình hình và nhiệm vụ cách mạng, bồi dưỡng đạo đức cách mạng và năng lực công tác phù hợp với những đòi hỏi mới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Lê-nin đã nói: «Việc thanh Đảng, gắn liền với những *đòi hỏi ngày càng tăng* của Đảng về một công tác thật sự có tính chất cộng sản, sẽ cải thiện *bộ máy* chính quyền Nhà nước và sẽ thúc đẩy hết sức mạnh mẽ nông dân *đứng hẳn* về phía giai cấp vô sản cách mạng» (2).

2 — Chúng ta có xử lý được bọn thoái hóa biến chất không, và phải làm bằng cách nào?

— Khâu quyết định là phải củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ chủ chốt, kiện toàn các cấp ủy, các cơ quan tổ chức, các ngành chuyên chính.

— Phát động quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng. Đảng ta nhận định quần chúng cơ bản là tốt, trong quần chúng có người xấu, nhưng đó chỉ là số rất ít. Chúng ta hoan nghênh quần chúng góp ý kiến, bảo vệ người mạnh dạn góp ý, trả lời cho quần chúng biết kết quả góp ý của họ. Với người có động cơ xấu, phạm tội vu khống, gây rối thì ta có quyền xử theo bộ luật hình sự.

— Bảo đảm các nguyên tắc của Đảng: tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, bảo đảm sinh hoạt phê bình và tự phê bình. Không cho phép bỏ qua các quy định của pháp luật để tùy tiện xử lý nội bộ; không cho phép cá nhân người lãnh đạo bao che hoặc trù dập.

— Trong xử lý, bảo đảm tính công bằng: dù là người lãnh đạo, là người thân cũng phải bình đẳng trước kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước; càng là cấp trên càng phải làm gương. Bảo đảm tính dân chủ, lắng nghe ý kiến rộng rãi, kể cả của người có tội, nghiêm trị người nào đàn áp quần chúng phê bình. Bảo đảm có kết luận rõ, không lẫn lộn trách nhiệm. Bảo đảm tính công khai, không vin cớ sợ mất uy tín, sợ địch phá để bưng bít sự việc; tất nhiên việc công bố tùy theo mức độ cần thiết của từng vụ.

Kinh nghiệm cho thấy ở đâu, cấp ủy và người lãnh đạo cao nhất nghiêm túc, gương mẫu thì ở đó, mọi việc được xử lý đúng mức và nạn tham nhũng rất khó nảy sinh và phát triển.

3 — Sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, triệt để của Bộ chính trị, Ban bí thư, của ban thường vụ các cấp ủy, nhất là của các bí thư, thường trực cấp ủy là yếu tố quyết định.

Chống nạn tham nhũng, chống thoái hóa biến chất là việc làm thường xuyên nhưng trước mắt, phải tập trung sức làm mạnh trong một số năm để thật sự tạo ra chuyển biến tích cực, không thể coi nhẹ, làm qua loa.

Về mặt chỉ đạo, rút kinh nghiệm của nhiều cuộc vận động, việc lập ban

(Xem tiếp trang 20)

(2) V. I. Lê-nin: *Sáng kiến vĩ đại*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1970, tr. 3.

Digitized by Google

Đại tướng **LÊ TRỌNG TẤN**

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG CHO THẾ HỆ TRẺ SẴN SÀNG BẢO VỆ TỔ QUỐC

TRONG sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, công tác giáo dục quốc phòng cho toàn dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, có vai trò hết sức quan trọng. Đó là một nội dung cơ bản của việc quán triệt và thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Công tác giáo dục quốc phòng nhằm chuẩn bị một cách cơ bản và lâu dài về nhiều mặt cho thế hệ trẻ nước ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò xung kích trong nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, toàn diện và hiện đại, sẵn sàng làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và nghĩa vụ quốc tế. Công tác đó còn nhằm phát huy truyền thống anh hùng bất khuất của dân tộc ta, rèn luyện thế hệ trẻ thành những con người mới xã hội chủ nghĩa, xung kích trong phong trào thi đua, hoàn thành thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng và Nhà nước cũng như các công tác lớn đột xuất ở địa phương, xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa văn minh, lành mạnh. Trong tình hình hiện nay, công tác đó có tác dụng trực tiếp động viên và tổ chức thế hệ trẻ đi đầu trong cuộc đấu tranh đánh bại chiến tranh lấn chiếm biên giới và chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi hành động leo thang quân sự của chúng.

Công tác giáo dục quốc phòng cũng là một mặt quan trọng của công tác chính trị tư tưởng hiện nay của các tổ chức Đảng và Nhà nước, của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương và cơ sở.

Mười năm qua và trong thời gian tới, nhất là trong tình thế đặc biệt của đất nước ta hiện nay không phải hoàn toàn có hòa bình mà thường xuyên phải đối phó với nhiều âm mưu thâm độc của kẻ thù, công tác giáo dục quốc phòng vừa có tính chất cơ bản lâu dài, lại vừa khẩn trương, cấp bách. Công tác giáo dục quốc phòng nếu được các cấp ủy Đảng và các cơ quan có trách nhiệm quan tâm chỉ đạo và thực hiện một cách có kế hoạch cụ thể, thì sẽ tạo ra được động lực chính trị tinh thần to lớn trong cuộc chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu ở từng địa phương, đặc biệt là trên tuyến biên giới phía Bắc, ở ven biển, hải đảo và trong việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế. Thời gian qua, nhiều nơi đã chú trọng công tác giáo dục quốc phòng. Nhờ đó, đã động viên và tổ chức được thế hệ trẻ tham gia tích cực vào việc xây dựng thế và lực của nền quốc phòng toàn dân ở tỉnh, thành phố, huyện, quận và xã, ấp, phường... và chấp hành tốt luật nghĩa vụ quân sự.

Ở một số huyện như Thái thụy (Thái bình), Hải hậu, Xuân thủy (Hà nam ninh), Nghi lộc, Diễn châu (Nghệ tĩnh), Triệu hải (Bình trị thiên), Điện

Digitized by Google

bàn (Quảng nam – Đà nẵng) v.v. nhờ làm tốt công tác giáo dục quốc phòng, cho nên đã động viên được phong trào thanh niên hăng hái thực hiện nghĩa vụ quân sự, huy động lực lượng trẻ cùng nhân dân tích cực xây dựng tuyến phòng thủ vững chắc ở địa phương, vừa tạo thế bố trí quốc phòng vừa đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp. Một số hợp tác xã ở ven biển Thuận hải đã kết hợp giáo dục ý thức quốc phòng với tổ chức tốt lực lượng dân quân, tự vệ gồm những thanh niên giỏi về kỹ thuật, bảo đảm về chính trị làm nòng cốt trong các tổ sản xuất của các ngành.

Tuy nhiên, trong lãnh đạo và chỉ đạo, còn không ít cơ quan Đảng và Nhà nước chưa coi trọng đúng mức công tác giáo dục quốc phòng; chưa gắn công tác này với các mặt công tác khác; chưa có quy hoạch, chương trình giáo dục dài hạn và có hệ thống về quân sự phổ thông, huấn luyện quân sự bắt buộc trong các trường, phát triển thể thao quốc phòng, kết hợp giáo dục với thi hành luật nghĩa vụ quân sự; chưa nâng cao cảnh giác, phát động toàn dân chống lại một cách có hiệu quả chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, nhất là những hoạt động phá hoại về kinh tế và tư tưởng. Trong giáo dục hướng nghiệp cho học sinh các trường phổ thông chỉ hướng về làm kinh tế mà chưa hướng về làm nghĩa vụ quân sự, tham gia quân đội và đội ngũ sĩ quan. Nhiều nơi còn thiếu những hình thức, biện pháp giáo dục sinh động, hấp dẫn, phù hợp với các đối tượng trẻ tuổi. Vì vậy chưa nâng cao ý thức của thế hệ trẻ về nhiệm vụ quốc phòng; không ít thanh niên ở địa phương và cơ sở còn lơ là, coi nhẹ nhiệm vụ quốc phòng, nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và thực hiện luật nghĩa vụ quân sự..., thậm chí còn để xảy ra nhiều hiện tượng tiêu cực.

★

Thực chất của giáo dục quốc phòng là giáo dục lòng yêu nước. Có lòng yêu nước mới có đầy đủ ý thức cứu nước, giữ nước và dựng nước. Lòng yêu nước của con người Việt nam đã trở thành truyền thống vẻ vang, thấm vào máu thịt của các thế hệ, xuyên suốt chiều dài mấy nghìn năm lịch sử của dân tộc ta và trở thành động lực vô cùng mạnh mẽ trong cuộc chiến đấu chống xâm lược.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đúc kết điều đó: « Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước (1).

Vì vậy, ở nước ta, nói đến giáo dục lòng yêu nước, ý thức cứu nước và giữ nước, trước hết là nói đến *giáo dục truyền thống anh hùng bất khuất của dân tộc, của các thế hệ cha anh*, làm cho thế hệ trẻ tiếp thu và phát huy truyền thống đó trên cơ sở tư tưởng và thực tiễn mới ngày nay là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện chiến đấu hiện nay, truyền thống anh hùng bất khuất đó thể hiện ở tinh thần kiên trì chịu đựng khó khăn, căng thẳng, dũng cảm hy sinh chiến đấu vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện hòa bình hoặc tương đối hòa bình, truyền thống đó thể hiện ở tinh thần tích cực tham gia xây dựng quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân về mọi mặt, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, chống mọi hoạt động phá hoại của kẻ thù, chống mọi hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Mỗi công dân, đặc biệt là mỗi thanh niên thể hiện được những

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1986, tập 6, tr. 36.

Digitized by Google

tinh thần nói trên chính là có ý thức đầy đủ về nghĩa vụ thiêng liêng của mình đối với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và đối với hạnh phúc của nhân dân. Đó cũng là kế tục xứng đáng sự nghiệp cứu nước và giữ nước của ông cha ta.

Ngày nay trước những yêu cầu mới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, công tác giáo dục quốc phòng cần chú ý bồi dưỡng cho thế hệ trẻ không những *thấm nhuần chân lý « không có gì quý hơn độc lập tự do » mà còn có lý tưởng phấn đấu xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, có những đức tính tốt đẹp và kiến thức cần thiết của người chiến sĩ trong tương lai, đáp ứng những đòi hỏi của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.* Chúng ta làm cho thế hệ trẻ nhận thức rõ tình hình và nhiệm vụ cách mạng hiện nay, những âm mưu và thủ đoạn nham hiểm của kẻ thù, thấm nhuần tư tưởng: mỗi công dân vừa có nghĩa vụ lao động, vừa có nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc; toàn dân vừa lao động sản xuất, vừa bảo vệ Tổ quốc; toàn quân vừa bảo vệ Tổ quốc vừa lao động sản xuất; cả nước, từng địa phương và từng cơ sở vừa là một công trường lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa là một trận địa sẵn sàng đánh thắng mọi kẻ thù, như nghị quyết 24 ngày 9 tháng 6 năm 1985 của Bộ chính trị đã nêu ra. Mỗi thanh niên đến tuổi, đến lượt làm nghĩa vụ quân sự, có ý thức thi hành luật một cách tự nguyện, tự giác, xem đó là quyền lợi và nghĩa vụ cao quý của mình đối với Tổ quốc.

Một nội dung cần thiết trong giáo dục quốc phòng hiện nay là *giáo dục hướng nghiệp quân sự* cho thanh niên. Thế hệ trẻ cần nhận rõ trách nhiệm và vinh dự được thi vào học ở các trường sĩ quan quân đội, chuẩn bị bổ sung cho đội ngũ sĩ quan, kế tục sự nghiệp của các thế hệ đi trước, xây dựng và tham gia chỉ huy quân đội nhân dân—một quân đội đã có truyền thống chiến đấu vẻ vang, anh hùng.

Thông qua các tổ chức chiến đấu, các hoạt động xây dựng tuyến phòng thủ, xây dựng công sự chiến đấu và làng xã chiến đấu, các cụm điểm tựa liên hoàn, xây dựng pháo đài quân sự huyện, thông qua các cuộc diễn tập chiến đấu, phục vụ chiến đấu, bảo vệ địa phương của các đội quốc phòng—an ninh, cần giáo dục cho thanh niên ý thức tham gia tổ chức dân quân tự vệ, hăng hái luyện tập quân sự, làm chủ kỹ thuật, chiến thuật, rèn luyện tính kỷ luật, trung thực, dám nghĩ, dám làm, dám sáng tạo của con người mới xã hội chủ nghĩa. Hằng năm tham gia đều đặn chế độ định kỳ huấn luyện về quân sự phổ thông và các ngành nghề kỹ thuật cần cho quốc phòng và kinh tế, nâng cao thể lực khi còn đang ở nhà trường, xí nghiệp, hợp tác xã, cơ quan và công, nông, lâm trường.

Tiến hành các mặt công tác giáo dục quốc phòng trên đây phải có chương trình thống nhất và có sự phối hợp hoạt động của các cơ quan, các ngành của Đảng, Nhà nước và của các đoàn thể quần chúng từ trung ương đến địa phương và cơ sở; cần có kế hoạch cụ thể để quán triệt và đẩy mạnh việc thi hành trong các đơn vị quân đội và các cấp Đoàn thanh niên trong cả nước chỉ thị liên ngành của Ủy ban chỉ đạo trung ương giáo dục quốc phòng và Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh « Về việc tăng cường giáo dục và tổ chức thế hệ trẻ sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc ». Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, (thành phố), Ban chỉ huy quân sự huyện (quận) cùng với tổ chức Đoàn thanh niên ở địa phương hằng năm có kế hoạch hoạt động thống nhất nhằm thực hiện chương trình công tác giáo dục quốc phòng.

Ủy ban chỉ đạo trung ương giáo dục quốc phòng nhân dân cùng với Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (có sự giúp việc, kiểm tra,

Digitized by Google

đôn đốc của các cơ quan trực thuộc như Ban công tác quốc phòng, an ninh và thể dục thể thao, Ủy ban giáo dục quốc phòng nhân dân, Ban thanh niên quân đội) tăng cường chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động của các cấp tỉnh, huyện, Đoàn thanh niên và các quân khu, quân chủng, binh chủng, học viện, nhà trường trong quân đội. Cũng cần chú ý đổi mới những hình thức, biện pháp giáo dục quốc phòng sao cho sinh động, hấp dẫn, phù hợp với các đối tượng trẻ tuổi. Chẳng hạn, đối với lứa tuổi mẫu giáo, chúng ta chú ý tổ chức những buổi kể chuyện, thăm nhà bảo tàng, viếng lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, tổ chức cắm trại, hành quân để các em quen với cuộc sống tập thể, có kỷ luật, có chỉ huy của «đời sống người chiến sĩ», thực hiện nghi thức Đội trang nghiêm, hấp dẫn, gần gũi với điều lệnh của quân đội. Đối với lứa tuổi thanh niên, cần tổ chức tốt các cuộc «sinh hoạt truyền thống» kể chuyện, diễn đàn, gặp mặt các chiến sĩ anh hùng, thăm bảo tàng, di tích chiến đấu, di tích lịch sử về các võ quan, tướng lĩnh, anh hùng dân tộc, tiếp xúc với các binh khí kỹ thuật hiện đại, tổ chức các cuộc thi đấu, hội thao các môn kỹ thuật quân sự, mở rộng phong trào thể dục thể thao quốc phòng... Các tổ chức Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ phối hợp với các cơ quan quân sự ở địa phương quan tâm chăm lo những điều cần thiết cho các gia đình có con nhập ngũ cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương sẽ tác động sâu sắc đến ý thức quốc phòng của tuổi trẻ.

Hiện nay ở hầu hết các địa phương, tỉnh, thành phố, huyện, quận, các khu công nghiệp, các tuyến biên giới, ven biển và hải đảo, ở đâu cũng có những điển hình tốt về giáo dục quốc phòng. Chúng ta cần tổng kết rút kinh nghiệm và nhân rộng những điển hình ấy, đồng thời trên cơ sở tích cực đổi mới cả về nội dung và hình thức giáo dục, làm cho công tác giáo dục quốc phòng ngày càng có chất lượng và hiệu quả cao.

CHỐNG THOÁI HÓA...

(Tiếp theo trang 16)

chỉ đạo có tính chất liên hiệp không có tác dụng thiết thực vì ta đã có các cơ quan Đảng và Nhà nước có đầy đủ chức năng để tiến hành nhiệm vụ này. Trong việc củng cố các ngành chức năng thì việc củng cố khâu cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt quyết tâm, nghiêm minh, có năng lực là quyết định nhất. Các cấp ủy mà trực tiếp là ban thường vụ cần lãnh đạo tập trung, thống nhất, triệt để; từng thời gian có sơ kết và tổng kết công tác.

Chúng ta tin tưởng rằng với quyết tâm của toàn Đảng, với những biện pháp cụ thể và tích cực, chúng ta sẽ chiến thắng nạn tham nhũng và thoái hóa biến chất. Mỗi đảng viên hãy tự giác tham gia cuộc đấu tranh này

Digitized by Google

Thượng tướng **TRẦN VĂN QUANG**

VỀ CHÍNH SÁCH HẬU PHƯƠNG QUÂN ĐỘI TRONG TÌNH HÌNH MỚI

QUA mấy chục năm chiến tranh, chính sách hậu phương quân đội của Đảng và Nhà nước ta đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của chiến tranh. Nó đã động viên, cổ vũ cán bộ chiến sĩ ở tiền tuyến hăng hái thi đua giết giặc lập công và góp phần xây dựng, củng cố hậu phương vững mạnh. Đảng, Nhà nước ta đã từng ban hành, bổ sung chính sách hậu phương quân đội cho phù hợp với sự phát triển của tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong từng giai đoạn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các địa phương, các cấp, các ngành, các đoàn thể quần chúng và nhân dân đã nêu cao tinh thần trách nhiệm và tình cảm cách mạng tổ chức thực hiện chính sách đó đạt kết quả tốt. Phong trào toàn dân thực hiện chính sách hậu phương quân đội được phát động sâu rộng với nhiều nội dung và hình thức phong phú, không phải chỉ đối với đội ngũ những người đang cầm súng chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu và gia đình họ, mà còn đối với tất cả các thương binh, gia đình liệt sĩ, những quân nhân đã làm tròn nghĩa vụ trở về. Đó là phong trào thể hiện sâu đậm tình cảm gắn bó keo sơn giữa quân và dân, tiền tuyến và hậu phương, tinh thần trách nhiệm cao và lòng quý trọng của nhân dân ta đối với những chiến sĩ đã không tiếc máu xương bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc.

Những biểu hiện tốt đẹp trong việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội trên mọi miền đất nước đã làm phong phú thêm truyền thống cao quý đánh giặc giữ nước của nhân dân ta.

Hơn 10 năm qua, từ ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, chính sách hậu phương quân đội đã có một số bổ sung mới. Nhà nước đã ban hành luật nghĩa vụ quân sự nhằm động viên thanh niên và nhân dân làm tròn trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm công bằng xã hội, đấu tranh xóa bỏ những hiện tượng tiêu cực. Chính sách đối với gia đình quân nhân, thương binh, gia đình liệt sĩ được thực hiện với nhiều hình thức khác nhau như các phong trào « Đền ơn đáp nghĩa », « Đỡ đần con liệt sĩ », « Hướng về chiến sĩ tiền phương », « Cần nhà nghĩa tình »... Những quân nhân hoàn thành nhiệm vụ trở về được nhiều địa phương quan tâm bồi dưỡng, phát huy, trở thành lực lượng nòng cốt trong lao động sản xuất, bảo vệ an ninh và trật tự ở cơ sở. Một số địa phương đã có nhiều biện pháp cụ thể huy động được sự đóng góp công bằng của nhân dân để xây dựng quỹ quốc phòng, góp phần thuận lợi cho việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội. Dựa vào điều kiện và khả năng thực tế của mình, nhiều địa phương như Thái bình, Hà sơn bình, Nghệ tĩnh, Quảng nam — Đà nẵng, Đồng tháp, Minh hải... đã bằng nhiều biện pháp thiết thực chăm sóc tốt đời sống của các đối tượng chính sách.

Digitized by Google

Tuy nhiên, trong nhận thức và tổ chức thực hiện không phải địa phương nào, cấp nào, ngành nào cũng đã chú ý đầy đủ. Có địa phương còn lơi lỏng hoặc chưa đáp ứng được những yêu cầu mới của chính sách, hoặc dường như khoán trắng cho bộ phận chuyên trách thực hiện. Nhìn chung, phong trào thực hiện chính sách hậu phương quân đội còn chưa đều, ở nhiều nơi còn chưa mạnh, chưa sâu rộng trong quần chúng; ở một số nơi có phần còn trì trệ. Vì vậy, chính sách hậu phương quân đội cần được sự quan tâm thực hiện đầy đủ, chu đáo hơn ở khắp mọi miền của đất nước.

★

Đến nay đất nước ta vẫn ở trong tình trạng vừa có hòa bình, vừa phải đương đầu với chiến tranh lấn chiếm biên giới và chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc. Nhân dân ta phải dem sức người, sức của ra bảo vệ đất nước xây dựng quân đội tiến lên chính quy và ngày càng hiện đại, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, chuẩn bị đối phó với chiến tranh xâm lược quy mô lớn nếu kẻ địch liều lĩnh gây ra, làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Cam-pu-chia; đồng thời phải ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội, vượt qua những khó khăn hiện nay để ổn định đời sống, tạo bước chuyển biến mới về kinh tế — xã hội. Hai nhiệm vụ chiến lược đó làm cho mối quan hệ giữa kinh tế và quốc phòng, hậu phương và tiền tuyến gắn bó chặt chẽ với nhau: sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc, và làm tròn nhiệm vụ quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; những thành tựu đạt được trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội góp phần thiết thực vào việc củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

Trước những yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp bách của hai nhiệm vụ chiến lược hiện nay, chính sách hậu phương quân đội có vai trò quan trọng. Không nên quan niệm rằng, chính sách hậu phương quân đội chỉ nhằm phục vụ yêu cầu củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc và giải quyết những hậu quả do chiến tranh để lại, mà phải thấy rằng nó còn tác động trực tiếp đến nhiệm vụ xây dựng kinh tế, xây dựng đất nước. Và việc bảo đảm hai nhiệm vụ chiến đấu và sản xuất là cơ sở để thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Chính sách này là một bộ phận không thể thiếu được trong toàn bộ hệ thống chính sách kinh tế — xã hội và quốc phòng của nước ta. Nó gắn chặt với chính sách kinh tế.

Hoàn cảnh mới đã đặt ra những vấn đề cần phải quan tâm hơn nữa trong công tác tổ chức thực hiện chính sách hậu phương quân đội:

— Thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự, hằng năm, hàng chục vạn thanh niên được động viên vào phục vụ quân đội, và cùng với một số lượng tương ứng cán bộ, chiến sĩ sau khi hoàn thành nhiệm vụ phục vụ tại ngũ chuyển về các địa phương. Có quan niệm cho rằng, nghĩa vụ quân sự là việc riêng của mỗi người, đến tuổi thì vào phục vụ quân đội, hết hạn thì trở về, tập thể và người khác không phải lo. Từ quan niệm lệch lạc đó, đã nảy sinh những thiếu sót: công tác chuẩn bị cho thanh niên trước khi gọi nhập ngũ không đầy đủ, chu đáo; trong thời gian anh em tại ngũ, gia đình ở hậu phương chưa được chính quyền địa phương chú ý chăm sóc, giúp đỡ, khắc phục khó khăn trong sản xuất và đời sống; sau khi quân nhân hoàn thành nhiệm vụ trở về, các địa phương, các ngành thiếu kế hoạch tiếp nhận, sắp xếp việc làm hoặc ưu tiên trong tuyển sinh, tuyển dụng...

— Sau nhiều năm chiến đấu, công tác trong quân đội, đến nay một số

Digitized by Google

lớn cán bộ đã và sắp nghỉ hưu. Đó là lớp người có nhiều cống hiến, giữ vị trí nòng cốt trong các cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc. Các đồng chí ấy là những người hầu như suốt cả cuộc đời chinh chiến, không có điều kiện lo liệu gia đình, đến nay sức khỏe đã giảm sút và có nhiều khó khăn về đời sống. Các cấp, các ngành, các địa phương cần có những biện pháp thiết thực giúp đỡ với tình cảm trân trọng, quý mến lớp cán bộ này. Đó là điều rất quan trọng trong chính sách hậu phương quân đội hiện nay, nó có ảnh hưởng trực tiếp đến lớp chiến sĩ trẻ của chúng ta.

Thương binh, gia đình liệt sĩ, ngoài một số lượng lớn do nhiều năm chiến tranh trước đây để lại, ngày nay vẫn tiếp tục tăng thêm qua cuộc chiến đấu chống chiến tranh lấn chiếm ở biên giới phía Bắc và làm nghĩa vụ quốc tế ở nước bạn. Với cuộc chiến đấu gian khổ, ác liệt ở biên giới và trên chiến trường nước bạn, hằng ngày, hằng giờ, một bộ phận cán bộ, chiến sĩ ta vẫn tiếp tục đổ máu, hy sinh vì độc lập, chủ quyền của Tổ quốc, vì cuộc sống yên lành của nhân dân và vì nghĩa vụ quốc tế cao cả. Nghĩa vụ của toàn dân ta là thực hiện chu đáo chính sách chăm sóc đối với những chiến sĩ đã hy sinh xương máu và gia đình các liệt sĩ. Trong tình hình cả nước ta đang đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, không nên lẫn lộn những vấn đề bao cấp cần xóa bỏ với những chính sách, chế độ trợ cấp của Nhà nước đối với thương binh, gia đình liệt sĩ. Việc bảo đảm tính công bằng, kịp thời thực hiện các chế độ đó có tác dụng động viên và góp phần giải quyết khó khăn đối với một bộ phận khá đông đảo trong lực lượng lao động xã hội ta hiện nay.

Từ những vấn đề đó, đặt ra yêu cầu trong các chính sách kinh tế—xã hội cần có sự kết hợp đúng đắn với các chính sách quốc phòng, trong đó có chính sách hậu phương quân đội.

Việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội cần được các cấp, các ngành, các đoàn thể, các địa phương coi là một nội dung quan trọng và thường xuyên trong kế hoạch công tác của mình. Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, các cơ quan có chức năng thực hiện và liên quan trực tiếp như thương binh xã hội, quân sự địa phương, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ... tùy theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp chặt chẽ với nhau, thực hiện đồng bộ chính sách đó. Cần có những hình thức, biện pháp vừa huy động được những khả năng to lớn của quần chúng, vừa khai thác được tiềm năng của địa phương, của các ngành để tạo thêm điều kiện thuận lợi thực hiện chính sách. Trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách, cần nắm chắc tình hình, có sự quản lý chặt chẽ và kiểm tra thường kỳ đối với các cơ sở, đồng thời không thể xem nhẹ một mặt nào trong những nội dung của chính sách. Trước mắt, chúng ta cần tổng kết việc thực hiện chính sách đó ở các nơi, rút ra những kinh nghiệm tốt, khắc phục những thiếu sót, lệch lạc trong việc thực hiện chính sách. Từ đó, bảo đảm thực hiện tốt hơn những điều quy định đối với các loại đối tượng chính sách.

★

Chính sách hậu phương quân đội là một bộ phận quan trọng trong chính sách của Đảng đối với công cuộc xây dựng hậu phương vững

Digitized by Google

mạnh, củng cố nền quốc phòng toàn dân, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nó là một chính sách lớn của Đảng, có ý nghĩa chính trị sâu sắc. Nó thể hiện truyền thống cách mạng, đạo lý thủy chung của nhân dân ta và tính ưu việt của chế độ xã hội mới. Chính sách đó thể hiện ý chí của toàn dân đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, thể hiện ý thức trách nhiệm cao, sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, lòng biết ơn, sự quý trọng, đồng thời là nghĩa vụ, trách nhiệm của toàn dân đối với những người, những gia đình có cống hiến xứng đáng đối với sự nghiệp cách mạng.

Lê-nin đã từng dạy: «Hết thảy mọi biện pháp giúp đỡ của hậu phương đối với Hồng quân đều lập tức tác động đến tinh thần của Hồng quân... Mọi sự giúp đỡ của hậu phương đối với các chiến sĩ Hồng quân đều lập tức tăng cường sức mạnh của Hồng quân...»(1). «Khi binh sĩ Hồng quân đã thấy rằng ở hậu phương người ta nghĩ đến họ, thì họ có một tinh thần phấn khởi, làm cho họ chiến thắng» (2). Thực tiễn cách mạng nước ta cũng chứng minh lời dạy đó. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội là một bài học thành công của chúng ta trong mấy chục năm qua. Ngày nay, để đáp ứng yêu cầu mới của nhiệm vụ cách mạng, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tích cực thực hiện chính sách đó đạt kết quả tốt nhất.

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 41, tr. 395.
(2) Sách đã dẫn, tr. 428.

BÀI NÓI...

(Tiếp theo trang 8)

Đồng thời, cần nhận rõ dã tâm của quốc Mỹ và bọn phản động quốc tế không ngừng nuôi dã tâm làm suy yếu, hòng thôn tính nước ta. Vì vậy, quân và dân ta phải thường xuyên nâng cao cảnh giác, sẵn sàng dập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch, sẵn sàng chủ động đối phó trong mọi tình huống. Chúng ta kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền, bảo vệ vững chắc đất liền, vùng trời, vùng biển và biên cương của Tổ quốc, chống mọi âm mưu bành trướng, bá quyền, mọi tham vọng xâm phạm độc lập và chủ quyền của nước ta. Trong khi tập trung vào nhiệm vụ hàng đầu là xây dựng kinh tế, chúng ta quyết không xao lãng nhiệm vụ quốc phòng. Phải biết kết hợp nhuần nhuyễn nhiệm vụ giữ nước ngay trong các chủ trương và kế hoạch xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược mà Đảng ta đã đề ra.

Các đồng chí thân mến

Với sự tin cậy và tình cảm thân thiết nhất của Ban chấp hành trung ương Đảng, của Bộ chính trị đối với Quân đội nhân dân Việt nam, tôi xin chúc Đại hội đại biểu Đảng bộ toàn quân thành công tốt đẹp. Chúc các đồng chí và toàn thể cán bộ, chiến sĩ, công nhân, viên chức quốc phòng dồi dào sức khỏe, lập nhiều thành tích xuất sắc, cùng toàn Đảng, toàn dân phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ năm 1986, góp phần tích cực bảo đảm thành công của Đại hội VI và sẵn sàng thực hiện những nhiệm vụ vẻ vang và nặng nề sau Đại hội.

Xin cảm ơn các đồng chí.

Digitized by Google

HỒNG CHƯƠNG

CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG BẢO ĐẢM THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

CUỘC kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta bắt đầu và diễn ra trong điều kiện so sánh lực lượng giữa ta và địch có sự chênh lệch rất lớn. Về phía đế quốc Pháp — chúng có đội quân nhà nghề được huấn luyện chu đáo đã trải qua thử thách trên các chiến trường, có vũ khí hiện đại, có các tướng tài giỏi như Lơ Cléc, Đờ-lát Đờ Tat-xi-nhi..., lại có khí thế của một đội quân vừa cùng quân Đồng minh đánh thắng quân Đức quốc xã. Về phía ta — trải qua một thế kỷ mất nước, dân tộc ta bị tước vũ khí, quân đội mới hình thành, chỉ có gậy tầm vông và vũ khí thô sơ, chưa có kinh nghiệm tác chiến... Thật là cảnh « châu chấu đá voi »! Thế mà chúng ta đã đánh thắng được đế quốc Pháp. Về vật chất chúng ta kém Pháp về mọi mặt, thế thì nhân tố nào đã giúp cho ta đánh thắng Pháp nếu không phải là nhân tố tinh thần, tư tưởng?

Đương nhiên nhân tố quyết định thắng lợi của quân và dân ta trong kháng chiến chống Pháp là đường lối kháng chiến đúng đắn của Đảng ta. Nhưng nếu quân và dân ta không hiểu rõ và thực hiện đúng đường lối đó thì cũng không thể có thắng lợi. Công tác chính trị tư tưởng đem đường lối của Đảng tuyên truyền trong quần chúng, động viên quần chúng ra sức thực hiện đường lối của Đảng. Đường lối kháng chiến của Đảng thâm nhập quần chúng trở thành sức mạnh vật chất để đánh thắng đế quốc Pháp. Chính vì vậy công tác chính trị tư tưởng có vai trò to lớn trong việc bảo đảm thắng lợi của cuộc kháng chiến chống đế quốc Pháp của nhân dân ta.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp Đảng ta đặc biệt coi trọng công tác chính trị tư tưởng vì Đảng ta coi trọng nhân tố con người trong chiến tranh.

Có thể chia công tác chính trị tư tưởng của Đảng ta trong kháng chiến chống Pháp làm ba thời kỳ như sau:

1 — Công tác chính trị tư tưởng chuẩn bị cho kháng chiến toàn quốc.

2 — Công tác chính trị tư tưởng trong kháng chiến toàn quốc.

3 — Công tác chính trị tư tưởng sau kháng chiến thắng lợi. (Cho đến khi hoàn thành việc tập kết, chuyển quân (1).

Dưới đây chúng tôi xin điểm qua công tác chính trị tư tưởng của Đảng ta trong ba thời kỳ đó.

★

Công tác chính trị tư tưởng chuẩn bị cho toàn quốc kháng chiến.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, nhân dân ta giành được

(1) Đến khi hoàn thành tập kết chuyển quân, cuộc kháng chiến chống Pháp mới thật sự kết thúc.

Digitized by Google

chính quyền trong cả nước. Đảng ta đứng đầu là Bác Hồ đã nhìn thấy rõ nguy cơ xâm lược của đế quốc Pháp đối với nước ta. Đảng ta chuẩn bị về mọi mặt để đương đầu với cuộc tiến công quân sự của đế quốc Pháp nhằm chiếm lại nước ta. Đảng kêu gọi nhân dân ta chuẩn bị sẵn sàng đánh bại cuộc xâm lược vũ trang của đế quốc Pháp với tư thế công dân một nước độc lập có chủ quyền.

Trong *Tuyên ngôn độc lập*, đọc ngày 2-9-1945, Hồ Chủ tịch trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng: «Nước Việt nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy».

Trong những ngày sôi sục khí thế cách mạng cuối năm 1945 và đầu năm 1946, *Lời thề độc lập* đã vang lên trong các cuộc mét tin có đông đảo quần chúng tham gia ở khắp cả ba miền nước ta. Đặc biệt sau ngày 23-9-1945, giặc Pháp gây hấn ở Nam bộ, công tác chính trị tư tưởng của Đảng đã cổ vũ đồng bào cả nước ta nêu cao tinh thần yêu nước, kiên quyết chiến đấu đến giọt máu cuối cùng chống giặc Pháp để bảo vệ nền độc lập vừa giành được.

Ngày 25-11-1945 Trung ương Đảng ra chỉ thị «Kháng chiến kiến quốc» phân tích một cách toàn diện, sâu sắc tình hình thế giới và tình hình trong nước từ sau Cách mạng Tháng Tám, vạch rõ kẻ thù chính của nhân dân ta là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng. Chỉ thị nói rõ nhiệm vụ cần kíp của ta là: «phải củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân». Công tác chính trị tư tưởng tập trung tuyên truyền cho chủ trương đó của Trung ương Đảng.

Hoảng sợ trước sự lớn mạnh của cách mạng Việt nam, hai đế quốc Anh và Mỹ thỏa thuận giao lại cho đế quốc Pháp quyền giải giáp quân Nhật, thực chất là để cho quân đội Pháp chiếm đóng miền Nam Việt nam. Ngày 28-2-1946, theo lệnh của Mỹ, Tưởng Giới Thạch ký với đế quốc Pháp hiệp ước Pháp — Hoa tại Trùng khánh, trao cho đế quốc Pháp quyền thay thế quân Tưởng tước vũ khí quân Nhật ở miền Bắc Việt nam. Đầu tháng 3-1946 đế quốc Pháp đưa tàu chiến chở quân Pháp ra miền Bắc.

Để tránh tình trạng bất lợi, bị địch hãm vào thế cô độc, buộc phải đánh với nhiều kẻ thù một lúc, thực lực ta bị tiêu hao, Ban thường vụ Trung ương Đảng chủ trương hòa với Pháp để làm thất bại âm mưu của bọn đế quốc và phản động, bảo toàn lực lượng của ta, đồng thời giành thêm thời gian chuẩn bị cuộc chiến đấu mới, tiến tới giành độc lập hoàn toàn. Đó là một chủ trương cực kỳ sáng suốt, một mẫu mực tuyệt vời về sách lược lợi dụng những mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ địch và về sự nhân nhượng có nguyên tắc.

Thực hiện chủ trương của Đảng, ngày 6-3-1946 Hồ Chủ tịch thay mặt Chính phủ ta ký với đại diện chính phủ Pháp là Xanh-tơ-ny bản *Hiệp định sơ bộ*. Theo bản hiệp định này Chính phủ Pháp công nhận Việt nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do, nằm trong Liên hiệp Pháp, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng.

Trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ, việc ký *Hiệp định sơ bộ* là một biện pháp đúng đắn và sáng tạo. Tuy vậy, một số người vì không hiểu rõ chủ trương của Đảng sinh ra thắc mắc hoặc dao động, hoang mang. Công tác chính trị tư tưởng đã giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ chủ trương của Đảng: khiến cho mọi người thấy rằng đó là chủ trương duy nhất đúng: nó đã làm thất bại âm mưu của

Digitized by Google

bọn đế quốc và phản động câu kết với nhau chống phá cách mạng Việt nam: nó có tác dụng đuổi nhanh quân Tưởng về nước; nó giúp cho ta có thêm thời gian xây dựng lực lượng, chuẩn bị kháng chiến lâu dài. Công tác chính trị tư tưởng nhắc nhở mọi người rằng trong lúc đàm phán với Pháp, ta không những không ngừng công việc chuẩn bị, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu, mà còn ra sức xúc tiến cuộc chuẩn bị ấy; không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của nhân dân ta.

Công tác chính trị tư tưởng giải thích sâu rộng trong quần chúng chủ trương *hòa để tiến* của Đảng, đấu tranh chống các xu hướng «tả» và hữu khuynh, chống mọi biểu hiện bi quan, dao động hoặc chủ quan mất cảnh giác. Công tác chính trị tư tưởng kêu gọi mọi người ra sức đoàn kết, nêu cao cảnh giác, tích cực chuẩn bị lực lượng về mọi mặt để kháng chiến khi cần thiết.

Để làm cho nhân dân Pháp và nhân dân thế giới thấy rõ thiện chí của ta, để cho ta có thêm thời gian chuẩn bị lực lượng để kháng chiến chống Pháp, trong cuộc đi thăm chính thức nước Pháp theo lời mời của Chính phủ Cộng hòa Pháp, Hồ Chủ tịch thay mặt Chính phủ ta, đã ký với Mu-tê, thay mặt chính phủ Pháp, bản *Thỏa hiệp tạm thời* ngày 14-9-1946.

Nhưng bọn thực dân Pháp không ngừng vi phạm các điều khoản của *Hiệp định sơ bộ* ngày 6-3 và *Thỏa hiệp tạm thời* ngày 14-9. Chúng luôn luôn có những hành động khiêu khích và lấn chiếm đất nước ta. Trước những hành động khiêu khích và lấn chiếm của bọn thực dân Pháp, ngày 5-11-1946 Hồ Chủ tịch đã viết chỉ thị «Công việc khẩn cấp bây giờ». Người chỉ thị cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta ra sức đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị kháng chiến trên các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, giao thông vận tải... để sẵn sàng đối phó khi thực dân Pháp cố tình gây ra chiến tranh. Người chỉ rõ để làm tốt công việc chuẩn bị kháng chiến phải đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ.

Trong chỉ thị đó Hồ Chủ tịch nhấn mạnh: Ta phải hiểu và phải cho dân hiểu rằng: cuộc kháng chiến sẽ rất gay go cực khổ». «Ta phải có, và phải làm cho dân ta có *Tín tâm* và *Quyết tâm*. Dùng lời lẽ giản dơn rõ rệt mà giải thích cho quần chúng. Cố rán sức qua khỏi mùa đông lạnh lẽo, thì ta sẽ gặp mùa xuân. Qua khỏi trận khủng bố ráo riết của địch, thì ta sẽ thắng lợi» (1).

Chỉ thị *Công việc khẩn cấp bây giờ* của Hồ Chủ tịch là một văn kiện cực kỳ quan trọng đặt cơ sở cho đường lối kháng chiến cả nước sau này.

Bằng cách phổ biến sâu rộng chỉ thị *Công việc khẩn cấp bây giờ* của Hồ Chủ tịch, công tác chính trị tư tưởng trang bị về mặt tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc ngày 19-12-1946.

Cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc Việt nam ta bắt đầu từ ngày 23-9-1945; tuy vậy cho tới ngày 19-12-1946, đó là cuộc kháng chiến từng phần, trong đó chiến đấu vũ trang xen lẫn với đàm phán, và có thời gian Đảng ta thực hiện chủ trương *hòa để tiến*.

Thời kỳ từ ngày 23-9-1945 đến ngày 19-12-1946 là thời đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp; đó cũng là thời kỳ chuẩn bị cho kháng chiến toàn quốc.

Công tác chính trị tư tưởng từ sau Cách mạng Tháng Tám, nhất là từ ngày 23-9-1945 đến ngày 19-12-1946, là sự chuẩn bị về mặt tư tưởng cho cuộc kháng chiến toàn quốc chống đế

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội 1984, tập 4, tr. 180 – 181.

Digitized by Google

quốc Pháp xâm lược của nhân dân cả nước ta

★

Công tác tư tưởng trong kháng chiến toàn quốc.

Vì chính sách phản động và hiếu chiến của đế quốc Pháp, ngày 19-12-1946 chiến tranh lan ra khắp cả nước ta. Trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Hồ Chủ tịch vạch rõ:

« Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

« Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ ».

Hồ Chủ tịch kêu gọi:

« Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước ».

Hưởng ứng Lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, công tác chính trị tư tưởng đã phát động chí căm thù của nhân dân ta đối với giặc Pháp xâm lược, cổ vũ mọi người nêu cao tinh thần yêu nước, đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu nước.

Năm 1947 đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh viết cuốn *Kháng chiến nhất định thắng lợi*, trình bày đường lối cơ bản của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta. Tác phẩm này được dùng làm tài liệu cơ bản của công tác chính trị tư tưởng của Đảng ta trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp.

Công tác chính trị tư tưởng đã giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta nắm vững đường lối, phương châm, chiến lược, chiến thuật của Đảng ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Công tác chính trị tư tưởng đem lại những lời giải đáp cho các vấn đề: Ta đánh ai? Tại sao phải đánh? Đánh để làm gì? Đánh có thắng được không? Cách đánh như thế nào? Phải làm gì để thắng?

Công tác chính trị tư tưởng nêu cao tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Pháp của ta đồng thời vạch rõ tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh của giặc Pháp xâm lược nước ta.

Cuộc kháng chiến chống Pháp của ta là chiến tranh chính nghĩa. *Chiến tranh chính nghĩa* thì có nhiều người tham gia, nhiều người đồng tình và ủng hộ.

Công tác chính trị tư tưởng giúp cho mọi người hiểu rõ cuộc kháng chiến của ta là cuộc *chiến tranh toàn dân*. « Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước ». (Lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch). Phải có toàn dân tham gia, toàn dân gánh vác thì kháng chiến mới thắng lợi. Vì vậy, phải động viên toàn dân, tổ chức toàn dân tham gia kháng chiến. Có cải thiện đời sống của dân, mở rộng quyền dân chủ cho dân, thì mới có thể động viên toàn dân dốc sức vào cuộc chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược.

Công tác chính trị tư tưởng làm cho mọi người hiểu rõ cuộc kháng chiến của ta là cuộc *chiến tranh toàn diện*. Phải đánh địch trên các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa.

Công tác chính trị tư tưởng giúp cho quân và dân ta nắm vững phương châm chiến lược của toàn bộ cuộc kháng chiến của ta là *đánh lâu dài*. Ta phải đánh lâu dài để vừa đánh vừa giữ gìn thực lực, bồi dưỡng lực

Digitized by Google

lượng, huấn luyện quân và dân, học đánh nhau trong khi đánh nhau, chuyển thiếu thành đủ, chuyển yếu thành mạnh để thắng quân địch. Quân và dân ta đoàn kết chặt chẽ, kiên quyết chiến đấu, nêu cao tinh thần tự lực tự cường, ra sức xây dựng và phát triển lực lượng, kháng chiến lâu dài thì nhất định đánh thắng được thực dân Pháp. Đảng đặc biệt coi trọng giáo dục nhân dân *tinh thần dựa vào sức mình là chính*.

Công tác chính trị tư tưởng làm cho mọi người tin tưởng vững chắc rằng *kháng chiến nhất định thắng lợi*. « Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta » (Lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch).

Công tác chính trị tư tưởng của ta làm cho mọi người tin tưởng rằng dân tộc Việt nam nhất định thắng bọn thực dân Pháp vì : kháng chiến của ta là chính nghĩa ; đồng bào ta đại đoàn kết ; tướng sĩ ta dũng cảm ; chiến lược ta đúng ; ta có nhiều bầu bạn.

Công tác chính trị tư tưởng động viên toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phấn đấu thực hiện cho bằng được quyết tâm của Đảng và Hồ Chủ tịch : « Dù phải hy sinh bao nhiêu và thời gian kháng chiến đến bao giờ, chúng ta cũng nhất định chiến đấu đến cùng, đến bao giờ nước Việt nam được hoàn toàn độc lập và thống nhất » (2).

Trong khi tuyên truyền cho đường lối kháng chiến của Đảng, công tác chính trị tư tưởng kết hợp phê phán các khuynh hướng tư tưởng sai lầm gây trở ngại cho việc thực hiện đường lối kháng chiến của Đảng. Đó là các khuynh hướng : bi quan, thất bại chủ nghĩa, chủ quan khinh địch ; nửa chừng thỏa hiệp ; muốn nhờ nước thứ ba dàn xếp ...

Văn hóa, văn nghệ là những phương tiện rất tốt để giáo dục tư tưởng một cách sâu sắc. Trong công tác chính trị tư tưởng, Đảng đã phát huy tác dụng của văn hóa, văn nghệ để đánh giặc, giữ nước, làm cho dân mạnh, dân tiến, dân tin, dân vui. Tác phẩm *Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt nam* của đồng chí Trường Chinh và tác phẩm *Xây dựng văn nghệ nhân dân Việt nam* của đồng chí Tố Hữu vạch ra đường lối, nhiệm vụ, phương châm công tác văn hóa, văn nghệ, động viên các lực lượng văn hóa văn nghệ phục vụ kháng chiến góp phần xây dựng nền văn hóa, văn nghệ mới ở Việt nam. Đảng khuyến khích anh chị em văn nghệ sĩ đi sâu vào đời sống chiến đấu và sản xuất của quân và dân ta, ghi lại những sự tích anh hùng, miêu tả những con người tiên tiến, cổ vũ mọi người dũng cảm xông lên giết giặc lập công, đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi.

Ngày 27-3-1948 Trung ương Đảng ra chỉ thị phát động phong trào thi đua yêu nước nhằm làm cho « kháng chiến mau thắng lợi, kiến quốc chóng thành công ». Ngày 1-5-1948 Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi thi đua yêu nước. Công tác chính trị đã động viên toàn dân toàn quân nêu cao nhiệt tình cách mạng, tinh thần chủ động sáng tạo, thi đua hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa. Cả nước dã dấy lên phong trào thi đua sôi nổi : quân đội thi đua giết giặc lập công, công nhân, nông dân thi đua lao động sản xuất, giới trí thức thi đua sáng chế, phát minh. Phong trào thi đua yêu nước phát triển mạnh mẽ với nội dung và hình thức phong phú, góp phần to lớn vào việc đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện, súc tích lực lượng để kháng chiến lâu dài.

Ngày 14-7-1949 Chính phủ ban hành sắc lệnh giảm tô. Công tác chính trị tư tưởng ra sức phục vụ việc thực hiện giảm tô nhằm cải thiện đời sống.

(3) Hồ Chí Minh : « Gửi nhân dân Việt nam nhân dân Pháp, nhân dân các nước đồng minh », *Toàn tập*, tập 4, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1984, tr 209.

Digitized by Google

cho nông dân, lực lượng đông đảo nhất trong đội quân chủ lực của cuộc kháng chiến.

Năm 1953 Đảng chủ trương cải cách ruộng đất, thực hiện « người cày có ruộng » ngay trong kháng chiến. Hồ Chủ tịch nói: « Muốn kháng chiến hoàn toàn thắng lợi, dân chủ nhân dân thật thà thực hiện, thì phải thiết thực *nâng cao quyền lợi kinh tế và chính trị của nông dân, phát chia ruộng đất cho nông dân* » (3). Công tác chính trị tư tưởng phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất, nhằm bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân, củng cố liên minh công nông, tạo thêm nhân tố đẩy mạnh kháng chiến.

Công tác chính trị tư tưởng vận động đồng bào hậu phương, người có tiền giúp tiền, người có của giúp của, người có sức giúp sức, thi đua giúp quân đội đánh giặc theo khẩu hiệu « Tất cả cho tiền tuyến. Tất cả để đánh thắng ».

Đảng giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân theo tinh thần « thắng không kiêu, bại không nản », kiên trì kháng chiến lâu dài. Đảng nhắc nhở mọi người ghi nhớ lời Hồ Chủ tịch: « Địch càng tuyệt vọng thì càng liều mạng, càng dã man. Ta càng gần thắng lợi, càng gặp nhiều khó khăn gian khổ. Vì vậy chúng ta tuyệt đối chớ chủ quan, chớ khinh địch. Chúng ta phải sẵn sàng chuẩn bị tinh thần và vật chất, để vượt qua mọi trở lực »(4).

Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta ngày càng giành được thắng lợi to lớn, bọn thực dân Pháp thất bại liên tiếp. Đế quốc Mỹ ngày càng can thiệp sâu vào Đông dương để ngăn chặn cách mạng Việt nam, cứu nguy cho thực dân Pháp đồng thời chuẩn bị điều kiện hất cẳng thực dân Pháp để chiếm Đông dương. Từ giữa năm 1950, công tác chính trị tư tưởng của Đảng nêu khẩu hiệu « Chống thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ, hoàn toàn giải phóng Đông dương ». Công tác chính trị tư tưởng của Đảng vạch trần âm mưu và thủ đoạn thâm độc của đế quốc Mỹ, giải thích cho nhân dân chủ trương mới của Đảng đối với đế quốc Mỹ, đồng thời động viên nhân dân tích cực đấu tranh chống bọn can thiệp Mỹ, tham gia phong trào đấu tranh cho hòa bình thế giới, chống âm mưu gây chiến của bọn đế quốc do Mỹ cầm đầu; vạch mặt bọn Việt gian thân Mỹ, thân Pháp, động viên sức người, sức của cho kháng chiến, cải thiện đời sống nhân dân. Chúng ta làm cho mọi người tin rằng: bất kể bọn đế quốc dùng thủ đoạn gì, chúng cũng sẽ thất bại nhục nhã ở Đông dương.

Do không thấy hết khó khăn sau khi giặc Pháp mở rộng khu vực chiếm đóng, không nhận thức đầy đủ quan điểm kháng chiến lâu dài, lại có xu hướng ỷ lại vào thuận lợi quốc tế, trong cán bộ và đảng viên ta có người nảy sinh tư tưởng lạc quan tếu, muốn đánh nhanh, giải quyết nhanh. Có nơi ham ăn to, đánh lớn, coi nhẹ chiến tranh du kích, hoặc thực hiện lệnh tổng động viên một cách tùy tiện, máy móc, không chú ý bồi dưỡng sức dân để kháng chiến lâu dài. Cũng do chủ quan, cho nên khi thấy đế quốc Mỹ can thiệp sâu vào Đông dương, giúp bọn thực dân Pháp mở rộng khu vực chiếm đóng, quân và dân ta gặp khó khăn về đời sống, thì một số cán bộ, đảng viên, từ lạc quan tếu chuyển sang bi quan, tiêu cực, dao động. Công tác chính trị tư tưởng của Đảng đã kịp thời uốn nắn khắc phục những tư tưởng sai lầm đó. Hai bài báo của đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, cơ quan lý luận của Đảng, số 1 và số 2, tháng 7 và tháng 8-1950, đã có tác dụng to

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1986, tập 6, tr. 343.

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1985, tập 5, tr. 270.

Digitized by Google

lớn uốn nắn những lệch lạc về tư tưởng nói trên.

Đảng là người lãnh đạo kháng chiến. Cán bộ, đảng viên của Đảng là nòng cốt của toàn dân kháng chiến. Công tác chính trị tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên của Đảng có tầm quan trọng đặc biệt. Đảng coi trọng việc giáo dục lý luận Mác — Lê-nin; giáo dục đường lối cách mạng, đường lối kháng chiến của Đảng cho cán bộ, đảng viên. Ngay từ năm 1947 Hồ Chủ tịch đã viết tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* nhằm bồi dưỡng nhiệt tình cách mạng, ý thức trách nhiệm, đạo đức và tác phong cho cán bộ, đảng viên. Hồ Chủ tịch viết: Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Năm 1951 Trung ương Đảng quyết định mở cuộc vận động chấn chỉnh Đảng nhằm nâng cao trình độ tư tưởng và năng lực công tác của cán bộ, đảng viên; làm cho Đảng thật trong sạch và vững mạnh, đủ sức lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn dân đến thắng lợi hoàn toàn. Các cuộc vận động chỉnh huấn và học tập lý luận Mác—Lê-nin trong Đảng đã có tác dụng thúc đẩy cuộc kháng chiến chống Pháp của quân và dân ta.

Đầu năm 1954, quân ta mở trận quyết chiến chiến lược đánh vào quân Pháp ở Điện biên phủ. Hai đợt tiến công thứ nhất và thứ hai của quân ta ở mặt trận Điện biên phủ đều thu được thắng lợi. Tuy vậy, do cuộc chiến đấu liên tục, kéo dài và ác liệt, khó khăn về cung cấp tiếp tế cũng tăng thêm, trong cán bộ, chiến sĩ ta đã phát sinh hiện tượng tư tưởng hữu khuynh, tiêu cực. Chấp hành Nghị quyết «Tiếp tục thấu triệt phương châm *đánh chắc, tiến chắc* để giành toàn thắng cho chiến dịch Điện biên phủ» ngày 19-4-1954 của Bộ chính trị, một đợt công tác chính trị tư tưởng đã được tiến hành, đấu tranh kiên quyết chống tư tưởng hữu khuynh tiêu cực, nêu cao tinh thần tích cực cách mạng và tinh thần triệt để chấp hành mệnh lệnh, bảo đảm toàn thắng cho chiến dịch Điện biên phủ. Đợt sinh hoạt chính trị này đã khắc phục được tư tưởng hữu khuynh tiêu cực, phát huy mạnh mẽ tinh thần cách mạng triệt để, tinh thần quyết chiến quyết thắng, tạo điều kiện cho quân ta giành toàn thắng trong đợt tiến công thứ ba, tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện biên phủ, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp.

★

Công tác chính trị tư tưởng sau kháng chiến thắng lợi.

Bị thất bại thảm hại ở Điện biên phủ, thực dân Pháp phải ký hiệp nghị Giơ-ne-vơ, cam kết thừa nhận và tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt nam, Lào và Cam-pu-chia. Dân tộc ta giành được thắng lợi to lớn nhưng chưa trọn vẹn. Miền Bắc được giải phóng và tiến lên chủ nghĩa xã hội, nhưng miền Nam còn phải ở dưới ách thống trị của bọn đế quốc và tay sai của chúng. Việc điều chỉnh và trao đổi khu vực đóng quân để đi tới hòa bình khiến cho nhiều người thắc mắc, có người sinh ra bi quan thất vọng.

Bước sang giai đoạn mới, có người không thấy hết sự phức tạp của tình hình, không thấy hết lực lượng so sánh giữa ta và địch, đánh giá quá cao lực lượng của mình, coi thường âm mưu của đế quốc Mỹ và bọn hiếu chiến Pháp, khăng khăng đòi tiếp tục đánh đến cùng, cho rằng chỉ cần đánh một thời gian ngắn nữa là đuổi hết quân xâm lược ra khỏi nước ta. Cũng có người vì sợ gian khổ, sợ hy sinh, cho nên muốn hòa bình bằng bất cứ giá nào.

Digitized by Google

Công tác chính trị tư tưởng của Đảng đấu tranh chống các tư tưởng «tả» khuynh và hữu khuynh, giúp cho mọi người đánh giá đúng những thắng lợi của ta, thấy rõ âm mưu của đế quốc Mỹ và bọn hiếu chiến Pháp, thấy rõ chủ trương của Đảng và Hồ Chủ tịch ký Hiệp nghị Giơ-ne-vơ trên cơ sở thừa nhận và tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông dương là hoàn toàn đúng.

Công tác chính trị tư tưởng làm cho mọi người hiểu rằng đế quốc Mỹ không những là kẻ thù của nhân dân thế giới, mà đang biến thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân ta nước Việt nam, Lào và Cam-pu-chia.

Công tác chính trị tư tưởng có tác dụng to lớn trong việc xây dựng sự thống nhất tư tưởng trong toàn Đảng toàn dân về tình hình và nhiệm vụ mới.

Công tác chính trị tư tưởng của Đảng hồi bấy giờ không những có tác dụng bảo vệ và củng cố những thắng lợi quân và dân ta giành được trong cuộc kháng chiến chống Pháp mà còn có tác dụng chuẩn bị về mặt tư tưởng cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ sau này.

★

Công tác chính trị tư tưởng của Đảng ta trong kháng chiến chống Pháp đã thu được những thành tựu to lớn, góp phần xứng đáng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp của toàn dân ta. Được như thế là do Đảng ta vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta để vạch ra đường lối kháng chiến đúng đắn. Công tác chính trị tư tưởng đã bám sát đường lối kháng chiến của Đảng và phục vụ đắc lực cho đường lối đó. Đảng ta đã nắm vững quy luật của cách mạng và chiến tranh cách mạng Việt nam và vận dụng đúng đắn quy luật đó. Đảng đặc biệt coi trọng nhân tố con người trong cách mạng và trong chiến tranh cách mạng, do đó Đảng đặc biệt coi trọng công tác chính trị tư tưởng nhằm đào tạo, bồi dưỡng con người Việt nam, làm cho con người Việt nam có đủ phẩm chất và bản lĩnh đánh thắng bọn đế quốc xâm lược để cứu nước.

Công tác chính trị tư tưởng của Đảng ta trong kháng chiến chống Pháp có nhiều kinh nghiệm phong phú. Tổng kết những kinh nghiệm đó chúng ta có thể rút ra những bài học quý để làm tốt hơn nữa công tác chính trị tư tưởng ngày nay nhằm phục vụ đắc lực cho việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

HỘI NGHỊ KHOA HỌC-THỰC TIỄN VỀ KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA*

LÊ HỒNG TIỆM

VỀ NGUYÊN TẮC KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

KINH doanh là một phạm trù kinh tế gắn liền với quan hệ hàng hóa, tiền tệ trong xã hội sản xuất hàng hóa đã tương đối phát triển.

Kinh doanh theo nghĩa chung nhất là tổng thể những điều kiện, những phương pháp, những hình thức, những biện pháp... được vận dụng trong hoạt động tổ chức quản lý kinh tế nhằm *huy động, đầu tư, sử dụng vốn* sao cho có thể khai thác được tiềm năng nhân, vật, tài lực tích cực và triệt để nhất, đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất, sinh lợi nhiều nhất, mở rộng được quá trình tái sản xuất thuận lợi nhất.

Nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa được xác lập trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, nhưng vẫn còn sản xuất hàng hóa cùng quan hệ hàng hóa, tiền tệ cho nên kinh doanh vẫn còn là một tồn tại tất yếu và càng phải được vận dụng thật tốt.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa là hoạt động của mọi cấp, mọi ngành, mọi cơ sở kinh doanh, song sự thật tại phải được thực hiện từ các đơn vị kinh tế cơ sở, nơi trực tiếp sử dụng các nguồn vật tư, lao động, tiền vốn, nơi trực tiếp diễn ra quá trình lao động tạo ra của cải và thu nhập cho xã hội. Để bảo đảm thực hiện đúng kinh doanh xã hội chủ nghĩa cần chú ý nắm vững một số nguyên tắc chủ yếu trong quá trình quản lý kinh tế ở các đơn vị sản xuất và lưu thông như sau:

I — Bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở, trên cơ sở tăng cường hiệu lực lãnh đạo và quản lý tập trung của Nhà nước trung ương.

Đây là hai mặt của nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý bảo đảm thúc đẩy tính năng động sáng tạo của các cơ sở nhưng Nhà nước vẫn quản lý tập trung thống nhất trên các vấn đề chủ yếu có quan hệ đến toàn bộ nền kinh tế và đời sống nhân dân cả nước.

Do cơ chế tập trung quan liêu bao cấp duy trì quá lâu gây tác lại đến nền kinh tế, cho nên sau khi phát hiện sai lầm này, khuynh hướng muốn xóa bỏ mọi sự tập trung khá mạnh. Trên thực tế, song song với tập trung quan liêu, tình trạng phân tán ngay từ cấp

* Xem *Tạp chí Cộng sản* từ số 10-1986.

Digitized by Google

Trung ương, các ngành đến địa phương, cơ sở dẫn tới vô tổ chức, vô kỷ luật, xé rào bừa bãi gây bao rối loạn khó khăn trong nền kinh tế. Về lý luận cũng như về thực tiễn, nếu không có sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Nhà nước thì không thể tránh được sự hoạt động phân tán, tản mạn, tự phát, tùy tiện của các đơn vị kinh tế, không thể thực hiện được các mối liên hệ hữu cơ trong toàn bộ quá trình tái sản xuất, không thể bảo đảm sự cân đối trong việc xây dựng và hoàn thiện cơ cấu kinh tế phục vụ lợi ích chung của toàn xã hội. Điều đó cũng sẽ làm cho các đơn vị kinh tế không có cơ sở và điều kiện xác định phương hướng, mục tiêu hoạt động đúng đắn, cũng do đó khó có sự phối hợp, hỗ trợ đầy mạnh phân công, hiệp tác để ngày càng tăng cường được quá trình chuyên môn hóa, liên hiệp hóa và tập trung hóa. Chính nguyên tắc tập trung thống nhất đó không chỉ đối lập với tính phân tán, tản mạn, mà còn đòi hỏi phải kiên quyết chống bệnh tập trung quan liêu bao cấp, phát huy thật sự tính tự nguyện, tự giác cao của từng đơn vị cơ sở, loại trừ sự gò bó, trói buộc, ngăn cản tính linh hoạt, sáng tạo, gây nên tính ỷ lại chờ dợi, thậm chí còn bàng quan, thiếu tinh thần trách nhiệm của cơ sở và người lao động.

Bảo đảm tập trung thống nhất, phát huy quyền tự chủ kinh doanh của các cơ sở là nguyên tắc thể hiện, đồng thời là yêu cầu thực hiện của cơ chế làm chủ tập thể của người lao động ở cả ba cấp. Cơ chế này quy định mọi mặt, trên toàn bộ nền kinh tế, Nhà nước thay mặt cho toàn thể những người lao động đã làm chủ xã hội, trực tiếp quản lý hoạt động của các xí nghiệp thông qua người đại diện là giám đốc xí nghiệp. Mặt khác, trong từng xí nghiệp tập thể công nhân viên chức thông qua hội đồng xí nghiệp, hội nghị công nhân viên chức, hoạt động của công đoàn, thực hiện thật sự quyền làm chủ, nhưng cũng giao cho giám đốc là người đại diện tiến hành. Nhờ vậy, giám đốc có trách nhiệm cao và đồng thời có khả năng đầy đủ trong việc tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh, thực hiện tốt nhất nguyên tắc nói trên, nếu nhận thức rõ chức trách của mình. Qua kinh nghiệm thực tiễn có thể chỉ ra phương thức hoạt động của các đơn vị kinh tế trong bảo đảm nguyên tắc nói trên như sau:

Các đơn vị kinh tế phải chủ động trong công tác kế hoạch hóa, động viên mọi công nhân viên chức trong đơn vị tham gia xây dựng kế hoạch từ cơ sở. Tất nhiên kế hoạch này phải căn cứ vào phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước, phải thông qua sự hướng dẫn và xét duyệt của cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp. Kế hoạch cũng phải tuân theo đúng các định mức kinh tế — kỹ thuật do Nhà nước quy định, bảo đảm hoàn thành những chỉ tiêu pháp lệnh được giao.

Qua kinh nghiệm của các nước anh em thì các chỉ tiêu pháp lệnh này ngày càng có xu hướng giảm bớt và Nhà nước sử dụng phương pháp gián tiếp thông qua các chế độ chính sách đòn bẩy để kích thích xí nghiệp phát triển sản xuất theo hướng tích cực. Để giúp các xí nghiệp chủ động trong xây dựng kế hoạch cơ quan quản lý trực tiếp cấp trên phải sớm thông báo số hướng dẫn kế hoạch, xác định mức tiêu chuẩn kinh tế — kỹ thuật, các chính sách khuyến khích, các thông tin kinh tế — kỹ thuật cần thiết và nhất là số lượng các vật tư dịch vụ được cung ứng. Trên cơ sở các thông tin ấy xí nghiệp cần hết sức chủ động trong việc tự cân đối kế hoạch của xí nghiệp từ nhiều nguồn khả năng. Đặc biệt chú ý mở rộng liên doanh, liên kết kinh tế, cố gắng tạo hàng xuất để nhập, tranh thủ các đơn đặt hàng, tăng cường vai trò các hợp đồng kinh tế để bảo đảm hoàn thành kế hoạch. Xí nghiệp còn có thể tự quy định, bổ sung hoặc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh các mặt

Digitized by Google

hàng ngoài chỉ tiêu pháp lệnh nhưng tất cả đều phải được phản ánh trong một kế hoạch sản xuất — kỹ thuật — tài chính — xã hội thống nhất.

Trong kinh doanh, các cơ sở phải chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ hạch toán thống kê, quyết toán Nhà nước đã quy định. Các xí nghiệp được chủ động trong hạch toán giá thành vì đã tự chịu trách nhiệm lấy lỗ lãi. Đối với vật tư tự tìm kiếm và những sản phẩm được tự định giá, xí nghiệp căn cứ vào giá thỏa thuận trong mua sắm vật tư, bảo đảm hàng hóa có thể bán với giá cả bù đủ chi phí và có lãi và được xã hội chấp nhận.

Xí nghiệp còn được quyền chủ động tạo thêm các nguồn vốn tự có và đi vay vốn, (ngoài số vốn Nhà nước cấp ban đầu và vốn khấu hao). Điều đó sẽ tạo điều kiện cho xí nghiệp đáp ứng tốt hơn nhu cầu, tăng được vốn lưu động, vốn đầu tư cơ bản cho các công trình vừa và nhỏ, vốn đầu tư theo chiều sâu, đổi mới được thiết bị kỹ thuật, đồng bộ hóa năng lực.

Về lao động, xí nghiệp được quyền tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng theo yêu cầu sản xuất, chủ động sắp xếp lại tổ chức biên chế, bảo đảm cho mọi người lao động hiện có trong xí nghiệp đều có việc làm phù hợp. Xí nghiệp phải tạo điều kiện để họ có thể sản xuất được liên tục, bảo đảm năng suất cao. Đồng thời, xí nghiệp có toàn quyền trong khen thưởng, xử lý kỷ luật, kể cả cho thôi việc đối với mọi người lao động của xí nghiệp.

Trên cơ sở bố trí lao động hợp lý, xí nghiệp có quyền chủ động áp dụng các hình thức trả lương, mở rộng các hình thức lương khoán, lương sản phẩm, không hạn chế thu nhập tối đa của người lao động. Nhà nước không khống chế khối lao động sử dụng cũng như khối quỹ lương của xí nghiệp mà chỉ thông qua quỹ lương dựa trên cơ sở các định mức, các đơn giá, các kết quả sản xuất của xí nghiệp, bảo đảm nguyên tắc mức tăng quỹ lương phải tương ứng với mức tăng năng suất lao động và mức tăng sản xuất của xí nghiệp.

Xí nghiệp còn được quyền chủ động trong việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, quyết định các phương án kỹ thuật cho sản xuất và sản phẩm. Về tổ chức, xí nghiệp được quyền liên kết với các cơ quan nghiên cứu khoa học dưới mọi hình thức thích hợp, và trong điều kiện cần thiết có thể lập các tổ chức nghiên cứu thực nghiệm kỹ thuật, các đơn vị chế biến thử hoặc hình thành các liên hợp khoa học — kỹ thuật. Nguồn vốn đầu tư cho các công việc này được sử dụng tương đối rộng rãi bao gồm quỹ xây dựng cơ bản, quỹ phát triển sản xuất, vay tín dụng, vốn tự cấp từ ngân sách cho các chương trình tiến bộ khoa học — kỹ thuật trọng điểm.

2—Vận dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa—tiền tệ.

Là những đơn vị sản xuất hàng hóa các xí nghiệp phải dùng hình thức tiền tệ của giá trị để đo lường tính toán chi phí và kết quả sản xuất, đồng thời làm cơ sở để giải quyết thỏa đáng các mối quan hệ kinh tế giữa Nhà nước với các đơn vị kinh tế và giữa các đơn vị kinh tế với nhau. Việc vận dụng quan hệ này thường được thể hiện ở những nội dung sau :

+ Kết hợp chặt chẽ kế hoạch hiện vật với kế hoạch giá trị, kế hoạch sản xuất với kế hoạch tài chính.

+ Thông qua thực tế sinh động trên thị trường để kiểm tra lại tính hiện thực của kế hoạch và nếu cần để bổ sung điều chỉnh kế hoạch.

+ Gắn chặt việc động viên thực hiện kế hoạch với các đòn bẩy kinh tế : giá cả, lợi nhuận, tín dụng, tiền lương, tiền thưởng... thực hiện chế độ quyết toán kế hoạch, quyết toán tài chính.

+ Thực hiện rộng rãi chế độ hợp đồng kinh tế, đẩy mạnh việc ký kết

Digitized by Google

hợp đồng kinh tế giữa các cơ sở kinh doanh.

+ Thực hiện tốt việc nắm hàng, nắm tiền, phân phối và lưu thông hàng hóa.

+ Phân cấp định giá, thực hiện nghiêm ngặt kỷ luật giá.

Trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều thành phần, sự vận dụng quan hệ này rất phức tạp, khó khăn nhưng lại rất cần thiết và hết sức quan trọng.

Qua kinh nghiệm thực tiễn trong vận dụng quan hệ này cần chú ý mấy điểm sau:

— Thúc đẩy xí nghiệp coi trọng cả hai mặt giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa.

Điều này thường được thể hiện ở chỉ tiêu pháp lệnh về số lượng sản phẩm chủ yếu với quy cách, chất lượng quy định và giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện.

Đối với giá trị hàng hóa, Nhà nước và xí nghiệp cũng thường quan tâm nhiều hơn vì trực tiếp tác động đến giá thành, giá cả và lời lỗ. Song cần phải quan tâm cả giá trị và giá trị sử dụng, số lượng và đặc biệt là chất lượng, mặt hàng. Cần buộc các xí nghiệp phấn đấu giữ vững và ổn định chất lượng ở mức cao nhất trong những điều kiện cho phép, đặc biệt là đối với sản phẩm xuất khẩu. Đồng thời, cũng cần khuyến khích xí nghiệp luôn luôn chú ý cải tiến mặt hàng, tạo ra những mặt hàng mới phù hợp với thị hiếu tiêu dùng, tăng thêm được lợi ích tiêu dùng. Đối với những xí nghiệp đã nâng cao được chất lượng sản phẩm vượt tiêu chuẩn quy định, cần cho phép bán giá cao hơn, nếu không đạt tiêu chuẩn thì buộc phải bán giá hạ hơn. Đối với một số mặt hàng quá xấu còn cần phải đình chỉ tiêu thụ, thậm chí đình chỉ sản xuất.

— Để kích thích tăng số lượng sản phẩm, hạ giá thành hàng hóa, cần thương mại hóa việc cung ứng vật tư, cho phép cơ sở kinh doanh khai thác nguyên liệu từ gốc kể cả cho phép đầu tư vốn cho cơ sở sản xuất. Cần bảo đảm cho các cơ sở kinh doanh được mua vật tư và nếu xí nghiệp hoàn thành tốt kế hoạch thì có thể được ưu tiên mua thêm các vật tư cần thiết. Cần tạo thêm nguồn vật tư cho xí nghiệp bằng con đường tự tạo ra hàng xuất để nhập, hoặc mua bán trao đổi với các cơ sở có nguyên liệu bằng liên kết kinh tế hoặc gia công hoặc trực tiếp góp vốn đầu tư. Nhà nước cũng cần bảo đảm cho các cơ sở sản xuất được nhận vật tư ở đầu mối thuận lợi nhất, theo con đường ngắn nhất, chi phí ít nhất, bỏ các khâu trung gian không cần thiết, và đối với những cơ sở sản xuất lớn có thể cho nhận thẳng nguyên liệu từ nơi sản xuất.

— Về tiêu thụ sản phẩm của xí nghiệp quốc doanh, trước hết phải giao qua thương nghiệp xã hội chủ nghĩa theo đúng hợp đồng đã ký kết. Nếu bên nào vi phạm thì bị xử phạt. Nếu thương nghiệp không nhận đúng thời gian thì xí nghiệp có quyền bán cho người khác. Kiên quyết chấm dứt tình trạng các cơ sở không có chức năng kinh doanh đi giao dịch buôn bán, ăn chênh lệch giá, cũng như tình trạng các xí nghiệp sử dụng nguyên liệu, sản phẩm kế hoạch để đổi lưu bừa bãi. Cấm hầu các xí nghiệp sử dụng sản phẩm sản xuất ra để làm quỹ thưởng hiện vật và phải nghiêm trị những hành vi móc ngoặc tuồn hàng cho tư thương. Tuy vậy, đối với một số sản phẩm tươi sống, khó bảo quản, khó vận chuyển ngoài danh mục Nhà nước thống nhất quản lý, nếu xét thấy tiêu thụ hợp lý hơn thì được phép tự do lưu thông theo đúng chính sách giá và quản lý thị trường của Nhà nước. Các xí nghiệp còn được phép mở các cơ sở dịch vụ để hướng dẫn sử dụng, bảo hành, sửa chữa những sản phẩm do xí nghiệp sản xuất. Nếu có đủ điều kiện còn được phép mở cửa hàng giới thiệu sản phẩm mới của mình theo đúng thể lệ của Nhà nước.

Digitized by Google

— Về định giá, đối với những vật tư sản phẩm do Nhà nước thống nhất quản lý thì Nhà nước định giá. Đối với những mặt hàng quan trọng Nhà nước định khung giá hoặc giá chuẩn thì xí nghiệp dựa vào khung giá hoặc giá chuẩn đó để chủ động xây dựng phương án giá và bảo vệ trước cơ quan duyệt giá. Đối với những mặt hàng thứ yếu mà Nhà nước không quản lý thống nhất thì xí nghiệp được định giá tiêu thụ trong khung giá do chính quyền địa phương quy định hoặc tự định giá dựa trên cơ sở tự tính toán chính xác giá thành, bảo đảm có lãi và góp phần bình ổn giá cả thị trường.

— Việc vận dụng quan hệ hàng — tiền càng đòi hỏi phải kiểm tra hoạt động kinh doanh bằng đồng tiền của xí nghiệp. Do mọi chi phí về lao động, nguyên liệu, vật tư, năng lượng, vận chuyển... và các chi phí cần thiết khác cùng mọi khoản thu nhập về tiêu thụ sản phẩm, về cung cấp dịch vụ, về doanh thu doanh lợi, cũng như các khoản dự trữ, tồn kho, khấu hao tài sản... đều được tính bằng tiền, cho nên có thể qua đồng tiền mà xem xét hoạt động của xí nghiệp tốt hay xấu, phát hiện những bất hợp lý để kịp thời khắc phục. Do đó xí nghiệp cần có kết toán hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng, hằng quý.

— Ngoài ra việc kiểm tra bằng đồng tiền còn được thực hiện thông qua hệ thống tín dụng và thông qua việc thực hiện các hợp đồng kinh tế. Các hình thức kiểm tra nói trên được tiến hành tốt sẽ có tác dụng thúc đẩy các xí nghiệp sử dụng hợp lý vốn, đẩy mạnh tiết kiệm, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

3 - Kết hợp hài hòa ba lợi ích kinh tế, tăng cường trách nhiệm vật chất của các cơ sở.

Trong chủ nghĩa xã hội, lợi ích kinh tế biểu hiện trên nhiều mặt và dưới nhiều hình thức khác nhau, liên hệ mật thiết với nhau. Trong các xí nghiệp quốc doanh các lợi ích được biểu hiện rõ ràng thành ba lợi ích:

— Lợi ích Nhà nước trực tiếp biểu hiện ở phần thu quốc doanh và các khoản thu khác, như thu nộp khấu hao cơ bản, trích nộp lợi nhuận...

— Lợi ích tập thể xí nghiệp biểu hiện ở phần lợi nhuận để lại các quỹ của xí nghiệp.

— Lợi ích cá nhân người lao động biểu hiện ở tiền lương, tiền thưởng, các khoản phúc lợi..

Về bản chất ba lợi ích đó chỉ là ba mặt của cùng một lợi ích kinh tế thống nhất vì đó chỉ là lợi ích hình thành trên cùng một người lao động tập thể làm chủ chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, xét ở ba giác độ làm chủ khác nhau: trên toàn xã hội, trong từng xí nghiệp và trong nhiệm vụ công tác cá nhân.

Do đó, về nguyên tắc kinh doanh, xí nghiệp phát triển đúng hướng có lợi cho xí nghiệp thì cũng có lợi cho xã hội và người lao động. Tuy vậy, giữa ba lợi ích đó cũng có mâu thuẫn do còn sự khác nhau về trình độ trang bị kỹ thuật, trình độ phân công xã hội, trình độ tổ chức quản lý cùng trình độ nghiệp vụ của người lao động, cho nên cần phải được xử lý đúng đắn.

Xí nghiệp, nhất thiết phải xuất phát từ yêu cầu bảo đảm hoàn thành các mục tiêu chung của kế hoạch Nhà nước, phải chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ chính sách của Nhà nước để mở rộng sản xuất, bảo đảm lợi ích của xí nghiệp. Ngược lại Nhà nước cũng có trách nhiệm hướng dẫn đôn đốc các xí nghiệp hoạt động, kịp thời giải quyết những vướng mắc của xí nghiệp, sửa đổi hoặc bổ sung các chế độ chính sách không còn phù hợp.

Rất rõ ràng là xí nghiệp ra sức phấn đấu và được Nhà nước chú ý giúp đỡ thì chỉ tiêu pháp lệnh và nhiều chỉ tiêu hướng dẫn sẽ được hoàn

Digitized by Google

thành tốt. Ngoài ra các xí nghiệp chủ động khai thác các nguồn khả năng khác để sản xuất thêm nhiều sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh doanh, sẽ tăng mức đóng góp cho ngân sách, tăng thu nhập cho xí nghiệp. Tiền lương, tiền thưởng, quỹ phúc lợi cũng sẽ được nâng lên. Nếu Nhà nước tạo điều kiện cho các đơn vị cơ sở thêm chủ động về các mặt cung ứng vật tư, tự chủ về tài chính, tuyển dụng, bố trí, sử dụng lao động, tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng khoa học kỹ thuật v.v. thực hiện thật tốt « lấy thu nhập bù đủ chi phí và có lãi » thì xí nghiệp sẽ hoàn thành tốt hơn nghĩa vụ đối với Nhà nước về giao nộp sản phẩm, trích nộp lợi nhuận, tăng thu quốc doanh, tăng tích lũy cho Nhà nước. Đồng thời xí nghiệp chủ động sáng tạo, sử dụng hợp lý và tiết kiệm các yếu tố sản xuất, luân chuyển vốn nhanh, sử dụng tốt lao động, giảm được biên chế gián tiếp, ứng dụng kỹ thuật tiên tiến thì được thêm nhiều lãi, do bớt phải vay thêm vốn, được hưởng quỹ lương, quỹ thưởng theo mức hoàn thành kế hoạch, giảm được chi phí hoặc tăng được giá bán các mặt hàng mới có chất lượng cao. Đó chính cũng là những nguồn cơ bản để tăng thu nhập cho công nhân, viên chức.

Trong vấn đề này, đối với đơn vị kinh tế, nhất là một vài đơn vị sản xuất các loại tư liệu sản xuất chủ yếu hoặc tư liệu tiêu dùng thiết yếu, vì điều kiện đặc biệt chưa có khả năng tự bù đắp đầy-đủ chi phí sản xuất và có lợi nhuận để thiết lập, được các quỹ xí nghiệp, Nhà nước có trợ cấp tạm thời thỏa đáng. Đồng thời bằng mọi biện pháp phát huy tinh thần tự lực tự cường, thúc đẩy đơn vị đó tiến lên bảo đảm được nguyên tắc thu đủ bù chi và có lãi.

Dù sao trong bất cứ tình hình nào cũng phải quán triệt quan điểm : « Một mặt, phải tranh thủ lãi ngay trong từng khâu kinh doanh và trong từng thời kỳ, mặt khác phải đứng trên toàn bộ nền kinh tế và trong một thời gian dài để xem xét vấn đề lỗ lãi một cách toàn diện » (1).

Bảo đảm thực hiện tốt ba lợi ích, xí nghiệp trước hết phải chịu trách nhiệm vật chất đối với việc bảo quản, sử dụng tài sản mà Nhà nước đã giao cho xí nghiệp, chịu trách nhiệm về hoàn thành kế hoạch, về giao nộp sản phẩm đúng quy cách, phẩm chất, thời hạn, về nộp lợi nhuận, lợi tức đúng chế độ, cũng như chịu trách nhiệm vật chất trước Nhà nước và trước các xí nghiệp khác có quan hệ hợp đồng kinh tế. Tất cả những vấn đề trên đều phải được thưởng, phạt nghiêm minh. Có như vậy mới có tác dụng tăng cường kỷ luật sản xuất, kỷ luật tài chính, tăng cường việc sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm vật tư, nguyên liệu và tiền vốn hiện có.

4 – Kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương.

Điều rất rõ ràng trên thực tế là không có một cơ sở kinh tế nào trực thuộc ngành lại không nằm trên địa bàn của một địa phương nhất định, do đó không thể không có những mối quan hệ kinh tế nhất định với địa phương. Ngược lại, không một cơ sở kinh tế nào trực thuộc địa phương lại không nằm trong ngành này hay ngành khác, không gắn liền với các cơ sở kinh tế trực thuộc ngành thành ngành kinh tế – kỹ thuật thống nhất cả nước. Do đó phải thực hiện nguyên tắc kết hợp đúng đắn quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương. Sự kết hợp này được thể hiện một cách tập trung và cơ bản ở sự kết hợp chặt chẽ giữa kế hoạch ngành và kế hoạch địa phương. Kế hoạch ngành và kế hoạch địa phương, tuy xuất phát từ những căn cứ khác nhau

(1) Lê Duẩn : *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1975, tập II, tr. 66.

Digitized by Google

nhưng đều nhằm cùng một mục tiêu: thực hiện nhiệm vụ chung của kế hoạch Nhà nước. Kế hoạch ngành là xuất phát từ những nhu cầu về loại sản phẩm mà ngành được phân công phụ trách, còn kế hoạch địa phương được xây dựng từ nhu cầu toàn diện của địa phương và từ yêu cầu khai thác và sử dụng một cách hợp lý tài nguyên, lao động và thế mạnh của địa phương. Chính điều này đòi hỏi khi ngành định xây dựng xí nghiệp ở địa phương nào thì cần bàn bạc với địa phương ấy để bảo đảm đúng lúc, đúng chỗ, đúng quy mô, tránh được tình trạng nhiều ngành đưa xí nghiệp chen chân vào một chỗ.

Ngược lại, kế hoạch của địa phương phải bao gồm cả nhiệm vụ của địa phương đối với các xí nghiệp của ngành và cả việc tranh thủ sự giúp đỡ về năng lực sản xuất và kỹ thuật của xí nghiệp ngành. Ngành và địa phương đều có trách nhiệm liên đới đối với các xí nghiệp của nhau. Địa phương phải lo tròn hai nhiệm vụ:

— Phụ trách việc xây dựng và quản lý trực tiếp các xí nghiệp địa phương dưới sự lãnh đạo của ngành.

— Tham gia quản lý các cơ sở kinh tế của ngành tại địa phương như cung cấp nguyên liệu, lao động, tổ chức điều hòa phối hợp các hoạt động kinh tế trên địa bàn mình, kiểm tra các cơ sở kinh tế của ngành về thực hiện chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước.

Ngược lại, ngành cũng có hai nhiệm vụ phải làm tròn:

— Quản lý trực tiếp các xí nghiệp trực thuộc ngành.

— Quản lý hành chính—kinh tế toàn ngành (bao gồm cả xí nghiệp trực thuộc địa phương) về các mặt quy hoạch, kế hoạch, chế độ, chính sách, khoa học—kỹ thuật, đào tạo bồi dưỡng cán bộ.

Các cơ sở kinh tế trực thuộc ngành tại địa phương nào, ngoài việc phải tuân theo sự lãnh đạo của cấp chính quyền địa phương, còn phải đóng góp một phần lợi nhuận nhất định cho địa phương ấy để làm quỹ xây dựng các công trình phúc lợi công cộng giúp đỡ kinh tế của địa phương phát triển.

Ngành và địa phương có thể bàn bạc xây dựng các liên hợp sản xuất. Loặc tạo điều kiện và khuyến khích các cơ sở trực thuộc ngành và chủ động tiến hành liên kết, liên doanh với các cơ sở địa phương để tận dụng công suất, thiết bị, năng lực sản xuất, hỗ trợ thúc đẩy lẫn nhau phát triển, khai thác tiềm năng của địa phương để tăng thêm được sản phẩm, mở rộng mối quan hệ trao đổi giữa các địa phương. Ngành còn có thể bàn bạc với các địa phương phân công chuyên môn hóa cho các xí nghiệp của địa phương sản xuất một vài chi tiết sản phẩm để từ nhiều xí nghiệp địa phương và xí nghiệp trực thuộc ngành có sự liên kết tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh. Điều đó sẽ tạo nên sự phân công, hiệp tác sản xuất trên phạm vi toàn quốc giữa các địa phương, giữa các cơ sở sản xuất, nhanh chóng tối ưu hóa được các tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm, bảo đảm sản phẩm có số lượng và chất lượng tốt hơn, tăng được thế mạnh của từng xí nghiệp phục vụ lợi ích cho xã hội.

Kết hợp quản lý theo ngành và quản lý theo địa phương trước hết và chủ yếu là trách nhiệm của Bộ phụ trách chuyên ngành và chính quyền các cấp, nhưng từng cơ sở kinh doanh cũng phải nhận thức đầy đủ nguyên tắc này để chủ động tranh thủ sự lãnh đạo, đồng thời chủ động trong đẩy mạnh chuyên môn hóa và phân công hợp tác hoặc tiến hành liên kết giữa các cơ sở trực thuộc ngành và cơ sở trực thuộc địa phương.

5 – Kết hợp chặt chẽ ba loại biện pháp: kinh tế, giáo dục và hành chính trong quản lý.

Trong quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa nói chung và kinh doanh xã hội

Digitized by Google

chủ nghĩa nói riêng, sự kết hợp ba loại biện pháp nói trên có tiến hành tốt mới có thể thúc đẩy các xí nghiệp và người lao động thực hiện thắng lợi mục tiêu và nhiệm vụ đề ra.

Biện pháp kinh tế là biện pháp tác động dựa trên cơ sở vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế, đề ra các chính sách, chế độ, đặc biệt là chính sách đòn bẩy kinh tế để kích thích các cá nhân và tập thể người lao động nhằm nâng cao tính năng động sáng tạo của họ trong việc xây dựng và hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh với chi phí lao động, vật tư tiết kiệm nhất, đạt hiệu quả cao nhất. Như vậy sử dụng biện pháp kinh tế trước hết phải có các chính sách kinh tế đúng đắn.

Để thực hiện các biện pháp kinh tế còn cần phải xác định rõ nghĩa vụ, quyền lợi của các cơ sở kinh doanh, đồng thời cơ quan quản lý cấp trên phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các cơ sở thực hiện được các nghĩa vụ và quyền lợi đó.

Bản thân việc thực hiện các biện pháp kinh tế đã đòi hỏi phải có biện pháp giáo dục tốt, làm cho mọi người lao động trước hết phân biệt rõ kinh doanh xã hội chủ nghĩa hoàn toàn khác kinh doanh tư bản chủ nghĩa, sau nữa nhận thức rõ được nội dung, yêu cầu của các chế độ, chính sách kinh tế của Nhà nước, hiểu rõ nghĩa vụ, quyền lợi của mình trong guồng máy hoạt động của xí nghiệp. Kinh doanh xã hội chủ nghĩa phải phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn về tổ chức quản lý, về kỹ thuật, lại đụng chạm đến nhiều mối quan hệ phức tạp, cho nên càng đòi hỏi phải có những con người giác ngộ lý tưởng, có ý chí cách mạng, có tinh thần tự giác, tính kỷ luật, nhận thức được vai trò làm chủ tập thể, tức là những con người lao động mới xã hội chủ nghĩa. Điều này không thể đạt được trong vài lớp huấn luyện chính trị trong một thời gian ngắn mà đòi hỏi một quá trình giáo dục, rèn luyện thường xuyên và lâu dài.

Nước ta từ sản xuất nhỏ đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội, còn biết bao thói hư tật xấu, tàn dư tư tưởng phi vô sản đang cản trở lớn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là tư tưởng làm thuê, lề thói kinh doanh tư sản, tính phân tán, tản mạn, tư tưởng bản vị, cục bộ, bảo thủ, trì trệ với các biểu hiện thiếu trách nhiệm, kém kỷ luật, làm ăn tùy tiện, tham ô, lãng phí của công... Đó còn là những bệnh quan liêu, gia trưởng, hiếu danh, địa vị, thu vén, hưởng thụ, tác phong lề mề, luộm thuộm, sự vụ, bách dịch, lạm chức, lạm quyền...

Do đó càng phải tích cực đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Giáo dục cần có nội dung thiết thực, có hình thức hấp dẫn, có chứng dẫn lý luận và thực tiễn, có sức thuyết phục. Trước mắt, trong tổ chức quản lý cần làm cho người lao động nhận thức được trách nhiệm và quyền lợi của mình, yêu lao động, quan tâm đến kết quả lao động, từ đó hướng vào mục tiêu đấu tranh xóa bỏ kiểu quản lý tập trung quan liêu bao cấp, đồng thời chống các biểu hiện tự do phân tán, vô tổ chức, vô kỷ luật, làm ăn không tính toán hoặc chỉ biết lợi ích cục bộ, chạy theo lợi nhuận đơn thuần.

Khác với biện pháp giáo dục và biện pháp kinh tế, biện pháp hành chính là cách thức tác động dựa vào quyền lực bằng những quy định và quyết định cụ thể mang tính pháp lệnh của các cơ quan quản lý cấp trên buộc cơ sở hoặc người lao động phải thi hành. Biện pháp hành chính xét về thực chất trước hết là những phương tiện cần thiết để bảo đảm hiệu lực của các biện pháp kinh tế và giáo dục, vì lẽ hết những nội dung nhằm sử dụng các biện pháp này đều được thể

(Xem tiếp trang 88)

Digitized by Google

LƯU VĂN ĐẠT

VỀ KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

KINH doanh là một hoạt động của các chủ thể kinh tế gắn với sản xuất hàng hóa. Hoạt động kinh doanh không thể xuất hiện trong một nền kinh tế tự nhiên, nơi ở đó sản phẩm làm ra không phải để bán, để trao đổi trên thị trường mà để thỏa mãn những nhu cầu kinh tế nội bộ, trước hết và chủ yếu để thỏa mãn nhu cầu của bản thân người sản xuất. Vì vậy, dưới chế độ công xã nguyên thủy, chưa thể có hoạt động kinh doanh. Dưới chế độ chiếm hữu nô lệ và chế độ phong kiến, sản xuất hàng hóa đã xuất hiện, chủ yếu dưới dạng sản xuất hàng hóa giản đơn, hoạt động kinh doanh mới có điều kiện nảy sinh nhưng chưa mang tính phổ biến và chỉ hạn chế trong một phạm vi và quy mô nhỏ. Đến chế độ tư bản, khi sản xuất hàng hóa trở thành hình thức phổ biến, trên cơ sở sự phân công lao động xã hội được mở rộng trong phạm vi quốc gia và quốc tế, hoạt động kinh doanh mới mang tính phổ biến và có điều kiện phát triển mạnh mẽ. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, vẫn còn sản xuất hàng hóa và kinh doanh, nhưng đó là kinh doanh xã hội chủ nghĩa gắn liền với nền sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, kinh doanh là một phạm trù kinh tế nảy sinh trong điều kiện có quan hệ hàng hóa — tiền tệ, gắn liền với sự phát sinh và phát triển của sản xuất hàng hóa. Hoạt động kinh doanh được tiến hành trong quá trình tái sản xuất xã hội, *trong các khâu sản xuất — phân phối — lưu thông*. Nhưng không phải bất kỳ hoạt động sản xuất nào cũng mang tính kinh doanh. Có thể có sản xuất mà không có kinh doanh và chỉ có sản xuất hàng hóa mới có kinh doanh. Nhưng một hoạt động kinh doanh nhất thiết phải gắn với hoạt động sản xuất hoặc lưu thông hàng hóa. Kinh doanh thường được hiểu là buôn bán, một hoạt động có tính kinh doanh rõ rệt, nhưng kinh doanh không thể đồng nhất với buôn bán. Đối tượng kinh doanh là các sản phẩm làm ra để bán, và các dịch vụ và kinh doanh dịch vụ chiếm một vị trí ngày càng quan trọng trong hoạt động kinh doanh, nhất là ở các nước có nền kinh tế phát triển.

Kinh doanh tư bản chủ nghĩa do quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản và các quy luật của sản xuất hàng hóa chi phối. Đối với nhà kinh doanh tư bản chủ nghĩa cái quan trọng nhất không phải là giá trị sử dụng mà là giá trị (hàng hóa). Vì vậy, trong sản xuất hàng hóa, kinh doanh phải tuân theo quy luật giá trị và quy luật cung cầu thì mới có lãi, mở rộng và tăng nhanh vòng quay vốn thông qua nghiệp vụ và nghệ thuật kinh doanh. Doanh lợi là *mục đích*, đồng thời là *động lực* của kinh doanh tư bản chủ nghĩa (có thể dùng công thức T — H — T' để phản ánh sự vận động của hoạt động kinh doanh tư bản chủ nghĩa.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa về cơ bản khác kinh doanh tư bản chủ

Digitized by Google

nghĩa nhưng có một số điểm giống kinh doanh tư bản chủ nghĩa.

Như kinh doanh tư bản chủ nghĩa, kinh doanh xã hội chủ nghĩa được tiến hành trong các lĩnh vực sản xuất — lưu thông, dịch vụ; đối tượng kinh doanh là hàng hóa và dịch vụ; mục tiêu kinh doanh là hiệu quả. Mặt khác, về mặt nghiệp vụ và nghệ thuật kinh doanh, thì hai phương thức kinh doanh không khác nhau. Ở góc độ này, kinh doanh xã hội chủ nghĩa kế thừa kinh doanh tư bản chủ nghĩa.

Nhưng, kinh doanh xã hội chủ nghĩa khác kinh doanh tư bản chủ nghĩa về tính chất, mục đích và phương pháp. Những khác biệt đó là do phương thức sản xuất, chế độ kinh tế, quy luật kinh tế cơ bản quyết định.

Nhà kinh doanh tư bản chủ nghĩa không có mục đích nào khác là *thu được giá trị thặng dư*. Hiệu quả kinh doanh tư bản chủ nghĩa thể hiện *ở giá trị thặng dư thu được* (mà lợi nhuận là hình thức biểu hiện). Nhà tư bản kinh doanh chỉ cốt thu được càng nhiều giá trị thặng dư càng tốt, dù nội dung và đối tượng kinh doanh có hại cho xã hội (kinh doanh ma túy, kinh doanh vũ khí v.v.) và dù thủ đoạn kinh doanh bị xã hội lên án (đầu cơ, cạnh tranh tiêu diệt lẫn nhau v.v.).

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa ở quy mô vi mô cũng như vĩ mô, *trước hết* phải nhằm phát triển sản xuất, thúc đẩy lưu thông, *phục vụ đời sống của nhân dân*, góp phần thực hiện yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Đó là hiệu quả kinh tế xã hội cần đạt trong kinh doanh.

Đương nhiên để đạt mục đích đó, kinh doanh xã hội chủ nghĩa *không thể đồng nghĩa với kinh doanh với bất cứ giá nào, mà phải kinh doanh có lãi*. Bất kỳ đơn vị kinh doanh xã hội chủ nghĩa nào cũng phải có lãi trừ những trường hợp đặc biệt được Nhà nước bù lỗ. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, kinh doanh càng có lãi thì càng có điều kiện tích tụ và tập trung vốn, càng có điều kiện tích lũy cho chủ nghĩa xã hội. Điều đó đòi hỏi các đơn vị kinh doanh xã hội chủ nghĩa vừa phải đạt hiệu quả kinh tế — xã hội, vừa phải đạt hiệu quả kinh doanh (hai mặt này không được đối lập nhau, lợi ích của toàn xã hội và lợi ích của đơn vị kinh doanh cần được kết hợp chặt chẽ, hài hòa, cái vĩ mô gắn với cái vi mô) trên cơ sở nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, giảm phí lưu thông, mở rộng quy mô kinh doanh.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, *không thể có cạnh tranh* theo cách hiểu như dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Nhưng giữa các đơn vị kinh doanh xã hội chủ nghĩa, nhất thiết phải *có thi đua* xã hội chủ nghĩa, một hình thức « cạnh tranh » dưới chế độ xã hội chủ nghĩa nhằm đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Kết hợp với việc giải quyết các loại lợi ích, thi đua phải là *động lực quan trọng nhất* trong kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, đơn vị nào kinh doanh không có hiệu quả, cần phải chấn chỉnh và tổ chức lại, thậm chí phải xóa bỏ, nếu xét cần thiết.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa đòi hỏi một *phương pháp quản lý đặc thù*, phương pháp hạch toán kinh tế.

Hạch toán kinh tế là một phạm trù kinh tế của chủ nghĩa xã hội, là phương pháp quản lý kết hợp kế hoạch hóa với sử dụng quan hệ hàng hóa — tiền tệ, chịu sự chi phối của các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội và các quy luật của quan hệ hàng hóa — tiền tệ, dùng hình thức tiền tệ để tính toán và so sánh, nhằm sử dụng hợp lý lao động, tiền vốn, vật tư, thiết bị và đạt hiệu quả cao nhất.

Kế hoạch hóa là khâu trung tâm trong quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, quản

(Xem tiếp trang 46)

Digitized by Google

CHỬ VĂN LÂM

BẢN CHẤT VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ CHẾ KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ

I — Bản chất của cơ chế kinh doanh

Cơ chế kinh doanh thể hiện toàn bộ sự hoạt động của con người trong đời sống kinh tế, trong điều kiện có sản xuất (và lưu thông) hàng hóa. Nhưng để hiểu được bản chất của cơ chế kinh doanh của mỗi hình thái kinh tế xã hội thì cần xác định vị trí của phạm trù này trong toàn bộ hệ thống các phạm trù kinh tế chính trị.

Bằng cách phân tích sự tác động qua lại giữa các tư bản khác nhau cạnh tranh trong nội bộ ngành và giữa các ngành, sự di chuyển tư bản, sự hình thành giá trị thị trường và giá cả sản xuất, việc phân phối và phân phối lại lợi nhuận giữa các nhà tư bản (và cả với địa chủ), C. Mác đã chỉ ra cho chúng ta thấy rằng, những tác động qua lại giữa các chủ thể kinh doanh tức các nhà tư bản là những quan hệ kinh tế vận động một cách khách quan trên bề mặt đời sống xã hội, là lớp bề mặt của hệ thống quan hệ sản xuất. Mặt khác, những chủ thể kinh doanh vận dụng những quan hệ ấy trong phạm vi có thể được để theo đuổi mục đích của mình là thu được lợi nhuận tối đa. Chính mặt này thể hiện cơ chế kinh doanh của các nhà tư bản trong xã hội tư bản chủ nghĩa.

Như vậy, *khi xem xét cơ chế kinh tế với tư cách là phạm trù thực tiễn xã hội thì đó chính là cơ chế hay phương thức kinh doanh của những người hoạt động kinh tế trong xã hội đó.* Do đó, khái niệm « kinh doanh » thật ra là một cách nói tắt.

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất cho nên phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa trước hết là được tiến hành thống nhất trên phạm vi toàn xã hội. Chính vì thế mà khi nói về kinh doanh xã hội chủ nghĩa, V.I. Lê-nin luôn luôn gắn nó với hoạt động của Nhà nước, trên phạm vi toàn xã hội; theo Người cần phải biến toàn bộ cơ chế kinh doanh Nhà nước thành một bộ máy lớn duy nhất, thành một cơ chế kinh tế hoạt động sao cho hàng trăm triệu con người đều được chỉ đạo bằng một kế hoạch duy nhất.

Như vậy, có thể hiểu *cơ chế (hay phương thức) kinh doanh xã hội chủ nghĩa là tổng thể những hình thức và biện pháp tổ chức và điều khiển một cách có kế hoạch nền kinh tế quốc dân trên cơ sở vận dụng các quy luật kinh tế, có tính đến những điều kiện lịch sử cụ thể.*

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa chịu tác động của hệ thống quy luật kinh tế như thế nào? Các quy luật kinh tế tác động đến mục đích, phương thức và hiệu quả kinh doanh, tùy theo vị trí của từng quy luật trong hệ thống các quy luật kinh tế. Quy luật kinh

Digitized by Google

tế cơ bản chi phối mục đích kinh doanh. Quy luật phát triển có kế hoạch quy định phương thức vận động của kinh doanh. Các quy luật tăng năng suất lao động, quy luật giá trị và quy luật tiết kiệm thời gian lao động quy định hiệu quả kinh doanh. Đương nhiên đây là nói đến sự chi phối chính. Chẳng hạn, nếu trong sản xuất hàng hóa trước chủ nghĩa xã hội, quy luật giá trị quy định phương thức vận động của cơ chế kinh doanh tư bản chủ nghĩa thì trong chủ nghĩa xã hội vai trò đó thuộc về quy luật phát triển có kế hoạch. Nói như vậy không có nghĩa là quy luật giá trị không có ảnh hưởng gì đến phương thức vận động của cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa (rõ rệt nhất ở đây là vai trò tự điều chỉnh của các cơ sở của nền sản xuất — những đơn vị sản xuất hàng hóa). Nhưng sẽ là sai lầm nguy hiểm nếu để cho quy luật giá trị tự phát điều chỉnh những quan hệ tỷ lệ trong nền kinh tế quốc dân.

Những điều kiện lịch sử cụ thể không làm thay đổi bản chất kinh tế — xã hội của cơ chế kinh tế nhưng có ảnh hưởng mạnh mẽ đến những hình thức và phương pháp kinh tế cụ thể trong từng giai đoạn. Có thể phân những điều kiện đó thành hai loại: 1) Những đặc điểm của từng giai đoạn lớn trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện chủ nghĩa xã hội. 2) Những đặc điểm lịch sử cụ thể của mỗi nước.

Trong điều kiện nước ta hiện nay, đặc điểm lịch sử cụ thể có ảnh hưởng lớn nhất đến quá trình hình thành cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa chính là đất nước ta đang ở trong thời kỳ quá độ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Trong hoàn cảnh đó cơ chế kinh doanh có những điểm hết sức đặc thù, đòi hỏi phải được làm sáng tỏ trong quá trình đổi mới đó.

II — Đặc điểm của cơ chế kinh doanh trong thời kỳ quá độ ở nước ta.

Như trên đã nêu, cơ chế kinh doanh thể hiện sự vận dụng các mối quan hệ kinh tế khách quan của một chế độ kinh tế. Vì thế, để vạch ra đặc trưng của cơ chế kinh tế ở từng giai đoạn lịch sử, cần phân tích kết cấu kinh tế ở giai đoạn đó.

Kết cấu kinh tế nhiều thành phần là đặc điểm bao trùm nhất trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện nước ta, như các văn kiện của Đảng đã xác định, còn tồn tại 5 thành phần kinh tế. Thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, trước hết là khu vực kinh tế quốc doanh đã giữ những vị trí then chốt trong nền kinh tế. Tuy vậy, do nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ là chủ yếu, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, lại trải qua chiến tranh nhiều năm, cho nên kinh tế quốc doanh còn nhỏ bé về quy mô, yếu kém về kỹ thuật và ít kinh nghiệm quản lý. Trong các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, lực lượng sản xuất cũng chưa phát triển. Thành phần kinh tế công tư hợp doanh chiếm tỷ trọng không đáng kể. Thành phần kinh tế tư bản tư doanh đến nay hầu hết là những tiểu chủ. Tiểu sản xuất hàng hóa chưa phát triển, tình trạng tự cấp tự túc còn nặng nề và phổ biến. Kinh tế tự nhiên (già trưởng) còn là phương thức thống trị hàng triệu người ở các vùng miền núi.

Tính chất nhiều thành phần trên đây làm cho cơ chế kinh doanh trong thời kỳ quá độ mang những đặc điểm lớn sau đây:

1 — Các quan hệ sản xuất trong thời kỳ quá độ có thể quy lại thành hai hệ thống: hệ thống quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ công hữu và hệ thống quan hệ sản xuất phi xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Hai hệ thống

Digitized by Google

này tuy có những quan hệ tác động qua lại, cùng chịu sự tác động của một số quy luật chung, phổ biến, nhưng đồng thời về bản chất, phương thức vận động, chúng chịu sự tác động của những quy luật đặc thù khác nhau. Do đó, trong thời kỳ quá độ có cơ sở cho sự nảy sinh, tồn tại và phát triển của hai cơ chế kinh tế - và do đó hai phương thức kinh doanh — xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh lực lượng sản xuất của thành phần tư bản chủ nghĩa cũng như thành phần những người tiểu sản xuất hàng hóa chưa bộc lộ hết khả năng phát triển của mình thì việc xác lập cơ chế kinh doanh phi xã hội chủ nghĩa, về khách quan mà xét, vẫn tạo ra được khả năng rộng lớn cho sản xuất phát triển. Nói cách khác, trong thời kỳ quá độ có thể lựa chọn hai tình huống, hai cơ chế cho sự phát triển lực lượng sản xuất. Chính ở đây thể hiện vai trò năng động chủ quan của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải chủ động lựa chọn những hình thức và biện pháp kinh tế nào đáp ứng được những nguyên tắc kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đấu tranh với những gì xa lạ với các nguyên tắc đó.

Điều nói trên đây còn cho thấy là, tiêu chuẩn cao nhất để thiết lập cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa là thúc đẩy sản xuất phát triển nhưng đó không phải là mục tiêu duy nhất trong thời kỳ quá độ. Ngoài phát triển sản xuất, những hình thức và biện pháp kinh tế còn phải đồng thời củng cố và mở rộng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

2 — Trong thời kỳ quá độ, dù ở giai đoạn đầu, cũng đã xuất hiện những khả năng khách quan cho cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa phát huy tác dụng chỉ đạo. Đó là do thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa trước hết là kinh tế quốc doanh đã chiếm giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế. Điều này làm cho các nguyên tắc kinh doanh xã hội chủ nghĩa giữ vai trò chủ đạo trong cơ chế kinh tế trong thời kỳ quá độ, điều tiết sự vận động toàn bộ của nền kinh tế quốc dân. Tất nhiên mức độ điều tiết này không như nhau trong từng chặng đường của thời kỳ quá độ. Nhưng trong bất kỳ trường hợp nào thì các nguyên tắc lê nin nít về kinh doanh xã hội chủ nghĩa cũng đều có cơ sở khách quan để phát huy tác dụng và đều đòi hỏi Nhà nước chuyên chính vô sản phải chủ động tự giác vận dụng, cụ thể hóa các nguyên tắc đó vào điều kiện của nước mình trong từng giai đoạn. Nhờ vậy mà bảo đảm cho nền kinh tế phát triển với hiệu quả cao trong điều kiện còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế và bảo đảm được lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Các nguyên tắc đó đã được Lê-nin xác định trong quá trình lãnh đạo nền kinh tế xô viết non trẻ, và được hoàn thiện trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Đó cũng vẫn là những nguyên tắc cần quán triệt trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế hiện nay ở các nước này. Trong đó, những nguyên tắc chủ yếu nhất là: tập trung dân chủ, ưu tiên chính trị so với kinh tế, kết hợp kế hoạch với vận dụng quan hệ hàng hóa — tiền tệ, bảo đảm các lợi ích kinh tế.

3 — Mặc dù quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chiếm vị trí thống trị trong tổng thể quan hệ sản xuất ở thời kỳ quá độ, nhưng chúng vẫn chưa đạt đến trình độ chín muồi. Mặt khác, vẫn còn cần có những biện pháp, chính sách nhằm huy động những năng lực sản xuất ở các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa. Do hai lý do đó cho nên trong cơ chế kinh doanh ở thời kỳ quá độ cần thiết phải có những hình thức và biện pháp đặc biệt. Nói cách khác, ở đây cơ chế kinh doanh có cơ cấu phức tạp về hình thức kinh

Digitized by Google

tế xã hội, trong đó bao gồm cả những yếu tố phi xã hội chủ nghĩa. Những hình thức và biện pháp kinh doanh xã hội chủ nghĩa không chỉ có tác động trực tiếp đến thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa mà còn tác động gián tiếp đến những thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, ngay trong phương thức kinh doanh ở thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa cũng cần thiết phải sử dụng những hình thức và biện pháp kinh tế chưa phải là hoàn toàn tương ứng với bản chất xã hội của thành phần này. Chẳng hạn có thể và cần cho phép một số xí nghiệp quốc doanh tiến hành hạch toán thương mại trong hoạt động kinh tế của mình (đặc biệt trong quan hệ với các thành phần kinh tế khác). Đó cũng là một kinh nghiệm của Liên xô về hình thành cơ chế kinh doanh trong thời kỳ quá độ (năm 1923, Nhà nước xô viết đã ra sắc luật «Về các xí nghiệp quốc doanh thực hiện hạch toán thương mại»). Việc khoán sản phẩm trong nông nghiệp hiện nay ở nước ta cũng là một thí dụ về sử dụng những hình thức kinh tế này khi xem xét nó như là một phương thức có hiệu quả nhằm kết hợp giữa kinh tế xã hội với kinh tế gia đình.

Ở đây cần tránh hai khuynh hướng không đúng. Hoặc là cho rằng, những hình thức kinh tế quá độ, vì không phải là xã hội chủ nghĩa cho nên chỉ sử dụng tạm thời, rất hạn chế và tốt nhất là không nên sử dụng, vì chúng luôn phát sinh những mặt tiêu cực. Hoặc là tìm mọi cách chứng minh rằng, đó là những biện pháp đích thực của chủ nghĩa xã hội, từ đó không có những biện pháp cần thiết để hạn chế những mặt tiêu cực do những hình thức đó gây ra. Cả hai khuynh hướng này đều không thấy hết tính chất phức tạp, khó khăn và lâu dài của thời kỳ quá độ, đặc biệt là đối với một nước đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

VỀ KINH DOANH...

(Tiếp theo trang 42)

lý xí nghiệp xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, hạch toán kinh tế phải lấy kế hoạch làm công cụ chủ yếu, đồng thời phải lấy hiệu quả làm tiêu chuẩn để đánh giá hoạt động kinh doanh.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa và hạch toán kinh tế có liên quan chặt chẽ với nhau. Không thể có kinh doanh xã hội chủ nghĩa mà không thực hiện hạch toán kinh tế đầy đủ. Nhưng không thể đồng nhất kinh doanh xã hội chủ nghĩa với hạch toán kinh tế vì đó là hai khái niệm riêng biệt.

Để thực hiện hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, điều kiện hàng đầu là có *đồng tiền ổn định* làm thước đo giá trị và *có hệ thống giá cả tương đối ổn định*.

Nếu đồng tiền không ổn định, giá nguyên liệu, chi phí kinh doanh không ngừng tăng thì người kinh doanh không biết phải bán theo giá nào để bảo đảm vòng quay vốn.

Trong bối cảnh quan hệ hàng — tiền mất cân đối nghiêm trọng, giữa cung và cầu có sự chênh lệch lớn, sản xuất trong nước chưa thể tăng nhanh, tất yếu phải sử dụng mối quan hệ kinh tế đối ngoại để tạo một lực lượng vật chất, một quỹ hàng hóa tối thiểu phục vụ cho việc ổn định giá — lương — tiền.

Digitized by Google

NGUYỄN ĐĂNG KHÁNH

KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ VẬN DỤNG QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG KINH DOANH

1. *Kinh doanh* là phạm trù kinh tế chỉ sự hoạt động của các chủ thể kinh tế nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao. Chủ thể đó bao gồm cả xí nghiệp sản xuất và xí nghiệp lưu thông hàng hóa, lưu thông tiền tệ, cả ngành kinh tế và cả các Bộ kinh tế; không bao gồm các đoàn thể quần chúng, tổ chức chính trị và tổ chức pháp luật.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa là khái niệm bao trùm hạch toán kinh tế. Hạch toán kinh tế chỉ là phương pháp quản lý xí nghiệp xã hội chủ nghĩa dựa trên sự vận dụng quy luật giá trị. Kinh doanh xã hội chủ nghĩa gồm toàn bộ hoạt động của chủ thể kinh tế từ A đến Z trong đó hạch toán kinh tế và kế hoạch là nội dung cơ bản. Kinh doanh xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải kết hợp chặt chẽ kế hoạch với hạch toán kinh tế; kế hoạch không kết hợp với hạch toán kinh tế là kế hoạch bao cấp; hạch toán kinh tế không kết hợp với kế hoạch thì hạch toán kinh tế biến thành hạch toán thương mại. Tách rời kế hoạch và hạch toán kinh tế thì không còn kinh doanh xã hội chủ nghĩa mà hoặc là bao cấp hoặc là kinh doanh tư bản chủ nghĩa. Chính sự kết hợp này trong kinh doanh xã hội chủ nghĩa là điểm khác biệt về nội dung với kinh doanh tư bản chủ nghĩa. (Tất nhiên còn có sự khác nhau về mục đích, về bản chất của hiệu quả kinh tế v.v.). Kinh doanh xã hội chủ nghĩa còn là trên cơ sở của kế hoạch được xây dựng tương ứng với nhiệm vụ và năng lực thực hiện nhiệm vụ, lựa chọn phương án tối ưu và tổ chức quá trình hoạt động theo phương án tối ưu đó nhằm mang lại hiệu quả kinh tế xã hội cao nhất.

2. *Hiệu quả kinh tế của kinh doanh xã hội chủ nghĩa.*

Mục tiêu kinh tế trực tiếp của kinh doanh xã hội chủ nghĩa là hiệu quả kinh tế. *Hiệu quả kinh tế được xác định bởi những lợi ích mà chủ thể kinh doanh mang lại cho nền kinh tế và xã hội.* Vấn đề thời sự hiện nay là hiệu quả kinh tế trong kinh doanh của xí nghiệp. Khi phân tích hiệu quả kinh tế của xí nghiệp, cần tôn trọng phương pháp luận khoa học sau đây: phân tích các quan hệ phân phối, quan hệ quản lý trong sự tác động qua lại với quan hệ sở hữu, quan hệ cơ bản có tính quyết định. Mọi xu hướng tách rời quan hệ phân phối và quan hệ quản lý với quan hệ sở hữu trong phân tích sẽ dẫn đến xa rời chủ nghĩa Mác—Lê-nin và có nguy hại trong thực tiễn.

Xí nghiệp xã hội chủ nghĩa là một bộ phận của nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa, nó không có sở hữu riêng như xí nghiệp tư bản chủ nghĩa; từ đó, xí nghiệp xã hội chủ nghĩa không có lợi ích riêng như xí nghiệp tư bản chủ nghĩa; lợi ích xí nghiệp xã hội chủ nghĩa tùy thuộc vào lợi ích chung và phần đóng góp của xí

Digitized by Google

nghiệp trong lợi ích chung đó: sự đóng góp của xí nghiệp càng nhiều thì lợi ích chung của xã hội càng nhiều và theo đó lợi ích của từng xí nghiệp cũng lớn dần lên. Sự cạnh tranh—sản phẩm của chế độ tư hữu—không thể tồn tại trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Sự cạnh tranh giữa các xí nghiệp không gia tăng lợi ích xã hội, cạnh tranh có thể làm tăng lợi ích của xí nghiệp cá biệt bằng cách «trước đoạt» ít hoặc nhiều lợi ích của xí nghiệp khác. Trên quan điểm phương pháp luận như vậy, rõ ràng *hiệu quả kinh tế trong kinh doanh của xí nghiệp xã hội chủ nghĩa phải được xét trong quan hệ với trách nhiệm mà xã hội phân cho xí nghiệp và điều kiện vật chất tinh thần mà Nhà nước trao cho xí nghiệp để thi hành trách nhiệm được giao*, hiệu quả kinh tế phải được phân tích cả về mặt giá trị sử dụng và giá trị của sản phẩm làm ra. *Tiêu thức hiệu quả kinh tế* kinh doanh của xí nghiệp xã hội chủ nghĩa tối thiểu phải được thể hiện như sau:

— Mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội về mặt số lượng, chất lượng và kết cấu sản phẩm.

— Mức độ tích lũy từ lao động thặng dư của xí nghiệp thể hiện ở lợi nhuận xí nghiệp và thu quốc doanh nộp ngân sách.

— Tác động của xí nghiệp đến sự phát triển của các xí nghiệp liên quan và sự ổn định của nền kinh tế quốc dân.

Xem nhẹ một trong ba tiêu thức này, sẽ hướng xí nghiệp đi chệch con đường kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Các tiêu thức này phải thể hiện ở chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước và cả ở những chế độ, quy định về kinh doanh. Hiện nay có quan điểm phiến diện cho rằng hiệu quả kinh doanh của xí nghiệp chỉ là lợi nhuận và vì vậy muốn Nhà nước chỉ giao cho xí nghiệp một chỉ tiêu duy nhất: lợi nhuận; và phần đóng góp của xí nghiệp chỉ còn là «thuế». Quan điểm này đã tách rời quan hệ sở hữu, xem xí nghiệp xã hội chủ nghĩa cũng giống như xí nghiệp tư bản chủ nghĩa, đã đi chệch con đường kinh doanh xã hội chủ nghĩa, sẽ mang lại hậu quả tiêu cực đối với nền kinh tế quốc dân và xã hội.

Lợi nhuận xí nghiệp là lợi ích trực tiếp của xí nghiệp. Lợi nhuận với nghĩa đúng là biểu hiện bằng tiền của bộ phận lao động thặng dư do công nhân xí nghiệp đó tạo ra cho xã hội và được xã hội trao lại tương ứng với phần đóng góp của xí nghiệp, nó là bộ phận (chứ không phải tất cả) của hiệu quả kinh tế xí nghiệp. Cái gọi là «lợi nhuận» mà một số xí nghiệp thu được bằng cách khai man các yếu tố giá thành hoặc bán hàng theo giá mà người ta gọi là «giá thị trường xã hội chấp nhận» thì không hoàn toàn đúng là hiệu quả của xí nghiệp; đó là kết quả của sự chiếm đoạt thu nhập của người tiêu dùng, của Nhà nước và cả hiệu quả của xí nghiệp bạn. Cơ chế lợi nhuận hiện hành chưa bảo đảm xây dựng mối quan hệ đúng giữa lợi nhuận xí nghiệp với lợi ích chung của xã hội, cho nên nhiều xí nghiệp «bung ra» mở rộng quyền «tự chủ kinh doanh» theo lối «đi buôn ăn chênh lệch giá». Cần phải sửa đổi cơ chế lợi nhuận sao cho phản ánh đúng hiệu quả kinh tế xí nghiệp theo tinh quy luật: *hiệu quả kinh tế xí nghiệp càng cao thì lợi nhuận xí nghiệp càng nhiều.*

3. Một số vấn đề về vận dụng quy luật giá trị trong kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế xã hội chủ nghĩa vẫn là kinh tế hàng hóa, cho nên trong kinh doanh xã hội chủ nghĩa tất yếu phải vận dụng quy luật giá trị. Hiện nay có «phong trào» ai cũng nói tới vận dụng quy luật này, quy luật nọ! Đúng là con người có khả năng nhận thức và vận dụng quy luật, nhưng đó là

Digitized by Google

ai? Mọi người đều biết quy luật kinh tế là mối liên hệ bản chất giữa các hiện tượng kinh tế, do vậy vận động của quy luật là vận động xã hội. Muốn vận dụng được quy luật, trước hết phải nắm được quy luật, tức là bản chất của các hiện tượng; vận dụng quy luật còn tạo ra những điều kiện để hướng sự vận động của quy luật kinh tế đúng vào mục tiêu đã chọn, tức là chủ động vạch con đường cho sự vận động của quy luật. Sự vận dụng đúng thể hiện ở chỗ con đường chúng ta chủ động vạch ra đó phải là con đường mà, nếu chúng ta không tự giác thì quy luật tự nó cũng vạch lấy trong sự vận động của nó. Trên những luận cứ đó, rõ ràng nói người vận dụng quy luật giá trị trong kinh doanh là nói xã hội, trong chủ nghĩa xã hội, người đại diện cho xã hội là Nhà nước trung ương. Có quan điểm cho rằng, cạnh tranh là điều kiện tất yếu của sự vận dụng quy luật giá trị, nói vận dụng quy luật giá trị mà không thừa nhận cạnh tranh là nói suông. Cần nhớ rằng cạnh tranh không gắn liền hữu cơ với quy luật giá trị. Trong nền sản xuất hàng hóa dựa trên chế độ tư hữu, sự cạnh tranh về giá cả không phải là biểu hiện của sự vận dụng quy luật giá trị mà quy luật giá trị chi phối sự cạnh tranh. Sự cạnh tranh làm cho con người mất khả năng vận dụng tự giác quy luật giá trị. Thực tiễn ở nước ta trong những năm tháng gần đây đã chứng minh điều đó. Có người nói: vận dụng quy luật giá trị là tăng, giảm giá hàng Nhà nước theo sự tăng, giảm giá của thị trường «tự do». Đó không phải vận dụng quy luật mà bị quy luật chi phối, chạy theo quy luật giá trị của thị trường «tự do» một cách mù quáng. Vận dụng quy luật giá trị trong kinh doanh xã hội chủ nghĩa không chỉ là hoặc chủ yếu là xác định cơ chế giá và mức giá sao cho mua được bán được. Quan điểm đó thể hiện sự nhận thức chưa đầy đủ về quy luật giá trị, xem nó như quy luật kinh tế của trao đổi chứ không phải quy luật của toàn bộ quá trình sản xuất xã hội chi phối tất cả 1 khâu của quá trình đó.

Vấn đề trung tâm trong vận dụng quy luật giá trị là các xí nghiệp phải làm cho giá trị cá biệt thấp hơn và ngày càng thấp hơn so với giá trị xã hội, để dần dần giảm giá trị xã hội xuống. Hiện nay, các ngành sản xuất ở nước ta không biết chi phí bình quân hoặc trung bình tiên tiến của ngành. Chi phí sản xuất cá biệt hiện nay là thước đo duy nhất của xí nghiệp. Nước ta đang trong quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, còn nhiều thành phần, nhiều tổ chức kinh tế tham gia sản xuất hàng hóa. Cần phải tổ chức lại sự sản xuất đó thành hệ thống ngành kinh tế — kỹ thuật, cho phép tính được chi phí sản xuất trung bình của ngành, biết được mức độ thích hợp giữa chi phí sản xuất của ngành và yêu cầu của xã hội, từ đó xác định đúng điểm và khâu đầu tư để làm cho chi phí ngành trở thành chi phí xã hội và không ngừng giảm chi phí xã hội. Việc làm này phải bắt đầu từ kế hoạch hóa đến phân công lại sản xuất giữa các thành phần, các tổ chức kinh tế, từ bố trí lại và phân phối các yếu tố của quá trình sản xuất đến tổ chức tiêu thụ sản phẩm (cả tiêu dùng trong nước và xuất khẩu). Như vậy, tổ chức lại sản xuất và tiêu thụ là điều kiện để nắm bắt được cái bản chất của quy luật, và vì vậy là khâu quyết định trong vận dụng quy luật. Tổ chức lại sản xuất gắn với tổ chức tiêu thụ sản phẩm cho phép đạt đến cân đối tối ưu quan hệ cung — cầu cả về giá trị sử dụng và giá trị, là cơ sở vững chắc của sự lưu thông hàng hóa và lưu thông tiền tệ, là điều kiện cơ bản để xác định đúng giá cả.

Vấn đề «nóng bỏng» hiện nay trong vận dụng quy luật giá trị vào kinh doanh xã hội chủ nghĩa ở nước ta là cơ chế giá

Digitized by Google

Cần nhớ rằng quy luật giá trị không dẫn trực tiếp đến cơ chế giá này hay cơ chế giá khác. Cơ chế giá thuộc phạm trù vận dụng quy luật.

Ở nước ta hiện nay đang còn hai thị trường xét về mặt quan hệ sản xuất: thị trường xã hội chủ nghĩa và thị trường phi xã hội chủ nghĩa (không nên gọi là thị trường có tổ chức và thị trường «tự do» vì hai khái niệm đó không chứa đựng được nội dung cơ bản của hai thị trường). Quy luật giá trị ở trong hai thị trường đó có nội dung và phương thức hoạt động khác nhau. Cuộc đấu tranh giữa hai thị trường này đòi hỏi cơ chế giá của thị trường xã hội chủ nghĩa phải vừa phản ánh được yêu cầu của các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội vừa đủ linh hoạt và nhạy bén để vận dụng quy luật giá trị một cách tốt nhất.

Hiện nay, chúng ta chưa hoàn toàn nhất trí về cơ chế (theo tôi nên gọi là chính sách) hai giá hay một giá. Giá cả vừa là công cụ trao đổi, đồng thời cũng được sử dụng như công cụ phân phối để phân phối lại thu nhập giữa các tầng lớp dân cư. Nếu đưa chức năng phân phối của giá cả lên hàng đầu thì áp dụng chính sách hai giá: một giá tương ứng với tiền lương của công nhân viên chức và thu nhập của người lao động — giá này tất yếu phải bảo đảm chi phí sản xuất và lợi nhuận xí nghiệp, và như vậy áp dụng giá này, không phải là tiếp tục «bao cấp»; và giá thứ hai được tính toán đầy đủ quan hệ cung — cầu trên thị trường. Với chính sách hai giá này cần tăng cường công tác tổ chức và quản lý ngành thương nghiệp để hạn chế đến mức tối đa những tiêu cực trong ngành. Hiện nay ở nước ta chính sách hai giá có thể giải quyết được nhiều mối quan hệ kinh tế xã hội. Vì vậy, hiện nay theo kết luận của Bộ chính trị và quyết định của Hội đồng bộ trưởng đã cho phép tồn tại hai giá đối với một số vật tư như: xi măng, thép tròn, xăng ô tô, than và 1 đến 6 mặt hàng tiêu dùng khác như: gạo, thịt v.v. Nhưng nếu bằng những hình thức phân phối khác có thể giải quyết được quan hệ giữa Nhà nước với người lao động thì chính sách hai giá hoàn toàn không cần thiết. Việc Bộ chính trị và Hội đồng bộ trưởng cho phép các địa phương tùy điều kiện mà áp dụng chính hai giá hay một giá là trao cho lãnh đạo địa phương quyền lựa chọn của người quản lý.

Cơ chế giá là sự điều hành thị trường một cách có ý thức qua quan hệ cung cầu; quan hệ cung—cầu trong chủ nghĩa xã hội cũng được kế hoạch hóa. Vì vậy, khi xác định cơ chế giá cả phải tính đến quan hệ cung — cầu và năng lực, trình độ kế hoạch hóa. Trong kinh tế có quan hệ kinh tế cơ bản và quan hệ kinh tế không cơ bản, có nhu cầu cơ bản và không cơ bản. Đối với quan hệ kinh tế cơ bản và nhu cầu cơ bản, Nhà nước cần phải kế hoạch hóa và vươn lên để bảo đảm năng lực kế hoạch hóa; với loại quan hệ kinh tế và nhu cầu này cần phải có giá ổn định, và phải dùng mọi biện pháp của chuyên chính vô sản (tất nhiên biện pháp kinh tế là cơ bản) để bảo đảm giá ổn định. Việc bảo đảm sự ổn định này không phải là bao cấp, quan liêu, mà là đòi hỏi của xã hội đối với Nhà nước chuyên chính vô sản; sự không ổn định về giá cả ở các quan hệ cơ bản này trong những năm gần đây đã làm giảm sút thu nhập thực tế của những người lao động sống bằng tiền lương. Đối với quan hệ kinh tế thứ hai, quan hệ kinh tế không cơ bản mà Nhà nước chưa đủ sức kế hoạch hóa thì áp dụng cơ chế giá linh hoạt. Điều hành giá linh hoạt này không phải chỉ là chính quyền địa phương, mà Nhà nước ổn định khung giá và cho phép địa phương được linh hoạt trong khung giá đó; khi cần thiết Nhà nước cũng chủ động thay đổi khung giá và mở rộng quyền hạn của chính quyền địa phương cũng như các tổ chức

Digitized by Google

kinh doanh. Hiện nay cơ chế giá cho phép vận dụng quy luật giá trị một cách sắc bén vào kinh doanh xã hội chủ nghĩa phải là *cơ chế hai giá: giá ổn định và giá linh hoạt* (dù trong chính sách có hay không có giá tương ứng với lương). Giá ổn định — thích ứng với các quan hệ kinh tế cơ bản — phản ánh đúng sự biến động của chi phí sản xuất theo sự phát triển của khoa học — kỹ thuật ứng dụng vào sản xuất, phản ánh đúng các quan hệ kinh tế xã hội và được ổn định trong thời gian dài theo kỳ kế hoạch. Giá linh hoạt phản ánh đúng quan hệ cung — cầu trên thị trường, giá này cũng cần được ổn định trong thời gian ngắn thích ứng với sự *biến đổi thật* của cung và cầu. Tính ổn định trong giá cả là điều kiện của kinh doanh xã hội chủ nghĩa — kinh doanh có kế hoạch và có hạch toán kinh tế, và là điều kiện để giá cả phát huy tác dụng hướng dẫn đối với sản xuất và đời sống. Một sự biến động liên tục của giá cả làm mất phương hướng của sản xuất và đời sống, sẽ dẫn xã hội từ rối loạn này sang rối loạn khác. Nhưng một sự ổn định cứng nhắc trong thời gian quá dài, trên thực tế là sự triệt tiêu tác dụng của quy luật giá trị đối với các mặt, các quan hệ trong nền kinh tế quốc dân, dẫn đến sự trì trệ trong sản xuất và đời sống. Thực trạng kinh tế của nước ta trong thời gian qua đủ chứng minh cho những điều nói trên. Cái khó là phải biết cái gì và lúc nào cần ổn định và linh hoạt — đó không còn là nội dung cơ chế mà đó là nghệ thuật của người điều hành giá, tức là Nhà nước.

Cũng cần nói thêm rằng, có những nhu cầu mà Nhà nước không thể kế hoạch hóa được và nằm ngoài phạm vi kế hoạch, vì nó gắn với những yếu tố kinh tế vi lượng, những chi tiết cuộc sống. Những nhu cầu này phải được tự điều chỉnh thông qua thị trường, điều đó là tất yếu, chứ không phải là sự yếu kém của cơ quan kinh doanh hoặc của Nhà nước. Nhà nước chỉ tác động đến sự tự điều chỉnh này khi nó bộc lộ những mặt tiêu cực của nó.

MẤY VẤN ĐỀ VỀ...

(Tiếp theo trang 54)

bộ máy Nhà nước, nhất là ở các ngành có quan hệ đến việc nắm tiền, nắm hàng.

4. Trong việc chuyển sang cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phải *bắt đầu* từ việc trao trả quyền tự chủ kinh doanh, thực hiện hạch toán kinh tế của các xí nghiệp. Từ thực tế ở cơ sở, đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý ở cấp kinh tế quốc dân. Để thúc đẩy cơ sở chuyển mạnh sang hạch toán kinh tế, như nghị quyết Hội nghị thứ 8 của BCHTUĐ (khóa V) đã chỉ rõ: *trước hết phải xóa bỏ bao cấp qua giá*. Giá cả không chỉ bảo đảm cho xí nghiệp lấy thu bù chi, còn phải đáp ứng đồng bộ nhiều yêu cầu. Điều rất quan trọng là bảo đảm được tiền lương thực tế của công nhân viên chức, phải thúc đẩy cơ sở cải tiến quản lý, cải tổ sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật. Các xí nghiệp quốc doanh có trách nhiệm, bằng giá cả và sử dụng giá cả hình thành từ khu vực quốc doanh đấu tranh nhằm ổn định giá cả trên thị trường.

5. Nhà nước ban hành sớm các chính sách hoàn chỉnh về tiêu dùng, về xuất nhập khẩu, về tài chính; những chính sách này cần được quán triệt và trở thành nguyên tắc chỉ đạo hành động của nhân dân. Nhà nước có biện pháp kiên quyết bảo đảm cho những chính sách ấy thật sự có hiệu lực.

Digitized by Google

NGUYỄN ANH BÁC

MẤY VẤN ĐỀ VỀ KINH DOANH VÀ CƠ CHẾ KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

KINH doanh là phương thức tiến hành các hoạt động kinh tế trong nền kinh tế hàng hóa thông qua quan hệ mua, bán hàng hóa, nhằm đạt được một tỷ suất lợi nhuận tối đa với chi phí tối thiểu về lợi ích của chủ thể kinh doanh. Bản chất của kinh doanh là bản chất của nền kinh tế hàng hóa. Quy luật chi phối mọi hoạt động kinh doanh là *hệ thống các quy luật* của nền kinh tế đó, trong đó có các quy luật chung của kinh tế hàng hóa như: quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật lưu thông tiền tệ... là những quy luật tác động trực tiếp đến thực tiễn kinh doanh.

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa vẫn là nền kinh tế hàng hóa. Quan hệ hàng hóa — tiền tệ là một mặt của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. (các hoạt động kinh tế xã hội chủ nghĩa vẫn phải thông qua nó mới thực hiện được mục đích của nền sản xuất và cũng có quan hệ sản xuất). Cho nên, kinh doanh *vẫn là phương thức* tiến hành các hoạt động kinh tế trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Nhưng, kinh doanh xã hội chủ nghĩa khác về bản chất so với kinh doanh tư bản chủ nghĩa trên một số điểm cơ bản sau đây:

1 Lợi nhuận: lợi nhuận là mục đích trực tiếp của kinh doanh, nói lên hiệu quả kinh doanh. Trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, lợi nhuận đối với từng nhà tư bản là tất cả, là động cơ, là lẽ sống. Đạt được tỷ suất lợi nhuận cao với chi phí ít nhất bằng bất cứ cách nào là yêu cầu cao nhất của mọi hoạt động kinh doanh tư bản chủ nghĩa.

Quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội quy định mục đích của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa là thỏa mãn ngày càng cao nhu cầu vật chất và văn hóa của toàn xã hội. Xí nghiệp xã hội chủ nghĩa là một đơn vị kinh tế cơ sở của nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa, được xã hội trao quyền sử dụng một bộ phận tư liệu sản xuất để tiến hành sản xuất có hiệu quả nhằm phát huy tính ưu việt của chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Hoạt động sản xuất của xí nghiệp phải bảo đảm mang lại lợi nhuận: lợi nhuận của từng xí nghiệp không phải là của riêng của xí nghiệp, lợi nhuận đó phải góp phần đúng mức vào việc tăng thêm thu nhập của toàn xã hội. Việc nâng cao doanh lợi của từng xí nghiệp không được vi phạm lợi ích của xã hội, của các xí nghiệp khác. Con đường tạo ra lợi nhuận siêu ngạch của xí nghiệp không thể là con đường giành giật lợi nhuận của nhau bằng tranh mua tranh bán, giành chênh lệch giá, mà bằng cách đẩy mạnh thi đua xã hội chủ nghĩa, mạnh dạn ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, phát huy ưu thế của quan hệ sản xuất mới, tăng năng suất lao động, thực hành tiết kiệm, hạ giá thành sản phẩm, mở rộng quan hệ

Digitized by Google

hợp tác kinh tế... Việc phân phối lợi nhuận của xí nghiệp phải bảo đảm được sự kết hợp hài hòa lợi ích của xã hội, của tập thể, của cá nhân người lao động theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

2. *Cơ chế kinh doanh.* Sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa là nền sản xuất của những người chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Cơ chế hoạt động của các quy luật kinh tế tư bản chủ nghĩa là *cạnh tranh*: một trong những mâu thuẫn của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa là mâu thuẫn giữa tính tổ chức của từng xí nghiệp riêng rẽ với tình trạng vô tổ chức ngoài xã hội.

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là một nền kinh tế có kế hoạch. Cơ chế hoạt động của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa là *kế hoạch hóa*. Quan hệ hàng hóa — tiền tệ là quan hệ kinh tế *cần thiết cho việc kế hoạch hóa*. Bởi vì, các mối quan hệ kinh tế đã được kế hoạch hóa đều được thực hiện thông qua quan hệ hàng hóa — tiền tệ. Thực tế diễn biến ở thị trường của quan hệ hàng hóa — tiền tệ là một trong những cơ sở thực tế rất quan trọng để kế hoạch hóa các quá trình kinh tế.

Đặc điểm hoạt động trên đây của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa đòi hỏi:

a — Nhà nước, công cụ tổ chức quản lý mọi hoạt động kinh tế một cách có kế hoạch phải có định hướng phát triển kinh tế, các chính sách, chế độ, quy định bảo đảm cho mọi hoạt động đi theo đúng phương hướng kế hoạch chung. Mỗi đơn vị kinh tế phải phát huy được tính tích cực, chủ động khai thác đến mức tối đa tiềm năng kinh tế hiện có, góp phần tích cực nhất vào sự phát triển của nền kinh tế quốc dân, đáp ứng tốt nhất các mục tiêu kinh tế xã hội đã đề ra.

b — Các xí nghiệp xã hội chủ nghĩa, như Lê-nin đã nói, phải đứng trên *phương diện buôn bán* để tiến hành các hoạt động kinh tế, nghĩa là phải hoạt động đúng với tư cách của một *chủ thể kinh doanh*, biết vận dụng khôn khéo quan hệ hàng hóa — tiền tệ nhằm sử dụng tài sản xã hội giao cho, với hiệu quả kinh tế xã hội cao nhất, góp phần lớn nhất vào hiệu quả kinh tế xã hội của nền kinh tế quốc dân.

Muốn đáp ứng được những đòi hỏi trên, kinh doanh xã hội chủ nghĩa phải *quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ*. Nguyên tắc này « bao hàm khả năng — khả năng này do lịch sử tạo ra lần đầu tiên — phát huy một cách đầy đủ và tự do không những các đặc điểm của địa phương, mà cả những sáng kiến của địa phương, tính chủ động của địa phương, tính chất muôn hình muôn vẻ về biện pháp, phương pháp và phương tiện để đạt đến mục đích chung » (1). Xã hội, như Ăng-ghen đã nói « sẽ tiêu diệt cạnh tranh và thay cạnh tranh bằng hợp tác » (2).

3. *Chế độ quản lý xí nghiệp.* Đối với các xí nghiệp xã hội chủ nghĩa đã đứng trên phương diện buôn bán để tiến hành các hoạt động kinh tế thì, chế độ quản lý xí nghiệp thích hợp nhất mà Lê-nin đề ra là: *Hạch toán kinh tế*. Thực hiện hạch toán kinh tế, xí nghiệp được độc lập về nghiệp vụ và về sử dụng tài sản do Nhà nước giao trong khuôn khổ chế độ công hữu về tư liệu sản xuất và phương hướng kế hoạch phát triển kinh tế thống nhất của Nhà nước. Xí nghiệp phải chịu trách nhiệm về lỗ, lãi, sử dụng vốn do Nhà nước cấp dưới hình thức tín dụng, không ngừng phấn đấu tạo nguồn vốn tự có. Xí nghiệp thực hiện khuyến khích về vật chất đối với người lao động. Quan hệ giữa các xí nghiệp được xác lập theo kế hoạch chung của Nhà nước và được thực hiện bằng hợp

(1) V. I. Lê-nin: ***Toàn tập***, Nxb Sự thật, Hà nội, 1971, tập 27, tr. 261.

(2) Ph. Ăng-ghen: *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1971, tr. 18.

Digitized by Google

đồng kinh tế. Nhà nước quản lý các xí nghiệp chủ yếu bằng những biện pháp, chính sách đòn bẩy kinh tế.

Từ sự phân tích trên, có thể đi đến kết luận: cơ chế quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa cũng đồng thời là cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa. *Đó là cơ chế kế hoạch hóa, quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện hạch toán kinh tế.*

★

Việc xóa bỏ cơ chế quản lý hành chính quan liêu – bao cấp chuyển sang cơ chế quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa ở nước ta diễn ra trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn phức tạp. Trong khu vực sản xuất thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa đã được xác lập, những nền sản xuất vẫn phổ biến là sản xuất nhỏ, mất cân đối nghiêm trọng, nhiều tiềm năng kinh tế ở cơ sở địa phương chưa được khai thác, phân phối lưu thông đang ở tình trạng rối ren, hỗn loạn. Các thế lực tư sản còn lại, tư thương, bọn làm ăn phi pháp, những phần tử thoái hóa trong bộ máy Nhà nước vẫn chi phối được một phần đáng kể tiền và hàng, rút tiền, rút hàng của Nhà nước. Nhu cầu của Nhà nước ngày một tăng, mâu thuẫn giữa cung và cầu ngày một gay gắt, thị trường, giá cả, tiền tệ không ổn định.

Tình hình trên đây quy định: việc chuyển sang cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tất yếu phải là *một quá trình lâu dài, phải hoàn thiện từng bước*. Trong quá trình này, vừa phải xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu – bao cấp, tạo lập và từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý mới, phù hợp với thực trạng kinh tế của đất nước, vừa phải tích cực chủ động phát huy tác dụng của cơ chế quản lý mới thúc đẩy hoàn thiện cơ cấu kinh tế mới, làm chuyển biến tình hình kinh tế, xã hội. Đây là biểu hiện sự nhận thức và vận dụng đúng đắn quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Tính phức tạp của quá trình đổi mới này đòi hỏi chúng ta phải giải quyết đồng bộ, với những biện pháp thiết thực có hiệu lực hàng loạt vấn đề cả về đổi mới cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý, cũng như năng lực và nghệ thuật quản lý. Chúng tôi đề nghị một số vấn đề sau:

1. Từ đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở phương hướng chiến lược phát triển kinh tế – xã hội đúng đắn, Nhà nước sớm định ra những chương trình phát triển kinh tế của cả nước, của các ngành, các địa phương. Kèm theo đó là những chính sách kinh tế bảo đảm cho mọi hoạt động kinh tế đi đúng hướng đã đề ra.

2. Tổ chức lại sản xuất, bảo đảm cho các đơn vị sản xuất được giữ lại có những điều kiện ổn định để sản xuất. Nhà nước tập trung được năng lượng, vật tư, nguyên liệu vào những trọng điểm kinh tế của cả nước.

3. Đi đôi với tổ chức lại sản xuất, kiên quyết tổ chức lại thị trường, lập lại trật tự trên lĩnh vực phân phối lưu thông. Việc tổ chức lại thị trường phải cân đối với sản xuất, làm cho thị trường thật sự là nơi thực hiện một cách thuận lợi các điều kiện tái sản xuất của các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Sớm hình thành thị trường tư liệu sản xuất, hệ thống bán buôn, bán lẻ theo một cơ chế hoạt động có kỷ cương, được luật pháp bảo đảm.

Điều kiện tiên quyết để lập lại trật tự trên lĩnh vực phân phối lưu thông là *diệt trừ bọn đầu cơ buôn lậu, quét sạch nạn tham nhũng, làm trong sạch*

(Xem tiếp trang 51)

Digitized by Google

NGUYỄN VĂN HUY

VỀ KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

KINH doanh xã hội chủ nghĩa là một trong những phương hướng quan trọng của đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Phương hướng này đã được khẳng định tại Hội nghị thứ 6 của trung ương Đảng (khóa V) là *đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, lấy kế hoạch làm trung tâm, gắn kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.*

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa cũng là nội dung cơ bản trong hoạt động kinh tế của các đơn vị kinh tế cơ sở, các tổ chức, các ngành sản xuất, kinh doanh thuộc hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa. Nó không chỉ là phương hướng và nội dung cơ bản trong hoạt động của các đơn vị kinh tế mà còn thể hiện cách nghĩ, cách làm mới luôn luôn *vì mục tiêu năng suất, chất lượng, hiệu quả* trên cơ sở kết hợp hài hòa ba loại lợi ích. Cách nghĩ và cách làm nhạy bén, sáng tạo vì hiệu quả kinh tế cao nhất trong sản xuất, kinh doanh, hoàn toàn trái ngược với nếp nghĩ và cách làm ăn theo kiểu quan liêu bao cấp, không tôn trọng các quy luật kinh tế, không quan tâm đến hiệu quả.

A — Một số nguyên tắc kinh doanh xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay:

1 — Kinh doanh phải xuất phát từ sản xuất và phục vụ đắc lực cho sản xuất phát triển. Chỉ trên cơ sở phát triển sản xuất mới có điều kiện thật sự để thúc đẩy kinh doanh, bảo đảm gắn sản xuất với lưu thông nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng của xã hội.

2 — Kinh doanh xã hội chủ nghĩa phải trên cơ sở kế hoạch và phục vụ việc thực hiện kế hoạch Nhà nước. Chỉ trên cơ sở này, kinh doanh mới đúng hướng.

3 — Kinh doanh xã hội chủ nghĩa lấy hiệu quả kinh tế xã hội làm thước đo để đánh giá. Ở đây có sự gắn bó mật thiết giữa kinh doanh xã hội chủ nghĩa và hạch toán kinh tế. Vì vậy cũng có thể nói kinh doanh xã hội chủ nghĩa chính là thực hiện chế độ hạch toán kinh tế.

4 — Chỉ có các đơn vị kinh doanh mới trực tiếp tiến hành các hoạt động kinh doanh. Còn các cơ quan quản lý các cấp trong hệ thống cơ quan hành chính — kinh tế thì chỉ đạo và kiểm tra hoạt động kinh doanh, không trực tiếp kinh doanh. Nhầm lẫn hoặc nhập cục hai loại chức năng sản xuất, kinh doanh và quản lý hành chính — kinh tế đều dẫn đến nhiều lộn xộn, thậm chí rối ren và do vậy kém hiệu quả trong mọi hoạt động kinh tế.

Nếu hiểu theo nghĩa hẹp thì kinh doanh là hoạt động thương nghiệp, mà thương nghiệp là khâu nối liền giữa sản xuất và tiêu dùng. Trong nền kinh tế quốc dân, thương nghiệp có chức năng chủ yếu là kết hợp chặt chẽ sản xuất với tiêu dùng một cách có kế hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu của nhân dân và của nền kinh tế về hàng hóa và các loại dịch vụ mang tính chất kinh doanh theo đúng số lượng chủng loại, chất lượng, giá cả, địa điểm và thời gian, với chi phí ít nhất.

Digitized by Google

Như vậy, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa có chức năng cụ thể là cùng với sản xuất và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng lên của xã hội phải bảo đảm giá trị sử dụng của hàng hóa, bảo đảm tính cân đối của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa bằng cách tổ chức chu chuyển hàng hóa có kế hoạch, tăng hiệu quả của nền kinh tế quốc dân trên cơ sở cải tiến việc chu chuyển hàng hóa, góp phần tăng cường các quá trình sản xuất theo chiều sâu, sử dụng rộng rãi các quan hệ hàng hóa—tiền tệ, và thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động.

Trong 10 năm qua, ở nước ta, tuy sản xuất có tăng, nhất là sản xuất nông nghiệp, song nhịp độ tăng sản xuất nói chung không đáng kể, không tương xứng với công sức bỏ ra, còn cách xa tốc độ tăng dân số và các yêu cầu không ngừng tăng lên của sự nghiệp xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng (từ 1976 đến 1985 tốc độ tăng dân số trung bình là 2,2%/năm, trong khi đó tốc độ tăng thu nhập quốc dân chỉ là 1,2% cho nên thu nhập quốc dân sản xuất bình quân đầu người tuy có tăng nhưng không đáng kể: năm 1976 là 2008 đồng/người, năm 1985 là 2181 đồng/người, thu nhập quốc dân sử dụng bình quân đầu người năm 1985: 2660 đồng, năm 1985: 2731 đồng—theo giá so sánh 1982). Sản xuất phát triển chậm và về cơ bản vẫn là ở quy mô sản xuất nhỏ cho nên sản phẩm hàng hóa không nhiều, có nơi, có lúc không có sản phẩm hàng hóa để trao đổi. Mặt khác, phần sản phẩm hàng hóa Nhà nước nắm được để thực hiện phân phối theo kế hoạch, tức là thực hiện việc kinh doanh một cách có tổ chức trên phạm vi toàn xã hội chưa nhiều, chưa ổn định và không bao quát hết mọi loại sản phẩm quan trọng nhất. Ví dụ ngay những loại sản phẩm thiết yếu nhất đối với sản xuất và đời sống, Nhà nước phải huy động để đưa vào kinh doanh nội thương và ngoại thương vẫn còn chiếm một tỷ lệ nhỏ và không ổn định, thậm chí có chiều hướng giảm sút:

	1976	1985
— Tỷ lệ lương thực Nhà nước huy động so với lương thực sản xuất được (%)	15.3	21.8
— Tỷ lệ một số mặt hàng nông sản chủ yếu do ngành thương nghiệp thu mua (%)		
+ Thịt lợn hơi	46.9	43.3
+ Cá tươi nước ngọt	2,7	6.0
+ Đậu tương	32,4	69.5
+ Lạc vỏ	27,5	46.9
+ Đay	87,2	73.6
+ Cói	82,4	46.8
— Tỷ lệ thu mua so với sản xuất của một số mặt hàng công nghiệp chủ yếu (%)		
+ Muối	77,2	71.9
+ Nước mắm, nước chấm	63,0	41.4
+ Thuốc lá điếu	gần 100	80,2
+ Vải các loại	64,0	50,0

Sản phẩm hàng hóa Nhà nước nắm được chưa nhiều, tổ chức phân phối không tốt, còn nhiều hiện tượng tiêu cực ngay từ trong nội bộ hệ thống lưu thông cho nên có tình trạng phổ biến và ngày càng nghiêm trọng là vật tư hàng hóa không đến tay người sản xuất và tiêu dùng đủ số lượng, chất lượng và chủng loại; mặt khác, Nhà nước cũng không nhận đủ và kịp thời nhiều loại sản phẩm hàng hóa phải giao nộp cho Nhà nước theo kế hoạch. Trong khi khối lượng hàng hóa lưu thông còn ít và nghèo nàn về chủng loại thì số lượng các tổ chức và cán bộ, nhân viên làm công tác này đã tăng lên rất nhanh, nhất là sau khi có các chủ trương về phân cấp quản lý cho cơ sở và chuyển sang kinh doanh. (Ví dụ theo thống kê chưa đầy đủ, trong 7 năm từ 1977 đến 1984 số lượng các đơn vị cung ứng vật tư tăng 2,6 lần (từ 206 công ty vật tư tăng lên 606 công ty). Hiện nay có trên 50 tổ chức

Digitized by Google

xuất nhập khẩu từ trung ương đến địa phương v.v Tình trạng không bình thường là có những tổ chức hoàn toàn không có chức năng kinh doanh cùng tổ chức ra các đơn vị kinh doanh hoặc trực tiếp kinh doanh để phục vụ cho những lợi ích cục bộ, gây khó khăn cho việc quản lý về các mặt: nguồn hàng, giá cả, tài chính, thị trường... Tình trạng phổ biến là hàng hóa qua mỗi cấp, thậm chí qua từng cửa hàng đều bị nâng giá để hưởng phần chênh lệch giá, coi đó là « lợi nhuận kinh doanh ».

Giá cả tiếp tục tăng kể cả trong thị trường có tổ chức, đặc biệt là sau khi áp dụng các biện pháp điều chỉnh về giá—lương—tiền trong năm 1985 càng gây nhiều khó khăn cho việc hạch toán và việc đánh giá kết quả kinh doanh.

Tình hình hiện nay đòi hỏi bức bách phải thiết lập trật tự trên lĩnh vực phân phối lưu thông nói riêng và trong nền kinh tế nói chung nhằm tạo tiền đề cần thiết để thực hiện các Nghị quyết của Đảng và Nhà nước ta về quản lý kinh tế theo phương hướng triệt để xóa bỏ quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

B— Một số chủ trương để bảo đảm thực hiện kinh doanh xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay:

Trên cơ sở tôn trọng những nguyên tắc kinh doanh xã hội chủ nghĩa như đã nêu trên, chúng ta cần làm các công việc vừa có tính chất *cơ bản*, vừa *cấp bách* dưới đây để từng bước thực hiện phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa ở nước ta:

1— *Ra sức phát triển sản xuất, mở mang dịch vụ.* Trước mắt, cần tập trung sức thực hiện việc *sắp xếp lại kinh tế*, chuyển hướng đầu tư nhằm sử dụng tối đa lao động xã hội, năng lực sản xuất hiện có kể cả của các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa để tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa ngay trong điều kiện còn nhiều khó khăn về nguyên liệu, năng lượng. Do vậy, cần tập trung lực lượng và phương tiện vật chất hiện có của Nhà nước để đẩy mạnh sản xuất trong các ngành trọng điểm, các xí nghiệp ưu tiên, các lĩnh vực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân. Đồng thời, có chủ trương và cơ chế thích hợp khuyến khích mở rộng nhiều hoạt động và lĩnh vực kinh doanh mà lâu nay chúng ta chưa thật chú trọng như kinh doanh du lịch, dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ kỹ thuật, hành chính, vận tải v.v.

2— *Tổ chức lại hệ thống sản xuất, kinh doanh theo hướng chuyên môn hóa*, kết hợp với kinh doanh tổng hợp, bảo đảm chu trình sản xuất, kinh doanh thông suốt và đạt hiệu quả cao.

Trên cơ sở sắp xếp lại và củng cố các cơ sở sản xuất, kinh doanh để bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh cho cơ sở, cần kiện toàn các hình thức liên hiệp sản xuất, kinh doanh hiện có, tổ chức thành các ngành kinh tế kỹ thuật đủ mạnh làm xương sống cho nền kinh tế quốc dân. Khi thật sự có đủ điều kiện, thì thành lập các liên hiệp xí nghiệp, công ty hoặc tổng công ty thuộc các lĩnh vực sản xuất kinh doanh phụ trách từ đầu đến cuối một ngành kinh tế kỹ thuật, một sản phẩm hoặc một loại dịch vụ quan trọng. Chấn chỉnh lại toàn bộ mạng lưới lưu thông, bỏ cấp trung gian, khắc phục tình trạng tranh mua tranh bán do có quá nhiều tổ chức cùng kinh doanh một mặt hàng giống nhau; bảo đảm đưa nhanh vật tư, hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng theo một hành trình hợp lý nhất.

Về nguyên tắc, các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp và các đoàn thể quần chúng không trực tiếp kinh doanh mà nên tập trung làm tốt các chức năng quản lý và kiểm tra việc kinh doanh, bảo đảm cho nó theo đúng pháp luật và đúng hướng, phù hợp

Digitized by Google

với kế hoạch sản xuất, kinh doanh đã xác định cho từng đơn vị.

3— *Phấn đấu sớm ổn định tài chính, tiền tệ và nhất là giá cả*, bảo đảm cơ sở thuận lợi cho hoạt động kinh doanh.

Yêu cầu cấp bách là phải kiên quyết thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương, các Nghị quyết 28, 31 và kết luận của Bộ chính trị về giá — lương — tiền nhằm trước mắt ổn định tình hình phân phối lưu thông, làm cơ sở cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh triển khai thuận lợi. Đồng thời tích cực nghiên cứu và thực hiện *chính sách tài chính quốc gia*, để quản lý quá trình tái sản xuất về mặt giá trị, khắc phục tình trạng tự phát hoặc chạy theo cơ chế thị trường « tự do » trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4— Rà soát, bổ sung, sửa đổi và nếu cần thì xây dựng mới các chế độ, thể lệ, kể cả các định mức, tiêu chuẩn về sản xuất, kinh doanh phù hợp với yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế hiện nay. Nghị quyết (dự thảo) của Bộ chính trị và các quy định cụ thể của Hội đồng bộ trưởng mới ban hành đã bảo đảm các điều kiện cần thiết về mặt pháp lý cho các đơn vị cơ sở thực hiện quyền tự chủ của mình trong sản xuất, kinh doanh.

Bước tiếp theo cần khẩn trương tiến hành là các cấp trên của cơ sở và các cấp có trách nhiệm liên quan đến cơ sở phải soát xét lại các văn bản hiện hành, kịp thời xóa bỏ các điều quy định không còn phù hợp và hình thành hệ thống các văn bản mới thật sự bảo đảm thực hiện đầy đủ và có hiệu lực quyền hạn và trách nhiệm của các đơn vị cơ sở trong sản xuất, kinh doanh.

5— Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và nghiệp vụ có đủ trình độ và năng lực kinh doanh, có cách nghĩ, cách làm năng động sáng tạo vì hiệu quả kinh tế và vì mục tiêu của kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

6— Tổ chức lại công tác *thông tin kinh tế*, bảo đảm yêu cầu cung cấp và xử lý thông tin nhanh nhạy, kịp thời, chính xác và an toàn, chú trọng thích đáng việc trang bị và sử dụng các công cụ hiện đại trong công tác quản lý sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, phát huy tác dụng của hệ thống thông tin đại chúng từ trung ương đến cơ sở để tuyên truyền, giới thiệu, hướng dẫn các hoạt động kinh doanh.

Cải tiến...

(Tiếp theo trang 69)

về công tác thanh tra, được cán bộ đảng viên và quần chúng tín nhiệm để làm Chủ nhiệm Ủy ban thanh tra ở các cấp ». Nghị quyết số 26 của Hội đồng bộ trưởng cũng xác định : « Thủ trưởng các ngành ở trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp cần nhận thức đúng vị trí và yêu cầu của công tác thanh tra, từ đó mà không ngừng tăng cường sự chỉ đạo về tổ chức và hoạt động thanh tra ».

★

Được các cấp Đảng và chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, có sự phối hợp hoạt động của các ngành, các đoàn thể quần chúng và sự tham gia của đông đảo cán bộ công nhân viên chức và nhân dân, cộng với sự nỗ lực của các tổ chức thanh tra, công tác thanh tra của chúng ta chắc chắn sẽ có những tiến bộ mới, hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao.

Digitized by Google

LÊ XUÂN HÃN

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ HẠCH TOÁN KINH TẾ VÀ KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

KINH doanh xã hội chủ nghĩa khác kinh doanh tư bản chủ nghĩa ở những mặt như sau:

1—Kinh doanh xã hội chủ nghĩa phủ nhận quan hệ người bóc lột người, bởi vì tư liệu sản xuất chủ yếu thuộc sở hữu Nhà nước và sở hữu tập thể.

2—Kế hoạch hóa là phương pháp chủ yếu đối với hoạt động kinh doanh.

3—Sức lao động trong chủ nghĩa xã hội không phải là hàng hóa.

4—Toàn bộ sự khác nhau trên suy đến cùng sẽ là kết quả kinh doanh (lợi nhuận) rơi vào tay ai. Ở chủ nghĩa xã hội, kết quả đó thuộc sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Nhà nước và tập thể sử dụng kết quả đó để không ngừng nâng cao mức sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động. Đó là sự khác nhau có tính chất sống còn mà chỉ có cách mạng mới giải quyết được và đó là điều quy định bản chất của hai chế độ xã hội.

Kinh doanh tư bản chủ nghĩa và kinh doanh xã hội chủ nghĩa cũng có những điểm giống nhau:

1—Phải bù đắp đủ chi phí và có lãi để tái sản xuất mở rộng.

2—Phải luôn luôn mở rộng thị trường để tính chất xã hội hóa của hoạt động kinh doanh ngày càng cao hơn. Theo đặc điểm này thì mọi sự ngăn cản có tính chất hành chính về giao lưu hàng hóa giữa các địa phương và các thành phần kinh tế đều làm eo hẹp và cản trở sự hoạt động kinh doanh.

3—Phải có một loại hàng hóa chung làm đơn vị đo toàn bộ các loại hàng hóa kinh doanh khác nhau, đó là đồng tiền. Có thể nói đồng tiền là chất « dung môi » cho phản ứng hóa học « kinh doanh ». Đồng tiền là tấm gương, là công cụ để nhà kinh doanh soi mình vào đó mà hạch toán...

Dưới chủ nghĩa xã hội, trong hoạt động kinh tế nói chung, không phải cứ hạch toán là kinh doanh, nhưng đã kinh doanh thì bao giờ cũng phải hạch toán. Thời gian qua, trong các xí nghiệp quốc doanh, chúng ta đã thực hiện việc hạch toán, nhưng thực chất không phải là hạch toán kinh tế, do đó cũng không thể nói là chúng ta đã thực hiện kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Với cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, các quy luật khắc nghiệt đối với nhà kinh doanh không còn nữa. Các xí nghiệp sản xuất trên thực tế không phải quan tâm nhiều đến giá trị mà phải quan tâm trực tiếp đến những quy định một cách hành chính về giá trị sử dụng (làm cái gì, thông số kỹ thuật ra sao). Toàn bộ quyền lợi của tập thể các xí nghiệp riêng biệt được tính trước, tạm gọi là phù hợp với giá trị sử dụng ấy. Điều đó dẫn đến nhiều hiện tượng tiêu cực trong kinh doanh sau đây:

Digitized by Google

Thứ nhất: Sự thủ tiêu mối quan tâm đến giá trị ở các đơn vị kinh doanh đã thủ tiêu luôn tình cảm say mê và sự quan tâm sống còn đến giá trị sử dụng, đến chi phí sản xuất, đến cách mạng khoa học – kỹ thuật ở các xí nghiệp. Bởi vì càng lười biếng, chi phí lao động càng cao thì thu nhập của xí nghiệp càng lớn, lợi ích càng tăng. Do đó, xí nghiệp ít quan tâm đến quá trình tiết kiệm chi phí sản xuất để hạ giá thành sản phẩm.

Thứ hai: sự trao đổi sản phẩm theo những giá cả ước lệ mang nặng yếu tố chủ quan, đã làm xuất hiện chủ nghĩa vô chính phủ, lợi dụng danh nghĩa Nhà nước để làm hại Nhà nước, thoát ly sự kiểm tra của Nhà nước dưới khẩu hiệu «tập trung hàng hóa vào trong tay Nhà nước» và «giữ giá» (mặc dù lạm phát). Người nắm trong tay quyền phân phối sản phẩm trên thực tế đã có nhiều trường hợp có cuộc sống vật chất cao gấp nhiều lần người trực tiếp sản xuất ra hàng hóa.

Thứ ba: hạch toán kinh tế trở nên hình thức, vì nó không phải chịu những yêu cầu gay gắt của thị trường. Sự thành hại của người phải hạch toán không phụ thuộc vào «sự cố gắng tích cực» như cải tiến mặt hàng, tăng giá trị sử dụng, đẩy mạnh cách mạng khoa học – kỹ thuật, mà phụ thuộc vào sự «cố gắng tiêu cực» như: chạy chọt để mua được vật tư với giá Nhà nước, «ngoại giao» với người đến duyệt định mức «đa dạng hóa sản phẩm», sản xuất các sản phẩm mới không thuộc sự phân công chuyên môn hóa cho xí nghiệp nhằm tránh làm các sản phẩm do Nhà nước giao trong kế hoạch...

Thứ tư: người bán hàng không tìm thấy sự tồn tại của mình trong người mua hàng. Người bán không cần người mua bởi vì hàng hóa đối với người bán chỉ có trần trụi một tính chất là giá trị sử dụng. Điều đó ngược với sự quan tâm trong quá trình trao đổi: người bán hàng thực hiện giá trị, còn người mua hàng mới thật sự quan tâm đến giá trị sử dụng, và người sản xuất hàng hóa bao giờ cũng cần đến người mua hàng hóa mặc dù cung lớn hơn cầu hay cầu lớn hơn cung cũng vậy.

Thứ năm: do người bán không cần người mua, hạch toán kinh tế chỉ là hình thức với giá cả ước lệ không phản ánh giá trị thực và chi phí sản xuất «được phép» cao hay thấp phụ thuộc vào mối quan hệ với cấp trên... cho nên «kế hoạch hóa» trong điều kiện cơ chế quan liêu – bao cấp dưới hình thức cấp phát giao nộp như vậy tất yếu dẫn đến tình trạng kém hiệu quả trong toàn bộ nền kinh tế.

Thứ sáu: những điều nói trên là nguyên nhân của sự bảo thủ trì trệ kéo dài, của sự kém năng động, sáng tạo trong các cơ sở kinh doanh. Rõ ràng khi người bán cần người mua thì người bán luôn phải hoàn thiện mình theo hướng tích cực, còn khi người mua cần người bán thì người bán trở nên cửa quyền...

Để chuyển nền kinh tế sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chúng tôi thấy cần giải quyết một số việc sau:

1 – Không nên «quày trọng» các tập thể kinh doanh vòng tròn của thị trường gọi là «thị trường có tổ chức» mà thực chất là chỉ có hành động cấp phát, giao nộp chứ không có hành động kinh doanh và hạch toán. Cả nước chỉ có một thị trường, nếu ta có tính tách ra thì thực chất các thị trường đó chỉ là các bình thông nhau. Do vậy, các tập thể kinh doanh phải có một kế hoạch kinh doanh thống nhất, không thể có kinh doanh trong kế hoạch, ngoài kế hoạch theo kiểu kế hoạch A, B, C như hiện nay.

2 – Các tập thể kinh doanh phải có phương án kinh doanh, trong đó hợp đồng kinh tế là kế hoạch, và chỉ tiến hành sản xuất khi có hoặc dự kiến chắc chắn có hợp đồng. Hợp đồng với đơn vị kinh tế thuộc bất cứ khu vực

Digitized by Google

sản xuất nào đều phải bình đẳng và theo giá thỏa thuận. Theo cơ chế này thì đơn hàng của Nhà nước đối với xí nghiệp cũng bình đẳng như các đơn vị kinh tế khác đối với xí nghiệp nếu xét về điều kiện của đơn hàng như vật tư, giá cả, vốn liếng v.v.

3 — Nhà nước cần nhanh chóng phân cấp quản lý kinh doanh. Riêng đối với xí nghiệp quốc doanh, chúng tôi đề nghị phân làm hai nhóm xí nghiệp:

— Nhóm 1 bao gồm các xí nghiệp Nhà nước trực tiếp điều khiển các hoạt động kinh doanh sản xuất một số sản phẩm nằm trong danh mục kinh doanh của Nhà nước. Các xí nghiệp nhóm này có thể vẫn được Nhà nước bao cấp tuy không nhiều nhưng lại cần thiết và phụ thuộc vào khả năng thực tế quản lý hành chính của Nhà nước. Theo chúng tôi thì danh mục ấy chỉ giới hạn dưới 20 loại sản phẩm như: nhiên liệu, điện, xi măng, gỗ, thép xây dựng, phân bón, thuốc trừ sâu, vận tải đường biển, đường sắt, đường không v.v. Đối với các xí nghiệp này, Nhà nước duyệt kế hoạch sản xuất và trả lương theo khối lượng và chất lượng sản phẩm. Mặt khác, Nhà nước có các chính sách trợ cấp, khuyến khích về kinh tế, nhằm bảo đảm đời sống của cán bộ công nhân viên chức ở các xí nghiệp này cao hơn hoặc bằng các xí nghiệp không do Nhà nước trực tiếp quản lý sản xuất.

— Nhóm 2 bao gồm tất cả các xí nghiệp không do Nhà nước trực tiếp điều khiển hoạt động kinh doanh. Đối với các xí nghiệp thuộc nhóm này Nhà nước chỉ nên ban hành và thực hiện chế độ thu thuế theo danh mục sản phẩm. Các xí nghiệp quốc doanh, tập thể hay tư nhân cùng kinh doanh một loại sản phẩm đều chịu một chế độ thuế như nhau.

4 — Cần nhanh chóng chuyển hoạt động về vật tư sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Tất cả tư liệu sản xuất nhập khẩu hoặc sản xuất trong nước, nếu không để trao đổi trong nội bộ các xí nghiệp Nhà nước (nhóm 1) hoặc đổi cho nông dân hay các tập thể kinh doanh khác (trong đó kể cả các xí nghiệp nhóm 2 nói trên) theo hình thức trực tiếp vật đổi vật trên cơ sở hợp đồng kinh tế thì đều được thương mại hóa. Nhà nước bán theo một giá thống nhất. Giá này có thể điều chỉnh lên xuống trên cơ sở vận dụng quy luật cung cầu và kế hoạch bội chi đã được dự kiến trước.

5 — Nhà nước cần điều chỉnh kịp thời giá trị thực tế của đồng tiền. Ngoài sự trao đổi giữa các xí nghiệp Nhà nước (nhóm 1) có giá cả ước lệ có thể dùng đồng tiền riêng để các xí nghiệp hạch toán. Đồng tiền cần được bảo đảm bằng vật tư, mọi sự trao đổi khác đều được dùng một đồng tiền, không có một «giấy giới thiệu» nào có giá trị hơn đồng tiền, vì trong sản xuất hàng hóa, đồng tiền là thước đo của cải của cả xã hội chứ không phải của riêng ai. Chỉ với chất «dung môi» đồng tiền thống nhất này mới có thể có nền sản xuất hàng hóa phát triển. Sự chênh lệch luôn xảy ra giữa hai đồng tiền — một đồng tiền được bảo đảm bằng vật tư, hàng hóa và một đồng tiền dùng cho trao đổi tự do — làm cho hạch toán kinh tế trở nên vô nghĩa, sản xuất kém phát triển và biết bao tệ nạn xã hội xảy ra...

Muốn giải quyết được những vấn đề trên đây, theo chúng tôi cần phải có cơ chế mới bảo đảm cho cơ sở sản xuất thật sự chủ động kinh doanh. Nhưng để cơ chế quản lý mới đó từng bước hình thành, trước mắt chúng ta cần giải quyết đồng bộ ba vấn đề nóng bỏng và phức tạp nhất hiện nay — đó là các vấn đề giá, lương, tiền.

Về giá cả, nhiệm vụ đặt ra hàng đầu là giữ vững giá trị thực tế của đồng tiền, ổn định nguồn thu bằng việc từng bước lấy dần, tiến tới lấy hết khoản chênh lệch giữa hai giá vào

Digitized by Google

tay Nhà nước, bằng việc ổn định thu thuế của các đơn vị kinh doanh trên cơ sở đã phân giao triệt để trách nhiệm và quyền kinh doanh cho cơ sở. Trong tình hình hiện nay và cả lâu dài về sau, đối với Nhà nước, vấn đề cơ bản là nắm tiền chứ không phải nắm hàng. Càng chú ý theo hướng nắm hàng thì cả hàng cả tiền càng tuột khỏi tay Nhà nước.

Nhiệm vụ quan trọng là từng bước lấy hết khoản chênh lệch giữa hai giá mà trước mắt là tập trung bù giá vào lương, giảm và xóa bỏ bù lỗ qua khâu lưu thông hàng tiêu dùng đẩy các ngành đó vào hoạt động kinh doanh thật sự.

Sau khi ổn định việc bù giá vào lương, tiến tới tính đủ các loại vật tư có chênh lệch giá quá lớn, (như sắt thép chẳng hạn), Nhà nước chỉ tính đủ « đầu vào » là cái mà Nhà nước cần thu, còn « đầu ra » xí nghiệp tự lo, làm sao tiêu thụ được hàng và nộp đủ thuế cho Nhà nước. Quá trình bù giá để tiến tới tính đủ theo cơ chế một giá phải luôn luôn gắn liền với việc phi tập trung hóa trong quản lý, mạnh dạn giao trách nhiệm tự trang tự trải chi phí, tự quyết giá cho các cơ sở kinh doanh. Bù giá và tính đủ mà bao cấp trong kinh doanh thì còn nguy hiểm hơn khi bao cấp qua giá.

Về tiền lương, khi nhất trí với quan điểm mạnh dạn phân giao trách nhiệm và quyền cho cơ sở, khi coi tiền lương là yếu tố của chi phí sản xuất thì việc giải quyết tiền lương sẽ trở nên dễ dàng. Hiện nay có tình trạng xí nghiệp xin thêm một đồng tiền lương thì rất khó khăn, nhưng nếu xin thêm (để mua rồi để lãng phí) 10đ vật tư thì dễ dàng, hầu như chẳng có gì trở ngại, mặc dù xí nghiệp có thể bỏ ra thêm một đồng tiền lương (hoặc thưởng) để tiết kiệm 10đ nguyên vật liệu.

Tiền lương phải được coi như một yếu tố của chi phí sản xuất hàng hóa, bình đẳng (chưa nói đến ưu tiên theo quy luật cơ bản của chủ nghĩa xã hội).

Khi giá cả đã được giải quyết theo cách trên, xí nghiệp phải tự chịu trách nhiệm về tiền lương, xí nghiệp để lương cao trong khi năng suất lao động xã hội không cho phép, giá cả không được người mua chấp nhận thì xí nghiệp phải chịu lỗ. Tuy nhiên, việc mở rộng quyền như vậy phải được tiến hành sau khi giá vật tư đã được tính đủ, vì nếu không làm như thế, xí nghiệp sẽ lấy chênh lệch giá vật tư ra làm tiền lương, tiền thưởng. Nhà nước không cần trợ cấp khó khăn cho cán bộ công nhân viên chức các cơ sở kinh doanh, các cơ sở này phải tự điều chỉnh và trang trải chi phí đó.

Về tiền tệ, khi mở rộng quyền chủ động kinh doanh, giá cả và tiền lương được giải quyết như trên thì trừ sự trao đổi trong nội bộ các xí nghiệp nhóm 1, các xí nghiệp và cả xã hội chỉ có một đồng tiền, không có đồng tiền được ưu tiên mua hàng và đồng tiền « tự do ». Nơi được ưu tiên (ví dụ cho phát triển nông nghiệp chẳng hạn) thì được Nhà nước trợ cấp thêm tiền, qua kế hoạch đầu tư tập trung.

Ổn định tiền tệ để mỗi người dân, mỗi xí nghiệp có kế hoạch sử dụng đồng tiền một cách có lợi nhất, không dùng đồng tiền để dự trữ hàng tiêu dùng, để tiêu xài phung phí, mà dùng vào việc đầu tư cho sản xuất, hoặc cho ngân hàng Nhà nước vay để đầu tư tập trung.

Digitized by Google

HỒNG CHƯƠNG

VỀ KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

QUA hai ngày thảo luận, chúng ta đã góp phần làm sáng tỏ thêm vấn đề kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Nhiều đồng chí đã nói rõ thế nào là kinh doanh? Kinh doanh xã hội chủ nghĩa có gì khác kinh doanh tư bản chủ nghĩa? Kinh doanh xã hội chủ nghĩa khác tập trung quan liêu bao cấp như thế nào? Nội dung kinh doanh xã hội chủ nghĩa là những gì? Có đồng chí nêu lên những điều kiện để có thể thực hiện được kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Trên các vấn đề lớn trên đây các đồng chí tham gia cuộc hội thảo này có những ý kiến nhất trí hoặc gần nhau.

Tuy vậy các đồng chí còn có những ý kiến khác nhau trên một số vấn đề như: Dưới chủ nghĩa xã hội có cạnh tranh hay không? Dưới chủ nghĩa xã hội có quy luật cung cầu hay không? Dưới chủ nghĩa xã hội, nhất là trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ như ở nước ta hiện nay, có một thị trường hay hai thị trường? Ta nên thi hành chính sách một giá hay hai giá?...

Về *vấn đề cạnh tranh*—Có đồng chí nói dưới chủ nghĩa xã hội có cạnh tranh; mặc dù cạnh tranh xã hội chủ nghĩa khác cạnh tranh tư bản chủ nghĩa. Có cạnh tranh xã hội chủ nghĩa mới có cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, đẩy mạnh sản xuất; xí nghiệp làm ăn tốt thì vươn lên; xí nghiệp làm ăn tồi, năng suất thấp thì phải đóng cửa. Do đó Nhà nước cần có luật về phá sản. Trái lại, có đồng chí cho rằng dưới chủ nghĩa xã hội chỉ có *thi đua* (không phải là *cạnh tranh*). Thi đua xã hội chủ nghĩa nhằm đẩy mạnh sản xuất, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động. Nói thi đua thì khuyến khích đoàn kết, giúp đỡ nhau, cùng nhau tiến lên. Còn nói cạnh tranh thì khuyến khích chống nhau, cá lớn nuốt cá bé như dưới chủ nghĩa tư bản. Như thế là có hai ý kiến đối lập nhau.

Ở nước ta, trong thời kỳ quá độ, có 5 thành phần kinh tế. Giữa các thành phần kinh tế này, nhất là giữa thành phần xã hội chủ nghĩa và thành phần phi xã hội chủ nghĩa, có sự cạnh tranh. Sự cạnh tranh này nhằm giải quyết vấn đề «ai thắng ai» giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa. Riêng khu vực kinh tế tư nhân, nhất là tư sản tư doanh mà Nhà nước cho phép tồn tại, phát triển theo quy luật tự do cạnh tranh, dù rằng sự cạnh tranh này có bị hạn chế trong điều kiện khu vực quốc doanh chi phối toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Còn trong khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa, giữa các xí nghiệp quốc doanh, có cạnh tranh hay không? Về vấn đề này ở một số nước anh em như Hung-ga-ri, Bun-ga-ri,... các nhà lý luận khẳng định là có; nhưng đó là cạnh tranh xã hội chủ nghĩa, khác với cạnh tranh tư bản chủ nghĩa. Thế thì cạnh tranh xã hội chủ nghĩa khác với thi đua xã hội chủ nghĩa như thế nào? Nên chăng bỏ cụm từ «thi đua xã hội

Digitized by Google

chủ nghĩa » để dùng cụm từ « cạnh tranh xã hội chủ nghĩa »? Vấn đề này chúng ta cần suy nghĩ thêm. Không nên kết luận vội vàng; cũng không nên có định kiến

Về vấn đề *quy luật cung cầu*—Dưới chủ nghĩa xã hội có quy luật cung cầu không? Quy luật cung cầu là gì? Nói một cách giản đơn, đó là quy luật: cung nhiều hơn cầu thì giá hàng hóa rẻ; trái lại, cầu nhiều hơn cung thì giá hàng hóa đắt. Có sản xuất hàng hóa thì ắt có quy luật cung cầu, cũng như có quy luật giá trị và quy luật lưu thông tiền tệ. Dưới chủ nghĩa xã hội còn sản xuất hàng hóa thì quy luật cung cầu còn tác động. Nhưng tác động của nó không giống như dưới chủ nghĩa tư bản. Vì nó chịu sự chi phối của quy luật kinh tế cơ bản và các quy luật kinh tế khác của chủ nghĩa xã hội. Tóm lại dưới chủ nghĩa xã hội quy luật cung cầu tồn tại một cách khách quan, song đó là quy luật « uỷ » hoặc quy luật « tá » chứ không phải là quy luật « tướng » Quy luật « tướng » dưới chủ nghĩa xã hội là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội.

Vấn đề quy luật cung cầu là vấn đề thị trường, tức là vấn đề lưu thông và trao đổi hàng hóa, một khâu của tái sản xuất xã hội. Vận dụng quy luật cung cầu không phải là « chạy theo cơ chế thị trường ». Chúng ta phải căn cứ vào quy luật cung cầu mà gạt bỏ yếu tố đầu cơ.

Về vấn đề *một thị trường hay hai thị trường* — Ở nước ta, trong thời kỳ quá độ, song song tồn tại các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa và các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa. Do đó trong thời kỳ quá độ, nước ta vừa có thị trường có tổ chức vừa có thị trường không có tổ chức mà người ta thường gọi là thị trường « tự do ». Cả hai thị trường này gộp lại thành thị trường xã hội thống nhất. Như thế là có hai mà một; có một mà hai. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể càng lớn mạnh thì thị trường có tổ chức càng lớn mạnh và chi phối thị trường « tự do ». Sự tồn tại của thị trường « tự do » là cần thiết và lâu dài. Nhà nước ta chỉ cấm đầu cơ, buôn lậu, cấm mua bán trái pháp luật, chứ không cấm thị trường « tự do » Bên cạnh thị trường có tổ chức cần có thị trường « tự do » là vì: kinh tế còn nhiều thành phần; cần có sự trao đổi trực tiếp giữa người sản xuất và người tiêu dùng; người sản xuất làm ra hàng hóa không phải trực tiếp bán hết được mà cần có người tiểu thương mua gom lại để đem bán...

Ta không nên coi thị trường « tự do » là đối lập với chủ nghĩa xã hội, phải xóa bỏ ngay. Trái lại phải sử dụng nó, chi phối nó, lãnh đạo nó. Ta không nên khinh miệt thị trường « tự do ». Trong một thời gian dài, sự tồn tại của thị trường « tự do » là cần thiết; nó bổ sung cho thị trường có tổ chức. Ta cũng không buông lỏng quản lý và chạy theo tính tự phát của thị trường « tự do » Chừng nào còn thị trường « tự do » thì ta còn phải đấu tranh chống lại khuynh hướng tự phát tư bản chủ nghĩa của nó. Điều có ý nghĩa quyết định là lực lượng và chất lượng kinh doanh phục vụ của thị trường có tổ chức, tức là thị trường xã hội chủ nghĩa. Thị trường xã hội chủ nghĩa có mạnh, chất lượng cao thì mới chi phối được thị trường « tự do »

Nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, song không thể bỏ qua phát triển sản xuất hàng hóa. Đã có sản xuất hàng hóa thì có thị trường và cơ chế thị trường. Cơ chế thị trường là hoạt động của thị trường theo quy luật vận động hàng hóa tiền tệ. Ta không né tránh, kiêng kỵ cơ chế thị trường vì đó là quy luật khách quan ngoài ý muốn chủ quan của ta. Ta chủ động vận dụng cơ chế thị trường trong sự thống nhất với cơ chế kế

Digitized by Google

hoạch hóa, lấy kế hoạch hóa làm trung tâm, nhằm mang lại lợi ích cho chủ nghĩa xã hội.

Vấn đề *một giá hay là hai giá*—Cốt lõi của vấn đề giá là căn cứ vào đâu để định giá? Có người cho rằng chỉ có một căn cứ duy nhất là giá trị; tức thời gian lao động xã hội cần thiết để làm ra hàng hóa; chỉ căn cứ vào giá trị để định giá. Đương nhiên, theo quy luật giá trị, phải trao đổi ngang giá, tức là phải căn cứ vào giá trị. Nói tổng quát trong xã hội, tổng giá cả bằng tổng giá trị. Nhưng đối với mỗi hàng hóa thì giá cả chỉ xoay quanh giá trị, có khi cao hơn có khi thấp hơn giá trị, chứ không phải lúc nào cũng ngang bằng giá trị. Vì hàng hóa khi lưu thông trên thị trường chịu ảnh hưởng của luật cung cầu. Mặt khác, giá cả là thể hiện bằng tiền của giá trị. Cho nên giá cả còn tùy thuộc sức mua của đồng tiền. Giá trị tổng khối lượng hàng hóa lưu thông bằng tổng số tiền lưu thông nhân với n (n là vòng quay của đồng tiền). Lượng tiền phát hành càng nhiều, vòng quay của đồng tiền càng nhanh thì sức mua của đồng tiền càng giảm, giá hàng càng tăng. Vì vậy định giá không chỉ căn cứ vào giá trị mà còn căn cứ vào quan hệ cung cầu và sức mua của đồng tiền. Giá đúng chỉ có một. Do đó phương hướng phấn đấu của chúng ta là tiến tới một giá, tức là tiến tới giá đúng.

Một giá là thế nào? Ví dụ Nhà nước bán điện theo một giá; nhưng bán cho sản xuất giá khác, bán cho tiêu dùng giá khác; bán cho tiêu dùng trong định lượng giá khác, bán cho tiêu dùng vượt quá định lượng giá khác; tuy thế, đó là chính sách một giá của Nhà nước về điện. Một giá nhưng tùy đối tượng mà có giá khác nhau.

Còn hai giá là thế nào? Ví dụ Nhà nước mua thóc. Mua thóc trong hợp đồng hai chiều có hàng hóa đổi lưu thì theo giá kế hoạch. Mua thóc thừa của nông dân bán ngoài nghĩa vụ thì theo giá thỏa thuận. Đó là hai giá. Nhà nước bán một số hàng tiêu dùng thiết yếu cho những người ăn lương theo giá cung cấp để bảo đảm tiền lương thực tế của họ, và bán cho các đối tượng khác theo giá bảo đảm kinh doanh. Đó cũng là hai giá. Nhưng hai giá là tạm thời, sẽ tiến tới một giá.

Trở lại vấn đề *kinh doanh xã hội chủ nghĩa*—Kinh doanh dưới chủ nghĩa xã hội dương nhiên phải có kế hoạch. Vấn đề không phải là ở chỗ có kế hoạch hay không có kế hoạch. Vấn đề là ở chỗ kế hoạch như thế nào cho đúng. Kế hoạch theo lối bao cấp thì không đúng. Phải đổi mới công tác kế hoạch hóa. Phải vận dụng quan hệ hàng hóa tiền tệ. Phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường. Khi định ra kế hoạch phải tính đến thị trường, kể cả thị trường xã hội chủ nghĩa và thị trường «tự do». Phải căn cứ vào thị trường để xây dựng kế hoạch. Trong quá trình thực hiện kế hoạch phải vận dụng quy luật cung cầu mà điều chỉnh kế hoạch. Kế hoạch sản xuất phải đáp ứng nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng. Phải quản lý bằng biện pháp kinh tế. Phải dùng chính sách đòn bẩy để thực hiện kế hoạch.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa lấy kế hoạch làm trung tâm, đồng thời vận dụng quan hệ hàng hóa—tiền tệ. Vận dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa tiền tệ và thị trường trong cơ chế kế hoạch hóa như một thể thống nhất hữu cơ, đó là nội dung cốt lõi của kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Nếu vẫn duy trì cơ chế quản lý cũ theo lối tập trung quan liêu, bao cấp, thì không thể có kinh doanh xã hội chủ nghĩa được. Đặc trưng của cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp là:

1—Quản lý kinh tế bằng mệnh lệnh hành chính, tập trung quá mức quyền quyết định những vấn đề về kinh tế vào các cơ quan quản lý hành chính, song các cơ quan này lại không chịu

Digitized by Google

trách nhiệm về các quyết định của mình.

2—Bao cấp qua chế độ phân phối cấp phát không tính đến hiệu quả kinh tế; không gắn trách nhiệm với lợi ích vật chất; tách việc trả công lao động với số lượng và chất lượng lao động.

3—Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý cồng kềnh nhiều cấp trung gian, không hiệu quả, quan liêu, cửa quyền.

Cơ chế tập trung quan liêu bao cấp ra đời hồi chiến tranh trong điều kiện phải bảo đảm nhu cầu cơ bản bằng cách thực hiện chế độ cấp phát để chiến đấu và chiến thắng. Cơ chế đó còn là sản phẩm của những quan điểm cũ kỹ về chủ nghĩa xã hội, của những định kiến sai lầm đối với sản xuất hàng hóa, đối với quy luật giá trị. Duy trì cơ chế bao cấp thì không thể thực hiện kinh doanh xã hội chủ nghĩa được.

Phải xây dựng cơ chế quản lý mới thì mới có thể thực hiện kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đặc trưng của cơ chế quản lý mới, cơ chế quản lý tập trung dân chủ, hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa là:

1—Đổi mới kế hoạch hóa, vận dụng các quy luật kinh tế, phát huy vai trò chủ đạo của các quy luật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời sử dụng đúng đắn các quy luật vận động của quan hệ hàng hóa tiền tệ, quản lý bằng biện pháp kinh tế là chủ yếu, dùng các chính sách đòn bẩy để thực hiện kế hoạch.

2—Phải bảo đảm cho các cơ sở kinh tế có quyền tự chủ trong kinh doanh: thực hiện đúng hạch toán kinh tế, tự tạo vốn và hoàn vốn; kinh doanh có lãi; thu nhập của người lao động ở cơ sở kinh tế phải gắn với sự phát triển kinh doanh của cơ sở kinh tế.

3—Chấn chỉnh và kiện toàn bộ máy: phải phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính—kinh tế của cơ quan Nhà nước và chức năng quản lý sản xuất—kinh doanh của các tổ chức, đơn vị kinh tế; phân cấp quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Xóa bỏ cơ chế cũ, xây dựng cơ chế mới là một cuộc cải cách có ý nghĩa cách mạng sâu sắc trong đó phải kết hợp trên và dưới, kết hợp cơ quan quản lý và phong trào quần chúng. Phải làm từng bước, mở rộng dần, từ chưa hoàn chỉnh đến dần dần hoàn chỉnh.

Muốn làm được việc đó, phải đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế. Phải xóa bỏ những quan điểm cũ kỹ, lỗi thời về chủ nghĩa xã hội. Phải xóa bỏ những định kiến sai lầm về sản xuất hàng hóa, về thị trường.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa là vô cùng quan trọng. Nhưng nó chỉ có thể phát huy tác dụng khi có chính sách đúng về cơ cấu kinh tế, đồng thời có chính sách đúng về cải tạo xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, chúng ta phải giải quyết đồng bộ về nhiều mặt mới có thể đưa nền kinh tế nước ta tiến lên.

Digitized by Google

BÙI QUANG TẠO

CẢI TIẾN CÔNG TÁC THANH TRA

QUA gần 3 năm thực hiện chỉ thị số 38 của Ban bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh tra và Nghị quyết số 26 của Hội đồng bộ trưởng về tăng cường tổ chức thanh tra và nâng cao hiệu lực thanh tra, công tác thanh tra đã có những tiến bộ mới. Hoạt động thanh tra được tiến hành thường xuyên theo chương trình, kế hoạch. Những kết luận và kiến nghị của cơ quan thanh tra trong nhiều cuộc thanh tra đã có tác dụng thiết thực. Qua đó, đã tích lũy được một số kinh nghiệm tổ chức chỉ đạo và hoạt động thanh tra.

Nhiều đồng chí lãnh đạo ở các cấp, các ngành, các đơn vị cơ sở, sau khi có kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện những nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chế độ, chính sách của Nhà nước ở trong ngành, địa phương và cơ sở thuộc quyền mình quản lý, đã coi trọng chỉ đạo thanh tra việc thực hiện những nhiệm vụ trọng yếu của ngành, các cấp dưới và cơ sở, nhất là những cơ sở quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Nhờ đó, đã nắm được kịp thời những thông tin quan trọng từ cơ sở, biết rõ những thuận lợi, khó khăn, những ưu điểm và lệch lạc, giúp cho việc nhận định, đánh giá tình hình được sát đúng với thực tế khách quan, có biện pháp cụ thể phát huy ưu điểm, ngăn ngừa, uốn nắn lệch lạc, giúp đỡ sửa chữa khuyết điểm, hoặc xử lý nghiêm đối với những sai phạm nghiêm trọng, làm cho việc chỉ đạo thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, kế hoạch và pháp luật Nhà nước có hiệu quả hơn. Đồng thời hiểu được tâm tư, nguyện vọng của cán bộ công nhân viên chức và nhân dân, kiểm tra sự đúng đắn của chủ trương, chính sách, có những kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi cho sát với tình hình thực tế.

Ở nơi nào cấp ủy Đảng và chính quyền quan tâm chỉ đạo công tác thanh tra thì ở đó tổ chức thanh tra được tăng cường những cán bộ thanh tra có phẩm chất chính trị và năng lực công tác, phát huy được vai trò và tác dụng tích cực của thanh tra, các ban thanh tra nhân dân hoạt động có chất lượng, đề xuất được những ý kiến xác đáng, kiến nghị với chính quyền giải quyết được nhiều đơn, thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân ngay tại cơ sở. Một số thủ trưởng cơ quan Nhà nước ở các cấp, các ngành đã chú ý xem xét, giải quyết có kết quả nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo, gây được tinh thần phấn khởi và lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của chính quyền.

Tuy vậy, ở nhiều bộ, ngành và địa phương và nhất là cấp huyện, quận, tổ chức thanh tra chuyên trách và tổ chức thanh tra nhân dân chưa được tăng cường, chậm được củng cố theo đúng tinh thần và nội dung chỉ thị số 38 của Ban bí thư và Nghị quyết số 26 của Hội đồng bộ trưởng. Cho nên, chất

Digitized by Google

lượng và hiệu lực thanh tra chưa đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Không ít đồng chí lãnh đạo ở một số ngành, địa phương và cơ sở còn coi nhẹ công tác thanh tra. Nhiều nơi, chủ nhiệm Ủy ban thanh tra tỉnh, thành phố, huyện, quận, thị xã, chưa đủ tiêu chuẩn để được đưa vào cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân cùng cấp. Tổ chức thanh tra nhân dân ở nhiều cơ sở hoạt động còn yếu, kém hiệu lực, nhiều đơn, thư khiếu nại, tố cáo mới phát sinh chưa được giải quyết kịp thời, nhất là đơn lâu ngày chậm được giải quyết...

★

Trong tình hình hiện nay, công tác thanh tra có yêu cầu cấp bách là phải góp phần thiết thực ổn định tình hình kinh tế — xã hội, đồng thời phải vươn lên đáp ứng những nhiệm vụ do Đại hội thứ VI của Đảng đề ra. Vì vậy, trước mắt các tổ chức thanh tra và cán bộ thanh tra cần thấm nhuần hơn nữa quan điểm thanh tra của Đảng trong hoạt động thanh tra, bám sát nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, và những nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để thanh tra việc thực hiện, phát hiện vấn đề, đề xuất, kiến nghị biện pháp cụ thể giải quyết vấn đề sát với thực tế, đúng đường lối chính sách và pháp luật. Muốn vậy, phải thực hiện một yêu cầu quan trọng hàng đầu đối với tổ chức thanh tra là các cấp ủy Đảng và chính quyền thi hành đúng Nghị quyết số 31 của Bộ chính trị: "Kiện toàn mạnh Ủy ban thanh tra Nhà nước và hệ thống thanh tra, tăng cường trách nhiệm, quyền hạn, bảo đảm cho công tác của Ủy ban thanh tra Nhà nước và các cấp thật sự có hiệu lực", làm cho hệ thống thanh tra các cấp được tổ chức ngang tầm với những yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ kinh tế — xã hội hiện nay, sớm khắc phục tình trạng vừa yếu, vừa thiếu cả về tổ chức và cán bộ.

Về mặt Nhà nước, cần thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về tổ chức và hoạt động thanh tra thành pháp lệnh về công tác thanh tra, và sớm ban hành pháp lệnh đó nhằm xác định rõ thêm vị trí và tính chất của công tác thanh tra, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, tăng thêm trách nhiệm, quyền hạn của cả hệ thống tổ chức thanh tra. Ban thanh tra bộ, ngành nâng cao hiệu lực của thanh tra, tạo điều kiện cho tổ chức thanh tra thật sự trở thành công cụ đắc lực của các cấp ủy Đảng và chính quyền, góp phần tăng cường sức mạnh của chuyên chính vô sản, bảo đảm thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, kế hoạch và pháp luật Nhà nước, đấu tranh bài trừ các tệ nạn tiêu cực trong xã hội.

Công tác thanh tra vừa có tính chất Nhà nước, vừa có tính chất nhân dân. Nói tính chất Nhà nước là nói đến giá trị pháp lý của tổ chức và hoạt động thanh tra. Nói tính chất nhân dân là nói đến vai trò làm chủ của quần chúng nhân dân tự giác, tự nguyện tham gia thanh tra đối với hoạt động của Nhà nước và xã hội: nhân dân trở thành lực lượng thanh tra rộng lớn. Để thực hiện được hai tính chất đó, công tác xây dựng tổ chức thanh tra và chỉ đạo hoạt động thanh tra không thể chỉ coi trọng việc tăng cường tổ chức thanh tra chuyên trách, mà còn phải chú ý xây dựng, củng cố cả tổ chức thanh tra nhân dân ở cơ sở. Cần có nhiều hình thức tuyên truyền sinh động về quan điểm thanh tra, về nội dung, phương pháp hoạt động thanh tra và có những biện pháp thích hợp thu hút được đông đảo quần chúng thực hiện có hiệu quả chức năng giám sát, kiểm tra thường xuyên tại chỗ việc thực hiện kế hoạch Nhà

Digitized by Google

nước, chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ở cơ sở, làm cho mọi người quan tâm đến công tác thanh tra, cộng tác với cán bộ thanh tra và thanh tra viên nhân dân, làm cho hoạt động thanh tra được tiến hành thường xuyên, rộng khắp, có hiệu lực. Trước mắt, cần kiện toàn các ban thanh tra nhân dân hiện có, làm cho nó đi vào hoạt động thật sự, đồng thời củng cố vững chắc và mở rộng các ban thanh tra nhân dân mới được thành lập, làm cho các tổ chức thanh tra nhân dân hoạt động đều khắp, mang lại kết quả thiết thực, tránh tình trạng chỉ chú ý phát triển số lượng, không quan tâm theo dõi, hướng dẫn, tạo điều kiện cho các ban thanh tra nhân dân làm tốt nhiệm vụ giám sát, kiểm tra thường xuyên tại cơ sở.

Nhiệm vụ hiện nay của các tổ chức thanh tra và cán bộ thanh tra là tập trung thanh tra việc thực hiện những vấn đề cơ bản của Nghị quyết 9 của Trung ương về kế hoạch Nhà nước năm 1986 trong những tháng cuối năm 1986, thanh tra việc thực hiện Nghị quyết số 31 của Bộ chính trị, kết luận của Hội nghị Bộ chính trị gần đây và Nghị quyết số 31 của Hội đồng bộ trưởng về những giải pháp cấp bách thực hiện đúng đắn Nghị quyết 8 của Trung ương về giá — lương — tiền, gắn liền với thanh tra việc thực hiện chỉ thị số 133 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng về xử lý kịp thời và nghiêm minh các vụ phạm pháp hình sự.

Công tác thanh tra việc thực hiện những nghị quyết, chỉ thị nói trên phải được tiến hành rộng khắp, nhất là ở những tỉnh, thành phố trọng điểm và những cơ sở kinh tế quan trọng. Cần phát hiện kịp thời tình hình ở cơ sở, có kết luận đúng đắn và đề xuất những kiến nghị giải quyết vấn đề một cách thiết thực, sát với thực tế, góp phần đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu — thủ công nghiệp, nâng cao số lượng và chất lượng sản phẩm, tăng thu nhập thỏa đáng cho người lao động. Kiên quyết đấu tranh xóa bỏ những hiện tượng tiêu cực, ổn định đời sống của cán bộ công nhân viên chức và nhân dân. Sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Công tác thanh tra trong lĩnh vực này cần coi trọng việc đề xuất ý kiến, kiến nghị với các cấp lãnh đạo rút kinh nghiệm quản lý nông nghiệp, nâng cao chất lượng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã, nhằm khuyến khích, động viên giai cấp nông dân tập thể hăng hái làm ra nhiều sản phẩm nông nghiệp, vừa ích nước, vừa lợi nhà.

Trong hoàn cảnh khó khăn hiện nay, ngoài sự cố gắng vươn lên của cán bộ thanh tra và thanh tra viên nhân dân, còn cần có sự giúp đỡ tích cực của các cấp, các ngành, các đơn vị cơ sở, tạo điều kiện để cán bộ thanh tra hoàn thành nhiệm vụ. Đi đôi với việc chấn chỉnh tổ chức, kiện toàn cán bộ thanh tra, phải có kế hoạch tiến hành thường xuyên việc bồi dưỡng nâng cao trình độ kiến thức, trình độ quán triệt đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nâng cao năng lực và chất lượng công tác của cán bộ thanh tra, đồng thời có chính sách chế độ đãi ngộ về vật chất và tinh thần phù hợp với tính chất và đặc điểm của công tác thanh tra như Nghị quyết số 26 của Hội đồng bộ trưởng đã nêu.

Vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt đối với việc tăng cường tổ chức thanh tra, phát huy hiệu lực của thanh tra là sự quan tâm lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác thanh tra. Chỉ thị số 38 của Ban bí thư đã chỉ rõ: « các cấp ủy Đảng cần lựa chọn những đồng chí có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực, có kinh nghiệm

(Xem tiếp trang 58)

Digitized by Google

MẠC ĐƯỜNG

VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC TRONG QUÁ TRÌNH BIẾN ĐỔI XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

Đại hội toàn quốc thứ IV của Đảng đã đặt vấn đề dân tộc đúng vào vị trí quan trọng của nó. Nghị quyết Đại hội IV vạch rõ việc « *giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc là một trong những nhiệm vụ có tính chất chiến lược của cách mạng Việt nam* ». Đó là sự đánh giá khả năng cách mạng, công lao đóng góp của đồng bào các dân tộc thiểu số đối với sự nghiệp cách mạng và yêu cầu của đất nước đối với vùng đồng bào các dân tộc thiểu số trong chiến lược phát triển kinh tế — xã hội. Vì vậy, vấn đề *dân tộc là một vấn đề thường xuyên được Đảng ta quan tâm chỉ đạo, được Nhà nước xã hội chủ nghĩa đặc biệt xem trọng.* Bởi vì, nếu thiếu quan tâm hoặc xem nhẹ vấn đề này tất yếu sẽ gây hậu quả xấu đến sự nghiệp cách mạng chung của nước ta. Là một vấn đề có tính chất chiến lược, vấn đề dân tộc phải được thể hiện đầy đủ trong mọi suy nghĩ và hành động của Đảng ta, cụ thể hóa trong các kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế xã hội, được quán xuyến lâu dài trong suốt quá trình lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng và Nhà nước chuyên chính vô sản. Vì vậy, giải quyết vấn đề dân tộc thiểu số phải trên tinh thần chiến lược kiên định, vì lợi ích của Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa, vì sự thống nhất bền vững của cộng đồng các dân tộc sống trên đất nước ta.

Trên phạm vi thế giới, ngày nay *vấn đề dân tộc cũng đã trở thành một trong những vấn đề có tính chiến lược của thời đại.* Trong vài chục năm gần đây, bọn đế quốc và các bọn phản động khác đã sử dụng vấn đề dân tộc thiểu số *như là một vũ khí có hiệu lực để chia rẽ nội bộ, gây bạo động chính trị, kích động tâm lý chống đối cách mạng trong nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa và các nước độc lập dân tộc tiến bộ.*

Tiếp tục những quan điểm tư tưởng về vấn đề dân tộc của Đại hội IV, Đại hội V của Đảng đã vạch ra những phương hướng cụ thể chỉ đạo thực hiện chính sách dân tộc. Ở Đại hội V, quyền bình đẳng triệt để và quyền làm chủ tập thể của các dân tộc thiểu số ở nước ta đã được khẳng định. Đây là một vấn đề lớn được đặt ra trong mối quan hệ giữa các dân tộc thiểu số và dân tộc đa số cùng sống trong một nước. Do những nguyên nhân lịch sử để lại, do trình độ và đời sống còn có khoảng cách cho nên vấn đề bình đẳng triệt để và quyền làm chủ tập thể đối với đồng bào các dân tộc thiểu số dễ bị xem nhẹ về nhiều mặt. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, chính vấn đề bình đẳng triệt để và quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của đồng bào các dân tộc thiểu số là *cơ sở của sự đoàn kết, thống nhất giữa các dân tộc, nhất là giữa các dân tộc thiểu số và dân tộc đa số.*

Digitized by Google

Từ Đại hội V đến nay, các cơ quan Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều thành tựu đáng kể trong công tác dân tộc. Tiếp theo chỉ thị 23 (tháng 11-1977) của Trung ương Đảng về vấn đề định canh định cư kết hợp xây dựng vùng kinh tế mới và hợp tác xã, là những chỉ thị quan trọng về vấn đề người Khơ-me (chỉ thị 117 ngày 29-9-1981 của Ban bí thư Trung ương Đảng), về người Chăm (chỉ thị 121 ngày 26-10-1981), về người Hoa trong tình hình mới (chỉ thị 10 ngày 17-10-1982). Ngoài ra, các bộ, các ngành đều có những chủ trương, chính sách cụ thể nghiên cứu và giải quyết các vấn đề cấp bách trong vùng dân tộc (ví như Bộ giáo dục với vấn đề chữ dân tộc, Bộ văn hóa với vấn đề văn hóa dân tộc, Thành ủy Hồ Chí Minh với vấn đề người Hoa...). Trong hơn 10 năm qua, nhận thức về vai trò và vị trí của các dân tộc thiểu số ở nước ta đã được nâng cao hơn nhiều so với trước. Cuộc chiến tranh ở biên giới Tây nam, vấn đề «nạn kiều» năm 1978, cuộc chiến tranh xâm lược mùa xuân năm 1979 ở các tỉnh biên giới phía Bắc nước ta làm sáng tỏ hơn tính chiến lược của vấn đề dân tộc. Đó cũng là những thực tế sinh động giúp củng cố quan điểm giai cấp trong cách nhìn và cách đánh giá quần chúng lao động các dân tộc thiểu số ở nước ta.

★

Mười năm qua, vùng dân tộc thiểu số ở nước ta đã có những biến đổi xã hội cơ bản và sâu sắc, tuy chưa được rộng khắp và toàn diện. Sự cố gắng của đồng bào các dân tộc thiểu số trong quá trình xây dựng cuộc sống mới là rất lớn, mặc dù nhiều nơi còn chiến tranh và bọn phá hoại vẫn còn hoạt động ngăn cản những đổi mới đó. Nhiều năm qua ở vùng các dân tộc thiểu số phía Bắc, nông sản thu hoạch khá, diện thiên đói thu hẹp lại rất nhiều. Hơn thế nữa, trong vài ba năm gần đây, nhiều nơi hẻo lánh đã có thủy điện, có nhà văn hóa, thư viện xã, có bệnh xá, đường sá mới, nhà gỗ lợp ngói vững chắc. Ở Cao bằng, Lạng sơn, Hoàng liên sơn, Lai châu, Hà sơn bình, nhiều vùng dân tộc thiểu số đã có những sắc thái mới của thị trấn nhỏ; quần áo, giày dép, dụng cụ gia đình đầy đủ hơn xưa. Đôi nơi còn có nghề thủ công phát triển, có nghề tiểu, thủ công nghiệp gia công xuất khẩu... Về hưởng thụ văn hóa, đồng bào các dân tộc nhiều nơi hằng tháng đều được xem chiếu phim, ở một số vùng xa xôi còn được xem các đoàn văn công từ các miền đất nước đến thăm biên giới phía Bắc biểu diễn. Các tỉnh miền núi ngày nay đều có bệnh viện đa khoa. Hầu hết các huyện miền núi đều có bệnh viện huyện. Ngày nay, chúng ta đã có không ít giáo sư, phó tiến sĩ và cán bộ có trình độ đại học người các dân tộc thiểu số. Trong đội ngũ công nhân các xí nghiệp quốc doanh cũng có nhiều người thuộc các dân tộc thiểu số; nhiều người là công nhân cơ khí, công nhân xây dựng, nhiều nhất là công nhân các lâm trường, nông trường. Trong đội ngũ những người làm công tác văn học nghệ thuật của ta có mặt nhiều tài năng người dân tộc thiểu số, nhiều người trong số đó nổi tiếng ở những cuộc thi tài trên thế giới.

Vùng dân tộc thiểu số tỉnh Bình trị thiên trước kia có nhiều khó khăn nhất thì nay ở đây có hơn 60% đồng bào dân tộc bỏ hẳn lối sống du canh du cư. Xã Hướng hữu ở vùng Nam đông, huyện Phú lộc có hơn 1000 người dân tộc Kơ tu trước năm 1977 còn sống cực khổ, lang thang khắp rừng núi, nay đã định cư, lập hợp tác xã, khai thác hơn 100 ha đất, trong đó có 30 ha ruộng nước, xây dựng nhiều nhà ngói và vườn cây ăn quả, hơn 200 ao cá Bác Hồ. Ở Hướng hóa, đồng bào

Digitized by Google

Vân kiều đã khai phá và canh tác trên 1000 ha ruộng nước, xây dựng nhiều công trình thủy lợi nhỏ, có thủy điện chiếu sáng khắp xóm làng và nhiều tiếng loa truyền thanh rộn rã trong từng nhà. Đồng bào còn làm nhiều nghề thủ công và phát triển chăn nuôi bò. Ở huyện A lưới, phong trào xây dựng hệ thống VAC (vườn cây, ao cá, chuồng nuôi gia súc, gia cầm), xây dựng nhà gỗ lợp ngói và xây dựng nếp ăn ở hợp vệ sinh trong đồng bào các dân tộc những năm qua thật là sôi nổi. Ở Quảng nam—Đà nẵng, đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số những vùng có rừng quế đã có thay đổi rõ rệt: đường sá phát triển, nhiều nơi trước đây phải đi bộ, nay đã có xe đi lại, đồng bào vừa phát triển kinh tế gia đình, vừa làm trong hợp tác xã, vừa tham gia các lâm trường khai thác quế và lâm thổ sản. Ở miền Tây Nghĩa bình, do chiến tranh tàn phá nặng nề, sau giải phóng nhiều nơi bị đói, đất đai bỏ hoang hóa từ lâu, nước thiếu gay gắt, đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số rất khó khăn. Đến năm 1980, chính quyền cách mạng đã phát động phong trào làm thủy lợi nhỏ ở miền núi, hơn 60% diện tích ở vùng thấp được tưới nước, 80% diện tích được phục hồi canh tác. Cho đến đầu năm 1981, bình quân lương thực đầu người ở vùng dân tộc thiểu số đã đạt 350kg, riêng vùng cao đạt 400kg, đầu người, trong đó sắn chiếm tỷ trọng 50%. Có nhiều hợp tác xã làm ăn khá như Sơn kỳ, Trà niêu, tập đoàn Sơn cao, Đăk mang, Vĩnh hảo, Vĩnh hiệu... Các dân tộc Ba na, Ca dong, Co xưa nay sống du cư nay đã định cư, làm ruộng nước, làm nghề rừng và phát triển chăn nuôi gia súc. Ở miền Tây Phú khánh việc chăn nuôi bò đàn đã phát triển rất nhanh. Ở Thuận hải, nhiều vùng dân tộc Chăm như Ninh hải, Bắc bình trong 10 năm gần đây cũng đã có những đổi mới rất sâu sắc. Phong trào hợp tác hóa và tăng năng suất trong nông nghiệp của đồng bào Chăm ở đây đã trở thành những nét tiêu biểu của địa phương. Ở miền Đông Nam bộ, Lâm đồng và Tây nguyên nhiều đồng bào người dân tộc thiểu số đã trở thành công nhân các nông trường cao su, cà phê, chè, mía của Nhà nước. Đời sống của đồng bào các dân tộc Gia lai — Kon tum, Đak lak, ở Di linh, Bảo lộc, Lạc dương (Lâm đồng), Bình long, Lộc ninh (Sông bé), Xuân lộc, (Đồng nai) v.v. đã có nhiều đổi thay từ sinh hoạt ăn ở đến mức sống và cách làm ăn, hưởng thụ văn hóa, giao tiếp xã hội.

Ở đồng bằng sông Cửu long, sự biến đổi xã hội trong người Khơ me, người Chăm I-xlam, người Hoa cũng khá rõ nét. Ở người Khơ me, điểm nổi bật nhất trong 10 năm qua là phong trào áp dụng kỹ thuật mới trong nông nghiệp, thâm canh tăng vụ, trồng lúa cao sản, thu hẹp diện độc canh lúa, mở rộng việc trồng những loại nông sản mới mà trước đây đồng bào chưa hề trồng. Ở Kiên giang, đồng bào Khơ me còn vay tiền ngân hàng để trang bị hàng chục máy kéo. Những cánh đồng bỏ hoang ở Trà cú (Cửu long), Giá rai (Minh hải)... nay đã trở thành những đồng lúa màu mỡ có công trình thủy lợi tưới tiêu nước. Phong trào xây dựng tập đoàn sản xuất phát triển nhanh trong những năm 80. Gần 90% nông dân đã vào tập đoàn. Văn hóa, văn nghệ Khơ me được khai thác và giới thiệu trong cả nước. Đồng bào Chăm theo đạo I-xlam trước đây không có đất để canh tác, nghề dệt cổ truyền bị mai một, sống bấp bênh bằng buôn bán nhỏ, nay đã có ruộng đất để canh tác, khôi phục được nghề dệt; phụ nữ Chăm I-xlam đã được đi học và tích cực tham gia các công tác xã hội. Người lao động Hoa ở đồng bằng sông Cửu long và thành phố Hồ Chí Minh sau vụ "nạn kiều" năm 1978 đã thật sự chuyển biến về nhiều mặt. Đồng bào yên tâm sản xuất và hăng hái góp phần vào việc giữ gìn trật tự an ninh ở địa phương. Đồng bào Hoa ở

Digitized by Google

phường 1, quận 11 thành phố Hồ Chí Minh (chiếm 87% dân số của phường) đã trở thành ngọn cờ đầu của phong trào tăng năng suất trong ngành tiểu, thủ công nghiệp vào dịp những năm 80 của thành phố. Nhiều phường có đông lao động người Hoa ở quận 5, quận Tân bình, quận 6... đã đạt nhiều thành tích trên các lĩnh vực sản xuất, văn hóa, thể dục thể thao; nhiều gia đình người Hoa được công nhận là gia đình văn hóa mới...

Tóm lại, 10 năm qua, đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta đã thật sự có những thay đổi cơ bản về nhiều mặt. Xu thế mới trong sự phát triển dân tộc đang tiến triển không ngừng. Tuy nhiên hoàn cảnh mới và những nhu cầu mới đang đặt ra cho chúng ta nhiều suy nghĩ để giải quyết tốt hơn nữa vấn đề dân tộc.

Trước hết, một điều quan trọng cần chú ý là phần lớn các dân tộc thiểu số sống ở nước ta có những quan hệ về ngôn ngữ, phong tục tập quán, tôn giáo với một số dân tộc khác ở miền Nam Trung quốc hoặc ở các nước trên bán đảo Đông dương và các nước Đông Nam Á. Trong vòng 30 năm gần đây, tình hình các dân tộc thiểu số ở các nước nói trên cũng có những chuyển động rất phức tạp. Các giới cầm quyền của các nước ấy và các lực lượng phản động nhất trong khu vực đã đặt ra các chính sách mị dân nhằm lôi kéo các dân tộc thiểu số, khai thác tài nguyên thiên nhiên ở vùng dân tộc, tuyên truyền tư tưởng sô vanh dân tộc nhằm chống lại xu thế cách mạng trong những quốc gia này. Thực tế đã chứng minh trong những năm gần đây, bọn đế quốc câu kết với bọn bành trướng bá quyền và các thế lực phản động khác vẫn còn nhiều mưu đồ đen tối đối với các dân tộc thiểu số ở nước ta cũng như ở các nước khác trên bán đảo Đông dương và vùng Đông Nam Á. Do đó, trong khi giải quyết vấn đề dân tộc ở nước ta cần phải quan tâm đến những chuyển động phức tạp trong khu vực, cần quan tâm hơn nữa đến những âm mưu của giới đế quốc và các bọn phản động khác trên vấn đề đất đai và biên giới có liên quan đến các dân tộc thiểu số. Mặt khác đây là điều rất cơ bản, giải quyết vấn đề dân tộc thiểu số ở nước ta một cách đúng đắn sẽ có ảnh hưởng đến những xu thế tiến bộ trong các dân tộc thiểu số ở các quốc gia lân cận.

Những mối quan hệ bên trong và bên ngoài của vấn đề dân tộc ở nước ta cần được nghiên cứu đầy đủ, không chỉ nghiên cứu vấn đề của lịch sử mà quan trọng hơn cả là những chuyển động chính trị xã hội hiện nay. Muốn giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc ở nước ta trong mối quan hệ chặt chẽ với chiến lược kinh tế xã hội trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, chúng ta cần phát hiện kịp thời những mâu thuẫn mới hình thành hiện nay. Không nên xem thường những mâu thuẫn mới này, nhất là mâu thuẫn mới nảy sinh từ các nhóm dân tộc đa số sống bên cạnh những xóm làng các dân tộc thiểu số. Những mâu thuẫn này khá phức tạp, mặc dù đó là những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng ta. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước đòi hỏi phải phân bố lại lao động và dân cư trong các vùng và tất yếu dẫn đến sự di dân người Kinh đến Tây nguyên, đồng bằng sông Cửu long và một số vùng dân tộc khác. Sự phát triển các nông trường, lâm trường, các xí nghiệp công nghiệp... cũng sẽ đưa đến những di chuyển một phần chỗ ở của đồng bào các dân tộc thiểu số. Trong quá trình đó cần có một sự giáo dục, chỉ đạo về tư tưởng thật sâu sát để tránh va chạm và mâu thuẫn có thể xảy ra, thể hiện cho được quan điểm tôn trọng quyền bình đẳng và quyền làm chủ của đồng bào các dân tộc.

Digitized by Google

Trong những năm gần đây, sự va chạm ở vùng dân tộc thường nảy sinh trên những vấn đề sau đây: vấn đề đất ở và đất canh tác của đồng bào dân tộc thiểu số thường bị xâm phạm và không được bố trí lại một cách đúng đắn; vấn đề sử dụng tài nguyên rừng để sinh sống không được giải quyết một cách thích đáng, hợp lý, hợp tình; vấn đề phong tục tập quán của đồng bào các dân tộc thiểu số bị vi phạm; vấn đề chữ viết, nhà trường, chương trình học và đào tạo cán bộ người các dân tộc thiểu số ở những địa phương hiện có đông người Kinh sinh sống; vấn đề giá cả, địa tô chênh lệch ở vùng dân tộc... Bên cạnh đó sự tồn tại của chủ nghĩa quan liêu, những tiêu cực xã hội, những thái độ đối xử không đúng, những tính toán theo kiểu con buôn cũng dẫn đến những va chạm. Ngược lại, những thái độ tự ti, đố kỵ, hẹp hòi, cô độc, thiếu cởi mở cũng gây nên hiểu lầm, va chạm.

Rõ ràng, dù do nguyên nhân gì, những biểu hiện thiếu đoàn kết dân tộc là xa lạ với chính sách dân tộc của Đảng ta, trái với tư tưởng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về vấn đề dân tộc.

Trong tình hình hiện nay, nhất là trong tình hình ở Đông Nam Á và châu Á tư tưởng dân tộc sô vanh và chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi đang có xu hướng phát triển, trong khi kẻ địch đang đẩy mạnh tuyên truyền chia rẽ dân tộc, chúng ta càng phải đề cao cảnh giác và quán triệt đầy đủ *tư tưởng xem vấn đề dân tộc là một trong những vấn đề có tính chiến lược của cách mạng Việt nam*. Cần nghiêm khắc phê phán mọi biểu hiện của tư tưởng, tâm lý "dân tộc hẹp" cũng như dân tộc hẹp hòi. Đồng thời cần nghiên cứu kỹ để giải quyết đúng đắn *những lợi ích chính đáng, những nhu cầu mới đang đặt ra trong đời sống ở vùng dân tộc thiểu số*.

Giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc là một yêu cầu có tính nguyên tắc đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Đồng thời cũng có ảnh hưởng tốt đối với các nước láng giềng. Qua việc thực hiện quyền bình đẳng triệt để và quyền làm chủ tập thể của các dân tộc ở nước ta, các dân tộc các nước láng giềng càng tin tưởng hơn ở đường lối đối ngoại của Đảng ta, tin tưởng và tôn trọng tình hữu nghị giữa các dân tộc trong khu vực. Vì vậy, giải quyết vấn đề dân tộc, ngoài mục tiêu đối nội, còn có ý nghĩa đối ngoại.

Digitized by Google

DƯƠNG HƯỚNG MINH

MỸ THUẬT ỨNG DỤNG VÀO SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG XÃ HỘI HIỆN NAY

Mỹ thuật ứng dụng là một chuyên ngành trong nghệ thuật tạo hình. Nó luôn luôn gắn bó mật thiết với sản xuất và đời sống con người.

Ngay từ buổi bình minh của mình, khi chế tác ra các công cụ lao động, mặc dù đó chỉ là những công cụ hết sức thô sơ, con người đã đặc biệt chú ý tới sự tạo dáng sao cho công cụ đó vừa đẹp vừa thuận tiện khi thao tác.

Xã hội càng phát triển, thì mỹ thuật ứng dụng vào sản xuất và đời sống càng lớn. Nó ghi dấu ấn trong toàn bộ đời sống ăn, mặc, ở, đi lại, giao tiếp, vui chơi, giải trí cũng như lao động, chiến đấu và học tập của con người. Ở đâu ta cũng thấy có bàn tay và ý thức của các nghệ nhân, hoặc các nhà mỹ thuật ứng dụng. Vì thế, khái niệm mỹ thuật ứng dụng mang một nội dung rất cụ thể.

Ở mỗi nước, mỹ thuật ứng dụng vào sản xuất và đời sống mang một dấu ấn riêng. Khi sản phẩm chuyển thành tiện nghi và được bài trí lắp đặt trong một không gian nhất định, thì nó tạo thành môi trường thẩm mỹ, phản ánh thị hiếu của người dùng. Đặc trưng ấy tác động thường xuyên và mạnh mẽ đến quá trình phát triển các chủng loại sản phẩm. Do đó, trải qua nhiều thời đại, đã sinh sôi biết bao ngành nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của nhiều dân tộc, nhiều đất nước. Sản phẩm của các ngành nghề được tạo ra, không chỉ ngày thêm tinh tế, hấp dẫn mà còn gắn bó dậm đà thêm với muôn vàn tập tục, tín ngưỡng, lễ thói khác nhau, chồng chất lên nhau. Vì vậy mỹ thuật ứng dụng vào đời sống luôn luôn có bản sắc riêng biệt, độc đáo của mỗi dân tộc, mỗi khu vực.

Từ cơ sở tiểu, thủ công mỹ nghệ truyền thống, đã xuất hiện nền sản xuất công nghiệp. Tính chất ứng dụng mạnh mẽ, nhanh chóng và rộng khắp của hàng công nghiệp trên quy mô toàn cầu, là một nhân tố quan trọng thúc đẩy nền mỹ thuật ứng dụng phát triển rộng lớn trên cả hai bình diện công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Do đó, mỹ thuật ứng dụng có một vị trí quan trọng trong chiến lược kinh tế — xã hội của mỗi nước.

Để dễ tìm hiểu, nghiên cứu và đánh giá, có thể quy hoạt động mỹ thuật ứng dụng ở nước ta hiện nay thành bốn mảng: thủ công mỹ nghệ; mỹ thuật công nghiệp; đồ họa thương nghiệp; thẩm mỹ môi trường.

Trong các loại hình chủ yếu của mỹ thuật ứng dụng, thì mạnh nhất hiện nay của nước ta là *tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp*.

Từ nhiều năm qua, các ngành nghề này đã được quan tâm phục hồi, khai thác và phát triển. Vốn là con đẻ của nền sản xuất nhỏ, đi từ lối tự cung tự cấp cổ truyền, cho nên quá trình nuôi dưỡng và mở rộng của nó mấy năm gần đây, ngoài các cơ sở tiểu công

Digitized by Google

nghiệp, thủ công nghiệp ở các thành thị, thì một mảng khá lớn ở ngay tại các hợp tác xã nông nghiệp. Nó đáp ứng nhu cầu tại chỗ cho nhân dân lao động khắp các địa phương trong cả nước. Đồng thời nó tận dụng được sức lao động tại chỗ, nhất là của lớp người trẻ tuổi, giải quyết công ăn việc làm và giúp cho nhiều người có nghề ổn định. Nó còn đóng góp khối lượng hàng xuất khẩu ngày một nhiều. Thế mạnh chính của nó là ở chỗ nó đang là một trong các nguồn hàng xuất khẩu quan trọng của nước ta. Riêng tại thành phố Hồ Chí Minh trong năm 1985, hàng tiểu, thủ công nghiệp đã đạt 11,6 tỷ đồng giá trị sản phẩm giao nộp Nhà nước (chiếm tỷ lệ 78,85% giá trị tổng sản lượng); đạt 2 tỷ đồng giá trị sản phẩm xuất khẩu (chiếm 132,13% kế hoạch) là các dẫn chứng cụ thể. Nhưng mặt hạn chế cơ bản của ngành này là chưa quan tâm ứng dụng yếu tố thẩm mỹ trên cơ sở kế thừa và khai thác truyền thống dân tộc nhằm phục vụ cho một bước chuyển biến nhảy vọt về chất lượng sản phẩm. Hãy còn có hiện tượng giữ « nguyên xi » mẫu cổ trong nhiều năm và sức ỳ ấy còn rơi rớt cả trong một số mặt hàng xuất khẩu. Có thể thấy điều đó khá phổ biến trong các loại sản phẩm sơn mài, thêu ren, chạm ngà, khảm trai, sừng..

Mỹ thuật công nghiệp được hình thành trên cơ sở nền sản xuất công nghiệp. Một nước tiên tiến bao giờ cũng có một nền công nghiệp phát triển cùng với một trình độ thẩm mỹ công nghiệp tương ứng. Để thực hiện thẩm mỹ công nghiệp, dây chuyền sản xuất, các công đoạn được chuyên môn hóa cao độ. Ở các nước có nền kinh tế và khoa học phát triển, nhu cầu sinh hoạt của con người phức tạp và đa dạng, đòi hỏi thẩm mỹ công nghiệp càng cao.

Hoạt động của mỹ thuật công nghiệp chủ yếu là tạo hình, tạo dáng công nghiệp. Sản xuất công nghiệp ở nước ta những năm vừa qua đã tạo ra được một khối lượng sản phẩm khá phong phú. Tuy nhiên, mặt thẩm mỹ trong công nghiệp vẫn chưa được chú ý đúng mức. Chúng ta mới chỉ quan tâm nhiều đến khâu kỹ thuật và dây chuyền sản xuất, chưa coi trọng thẩm mỹ trong tạo hình, tạo dáng, tạo khối, mẫu mã ở khâu đầu tiên của một sản phẩm. Vẫn còn tư tưởng tự ty, không tin vào trình độ thẩm mỹ của chính mình, cho nên thường sao chép mẫu mã của nước ngoài.

Một sản phẩm dù đó là sản phẩm thủ công hay công nghiệp đều đòi hỏi ba tiêu chuẩn: kinh tế, khoa học và nghệ thuật. Một sản phẩm được đông đảo người tiêu dùng hoan nghênh chính là đã đạt được ba tiêu chuẩn trên. Trong lịch sử, có những sản phẩm đã trở thành tác phẩm nghệ thuật (theo nghĩa rộng) được trưng bày và gìn giữ trong các viện bảo tàng vì nó tiêu biểu cho thị hiếu thẩm mỹ của một dân tộc và mang dấu ấn thời đại.

Như vậy, một vấn đề được đặt ra rất rõ ràng là phải luôn luôn có sự quan tâm đúng mức tới mỹ thuật công nghiệp, bởi vì đó là một trong những yếu tố tạo nên chất lượng của sản phẩm và là vấn đề sống còn trong hàng hóa.

Gắn liền với chất lượng sản phẩm, còn phải kể đến *đồ họa thương nghiệp* (gồm có nhãn hiệu và bao bì). Nó đang bị coi nhẹ nhất trong mỹ thuật ứng dụng ở nước ta. Điều tồn tại khá nghiêm trọng này khó có thể khắc phục dễ dàng. Một phần do « cung » không đáp ứng được « cầu », cho nên dù hàng chưa tốt, dù nhãn hiệu, bao bì có xấu xí, lem nhem thì người tiêu dùng vẫn phải mua. Phần khác, do các nhà kinh doanh ngại tốn kém và họ cho là chưa thật cần. Tâm lý này tạo ra một sức ỳ ghê gớm. Ngành ngoại thương đã bước đầu coi trọng nhãn hiệu, bao bì hàng xuất khẩu, nhưng có thể do điều kiện vật tư, in ấn còn hạn chế, cho nên chất lượng vẫn chưa theo

Digitized by Google

kịp tính chất hiện đại và tiên tiến của đồ họa thương nghiệp thế giới. Bao bì và nhãn hiệu các loại đồ hộp hoa quả, thịt, cá, sữa... của ta phản ánh khá rõ điều đó. Đã từ lâu thương nghiệp thế giới xác định bao bì, nhãn hiệu là một bộ phận hữu cơ của sản phẩm tiêu dùng và xuất khẩu. Ngoài việc giới thiệu và bảo vệ nội dung chứa đựng bên trong, nó còn là một sản phẩm văn hóa, mang một lượng thông tin thương nghiệp có sức cuốn hút mạnh mẽ khách hàng.

Thẩm mỹ môi trường là loại hình tổng hợp của mỹ thuật ứng dụng. Nó được xây dựng trên cơ sở các yếu tố: địa lý tự nhiên, hoàn cảnh lịch sử, tâm lý dân tộc và chế độ xã hội. Cho nên, thẩm mỹ môi trường thường mang dấu ấn riêng của mỗi dân tộc và phải phù hợp với từng loại đối tượng. Thẩm mỹ môi trường các dân tộc phương Đông khác với các nước phương Tây. Thẩm mỹ môi trường sơn cước khác với môi trường đồng bằng, miền biển. Thẩm mỹ môi trường nội thất ở nông thôn khác với thành thị, hội trường khác với câu lạc bộ, xí nghiệp không giống cơ quan v.v.

Ở các nước tiên tiến, vấn đề xây dựng thẩm mỹ môi trường như tạo ra những môi trường sinh hoạt vui chơi, giải trí, thưởng ngoạn, nghỉ ngơi bồi dưỡng sức khỏe, thăng bằng sinh thái cho con người đã trở thành quốc sách

Ở nước ta, trong thời gian qua, do hoàn cảnh khó khăn về kinh tế và đời sống, chúng ta còn ít quan tâm đến thẩm mỹ môi trường. Từ môi trường nhà ở của từng gia đình, đến môi trường nhà ở khu vực tập thể; từ các môi trường công cộng như quảng trường, công viên, đến môi trường giao thông trên các trục đường phố, môi trường trường học, câu lạc bộ, nhà hát... đâu đâu cũng lộ rõ hiện tượng mất trật tự, mất vệ sinh, chen lấn... Chẳng nói ở đâu xa, cứ nhìn ngay vào thủ đô Hà nội, ta cũng thấy vấn đề thẩm mỹ môi trường đã đến mức phải báo động. Với tầm nhìn tổng hợp và khái quát: rõ ràng đây là thủ đô của một nước nông nghiệp mà nền sản xuất nhỏ còn ngự trị. Bất cứ nhìn vào đâu cũng bộc lộ rõ nét hiện tượng này. Chẳng hạn như bên cạnh một công trình kiến trúc và văn hóa đồ sộ mới hoàn thành, là một trục đường giao thông đang bị lấn chiếm hẳn gần một dọc vỉa hè làm nơi để xe đạp, xe máy của một cơ quan lớn. Chính nơi pháo đài bay B52 của đế quốc Mỹ bị bắn rơi ở giữa lòng thủ đô, đáng lý cần trân trọng dựng lên biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng thì lại để tùy tiện mọc lên một quán hàng nhỏ nhoi, bệ rạc! Còn dọc theo mấy đại lộ dài cũng giữa trung tâm thủ đô, đều khá phổ biến, quãng này một đống gạch, chỗ kia vài đống cát, hoặc có cả các hòm rỗng bị bỏ bê sau khi đã lấy máy móc đi. Rồi lẻ tẻ người ta họp chợ, bán đồ giải khát, sửa chữa xe đạp v.v. ngay trên vỉa hè. Tại các khu nhà tập thể, xuất hiện đủ các kiểu cách cơi nới tùy tiện, nhếch nhác do được phép hay không được phép, cái thứ mà thật hiếm thấy ở các nước công nghiệp tiên tiến.

★

Hiện nay trong thực tiễn, mỹ thuật ứng dụng ở nước ta chưa được quan tâm đầy đủ, do đó nó chưa đáp ứng kịp những yêu cầu của sản xuất và đời sống, chưa theo kịp bước chuyển biến mang tính chất cách mạng của nền kinh tế. Tình trạng ấy do sự tác động của nhiều nhân tố, mà trước hết là sự nhận thức về vị trí, vai trò đặc trưng và tầm quan trọng của mỹ thuật ứng dụng chưa được quán triệt trong tư tưởng chỉ đạo của các cơ quan có trách nhiệm. Thật ra, không phải không còn lưu hành ngay trong giới văn hóa và nghệ thuật một quan niệm

Digitized by Google

chưa đúng về chức năng của mỹ thuật ứng dụng hiện đại Việt nam. Nó đã bị giới hạn trong phạm vi ngành trang trí mỹ thuật và đời sống. Vị trí của nó trong nghệ thuật tạo hình đương đại cũng chỉ ở phía sau các loại hình hội họa và điêu khắc.

Mỹ thuật ứng dụng, mà cốt lõi của nó là thẩm mỹ công nghiệp hay tạo dáng, đòi hỏi có sự gắn bó hữu cơ với khoa học kỹ thuật trong tiến trình ứng dụng vào sản xuất, trên cơ sở vận dụng những thành tựu mới nhất và những phương thức tiên tiến nhất của nó.

Nền mỹ thuật công nghiệp hiện đại trên thế giới đã trải qua một quá trình đột biến khổng lồ trong vòng 5 thập kỷ lại đây. Đó là từ khi xuất hiện phương thức «Di-dai» (Design). Phương thức « Di-dai » ra đời từ năm 1950. « Di-dai » có nghĩa là sáng tác mẫu — thiết kế kỹ thuật — xây dựng mô hình. Từ đó, chuyển sang chế thử — sản xuất hàng loạt. Phương thức « Di-dai » đòi hỏi các nhà quản lý và chỉ đạo sản xuất trước hết quán triệt chức năng sử dụng sản phẩm. Từ yêu cầu ấy, người nghệ sĩ sáng tác mẫu, người kỹ sư cấu trúc vật thể với kỹ thuật chế tác. Tiếp đó họ cùng với công nhân thiết kế kỹ thuật, dựng mô hình sản phẩm và chế thử. Người nghệ sĩ sáng tác ngay từ đầu cho đến khi mẫu ra đời trở thành sản phẩm đều làm việc chặt chẽ trong tổ hợp bộ ba « nghệ sĩ — kỹ sư — công nhân kỹ thuật ». Mục tiêu của họ là các hàng xuất hiện luôn luôn đổi mới, luôn luôn đột ngột, tạo ra sự chờ đón, khao khát của khách hàng.

Phương hướng của chúng ta hiện nay là xây dựng một nền mỹ thuật ứng dụng vừa mang tính dân tộc, vừa mang tính hiện đại. Tính dân tộc và tính hiện đại phải cùng được thể hiện trên các sản phẩm. Nếu chỉ chú ý tính dân tộc sẽ dễ trở nên bảo thủ, trì trệ, nhại cổ, quen mắt, quen tay. Ngược lại, chỉ chú ý tính hiện đại sẽ dễ bị lai căng, mất gốc, sách vở, mù quáng. Tính dân tộc và hiện đại trong mỹ thuật ứng dụng phải được biểu hiện một cách khái quát, cô đọng, tế nhị qua tạo dáng, tạo khối, tạo hình, tạo sắc các sản phẩm, vật dụng phù hợp với tâm lý, thị hiếu con người thời đại.

Mỹ thuật ứng dụng là một lĩnh vực khá rộng lớn và quan trọng. Để đưa hoạt động mỹ thuật ứng dụng đi vào quỹ đạo, phục vụ thiết thực cho sản xuất và đời sống, xin kiến nghị:

— Thành lập một tổ chức Nhà nước có tính chất chuyên ngành, lấy tên là Viện mỹ thuật ứng dụng Việt nam hoặc Viện mỹ thuật công nghiệp Việt nam, trực thuộc Hội đồng bộ trưởng, để quản lý và chỉ đạo thống nhất trong cả nước.

— Thành lập Hội đồng mỹ thuật ứng dụng hai cấp: trung ương và địa phương để xét duyệt kịp thời, nhanh chóng các mẫu mã, các chủng loại sản phẩm với hai yêu cầu phục vụ nội địa và xuất khẩu.

— Nhanh chóng ban hành những chủ trương của Đảng, những chế độ, chính sách, những quy định của Nhà nước về mặt chuyên ngành mỹ thuật ứng dụng để quản lý, ổn định các ngành nghề, kích thích sáng tác và động viên sản xuất.

— Quy hoạch lại hệ thống đào tạo chuyên ngành mỹ thuật ứng dụng cho từng vùng và cho cả nước. Kiểm tra lại chức năng và nhiệm vụ, xác định lại mục tiêu để thống nhất quản lý.

Digitized by Google

NGUYỄN TÀI ★

NHỚ LẠI NGÀY ĐƯA BÁC HỒ TỪ THÁI LAN SANG GÂY DỰNG CƠ SỞ CÁCH MẠNG Ở LÀO

Là một thành viên của *Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội*, tôi được phân công phụ trách kiều bào ta ở tỉnh Xa-kôn gồm các huyện Xa-vang, Pha-na-na, Na-ke. Ông Chín (tên gọi của Bác Hồ trong thời gian hoạt động ở Thái lan) đi lại tỉnh này nhiều lần. Có lần ông Chín đến tỉnh U-bôn, nơi có nhiều kiều bào ta làm nghề buôn bán và làm thợ nề, thợ mộc... Từ U-bôn, tôi theo ông Chín xuống Luyện Phi-mun cách thị xã U-bôn 50 km đường ô tô. Chúng tôi đi bằng tàu thủy chạy trên sông Mun (sông này chảy xuống Phi-mun, rồi chảy ra sông Mê-kông). Đến Phi-mun, chúng tôi vào một nhà kiều bào. Sau khi điều tra, xem xét, ông Chín nhận định về gia đình kiều bào này: người bố không tốt vì buôn bán bóc lột; còn con và cháu có thể giác ngộ được. Ông Chín cân nhắc cẩn thận rồi nói với tôi: người cháu tốt, có thể tìm cách đưa vào Đoàn; còn người con trai có tính ngang ngược, cần phải qua giáo dục, nếu được sau này sẽ đưa vào tổ chức. Ông nhấn mạnh: cần có cơ sở của ta ở đây để làm sao đặt được con đường giao thông liên lạc từ đây sang Pak-xê bên Lào. Sau khi giao trách nhiệm cho tôi làm việc này, ông Chín tỏ ý muốn sang đất Lào và hỏi tôi:

— Về đã tìm quen với ai bên Pak-xê chưa?

— Đã quen biết một anh cảnh sát. Tuy làm cảnh sát nhưng anh ấy là người khí khái, có tinh thần chống đế quốc Pháp.

Ông lại hỏi:

— Về đã nói chuyện với anh ta được mấy lần?

— Mới một lần. Tôi đáp.

Đắn đo suy nghĩ một lúc, ông Chín vẫn tỏ ý muốn sang đất Lào.

Trên đường từ Phi-mun trở lại U-bôn, ông hỏi tôi:

★ Đồng chí Nguyễn Tài tức Lê Ngôn, tức Vê (Vê là bí danh trong thời gian hoạt động ở Xiêm), sinh tháng 7 năm 1896 ở làng Vĩnh đức (nay là xã Liên sơn), huyện Đô lương, tỉnh Nghệ an (nay là Nghệ tĩnh).

Năm 1925 — 1926 đồng chí Tài hoạt động ở Xiêm (Thái lan), năm 1927 được kết nạp vào Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội; năm 1930 là đảng viên Đảng cộng sản Xiêm; năm 1934 là ủy viên Đông dương viện trợ bộ, đồng thời là thông tin viên của Ban lãnh đạo của Đảng ta ở nước ngoài do đồng chí Lê Hồng Phong đứng đầu. Năm 1935 đồng chí bị địch bắt giam ở nhà lao Vinh rồi nhà tù Buôn ma thuột; năm 1945 được trả tự do về Nghệ an tham gia giành chính quyền, làm Phó chủ tịch UBND tỉnh Nghệ an; từ năm 1946 đến năm 1958 được cử sang công tác ở Lào; năm 1958, trở về Hà nội, tham gia lãnh đạo Viện vệ sinh dịch tễ (Bộ y tế); năm 1965 nghỉ hưu ở Hà nội.

Trong thời gian hoạt động ở Thái lan có 5 lần đồng chí Tài được đi công tác cùng với Bác Hồ. Sau đây, đồng chí Tài kể lại lần đưa Bác Hồ từ Thái lan đi bí mật sang Lào để xem xét tình hình, chuẩn bị gây dựng cơ sở cách mạng ở Lào vào năm 1928.

Digitized by Google

— Đi ra sông Mê-kông thì đi bằng đường nào ?

— Qua huyện Khú-lú. Tôi đáp

Ông bảo

Ta đi, đi..

Thế là chúng tôi hướng ra sông Mê-kông. Lúc này vào khoảng tháng 6 năm 1928, bắt đầu có mưa, nhưng chưa mưa nhiều. Chúng tôi từ bờ bên Thái lan qua bờ bên Lào bằng thuyền độc mộc. Chung tôi trả công người chèo thuyền bằng nắm thuốc hút, trả bằng tiền người ấy không nhận vì không thiết cầm dăm ba xu. Đến đất Lào thì vừa trưa. Gặp một số người Lào, họ hỏi, chúng tôi trả lời qua loa. Họ không nghi ngờ gì, vì chúng tôi trông rõ ràng là những người đi làm ăn. Vai ông Chín deo cái cưa, một tay xách ấm, một tay cầm cái thước. Tôi mang một cái túi vải trong có ít đồ nghề như cái bay, cái đục, v.v. Chúng tôi mặc mỗi người một chiếc áo cộc đen, một cái quần xanh giống như người thợ nề, thợ mộc

Trên đất Thái lan, cũng như trên đất Lào, tuy có đường quốc lộ, nhưng ông Chín thích đi đường trong nông thôn hơn, vì theo ông, đi từ làng này qua làng khác có cái lợi là tìm hiểu được đời sống của nhân dân, phong tục tập quán của địa phương, lại muốn nghỉ đâu cũng được, và khi đói bụng có thể vào chùa xin xôi, đỡ tốn tiền cơm. Dọc đường đi bộ, ông Chín khuyên tôi không nên uống nước lã và rủ tôi cùng đi kiếm lá lành ngành nhai nhỏ rồi nuốt để đỡ khát. Chúng tôi vừa đi vừa trao đổi với nhau về chuyện làm thợ...

Đi vào thị xã Xa-va-na-khét (đối diện với thị trấn Mục-đa-hán bên Thái lan), chúng tôi đi qua sở cảnh sát, trại giám binh, tòa công sứ. Tôi thấy ông Chín rất bình tĩnh, tự nhiên, ung dung, không có chút gì e ngại, đúng như cử chỉ của người dân ở đây.

Đến những quãng đường vắng, ông Chín nói về công tác cách mạng. Qua những sự việc cụ thể ông phân tích sâu sắc để giáo dục cho tôi về quan điểm giai cấp, quan điểm quần chúng và quan điểm lao động.

Giữa lúc ấy, trên đường, có mấy người Lào xách gà đi bán. Ông Chín bảo tôi :

— Ta mua một con gà.

— Không có tiền. Tôi đáp

— Cứ mua, có tiền đây.

Ông Chín vừa nói vừa rút trong tư ra một hào bạc Đông dương mà ông đã chuẩn bị sẵn từ khi nào tôi không biết. Lúc đó, ở Lào và Thái lan, giá một con gà không đến một hào

Ra khỏi địa phận Xa-va-na-khét, chúng tôi hướng lên phía bắc Xiêng-vang. Ở đây có một số gia đình Việt kiều, có nhà thờ đạo Thiên chúa. Tôi đã từng từ Thái lan qua Xiêng-vang để tuyên truyền, vận động bà con ở đây và mới chỉ bắt mối được với một kiều bào thôi...

Theo kế hoạch đã định trước, ông Chín bảo tôi không đến đó mà qua sông Mê-kông trở lại đất Thái lan. Vì nguyên tắc hoạt động bí mật, tôi không dám hỏi lại ông Chín vì sao không tiếp tục đi trên đất Lào. Sau một tiếng đồng hồ, chúng tôi đã lên bãi cát của sông Mê-kông bên bờ đất Thái. Ông Chín hơi mệt, lấy chiếc phà-phe (khăn rộng của người Lào, người Thái thường dùng để mặc thay quần, làm khăn tắm và để đắp thay chăn) trải lên bãi cát, rồi nằm nghỉ, đầu gối lên một hòn đá. Tôi nấu nước, vặt lông làm thịt gà. Ông Chín dặn tôi làm theo kiểu của ông Năm, cá nướng ngon thì gà nướng cũng ngon. Vừa nằm ông vừa bảo tôi :

— Này anh Vê! Anh hãy tả cảnh nước mất nơi tan, nhân dân đau khổ.

Ông Chín hạn chữ, hạn giờ tôi phải viết xong. Sực nhớ lại ngay câu của ông Trần Hữu Lực : « Cờ ba sắc xứ Đông dương. Trông càng thêm nhục, nói càng thêm đau ! »

Digitized by Google

Tôi dựa theo ý câu này mà viết không khó khăn gì... Nói là viết cho oai, chứ thật ra là xoa bãi cát cho bằng phẳng rồi dùng cái que gạch những chữ lên đó. Tôi viết:

« Non nước treo cờ ba sắc
Nhân dân thay kiếp ngựa trâu
Trông càng nhục, nói càng đau
Con mồ côi, dân thuộc địa! »

Ông Chín đọc, khen bài thơ được. Nhưng ông có ý kiến: ta viết « treo » cờ ba sắc là ta chịu bọn đế quốc rồi, nên thay chữ « cắm » (cắm cờ ba sắc »..

Ăn và nghỉ trên bãi cát cho hồi sức, ông Chín và tôi tiếp tục đi bộ về Xa-kôn... Dọc đường, từng lời nói, từng cử chỉ của ông Chín đều có tác dụng giáo dục đối với tôi. Tôi ghi nhớ mãi những lời chỉ bảo chân tình của ông Chín trong những năm công tác ở Thái lan, ở Lào và mãi mãi sau này.

Ông Chín cần đi ngay U-đon để kiểm tra kết quả của lớp huấn luyện và nói chuyện với anh em học viên. Đúng hẹn ông cho người đưa thư đến Xa-kôn giao trách nhiệm cho tôi đưa những anh em đã được huấn luyện về nước, một số đi về phía Xiêng-vang xuống Xa-va-na-khét, một số về phía Tha-khẹt...

Sau đó, nhận được tin báo của ông Chín tôi về U-đon để ra Noong-khai. Đấy là một thị xã trên bờ sông Mê-kông. Cơ quan liên lạc của ta đặt ở nhà anh Lục làm nghề thợ máy. Đến đó, đi ra sau bếp, tôi thấy ông Chín đang ngồi đọc báo viết bằng tiếng Anh. Trong thời gian đi công tác với ông Chín ở Thái lan, tôi thấy ông tự học cả tiếng Thái và tiếng Lào, đồng thời cũng học thêm tiếng Anh.

Đến cơ quan liên lạc, tôi được biết ông Chín đã triệu tập cuộc họp để nghe báo cáo về tình hình mọi mặt ở Lào và thảo luận về việc xây dựng cơ sở của cách mạng Lào.

Tối hôm đó, thuyền đưa các đồng chí Việt. Tín... ở Viêng-chăn sang Noong-khai. Ông Chín dặn anh Lục báo cho anh em gặp nhau ở chùa. Tôi đến chùa trước, ông Chín đến sau. Khi anh em ở Lào đã sang đủ mặt, ông Chín bảo tắt đèn đi, vì người ngoài nhìn vào dễ tưởng lầm là đánh bạc.

Ông hỏi anh em về tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và quan hệ giai cấp ở Lào, về tình hình Viêng-chăn, số anh em thanh niên, chị em phụ nữ, số người làm thợ, số người làm ruộng, số nhà buôn bán; về tình hình đời sống của anh chị em lao động; về tình hình địch, về binh lính (trong đó có người Lào không và làm gì?)... Ông Chín hỏi liên tiếp chuyện này sang chuyện khác. Tôi đã từng sang Viêng-chăn, có biết tình hình bên đó, định báo cáo một vài điểm quan trọng. Nhưng ông Chín bấm tôi, ra hiệu bảo ngồi nghe anh em phát biểu, sợ anh em dựa vào ý kiến của tôi mà phát biểu, làm hạn chế ý kiến của anh em. Sau khi nắm được tình hình mọi mặt ở Lào khá đầy đủ, ông Chín hướng dẫn anh em thảo luận kỹ và đề ra những biện pháp và kế hoạch cụ thể để xây dựng cơ sở cách mạng Lào. Khi bàn về công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức quần chúng vào các đoàn thể cách mạng, ông Chín gợi ý trường hợp một người Lào làm cảnh sát thành phần nông dân, có tinh thần yêu nước, chống đế quốc và phong kiến, có thể tuyên truyền, giáo dục và thử thách rồi đưa vào tổ chức cách mạng. Nhưng người Việt nam làm cảnh sát thì không thể đưa vào tổ chức cách mạng

Sau đó, tôi được biết anh Xa-máy, người Lào, làm cảnh sát được giác ngộ, bỏ nghề này, đi theo cách mạng...

Trong thời kỳ xúc tiến chuẩn bị về mọi mặt để thành lập một đảng cộng sản ở Đông dương, nhất là những năm 1928 — 1929, ông Chín rất quan tâm đến việc xây dựng cơ sở cách mạng cho cả Việt nam, Lào và Cam-pu-chia.

Digitized by Google

Khi kết thúc cuộc họp bàn về việc xây dựng cơ sở cách mạng Lào, ông Chín căn dặn rất cụ thể từng đồng chí trở về làm những việc gì và làm như thế nào... Ông nhấn mạnh: các đồng chí cần chú trọng việc tổ chức tầng lớp thanh niên Lào.

NGUYỄN TÀI *kể*
THẾ TẬP *ghi*

NỀN VĂN HÓA...

(Tiếp theo trang 106)

hóa, nghệ thuật là to lớn, rất đáng tự hào, và là bước mở đầu tốt đẹp. Tuy vậy với sự khiêm tốn đáng quý và ý chí cách mạng tiến công, những người làm công tác văn hóa nghệ thuật Cam-pu-chia thấy rằng con đường tiến lên của mình còn phải kinh qua nhiều khó khăn, do hoàn cảnh đấu tranh cách mạng của Cam-pu-chia và do sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới đang ở những bước đầu.

Nhân dân Việt nam ta rất vui mừng trước những thành tựu của nền văn hóa, nghệ thuật Cam-pu-chia anh em trong những năm qua. Với quan hệ đặc biệt Việt nam — Cam-pu-chia, mối quan hệ đã trở thành quy luật sống còn của hai dân tộc, chúng ta tin tưởng vững chắc rằng sự hợp tác chân thành, bền vững giữa ngành văn hóa của hai nước sẽ góp phần đem lại những thành tựu rực rỡ hơn nữa trong những năm tới.

Digitized by Google

HOÀNG BÁ BÍCH

ĐẢNG BỘ HUYỆN KRÔNG PA GẮN CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI

LÀ huyện mới được thành lập tháng 1-1979, nằm ở phía đông nam của tỉnh Gia lai – Kon tum. Krông pa có diện tích tự nhiên gần 193 000 ha, trong đó có khoảng 13 000ha đất nông nghiệp, còn lại là rừng, đất rừng và những đồng cỏ rộng lớn. Số dân của huyện là 35 000 người, trong đó trên 60% là đồng bào Za rai. Đảng bộ Krông pa có 26 tổ chức cơ sở Đảng với 431 đảng viên.

Nếu từ năm 1981 về trước, nhắc tới Krông pa là nhắc tới một vùng rừng núi hẻo lánh, nghèo nàn và lạc hậu, một đảng bộ yếu kém triền miên, thì đến nay, Krông pa đã trở thành một miền quê khá sầm uất do nhiều đàn tộc anh em gắn bó xây dựng lên, một đảng bộ huyện vào loại khá của tỉnh Gia lai – Kon tum.

Sở dĩ có được sự thay đổi lớn như vậy là do đảng bộ Krông pa đã quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, quán triệt nghị quyết đại hội thứ 8 của đảng bộ tỉnh Gia lai – Kon tum, quan tâm đúng mức đến công tác xây dựng Đảng, từng bước gắn công tác xây dựng Đảng với việc phát triển kinh tế – xã hội.

Trước hết, qua điều tra, khảo sát và nghiên cứu tình hình thực tế của địa phương, huyện ủy Krông pa *đã xác định đúng và chỉ đạo thực hiện có kết quả phương hướng nhiệm vụ chính trị, những mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của địa phương và coi đây là mục đích của công tác xây dựng Đảng.*

Ở Krông pa, thiên nhiên tương đối thuận hòa và phong phú: quanh năm không có bão lớn và rét đậm; mưa ít nhưng được rải đều vào các tháng; khí hậu thích hợp với nhiều loại cây trồng ngắn ngày và dài ngày; rừng khá rộng và có nhiều lâm sản quý; các dòng sông Ba, Ea rsai, Krông năng, Uar... có trữ lượng nước và phù sa lớn; nhiều đồng cỏ mênh mông và tươi tốt... Nhìn chung, điều kiện tự nhiên của Krông pa rất thuận lợi cho việc xây dựng và phát triển kinh tế theo cơ cấu *nông – lâm – công nghiệp.*

Trong những năm qua, huyện ủy đã chủ trương phải tập trung sức phát triển sản xuất lương thực, bảo đảm đủ ăn và có dư một phần để đón nhận đồng bào miền xuôi lên xây dựng quê hương mới, đồng thời phát triển cây nông sản nhằm tạo ra một khối lượng hàng hóa nông sản lớn, tăng nhanh quỹ tích lũy cho huyện, làm tiền đề củng cố quốc phòng, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược trên địa bàn huyện. Trên 13 000 ha đất nông nghiệp đã được chia làm hai vùng: 16 000 ha thuộc vùng thấp, tập trung phát triển các loại cây ngắn ngày như lúa, ngô, thuốc lá và cây dài ngày là dừa; 27 000 ha ở vùng cao, trồng các loại cây ngắn ngày gồm sắn, thuốc lá, vừng và cây dài ngày là đào lộn hạt. Đồng thời, chú trọng phát triển chăn nuôi,

Digitized by Google

nhất là chăn nuôi trâu, bò, lợn và gia cầm ở cả ba khu vực quốc doanh, tập thể và gia đình

Để thực hiện được phương hướng sản xuất nói trên, huyện ủy đã tập trung chỉ đạo làm tốt công tác *định canh định cư*, xác định đây là bước đi mở đầu tạo đà thắng lợi cho các bước đi tiếp sau. Rút kinh nghiệm những năm trước đây, năm 1983, huyện ủy phân công một số đồng chí có năng lực và kinh nghiệm, phụ trách công tác này; chỉ đạo làm thử ở hai buôn Tang và Lak (thuộc các xã Phu-cần và Ea rmok), phát động tư tưởng quần chúng, quy định diện tích đất ở, khuyến khích nhân dân tách hộ, dời nhà, lập vườn gia đình. Kết quả là chỉ ba tháng sau, huyện đã định cư được 12 buôn gồm 583 hộ với 3 861 người. Phát huy thắng lợi đó, đầu năm 1984, huyện ủy đưa tất cả các cán bộ lãnh đạo chủ chốt của huyện và 10 xã xuống tham quan, học tập và đăng ký thi đua tại buôn Lak, phát động trong nhân dân một chiến dịch định canh định cư và ổn định thêm được 29 buôn gồm 1 316 hộ với 8 328 người. Cho đến nay, tất cả các xã trong huyện đã cơ bản hoàn thành việc định canh định cư, hơn 90% số hộ gia đình đã lập vườn, trồng được 13 500 cây dừa, hàng vạn cây dào lộn hạt, hàng trăm héc ta thuốc lá và vừng. Thắng lợi của công tác này đã chấm dứt cuộc sống du canh du cư lâu đời của người dân Krông pa, tạo cơ sở xây dựng nền kinh tế tập thể, xây dựng nông thôn mới và làm xuất hiện kinh tế vườn trong đời sống đồng bào các dân tộc.

Cùng với cuộc vận động định canh định cư, huyện ủy chủ trương phải khắc phục khó khăn, tổ chức tốt việc đón nhận đồng bào ở các tỉnh bạn đến xây dựng quê hương mới. Huyện ủy cho rằng đây là một biện pháp chiến lược rất phù hợp với hoàn cảnh địa phương, kết hợp được sức mạnh tại chỗ với sức mạnh mới từ nơi khác đến, tạo nên sức mạnh tổng hợp để khai thác mọi tiềm năng, phát triển kinh tế — xã hội. Qua việc học tập, huyện ủy đã làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện hiểu rõ ý nghĩa của công tác này. Đây là một bước góp phần thực hiện sự phân bố lao động trên địa bàn cả nước, thực hiện chính sách đoàn kết các dân tộc anh em của Đảng ta; đồng thời cũng là vì sự phát triển của huyện, của các dân tộc trên địa bàn Krông pa. Với sự cố gắng của huyện, cùng với sự giúp đỡ của cấp trên, của tỉnh Thái bình, trong hai năm 1984 — 1985, Krông pa đã đón nhận 2 165 hộ với 9 962 người từ Thái bình vào xây dựng quê hương mới.

Để góp phần thắt chặt tình đoàn kết giữa đồng bào Kinh và đồng bào Thượng, giải quyết một bước khó khăn do thiếu đảng viên và cán bộ quản lý hợp tác xã, rút ngắn khoảng cách trình độ mọi mặt giữa người Za rai và người Kinh, đưa kinh tế tập thể phát triển đúng hướng, song song với công tác trên, huyện ủy Krông pa còn có sáng kiến tổ chức *kết nghĩa* giữa đồng bào dân tộc tại chỗ với đồng bào mới đến huyện. Huyện ủy đã chọn buôn Thứa, buôn Dung, buôn Lao kết nghĩa với đồng bào Đồng hưng để thành lập hợp tác xã Chu đông. Tiếp đó, các buôn Đuk, buôn Bát kết nghĩa với đồng bào Kiến xương. Thái thụy thành lập hợp tác xã Chu thái... Với cách làm này, nhiều hợp tác xã được thành lập ở các xã Ea siêm, Phú cần, Ea rsai... và có tác dụng tốt đối với Krông pa

Nhận rõ ý nghĩa quan trọng của công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất ở miền núi, huyện ủy đã chỉ đạo các cơ sở xây dựng hợp tác xã nông nghiệp đồng thời xây dựng hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng trên cùng quy mô. Đến nay, toàn huyện đã lập được 23 hợp tác xã nông nghiệp,

Digitized by Google

trong đó có 10 hợp tác xã kết nghĩa, thu hút 3 389 hộ nông dân với 7 316 lao động, chiếm 51% số hộ và 50% số lao động nông nghiệp toàn huyện.

Hai là, *củng cố và xây dựng các tổ chức cơ sở Đảng gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị cơ sở.*

Trên cơ sở xác định đúng phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, huyện ủy Krông pa chủ trương phải làm tốt công tác xây dựng Đảng, hướng công tác xây dựng Đảng vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Năm năm trước đây, huyện Krông pa có gần 70% tổ chức cơ sở đảng yếu kém, trong đó có nhiều cơ sở kém nát, có những chi bộ sáu bảy tháng không sinh hoạt hoặc sinh hoạt lỏng lẻo, nội dung không thiết thực, có đảng viên hai ba năm không đóng Đảng phí. Một số cán bộ mắc tệ rượu chè bê tha, quan hệ nam nữ bất chính, mất uy tín trước quần chúng. Một số đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu, bi quan chán nản, xin nghỉ hưu hoặc xin về mất sức, không ít đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng. Tình hình đó đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Huyện ủy đặt vấn đề: phải coi trọng củng cố và xây dựng các tổ chức cơ sở Đảng, nhất là coi trọng giáo dục, rèn luyện nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, gắn chặt việc củng cố, xây dựng Đảng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Huyện ủy đã chỉ đạo chặt chẽ việc rà soát, phân loại các tổ chức cơ sở Đảng, phân loại đảng viên, xác định rõ nguyên nhân yếu kém của từng cơ sở, tìm ra những biện pháp sửa chữa thích hợp. Đối với các cơ sở yếu kém do chưa xác định được phương hướng sản xuất, phát triển kinh tế – xã hội, huyện ủy giúp điều tra, khảo sát và xây dựng phương hướng sản xuất. Đối với các cơ sở yếu kém do đội ngũ cốt cán thiếu và yếu, huyện ủy bổ sung cán bộ, hoặc thay đổi cán bộ. Các cơ sở yếu kém do điều kiện sản xuất có khó khăn được huyện ủy giúp đỡ đầu tư phương tiện cơ sở vật chất kỹ thuật. Huyện ủy chọn một cơ sở có nhiều khó khăn nhất để chỉ đạo làm thử, lấy kinh nghiệm tiếp tục chỉ đạo củng cố xây dựng các cơ sở khác, đồng thời coi trọng công tác tuyên truyền phổ biến những kinh nghiệm hay, những bài học tốt của các cơ sở vững mạnh, trong sạch, giúp các cơ sở tham khảo và học tập.

Để tăng cường sức mạnh của các cơ sở, huyện ủy đã bổ sung 70 cán bộ lãnh đạo và cán bộ chuyên môn kỹ thuật cho 10 cơ sở, cử một số đồng chí trong Ban chấp hành và ban thường vụ huyện ủy xuống trực tiếp làm bí thư chi bộ và đảng bộ cơ sở hoặc theo dõi chỉ đạo các xã trọng điểm hay từng cụm xã. Huyện ủy còn chỉ đạo xây dựng quy chế làm việc và yêu cầu các phòng, ban và cơ sở hoạt động theo quy chế; hết sức coi trọng công tác kiểm tra, kiểm tra trực tiếp và tổ chức kiểm tra chéo giữa các cơ sở với nhau; giúp các phòng, ban, các cơ sở xây dựng chương trình lãnh đạo có kiểm tra từng tháng, từng quý và cả năm. Hằng tháng, huyện ủy tổ chức các buổi hội báo công tác xây dựng Đảng theo từng cụm cơ sở, tạo điều kiện cho các cơ sở hiểu biết lẫn nhau và học tập kinh nghiệm của nhau.

Trong quá trình củng cố, xây dựng các tổ chức cơ sở Đảng, huyện ủy Krông pa hết sức coi trọng việc củng cố các chi bộ và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các chi bộ, nhất là các chi bộ trực tiếp lãnh đạo đội sản xuất hay hợp tác xã nông nghiệp. Huyện ủy mở một số lớp học tại cơ sở và ở huyện để bồi dưỡng kiến thức lý luận, nghiệp vụ lãnh đạo

Digitized by Google

và quản lý kinh tế cho đội ngũ bí thư chi bộ; mặt khác, kiên quyết thay những bí thư chi bộ kém về phẩm chất và năng lực. Huyện ủy chỉ đạo các chi bộ thực hiện phân công đảng viên, yêu cầu mỗi đảng viên đảm nhận một vài công tác tùy theo năng lực và hoàn cảnh của mình, lấy mức độ hoàn thành nhiệm vụ chính trị được phân công làm thước đo phẩm chất và năng lực của đảng viên. Đồng thời thường xuyên kiểm tra việc quản lý đảng viên, chế độ sinh hoạt của các chi bộ; hướng dẫn các chi bộ làm tốt công tác đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, bồi dưỡng người tích cực ngoài Đảng để kết nạp vào Đảng.

Huyện ủy đặc biệt chú trọng công tác phát triển Đảng và xây dựng tổ chức Đảng ở những nơi chưa có đảng viên, bằng cách thông qua các phong trào quần chúng để lựa chọn, bồi dưỡng và kết nạp người tại chỗ vào Đảng hoặc tăng cường đảng viên ở các nơi khác đến. Do có những biện pháp tích cực nêu trên, công tác củng cố xây dựng các tổ chức cơ sở Đảng và nâng cao chất lượng đảng viên ở huyện Krông pa dần dần đi vào nền nếp. Nếu năm 1983 toàn huyện chỉ có 17 tổ chức cơ sở Đảng với 207 đảng viên thì năm 1985 đã có 26 tổ chức cơ sở Đảng với 431 đảng viên. Năm 1983 có 15,6% số tổ chức cơ sở Đảng đạt danh hiệu vững mạnh, trong sạch và khá, đến năm 1985 số tổ chức cơ sở Đảng đạt các danh hiệu này là 88%, không còn cơ sở yếu kém. Năm 1985 có 97,1% số đảng viên đủ tư cách được nhận thẻ đảng viên, tăng gần 25% so với năm 1983. Hiện nay, toàn huyện có 18% số buôn đã có đảng viên.

Ba là, *trên cơ sở phương hướng nhiệm vụ chính trị, tích cực đào tạo, bồi dưỡng và sắp xếp cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt theo quy hoạch.*

Những khó khăn và phức tạp trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế — xã hội, giữ gìn an ninh và củng cố quốc phòng ở Krông pa đòi hỏi phải có một đội ngũ cán bộ tương xứng, dù về số lượng và bảo đảm về chất lượng. Song, trong những năm đầu khi mới thành lập huyện, đội ngũ cán bộ của Krông pa chỉ đáp ứng được một phần yêu cầu của việc thực hiện nhiệm vụ chính trị. Tình trạng phổ biến của huyện là thiếu cán bộ trên các lĩnh vực và các cơ sở, cán bộ yếu về nhiều mặt, nhất là về năng lực lãnh đạo, quản lý và chuyên môn kỹ thuật. Hơn nữa, các hiện tượng tiêu cực như hối lộ, tham ô của công, trù dập quần chúng, kéo bè kéo cánh gây mất đoàn kết nội bộ... lây lan trong đội ngũ cán bộ, làm ảnh hưởng lớn đến công tác phát triển kinh tế, văn hóa — xã hội, giữ vững an ninh và củng cố quốc phòng.

Được sự giúp đỡ của ban tổ chức tỉnh ủy, huyện ủy đã rà soát lại đội ngũ cán bộ, xây dựng quy hoạch và từng bước thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch. Hướng xây dựng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của huyện chủ yếu nhằm vào việc phát triển kinh tế và củng cố các cơ sở. Huyện ủy tích cực sử dụng những cán bộ, đảng viên đến xây dựng quê hương mới; thông qua các phong trào sản xuất, chiến đấu ở các cơ sở, lựa chọn những người xuất sắc đưa đi đào tạo, bồi dưỡng; lập kế hoạch xin tỉnh tăng cường cán bộ cho huyện, nhất là cán bộ chuyên môn kỹ thuật. Dựa trên quy hoạch, huyện ủy cử cán bộ chủ chốt của huyện và của các cơ sở đi học ở các trường Đảng, các trường kinh tế của trung ương và của tỉnh dưới nhiều hình thức: cắt hạn, ngắn hạn, tại chức... Đồng thời, mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý kinh tế cho cán bộ tập đoàn sản xuất và hợp tác xã ngay tại huyện và cơ sở. Mấy năm qua, huyện đã đưa đi đào tạo, bồi dưỡng ở các trường lớp

Digitized by Google

của trung ương và của tỉnh được 32 đồng chí; đào tạo tại chỗ được 200 cán bộ, trong đó có hơn 10% là cán bộ người Za rai. Riêng năm 1985, huyện đã mở lớp đào tạo, bồi dưỡng tại chỗ cho 148 cán bộ tập đoàn sản xuất và hợp tác xã và 50 giáo viên phổ thông cơ sở. Huyện cũng đã xử lý nghiêm khắc hàng chục cán bộ vi phạm kỷ luật, góp phần nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ.

Căn cứ vào yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng kinh tế, củng cố quốc phòng, huyện ủy từng bước đổi mới công tác sắp xếp, bố trí và sử dụng cán bộ, khắc phục dần lối bố trí cán bộ chỉ nặng về thành phần xuất thân, sắp xếp cán bộ không theo yêu cầu của nhiệm vụ. Cố gắng bố trí cán bộ sát với thực tế, đúng với khả năng của cán bộ, ưu tiên cho những ngành kinh tế trọng điểm, những địa bàn quan trọng và những cơ sở yếu kém. Chú ý bố trí xen kẽ hợp lý các lớp cán bộ, các loại cán bộ thuộc các thành phần dân tộc khác nhau. Từng bước sắp xếp lại bộ máy, kiện toàn tổ chức Ủy ban nhân dân từ huyện đến cơ sở; các ban, ngành phụ trách kinh tế và các đoàn thể quần chúng. Riêng các cụm kinh tế—xã hội Lê bắc, Ea siêm, Châu đơn lak và các hợp tác xã trọng điểm Chư đồng, Phú thái, Thắng lợi I, Thắng lợi II... được huyện tăng cường hàng chục cán bộ lãnh đạo và nhiều cán bộ chuyên môn kỹ thuật thuộc các ngành trồng trọt, chăn nuôi, chế biến lâm sản v.v

Huyện ủy cũng đã chú trọng công tác quản lý và giáo dục cán bộ đưa công tác này vào nền nếp. Qua các đợt học tập, huyện ủy giúp cán bộ nắm vững các quan điểm, đường lối của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, năng động, sáng tạo, thực hiện tốt chế độ công tác: chế độ trách nhiệm, chế độ kỷ luật, chế độ bảo vệ của cũng và chế độ phục vụ nhân dân. Đồng thời, lưu ý các ban, ngành, các cơ sở kiểm tra chặt chẽ cán bộ, lắng nghe ý kiến nhân dân phê bình cán bộ, kịp thời phát hiện và ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực trong đội ngũ cán bộ. Huyện ủy thường xuyên kiểm tra đội ngũ cán bộ, soát xét việc thuyên chuyển, đề bạt cán bộ và giữ nghiêm kỷ luật cán bộ.

Do có nhận thức đúng và làm tốt những công việc nêu trên, cho nên thời gian qua đảng bộ Krông pa đã gắn được công tác xây dựng Đảng với việc phát triển kinh tế—xã hội, làm cho công tác xây dựng Đảng thật sự trở thành nhân tố quyết định bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Trên mặt trận kinh tế — xã hội, Krông pa thu được một số kết quả bước đầu đáng khích lệ. Năm 1981, tổng giá trị sản lượng nông — lâm — công nghiệp của huyện đạt 51 triệu đồng, tăng gấp 2 lần năm 1981; giá trị hàng hóa bán cho Nhà nước đạt gần 32 triệu đồng, tăng hơn 7 triệu đồng so với năm trước. So với năm 1983, năm 1984, tổng sản lượng lương thực đạt 12 711 tấn, tăng 3 857 tấn; năng suất lúa bình quân toàn huyện đạt 38 1 tạ/ha, tăng 18,1 tạ/ha. Riêng sản lượng vừng và thuốc lá, năm 1985 vượt từ 220—250%. Năm 1985, đàn trâu bò của huyện là 15 901 con, tăng 3 215 con, đàn lợn là 11 337 con, tăng 7 071 con so với năm 1983. Năm 1985 Krông pa làm nghĩa vụ đối với Nhà nước 1000 tấn thóc tăng 30% so với năm 1983 840 tấn vừng, tăng 289 tấn; 159 tấn thuốc lá, tăng 110 tấn so với năm 1983. Về lâm nghiệp, diện tích rừng trồng mới năm 1984 tăng 400% so với năm 1983; sản lượng gỗ tròn được khai thác năm 1984 vượt 50% so với năm trước.

Tình hình chính trị, xã hội ở Krông pa cũng có nhiều biến đổi. Các hủ tục bị hạn chế, dịch bệnh bị ngăn chặn, trường học, bệnh xá được xây dựng ở hầu hết các xã, pháp luật xã hội

Digitized by Google

chủ nghĩa từng bước được thấm nhuần trong nhân dân. Đặc biệt, nhân dân đã trừng trị dích đáng bọn phản động, từng bước loại trừ bọn FULRO, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Tuy nhiên trên bước đường phấn đấu và trưởng thành, đảng bộ Krông pa cũng còn nhiều thiếu sót, khuyết điểm, nhất là vẫn còn lúng túng trong việc gắn công tác xây dựng Đảng với nhiệm vụ phát triển kinh tế—xã hội. Sự lãnh đạo của huyện ủy chưa toàn diện, chưa tạo được sự phát triển mạnh mẽ và đồngbộ trên các mặt kinh tế, xã hội. Tác dụng của các cơ sở, các ban, ngành còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ chưa được bổ sung, đào tạo, bồi dưỡng theo đúng kế hoạch, đặng đáp ứng kịp thời đòi hỏi của thực tế địa phương...

Dưới ánh sáng các chỉ thị nghị quyết của BCHTƯ Đảng, được sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Gia lai — Kon tum, với khí thế mới sau tự phê bình và phê bình, chuẩn bị tiến hành đại hội Đảng, đảng bộ huyện Krông pa đang lãnh đạo nhân dân khắc phục khó khăn, quyết tâm xây dựng Krông pa thành một huyện giàu mạnh ở dải đất Tây nguyên của Tổ quốc.

VỀ NGUYÊN TẮC...

(Tiếp theo trang 40)

chế hóa thành những quy định cụ thể rõ ràng buộc phải thực hiện. Sau nữa, nếu không có quản lý hành chính thì cũng không thể đôn đốc, giám sát, kiểm tra được việc thực hiện các biện pháp kinh tế và giáo dục được. Biện pháp hành chính cũng phải có căn cứ kinh tế và cũng phải có công tác giáo dục chính trị thì mới có nhận thức đúng đắn và chấp hành một cách tự nguyện, tự giác. Biện pháp hành chính như vậy cũng không chấp nhận lối quản lý quan liêu bao cấp, mệnh lệnh, gò bó. Hành chính đơn thuần sẽ gây ra tính ỷ lại, thiếu tinh thần trách nhiệm, không chú ý đến tiết kiệm, năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế ở các cơ sở.

Tóm lại, ba loại biện pháp quản lý nói trên có mối liên hệ mật thiết với nhau, loại biện pháp này làm tiền đề và thúc đẩy các loại biện pháp kia. Nếu chỉ đơn thuần áp dụng một loại biện pháp này hoặc quá cường điệu một loại biện pháp kia thì không tránh được những lệch lạc trong kinh doanh mà còn gây ra những tác hại nghiêm trọng đến mục tiêu xây dựng và quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Cũng cần chú ý rằng biện pháp kinh tế về cơ bản và lâu dài giữ vị trí số một và có ý nghĩa quyết định. Nhưng trước mắt, tùy nơi, tùy lúc, tùy cơ sở mà biện pháp này hay biện pháp kia nổi lên hàng đầu cần phải được xem xét và vận dụng cho thật đúng.

Digitized by Google

NGUYỄN VĂN MY
Bí thư Huyện ủy Duy tiên

SẢN XUẤT Ở DUY TIÊN VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

THỰC hiện đường lối phát triển kinh tế của Đảng trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, mấy năm qua, đảng bộ và nhân dân huyện Duy tiên (Hà nam ninh) chúng tôi đã có nhiều cố gắng vươn lên thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế

Về sản xuất nông nghiệp, ba năm qua (1983—1985) mặc dù bị thiệt hại do thiên tai trong 3 vụ, nhưng bình quân năng suất lúa của huyện vẫn đạt 59,19 tạ/ha/năm (tăng 8,86 tạ/ha so với mức bình quân 3 năm trước). Tổng sảnlượng lương thực đạt bình quân mỗi năm 40 096tấn. Ngoài việc tự túc lương thực, chúng tôi còn làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước (bình quân 1 năm 7 653 tấn lương thực, 580 tấn thịt, hàng chục nghìn tấn mía cây, đay tơ, kén tằm...); so với 3 năm trước đây, tất cả các mục tiêu về lương thực, thực phẩm, chăn nuôi trâu bò, lợn, gà và diện tích cây công nghiệp đều tăng. Việc bánnông sản cho Nhà nước cũng hoàn thành ở mức cao (lương thực tăng 30%, thực phẩm tăng 12%, cây công nghiệp tăng 10—15%). Hiện nay sản xuất công nghiệp của huyện Duy tiên đã chiếm 21% giá trị tổng sản lượng nông—công nghiệp. Và riêng xuất khẩu đã đạt mức bình quân trên 40 triệu đồng, tăng gấp 4 lần so với mức bình quân 3 năm trước.

Đạt được những kết quả trên đây là do nhiều nguyên nhân. Song rõ nét nhất là mấy nguyên nhân trực tiếp sau đây: Một là, đảng bộ và nhân dân huyện Duy tiên chúng tôi đã quán triệt đường lối phát triển nông nghiệp toàn diện của Đảng, tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật để phát triển sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp (1). Hai là, tập trung đầu tư thâm canh cao cây lương thực, trước hết là cây lúa. Đồng thời mạnh dạn thực hiện chủ trương dành 10—15% đất canh tác để trồng cây công nghiệp, cây xuất khẩu. Do đó tạo được nguồn nguyên liệu tại chỗ để phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, từng bước hình thành cơ cấu kinh tế nông công nghiệp. Ba là, đẩy mạnh công tác xuất khẩu, lấy việc xuất khẩu nông sản và hàng thủ công mỹ nghệ làm mũi nhọn để phát triển kinh tế. Nhờ vậy, huyện có nguồn vốn ngoại tệ được sử dụng khá lớn, tạo khả năng tự cân đối, bổ sung phần thiếu của kế hoạch, có thêm nhiều vật tư nông

(1) Trong 3 năm 1983—1985 xây dựng thêm 12 trạm bơm điện, 1 trạm biến thế 1800 KVA, mua thêm 10 máy kéo lớn,. So với 3 năm trước vốn đầu tư cho thủy lợi tăng 3 lần, tài sản cố định trong khu vực sản xuất tăng 3 lần.

Digitized by Google

nghiệp cần thiết để dự trữ, đáp ứng kịp thời yêu cầu của sản xuất » (2).

Nhìn lại thực tiễn sản xuất trong những năm qua, chúng tôi thấy bên cạnh những kết quả đạt được, còn nhiều khuyết điểm cần khắc phục: sản xuất màu của huyện trong thời gian qua chưa thật vững chắc; cây mía là một cây công nghiệp chính bị giảm cả diện tích và sản lượng; đàn lợn tuy vượt chỉ tiêu sản lượng thịt nhưng chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch đàn con; cơ cấu giống cây, con chậm đổi mới và chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất; cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp hình thành còn chậm, đời sống nhân dân ở một số xã còn gặp khó khăn v.v.

Để đáp ứng được những yêu cầu phát triển kinh tế và ổn định đời sống của nhân dân trong huyện, những năm tới chúng tôi *tiếp tục tập trung sức phát triển nông nghiệp toàn diện, trước mắt là tăng nhanh sản lượng lương thực, thực phẩm và hàng xuất khẩu. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Tiếp tục hoàn chỉnh cơ chế khoán sản phẩm trong nông nghiệp, công nghiệp, không ngừng củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa... từng bước ổn định và nâng cao đời sống của cán bộ, lực lượng vũ trang và nhân dân lao động. Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước và có tích lũy...*

Về sản xuất, chúng tôi phấn đấu đến năm 1988 đạt: năng suất lúa bình quân 65—67 tạ/ha; bình quân đầu người 150—500 kg lương thực, 18 kg thịt lợn, 1 kg gia cầm và 2,5 kg cá; giá trị sản lượng công nghiệp đạt 116,3 triệu đồng (chiếm 30% giá trị tổng sản lượng nông—công nghiệp), giá trị hàng hóa xuất khẩu 93 triệu đồng (tính theo giá chỉ đạo kế hoạch của tỉnh năm 1986).

Để đạt được những mục tiêu trên đây, biện pháp chỉ đạo thực hiện của chúng tôi là, *đối với trồng trọt* sẽ tiếp tục đầu tư mạnh cho thủy lợi nhằm bảo đảm tưới, tiêu chủ động vụ chiêm xuân và tiêu úng cho vụ mùa. Tập trung đầu tư thâm canh, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, giải quyết đồng bộ các khâu giống, phân bón và phòng trừ sâu bệnh... bảo đảm thực hiện chủ trương: huyện, hợp tác xã, đội sản xuất đều có vùng lúa, cánh đồng lúa, thửa ruộng lúa cao sản; dưa vụ đông thành vụ chính... *Đối với chăn nuôi*, tập trung vào việc giải quyết các vấn đề giống, thức ăn và thú y, nhằm tăng nhanh đàn trâu bò cày kéo, phát triển mạnh đàn lợn và gia cầm, đặc biệt tăng nhanh đàn gà công nghiệp, tiến tới ngành chăn nuôi cũng có sản phẩm xuất khẩu như trồng trọt. Về sản xuất *tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp*, hướng chính vẫn là giải quyết vững chắc nguồn nguyên liệu tại chỗ, tổ chức lại sản xuất ở các xí nghiệp, các đội ngành nghề trong hợp tác xã nông nghiệp, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật và đẩy mạnh công tác quản lý, hạch toán kinh tế, khoán sản phẩm ở các cơ sở sản xuất... Biện pháp để đẩy mạnh *công tác xuất khẩu* là duy trì việc dành 10—15% đất canh tác để trồng cây công nghiệp và xuất khẩu. Phấn đấu 100% hợp tác xã có hàng xuất khẩu. Hoàn chỉnh những nội dung hợp đồng kinh tế giữa công ty ngoại thương với các cơ sở sản xuất và có chính sách cụ thể hơn để khuyến khích mọi cơ sở, mọi gia đình đều tham gia làm hàng xuất khẩu...

Chúng tôi nhận thức rằng: những phương hướng, mục tiêu, biện pháp

(2) Từ năm 1983 đến năm 1985, bằng nguồn ngoại tệ thông qua xuất khẩu, huyện đã khai thác ngoài kế hoạch số tư liệu sản xuất, vật tư nông nghiệp như phân bón, thuốc trừ sâu... tăng gấp 2—3 lần so với 3 năm trước, đóng góp nhiều vào việc xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật ở các hợp tác xã trong huyện.

Digitized by Google

đề ra trên đây có thực hiện được không, trước hết phụ thuộc vào sự nỗ lực phấn đấu của đảng bộ và nhân dân Duy tiên là chính. Song sự giúp đỡ có hiệu quả của Nhà nước đối với chúng tôi là rất quan trọng và hết sức cần thiết. Vì vậy chúng tôi kiến nghị một số vấn đề sau đây:

1—Đối với chính sách đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp.

— Từ đồng chiêm trũng đi lên, chúng tôi đã có những bài học kinh nghiệm thực tế để hiểu vị trí, vai trò của thủy lợi đối với sản xuất nông nghiệp trên đồng đất Duy tiên. Mấy chục năm qua chúng tôi đã tập trung công sức làm thủy lợi, nhưng vẫn chưa khắc phục được úng lụt (lượng mưa 200 ly, vụ mùa đã bị mất 30% diện tích, còn mưa đến 300 ly, vụ mùa bị thiệt hại tới 60—70%). Vì vậy để tiêu úng cho vụ mùa ở Duy tiên, đề nghị trung ương cố gắng giải quyết ngay việc đầu tư xây dựng trạm bơm điện Lạc tràng (huyện sẽ đảm nhận phần đào đắp và xin được góp một phần ngoại tệ); đề nghị Nhà nước bán một số xi măng, sắt thép, gỗ, vật tư thiết bị điện cho huyện để chúng tôi xây dựng một trạm biến thế trung gian 3 600 KVA ở xã Tiên hiệp, đồng thời sửa chữa một số công trình thủy lợi đã bị hỏng (vốn, lao động, huyện tự lo).

— Hiện nay, chúng tôi đã có các trạm, đội máy cơ giới phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhưng phần lớn máy móc cũ hoặc bị hỏng. Thời gian qua các cơ sở sản xuất thường phải mua các loại phụ tùng thay thế ở « chợ đen » với giá rất cao, làm cho giá dịch vụ nông nghiệp tăng lên. Vì thế đề nghị Nhà nước chú ý nhập một số phụ tùng thay thế cho các loại máy thường có ở cấp huyện (chủ yếu là máy kéo, máy bơm nước) và phân phối có kế hoạch cho các huyện, tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất sử dụng hết số máy hiện có. Chúng tôi nghĩ rằng trong điều kiện hiện nay, đầu tư cho nông nghiệp như vậy sẽ nhanh chóng mang lại hiệu quả thiết thực cho các địa phương.

— Một vấn đề khác cần được Nhà nước quan tâm là phần lớn các huyện trước đây đã có các trạm trại giống phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhưng hiện nay còn rất ít đơn vị hoạt động và thực tế là chưa đáp ứng yêu cầu của sản xuất. Phải chăng là do khâu sản xuất giống thường không có lãi, bị Nhà nước « xóa bao cấp » quá nhanh hay là do trình độ tổ chức quản lý kém, lại không có sự quan tâm đúng mức của cấp trên cho nên các trạm trại giống huyện không tồn tại? Do vị trí quan trọng của nó, các trạm trại giống huyện được ví như các « nhà máy sản xuất máy cái » trong nông nghiệp, vì vậy đề nghị Nhà nước đầu tư và có chính sách cụ thể tạo điều kiện để các đơn vị sản xuất giống có thể hoạt động bình thường. Theo chúng tôi, đầu tư cho nông nghiệp thời gian tới nên dành một mức độ thích đáng cho công tác giống. Nếu có thực hiện việc « bù lỗ cần thiết » cho các trạm trại giống các cấp hoạt động thì có lẽ cũng là một cách đầu tư có hiệu quả nhanh trong sản xuất nông nghiệp.

2 — Về chính sách giá trong nông nghiệp

Trong thời gian qua, ở cấp huyện chúng tôi thường được nghe nhiều ý kiến thắc mắc của cơ sở sản xuất và nông dân về giá cả trong nông nghiệp, nhất là các loại giá thu mua nông sản. Và, trên thực tế như điều kiện sản xuất ở huyện chúng tôi, giá thu mua thóc, cây công nghiệp được Nhà nước định ra từ trước đến nay đang thấp hơn nhiều so với chi phí sản xuất thực tế

Digitized by Google

mà người nông dân ứng ra. Mặt khác, khi thực hiện hợp đồng kinh tế, vật tư của Nhà nước thường về chậm (chưa nói đến thiếu và chất lượng không bảo đảm), cho nên tập thể hoặc nông dân thường phải tự ứng trước vốn (có khi phải vay ngân hàng và trả lãi) để mua vật tư với giá cao ở thị trường tự do để tiến hành sản xuất, nhưng khi Nhà nước thu mua vẫn chỉ tính theo giá kế hoạch hoặc giá ghi trong hợp đồng ban đầu. Vì vậy, hợp tác xã và nông dân thường phải chịu thiệt về khoản chênh lệch giữa giá thành thực tế với giá thu mua của Nhà nước. Trong điều kiện mất mùa, khoản chênh lệch đó càng lớn và thực tế đã diễn ra là hợp tác xã nào càng bán nhiều nông sản cho Nhà nước, thì quỹ của tập thể càng bị thâm hụt nhiều. Giá thu đổi nông sản ngoài kế hoạch hiện nay cũng chưa hợp lý. Giá nông sản được định ra thường thấp hơn giá thị trường tự do, còn giá hàng công nghiệp thì ít nhất là bằng hoặc cao hơn giá thị trường, tạo ra sự « không bình đẳng » dễ thấy, nông dân khó chấp nhập (1 áo = 30 đến 50 kg thóc hoặc 1,5 tạ thóc = 1 phích nước). Đối với cây công nghiệp (như cây mía, cây dạy, dâu tằm v.v.) ngoài việc định giá thu mua và cung ứng vật tư trở lại chưa hợp lý, việc đầu tư cho sản xuất đối với từng cây công nghiệp nguyên liệu cũng chưa được chu ý thỏa đáng Lấy cây mía ở huyện chúng tôi làm ví dụ. Nó đã không « hấp dẫn » đối với người nông dân vì không mang lại hiệu quả bằng cây khác, nó cũng không « hấp dẫn » cả với cán bộ huyện. Bởi vì, nhiều năm nay không được đầu tư gì thêm mà mỗi năm huyện Duy tiên vẫn phải tự bỏ ra hàng triệu đồng để sửa chữa đường giao thông, nhưng chỉ sau một vụ thu mua mía của Nhà máy đường Vạn điểm, đường sá trong huyện lại hư hỏng như cũ. Như thế, không cứ gì người nông dân mà ngay cả cán bộ lãnh đạo huyện, nếu không vì nhiệm vụ chính trị, thì không ai muốn trồng cây mía để bán cho Nhà nước! Như vậy, rõ ràng vừa qua giá thu mua nông sản không phù hợp với thực tế sản xuất, vì nó chưa kết hợp hài hòa lợi ích kinh tế của Nhà nước, của tập thể và của cá nhân người lao động. Do đó chúng tôi đề nghị Nhà nước xem xét và định lại giá thu mua cũng như có chính sách đầu tư phù hợp đối với từng loại cây trồng, con gia súc hiện nay. Theo chúng tôi, việc định ra các chính sách đó cần xuất phát từ thực tế sản xuất và bảo đảm lợi ích của người sản xuất ở tất cả các khâu của quá trình hình thành sản phẩm. Đối với cây xuất khẩu, do điều kiện sản xuất có nhiều khó khăn, và phần nào còn phụ thuộc vào yêu cầu của thị trường nước ngoài, cho nên, để người lao động yên tâm sản xuất, không bị thiệt hại do các công ty ngoại thương bỏ hợp đồng như đã có trường hợp xảy ra (đối với cây tôi, sen...) chúng tôi đề nghị Nhà nước có chính sách bảo hiểm đối với cây xuất khẩu. Mặt khác, cùng với việc thưởng xuất khẩu cho các đơn vị xã, huyện, tỉnh như hiện nay, đề nghị nên thưởng qua giá thu mua để trực tiếp khuyến khích người sản xuất tích cực làm hàng xuất khẩu.

3 – Về quản lý và phân phối vật tư nông nghiệp.

Trong thời gian qua, trên thị trường nông thôn thường có hiện tượng: vật tư chiến lược của nông nghiệp không được Nhà nước cung cấp theo kế hoạch sản xuất mà thường được đổi hàng nông sản do nhiều ngành, nhiều công ty không có chức năng cung cấp vật tư hoặc thu mua thực hiện. Ngược lại một loại nông sản nào đó của nông dân cũng được nhiều « khách hàng »

Digitized by Google

có vật tư nói trên đến mua. Và thực tế đã diễn ra không những hiện tượng mua đi bán lại, tranh mua tranh bán với giá tùy tiện cả vật tư và nông sản. Vật tư bị buông lỏng quản lý, tự do đi vào nông nghiệp như vậy thường không theo kế hoạch và không đáp ứng yêu cầu sản xuất và càng làm cho tình trạng mất cân đối giữa các vùng tăng lên. Vì vậy đề nghị Nhà nước thống nhất quản lý vật tư (mọi nguồn vật tư khi nhập vào đều được đưa vào cân đối) và nên cung cấp vật tư đã được cân đối đó theo kế hoạch sản xuất của từng huyện, từng đơn vị sản xuất. Theo chúng tôi, vật tư đó cần được ứng trước hoặc về sớm theo yêu cầu của thời vụ sản xuất từng loại cây trồng.

— Trong mấy năm trước mắt, có thể vẫn sử dụng 2 hệ thống giá (giá trong kế hoạch và giá ngoài kế hoạch). Nhưng khi trao đổi hàng hóa, không nên chỉ dùng hình thức vật đổi vật mà nên quy đổi về giá trị để dễ tính toán. Đối với nông sản xuất khẩu, đề nghị Nhà nước quản lý thống nhất giá thu mua đối với từng loại sản phẩm (có tính đến sự chênh lệch giữa các vùng). Theo chúng tôi, độcquyền ngoại thương không có nghĩa là Nhà nước chỉ quản lý thống nhất việc xuất nhập khẩu hàng hóa mà còn quản lý thống nhất cả giá thu mua trong nước các loại sản phẩm để xuất khẩu và giá bán các loại hàng nhập khẩu một cách hợp lý. Có như vậy mới góp phần tích cực vào việc ổn định thị trường, giá cả, lập lại trật tự trong phân phối lưu thông, bảo đảm sản xuất và trao đổi hàng hóa bình thường theo đúng quy luật trong quá trình sản xuất và tái sản xuất.

Digitized by Google

LƯƠNG NGỌC CỪ
Bí thư Huyện ủy Gia lâm

BƯỚC ĐI LÊN CỦA MỘT HUYỆN NGOẠI THÀNH

GIA LÂM là một huyện ngoại thành nằm ở phía Đông thành phố Hà nội, có diện tích tự nhiên 175 km², diện tích canh tác 8 600 ha, có 11 400 lao động nông nghiệp, 5 656 lao động ngành nghề. Là vành đai thực phẩm của thành phố, huyện chúng tôi xác định phương hướng sản xuất chủ yếu là thực phẩm, cây xuất khẩu... Mấy năm qua, mặc dù nền kinh tế đất nước có nhiều khó khăn, thiên tai liên tiếp xảy ra, nhưng được sự lãnh đạo trực tiếp của Thành ủy, đảng bộ và nhân dân huyện chúng tôi đã tập trung sức phấn đấu đạt được những thắng lợi quan trọng.

Về sản xuất nông nghiệp, huyện chúng tôi có một số tiến bộ: năm 1985 năng suất lúa đạt 6,9 tấn/ha, tăng 11,9% so với năm 1982, năng suất ngô đạt 2,8 tấn/ha, tăng 13% so với năm 1982; rau quả xuất khẩu đạt 4500 tấn, tăng 3000 tấn so với năm 1982, đậu tương đạt 157 tấn, tăng 58 tấn so với năm 1982, lạc đạt 502 tấn, tăng 351 tấn so với năm 1982. Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp của huyện từ 230 triệu đồng năm 1983 tăng lên 275 triệu đồng năm 1985, tăng bình quân hằng năm 5,6%. Trong đó, giá trị hàng hóa thực hiện năm 1985 đạt 215 triệu đồng, tăng 7,9% so với năm 1982, chiếm tỷ trọng 53% trong giá trị sản lượng nông — công nghiệp của huyện.

Những năm qua, tuy có nhiều khó khăn, chúng tôi đã phấn đấu đưa ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp huyện tiến lên đạt tỷ trọng 37% trong giá trị tổng sản lượng nông — công nghiệp của huyện và đã thu hút 1000 lao động phi nông nghiệp, trên 7 000 lao động ngành nghề chưa có việc làm, và đào tạo trên 2 000 lao động kỹ thuật cho nông nghiệp.

Năm 1985 giá trị xuất khẩu của huyện đạt 13,5 triệu đồng, tăng 13,6 lần so với năm 1983. Trên cơ sở xuất khẩu huyện đã nhập các loại vật tư: phân đạm, thuốc trừ sâu, xe vận tải, khung kho... để phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

Đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân trong huyện, tuy còn nhiều khó khăn, nhưng ổn định và từng bước được cải thiện. Bình quân lương thực đầu người từ 273 kg năm 1982 tăng lên 287 kg năm 1985, 90,1% hộ nông dân có nhà gạch lợp ngói. Về công tác văn hóa thông tin, thể dục thể thao, huyện vươn lên thành đơn vị tiên tiến của thành phố.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, huyện chúng tôi còn có một số khuyết điểm, những khuyết điểm này đang cản trở sự phát triển sản xuất và ảnh hưởng đến đời sống nhân dân trong huyện. Thực hiện chỉ thị 79 của Ban bí thư Trung ương về đợt tự phê bình và phê bình trong Đảng, huyện ủy chúng tôi đã nhìn thẳng vào sự thật, nêu ra những khuyết điểm để tìm cách khắc phục và tháo gỡ những khó khăn.

Digitized by Google

Sản xuất nông nghiệp của huyện chúng tôi phát triển chưa vững chắc, chưa ổn định, năng suất thấp, chưa tương xứng với tiềm năng đất đai và lao động. Ba mục tiêu cơ bản mà Đại hội thứ 13 của đảng bộ huyện đề ra, chúng tôi đều không đạt (năng suất lúa đạt 86,5%, lao động đạt 50%, đàu lợn đạt 70% so với kế hoạch đề ra). Sản xuất rau giảm dần cả về diện tích, năng suất và sản lượng: nguyên nhân cơ bản là do chính sách giá cả không hợp lý, tiêu thụ không ổn định. Việc đầu tư vốn để cải tạo thủy lợi và giống cây trồng trong huyện chưa được chú ý đúng mức, tình trạng úng và hạn ở khu vực Bắc sông Đuống kéo dài, chưa có biện pháp khắc phục. Trong khi đó, chúng tôi lại tập trung vốn xây dựng những công trình khác chưa thật cần thiết. Về giống cây trồng, huyện chúng tôi chưa tìm ra được bộ giống phù hợp với đồng đất của mình, còn nhập 60% giống lúa NN8, 100% giống ngô. Về chăn nuôi, huyện chúng tôi đã buông lỏng khâu quản lý giống cho nên đàn lợn nái giảm nghiêm trọng. Trong chỉ đạo thâm canh, chúng tôi chưa có những biện pháp kiên quyết tập trung dứt điểm và đồng bộ, do đó đã dẫn đến tình trạng đầu tư vốn tăng nhưng hiệu quả kinh tế thấp.

Trong lĩnh vực tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, huyện chúng tôi chưa có sự quan tâm chỉ đạo đúng mức. Vốn đầu tư để phát triển tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp còn thấp và dàn đều, chưa có chính sách khuyến khích thích đáng nghề thủ công truyền thống và xuất khẩu. Về lĩnh vực phân phối lưu thông, huyện chúng tôi cũng có một số khuyết điểm, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa trên địa bàn huyện tuy nắm 65% mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, nhưng vẫn chưa làm chủ được thị trường, còn để thị trường "tự do" lan át thị trường có tổ chức, chưa quản lý được hàng từ bên ngoài đưa vào địa bàn huyện, còn để cho hàng của thương nghiệp quốc doanh tuồn ra ngoài, thông qua móc ngoặc giữa tư thương với nhân viên bán hàng.

Những yếu kém trên đây của huyện chúng tôi do nhiều nguyên nhân, có phần do khó khăn khách quan về thời tiết, do hậu quả của cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp nhưng nguyên nhân chính vẫn là do chúng tôi thiếu năng động, nhạy bén đổi mới cách nghĩ, cách làm và chưa có những biện pháp kiên quyết, tích cực trong việc tổ chức thực hiện.

Để đáp ứng được những yêu cầu phát triển kinh tế và ổn định đời sống nhân dân trong huyện và góp phần thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế—xã hội mà Đại hội toàn quốc thứ VI của Đảng sẽ đề ra, phương hướng phấn đấu của huyện Gia Lâm trong những năm trước mắt là xây dựng huyện có cơ cấu kinh tế nông—công nghiệp và tiến tới trở thành huyện công—nông nghiệp và xuất khẩu.

— Về sản xuất nông nghiệp, những năm 1986 — 1990, huyện chúng tôi sẽ phấn đấu ổn định diện tích lúa 10 000 ha, đưa diện tích ngô từ 2 600 ha năm 1986 lên 3000 ha năm 1990, trong đó diện tích ngô đông từ 874 ha lên 1 600 ha năm 1990, đến năm 1990 trồng từ 1 150 ha đến 1 750 ha rau, từ 200 ha đến 500 ha khoai tây. Cố gắng đưa năng suất lúa từ 7 tấn/ha năm 1986 lên 9—10 tấn/ha năm 1990; năng suất ngô từ 2,2 tấn/ha năm 1986 lên 3,5 — 4 tấn/ha năm 1990; năng suất rau từ 15,2 tấn/ha năm 1985 lên 21 tấn/ha năm 1990. Về chăn nuôi, huyện chúng tôi phát triển đàn lợn từ 38 nghìn con năm 1986 lên 18 nghìn con năm 1990; năm 1990, đàn trâu, bò đạt 9 600 con, đàn gia cầm từ 300 nghìn đến 400 nghìn con.

— Về sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, huyện chúng tôi chú trọng phát triển các ngành chế biến lương thực, thực phẩm, nông sản rau

Digitized by Google

quả, thức ăn gia súc, dược liệu..., đặc biệt chú ý tăng cường đổi mới trang thiết bị và tăng cường thợ kỹ thuật cho ngành cơ khí. Trong những năm tới, huyện chúng tôi phấn đấu làm ra từ 15 đến 17 triệu sản phẩm sứ các loại, tăng giá trị tổng sản lượng từ 60 triệu đồng năm 1986 lên 87 triệu đồng năm 1990 (trong đó có giá trị xuất khẩu từ 5 đến 15 triệu đồng). Ngành công nghiệp, thủ công nghiệp của huyện phấn đấu đến năm 1988 đạt tỷ trọng 42,2% và năm 1990 đạt 48% giá trị tổng sản lượng nông — công nghiệp toàn huyện.

— Cơ cấu kinh tế của huyện chúng tôi sẽ thay đổi như sau (so sánh năm 1986 với năm 1990): giá trị sản lượng nông — công nghiệp từ 536 triệu đồng sẽ tăng lên 823 triệu đồng (bình quân tăng hằng năm 16,1%), trong đó giá trị sản lượng nông nghiệp từ 313 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 58,2% sẽ tăng lên 432 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 62%; giá trị sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp từ 221,8 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 39,6%, sẽ tăng lên 394 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 48%; giá trị hàng nông sản, thủ công mỹ nghệ xuất khẩu từ 3 729 rúp—đô la, sẽ tăng lên 5 298 rúp — đô la. Số lượng lương thực đưa vào cân đối từ 40 105 tấn, sẽ tăng lên 55 — 60 nghìn tấn. Đạt được các chỉ tiêu này, đến năm 1990 huyện chúng tôi sẽ bảo đảm ổn định mức bình quân một khẩu nông nghiệp là 216kg lương thực, 120—130kg rau xanh, 10—15 kg quả, 10 — 12kg thịt, hoặc cá, 2,5 — 3 mét vải; tăng thêm nhiều nhà ở xây gạch lợp ngói.

Để thực hiện được những mục tiêu kinh tế xã hội trên đây, cần có những biện pháp sau:

1 — Tổ chức lại sản xuất:

Trong nông nghiệp, cần khai thác triệt để tiềm năng đất đai, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có trên địa bàn huyện, dựa trên cơ sở quy hoạch đã được xây dựng mà xác định vùng sản xuất, bố trí cơ cấu cây trồng cho thích hợp ở 4 vùng trọng điểm: vùng lúa, vùng rau màu, vùng cây công nghiệp và cây đặc sản, vùng trồng hoa quả, thực phẩm; mỗi vùng sản xuất công nghiệp của huyện đều gắn với ngành nghề thủ công: thêu, thảm, sứ, gốm, chế biến nông sản. Trong các hợp tác xã nông nghiệp và các thị trấn sẽ phát triển mạnh ngành nghề để mỗi người có việc làm và tận dụng mọi nguồn nguyên liệu và phụ phẩm của nông nghiệp.

Về lĩnh vực tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, chúng tôi thực hiện phương châm phát triển thủ công tinh xảo, gắn với tiểu công nghiệp hiện đại. Những năm tới, chúng tôi sẽ phát triển và mở rộng mặt hàng truyền thống, các hợp tác xã ngành nghề, các tổ sản xuất chuyên nghiệp, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi phát triển thủ công gia đình; sắp xếp lại sản xuất ngành sứ gốm để có nhiều sản phẩm phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu.

Về hoạt động xuất nhập khẩu, huyện chúng tôi phân công những cán bộ nhân viên am hiểu về nghiệp vụ chuyên môn kỹ thuật, bám sát sản xuất, tổ chức hướng dẫn người lao động làm hàng xuất khẩu, bảo đảm năng suất và chất lượng tốt hơn, phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng trong nước cũng như ngoài nước. Từ việc đẩy mạnh xuất khẩu, chúng tôi nhập khẩu những vật tư nguyên liệu cần thiết phục vụ trực tiếp cho thâm canh nông nghiệp, cho sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

Về phát triển kinh tế gia đình, huyện chúng tôi lấy mô hình Đa tồn để nhân ra toàn huyện theo bộ VAC hoặc VA, VC và các hình thức khác cho phù hợp với mỗi gia đình. Vấn đề đặt ra là làm thế nào cho mỗi gia đình sản xuất được nhiều rau quả thực phẩm để, ngoài phần dành cho tiêu dùng cá nhân, còn cung cấp cho thành phố.

Digitized by Google

2 — Ứng dụng rộng rãi những thành tựu khoa học kỹ thuật.

Việc ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật là khâu quan trọng nhằm phát triển sản xuất toàn diện trên địa bàn huyện. Sự phát triển nhanh chóng và vượt bậc của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trên thế giới và trong nước đòi hỏi chúng tôi phải thật sự nhạy bén và đưa nhanh những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào phục vụ sản xuất và đời sống, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế trên địa bàn huyện.

Trong nông nghiệp, chúng tôi xác định rõ cơ cấu cây trồng cho từng vùng, từng vụ và có những bộ giống thuần chủng thích hợp với từng chất đất. Để thực hiện thâm canh tăng vụ, đạt năng suất cao, huyện ủy chúng tôi chỉ đạo từng hợp tác xã lấy giống lúa chủ lực là NN8, CR 03 thuần chủng, giống cấp 1—2 — các giống này chiếm tỷ lệ 95% trong cơ cấu giống trong huyện ; 100% giống ngô lai VN1, SB19, TSB2 ; 80—90% giống lạc Trạm xuyên ; 100% giống đậu tương AK02, V74 và tùy theo tình hình cụ thể từng vụ, từng vùng để bố trí tỷ lệ các loại giống mới thích hợp nhằm bảo đảm tính nghiêm ngặt của thời vụ.

Cùng với việc xác định cơ cấu giống cây trồng, huyện chúng tôi có chính sách thỏa đáng nhằm khuyến khích hợp tác xã và gia đình xã viên phát triển chăn nuôi gia súc. Đối với lợn nái, chúng tôi đầu tư kỹ thuật, lai tạo, bình tuyển để 3—4 năm tới có thể tạo ra đàn lợn tốt và ổn định. Mặt khác, chúng tôi chú trọng lai tạo đàn bò vừa bảo đảm sức kéo, vừa lấy thịt và tiến tới lấy sữa. Đi đôi với việc tạo ra giống mới có năng suất cao, chúng tôi đã đề ra các biện pháp cụ thể nhằm xử lý nghiêm ngặt những đơn vị, địa phương bảo thủ trì trệ, tùy tiện trong việc dùng và xử lý, bảo quản giống cây, giống con gia súc

Trong những năm tới, huyện chúng tôi phấn đấu cơ giới hóa khâu làm đất từ 70—80% đối với cây lúa, 100% đối với cây ngô xuân và từng bước cơ giới hóa khâu gieo hạt. Về thủy lợi, huyện chúng tôi đầu tư vốn, lao động, kỹ thuật để xây dựng trạm bơm tiêu Dương hà ; sử dụng triệt để công suất tưới tiêu của các công trình hiện có, khoanh vùng nhỏ chống úng cục bộ, cải tạo mương tiêu tự chảy, thường xuyên tu bổ kênh máng, nhất là các hệ thống cống và mương cấp III ; hoàn chỉnh quy hoạch tưới gọn từng vùng, từng xã, củng cố, nâng cao chất lượng các công trình thủy lợi vùng bãi, chú ý khoanh vùng tưới tiêu theo khoa học ở vùng bãi.

Huyện chúng tôi đã xây dựng kế hoạch đầu tư phân bón theo yêu cầu thâm canh cho mỗi loại cây trồng, bảo đảm mức bón từ 15 đến 20 kg đạm urê, từ 3 đến 3,5 tấn phân chuồng, 30 kg lân cho một tấn sản phẩm cây lúa ; bón 2 — 2,5 kg đạm, 30 kg lân, 5—7 kg ka li cho một tấn sản phẩm cây ngô, đồng thời báo đảm phân bón cho một số cây trồng khác.

Từ những yêu cầu trên, ngoài số phân bón do Nhà nước cung cấp, huyện chúng tôi chủ động nhập thêm từ 2 500 đến 4 000 tấn phân đạm, lân, ka li và thuốc trừ sâu, và để có được lượng phân hữu cơ từ 170 nghìn đến 220 nghìn tấn, chúng tôi phát động phong trào toàn dân làm phân xanh và có chính sách khuyến khích phát triển cây phân xanh, chủ yếu là bèo dâu, tận dụng thân cây lạc, cây đậu tương, cây điền thanh, tổ chức lao động lấy bùn ao, lấy nước phù sa để bón ruộng.

3 — Củng cố quan hệ sản xuất.

Muốn giữ vững được quy mô hợp tác xã và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, huyện chúng tôi chủ trương cùng với xã sớm tổng kết rút kinh nghiệm việc thực hiện chỉ thị 100 nhằm rút ra những mặt mạnh để phát

Digitized by Google

huy, những mặt kém để khắc phục. Trước mắt, nhiệm vụ củng cố quan hệ sản xuất trên địa bàn huyện chúng tôi đòi hỏi phải tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, xác định vùng sản xuất và bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý, thực hiện phân công lại lao động trong hợp tác xã, tổ chức phát triển ngành nghề, củng cố và nâng cao chất lượng các đội chuyên.

Hợp tác xã phải nắm khâu giống, làm đất, thủy lợi, bảo vệ thực vật và ký kết hợp đồng với các công ty dịch vụ của huyện, gắn hoạt động của các công ty dịch vụ huyện và của các đội chuyên với kết quả cuối cùng của sản xuất. Lấy đội sản xuất làm đơn vị thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và hạch toán, chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện ba nội dung năng độ đồng đều và năm nhiệm vụ của đội sản xuất. Phải xem xét đánh giá một cách khoa học, toàn diện kinh nghiệm của các hợp tác xã tiên tiến, xác định vị trí của đội sản xuất là đơn vị khoán sản phẩm, bảo đảm hợp đồng, giao phân bón, thuốc trừ sâu... đúng số lượng và thời hạn cho đội sản xuất để họ nắm và chủ động đưa cho từng gia đình xã viên ngay từ đầu vụ.

Trong lĩnh vực phân phối lưu thông, cần chú ý phát triển và củng cố thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán. Hướng hoạt động của thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán vào việc phục vụ sản xuất nhất là sản xuất nông nghiệp và phục vụ đời sống, và phải vươn lên nắm huyệt đòi bộ phận bán buôn, phần lớn các loại hàng tiêu dùng và dịch vụ quan trọng.

4—Củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ, cơ sở Đảng.

Xuất phát từ yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và bảo đảm nhiệm vụ kinh tế—xã hội trong huyện, chúng tôi đang từng bước sắp xếp lại bộ máy tổ chức, bố trí lại cán bộ. Để tăng cường chất lượng đội ngũ cán bộ cho trước mắt và lâu dài, huyện chúng tôi đã tiến hành bước đầu quy hoạch cán bộ từ các cơ quan lãnh đạo của Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, đến đội ngũ cán bộ quản lý, từ đội sản xuất trở lên. Trong công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, chúng tôi chú ý đến từng loại đối tượng, theo chức danh; đặc biệt chú ý đào tạo cán bộ có trình độ đại học cho khu vực kinh tế tập thể; nâng cao kiến thức quản lý kinh tế, quản lý xã hội cho cán bộ chủ chốt của xã và hợp tác xã, cán bộ lãnh đạo và quản lý công ty, xí nghiệp; coi trọng đào tạo tại các trường, lớp và rèn luyện qua thực tế công tác nhằm phát huy tốt nhất năng lực của từng loại cán bộ.

Chúng tôi chú trọng xây dựng các tập thể lãnh đạo vững mạnh ở các cấp Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng trong huyện. Hơn ai hết, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt phải nắm chắc nội dung công tác của mình, phải có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, thật sự coi tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng.

Digitized by Google

TRẦN QUANG THẠCH

TỪ MẢNH ĐẤT ĐỊA ĐẦU TỔ QUỐC, HẢI XUÂN VỮNG BƯỚC ĐI LÊN

HỢP tác xã mua bán Hải xuân, huyện Hải ninh, tỉnh Quảng ninh (nằm sát biên giới Việt – Trung) được thành lập từ năm 1979 trên địa bàn của 4 xã hợp nhất Xuân hòa, Xuân hải, Xuân ninh, Vạn xuân và thị trấn Móng cái. Từ 17-2-1979, Hải xuân, mảnh đất nóng bỏng nơi địa đầu của Tổ quốc, đã đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền. Tuy trải qua khó khăn gian khổ, nhưng HTX mua bán Hải xuân luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ vừa phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, vừa phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, trở thành một điển hình tốt của ngành nội thương, được Nhà nước tặng danh hiệu Đơn vị anh hùng lao động.

★

1 – Tổ chức tốt nguồn hàng phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân, góp phần giữ gìn an ninh, bảo vệ biên giới của Tổ quốc

Trong hoàn cảnh vừa có hòa bình, vừa có chiến tranh, HTX mua bán Hải xuân, ngoài việc làm đại lý cho thương nghiệp quốc doanh, còn khai thác nguồn hàng tại địa phương để đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. HTX mua bán xác định rõ mục tiêu hoạt động kinh doanh của mình là phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân, lấy hiệu quả kinh tế đạt được góp phần xây dựng nông thôn mới. Lâu nay nông dân ở đây rất thiếu nông cụ; từ ngày bọn bành trướng và bá quyền Trung quốc gây chiến tranh lấn chiếm biên giới và phá hoại nhiều mặt đối với nước ta, nông cụ lại càng thiếu.

Để giải quyết tình hình này, ngành thương nghiệp tỉnh đã đưa hàng từ Tiên yên, Hoành bồ, Hòng gai lên để phục vụ. Số lượng nông cụ đưa về HTX mua bán tuy nhiều, nhưng không phù hợp với tập quán sản xuất ở địa phương, hàng bị ứ đọng, người nông dân vẫn phải mua đắt ở thị trường tự do. Một số thợ rèn chuyển nghề khác kiếm lời hơn cho nên tình trạng thiếu nông cụ càng trở nên nghiêm trọng.

Trước tình hình đó, HTX mua bán Hải xuân đã chủ động bàn với HTX nông nghiệp thành lập tổ cơ khí nông cụ tại xã. HTX cử người đi tìm thợ có kỹ thuật giỏi và đi thu mua phế liệu như: đồng, nhôm, sắt vụn. Từ đó hàng loạt sản phẩm phù hợp với nhu cầu và tập quán sản xuất, tiêu dùng ở địa phương đã ra lò. Mặt khác, HTX mua bán còn tổ chức những người thợ giỏi hướng dẫn, bồi dưỡng tay nghề cho thanh niên. Tổ cơ khí đã phát huy tính năng động sáng tạo của mình, sản xuất được từ 2500 đến 3000 sản phẩm/năm. Những sản phẩm này,

Digitized by Google

ngoài phần cung cấp cho HTX nông nghiệp, còn được bán cho một số xã bạn. Những việc làm thiết thực này của HTX mua bán đã góp phần làm cho Hải xuân, chẳng những tự túc được lương thực mà còn bán vượt mức nghĩa vụ cho Nhà nước. Năng suất lúa ở Hải xuân đạt trên 5 tấn/ha. Ở một xã vùng núi biên giới mà đạt được thành tích như vậy là một cố gắng lớn. Thực tế ở nhiều nơi, cũng với điều kiện tự nhiên như thế, lại không phải đương đầu với kẻ thù thường xuyên đánh phá, nhưng năng suất lúa thấp hơn.

Để có đủ thịt lợn phục vụ đời sống của nhân dân trong xã và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, HTX mua bán đã góp phần phát triển đàn lợn gia đình xã viên. HTX mua bán đã bàn với HTX nông nghiệp giao số thóc mà HTX nông nghiệp định đầu tư cho nuôi lợn nái để HTX mua bán thống nhất quản lý và phân phối. Với số thóc này, HTX mua bán chia cho những hộ xã viên có kinh nghiệm nuôi lợn nái sử dụng để rồi hàng năm giao lại cho HTX từ 1500 đến 2000 con lợn giống. Từ con lợn giống, HTX mua bán điều hòa cho xã viên chăn nuôi lợn thịt. Mỗi năm Hải xuân có từ 1800 đến 2000 con lợn xuất chuồng, mỗi con trọng lượng trung bình 85 kg. Với giá cả thu mua hợp lý, hằng năm HTX mua bán mua được 85% số lợn xuất chuồng của xã viên. Việc làm này của HTX mua bán làm lợi cho Nhà nước mỗi năm hàng chục tấn thịt lợn, bởi vì xét về mặt hiệu quả kinh tế, nếu HTX vận chuyển lợn hơi từ Thái bình, Hải hưng ra tới đây, thường hao hụt từ 15% đến 20%, chưa kể tiền xăng, tiền thuê xe. Ở Hải xuân, mỗi năm HTX mua bán giao tại chỗ cho Nhà nước hơn 70 tấn lợn hơi.

Điều có ý nghĩa quan trọng hơn là hợp tác xã mua bán đã chủ động nắm được nguồn thực phẩm để phục vụ kịp thời trên vùng đất nóng bỏng này, góp phần giảm bớt tình trạng căng thẳng về quan hệ giữa cung và cầu ở đây, mặt khác khắc phục được tình trạng mất cân đối giữa các vùng. Ở Hải xuân ai cũng biết trồng rau, hành, tỏi, bí, bầu ngay trên đất phần trăm của họ. Theo tập quán, họ trồng chỉ để ăn chứ không bán. Trong khi đó, lực lượng vũ trang trên địa bàn Hải xuân lại thiếu rau ăn. Từ nhu cầu tiêu dùng đó, HTX mua bán vận động bà con xã viên sản xuất nhiều rau bán cho HTX. HTX mua bán chủ động lo hạt giống, cây giống như su hào, bắp cải, rau muống cho bà con xã viên. Trong quan hệ mua, bán, HTX mua bán rất sòng phẳng cho nên đã thu hút được nhiều xã viên đến bán hàng. Từ một điểm mua, bán hàng, HTX mua bán đã mở thành nhiều điểm; HTX còn lập một tổ lưu động đến tận vườn tận bến để mua bán cho thuận tiện. Mỗi năm, HTX mua bán mua được 100 tấn rau xanh, 50 tấn hải sản để phục vụ cho lực lượng vũ trang và nhân dân trong xã. Ở Hải xuân nhu cầu về rau xanh rất lớn, nếu HTX mua bán không đứng ra phối hợp với HTX nông nghiệp tổ chức phát triển sản xuất và thu mua tại chỗ thì khó mà đáp ứng được nhu cầu. Trong hướng phát triển lâu dài, HTX mua bán đã tính đến những cây ăn quả như táo, đào, để bà con xã viên trồng trên đất 5%. Những năm qua, Hải xuân đã trồng ớt để xuất khẩu, mặt hàng này đã đem lại hiệu quả kinh tế khá.

Trong các mặt hàng tiêu dùng hàng ngày ở Hải xuân, hàng nan cũng là mặt hàng không thể thiếu được của nhân dân lao động, nhất là trong những năm qua, mặt hàng này lại thiếu nhiều trên thị trường nông thôn. HTX mua bán đã tổ chức lao động nhàn rỗi trong nông nghiệp, những người già yếu thành những tổ gia công đồ nan như: đan cót, gàu tát nước, thúng, rổ, rá, bện thừng, chão... bằng nguyên liệu có sẵn ở địa phương. Nhờ đó, hằng năm HTX mua bán có được hàng nghìn

Digitized by Google

sản phẩm phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng của gia đình xã viên.

Nhờ tổ chức tốt việc nắm nguồn hàng, khai thác nguồn hàng mà ở Hải xuân ngày nay không còn bóng tư thương hoạt động trên thị trường, giá cả thị trường không biến động lớn. Bọn bành trướng không đưa được hàng tâm lý chiến vào nội địa ta, không lập được chợ đường biên. HTX mua bán Hải xuân đã góp phần chống lại có hiệu quả cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch.

II--Tổ chức kinh doanh phục vụ sát hợp với tình hình thời chiến.

Là một đơn vị kinh doanh thương nghiệp nằm sát ngay đường biên giới, HTX mua bán Hải xuân xác định rõ nhiệm vụ: « vừa phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân; vừa phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu ». Từ nhiệm vụ này, mọi hoạt động kinh doanh của HTX đều sắp xếp theo phương án rất linh hoạt trong từng thời điểm khác nhau. Trên địa bàn xã có 5 cụm dân cư, HTX mua bán bố trí 5 điểm vừa thu mua hàng, vừa bán hàng và có tổ bán hàng lưu động. Phân bố như vậy là để tạo điều kiện cho nhân dân mua bán thuận tiện. Dù địch có đánh phá, cửa hàng vẫn bám sát dân, phục vụ nhân dân chu đáo. Từ 3 cửa hàng còn lại, HTX mua bán đã tự thiết kế và xây dựng thêm 2 cửa hàng mới với sự đóng góp công sức và nguyên, vật liệu của bà con xã viên. Cạnh mỗi cửa hàng, HTX đều cho đào hầm trú ẩn để tránh pháo địch bắn sang. Trong mỗi điểm bán hàng, HTX mua bán dự trữ khối lượng hàng hóa đủ bán từ 7 đến 10 ngày, được bao gói gọn gàng, bán đến đâu mở đến đó, khi cần có thể di chuyển dễ dàng.

Trong những ngày địch bao vây gắt gao, thấy một chiếc xe cơ giới trên đường, chúng cũng bắn pháo, anh chị em nhân viên cửa hàng đã dùng xe thồ, xe cải tiến chở từng chuyến hàng từ huyện về xã, phân công nhau đưa xuống các cửa hàng để phục vụ. Từ sáng sớm đến khuya, ai cần mua gì HTX cũng bán, ai cần bán gì, HTX cũng mua. Chính vì vậy mà người dân Hải xuân không lúc nào thiếu những mặt hàng thiết yếu trong cuộc sống hằng ngày, dẫu cho chiến tranh có ác liệt, họ vẫn yên tâm sản xuất và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương.

Khi có lệnh sơ tán nhân dân, HTX mua bán lại nhanh chóng đóng gói vận chuyển hàng hóa vào sâu trong nội địa hàng chục kí lô mét để phục vụ nhân dân tại điểm sơ tán. Nhiều bà con còn băn khoăn lo lắng sợ kẻ địch tràn sang sẽ cướp mất những đàn gà, đàn lợn đến lứa xuất chuồng mà chưa bán được. HTX mua bán cùng với các đoàn thể quần chúng vừa vận động bà con đi sơ tán, vừa tổ chức thu mua những thứ họ cần bán để mọi người yên tâm sơ tán. Có lần ở Hải xuân có lệnh báo động khẩn cấp phải sơ tán ngay trong một đêm. Ngay đêm đó, HTX mua bán đã khẩn trương thu mua lợn cho xã viên; đối với những hộ neo đơn, HTX cử người đến tận nhà để mua, còn đối với những gia đình có điều kiện thì HTX báo cho họ đem đến cửa hàng để bán. Mặt khác, HTX mua bán cử người xuống 5 cụm dân cư cân lợn, ghi hóa đơn, hẹn sau đó sẽ trả tiền (+). Trong đêm sơ tán đó, HTX mua bán thu mua được 20 tấn thịt lợn. Việc làm này thể hiện rõ tính năng động, tinh thần trách nhiệm, tình cảm gắn bó của cán bộ, nhân viên HTX mua bán đối với nhân dân. Cũng có khi HTX mua bán mới nhận hàng (muối) về lại có lệnh sơ tán ngay, HTX đã phân chia hàng cho các đội sản xuất để họ chia nhau, chỉ sau 4 tiếng đồng hồ, 10 tấn muối của HTX đã về các hộ xã viên, bà con có đủ muối dự trữ để đi sơ tán.

Mỗi cán bộ, nhân viên HTX mua bán Hải xuân đều xác định rõ nhiệm vụ

(★) Chỉ sau 1 tuần HTX đã trả đủ tiền cho xã viên.

Digitized by Google

bám dân, bám bộ đội để phục vụ, địch bắn pháo thì xuống hầm trú ẩn, địch lấn chiếm thì trực tiếp chiến đấu bảo vệ hàng hóa cho tập thể và bảo vệ mình. Mỗi người đều được HTX trang bị súng đạn để sẵn sàng chiến đấu. Từ anh bộ đội trên chốt tiền tiêu đến anh pháo thủ ở các trận địa Hải xuân, ai cũng nhận được bao thuốc, bao diêm, gói kẹo của các cô nhân viên HTX mang đến phục vụ. Có thể nói tinh thần phục vụ của cán bộ, nhân viên HTX mua bán Hải xuân đã góp phần làm nên chiến thắng của quân và dân trên mảnh đất này

HTX mua bán Hải xuân là một đơn vị kinh tế cơ sở được xây dựng lại với vốn liếng, tài sản hầu như không có gì. Những năm bắt đầu xây dựng lại, nhiều người không tin là có thể khôi phục được. Nhưng sau đó, với quyết tâm cao của đảng bộ và chính quyền địa phương, với nhiệt tình đóng góp của nhân dân trong xã, HTX mua bán Hải xuân đã nhanh chóng vươn lên hoạt động có hiệu quả, đạt nhiều thành tích xuất sắc, phục vụ đắc lực cho sản xuất, đời sống và chiến đấu, góp phần giữ vững mảnh đất địa đầu của Tổ quốc. Từ năm 1980 đến nay, HTX liên tục hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch được giao, doanh số tăng nhanh. Doanh số của Hải xuân tăng lên không ngừng qua các năm: 1980 — 361 715đ, 1981—628 358đ, 1982—3 325 523đ, 1984—4 425 657đ, 1985—11 161 990đ (tiền cũ).

Trong những ngày bọn bành trướng và bá quyền bắn phá ác liệt, anh chị em cán bộ, nhân viên HTX mua bán đều có mặt tại trận địa để tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Trong hoàn cảnh phải luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu chống mọi hành động chiến tranh của kẻ thù, HTX vẫn phục vụ rất chu đáo và đầy đủ các đám cưới, đám tang, các gia đình thương binh, liệt sĩ.

Năm năm qua, HTX mua bán Hải xuân đã kiên trì giữ vững được vị trí, bám trụ kiên cường, thực hiện xuất sắc nhiệm vụ của mình theo đúng Nghị quyết của Tỉnh ủy là « dù hoàn cảnh nào cũng phải bám đất, bám dân, bám quân đội để kinh doanh và phục vụ ».

★

Bên cạnh những ưu điểm, HTX Hải xuân có những vấn đề tồn tại cần phải khắc phục. Việc sử dụng đồng vốn còn tản mạn. Nếu HTX biết quay vòng vốn nhanh thì hiệu quả kinh tế đem lại còn cao hơn nhiều. HTX mua bán chưa phát huy mạnh mẽ năng lực tự kinh doanh với nguồn hàng tại địa phương. Hải xuân còn tiềm năng lớn về nguồn hàng, chẳng hạn như nông sản, thực phẩm, hải sản, mây tre đan.. HTX mua bán cần liên kết với các đơn vị cơ sở khác để phát hiện nguồn hàng, mua hàng ở nơi khác về để bán, đáp ứng đầy đủ hơn nhu cầu của đời sống nhân dân. Chắc chắn rằng, phát huy hơn nữa tính năng động sáng tạo của mình, vận dụng đường lối thương nghiệp xã hội chủ nghĩa linh hoạt hơn nữa, và dựa vào sức mạnh của quần chúng, khai thác triệt để nguồn hàng tại địa phương, HTX mua bán Hải xuân sẽ đạt thành tích lớn hơn nữa trong kinh doanh phục vụ.

Digitized by Google

LÊ THÀNH CÔNG

NỀN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT CAM-PU-CHIA HỒI SINH

NỀN văn hóa, nghệ thuật Cam-pu-chia có từ lâu đời mà đỉnh cao là thời đại Ăng-co, tiêu biểu cho sự sáng tạo kỳ diệu của nhân dân Cam-pu-chia trên nhiều lĩnh vực: kiến trúc, điêu khắc, múa, âm nhạc, văn học, sân khấu v.v.

Qua nhiều triều đại phong kiến lúc thịnh, lúc suy, qua những năm thống trị của bọn thực dân cũ và mới, nền văn hóa, nghệ thuật Cam-pu-chia có nhiều bước thăng trầm. Bản sắc dân tộc tuy còn sâu đậm, nhưng ảnh hưởng của văn hóa ngoại lai cũng không ít, nhất là ở thành thị.

Từ sau ngày 17 tháng 4 năm 1975, khi đất nước Cam-pu-chia rơi vào tay bọn diệt chủng Pôn Pốt, nền văn hóa, nghệ thuật Cam-pu-chia bị tổn thất nặng nề. Bọn diệt chủng không những xóa bỏ mọi cơ cấu của xã hội, phá hủy cơ sở vật chất — kỹ thuật của nền kinh tế, mà còn hủy diệt nền văn hóa truyền thống của Cam-pu-chia. Chiến thắng lịch sử ngày 7-1-1979 đập tan chế độ diệt chủng, cứu sống dân tộc Cam-pu-chia, mở đầu cuộc hồi sinh đất nước và hồi sinh cả nền văn hóa lâu đời của nhân dân Cam-pu-chia.

Mặc dù phải giải quyết rất nhiều khó khăn do sự hủy diệt tàn bạo của chế độ Pôn Pốt để lại, đồng thời phải đối phó với sự chống phá điên cuồng của chúng hiện đang được bọn bành trướng bá quyền câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động quốc tế khác nuôi dưỡng và chỉ đạo, cách mạng Cam-pu-chia vẫn từng bước phát triển vững chắc, thế và lực cách mạng ngày càng mạnh mẽ, chế độ mới ngày càng được củng cố, đất nước ngày càng được đổi mới về mọi mặt.

Cùng với sự hồi sinh kỳ diệu của dân tộc, nền văn hóa nghệ thuật Cam-pu-chia cũng được hồi sinh nhanh chóng. « Tâm hồn dân tộc phải được nhanh chóng hồi phục », « tình cảm cách mạng phải được nhanh chóng xây dựng », đó là quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân Cam-pu-chia trên mặt trận văn hóa — nghệ thuật. Với tinh thần đó, ngay sau khi được thành lập, Bộ thông tin — văn hóa Cam-pu-chia đã nhanh chóng tập hợp những văn nghệ sĩ còn sống sót từ bốn phương trở về thủ đô, tổ chức ngay các hoạt động thông tin, văn hóa, khôi phục nhanh và xây dựng sớm một số cơ sở văn hóa — nghệ thuật tiêu biểu, có tầm cỡ quốc gia. Đặc biệt, khu kỷ tích Ăng-co, Viện bảo tàng cổ vật, khu Hoàng cung, Chùa bạc, v.v. là những công trình có giá trị nghệ thuật cao, vốn là niềm tự hào của nhân dân Cam-pu-chia, đã được mở rộng cửa đón nhân dân trong nước và khách nước ngoài vào xem. Đoàn nghệ thuật ca múa quốc gia được thành lập và qua các đợt biểu diễn phục vụ nhân dân đã khơi dậy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, ca ngợi những tình cảm cách mạng mới. Khu chứng tích tội ác tại nhà tù Tun-xteng (Toul Steng) được xây dựng, phim « Cam-pu-chia

Digitized by Google

3 + 1 », ●, phim « Tên em là gì », được thưởng huy chương vàng quốc tế v.v. đã vạch trần tội ác diệt chủng của bọn Pôn Pốt, nêu cao đường lối chính nghĩa của cách mạng Cam-pu-chia và sự giúp đỡ chí tình, cao cả của nhân dân Việt nam và các nước anh em bè bạn khác đối với nhân dân Cam-pu-chia.

Những hoạt động kể trên được triển khai rộng rãi không những ở thủ đô mà cả ở các địa phương, phục vụ kịp thời và có kết quả các đợt vận động giáo dục chính trị, các ngày kỷ niệm và ngày hội lớn của đất nước, nhất là trong dịp kỷ niệm một năm và kỷ niệm 5 năm ngày giải phóng Cam-pu-chia

Kẻ địch nham hiểm đã tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt ở Cam-pu-chia, và lấy việc phá hoại tư tưởng và văn hóa làm một mũi nhọn tiến công. Chúng đã dùng mọi thủ đoạn, đưa ra nhiều luận điệu bỉ ổi bóng xuyên tạc đường lối chính sách của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, gieo rắc hoài nghi, gây chia rẽ trong nhân dân và kích động tâm lý bất mãn chống chế độ mới. Chúng còn gieo rắc tư tưởng bi quan, tiêu cực, mê tín dị đoan hòng làm sống lại các tập tục lạc hậu. Dưới nhiều hình thức, bằng sách báo, tranh ảnh, băng cát xét và cả các loại hàng xa xỉ, chúng đưa văn hóa phản động, đồi trụy thâm nhập Cam-pu-chia, hòng tạo ra lối sống xa hoa, trụy lạc làm biến chất cán bộ và nhân dân, khiến họ xa rời cách mạng.

Để chặn đứng những âm mưu và hành động xấu xa đó của các lực lượng thù địch, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, các hoạt động thông tin, văn hóa, nghệ thuật đã được phối hợp chặt chẽ với công tác tuyên truyền giáo dục trong nội bộ Đảng và cả trong quần chúng nhân dân. Cùng với việc xuất bản các loại sách, báo và các loại văn hóa phẩm mới, in băng cát xét phổ biến các bản nhạc và các bài hát lành mạnh, ngành văn hóa thông tin đã cùng với các cơ quan an ninh tổ chức các đợt kiểm tra, ngăn chặn những hoạt động văn hóa nghệ thuật không lành mạnh do kẻ địch đưa vào.

Tháng 7-1980 ngành văn hóa Cam-pu-chia đã mở nhạc hội dân tộc và trong các năm 1981 – 1982 – 1983, hằng năm đã cùng với Việt nam và Lào tổ chức thành công Hội liên hoan nghệ thuật cổ truyền của ba nước Đông dương. Đó là những hoạt động rất quan trọng nhằm khôi phục nền văn hóa cũ đã bị hủy diệt dưới thời Pôn Pốt.

Bên cạnh các loại ca, múa, kịch mang đậm màu sắc dân tộc như: múa cổ điển, múa truyền thống, múa dân gian, kịch bóng (Sbeck Thon), Dĩ kê, Bat xắc với nội dung cải biên nhằm phục vụ các nhiệm vụ chính trị, đến nay Cam-pu-phia đã có thêm kịch nói với những đề tài nhằm giải quyết những vấn đề nóng hổi của cuộc sống, có thêm xiếc đậm màu sắc Cam-pu-chia và có cả những vở ca kịch lớn với từ 300 đến 400 người trình diễn. Nổi bật là vở « Tiến trình cách mạng Cam-pu-chia » ghi lại những chặng đường lịch sử của nhân dân Cam-pu-chia từ thời Ăng-co đến nay, vạch trần thủ đoạn hèn mạt của bọn vua quan bán nước và nêu cao vai trò của nhân dân lao động làm chủ vận mệnh của mình. Những loại hình nghệ thuật mới này có tác dụng giáo dục nhân dân một cách sâu sắc, đi vào mũi nhọn của cuộc sống, đến tận các trận địa sản xuất và chiến đấu. Có thể nói ngày nay văn hóa nghệ thuật Cam-pu-chia đã thực hiện được chức năng đi trước một bước trong công cuộc giáo dục tư tưởng, xây dựng con người mới, góp phần xây dựng và bảo

● Cam-pu-chia 3 năm 1 tháng dưới chế độ Pôn Pốt.

Digitized by Google

vệ Tổ quốc, thúc đẩy kinh tế — xã hội tiến lên, xứng đáng với vai trò và nhiệm vụ của mình.

Điều đáng chú ý là nền văn hóa nghệ thuật Cam-pu-chia đã thể hiện rõ nét đường lối kết hợp truyền thống với hiện đại, dân tộc và quốc tế, có tính đảng và tính nhân dân sâu sắc. Đó là kết quả của một quá trình đầy khó khăn, vì trải qua các chế độ cũ nền văn hóa nghệ thuật Cam-pu-chia đã chịu ảnh hưởng khá sâu đậm những quan điểm lạc hậu, phản động của các tầng lớp thống trị. Mặt khác, hiện nay nền văn hóa đội trụy ở một số nước trên thế giới không phải không tìm mọi cách xâm nhập Cam-pu-chia. Trong tình hình đó, những thắng lợi đã đạt được về văn hóa nghệ thuật của Cam-pu-chia là kết quả của việc nghiên cứu chủ nghĩa Mác — Lê-nin, nghiên cứu đặc điểm dân tộc và thực tế xã hội Cam-pu-chia, có tham khảo kinh nghiệm của các nước anh em, từ đó đề ra đường lối đúng đắn phát triển văn hóa nghệ thuật phù hợp với thực tế đất nước Cam-pu-chia.

Để bảo đảm thực hiện tốt đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng lãnh đạo, *việc xây dựng nhanh hệ thống tổ chức từ trung ương xuống cơ sở* là rất cần thiết.

Trong hoàn cảnh xã hội vừa qua những năm tàn phá và bị đảo lộn, Bộ thông tin văn hóa Cam-pu-chia chủ trương phối hợp các khả năng xây dựng vững chắc ở trung ương và ở *tỉnh* là hai cấp chiến lược để chỉ đạo hoạt động, đồng thời xây dựng các đơn vị văn hóa chủ công (như đài truyền thanh, đội văn nghệ, đội chiếu phim...) đi sâu hoạt động phục vụ quần chúng và tổ chức phong trào văn hóa quần chúng.

Các tổ chức thông tin, văn hóa cấp huyện và cấp xã được xây dựng, đã hướng hoạt động của mình vào việc củng cố phong trào văn hóa ở cơ sở. Phong trào phát triển rộng khắp và đặc biệt sôi nổi trong các dịp kỷ niệm, các ngày lễ, ngày hội. Từ năm 1980, các hội diễn nghệ thuật hằng năm của tỉnh, của khu vực và trong toàn quốc được tổ chức đều đặn.

Đến nay Cam-pu-chia đã có 4 tờ báo chính (báo của Đảng, báo của Mặt trận, báo của Quân đội, báo của thủ đô Phnôm-pênh); 5 nhà xuất bản ở trung ương (Nhà xuất bản Ánh sáng cách mạng, Nhà xuất bản Quân đội, Nhà xuất bản Giáo dục, Nhà xuất bản Văn hóa, Nhà xuất bản Thanh thiếu niên); 21 đài phát thanh ở trung ương và địa phương; 4 nhà bảo tàng quốc gia (Bảo tàng cổ vật, Bảo tàng Hoàng cung và chùa Bạc, Bảo tàng tội ác diệt chủng, Bảo tàng Quân đội); 3 nhà triển lãm quốc gia (ở các nhà triển lãm này đã từng tổ chức Hội chợ — triển lãm kinh tế kỹ thuật quốc gia và nhiều cuộc triển lãm lớn về thành tựu của đất nước và của các nước anh em). Cam-pu-chia hiện có 28 đoàn văn công chuyên nghiệp (của trung ương và của các địa phương) và 587 đội văn nghệ quần chúng hoạt động ở hầu khắp các địa phương, cơ sở, hằng năm phục vụ khoảng 10 triệu lượt người xem. Ở các tỉnh, các huyện trọng điểm đều có nhà văn hóa. Cam-pu-chia đã có trên 200 thư viện ở các cấp trung ương, tỉnh, huyện, ở các cơ quan và các đơn vị vũ trang. Trên 800 xã đã đăng ký thi đua xây dựng xã kiểu mới. Lối sống mới, quan hệ xã hội mới đang hình thành và ngày càng bén rễ trong nhân dân. Những phong tục tập quán tốt đẹp được phục hồi và phát huy, tinh thần tương trợ trong cuộc sống hằng ngày như giúp nhau làm nhà, cày, cấy, tổ chức đám cưới, đám tang, v.v. được khuyến khích.

Phương hướng chủ yếu của ngành văn hóa nghệ thuật Cam-pu-chia là chuyển mạnh hoạt động về cơ sở, lấy huyện làm cứ điểm, lấy cơ sở làm trận địa nhằm củng cố vững chắc nền văn

Digitized by Google

hóa mới. Kinh nghiệm thực tế cho thấy, ở nơi nào mà ngành văn hóa có sự phối hợp tốt với các ngành khác, biết dựa vào Đoàn thanh niên và Ủy ban Mặt trận, biết gắn hoạt động văn hóa với nhà trường — trung tâm văn hóa mới — và nhà chùa — trung tâm văn hóa cũ — để phát huy ảnh hưởng của nền văn hóa mới thì phong trào văn hóa phục hồi nhanh và phát triển tốt. Đồng thời việc củng cố các cơ quan văn hóa cấp tỉnh và việc nâng cao chất lượng công tác của các cơ quan văn hóa cấp trung ương cũng được đặc biệt coi trọng, nhằm bảo đảm vai trò nòng cốt và trung tâm hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên môn của các cơ quan văn hóa đó.

Đi đôi với việc xây dựng tổ chức, Cam-pu-chia coi trọng việc xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa, nghệ thuật. Dưới chế độ Pôn Pốt, 90% số người làm công tác văn hóa nghệ thuật ở Cam-pu-chia đã bị giết hại. Đến nay, những người còn sống sót, từ nhiều cảnh ngộ khác nhau, đã được tập hợp lại. Với tinh thần yêu nước và ý chí cách mạng, được sự giáo dục của Đảng lãnh đạo, những cán bộ này đã hết lòng phục vụ sự nghiệp cách mạng, đoàn kết, tin yêu và giúp đỡ nhau trong sự nghiệp hồi sinh nền văn hóa Cam-pu-chia. Đảng và Nhà nước Cam-pu-chia cũng đặc biệt chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cán bộ làm công tác văn hóa nghệ thuật. Việc đào tạo tại lớp, tại trường được kết hợp với việc rèn luyện trong hoạt động thực tiễn, việc sắp xếp đội ngũ cốt cán được kết hợp với việc xây dựng tổ nòng cốt, xây dựng các tổ chức Đảng, các tổ chức Đoàn thanh niên trong ngành văn hóa.

Ngoài việc cử cán bộ đi học các trường chính trị do Trung ương Đảng tổ chức, Bộ thông tin và văn hóa Cam-pu-chia đã mở nhiều lớp huấn luyện nhằm nâng cao trình độ chính trị và nghiệp vụ cho cán bộ cấp huyện, các giám đốc sở và các cán bộ chuyên ngành. Từ năm 1980, Cam-pu-chia đã mở trường nghệ thuật có 5 khoa (múa, nhạc, tạo hình, sân khấu, xiếc) thu nhận khoảng 480 học sinh. Hàng nghìn cán bộ làm công tác văn hóa nghệ thuật đã được đào tạo, hứa hẹn nhiều triển vọng. Tuy vậy, cán bộ quản lý và cán bộ giỏi chuyên môn còn rất thiếu cho nên Đảng và Nhà nước Cam-pu-chia đang chú trọng bồi dưỡng, đào tạo nhiều hơn nữa các loại cán bộ này.

Hiện nay Cam-pu-chia đã có quan hệ văn hóa với trên 10 nước, đã cử nhiều đoàn đi các nước biểu diễn nghệ thuật, dự liên hoan phim, triển lãm sách, báo, tranh ảnh, biểu diễn thể dục, thể thao, tham dự các hội nghị chuyên đề, v.v. Cam-pu-chia cũng đã đón tiếp nhiều đoàn khách nước ngoài đến tham quan, nghiên cứu về văn hóa nghệ thuật.

Bảy năm qua chỉ là một khoảng thời gian quá ngắn so với lịch sử của một dân tộc. Nhưng với khoảng thời gian đó, nhân dân Cam-pu-chia đã hồi sinh, đã tạo nên được những thành tích kỳ diệu, trong đó nền văn hóa nghệ thuật cũng được nhanh chóng sang trang. Từ cảnh bị hủy diệt hoang tàn, văn hóa nghệ thuật Cam-pu-chia đã hồi sinh và có một cơ ngơi đáng tự hào. Nói cho đúng hơn là không chỉ được khôi phục mà còn phát triển vượt lên trên các chế độ cũ, kể cả chế độ của Xi-ha-núc trước đây. Đó là kết quả của việc thực hiện nghiêm túc đường lối văn hóa nghệ thuật do Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia đề ra, sự cố gắng của đội ngũ cán bộ văn hóa Cam-pu-chia.

★

Những thành tựu mà nhân dân Cam-pu-chia đạt được trên mặt trận văn

(Xem tiếp trang 82)

Digitized by Google

«ТАПТИ КОНГШАН» № 12 – 1986

ПЕРЕДОВАЯ – Преодолеть любые трудности и испытания, дальше продвигаться вперед по пути революции ★ Выступление Генерального секретаря ЦК КПВ Чыонг Тинь на IV всеармейской отчетно-выборной конфе ренции. БИНЬ ФЫОНГ – Бороться против перерождения кадровых работников и членов партии. ЛЕ ЧОНГ ТАН – Воспитывать молодое поколение в духе готовности к обороне и защите Родины. ЧАН ВАН КУАНГ – О политике армейского тыла в новой обстановке. ХОНГ ТЬЫОНГ – Идейно-политическая работа-один из факторов, обеспечивавших победу в войне антифранцузкого Сопротивления. НАУЧНО-ПРАКТИЧЕСКАЯ КОНФЕРЕНЦИЯ по вопросам социалистического хозяйствования. БУЙ КУАНГ ТАО – Улучшать инспекционную работу. ЛЕ ТХАНЬ КОНГ – Возрождение художественной культуры Кампучии.

REVIEW OF COMMUNISM N° 12 – 1986

EDITORIAL – Overcoming all difficulties and trials, keeping our advance on the revolutionary road. Speech delivered by Comrade Truong Chinh, General Secretary of the Party, at the 1th Party Congress of the Armed Forces. BÌNH PHƯƠNG – Checking the degeneration and corruption among communist cadres. LÊ TRỌNG TẤN – Ideological and military preparations for the younger generation towards the task of national defence. TRẦN VĂN QUANG – The policy towards the demobees and soldiers' families in the new situation. HỒNG CHƯƠNG – Political and ideological work – a factor ensuring the victories of the Anti-French war of resistance. SEMINARS OF SCIENCE AND PRACTICE on socialist trade. BÙI QUANG TẠO – Improving the task of inspection. LÊ THÀNH CÔNG – The revival of Kampuchean culture and art.

REVUE DU COMMUNISME N° 12– 1986

EDITORIAL – Surmonter toutes les difficultés et épreuves, continuer à avancer sur la voie révolutionnaire. Allocution du Secrétaire général Truong Chinh au IVe Congrès de l'organisation du Parti dans l'armée. BÌNH PHƯƠNG – Combattre la corruption chez les cadres et membres du Parti. LÊ TRỌNG TẤN – Préparer idéologiquement et militairement la jeune génération à la tâche de défense nationale. TRẦN VĂN QUANG – La politique en direction des familles de combattants et des anciens combattants dans la nouvelle situation. HỒNG CHƯƠNG – Le travail politique et idéologique, un facteur assurant la victoire de la résistance anti-française. SÉMINAIRE SUR LA SCIENCE ET LA PRATIQUE de l'entreprise socialiste. BÙI QUANG TẠO – Rénover le travail d'inspection. LÊ THÀNH CÔNG – La renaissance de la culture et des arts du Kampuchéa

REVISTA DEL COMUNISMO N° 12 – 1986

EDITORIAL – Superar todas las dificultades y pruebas para seguir avanzando en el camino revolucionario. Palabras pronunciadas por el Secretario General Truong Chinh en la Cuarta Asamblea del Partido en el Ejército. BÌNH PHƯƠNG – Luchar contra la corrupción y la degeneración en los cuadros y militantes del Partido. LÊ TRỌNG TẤN – Educar política, ideológica y militarmente a la juventud para disponerse a defender la patria. TRẦN VĂN QUANG – Sobre la política para con los familiares de combatientes y militares desmovilizados en la nueva situación. HỒNG CHƯƠNG – El trabajo político ideológico, una garantía de la victoria de la resistencia antifrancesa. SEMINARIO CIENTIFICO - PRÁCTICO sobre la comercialización socialista. BÙI QUANG TẠO – Renovar el trabajo de inspección. LÊ THÀNH CÔNG – El renacimiento de la cultura y artes de Kampuchea.

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
SỐ 12-1986. NĂM THỨ XXXII (372)

Mục lục

Xã luận — Vượt qua mọi khó khăn, thử thách, tiếp tục tiến lên trên con đường cách mạng 1

★ Bài nói của đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh tại Đại hội đại biểu đảng bộ toàn quân lần thứ tư 5

BÌNH PHƯƠNG — Chống thoái hóa biến chất trong đội ngũ cán bộ đảng viên 9

LÊ TRỌNG TẤN — Giáo dục quốc phòng cho thế hệ trẻ sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc 17

TRẦN VĂN QUANG — Về chính sách hậu phương quân đội trong tình hình mới 21

HỒNG CHƯƠNG — Công tác chính trị tư tưởng bảo đảm thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp 25

Hội nghị khoa học — thực tiễn Về kinh doanh xã hội chủ nghĩa ★ LÊ HỒNG TIỆM, LƯU VĂN ĐẠT, CHỬ VĂN LÂM, NGUYỄN ĐANG KHÁNH, NGUYỄN ANH BẮC, NGUYỄN VĂN HUY, LÊ XUÂN HÃN, HỒNG CHƯƠNG 33

BÙI QUANG TẠO — Cải tiến công tác thanh tra 67

MẠC DƯỜNG — Về vấn đề dân tộc trong quá trình biến đổi xã hội ở nước ta 70

DƯƠNG HƯỚNG MINH — Mỹ thuật ứng dụng vào sản xuất và đời sống xã hội hiện nay 75

NGUYỄN TÀI — Nhớ lại ngày đưa Bác Hồ từ Thái lan sang gây dựng cơ sở cách mạng ở Lào 79

HOÀNG BÁ BÍCH — Đảng bộ huyện Krông pa gắn công tác xây dựng Đảng với phát triển kinh tế — xã hội 83

NGUYỄN VĂN MỸ — Sản xuất ở Duy tiên và một số kiến nghị 89

LƯƠNG NGỌC CỪ — Bước đi lên của một huyện ngoại thành 94

TRẦN QUANG THẠCH — Từ mảnh đất địa đầu Tổ quốc, Hải xuân vững bước đi lên 99

LÊ THÀNH CÔNG — Nền văn hóa nghệ thuật Cam-pu-chia hồi sinh 162

Trụ sở Bộ biên tập:
1. Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dây nói: 52061 — 52062
Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:
19. Phạm Ngọc Thạch — T. P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 — 22040

Digitized by Google

Digitized by Google

Các bạn đón đọc:

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
SỐ 1-1987

Số đặc biệt về Đại hội VI
Đảng cộng sản Việt nam

★

Có đăng các văn kiện chủ yếu của Đại hội

15613

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số 12651 Giá: 6đ00

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

GENERAL LIBRARY - U.C. BERKELEY
B000346848
Digitized by Google

Digitized by Google